SÀO NAM
PHAN BỘI CHÂU



NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HÓA THÔNG TIN
1998

SÀO NAM
PHAN BỘI CHÂU

孔學燈

KHỔNG HỌC ĐĂNG

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN
1998

NỘI DUNG

		Trang
	Lời nói đầu	9
	Phàm lệ	13
	KHỔNG HỌC ĐĂNG THƯỢNG THIÊN	15
	Luận Ngữ trích lục diễn giải	15
Chương I	Khổng Tử lược truyện	15
Chương II	Lý luận và sự thực thuộc về chữ học của Khổng Tử	25
Chương III	Kể cho kỹ những tầng thứ công việc học	29
Chương IV	Bàn về chữ chí	34
Chương V	Bản thể của chữ nhân	43
Chương VI	Các bộ phận và các chi tiết trong chữ nhân	53
Chương VII	Phản diện với phụ diện chữ nhân	62
Chương VIII	Nhân với trí dũng	76
Chương IX	Công dụng đức nhân chứng nghiệm vào việc người đời xưa	84
Chương X	Kết luận chữ nhân	91
Chương XI	Lối chính giáo của Khổng học	95
Chương XII	Đạo thiệp thế quan nhân ở trong Khổng học	137
Chương XIII	Phương pháp biện biệt quân tử với tiểu nhân	182
Chương XIV	Luân lý ở trong Khổng học	192
	1. Luân lý ở trong gia đình	192
	2. Luân lý ở nơi quốc gia	200
	3. Luân lý ở nơi xã hội	205

Chương XV Qui kiết ở công học vấn 211
1. Hai chữ "hiếu học" trong Khổng học 211
2. Chữ "học" kèm với chữ "tư" 218
3. Phạm vi chữ "học" 223
Chương XVI Bàn về phương pháp thuộc về tìm thầy kén bạn 247
Chương XVII Cách dạy người của đức Khổng Tử 255
Chương XVIII Tổng kết luận 276
KHỔNG HỌC ĐĂNG THƯỢNG — BỔ LỤC 289
KHỔNG HỌC ĐĂNG TRUNG THIÊN 299
Chương I *Đích phái của Khổng học* 299
Chương II Dịch riêng tuyền pho sách **Đại Học** 308
Chương III Thích nghĩa kinh văn 327
1. Minh đức tân dân 327
2. Chỉ ư chí thiện 332
3. Cách vật trí tri 339
4. Thành ý chính tâm 341
5. Chính tâm tu thân 347
6. Tu thân tề gia 349
7. Tề gia trị quốc 353
8. Trị quốc bình thiên hạ 362
Chương IV **Trung Dung** chính văn trích dịch 389
Tử Tư lược truyện 389
1. Mệnh, tính, đạo với trung, hòa 390
2. Trung dung 402
3. Đạo với trung dung 414
4. Chân lý của quỷ thần 426
5. Đạo thuộc về "thành" 431
6. Luân lý ở trong "thành chi đạo" 440
7. Thành chi đạo thuộc về tu thân 446
8. Chính trị ở trong "thành chi đạo" 457
9. Hai bậc người ở trong "thành chi đạo" 467
10. Kể công phu làm cho đến "thành chi đạo" 481

11. Quy kiết ở nơi công phu "thận độc" 492
12. Tổng kết 500

KHỔNG HỌC ĐĂNG HẠ THIÊN 504

Phái rất gần ở trong Khổng học 508

Chương I **Mạnh Tử** 508

1. Mạnh Tử lược truyện 508
2. Tâm tính luận 518
3. Thực chứng của thiện tính có 4 mối 525
4. Dưỡng khí tri ngôn 534
5.Triết học trong chính trị 550
6. Bình dân kinh tế chủ nghĩa 585
7. Chủ nghĩa thuộc về bình dân giáo dục 610
8. Đạo thiệp thế quan nhân của thầy Mạnh 686
9. Tỷ giảo thầy Mạnh với đức Khổng Tử 768

Chương II **Tuân Tử** 801

1. Tuân Tử triết học lược luận 801
2. Giải thích ý nghĩa bài "Tính ác luận" 802
3. Giải thích ý nghĩa thuyết "Phi mệnh" 805
4. Giải thích về thuyết "Phi thập nhị tử" 811
5. Kết luận 812

Khổng học viễn phái 816

Chương I **Khổng học phái đời Lưỡng Hán và Lục triều** 816

- Tư Mã Thiên 821
- Lưu Hướng 823
- Dương Hùng 824
- Vương Sung 825
- Từ Cán 825
- Chư Cát Lượng 826
- Phó Huyền 828
- Đào Uyên Minh 830
- Vương Thông 831
- Hàn Dũ 834
- Lý Cao 835

Chương II **Khổng học ở triều Tống** 836
– Chu Liêm Khê 837
– Thiệu Khang Tiết 841
– Trương Hoành Cừ 844
– Trình Minh Đạo 856
– Trình Y Xuyên 857
– Học trò của thầy Trình 859
– Vương An Thạch 862
Chương III **Khổng học phái ở đời Nam Tống với triều Nguyên** 864
– Nhạc Võ Mục 864
– Trương Ngụy Công 867
– Lý Diên Bình 867
– Chu Hối Am 868
– Lục Tượng Sơn 872
– Hứa Lỗ Trai 881
– Ngô Thảo Lô 883
Chương IV **Khổng học phái ở triều Minh** 884
– Tiết Kính Hiên 884
– Ngô Khang Trai 885
– Hồ Kính Trai 886
– Trần Bạch Sa 887
– Vương Dương Minh 888
– Các cao đệ của Vương môn 892
– Lưu Trấp Sơn 895
– Sử Khả Pháp 897
Chương V **Khổng học phái ở triều Thanh** 898
– Cố Đình Lâm 898
– Hoàng Lê Châu 900
– Nhan Tập Trai 910
– Đái Đông Nguyên 921
– Tôn Ha Phong 924
– Lý Nhị Khúc 925
– Lục Phù Đình 927
Chương VI **Khổng học phái ở cuối triều Thanh và bắt đầu vào Dân quốc** 929
– Khang Nam Hải 929
– Trâu Dung 930
– Chương Thái Viêm 930
– Lương Nhậm Công 931
– Uông Tinh Vệ 932
– Đàm Lưu Dương 933

Lời Nói Đầu

Là một môn đồ ưu tú của chốn cửa Khổng sân Trình, thấm nhuần những tư tưởng tích cực của Nho gia, chí sĩ Phan Bội Châu đã cống hiến cuộc đời của mình cho quốc gia xã hội. Trải qua mấy mươi năm bôn ba khắp trong ngoài nước vận động, đấu tranh cho nền độc lập của dân tộc, những ngày tháng cuối đời cụ bị thực dân Pháp quản thúc ở Huế. Trong thời gian truân nạn này, cũng như bao bậc hiền sĩ thời xưa, cụ đã trước tác để cố gửi gắm những điều mình tâm đắc cho thế hệ sau. Cùng với sách Quốc Văn Chu Dịch Diễn Giải, bộ Khổng Học Đăng là tác phẩm tâm huyết của nhà nho thành đạt Phan Bội Châu về triết học, tư tưởng.

Với một quan điểm hết sức tiến bộ, Sào Nam Phan Bội Châu đã đúc kết được tinh hoa của Khổng học thể hiện qua Tứ thư – Luận Ngữ, Đại Học, Trung Dung, Mạnh Tử – bốn cuốn sách "pháp bảo" của Khổng môn, đồng thời nêu rõ những bước thăng trầm của Khổng học qua các triều đại Trung Quốc trước cuộc Cách mạng Tân Hợi. Tác giả đã chứng minh rằng bản thân tư tưởng Khổng học chính thống là một hệ thống triết học mang tính nhân bản rất sâu sắc, phát huy được những phẩm chất cao cả của con người và nhằm phục vụ cho cuộc sống tốt đẹp của một xã hội bình đẳng. Và giống như hình ảnh dùng trong tựa đề, có lẽ điều mà tác giả muốn

khẳng định qua bộ sách này là cho dù hoàn cảnh lịch sử đã đổi thay, Khổng học vẫn luôn là ngọn đèn sáng soi rọi cho đời sống tinh thần của con người Á Đông. Đó là những giá trị học thuật rất đáng trân trọng.

Tuy nhiên, do trên thực tế, một số giáo điều căn bản của Khổng học đã bị các triều đại phong kiến phương Đông sử dụng như một hệ ý thức của giai cấp mà họ đại diện, cho nên cũng là điều dễ hiểu nếu trong một thời gian dài không ít người đã đánh đồng Khổng học với chế độ phong kiến và do đó, xem những lời dạy của các bậc thánh hiền Nho gia chỉ là một thứ tư tưởng lạc hậu cần bài trừ, hoặc chỉ có giá trị đơn thuần của một món đồ cổ! Ngày nay, bằng một quan điểm thỏa đáng hơn, một thái độ tiến bộ hơn và một cái nhìn biện chứng hơn, chúng ta dễ dàng nhận thấy trong những lời dạy của bậc "vạn thế sư biểu" là Khổng Tử cùng các môn đồ xuất sắc của ông, những giá trị to lớn đã tạo thành nền tảng văn hóa Á Đông. Và không nghi ngờ gì nữa, chính những giá trị ấy qua hàng ngàn năm được truyền giảng ở nước ta như một quan điểm học thuật chính thống đã góp phần hình thành truyền thống tinh thần và đạo lý của con người Việt Nam. Quan niệm chính danh, tư tưởng tu tề trị bình, tinh thần nhân nghĩa của Nho gia, thậm chí cả những lời chỉ dẫn về xử kỷ tiếp vật trong từng tình huống cụ thể như "kỷ sở bất dục vật thi ư nhân" hay "kính quỷ thần nhi viễn chi" hoặc một quan điểm đầy tính tiên phong về tinh thần dân chủ như câu "dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh" xưa nay không hề xa lạ với con người Việt Nam.

Cho nên nội dung bộ sách Khổng Học Đăng vẫn có nhiều điều khả thủ cho việc "ôn cố tri tân", trở về với kho tàng trí tuệ phương Đông, tìm những giá trị cổ truyền chân chính để bổ sung cho hệ thống tư tưởng tiên tiến của thời đại

mới, thúc đẩy nó đạt đến một tầm cao mới phù hợp với yêu cầu phát triển của dân tộc và nhân loại.

Tái bản bộ Khổng Học Đăng vì thế, ngoài mục đích bảo tồn một công trình trước thuật quan trọng của nhà yêu nước Phan Bội Châu, còn nhằm đem đến cho công chúng độc giả ngày nay một tư liệu hết sức cần thiết trong việc tìm hiểu đời sống tinh thần của tiền nhân cùng truyền thống văn hóa học thuật của nước nhà.

Tác phẩm này trước đây đã được xuất bản ba lần: lần đầu, năm 1957, do nhà Anh Minh, Huế; lần thứ hai, năm 1974, do nhà Khai Trí, Sài Gòn; lần mới nhất, năm 1990, do nhà Thuận Hóa in chung trong bộ Phan Bội Châu Toàn Tập. Giống như hai bản in năm 1974 và năm 1990, chúng tôi cũng dựa theo bản năm 1957 của nhà xuất bản Anh Minh, song để giúp tiện lợi trong việc lưu giữ, chúng tôi in chung hai tập Thượng và Hạ thành một quyển duy nhất, và để thêm tính hệ thống chặt chẽ, chúng tôi có sắp xếp lại một vài đề mục cho được nhất quán. Đồng thời, chúng tôi đã bỏ đi các phụ lục, đó là bài "Lối học khoa cử và lối học của Tống nho có phải là học đạo Khổng Mạnh không?" của cụ Huỳnh Thúc Kháng và bài "Thân thế và văn chương của ông Văn Thiên Tường" trong đó có cả nguyên văn bài thơ Chính Khí Ca, để cho bộ sách là một tác phẩm trọn vẹn của cụ Sào Nam. Cũng nằm trong ý hướng đó, chúng tôi tuyệt đối không biên tập câu chữ nào trong tác phẩm tiêu biểu này của cụ Phan, dẫu cho cách dùng từ "tuyền" thay cho "toàn", "lỵ" thay vì "lợi" v...v...có làm chậm phần nào tốc độ tiếp thu của người thời nay đối với những điều tâm đắc mà cụ muốn lưu truyền. Chúng tôi thiết nghĩ, những dấu vết của chữ quốc ngữ còn phôi thai trong sở học của các nhà nho hồi đầu thế kỷ, cộng với một số từ dùng còn mang nặng màu sắc địa phương dễ dàng tìm thấy trong

sách có khi lại tạo một hiệu quả bất ngờ: Đọc Khổng Học Đăng dễ làm ta liên tưởng đến hình ảnh một ông Thủ khoa Phan – một môn đồ xuất sắc của Khổng học – sau bao nhiêu năm tích cực nhập thế hành động, nay đến lúc "công thành thân thoái", trở về trong vai trò một ông đồ Nghệ tiếp tục giảng đạo thánh hiền!

Cuối cùng, chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn đối với người chủ trương nhà xuất bản Anh Minh – ông Ngô Thành Nhân đã quá cố – là người có công lưu giữ và công bố các bản thảo vô cùng quý báu của nhà nho – nhà yêu nước lỗi lạc Phan Bội Châu, và trân trọng giới thiệu bộ Khổng Học Đăng cùng độc giả.

NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HÓA THÔNG TIN

KHỔNG HỌC ĐĂNG

PHÀM LỆ

1.- Mục đích người làm bản sách này là cốt phù trì nhân đạo; nếu ai không để lòng vào nhân đạo thời xin chớ đọc.

2.- Lại cốt phát huy chân lý để duy trì nhân tâm; bởi vì nhân tâm còn xấu thời thế đạo chẳng bao giờ tốt. Vậy nếu ai đã mất hết nhân tâm thời chắc không muốn đọc bản sách này, mà tác giả cũng xin chớ đọc.

3.- Tác giả lại muốn cho người ta biết học cũ vẫn không phải trần hủ, mà học mới vẫn không phải phù hoa. Nếu học cho đến tinh thần thời ví như làm nhà : học cũ là nền tảng, mà học mới tức là tài liệu; hai bên vẫn có thể giùm cho nhau làm nên một tòa nhà hoa mỹ. Chẳng bao giờ không tài liệu mà làm nên nhà; và cần thứ nhất là chẳng bao giờ không nền tảng mà dựng được nhà. Tác giả viết bản sách này là muốn điều hòa học cũ với học mới; hai bên tương thành cùng nhau, mà quyết không tương phản.

Nếu ai chưa để mắt vào bản sách này mà trước đã có một ý kiến sẵn : hoặc bài bác học cũ, hoặc công kích học mới, hễ có ý ấy thời xin chớ đọc.

4.- Tác giả nói học cũ là nói chân triết lý của Á Châu từ thuở xưa; nói học mới là chỉ nói khoa học tối tân thiệt có ích với nhân sinh của thế giới bây giờ.

Cái danh từ học cũ chẳng phải là cái dổ để đánh cắp áo mũ cân đai dâu ! Cái danh từ học mới chẳng phải là cái mồi để hớt gạt mề-đay kim khánh dâu ! Vậy nên tác giả xin thề trước với ba hạng người :

a- Hạng người chỉ tranh ngôi thứ xôi thịt trong đình làng;

b- Hạng người muốn lòe loẹt khoe khoang, lấy om cơm túi bạc làm mồi hạnh phúc;

c- Hạng người xu quyền phụ thế, lấy đồng bào chủng tộc làm mồi vinh thân.

Ba hạng người ấy, tác giả xin chớ đọc đến quyển sách này; mà tác giả cũng chắc trước rằng họ nhất định không thèm đọc. Bởi vì họ nhận định một cái giá trị rất cao, là muông chim, là lục súc, là ma quỷ, yêu tinh, thời bản sách này nói nhân đạo họ đọc làm gì ?

5.- Hễ ai đọc bản sách này, trước phải lập định một cái chí khí tự nhiên rằng : "Ta là Khổng Tử, ta là Mạnh Tử, ta là Bá Lạp Đồ (*Platon*), ta là Khang Đức (*Emmanuel Kant*), chẳng qua đời tuy có xưa nay, đất tuy có đông tây, mà tâm lý in như nhau, thánh hiền tức là ta, ta tức là thánh hiền; ta chỉ là người hậu tiến của cổ nhân mà thôi". Có chí khí ấy thời đọc quyển sách này mới thích.

Nếu ai chưa đọc quyển sách này mà trước đã có một ý kiến sẵn : định làm nô lệ cho người đời xưa, hay định làm nô lệ cho người đời nay, thời xin chớ đọc.

Huế, mùa Xuân Kỷ Tỵ (1929).
SÀO NAM **PHAN BỘI CHÂU**

KHỔNG HỌC ĐĂNG THƯỢNG THIÊN
LUẬN NGỮ TRÍCH LỤC DIỄN GIẢI

CHƯƠNG I

KHỔNG TỬ LƯỢC TRUYỆN

Đọc bản sách này là cốt phát huy những tư tưởng học thuyết của đức Khổng Tử, nên bắt đầu mở sách, tất phải có mấy câu hỏi :

Khổng Tử là người thế nào ? Người nước nào ? Sinh ở đời nào ? Năm tháng nào ? Lịch sử Ngài ra thế nào ?

Bây giờ trước xin trả lời mấy câu hỏi ấy :

Khổng Tử là một bậc thánh ở Đông phương, người nước Lỗ, tức huyện Khúc Phụ, tỉnh Sơn Đông nước Trung Hoa.

Ngày Canh tý tháng 11 năm 21 đời vua Linh Vương nhà Chu năm Canh tuất, chiếu theo Tây lịch, đúng vào năm 551 trước Thiên chúa giáng sinh, tại huyện Khúc Phụ, làng Xương Bình, thuộc về nước Lỗ, nhà ông Thúc Lương Hột, bà Nhan Thị Trưng Tại vừa sinh một người con trai thứ hai, đặt tên là Khổng Khưu, tên chữ là Trọng Nê; một vị Thánh sư của năm vạn vạn (500.000.000) dân tộc ở Đông phương, chính lúc bấy giờ mới oe oe ra khỏi lòng mẹ. Tới năm 3 tuổi đã khác hẳn những bé con thường. Cách chơi bời chỉ có bày trở đậu (俎 豆) sắp đặt lễ dung, đã tượng như người kẻ lớn. Rồi đó tuổi khá lớn, tài học đã khá nhiều, bắt đầu làm chức Ủy lại, coi việc tính toán đo lường rất công bình và rất chu đáo; làm quan Tư chức lại, coi việc chăn nuôi, trồng tỉa, các thức

súc vật sinh sản rất phồn thịnh. Thánh nhân mới bắt đầu làm việc đời, mà cái gì cũng biểu hiện được tài năng xuất chúng như thế. Tuy nhiên, tài cán vẫn ưu, trí không vẫn đầy đủ, mà cái tính hiếu học của ngài lại phi thường cần mẫn. Một đời người của đức Khổng Tử không nhất định ai là thầy chuyên môn của mình, ai có một việc hơn mình tức là thầy mình : gặp Sư Tương thời học đánh đờn, gặp Tràng Hoàng thời học nghề âm nhạc; cho đến gặp ông Đàm Tử (vua nước Đàm) thời học tiếng ngoại quốc (Xem *Tả truyện Chiêu công thập thất niên*).

Lối học rộng thấy như các việc trên, thiệt không kể xiết. Chỉ kể một chuyện để chứng minh đức Khổng Tử là người ham học :

Theo *Sử ký Khổng Tử thế gia* và *Lão-Trang liệt truyện* có chép việc này :

Năm đức Khổng Tử đã 34 tuổi, nghe nước Chu có ông Lão Đam là một vị đạo cao học rộng, ngài bèn đi nước Chu, xin học lễ với ông Lão Đam (老 聃) tức là Lão Tử. Lúc bấy giờ tuổi ngài đương cường tráng, chí khí bảo phụ đương hăng hái gánh việc đời; ông Lão Tử sợ ngài khí huyết phương cương đến làm việc quá đáng chăng, muốn cho ngài được thuần thục viên mãn, nên răn ngài rằng : Kìa những lời ngươi cho ta nghe đó, rặt là những lời của người xưa; người ấy với xương thảy đã hủ rồi, chỉ có lời nói còn lại mà thôi".

(Trong ý ông Lão Tử là muốn cho đức Khổng Tử tìm tới tinh thần người đời xưa, mà chớ say ở nơi lời nói suông).

"Và lại hễ người quân tử, dụng gặp thì làm được thời phỉ sức vẫy vùng; chẳng dụng thì làm được thời tự do xoay chuyển. Ta vốn thường nghe con nhà buôn khôn khéo, tất nhiên thu sâu dấu kín hình như không có gì (**Lương cổ thâm tàng nhược hư** 良賈深藏若虛); người quân tử có đạo đức cao lớn, tất nhiên dung dáng ở bề ngoài như hình người ngu (**Quân tử thịnh đức dung mạo nhược ngu** 君子盛德, 容貌若愚). Bây giờ trong mình ngươi nếu còn có kiêu khí với đa dục và cách lòe loẹt với chí say đời, chỉ là làm

hại cho người, ngươi nên hết sức trừ bỏ đi !".

Đức Khổng Tử nghe bấy nhiêu lời của Lão Tử, từ biệt về nhà nói với học trò rằng :

"Ta ngày nay mới thấy ông Lão Tử, e ông ấy là rồng thiêng đó mà !" (*Ngô kim nhật kiến Lão Tử, kỳ do* long hồ ! 吾今日見老子 其猶龍乎!).

Xem đó ai bảo Khổng Tử là bậc thánh sinh tri, không nhờ ở nơi học vấn, thiệt không đúng. Đạo đức tài trí ngài vẫn cao xuất hơn kẻ tầm thường, mà công phu học vấn của ngài lại gấp trăm gấp nghìn những người học khác kia !

Tuy nhiên, Khổng Tử há phải một người học mà chẳng hành đâu ? Ngài sinh ra gặp đời Xuân Thu, chính là đời suy loạn, nên ngài rất nóng sốt về việc cứu đời vớt dân, nhưng khốn vì thời đại ấy là chế độ phong kiến đương thịnh hành, quyền chính trị, phải dựa vào quân tướng buổi ấy, nên từ năm 34 tuổi đến năm 55 tuổi, ngài chu du khắp liệt quốc, mong tìm một vị quốc quân nào để mượn quyền chính trị mở mang tư tưởng bảo phụ của mình; đến năm 56 tuổi trở về nước Lỗ, được vua Lỗ là Định Công dùng ngài làm quan Tể đất Trung Đô, lại làm quan Tư Không, làm quan Đại Tư Khấu, kiêm nhiếp làm việc quan Tướng, vừa được một cơ hội tốt cho ngài hành kỳ sở học. Ngài ở triều tuy mới được 3 tháng, nhưng thủ đoạn phi phàm của ngài đã phát triển được nhiều lắm.

Trong ba tháng ấy, chính trị nước Lỗ chỉnh đốn hưng, giết được quan Đại phu loạn chính là Thiếu Chính Mão. Khi hội với vua nước Tề ở đất Giáp Cốc, ngài chỉ lấy lời ngay lẽ thẳng mà ép được nước Tề cường kia phải trả những đất đã xâm chiếm cho nước Lỗ. Tài ngoại giao của ngài thiệt cũng đáng kính ! Bởi vì thịnh đức đại tài của ngài như thế, nên học trò theo ngài càng ngày càng đông, quốc dân tín phục ngài càng ngày càng sâu, mà những món gian thần chuyên chính lại càng ghét đến tột mực. Vậy nên cuối cùng ngài phải bỏ nước ra đi. Cái sự nghiệp chu du tứ phương lại y nhiên là một người đông, tây, nam, bắc. Ngài thường

nói : Mồ đây là người đông, tây, nam, bắc đó vậy (**Khưu giả, đông, tây, nam, bắc chi nhơn dã 丘者：東，西，南，北之人也**).

Thường có khi ngài đi đến nước Vệ, qua nước Trần, bị người đất Khuông vây ngài, đến nỗi tuyệt lương 7 ngày ở đất Trần. Lại có khi ở đất Tống, dụng Hoàn Đối làm loạn, nó toan giết ngài, một phút nữa ngài sụp vào tay giặc !

Tóm lại lịch sử một đời ngài, ngài với học trò ngài, từ Nhan, Lộ sắp xuống, thảy 70 thảy, nếm chung biết bao nhiêu mùi cay đắng, trải qua bao nhiêu gió dữ mưa cuồng, nhưng chí khí ngài chẳng bao giờ nao núng. Ngài thường nói rằng : "Trời đã phó dữ cái đạo đức ở mình ta thời những người muốn hịi ta như Hoàn Đối kia, làm thế nào hại ta dặng ! ? (**Thiên sinh đức ư dư, Hoàn Đối kỳ như dư hà ?天生德於予！桓魋其如予何！**).

Lại nói : lòng trời chưa chịu bỏ mất đạo ấy, thời Khuông nhân muốn hại ta mà làm gì hại dặng ? (**Thiên chi vị táng tư văn dã, Khuông nhân kỳ như dư hà ?天之未喪斯文也匡人其如予何 ?**). Thế thời thịnh đức cao hoài của một vị thánh nhân, xem những việc trên kia có thể thấy được.

Đến năm 68 tuổi, Ngài mới nghĩ rằng : đạo của mình đã không đại hành được ở đời này, nên phải nghĩ cách truyền đạo cho đời sau mới quay về đất nước nhà (tức là nước Lỗ), đóng cửa làm sách, định khuôn luân lý bất dịch cho muôn đời. Tay tự biên lấy sách *Xuân Thu*; chỉnh lý sửa sang lại *Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ*, làm truyện thập dực ở *Kinh Dịch*. Lúc đó học trò ngài rất đông, khắp cả thảy người Trung Hoa có đến 3.000 người; trong đó có 10 người trình độ rất cao, chia làm bốn khoa :

a)- Khoa đức hạnh : Nhan Uyên, Mẫn Tử Khiên, Nhiệm Bá Ngưu, Trọng Cung.

b)- Khoa ngôn ngữ : Tể Ngã, Tử Cống.

c)- Khoa chính trị : Nhiệm Hữu, Qui Lộ.

d)- Khoa văn học : Tử Du, Tử Hạ.

Mười thầy ấy là thập triết ở trong Khổng môn. Lại còn các môn đệ tử cũng trổi hơn ở trong 3.000, thường khi nào hoạn nạn nguy hiểm, không bao giờ không có ở xung quanh ngài, từ thầy Tăng Sâm trở xuống có 70 người, gọi bằng thất thập tử.

Sách *Mạnh Tử* có câu : **Thất thập tử chi phục Khổng Tử, trung tâm duyệt nhi thành phục dã**七十子之服孔子,中心悦而誠服也). Nghĩa là 70 thầy tín phục Khổng Tử là vì trong lòng vui vẻ thiệt phục đó vậy.

Khổng Tử sở dĩ được học trò tín phục như thế, há ngài có uy quyền thế lực gì đâu ! chỉ vì ngài là một người nhân cách rất viên mãn, rất cao thượng; nếu gọi ngài tiêu biểu cho nhân loại trong thiên hạ không ai bằng, e cũng đúng lắm !

Xưa nay những người nào tri thức đã phát đạt, thường hay mỏng mảnh về phần "tình"; những người cảm tình quá nồng đậm, thường hay thiếu về phần ý chí, mà ý chí hèn hạ; những người ý chí quá giàu mạnh, lại thường hay bất cận nhân tình. Chỉ duy đức Khổng Tử thời ba phương diện : **trí, tình, chí** 智 , 情 , 志 thảy đều trọn vẹn, không một tí gì khuyết điểm.

Ngài thường kể công việc tác thành của một đời ngài :

"Ta bắt đầu từ 15 tuổi mới chuyên đặt lòng ở việc học (**Ngô thập hữu ngũ nhi chí vu học**吾十有五而志于學, đến 30 tuổi sức tự lập mới chắc chắn vững vàng (**Tam thập nhi lập** 三十而立); đến 40 tuổi mới thông thấu hết sự lý trong thiên hạ, việc gì phải hay trái, người nào tốt hay xấu, thảy xem xét biện biệt được rành rõi, không đến nỗi sai lầm (**Tứ thập nhi bất hoặc** 四十而不惑); đến 50 tuổi mới thấu chân lý của tạo hóa tức là mệnh của trời (**Ngũ thập nhi tri thiên mệnh**五十而知天命); đến năm 60 tuổi, lúc bấy giờ sức tri với sức hành, học vấn với kinh nghiệm thảy đều thập phần chu đáo, nên đối với sự lý nhân vật ở trong thiên hạ, hễ lọt vào tai tức khắc phán đoán được ngay, không một điều gì chướng ngại ở bên tai nữa (**Lục thập nhi nhĩ thuận**

六十而耳順); đến năm 70 tuổi thời tiến lên một địa vị rất thông thường và rất tự nhiên, toan nói điều gì, toan làm việc gì, chỉ là chiều theo vị chủ tể ở trong lòng mình, nó muốn sao thời vậy, không bao giờ vượt ra ngoài khuôn khổ đạo lý (**Thất thập nhi tùng tâm sở dục, bất du củ** 七十而從心所欲不踰矩 chép ở thiên "*Vi chính*".)

Xem như bài trên, đức Khổng Tử từ trẻ tới già, chí khí không bao giờ mệt mỏi : Một phương diện tu học cho đến thánh thần, một phương diện chống chỏi với hoàn cảnh ác liệt; một đời người in như một năm, năm in như tháng, tháng in như ngày, chẳng bao giờ ngã lòng lui bước. Về phần trí thức vẫn dã phát đạt không biết đến chừng nào, thế mà về phần ý chí lại cương cường kiên nghị tỏ rõ ra ở lúc gian truân cùng khốn.

Một ngày kia ngài đi qua ở nước Trần, bị giặc vây, phải tuyệt lương thực đến 7 ngày, những người đi theo ngài thảy đà mệt mỏi không đứng dậy được. Học trò ngài là Tử Lộ buồn bã, vào chào ngài hỏi : "À ! có lẽ quân tử vẫn có khi cùng khốn ư ?". Ngài nói : "Vì đã là quân tử, vẫn có khi phải chịu cùng; nếu như tiểu nhân, nó đã cùng thời tức khác làm bậy mà thôi".

Lại một ngày kia ngài đi qua đất Khuông, người đất Khuông toan làm hại ngài, nhưng ngài thái nhiên nói : "Xưa có Văn Vương thời đạo ở Văn Vương; bây giờ Văn Vương đã mất, đạo ấy không gửi ở mình ta đó ru ? Giả như lòng trời toan làm mất đạo ấy thời người chết sau là ta đây không được dự vào đạo ấy nữa ? Trời chưa bỏ mất đạo ấy thời người ấp Khuông kia làm hại gì được ta ?"

Xem những chuyện ấy thời ý chí của ngài vẫn bền mạnh không biết chừng nào, mà về mặt chữ tình lại càng nồng hậu. Xem mấy việc ngài đối với học trò đủ biết :

Thầy Nhan Uyên mới ba mươi tuổi đã qua đời. Khi thầy Nhan chết, ngài khóc đến nỗi nức to lên. Người đi theo hầu ngài nói rằng : "Thầy nức to rồi đó !". Ngài nói : "À, có nức to ru ? Nếu không vì người ấy mà nức to thời còn vì ai ? !

"Nhan Uyên tử, tử khốc chi đống. Tùng giả viết : "Tử đống hỷ !". Viết : "Hữu đống hồ ? Phi phù nhân chi vị đống nhi thùy vị ?

顏淵死，子哭之慟．從者曰："子慟矣！"曰："有慟乎？非夫人之為慟而誰為？"

Thầy Nhan Uyên chết, học trò thầy muốn làm lễ táng cho hậu. Ngài nói rằng : "không nên". Bởi vì thầy Nhan nhà đói mà còn có cha già, ngài không muốn hậu táng làm gì. Nhưng vì học trò thầy Nhan trọng thầy quá, nên cứ hậu táng. Ngài phàn nàn rằng : "Anh Hồi ! (tên thầy Nhan), mày coi ta như cha mày, mà té ra ta không được xem mày như con ta ! Ôi ! Không phải vì ta đâu ! Vì các anh em đó vậy".

Ngài thấy thầy Nhan chết, nên vừa khốc vừa than rằng : "Ôi ! Trời làm mất người truyền dạo của ta ! Ôi ! Trời làm mất người truyền dạo của ta ! (Y ! **Thiên táng dư ! Thiên táng dư !** 噫！天喪予！天喪予！).

Thầy Nhiệm Bá Ngưu có ác tật, ngài tới nhà hỏi thăm, đứng ở bên cạnh cửa sổ, nắm tay Bá Ngưu mà than : "Chết thôi ! Mất con người ấy rồi ! Chắc là mệnh trời đó ru ! Con người ấy mà đến nỗi có tật bệnh ấy ru ?".

Thầy Tử Lộ chết với nạn Khổng Khôi. Ngài trước tống phen nói với thầy Tử Lộ mà than cho rằng : "Như anh Do (tên thầy Tử Lộ), e anh chết với cái việc không đáng chết đó mà ! (**Nhược Do dã bất đắc kỳ tử nhiên !** 若由也不得其死然!) chép ở thiên *Tiên Tấn*).

Chỉ xem những việc ấy, bây giờ ta đọc sách *Luận Ngữ*, chỉ thấy chan chứa chân tình ở trong khoảng học trò. Mà lại chẳng những ở thầy trò mà thôi dâu, đối với người dưng khác cũng như thế !

Ngài thường thấy người mặc đồ tang cho cha hay mẹ, hoặc người mù mắt, khi ngài thấy nó, tuy nó trẻ tuổi mặc dầu, ngài tất đứng dậy tỏ lòng đau đớn; khi đi qua trước nó, tất bước giảo cho mau. Bởi vì người mất cha mẹ với người mát mù, trong lòng ngài chứa sẵn một mối thương xót (**Tử kiến tư thôi giả, dữ cổ giả, kiến chi, tuy thiếu tất tác, quá**

chi tất xu 子見齊衰者，與瞽者，見之，雖少必作，過之必趨 chép ở *Thiên Tử Hãn*).

Ngài thấy người mặc đồ tang, tuy nó vẫn thường thân cận với ngài, ngài cũng thay đổi nhan sắc; khi thấy người mù, tuy nó chỉ là người ty tiện, nhưng ngài lấy lễ mạo đối đãi với nó.

Ngài thường thấy người ăn mặc đồ tang hay người đội tấm đồ bản (bản chép sổ nhân đinh) thời dầu ngài ngồi trên xe, tất cũng cúi đầu xuống tỏ lòng kính nể (**Hưng phục giả thức chi, thức phụ bản giả** 凶服者式之，式負版者).

Ngài thường sai đầy tớ nhà mình đi qua nước khác thăm hỏi bạn, khi người đó bước chân ra đi, ngài vái hai vái đưa người ấy ra cửa (**Vấn nhân ư tha bang, tái bái nhi tống chi** 問人於他邦，再拜而送之).

Khi ngài đau, có quan Đại phu là Quý Khang Tử đưa thuốc đến thăm ngài, ngài vái mà nhận lấy, nhưng lại trả lời : "Phương thuốc này mỗ chưa hiểu rõ, không dám nếm vào" (**Khưu vị đạt, bất cảm thường** 丘未達不敢嘗).

Bạn hữu ngài rủi gặp khi chết mà vì đất khách quê người, không biết đưa xác chết về đâu, ngài nói rằng : "Xin tạm táng ở nhà ta" (**Bằng hữu tử vô sở quy, viết : "U ngã tẩn !"** 朋友死無所歸曰："於我殯"chép ở thiên *Hương Đảng*).

Chuồng nuôi ngựa bị thất hỏa, ngài ở triều ra về, vừa tới nhà, liền hỏi rằng : "Có tai hại gì đến người không ?" Người nhà trả lời : "Không !", khi ấy ngài mới hỏi đến ngựa (**Cứu phần, Tử thối triều, viết : "Thương nhân hồ ?" - Phủ. Vấn mã** 廐焚，子退朝，曰："傷人乎？"否，問馬 chép ở thiên *Hương Đảng*.)

Xem như mấy việc trên ấy : vì kính trọng bạn hữu mà vái đưa người đầy tớ nhà; vì đau đớn loài người mà làm lễ với người mù và người tang khó, vì kính trọng nhân dân mà kính trọng đến người đội sổ đinh; vì đau đớn người bạn chết ở đất khách mà nhận lấy việc mai táng ở nhà mình. Tấm lòng

đối đãi với loài người thiệt không chốn nào không nhân chí nghĩa tận.

Xem hết thịnh đức đại nghiệp của người mà tóm tắt lại thời rất cao thượng, rất hoàn toàn có một bài chép ở thiên *Tử Hãn* :

Tử tuyệt tứ, vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã

子絕四 : 毋意 , 毋必 , 毋固 , 毋我

Ở trong bốn chữ "vô" ấy lại to lớn nhất là hai chữ "vô ngã".

Xin thích rõ :

Một đời người đức Khổng Tử, có bốn điều không bao giờ có :

Một là "vô ý" : đương trước khi làm việc, không đặt sẵn ý riêng mình vào, chỉ theo ở nơi lẽ phải của việc ấy mà làm, đó là "vô ý".

Hai là "vô tất" : là không quyết hẳn bằng một cách làm là được. Bởi vì cái ý chí làm quyết là được đó, thường hay trái với thời thế và đạo lý tự nhiên, vậy nên phu tử tuyệt không cái bệnh chữ "tất".

Lại một điều nữa là "vô cố : đức phu tử vẫn cấm tuyệt "ý", "tất" đã đành, mà lại không câu nệ cố chấp bằng một phương pháp chết (**vô cố**). Bởi vì cái nết cố chấp đó, thường hay trái với lẽ biến thông viên hoạt. Vậy nên phu tử lại cấm tuyệt cái bệnh chữ "cố".

Rút tóm lại thời lại cốt ở "vô ngã" : ngã nghĩa là mình ta. Hễ người ta làm việc gì, vô luận nhỏ hay lớn, đối đãi với người thân hay sơ, nhưng bệnh căn sở dĩ đến sai lầm là vì chữ "ngã". Ta chỉ biết có ta, hoặc là vì cái lợi ích cho ta, hoặc là thuận ý kiến của ta; trừ ngoài cái "ta" ra, toàn không nghĩ tới, tất nhiên trái với nhân tình, mất hẳn thiên lý, thật là một cái bệnh thống rất to. Nên đức Khổng Tử chẳng bao giờ đặt chữ "ngã" ở trong lòng. Vậy nên ở trong bài "*Tử tuyệt tứ*", càng rất đáng làm gương cho loài người là hai chữ "**vô ngã**" (**毋我**).

Chúng ta theo ở nơi ngôn hành sự thực của ngài mà tìm dò cho đến tâm lý căn bản của ngài thời chỉ hai chữ "vô ngã" là triệt đầu triệt vĩ, quán thỉ quán chung Nhưng mà sở dĩ phát huy cái "vô ngã" thời lại căn cứ vào chữ "nhân" Nhân học của đức Khổng Tử sẽ bàn kỹ ở chương sau

Năm ngài tạ thế vào đúng 73 tuổi, vào năm thứ 41 triều Chu Kính Vương (năm 479 trước Thiên chúa giáng sinh) Hiện giờ ở trên sống Tứ, về phía bắc thành Khúc Phụ, xanh um một đám viên lâm, chu vi hơn một dặm đất Tàu, miếu mạo trang nghiêm, ức muôn người sùng bái, người ta gọi bằng thánh lâm, chính là mộ ngài ngày xưa ở chỗ ấy

CHƯƠNG II

LÝ LUẬN VÀ SỰ THỰC THUỘC VỀ CHỮ "HỌC" CỦA ĐỨC KHỔNG TỬ

Nghĩa chữ "Học" là làm sao ? Học có phải đọc nhiều sách, biết nhiều chữ mà thôi ru ? Học có phải cắp sách vở đi nhà trường là xong ru ? Học có phải nhái cái miệng ông thầy, dùa theo những đồ ăn thức mặc của các bạn trong trường mà được ru ? Không phải ! Không phải !

Chữ "Học" có ba nghĩa :

1)- Học nghĩa là bắt chước - Hễ người nào tự xét trong mình hãy còn là người hậu giác, tất phải bắt chước những việc người tiên giác đã làm. Tiên giác là người hiền nhân quân tử có đạo đức, phẩm hạnh, tài năng sinh trước mình, biết trước mình, thứ nhất là người đồng thì với mình; nếu không, thời những bậc thánh hiền đời xưa lại đúng với hạng tiên giác lắm. Mình đã là người hậu giác tất phải bắt chước những người tiên giác ấy. Đó là nghĩa thứ nhất ở trong chữ "Học".

2)- Học nghĩa là học để cho biết - Nghĩa này lại cặp kè với chữ "Tri".

Người ta vì sao mà phải học ? Bởi vì trời sinh ra ta, chỉ có cho ta một bộ óc thiêng, một tấm lòng tốt, chứ đến như sự lý ở trong thiên hạ, nhỏ từ nhất sự nhất vật, lớn đến tình hình một xã hội, một quốc gia, một thế giới thời tuyệt không

có một người nào sinh ra mà biết được ngay. Chính giữa mình đức Khổng Tử, ngài cũng tự nói : "**Ngã phi sinh nhi tri giả**" (我非生而知者), nghĩa là ta chẳng phải là người đẻ ra mà biết được liền. Ngài lại nói : "**Học chi bất yểm**" (學之不厭), "**vi chi bất yểm**" (為之不厭) - trong thiên *Thuật Nhi*. Thế thời "Học nhi tri chi" nghĩa là phải học mà cầu cho biết, là nghĩa thứ hai của chữ "Học".

3)- Học để mà làm - Nghĩa này lại cặp kè với chữ "Hành". Hành, nghĩa là làm. Người ta vẫn thường có lời nói cặp nhau : "học hành". Bởi vì có học mới hay hành; muốn hành, tất trước phải học. Đường mình chưa đi, công việc mình chưa thạo, bảo nhắm mắt làm bướng, tất không thế nào làm nên, cần phải có học. Có học mới biết; biết tất phải có làm. Học tới bao nhiêu thời làm tới bấy nhiêu. Vậy nên nói chữ "Học" tất phải kèm với chữ "Hành".

Chúng ta muốn chứng minh cho rõ nghĩa ấy, thời xin nhận kỹ những lời đức Khổng Tử nói chữ "học".

Ngài nói chữ "học" rất bao la rộng lớn, nhưng tóm tắt lại có thể chia ra làm ba thời kỳ :

1. Học chi thỉ - 2)- Học chi trung - 3)- Học chi chung.
學之始， 學之中， 學之終

Tức như chương thứ nhất ở đầu sách *Luận Ngữ* có nói :

- **Tử viết : Học nhi thì tập chi, bất diệc duyệt hồ ! Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ ! Nhân bất tri nhi bất uẩn, bất diệc quân tử hồ !**

子曰：學而時習之，不亦悅乎！有朋自遠方來，不亦樂乎！人不知而不慍，不亦君子乎！

Chương này chia làm ba tiết, tức ba thời kỳ của người học :

a)- Tiết thứ nhất là thời kỳ ở đầu trong việc học, ngài bảo rằng : Hễ những đạo lý gì, công việc gì mà ta đã học đến, tất phải thường thường cứ buổi mà học tập mãi mãi thời ngày càng thục luyện, tháng càng thấm nhuần, nhân đó mà nảy ra thú vị hay, chẳng thỏa thích trong lòng lắm hay sao ?

Nói tóm lại, học tất phải có tập (tập nghĩa là làm lại để thí nghiệm cái học của mình có đúng không); tập tất phải cứ thì thì, như thế tất phải duyệt (duyệt tức là thích ở trong lòng, ví như ăn mà đụng được miếng ngon) là công hiệu của học tập.

Hai chữ "thì tập" rất nên chú ý : "thì" nghĩa là giờ, là buổi, là mùa, mỗi giờ mỗi tập, mỗi buổi mỗi tập, mỗi mùa mỗi tập, tất không việc gì không hay; đã hay, tất nhiên phải nghiện, nên nói rằng "duyệt". Tiết này là "Học chi thì".

b)- Tiết thứ hai là thời kỳ chính giữa trong việc học :

Chúng ta làm việc học, há phải mục đích chỉ ở một mình mà thôi đâu ! Mình biết rồi, tất muốn bầy bạn mình thảy biết; mình hay rồi, tất muốn cho bầy bạn mình thảy đều hay. Trước kia mình học những gì, mình tập những gì, mình sở duyệt những điều gì, lợi ích cho mình đã xong, còn muốn lợi ích cho anh em dòng họ mình nữa kia ! Quả nhiên đến khi sự học tập mình đã thuần thục, tinh thần mình đã no đủ, tức khắc tiếng lành đồn xa, khí tương cầu, thanh tương ứng mà bầu bạn tự ở đất nước phương xa tới với mình. Đến lúc bây giờ mình mới lấy những điều mình đã học, đã tập đó mà nghiên cứu những điều hơn lẽ kém với các bầy bạn mình; bầy bạn mình nhờ mình mà được lợi ích chung; mình cũng nhờ bầy bạn mà thêm được trí thức mới. Hai bên tương dắc tương thành với nhau thời cả tinh thần và vật chất sung sướng biết chừng nào ! Chẳng vui vẻ lắm hay sao ? Nên nói rằng "Lạc". "Lạc" nghĩa là vui vẻ hiện ra ở ngoài.

Tiết này nên nhận chữ "bằng", chữ "viễn phương". "Bằng" nghĩa là người đồng một loài với mình (**Đồng loại vi bằng** 同類為朋); "viễn phương" nghĩa là những phương xa xôi, chẳng hạn ở trong làng, trong nước, dầu đến người nước khác cũng gọi bằng "viễn phương". Sở dĩ được người viễn phương tới đó, là vì có đạo đức học vấn của mình làm môi giới cho người tới với mình, vậy nên mình mới vui. Như thế là "Học chi trung".

c)- Tiết thứ ba là thời kỳ cuối cùng ở trong việc học.

Như hai tiết trên kia đã nói, học tập mà duyệt là công việc tấn đức tu nghiệp ở giữa mình đã đầy đủ rồi. "**Bằng tự viễn phương lai**" là công việc hợp bầy nhóm bạn cũng đã phát đạt rồi.

Tuy nhiên, mục đích của chúng ta làm việc học là cốt cho hoàn toàn một người quân tử. Đã là người quân tử, tất phải nhân cách rất cao thượng, tâm địa rất thánh hiền, tới đó mới đạt được mục đích của mình làm việc học. Trước kia mình học, mình tập, mình duyệt, mình được bằng hữu lai, há phải vì cầu danh đâu ? Há phải vì cầu vua chúa yêu chuộng mình đâu ? Há phải vì cầu thế tục yêu chuộng mình đâu ? Chỉ vì vun trồng lấy nhân cách mình mà học, nào có cần gì người biết đến mình ?

Nếu tới lúc bấy giờ, ví dầu tai trần mát tục không biết đến mình, trong lòng mình vẫn không tí gì ngậm hờn trừ giận. Nên ngài lại dạy : "**Nhân bất tri nhi bất uẩn, bất diệc quân tử hồ** ? (人不知而不慍，不亦君子乎!), nghĩa là dầu người đời không biết mình mà mình không ngậm ý giận, như thế mình chẳng phải là quân tử hay sao ?

Tiết này nên chú trọng ở chữ "Quân tử". Chữ "quân tử" nghĩa là làm sao ? Là một người rất tốt.

Vì cớ sao một người rất tốt gọi là quân tử. Bởi vì người ấy đạo đức đã cao, tài năng cũng giỏi, nhân cách lại rất hoàn toàn, nếu đem ra gánh việc xã hội thời đáng làm một người chủ nên có chữ "quân". Quân nghĩa là ông chủ. Nếu đem ra gánh việc loài người thời càng cung cấp được việc cho loài người, cũng như con thờ cha, nên có chữ "Tử". Tử nghĩa là con. Góp xáp cả hai ý nghĩa như trên ấy mới đặt tên bằng "quân tử". Cái mục đích của học giả chỉ cốt cho nên một người quân tử mà thôi, nên đặt vào tiết thứ ba. Tiết này là "học chi chung", là hấng dỡ cả hai tiết trên, chính là thời kỳ thành công của việc học.

Chúng ta nhận kỹ ba tiết ấy thời đại khái của việc học cũng không thiếu kém gì. Nhưng mà các điều kiện chi tiết ở trong việc học còn nhiều lắm, xin xem các bài sau.

CHƯƠNG III

KỂ CHO KỸ NHỮNG TẦNG THỨ CÔNG VIỆC HỌC

Đức Khổng Tử nói : Việc học rất để ý vào người thanh niên; bởi vì những người ấy tuổi còn non, sức còn mạnh, đường còn xa,. quan hệ với xã hội tiến đồ nhiều lắm. Huống gì thì giờ người thanh niên, chính là ngày bắt đầu vào cửa học. Nếu đương lúc thanh niên mà lầm đường lạc lối thời bỏ uổng thì giờ, oan công đèn sách, chẳng đau đớn lắm hay sao ! Nến đức Khổng Tử rất chú trọng vào hạng người ấy. Xem mấy tiết sau này :

Tử viết : đệ tử nhập tắc hiếu, xuất tắc đễ, cẩn nhi tín, phiếm ái chúng nhi thân nhân, hành hữu dư lực tắc dĩ học văn.

子曰：弟子入則孝，出則弟，謹而信，汎愛眾而親仁，行有餘力，則以學文。

Tiết này rất chú trọng ở hai chữ "đệ tử". Đệ, nghĩa là em; Tử, nghĩa là con. Người đang thời giờ làm con em mà chưa đến thời giờ làm bậc cha anh, nên gọi bằng "đệ tử". Công việc học của người đệ tử thời nên thế nào ? Tất phải khi vào trong gia đình có nghĩa vụ đối với cha mẹ mình cần phải có hiếu ("nhập tắc hiếu"), khi ra ở với xã hội có nghĩa vụ đối với đồng bào mình (là người anh em mình) thời cần phải đễ ("xuất tắc đễ"). Hiếu đễ, hai chữ ấy là cội gốc của

việc học, ở với cha mẹ cho đúng với đạo lý, gọi bằng "hiếu"; đối đãi với bậc anh lớp em cho đúng với đạo lý gọi bằng "dễ". Đệ tử làm được hai việc ấy, là nền tảng làm người đã vững vàng rồi. Nhưng đến khi xử sự tiếp vật, lại khi dụng một việc giờ tất phải tiểu tâm cẩn thận, tiếp một người nào tất cung kính dịu dàng thế là gọi bằng "cẩn". Song sự cẩn đó, chẳng phải căng trí ở mặt ngoài mà xong đâu, tất phải có chân tình thật ý : hễ những lời phô tiếng nói ở trong lòng chân thật mà ra gọi bằng "tín". "Cẩn" với "Tín" vốn đã tránh khỏi được nhiều điều lầm lỗi mà tư cách của một con người cũng đã khá khá. Nhưng dạo làm người, cốt yếu nhất phải có chữ "nhân". Vậy nên đối với quần chúng tất phải có tấm lòng bác ái, thương yêu khắp hết cả mọi người, thế là "phiếm ái chúng". Phiếm ái, là thương yêu bằng một cách phổ thông. Tuy nhiên, lấy nhan đạo mà đối đãi với loài người, vẫn nên rộng yêu cả quần chúng, nhưng ở trong quần chúng, tính cách thường hay khác nhau : có người nhân, có người bất nhân; người bất nhân kia ta không thể thân cận được, lại tát phải xét cho ra người nào là nhân giả thời ta thân cận mật thiết với người ấy. Vậy ở trong lúc "phiếm ái chúng" lại cần nhất là "thân nhân". Thân nhân, nghĩa là thân mật với người có đức nhân. Đó là yêu người bằng một cách đặc biệt.

Như trên kia đá bly vẽ cho chữ "hiếu", "dễ", "cẩn", "tín", "phiếm ái", "thân nhân", thảy có sáu chuyện : là nghĩa vụ với chức phận của đệ tử đã hơn được nửa rồi, nhưng mà chỉ hoàn toàn thuộc về đức hạnh ở trên phương diện tinh thần mà thôi. Nếu có mặt tinh thần mà không có mặt tài nghệ, e còn thiếu kém về đường thực dụng, chẳng lấy gì đầy đủ về việc học của đệ tử. Vậy nên ngài dạy thêm rằng : "**Hành hữu dư lực tắc dĩ học văn**", nghĩa là làm những việc như trên kia mà, dụng hồi nào có thì giờ rảnh, ấy là sức dư, thời vô luận thì giờ nào, tất phải cần dùng lấy sức thừa ấy dồ sức vào công việc học văn. Học, nghĩa là học tập; Văn, nghĩa là thi thư với lục nghệ; Thi thư, là các sách kinh của các thánh nhân đời xưa; Lục nghệ, là sáu cái tài nghề như xạ là bắn, như cách bắn súng đời nay; ngự, là nghề đánh xe; thư, là nghề

biên viết các thức chữ; số, là phép tính thuộc về số học; lễ, là các nghi tiết để ra làm việc giao tế; nhạc, là các món âm nhạc.

Chúng ta xem ở chương "Đệ tử" này có sáu việc như trên kia để vun trồng cái cội gốc bằng đức hạnh, lại có thi thư và lục nghệ để dào tạo cái tài cụ ra làm việc đời. Thánh nhân rất trông mong các bậc thanh niên, có thể, có dụng, có chất, có văn. Công việc học của thánh hiền đời xưa, há phải như cách học của người đời ta bây giờ dâu ! Chúng ta muốn bồi dưỡng thanh niên, xin trước để ý vào chương này, mà những người còn làm dệ tử cing nên chú ý lắm.

Ở thiên *Tử Hãn*, lại có chép một bài :

Tử viết : Hậu sinh khả úy, yên tri lai giả chi bất như kim dã. Tứ thập ngũ thập nhi vô văn yên, tư diệc bất túc úy dã dĩ.

子曰：後生可畏，焉知來者而不如今也；四十五十而無聞焉，斯亦不足畏也已。

Xem lời nói ở bài này thời biết ý đức Khổng Tử rất trông mong ở bạn thanh niên : một phương diện thời kỳ hứa cho họ nên, lại một phương diện thời lo sợ họ thua nên nói rằng : Những người tuổi giàu sức mạnh như các người sinh ở sau ta kia (hậu sinh), thiệt là dáng sợ, đáng kính họ lắm; bởi vì tiến đồ họ còn xa dài, sự nghiệp họ còn nhiều cơ hội tăng tiến, ai dám chác tương lai họ không được như những lời ta bây giờ ao ước đó ru ? Tuy nhiên thì giờ dài hay ngắn là quyền tại trời, sự nghiệp hơn hay kém là quyền tại người; nếu từ nay sắp lên cho tới ngày họ 40, 50 tuổi mà họ chưa thành tựu lớn lao để cho trong đời nghe tiếng họ, thời té ra tương lai của họ chẳng thấy hơn gì chúng ta bây giờ, cũng chẳng lấy gì làm dáng sợ ! Thế chỉ là đau đớn cho hậu sinh mà thôi.

Bài này rất nên chú ý vào hai chữ "**khả úy**" và ba chữ "**bất túc úy**", nghĩa là hậu sinh mà biết hay tự lập thời có thể hơn những bậc tiền bối. Nên ngài khuyên lơn cho mà

bảo rằng : "khả úy". Nếu hậu sinh mà chẳng biết lo tự lập, say vào vật chất mà quên lãng tinh thần, mê với ăn chơi mà bỏ công học tập, thời e **"lai giả bất như kim"**, nên ngài lại răn de cho mà bảo rằng **"bất túc úy"**.

"Khả úy", nghĩa là đáng kính sợ; "Bất túc úy", nghĩa là chẳng còn gì đáng kính sợ; "Lai giả chi bất như kim", nghĩa là ngày sau kia không được như những mối hy vọng ở lúc bấy giờ.

Ở trong dám thanh niên, đức Khổng Tử đối với bọn bé con lại để ý bằng một cách đặc biệt; tuy nó còn thơ trẻ, trí thức chưa được bao nhiêu, nhưng mà ngài cũng sẵn lòng dạy dỗ.

Có một ngày kia có đứa bé con ở làng Khuyết Đảng, ngài bảo nó đi truyền mệnh lệnh (tương mệnh). Có người muốn biết ý ngài mới hỏi ngài rằng :

- Thầy sai cậu bé kia, có ích lợi gì chăng ?

Ngài trả lời rằng : Ý ta muốn cho nó nhân được một nhịp hay cho nó thêm rộng chút trí thức, khiến cho nó thấy được những người ở vị ngôi kia để nó thấy những người đều đi với tiên sinh, cho nó rộng con mắt được ít nhiều; vẫn không phải cầu ích lợi gì ở nó dâu ! Chỉ muốn cho nó được chóng nên đó vậy (**Khuyết Đảng đồng tử, tương mệnh, hoặc vấn chi viết : ích giả dư ? Tử viết : Ngô kiến kỳ cư ư vị dã, kiến kỳ dữ tiên sinh tịnh hành dã, phi cầu ích giả dã; dục tốc thành giả dã**).

闕黨童子將命，或問之曰：益者與？子曰：吾見其居於位也，見其與先生並行也；非求益者也，欲速成者也。

Có làng Hộ Hương kia, người làng ấy tòng lai vẫn có tiếng dốt dại (**Hộ Hương nan dữ ngôn**), tên bé con làng ấy tới xin thụ nghiệp với ngài (**Đồng tử hiện**), ngài ừ cho. Môn nhân nghi ngờ việc ấy (**Môn nhân hoặc**), ngài bảo với môn nhân rằng :

Người kia lấy thân trong sạch tới với mình (**Nhân khiết**

kỷ dĩ tấn), ta cứ cho nó là trong sạch, còn từ nay sắp tới ta chẳng đoán trước làm gì (**Dữ kỳ khiết dã, bất bảo kỳ vãng dã**); khi nó tiến lên với ta, ta cứ tán thành cho nó, còn khi nó lui về nhà nó thời ta chẳng cần nghĩ xa làm gì, miễn nó có lòng muốn học là hay, ta quá trách nó thậm mà làm gì (**Dữ kỳ tiến dã, bất dữ kỳ thối dã, duy hà thậm**).

互鄉難與言，童子見，門人惑。子曰：人潔以進，與其潔也，不保其往也；與其進也，與其退也，唯何甚！

Xem như hai chuyện ấy, ngài đối với hạng người còn bé con mà ân cần dìu dắt đến như thế, cái tấm lòng dạy người thương trẻ, khoan hồng thành thực biết chừng nào ? !

CHƯƠNG IV

BÀN VỀ CHỮ "CHÍ"

Nghĩa chữ "Chí" như thế nào ? Một đời người của chúng ta, tiền đồ hy vọng vẫn không biết chừng nào; nhưng khi bắt đầu ra đời, nước bước thứ nhất là cốt ở chữ "Chí".

Thí dụ như : người đi đường, tất trước hết có cái bụng muốn đi, định một cái phương hướng đi đường nào. Đã định phương hướng xong thời quyết định đi cho đến. Cái lòng muốn đi và cái lòng quyết định muốn đi, đó tức là "chí". Hễ trăm việc gì mà trước hết không có "chí" thời tất nhiên khi làm, chỉ là miễn cưỡng không vui làm, và lại hay nửa đường bỏ dở không làm được nên; trái lại, hễ có chí nhất định thời tất nhiên vui làm mà quyết làm cho tới kỳ cùng. Chí đã được như thế, việc gì chắc cũng phải nên. Người xưa có câu : "**Hữu chí giả, sự cánh thành**, nghĩa là, người đã có chí thời việc chắc phải nên (有志者，事竟成). Chính đức Khổng Tử cũng có câu : "**Ngô thập hữu ngũ nhi chí vu học**" (吾十有五而志于學).

Ba chữ "**Chí vu học**", chúng ta nên ngẫm nghĩ cho kỹ. Hễ những người đi học, cần thứ nhất là trước phải lập chí : lập chí ở nơi việc học là nước bước thứ nhất của chúng ta ra đời. Nhưng ở trong khi lập chí, lại trước phải ngẫn nghĩ cho kỹ, chọn một phương hướng nào mà lập chí cho đích đáng. Đức Khổng Tử sợ người ta lập chí, nếu có sai lầm thời làm

hỏng mất một đời người của mình. Vậy nên ngài dạy cho học trò, thường hay nói đi nói lại về chữ "chí".

Tử viết : Tam quân khả đoạt súy dã, thất phu bất khả đoạt chí dã.

子曰：三軍可奪帥也，匹夫不可奪志也.

Đem ba quân giữ một ông tướng, có khi giặc nó cướp mất ông tướng; chứ đến như đứa thất phu, tuy chỉ một mình nó, mà cái chí nó đã vững vàng thời dẫu ức muôn người cũng không thể nào cướp được chí nó.

Xem như câu ấy thời cái uy quyền thân thế của chữ "chí" lớn biết chừng nào ! Mà có thế thiệt " Hễ một người đã có chí, nếu chết đi thời thôi; hãy còn chưa chết, dán chắc trong thiên hạ không việc gì khó (**Thiên hạ vô nan sự 天下無難事**) Bởi vì đã có chí, tất nảy ra siêng học; đã siêng học, tất trí thức thêm nhiều, mà tài năng ngày càng tân tiến. Trí đủ, tài đủ, việc gì làm chẳng xong ? Vậy nên bàn đến việc học, tất nhiên phải cần có chí. Duy có một điều rất đáng lo sợ là sợ cái chí hướng mình sai lầm mà thôi : hoặc chí ư ăn ngon mặc đẹp, hoặc chí ư phú quý tuổng đời, hoặc chí ư cầu danh trục lợi, thời những cái chí đó chỉ là khiến cho nhân cách mình hèn hạ, giá trị mình dê liệt, kết quả chỉ là một người hư. Truy nguyên cho đến tạo nhân thời chỉ vì lúc đầu lập chí đã sai lạc, nên đức Khổng Tử thường chỉ vẽ cho tâ cái phương hướng lập chí.

Ngài nói :

Sĩ chí ư đạo, nhi sỉ ác y ác thực, vị túc dữ nghị dã.

士志於道，而恥惡衣惡食，未足與議也.

Nghĩa là, làm một người học trò, nếu đã có chí ở đạo thánh hiền, nhưng lại còn trau tria ở nơi ăn mặc, thấy mặc xấu ăn xấu lấy làm hổ thẹn, những người ấáy còn đủ cùng bàn đạo lý gì nữa dâu ?

Ngài lại nói :

Tam niên học bất chí ư cốc, bất dị đắc dã

三年學不志於穀，不易得也.

Nghĩa là, có một người kia chăm chỉ việc học đã đến ba năm, nhưng tuyệt không để chí ở nơi kiếm gạo ăn, người ấy thiệt khó thấy được lắm.

Hai bài trên kia là sợ chúng ta lập chí sai.

Thế thời lập chí nên thế nào ? Xin xem mấy bài sau này :

Cẩu chí ư nhân hỹ, vô ác dã

苟志於人矣，無惡也.

Bài này là cốt bảo cho chúng ta để chí vào làm người nhân. Nên ngài nói rằng : Nếu một người kia đã quyết chí làm việc nhân rồi, lớn thời cứu đồng bào, thương nòi giống, nhỏ thời lo làm sao cho lương tâm mình khỏi hư hỏng. Như hạng người ấy, ví dầu chưa hoàn toàn được nhân, nhưng cũng chắc không đến nỗi làm việc gì xấu.

Ngài lại nói :

Chí ư đạo, cứ ư đức, y ư nhân, du ư nghệ.

志於道，據於德，依於仁，遊於藝

Bài này nói suốt cả thì chung việc học, nhưng bắt đầu dụng công thời cốt ở chữ "chí", nghĩa là, bước thứ nhất lập chí, phải chỉ deo ở đạo thánh hiền mà bước lên. Nhưng trong khi bước lên đó, căn cứ vào đâu ? Tất phải căn cứ vào nơi đức hạnh. Có chỗ căn cứ rồi, nhưng phải có chỗ nương dựa cho rất vững vàng, tất phải nương dựa nơi đức nhân.

Như trên kia nói chữ "đạo" là mục đích địa mà ta lạp chí ở đó; chữ "đức là chỗ mà ta căn cứ vào; chữ "nhân" là một cái địa vị vững vàng mà chung thân ta y ỷ vào. Nhưng ba chữ ấy chỉ là về mặt tinh thần, lại còn phải bổ thêm về mặt vật chất, nên lại phải "du ư nghệ".

Bảo rằng "đạo", bảo rằng "đức", bảo rằng "nhân", há phải lý luận suông mà không thực hành ru ? Vậy nên ở trong khi thì giờ làm việc học vấn, ngoài chữ "đạo", "đức", "nhân", lại cần có chữ "nghệ" (lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số), ta làm những việc ấy sẽ để vui lòng thích tính, dúc trí luyện tài, hoạt động chơi bời ở trên đường thực dụng, khiến cho đạo, đức, nhân phát hiện ra ở nơi ứng sự tiếp vật. Nghề chơi

của kẻ học được như thế là tuyệt diệm cao thượng. Vì vậy, nên câu "Du ư nghệ" để vào cuối cùng. Nhưng mà chữ "chí" lại đặt ở đầu nhất bài này, đó mới biết thánh nhân quý trọng chữ "chí". Nếu người ta lập chí đã hỏng, thời còn nói được việc gì ? Vậy nên, chúng ta chớ bao giờ quên chữ "Chí ư đạo".

Lại có mấy bài như sau này, xem trên mặt chữ tuy không thấy chữ "chí", nhưng tinh thần rật là thuộc về chữ "chí", xin viết vào dây để cho người học dễ tham khảo :

Bất hoạn vô vị, hoạn sở dĩ lập; bất hoạn mạc kỷ tri, cầu vi khả tri dã.

不患無位，患所以立，不患莫己知，求為可知也。

Người ta ở đời, chẳng cần phải lo không địa vị mình đứng, chỉ đáng lo trước là mình lấy tài đức gì để đứng vào địa vị ấy. Chẳng cần lo người ta không biết đến mình, mà cầu làm sao cho tài đức, học vấn mình đáng khiến người ta biết.

Ở trong bài ấy, câau "Hoạn sở dĩ lập", câu "Cầu vi khả tri" với hai chữ "bất hoạn", tuy không nói chữ "chí", mà thiệt là chỉ vẽ cái đường cho chúng ta lập chí, rành rành là ý ngài bảo cho chúng ta rằng : chỉ cần chí ở phía trong mà không cần chí đua với phía ngoài. Xem câu "Bất hoạn vô vị" thời quan quyền phẩm tước mà cần gì ? Xem câu "Bất hoạn mạc kỷ tri" thời danh giá hư huyễn mà làm gì ? Chỉ cốt nhất ở chữ "lập". Chúng ta nên để ý vào chữ ấy.

Ngài lại có câu nói rằng :

"Quân tử bệnh vô năng yên, bất bệnh nhân chi bất kỷ tri dã".

君子病無能焉，不病人之不己知也。

Hễ là người quân tử, chỉ đau đớn cho mình không tài năng; còn như người đời chẳng biết đến mình thời chẳng lấy gì làm đau đớn (giống như câu "Bất tri nhi bất uẩn").

Ngài lại có câu rằng :

"Bất hoạn nhân chi bất kỷ tri, hoạn kỷ bất năng dã"

不患人之不己知，患其不能也。

Không lo sợ người đời không biết đến mình, chỉ lo mình không năng lực gì để gánh nổi việc đời mà thôi.

Ý tứ hai bài này cũng như hai bài trên kia; câu "Hoạn kỳ bất năng", câu "Bệnh vô năng yên" là chỉ cho ta con đường lập chí.

Hễ đã làm một người học giả, tất trước phải tu dưỡng lấy chữ "năng"; năng, nghĩa là làm cho nên tài đức của một bậc quân tử.

Hễ tài đức đã sẵn có trong mình, thời dầu việc xã hội, việc quốc gia, ta cứ đem cái sở năng của mình ra mà làm; bản năng đã sẵn, có việc gì làm chẳng xong ? Nếu bất năng, vô năng mới thật đáng lo sợ; vì lo sợ nên phải gấp cầu cho năng; vì cầu cho năng, nên trước phải lập chí.

Ngài lại nói rằng :

"Cổ chi học giả vị kỷ, kim chi học giả vị nhân"

古之學者，為己；今之學者，為人。

Chữ "vị kỷ" và "vị nhân" ở đây, xin chúng ta chớ nhận lầm nghĩa.

"Vị kỷ", nghĩa là vì học vấn, tài năng củ mình còn thua kém, nên phải lo học để vun nuôi lấy đạo đức của mình, tăng tiến lấy trí thức của mình bọi bằng "vị kỷ". Đó chính là cách học của người đời xưa, chỉ vì mình mà học lấy cho mình.

Chữ "vị nhân", nghĩa là vì yêu mến cái quyền lợi ở người, vì mua chuốc cái danh giá ở người mà phải học như cách lối của người, thế là "vị nhân".

Tổng chi, vị kỷ mà học thời học mà làm hay cho mình, mà cái học đó mới là thực dụng; vị nhân mà học thời cái học đó chỉ là theo đùa với người, mà sự học hành thành ra bắt mình phải nô lệ. Còn như chữ "vị kỷ", "vị nhân" ở nơi khác thời lại có nghĩa khác, sẽ để bàn ở chỗ khác.

Lại có một bài :

"Quân tử cầu chư kỷ, tiểu nhân cầu chư nhân"

君子求諸己，小人求諸人。

Hễ người quân tử, tất chỉ chăm chỉ ở nơi nghĩa vụ với bản phận của mình, cốt làm sao cho nghĩa vụ của mình được đầy đủ, bản phận mình được hoàn toàn, dầu người ngoài khen hay chê, ưa hay ghét, quân tử không cần nghĩa tới nơi. Nên nói rằng "quân tử cầu chư kỷ". Đến như tiểu thân thời trái thế, chí hướng nó chỉ cầu cho người ngoài yêu chuộng mình, ngợi khen mình; mà nghĩa vụ của mình, bản phận của mình, thời nó không nghĩ tới. Nên nói rằng "tiểu nhân cầu chư nhân".

"Cầu chư kỷ" tức là "vị kỷ"; "cầu chư nhân" tức là "vị nhân". Chữ "cầu chư kỷ", "vị kỷ" cũng là chỉ cái phương hướng cho người học biết cách lập chí.

Lại có một bài ngài nói rằng :

"Quân tử mưu đạo bất mưu thực; canh dã nỗi tại kỳ trung hỹ, học dã lộc tài kỳ trung hỹ. Quân tử ưu đạo bất ưu bần"

君子謀道不謀食；耕也餒在其中矣，學也祿在其中矣．君子憂道，不憂貧．

Hễ là người quân tử thời chỉ để lòng nghiên cứu về đạo lý thánh hiền (**mưu đạo**) mà không đặt lòng nghiên cứu về bổng lộc người ta nuôi mình (**bất mưu thực**). Ví dụ như người đi cày kia, chẳng bao giờ cầu cái đói, nhưng đã làm nghề cày, tất có lúc mất mùa mà đói, thế là cái đói ấy nấp ở trong lúc cày rồi vậy (**Canh dã nỗi tại kỳ trung hỹ**). Lấy lẽ ấy mà suy vào việc học thời những người làm việc học kia, tuy chẳng cầu gì cái bổng lộc của người cho mình, nhưng mà cái học mình hay, chắc có ngày đời phải dùng mình, thời cái bổng lộc đã tự nhiên sẵn ở trong cái học rồi vậy. Nên nói rằng "Học dã lộc tại kỳ trung hỹ"); "nỗi", nghĩa là phải chịu nhịn đói; "lộc", nghĩa là bổng lộc mình được ăn. Vì có đạo lý như thế, nên những người quân tử chỉ lo vì mình chẳng học được đạo, mà chẳng lo về sự đói nghèo (**Ưu đạo bất ưu bần**).

Chữ "Bất mưu thực" với chữ "Bất ưu bần", chúng ta chớ nhận lầm nghĩa.

"Thực", là chỉ vào bổng lộc của chính phủ mà mình ăn. Xem chữ "lộc" ở câu dưới thời hiểu. Chứ như kinh dinh việc làm ăn mà tự thực kỳ lực thời quân tử có bao giờ lại bất mưu ?

Câu "Bất ưu bần" cũng phải nhận cho đúng nghĩa : sở dĩ không lo nghèo đói là tiếp lấy câu "Học dã lộc tại kỳ trung hỹ" mà nói cho hết lẽ. Vì đã học thời chắc cũng có ngày được lộc, nên đã ưu đạo là chăm chỉ học rồi, còn phải lo gì sự bần rư ? Vì cái học đó, không thể nhân đó mà bần được, nên "Quân tử bất ưu bần".

Chữ "Bần" đây chỉ nghĩa là không có bổng lộc mà ăn, đối với người có bổng lộc mà nói, người không bổng lộc thời gọi là bần; chứ như bần đến nỗi không bữa ăn thời không phải nghĩa chữ "bần" này đâu. Chữ "Ưu đạo, mưu đạo" là phản đối với chữ "Chí ư cốc" ở trên kia, nghĩa là quân tử thời chỉ "chí ư đạo" mà không "chí ư cốc". Cốc cũng nghĩa là bổng lộc.

Ngài nói rằng :

"Bão thực chung nhật, vô sở dụng tâm, nan hỹ tai!".

飽食終日，無所用心，難矣哉！

Ý nói rằng đã sinh ra làm một con người, tất cả có dụng tâm mình vào một chuyện gì; nếu ăn no tối ngày mà không đặt lòng mình vào một chuyện gì thời là một người vô chí rất mực. Hạng người ấy thiệt không thể bày dạy gì được nữa, nên nói rằng "nan hỹ tai".

Bài này rất đau đớn cho người vô chí. Người có chí, tất là người dụng tâm luôn luôn; đã "vô sở dụng tâm" thời còn có chí gì nữa mà nói ? Dạy học trò mà dụng phải người ấy thời chỉ có lắc đầu mà thôi, nên ngài lại nói thêm rằng :

"Bất hữu bác dịch giả hồ, vi chi do hiền hồ dĩ"

不有博奕者乎！為之猶賢乎已。

Nghĩa là, cái người đã "vô sở dụng tâm, e có lẽ xấu hơn

những người cờ bạc ("Bác", nghĩa là đánh bạc; "dịch", nghĩa là đánh cờ; "do hiền", nghĩa là còn hiền hơn). Đó là ý thánh nhân rất ghét những người vô chí.

Bàn tóm lại, xem suốt hết mấy bài như trên kia thời biết được bắt đầu vào học, trước nhất là phải có chữ "chí"; mà trong khi lập chí, cần nhất là phải kén chọn cái mục đích lập chí. Xin tóm tắt lại ba chữ "chí" :

1)- Chí vu học 志于學

2)- Chí ư đạo 志於道

3)- Chí ư nhân 志於仁

Những ba chữ "chí ấy cũng chỉ là một chữ, mà trong ý đức Khổng Tử thời cốt muốn cho học giả phải "chí ư nhân". Bởi vì ở trong phạm vi Khổng học, to lớn và cao thượng nhất là chữ "nhân". Vì vậy nên ngài có câu :

"Chí sĩ nhân nhân, vô cầu sinh dĩ hại nhân, hữu sát thân dĩ thành nhân"

志士，人仁，無求生以害仁，有殺身以成仁

Bây giờ, xin lấy bài này mà kết thúc chương này. Ngài nói rằng : Hễ gọi bằng người sĩ có chí, chẳng phải người gì lạ đâu, cũng chỉ là người có đức nhân mà thôi. Làm trọn vẹn được đức nhân mới gọi là chí sĩ. Những bậc người ấy, một đời người từ thỉ chí chung, chỉ đặt cái chí mình ở trên chữ "nhân" : đời mình sống, sống với nhân, đời mình chết cũng chết vì nhân; nếu chẳng may mà gặp lấy hoàn cảnh xấu, mà thân mình không thể sống được thời âu là giữ lấy chữ "nhân" cho trọn vẹn cái chí của mình, chứ không cầu sự sống mà vì nó làm hại đức nhân. Khi sự thế dáo dấu, phải xem "nhân" hơn sự sống, nên có lúc giết cái thân mình, để vì nó mà hoàn thành được đức nhân.

Tác giả viết bản sách này, muốn cho anh em ta được một cái mục đích để lập chí, nên tiếp dây bàn chữ "nhân" dưới này :

CHƯƠNG V

CHỮ "NHÂN" Ở TRONG KHỔNG HỌC

Xem mấy chương trên kia đã nói, học giả trước nhất cần phải lập chí; mà trước khi lập chí, phải nhận định một món tông chỉ, phải tìm xét một cái chủ nghĩa cho được viên mãn hoàn toàn, thì chung một đời người mình đe một cái đường lối quang minh chính đại ấy mà đi. Đó là chữ "nhân" mà chúng ta nên chí ở đó.

Câu "Cẩu chí ư nhân hỹ" của đức Khổng Tử thiệt đã chỉ rõ một phương hướng bất dịch cho chúng ta. Vậy nên bàn xong chữ "chí" tất phải nghiên cứu đến chữ "nhân".

Xưa nay các vị thánh truyền đạo, tuy tông thống khác nhau, lý luận khác nhau mặc dầu, mà xét cho đến nội dung, ngoài chữ "nhân" ra, không ai có đạo lý gì khác. Tức như đại từ đại bi, chúng sinh bình đẳng của Phật Thích Ca; nghĩa yêu người như mình, xem thù như bạn của đức Chúa Dê-Du, cũng chỉ là ý nghĩa chữ "nhân" mà thôi. Nhưng trong khi bàn bạc chữ "nhân" thời chỉ duy Khổng Tử mới là tận thiện tận mỹ; nhỏ từ nhất sự nhất vật, lớn đến nhất quốc gia, nhất xã hội, nhất thế giới, thảy có lẽ bao bọc ở trong chữ "nhân". Vô luận người nào, việc nào, chốn nào, thì nào, tất thảy dùng một chữ "nhân" mà ứng phó được cả.

Tuy nhiên, chúng ta phải biết, "nhân" có thể, có dụng, có kinh, có quyền, có nhân, có quả, có chính, có phụ (體, 用, 經, 權, 因, 果, 正, 附.) nhỏ đến như cái lông mùa thu mà

không có thể sót thiếu, lớn đến như hòn núi Thái Sơn mà không thấy có thừa. Vậy nên ở trong Khổng học, có chỗ nói chữ "nhân" bằng cách trừu tượng, có chỗ nói chữ "nhân" bằng cách cụ thể; có chỗ tùy bệnh chứng, tùy người mà cho thuốc; có chỗ tùy địa vị từng người mà cho bài; có chỗ chỉ là một bộ phận ở trong chữ "nhân"; có chỗ tóm góp tuyển cả bộ phận chữ "nhân", dầu thiên ngôn vạn ngữ cũng chưa dễ miêu tả cho hết.

Tác giả xin chứng dẫn những câu di ngôn ở trong **Luận Ngữ** mà giải thích cho rõ ràng chút đỉnh, xin học giả nhận lấy như sau này :

BẢN THỂ CỦA CHỮ "NHÂN"

Tiết này là chuyện nói chữ "Nhân" ở trong tâm lý.

Tử viết : Hồi dã, kỳ tâm tam nguyệt bất vi nhân, kỳ dư tắc nhật nguyệt chí yên nhi dĩ hỹ.

子曰：回也，其心三月不為仁，其餘則日月至焉而已矣。

Hồi là tên thầy Nhan Uyên, học trò cao nhất ở trong Khổng môn, thầy thường học đạo nhân ở đức Khổng Tử, ngài dạy cho rằng : trừng trị hết cái bệnh tư dục của mình là khắc kỷ, hồi phục được chân lý của trời là phục lễ, thế là nhân (**Khắc kỷ phục lễ vi nhân**). Một câu ấy là ngài dạy cho công phu làm nhân rất thâm thiết. Ngài lại nói rằng : Hễ một mai khắc được kỷ, phục được lễ, công phu làm nhân đã hoàn toàn, đức nhân ở trong mình đã thạnh vượng thời ảnh hưởng vì đức nhân mình mà truyền bá được rất xa, chắc có lẽ thiên hạ đều quy hướng vào nhân cả thảy (**Nhất nhật khắc kỷ phục lễ thiên hạ quy nhân yên** 一日克己復禮，天下歸仁焉).

Câu ấy là nói công hiệu của người làm nhân. "Qui nhân", nghĩa là xu hướng về đường làm nhân, tượng như người đi chợ là "qui thị".

Một người vi nhân mà cái hiệu nghiệm đến cả thiên hạ qui nhân, là công hiệu rất rộng lớn, rất mau chóng. Vì đức thánh chắc thầy Nhan làm được như thế, nên nói câu này, là có ý kỳ vọng cho thầy Nhan rất to. Nhưng cái công hiệu chữ "nhân", tuy to lớn như vậy, mà truy nguyên đến cái căn bản làm nhân thời lại rất tóm tắt, nên ngài lại có câu nói rằng : Cái việc vi nhân đó không phải nhờ cậy ai đâu : tính nhân trời phú cho mình, đức nhân sẵn ở trong lòng mình, bây giờ làm cho hết công việc nhân cũng chỉ bởi tự mình làm lấy, há phải ở người ngoài nữa ru ? (**Vi nhân do kỷ nhi do nhân hồ tai !**為仁由己而由人乎哉!).

Thầy Nhan thấy thầy dạy cho mình đạo lý rất hay, công hiệu rất lớn, sợ chưa biết theo đường lối nào mà đi tới nơi, nên lại hỏi :

- Dám xin thầy bày vẽ cho rõ những tiết mục như thế nào mới khắc được kỷ, phục được lễ ? (**Thỉnh vấn kỳ mục** 請問其目).

Đức Khổng nói rằng :

- Kỷ là những cái vật chất ở giữa mình mày : con mắt, cái miệng, lỗ tai, cái thân mày, đó tức là kỷ; mày muốn khắc kỷ, trước phải trừng trị ở chỗ ấy. Hễ cái gì không đúng với lẽ trời tức là phi lễ, đã phi lễ tức là tư dục của mình; nếu chiều theo tư dục của mình, làm sao mà khắc được kỷ, phục được lễ. Nên ta khuyên cho mày phải thường hỏi lại ở lòng lương tri của mày : hễ có cái gì phi lễ ở trước mắt thời mắt chớ dòm; biết được cái gì phi lễ ở bên tai thời tai chớ nghe; những lời lẽ gì mà biết được là phi lễ thời miệng chớ nói ra; những công việc gì mà biết được nó là phi lễ thời thân chớ hề làm. Những cái phi lễ đó đã đoạn tuyệt được rồi thời tức khắc phục lễ. Bởi vì công phu phục lễ chẳng phải ở ngoài khắc kỷ đâu. Nếu đã trừ khử hết những điều phi lễ là khắc được kỷ rồi thời tức khắc hồi phục được thiên lý ngay. Bỏ hết được cái trái thời tức khắc cái phải lòi ra ngay, vi nhân há có khó gì ?

Thầy Nhan nghe đến đó, hiểu được chóng, ngẫm nghĩ được sâu, nên mừng mà nói rằng :

- Hồi này tuy hèn hạ, nhưng xin hết sức làm mấy điều thầy dạy đó (**Hồi tuy bất mẫn, thỉnh sự tư ngữ hỹ** 回雖不敏，請事斯語矣).

Bài này nói chữ "nhân" rất thâm thiết, rất bao hàm. Nhưng trọng yếu nhất là bốn chữ "khắc kỷ phục lễ"; mà lại câu "vi nhân do kỷ" là chỉ vẽ một phương pháp làm nhân cho chúng ta. Ta muốn làm nhân thời chỉ cậy ở giữa mình làm lấy. Nếu tự mình ta không muốn làm thời dẫu nhiều thầy hiền, đông bạn tốt đến bao nhiêu, cái bệnh bất nhân của mình cũng không bao giờ chữa nổi.

Ở trong Khổng môn, duy thầy Nhan là một người vi nhân được như lời đức Khổng Tử, nên ngài mới khen rằng :

"Như anh Hồi kia mới là giữ được cái tâm mình đúng với đức nhân, dẫu trải qua thời gian đến ba tháng mà thiệt không chốc phút nào trái đức nhân. Tâm tức nhân, nhân tức tâm, trì thủ được ba tháng, chỉ có Hồi mà thôi; ngoài ra các người nữa thời công phu làm nhân còn quá ít, lực lượng làm nhân còn quá mỏng, nên trong tâm lý họ, tuy thấp thoáng cũng có nhân tới, nhưng chẳng qua ngày một lần, tháng một lần đến mà thôi" (**Hồi dã kỳ tâm tam nguyệt bất vi nhân, kỳ dư tắc nhật nguyệt chí yên nhi dĩ hỹ.**

回也其心三月不為仁，其餘則日月至焉而已矣！

Chúng ta đọc cả hai bài trên thời có lẽ hiểu ngầm rằng bản thể của đức nhân ẩn sẵn ở trong lòng ta, vì cớ sao lòng ta lại mất hẳn đức nhân ? Chỉ vì cái tội không khắc được kỷ. Nếu khắc được kỷ thời lòng ta tức là nhân rồi, nên đức Khổng Tử lại có câu :

Nhân viễn hồ tai ? Ngã dục nhân, tư nhân chí hỹ.

仁遠乎哉！我欲仁，斯仁至矣。

Nghĩa là, cái đức nhân đó há có xa xôi gì đâu ! Hễ trong lòng ta hằng hái vì việc nhân thời nhân tức khắc đến ngay.

Đọc bài này phải tham khảo với hai bài trên thời biết rằng đức nhân đó chẳng phải giống gì lạ đâu, chỉ là cái tính tốt ở trong lòng mà trời phú sẵn cho ta, nên sách **Trung Dung** có câu : "**Nhân giả nhân dã**" (仁者人也), nghĩa là, gọi bằng đức nhân đó chỉ là cái lòng tốt của người, mà chính là

cái chân lý để làm người vậy. Hễ người đã bất nhân, tất là không phải người, người với cầm thú chỉ khác nhau nhân với bất nhân mà thôi.

Chúng ta thử xem trên mặt chữ, xưa thánh nhân đặt chữ "nhân" (仁) là rất có ý nghĩa : chữ "nhân", bên tả là chữ "nhân đứng" (亻), bên hữu là hai nét ngang nhau (二), có ý nghĩa rằng cái giống để làm người tức là nhân, mà ai nấy cũng bình đẳng như nhau. Ví dụ như hạt mộng các thức trái ta cũng gọi bằng nhân, như đào nhân, hạnh nhân, v.v... Chúng ta xem đó thời thông hiểu được ý nghĩa chữ "nhân" rồi. Bây giờ lại xin chứng vào ở những lời của đức Khổng Tử.

Ngài có nói rằng :

Đương nhân bất nhượng ư sư.

當仁不讓於師 .

Nghĩa là, dụng việc nhân thời ai nấy cũng có thể làm được, ai nấy cũng nên đảm nhận lấy việc đó, không thể nhường cho ai, dầu đến bậc người mình tôn trọng như thầy, nhưng đến lúc gánh lấy việc nhân thời dầu thầy mình đó, cũng không dám nhường cho thầy mà không làm.

Ngài lại có bài nói rằng :

Quân tử khử nhân, ô hồ thành danh.

君子去仁，惡乎成名 .

Hễ làm một người quân tử, chỉ là y dựa vào nhân; nếu rời bỏ đức nhân còn gì mà thành cái danh quân tử được ?

Quân tử vô chung thực chi gian vi nhân; tháo thứ tất ư thị, điên bái tất ư thị.

君子無終食之間違仁，造次必於是，顛沛必於是

Hễ những người đã là quân tử, tất thường thường dụng việc nào, buổi nào, chốn nào cũng cứ giữ chặt lấy đức nhân luôn luôn, dầu trong khoảng rồi một bữa ăn là thì giờ rất ngắn ngủi, quân tử không hề trái đức nhân. Chẳng những lúc bình thường thong thả mà thôi, dầu đến lúc vội vàng lật dật (tháo thứ), dầu trải khi khấp khểu gập ghềnh (điên bái), nhưng mà tấm lòng của quân tử tất kháng kháng ở nơi đức nhân.

Kìa những hạng người không phải quân tử, vì sao mà

bỏ quách nhân ? Chỉ vì một cớ : lương tâm của mình, chân lý của trời bị quyến dụ vì vật chất, bị xô đổ vì hoàn cảnh, ham phú quý mà thay lòng, ghét bần tiện mà biến tiết, đi theo ma mạc áo giấy mà bỏ mất đạo thánh hiền, nên kết quả thành ra người bất nhân. Vì vậy, đức Khổng Tử lại dạy cho chúng ta rằng :

Sự giàu với sang là cái giống mà người ta muốn. Nhưng sở dĩ được giàu sang đó, tất phải dựa vào một đạo lý xứng đáng mới được chứ ? Nếdu không thế thời chỉ là cái phú quý bằng bất nghĩa, quân tử không chịu thừa thụ lấy cái phú quý ấy (**Phú dữ quý thị nhân chi sở dục dã, bất dĩ kỳ đạo đắc chi, bất xử dã**).

富與貴是人之所欲也，不以其道得之，不處也.

Đói nghèo với thấp hèn là cái giống mà người ta ai cũng ghét. Nhưng sở dĩ đến nỗi bần tiện, tất có một cái duyên cớ mà được bần tiện đó; nếu chẳng thế thời chính là cái bần tiện bằng trời cho, quân tử chẳng cần gì mà từ chối vậy (**Bần dữ tiện thị nhân chi sở ố dã, bất dĩ kỳ đạo đắc chi, bất khử dã**).貧與賤是人之所惡也，不以其道得之，不去也.

Hai chữ "đạo" ở đây nghĩa khác nhau : chữ "đạo" ở trên là cái lý do mà làm được phú quý; chữ "đạo" ở dưới là cái duyên có xui nên bần tiện. Hễ phú quý không lý do gì mà được thời quân tử bất xử; bần tiện không duyên cớ gì mà đến thời quân tử bất khử. Muốn phú quý mà ghét bần tiện, quân tử cũng thường tình như ai, nhưng phía nào lấy, phía nào bỏ, quân tử vẫn cân nhắc ở trên chữ "nhân".

Trái với nhân mà được phú quý thời quân tử phải từ chối cái phú quý ấy; đúng với nhân mà mắc lấy bần tiện thời quân tử dành chịu cái bần tiện ấy. Công việc làm nhân thường thường phải chống với hoàn cảnh là như thế. Hoàn cảnh có thay đổi mà chân tính không bao giờ thay đổi, vậy nên quân tử tất thường có nhân, mà có nhân mới là quân tử.

Ngài lại có nói rằng :

Dân chi ư nhân dã, thậm ư thủy hỏa; thủy hỏa ngộ kiến đạo nhi tử giả hỹ, vị kiến đạo nhân nhi tử giả dã.

民之於仁也，甚於水火，水火吾見蹈而死者矣，未見蹈仁而死者也。

Bởi vì toàn thể của đức nhân là vô sở bất bao; hễ đã là một con người thời tất cần phải sinh hoạt nhờ bằng đức nhân; xa rời đức nhân ra một giây, một phút, tức là sinh mệnh của người ấy chết ngay. Nên ngài nói rằng : Loài người với đức nhân, quan hệ mật thiết hơn nước với lửa. Loài người không có nước lửa, không nhờ gì làm nổi sự sống, sự sống với nước lửa vẫn quan hệ mật thiết lắm; nhưng mà sự sống quan hệ với đức nhân càng mật thiết hơn (**Nhân chi ư nhân dã, thậm ư thủy hỏa**). Đau đớn cho người đời bây giờ chỉ biết rằng thủy hỏa là quan hệ ở sự sống cho ta, mà không biết đức nhân đó chính là sinh mệnh của ta, nên ta thường thấy những người dấy mình vào thủy hỏa mà chết, chưa thấy người nào dấy mình vào đức nhân mà chết.

Than ôi ! Nhân là sinh mệnh của mình, mà không ai vì việc nhân mà liều mình, chẳng là rẻ rúng cái sinh mệnh của mình lắm hay sao ? (**Thủy hỏa, ngã kiến đạo nhi tử giả hỹ, vị kiến đạo nhân nhi tử giả dã**).

Tác giả muốn kết thúc bài này, nhưng khốn nạn vì toàn thể chữ "nhân" muốn tìm được một vài câu ở trong lời nói đức Khổng Tử mà tóm tắt cho hết tiệt quá khó. Bởi vì tinh lý và công dụng của chữ "nhân" không thể nào một vài câu mà nói được hết. Vậy nên lấy một bài ở sau này để kết thúc chương này :

Tử viết : Sâm hồ, ngô đạo nhất dĩ quán chi.

Tăng Tử viết : Dụ. Tử xuất. Môn nhân vấn viết : Hà vị dã ? Tăng Tử viết : Phu tử chi đạo, trung thứ nhi dĩ hỹ.

子曰：參乎！吾道一以貫之。曾子曰：唯。子出。門人問曰：何謂也？曾子曰：夫子之道：忠恕而已矣。

Trên kia đã nói rõ : Học giả tất phải chí ư đạo, mà chí ư đạo tất phải chí ư nhân; chí ư nhân đó tức là chí ư đạo. Xem giải thích bài này chúng ta biết được nhân tức là đạo,

đạo tức là nhân, làm xong nhân tức là gánh nổi đạo.

Học trò trong Khổng môn chỉ duy có thầy Tăng là bằng ngang được thầy Nhan. Vì thầy Tăng được sống lâu hơn thầy Nhan, nên công phu vi nhân của thầy Tăng lại càng triệt để. Đức Khổng Tử biết rằng duy thầy Tăng mới có thể dạy cho đến tuyền thể chữ "nhân" mà gánh đỡ được toàn thể chữ "đạo", nên ngài gọi riêng thầy Tăng mà nói rằng :

- Anh Sâm ơi ! (tên thầy là Sâm), anh chắc biết đạo ta là thế nào chớ. Đạo ta chỉ có một gốc mà quán suốt hết muôn lẽ muôn việc ở trong thiên hạ (**Ngô đạo nhất dĩ quán chi**). "Nhất" nghĩa là nhất bản, "quán" nghĩa là vạn thù. Ở trong muôn gốc mà bao bọc hết cả đạo lý muôn việc; lấy một gốc ấy mà nảy nở ra muôn nhánh ngàn lá, ấy là "Nhất dĩ quán chi".

Chữ "nhất" là cái gì ? Chính là tuyền thể của chữ "nhân". Chữ "quán" là để làm gì ? Chính là công dụng của chữ "nhân".

Bởi vì "nhân" tức là đạo của đức Khổng Tử, nên đã có hai chữ "ngô đạo" trùm bọc ở trên thời chẳng cần nói rõ chữ "nhân" mà chỉ nói chữ "nhất". Nhưng câu ấy, lời rất vắn tắt mà ý nghĩa rất là bao la, các môn nhơn không thể hiểu được; chỉ duy thầy Tăng công phu học vấn đã thuần thục, trình độ nhận cách đã rất cao, thầy mới nghe qua lời ấy tức khắc đã hiểu ngay, thầy ứng một tiếng "dạ" (dụy).

Nghe câu "Nhất dĩ quán chi", liền không hoài nghi, không dụ dự mà trả lời ngay một tiếng "dạ", thiệt chỉ duy thầy Tăng mới được thế. Xin xem bài tiếp dây lại càng rõ ràng :

Thầy Tăng dạ xong, chốc phút vừa đức Thánh có việc đi ra (**Tử xuất**). Môn nhân nhân dịp đức Thánh váng mặt mới hỏi với thầy Tăng rằng : Câu nói mới rồi, thầy dạy cho anh là ý nói thế nào ? (**Hà vị dã**). Thầy Tăng muốn giải thích cho môn nhân hiểu, nhưng mà nói rõ ra chữ "nhất" thời ý nghĩa có hơi cao xa, trình độ của các môn nhân chưa hiểu thấu được, nên chỉ nói rằng : Các anh em ơi ! Đạo của thầy ta nói vắn tắt chỉ có trung thứ mà thôi (**Phu Tử chỉ đạo : "Trung" "Thứ" nhi dĩ hỹ**).

Chữ "trung", chữ "thứ" xem mặt chữ vẫn không phải mặt chữ "nhân", nhưng tinh thần ý nghĩa hai chữ ấy, thiệt là

con dẻ của chữ "nhân", mà bảo rằng con in như mẹ cũng có thể được. Chúng ta nên nghiền cho ra nghĩa.

"Trung" là thế nào ? Chữ "trung" (忠) viết : ở trên thì chữ "trung" (中) mà đưới thời chữ "tâm" (心), nghĩa là, nhất thiết xử việc, tiếp người, tuyển móc ở trong lòng mình ra, không một tí gì dối lòng, ấy là "trung", mà chính là cái "thể" của chữ "nhân".

Chữ "thứ" là thế nào ? Chữ "thứ" (恕) viết : chữ "như" (如) ở trên, chữ "tâm" (心) ở dưới, nghĩa là, ứng phó với nhất thiết người, tất thảy xem người như mình. Suy ở trong lòng mình mà do lường đến lòng người thời biết được lòng người cũng như lòng mình mà đối đãi bằng một cách bình đẳng, bác ái. Ấy là nghĩa chữ "thứ", mà chính là cái "dụng" của chữ "nhân".

Vì đủ cả chữ "trung", chữ "thứ" thời đức nhân mới hoàn toàn thực hiện được. Thế thời đạo của đức Phu Tử chỉ đức "nhân" mà thôi, nên thầy Tăng nói rằng : Đạo thầy ta chỉ "trung thứ" mà thôi. Xin chép bài này nữa càng rõ :

Tử Cống vấn viết : Hữu nhất ngôn nhi khả dĩ chung thân hành chi giả hồ ? Tử viết : Kỳ thứ hồ. Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân.

子貢問曰：有一言而可以終身行之者乎？子曰：其恕乎！己所不欲勿施於人。

Thầy Tử Cống cũng là một bậc học trò cao ở trong Khổng môn, thầy nghĩ rằng học đạo của đức Khổng Tử, chỉ cốt làm cho trọn vẹn một con người, nhưng đạo lý quá rộng lớn bao hàm, muốn tóm tắt vào một điều gì mà có thể trọn một đời người làm được điều ấy, nên thầy cũng chú ý vào chữ "nhất", cũng đồng một ý kiến như thầy Tăng. Nhưng thầy Tăng đã hiểu rồi, mà thầy Tử Cống còn cầu cho hiểu, vì vậy mới hỏi đức Khổng Tử rằng : Tôi muốn được một chữ gì nắm chặt lấy một chữ ấy mà làm cho suốt một đời người cho đến kỳ cùng nên tôi xin thầy dạy cho tôi nhất ngôn ấy (nhất ngôn cũng nghĩa như một chữ ấy) sẽ để cho tôi chung thân thực hành lấy nhất ngôn ấy, chắc có chứ ?

Đức Khổng Tử bảo cho rằng : Chỉ có chữ "thứ" đó mà

thôi (**kỷ thứ hồ**) : hễ làm gì, nói một lời già mà có quan hệ cả người với mình, tất phải lấy trong lòng mình mà suy cho đến lòng người, cái gì, mà lòng mình đã không muốn thời chớ đem cái ấy đối đãi với người (**Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân**).

Xem như lời đức Thán giải thích chữ "thứ", tuy chưa in hẳn với chữ "nhân" nhưng cũng đã dính tận với chữ "nhân", khác nhau chỉ mảy may mà thôi. Xem như sách **Trung Dung** có câu : Trung thứ cách đạo chẳng bao xa (**Trung thứ vi đạo bất viễn** 忠恕違道不遠). Chữ "đạo" đây tức là chữ "nhân".

Đức Khổng Tử lấy chữ "thứ" dạy cho thầy Tử Cống, có ý khiến cho thầy Tử Cống nhắc lên một tý thời đến được chữ "nhân". Thầy Tử Cống nghe được lời nói ấy, tẳng hết sức lực hành lấy chữ "thứ", nên lại thưa với đức Khổng Tử rằng : Từ ngày tôi nghe được nghĩa chữ "thứ" của thầy dạy cho, nên bây giờ hễ những điều gì tôi không muốn người ta đem gác cho tôi thời tôi cũng không muốn đem đạo ấy gác cho người (**Ngã bất dục nhân chi gia chư ngã dã, ngô diệc dục vô gia chư nhân**).

我不欲人之加諸我也，吾亦欲無加諸人。

Thầy Tử Cống nói được lời ấy là dụng công làm chữ "thứ" cũng đã khá nhiều. Nhưng mà "thứ" là xấp xỉ với "nhân", các thầy ở trong Khổng môn nếu có trình độ như thầy Nhan mới chắc làm tới, chứ như thầy Tử Cống thời chưa hoàn toàn được đức nhân. Chữ "nhân" còn chưa hoàn toàn, tất nhiên chữ "thứ" cũng chưa viên mãn, nên đức Khổng lại răn cho rằng : Tứ kia ơi ! (Tứ là tên thầy Tử Cống) Trò hãy gắng thêm nữa, chứ như trò bây giờ chưa làm được như câu trò nói dâu (**Tử viết : Tứ dã, phi nhĩ sở cập dã**).

Chúng ta nhận kỹ mấy bài này thời bảo "trung, thứ" cũng tức là "nhân", chắc cũng không sai lầm gì lắm.

Nhân vì thầy Tử Cống trải mấy phen nhờ thầy dạy bảo, vừa tri vừa hành, công phu đã đến lúc thành thục, nên ngày sau, đức Khổng Tử bảo rằng :

- Tứ ơi ! Mày tưởng ta học nhiều mà ghi hết đạo lý đó

ru ? (**Tứ dã, nhữ dĩ dư vi đa học nhi chí chi giả dư** ?).

賜也，汝以予為多學而識之者與？

Thầy Tử Cống thưa rằng : Phải. Tôi vẫn nghĩ như thế, e chẳng phải đó ru ? (**Nhiên phi dư** 然非與!)

Đức Khổng Tử nói rằng : Không phải thế dâu (**Phi dã** 非也). Ta đây gốc ở một chân lý : lấy một chân lý ấy mà quán suốt hết muôn lẽ (**Dư nhất dĩ quán chi** 予一以貫之).

Lời nói ấy cũng in như lời nói với thầy Tăng. Chữ "nhất" cũng chỉ vào chữ "nhân".

Vì thầy Tử Cống dụng công ở chữ "thứ" đã nhiều lắm, đã có thể lên tới chữ "nhân", nên đức Khổng Tử cũng lấy chữ "nhất quán" dạy cho. Thầy các học trò ở trong Khổng môn chỉ duy hai thầy Tăng và Tử Cống được nghe lời "nhất quán", thế thời chữ "nhất" đó chẳng phải chữ "nhân" mà gì ?

Bởi vì chữ "nhân" ở trong Khổng học tuyệt mực rất cao, mà ở trong Khổng giáo thiệt là một tông chỉ rất thuần túy, nên Khổng Tử mới dặt chữ "nhất" mà thay chữ "nhân". Vì có chữ "nhất" đó mà quán hết cả Khổng học, nên lấy chữ ấy kiết thúc lấy chương này.

CHƯƠNG VI

CÁC BỘ PHẬN VÀ CÁC CHI TIẾT Ở TRONG CHỮ "NHÂN".

Toàn thể chữ "nhân" như đã kể trên kia, nhưng Khổng Tử đối với các môn sinh, nếu đối với người nào, người nào cũng giảng giải chữ "nhân" bằng cách cụ thể, thời những người trình độ còn thấp, học thức còn cạn, công phu tri hành chưa được bao nhiêu, thiệt chưa có thể lấy toàn thể chữ "nhân" mà nói với họ. Vậy nên ở trong bộ **Luận Ngữ**, giảng giải chữ "nhân", e có hơn nửa bộ, nhưng phần nhiều giảng giải bằng cách trừu tượng. Tuy nhiên học giả ta bây giờ tất trước phải theo ở những chỗ trừu tượng mà thể nhận cho kỹ, thu lặt hết các bộ phận chi tiết, ví như xem đủ nghìn nhánh muôn lá thời có lẽ biết được tuyền thể cả cây. Vậy nên chương này phải trích lục từng chương, từng cú nói chữ "nhân" ở trong sách **Luận Ngữ** để cống hiến cho học giả.

Thầy Trọng Cung hỏi phương pháp làm nhân. Trong ý thầy lại chú trọng làm việc nhân ở quốc gia xã hội nên đức Thánh dạy cho rằng :

Thi hành chữ "nhân" ở quốc gia xã hội là một việc rất to lớn, mày chưa có thể làm hết thảy đâu. Nhưng ta vẽ cho mày những việc trọng yếu là làm nhân bằng chữ "kính", chữ "thứ". Hễ khi nào bước ra khỏi cửa thời trong tinh thần mày thường vẫn cẩn thận, chăm chỉ như hình gặp một người tân khách lớn (**Xuất môn như kiến đại tân**); hễ có việc gì sử

dụng đến dân thời nhan sắc mày đối với dân phải trịnh trọng trang nghiêm như hình khi vào chấp sự ở đám tế lớn (**Sử dân như thừa đại tế**). Đấy là công việc về phần chữ "kính". Mà lại phải những khi ứng sự tiếp vật, đối với người xã hội vô luận hạng người nào, hễ những việc mình đã không vui muốn thời chớ đem việc ấy đối đãi với người (**Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân**). Đó là công việc thuộc về chữ "thứ". Thế là tu thân lấy một cách "kính", đãi nhân lấy một cách "thứ" thời tuy chưa hoàn toàn được đạo nhân, nhưng cũng đã có công hiệu khá lớn; khi ở nước mà người trong một nước không ai oán mình, khi ở nhà mà người trong một nhà không ai oán mình (**Tại bang vô oán, tại gia vô oán**).

Trọng Cung vấn nhân. Tử viết : Xuất môn như kiến đại tân, sử dân như thừa đại tế, kỷ sở bất dục vật thi ư nhân, tại bang vô oán, tại gia vô oán...

仲弓問仁， 子曰：出門如見大賓，使人如承大祭，己所不欲勿施於人，在邦無怨，在家無怨。

Bài dưới này chuyên chỉ vào một hạng người mới bắt đầu ra làm việc xã hội quốc gia.

Thầy Tư Mã Ngưu hỏi với ngài rằng :

Phương pháp làm nhân, nước bước thứ nhất nên thế nào ? Đức Khổng Tử nhân vì đối bệnh của thầy Tư Mã Ngưu là một người khinh dễ ở lời nói phô, thường nói nhiều mà có hơi láu táu, ngài nhân khi chữa bệnh cho thầy, nên nói rằng : Hễ người đã có nhân, tất lời nói phô của người ấy thường cẩn thận, ngẫm nghĩ mà không khinh dễ nhả lời (**Nhân giả, kỳ ngôn dã nhẫn**).

Ngài tuy nói thế mà thầy Tư Mã Ngưu có ý hoài nghi, nên lại hỏi rằng : Nghe thầy thường nói đạo nhân rất to lớn, cớ sao "Kỳ ngôn dã nhẫn" mà đã gọi bằng đức nhân. Đức nhân chỉ có thế ư ? Ngài lại phải giải thích cho nghe thêm rằng : Hễ thực hành được một việc là khó, thời bàn nói việc ấy chẳng cẩn thận mà được sao ? (**Vi chi nan, ngôn chi đắc vô nhẫn hồ ?**).

(Tư Mã Ngưu vấn nhân. Tử viết nhân giả, kỳ ngôn dã nhẫn. Viết : Kỳ ngôn dã nhẫn, tư vị chi nhân dĩ hồ ?

Tử viết : Vi chi nan, ngôn chi đắc vô nhẫn hồ ?

司馬牛問仁，　子曰：仁者，其言也訒，曰：其言者訒，斯謂之仁已乎．子曰：為之難言之得無訒乎？

Bài này là ý đức Khổng Tử cốt chữa bệnh hay nói cho thầy Tư Mã Ngưu muốn cho thầy hết sức ở nơi thực hành mà nín nhịn nơi ngôn luận.

Thầy Phàn Trì hỏi phương pháp làm nhân với đức Khổng Tử. Ngài nói rằng : Mày lo làm sao cho thương yêu được cả thảy người ấy là nhân (**Ái nhân**).

(**Phàn Trì vấn nhân. Tử viết : Ái nhân**).

樊遲問仁．子曰：愛人．

Bài này là vì thầy Phàn Trì có tính chất hơi nặng về phần tư tư tự lợi, tổng dã có lúc xin học nghề nông, nghề làm vườn là một người chú trọng về mặt công lợi, nên đức Khổng Tử sợ thầy chỉ chăm lợi kỷ mà không lo lợi nhân, nên ngài nhân dịp thầy vấn nhân mà dạy cho ái nhân. Nhưng vì thầy Phàn Trì không quên được bờ vực người với mình, có ý sợ mình yêu người mà chưa chắc người đã yêu mình. Nên ngày khác lại hỏi đức Khổng Tử : Nhân tất phải yêu người là đành rồi, nhưng có khi đối đãi với người xa lạ thời thế nào là dụng đức nhân của mình được ?

Đức Thánh biết ý nên ngài lại nói rằng :

Miễn mày cứ làm cho được nhân, còn điều đó mày chớ lo. Hễ mày đã là một người tốt, khi cư xử ngày thường vẫn có một nết cung cẩn, khi làm chức sự của mình hết lòng kính thận (**Cư xử cung, chấp sự kính**), hễ giao tiếp với người hay cộng sự với người thời cứ một mực trung thật (**Dữ nhân chung**). Nếu bản lĩnh của mày đã như thế thời chẳng những ở đất nước mình được người thương yêu, tuy có lúc đi đến đất rợ mọi (**Di địch**) cũng chẳng ai bỏ mày đâu ? Mày cứ giữ lấy bản lãnh mày cho tốt, sợ gì người không thương mày ? (**Tuy chi di địch bất khả khí dã**).

(**Phàn Trì vấn nhân. Tử viết : Cư xử cung, chấp sự kính, dữ nhân trung, tuy chi di địch bất khả khí dã**).

樊遲問仁。子曰：居處恭，執事敬，與人忠，雖之夷狄不可棄也。

Tử Trương vấn nhân ư Khổng Tử. Khổng Tử viết : Năng hành ngũ giả ư thiên hạ, vi nhân hỹ. Thỉnh vấn chi. Viết : cung, khoan, tín, mẫn, huệ. Cung tắc bất vũ, khoan tắc đắc chúng, tín tắc nhân nhiệm yên, mẫn tắc hữu công, huệ tắc túc dĩ sử nhân...

子張問仁於孔子。孔子曰：能行者五於天下，為仁矣。請問之曰：恭，寬，信，敏，惠，恭則不侮，寬則得眾，信則人任焉，敏則有功，惠則足以使人。

Thầy Tử Trương cũng là người cao đệ ở trong Khổng môn, thầy rất có chí ở mặt chính trị, đã tầng nhiều phen hỏi với đức Khổng Tử về việc chính trị. Bây giờ lại hỏi với đức Khổng Tử có thể đem chữ "nhân" làm ở trên đường chính trị mà không tổn hại gì tới đức "nhân" không ? Là trong ý thầy Tử Trương nghi chính trị không làm được "nhân". Nên đức Khổng Tử phát minh rằng :

Có quyền chính trị càng dễ làm "nhân" lắm. Nếu ta xử việc thiên hạ mà hay làm được năm điều này thời là làm "nhân" chắc hẳn rồi.

Thầy Tử Trương lại hỏi 5 điều là những điều gì ? Đức Thánh nói :

1)- Cung là kính cẩn mà có ý nghiêm trang - 2)- Khoan nghĩa là độ lượng rộng lớn mà làm việc bằng một cách khoan thai nhẹ nhàng - 3)- Tín là lấy tấm lòng thiết thà mà phát hiệu thi lệnh cho chắc chắn - 4)- Mẫn là tự giữ mình siêng năng cần mẫn mà dụng lấy việc gì thời làm cho lanh chóng mau xong - 5)- Huệ là suy tấm lòng nhân ái mà ở với nhân dân phải nặng về mặt ân huệ. Làm dủ được năm điều ấy, đem ra xử việc thiên hạ thời có tổn hại gì đến "nhân" đâu ? Chẳng những không tổn hại đến "nhân" mà lại công hiệu to lắm. Bởi vì mình có đức Cung thời người không khinh lờn mình (**Cung tắc bất vũ**); mình có đức Khoan thời được lòng đa số dân tin phục (**Khoan tắc đắc chúng**); mình có đức Tín

thời những người cộng sự với mình ai thảy cũng vui lòng làm việc cho mình (**Tín tắc nhân nhiệm yên**); mình có đức Mẫn thời làm những gì cũng thành hiệu (**Mẫn tắc hữu công**); mình có đức Huệ thời người cảm ơn mình mà mình dễ sử dụng người (**Huệ tắc túc dĩ sử nhân**).

Bàn đến "Nhân" ở bài này là ý đức Khổng Tử theo thầy Tử Trương mà đặt chữ "nhân" ở trên đường chính trị.

Thầy Tử Cống hỏi phương pháp làm việc "nhân", có thể chú ý vào sức mình mà thôi được không ? Là trong ý thầy Tử Cống có nghĩ sẵn rằng : Làm việc "nhân" mà tự ý mình làm lấy thời sợ có những cái khuyết điểm mà mình không chữa lấy được thời tính sao ? Nên đức Khổng Tử dạy cho rằng : Vi "nhân" vẫn chỉ cội gốc ở giữa mình, nhưng công việc làm "nhân" là to rộng lắm, há phải tự đắc một mình mà trọn vẹn được "nhân" đâu ? Ta nói thí dụ mày nghe : Hễ người làm thợ, muốn cho tốt đẹp cái việc của mình, tất trước phải trau chuốt cái đồ làm của mình cho được sắc nhọn (**Công dục thiện kỳ sự, tất tiên lợi kỳ khí**). Khí là các đồ dùng của nhà thợ. Học giả làm việc "nhân" cũng cần có đồ dùng. Đồ dùng đó là gì ? Là người thấy người bạn của mình. Nên người ta ở mộ nước nào, thấy ở trong dám đại phu nước ấy có bậc hiền giả thời ta kính trọng lấy làm thầy; hễ thấy trong dám sĩ ở trong nước ấy mà có bậc nhân giả thời ta thân giao lấy làm bạn. Thầy được thầy hiền, bạn được bạn nhân thời bổ ích cho việc làm "nhân" của ta đã nhiều lắm, còn sợ gì việc làm "nhân" chẳng xong ? (**Sự kỳ đại phu chi hiền giả, hữu kỳ sĩ chi nhân giả**).

(**Tử Cống vấn vi nhân. Tử viết : Công dục thiện kỳ sự, tất tiên lợi kỳ khí, cư thị bang dã, sự kỳ đại phu chi hiền giả, hữu kỳ sĩ chi nhân giả**...)

子貢問為仁．子曰：工欲善其事，必先利其器，居是邦也，事其大夫之賢者，友其士之人者．

Chữ "sĩ" ở bài trên này, nếu muốn giải thích cho rõ thời xin xem hai bài sau này :

Tử Cống vấn viết : Hà như tư khả vị chi sĩ hỹ ? Tử viết : Hành kỷ hữu si, sử ư tứ phương bất nhục quân

mệnh, khả vị sĩ hỹ. Viết : Cảm vấn kỳ thứ ? Viết : tông tộc xưng hiếu yên, hương đảng xưng đễ yên. Viết : Cảm vấn kỳ thứ ? Viết : Ngôn tất tín, hành tất quả, kinh kinh nhiên tiểu nhân tai, ức diệc khả dĩ vi thứ hỹ. Viết : Kim chi tùng chính giả hà như ? Tử viết : Y ! Đẩu sao chi nhân, hà túc toán giả.

子貢問曰：何如斯可謂之士矣· 子曰：行己有恥，使於四方不辱君命，可謂士矣· 曰：敢問其次· 曰：宗族稱孝焉，鄉黨稱弟焉· 曰：敢問其次· 曰：言必信，行必果，硜硜然小人哉，抑亦可以爲次矣· 曰：今之從政者何如？ 子曰：噫！斗筲之人，何足算也·

Ở trong Khổng học mà gọi cho xứng đáng chữ "sĩ", thiệt khó lắm. Nên đức Khổng Tử nhân lúc thầy Tử Cống hỏi người như thế nào gọi bằng "sĩ" mới xứng đáng được ? Đức Thánh trông mong cho thầy Tử Cống làm cho đáng mực chữ "sĩ", nên ngài nói rằng : Hễ những người nào đã đứng vào địa vị kẻ sĩ, tất phải làm việc gì, ở trong mình hỏi với thần lương tâm, so đọ với thánh hiền xưa mà biết mình còn có việc đáng xấu thẹn (**Hành kỷ hữu sĩ**), như thế là đầy đủ cái tinh thần tự cường tự lập rồi. Tuy nhiên, làm một người sĩ, há phải chỉ ngồi trong nhà mà làm xong ru ? Tất phải đi ra gánh việc đời. Nếu đến khi đi ra làm việc nước mà gánh lấy công việc ngoại giao, vâng mệnh lệnh của quốc trưởng ra đi sứ ở các nước bốn phương, lời lẽ được vững vàng, khiến cho chủ quyền mình được tôn trọng, chức việc sứ thần mình được hoàn toàn, không làm nhục đến mệnh lệnh của quốc trưởng (**Sứ ư tứ phương bất nhục quân mệnh**). Như thế thời cái tài ra làm việc đời cũng chẳng phải vừa dâu. Đức với tài đều giỏi, nói với làm đều hay, có như thế mới gọi được "sĩ" (**Khả vị sĩ hỹ**).

Thầy Tử Cống nghe lời nói đức Khổng Tử, sợ mình không làm được như thế, nên lại hỏi ngài :

"Sĩ" mà như lời thầy nói, e quá cao, xin thầy bày cho hạng người thứ hai (**Cảm vấn kỳ thứ** ?) họa may trò làm được chăng ?

Đức Thánh lại nói : Vẫn như lời trước kia ta nói mới xứng đáng một người sĩ. Nhưng nếu có người chỉ là một bậc thiện nhân ở trong làng họ, hết được nghĩa vụ ở với giòng họ mình, mà người trong giòng họ ai cũng khen ngợi mình là hiếu (**Tông tộc xưng hiếu yển**) hết được nghĩa vụ đối với làng xóm, mà người trong làng xóm ai cũng khen mình là để (**Hương đảng xưng dễ yển**). Người có đức hạnh như thế, tuy chưa ảnh hưởng gì to lớn đến quốc gia xã hội, nhưng cũng vào bậc thứ hai trong đám sĩ đó.

Đức Thánh nói đến đó, thầy Tử Cống còn có ý hoài nghi, bởi vì làm sĩ trong đời bây giờ, phần nhiều không được như thế, há có lẽ người một đời mà không phải là sĩ hay sao ? Nên lại hỏi thầy xuống một bậc nữa (**Cảm vấn kỳ thứ**).

Đức Thánh lại dạy cho rằng hai bậc người như trên kia là đúng sĩ rồi, trụt xuống một bậc nữa thật khó nói quá, nhưng mày đã muốn thiêm thù thời cũng nói cho :

Nếu như có một hạng người này, tài vẫn không có gì, học vấn cũng không hay gì, nhưng vì người ấy có tính chất không làm việc ác, hễ nói một lời gì ắt hẳn là tin thật, hễ làm việc gì ắt hẳn là quả quyết, xủng xủng xẳng xẳng vậy, chỉ vừa người hẹp mọn là xong (**Ngôn tất tín, hành tất quả, kinh kinh nhiên tiểu nhân tai**). Người ấy tuy không gọi bằng sĩ được, nhưng thôi thời cũng cho là thứ với bậc người thứ hai, e cũng có thể được (**Ức diệc khả dĩ vi thứ hỹ**).

Vì chữ "sĩ" đức Khổng Tử nói đó là trình độ rất cao, nhân cách rất tốt, nên ở trong đám sĩ đó mới chắc có người nhân. Vì vậy mà thầy Tử Cống nghe được ba chữ "sĩ chi nhân" mà lại nói cặp với "đại phu chi hiền", thầy nghĩ rằng chữ "hiền" đặt vào cho "đại phu", chữ "nhân" đặt vào cho "sĩ", tất nhiên sĩ có làm sao hơn đại phu chăng ? Đó là thầy Tử Cống chưa hiểu được ý lời đức Thánh : Hễ đại phu là so đọ bằng quan chức; ở trong đám quan chức họa người hiền giả là may chứ nhân giả tất cầu ở trong đám sĩ. Trong đám sĩ mà có hạng người như đức Thánh đã nói trên kia (**Hành kỷ hữu sĩ tứ ư tứ phương bất nhục quân mệnh**) mới chắc là nhân giả. Đã sĩ mà là nhân giả mới đáng làm bạn để giúp cho mình làm nhân.

Thiệt may nhờ thầy Tử Cống hay hỏi mà chúng ta mới biết được đạo lý ấy.

Bây giờ lại xin xem về mặt phản diện, mới biết thầy Tử Cống nghi cả câu "Đại phu chi hiền". Thầy lại hỏi tiếp theo bài trên mà nói rằng : Thế thời các cụ tòng chinh ở đời nay như thế nào ? Biết có dây dướng gì đến sĩ không ? (**Kim chi tòng chính giả hà như** ?) "Tòng chinh giả" tức các quan đại phu.

Đức Thánh nói rằng : Than ôi ! Kìa những bọn khí lượng tần mần, tài cán liu tiu, chỉ là một đấu, một sao mà thôi, dư công đâu mà tính toán đến họ ? (**Đẩu sao chi nhân, hà túc toán dã**). Đẩu sao là tên đồ để đong lường : mười thăng là một đấu, một đấu hai thăng là một sao.

Bài này là chỉ theo ý kiến thầy Tử Cống mà chỉ tỏ cho một phương diện làm nhân.

Lại xem như hai bài dưới này thời giá trị của một người "sĩ", chúng ta càng nên trân trọng lắm :

Tử Lộ vấn viết : Sĩ hà như tư khả vị chi sĩ hỹ ? Tử viết : Thiết thiết, tư tư, đi đi như dã, khả vị sĩ hỹ. Bằng hữu thiết thiết tư tư; huynh đệ đi đi.

子路問曰：士何如斯可謂之之士矣？子曰：切切，偲偲，怡怡如也，可謂士矣。朋友切切，偲偲；兄弟怡怡。

Thầy Tử Lộ cũng là một người học trò giỏi ở trong Khổng môn, nhưng thầy có mắc một tệ bệnh là hiếu dũng, thường mắc cái tội lỗi táo bạo nóng nảy, ở với anh em bầu bạn thường thiếu kém tính chất chữ "nhân". Đức Khổng Tử muốn chữa cái bệnh ấy cho thầy, nhân khi thầy hỏi, ngài mới nói rằng :

Hễ người ta ở với bầu bạn anh em, phải đối dãi bằng một cách vừa đúng với đức nhân, mà lại theo từ địa vị của người mà lựa cho hợp với tình lý. Ví như đối dãi với bầu bạn, gặp điều gì hay thời hết sức tán thành, gặp điều gì dở thời lựa lời răn can, biểu hiện ra cái tinh thần chân thực như hình có một cách thiết thiết tư tư đó vậy; đối dãi với anh em

trong nhà mình thời lời lẽ ôn tồn, nhan sắc vui vẻ, lấy một cách êm dềm dằm thắm mà chung cay xẻ ngọt với nhau, tỏ rõ ra các tinh thần dí dỉ đó vậy (**Bằng hữu thiết thiết tư tư, huynh đệ di di**). Thiết thiết tư tư là tỏ ý thật thà chân thật; di di là tỏ ý vui vẻ hòa nhã. Nhưng mà ở trên hai câu ấy lại trùm lấy câu "thiết thiết tư tư di di như dã" là ý thầy nói rằng cái tinh thần nhân ái bằng một cách thiết thiết, tư tư, di di, là đối với loài người đều nên như thế; duy đối với bằng hữu huynh đệ thời lại cần hơn. Sĩ mà được như thế là đáng gọi bằng sĩ rồi đó.

Chúng ta ngẫm nghĩ ở trong chữ "Thiết thiết tư tư di di" thời cái tinh thần của chữ "nhân" vẫn đã biểu hiện ra ở ngoài, duy có đức "nhân" mới đáng gọi bằng "sĩ".

Lấy hai bài trên ấy mà chú thích ba chữ "Sĩ chi nhân" thiệt là đúng lắm.

CHƯƠNG VII

PHẢN DIỆN VỚI PHỤ DIỆN CHỮ "NHÂN" Ở TRONG KHỔNG HỌC

Hễ phàm bàn một đạo lý gì, dầu lý luận với sự thực, nếu chỉ xem về một phái chính diện, tất nhiên không được phát huy rõ ràng, mà huống gì chữ "nhân" ở trong Khổng học, đạo lý rất rộng, vấn đề rất nhiều, nếu chỉ xem một phía ở chính diện mà thôi thời làm sao thể nhận được thấu triệt ? Nên mấy chương ở dưới này, phải nghiên cứu đến mặt phản diện của chữ "nhân".

Mặt phản diện của chữ "nhân" là gì ? Tức là "bất nhân" với "giả nhân".

Tử viết : Xảo ngôn lệnh sắc tiễn hỹ nhân.

子曰：巧言令色鮮矣仁。

Nhân là cái đức ở trong lòng mình mà ra, chớ không phải nói phô dung dáng mà làm được nhân. Nhưng mà hữu chư trung tất hình chư ngoại, vậy nên người có đức nhân ở trong lòng, tất nhiên nói phô thường ngay thật mà không vẽ vời, dúng dáng bề ngoài thường tự nhiên mà không cần trau chuốt, nên đức Khổng Tử đã có câu nói rằng : **Cương nghị mộc nột cận nhân** (子曰:剛毅木訥近仁), nghĩa là, những người nào tính cất cứng bền không uốn nắn làm ra mềm, nói phô mộc mạc, xem như hình người dốt, người ấy tuy chưa thiệt là nhan, mà cũng có thể dắt cho đến nhân, là vì

bản chất của người ấy đã gần được nhân rồi đó. Trái lại, những hạng người nào trau tria ở lời nói, nghe ra một cách dễ ưa, lòe loẹt ở phía ngoài, xét ra chỉ một cách làm tốt, cốt trang sức ở ngoài vỏ để che bịt cái xấu ở bể trong (**Xảo ngôn lệnh sắc**), chắc tâm thân người ấy có gì là tâm thân đâu (**Tiễn hỹ nhân**). Thánh nhân vẫn ghét hạng người bất nhân, nhưng không nỡ nói quá nặng lời, nên nói bằng chữ "tiễn" (tiễn nghĩa là ít).

Tử viết : nhân nhi bất nhân, như lễ hà ? Nhân nhi bất nhân, như nhạc hà ?

子曰：人而不仁，如禮何？人而不仁，如樂何？

Bài này là theo về mặt phản diện mà bàn đến công dụng chữ "nhân". Ngài nói rằng :

Người đã bất nhân thời có làm lễ mà làm sao nên lễ ? Người đã bất nhân thời dẫu có làm nhạc mà làm sao nên nhạc ?

Chữ "lễ", chữ "nhạc" ở đây, không phải như lễ nhạc quen nói ở dẫu miệng ta đâu. Theo ở nơi lẽ trời mà bổ thêm vào tiết văn trật tự gọi là lễ; gốc ở đạo người mà biểu hiện ra ở nơi tiết tấu thanh âm thời gọi bằng nhạc. Vậy nên làm lễ làm nhạc, tất phải gốc ở lòng nhân mà tỏ rõ ra, vậy sau lễ mới nên lễ, nhạc mới nên nhạc. Nên đức Khổng Tử có bài nói rằng : Ví dẫu người ta đã bất nhân thời lẽ trời đã mất hẳn, mà đạo người cũng chẳng có gì; nhưng cái lễ nhạc mà nó làm ra đó, chỉ thấy là ngọc lụa chuông trống mà thôi, có gì là lễ nhạc thiệt dâu ? Nên Khổng Tử đã có câu nói rằng : "**Lễ vân lễ vân, ngọc bạch vân hồ tai; nhạc vân nhạc vân, chung cổ vân hồ tai**...

禮云禮云，玉白云乎哉！樂云樂云，鐘鼓云乎哉！

Nghĩa là, gọi bằng lễ đó, há phải thấy ngọc lụa mà gọi bằng lễ dâu, gọi bằng nhạc đó há phải nghe chuông trống mà gọi bằng nhạc dâu !

Học giả xem hai bài này thời biết công dụng của chữ "nhân" có thể suy rộng đến chữ "nhạc"; mà nền tảng của lễ nhạc, tất phải đắp dựng ở trên đức nhân. Người đã bất nhân, còn làm gì nên lễ nhạc ? Trông thấy lễ nó càng thêm ghét

vì hư văn; nghe thấy nhạc nó càng thêm chán vì dâm thanh. Cái tệ bệnh vì bất nhân mà đến như thế.

Bài này là đức Khổng Tử nhân vì buổi ấy ở nước Lỗ, ba nhà (Mạnh Tôn, Thúc Tôn, Quý Tôn) chuyên lấy chính quyền, rặt là những lũ bất nhân nó lại tiếm dụng lễ nhạc nhà Chu, nên ngài mới nói ra bài này, chứ thâm ý của ngài không cần gì công kích ở nơi lễ nhạc, mà cốt công kích ở nơi bất nhân, học giả nên biết ý ấy.

Tử viết : Bất nhân giả, bất khả dĩ cửu xử ước, bất khả dĩ trường xử lạc; nhân giả an nhân, trí giả lợi nhân.

子曰：不仁者，不可以久處約，不可以長處樂；仁者安仁，智者利仁。

Ý tứ bài này dạy cho người ta rất thâm thiết, nhưng mà phải trái hai đường, tốt xấu hai mặt, chỉ khác nhau ở nơi nhân với bất nhân. Ngài nói rằng :

Nguyên tâm lý của người ta, khi bát đầu mới sinh ra làm người thời cái lòng lành trời phú cho, ai cũng như ai. Đức nhân vẫn là lòng sẵn của người ta, duy có một hạng người say mê vì vật dục, un nhúm vì những tập quán xưa, đến nỗi lương tâm mất hẳn, nhận giặc làm cha, mới thành ra hạng người bất nhân. Những hạng người ấy dã không năng lực chống chỏi với hoàn cảnh, lại thường vì hoàn cảnh mà xô đổ được mình, dụng khi ở vào hoàn cảnh xấu thời việc xấu gì nó cũng làm ngay, nên không có thể để nó lâu ngày ở cảnh cùng khốn (**Bất khả dĩ cửu xử ước**). Ước, nghĩa là cùng khốn. Vì sao mà nó không ở được cảnh cùng khốn ? Vì gặp cùng khốn thời càng bất nhân thêm. Đụng ở vào hoàn cảnh sung sướng thời những nết gì tốt của nó, nó kiêu ngạo mà không giữ được, nên không thể cho nó lâu ngày ở vào cảnh sung sướng (**Bất khả dĩ trường xử lạc**). Lạc, nghĩa là vui sướng. Vì sao mà nó không ở được cảnh

vui sướng ? Vì nó bất nhân mà ở vào cảnh vui sướng thời càng dễ làm những việc bất nhân thêm. Ở cảnh cùng thời biến tiết đổi lòng; ở cảnh vui thời kiêu xa dâm dật, tội tình thay những bọn bất nhân ! Thiệt không hoàn cảnh nào mà nó tốt được. Nên ngài nói rằng :

Hoàn cảnh người ta ở đời, vẫn có khi cùng, có khi thông, có khi khổ, có khi sướng, nhưng tâm lý của một hạng người tốt thời xô đổ được hoàn cảnh, không bao giờ hoàn cảnh xô đổ được mình. Hạng người ấy là ai ? Là "nhân giả" với "trí giả". Những người có cái lòng vô tư, có cái đức rất thịnh, thiệt rất đáng là một con người gọi bằng "nhân giả", người ấy yên thích ở trên nền nhân, dầu hoàn cảnh đổi thay ra thế nào mà người ấy chẳng bao giờ lay chuyển chỉ y nhiên một khối nhân mà thôi, gọi bằng "an nhân" (**Nhân giả an nhân**).

Lại có một hạng người nữa mà gọi bằng "trí giả", theo về phần tâm lý, tuy chẳng khác gì "nhân giả", chỉ duy về phần học thức thời có lẽ cân ngang với "nhân giả", nhưng cũng biết nhân là đạo lý rất hay, thú vị rất thích, lấy công việc làm nhân là sự rất thuận tiện, gọi bằng "trí giả lợi nhân". Người ấy ở đời dù có gặp hoàn cảnh đến thế nào cũng không bao giờ chịu bỏ chữ "nhân" vì xem những công việc làm nhân đó chỉ là một lối đường có lợi mà không hại, nên cứ thẳng bước đi hoài, không bao giờ thay đổi, ấy là "lợi nhân" (**Trí giả lợi nhân**).

Tử viết : Ngã vị kiến háo nhân giả, ố bất nhân giả, háo nhân giả, vô dĩ thượng chi; ố bất nhân giả, kỳ vi nhân hỹ; bất sử bất nhân giả gia hồ kỳ thân.

子曰：我未見好仁者，惡不仁者，好仁者，無以尚之；惡不仁者，其為仁矣．不使不仁者，加乎其身．

Đạo lý trong thiên hạ chỉ có hai mặt : "Nhân" và "Bất nhân" (**Đạo nhị, nhân dữ bất nhân nhi dĩ hỹ** 道二，仁與不仁而已矣). Câu này là lời thầy Mạnh Tử), nên chỉ hướng

người ta cần phải kén chọn trong hai ngã ấy. Biết ham lấy nhân, tất nhiên ghét điều bất nhân. Biết ghét điều bất nhân tất ham điều nhân.

Đức Khổng Tử muốn cho ta ham điều nhân, ghét điều bất nhân. Nhưng khốn vì người ta tranh đua với vật chất, say mê với tập tục; hạng người như trên kia nói, thiệt là hiếm hoi, nên đức Khổng Tử đau đớn cho đời mà than rằng :

"Ta chưa thấy dạng người nào thiệt ham điều nhân với người nào thiệt ghét điều bất nhân" (**Ngã vị kiến háo nhân giả, ố bất nhân giả**).

Như thế nào mới là người "háo nhân" ? Hễ người nào đã vui ham điều nhân (**Háo nhân**) thời bao nhiêu tinh thần chí khí mình tất thảy đổ vào ở điều nhân mà xem những đồ ngon vật thích ở trong thiên hạ, không gì hơn được nhân nữa (**Vô dĩ thượng chi**)

Như thế nào mới gọi là người "ố bất nhân" ? Hễ đã ghét bỏ những điều bất nhân, tất nhiên sẵn lòng bắt tay làm việc nhân, mà khi đã làm việc nhân đó, quyết không cho những điều bất nhân gác lên ở thân mình (**Ố bất nhân giả, kỳ vi nhân hỹ, bất sử bất nhân giả gia hồ kỳ thân**).

"Háo nhân" và "ố bất nhân", cách thức như có khác nhau, mà sự thực thời chỉ in như một người. Hễ đã biết ố bất nhân mà ố bất nhan mãi mãi, tất là biết háo nhân; nếu được như thế, có khó gì làm nhân đâu ? Nhưng Khổng Tử lấy làm thương tiếc cho người ta vì vật chất đánh đổ mất tinh thần, tập tục bó buộc lấy chí khí chẳng ai chịu dồ sức vào việc làm nhân. Nên ngài lại than rằng :

Hữu năng nhất nhật dụng kỳ lực ư nhân hỹ hồ ? Ngã vị kiến lực bất túc giả.

有能一日用其力於仁矣乎？我未見力不足者

Ý ngài nói rằng ở trong anh em ta, có ai hay dùng hết sức vào việc nhân chưa ? Chưa trách gì lâu dài, chỉ một ngày

dụng lực với việc nhân, chắc sức làm nhân cũng đầy đủ; ta chưa thấy ai muốn làm nhân mà sức không đầy đủ bao giờ (**Ngã vị kiến lực bất túc giả**). Tuy nhiên ngài rất trông mong với học giả ở việc "vi nhân", nên ngài không nỡ tuyệt đường hy vọng. Ngài lại nói thêm rằng :

Cái hữu chi hỹ, ngã vị kiến dã.

蓋有之矣，我未見也·

Chắc có lẽ trong anh em ta đã có người hết sức làm nhân rồi đó, nhưng mà ta tình cờ chưa thấy được chứ ! (chữ "cái" nghĩa là nói phỏng chừng).

Hoặc viết : Ung dã nhân nhi bất nịnh. Tử viết : Yên dụng nịnh ? Ngự nhân dĩ khẩu cấp, lũ tăng ư nhân, bất tri kỳ nhân, yên dụng nịnh ?

或曰：雍也仁而不佞·子曰：焉用佞·禦人以口給，屢憎於人，不知其仁，焉用佞·

Chữ "nhân" trọng về mặt đức; nếu chỉ có tài mà thôi thời không bảo rằng nhân được. Xin xem luôn mấy bài sau này thời hiểu :

Thầy Trọng Cung (tức là Ung) có tính chất khoan hồng trọng hậu, nên người ở trong dời thường khen thầy là bậc nhân giả. Vậy có kẻ nói với đức Khổng Tử rằng : như thầy Ung kia vẫn có đức nhân mà tiếc cho không tài nịnh. Đức Thánh nói rằng : Nịnh mà làm gì ? Chỉ đem lỗ miệng lanh liến mà đối dãi với người, khiến cho người thêm ghét. (**Ngự nhân dĩ khẩu cấp, lũ tăng ư nhân**), thời nịnh mà làm gì ? (**Yên dụng nịnh**) ? Nhưng mà bảo Ung là nhân thời không lấy gì làm chắc. (**Bất tri kỳ nhân**).

Mạnh Vũ Bá vấn : Tử Lộ nhân hồ ? Tử viết : Bất tri dã. Hựu vấn, Tử viết : Do dã thiên thặng chi quốc khả sử trị kỳ phú dã, bất tri kỳ nhân dã)

孟武伯問：子路仁乎？子曰：不知也·又

問．子曰：由也，千乘之國，可使治其賦也．不知其仁也．

Vì bài trên kia, một người hiền như thầy Trọng Cung mà đức Thánh không hứa cho là nhân, nên lúc đó ông Mạnh Vũ Bá lầm đức Thánh, tưởng là người nào có tài chính trị thời gọi bằng nhân được, nên hỏi với đức Thánh rằng : Có tài như Tử Lộ, có phải là người nhân hay không ? Đức Thánh nói rằng không chắc đã được là nhân. Mạnh Vũ Bá lại hỏi lần nữa, đức Thánh nói rằng :

Anh Do kia vậy, nếu khiến anh coi việc binh ở trong một nước chư hầu, tất giỏi, chứ bảo anh ấy là người nhân thời ta không lấy gì làm chắc **Bất tri kỳ nhân dã**).

Cầu dã hà như ? Tử viết : Cầu dã, thiên thất chi ấp, bách thặng chi gia, khả sử vi chi tể dã, bất tri kỳ nhân dã.

求也何如？子曰：求也，千家之邑，百乘之家，可使為之宰也，不知其仁也．

Thầy Nhiệm Cầu cũng người có tài nên Mạnh Vũ Bá lại hỏi với đức Khổng Tử rằng : như Cầu kia có gọi bằng nhân không ?

Đức Thánh nói rằng : Anh Cầu kia nếu có ấp độ chừng ngàn nhà, có nhà quan đủ trăm cỗ xe, khiến cho Cầu làm quan Tể coi việc tài chính thời Cầu vẫn làm giỏi, chứ như bảo Cầu là người nhân thời chẳng lấy gì làm chắc (**Bất tri kỳ nhân dã**).

Xích dã hà như ? Tử viết : Xích dã, thúc dái lập ư triều, khả sử dữ tân khách ngôn dã, bất tri kỳ nhân dã.

赤也何如？子曰：赤也，束帶立於朝，可使與賓客言也，不知其仁也．

Thầy Mạnh Vũ Bá lại hỏi đến Công Tây Xích, vì thầy Xích cũng là người có tài, nhưng đức Thánh nói rằng : Anh

Xích kia vậy, thắt đai đội mũ đứng giữa triều đình, khiến nó ứng đối với tân khách thời vẫn một người có tài dùng vào việc lễ nhạc đó vậy. Nhưng bảo anh là người nhân thời chẳng lấy gì làm chắc (**Bất tri kỳ nhân dã**).

Tử Trương vấn viết : Lịnh doãn Tử Văn, tam sĩ vi Lịnh doãn, vô hỉ sắc, tam dĩ chi, vô uẩn sắc, cựu Lịnh doãn chi chính, tất dĩ cáo tân Lịnh doãn, hà như ? Tử viết : Trung hỹ. Viết : Nhân hỹ hồ ? Viết : Vị tri yên đắc nhân.

Thôi Tử thí Tề quân, Trần Văn Tử hữu mã thập thặng, khí nhi vi chi chí ư tha bang, tắc viết : Do ngô đại phu Thôi Tử dã, vi chi, chi nhất bang, tắc hụu viết : Do ngô đại phu Thôi Tử dã, vi chi, hà như ? Tử viết : Thanh hỹ. Viết : nhân hỹ hồ ? Viết : vị tri yên dắc nhân.

子張問曰：令尹子文，三士為令尹，無喜色，三已之，無慍色，舊令尹之政，必以告新令尹，何如？子曰：忠矣。曰：仁矣乎？曰：未知焉得仁。

崔子弑齊君，陳文子有馬十乘，棄而違之，至於他邦，則曰：猶吾大夫崔子也，違之；之一邦，則又曰：猶吾大夫崔子也，違之，何如？子曰：清矣。曰：仁矣乎？曰：未知焉得仁。

Thầy Tử Trương vẫn cũng học trò cao ở trong Khổng môn, nhưng mà công phu học vấn về chữ "nhân" còn thua thầy Nhan, thầy Tăng lắm. Bạn học với thầy là thầy Tử Du đã có câu phàn nàn cho thầy ấy rằng : Bạn ta như anh Trương vẫn là một người mà người ta khó được đó, nhưng mà tiếc cho anh chưa nên được người nhân. (**Ngô hữu Trương dã vị nan năng dã, nhiên nhi vi nhân**).

Thầy Tăng cũng đã có lời trách thầy Tử Trương rằng : Đường đường vậy anh Trương ơi ! Khó cùng anh đắt nhau

làm nhân đó rồi (**Đường đường hồ Trương dã, nan dữ tịnh vi nhân hỹ** 堂堂乎張也，難與并為仁矣)

Xem như thầy Tử Du, thầy Tăng Tử thời thầy Tử Trương vẫn là một người hiếu danh, vụ ngoại, có ý trau chuộng về mặt ngoài mà làm nhân bằng cách lòe đời mua tiếng, vẫn nhận lầm chữ "nhân" của đức Khổng Tử, nên có hỏi với ngài rằng :

Xem như Lịnh doãn Tử Văn, ba lần làm quan Lịnh doãn (quan Thủ tướng một nước) mà không thấy sắc mặt tỏ ra mừng, ba lần bị thội chức Lịnh doãn mà không thấy sắc mặt tỏ ra buồn giận; những việc chính của quan Lịnh doãn cũ mà mình đã làm, tất cáo với quan Lịnh doãn mới là người thay mình. Người được như thế thời dường nào ?

Đức Thánh nói rằng : Người ấy có đức trung rồi đó (**Trung hỹ**). Trung, nghĩa là thành tâm với việc nước.

Thầy Tử Trương lại hỏi rằng : E đã nhân rồi đó mà !

Đức Thánh nói : Chưa biết lấy gì mà chắc rằng được nhân (**Vị tri yên đắc nhân**).

Thầy Tử Trương lại hỏi rằng : Thế thời như Trần Văn Tử làm quan nước Tề, dụng lấy hồi Thôi Tử giết vua nước Tề, Văn Tử có ngựa đủ chở 10 cỗ xe, thế mà bỏ quách tránh xa ngay đi; đến nước khác, thấy trong nước đó không ra gì thời nói rằng : In như đại phu nước mình là Thôi Tử vậy ! Tránh xa ngay. Lại đi ngay đến một nước khác, nhưng thấy nước ấy cũng không ra gì thời lại nói rằng : Nước này cũng in như đại phu nước ta là Thôi Tử vậy ! Tránh xa ngay. Người có việc như thế thời dường nào ? Đức Thánh nói rằng : Người ấy có đức thanh rồi đó (**Thanh hỹ hồ**). Thanh, nghĩa là trong sạch cao thượng.

Thầy Tử Trương lại hỏi rằng : E đã được nhân rồi đó mà ! (**Nhân hỹ hồ**). Đức Thánh nói rằng : Chưa biết lấy gì mà chắc rằng được nhân (**Vị tri yên đắc nhân**).

Chữ "tri", chữ "yên" nên nhận kỹ : "tri", là xem xét đến trong lòng mà quyết định được; chữ "yên", nghĩa là chưa lấy gì làm bằng cứ.

Học giả xin nhận suốt cả 6 bài trên ấy : Đức thời như Trọng Cung; tài như Do, Cầu, Xích; trung với nước như Lịnh doãn Tử Văn; trong sạch mình như Trần Văn Tử, mà hỏi đến nhân hay không, thời đức Thánh trả lời bằng hai chữ "bất tri" và hai chữ "yên dám". Thế mới biết chữ "nhân" ở trong Khổng học khó biết đường nào !

Bởi vì chữ "nhân" là bao quát hết đạo lý làm người, mà công việc làm nhân lại gốc ở trong tâm thuật; nếu tâm thuật còn có một ly một hào tự tư tự lợi thời dẫu làm việc ở ngoài có tốt đến bao nhiêu cũng chưa xứng đáng chữ "nhân" được. Vậy nên sáu người như trên kia, vẫn người nào cũng có một việc tốt, một nết hay, nhưng đức Thánh không hứa cho chữ "nhân". Tuy nhiên Thánh nhân vẫn không khinh hứa chữ "nhân", mà cũng không bao giờ không muốn người ta học làm nhân, nên thường có nhiều bài ngài bàn chữ "nhân" ngõ cũng bình thường dễ lắm. Ngài có nói rằng :

Nhân chi quá dã, các ư kỳ đảng, quan kỳ quá tư tri nhân hỹ.

人之過也，各於其黨，觀其過，斯知仁矣。

Người ta làm việc gì có thái quá, tựu trung có người quá ư bạc, tất thảy là theo ở loài thiện ác mà ra; nếu người ấy mà là loài thiện thời những người quá về mặt trung hậu; nên quân tử xem người, thấy người quá ư phần hậu thời cũng có thể biết được tấm lòng người ấy là gốc có nhân đó rồi.

Ngài lại có câu nói rằng :

Lý nhân vi mỹ, trạch bất xử nhân, yên đắc trí.

里仁為美，擇不處仁，焉得知！

Trong một xóm ở mà có cái phong tục nhân hậu, ấy là tốt đẹp rồi; người ta chọn chỗ ở mà không biết ở vào

xóm có nhân thời còn lấy gì làm khôn được ? (**Trạch bất xử nhân, yên đắc trí** ?).

Ngài lại có câu nói rằng : **Duy nhân giả, năng hiếu nhân, năng ố nhân.**

惟仁者，能好人，能惡人。

Nghĩa là, người ta ở trong xã hội, tất có người mà mình ưa ham, có người mà mình hiềm ghét, nhưng người mà mình ưa ham đó, tất phải là người lành, người mà mình hiềm ghét đó, tất phải là người dữ. Cái ham, cái ghét đó, chỉ vì phía người kia tự thủ lấy, mà mình không dặt một tý ý riêng vào : nên hiếu mà hiếu, nên ố mà ố, chỉ thuận theo lẽ trời, có thế mới là năng hiếu nhân, năng ố nhân. Tất duy một hạng người thiệt là người có đức nhân mới hay được như thế.

Ngài lại có bài nói rằng :

Quân tử dốc ư thân, tắc dân hưng ư nhân.

君子篤於親，則民興於仁。

Nghĩa là, người quân tử đối với cha mẹ mình, hết lòng hiếu thuận, đối với anh em giòng họ mình hết lòng thân ái thời nhân dân cảm hóa lấy đức quân tử, mà ai nấy cũng hăng hái ở việc làm nhân.

Ngài lại có câu nói rằng :

Hiếu nhân bất hiếu học kỳ tế dã ngu.

好仁，不好學，其蔽也愚。

Những người ham ưa đức nhân mà không biết ham học, tất nhiên mắc cái tệ lầm lạc bằng một cách ngu mà kết quả che bịt mất đức nhân.

Học giả lại xem suốt mấy bài trên ấy thời những chữ "nhân" mà đức Khổng Tử nói đó, cũng ý nghĩa tầm thường mà thôi. Dầu hạng người nào miễn có lương tâm thời cũng gọi bằng nhân được cả. Như nói rằng "Lý nhân vi mỹ" và "Dân hưng ư nhân" thời há phải rằng nhân như thầy Nhan,

thấy Tăng cả đâu. Vì đối với chúng nhân phổ thông mà nói chữ "nhân" tới chỉ cầu cho người ta khỏi mất lương tâm là tốt, nên trong sách **Luận Ngữ** thường có những chữ "nhân" rất bình thường. Xin xem tiếp hai bài như sau này nữa :

Tử viết : Quân tử nhi bất nhân giả, hữu hỹ phù; vị hữu tiểu nhân nhi nhân giả dã.

子曰：君子而不仁者，有矣夫；夫有小人而仁者也。

Nghĩa là, vẫn bậc quân tử, nhưng mà rủi có lúc lầm lỗi, hoặc phạm lấy việc gì bất nhân, e có lẽ chăng, chứ quyết chưa có hạng tiểu nhân nào mà làm được nhân đó vậy.

Ngài lại nói :

Hiếu dũng tật bần, loạn dã, nhân nhi bất nhân, tật chi dĩ thậm, loạn dã

好勇疾貧，亂也。人而不仁，疾之以甚亂也！

Nghĩa là, những hạng người hàm làm việc hùng mạnh, lại không chịu yên phận đói nghèo, chắc người ấy phải làm việc loạn. Bởi vì hạng người mà đã bất nhân, tất nhiên phải bị người ta ghét; người ta ghét nó mà quá thậm thời nó quay ra làm loạn ngay.

Vì những hạng người bất nhân đó, chính là hạng người rất tiểu nhân, nên dầu có ghét họ, không nên ghét họ đến quá chừng mà bức họ đến nỗi làm loạn. Đối đãi với hạng người bất nhân, thiệt khó xử cho được vừa phải.

Xem như hai bài ấy, thời biết rằng hai chữ "bất nhân" vẫn phản đối với chữ "nhân". Nhưng chỉ duy những người rất mực tiểu nhân thời Thánh nhân mới nhận là bất nhân.

Trong học trò ở Khổng môn, có thầy Hữu Tử, thầy Tử Hạ đều là học trò cao, đã nhận rõ ý nghĩa chữ "nhân" của đức Khổng Tử, nên hai thầy cũng có nói đến việc làm nhân, có thể cho học giả tham khảo được.

Thầy Hữu Tử nói rằng :

Quân tử vụ bản, bản lập nhi đạo sinh; hiếu đễ dã giả, kỳ vi nhân chi bản dư ?

有子曰：君子務本，本立而道生；孝弟也者，其為仁之本歟！

Nghĩa là, quân tử hễ làm việc gì, trước lo vun dắp cội gốc của việc ấy (**Vụ bản**); cái gốc đã đứng được vững vàng mà đạo của việc ấy tự nhiên nảy nở ra, in như cây đã có gốc tốt mà nhành lá tự nhiên nảy nở (**Bản lập nhi đạo sinh**). Người có đức hiếu, đức đễ đó, chính là cái gốc để làm nhân đó mà ! Bởi vì đức nhân tuy rất lớn, không phải chỉ hiếu đễ mà thôi, nhưng mà những người đã hiếu với cha mẹ, đễ với đồng bào, chắc lương tâm người ấy tốt rồi; đem cái lương tâm ấy mà suy ra làm việc nhân, chắc có lẽ làm được, nên nói rằng : **Hiếu đễ dã giả, kỳ vi nhân chi bản dư.**

Tử Hạ viết : Bác học nhi đốc chí, thiết vấn nhi cận tư, nhân tại kỳ trung hỹ.

子夏曰：博學而篤志，切問而近思，仁在其中矣。

Nghĩa là, có một người kia, học vấn nhiều rộng, mà hay lập chí đốc bền, lại còn ham hỏi những lẽ cần thiết và lại hay ngẫn nghĩ những việc ở tâm thân, tuy chưa phải là đã thành được bậc nhân đâu, nhưng ở trong lúc công phu làm nhân như trên kia, cũng có đức nhân ở trong ấy rồi vậy.

Bài này chú trọng ở chữ "đốc chí", chữ "cận tư". "Đốc chí", nghĩa là mục đích lập chí vững vàng chắc chắn; "cận tư", nghĩa là chuyên để ý vào chính tâm tu thân. Đã có học vấn mà lại hay đốc chí, cận tư như thế, người ấy chắc về phương diện tâm thuật, tinh thần không đến nỗi trái với thiên lý, nên nói rằng "**Nhân tại kỳ trung**".

Lại có bài thầy Tăng Tử nói rằng :

Quân tử dĩ văn hội hữu dĩ hữu phụ nhân.

曾子曰：君子以文會友，以友輔仁。

Nghĩa là, người ta làm việc học, chỉ cốt làm cho đến "nhân". Nhưng muốn làm cho được "nhân", tất cũng phải nhờ bạn hữu giúp cho mình. Vậy nên những bậc quân tử, trước phải cậy ở nơi công việc văn học để cho nhóm được đồng bào, lại phải cậy ở nơi bạn tốt, sẽ để giúp công việc làm "nhân" của mình. Vì có bạn mới giúp được "nhân", vì có văn mới nhóm được bạn. Ý thầy Tăng cũng tương tự như ý thầy Tử Hạ, vì "bác học thiết vấn cận tư" mà được "nhân tại kỳ trung", ý nghĩa in nhau.

Xem tóm hết cả mấy bài như trên kia, có một phương diện thời phản đối với chữ "nhân" lại có một phương diện thời phụ trợ cho "nhân".

Bây giờ học giả ta muốn làm cho nên một bậc nhân giả, tất phải xét hai phương diện đó : Hễ thấy được cái gì phản đối với "nhân" thời ta phải tuyệt đối bỏ trừ cho hết, còn cái gì phụ trợ cho "nhân" thời ta phải dựa theo đó mà bước lên lần lần, tất có ngày "khắc kỷ phục lễ" như thầy Nhan, "nhân dĩ vi kỷ nhiệm" như thầy Tăng. Tới lúc bấy giờ tuyển thể chữ "nhân" của Khổng học đã thể nhận được rõ ràng, mà đại cương chữ "nhân" ở trong Khổng học cũng chẳng có khó gì mà làm không được tới nơi.

Từ đây sấp xuống sẽ nói cho hết đại dụng của chữ "nhân".

CHƯƠNG VIII

NHÂN VỚI TRÍ, DŨNG

Nguyên Hiến vấn viết : Khắc phạt, oán, dục bất hành yên, khả dĩ vi nhân hỹ.

Tử viết : Khả dĩ vi nan hỹ, nhân tắc ngô bất tri dã.

原憲問曰：克，伐，怨，欲不行焉，可以為仁矣．子曰：可以為難矣，仁則吾不知也．

Thầy Nguyên Hiến hỏi với đức Khổng Tử rằng : Có một người kia hay tự trị trong mình, những điều khoe khoang tài đức mình (**phạt**), những điều hờn giận người (**oán**), những điều tham muốn về vật dục (**dục**), tất thảy không bao giờ có, (**khắc phạt, oán, dục bất hành yên**), người được như thế chắc là làm được người nhân rồi đó mà (**khả dĩ vi nhân hỹ**).

Bởi vì thầy Nguyên Hiến là một người yên bần lạc đạo, nên thầy nghĩ như thế là "nhân" rồi, nhưng đức Khổng Tử trả lời thời khác thế. Ngài nói rằng "**Khắc phạt, oán, dục bất hành**" cũng là một hạng người khó làm được rồi, nhưng bảo thế là "nhân" thời ta chưa dám chắc (**Khả dĩ vi nan hỹ, nhân tắc ngô bất tri dã**).

Xem như bài ấy, vì có sao mà đức Khổng Tử chưa cho là "nhân" ?

Bởi vì **"Khắc phạt, oán, dục bất hành"**, chỉ được non nửa công phu chữ "nhân", còn hơn một nửa thiệt chưa hoàn toàn làm tới, vậy nên học giả xin xem mấy bài sau này :

Tể Ngã vấn viết : Nhân giả, tuy cáo chi viết : tỉnh hữu nhân yên, kỳ tùng chi dã.

宰我問曰：仁者，雖告之曰：井有人焉，其從之也。

Tử viết : Hà vi kỳ nhiên dã. Quân tử khả thệ dã, bất khả hãm dã, khả khi dã bất khả võng dã.

子曰：何為其然也？君子可逝也，不可陷也；可欺也，不可罔也。

Thấy Tể Ngã có hỏi rằng : Hễ mình dã là người có đức nhân, dẫu tuy có người cáo với mình rằng ở dưới giếng vừa có người sẩy xuống đó, e mình phải nhảy theo vớt người ấy chăng ?

Câu hỏi ấy là vì ý thấy Tể Ngã sợ dã làm lấy người nhân, tất phải thương người; mà dã thương người, e có lúc đến hại mình. Ví như có nghe người sẩy xuống giếng, tất mình cũng phải nhảy theo xuống, thế thời làm người nhân, chẳng phải là nguy hiểm lắm hay sao ?

Đức Khổng Tử muốn hiểu chân lý cho thấy Tể Ngã mới dạy cho rằng :

Đạo lý làm nhân, há phải một khối trung hậu chết như lời anh nói hay sao ? Hễ quân tử gặp lúc người có hoạn nạn, chỉ có nghĩ một phương pháp hành động mà di cứu người (**khả thệ dã**), không có thể tự gieo mình vào bộng sập mà chết theo người luôn (**bất khả hãm dã**). Người ta có thể lấy những việc có đạo lý mà lừa phỉnh mình (**khả khi dã**), không có thể lấy những việc vô đạo lý mà lừa gạt mình (**bất khả võng dã**). Tỷ như có người sẩy xuống giếng, tất phải mình đứng trên giếng mà tìm cách cứu người ta; nếu mình cũng nhảy theo xuống giếng thời mình với người đều chết luôn cả,

có làm thể nào mà cứu được người nữa ! Nhân giả đâu mà ngu như thế ?

Xem kỹ ý bài này, cứ trên mặt chữ vẫn không gì sâu xa, mà ý nghĩa ngoài mặt chữ thời bao hàm rất rộng lớn, tính toán rất kỹ càng. Có nhân phải có trí, có kinh phải có quyền, có chủ nghĩa phải có thủ đoạn, há phải chạy quàng làm bướng mà nên công việc cứu đời được hay sao ? Kia như ông Tôn Văn vẫn dau đớn vì dân tộc Trung Hoa bị Mãn Thanh áp chế mà ông kinh dinh việc cách mạng, nhưng hơn hai mươi năm ông chỉ ở hải ngoại vận động, bôn tẩu khó nhọc, hết sức truyền bá tư tưởng chủ nghĩa của mình về trong nước, chờ đến năm Vũ Xương khởi nghĩa, ông mới trở về Trung Hoa.

Việc người ấy thiệt là dốc lòng cứu đời, nóng sốt về việc chữa cháy vớt chìm, có tự gieo mình vào hầm sập đâu ? In như ý đức Khổng Tử nói : Có đứng trên giếng mới vớt được người dưới giếng. Như thế mới là công dụng của nhân giả. Vậy nên biết cách làm nhân giả thời tuy khó mà dễ, không biết cách làm nhân giả thời tuy dễ hóa khó.

Ngài lại có câu nói rằng :

Nhân giả, tất hữu dũng, dũng giả, bất tất hữu nhân.

仁者，必有勇；勇者，不必有仁。

Nghĩa là, người có đức nhân, tất nhiên có khí mạnh (**nhân giả tất hữu dũng**); nếu người chỉ có sức mạnh mà thôi thời không gì chắc là có nhân (**dũng giả bất tất hữu nhân**).

Ngài sở dĩ nói bài này, là vì người ta hay nhận lầm chữ "nhân", tưởng gọi bằng người nhân chỉ là mềm mại hiền lành, gặp việc gì hoạn nạn nguy hiểm, chỉ bó tay ngồi nhìn mà thôi, nhưng có biết đâu nhân giả là một người rất can đảm, rất nghĩa liệt, hễ thấy việc gì nghĩa lý đáng làm thời dầu muôn ngàn người cản trở cũng không nao núng; muôn phần chết, một phần sống cũng không từ chối, dầu đến "**sát thân**

thành nhân", nhân giả cũng hăng hái làm lấy được, nên Khổng Tử nói rằng "nhân giả tất hữu dũng".

Học giả lại đọc thêm bài này :

Kiến nghĩa bất vi vô dũng dã.

見義不為無勇也 ·

Nghĩa là, thấy việc nghĩa to lớn, vẫn đáng làm, mà sợ chết không dám làm, ấy là người vô dũng đó vậy. Vô dũng, nghĩa là không khí mạnh.

Bên này nói chữ "vô dũng", xem lại bên kia tất "hữu dũng", chúng ta biết rằng hễ đã nhân giả thời đời nào "kiến nghĩa bất vi" nữa ru ?

Xem hai bài ấy, chúng ta lại biết thêm được một nghĩa nữa : Hễ đã nhân giả tất nhiên đủ cả đức trí, đức dũng. Vậy nên trong sách **Luận Ngữ**, thường thường nói đến chữ "nhân", hay kèm cặp cả chữ "trí", chữ "dũng", xin biên vào mấy bài như sau này.

Ngài nói rằng :

Quân tử đạo giả tam, ngã vô năng yên : nhân giả bất ưu, trí giả bất hoặc, dũng giả bất cụ.

君子道者三，我無能焉：仁者不憂，知者不惑，勇者不懼 ·

Nghĩa là, đường lối làm quân tử chỉ có ba điều, nhưng ta chưa hay làm được. Ba điều là : có đức nhân, chẳng việc gì lo buồn; có đức trí, chẳng việc gì mê lầm; có đức dũng, chẳng việc gì kinh sợ.

Xem bài này, ba chữ "nhân, trí, dũng", tuy nói bằng ngang như nhau, nhưng chữ "nhân" bọc được cả "trí" và "dũng", học giả nên biết.

Ngài lại có nói rằng :

Trí cập chi, nhân bất năng thủ chi, tuy đắc chi tất thất chi.

知及之，仁不能守之，雖得之，必失之。

Nghĩa là, người ta ở trong thiên hạ, có đạo lý gì tốt, có chủ nghĩa gì hay, sở dĩ biết được là nhờ có đức nhân. Nếu trí khôn thuộc về phần tư tưởng vẫn biết tới nơi (**trí cập chi.**), nhưng mà nghị lực thuộc về phần thực hành (tức là nhân) hãy còn thiếu thốn, tất không giữ được đạo lý ấy và chủ nghĩa ấy (**nhân bất năng thủ chi**). Như thế thời tuy có tạm được ở trong một lúc, cuối cùng tất đến nỗi bỏ mất mà thôi (**tuy đắc chi tất thất chi**).

Xem như bài này thời biết được chữ "nhân" bao bọc được chữ "trí". Tuy nhiên, ở trong Khổng học, đã học chữ "nhân", không bao giờ bỏ chữ "trí"; đã học chữ "trí" tất trước phải học chữ "nhân".

Xin thử xem mấy bài sau này :

Phàn Trì vấn trí. Tử viết : Vụ dân chi nghĩa, kính quỷ thần nhi viễn chi, khả vị trí hỹ. Vấn nhân, Tử viết : Nhân giả, tiên nan nhi hậu hoạch, khả vị nhân hỹ.

樊遲問知，子曰：務民之義，敬鬼神而遠之，可謂知矣。問仁。子曰：仁者先難而後獲，可謂仁矣

Thầy Phàn Trì hỏi : Phương pháp làm sao thời là trí ? Đức Thánh nói rằng : "Cốt chăm chỉ ở nơi việc nghĩa của người, còn đến như việc quỷ thần thời tuy vẫn kính trọng nó, nhưng mà phải tránh xa nó."

Người như thế là bảo rằng trí được rồi !

Thầy Phàn Trì lại hỏi : Phương pháp thế nào thời làm được nhân ? Đức Khổng Tử nói rằng : Hễ người có đức nhân tất trước hết lo làm những việc khó làm, không cần gì gấp tính đến công lợi sở đắc (**tiên nan nhi hậu hoạch**), người như thế là gọi bằng nhân được.

Câu "Nhân giả tiên nan nhi hậu hoạch" đạo lý rất hay, nhưng ý nghĩa thiệt khó giải; giải cho đến nơi thiệt là thú vị. Học giả cần phải giải cho ra nghĩa chữ "nan" với chữ "hoạch".

Việc trong thiên hạ, hễ đúng với nghĩa lý, thường trái với hoàn cảnh; hợp với thánh hiền, thường chống với thế tục. Đã trái với hoàn cảnh, chống với thế tục, tất nhiên là việc khó làm, nên gọi bằng "nan". Việc dã nan như thế thời chỉ vì nghĩa lý mà làm chớ không phải vì công lợi mà làm. Nếu làm việc ấy mà chắc có công lợi thời gọi bằng "hoạch". Nhưng cái phần "nan" với phần "hoạch", không có thể chắc được lưỡng toàn; nếu nghĩ có phần hoạch mà sau mới chịu làm, e cái nan đó phải sợ mà không dám làm. Duy nhân giả thời không thế : thấy cái việc nan đó là việc nên làm thời cố làm lấy trước, mà cái hoạch kia chờ sau mới nghĩ tới, như thế là "tiên nan nhi hậu hoạch". Đó là tâm lý của nhân giả, so với ý nghĩa chữ "trí" ở tiết trên cũng phát minh với nhau.

Hễ những người không tiên nan, chính là người không biết "vụ dân chi nghĩa", mà những người hay say mê quỷ thần, rật là những người nóng nảy ở phần hoạch. Vì trong lòng gấp muốn hoạch mà xảy vào đường họa phúc; vì chạy vào đường họa phúc nên mê tín quỷ thần. Nếu có lòng "tiên nan hậu hoạch" như nhân giả thời quỷ thần, họa phúc còn có gì mê tín được ? Vậy nên trí với nhân không thể rời nhau.

Lại có bài này :

Phan Trì vấn nhân. Tử viết : Ái nhân. Vấn trí. Tử viết : Tri nhân. Phàn Trì vị đạt. Tử viết : Cử trực, thố chư uổng, năng sử uổng giả trực.

樊遲問仁．子曰：愛人．問智．子曰：知人．樊遲未達．子曰：舉直．措諸枉能使枉者直．

Thầy Phan Trì hỏi phương pháp làm nhân, đức Thánh bảo rằng : "Hãy yêu người, ấy là người nhân".

Hỏi phương pháp làm trí, đức Thánh bảo rằng : "Phân biệt được người ấy là trí".

Đức Thánh nói như thế mà Phàn Trì chưa hiểu được ý nghĩa, nên Ngài lại giải thích cho rằng : Hễ thấy người nào trực thời ta cử lên, thấy người nào uổng thời ta dật đó mà không cử lên. Như thế thời những người trực được cử lên, mà ai cũng khuyên nhau làm trực, những người uổng bị bỏ mà ai cũng không dám làm điều uổng. Thế là hay khiến những người uổng hóa ra người trực.

Đức Thánh nói như thế thời ý nghĩa chữ "nhân", chữ "trí" đã có thể dung hợp với nhau. Nhưng mà ý Phàn Trì nghĩ rằng : Hễ đã yêu người thời người nào cũng phải yêu cả thảy, bao giờ lại phải biện biệt cho ra người hơn, kẻ kém mới là tri nhân, thế là làm nhân mất trí, làm trí mất nhân, e nhân trí không được lưỡng tuyền đó chăng Vì thế nên Phàn Trì không hiểu.

Phàn Trì thối, kiến Tử Hạ viết : Hướng dã, ngô kiến ư phu tử nhi vấn trí. Tử viết : Cử trực thố chư uổng, năng sử uổng giả trực, hà vị dã.

Tử Hạ viết : Phú tai ngôn hồ ! Thuấn hữu thiên hạ, tuyển ư chúng, cử Cao Dao, bất nhân giả viễn hỹ; Thang hữu thiên hạ, tuyển ư chúng, cử Y Doãn, bất nhân giả viễn hỹ.

樊遲退，見子夏曰：鄉也，吾見於夫子而問智，子曰：舉直措諸枉，能使枉者直，何謂也？子夏曰：富哉言乎！舜有天下，選於眾，舉皐陶，不仁者，遠矣。湯有天下，選於眾，舉伊尹，不仁者，遠矣。

Phàn Trì lui ra, gặp thầy Tử Hạ hỏi rằng : Ta trước hỏi trí ư thầy ta; thầy nói rằng : "Cử trực thố chư uổng, năng sử uổng giả trực" là nghĩa làm sao ?

Bây giờ xem lời thầy Tử Hạ thời hiểu được "nhân" với "trí" vẫn là tương thành cho nhau, chính là ý đức Thánh đã nói như thế, nên thầy Tử Hạ suy ý đức Phu tử mà nói rằng :

"Lời thầy ta nói thiệt rộng lớn bao hàm lắm ! Chỉ nói "nhân" mà bao bọc cả "trí"; vì có "trí" nên lại càng tròn vẹn được "nhân". Xem như ngày xưa, vua Thuấn có thiên hạ, kén chọn ở trong quần chúng, thấy được ông Cao Dao là bậc hiền thánh mà cử lên làm quan Sĩ sư (quan đầu tòa án) thời những người bất nhân ở lúc bấy giờ đều tránh xa những chuyện tội ác cả. Vua Thang có thiên hạ, kén chọn ở trong quần chúng, thấy được ông Y Doãn là hiền thánh, cử lên làm quan thủ tướng thời những người bất nhân ở lúc bấy giờ đều tránh xa những chuyện tội ác cả. Đó chính là "cử trực thố chư uổng" mà hay khiến cho người "uổng" hóa ra "trực". Về phần tri nhân mà gọi bằng trí đã không thiếu thốn gì, về phần ái nhân mà gọi bằng nhân, lại nhờ có trí mà thêm trọn vẹn được nhân. Yêu người với biết người, vẫn hai thủ đoạn, nhưng chỉ là một đạo lý mà thôi.

Xem suốt cả mấy tiết trên, thời công dụng của chữ "nhân" là rộng rãi to lớn đến như thế. Bây giờ học giả muốn chứng nghiệm vào việc người đời xưa thời xin xem ở các chương dưới này.

CHƯƠNG IX

CÔNG DỤNG ĐỨC "NHÂN" CHỨNG NGHIỆM VÀO VIỆC NGƯỜI ĐỜI XƯA

Học giả làm nhân, cội gốc thứ nhất làm nhân ở tâm thân mình, đó là nhân thuộc về tâm đức; lại gốc ở tâm thân mà suy rộng ra, khiến cho xã hội quốc gia ai nấy cũng bị ảnh hưởng của đức "nhân" mình, đó là "nhân" thuộc về phần công nghiệp. Hai phương diện ấy, có trong có ngoài, có hẹp có rộng, nhưng thảy nuốt vào trong phạm vi chữ "nhân", học giả cần phải nghiên cứu cả thảy. Xin xem như mấy bài dưới này :

Nhiệm Hữu viết : Phu tử vị Vệ quân hồ ? Tử Cống viết : Nặc, ngô tương vấn chi. Nhập viết : Bá Di, Thúc Tề hà nhân dã ? Viết : Cổ chi hiền nhân dã. Viết oán hồ ? Viết : Cầu nhân nhi đắc nhân, hựu hà oán ? Xuất viết : Phu tử bất vị dã.

冉有曰：夫子為衛君乎？子貢曰：諾，吾將問之。入曰：伯夷，叔齊，何人也？曰：古之賢人也。曰：怨乎？曰：求仁而得仁，又何怨？出曰：夫子不為也。

Học giả đọc bài sách này, trước phải biết sự tích của Vệ quân, lại thứ nữa phải biết sự tích của Bá Di, Thúc Tề.

Vệ quân là vua chư hầu của nước Vệ, tên là công tử Triếp, nó vì tham ngôi vua, nhân dịp vua cha nó là Khoái Quải bị trong nước loạn chạy ra ngoài, nó tự lập mình làm vua trong nước, đến khi cha nó về nước, nó đem quân ra cự, không cho cha nó về làm vua.

Việc Vệ quân như thế, chính là người cự cha mà tranh lấy nước.

Đến như việc Bá Di, Thúc Tề, hai người ấy là người cuối đời nhà Thương, đến nhà Chu, con vua một nước chư hầu là nước Cô Trúc, Bá Di là anh đầu, Thúc Tề là em út. Khi vua Cô Trúc còn ở ngôi, yêu Thúc Tề lắm, quyết định truyền ngôi cho Thúc Tề, khi ông gần chết cũng di mệnh cho quốc dân bảo dạt Thúc Tề nối ngôi mình. Sau quốc dân toan theo di mệnh của vua cha mà dặt Thúc Tề, nhưng Thúc Tề lại nói rằng : Xưa nay ngôi vua của một nước phải truyền cho con lớn, nên nhất định nhường cho anh là Bá Di, không chịu nối ngôi vua. Nhưng Bá Di lại nói rằng : Truyền ngôi vua cho Thúc Tề là đã có mệnh của vua cha rồi; lời cha đã truyền, làm phận con không thể cãi được, thời Thúc Tề mới là đáng nối ngôi vua. Vì vậy Bá Di cũng cố từ.

Hai người ấy, một người thời nặng về thiên luân, một người thời tôn vì phụ mệnh, nên nỗi ngôi vua Cô Trúc, hai người đều không chịu làm mà trốn vào trong núi, người nước Cô Trúc phải lập người con giữa.

Chuyện hai người ấy, chỉ là xem đạo nghĩa làm trọng mà không kể đến ngôi vua một nước làm sang. So với tâm sự của vua nước Vệ thời hai bên xa như trời với vực.

Đương lúc bấy giờ, đức Khổng Tử còn làm khách ở nước Vệ, nên thầy Nhiệm Hữu với thầy Tử Cống muốn biết ý đức Khổng Tử ra thế nào, nghi ngài có bênh vua Vệ chăng, nên thầy Nhiệm Hữu mới hỏi thầy Tử Cống rằng : "Thầy ta có quí trọng gì đến vua Vệ không ?" Thầy Tử Cống nói rằng : "Ừ, chính ta cũng toan hỏi thầy về việc ấy" (Nặc,

ngô tương vấn chi).

Học giả đọc đến chỗ này, nên nghĩ cho thầy Tử Cống lấy lẽ gì mà hỏi đức Khổng Tử. Nếu cứ hỏi thiệt rằng : Vua nước Vệ có đáng bênh vị hay không, hiềm vì đức Khổng Tử còn dương ở giữa nước người, lẽ gì bài xích vua nước ngoài dặng ? Mà nếu nói rằng Vệ quân là phải, thời đức Khổng Tử quyết không nói được thế. Nếu không biết cách hỏi thời làm sao mà biết được ý thầy ? Duy thầy Tử Cống là một người minh đạt, nên hỏi một cách rất diệu.

Thầy Tử Cống vào chỉ hỏi rằng :

- Thưa thầy, Bá Di, Thúc Tề là người thế nào ? (**Bá Di, Thúc Tề hà nhân dã** ?).

Đức Khổng Tử trả lời rằng :

"Người hiền của dời xưa vậy" (**Cổ chi hiền nhân dã**).

Sở dĩ nói chữ "cổ" là có ý nói rằng hạng người hiền được như thế, duy dời xưa mới có, mà dời nay thiệt hiếm lắm. Vậy nên ở trên chữ "hiền nhân" đặt thêm chữ "cổ" để phản đối với chữ "kim".

Đức Khổng Tử tuy nói thế, nhưng thầy Tử Cống chưa lấy làm hiểu lắm, nên lại hỏi thêm rằng :

"Việc hai người kia làm, từ ngôi vua mà nhường cho nhau, không biết có ân nán gì trong lòng nữa hay không" ? (**oán hồ** ?). Chữ "oán", nghĩa là trước miễn cưỡng làm mà sau lại ăn năn.

Vì thầy Tử Cống muốn dò cho thấu tâm lý ông Di, ông Tề, và hiểu cho đến ý đức Khổng Tử đối với hai ông ấy, nên hỏi thêm như vậy.

Đức Khổng Tử trả lời rằng :

"Hai người ấy cốt cầu cho trọn vẹn được đức nhân, mà quả nhiên làm được đức nhân, lại còn ty hào gì oán nữa ? (**Cầu nhân nhi đắc nhân, hựu hà oán** ?)

Thầy Tử Cống nghe đến đó, biết rằng Di, Tề với Vệ quân là tuyệt đối trái hẳn. Bây giờ thầy ta đã sùng bái Di, Tề đến như thế, còn kính trọng gì Vệ quân nữa ? Vì một phía thời trọng đạo nghĩa mà từ ngôi vua, một phía thời tham quyền vị mà bỏ đạo nghĩa. Đã ưa về phía này, tất nhiên ghét về phía kia, nên thầy Tử Cống trở ra nói với thầy Nhiệm Hữu rằng : "Thầy ta chẳng vị Vệ quân dâu !" **(Xuất viết : Phu Tử bất vị dã)**.

Bài này chẳng những đạo lý dã hay, mà bút pháp nhà chép sách lại cực kỳ tinh diệu; câu đứng đầu là "Phu Tử vị Vệ quân hồ ?", câu đuôi là "Phu Tử bất vị dã", mà chính khoảng giữa không một chữ nào dây dướng gì đến Vệ quân cả. Một bên hỏi, một bên trả lời, rặt là ý tứ ở ngoài tiếng nói.

Học giả đọc bài này biết được chữ "nhân" của Khổng học sâu xa như thế. "Cầu nhân đắc nhân" chẳng phải Di, Tề thời ai làm nên ? Mà cũng chẳng phải đức Phu Tử thời ai xét được ? Mà lại biết được văn học của Khổng môn cũng tinh diệu rất mực. Xin học giả hết sức chú ý ở bài này.

Lại xem như việc ba người dời nhà Ân (chép ở thiên ***Vi Tử***):

Khi nhà Ân toan mất nước, ông Vi Tử là con đầu vua nhà Ân, sợ nhà Ân đến tuyệt tự, nên bỏ nước ra đi, mong giữ được tông tự cho nhà Ân. Ông Cơ Tử nghĩ mình là thân thần, nên giả làm người cuồng, đi làm một đứa con đòi, mong giữ lấy thân mình và không chịu làm tôi với nhà Chu, để chờ gặp ngày có cơ khôi phục. Còn như ông Tỷ Can thời nghĩ mình là đại thần của nhà Ân, nên can vua Trụ mà chịu chết.

Ba người ấy, việc làm khác nhau mà in nhau một tâm sự, đều là tận trung với tổ quốc, nên Khổng Tử khen chung một lời rằng : "Nhà Ân có ba người nhân vậy" (**Ân hữu tam nhân yên**).

Vi Tử khứ chi, Cơ Tử vi chi nô, Tỷ Can gián nhi tử. Khổng Tử viết : Ân hữu tam nhân yên.

微子去之，箕子為之奴，比干諫而死 · 孔子曰：殷有三仁焉 ·

Vì cớ sao ba người ấy, việc không đồng nhau mà đức Khổng Tử lại khen chung bằng một chữ "nhân" ? Chính là nhân thuộc về phần tâm đức; tùy địa vị, tùy mỗi người có khác nhau, nên việc làm cũng khác nhau, nhưng cốt tâm lý đồng nhau thời tuy kẻ đi, kẻ ở, kẻ chết, mà tổng chi cũng là "nhân" đó.

Xem như việc mấy người ở trên kia thời biết "nhân" ở nơi tâm đức, chỉ cốt cho hợp với lẽ trời, đúng với đạo người mà không cần kể gì ở nơi công danh sự nghiệp.

Tuy nhiên nhân đạo có hai phương diện :

Tròn vẹn được tâm đức của mình là một phương diện; cứu được tai nạn cho thiên hạ lại là một phương diện.

Học giả lại xem như bài dưới này :

Tử Lộ vấn viết : Hoàn Công sát công tử Củ. Thiệu Hốt tử chi, Quản Trọng bất tử, viết : vị nhân hồ ?

子路問曰： 桓公殺公子糾，紹忽死之，管仲不死 · 曰：未仁乎？

Xưa Quản Trọng và Thiệu Hốt, trước đều làm gia thần cho Công tử Củ; đến khi Hoàn Công giết Công tử Củ thời Thiệu Hốt chịu chết theo thầy, nhưng Quản Trọng không chết, nên thầy Tử Lộ nghi cho Quản Trọng e chưa phải là người nhân, nên hỏi đức Thánh rằng : "Vị nhân hồ ?". Đức Thánh nói rằng :

Hoàn Công cửu hợp chư hầu, bất dĩ binh xa, Quản Trọng chi lực dã, như kỳ nhân, như kỳ nhân.

桓公九合諸侯，不以兵車，管仲之力也 · 如其仁！如其仁！

Vua Hoàn Công nhóm họp các nước chư hầu, chẳng cần dùng đến xe binh, là nhờ sức Quản Trọng vậy. Ai bằng được nhân người ấy ? Ai bằng được nhân người ấy ?

Tử Cống viết : Quản Trọng phi nhân giả dư ? Hoàn Công sát Công tử Củ, bất năng tử hựu tướng chi.

子貢曰： 管仲非仁者 ？桓公殺公子糾，不能死，又相之，

Thầy Tử Cống hỏi với đức Khổng Tử rằng : Kìa như Quản Trọng là người không phải nhân đó ru ? Hoàn Công giết Công tử Củ là thầy của Trọng. Trọng chẳng những không chết theo thầy mình, lại quay làm tướng cho Hoàn Công, chác không phải nhân đó mà !

Tử viết : Quản Trọng tướng Hoàn Công, bá chư hầu, nhứt khuông thiên hạ, dân đáo vu kim thụ kỳ tứ; vi Quản Trọng, ngô kỳ bị phát tả nhiễm hỹ.

子曰：管仲相桓公霸與諸侯，一匡天下，民到于今，受其賜；微管仲，吾其被髮左衽矣．

"Quản Trọng làm tướng cho Hoàn Công, giúp nên nghiệp bá, lớn hơn các nước chư hầu, một lần chỉnh đốn mọi việc trong thiên hạ (**nhất khuông thiên hạ**), dân đến đời nay còn chịu ơn của người ấy (**dân đáo vu kim thụ kỳ tứ**). Nếu lúc đó không Quản Trọng thời bọn ta bây giờ e đã hóa ra rợ mọi mà đầu dóc tóc, bận áo gài nút về tay trái rồi" (**vi Quản Trọng ngô kỳ bị phát tả nhiễm hỹ**)".

Khởi nhược thất phu thất phụ chi vi lượng giả, tự kinh ư câu độc, nhi mạc chi tri dã.

豈若匹夫匹婦之為諒者，自經於溝，而莫之知也．

Quản Trọng há như món thất phu thất phụ kia, nó chỉ giữ cái tín nhỏ mà tự thắt cổ mình chết (**tự kinh**) ở ngòi khanh, chẳng có ai biết đến nó vậy.

Học giả xem như hai bài này, bàn việc Quản Trọng mà

Khổng Tử thừa nhận cho là người nhân; ngó lại như mấy bài trên kia : bên kia thời trọng về khí tiết; bên này thời lại trọng sự nghiệp, chẳng phải là mâu thuẫn nhau hay sao ? Không phải dâu ! Đạo lý của chữ "nhân" vẫn khác hai ngã mà chung vào một đường; vẫn khác hai ngành mà chung vào một gốc. Tức như dời Xuân Thu, vua nhà Chu bị hiếp chế với Tấn, Sở, các chư hầu ở Trung Quốc, ngày đêm chà xát nhau trong dám binh qua, nên nỗi di dịch đắc thế hoành hành mà sinh linh bốn bể chịu biết bao lầm than khổ sở, may có tay kinh tế đại tài như Quản Trọng giúp nghiệp bá cho Hoàn Công, thống suất được mọi nước chư hầu, ở trong thời yên được Trung Quốc, đối ngoại thời dẹp được Tấn, Sở, hoịa di dịch mới dẹp yên, nhân dân mới khỏi được đồ thán. Kể cái công giúp người cứu đời, yên dân, trị nước, nếu chẳng phải Quản Trọng thời chẳng ai làm nên. Bảo rằng công của nhân giả, thiệt xứng đáng lắm. Vậy nên đức Thánh khen cho rằng : "Như kỳ nhân ! Như kỳ nhân !" nghĩa là, cứu được nhân dân ở trong đời loạn, chính là đức "nhân" thuộc về phần sự nghiệp. Nếu Di, Tề và tam nhân ở vào đời ấy, e cũng làm như Quản Trọng chưa biết chừng; mà lại sợ e không làm được như Quản Trọng nữa kia. Vậy nên bàn đến chữ "nhân", tất phải như đức Khổng Tử mới bao quát được hết đạo lý. Lời tuy khác mà ý quán nhau, chẳng bao giờ có mâu thuẫn.

CHƯƠNG X

KẾT LUẬN CHỮ "NHÂN"

Xem suốt mấy chương trên kia thời chữ "nhân" ở trên Khổng học, theo về trừu tượng dã không thiếu gì, nhưng theo về cụ thể cần phải có một bài tổng kết.

Muốn cho góp hết năng sự của chữ "nhân" và tóm cho được chân tinh thần của người nhân thời xin thể nhận lấy hai bài này :

Tử Cống viết : Như hữu bác thí ư dân, nhi năng tế chúng, hà như ? khả vị nhân hồ ?

子貢曰：如有博施於民而能濟眾，何如？可謂仁乎？

Tử viết : Hà sự ư nhân, tất dã thánh nhân hồ; Nghiêu Thuấn kỳ do bệnh chư. Phù nhân giả, kỷ dục lập nhi lập nhân, kỷ dục đạt nhi đạt nhân, năng cận thủ thí, khả vị nhân chi phương dã dĩ.

子曰：何事於仁，必也聖人乎．堯舜其猶病諸．夫仁者：己欲立而立人，己欲達而達人，能近取譬，可謂仁之方也已．

Bài này là thầy Tử Cống đến khi học vấn dã cao, nghiên cứu chữ "nhân" dã nhiều công lắm, mới nghĩ rằng : công dụng

chữ "nhân" rất lớn, nếu chỉ ảnh hưởng trong một thân một gia, chưa lấy gì làm nhân được, nên hỏi đức Khổng Tử rằng : "Tỷ như có một bậc người đem ơn đức mình rắc rưới ra khắp nhân dân (**bác thí ư dân**). Chữ "thí" như nghĩa ta thường nói bố thí, mà thấy dân chúng cậy vào sức mình hay giúp đỡ cho (**nhi năng tế chúng**), người như thế đường nào ? Chắc có lẽ gọi bằng "nhân" được rồi đó mà ? (**khả vị nhân hồ** ?).

Nhưng mà ý Khổng Tử lại nghĩ rằng : Địa vị thầy Tử Cống hãy còn một người học giả, công việc làm "nhân" của người học giả muốn làm được "bác thí tế chúng", e có hơi quá cao chăng ? Nên đức Thánh có ý ức thầy Tử Cống mà nói rằng : "Làm "nhân" mà như lời mày nói, có chi là việc làm "nhân" của học giả ? Đó là "nhân" của bậc Thánh nhân kia (**hà sự ư nhân, tất dã thánh nhân hồ** !), mà Thánh nhân dầu đến như Nghiêu Thuấn còn lo không làm nổi nữa là ! (**Nghiêu Thuấn kỳ do bệnh chư**) (chữ "bệnh", nghĩa là còn lo thiếu kém). Bởi vì "bác thí" tức là bác ái, là làm ơn cho người mà không có phạm vi; "tế chúng" tức là kiêm thiện thiên hạ mà không có hạn lượng. Làm "nhân" đến như thế, tất đến như địa vị Thánh nhân mới làm được nổi; dầu như đời Nghiêu Thuấn mà chư khỏi "nhất dân cơ, nhất dân hàn", thời ai bảo "bác thí tế chúng" là việc dễ !".

Vì vậy nên đức Khổng Tử lại vẽ cho thầy Tử Cống bằng cách làm "nhân" của học giả. Ngài nói rằng :

"Hễ học giả làm việc "nhân", phải do từ thấp lên tới cao, do từ gần đi tới xa, trước hết phải quét sạch lòng riêng vị kỷ, đánh đổ cái giới hạn mình với người : hễ mình muốn tự lập mà khiến cho người cũng được tự lập (**kỷ dục lập nhi lập nhân**), hễ mình muốn được thông đạt thời lo cho người cũng được thông đạt (**kỷ dục đạt nhi đạt nhân**). Hãy gần lấy ở trong lòng mình mà suy dạc đến lòng người, thí dụ lòng người cũng như lòng mình, xem người cũng như mình; lấy cách đối đãi mình mà đối đãi với người (**năng cận thủ thí**), được như thế mới gọi là phương pháp để làm nhân đó vậy. Cách làm

nhân của học giả chỉ ngần ấy mà thôi" (**khả vị nhân chi phương giả dĩ**).

Chúng ta đọc bài này thời biết rằng hoàn toàn được chữ "nhân" tức là Thánh đó rồi, mà phân lượng chữ "nhân" của Thánh nhan tất phải đến "bác thí tế chúng" mới đầy đủ. Sức học vấn như thầy Tử Cống và lại địa vị còn làm học giả thì "tế chúng" làm sao được ? Nhưng hãy thực hành lấy công việc "nhân" ở trên đường thiết cận : "kỷ dục lập nhi lập nhân, kỷ dục đạt nhi đạt nhân", thời tuy chưa được như Thánh nhân đâu, nhưng theo ở nước bước ấy mà bước lên hoài, khi đầu mới kiêm ái từ người, vậy sau mới kiêm ái được cả thảy loài người, chính là bậc thang bước lên đến tận Thánh vậy. Nên bốn chữ "năng cận thủ thí", đức Thánh bảo là "nhân chi phương".

Bài trên ấy là bàn tóm cái công dụng của chữ "nhân".

Bây giờ lại nghiên cứu cho đến chân tinh thần của chữ "nhân". Tuy nhiên chân tinh thần của chữ "nhân" là một thứ vô hình, vô ảnh, vô thanh, vô xú, không phải văn tự ngôn ngữ mà miêu tả cho được rõ ràng. Chúng ta chỉ hội ý ở ngoài tiếng nói mặt chữ mới được. Xem như bài dưới này :

Chương đầu hết thiên **Tử Hãn** có chép một bài :

Tử Hãn ngôn lợi dữ mệnh, dữ nhân.

子罕言利與命，與仁。

Bài này, từng lại các nhà chú thích hay giải sai mất nghĩa (chữ "lợi", "mệnh", "nhân" là danh từ, chữ "dữ" là tiếp tục từ). Bởi vì đạo lý chữ "nhân" và tâm thuật của người "nhân", tất phải bỏ "lợi" và "mệnh" ra ngoài. "Lợi" là cái gì ? Nhất thiết những món có lợi ích riêng cho mình bọi bằng "lợi". Chữ "mệnh" là cái gì ? Nhất thiết những câu dựa vào vận mạng hay mạng số, hay mạng trời, hoặc sinh hoặc tử, hoặc họa hoặc phúc, thảy gọi bằng "mệnh". Hễ người đã làm "nhân" thời không bao giờ tính đến "lợi", nếu còn tính đến "lợi", tất là "vi phú bất nhân", còn làm sao được "nhân" nữa ? Hễ

người dã làm "nhân", tất nhiên phải bỏ "sinh tử họa phúc" ra ngoài; nếu còn nghi tới "sinh tử họa phúc", tức dã trói buộc vì chữ "mệnh" rồi, còn lấy gì làm dược "nhân" nữa ru ? Vậy nên đức Khổng Tử không bao giờ nói chữ "nhân" mà lại nói cặp với chữ "lợi", chữ "mệnh".

Cao dệ ở trong Khổng môn xét được ý đức Khổng Tử như thế, nên chép rằng : "Tử Hãn ngôn lợi dữ mệnh, dữ nhân", nghĩa là, thầy ít khi nói "lợi" với "mệnh" mà kểm kẹp với "nhân". Thích cho thiệt đúng, chỉ là không đem chữ "nhân" nói chung với chữ "lợi" và chữ "mệnh".

Học giả suy cho rõ nghĩa bài này thời có thể nghiên cứu được chân tinh thần của chữ "nhân" rồi đó !

CHƯƠNG XI

LỐI CHÍNH GIÁO CỦA KHỔNG HỌC

Mấy chương trên đã bàn kỹ chữ "nhân" rồi, thiệt là ngoài chữ "nhân" ra, không còn gì là Khổng học, mà phạm vi của Khổng học cũng chỉ tóm vào ở trong chữ "nhân".

Tuy nhiên, "nhân" há phải nói suông dâu ! Tất nghiệm ở nơi thực hành. "Nhân" há phải chính tâm tu thân mà thôi dâu ! Tất phải suy ra những việc "tề gia, trị quốc, bình thiên hạ". Nên bây giờ phải nghiên cứu đến lối chính giáo của Khổng học.

Tử viết : Vi chính dĩ đức, thí như Bắc thần, cư kỳ sở nhi chúng tinh củng chi.

子曰：為政以德，譬如北辰，居其所而眾星拱之

Nghĩa là, làm nhà chính trị mà hay đem đức "nhân" của mình để làm cội gốc cho việc chính trị, tất nhiên nhân dân cảm cách vì đức "nhân" của mình, nói một lời gì ai nấy cũng tin, làm một việc gì ai nấy cũng phục; một người ở yên ngồi lặng mà thiên hạ nghe theo. Ví như ngôi sao Bắc cực, chỉ ở giữa ngôi nó mà bầy sao xúm nhau hướng vào. Cái công hiệu của đức "nhân" to lớn nhất ở trên đường chính trị. Nên lại có mấy bài như sau này :

Quí Khang Tử vấn chính ư Khổng Tử. Khổng Tử

đối viết : Chính giả, chính dã, tử suất dĩ chính, thục cảm bất chính.

季康子問政於孔子．孔子對曰：政者正也，子帥以正，孰敢不正．

Quí Khang Tử là quan Thủ tướng nước Lỗ, hỏi phương pháp "vi chính" với đức Khổng Tử. Ngài trả lời rằng :

"Sở dĩ gọi bằng "chính, có gì lạ đâu ? Chỉ cốt cho "chính" được mà thôi. Nếu ông lo "chính" giữa thân ông, dùng cách "chính" đó mà suất sử người, thời người ở dưới ông, ai lại dám không "chính" ?"

Chữ "chính" ở đây tức là chữ "đức" ở bài trên. Xưa nay chưa có người nào "bất đức" mà "chính" bao giờ.

Quí Khang Tử vấn chính ư Khổng Tử viết : Như sát vô đạo dĩ tựu hữu đạo, hà như ? Khổng Tử đối viết : Tử vi chính, yên dụng sát ? Tử dục thiện nhi dân thiện hỹ; quân tử chi đức phong, tiểu nhân chi đức thảo, thảo thượng chi phong tất yển.

季康子問政於孔子曰：　如殺無道以就有道，何如？孔子對曰：子為政焉用殺？子欲善而民善矣；君子之德風，小人之德草，草上之風必偃．

Quí Khang Tử hỏi với đức Khổng Tử rằng :

Như những đứa vô đạo kia, ta giết nó quách để nhân việc đó ta khiến cho kẻ khác thành ra hữu đạo, có lẽ được hay không ?

Ngài trả lời rằng : "Ông đã có quyền chính trị ở trong tay, cần gì phải dùng đến việc giết người ? (**yên dụng sát** ?). Cốt tự tâm lý ông muốn làm việc lành mà dân cảm hóa vì ông, thảy đều lành cả. (**Tử dục thiện nhi dân thiện hỹ**), đức của quân tử (chữ "quân tử" và "tiểu nhân" ở đây không giống mọi nơi : "quân tử" ở đây, nghĩa là người có phận vị quyền bính, là quan và vua; "tiểu nhân" là dân không có quyền) thổi

ra in như gió, dức của bọn tiểu nhân chiểu theo in như cỏ; ở trên cỏ mà gác gió vào, gió thổi tất cỏ lướt ngay. (**thảo thượng chi phong tất yển**)".

Câu này nói bằng cách thí dụ. Gió là ví bằng người trên, cỏ là ví bằng người dưới; người ở trên dắt dì đường tốt thời người ở dưới theo mà tốt ngay, cũng in như gió dạt được cỏ, không có gì khó.

Tề Cảnh Công vấn chính ư Khổng Tử. Khổng Tử đối viết : Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử.

Công viết : Thiện tai ! Tín như, quân bất quân, thần bất thần, phụ bất phụ, tử bất tử, tuy hữu túc, ngô đắc nhi thực chư ?

齊景公問政於孔子，孔子對曰：君君，臣臣，父父，子子。公曰：善哉！信如，君不君，臣不臣，父不父，子不子，雖有粟，吾得而食諸？

Ông Cảnh Công là vua nước Tề, hỏi chính trị với dức Khổng Tử. Ngài thưa rằng :

"Vua làm cho đúng vua, tôi làm cho đúng tôi, cha làm cho đúng cha, con làm cho đúng con".

Chính trị là một vấn đề rất phiền phức, nhưng dức Khổng Tử nói với Cảnh Công là vua một nước, chỉ có tám chữ mà thôi, nhưng trong tám chữ đó ý nghĩa rất hay. Kể từ Khổng Tử trở về trước, các nhà bàn chính trị hay thiên trọng về quyền "quân" với quyền "phụ", vậy nên "quân phụ" đối với thần tử, thường hay ỷ quyền làm ngang, mà chính trị thường đến nỗi trật ra ngoài khuôn dạo dức, rồi sau thần tử không chịu nổi được áp chế, họ phải phản kháng với "quân phụ", mà loạn tặc mới sinh ra; nước loạn, dân không yên, chỉ nguyên nhân vì "quân bất quân", "phụ bất phụ", "thần bất thần", "tử bất tử" mà thôi. Nên dức Khổng Tử đối với vua Tề, chỉ trả lời bằng tám chữ ấy.

Thích cho hết nghĩa, thời làm vua làm sao cho trọn vẹn

được nghĩa vụ là vua; tôi làm sao cho trọn vẹn được nghĩa vụ làm tôi; cha làm sao cho trọn vẹn được nghĩa vụ làm cha; con làm sao cho trọn được nghĩa vụ làm con. Ý ngài nói rằng : vô luận vua hay tôi, cha hay con, chỉ cốt người nào cho đúng đạo lý người ấy, chẳng có ai là tuyệt đối có quyền chuyên chế cả, mà cũng chẳng ai là không nghĩa vụ đương nhiên cả. Nếu nhà chính trị mà thấy được như thế, có làm gì đến nỗi "quốc vong, dân khốn" nữa đâu ?

Tử Lộ vấn chính, Tử viết : Tiên chi, lao chi; thỉnh ích, viết : vô quyện.

子路問政．子曰：先之勞之．請益，曰：無倦．

Thầy Tử Lộ hỏi việc chính trị, Ngài nói rằng : "Hễ việc gì mình muốn dân làm, thời giữa bản thân mình phải làm lấy trước; việc gì mình đã sai sử dân làm thời mình trước phải chịu khó nhọc với việc ấy". Ý đức Khổng Tử nói bài này là cốt giữa bản thân người làm chính trị, đem mình làm gương cho nhân dân, tất nhiên được lòng dân tín ngưỡng : thấy mình "tiên chi" mà nó phải noi theo, thấy mình "lao chi" mà nó càng cố vũ theo; phương pháp trị dân chẳng còn gì hơn. Nhưng thầy Tử Lộ thấy ngài nói có ý hơi giản dan mà chưa thấy có một chương trình qui mô gì cả, bèn xin ngài dạy thêm (**thỉnh ích**); mong có nghe thêm được điều gì khác. Nhưng đức Thánh chỉ chủ trương về chỗ căn bản, nên ngài nói rằng :

"Mày còn muốn thêm nữa hay sao ? Ta nói "tiên chi, lao chi" là đủ rồi, chỉ sợ mày làm hai việc ấy không bền dai mà thôi; nếu làm hai việc ấy cho thiệt bền dai : đã "tiên chi" thời cứ tiên chi hoài, đã "lao chi" thời cứ lao chi mãi; cả tinh thần và hình thức không bao giờ chán nản mỏi mệt (**vô quyện**), thế là "ích chi" rồi đó.

Tử Trương vấn chính, Tử viết : Cư chi vô quyện, hành chi dĩ trung.

子張問政．子曰：居之無倦，行之以忠．

Thầy Tử Trương vấn chính, ngài nói rằng : "Hễ con nhà

chính trị, gốc ở đem thân mình làm tiêu biểu cho dân; muốn cho dân siêng thời mình phải "cư chi vô quyện" nghĩa là, tu tỉnh lấy thân mình, khi ở thường không bao giờ lười nhác; muốn cho dân tin phục thời tự giữa thân mình phải "hành chi dĩ trung" nghĩa là, đối với nhân dân mà làm những công việc gì, tất phải lấy tấm lòng trung thực mà biểu hiện ở nơi công việc".

Lại có bài này nữa thời biết làm chính trị gốc cốt ở thân mình :

Tử viết : Kỳ thân chính bất lệnh nhi hành; kỳ thân bất chính, tuy lệnh bất tùng.

子曰：其身正不令而行，其身不正雖令而不從。

Tử viết : Cẩu chính kỳ thân hỹ, ư tùng chính hồ hà hữu ! Bất năng chính kỳ thân như năng chính nhân hà ?

子曰：苟正其身矣，於從政乎何有！不能正其身如能正人何？

Nghĩa là, giữa bản thân mình đã chính rồi, tuy không dùng đến hiệu lệnh, mà dân tự nhiên làm theo; nếu giữa bản thân mình đã bất chín thời tuy có mệnh lệnh, mà dân cũng không theo. Thế thời bản thân của người có quyền chính trị quan hệ rất to lớn.

Tóm hết các bài như trên ấy là bàn chính trị mà chuyên thuộc về căn bản vấn đề, chỉ là nói đại cương mà thôi.

Xưa nay trong trường chính trị, thiên điều vạn tự há phải một vài câu đại cương mà hết dâu. Nhưng tất trước đại cương có cử, vậy sau vạn mục mới trương được. "Đại cương" là gì ? Là cốt bản thân những người có quyền chính trị. Bản thân những người ấy đã được như mấy chương trên kia nói, bây giờ mới có thể nhắc tới "vạn mục". Xin xem mấy bài sau này :

Tử viết : Đạo thiên thặng chi quốc, kính sự nhi tín, tiết dụng nhi ái nhân, sử dân dĩ thì.

子曰：道千乘之國，敬事而信，節用而愛人，使民以時。

Cai trị một nước chư hầu là nước có binh xa nghìn cổ (**thiên thặng**), phương pháp thời nên như thế nào ? Người có quyền chính trị đó, tất phải kính cẩn ở khi làm mọi việc, vô luận việc gì đều chăm chỉ giữ dàng mà không dám khinh suất, thế là "kính sự" (**kính sự**). Đã hay "kính sự" rồi, nhưng nếu đến khi xuất phát hiệu lệnh, hoặc có điều gì thất tín với dân thời lòng dân không tin phục, dẫu có "kính sự" mà việc cũng không xong; nên đã "kính sự" mà lại phải giữ lấy được tín với dân (**nhi tín**). Dân đã tín rồi thời các việc chính trị tất cần phải làm việc cho dân. Nhưng trong khi làm việc cho dân đó, phải hết sức dè dặt về đường tiêu dùng. Thế thời việc dân làm nổi, mà tiền của dân ít hao, đó lại là "tiết dụng" (**tiết dụng**.

"Kính, tín, tiết", những việc ấy làm được hoàn toàn thời công việc trị nước đã có thể khỏi thất bại rồi, nhưng muốn cho lòng dân tất thảy thành phục thời lại cốt ở đức "nhân" của mình. Nên lại cần phải sẵn lòng thương người, xem nhân dân như con mình, thế là "ái nhân" (**ái nhân**).

Tuy nhiên, cái tấm lòng "ái nhân" đó, há phải tấm lòng suông mà được ru ? Tất phải biểu hiện ở nơi sự thực.

Sự thực thời nên thế nào ? Việc chính trị ở trong một nước, như đào sông, đắp đường, bắc cầu, xây cống, v.v... hễ những việc hưng lợi trừ hại, tất thảy phải dùng đến sức dân, mà vì lòng mình yêu dân, nên phải nghĩ một phép mà nuôi lấy sức dân, nên lại phải hạn định thì giờ mà sai sử dân cho vừa phải. Tỷ như mùa xuân đương cày, mùa thu đương gặt thời không nên bắt dân làm việc quan, khiến cho chúng nó có thì giờ nghỉ (**sử dân dĩ thì**).

Tử viết : Đạo chi dĩ chính, tể chi dĩ hình, dân miễn nhi vô sỉ; đạo chi dĩ đức, tể chi dĩ lễ, hữu sỉ thả cách...

子曰：道之以政，齊之以刑，民免而無恥，道之以德，齊之以禮，有恥且格。

Bài này là nói chính trị mà kiêm cả giáo dục. Ngài nói rằng :

Phương pháp trị dân ở trong một nước, chỉ theo ở đường ngọn, không bằng theo ở đường gốc. "Ngọn" là gì ? Là pháp luật. "Gốc" là gì ? Là giáo hóa. Pháp luật không phải là không hiệu lực, nhưng hiệu lực chỉ ở trong một lúc; tất phải vun trồng ở nơi cội gốc bằng giáo hóa thời hiệu lực mới được lâu xa. Ví dầu thấy dân chưa được tốt mà lấy chính lịnh đốc suất cho nó (**đạo chi dĩ chính**)- "Đạo", nghĩa là đem, dắt "chính", tức là pháp chế hiệu lệnh; thấy dân có người ngay kẻ gian, người siêng kẻ nhác, không được nhất luật như nhau, mà muốn cho nó được tất thảy tốt tời phải lấy uy quyền hình luật chỉnh tề nó (**tề chi dĩ hình**), "tề", nghĩa là hình luật. Đem hình luật mà hạn chế nó cho được nhất luật, như thế thời dân vẫn có sợ phép tránh lỗi cho tạm khỏi hình phạt ở trong lúc đó, nhưng trong lòng nó không biết lấy việc xấu làm hổ thẹn (**dân miễn nhi vô sỉ**). Đó là công hiệu của chính lệnh xem ra vẫn vấn nhỏ lắm. Nhà chính trị muốn cho công hiệu xa lớn, có chi bằng chú trọng vào đường giáo dục : một phương diện lấy đạo đức giữa tâm thân mà mở mang bày vẽ cho nó, lại một phương diện lấy văn hóa lễ nghĩa mà dắt dưa nó vào khuôn trật tự, dầu nó có quân tử tiểu nhân khác nhau, nhưng mà một quân tử cảm cách được mấy tiểu nhân, nên những bọn tiểu nhân cũng phát động lương tâm, biết xấu thẹn mà tiến lên con đường cải cách (**hữu sỉ thả cách**), "cách", nghĩa là đổi dữ làm lành, cũng có nghĩa là "cải cách".

"Hữu sỉ thả cách", là có lòng biết thẹn mà hay cải cách. Chữ "hữu sỉ" phản đối với chữ "vô sỉ"; chữ "cách" là trái với chữ "miễn" : "miễn", là chỉ khỏi qua trong một lúc; "cách", là bỏ hẳn những điều hư. "Miễn" chỉ là ở ngoài hình thức, "cách" thời thấu vào đến tinh thần.

Ai Công vấn viết : Hà vi tắc dân phục ? Khổng Tử đối viết : Cử trực thố chư uổng, tắc dân phục; cử uổng thố chư trực, tắc dân bất phục.

哀公問曰：何為則民服？孔子對曰：舉直措諸枉則民服；舉枉措諸直則民不服。

Bài này là gửi ý giáo hóa ở trong chính trị. Vua nước Lỗ là ông Ai Công hỏi rằng : Làm thế nào thời dân phục mình ? Ngài thưa rằng : Xét ở trong dân có người nào trực thời cử nó lên ở triều đình, mà những đứa uổng kia ta bỏ đó không cử lên. Như thế thời quần tử được dụng mà tiểu nhân bị bỏ, tất nhiên dân tín phục mình; bởi vì ham người lành, ghét người dữ là rất thuận với lòng dân, có gì là dân chẳng phục nữa dâu ? Nếu trái lại, những người uổng thời cử lên, mà bao nhiêu người trực lại bỏ đi tới dân chẳng phục.

Quí Khang Tử vấn : Sử dân kính, trung dĩ khuyến, như chi hà ? Tử viết : Lâm chi dĩ trang, tắc kính; hiếu từ, tắc trung; cử thiện nhi giáo bất năng, tắc khuyến.

季康子問：使民敬忠以勸，如之何？子曰：臨之以莊，則敬，孝慈則忠，舉善而教不能，則勸。

Quí Khang Tử hỏi : Muốn khiến dân kính với mình, trung với mình, mà dùng đến nó thời nó hết sức, làm thế nào mà được ư ? Ngài nói rằng :

Lấy cách trang nghiêm mà đối với nó thời nó kính với mình; dạy cho nó bằng cách hiếu từ, mà lại giữa bản thân mình trước làm hiếu làm từ cho nó thấy thời nó trung với mình; người nào thiện thời cử lên, mà người nào bất năng thời chớ bỏ nó, phải thiệt lòng dạy bảo cho nó, thế thời người thiện đã vui lòng, mà người bất năng cũng cảm kích, tất nhiên bảo nó làm gì, nó vui lòng làm (**cử thiện nhi giáo bất năng, tắc khuyến**).

Bài này rất chú trọng ở câu sau : Ở trong loài người, người thiện thường số ít, mà người bất năng thường số nhiều; cử người thiện thời dân vẫn dua nhau làm thiện, nhưng mà hạng người bất năng kia, nếu ta bỏ ngỏ nó, không dạy tới nó, thời những hạng người số nhiều không lấy gì mở trí thức,

thêm tài năng, bảo nó khuyến sao được ? Vậy nên đã cử thiện mà lại phải dạy người bất năng. Đó là chú trọng về mặt giáo hóa.

Quí Khang Tử vấn : Do dã, Tứ dã, Cầu dã, khả sử tòng chính dã dư ?

季康子問：由也，賜也，求也，可使從政也歟？

Tử viết : Do dã quả, Tứ dã đạt, Cầu dã nghệ, ư tòng chính hồ hà hữu ?

子曰：由也果，賜也達，求也藝，於從政乎何有？

Quí Khang Tử hỏi rằng : Như thầy Do kia (Do là tên Tử Lộ), thầy Tứ kia (Tứ là tên Tử Cống), thầy Cầu kia (Cầu là tên Nhiệm Hữu), ba người ấy khiến ra làm việc chính trị có tốt hay không ?

Ngài nói rằng : Anh Do kia có tài quả quyết, làm việc có can đảm; anh Tứ kia có tài minh đạt phán đoán được sự lý; anh Cầu kia có tài nghệ, thạo đường thực dụng; cứ như tài ba người ấy, khiến giúp việc chính trị có khó gì ? (**ư tòng chính hồ hà hữu** ?). "Tòng chính", nghĩa là giúp việc chính trị trong nước; "hà hữu", nghĩa là không khó gì.

Bài này là kể nhân tài ở trong trường chính trị. Chính trị chẳng phải là việc rất khó; sở dĩ khó là vì không nhân tài. Có ba hạng tài như trên kia, vừa quả quyết, vừa minh đạt, vừa có tài nghệ ở đường thực nghiệp, thời làm việc chính trị cũng dễ dàng, nên nói rằng "hà hữu". Vậy nên lại có bài này :

Trọng Cung vi Quí thị tể, vấn chính. Tử viết : Tiên hữu tư, xá tiểu quá, cử hiền tài... Viết : Yên tri hiền tài nhi cử chi ? Viết : Cử nhĩ sở tri, nhĩ sở bất tri, nhân kỳ xá chư ?

仲弓為季氏宰，問政。子曰：先有司，赦小過，舉賢才。曰：焉知賢才而舉之？曰：舉爾所知，爾所不知，人其舍諸。

Thầy Trọng Cung làm quan Tể cho họ Quí Thị, có hỏi việc chính trị. Đức Thánh nói rằng : Hễ chính trị, cần nhất là có nhân tài, mà trong đám nhân tài, trước phải lựa chọn những người "hữu tư" (hữu tư, là những quan nhỏ) mà cử mỗi người phải giữ mỗi phần việc; trước phải lựa chọn những người ấy, khiến cho tài người nào xứng chức người ấy thời không việc gì lo đến nỗi thất bại (**tiên hữu tư**).

Tuy nhiên, những người làm việc đó, miễn cho người ta gánh nổi việc, đến như có điều lầm lỗi nhỏ nhen mà ta hà trách nó quá, thường nhiều khi đến nỗi nhân chút vít mà bỏ hết cả hòn ngọc, còn đâu có nhân tài mà dùng cho đủ ! Vậy nên những người hữu tư mà có điều lỗi nhỏ nhen thời mình chớ nên trách phạt họ, ấy là "xá tiểu quá" (**xá tiểu quá**).

Vả lại ở trong những người hữu tư, người nào đức tốt hơn chúng mà gọi bằng tài thời ta nên cử người ấy lên ở vào ngôi cao, như thế thời kẻ trên người dưới, rặt là người xứng chức cả, chính sự còn có việc gì chẳng thành công ?

Nhưng thầy Trọng Cung con nghi câu "Cử hiền tài" là khó, vì lo mình không đủ sức tri nhân, nên lại hỏi rằng :

Làm sao biết được người hiền tài mà cử lên ? Ngài nói rằng : Ở trong cả thảy người đó, tất cũng có người mà mày biết được chắc chắn; người mà mày biết được thời mày cứ cử lên (**cử nhĩ sở tri**), người ta đem loài mà dắt nhau tới mày, dầu có người nào mày không biết, tất nhiên có người mà mày biết đó cử giùm cho mày, thời những người hiền tài còn có người nào bị bỏ đi nữa ru ? (**nhĩ sở bất tri nhân kỳ xá chư** ?).

Chính trị cốt ở có nhân tài, nhưng nhân tài thời làm những việc gì ? Phải xem như các bài sau này :

Tử Cống vấn chính. Tử viết : Túc thực, túc binh, dân tín chi hỹ.

子貢問政．子曰：足食足兵，民信之矣．

Thầy Tử Cống hỏi việc chính trị. Đức Khổng Tử nói rằng : Về mặt kinh tế phải lo làm sao cho đủ gạo thóc, tiền bạc (**túc thực**); về mặt quốc phòng phải làm sao cho đầy đủ quân lính và binh khí (**túc binh**). Hai điều đó đã đủ xong rồi, nhưng lại phải cốt cho đắc nhân tâm, nên đối đãi với dân tất phải thành tín với nó, khiến cho nó tin phục mình (**dân tín chi hỹ**). Ba việc ấy hoàn toàn thời việc chính trị tốt rồi.

Thầy Tử Cống là một bậc người hay nghiên cứu, nghe đức Thánh nói ba điều ấy, thầy lại hỏi rằng : Ba việc đủ cả là việc rất hay, nhưng trong nước rủi có khi biến cố, sinh ra những việc bất trác, tất bất đắc dĩ phải bỏ một việc, ư trong ba việc ấy bỏ việc gì trước ? Ngài nói rằng : Trước phải bỏ việc binh. Bởi vì không ăn thời dân tan mất, nên phải bỏ việc binh mà giữ lấy thực với tín (**Tử Cống viết : Tất bất đắc dĩ nhi khứ, ư tư tam giả hà tiên ? Viết : khử binh.**

子貢曰：必不得以而去，於斯三者何先？曰：去兵。

Thầy Tử Cống lại hỏi rằng : Nếu bất đắc dĩ mà phải bỏ một việc nữa, ư trong hai việc ấy, việc gì nên bỏ trước ? Ngài nói rằng : Thế thời phải bỏ trước việc thực (**Tử Cống viết : Tất bất đắc dĩ nhi khứ, ư tư nhị giả hà tiên ? Tử viết : Khử thực.** 子貢曰：必不得以而去，於斯二者何先？曰：去食 Bởi vì thực có lẽ bỏ được, mà tín thời không có lẽ bỏ được; vì rằng từ xưa đến nay ai nấy cũng có một phen chết : không có thực, chẳng qua chết mà thôi, còn như dân mà dã không tin thời không thể nào đứng được nổi; dẫu còn sống nữa cũng không khác gì không sống đâu. Vậy nên việc tín không bao giờ bỏ được. (**Tử cổ giai hữu tử, dân vô tín bất lập** 自古皆有死，民無信不立).

Xem như bài trên, thời Thánh nhân bàn chính trị, vẫn quý trọng cả thực, cả binh, mà lại quý trọng nhất là chữ "tín". Dẫu đến khi biến cố, vạn bất đắc dĩ khử được binh, khử được thực, mà tín cứ giữ chặt; bởi vì còn có tín, tất còn có dân,

còn có dân thời mong có ngày dựng được nước. Thử xem trong trận Âu Châu đại chiến lần thứ I, nước Bỉ Lợi Thì (Belgique) bị quân nước Đức áp cảnh, kinh thành đã sáp thất thủ, mà vua Bỉ vì giữ tín với dân, nên chịu bỏ nước tránh qua ở Pháp, không chịu hàng phục với Đức. Giữ tin được như thế, sở dĩ sau lúc đình chiến, Bỉ còn là một nước độc lập vững vàng. Nếu lúc đó vua Bỉ bỏ tín mà chịu hàng phục với Đức thời bây giờ có nước Bỉ dâu ? Vậy nên biết lời của Thánh nhân vạn cổ bất dịch.

Việc binh, việc hình là việc rất quan trọng ở trên đường chính trị; nên đức Thánh vẫn thường bàn tới nơi. Ngài nói rằng :

Tử viết : Thiện nhân giáo dân, thất niên diệc khả dĩ tức nhung hỹ.

子曰：善人教民，七年亦可以即戎矣。

Có bậc người gọi bằng thiện nhân là người có đạo đức tốt, người ấy cầm quyền chính trị mà dạy dân, khiến cho nó biết yêu nước, ước chừng bảy năm cũng có thể đưa dân ra chỗ chiến trường được (chữ "tức nhung" nghĩa là ra giữa mặt trận. Vì dân đã có giáo dục đến bảy năm, tất nhiên biết trung với nước mà liều với giặc, vậy nên "khả dĩ tức nhung".

Ngài lại nói rằng : Những hạng dân chưa giáo dục bao giờ mà lùa nó ra giữa mặt trận, đó chỉ là bỏ dân cho giặc vậy. (**Tử viết : Dĩ bất giáo dân chiến, thị vị khí chi**).

子曰：以不教民戰，是謂棄之。

"Bất giáo dân", nghĩa là hạng dân ngu dại dốt nát mà chẳng ai dạy bảo cho nó, hạng dân ấy chẳng biết trung nghĩa là gì, ái quốc là gì, nó thấy giặc mạnh thời theo ngay, lùa nó ra đánh, không phải bỏ nó mà chi ?

Ngài lại thường nói với Tử Lộ về việc binh :

Tử Lộ vấn viết : Tử hành tam quân tắc thùy dữ ? Tử viết : Bạo hổ bằng hà, tử nhi vô hối giả, háo mưu

nhi thành giả dã. Ngô bất dữ dã, tất giả lâm sự nhi cụ.

子路問曰：子行三軍則誰與？子曰：暴虎馮河，死而無悔也，吾不與也．必也臨事而懼，好謀而成者也．

Thầy Tử Lộ hỏi rằng : Thầy dem động đến ba quân thời thầy cho ai đi với thầy ? (**Tử hành tam quân tắc thùy dữ** ?)

Bởi vì thầy Tử Lộ là người hiếu dũng, có chí làm việc binh, đã từng phen ngôn chí với đức Khổng Tử rằng : Do này vậy, nếu được nước chư hầu đủ xe binh ngàn cỗ, mà nước ấy lại ở chét vào khoảng hai nước lớn, gia chi dĩ hồi buổi chiến tranh, nhân chi dĩ thì trời cơ cẩn, hoàn cảnh khó khăn như thế, để Do này làm việc binh, vừa kịp đến ba năm, chắc có thể khiến cho binh nước ấy tất thảy có khí mạnh và biết nghĩa vụ của quốc dân vậy. (**khả sử hữu dũng thả tri phương dã**).

Tử Lộ viết : thiên thặng chi quốc nhiếp hồ đại quốc chi gian, gia chi dĩ sư lữ, nhân chi dĩ cơ cẩn. Do dã vi chi, tỷ cập tam niên, khả sử hữu dũng thả tri phương dã.

子路曰：千乘之國，攝乎大國之間，加之與師旅，因之以饑饉，由也為之，比及三年，可使有勇且知方也．

Vì thầy Tử Lộ có chí về việc binh như thế, nên mới dem việc hành binh mà hỏi với ngài, ngài đáp rằng :

Việc dụng binh há phải những người gan liều, mạnh bướng mà làm xong ru ? Kia chỉ là tay không bắt hùm (**bạo hổ**), mình suông mà qua sông (**bằng hà**), dầu chết mà không phàn nàn, ta không làm với hạng người ấy vậy. Người mà cùng ta chung làm việc binh đó, tất là người làm đến việc mà cẩn thận tiểu tâm, ham mưu chước và quyết đoán làm nên; người ấy là người hay việc binh mà ta mới hay cộng sự đó vậy (**tất dã lâm sự nhi cụ, hiếu mưu nhi thành giả dã**).

Chữ "cụ" ở đây, không phải nghĩa là sợ hãi, chỉ nghĩa là kính cẩn mà không khinh suất; chữ "thành", nghĩa là quả quyết mà không do dự.

Chỉ 8 chữ "Lâm sự nhi cụ, hiếu mưu nhi thành" là thủ đoạn hành binh rất hoàn thiện, Thánh nhân há không phải không học đến việc quân lữ đâu ?

Ngài lại thường bàn đến việc Vệ Linh Công sở dĩ không mất nước :

Tử ngôn : Vệ Linh Công chi vô đạo dã. Khang Tử viết : Phù như thị hồ nhi bất táng ? Khổng Tử viết : Trọng Thúc Ngự trị tân khách, Vương Tôn Giả trị quân lữ, Chúc Đà trị tông miếu, phù như thị hồ kỳ táng ?

子言：衛靈公之無道也，康子曰：夫如是，奚而不喪？孔子曰：仲叔圉治賓客，王孫賈治軍旅，祝鮀治宗廟，夫如是奚其喪！

Ngài nói rằng : Trong nước ấy, nhân tài đủ cả mọi việc : việc ngoại giao là tiếp đãi với tân khách thời có Trọng Thúc Ngự là tay ngoại giao; việc binh chính là việc chỉnh đốn quân lữ thời Vương Tôn Giả là tay trị binh; còn như việc trị tông miếu là việc tế tự, không cần phải dùng đến người đại tài thời Chúc Đà ("Chúc" là chức quan coi việc tế tự trong miếu, "Đà" là tên người), dẫu tiểu nhân cũng cho nó xem việc cúng tế. Dụng nhân tài mà khéo sắp đặt như thế, làm gì mất được nước ru ?

Xem bài ấy thời việc binh với việc ngoại giao, Thánh nhân vẫn lấy làm quý trọng.

Lại xem như việc dưới này :

Trần Thành Tử thí Giản Công, Khổng Tử mộc dục nhi triều, cáo ư Ai Công viết : Trần Hằng thí kỳ quân, thỉnh thảo chi. Công viết : Cáo phù tam tử giả. Chi tam tử cáo bất khả. Khổng Tử viết : Dĩ ngô tùng đại phu chi hậu bất cảm bất cáo dã.

陳成子弒簡公，孔子沐浴而朝，告於哀公曰：陳恆弒其君，請討之。公曰：告夫三子者。之三子告不可。孔子曰：以吾從大夫之後，不敢不告也。

Trần Hàng (Thành Tử) giết vua Giản Công nước Tề, khi ấy ngài đang dạy học trò ở nhà, nghe được việc ấy, ngài vội vàng tắm gội vào triều cáo với vua nước Lỗ rằng : "Quan Đại phu nước Tề là Trần Hàng, nó giết vua nước nó; bởi vì Trần Hàng là tạc thần, người nước Tề dầu có theo nó, chỉ có nửa phần dân mà thôi, nếu tuyển quốc dân nước Lỗ mà đánh với nửa phần dân nước Tề, tất nhiên đánh cũng được".

Ngài tuy có lòng như thế, nhưng vì tam gia là quyền thần của nước Lỗ, nó lại có ý binh Trần Hàng, việc ấy thành ra không làm được. Nhưng chúng ta đọc sách, xem đến việc ấy thời biết Thánh nhân rất có thủ đoạn làm việc đời. Chỉ duy bàn đến việc hình ngục thời ngài không chú trọng về phần pháp luật, mà trọng về phần nhân cách với đạo lý, pháp luật chỉ là giống phụ trợ mà thôi.

Tả truyện : Ai Công thập tứ niên, Khổng Khưu tam nhật trai nhi thỉnh phạt Tề tam. Công viết : Lỗ vị Tề nhược cửu hỹ, tử chi phạt chi tương nhược chi hà ? Đối viết : Trần Hằng thí kỳ quân, dân chi bất dự giả bán, dĩ Lỗ chi chúng gia Tề chi bán khả khắc dã. Công viết : Tử cáo Quí Tôn. Khổng Tử từ, thối nhi cáo nhân viết : Ngô chi tùng đại phu chi hậu dã, cố bất cảm bất ngôn.

左傳：哀公十四年，孔丘三日齋而請伐齊三。公曰：魯為齊弱久矣，子之伐之，將若之何？對曰：陳恆弒其君，民之不與者半，以魯之眾加齊之半可克。公曰：子告季孫；孔子辭，退而告人曰：吾之從大夫之後，也故不敢不言。

Ngài có nói rằng : Nếu chỉ dem cái tài thẩm đoán và mưu mẹo của thầy kiện mà dứng lên nghe việc kiện thời ta

cũng chẳng thua gì người đâu (**thính tụng ngô do nhân dã** 聽訟吾猶人也), chỉ duy cái điều mà ta ưng làm đó, tất khiến cho dân không ai được kiện kia mà ! (**tất dã sử vô tụng hồ** 必也使無訟乎).

Thầy Tử Lộ là một người rất có nhân cách, giữ trung tín, hễ điều gì đã ừ với ai tức khắc phải làm cho đúng tiếng ừ ấy, không bao giờ dã thừa nhận với người mà còn để ui dai không chịu làm (**Tử Lộ vô túc nặc** 子路無宿諾). "Túc nặc", nghĩa là tiếng ừ để đôi ba hôm mới chịu làm. Vì có đức tính sẵn trung tín như thế nên đức Thánh nghĩ rằng : Nhân cách như thầy Tử Do mà đem làm quan Tòa án, chắc là người vào kiện sẵn lòng tin phục mà phân xử được rất mau. Nên ngài có câu nói rằng : Chỉ có nửa lời nói mà bẻ được ngục ngay, chắc là Do đó mà ! (**Tử viết : Phiến ngôn khả dĩ chiết ngục dã, kỳ Do dã dư** ?).

子曰：片言可以折獄也其由也與？

Xem như hai bài trên ấy thời biết rằng Thánh nhân đối với hình ngục, rất quý trọng nhân cách củ người làm quan hình ngục; hình ngục bớt được bao nhiêu thời Thánh nhân càng bằng lòng bấy nhiêu. Vậy nên không quý trọng thính tụng, mà cầu cho được vô tụng. Nên ngài lại nói bài dưới đây :

Tử viết : Thiện nhân vi bang, bách niên diệc khả dĩ thắng tàn, khử sát hỹ.

子曰：善人為邦，百年亦可以勝殘，去殺矣。

Hễ những bậc thiện nhân, nếu cứ nối nhau trị nước, lâu đến trăm năm cũng có thể trừ hết tàn bạo, bỏ được chém giết rồi.

Chữ "khử sát" đây chính là một ý tứ như chữ "vô tụng". Hễ đến lúc văn minh tăng tiến, giáo hóa đại hành, tục dời dã trở lại hỗn thuần, lòng người dã tất thảy lương thiện, dân dã không tranh kiện nhau, thời còn phải chém giết gì nữa ? Thánh nhân đối với chính trị, chỉ muốn được như thế. Nhưng than ôi ! Thế đạo ngày càng lùi trụt, nhân tâm ngày càng

gian dối, sóng tham tàn từ trên chảy xuống ào ào, khí yêu ma từ Tây qua Đông, đầy trời vụt vụt, biết bao giờ thấy được "vô tụng" và "khử sát" đó ru ?

Thầy Tăng Tử có người học trò làm quan tòa án tên là Dương Phu, đem việc trị ngục hỏi với thầy. Thầy Tăng là một người rất biết ý đức Khổng Tử, nên nói với Dương Phu rằng :

Dương Phu vi sĩ sư, vấn ư Tăng Tử. Tăng Tử viết : Thượng thất kỳ đạo, dân tán cửu hỹ; như đắc kỳ tình tắc ai căng nhi vật hỹ.

陽膚為士師，問於曾子，曾子曰：上失其道，民散久矣；如得其情則哀矜而勿喜。

Người có quyền ở bề trên, bỏ mất hết lối phải về đường chính trị, chính chẳng chính gì hay, giáo chẳng giáo gì tốt (**thượng thất kỳ đạo**), dân ở lúc bấy giờ, dạy chẳng ai dạy, nuôi chẳng ai nuôi, cha con anh em không thương nhau, nòi giống giòng họ ghét bỏ nhau, tan tác chia lìa đã lâu ngày rồi đó (**dân tán cửu hỹ**), dẫu kiện nhau, ghét nhau, giết nhau, là tình thật vẫn có thế, nhưng há phải ác ở dân dâu ! Bây giờ anh lo làm quan tòa, nếu khi anh thẩm vấn mà xét ra được tình thật của chúng nó (**như đắc kỳ tình**), chúng nó dành có tội mặc dầu, nhưng anh đem tấm lòng nhân từ vì nó mà đau xót (**ai căng**) cho nó, chớ lấy mình là minh đoán mà có bụng mừng (**tắc ai căng nhi vật hỹ**).

Bốn chữ "ai căng vật hỹ", thiệt là tâm sự in như Thánh nhân. Đau đớn thay ! Thảm thiết thay ! Dân có tội gì dâu ! Chỉ có tội ngu, mà sở dĩ ngu là tội tại không người nuôi, không người dạy. Kẻ có quyền chính trị ở trên dân đó thời lại tội biết chừng nào ? Nên thầy Tăng phán đoán bằng một câu "thượng thất kỳ đạo".

Trên trường chính trị lại còn có việc ngoại giao, nên ở trong Khổng học lại kiêm trọng về việc ngoại giao nữa.

Ngoại giao thời cốt ở việc gì ? Cần thứ nhất là việc "từ lệnh". "Từ lệnh", nghĩa là chỉ lấy ngòi bút tấc lưỡi mà chống chỏi với gươm súng của nhà cầm quyền; có khi một tờ giấy mà đuổi được địch quân; có khi một câu nói mà tôn được quốc thể, thế thời "từ lệnh" chẳng phải là quan hệ lắm hay sao ? Nhưng muốn cho từ lệnh hay, tất phải dùng những tay ở trong dám học vấn. Người học vấn có làm được từ lệnh ngoại giao mới là học hữu dụng. Đức Thánh trông cho học giả học bằng cách có thực dụng, nên Ngài nói rằng :

Tụng chi tam bách, thụ chi dĩ chính, bất đạt, sứ ư tứ phương, bất năng chuyên đối, tuy đa diệc hề dĩ vi ?

誦詩三百，授之以政，不達，使於四方，不能專對，雖多亦奚以為？

Nếu có người kia đọc Kinh Thi hết cả ba trăm thiên, nghe hết tình trạng của liệt quốc, biết hết sự tình cả xưa nay; học đến như thế không phải là ít (**tụng thi tam bách**), nhưng nếu đem chính sự trao cho nó, nó không thông suốt được (**thụ chi dĩ chính bất đạt**), bảo nó ra đi sứ ở các nước bốn phương, tất phải chờ người bày vẽ mới nói được, không hay tự mình đối đáp cho trơn (**sứ ư tứ phương bất năng chuyên đối**). "Chuyên đối", là chuyên việc đối đáp, tức là "từ lệnh". Người có học mà khi ra làm việc chính trị ngoại giao dốt đặc như thế, tuy học nhiều mà làm gì !" (**tuy đa diệc hề dĩ vi** !).

Hai chữ "chuyên đối" rất có trách nhiệm ở chữ "chuyên"; bởi vì sứ thần đi ra nước ngoài là thay mặt cho người cả nước mình, nên trách nhiệm thuộc về đối đáp là chuyên trách ở sứ giả; bây giờ bất năng chuyên đối thời có sứ giả mà làm gì ?

Vì quý trọng việc từ lệnh và ngoại giao, nên Ngài thường có bàn việc nước Trịnh.

Nước Trịnh là một nước nhỏ đời Xuân Thu, ở chen vào chính giữa bốn nước lớn (Tấn, Sở, Tề, Trần), nhưng mà Trịnh không đến nỗi mất nước. Rằng vì quân mệnh ư ? Không phải. Vì của nhiều ư ? Không phải. Sở dĩ đối phó với các

nước láng giềng mà chống chỏi được với thì cuộc, chỉ cậy có từ lệnh ngoại giao mà thôi. Nên đức Thánh rất ngợi khen cho từ lệnh nước Trịnh buổi ấy. Ngài có nói rằng :

Vi mệnh, Tỳ Thẩm thảo sáng chi, Thế Thúc thảo lôn chi (luận đọc "lôn") **Hành nhân Tử Vũ tu sức chi, Đông lý Tử Sản nhuận sắc chi.**

為命，裨諶草創之，世叔討論之，行人子羽修飾之，東里子產潤色之。

("Hành nhân" là tên quan chức. "Đông lý" là xóm ở của ông Tử Sản người đi ra ngoại quốc).

Nước Trịnh khi ứng phó với việc ngoại giao, cần phải có một bài từ lệnh (**vi mệnh**), tất phải trải qua tay bốn người : bắt đầu thời Tỳ Thẩm là người có mưu chước giỏi, giao cho thảo ra bản cảo (**thảo sáng chi**); thứ hai là Thế Thúc là người hiểu sự lý và hay văn tự thời thương xác bàn bạc lại cho kỹ (**thảo lôn chi**); thứ ba là Hành nhân Tử Vũ là người văn tự rất tốt và lại tình trạng ngoại giao rất thông thạo thời giao cho trau chuốt xén gọt lại cho thật hay (**tu sức chi**). Ba người ấy làm đủ công việc rồi mới trao cho quan Thủ tướng là Tử Sản (ông ấy là tay chính trị rất giỏi) đem từ lệnh đó xem đi khảo lại, nhuận sắc cho được thập phần hoàn toàn (**nhuận sắc chi**).

Như thế là chỉ có một tờ giấy đưa đi ngoại quốc, một câu nói để ứng phó với cường quyền, mà người thời thảo sáng, người thời thảo lôn, lại có người tu sức, còn có người nhuận sắc nữa, rật là những người đúng nhân tài. Vậy nên nước Trịnh không bị áp bức với bốn nước mạnh, chính là công hiệu của từ lệnh đó vậy.

Đức Khổng Tử lại rất chăm ý vào đường thực nghiệp làm trọng, nên thường lúc Phàn Trì xin học nghề trồng tỉa với ngài, ngài nói rằng :

"Trí thức thuộc về cày cấy trồng tỉa, ta thiệt không bằng các người dân cày già" (**ngô bất như lão nông**).

Xin học nghề làm vườn (**học vi phố**), ngài nói rằng : "Trí thức thuộc về nghề làm vườn ta thiệt không bằng ông già làm vườn" (**ngô bất như lão phố**).

"Lão nông", "lão phố", nghĩa là những người làm việc nông phố đã lão luyện.

Phàn Trì thỉnh học giá, Tử viết : Ngô bất như lão nông. Thỉnh học vi phố, Tử viết : Ngô bất như lão phố.

樊遲請學稼．子曰：吾不如老農．請學為圃．子曰：吾不如老圃．

Bài này ngài đối với "lão nông, lão phố" mà tự nhận mình "bất như" là ngài có ý quý tọng những người làm thực nghiệp, mà tự nghĩ không bằng họ thiệt, chứ chẳng phải ngài không biết làm việc nông phố dâu. Nếu ngài không biết làm nông phố thời có sao Phàn Trì lại thỉnh học với ngài ? Thế thời Phàn Trì chẳng là vô ý thức hay sao ?

Chúng ta xem hai chữ "bất như" thời biết rằng Thánh nhân không bao giờ khinh rẻ những người làm thực nghiệp.

Tử viết : Tứ bất thụ mệnh nhi hóa thực yên, ức tắc lũ trúng

子曰：賜不受命而化殖焉，億則屢中．

Trong học trò của đức Thánh, duy thầy Tử Cống có tài làm giàu nhất, nên ngài khen cho rằng :

Người ta thường nói giàu đối là có mệnh trời. Anh Tứ kia không chịu ngồi nghe mệnh trời (**Tứ bất thụ mệnh**) mà chăm chỉ bằng nghề buôn, làm việc hóa thực rất giỏi (**nhi hóa thực yên**). "Hóa thực", nghĩa là sinh sản phẩm mà thường hay nói "tài hóa" hay "quốc hóa". "Thực", nghĩa là vun trồng cho ngày càng nẩy nở. Vì anh có tài sáng suốt ở việc buôn, chỉ tự ý anh đon lường trước những cuộc lỗi lỗ hơn thua, mà đon cái gì thường thường hay trúng cái ấy (**ức tắc lũ trúng**).

Tử viết : Cẩu dã, phi ngô đố dã, tiểu tử minh cổ nhi

công chi, khả dã. Quý Thị phú ư Châu Công, nhi Cầu dã vi chi tụ liệm nhi phụ ích chi.

子曰：求也非吾徒也，小子鳴鼓而攻之，可也。季氏富於周公，而求也為之聚敛而附益之。

Tài làm giàu như thầy Tử Cống thời đức Thánh khen. Nhưng cách làm giàu như thầy Nhiệm Cầu thời ngài ghét lắm, đến nỗi nói rằng : Anh Cầu kia không phải học trò ta đâu (**phi ngô đồ dã**), các anh nên đánh trống mà trị tội nó đi (**tiểu tử minh cổ nhi công chi khả dã**).

Ngài sở dĩ trách Nhiệm Cầu đến thế là vì cách làm giàu của Nhiệm Cầu khác hẳn với cách làm giàu của thầy Tử Cống.

Quý Thị đã giàu hơn Châu Công, mà Nhiệm Cầu còn vì nó mà vơ vét của dân để làm giàu cho Quý Thị (**Quý thị phú ư Châu Công nhi Cầu dã vị chi tụ liệm nhi phụ ích chi**). Như thế thời cách làm giàu của Nhiệm Cầu, chỉ là bóc lột của dân mà làm thêm béo cho nhà quyền thế, nên Khổng Tử phải ghét cách làm giàu ấy. Nếu Nhiệm Cầu cũng làm giàu như Tử Cống thời Khổng Tử có bao giờ ghét đâu.

Ngài lại thường để ý đến những món công nghiệp, dầu một nghề gì, người đời thường kể là ty tiện, mà ngài vẫn xem là việc đáng làm. Có người khen ngài rằng : Phu Tử chắc là bậc Thánh đó mà ! Sao mà nhiều tài nghề như thế ? (**hà kỳ đa năng dã**)

Vì người ta khen bậy, nên ngài không chịu nhận lời mà nói rằng : Ta vì lúc còn trẻ đương ty tiện, vậy nên ta đa năng bỉ sự.

Hoặc viết : Phu tử thánh giả dư ? Hà kỳ đa năng dã. Tử viết : Ngô thiếu dã tiện, cố đa năng bỉ sự...

或曰：夫子聖者與！何其多能也？子曰：吾少也賤，故多能鄙事。

Chúng ta xem hai chữ "đa năng" thời biết không nghề

gì mà đức Thánh không nghiên cứu đến nơi, tức như có người ở làng Đạt Hạng khen ngài rằng : "Đại tai Khổng Tử ! Bác học nhi vô sở thành danh", nghĩa là : To lớn vậy thay đức Khổng Tử ! Học vấn thiệt rộng mà không thành m ột cái danh là nghề gì !

Ngài nghe lới ấy, bảo với học trò rằng : Nếu ta muốn cho thành danh, tất phải chuyên làm một nghề gì cho tinh (**ngô hà chấp**); chuyên làm nghề đánh xe rư ? (**chấp ngự hồ** ?); chuyên nghề bán rư ? (**chấp xạ hồ** ?), chắc ta phải làm nghề đánh xe đó (**ngô chấp ngự hỹ**)

Đạt Hạng đảng nhân viết : Đại tai Khổng Tử ! Bác học nhi vô sở thành danh. Tử văn chi, vị môn đệ tử viết : Ngô hà chấp ? Chấp ngự hồ ? Chấp xạ hồ ? Ngô chấp ngự hỹ.

達巷黨人曰：大哉孔子！博學而無所成名。子聞之，謂門弟子曰：吾何執？執御乎？執射乎？吾執御矣。

Xem như mấy bài trên ấy thời biết đức Khổng Tử vẫn lấy công nghệ làm quý trọng. Vậy nên bàn đến việc Thánh nhân mà ngài kể đến Nhiệm Cầu chi nghệ; chính giữa ngài tự thuật việc ngài mà ngài cũng nói rằng : **Ngô bất thí cố nghệ** (**吾不試故藝**), nghĩa là bởi ta không được làm quan ở triều đình (**ngô bất thí**), nên tay hay tập những việc công nghệ (hai chữ "cố nghệ", chớ nhận lầm chữ "cố" : cố không phải nghĩa bằng "cho nên", mà nghĩa chữ "cố" là cố... là sẵn). Ngài nói ngài bình thường là một người làm công nghệ.

Ngài lại thường chú ý đến nghề âm nhạc, nên có hai bài như sau này :

Ngô tự Vệ phản Lỗ, nhiên hậu nhạc chính, Nhã Tụng các đắc kỳ sở.

吾自衛反魯，然後樂正，雅頌各得其所。

Từ khi ta bỏ nước Vệ về nước nha (Lỗ), vậy sau các thứ

âm nhạc mới đính chính lại xong : thứ nhạc gì hợp vào thể tiếng Nhã, thứ nhạc gì hợp vào thể tiếng Tụng, tất thảy đúng vào khuôn nhịp (**các đắc kỳ sở**).

Tử viết : sư Chí chi thỉ, Quan thư chi loạn, dương dương hồ dĩnh nhĩ tai.

子曰：師摯之始，關雎之亂，洋洋乎盈耳哉！

Lúc đầu quan nhạc sư tên là Chí còn ở chức xem việc làm nhạc thời bát đầu khởi nhạc cho đến khúc cuối cùng thơ Quan thư (**sư Chí chi thỉ, Quan thư chi loạn**). "Loạn", nghĩa là khúc cuối cùng. Một giây âm hưởng từ đầu tới cuối, rực rực rầm rầm, đầy bên lỗ tai vậy thay ! (**dương dương hồ dĩnh nhĩ tai** !).

Xem mấy bài đó thời biết âm nhạc cũng quan hệ với chính trị. Vậy nên đến lúc nước Lỗ loạn, trên vũ đài chính trị bùng bịt những mù tối mây đen, nữ nhạc ở nước Tề đưa sang tghời các quan nhạc sư ở nước Lỗ phải bỏ đi ráo. Quan Thái sư là Chí đi qua nước Tề, quan Á phạn là Can đi qua nước Sở, quan Tam phạn là Liệu đi qua nước Thái, quan Tứ phạn là Khuyết đi qua nước Tần, quan đánh trống đào là Võ đi vào cạnh sông Hán, quan Thiếu sư là Dương, quan Kích khánh là Tương đi vào nơi bờ bể, bao nhiêu bậc có tài làm nhạc, vì tránh đời loạn mà đi tứ tung. Bởi vì lễ nhạc chẳng ra trò gì, chính là bức gương phản chiếu cho chính trị ác liệt. Nên đức Khổng Tử ở lúc đó bỏ nước Lỗ ra đi (**Tề nhân quy nữ nhạc, Quí Hoàn Tử thụ chi, tam nhật bất triều, Khổng Tử hành...**

齊人歸女樂，季桓子受之，三日不朝，孔子行).

Thái sư Chí thích Tề, Á phạn Can thích Sở, Tam phạn Liệu thích Tần, Tứ phạn Khuyết thích Thái, Cổ Phương Thúc nhập ư bà, Bá giao Võ nhập ư Hán, Thiếu sư Dương, Kích khánh Tương nhập ư hải...

太師摯適齊，亞飯干適楚，三飯繚適秦，四飯缺

適蔡，鼓方叔入於河，播鼗武入於漢，少師陽，擊磬襄入於海。

Tử ngữ Lỗ Thái sư nhạc viết :

Nhạc kỳ tri dã. Thỉ tác hấp như dã, tòng chi thuần như dã, kiểu như dã, dịch như dã, dĩ thành.

子語魯太師樂曰：樂其可知也，始作，翕如也，從之，純如也，皦如也，繹如也，以成。

Xem như các việc ấy, thời những người có mát chính trị tất cũng phải để mát vào chỗ lễ nhạc. Những nước nào lễ nhạc dã xấu, tất nhiên nước ấy là không chính trị, nên đức Khổng Tử có bài nói nhạc với quan Thái sư nước Lỗ rằng :

Công việc làm nhạc là việc rất nên nghiên cứu (**nhạc kỳ khả tri dã**). Bắt đầu nhạc mới làm, nhóm họp đủ các thức vậy (**thỉ tác hấp như dã**), tiếp tục đó thức nào rành ra thức nấy (**tòng chi thuần như dã**), tiếng nào rõ ràng ra tiếng nấy (**kiểu như dã**), thảy cả thanh âm tiết tấu nào, có tầng thứ tiếp tục với nhau cho đến lúc nhạc hoàn thành (**dịch như dã dĩ thành**).

Bài này là bài đức Thánh kể nhạc rất kỹ. Nếu âm nhạc mà không quan hệ đến chính trị thời đức Thánh có cần gì nghiên cứu cho mất công

Tử tại Tề văn Thiều, tam nguyệt bất tri nhục vị, viết : Bất đồ vi nhạc chi chí ư tư dã.

子在齊聞韶，三月不知肉味。曰：不圖為樂之至於斯也！

Đức Thánh khi ở tại Tề, nghe tấu nhạc thiều, say thích quá mà đến nỗi trong ba tháng luôn, mỗi khi đến bữa ăn, quên lửng cả mùi thịt (**tam nguyệt bất tri nhục vị**), nên nỗi ngài đắc ý quá mà nói rằng : "Ta chẳng ngờ làm nhạc mà tốt đẹp hòa bình đến như thế" (**bất đồ vi nhạc chi chí ư tư dã**).

Tử vị thiều tận mỹ hỹ, hựu tận thiện dã; vị vũ tận mỹ hỹ, vị tận thiện dã.

子謂韶盡美矣，又盡善也。謂武盡美矣，未盡善也。

Ngài ngợi khen nhạc thiều rằng : âm dung hết mực tốt rồi vậy, mà lại hình dung được đức chính của đời ấy hết mực phải rồi vậy. Ngài khen nhạc vũ rằng : âm dụng hết mực tốt rồi vậy, nhưng mà hình dung đức chính của đời ấy chưa được hết mực phải đó vậy.

Vì sao có hai bài này ? Bởi vì âm nhạc có giây dính đến chính trị riết lắm. Chính trị đời xưa ở nước Tàu, thứ nhất là đời Ngu Thuấn, thứ nhì là đời Chu Vũ Vương. Nhân vì chính trị hai đời ấy có so se với nhau, nên nỗi âm nhạc cũng không in nhau. Âm nhạc thiệt là con đẻ của chính trị. Nhạc thiều là nhạc của đời Ngu Thuấn. Đời ấy chính trị rất tốt, không có cái tên cộng hòa, mà thực thời nhân dân tự do sung sướng hơn cộng hòa ở đời nay, nên lòng người vui vẻ, hình dung vào trong âm nhạc càng đậm đà lắm. Đức Thánh sở dĩ say nhạc thiều mà khen rằng : "Tận mỹ hỹ, hựu tận thiện dã". Còn như nhạc vũ là nhạc của đời nhà Chu. Đời ấy tuy chính trị cũng không xấu, nhưng nhân dân ở trong cuộc chiến tranh mới ra, kể về hạnh phúc tự do thời thua đời Ngu Thuấn xa lắm, nên nhân tình biểu hiện ra ở nơi âm nhạc cũng chẳng lấy gì được thập phần hòa bình, nên đức Thánh bảo rằng : "Tận mỹ hỹ, vị tận thiện dã".

Tác giả sở dĩ thích kỹ bài này, muốn cho học giả biết âm nhạc là một bức chiếu ảnh của chính trị : hễ trong đời chính trị xấu thời không âm nhạc gì đáng lọt vào tai; mà xem ở âm nhạc chẳng ra gì : nào là tiếng dâm, điệu thảm, càng chứng nghiệm được vong quốc chi âm và loạn thế chi âm, nên con mát nhà chính trị chẳng ai chẳng nên để ý vào âm nhạc.

Thầy Tử Trương hỏi rằng : như thế nào thời ra làm việc chính trị mà hay được ? Đức Thánh nói rằng : Tôn trọng lấy

5 điều tốt, trừ bỏ hết 4 điều xấu (**Tôn ngũ mỹ, bĩnh tứ ác** 尊五美，屏四惡) thời làm việc chính trị hay rồi.

Thầy Tử Trương lại hỏi rằng :

"Những điều gì là 5 điều tốt ?".

Ngài nói rằng :

"Những người quân tử làm ơn cho người mà không tổn hại đến mình (**huệ nhi bất phí** 惠而不費), làm mệt nhọc người mà mình không mắc lấy oán (**lao nhi bất oán** 勞而不怨), vẫn có lòng ưng muốn mà không phải là tham (**dục nhi bất tham** 欲而不貪), vẫn yên vui mà không ra cách kiêu ngạo (**thái nhi bất kiêu** 泰而不驕), vẫn có uy nghiêm mà không ra cách dữ tợn (**uy nhi bất mãnh** 威而不猛).

Thầy Tử Trương lại hỏi rằng :

"Kể năm điều tốt ấy thời như thế nào ?" (**hà vĩ ngũ mỹ** ?).

Ngài nói rằng :

"Nhân những cái lợi của dân mà dân đã ưng lợi thời ta cứ để cho nó lợi (**nhân dân chi sở lợi nhi lợi chi**), chẳng phải là làm ơn mà không tổn hay sao ? (**tư bất diệc huệ nhi bất phí hồ** ?). Chọn những việc gì đáng khó nhọc mà trao khó nhọc cho nó, vốn khó nhọc mà có ích với dân (**trạch khả lao nhi lao chi**), lại còn ai oán mình nữa ? (**hựu thùy oán** ?). Lòng mình chỉ ưa muốn về việc nhân mà kiết quả sở đắc cũng là nhân (**dục nhân nhi đắc nhân**), lại còn có gì là tham đâu ? (**hựu yên tham** ?). Hễ quân tử đối với người trong nước, không kỳ dám đông người hay ít người, không kỳ việc nhỏ hay việc lớn, chẳng bao giờ dám khinh lờn (**quân tử vô chúng quả, vô tiểu đại, vô cảm mạn**) chẳng phải là thái nhi bất kiêu hay sao ? (**tư bất diệc thái nhi bất kiêu hồ** ?). Hễ người quân tử chỉnh chiện lấy áo mão mình, tôn nghiêm dung dáng, xem dòm ở nơi mình, nghiễm nhiên người ta trông vào mà kính sợ mình (**chính kỳ y quan, tôn kỳ**

chiêm thị, nghiễm nhiên nhân vọng nhi úy chi), chẳng phải là uy nhi bất mãnh hay sao ? (**tư bất diệc uy nhi bất mãnh hồ** ?)".

Thầy Tử Trương lại hỏi rằng : "Những cái gì là 4 điều xấu ?".

Ngài nói rằng :

"Chẳng tẳng dạy dân mà đem nó ra giết, đó là một cái độc ác gọi bằng ngược (**bất giáo nhi sát vị chi ngược**); không sản sóc nhắc nhủ cho nó mà thột nhiên trách thành công với nó (**bất giới thị thành**), đó là một điều ác gọi bằng bạo (**vị chi bạo**); xuất hiệu thi lệnh thời lơ lửng khinh lờn, mà lại dốc xúc kỳ hạn quá chừng nghiêm khắc (**mạn lệnh trí kỳ**), đó lại là một điều ác gọi bằng tặc (**vị chi tặc**) ("tặc", nghĩa là làm hại dân, không khác gì giặc); gặp những việc đáng chi tiêu hay thu nhập, cũng chỉ lệ thường như người ta vậy mà còn bòn xẻn từ một lúc xuất một lúc nạp (**do chi dữ nhân dã, xuất nạp chi lận**), đó lại là một chuyện ác gọi bằng hữu tư (**vị chi hữu tư**) ("hữu tư", nghĩa là chỉ dáng lẩ một chức quan lại nhỏ mà không thành thể thống một nhà chính trị)".

Tử Trương vấn ư Khổng Tử viết : Hà như tư khả dĩ tòng chính hỹ ? - Tử viết : Tôn ngũ mỹ, bĩnh tứ ác, tư khả dĩ tòng chính hỹ - Tử Trương viết : Hà vị ngũ mỹ - Tử viết : Quân tử huệ nhi bất phí, lao nhi bất oán, dục nhi bất tham, thái nhi bất kiêu, uy nhi bất mãnh - Tử Trương viết : Hà vị huệ nhi bất phí ? - Tử viết : Nhân dân chi sở lợi nhi lợi chi, tư bất diệc huệ nhi bất phí hồ ? Trạch khả lao nhi lao chi, hựu thùy oán ? Dục nhân nhi đắc nhân, hựu yên tham ? Quân tử vô chúng quả, vô tiểu đại, vô cảm mạnh, tư bất diệc thái nhi bất kiêu hồ ? Quân tử chính kỳ y quan, tôn kỳ chiêm thị, nghiễm nhiên nhân vọng nhi úy chi, tư bất diệc uy nhi bất mạnh hồ ? - Tử Trương viết : Hà vị tứ ác ? - Tử viết: Bất giáo nhi sát, vị chi ngược, bất giới thị thành vị

chi bạo, mạn lệnh trí kỳ vị chi tặc; do chi dữ nhân dã, xuất nạp chi lận, vị chi hữu ty.

子張問於孔子曰：何如斯可以從政矣？子曰：尊五美，屏四惡，斯可以從政矣。子張曰：何謂五美？子曰：君子惠而不費，勞而不怨，欲而不貪，泰而不驕，威而不猛。子張曰：何謂惠而不費？子曰：因民之所利而利之，斯不亦惠而不費乎？擇可勞而勞之，又誰怨？欲仁而得仁，又焉貪？君子無眾寡，無小大，無敢慢，斯不亦泰而不驕乎？君子正其衣冠，尊其瞻視，儼然人望而畏之，斯不亦威而不猛乎？

子張曰：何謂四惡？子曰：不教而殺，謂之虐；不戒而成，謂之暴；慢令致期，謂之賊；猶之與人也，出納之吝，謂之有司。

Chúng ta đọc đến bài này mà dạu dớn cho chính trị ở đời sau, ngữ mỹ thật không có chỗ trông mong, mà chỉ trông mong cho khỏi được tứ ác, thử xem dã ai không tứ ác chưa ?

Kết luận

Tác giả muốn kết thúc chương này, xin trích cử lấy 4 bài ở trong **Luận Ngữ**.

Thiên *Tử Lộ* có chép một bài rằng :

Tử thích Vệ, Nhiệm Hữu bộc, Tử viết : Thứ hỹ tai ! Nhiệm Hữu viết : Ký thứ hỹ, hựu hà gia yên ? Viết : Phú chi. Viết : Ký phú hỹ, hựu hà gia yên ? Viết : Giáo chi.

子適衛，冉有僕，子曰：庶矣哉！　冉有曰：既庶矣，又何加焉？　曰：富之。　曰：既富矣，又何加焉？　曰：教之。

Ngài qua nước Vệ, thấy Nhiễm Hữu đánh xe cho ngài. Ngài ở trên xe trông thấy nhân dân nước Vệ sinh tụ phồn thịnh, nói với Nhiệm Hữu rằng : Như dân nước này cũng đã đông nhiều rồi đó (**thứ hỹ tai** !). Thầy Nhiễm Hữu hỏi rằng : Đã đông rồi, lại thêm vào việc gì nữa ? (**ký thứ hỹ, hựu hà gia yên**). Ngài nói : "Phải làm giàu cho nó chứ gì ? Bởi vì người đông mà của không giàu thời dân tất phải khốn khổ, chẳng phải tội tại nhà chính trị hay sao ? (**viết : phú chi**). Thầy Nhiễm Hữu lại hỏi rằng : Dân đã giàu rồi, lại nên thêm vào việc gì nữa ? Thầy nói rằng : Phải dạy cho nó, bởi vì dân giàu mà không dạy, tất đến nỗi kiêu sa, dâm dật, mà loạn tặc nhân nhân đó sinh ra, đó lại là tội tại nhà chính trị đó vậy (**viết : giáo chi**).

Xem như bài này, chỉ có 3 chữ : "thứ, phú, giáo" mà đường lối công việc nhà chính trị không thiếu một tý gì : Đã thứ, tất phải thêm vào phú; đã phú, tất phải thêm vào giáo. Người có quyền chính trị, hết sức ở các việc nuôi dân thời dân mới được thứ và phú, hết sức vào việc dạy dân thời kết quả của "phú, thứ" mới được thập phần viên mãn. Dân đông nhiều mà biết thương yêu nhau; dân giàu có mà biết giữ lễ, nghĩa, liêm, sỉ, chỉ duy dân ở nước có giáo dục mà thôi. Kia như những nước dân đói nghèo, mà trong nước ấy toàn vô giáo dục, thời đâu có đông người nữa cũng chỉ là trâu ngựa mà thôi.

Nhan Uyên vấn vi bang, Tử viết : Hành Hạ chi thì, thừa Ân chi lộ, phục Chu chi miện, nhạc tắc Thiều vũ; phóng Trịnh thanh, viễn nịnh nhân; Trịnh thanh dâm, nịnh nhân đãi.

顏淵問為邦，子曰：行夏之時，乘殷之輅，服周冕，樂則韶舞，放鄭聲，遠佞人；鄭聲淫，佞人殆

Thầy Nhan Uyên là học trò cao nhất trong Khổng môn, người ta thấy thầy ăn chỉ một đai cơm, uống chỉ một bầu nước, núp nép ở trong ngõ hẹp, không thay đổi cái điều vui của mình (**nhất đan tự, nhất biều ẩm, tại lậu hạng, bất cải kỳ lạc**

一單，食，一瓢飲，在陋巷不改其樂），e nghi Thầy không nghĩ tới đường chính trị. Nhưng có phải thế đâu ! Người đời xưa đã học, tất muốn hành, mà một người như thầy Nhan thời chí hành lại càng to lắm. Thầy chẳng cần lấy một chức, một quan làm điều đâu. Chí thầy muốn được quyền chính trị một nước mà làm lấy kia. Vậy nên thầy mới hỏi đạo trị nước với đức Khổng Tử. Ý đức Khổng Tử kỳ vọng với thầy Nhan cũng rất to lớn, nên ngài mới tóm góp hết những công việc trị thiên hạ mà nói với thầy Nhan rằng : "Hễ công việc làm nước, dầu việc to hay nhỏ, dầu việc hưng lợi hay việc trừ hại, tất phải thuận với thì trời, tức như phép làm lịch, định ra tháng đầu năm, bày đặt ra bốn mùa, khiến cho nhân dân thuận theo mùa trời, tiết khí mà làm những việc cấy tỉa, cấy gặt, chính là một việc theo thì lịnh mà làm chính trị. Châm chước trong việc ấy, thời lịch Kiến Tý của nhà Chu (tháng 11 là đầu năm), thảy là trái với thì trời, nên ta phải dùng lịch Kiến Dần của nhà Hạ (tháng giêng làm đầu năm, tức là âm lịch mà ta bây giờ hãy còn dùng), ấy là "hành Hạ chi thì".

Hễ trị nước, tất cần phải có chế độ; những hình thức thuộc về phần vật chất, chỉ cốt cho nhân dân được lợi dụng, mà từ người trên đến kẻ dưới, ai ai cũng thông dụng được mới hay, vậy nên phải chú trọng về mặt chất phác, kiên cố. Tỷ như cái cỗ xe, công dụng nó là cốt ở chở nặng, đi xa, mà lại muốn cho được nhân dân thông dụng, nếu dùng như thức xe của nhà Chu thời quá chừng hoa mỹ, mà hiểm vì xa xỉ, ta nên dùng thức xe của nhà Ân, đã chắc chắn vững vàng, mà lại không tốn nhiều tiền quá, rất tiện cho nhân dân lợi dụng, đó là "thừa Ân chi lộ". (Lộ, là cỗ xe mà quan dân đều dùng được cả, có hai thức : thức lớn, thức nhỏ.

Hễ phàm trị đạo, có một phương diện thuộc về chất, lại có một phương diện thuộc về văn. Cái không nên dùng văn mà cũng dùng văn thời lạc vào đường xa xỉ; cái đáng dùng văn mà chỉ dùng bằng chất thời thành ra quá quê mùa; tức như dụng khi có tân khách, có tế tự, hoặc ở nơi triều đình, hoặc ở nơi giao tế mà cần phải đội mũ miện, tất phải làm

cho có văn chương chút đỉnh, như thức mũ miện của nhà Chu, đó là "phục Chu chi miện".

Như hai chuyện ấy, xe lộ thời dùng thức của nhà Ân, mũ miện thời dùng thức của nhà Chu, nghĩa là cái nên chất mà chất, cái nên văn mà văn; văn chất bân bân, chính là đạo quân tử trị nước; nhất thiết chế độ chương trình theo như thế mà suy ra, thời các phương diện ở mặt ngoài là đúng rồi.

Tuy nhiên, đạo trị nước dã có lễ, tất phải có nhạc. Nhưng mà nhạc há phải chỉ ở nơi chuông trống đàn địch mà nên ru ? Tất phải gốc ở nơi thịnh đức mà hình dung ra ở nơi thanh âm, khiến cho người ta nghe nhạc mà tưởng tượng đến đức mới là nhạc hay ở trong đám chính trị; thế thời cần cho tận thiện tận mỹ, còn có gì hơn nhạc Thiều của Ngu Thuấn ? Vậy nên làm nhạc thời múa nhạc Thiều, ấy là "nhạc tác Thiều vũ".

Lấy một việc ấy mà suy ra đến mọi việc, thời những công việc chế lễ tác nhạc, chắc cũng không đến nỗi sai lầm. Nhưng mà đạo lý trị thiên hạ, chỉ mấy chuyện trên ấy mới hình thức bề ngoài mà thôi. Nếu chỉ hình thức cho thiệt tốt đẹp, mà tinh thần, tâm thuật chẳng ra gì, thế là căn bản đã hư thời cội gốc cũng đổ rồi, chẳng lấy gì thống ngự được bách quan, cảm hóa được vạn dân, thời vì bang thế nào dặng ? Vậy nên phải gấp lo trừng trị ở nơi tinh thần tâm thuật. Mà muốn cho tinh thần tâm thuật thường trong sạch sáng láng tất phải xét cho ra cái gì làm hại được tinh thần tâm thuật mà ngăn cấm cho riết, đánh đuổi cho xa, mới mong bồi dưỡng được cội gốc cho nhà chính trị. Bây giờ thử hỏi những cái làm hại được tinh thần tâm thuật là những cái gì ? Xưa nay nhưng người địa vị đã cao, quyền bính đã nặng thời cái mầm vật dục thường thường nhân đó nảy ra, thứ nhất đáng lo là thanh sắc; muốn tuyệt cái họa vì sắc, trước phải trừ cái bệnh vì thanh. Tỷ như những tiếng ca thi thuộc về Trịnh phong, hoặc âm nhạc thuộc về Trịnh khúc thời gấp phải đánh đuổi cho xa (**phóng Trịnh thanh**). Lại đáng lo thứ nhất là bọn sàm nịnh. Xưa nay những người nắm quyền lớn, ở ngôi cao, thông minh tai mắt của một người không thể

soi xét hết thôn cùng cõi quạnh, nên phải gửi thông minh tai mắt vào những người tả hữu bên mình; người tả hữu bên mình đó mà chính nhân quân tử thời làm ích cho tinh thần mình rất nhiều; người tả hữu bên mình đó mà gian phu tiểu nhân thời làm hại cho tinh thần mình rất độc. Mà ác độc thứ nhất là người sàm và người nịnh. Nhưng tất nó phải có tài nịnh thời mới thả được ngọn sàm ra. Vậy nên muốn ngăn ngừa cái họa vì sàm, tất nhiên trước phải cắt đứt cái giây vì nịnh : hễ thấy được người tả hữu bên mình mà mồm mép lanh, phùng nghinh khéo, chính là nịnh nhân đó, tất phải gấp cự tuyệt nó cho xa, ấy là "viễn nịnh nhân".

Như sáu câu trên ấy là qui mô vi bang đã hoàn bị rồi, mà lại căn bản thứ nhất là hai câu ở sau, tức là "Phóng Trịnh thanh viễn nịnh nhân". Bởi vì Trịnh thanh khươi ra múi tà dâm, nịnh nhân thời dắt vào bẫy nguy hiểm (**Trịnh thanh dâm, nịnh nhân đãi**) "Thì", là mùa trời; "thừa", là cỗi xe; "phóng", là đuổi cho xa; "viễn", là cự tuyệt cho riết; "dâm", là dơ bẩn; "đãi", là hiểm nghèo.

Học giả đọc bài này, phải có cặp mắt xem sách cho thiệt tinh, bộ óc xét lý cho thật thấu, nhận cho ra ý tứ của một vị thánh nhân và một bậc đại hiền vấn đáp với nhau. Nếu chỉ đọc qua loa trên mặt chữ, há có lẽ làm việc một nước, việc thiên hạ mà chỉ ban một quyển lịch, đóng một cỗ xe, chế một cái mũ, múa một khúc nhạc, bảo thế là vi bang, dầu người chí ngu chăng nữa cũng biết là vô lý.

Tác giả xin nói rõ với học giả ràng : Chỉ vì một đấng thánh nhân và bậc đại hiền vấn đáp cùng nhau, có một chữ, một câu mà hiểu hết ý; nhưng trong một chữ, một câu đó, đã bao la vô cùng tận. Xin nói tóm tắt tinh ý của thánh nhân thời đại lược như thế này :

Câu "Hành Hạ chi thì", là bảo phải thuận trời mà làm việc người; còn ba câu giữa là cốt bảo chế độ cần phải biến thông, cổ kim cần phải nhân cách, văn chất cần phải điều hòa, biểu lý cần phải tận thiện, mà lại cốt ở nơi phòng dâm

trác dục, thân hiền viễn gian. Chỉ ngần ấy là bao bọc hết đạo lý vi bang. Nhưng duy thánh nhân thời nói một mà suốt đến muôn; duy đại hiền thời nghe một mà biết đến mười. Nếu chẳng thế thời đạo lý trị quốc bình thiên hạ ngàn đường muôn lối, muôn lá ngàn ngành, viết thành một pho sách lớn còn chưa đủ, làm thế nào ở trong thì giờ chốc phút, một câu hỏi và mấy câu trả lời mà nói cho hết được ý ru !

Tử Lộ viết : Vệ quân đãi Tử nhi vi chánh, tử tương hề tiên.

子路曰：衛君待子而為政，子將奚先？

Tử viết : Tất dã chánh danh hồ.

子曰：必也　正名乎！

Tử Lộ viết : Hữu thị tai ! Tử chi vu dã, hề kỳ chính ?

子路曰：有是哉！子之迂也！奚其正·

Tử viết : Dã tai Do dã. Quân tử ư kỳ sở bất tri, cái khuyết như dã; danh bất chính, tắc ngôn bất thuận; ngôn bất thuận tắc sự bất thành; sự bất thành tắc lễ nhạc bất hưng; lễ nhạc bất hưng, tắc hình phạt bất trúng; hình phạt bất trúng, tắc dân vô sở thố thủ túc. Cố quân tử danh chi tất khả ngôn dã, ngôn chi tất khả hành dã, quân tử ư kỳ ngôn, vô sở cẩu nhi dĩ hỹ.

子曰：野哉由也·君子於其所不知，蓋闕如也，名不正則言不順；言不順則事不成；事不成則禮樂不興；禮樂不興則刑罰不中；刑罰不中則民無所措手足，故君子，名之必可言也，言之必可行也·君子於其言，無所苟而已矣·

Bàn chính trị ở sách **Luận Ngữ**, lời lẽ rất sáng suốt, ý tứ rất sâu xa, mà lại bao hàm hết những cớ thị phi thành bại ở xưa nay, thiệt không bài nào hơn bài này. Nhưng nếu không phát minh được ý thánh nhân thời ngó cũng như hình thiện cận lám. Chính đương thì, học trò Ngài như thầy Tử Lộ nhận cũng không ra, huống gì bọn ta nữa ru ?

Tác giả xin cứ sở tri dịch ra đây, sẽ để thỉnh giáo với học giả.

Thầy Tử Lộ hỏi rằng : "Vua nước Vệ nếu nhờ cậy vào thầy mà làm việc chính trị ở trong nước, thầy sẽ làm việc gì trước hết ? (**Vệ quân đãi tử nhi vi chính, tử tương hề tiên** ?).

Thầy Tử Lộ sở dĩ hỏi câu ấy, là vì thấy đức Thánh làm khách ở nước Vệ, mà vua nước Vệ có ý trọng đãi ngài, nghi đức Thánh có một ngày giúp việc chính trị cho Vệ quân chăng ? Đó là Tử Lộ vẫn nhận lầm ý ngài, nhưng ngài cũng nhân khi Tử Lộ đã hỏi mà nói ý ngài cho Tử Lộ biết : Ta nếu có ngày vi chính ở nước Vệ, tất phải trước chính được danh đã chứ gì ? (**Tất dã chính danh hồ** ?)

Hai chữ "chính danh", ý nghĩa thật rộng, đạo lý thiệt to, mà lời đức Thánh nói quá vắn tắt, nên thầy Tử Lộ không hiểu được ý, mới phụt nhiên nói rằng : Có thiệt thế ư ? Ý thầy nói, e viễn vông đó mà ! Chứ chính bằng cái gì ? (**Hữu thị tai ! Tử chi vu dã ! Hề kỳ chính** ?).

Đức Thánh máng thầy Tử Lộ mà giải thích cho nghe rằng : Do ôi ! Mầy thiệt thô thiển quá ! Hễ quân tử ư đạo lý trong thiên hạ mà dụng phải cái gì mình không biết (**Quân tử ư kỳ sở bất tri**), hãy để đó mà khuyết nghi mới được (**Cái khuyết như dã**); (hễ cái gì mình biết chưa được chắc chắn, để đó đành chịu thiếu mà không dám nói bướng hay là diễn bậy vào, gọi bằng "khuyết"). Mày biết tại sao mà chính danh không ? Hễ danh đã không chính, thời nói ra không được thuận; nói ra không được thuận thời việc ấy làm không nên (**Danh bất chính, tắc ngôn bất thuận; ngôn bất thuận, tắc sự bất thành**). Nghĩa hai câu này rất khó thích. Tuy thích ra được, nhưng sợ người nghe không hiểu, nên phải giải cho thiệt rõ. Trước phải thích nghĩa chữ "danh" với chữ "chính".

Danh nghĩa, là tên mà cũng nghĩa là tiếng gọi. Hễ một giống gì hay một việc gì, tất phải có cái tên của nó và cái tiếng gọi nó. Tỷ như "cha" là tên của người làm cha, mà gọi

người ấy cũng gọi bằng "cha". Tên người ấy đã gọi bằng "cha", thời địa vị với chức phận và nghĩa vụ của người ấy, phải cho đúng với cái tên bằng "cha", như thế mới chính được danh. Nói tóm lại, sự thực người ấy cho đúng với danh người ấy là chính; trái lại, người ấy không phải địa vị là cha, mà gọi tên người ấy là "cha", hay là gọi người ấy bằng cha, nhưng mà cái chức phận với nghĩa vụ lại không đúng cái danh bằng "cha", như thế là "danh bất chính". Lại tỷ như một cục phấn kia, vì nó trắng mà đặt tên nó là "phấn", mà gọi tên nó cũng bằng "phấn"; đã gọi bằng "phấn", thời tất có chất trắng, mà dùng nó đánh vào mặt thời thiệt trắng được. Đó là chính được danh. Nếu trái lại, bây giờ có cục mực kia, đáng danh bằng mực, trở lại kêu nó bằng "phấn", đến khi thoa vào mặt thời thấy đen hoắc, có gì là đúng được cái danh bằng "phấn" đâu ! Ấy là "danh bất chính".

Vì sao mà "danh bất chính thời ngôn bất thuận" ? Tỷ như sự thực vẫn không phải là cha, mà danh thời lại gọi bằng cha, thế là điên đảo với sự thực, mà cũng điên đảo đến cả đạo lý, tất nhiên người có danh bằng "cha" mà sai sử con thời con không nghe. Nếu người kia đã không nhận làm cha mà cưỡng gọi bằng "cha", đó thời lại càng điên đảo lắm; đã điên đảo như thế thời khi phát hiệu thi lệnh, làm sao trơn chảy được ? Nói ra đã không trơn chảy, tất nhiên người không đúng với danh cha đó, không chịu hết sức làm tròn bổn phận của cha, mà người miễn cưỡng làm con đó cũng không chịu hết sức làm tròn bổn phận con. Như thế thời hai bên đều không chịu làm việc thật, việc tất phải hỏng hết. Vậy nên nói rằng : "Danh bất chính tắc ngôn bất thuận, ngôn bất thuận tắc sự bất thành" !

Câu thí dụ trên kia, chứng vào việc Đổng Trác và Lữ Bố rất đúng, lại chứng vào việc Trần Quang Bình và Lê Thái Tổ lại càng đúng lắm.

Việc đã làm chẳng nên thời không khí ở trong một nước chỉ khinh mạn nhau và tức giận nhau, còn có gì là cung kính

và hòa bình ? Lễ nhạc làm sao dấy lên được ? Nên "sự bất thành tác lễ nhạc bất hưng" ("Lễ nhạc bất hưng", nghĩa là trong nước không có giáo dục và văn hóa).

Hễ đến lúc lễ nhạc đã bất hưng thời người trên vì ỷ thế tham lam mà bất nạt kẻ dưới, kẻ dưới cũng cùng đường biến kế mà lừa dảo kẻ trên. Trên dưới lừa nhau thời hình phạt làm sao mà đúng được công lý ? (**Lễ nhạc bất hưng tắc hình phạt bất trúng**). Hình phạt đã bất trúng thời người có quyền thế muốn làm sao thời làm; người không quyền thế thời bịt miệng bưng tai, phải bó tay xiểng chân chịu chết. Người không quyền thế đó là ai ? tức là dân. Đến lúc bấy giờ thời dân không chỗ nào đặt tay chân được nữa (**Hình phạt bất trúng tắc dân vô sở thố thủ túc**).

Kết quả đã đến như thế mà truy nguyên cho đến lúc đầu tạo nhân, chỉ vì danh bất chính mà thôi. Nếu như bắt đầu mà đã chính được danh thời tạo nhân đã tốt, làm gì có kết quả dở nữa rư ? Vậy nên hễ những người làm quân tử, làm một việc gì, đối với một người nào, thà chẳng đanh thời chớ, bằng đã danh cho nó, tất có thể nói ra đặng; đã nói ra đặng, tất có thể làm nên đặng (**Cố quân tử danh chi, tất khả ngôn dã; ngôn chi tất khả hành dã**).

Nghĩa hai câu ấy, thí dụ bằng cách này : Tỷ như đã danh một đứa kia là "thằng ở", tất có thể sai sử được nó, mà lại có thể tuyên bố rằng : Thằng ấy là đứa ở của tôi. Như thế là "danh chi tất khả ngôn". Lại tỷ như đã danh một cái đồ ấy là "cái hồ", tất có thể gọi nó bằng "hồ", mà kêu là đồ đựng nước; đã kêu bằng đồ đựng nước được, tất nhiên đổ nước vào không chảy ra, như thế là "ngôn chi tất khả hành".

Trên kia đã giải thích hai chữ "chính danh" xong rồi, nhưng vì thấy Tử Lộ có câu nói : "Tử chi vu dã, hề kỳ chính ?", là câu nói quá khinh suất, nên đức Thánh lại phải kết thúc câu này để chữa bệnh cho thầy Tử Lộ : Hễ quân tử ư lúc mình mở miệng ra nói, vô luận câu nói gì, tất ngẫm trước nghĩ sau, không bao giờ cẩu thả, như thế mới là quân

tử (**Quân tử ư kỳ ngôn vô sở cẩu nhi dĩ hỹ**).

Tuyền cả bài, từ câu "Danh bất chính tắc ngôn bất thuận", đến câu "Dân vô sở thố thủ túc", là giải thích cái cớ sở dĩ phải chính danh. Danh chính thời ngôn thuận; ngôn thuận thời sự thành; sự thành thời lễ nhạc hưng; lễ nhạc hưng thời hình phạt trúng; hình phạt trúng thời dân được yên vui. Vì vậy mà người quân tử cần phải chính danh. Duy có hai câu "Danh chi tất khả ngôn", "Ngôn chi tất khả hành", là ý đức Khổng Tử trả lời câu hỏi cho thầy Tử Lộ.

Thầy Tử Lộ có câu nói : "Vệ quân đãi tử nhi vi chính...", nên đức Khổng mới có hai câu này : **Danh chi tất khả ngôn; ngôn chi tất khả hành**, là trong ý ngài không muốn đem cái danh "vua" mà đặt cho vua nước Vệ. Vì Vệ quân lúc đó là công tử Triếp chống cha mà tranh lấy ngôi vua; nếu mình cũng giúp cho nó làm chính, tất phải danh nó bằng vua thời danh bất chính lắm. Khổng Tử chẳng bao giờ chịu làm như thế, nên ngài lấy hai chữ "chính danh" mà tỏ ý mình cho thầy Tử Lộ biết. Nhân vì Tử Lộ đã không hiểu mà lại dám cãi ngang, nên ngài trách ràng : "Dã tai Do dã", mà lại còn dạy thêm : "Quân tử ư kỳ ngôn vô sở cẩu".

Tuyền cả bài này nên chú ý vào ba chữ "tất".

Quí Thị tương phạt Xuyên Du, Nhiệm Hữu Quí Lộ hiện ư Khổng Tử, viết : Quí Thị tương hữu sự ư Xuyên Du. Khổng Tử viết : Cẩu, vô nãi nhĩ thị quá dư ! Phù Xuyên Du, tích giả tiên vương dĩ vị Đông Mông chủ, thả tại bang vực chi trung hỹ, thị xã tắc chi thần dã, hà dĩ phạt vị ?

季氏將伐顓臾，冉有，季路見於孔子曰：季氏將有事於顓臾。孔子曰：求無乃爾是過歟！夫顓臾，昔者先王以為東蒙主，且在邦域之中矣，是社稷之臣也，何以伐為？

Nhiệm Hữu viết : Phu Tử dục chi, ngô nhị thần giả, giai bất dục dã.

冉有曰：夫子欲之，吾二臣者，皆不欲也．

Khổng Tử viết : Cầu, Chu Nhậm hữu ngôn viết : Trần lực tựu liệt, bất năng giả chỉ; nguy nhi bất trì, điên nhi bất phù, tắc tương yên dụng bị tướng hỹ; thả nhĩ ngôn quá hỹ, hổ chủy xuất ư áp, quy ngọc hủy ư độc trung, thị thùy chi quá dư ?

孔子曰：求，周任有言曰陳力就列，不能者止，危而不持，顛而不扶，則將焉用彼相矣，且爾言過矣，虎兕出於柙，龜玉毀於櫝中，是誰之過歟．

Nhiệm Hữu viết : Kim phù Xuyên Du, cố nhi cận ư Phí, kim bất thủ, hậu thế tất vi tử tôn ưu.

冉有曰：今夫顓臾，固而近於費，今不取，後世必為子孫憂．

Khổng Tử viết : Cầu, quân tử tật phù xả viết dục chi nhi tất vi chi từ (13 chữ dọc luôn một câu).

孔子曰：求！君子疾夫舍曰欲之而必為之辭．

Khưu dã, văn hữu quốc hữu gia giả, bất hoạn quả nhi hoạn bất quân, bất hoạn bần nhi hoạn bất yên; cái, quân vô bần, hòa vô quả, yên vô khuynh; phù như thị, cố viễn nhân bất phục, tắc tu văn đức dĩ lai chi; ký lai chi, tắc yên chi; kim Do dữ Cầu dã, tướng phu tử, viễn nhân bất phục, nhi bất năng lai dã, bang phân băng ly tích, nhi bất năng thủ dã.

Nhi mưu động can qua ư bang nội, ngô khủng quí Tôn chi ưu bất tại Xuyên Du, nhi tại tiêu tường chi nội dã.

丘也，聞有國有家者，不患寡而患不均；不患貧而患不安，蓋均無貧，和無寡，安無傾．夫如是，故遠人不服，則修文德以來之；既來之，則安之；今由與求也，相夫子，遠人不服，而不能來也，邦分崩離析，而不能守也．

而謀動干戈於邦內，吾恐季孫之憂不在顓臾，而在蕭牆之內也．

Quan Thủ tướng nước Lỗ là Quí Thị toan đem quân đi đánh nước Xuyên Du (nước ấy là nước phụ dung với nước Lỗ). Nhiệm Hữu và Qui Lộ vào yết kiến đức Khổng Tử, nói với ngài rằng : Họ Quí Thị toan dùng việc binh với nước Xuyên Du (**Quí Thị tương hữu sự ư Xuyên Du**). Đức Khổng Tử nói rằng : Cầu ơi ! Đó chẳng phải tội tại mày hay sao ? (**Cầu, vô nãi nhĩ thị quá dư** ?). Ôi ! nước Xuyên Du ấy, ngày xưa tiên vương ta cho nó làm chủ ở xứ Đông Mông, vả cũng ở trong cõi đất nước mình rồi vậy (**Phù Xuyên Du dã, tích giả tiên vương dĩ vi Đông Mông chủ, thả tại bang vực chi trung hỹ**). Thế thời nó là tôi của xã tắc mình vậy, còn đánh nó làm gì ? (**Thị xã tắc chi thần dã, hà dĩ phạt vi** ?). Nhiệm Hữu nói rằng : Việc đó là ý Quí Thị muốn thế. Chứ hai đứa tôi thấy không muốn làm kia mà ! (**Phu tử dục chi, ngô nhị thần giả giai bất dục dã**).

Đức Thánh nói rằng : "Cầu ơi ! Ngày xưa, ông Chu Nhậm có câu nói rằng : Sức mình có đem ra mà gánh nổi việc mới dám đứng vào ngôi thứ (**trần lực, tựu liệt**); mà sức đã không làm nổi thời chịu lui (**bất năng giả chỉ**). Giả như làm tướng cho người là cốt dâng giữ lúc nguy, đỡ vực lúc bổ; bây giờ nguy mà không dâng giữ nổi, bổ mà không đỡ vực nổi (**nguy nhi bất trì, điên nhi bất phù**), thời toan dùng làm gì chức tướng ấy ! (**tắc tương yên dụng bỉ tướng hỹ**). "Tướng", là người coi việc giúp đỡ người đi đường. Tỷ như người làm chức coi chuồng thú mà để con chủy, con hổ phá cũi ra (**hổ chủy xuất ư áp**), người xem việc giữ rương hòm mà để quy ngọc hư nát ở trong rương (**quy ngọc hủy ư độc trung**), thời tội lỗi vì ai đó rư ? (**thị thùy chi quá dư** ?).

Nhiệm Hữu vì đức Thánh trách mình, nên đặt lời mà chữa lỗi rằng : Nay nước Xuyên Du đất nó hiểm bền mà ở gần ấp Phí (**kim phù Xuyên Du cố nhi cận ư Phí**), bây giờ chẳng chiếm lấy nó, đến đời sau tất làm tai hại cho con cháu nó (**kim bất thủ, hậu thế tất vi tử tôn ưu**).

Đức Thánh nói rằng : Cầu ơi ! Quân tử ghét những hạng

không chịu nhận lỗi mình, tham mà cố đặt ra những lời bào chữa (**quân tử tất phù xá viết dục chi nhi tất vi chi từ**). Ta đây nghe đạo lý như thế này : sở dĩ giữ được nước, giữ được nhà đó (**hữu quốc, hữu gia dã**), chẳng lo vì người ít, mà đáng lo thứ nhất là vì người đông mà xử trí không cân bằng (**bất hoạn quả nhi hoạn bất quân**); chẳng lo vì của thiếu, mà đáng lo thứ nhất là của nhiều mà ăn ở không yên (**bất hoạn bần nhi hoạn bất yên**). Vì cớ sao thế ? Bởi vì xử trí được cân bằng thời không đến nỗi của thiếu; (**cái quân vô bần**) nhân tình ở với nhau hòa hảo thời không lo gì người ít (**hòa vô quả**); dân sinh được yên vui thời không lo gì nghiêng lệch (**yên vô khuynh**). Vì đã được như thế rồi (**quân, hòa, yên**), thời nước mình đã trị yên lắm, lẽ nên người phương xa cũng tín phục mới phải; nếu còn có người phương xa bất phục thời càng nên trau dồi đức văn hóa mà khiến cho người cảm cách với đức mình để nó lại theo mình (**phù như thị, cố viễn nhân bất phục, tắc tu văn đức dĩ lai chi**). Nó đã theo mình thời chỉ lo làm sao cho yên ủy được nó (**ký lai chi, tắc yên chi**). Nó lại với mình mà mình yên ủy được nó, còn cần gì phải dánh nó nữa rư ?

Bây giờ Do với Cầu kia giúp việc cho quan thầy mình, lẽ nên dắt thầy mình vào đường chính trị tốt (**kim Do dữ Cầu dã, tướng phu tử**); cớ sao viễn nhân bất phục, mà không tu văn đức cho nó tới với mình (**viễn nhân bất phục, nhi bất năng lai dã**); ở trong nước nhà mình chia lìa rời rã mà chẳng hay gìn giữ được nổi (**bang phân băng ly tích, nhi bất năng thủ dã**). Thế mà hãy còn tính toan những việc chiến tranh ở trong đất nước (**nhi mưu động can qua ư bang nội**); ta chỉ e những việc tai họa của nhà Quí Tôn, chẳng sinh ở nơi Xuyên Du, mà lại sinh ở trong gia đình vậy (**ngô khủng Quí Tôn chi ưu, bất tại Xuyên Du, nhi tại tiêu tường chi nội dã**). "Tiêu tường", nghĩa là bức vách ở nhà trong mà bôi trét bằng hương cỏ tiêu.

Tuyển cả bài này, ý tứ chú trọng ở nơi một tiết là những câu : "Bất hoạn quả nhi hoạn bất quân, bất hoạn bần nhi

hoạn bất yên, cái quân vô bần, hòa vô quả, yên vô khuynh".

Vì sao mà không lo sợ người ít ? Là hay ở chữ "quân". ("Quân", nghĩa là xử trí được cân bằng, không người quá nhiều, không người quá ít; không người quá sướng, không người quá khổ). Đã cân bằng được như thế, tất nhiên ai có năng lực gì cũng hết sức làm việc ấy; ai đã có việc làm, tất cũng được hưởng phần ăn. Làm siêng in như nhau, ăn cũng đều như nhau, thời chác người nào người nào cũng vui vẻ. Bởi vì "quân" mà nảy ra "hòa", tất nhiên sinh tụ ngày càng đông đúc, mà sinh sản phẩm ngày càng giàu nhiều, tất không phải lo sợ của thiếu, mà lại được cái kết quả là xã hội được bình yên, nên ngài lại kết thúc lấy ba câu : "Quân vô bần, hòa vô quả, yên vô khuynh". Ba câu ấy lại tiếp tục mà sinh ra nhau; vì "quân" mà "vô bần", mới "hòa" mà "vô quả"; vô bần, vô quả mới được cái kết quả là "yên vô khuynh".

Xưa nay, ở trong quốc gia xã hội, sở dĩ đến nỗi "bất yên" là nguyên nhân vì "bất hòa"; sở dĩ "bất hòa" là nguyên nhân vì "bất quân". (Chữ "quân", nghĩa là cân bằng). Hễ xử trí không được bằng thời ở trong xã hội đó, người giàu và sướng ăn hiếp người đói và khổ, người đói và khổ tức giận người giàu và sướng, tất nhiên sinh ra "bất hòa"; đã "bất hòa" tất phải thù oán nhau, làm gì cho yên được ? Hễ đã "bất yên" thời cái vạ nghiêng đổ tới ngay.

Học giả đọc đến bài đó, ai có để mắt vào quốc gia, xã hội, xin hết sức chú ý vào ba chữ "hoạn bất quân" với ba chữ "quân vô bần".

Tóm góp cả 4 bài trên kia, bài ngài nói với Nhiệm Hữu thời chỉ dùng ba chữ : "thứ", "phú", "giáo", mà nuốt hết vô số công việc ở trong vòng chính trị. Bài ngài trả lời với Nhan Uyên "vấn vi bang" thời chỉ có 6 câu nói, trên thời xem ở thì trời, dưới thuận ở tình người; kể dọc thời góp lặt những việc phải của đời xưa và đời nay; kể ngang thời việc ấy nên tuân theo, việc kia nên cải cách, mà lại quy kiết vào tinh thần tâm thuật của người chủ trì, xem nhân cách trọng hơn chế

độ, quý thì nghĩa mà không nể lối thường, có thể dịch ra làm một pho sách chính trị.

Lại như bài "chính danh" nói với Tử Lộ, thời lại ý nghĩa rất sâu, mà lại so với hiện tượng của đời chúng ta càng mở mang cho ta ở trên đường tư tưởng. Cuối cùng là bài nói với Nhiệm Hữu và Quí Lộ mà ngài phát ra cái tinh nghĩa chữ "quân", chữ "hòa", chữ "yên", thời dầu chính sách đời nay vẫn có chi tiết điều mục phiền phức tường tận hơn nhiều, mà rút thùng lại không khỏi ngoài phạm vi ba chữ ấy được. Thế mà bảo Khổng Tử chẳng phải là một nhà chính trị lớn, Khổng học chẳng đáng là khuôn mẫu cho chính trị xưa nay, e chỉ là người trong ống dòm trời mà thôi vậy.

CHƯƠNG XII

ĐẠO THIỆP THẾ QUAN NHÂN Ở TRONG KHỔNG HỌC

Chúng ta nếu qui y tịnh thổ như Phật Thích Ca, khoái lạc chủ nghĩa như Dương Chu, thời xuất thế cho rảnh, chuyên vị ngã cho rồi, không cần chép chương này làm gì ? Nhưng mà có phải thế dâu ! Ta ăn bằng gì ? Hột cơm của đời kia mà ! Ta mặc bằng gì ? Vải lụa của đời kia mà ! Ta vào ra đi lại với ai ? Loài người của đời kia mà ! Chính giữa đức Khổng Tử đã đau đớn vì mấy câu nhạo báng của Trường Thư (長沮), Kiệt Nịch (桀溺). Hai người ấy là người tránh đời (**tỵ thế chi sĩ** 避世之士) mà than thở rằng :

"Chim muông kia ta không thể đồng bầy với nó được, thế thời ta chẳng phải bầy bạn với người đời ấy mà còn bầy bạn với ai ? Nếu thiên hạ hữu đạo đi rồi, ta không cần phải giúp vào việc cải cách nữa vậy (**điểu thú bất khả dữ đồng quần, ngô phi tư nhân chi đồ dữ, nhi thùy dữ; thiên hạ hữu đạo, Khưu bất dữ dịch dã.**

鳥獸不可與同群，吾非斯人之徒與，而誰與？天下有道，丘不與易也。

Ôi ! trời đất kia đã bát ta oe oe mấy tiếng mà nảy xuống giữa đời. Muốn xuất thế gian, mà làm sao xuất được ? Muốn chuyên chú vị ngã, nhưng không người thời làm sao có được

ta ? Nói cho đúng, đầu có chi chi nữa, chúng ta nhất định phải thiệp thế, và đã thiệp thế, tất cần phải có trí khôn quan nhân.

"Thiệp thế", hai chữ ấy có ba ý nghĩa :

Một là giao thiệp với đời; hai là phải đóng một suất với đời; ba là thông thạo việc đời.

"Quan nhân", nghĩa là xem xét cho ra người hay kẻ dở, người khôn kẻ dại, mà lại cần phải xem xét cho thấu đến tâm thuật của mọi người.

Bởi vì chúng ta ở đời, không một giây phút nào rời được người; nào là thầy, nào là bạn, nào là thù địch của ta, nếu không xem xét cho rành thời sao biết được lòng người mà lựa đường lấy bỏ, tính cuộc hơn thua ? Nếu sai một ly, thường có khi lầm đến một dặm. Nên hai chữ "quan nhân" thiệt là kim chỉ nam ở trong đường "thiệp thế". Vậy tác giả xin trích mấy bài ở trong sách **Luận Ngữ**, những câu có quan hệ với "thiệp thế, quan nhân", xin viết vào dây :

Tử Cấm vấn ư Tử Cống, viết : Phu tử chí ư thị bang dã, tất văn kỳ chính. Cầu chi dư ? Ức dữ chi dư ?

子禽問於子貢曰：夫子至於是邦也，必聞其政，求之與？抑與之與？

Tử Cống viết : Phu tử, ôn, lương, cung, kiệm, nhượng, dĩ đắc chi, phu tử chi cầu chi dã, kỳ chư dị hồ nhân chi cầu chi dư !

子貢曰：夫子，溫良恭儉讓以得之，夫子之求之也，其諸異乎人之求之與！

Thầy Tử Cấm hỏi thầy Tử Cống ràng : "Thầy ta hễ đến ở một nước ấy, tất được dự nghe chính trị nước ấy, e thầy ta có cầu với họ chăng ? Hay là họ vui lòng cho thầy ta nghe chăng ?" (**ức dữ chi dư**).

Thầy Tử Cống nói ràng : "Thầy ta vẫn có như lời anh nói, nhưng anh chưa biết cách cầu của thầy ta đó mà ! Thầy

ta có sẵn đức thịnh ở giữa mình : một là nết ôn hòa (溫), hai là lòng ngay thẳng (良), ba là cung kính (恭), bốn là kiệm ước mà không phù hoa (儉), năm là khiêm nhượng mà không kiêu ngạo (讓). Vì thấy ta đủ 5 đức ấy, ai gần thấy, thấy mà tín phục; ai xa thấy, nghe mà trông mến. Chỉ cậy ở đức mình mà cảm hóa được người, người vui lòng đem việc chính sự hỏi đến thầy, cái cách thầy ta cầu với người đó, khác hẳn với những cách người đời cầu đó vậy".

Hữu tử viết : tín, cận ư nghĩa, ngôn khả phục dã; cung, cận ư lễ, viễn sỉ nhục dã; nhân, bất thất kỳ thân, diệc khả tông dã.

有子曰：信，近於義，言可復也；恭，近於禮，遠恥辱也；因不失其親，亦可宗也。

Bài này là nói những phương pháp đối đãi với người đời, mà cốt tự giữa mình giữ được tốt. Hẹn ước với người cốt phải tin thật, đó là "tín", nhưng mà trước khi làm việc tín, phải nghĩ cái tín đó có trái nghĩa hay không; như chắc rằng cái tín đó đúng với nghĩa, bấy giờ ta mới dùng cái tín thời những lời ta nói với người mới có thể trước sau in như lời vậy (**ngôn khả phục dã**). Trái lại, việc tín ước đó không đúng với nghĩa, mà trước kia vì ta khinh suất dở hẹn với người, chốc lại ngẫn nghĩ biết cái dở rồi, làm sao mà "ngôn khả phục" được nữa ? Chẳng phải thành ra người bất tín hay sao ?

Giao thiệp với người, vẫn nên có thái độ cung kính. Nhưng thái độ ấy, phải theo đúng với lễ; chẳng phải gặp người nào, lúc nào cũng cung kính bướng mà được đâu. Hễ ta dùng thái độ cung kính cho đúng với nghĩa lý tức là lễ (**cung cận ư lễ**) thời chẳng bao giờ mắc lấy xấu thẹn (**viễn sỉ nhục dã**). Trái lại, cung kính người mà làm cách siểm nịnh a dua để lấy lòng những kẻ quyền thế, ấy là trái với lễ đó rồi, làm sao viễn được sỉ nhục ru ? Chẳng phải thành ra người ty ô vô sỉ hay sao ?

Người ta ra đời, tất phải nhiều khi hoàn cảnh bắt buộc

mà cần phải có người cho mình nương tựa, ấy là nhân (因). Nhưng người mà ta nhân đó, tất phải trước khi nhân, nhận cho ra người ấy là người đồng tâm, bạn tri kỷ, không đến nỗi mất cái chỗ mà mình đáng thân (**nhân, bất thân kỳ thân**), thời người ấy tuy không phải thân thích cốt nhục với mình, cũng có thể nương tựa làm chủ cho mình được (**diệc khả tông dã**). "Tông", nghĩa là chủ; đối với mình thời mình là khách, nên gọi người ấy là "tông". Trái lại, nếu người ấy không phải đồng tâm, không phải tri kỷ; mà mình ỷ thác vào người ấy, là thất kỳ thân đó rồi, làm gì "khả tông" được nữa ? Chẳng phải thành ra người "hữu thỉ vô chung" hay sao ?

Mấy câu trên ấy rất có quan hệ với cách "thiệp thế" của chúng ta. Chữ "tin, cung, nhân" đều cần phải có, mà vẫn là điều tốt; nhưng không biết cân lường "thẩm thận" ư lúc đầu, té ra tốt mà hóa xấu. Vậy nên người ta ra đời, nhất thiết việc gì cũng phải cẩn thận ư lúc đầu.

Tăng Tử viết : Ngô nhật tam tỉnh ngô thân : Vị nhân mưu nhi bất trung hồ ? Dữ bằng hữu giao nhi bất tín hồ ? Truyền, bất tập hồ ?

曾子曰：吾日三省吾身：為人謀，而不忠乎？與朋友交而不信乎？傳，不習乎？

Thầy Tăng thường nói rằng : "Ta thường ngày xem xét ở trong mình ta, có 3 việc (**ngô nhật tam tỉnh ngô thân**) : một là hễ vì người ta toan tính giúp đỡ việc gì (**vị nhân mưu**), mà có điều gì không hết lòng chăng ? (**nhi bất trung hồ** ?); hai là hễ với bầu bạn kết giao cùng nhau (**dữ bằng hữu giao**) mà mình có điều gì không tin mật với bạn chăng ? (**nhi bất tín hồ** ?); ba là điều gì mình đã truyền bảo cho những người học với mình (**truyền**), mà tự giữa thân mình không luyện tập lấy chăng ? (**bất tập hồ**).

Ba việc ấy là tất thảy những việc đối với người : "Vị nhân mưu" là đối với người phổ thông, vô luận hạng người nào, đã mưu việc cho người tất phải "trung". "Trung", nhgĩa là hết lòng

mình làm cho hoàn toàn cái việc mưu đó; "Dữ bằng hữu giao", là đối đãi với người bạn mình, hễ làm bạn với người, tất phải tin thật; "Truyền", là đối đãi với những người học với mình, người ta học với mình, chẳng phải học ở nơi lời nói, mà cốt học ở cái khuôn mẫu ở giữa mình, nên mình có truyền cho người, tất phải tự giữa mình cũng tập lấy.

Thầy Tăng Tử đối với ba điều ấy, chỉ lo mắc lấy những cái lỗi bất trung, bất tín, bất tập, nên thường thường xét ở trong mình thấy, sợ phạm lấy ba điều ấy chăng ! Có thời lo chữa ngay; may mà không phạm lỗi ấy thời càng gắng thêm lên nữa, là muốn cho thành lập ở mình, mà cũng thành lập cho người nữa. Đạo "quân tử thiệp thế" là như vậy.

Tử Cống viết : Bần nhi vô siểm, phú nhi vô kiêu, hà như ?

子貢曰：貧而無諂，富而無驕，何如？

Tử viết : khả dã, vị nhược bần nhi lạc, phú nhi hiếu lễ giả dã.

子曰：可也；未若貧而樂，富而好禮者也。

Thầy Tử Cống nói rằng : "Xử vào cảnh đói nghèo mà không siểm với những người phú qui (**bần nhi vô siểm**), xử vào cảnh giàu có mà không kiêu với những người bần tiện (**phú nhi vô kiêu**), người ấy ra thế nào ?" (**hà như**).

Đức Thánh nói : "Cũng đã là người khá đó vậy ! (**khả dã**). Nhưng chưa bằng hạng người, dầu đói nghèo mà quên cả đói nghèo, chỉ vui bằng đạo lý ở trong mình mà thôi (**bần nhi lạc**); giàu mà quên cả giàu, lại ham lễ mà vui làm những việc phải (**phú nhi háo lễ**); như người ấy so với người vô siểm, vô kiêu, còn cao hơn nhiều".

Người ta ở đời không tránh khỏi hoàn cảnh : hoàn cảnh xấu thường hay làm lụy được mình, mà hoàn cảnh tốt cũng thường hay làm sút được mình. Tỷ như gặp cảnh nghèo mà sinh ty siểm, tất nhiên người đời khinh mình; gặp cảnh giàu mà sinh kiêu xa thời người đời ghét mình; chỉ duy một hạng

người có hàng tâm, thường hay giữ được nết tốt của mình, dầu bần mà không siểm thời không ai khinh mình; dầu phú mà không kiêu, thời không ai ghét được mình. Nhưng thế chỉ là hạng người tự chủ mà thôi; duy hạng người "bần nhi lạc", "phú nhi hiếu lễ" mới là nhân cách rất cao thượng ở trong đời. Nếu đức Thánh lại có nói ràng : **bần nhi vô oán, nan; phú nhi vô kiêu, dị.**

貧而無怨，難．富而無驕，易．

Nghĩa là, người xử vào cảnh bần tiện mà trong lòng không buồn giận bức rức, người ấy thiệt là hiếm có; bởi vì người ấy xử vào nghịch cảnh, là cảnh khó xử; khó xử mà xử được tốt mới là nan (**bần nhi vô oán, nan**). Người xử vào cảnh phú quý mà không kiêu xa, người ấy không khó gì (**phú nhi vô kiêu, dị**); bởi vì người ấy xử vào thuận cảnh là cảnh dễ xử, nên nói "dị".

Bần hay phú, ở trong thời gian chúng ta "thiệp thế", nhất định phải có, nên thánh hiền thường bàn đến đạo lý xử cảnh ấy.

Tư Mã Ngưu ưu, viết : Nhân giai hữu huynh đệ, ngã độc vô.

司馬牛憂曰：人皆有兄弟，我獨無．

Tử Hạ viết : Thương văn chi hỹ; tử sinh hữu mệnh, phú quí tại thiên, quân tử kính nhi vô thất, dữ nhân cung nhi hữu lễ; tứ hải chi nội, giai huynh đệ dã, quân tử hà hoạn hồ vô huynh đệ dã ?

子夏曰：商聞之矣；死生有命，富貴在天，君子敬而無失，與人恭而有禮；四海之內，皆兄弟也，君子何患乎無兄弟也．

Thầy Tư Mã Ngưu vì có một người em thầy là một đứa loạn thần, thầy quá buồn, nên nói ràng : Người ta thảy có anh em, duy mình ta không có mà thôi (**nhân giai hữu huynh đệ ngã độc vô**).

Thầy Tử Hạ nói rằng : Thương này có nghe được thầy ta dạy rồi (**thương văn chi hỹ**), người ta chết với sống đã có lẽ nhất định (**tử sinh hữu mệnh**) ("mệnh", nghĩa là cái lý nhất định); đến như phú quý thời quyền tại trời cho (**phú quý tại thiên**); duy quân tử ở trong đời thường lo tu tỉnh lấy thân mình, kính cẩn luôn luôn mà không lầm lỗi (**quân tử kính nhi vô thất**), giao thiệp với người thời khiêm cung luôn, mà phải khuôn mực cho đúng lễ (**dữ nhân cung nhi hữu lễ**). Như thế thời mình yêu người thời người cũng yêu mình; mình kính trọng người thời người cũng kính trọng mình. Người ở trong bốn bể, tất thảy là anh em mình cả (**tứ hải chi nội giai huynh đệ dã**). Vậy nên tự giữa mình đã là người quân tử, còn có lo gì không anh em nữa đâu ! (**quân tử hà hoạn hồ vô huynh đệ dã**).

Bài này tuy nói về cách "thiệp thế" phổ thông, nhưng mà có đạo lý rất rộng lớn, như câu "Tứ hải chi nội giai huynh đệ dã". Bởi vì người với loài người, dẫu năm châu có khác nhau : Âu với Á, sắc da có khác nhau : trắng với vàng, nhưng tất thảy chung nhau một cha là trời, một mẹ là đất, lẽ nào mà nói không phải anh em nữa ru ? Vậy nên học thuyết gần đây thường có câu : "Thế giới đồng bào", "Tứ hải đồng bào", nhân câu đó mà nảy ra xã hội chủ nghĩa; mà nghĩa rộng chữ "xã hội" cũng phải giảng cho đến tất thảy loài người chung nhau làm một đoàn thể, chính là in như câu thầy Tử Hạ nói đây :

Tử viết: Bá Di, Thúc Tề bất niệm cựu ác, oán thị dụng hy

子曰：伯夷，叔齊，不念舊惡，怨是用希。

(hy, nghĩa là ít).

Ông Bá Di, ông Thúc Tề vẫn là bậc người rất thanh cao, mà lại đối đãi với người có một cách rất khoan thứ : hễ người ta ai có điều xấu cũ, nhưng khi đã qua rồi, hoặc người ta đã thay đổi được rồi thời mình cũng chỉ xem người ấy là người tốt mà không nghĩ đến điều xấu cũ của người ta nữa (**bất niệm cựu ác**). Vì vậy mà ít ai oán giận đến mình (**oán thị**

dụng hy).

Tử viết : Cung tự hậu, nhi bạc trách ư nhân, tắc viễn oán hỹ.

子曰：恭自厚，而薄責於人，則遠怨矣。

Đức Thánh nói : Tự giữa mình làm cho thiệt hẳn hiền (**cung tự hậu**), mà đối dãi với người ta thời chớ quá nhiều điều trách móc, dầu người có sai lỗi mà không tổn hại gì tới mình, chỉ nên bỏ ngơ làm lảng; nếu có tổn hại đến mình nữa, cũng chỉ trách qua là xong (**nhi bạc trách ư nhân**). Như thế thời không ai oán giận mình, mà mình xa tránh được những việc thù oán đó (**tắc viễn oán hỹ**).

Bài này là dạy cho ta cách đối dãi với người; ở trong câu nói ngài có ngậm ý nghĩa chữ "trung", chữ "thứ" : "Cung tự hậu", chính là chữ "trung", "bạc trách ư nhân", chính là chữ "thứ".

Chữ "hậu" với chữ "bạc" phản đối nhau. Tự hậu lấy mình là cần ở tu thân, chứ không phải là tự tư tự lợi; "bạc trách ư nhân", là lấy lòng khoan hồng rộng rãi với người, chứ không phải là không trông cho người thành lập dâu ! Như thế là đủ cả "trung" với "thứ". Nếu có một hạng người vẫn biết "cung tự hậu", nhưng mà trách bị với người thời lại có ý nghiêm khắc; lại có một hạng người tuy biết "bạc trách ư nhân" mà tự giữa mình cũng bỏ ngõ, không biết tu tỉnh; hai hạng người áy đều là dở cả, nên ngài nói rằng : "Cung tự hậu nhi bạc trách ư nhân".

Hoặc viết : dĩ đức báo oán, hà như ?

或曰：以德報怨，何如？

Tử viết : Hà dĩ báo đức ? Dĩ trực báo oán, dĩ đức báo đức.

子曰：何以報德？以直報怨，以德報德。

Bài này dạy cho ta đối dãi với người có đức, có oán : "đức", nghĩa là người có ơn huệ với mình; "oán" là người có thù giận với mình.

Hai điều ấy vẫn trái nhau, mà chúng ta ở đời không thể nào tránh khỏi hai hạng người ấy. Một phía thời có đức với mình, một phía thời có oán với mình, ta đối đãi với hai hạng người ấy nên thế nào ? Xem ở bài này thời được một cái thước mực rất công bình. Vì ở đời Xuân Thu có một học thuyết của Lão Tử chủ trương ở đời bằng một cách vô tâm, mà tự nhiên, dầu có ai thù oán mình, mình cũng chỉ đối lại như người có ơn huệ. Nên có kẻ hỏi với đức Khổng Tử rằng : Lấy ơn huệ mà trả lại với người thù oán thời thế nào ? (**hoặc viết : dĩ đức báo oán, hà như** ?). Ngài trả lời rằng : Đạo lý ở trong thiên hạ chỉ vừa đúng phải là hay; bất cập vẫn không xong, mà thái quá cũng có khi ra dở. Tỷ như phân lượng thuộc về phần đức, ở bổn phận mình chỉ có bấy nhiêu, mình đã đem nó ra trả cho người oán, lúc dụng lấy người đức, biết lấy gì trả cho người ấy nữa ru ? (**hà dĩ báo đức** ?). Té ra đối đãi với người đức thời quá ư bạc, mà lại đối đãi với người oán thời quá ư hậu. Bởi vì xem đức cũng như oán, oán cũng như đức, cái đồ mà mình đem ra báo thời có hạn lượng, mà người mình báo đó thời lại quá nhiều, làm thế nào cho công bình hoàn thiện được ru ? Chúng ta nên phải cân lường nặng nhẹ mà nghĩ một cách đối phó cho đắc trung, thời chỉ nên lấy cách công bình, lẽ ngay thẳng mà trả cho người oán (**dĩ trực báo oán**). Như thế, mình đối với người oán, vẫn không ư bạc, mà đối với người đức, cũng chỉ là đáng hậu thời hậu, chẳng phải rất công bình xứng đáng lắm hay sao ?

Tử viết : **Xảo ngôn, lịnh sắc, túc cung, Tả Khưu Minh sỉ chi, Khưu diệc sỉ chi; nặc oán nhi hữu kỳ nhân, Tả Khưu Minh sỉ chi, Khưu diệc sỉ chi.**

子曰：巧言，令色，足恭，左丘明恥之，丘亦恥之。匿怨而有其人，左丘明恥之，丘亦恥之。

Xem luôn mấy bài ở trên kia, thảy có năm chữ "oán", chúng ta nên biết ở trong đường "thiệp thế", dụng chữ "oán" luôn luôn. Đường đời trác trở, lòng người hiểm sâu, chúng ta vào đời, làm sao mà tránh được hết thù oán ! Nhưng oán

có hai phái : một là gây ra việc thù oán, cớ tại người; một là gây ra thù oán, cớ tại mình.

Cớ tại người, vẫn không tội gì ở mình; mà cớ tại mình thời là tội tại mình. Nhưng đạo lý ở trong thiên hạ, mình chẳng trước gấp ra thù oán thời người làm sao gây ra thù oán với mình được ? Nếu chúng ta muốn cho sạch cái mầm thù oán, nên hết sức tự trọng lấy nhân cách ở giữa mình. Vậy nên đức Khổng Tử có những lời nói như thế này :

Ngài nói rằng : Hễ có những hạng người ở trong tâm thuật mà hiểm ác và xấu xa và ty bỉ, nên họ đối dãi với người, chỉ dùng bằng cách tu sức ở phía ngoài, mong che bịt phía trong của nó; nói phô thời rất mực lanh chanh khéo léo (**xảo ngôn**), dung sắc thời rất mực trau chuốt lòe loẹt (**lịnh sắc**), cử chỉ ứng thù thời rất mực "siểm nịnh phùng nghinh" (**tú cung**). Hạng người ấy đã không ích gì cho mình mà lại thêm người ta ghét. Lại có một hạng người hiểm độc ở trong lòng mà giả hiền lành ở ngoài mặt : nó đối dãi với người, dẫu có thù oán với nó, nó vẫn căm giận nhưng nó dấu nấp cái lòng căm giận (**nặc oán**) mà cứ giả làm bạn với người kia (**nhi hữu kỳ nhân**); hạng người ấy cố làm việc giả dối mà chỉ là "tâm lao nhật chuyết". Nhân cách như hai hạng người đã kể, ông Tả Khưu Minh cho là đáng xấu thẹn lắm, mà tự giữa mình không bao giờ chịu làm thế (**Tả Khưu Minh sỉ chi**), Khưu dây cũng vậy (**Khưu diệc sỉ chi**).

Tử viết : Phóng ư lợi nhi hành, đa oán.

子曰：放於利而行，多怨。

Ở đời, hạng người đáng ghét là hạng tự tư tự lợi : trong con mắt họ không thấy nghĩa, mà chỉ thấy lợi; trong óc họ không nghĩ đến nghĩa, mà chỉ nghĩ đến lợi. Tuy việc trong thiên hạ, đã có nghĩa cũng phải có lợi; nhưng tất phải cái lợi gốc ở nghĩa mà ra mới có thể không ai oán mình. Nếu như một hạng người kia chỉ dè vào đường lợi mà đi, phần lợi chuyên về mình mà để phần lại cho người, chỉ ích kỷ cả, tất nhiên tổn nhân, chắc là người thù oán nó nhiều lắm (**phòng**

ư lợi nhi hành, đa oán).

Hai bài gần đây, bài trên là cốt cho ta tôn trọng lấy nhân cách của mình; bài dưới là cốt cho ta bỏ cái lòng tư tư tự lợi, chính là một phương thuốc hay để cho khỏi gây ra sự thù oán.

Lại có hai bài dưới này, cũng là phương thuốc tránh thù oán :

Tử viết : Duy nữ tử dữ tiểu nhân, vi nan dưỡng dã, cận chi tắc bất tốn, viễn chi tắc oán.

子曰：惟女子與小人，為難養也，近之則不遜，遠之則怨。

Ngài nói rằng ở trong các hạng người, có hai hạng chúng ta càn phải nuôi nấng lấy họ; như hạng con gái với hạng tôi tớ (**duy nữ tử dữ tiểu nhân**). Thật là khó nuôi nấng họ cho được đúng cách (**vi nan dưỡng dã**). Bởi vì hai hạng người ấy, trí thức họ không được cao, mà những điều họ trách vọng với mình thời lại khó cho đầy đủ, nên mình đối với họ vẫn là ân nhân mà không nên có ý lờn lã, vẫn nghiêm trang mà cũng không nên tỏ ý ghét bỏ; nếu lờn lã với nó mà gần nó, thời nó "bất tốn" ngay (**cận chi tắt bất tốn**). "Bất tốn", nghĩa là không kính nhường. Nếu có ý ghét bỏ mà xa nó thời gây ra mối thù oán (**viễn chi tắc oán**).

Chữ "nữ tử" với chữ "tiểu nhân" ở đây khác với mọi nơi : ở mọi nơi là nói bằng hạng người phổ thông; ở đây thời nói bằng hạng người đặc biệt. "Nữ tử" là chỉ vào hạng người dựa cậy vào mình mà thuộc về con gái; "tiểu nhân" là hạng người cung cấp việc sai sử cho mình. Vì những hạng người ấy là hạng mà mình phải nuôi, nên có chữ "dưỡng". Chỉ duy nuôi họ mà đúng cách thời có ơn, nuôi họ mà không đúng cách thời chẳng những không ơn mà lại có oán, nên nói rằng "nan dưỡng".

Trên kia, bàn những cách "thiệp thế", chỉ thuộc về phạm vi chật hẹp. Nhưng mà dường dời mênh mông bát ngát, há phải một cá nhân với một cá nhân, một gia đình với một gia

đình, hay là đứng vào một xã hội nhỏ, ở vào một đoàn thể nhỏ mà xong được công việc "thiệp thế" hay sao ? Nên lại phải chép thêm những bài như sau này :

Nguyên Hiến vấn sỉ, Tử viết : Bang hữu đạo, cốc; bang vô đạo, cốc; sỉ dã.

原憲問恥．子曰：邦有道，穀；邦無道，穀；恥也．

Thầy Nguyên Hiến hỏi với đức Khổng Tử rằng : Làm người ở đời như thế nào là đáng xấu thẹn hơn hết (**Nguyên Hiến vấn sỉ**). Ngài nói rằng : Người ta đã đóng một suất người ở đời, muốn cho có việc bổ ích với đời, tất cần phải tự giữa mình có đức, có tài, gặp lấy đời tốt thời ta làm cho đời tốt thêm; gặp lấy đời xấu thời ta cứu chữa việc xấu cho đời; như thế mới khỏi xấu thẹn với đời, mà tự vấn ở trong lương tâm cũng khỏi xấu thẹn với lương tâm. Giả như có một người kia, đức không đủ làm tiêu biểu cho người, mà tài lại không gánh vác nổi việc đời; dụng lấy đời trị, ở vào nước có đạo mà người ấy chỉ là biết ăn nhờ bổng lộc của người cho mà thôi (**bang hữu đạo, cốc**), gặp lấy đời loạn, ở vào nước vô đạo, mà người ấy chỉ biết giữ chặt lấy om gạo mà thôi (**bang vô đạo, cốc**). Như hạng người ấy, ở vào đời tốt mà mình không tài hữu vi, ở vào đời xấu mà mình không sức tự lập; chỉ là sống chết nhờ hột gạo của người; đời hữu đạo thời mình là người "tố xan"; đời vô đạo thời mình là người "khất cái", còn có gì là đáng xấu thẹn hơn nữa ? (**sỉ dã**).

Bài ấy dạy cho ta tránh khỏi chữ "sỉ" ở trên đường "thiệp thế".

Lại còn có hai bài dưới này :

Bang hữu đạo, nguy ngôn nguy hạnh, bang vô đạo, nguy hạnh ngôn tốn.

邦有道，危言危行；邦無道，危行，言遜．

Người ta ở đời, vì có đời mà che chở được thân, tất phải có lúc vì cứu đời mà phải hy sinh thân mình. Nhưng cái lối

mình hy sinh đó, tất phải hy sinh cho có giá trị : hy sinh mà cứu được đời mới nên hy sinh; hy sinh mà không cứu được đời, thành ra hy sinh không giá trị. Vậy nên trong phương pháp ở đời, thường phải cần dùng đến chữ "nguy".

"Nguy" là nghĩa làm sao ? Nói những câu mà người ta không dám nói; làm những việc mà người ta không dám làm, "nham nham" như núi cao tột trời, "lẫm lẫm" như sương thu nẻ dá. Ngôn như thế, chẳng phải là "nguy ngôn" hay sao ? Hành vi như thế chẳng phải là "nguy hạnh" hay sao ? Nhưng cái cách nguy ngôn, nguy hạnh đó, chỉ duy ở nước "hữu đạo" thời mới nên thế (**bang hữu đạo, nguy ngôn nguy hạnh**). Bởi vì trong đời gặp phải nước hữu đạo, chính là lúc ngôn luận tự do, quân tử đạo trưởng, ngôn hạnh mình nguy đến bao nhiêu, càng tốt bấy nhiêu; nếu người ở lúc bấy giờ chỉ nói những tiếng tầm thường, làm những việc bình dị, thời đời có trông mong gì đến mình ! Vậy nên "bang hữu đạo" thời mình phải "nguy ngôn nguy hạnh". Trái lại, ở lúc "bang vô đạo", đường đời tối tăm mà trong mong có ngọn đèn soi dọi, nhân dân lầm than mà trông mong có người cứu vớt; mà khốn nạn thay ! cường quyền quá mạnh ! công lý quá hèn ! tiểu nhân quá đông ! quân tử quá hiếm ! Những việc cứu đời xoay cuộc, rặt là những việc người ta không dám làm, nên quân tử ở lúc ấy tất phải hiến thân với xã hội, liều mình với nhân dân mà làm lấy những việc người ta không dám làm, tức là nguy hạnh. Đến như mặt ngôn luận thời nên thế nào ? Nước đã "vô đạo" thời ngôn luận hết đường tự do, ngôn ngữ vân tự hoàn toàn nép ở dưới quyền gươm súng; nếu lúc đó mà "nguy ngôn", tuy quân tử vẫn không sợ chết, nhưng chỉ không ngôn mà mang lấy họa thời có ích gì ? Huống gì lý luận với thực hành thường không cặp nhau mà đi được. Quân tử đã chăm chỉ về đường thực hành thời không cần bỏ thân ở trên đường ngôn luận. Vậy nên gặp lấy buổi "bang vô đạo" thời lời phô tiếng nói, chỉ là giữ cách bình thường vừa thuận với đạo lý là xong (**bang vô đạo, nguy hạnh, ngôn tốn**).

Bài này là dạy cho người ta mạo hiểm tiến thủ ở trên đường "thiệp thế", mà lại quý hóa nhất là chữ "nguy".

Tử viết : Đốc tín, hiếu học, thủ tử, thiện đạo.

子曰：篤信，好學，守死，善道。

Nguy bang bất nhập, loạn bang bất cư, thiên hạ hữu đạo, tắc hiện, thiên hạ vô đạo, tắc ẩn.

危邦不入，亂邦不居，天不有道，則見；天不無道，則隱。

Bang hữu đạo, bần thả tiện yên, sỉ dã; bang vô đạo, phú thả quý yên, sỉ dã.

邦有道，貧且賤焉，恥也。邦無道，富且貴焉，恥也。

Bài này phải chia làm ba tiết : tiết thứ nhất là dạy cách tự lập của người ta; tiết thứ hai là dạy cách tiến thối cho người đời; tiết thứ ba là dạy cho người biết những việc xấu thẹn ở trong đời.

Trước hãy thích nghĩa tiết thứ nhất :

Người ta sống ở trong đời, sở dĩ làm cái sống, không phải dựa theo đời mà được dâu, tất phải trước ở giữa mình, có làm thế nào mà đời mới cho mình sống, lại tất phải làm thế nào cho đời nhờ mình mà sống, như thế thời sống ở đời mới không thẹn với đời. Nhân phẩm và nhân cách của người tất phải như thế. Nhưng muốn được như thế thời nên thế nào ?

Hễ đạo lý trong thiên hạ, vô luận quốc gia nào, xã hội nlo, chẳng qua người trong một đời ấy, tất phải gánh lấy việc trong một đời ấy; mà cũng chỉ duy người một đời ấy vừa đủ tính việc một đời ấy (**thiên sanh nhất thế nhân, túc liễu thử nhất thế sự**) 天生一世人，足了此一世事。

Tuy nhiên, tính xong việc một đời ấy, há phải dễ dưng dâu ! Tất phải bắt dầu có chủ nghĩa, có nhiệt tâm, có tài trí, có nghị lực, mà cuối cùng thời quy kiết ở mục đích của mình. Vì tầng thứ như thế, nên nước bước thứ nhất phải tìm kiếm

một chủ nghĩa cho thật tốt. Mà đã nhận định chủ nghĩa ấy là thật tốt, tất phải dốc lòng tín ngưỡng lấy chủ nghĩa. Đã tin chủ nghĩa, tất phải thờ chủ nghĩa; đã thờ chủ nghĩa, tất phải thập phần tuân thủ, thề chết với chủ nghĩa mới thôi. Đó là "đốc tín".

Tuy vậy, có chủ nghĩa dã đành, nhưng mà tín ngưỡng chủ nghĩa, há phải tín ngưỡng suông mà được dâu ! Tất phải cầu cho thực hiện được chủ nghĩa. Cầu cho thực hiện chủ nghĩa, thời cậy nhờ vào cái gì ? Tất phải nhờ cậy vào trí thức; vì muốn đầy đủ trí thức, tất phải cần có học vấn. Xưa nay không người nào học vấn nghèo thiếu mà làm cho thực hiện được chủ nghĩa của mình. Lúc bấy giờ lại cần phải hiếu học.

Hiếu học là như thế nào ? Sẽ có chương sau nói riêng. Khi đã hiếu học rồi, thời óc mình đã no bằng trí thức, tai mắt mình đã rộng về kiến văn, tay chân mình đã mạnh về phần tài nghệ. Bây giờ mới bắt tay ra làm cái chủ nghĩa mình. Khi ra làm cái chủ nghĩa mình đó, dụng lấy đường lối lắm bước gian nan, cuộc đời nhiều lối nguy hiểm, nếu chí khí mình không vững, phách lực mình không già thời con ma chết kia thường khiến cho mình vì tránh nó mà mất cả chủ nghĩa. Nên lúc đó lại cốt thứ nhất là nghị lực. Nghị lực thời nên làm sao ? Nên giữ chủ nghĩa cho đến lúc chết; thà vì chủ nghĩa mà mình chết, không chịu để cho chủ nghĩa chết vì mình. Đó là gọi bằng "thủ tử".

Đã có cái nghị lực "thủ tử" như thế, nhưng há phải gặp dâu cũng chết bướng đó ru ? Tất phải tính toan cho hết nước, tìm dò cho đến đường, mình chết mà thiên hạ vẫn được nhờ, mình chết mà chủ nghĩa mình càng phát đạt. "Thủ tử" mà như thế, mới là đúng đường nhằm lối, "thiện thỉ thiện chung". Đó là gọi bằng "thiện đạo" ("đạo", nghĩa là đường).

Tiết này chỉ có tám chữ mà bày chỉ đường lối cho chúng ta làm việc đời, thiệt không chút gì khuyết điểm. "Đốc tín" là nền tảng; "hiếu học" là tài liệu; "thủ tử" là phương châm; "thiện đạo" là mục đích cuối cùng.

Nói tóm lại, "đốc tín, hiếu học" là tạo nhân; "thủ tử, thiện đạo" là kết quả.

Bây giờ lại thích tiết thứ hai :

Tiết trên là người cao tột nhất, là người tạo nên thì thế; chẳng những tạo thì thế một đời, mà có thể tạo được thì thế cho trăm đời nghìn đời kia nữa, nên hạng người ấy rất hiếm có. Duy như tiết này vừa đúng một người tốt. Người này đức vừa tốt mà chưa cảm cách được hết người, tài vừa cao mà không chuyển xoay nổi thì cuộc, chỉ phải nhờ thì thế tạo nên mình, mà sức mình chưa tạo nên thì thế. Vì không tạo nên thì thế, nên phải lựa theo thế mà lên lui : hễ thấy nước nào đã nguy rồi mà mình còn ở ngoài thời mình không đi vào nước ấy (**nguy bang bất nhập**). Hễ nước nào đã loạn rồi mà mình đụng ở nước ấy thời mình nên tránh xa (**loạn bang bất cư**). Chữ "loạn" thậm hơn chữ "nguy". Gặp lúc thiên hạ hữu đạo, chính là hồi buổi thái bình mà mình cũng đóng được một vai hữu vị thời biểu hiện thân mình là làm việc đời (**thiên hạ hữu đạo, tắc hiện**). Đụng khi thiên hạ vô đạo, chính là buổi loạn lạc thời dấu nấp thân mình mà tránh vòng họa hoạn (**thiên hạ vô đạo tắc ẩn**).

Hạng người này chưa được như hạng người ở tiết trên kia nhưng cũng là một người sạch mình giữ đạo, nên đặt vào địa vị thứ hai.

Bây giờ lại thích tiết thứ ba :

Tiết này là bày vẽ cho hạng người phổ thông, chỉ trông mong cho có ít nhiều tài năng, khỏi chịu bần tiện ở đời thạnh trị; có ít nhiều khi tiết mà khỏi tham phú quý ở giữa đời loạn vong. Như thế cũng không đến nỗi xấu thẹn với đời lắm, nên ngài lại nói rằng :

Gặp phải đời trị là nước hữu đạo, hễ có một tài năng gì, tất nhiên được trong đời yêu chuộng mà không đến nỗi gì phải bần tiện. Nhưng có một người kia, mình đã bần mà lại tiện, người ấy chẳng phải là người tuyệt vô tài năng hay sao ? là đáng xấu thẹn lắm rồi (**bang hữu đạo, bần thả**

tiện yên, sỉ dã).

Gặp phải đời xấu là bang vô đạo, những người có đạo đức khí tiết, tất phải an bần thủ tiết. Thế mà có một người kia, mình đã phú mà lại quí, hạng người ấy chẳng phải là tham lợi vong nghĩa hay sao ? Thiệt là đáng xấu thẹn rồi đó **(bang vô đạo, phú thả quí yên, sỉ dã).**

Tiết thứ ba này, Thánh nhân chỉ vì một hạng người bình thường mà bày vẽ cho đường lối liêm sỉ. Thánh nhân không bao giờ chê bần tiện mà trọng phú quí dâu, nhưng phú qui ở về đời hữu đạo, chính là người có tài năng; bần tiện ở về đời vô đạo, chính là hạng người có khí tiết. Trái lại, gặp đời hữu đạo mà bần thả tiện, ấy là người không có tài năng; gặp đời vô đạo mà phú thả quí, ấy là người không có khí tiết. Hai hạng người đó, chẳng xấu thẹn với đời lắm hay sao ? mà lại xấu thẹn với lương tâm nữa, nên nói chung bằng hai chữ "sỉ dã".

Hai chữ "thả" rất có ý nghĩa, xin chớ bỏ qua. Bang hữu đạo, nếu chỉ bần mà thôi thời lại là thanh liêm, có gì là xấu thẹn ? Bang vô đạo nếu chỉ phú mà thôi thời là người có tài kinh tế, có gì là xấu thẹn ? Sở dĩ đáng xấu thẹn, là vì "bần" cặp với "tiện"; "phú cặp với "quí". Gặp đời nên làm quan mà không làm được quan; gặp đời không nên làm quan mà cố làm cho được quan, mới là đáng xấu thẹn. Vậy nên chữ "thả" là có ý tứ rất khít.

Sau hết mấy bài như trên kia là chỉ vẽ đường lối cho chúng ta "thiệp thế", tuy vẫn tường tất rồi; nhưng chúng ta muốn cho biết được Thánh nhân "thiệp thế" thời lại phải xem như hai bài dưới này :

Tử viết : Quân tử chi ư thiên hạ dã, vô thích dã, vô mịch (mạc) dã; nghĩa chi dữ tỷ.

子曰：君子之於天下也，無適也，無莫也；義之與比。

Dật dân, Bá Di, Thúc Tề, Ngu Trọng, Di Dật, Liễu Hạ Huệ, Thiếu Liên. Tử viết : Bất giáng kỳ chí, bất nhục

kỳ thân. Bá Di, Thúc Tề dư ? Vị Liễu Hạ Huệ, Thiếu Liên, giáng chí nhục thân hỹ, ngôn trúng luân, hành trúng lự, kỳ tư nhi dĩ hỹ, Vị Ngu Trọng, Di Dật, ẩn cư, phóng ngôn, thân trúng thanh, phế trúng quyền. Ngã tắc dị ư thị, vô khả, vô bất khả.

逸民伯夷，叔齊，虞仲，夷逸，柳不惠，少連．子曰：不降其志，不辱其身；伯夷叔齊與？謂柳下惠，少連，降志辱身矣；言中倫，行中慮，其斯而已矣．謂虞仲，夷逸，隱居放言，身中清，廢中權．我則異於是，無可，無不可．

Trước phải thích bài trên :

Đức Thánh nói : Quân tử ở trong thiên hạ (**quân tử chi ư thiên hạ**), giao tiếp với một người nào, xử trí một việc gì, bảo có nhất định như thế là hay chăng ? - Không ! (**vô thích dã**) ("thích", nghĩa là chấp lấy làm phải mà nhất định theo), bảo có nhất định là dở chăng ? - Không ! (**vô mịch dã**) ("mịch" là nhất định chấp lấy làm dở mà cố không chịu làm). Hoặc có khi bên nọ thời rước, mà bên kia thời lại cự; hoặc có ở lúc trước thời theo mà đến lúc sau thời lại chống. Cũng một người ấy, có lúc dụng, có lúc lại xả; cũng một việc ấy, có khi làm, có khi lại không làm, không bao giờ chấp trệ, không bao giờ "nhậm tình" (chiều ý mình), không gắn chặt lấy thành kiến, không theo hùa với người đời, chỉ cân lường ở nơi lẽ phải, tùy thì, tùy sự, tùy nhân, làm cho đúng hợp với nghĩa mà thôi (**nghĩa chi dữ tỷ**).

Bài này đạo lý quá to lớn, ý nghĩa quá tinh vi, thiệt khó giải thích cho đúng, xin học giả nhận cho rành chữ "nghĩa".

Chữ "nghĩa" ngậm có ba ý :

Một là "thì nghĩa", tỷ như mùa hạ nên mặc áo cát, mùa đông phải mặc áo cầu.

Hai là "nghĩa vụ", tỷ như nói về việc nhà thời trọng về nghĩa vụ làm con em, mà nói đến việc nước thời lại trọng về

nghĩa vụ làm quốc dân.

Ba là "nghĩa lý", nghĩa lý thường phải theo việc mà thay đổi : tỷ như ở vào nước quân chủ thời trung quân ấy là hay, ở vào nước dân chủ thời trung quân lại là dở; chế độ giai cấp ở vào nước dã man thời là sự thường, mà đưa vào nước văn minh thời lại dốc ác cho nhân đạo.

Vì "thì nghĩa", "nghĩa vụ" và "nghĩa lý" không thể nhất định được dã như thế, nên Thánh nhân ở với đời, cũng chỉ tùy ở nghĩa mà biến hóa. Nghĩa cập kè với mình, mà mình cũng cập kè với nghĩa, nên nói rằng "nghĩa chi dữ tỷ".

Đã nói rằng "nghĩa chi dữ tỷ", thời còn có "thích" là cái gì ? còn có "mịch" là cái gì ? Ý nghĩa chữ "thích" cũng như ý nghĩ chữ "khả", ý nghĩa chữ "mịch" cũng như ý nghĩa chữ "bất khả" (Bài này chép ở thiên *Lý Nhân*).

Xin học giả lại xem bài "dật dân" ở thiên "*Vi Tử*".

Đức Thánh có nói rằng : Người dật dân ở đời xưa, có ông Bá Di, Thúc Tề, vì không chịu ăn lúa của nhà Chu mà nhịn đói chết ở dưới núi Thú Dương (**ngạ tử ư Thú Dương chi hạ** 餓死於首陽之下) thiệt là một bậc tự cao lấy chí mình, mà không chịu lún xuống (**bất giáng kỳ chí** 不降其志); chỉ trong sạch lấy thân mình mà không chịu nhơ nhuốc (**bất nhục kỳ thân** 不辱其身), đó là một cách đặc biệt ở trong khi xử thế. Lại có như ông Liễu Hạ Huệ, ông Thiếu Liên, tuy đã giáng chí nhục thân rồi, nhưng mà nói điều gì tất cũng đúng với luân lý (**ngôn trúng luân**), làm việc gì tất cũng đúng với lương tâm (**hành trúng lự**). Được như thế cũng đã vừa tốt mà thôi vậy. Lại như ông Ngu Trọng, ông Di Dật, tránh đời ở ẩn mà không sụp vào lưới đời (**ẩn cư**), nói phô tự do mà không chiều theo miệng tục (**phóng ngôn**); dấu chỉ tuyền thân mà thôi, nhưng mà đúng với bậc thanh cao (**thân trúng thanh**), dấu bỏ đời thiệt, nhưng mà đúng với cách quyền biến (**phế trúng quyền**).

Theo như việc các người trên ấy, vẫn thảy là người tốt cả; nhưng đạo lý xử thế của ta thời lại khác hẳn với họ (**ngã**

tắc dị ư thị). Ta thời không gì là "khả", không gì là "bất khả"; tùy người, tùy việc, tùy địa vị mà xử một cách cho đúng với đạo lý, như thế là ta mà thôi (**vô khả, vô bất khả**).

Câu "vô khả, vô bất khả", đem chú thích cho câu "**vô thích dã, vô mịch dã**", rất là đúng nghĩa. Chỉ bốn câu ấy là hết được đạo lý của Thánh nhân "thiệp thế". Nhưng tất phải có đạo đức thiệt lớn, nghĩa lý thiệt tinh, trí thức cực kỳ cao, tài năng cực kỳ giỏi, mà lại tâm địa cực kỳ thuần mỹ mới dám nói được bốn câu ấy. Nếu chúng ta chưa được như Thánh nhân, mà nói bướng làm phàng, ăn càn chơi bậy, sớm Tần, tối Sở, trước tráng sau đen, mà dám mượn mấy câu ấy, xúc mật đầu miệng rằng : "Ta vô thích chứ !", rằng : "ta vô mịch chứ !", rằng : "Ta vô khả vô bất khả chứ !".

Than ôi ! "Vô thích, vô mịch, vô khả, vô bất khả" của đạo lý Thánh nhân, có phải như tuồng trò bội của các ngài hay sao ? Xin ai để mắt vào trên đường "thiệp thế", hãy khoan nói đến điều ấy.

Đạo lý "thiệp thế" của Thánh nhân, như lý luận hai bài ở trên kia. Bây giờ xin chứng nghiệm vào mấy bài sự thực.

Tử Hoa sứ ư Tề, Nhiễm Tử vị kỳ mẫu thỉnh túc. Tử viết : Dữ chi phủ. Thỉnh ích. Viết : Dữ chi dụ. Nhiễm Tử dữ chi túc ngũ bỉnh. Tử viết : Xích chi thích Tề dã, thừa phì mã, ý khinh cầu, ngô văn chi dã, quân tử chu cấp bất kế phú.

子華使於齊，冉子為其母請粟。子曰：與之釜。請益，曰：與之庾，冉子與之　粟五秉。子曰：赤之適齊也，乘肥馬，衣輕裘，吾聞之也，君子周急不繼富。

Nguyên Tư vi chi Tể, dự chi túc cửu bách, từ. Tử viết : Vô, dĩ dữ nhĩ lân lý, hương đảng hồ !

原思為之宰，與之粟九百，辭。子曰：毋，以與爾鄰里，鄉黨乎！

Xem luôn hai việc này thời biết đạo lý Thánh hiền xử trí việc đời vẫn không chấp nhất.

Lúc ngài làm quan Đại tư khấu ở nước Lỗ, sai học trò là thầy Tử Hoa vâng mệnh lệnh ngài mà đi sứ nước Tề (**Tử Hoa sứ ư Tề**), bạn học Tử Hoa là Nhiệm Tử, nghĩ Tử Hoa còn mẹ, bèn xin với ngài cấp lúa cho mẹ Tử Hoa (**Nhiệm Tử vị kỳ mẫu thỉnh túc**), ngài nói rằng : "Cho nó phủ" (**dữ chi phủ**). Nhiệm Tử hiềm ít, xin cho thêm (**thỉnh ích**). Ngài nói rằng : "Ừ ! cho nó một dụ" (**dữ chi dụ**), (16 đấu là 1 dụ). Nhiệm Tử còn lấy làm ít, trở về lấy lúa riêng của mình cho thêm nhiều đến năm bỉnh (**Nhiệm Hữu dự chi túc ngũ bỉnh**). Đức Thánh nghe được, ngài nói với Nhiệm Tử rằng : Anh Xích kia, khi ra đi sang nước Tề (**Xích chi thích Tề dã**), con ngựa anh cỡi thiệt là béo, áo cầu anh mặc thiệt là nhẹ (**thừa phì mã, ý khinh cầu**) xem hành trang anh như thế, chắc nhà anh ấy giàu rồi, há có lẽ nào mẹ anh chịu khổ ! Ta có nghe đạo lý xưa nay của quân tử, hễ đã quân tử chỉ chu cấp cho người cùng thiếu, mà chẳng bao giờ thêm nới của cho người giàu (**quân tử chu cấp bất kế phú**).

Lại ở trong lúc ấy, có thầy Nguyên Tư cũng học trò ngài, là người rất liêm khiết, nên ngài sai làm quan coi kho giữ sổ sách cho ngài, tức là quan Tể của phủ riêng ngài (**Nguyên Tư vi chi Tể**). Ngài thường thấy nhà nghèo, và lại theo như bổng lộc của Nguyên Tư, đáng cho lúa 900 bỉnh, ngài y số ấy cho Nguyên Tư. Nguyên Tư thấy nhiều quá, xin từ (**dữ chi túc cửu bách, từ**). Ngài nói rằng : "Mày chớ từ ! Nếu nhà mày dùng không hết thời cho láng giềng, làng nước mày không được hay sao ? (**vô, dĩ dữ nhĩ lân lý hương đảng hồ**).

Xem như hai việc ấy, Tử Hoa với Nguyên Tư đều là học trò, mà cũng đều là giúp việc cho ngài. Nhưng một bên thời cho lúa bằng phủ, bằng dụ, mà ngài không hiềm vì quá ít; một bên thời cho lúa đến 900 bỉnh, mà ngài không hiềm vì quá nhiều. Một bên thời không muốn thêm giàu cho Xích, một bên thời muốn rộng bụng nhân ái cho Nguyên Tư. Nghĩa

"chi dư tỷ" của Thánh nhân là thế.

Tử dục cư Cửu Di. Hoặc viết : Lậu, như chi hà ? - Tử viết : Quân tử cư chi, hà lậu chi hữu ?

子欲居九夷，或曰：陋，如之何？子曰：君子居之，何陋之有？

Ngài vì mấy lâu chu du liệt quốc mà không nước nào dùng được ngài. Ngài có ý buồn đời, mà lại gấp muốn cho đạo mình được hành, vì thế mà ngài muốn ra ở xứ Cửu Di ("Cửu Di" là một nước ở về Đông phương, có tên đất gọi bằng Cửu Châu, người ta nghi nước ấy là nước Nhật Bản ở đời nay). Nước ấy ở đời Xuân Thu còn là đất mọi rợ, nên người Trung Quốc còn bỉ làm mọi rợ. Nhưng ý ngài lại không thế, miễn là nó dùng được mình mà mình tới xứ nó, lấy văn hóa mình mà truyền dạy cho nó, nên ngài muốn qua đó.

Có kẻ nói rằng : Đến chỗ đó quê mùa chật hẹp thời đi làm gì ? (**lậu, như chi hà** ?). Ngài trả lời rằng : Quê mùa chật hẹp là vì không có quân tử ở mà thôi; nếu có quân tử ở vào, cái màu đạo đức, cái vẻ văn hóa, còn có chỗ nào là quê mùa, chật hẹp dâu ! (**quân tử cư chi, hà lậu chi hữu** ?).

Chúng ta đọc đến bài này, thiệt khiến cho chúng ta sinh ra một mối cảm tưởng. Khi đức Thánh còn làm quan Tư không, Đại tư khấu ở nước Lỗ mới được 3 tháng, ở trong bị quyền thần ghen ghét, ở ngoài bị nước Tề ly gián, mà vua nước Lỗ lại không có quyền tin nhậm được ngài, ngài bất đắc dĩ phải bỏ nước Lỗ mà đi. Nhưng khi ngài soạn sửa ra đi, phải lẫm chẫm đến ba ngày. Ngài nói rằng : Nước cha mẹ đẻ của ta, ta không nỡ dứt lòng đi mau được (**Khổng Tử chi khứ Lỗ, viết : Trì trì ngô hành dã, khứ phụ mẫu quốc chi đạo dã**).

孔子之去魯曰：遲遲吾行也去父母國之道也。

Nghĩa là, nước cha mẹ đẻ của ta, ta không nỡ dứt lòng đi mau được. Xem thế thời ai bảo đức Khổng Tử không nặng tấm lòng về tư tưởng tổ quốc dâu ! Nhưng vì sao ngài bảy

giờ lại "dục cư Cửu Di" ?

Một ngày kia, ngài muốn dắt thầy Tử Lộ cùng nhau cỡi bè ra ngoài bể.

Tử viết : Đạo bất hành, thừa phù phù ư hải, tùng ngã dã kỳ Do dư ?

子曰：道不行，乘桴浮於海，從我也其由歟？

Thế chẳng là tư tưởng tổ quốc của Khổng Tử có ý nhẹ mỏng lắm hay sao ? Không phải đâu. Ngài vẫn thương tổ quốc, nhưng mà thương loài người cả thiên hạ lại nặng gấp mười thương tổ quốc kia mà ! Vậy nên cách hành chỉ của Thánh nhân vẫn không nhất định.

Tử kiến Nam Tử; Tử Lộ bất duyệt. Phu Tử thỉ chi viết : Dư sở phủ giả, thiên yếm chi, thiên yếm chi.

子見南子，子路不悅，夫子矢之曰：予所否者，天厭之，天厭之。

Nam Tử là vợ ông Linh Công (vua nước Vệ), nó vẫn có tiếng xấu là dâm hạnh. Khi đức Thánh làm khách ở nước Vệ, theo về lễ đời ấy, làm khách ở nước người, tất phải chào vợ vua. Nhưng vì Nam Tử là dâm phụ, nên khi ngài vào chào nó, Tử Lộ nghi ngài làm việc ấy không phải chăng ? Nên Tử Lộ không bằng lòng. Nhưng Tử Lộ làm gì biết được ý Thánh nhân ư ?

Không Tử dương lúc ấy, vì ngài nhiều bạn tốt ở nước Vệ, mà vua nước Vệ là Đinh Công Triếp cự cha tranh nước, thần dân nước Vệ phần nhiều oán với Đinh Công Triếp, ngài còn ở nước Vệ ít lâu, rình chụp một thời cơ mà thi thố thủ đoạn của mình để cho thực hiện cái lý tưởng "chính danh" của ngài. Vì có tâm sự như thế, nên ngài phải lâu ngày ở nước Vệ. Đã muốn lưu lại ở nước Vệ thời tuân theo quốc tục người mà chào vợ vua người, cũng là lẽ đương nhiên. Kia con dâm phụ mà có xấu gì đến ngài đâu ! Nhưng Tử Lộ vẫn là người thô thiển, mà tâm sự của Ngài không thể nói thiệt với Tử Lộ được, nên ngài chỉ thề mà nói với Tử Lộ rằng :

Ta mà có làm điều chẳng phải thời trời bỏ ta ! thời trời bỏ ta ! (**dư sở phủ giả, thiên yếm chi, thiên yếm chi** !). Đó là một việc "vô khả, vô bất khả" của đức Khổng Tử.

Lại còn có một việc như dưới này nữa :

Dương Hóa dục kiến Khổng Tử, Khổng Tử bất kiến; quy Khổng Tử đồn; Khổng Tử thời kỳ vô dã nhi vãng bái chi. Ngộ chư đồ, Vị Khổng Tử viết : Lai, ngô dữ nhĩ ngôn, hoài kỳ bảo, nhi mê kỳ bang, khả vị nhân hồ ? - Viết bất khả - Háo tùng sự, nhi ký thất thì, khả vị trí hồ ? Viết bất khả. Nhật nguyệt thệ hỹ, tuế bất ngã dữ. Khổng Tử viết : Nặc, ngô tương sĩ hỹ.

陽貨欲見孔子，孔子不見；歸孔子豚；孔子時其亡也而往拜之．遇諸途謂孔子曰：來，吾與爾言，懷其寶而迷其邦，可謂仁乎？曰：不可．好從事而亟失時，可謂智乎？曰：不可．日月逝矣，歲不我與．孔子曰：諾！吾將仕矣．

Chúng ta lại xem bài này, càng biết rằng đức Thánh thiệt là "vô khả, vô bất khả".

Dương Hóa là một người loạn thần ở nước Lỗ, khi nó bắt bỏ tù thầy nó (thầy nó là Quí Tôn), nó chuyên chính nước Lỗ, mà ý nó muốn đức Thánh đến yết kiến nó. Nhưng đức Thánh nào có chịu yết kiến đâu. Nó mới nhè lúc đức Khổng không có ở nhà mà khiến người đưa cỗ "chưng đồn" (con heo quay) đến tặng ngài. Sở dĩ nó làm như thế, nhân vì nước Lỗ có quốc lễ : Hễ đại phu có lễ vật cho sĩ, người sĩ đó không có ở nhà mà tiếp thụ lấy, tất phải qua cửa đại phu làm lễ bái đáp.

(Kiến Mạnh Tử) Đại phu hữu tứ ư sĩ, bất đắc thọ ư kỳ gia, tắc vãng bái ư kỳ môn.

（見孟子）大夫有賜於士，不得受於其家，則往拜於其門．

Đức Thánh lúc bấy giờ nghĩ rằng nó đã lấy lễ nước mà

bắt buộc mình, chẳng lẽ mình trái được ư ? Nhưng yết kiến nó thời Dương Hóa lại chẳng phải là người đáng yết kiến, nên ngài nhè lúc nó không ở nhà (**thời kỳ vô dã**) mà qua tới nhà nó, chỉ gọi là mình có vãng bái mà thôi (**nhi vãng bái chi**). Khi ngài ở nhà nó ra về, tình cờ gặp nó ở giữa đường (**ngộ chư đồ**), nhưng ngài cũng không tránh nó; nó lên mặt quan đại phu gọi ngài mà nói rằng : "Lại đây ta nói cùng mày : Dấu cái tài năng quí hóa của mình mà thây kệ ở trong nước mình mê loạn, có gọi bằng nhân được hay không ? (**hoài kỳ bảo nhi mê kỳ bang, khả vị nhân hồ**). Ngài trả lời rằng : Không được ! (**bất khả** !). Nó lại nói rằng : Hằng việc đời mà lại thường thường bỏ mất cơ hội (**háo tùng sự nhi ký thất thì**) có bảo rằng trí được không ? Ngài trả lời : "Không được". Nó lại nói tiếp : Ngày tháng chạy mất rồi, cái năm kia chẳng chờ ta đâu (**nhật nguyệt thệ hỹ, tuế bất ngã dữ**). Câu nói ấy là ý nó muốn giục cho đức Khổng Tử ra làm quan ngay. Ngài biết ý, nhưng cũng trả lời : "Ừ, tao cũng soạn sửa đi làm quan đó mà" (**nặc, ngô tương sĩ hỹ**).

Trong lời nói của ngài, có ý là : Ta vẫn ưng làm quan, nhưng không làm quan với mày mà thôi.

Dương Hóa là một người tiểu nhân rất mực. Khổng Tử vẫn không thèm tới nhà nó, nhưng nó trước lấy lễ đãi, thời ngài cũng lấy lễ đáp cho nó. Khi nó gặp ngài, ngài cũng không tránh.

Nó hỏi ngài những điều vẫn có ý khiêu chọc ngài, mà ngài trả lời bằng một cách quang minh chính đại, kìa đứa tiểu nhân có tổn hại gì đến ngài đâu ! Nhưng chúng ta đọc hai câu "**Thì kỳ vô dã nhi vãng bái chi**", biết rằng Thánh nhân không phải là nhất vị trung hậu, chỉ vì tùy người mà dùng thủ đoạn vậy thôi.

Lại còn vài việc này : Công Sơn Phất Nhiễu và Phật Bật, hai người đó đều là phản thần nước Lỗ, nhưng không phải làm phản với vua nước Lỗ, nó chỉ làm phản với quyền thần nước ấy. Nên khi Công Sơn Phất Nhiễu làm phản ở đất

Phí (**Công Sơn Phất Nhiễu dĩ Phí bạn**), khiến người mời ngài; ngài muốn qua (**Tử dục vãng**). Tử Lộ không bằng lòng mà nói rằng : Không đi đâu được nữa thời thôi, cần gì phải đi đến họ Công Sơn thị kia ! (**Tử dục vãng, Tử Lộ bất duyệt viết : Mạc chi dã dĩ, hà tất Công Sơn thị chi chi dã**).

Ngài nói rằng : Ôi ! Người ta mời tới mình há lẽ tự dưng vô cố đâu ! (**Tử viết : Phù triệu ngã dã, nhi khởi đổ tai**). Theo như ý ta nghĩ thời giả như có người biết dùng ta, ta chắc hành được đạo ta, dựng nên một nước Chu ở Đông phương kia mà ! (**như hữu dụng ngã dã, ngô kỳ vi Đông Chu hồ**).

Công Sơn Phất Nhiễu dĩ Phí bạn, triệu : Khổng Tử dục vãng. Tử Lộ bất duyệt, viết : Mạc chi dã dĩ, hà tất Công Sơn thị chi chi dã . Tử viết : Phù triệu ngã dã, nhi khởi đổ tai; như hữu dụng ngã, ngô kỳ vi Đông Chu hồ.

公山弗擾以費畔，召；孔子欲往，子路不悅曰：莫之也已！何必公山氏之之也！子曰：夫召我者，而豈徒哉；如有用我者，吾其為東周乎？

Tới khi Phật Bật làm phản ở đất Trung Mâu, cũng khiến người mời ngài, ngài cũng muốn qua (**Phật Bật triệu, Tử dục vãng**). Tử Lộ nghi ngài mà nói rằng : Thuở xưa kia, Do có nghe thầy nói rằng (**Tử Lộ viết : Tích dã, Do dã văn chư Phu tử viết** : Hễ người nào giữa thân nó đã làm điều bất thiện thời quân tử không chịu vào bè với nó vậy (**thân ư kỳ thân vi bất thiện giả, quân tử bất nhập dã**). Bây giờ Phật Bật làm phản, mà thầy muốn qua với nó là thế nào ? (**Phật Bật dĩ Trung mâu bạn, Tử chi vãng dã, như chi hà** ?). Đức Thánh trả lời rằng : Phải, xưa kia ta có câu nói như mày nhắc đó vậy (**viết : nhiên, hữu thị ngôn dã**), nhưng ta há không thường nói câu này nữa ru ? Chỉ sợ không thiệt bền mà thôi, hễ đã thiệt bền thời dầu mài mà chẳng sờn (**bất viết kiên hồ ! ma nhi bất lận**); sợ không thiệt trắng mà thôi, hễ đã thiệt trắng thời dầu nhúng chàm mà chẳng đen (**bất viết bạch hồ ! niết nhi bất trì**), mà huống gì bảo phụ uẩn

súc như ta dây, há có lẽ chỉ làm cái bào qua kia ư ! Nếu người ta như cái bào qua kia, chỉ có treo không, có miệng mà không ăn. Ta há phải như thế đâu ! (**ngô khởi biểu qua dã tai; yên năng hệ nhi bất thực**).

Phật Bật triệu, Tử dục vãng. Tử Lộ viết : Tích giả Do dã văn chư Phu tử viết : Thân ư kỳ thân vi bất thiện giả, quân tử bất nhập dã; Phật Bật dĩ Trung Mậu bạn, Tử chi vãng dã, như chi hà ? Tử viết : Nhiên ! hữu thị ngôn dã : Bất viết kiên hồ, ma nhi bất lận; bất viết bạch hồ ! niết nhi bất tri. Ngô khởi biểu qua dã tai, yên năng hệ nhi bất thực.

佛肹召，子欲往．子路曰：昔者由也，聞諸夫子曰：親於其身為不善者，君子不入也．佛肹以中牟畔，子之往也，如之何？子曰：然！有是言也，不曰堅乎，磨而不磷．不曰白乎，涅而不緇．吾豈匏瓜也哉，焉能繫而不食．

Xem như hai bài trên này thời biết rằng Thánh nhân đối với người, không một người xấu nào mà Thánh nhân nhất định ghét.

Lại như một việc dưới này, tuy là việc rất nhỏ mà cũng biết được ý Thánh nhân đối với người, vẫn là "vô khả, vô bất khả" :

Có một ngày kia, ngài có một người bạn già, tuổi ngang với ngài, tên là Nguyên Nhượng, nhân lúc đi đường với ngài, ngài đi trụt lại sau, Nguyên Nhượng đi trước, ngài bảo dừng lại chờ ngài; khi ngài lại tới nơi, thấy Nguyên Nhượng đương ngồi tréo chân mà tỏ ra cách kiêu ngạo (夷俟), ngài lấy cái gậy ngài chống gõ vào ống chân nó (以杖叩其脛) mà trách nó rằng : "Hễ một con người, khi trẻ tuổi mà không khiêm nhượng hòa thuận, đến lúc lớn lên mà không có việc gì cho người đời khen ngợi được (述) già mà không chết, người ấy là sâu mọt ở trong đời (幼而不遜弟長而無述焉，老而不死，是為賊).

(**Nguyên Nhượng di sĩ. Tử viết : Ấu nhi bất tốn đễ, trưởng nhi vô thuật yên, lão nhi bất tử, thị vi tặc dĩ trượng khấu kỳ hĩnh**).

原壤夷俟．子曰：幼而不遜弟，長而無述焉，老而不死，是為賊，以杖叩其脛．

Nguyên Nhượng là người đã già, theo như thường lệ, đức Thánh đối với người già chỉ có kính trọng. Bây giờ đối với Nguyên Nhượng, đã lấy gậy gõ ống chân, mà lại trách móc rất nặng lời, há lẽ Thánh nhân mà không kiêng nể hạng người già hay sao ?

Chúng ta xem như lời ngài trách mắng thời biết rằng đức Thánh sở dĩ đối đãi như thế là vì Nguyên Nhượng tự thủ, chứ kể về đạo lý kính người già thiệt không can hệ gì.

Xem tất thảy các bài như trên kia thời đường lối "thiệp thế" vẫn không sót thiếu gì nữa. Tuy nhiên, "thiệp thế" thời "thiệp thế" với ai ? Trừ ngoài thân ta ra tức là người, nếu không biết được người, làm sao mà "thiệp" được thế ? Vậy nên muốn "thiệp thế", tất cần phải biết được người; mà muốn biết được người thời trước phải có cặp mắt xem người và bộ óc xét người. Thế thời quan nhân là nước bước thứ nhất ở trên đường "thiệp thế". Vậy xin độc giả xem mấy bài như dưới này :

Tử viết : Thị kỳ sở dĩ, quan kỳ sở do, sát kỳ sở yên, nhân yên sưu tai ! nhân yên sưu tai !

子曰：視其所以，觀其所由，察其所安，人焉廋哉，人焉廋哉！

Đức Thánh nói rằng : Xem người chẳng phải là việc dễ. Thánh như vua Nghiêu còn lấy việc biết người làm khó (知人其難), huống gì những người thấp hơn vua Nghiêu mà dám nói biết được người ! Nên học giả cần phải học phép xem người.

Phép xem người thời như thế nào ? Bây giờ ta giả định ra 3 cái chương trình :

1)- Thị kỳ sở dĩ (視其所以) :

Tâm thuật người ta xấu hay tốt, tà hay chính, quân tử hay tiểu nhân, thường hiển hiện ra ở nơi việc làm; nên ta muốn biết người, tất cần dòm ở nơi việc làm của nó. Việc nó làm ở lúc hiện tại mà ta dòm được thiệt kỹ, thời tốt hay xấu, tà hay chính, quân tử hay tiểu nhân cũng dã có thể biện biệt được khá nhiều. Nhưng mà dã dám chắc dâu ! Bởi vì hiện tại nó làm dó, tức là sở dĩ, hoặc vì hoàn cảnh bắt buộc nó, hoặc vì thấy bạn dát dìu nó, hoặc vì phong triều xô dẩy nó, nó dầu chính và thiện mặc lòng, nhưng mà bảo nó là quân tử, thiệt không lấy gì làm chắc, nên phải có chương trình thứ hai nữa :

2)- Quan kỳ sở do (觀其所由) :

Tỷ như : một người kia, dòm ở việc làm lúc hiện tại, vẫn không thấy nó là tà, là ác, nhưng ta phải dò cho đến lịch sử dĩ vãng của nó có phải là không tà với ác, in như hiện tại việc nó mà ta dã thấy hay chăng ? Giả phỏng những việc dĩ vãng của nó mà tòng lai vẫn tà và ác, thế là người ấy hỏng rồi, không cần phải xét nữa. Giả như lịch sử dĩ vãng của nó (tức là sở do) mà xem ra cũng chính và thiện, nhưng ta dã dám chắc nó thiệt là quân tử chưa ? Không chắc. Bởi vì dường tương lai của nó còn dài lắm, nếu bề ngoài nó, ta vẫn thấy là tốt, mà ở trong tâm thuật nó, chưa biết lấy gì làm bằng cứ mà dám chắc nó thiệt là quân tử. Dĩ vãng tuy thế, hiện tại tuy thế, nhưng mà tâm thuật người ta thiệt là nguy hiểm lắm. Nếu tâm thuật nó chưa thật là viên mãn vững vàng, thời dã chắc dâu tương lai nó không có một ngày thay dổi ? Nên ta muốn đoán định nó thiệt là quân tử, tất phải có một cái chương trình thứ ba :

3)- Sát kỳ sở yên (察其所安) :

Trên kia hai chương trình, chỉ là xét ở lịch sử, và dòm ở nơi sự thực, còn chương trình này thời cốt xét cho đến tâm lý, tham cho đến tinh thần, nhìn cho ra được chân tính của người ấy, thiệt có phải nhất định đi vào đường thiện và chính

hay không. Đó tức là "sở yên" của nó.

Nói tóm lại, "**thị kỳ sở dĩ**", là sự thực nó ở trước mắt ta đã rõ ràng; "**quan kỳ sở do**" là lịch sử từng tiên của nó, ta đã dò được chắc chắn; lại còn "**sát kỳ sở yên**", thời tâm thuật tương lai của nó, ta lại phải dò xét cho được thập phần tinh tường mới đoán trước được người ấy là người tốt.

Phép xem người được kỹ càng chu đáo như thế thời lòng người dầu có sâu kín mà làm gì che dấu được mình nữa ru ? Dám chắc rằng người kia che dấu bằng cách gì ? người kia che dấu vào chỗ nào ? (**nhân yên sưu tai ! nhân yên sưu tai !**).

Phép quan nhân của đức Khổng Tử, ví như thầy thuốc chữa bệnh, tất phải trải qua 4 chữ : "**Vọng, văn, vấn, thiết**" (望，聞，問切). "Vọng", là trông sắc mặt người bệnh; "Văn", là nghe tiếng nói và hơi thở của người bệnh; "Vấn", là hỏi dò những nguyên do lúc đầu của người bệnh; "Thiết", là thăm chắc chắn mạch lý của người bệnh, tức là "bắt mạch".

"**Thị dĩ, quan do**", ví như "**Vọng, văn, vấn**"; "**Sát sở yên**", là ví như tay chẩn mạch, tức là chữ "**thiết**".

Làm thầy thuốc mà không tinh được chữ "thiết" là không chẩn được mạch, dầu có "vọng, văn, vấn" cũng không chữa được lành bệnh. Phép "quan nhân" cũng vậy : "**thị sở dĩ, quan sở do**", mà thôi mà không sát đến "sở yên" thời chưa chắc là dùng được người. Nên ở trong lời đức Khổng Tử qui kiết lấy câu : "Sát kỳ sở yên".

Chúng ta xem một người nào, nếu chưa xét được "sở yên" của người ấy, xin chớ vội chắc. "Sở yên", nghĩa là bản tâm chân tính của người ấy đã nhất định về một bề, dầu đến chết cũng không thay đổi.

Tử viết : Chúng ố chi tất sát yên; chúng hiếu chi tất sát yên.

子曰：衆惡之，必察焉；衆好之，必察焉。

Bài này cũng bổ ích cho việc "quan nhân". Ở trong loài người, có hai hạng người khó nhận ra tốt xấu : có một hạng người không hợp với thì tục, không xua theo người đời, tính tình ra một cách "cô cao", hành động ra một cách "trác dị", mà bị những hạng người dung tục tầm thường thảy ghét người ấy, thế là "chúng ố chi". Kia người bị "chúng ố" đó, ta có nên theo chúng mà bảo người kia là xấu không ? Không. Ta tất phải lấy cặp mắt sáng, bộ óc khôn của ta, để ý vào người ấy mà xét cho kỹ, đã chắc chi người mà chúng thảy ghét đó, không phải là một người quân tử rất mực hay chăng ? Vậy nên phải dùng công phu đến chữ "sát".

Trái lại, có một hạng người kia "hỗn đồng" với tục, xua theo với đời, rất vừa mắt với phường dung tục tầm thường, mà đại đa số nhân thảy ham ưa người ấy, thế là "chúng hiếu chi". Ta thấy hạng người mà "chúng hiếu" đó, đã chắc người đó là không phải "nhân chi vưu" đâu; nên ta lại phải đem cặp mắt và bộ óc sáng của ta để vào người ấy mà xét cho thiệt kỹ, chớ theo hùa với chúng "hiếu" mà mình cũng "hiếu" luôn, cũng in như "chúng ố chi" mà mình cũng xét lại.

Nói cho đúng, "chúng ố chi" mà chắc là người xấu, "chúng hiếu chi" mà chắc là người tốt, đó là sự thường. Chỉ duy "chúng ố chi" mà dụng phải người tốt mới là người tốt tột mực; "chúng hiếu chi" mà dụng phải người xấu, mới là xấu đáo để. Vậy thời câu "tất sát yên", xin học giả thiên vạn chú ý.

Tử viết : Khả dữ ngôn nhi bất dữ ngôn, thất nhân; bất khả dữ ngôn, nhi dữ chi ngôn, thất ngôn. Duy trí giả, bất thất nhân, diệc bất thất ngôn.

子曰：可與言而不與言，失人．不可與言而與之言，失言．惟智者，不失人，亦不失言．

Ngài lại nói : "Người ta ở đời, thế nào cũng phải giao thiệp với người. Đã giao thiệp với người, trước hết phải bàn nói với người. Tuy nhiên, bàn nói với người, há phải việc khinh dị đâu ! Những hạng người mà mình bàn nói với họ đó, có người đáng cùng nói, có người không đáng cùng nói.

Nếu gặp người đáng cùng nói mà mình khinh bỉ người ấy, hoặc nghi ngờ người ấy, không chịu cùng người ấy nói (**khả dữ ngôn, nhi bất dữ ngôn**), thế là ta không có con mắt mà bỏ mất người tốt (**thất nhân**).

Nếu dụng phải người không nên nói cùng, mà mình mắc lầm người ấy, hay là vội tin người ấy mà cùng người ấy nói (**bất khả dữ ngôn nhi dữ chi ngôn**), thế thời những điều mình nói cùng người ấy, chẳng những không ích gì mà lại e có tổn hại nữa, chẳng phải lầm lỗi vì điều nói hay sao ? (**thất ngôn**).

"**Thất nhân, thất ngôn**", tổng chi là người dại cả; chỉ duy người đầy đủ trí khôn (**trí giả**), xem người đã tinh, biết người lại chóng, dụng gặp người đáng nói thời nói với người ấy ngay, nên chẳng bao giờ "thất nhân"; dụng gặp người không đáng cùng nói thời quyết không nói cùng người ấy, nên cũng chẳng bao giờ "thất ngôn" (**duy trí giả, bất thất nhân, diệc bất thất ngôn**).

Học giả đọc bài này, nên nghiên cứu vấn đề này : Người thế nào là "khả dữ ngôn" ? Người thế nào là "bất khả dữ ngôn" ? Nếu chẳng phải tự mình học thức đã rộng, kinh nghiệm đã nhiều, đã hoàn toàn là một bậc "trí giả", thiệt khó giải quyết về vấn đề ấy.

Tử viết : Quân tử bất dĩ ngôn cử nhân, bất dĩ nhân phế ngôn.

子曰：君子不以言舉人，不以人廢言。

Chúng ta sở dĩ hay mắc lầm lấy người, chỉ vì khinh tín lời nói; nhưng mà giao thiệp với người, cũng không thể nào bỏ hết lời nói được. Chỉ duy bậc quân tử đối đãi với người vẫn công bình, mà xem xét người lại cốt nơi sự thực. Nếu sự thực người ấy mà không tốt, quân tử không bao giờ tin ở lời nói mà cử dụng người ấy lên (**quân tử bất dĩ ngôn cử nhân**). Bởi vì cử nhân mà chỉ bằng cứ ở nơi lời nói thời những phường "xảo ngôn, lợi khẩu", lừa gạt được mình, kết quả làm hại đến nhà đến nước, nên ngài đã thường có câu

nói : "Ố lợi khẩu chi phúc bang gia dã" (惡利口之覆邦家也) nghĩa là, ghét những hạng sác miệng nói, họ làm đổ được nước nhà ("lợi khẩu", cũng có nghĩa là ham nói điều lợi; nhưng chỉ giải bằng sắc miệng là đúng). Xưa nay "lợi khẩu" là một bọn người rất tai hại, vậy nên quân tử "bất dĩ ngôn cử nhân". Tuy nhiên, ở trong thiên hạ, cũng có một hạng người, sự thực nó chẳng có gì hay, mà lời nói họ thường có đôi câu tốt; nếu vị sự thực người ấy xấu, mà lời nói hay của nó ta cũng chẳng bỏ vào tai, thế thời trí khôn mình thuộc về nghe lời nói, còn có khuyết điểm, mà ở trên đường đạo lý cũng chưa được hoàn toàn; nên quân tử nghe có lời nói hay thời cứ dụng lấy lời nói ấy. Còn như người nó xấu thời mình bỏ người ấy là được rồi, chẳng bao giờ nhân vì người mà bỏ cả lời nói. Thế là "bất dĩ nhân phế ngôn". Tức như Dương Hổ là một đứa tiểu nhân mà nó có câu nói : "**vi phú bất nhân hỹ, vi nhân bất phú hỹ**" (陽虎曰：為富不仁矣，為仁不富矣 ·), thầy Mạnh cũng dẫn lấy câu nói ấy mà biên vào sách **Mạnh Tử**, đó chính là "bất dĩ nhân phế ngôn".

Lời nói làm cho người ta dễ lầm lắm, nên phải xem luôn mấy bài dưới này :

Tể Dư trú tẩm, Tử viết : Hủ mộc bất khả điêu dã, phấn thổ chi tường bất khả ô dã, ư Dư dư, hà tru"

宰予晝寢 · 子曰：朽木不可雕也，糞土之牆不可污也，於予與何誅 ·

Tử viết : Thỉ ngô ư nhân dã, thính kỳ ngôn, nhi tín kỳ hạnh; kim, ngô ư nhân dã, thính kỳ ngôn, nhi quan kỳ hạnh, ư Dư dư cải thị.

子曰：始，吾於人也，聽其言而信其行；今，吾於人也，聽其言而觀其行，於予與，改是 ·

Tể Dư là người có tài nói; học trò ở trong Khổng môn, Tể Dư thuộc về khoa ngôn ngữ; nhưng vì kém về sức tự trị, thường ở giữa ban ngày mà nằm ngủ, nên đức Thánh trách

cho rằng : Người mà không chí khí, không hay tự cường, cũng ví như cây gỗ hư, không thể dem nó đục chạm được (**hủ mộc bất khả điêu dã**), lại ví như cái tường làm bằng đất phấn, không thể tô màu sắc vào nó được (**phấn thổ chi tường bất khả ô dã**). Ư anh Dư kia, thôi ta còn trách nó làm gì !" (**ư Dư dư hà tru**).

Vì thấy Tể Dư có điều xấu như thế, nói tuy hay mà việc làm không tốt, nên đức Thánh trách cho bằng "**Hủ mộc bất khả điêu, phấn thổ chi tường bất khả ô**" ("điêu" là chạm trổ; "ô" là tô màu), nghĩa là bản chất đã không tốt thời không thể dạy bảo cho nó nên bậc người quân tử được. Lời nói ấy là trách Tể Dư nặng lắm. Ngài vì thế mà nói rằng :

"Xưa kia ta đối đãi với người, hễ nghe lời nói người mà tin luôn cả việc làm của người (**thỉ, ngô ư nhân dã, thính kỳ ngôn nhi tín kỳ hạnh**); bây giờ sắp đi, ta đối đãi với người, nghe lời nói người, mà phải xem xét đến việc làm của người (**kim, ngô ư nhân dã, thính kỳ ngôn nhi quan kỳ hạnh**). Nhân vì anh Dư này mà ta biết đổi điều lỗi ấy ! (**ư Dư dư cải thị**).

Xem như bài trên kia, thời mắc lắm vì những người nói hay, dầu Thánh nhân còn lấy làm lo, nên chúng ta xem người, rất nên nghiên cứu ở chốn ngôn hạnh. Vậy xin chép những bài sau này :

Tử viết : Kỳ ngôn chi bất tạc, tắc vi chi dã nan

子曰：其言之不作，則為之也難．

Hễ những hạng người dám nói hoác, nói hung mà không biết thẹn, chắc người ấy làm việc gì cũng khó cả; bởi vì người ấy không bao giờ nghĩ đến việc làm, nên mới khinh dị ư lúc nói; đã khinh dị ư lúc nói thời có bao giờ làm thiệt đâu ! Nên hễ "ngôn chi bất tạc", tất nhiên "vi chi dã nan" ("bất tạc", nghĩa là không trơ trẽn).

Ngài lại có nói rằng :

Hữu đức giả tất hữu ngôn; hữu ngôn giả bất tất hữu đức.

有德者必有言，有言者不必有德。

Hễ những người có đạo đức, không nói thời thôi, nếu đã nói, tất nhiên có câu nói hay (**hữu đức giả, tất hữu ngôn**). Đến như có một hạng người, hoặc đọc một bài diễn thuyết hay, hoặc viết một bài văn chương mà thông thạo, kể rằng hữu ngôn cũng thiệt là hữu ngôn đó, nhưng chỉ hay về mặt ngôn luận mà thôi, không chắc là người có đạo đức dâu (**hữu ngôn giả, bất tất hữu đức**).

Bài này nên chú ý ở chữ "hữu". ("hữu", nghĩa là thật có sẵn của mình). Đạo đức là chứa sẵn ở trong lòng mình, không phải vay mượn ai mà được, nên hữu đức là khó; còn như ngôn luận thời có thể học lắp với người mà hay, nên hữu ngôn là dễ. Vậy nên người chỉ hữu ngôn mà thôi thời chỉ uốn nắn trau chuốt ở bề ngoài, nên "bất tất hữu đức".

Thánh nhân không phải khinh rẻ những người hữu ngôn dâu; nhưng tất căn cứ ở hữu đức mà hiển hiện ra ở nơi hữu ngôn thời người ấy chúng ta mới nên tín ngưỡng; chớ khinh dị những người hữu ngôn mà tin là hữu đức.

Tử viết : Quần cư chung nhật, ngôn bất cập nghĩa, hiếu hành tiểu tuệ, nan hỹ tai.

子曰：群居終日，言不及義，好行小慧，難矣哉！

Có một hạng người xúm nhau ở một dám từ sớm tới tối (**quần cư chung nhật**), nói phô với nhau không nhắc tới lẽ phải (**ngôn bất cập nghĩa**), mà lại hay làm những việc khôn nhỏ bợm vật (**hiếu hành tiểu tuệ**), những hạng người ấy, thiệt không thể làm với được việc gì, cũng không thể dạy dỗ họ nên người tốt được (**nan hỹ tai**).

Ba chữ "nan hỹ tai", đức Thánh chỉ vào hai hạng người :

a)- "Bão thực chung nhật vô sở dụng tâm" - b)- "Quần cư chung nhật, ngôn bất cập nghĩa, hiếu hành tiểu tuệ".

Hai hạng người ấy, Thánh nhân phải tuyệt vọng với nó,

nên nói rằng "nan hỹ tai".

Chúng ta "thiệp thế quan nhân", nên tránh xa, bỏ đứt những hạng người ấy.

Lại xem như những bài sau này :

Ở trong loài người, thiện hay ác, chính hay tà, chỉ khác nhau có mảy may mà thôi; nếu xét được cho ra người xấu, tức người tốt phải lòi ra ngay. Vậy nên có một hạng người, xem giống như tốt, mà kỳ thực không phải tốt, chính là hạng "tự nhi phi". Chúng ta cần xét cho ra hạng người ấy.

Xảo ngôn loạn đức, tiểu bất nhẫn tắc loạn đại mưu.
巧言亂德，小不忍則亂大謀。

Hễ người trau chuốt ở lời nói, nói ra điều gì cũng dễ nghe, mà nghe cũng có đạo lý, đó là hạng người xảo ngôn. Cái miệng nói của họ thường thường cái trắng mà họ nói ra cái đen, cái đen mà họ nói ra cái trắng; lẽ trái mà họ nói ra lẽ phải, lẽ phải mà họ nói ra lẽ trái, chỉ là rối loạn tâm tính của người, thế là "xảo ngôn loạn đức".

Lại có một hạng người, làm việc hay có tính hung hăng, ỷ "huyết khí chi dũng", không nín nhịn được việc giận vặt, đó là "tiểu bất nhẫn". Đã không hay nín nhịn được ở cái nhỏ, thời tính toán việc chưa kịp chín, sắp đặt việc chưa kịp xong, mà cơ mưu đã bại lộ, đến nỗi một cái trảy nảy ra cái ung mà làm hỏng hết mưu kế lớn, chẳng phải là "loạn đại mưu" hay sao ? Suy nguyên đến cớ sở dĩ loạn, chỉ vì "tiểu bất nhẫn" mà thôi.

Nói tóm lại, "xảo ngôn" thời làm hại được đức, "tiểu bất nhẫn" thời làm hại mất đại mưu, ở trên đường thiệp thế, quan nhân rất nên tránh khỏi hai hạng người đó.

Đọc đến bài ấy, lại phải nhắc tới bài mà ngài nói với Phàn Trì.

Phàn Trì tùng du Vũ vu chi hạ, viết : Cảm vấn sùng đức, tu thắc, biện hoặc ? Tử viết : Thiện tai vấn ! Tiên sự, hậu đắc, phi sùng đức dư ? Công kỳ ác, vô công nhân

chi ác, phi tu thắc dư ? Nhất triêu chi phẫn, vong kỳ thân dĩ cập kỳ thân, phi hoặc dư ?

樊遲從遊舞雩之下曰：敢問崇德，修慝，辨惑？子曰：善哉問！先事，後得，非崇德與？攻其惡，無攻人之惡，非修慝與？一朝之忿，忘其身之及其親，非惑與？

Phàn Trì hỏi : "Sùng đức, tu thác, biện hoặc".

Ngài trả lời rằng : Việc gì đáng làm, ta trước lo làm đi, còn cái công lợi sở đắc thời sau sẽ nghĩ tới (**tiên sự hậu đắc**), chẳng phải là sùng đức hay sao ? (**phi sùng đức dư** ?). Lo trừng trị cái nết xấu của mình, chớ công kích việc xấu của người (**công kỳ ác vô công nhân chi ác**), chẳng phải là "tu thắc" hay sao ? (**phi tu thắc dư** ?). Vì giận ở một mai mà nổi xung lên đến nỗi làm bướng, quên cái tai họa ở giữa thân mình, mà lại họa lây đến những người thân thích của mình, chẳng phải là việc mê hoặc hay sao ? (**nhất triêu chi phẫn, vong kỳ thân, dĩ cập kỳ thân, phi hoặc dư** ?).

Xem góp hết hai bài trên ấy, tránh được khỏi loạn đức, tức là sùng đức. Mà đã sùng được đức mình, thời xảo ngôn còn loạn gì được ? Tu được thắc, biện được hoặc thời còn có tiểu bất nhẫn nữa đâu ?

Thắc, nghĩa là những múi gian dối; tu thắc, là trừng trị cho hết gian dối (chữ thân ở dây khác với chữ "thân" mọi nơi; thân, nghĩa là những người thân với mình).

Tử viết : Luận đốc thị dữ, quân tử giả hồ, sắc trang giả hồ.

子曰：論篤是與，君子者乎，色莊者乎·

Thấy một người kia, ta nghe tiếng nói lời phô của nó, thấy ra một hạng người trung hậu (**đốc**) lắm, mà tưởng nên làm bạn với nó (**luận đốc thị dữ**). Nhưng mà ta phải xét lại tâm thuật của người ấy đã chắc là quân tử hay chưa ? (**quân tử giả hồ** ?), hay là hạng người ấy ở trước mặt ta mà cố làm

dáng trang nghiêm ở ngoài mặt mà thôi ư ? (**sắc trang giả hồ**). Như thế là "sác trang", khác hẳn với quân tử đó, chớ vội "luận đốc" mà tin ngay. Bởi vì quân tử với "sắc trang", thường thường "tự nhi phi" đó vậy.

Lại xem như bài này :

Tử Cống viết : Quân tử diệc hữu ố hồ ? Tử viết : hữu. Ố xưng nhân chi ác, ố cư hạ lưu nhi sán thượng giả, ố dũng nhi vô lễ giả, ố quả cảm nhi trất giả. Viết : Tứ dã diệc hữu ố hồ : ố kiểu dĩ vi trí giả, ố bất tốn dĩ vi dũng giả, ố cật dĩ vi trực giả.

子貢曰：君子亦有惡乎？子曰：有，惡稱人之惡，惡居下流而訕上者，惡勇而無禮者，惡果敢而窒者。曰：賜也，亦有惡乎：惡徼以為智者，惡不遜以為勇者，惡訐以為直者。

Thầy Tử Cống hỏi với đức Khổng Tử rằng : Những bậc quân tử đối với loài người, có ghét những hạng người nào không ? (**quân tử diệc hữu ố hồ** ?). Đức Thánh nói rằng : "Có chứ !". Có lẽ nào ở trong thảy loài người, dụng lấy hạng người đáng ghét mà quân tử không ghét được ? Những hạng người như sau này là quân tử phải đáng ghét : Mình không biết những điều xấu của mình, mà hay bày kể những điều xấu của người ta, đó là một hạng người đáng ghét (**ố xưng nhân chi ác giả**).

Mình tự xử mình một cách ty tiện, nhân cách đã quá chừng thấp, chỉ là hạ lưu mà thôi, mà lại hay chê bai dèm hủy những bậc người cao thượng (**ố cư hạ lưu nhi sán thượng giả**). Đó là một hạng người đáng ghét.

Lấy hung hăng tráng trợn, ỷ mình là mạnh, mà không kể gì đến lẽ phải (**ố dũng nhi vô lễ giả**). Đó lại là một hạng người đáng ghét.

Có gan liều khùng quả quyết ráp làm, mà lại óc khôn bí đặc, "trất ngại" mà không "thông lý", nếu đem lẽ phải nói với nó nó cũng không nghe (**ố quả cảm nhi trất giả**). Đó

lại là một hạng người đáng ghét.

Bốn hạng người ấy, chỉ xem qua thời giống như hạng người cương trực dũng cảm, nhưng xét kỹ lại thời là một hạng người xấu, chẳng những làm hại mình nó mà thôi, lại làm hại lây tới cả xã hội nữa. Vậy nên quân tử phải ghét.

Thầy Tử Cống lại nói rằng :

Tứ này vậy, cũng có những người mà Tứ lấy làm ghét kia mà ! (**Viết : Tứ dã diệc hữu ố hồ**) : có một hạng người chỉ làm bằng cách họa may, không cân nhắc đạo lý, không nghĩ bản phận của mình, chỉ mong ở may ra mà được, mà lại tự thị rằng mình thế là khôn (**ố kiểu dĩ vi trí giả**). Đó là một hạng người đáng ghét.

Tính chất vừa kiêu ngạo, hành động lại luông tuồng, không biết khiêm tốn là cái gì, mà tự ý mình rằng như thế là mạnh (**ố bất tốn dĩ vi dũng giả**). Đó lại là một hạng người rất đáng ghét.

Hay làm bộ xủng xủng xẳng xẳng, rình lén những chỗ khuyết điểm của người mà công kích người ở giữa công chúng để cho tỏ rõ điều xấu của người, tự mình lấy thế làm "minh trực" (**ố cật dĩ vi trực giả**). Đó lại là một hạng người đáng ghét.

Ba hạng người ấy như hình trí, mà thiệt là người ngu; như hình dũng, mà thiệt là người cường bạo; như hình trực, mà thiệt là hạng người cương ác, nên Tứ này phải ghét.

Lại xem như bài dưới này thời biết rằng tâm lý người ta, vẫn có một phương diện mình ghét, mà lại có một phương diện mình ham. Nhưng mà người thế nào nên ghét ? Người thế nào nên ham ? Tất phải có một cái chủ quan ở giữa mình, không nên tuyền ỷ ở khách quan.

Tử Cống viết : Hương nhân giai háo chi, hà như ? Tử viết : Vị khả dã. Hương nhân giai ố chi, hà như ? Tử viết : Vị khả dã, bất như hương nhân chi thiện giả háo chi, kỳ bất thiện giả ố chi.

子貢曰：鄉人皆好之，何如？子曰：未可也。鄉人皆惡之，何如？子曰：未可也。不如鄉人之善者好之，其不善者惡之。

Thầy Tử Cống hỏi rằng : Có một người kia, người trong một làng, ai thảy cũng yêu ham người ấy, thời thế nào ? (**hương nhân giai háo chi, hà như** ?). Ngài nói rằng : Chưa chắc người ấy đã tốt đâu (**vị khả dã**).

Tử Cống lại hỏi rằng : Như có một người kia, người trong một làng, ai thảy cũng ghét người ấy, thời thế nào ? (**hương nhân giai ố chi, hà như** ?). Ngài nói rằng : Cũng chưa chắc người ấy là xấu đâu (**vị khả giả**). Chúng ta muốn xét cho ra người thiệt tốt thời không ai bằng một hạng người này : hễ những người lành ở trong một làng, ai cũng ưa ham người ấy, bởi vì người ấy trót đời chỉ là làm việc lành, nên những người thiện ham người ấy; trọn đời người ấy, không bao giờ làm việc chẳng lành, nên những người bất thiện ghét người ấy (**hương nhân chi thiện giả háo chi, kỳ bất thiện giả ố chi**). Như hạng người ấy mới là thiệt tốt.

Chúng ta đọc bài này, cần phải nghiên cứu một vấn đề vì cớ sao mà "hương nhân giai háo chi, hương nhân giai ố chi" mà thảy là "vị khả". Bởi vì thường lý ở trong loài người, dã đồng người một làng, tất nhiên phải có người thiện, người ác; người thiện thời ưa làm bạn với người thiện mà ghét người bất thiện; có lẽ nào người thiện ưa, mà người ác cũng ưa ? Lại cũng có lẽ nào người ác ưa mà người thiện cũng ưa ? Bây giờ "hương nhân giai háo chi thời" chắc người ấy là hạng người "tùy tục cẩu đồng", thiện không ra thiện, ác cũng không ra ác, chính như tục ta hay nói "bất cá hai tay", "đến đình nào chúc đình nấy", thiệt là một con rắn hai đầu, chúng ta nên đem con mắt cho tinh mà xét những người ấy.

Bài này phải tham khảo với bài trên : "Chúng háo chi tất sát yên".

Ở trong loại người lại có một hạng người như sau này,

Thánh nhân lấy làm ghét lắm, mà cũng thiệt đáng ghét :

Tử viết : Cuồng nhi bất trực, thông nhi bất nguyện, không không nhi bất tín, ngô bất tri chi hỹ.

子曰：狂而不直，侗而不愿，悾悾而不信，吾不知之矣。

Hễ đã người cuồng, nếu có tính trực; hễ đã người thông, nếu có tính nguyện; hễ người đã không thông, nếu có tính "tín" là những người còn trông mong cho khá được. Trái lại, cử động có hơi "tàng tàng", xem vẫn là cuồng, nhưng mà lại không ngay thẳng (**cuồng nhi bất trực**); ăn nói ra cách khờ khờ, ngó vẫn là thông, nhưng mà lại không hiền lành (**thông nhi bất nguyện**); bộ dạng ra cách dẩn dẩn, ngó vẫn là không không, nhưng mà lại không tín thật (**không không nhi bất tín**). Những hạng người ấy, ta phải chừa ra mà thôi (**ngô bất tri chi hỹ**).

Tử viết : Cổ giả dân hữu tam tật, kim giả, hoặc thị chi vô dã; cổ chi cuồng dã tứ, kim chi cuồng dã đãng; cổ chi căng dã liêm, kim chi căng dã phẫn lệ; cổ chi ngu dã trực, kim chi ngu dã trá, nhi dĩ hỹ.

子曰：古者，民有三疾；今者，或是之無也，古之狂也肆，今之狂也蕩，古之矜也廉，今之矜也忿戾，古之愚也直，今之愚也詐，而已矣。

Bài này ý tứ cũng tương tợ như bài trên, cũng là một hạng người mà chúng ta dễ mắc lầm, nên đức Thánh chỉ vạch ra cho ta biết. Ngài nói rằng : Dân ở đời xưa vẫn nhiều đức tốt, tuy ở trong cũng có trộn vào 3 chứng bệnh, nhưng còn có thể bảo là tốt được; đến như dân ở đời nay, e những chứng bệnh đó cũng không cả luôn (**cổ giả, dân hữu tam tật, kim giả hoặc thị chi vô dã**).

Ba chứng bệnh đó là gì ?

a)- Cuồng là hạng người thích thẳng.

b)- Căng là hạng người hay tự đắc.

c)- Ngu là hạng người dẫn độn.

Nhưng theo về dân đời xưa, thời ba chứng bệnh đó còn có ba cách tốt; chứ dân đời nay thời ba chứng bệnh đó thành ra ba nết xấu.

Người "cuồng" của đời xưa kia, chỉ thấy "cuồng" một cách ra trổng troảng (**cổ chi cuồng dã tứ**) ("tứ" là có ý sột soạt). Đến như "cuồng" của người đời nay thời chỉ là một thằng hoang đường (**kim chi cuồng dã đãng**).

"Căng" của người đời xưa thời "căng" một cách bằng trong sạch (**cổ chi căng dã liêm**); "căng" của người đời nay thời chỉ là một người ngang trái (**kim chi căng dã phẫn lệ**). ("Phẫn", là tráng trợn; "Lệ", là hay làm ngang).

"Ngu" của người đời xưa, "ngu" một cách bằng ngay thẳng (**cổ chi ngu dã trực**); "ngu" của người đời nay, chỉ là một đứa gian dối (**kim chi ngu dã trá**). Dân đời nay chỉ thế mà thôi (**nhi dĩ hỹ**), mong cho có tam tật như dân đời xưa cũng đã hiếm, chẳng dau đớn lắm hay sao !

Lại có ba hạng người như ba bài sau này là hạng người rất khó xét được :

Tử viết : Sắc lệ nhi nội nhậm, thí chư tiểu nhân, kỳ do xuyên du chi đạo dã dư - Tử viết : Hương nguyện đức chi tặc dã - Tử viết : Đạo thính nhi đồ thuyết, đức chi khí dã.

子曰：色厲而內荏，譬諸小人，其猶穿窬之道也與·子曰：鄉愿德之賊也·子曰：道聽而途說，德之棄也·

Một hạng người kia, ngoài sắc mặt thấy ra nghiêm trang (**sắc lệ**) mà trong lòng nó thiệt mềm hơn cỏ bún (**nhi nội nhậm**). Hạng người ấy tuy đứng vào địa vị thượng lưu mặc dầu, nhưng ví nó với bọn tiểu nhân thời in như bọn ăn trộm xoi tường đục vách kia vậy.

Bảo rằng "kỳ do xuyên du chi đạo", là hạng người cực

nên ghét ("xuyên du" là kẻ trộm khoét ngách).

Lại có một hạng người "hỗn đồng" với "lưu tục", "cẩu hợp" với đời nhơ; cách ăn ở của nó giống như trung tín, mà kỳ thực là trung tín giả; cách làm của nó giống như liêm khiết, mà kỳ thực thời liêm khiết giả, khéo phỉnh phờ lừa chúng, mà chúng thảy yêu nó, nên nỗi trong một làng ai cũng khen nó là hiền lành, đặt tên nó bảng "hương nguyện", hạng người ấy ở trong đám đạo đức, phải nhận nó là thằng giặc (**đức chi tặc dã**).

Lại có một hạng người, trong óc nó không chủ nghĩa gì là hay, bên tai nó không lý luận gì lọt vào, chỉ hữu ở đầu đường này nghe mà qua đầu đường kia nói ngay (**đạo thính nhi đồ thuyết**). Những hạng người ấy ở trong đám đạo đức tất phải bỏ nó (**đức chi khí dã**).

Tòng lai, ba hạng người như trên kia, rặt là hạng xấu, mà xấu thứ nhất là hạng "**hương nguyện**", thứ là hạng "**sắc lệ nhi nội nhậm**" vì hạng người đó rất là tiểu nhân, mà lại có bộ dạng quân tử, chúng ta dễ bị chúng nó gạt lắm, nên phải hết sức cẩn thận.

Kết luận.

Đường đời quá mênh mông, biết làm sao mà "thiệp" được "thế" ! Loài người quá phức tạp, biết làm sao mà biết rành được người ! Tác giả xin lấy một bài như dưới này để kiết thúc chương này :

Tử viết : Bất tri mệnh, vô dĩ vi quân tử dã; bất tri lễ, vô dĩ lập dã; bất tri ngôn, vô dĩ tri nhân dã.

子曰：不知命，無以為君子也．不知禮，無以立也．不知言，無以知人也．

Phẩm người muốn cho cao, cách người muốn cho tốt, tất phải lo làm cho nên một người quân tử. Nhưng quân tử cũng chỉ là hoàn toàn được tính thiện của người mà thôi.

"Tính" là cái gì ? Tức là cái chân lý của trời phú cho ta, mà ta gọi bằng "tính" (**thiên mệnh chi vị tính**). Nên muốn hoàn toàn được "tính", tất phải biết cho đến "mệnh"; nếu không "tri mệnh" thời không lấy gì làm được quân tử (**bất tri mệnh, vô dĩ vi quân tử dã**).

Ngài có câu nói :

Tiểu nhân bất tri thiên mệnh nhi bất úy dã.

子曰：小人不知天命，而不畏也。

Nghĩa là, những dứa tiểu nhân nó không biết mệnh trời là gì, nên nó không kiêng sợ.

Xem thế thời không biết mệnh trời là tiểu nhân, biết được mệnh trời tức là quân tử; làm nên một người quân tử, đường lối rất xa, công việc rất lớn, phạm vi rất rộng, chúng ta bắt đầu lấy cái gì làm nền tảng rư ? Thời trước nhất, giữa thân mình cho tự lập nổi; mà muốn lập được thân mình, tất từ khi đem thân ra đời, phải cho đúng với lễ. "Lễ" là cái gì ? Là làm những việc gì chất mà có vàn, vàn mà có chất, thảy cho hợp với lẽ trời.

Sở dĩ tự lập được thân mình là nhờ vào đó. Vì vậy, người muốn tự lập, tất phải biết "lễ". Ngài cũng đã thường có câu nói rằng :

Bất học lễ, vô dĩ lập.

不學禮，無以立。

"Lễ" là cái dầm đất vững vàng cho ta đứng. Nếu không biết "lễ", không dựa vào đâu mà lập được vậy (**bất tri lễ, vô dĩ lập**).

Tuy nhiên, ở trong đường đời, há phải một mình trơ trọi đâu ? Tất phải có xã hội trùm bọc xung quanh mình; nếu mình không biết được người thời thấy biết nhờ ai ? Bạn biết cậy ai ? Đồng tâm đồng chí biết liên lạc với ai ? Mình muốn lập cho vững vàng, mà chắc chi không theo vờ mà bị đổ ngã chang ! Nên lại cần nhất là "tri nhân". Nhưng mà "nhân" há phải dễ "tri" đâu ! Thời lại trước phải dùng trí khôn vào ở

chốn nghe lời nói. Nếu nghe lời nói mà không biện biệt được phải hay chăng, không dò xét được thật hay dối, thế là không biết được lời nói rồi (**bất tri ngôn**), thời không lấy gì mà biết được người nữa (**bất tri ngôn, vô dĩ tri nhân dã**). Vậy nên chúng ta muốn "tri nhân", tất phải dụng công phu ở nơi chữ "tri ngôn"; mà muốn làm cho được một người "tri ngôn", tất cần phải nhờ học thức và lịch duyệt. Xin xem chương "Tri ngôn" ở trong sách **Mạnh Tử** (*ở quyển hạ*). Bài này phải chú ý ở ba chữ "tri" (**tri mệnh, tri lễ, tri ngôn**).

CHƯƠNG XIII

PHƯƠNG PHÁP "BIỆN BIỆT" QUÂN TỬ VỚI TIỂU NHÂN

Chương trên đã kể hết những dường lối "thiệp thế quan nhân"; nhưng ở trong lúc quan nhân, khó thứ nhất là biện biệt cho ra quân tử hay tiểu nhân, nên lại phải chép chương này.

Chương này thảy chép những bài quân tử với tiểu nhân so dọ cùng nhau :

Tử viết : Quân tử chu nhi bất tỷ; tiểu nhân tỷ nhi bất chu.

子曰：君子周而不比；小人比而不周。

("*chu*", nghĩa là rộng khắp; *"tỷ"*, nghĩa là riêng hẹp).

Quân tử ở đời, chỉ dựa theo đạo lý công bằng, mà đối đãi với người dùng bằng một cách rộng lớn, hễ không phải người ác, thảy là bầy bạn mình, chỉ thấy là "chu" mà không thấy "tỷ" (**quân tử chu nhi bất tỷ**).

Tiểu nhân thời trái thế, nó chỉ thân yêu với hạng người đồng ác với nó, mà những người không đồng ác với nó thời nó để lòng ghen ghét, như thế là "tỷ nhi bất chu" (**tiểu nhân tỷ nhi bất chu**).

Quân tử hoài đức, tiểu nhân hoài thổ; quân tử hoài hình, tiểu nhân hoài huệ.

君子懷德，小人懷土，君子懷刑，小人懷惠。

Quân tử với tiểu nhân sở dĩ khác nhau, không phải khác nhau ở nơi sự thực, mà khác nhau ở nơi tâm thuật; không phải khác nhau ở nơi hình thức, mà khác nhau ở nơi tinh thần. Nên ở trong bài này, chú trọng thứ nhất là chữ "hoài".

"*Hoài*", nghĩa là thường thường để lòng vào mà không bao giờ quên. Chữ "hoài" là thuộc về phần tư tưởng. Quân tử chỉ hoài về đức, cốt cho đạo đức mình được hoàn toàn thời quân tử lấy làm vui lòng (**quân tử hoài đức**). Tiểu nhân thời trái thế, nó chỉ hoài về "thổ" ("thổ", nghĩa là cái địa vị nó ăn ngồi. Tục ta thường gọi là "ngôi thứ"). Tâm thuật của tiểu nhân chỉ chăm chỉ ở nơi "ngôi thứ" gần ở một làng, xa đến một nước, mục đích của nó chỉ là chăm chỉ ở nơi "ngôi thứ" mà thôi, nên nói rằng "tiểu nhân hoài thổ".

Quân tử chỉ hoài ở "hình" ("hình", nghĩa là lời nói việc làm, có thể làm được khuôn mẫu cho đời). Sách xưa có chữ "Nghi hình", "Điển hình" 儀型，典型，tư tưởng của quân tử chỉ để vào chốn ấy; nói một tiếng nói, làm một việc làm, không bao giờ quên những khuôn mẫu của Thánh hiền, mà chính giữa thân mình cũng chỉ lo làm được khuôn mẫu cho người đời sau (**quân tử hoài hình**).

Chữ "hình" ở đây, xem trên mặt chữ thời cũng như chữ "hình" mà thích nghĩa bằng "hình pháp" hay "hình luật", nên học giả thường nhận lầm "hoài hình" là sợ pháp luật. Nhưng nghĩa đó quá dốt. Nếu chỉ sợ pháp luật mà thôi thời có gì là quân tử ? Nguyên lai chữ "hình" ở trong **Kinh Truyện**, chữ "hình" này thường thông dụng với chữ "hình" (刑) trên, "thổ" (土) dưới (型).

Trong **Kinh Thi** có câu "Hình vu quả thê" (刑于寡妻), nghĩa là làm khuôn mẫu cho người vợ ít đức noi theo.

Lại có câu : "Thượng hữu điển hình" (尚有典刑) thảy là dùng chữ "hình" không có "thổ" (土) dưới. Nếu chúng ta biết xem sách thời dám chắc rằng hai chữ "hình" thông dụng với nhau. Chữ "hoài hình" ở đây, chính là chữ

"hình" phải thích bằng "điển hình", "nghi hình" mới đúng với nghĩa sách; nếu thích nghĩa bằng "hình pháp" thời hai câu **Kinh Thi** như trên kia nhắc lại còn có nghĩa lý gì ? Chính giữa sách **Mạnh Tử** dẫn câu : "**hình vu quả thê**" (刑于寡妻) cũng dùng chữ "hình" không có "thổ" dưới, thời biết được chữ "hình" ở đây mà nhận là "hình pháp" thiệt không đúng.

Tiểu nhân thời trái thế, nó chỉ thấy lợi lộc ân thưởng là những giống người ta cho nó, lấy làm qui hóa mà đêm ngày mơ tưởng không bao giờ quên, đó là sở hoài của tiểu nhân, so với quân tử "hoài hình", thiệt xa nhau nhiều lắm (**tiểu nhân hoài huệ**), "huệ" là những đồ ân huệ người ta cho như : bổng lộc hay danh vị, phẩm hàm, v.v... Người mà chỉ tư tưởng vào những giống ấy, có thể nào không tiểu nhân đặng ?

Tử viết : Quân tử dụ ư nghĩa, tiểu nhân dụ ư lợi.

子曰：君子喻於義；小人喻於利

Bài này phải chú ý vào chữ "dụ"; ("dụ" là ở trong con mắt, bộ óc mình chỉ minh bạch có ngần ấy mà thôi, thế là ý nghĩa chữ "dụ"). "Dụ" là thuộc về phần trí thức. Trí thức của những bậc quân tử, chỉ thông thạo ở phần nghĩa, nên nói rằng : "quân tử dụ ư nghĩa". Trí thức của tiểu nhân thời chỉ thông thạo ở phần lợi, nên nói rằng : "tiểu nhân dụ ư lợi".

Nhất thiết đạo lý ở trong thiên hạ, chỉ có hai đường : chẳng nghĩa thời lợi, chẳng lợi thời nghĩ; mà quân tử tiểu nhân sở dĩ khác nhau cũng vì chốn ấy.

Quân tử không phải là tuyệt đối không làm lợi, nhưng cái lợi là gốc trong nghĩa mà nảy ra, nên nói rằng : "dụ ư nghĩa", bởi vì mục đích của quân tử cốt ở nơi nghĩa.

Tiểu nhân không phải tuyệt đối không làm nghĩa, nhưng cái nghĩa nó chỉ là mượn tiếng để mua lợi mà thôi, nên nói rằng : "dụ ư lợi", bởi vì mục đích của tiểu nhân chỉ cốt ở nơi lợi.

Bài này chỉ khác nhau có 2 chữ mà biện biệt quân tử, tiểu nhân được cực rành.

Tử vị Tử Hạ viết : Nhữ vi quân tử nho, vô vi tiểu nhân nho.

子謂子夏曰：汝為君子儒，毋為小人儒。

Thầy Tử Hạ là một người cao dệ trong Khổng môn, nhưng vì cách học vấn của thầy còn có hơi xu hướng về mặt vụ ngoại, mà chưa khỏi được ý cầu danh, nên ngài răn cho rằng : Mày ơi ! Phải chăm chỉ làm cho nên một người nho bằng quân tử, chớ làm một hạng nho bằng tiểu nhân.

Cũng là gọi bằng "nho" cả, vì sao mà lại có quân tử nho với tiểu nhân nho ? Chúng ta phải biết : Sở dĩ gọi bằng nho, há phải rằng mặc đồ mặc của nhà nho, nói giọng nói nhà nho, đọc những sách học của nhà nho, ăn ngồi đi đứng với phường nho mà thảy gọi là "nho" được ru ! Nên trong "nho" vẫn chia làm 2 loại : chăm chỉ về phần thực dụng mà không cần ở hư danh, cốt lo đua tranh với Thánh hiền mà không chịu hùa theo với thì tục, chú trọng về đạo đức mà cũng kiêm cố tới tài năng, như thế là quân tử nho. Trái lại, trọng phần danh mà bỏ phần thực, hùa với thì tục mà quên quách Thánh hiền, ỷ có tài năng mà bỏ trớt đạo đức, như thế là tiểu nhân nho.

Nho sở dĩ mang tiếng xấu, vì quân tử nho quá hiếm, mà tiểu nhân nho thời lại quá nhiều, như thầy Tử Hạ mà đức Thánh còn nói rằng : "vô vi tiểu nhân nho", huống gì những người thấp hơn thầy Tử Hạ dã chắc là quân tử nho được ru ? Chúng ta hết sức ở nơi "vi quân tử nho !".

Tử viết : Quân tử thảng đãng đãng, tiểu nhân trường thích thích.

子曰：君子坦蕩蕩，小人長戚戚。

Bài này là hình dung tâm lý của hai hạng người :

"Thản đãng đãng", nghĩa là trong lòng thư thái luôn luôn, bởi vì quân tử dầy đạo đức ở trong, chỉ biết thuận lẽ trời, thờ chân lý, mà những việc cùng, thông, đắc, táng thuộc về đường đời, mùi tục, quân tử chẳng đặt vào lòng. Vậy nên ngửa lên không thẹn với trời, cúi xuống không thẹn với đất, mà ở trong

lòng cứ được vui luôn luôn, đó là "quân tử thản đãng đãng".

"Trường thích thích", nghĩa là trong lòng lo sợ luôn luôn, bởi vì món tiểu nhân kia, mùi đạo đức họ không nếm một tý gì, đường chân lý họ không trông thấy bao giờ, chỉ say với mùi đời mà thường lo mất phần ăn, chỉ trần vào đường tục mà thường lo hỏng nước bước, nên trong lòng nó chỉ bứt rứt bực bội luôn, đó là "tiểu nhân trường thích thích".

Tử viết : Quân tử thành nhân chi mỹ, bất thành nhân chi ác; tiểu nhân phản thị.

子曰：君子成人之美，不成人之惡；小人反是。

Bài này là xem quân tử tiểu nhân ở nơi độ lượng. Độ lượng của quân tử thường xem người cũng như mình, thấy việc tốt của người, nghĩ cũng như việc tốt của mình, nên hết sức tán thành cho người nên điều tốt (**quân tử thành nhân chi mỹ**). Thấy việc xấu của người nghĩ cũng như việc xấu của mình mà không muốn người mắc lấy tiếng xấu, nên hết sức ngăn đón bào chữa, không để cho người ta nên việc xấu (**bất thành nhân chi ác**). Còn như tiểu nhân thời trái thế, vì độ lượng của nó quá hẹp, nên nó thấy người ta tốt thời nó làm hoại ngay (**bất thành nhân chi mỹ**), nó thấy người có điều xấu thời nó lại xúc thêm vào (**thành nhân chi ác**).

Sở dĩ hai bên khác nhau, chỉ vì quân tử thời công với thứ, tiểu nhân thời tư với dộc mà thôi.

Tử viết : Quân tử hòa nhi bất đồng, tiểu nhân đồng nhi bất hòa.

子曰：君子和而不同，小人同而不和。

Bài này là xem quân tử tiểu nhân ở nơi cộng sự. Người ta ở đời, không việc gì một mình mà làm nên được, nên phải có đông người làm chung với nhau; mà đến khi làm việc một quốc gia, một xã hội thời lại cần đông người làm chung lắm; vì ở trong lúc đó ta thường phân biệt được quân tử hay tiểu nhân thời chỉ ở nơi hai chữ :

1)- "Hòa" (和), nghĩa là tình thỏa hợp với nhau mà

không tranh ghen nhau bằng được, thua, hơn, kém.

2)- "Đồng (同), nghĩa là kết bầy rập bạn mà rủ nhau đi vào một lối đường.

Quân tử "hòa" mà chẳng "đồng", tiểu nhân "đồng" mà chẳng "hòa". Quân tử ví như nấu giống đồ ăn, tất có ngũ vị : mặn, ngọt, chua, cay, đắng. Vị vẫn không đồng với nhau, nhưng điều hòa tương tế với nhau mà làm một thức đồ ăn ngon, bảo rằng hòa thời hết sức hòa, mà không phải lôi đồng như nhau đâu. Như thế là cách cộng sự của quân tử. Tiểu nhân thời ví như làm một thức đồ ăn, mặn không hòa với chua, cay không hòa với ngọt, đã mặn thời dất nhau mặn cả, đã ngọt thời dất nhau ngọt cả, kể rằng đồng vẫn đồng thiệt, nhưng mà không điều hòa với nhau, làm sao thành được đồ ăn ngon ? Không hòa với nhau như thế, đó là cách cộng sự của tiểu nhân.

Quân tử thái nhi bất kiêu, tiểu nhân kiêu nhi bất thái.

君子泰而不驕，小人驕而不泰。

Bài này là xem quân tử tiểu nhân ở nơi thuận cảnh. Hễ người ta gặp được cảnh ngộ thông thuận, rất dễ biện biệt được nhân phẩm.

Tùng lai, quân tử chỉ quí trọng về đạo đức, mà cảnh ngộ thời phó mặc tự nhiên; nếu tình cờ gặp hồi phú quí đi nữa, quân tử chỉ yên vui như ngày thường, chẳng bao giờ vì phú quí mà sinh ra kiêu ngạo (**thái nhi bất kiêu**). Tiểu nhân thời vẫn qui về danh lợi mà không chứa trữ đạo đức ở trong lòng, nên nhân khi bôn cạnh mà được phú quí rồi thời kiêu ngạo sinh ra ngay, vì cái lòng "hoạn đắc hoạn thất" mà chẳng bao giờ thư thái được (**tiểu nhân kiêu nhi bất thái**).

Tử viết : Quân tử nhi bất nhân giả hữu hỹ phù; vị hữu tiểu nhân nhi nhân giả dã.

子曰：君子而不仁者有矣夫；未有小人而仁者也。

Bài này là xem quân tử tiểu nhân ở nơi tâm thuật, đã thích kỹ ở chương thứ 7 rồi.

Quân tử thượng đạt, tiểu nhân hạ đạt

子曰：君子上達，小人下達。

Bài này là xem quân tử tiểu nhân ở nơi học nghiệp; phẩm cách người ta sở dĩ có cao thấp, chỉ bởi ở học nghiệp có lên lui.

Những người quân tử, công phu học vấn không bao giờ tự túc, càng hay càng học, càng học càng hay; dã không bao giờ thôi, thời cứ tấn hoài, nên lến suốt đến bậc rất cao minh, thế là "thượng đạt".

Cách tu học của bọn tiểu nhân thời họ lại quá mau tự túc : chưa đến mà dã bảo rằng đến, chưa hay mà dã bảo rằng hay. Vậy nên học nghiệp họ phải cứ cầm chừng; dã cầm chừng thời không tiến; dã không tiến thời phải trụt lui, lui mãi lui hoài thời đến nỗi xuống suốt chỗ ty hạ, như thế là "hạ dạt" (**tiểu nhân hạ đạt**).

Bài này lại có một nghĩa giải thích ràng : Quân tử tiểu nhân là chỉ vào địa vị hai hạng người, khác với nghĩa quân tử tiểu nhân ở mọi nơi.

Quân tử là chỉ vào phường thượng lưu, tiểu nhân là chỉ vào phường hạ lưu. Thượng đạt là thông hiểu về việc phần trên; hạ đạt là thông hiểu về việc dưới; có ý là loài người ai cũng có một phần trí thức. Nhưng xem ở câu "hạ học nhi thượng đạt", thời nghĩa ấy không được đúng.

Tử viết : Quân tử cầu chư kỷ, tiểu nhân cầu chư nhân.

子曰：君子求諸己，小人求諸人。

Bài này là xem quân tử tiểu nhân ở nơi tâm thuật, nghĩa dã thích rõ ở chương trên kia rồi.

Tử viết : Quân tử dị sự nhi nan duyệt dã; duyệt chi bất dĩ đạo, bất duyệt dã, cập kỳ sử nhân dã khí chi; tiểu nhân nan sự nhi dị duyệt, duyệt chi bất dĩ đạo, duyệt dã, cập kỳ sử nhân dã cầu bị yên.

子曰：君子易事而難悅也；悅之不以道不悅也，

及其使人也，器之；小人難事而易悅，悅之不以道悅也，及其使人也，求備焉。

Bài này là xem quân tử tiểu nhân ở nơi độ lượng với khí tiết.

Hễ người quân tử, độ lượng thường hay khoan thứ, mà khí tiết lại rất "phương cương" (方剛), nên mỗi khi sai người làm việc, vẫn là dễ dàng (**dị sự**), mà bảo làm cho người ta duyệt mình thời lại khó làm lắm (**nhi nan duyệt dã**). Vì cớ sao ? Bởi vì duyệt người ta mà không đúng với đạo, quân tử không chịu làm duyệt như thế (**duyệt chi bất dĩ đạo, bất duyệt dã**). Quân tử tuy không khinh dị làm cách duyệt người, nhưng đến khi sai sử người làm việc thời chỉ tùy tài năng của họ, lường sức lớn nhỏ, nhiều ít mà dụng cho, in như dùng các thức đồ, miễn có đúng một khí dùng là xong (**cập kỳ sử nhân dã, khí chi**). Còn như bọn tiểu nhân độ lượng đã rất chật hẹp, mà khí tiết lại rất yếu hèn, nên mỗi khi sai sử người làm việc, vẫn là khó khăn (**nan sự**), mà bảo làm những việc cầu người duyệt mình thời lại dễ lắm (**nhi dị duyệt dã**). Vì cớ sao ?

Bởi vì "ty ô siểm nịnh" là tính sẵn của nó, miễn cho được người duyệt, tuy không đúng với đạo, nó cũng hết sức làm duyệt vậy (**duyệt chi tuy bất dĩ đạo, duyệt dã**). Tiểu nhân tuy khinh dị cầu duyệt với người, nhưng mà đến khi sai sử người làm việc, thời nó lại trách cho đủ mọi điều, bất xuôi bất ngược, kể vắn, kể dài, khiến cho người khó chịu được nó (**cập kỳ sử nhân dã, cầu bị yên**).

Vì quân tử thường "khí sử" cho người, sở dĩ "dị sự" vì tiểu nhân hay "cầu bị" với người, sở dĩ "nan sự". Vì duyệt không đúng với đạo thời bất duyệt, sở dĩ quân tử "nan duyệt", vì duyệt không đúng với đạo mà cũng duyệt, sở dĩ tiểu nhân "dị duyệt".

"Duyệt", là mua lòng người yêu mình; "Sử", nghĩa là dùng người giúp việc mình.

Tử viết : Quân tử bất khả tiểu tri, nhi khả đại thụ dã. Tiểu nhân bất khả đại thụ dã, nhi khả tiểu tri dã.

子曰：君子不可小知，而可大受也，小人不可大受，而可小知也。

Bài này là xem quân tử tiểu nhân ở nơi tài khí.

Những người quân tử độ lượng dã lớn với tài năng cũng giỏi, và lại tư tưởng thường châm vào những việc lớn, đến như những việc nhỏ nhen tản mản, quân tử thường thường không hay để ý vào. Vậy nên khi ra làm việc đời, không có thể coi sóc xem giữ được những việc nhỏ (**quân tử bất khả tiểu tri**); nhưng mà gánh chịu được việc lớn (**nhi khả đại thụ dã**).

"Tiểu tri", nghĩa là giữ việc nhỏ, chữ "tri", cũng nghĩa là chủ quản, tục ta có chức "tri sự, tri bộ, tri phủ, tri huyện". "Đại thụ", nghĩa là gánh việc lớn.

Tiểu tri, nghĩa là gánh việc nhỏ vật như : đồng tiền, hột gạo, v.v...

Hễ những dứa tiểu nhân, độ lượng đã hẹp mà tài năng lại thấp, nó vẫn không gánh chịu được, việc lớn, mà lại có thể coi sóc xem giữ được việc nhỏ (**tiểu nhân bất khả đại thụ, nhi khả tiểu tri**).

Bài này là cốt bày vẽ cho người làm việc thiên hạ, nếu hay dùng được người thời trước phải phân biệt cho ra quân tử, tiểu nhân : thấy được quân tử thời trao cho việc lớn, khiến cho người ấy làm đại thụ; thấy được tiểu nhân thời giao việc nhỏ cho nó, khiến cho người ấy làm tiểu tri. Nếu trái lại, trao việc nhỏ cho quân tử thời không phải quân tử sở trường, trao việc lớn cho tiểu nhân thời bị tiểu nhân làm hỏng. Vậy nên "dụng nhân", tất cần phải "tri nhân". "Tri nhân thiện dụng" mới là người làm nên việc thiên hạ.

Tử viết : Quân tử hữu tam úy : úy thiên mệnh, úy đại nhân, úy thánh nhân chi ngôn; tiểu nhân bất tri thiên mệnh, nhi bất úy dã, hiệp đại nhân, vũ thánh nhân chi ngôn.

子曰：君子有三畏，畏天命，畏大人，畏聖人之

言；小人不知天命，而不畏也，狎大人，侮聖人之言。

Bài này xem quân tử tiểu nhân ở nơi tâm lý. Hễ đã quân tử thời ở trong tâm lý thường có ba điều kiêng sợ luôn luôn :

1)- Kiêng sợ mệnh trời;

2)- Kiêng sợ những người có đạo đức lớn;

3)- Kiêng sợ lời nói của Thánh nhân.

Kìa bọn tiểu nhân nó không biết mệnh trời là cái gì, nó không sợ (**tiểu nhân bất tri thiên mệnh nhi bất úy dã**), nó lại khinh lờn những bậc đại nhân (**hiệp đại nhân**), lại khinh để lời nói của Thánh nhân (**vũ thánh nhân chi ngôn**).

"Thiên mệnh", không phải là mệnh số đâu. Cái chân lý chính đạo mà trời đã phú cho ta tức là "thiên mệnh". Sách **Trung Dung** có câu : "Thiên mệnh chi vị tính", Thánh nhân thường nói chữ "thiên", chữ "mệnh", đều là nghĩa như thế. Nếu bảo "thiên" là trời xanh, "mệnh" là số mệnh thời sai lắm lắm!

"**Úy thiên mệnh**", chỉ là kiêng sợ chân lý mà thôi. "Đại nhân", chẳng phải là cụ lớn đâu, chỉ là bậc người có đạo đức to lớn, có tài năng hữu vi. Trong **Kinh Dịch**, quẻ *Càn* có câu "**Lợi kiến đại nhân**", là đại nhân ấy; "úy đại nhân", chỉ là tín ngưỡng người đạo đức, chớ nhận lầm là sợ cụ lớn.

Bởi vì "úy thiên mệnh", nên làm việc không bao giờ trái với thiên lý, đến nỗi vì chân lý mà chịu đóng đinh chữ thập như đức Dê Du, là "úy thiên mệnh".

Vì "úy đại nhân", nên không dám ỷ quyền thế mà khinh bậc Thánh hiền, tức như vua Nghiêu mà "khuất hạ" với một tên dân cày là Ngu Thuấn, đó là "úy đại nhân".

Vì "úy thánh nhân chi ngôn", nên làm việc gì không dám sai lời nói của thánh nhân, như vua Vũ nghe lời nói ông Bá Ích mà phải cúi đầu xuống lạy. **Kinh Thư** có câu : "**Bái nhữ xướng ngôn**" (拜汝昌言), đó là "úy thánh nhân chi ngôn".

CHƯƠNG XIV

LUÂN LÝ Ở TRONG KHỔNG HỌC

Tiết thứ 1

Luân lý ở trong gia đình.

Hữu Tử viết : Kỳ vi nhân dã, hiếu đễ nhi hiếu phạm thượng giả, tiển hỹ; bất hiếu phạm thượng nhi hiếu tác loạn giả, vị chi hữu dã.

有子曰：其為人也，孝弟而好犯上者，鮮矣；不好犯上而好作亂者，未之有也。

(luôn với câu "Quân tử vụ bản...").

Có một người kia, lúc bình thường nó ở trong gia đình, đối với cha mẹ thời đúng với chữ hiếu, đối với anh em thời đúng với chữ đễ, như người ấy mà bảo ham can phạm đến kẻ trên, chắc ít rồi đó (**kỳ vi nhân dã, hiếu đễ nhi hiếu phạm thượng giả, tiển hỹ**). Chẳng can phạm kẻ trên mà lại còn ham làm loạn, chắc người ấy chưa có bao giờ (**bất hiếu phạm thượng nhi hiếu tác loạn giả, vị chi hữu dã**).

Quân tử vụ bản, bản lập nhi đạo sinh, hiếu đễ dã giả, kỳ vi nhân chi bản dư.

君子務本，本立而道生，孝弟也者，其為

人之本與！

Hễ người quân tử, từ làm một việc gì, tất trước cốt vun trồng cội gốc của việc ấy (**quân tử vụ bản**); gốc đã dứng vững rồi mà đạo của việc ấy mới nảy nở ra hoài (**bản lập nhi đạo sinh**). Đức hiếu, đức đễ đó, chính là cái gốc của công việc làm nhân đó mà (**hiếu đễ dã giả kỳ vi nhân chi bản dư**).

Vì cớ sao mà nói "hiếu đễ dã giả kỳ vi nhân chi bản" ? Bởi vì đức nhân là cốt ở yêu người, nhưng mà yêu người, há phải bỗng chốc mà yêu hết được người ru ? Tất trước phải yêu từ người trong nhà mình mà yêu ra, yêu cha mẹ, yêu anh em, tuy không phải là hết được phận lượng chữ nhân, nhưng mà lúc ban đầu làm nhân, tất cội gốc từ chốn ấy trước, nên nói rằng hiếu đễ là cái cội gốc đầu làm việc nhân. Nếu có hạng người không thương cha mẹ mà bất hiếu, không thương anh em mà bất đễ, mà vội nói rằng thương loài người, thương thế giới, quyết không có lẽ ấy !

Tử viết : Phụ mẫu tại bất khả viễn du, du tất hữu phương.

子曰：父母在不可遠遊；遊必有方·

(chữ "tại", ở đây là tại đương còn).

Bài này xem xét trên mặt chữ thời rất cạn, mà nhận cho ra ý tứ thời lại rất sâu. Thánh nhân dạy luân lý chẳng phải bảo người ta giữ lấy luân lý chết. Xin xem kỹ bài này.

Ngài nói rằng : Hễ người làm con mà đương khi cha mẹ còn mạnh khỏe thời người làm con đó có nghĩa vụ phải thờ cha mẹ, vẫn không có lẽ bỏ cha mẹ mà đi chơi phương xa (**phụ mẫu tại bất viễn du**). Nhưng mà bổn phận làm con, còn có ở trên nghĩa vụ ấy là nghĩa vụ làm người, có khi phải đi ra làm việc quốc gia, có khi phải đi ra làm việc xã hội, nghĩa vụ làm người còn nhiều lắm, thời người làm con đó, có lẽ đóng cửa ở trong nhà được mãi hay sao ? Nến Thánh nhân cũng thường nói rằng :

Sĩ nhi hoài cư, bất túc dĩ vi sĩ hỹ.

士而懷居，不足以為士矣。

Đã làm một người sĩ mà chỉ muốn ở một chỗ cho yên, không phải là sĩ rồi.

Vậy nên nói đến nghĩa vụ làm người, tất phải có lúc viễn du; nhưng mà khi viễn du đó, tất phải có một đạo lý tốt mà ta xu hướng được thời đã không trái với đạo lý làm con, lại được đúng với đạo lý làm người, nên nói rằng : "du tất hữu phương".

Ba chữ "tất hữu phương", ý nghĩa rất lớn, mà lại nên chú ý ở chữ "phương" (方).

"Phương" là nghĩa làm sao ? Là cái đường lối mà mình nên đi theo đó vậy. Xem câu "hữu dũng thả tri phương" 有勇且知方 ở thiên **Tiên Tiến**, và câu "nhân chi phương" thiên **Ung Dã** thời nghĩ chữ "phương" này dễ thông lắm. Nếu chỉ nói "phương" là Đông, Tây, Nam, Bắc, thời sợ chưa đúng. Tức như đức Khổng Tử còn có mẹ mà vẫn đi khắp nơi, thầy Mạnh Tử cũng đi chơi nước xa, nghe mẹ mất mới trở về, chẳng phải là bất hiếu hay sao ? Nên chữ "phương", nhận là phương hướng, rất không phải nghĩa.

Tỷ như có một người kia, cha mẹ vẫn còn mà cha mẹ vẫn không cần mình phụng dưỡng, hoặc là đã có người phụng dưỡng thay đỡ cho mình, thế là cái trách nhiệm ở gia đình, không phải trách nhiệm riêng của mình rồi; lúc bấy giờ quốc gia, xã hội cần dùng tới mình, mà mình lại tự xét trong mình, đạo đức, học vấn, tài năng, ba mặt đầy đủ cả, chính là quốc gia, xã hội phải nhờ mình gánh đỡ, không trút cho ai được, thế thời ta phải viễn du chứ ? Cái công việc viễn du đó, có đạo lý rất tốt hơn ở nhà kia mà ! Vì trách nhiệm thờ cha mẹ đã có người thay, chứ trách nhiệm vì quốc gia, xã hội tất phải nhờ mình mới gánh nổi việc, mình không viễn du sao được ? Đó chính là ý nghĩa ba chữ "tất hữu phương" của đức Khổng Tử. Nếu chưa phải "hữu phương" như thế, nỡ lòng bỏ cha mẹ ra đi hoang thời lại là một người "đại tội, cực ác".

Tử viết : Hiếu tai, Mẫn Tử Khiên ! Nhân bất gián ư kỳ phụ mẫu côn đệ chi ngôn.

子曰：孝哉閔子騫！人不間於其父母昆弟之言。

Xem suốt cả pho sách "**Luận Ngữ**", ở trong 3.000 học trò, mà khen bằng hiếu, lại ở trong miệng đức Thánh nói ra, chỉ một mình thầy Mẫn Tử Khiên mà thôi, há phải những thầy kia như Nhan, Tàng, Du, Hạ, thảy là không hiếu hay sao ? Thử xem như thầy Tử Cống, thầy Nhan Hồi, ngài có khen bằng chữ "hiền tai", chữ "hiền hồ" mà đến như thầy Trọng Cung, ngài lại khen bằng "khả sử nam diện", thế mới biết ý Thánh nhân vẫn cho chữ "hiếu" là tầm thường. Vì sao mà thầy Mẫn Tử Khiên ngài lại tặng cho một chữ "hiếu" ? Ngài nói rằng : thiệt là con hiếu vậy thay, anh Mẫn Tử Khiên kia ! (**hiếu tai Mẫn Tử Khiên**). Cha mẹ anh em nó khen nó đã đành, mà lại người dưng kẻ ngoài cũng không ai có lời gì chen pha nào khác nữa (**nhân bất gián ư kỳ phụ mẫu côn đệ chi ngôn**).

Đức Thánh sở dĩ khen thầy Mẫn Tử Khiên như thế, học giả phải xét tới lịch sử của thầy mới được.

Thầy Mẫn Tử Khiên, mẹ mất sớm, cha thầy lấy vợ sau tức là hậu mẫu thầy. Hậu mẫu có hai người con riêng, thương con riêng mình mà ngược đãi thầy Mẫn Tử Khiên khổ lắm; con hậu mẫu được ở nhà đi học, mà thầy Mẫn Tử Khiên phải vào rừng hái củi. Đụng mùa đông trời rét, hậu mẫu bắt thầy mặc áo bằng bông cây lau, sớm mai ra đi hái củi tận tối mới về; cha thầy Mẫn Tử Khiên giận quá, quyết định bỏ người hậu mẫu đi; thầy Mẫn can cha nói rằng : "Xin cha thương lấy mẹ, mẹ còn ở lại, chỉ một mình con rét mà thôi, nếu mẹ ra đi thời té ra ba anh em chúng con thảy không mẹ cả, đơn khổ biết chừng nào !" (母在，一子蹇，母去三子單). Cha thầy Mẫn cảm động vì lời nói của thầy, không đuổi hậu mẫu đi, mà hậu mẫu thầy từ đó cũng hóa nên từ mẫu, thương thầy in như con đẻ của mình. Vì thế mà người trong đời ai

cũng khen thầy là hiếu.

Học giả xem việc ấy thời biết đức "hiếu" của thầy Mẫn chẳng phải là hiếu mà thôi, xử vào nghịch cảnh gia đình gay go khốn nạn đến như thế, lấy thân một người con bé mà chu toàn cả ba mặt, chỉ một câu nói mà cha nên cha nghĩa, mẹ nên mẹ từ, hai em cũng khỏi khổ vì mất mẹ, thiệt là một người có nhiệt thành, có thiên tính, có sức nhẫn nại, có trí khôn ứng biến, lâm cơ; lấy chữ "hiếu" ấy mà suy ra thời ngày sau dầu làm việc xã hội, việc quốc gia, cũng chẳng gì khó. Vậy nên ở trong 3.000 đệ tử, chỉ đem chữ "hiếu" khen thầy Mẫn, há phải chỉ quí trọng về chữ "hiếu" mà thôi đâu !

Tử vị Công Dã Trường khả thế dã, tuy tại lụy tiết chi trung phi kỳ tội dã, dĩ kỳ tử thế chi.

子謂公冶長可妻也，雖在縲絏之中，非其罪也，以其子妻之。

Đức Thánh chỉ có hai người con, một người con trai là thầy Bá Ngư, một người con gái đến tuổi lấy chồng. Ngài kén rể ở trong học trò, ưng gả cho Công Dã Trường, nhưng vì Công Dã Trường là người từng can án, đã ở tù mà được tha ra, nên lúc bấy giờ, ở trong bà con nhiều người không bằng lòng. Đức Thánh nói gả con cho nó cũng được đó (**khả thế dã**), bởi vì nó tuy đã từng ở trong lao ngục, nhưng không phải nó có tội gì (**tuy tại lụy tiết chi trung, phi kỳ tội dã**), cứ lấy con mình mà gả cho nó (**dĩ kỳ tử thế chi**).

Nam Dung tam phục Bạch Khuê, Tử vị Nam Dung bang hữu đạo bất phế, bang vô đạo miễn ư hình lục, dĩ kỳ huynh chi tử thế chi.

南容三復白圭，子謂南容邦有道不廢，邦無道免於刑戮，以其兄之子妻之。

Đức Khổng Tử có người anh là Khổng Bì, con bà mẹ dích, vì có tật què chân nên không có lịch sử gì. Khổng Bì chỉ có một người con gái. Ngài vì con anh mà kén rể ở trong học trò, thấy được thầy Nam Dung là người hiền giả, học

sách ưng thực hành những câu ở trong sách, thấy câu thơ *Bạch Khuê* ở trong **Kinh Thi** rằng : **Bạch Khuê chi điếm, thượng khả ma dã, tư ngôn chi điếm bất khả vi dã.**

白圭之玷，尚可磨也；斯言之玷，不可為也。

Nghĩa là cái ngọc khuê trắng kia, dầu có vít, còn có thể mài đi được, lời nói của người ta mà có vít, không thể sửa chữa lại được nữa.

Nam Dung vì chú ý ở nơi cẩn ngôn, nên thường thường đọc đi đọc lại câu thơ ấy. Đức Thánh mới khen rằng : Anh Nam Dung này, đức hạnh học vấn như anh, may được đời trị là trong nước hữu đạo, tất nhiên nước không bỏ anh (**Tử vị Nam Dung viết : Bang hữu đạo, bất phế**); rủi gặp lúc đời loạn là nước vô đạo, chắc cũng khỏi mắc lấy tù tội (**bang vô đạo, miễn ư hình lục**), ngài mới lấy con gái anh ngài gả cho Nam Dung (**dĩ kỳ huynh chi tử thế chi**).

Xem hai bài này là việc rất tầm thường ở trong gia đình, nhưng chúng ta nhân đó phát sinh ra được hai mối cảm tưởng :

Một là xem chép hai người con gái, mà chép bằng hai chữ "Tử" (**kỳ tử, huynh chi tử**). Thế thời đạo lý Thánh nhân có phân biệt con trai con gái khác nhau dâu ? Phân biệt trai gái làm chữ "tử", chữ "nữ" là đạo lý ở đời nào ? Bảo trọng nam khinh nữ là luật của Khổng Tử, thiệt không phải.

Hai là trong con mắt của Thánh nhân, không bao giờ có giai cấp "quí, tiện, bần, phú". Thử nghĩ ở trong học trò ngài, giàu như thầy Tử Cống, thầy Nhiễm Cầu, chắc còn nhiều người; làm quan như Công Tây Xích, Tử Du, chắc còn nhiều người; con nhà thần thế như Mạnh Vũ Bá, Quí Tử Nhiên, chắc còn nhiều người, há có lẽ gì kén rể cho con mình, không mọi móc được trong phường phú quí hay sao ? Bây giờ ngài gả đó, một người thời đã can án, một người là thầy đồ xác, chẳng phải đáng lấy làm lạ sao ? Mới biết ý Thánh nhân kén người chỉ kén bằng phẩm hạnh, chẳng kén bằng giai cấp.

Trần Cương vấn ư Bá Ngư viết : Tử diệc hữu dị văn hồ ? Đối viết : Vị dã. Thường độc lập, Lý xu nhi quá đình, viết học Thi hồ ? Đối viết vị dã. Bất học Thi vô dĩ ngôn, Lý thối nhi học Thi. Tha nhật hựu độc lập, Lý xu nhi quá đình, viết học Lễ hồ ? Đối viết : Vị dã. Bất học Lễ vô dĩ lập. Lý thối nhi học Lễ. Văn tư nhị giả, Trần Cương thối nhi hỷ viết : vấn nhất đắc tam : văn thi, văn lễ, hựu văn quân tử chi viễn kỳ tử dã.

陳亢昭於白魚曰：子六有異聞乎？對曰：未也．嘗獨立，鯉趨而過庭，曰學詩乎？對曰：未也．不學詩無以言．鯉退而學詩．他日又獨立，鯉趨而過庭，曰學禮乎？對曰：未也．不學禮無以立．鯉退而學禮；聞斯二者，陳亢退而喜曰：問一得三，聞詩，聞禮，又聞君子之遠其子也．

Bài này chép vào chương "Gia đình" cũng không được đúng, nhưng cũng biết được ý Thánh nhân đối với "gia đình", nên biên vào đây.

Thầy Bá Ngư là con trai đức Thánh, ngài chỉ có một người con ấy mà thôi, vì ngài thường đi chu du liệt quốc luôn, Bá Ngư chỉ ở nhà, không đi theo với ngài, nên học trò ngài cũng không biết Bá Ngư học những điều gì. Vả lại, Bá Ngư không mấy chi học chung với học trò, vì vậy học trò ngài có thấy Trần Cương nghi đức Thánh có dạy riêng điều gì thâm diệu cho con chăng ? Nên hỏi với Bá Ngư rằng : Anh có được nghe điều gì khác lạ chăng ? (**Tử diệc hữu dị văn hồ**). Bá Ngư thưa rằng : "Chưa có nghe điều gì khác lạ (**vị dã**), chỉ tằng có một ngày đương lúc thầy đứng một mình (**thường độc lập**), Lý này vừa đi mau mà qua trước sân (**lý xu nhi quá đình**) Thầy thấy, thầy hỏi tôi rằng : "con đã học Thi hay chưa ?" (**viết học thi hồ**). Tôi thưa rằng : "chưa" (**vị dã**). Thầy lại nói rằng : "phải học đi ! Hễ người không học Thi thời không biết gì mà ứng đối" (**bất học Thi vô dĩ ngôn**). Ngày khác lại vừa đúng

lúc thấy đứng một mình (**tha nhật hựu độc lập**), Lý này cũng vừa lúc đi mau mà qua trước sân (**lý xu nhi quá đình**), thấy thấy tôi, nói với tôi rằng : "Con đã học Lễ hay chưa ?" (**học Lễ hồ ?**), tôi thưa rằng : "con chưa học" (**vị dã**). Thấy lại bảo tôi rằng : Con phải học đi ! Hễ người không học Lễ thời không lấy gì mà tự lập" (**bất học Lễ, vô dĩ lập**). Lý này lui xuống mà học Lễ (**Lý thối nhi học Lễ**). Từ ngày Lý đã biết học tới giờ, chỉ nghe thấy dạy cho 2 điều ấy (**văn tư nhị giả**)."

Thấy Bá Ngư nói xong, Trần Cương lui về nhà, mừng mà nói rằng : "Ta chỉ hỏi có một điều mà nghe được ba điều" (**Trần Cương thối nhi hỉ viết : vấn nhất đắc tam**). Nghe được học Thi, nghe được Lễ; nghe hai điều ấy rồi, lại nghe thêm được một điều nữa là "quân tử vẫn sơ viễn" con mình vậy (**văn Thi, văn Lễ, hựu văn quân tử chi viễn kỳ tử dã**)

Chúng ta đọc bài sách này, phát sinh ra được hai mối cảm tưởng :

1)- Biết được xưa nay các bậc Thánh hiền vẫn cần thiết xã hội hơn gia đình, tức như học trò đức Khổng Tử khắp cả liệt quốc, ngày đêm ngài dạy học trò, không bao giờ nghỉ, mà giữa con mình, một người là Bá Ngư thời lại không biết nó học những cái gì, chẳng phải là vì cần cấp dạy người mà quên sự dạy con hay sao ? May có hai phen vừa lúc ngài đứng một mình mà Bá Ngư mới được hai câu dạy; nếu không thế, e trót một dời ngài, không thì giờ nào rảnh mà kịp dạy con.

Ngài thường tự nói rằng : "**Hối nhân bất quyện**" (誨人不倦), nghĩa là dạy người không biết mỏi. Xem việc ấy đã chẳng chứng nghiệm hay sao ?

Trần Cương có câu : "**Quân tử chi viễn kỳ tử**" cũng không phải là vô lý. Nói cho đúng, tâm lý Thánh nhân chỉ biết có loài người mà không biết có gia đình, dầu Bá Ngư cũng chỉ là một người ở trong xã hội mà thôi.

Vì tâm lý của người đương nóng nảy cần kíp với xã hội thời không có thì giờ rảnh dạy được con là lẽ tự nhiên.

2)- Biết được Thánh nhân dạy người in như thợ tạo hóa đúc muôn vật, chỉ tùy theo trình độ nó mà phú dữ cho nó. Chữ "nhân", chữ "thứ", chữ "nhất quán", đức Thánh vẫn đem nói với các thầy cao đệ, há lẽ không quí trọng con mình mà không nói với nó ? Cớ sao ngài nói với Bá Ngư chỉ có học Thi, học Lễ mà thôi ? Vì trình độ Bá Ngư chỉ dạy được như thế, có lẽ đâu đối với người thấp mà nói được đạo lý cao ? Xem đó, ta biết được phương pháp Thánh nhân dạy người.

Chúng ta đọc kỹ bài này thời thấy được lời lẽ ứng đối của Bá Ngư ôn tồn và lễ độ, vừa tường tất, vừa khoan thai, xứng danh với học trò của thầy mình, lại thấy được tính nết khiêm nhã lắm. Ở giữa lúc không có mặt đức Thánh mà "ngôn động trúng tiết" được như thế, chẳng phải sở đắc của Thi, Lễ mà chi ? Mô phạm gia đình của Thánh nhân là như thế.

Tiết thứ 2

Luân lý ở nơi Quốc gia

Bàn đến luân lý ở nơi quốc gia, xưa kia Nho giáo theo về đời chế độ quân chủ, nên luân lý quân thần vẫn là trọng lắm. Nhưng chỉ từ đời Tần trở xuống, một là vì cái độc quân chủ chuyên chế mà chế tạo ra vô số quân quyền; hai là vì cái tội Hán nho xu siểm mà bày đặt ra vô số sách giả (**ngụy thư**), nên những câu quân quyền tuyệt đối mà họ lại **niết tạo** (捏 造) ra những lời đức Khổng Tử. Thậm chí như một thiên **Hương Đảng**, miêu tả những cái thái độ tôn quân đạt ư cực điểm. Chúng ta thử xem thiên ấy cho kỹ, có được mấy câu thật mấy thầy cao đệ chép ra đâu. Chẳng qua khi sau Tần đốt sách rồi, sách tàn thẻ nát, sứt ngược sứt xuôi, lũ Hán nho nhân dịp ấy chắp vá vơ thàm cho đặt được cái mục đích siểm chúa cầu vinh, kỳ thực thời tuyền cả thiên ấy chỉ một hai câu đúng mà thôi.

Tác giả xin chứng vào mấy câu thiệt lời đức Khổng Tử thời biết rõ được luân lý Khổng học đối với quân thần.

Tử viết : Sự quân tận lễ, nhân dĩ vi siểm dã

子曰：事君盡禮，人以為諂也。

Ngài nói ràng : Hễ những kẻ thờ vua hết sức làm cho có lễ mạo, là những món người dung tục kia lấy đó làm cách siểm nịnh mà thôi (**sự quân tận lễ, nhân dĩ vi siểm dã**), chứ theo như đạo sự quân thời chỉ cốt ở "trách nan trần thiện", còn như lễ tiết ở bề ngoài thời có cần gì đâu.

Xem như bài này thời sự quân tận lễ, đức Thánh vẫn cho là siểm, có đâu như những việc chép ở thiên **Hương Đảng**, mà bảo ràng Khổng Tử làm như thế ? Chẳng phải là oan cho đức Khổng Tử lắm hay sao ?

Học giả phải biết chữ "lễ" ở trong bài này, khác với chữ "lễ" ở mọi nơi. Chữ "lễ" như chữ "**phục lễ**" ở thiên **Nhan Uyên**, chữ "**ước lễ**" (thu thúc vào điều lễ) ở thiên **Tử Hãn** thời "lễ" là lẽ phải của trời; còn chữ "lễ" ở bài này thời chỉ là nghi tiết ở nơi hình thức mà thôi.

Thờ vua mà chỉ chăm chỉ ở nơi nghi tiết, chính là cách siểm nịnh của món tiểu nhân đó.

Định Công vấn : Quân sử thần, thần sự quân, như chi hà ? Khổng Tử đối viết : Quân sử thần dĩ lễ, thần sự quân dĩ trung

定公問：君使臣，臣事君，如之何？孔子對曰：君使臣以禮，臣事君以忠。

Định Công là vua nước Lỗ hỏi với đức Thánh ràng : Vua sai tôi, tôi thờ phụng vua, như thế nào là phải ?

Đức Thánh thưa ràng : Vua với tôi thảy là người nào có chức phận người ấy, chỉ chung gánh việc nước mà thôi, vậy nên vua đối với tôi, không có phép ỷ mình là quyền thế vua, nên đến lúc sai sử tôi, tất phải lấy lễ; nghĩa là, những việc không dúng với lẽ phải, không được sai sử tôi, áy là "quân

sử thần dĩ lễ". Tôi phụng thờ vua, chẳng phải kiêng nể ở quyền thế nơi vua, chỉ duy hết nghĩa vụ của mình là lo gánh việc nước; theo như nghĩa vụ mình mà thờ vua, cốt ở lòng ngay thẳng, nên phải "dĩ trung", nghĩa là những việc gì không đúng đạo thẳng thời không đem ra thờ vua, ấy là "thần sự quân dĩ trung".

"Sử thần dĩ lễ", là dựa vào lễ mà không dựa vào quyền; "sự quân dĩ trung" là cốt ở trung mà không cốt ở nịnh.

Xem như bài này thời đức Thánh đối với đạo "quân thần", vẫn song song cân ngang như nhau : một phương diện phải có chữ "lễ" thời một phương diện mới có chữ "trung". Nói trái lại, quân mà "vô lễ" thời thần cũng "bất trung", đó là lẽ dang nhiên. Ngụ ý của Thánh nhân là tương đối mà không bao giờ tuyệt đối.

Bài này nên tham khảo với bài "Tề Cảnh Công vấn chính" ở thiên **Nhan Uyên**.

Ngài lại có bài nói rằng :

Vi quân nan, vi thần bất dị.

為君難，為臣不易

Nghĩa là làm vua vẫn khó, làm tôi không dễ. Ý ngài nói rằng : vua không phải ỷ có quyền vị, thân thế mà dễ làm được vua dâu. Nếu làm được đúng đạo vua thời thân yên, nước còn; lỡ trái đạo vua thời thân nguy mà nước mất, chẳng khó lắm hay sao ? Nên nói rằng "vi quân nan" (**為君難**). Làm tôi cũng không phải chỉ phục tùng vua mà thôi dâu; nếu dắt vua vào đường phải thời nghĩa vụ của mình xong, mà phúc lây đến cả nước; nếu dắt vua vào đường trái thời nghĩa vụ mình hỏng mà họa lây đến cả nước, chẳng phải là chẳng dễ hay sao ? Nên nói rằng "vi thần bất dị" (**為臣不易**).

Bàn Quân thần như hai câu trên ấy, cũng là trách chung cả hai bên.

Lại còn có một bài này, tuy chỉ nói riêng về một mặt làm tôi, nhưng xem nghĩ cho kỹ cũng biết được luân lý ở

"quân thần".

Quí Tử Nhiên vấn : Trọng Do, Nhiệm Cầu khả vị đại thần dư ? Tử viết : Sở vị đại thần giả, dĩ đạo sự quân, bất khả tắc chỉ, kim Do dữ Cầu dã, khả vị cụ thần hỹ

季子然問：仲由，冉求，可謂大臣與？子曰：所謂大臣者，以道事君，不可則止。今由與求也，可謂具臣矣。

Quí Tử Nhiên có hỏi với ngài rằng : Như Trọng Do, Nhiệm Cầu, hai người ấy có thể gọi bằng đại thần được không ? (**Trọng Do, Nhiệm Cầu, khả vị đại thần dư** ?). Ngài nói rằng : Đạo làm đại thần, há phải như Do với Cầu mà xứng đáng được bậc đại thần ru ? Đời xưa, những người làm đại thần mà xứng đáng được cái danh bằng đại thần tất phải như thế này : đã đặt thân vào ngôi đại thần, chỉ biết đem đạo lý phải mà dối dãi với vua, việc gì có ích cho nước, có lợi cho dân thời giúp cho vua làm những việc ấy, đó là "dĩ đạo sự quân", mà chính là tấm sự của đại thần chỉ cốt như thế. Nếu vua chẳng ra vua, lấy đạo thờ nó mà nó không nghe theo, thế là "bất khả" rồi thời tức khắc thôi ngay (**sở vị đại thần dã, dĩ đạo sự quân, bất khả tắc chỉ**). Vì thấy được "bất khả" thời không chịu làm tôi với vua ấy nữa, như thế mới gọi rằng "đại thần". Chứ như Do với Cầu kia, chỉ gọi "cụ thần" là đủng (**kim Do dữ Cầu dã khả vị cụ thần dã**). "Cụ thần", nghĩa là một người tôi mà chỉ vừa đủ số người mà thôi. Nếu trong nước mà không có hai anh em ấy cũng chẳng thiệt hại gì, còn lấy gì gọi bằng "đại thần" được ? Xem ý bài này thời thần đối với quân cũng chỉ là nghĩa vụ cá nhân, nên có câu rằng : "bất khả tắc chỉ"; đạo hợp thời theo, đạo trái thời bỏ, có bao giờ mà bảo người ta sống theo vua, chết theo vua đâu ! Những cái nghĩa "tôn quân, ty thần", với cái nghĩa "bất sự nhị quân" chỉ là luân lý của ngụy Nho mà không phải luân lý của Khổng học. Tức như giữa mình đức Khổng Tử, vẫn từng thờ vua nước Lỗ là vua nước nhà, nhưng đến khi vua Lỗ tiếp lấy nữ nhạc của nước Tề, ngài nghĩ rằng vua nước Lỗ không theo được đạo ngài thời

ngài bỏ đi ngay. Nói cho đúng, Thánh nhân chỉ có làm vua tôi bằng đạo nghĩ, mà chẳng phải làm vua tôi bằng danh vị, ai có bảo Khổng Tử là tuyệt đối tôn quân được ru ?

Tử viết : Trực tai Sử Ngư ! Bang hữu đạo như thỉ, bang vô đạo như thỉ. Quân tử tai Cừ Bá Ngọc ! Bang hữu đạo tắc sĩ, bang vô đạo tắc khả quyển nhi hoài chi.

子曰：直哉史魚！邦有道如矢，邦無道如矢，君子哉蘧伯玉！邦有道則士，邦無道則可卷而懷之。

Ngài nói rằng : Trực vậy thay ông Sử Ngư ! Gặp lấy nước hữu đạo vẫn như thỉ, gặp lấy nước vô đạo cũng vẫn như thỉ (**bang hữu đạo như thỉ, bang vô đạo như thỉ**). "Như thỉ", nghĩa là theo đạo thẳng của mình mà làm một mực thẳng ra, in như mũi tên bắn vào bia; "thỉ" là mũi tên.

Thiệt đáng quân tử vậy thay ông Cừ Bá Ngọc, lấy nước hữu đạo là mình có thể làm được việc nước thời mình ra làm quan cho nước (**bang hữu đạo tắc sĩ**), gặp lấy nước vô đạo là nước không dùng được đạo mình thời mình có thể cuốn xếp mà dấu đi (**bang vô đạo tắc khả quyển nhi hoài chi**). "Quyển" (卷), nghĩa là thu cuốn; "hoài" (懷), nghĩa là dấu.

Xem như hai bài này, chẳng những quyền vua không bắt buộc được mình, mà dẫu đến quyền nước cũng không bắt buộc mình được.

Xem ý Thánh nhân đối với luân lý quốc gia, cũng chỉ tùy nghi ứng phó mà thôi, chứ không phải nặng nề như nghĩa vụ đối với xã hội.

Xem như câu "Ngã kỳ vi Đông Chu hồ", với câu "thừa phù phù vu hải", câu "dục cư Cửu di", lại có câu "thiên hạ hữu đạo mổ bất dữ dịch dã", Thánh nhân xem làm chật hẹp lắm .

Tiết thứ 3

Luân lý ở nơi xã hội

Hai chữ "xã hội" bao bọc được rộng lắm; gia đình với quốc gia thảy nhét nạp vào trong ấy. Tuyển bộ **Luận Ngữ**, chẳng một câu nào mà dây dính đến xã hội; đối với một người, một nhà, một nước, tất thảy là đạo lý ở nơi xã hội. Bởi vì một người, một nhà hay một nước, tất thảy là một phần tử ở trong xã hội. Vậy nên một chốn phải thời chốn nào tất cũng phải cả, một chốn trái thời chốn nlo tất cũng trái cả.

Chúng ta đem thân vào xã hội, không cần xem ở nơi xã hội, mà cần phải xem ở nơi thân ta, bởi vì thân ta chính là một phần tử ở trong xã hội. Nếu thân ta tốt thời xã hội được một phần tử tốt rồi, dần dà lâu lắc, ảnh hưởng càng đi càng xa, đến lúc cuối cùng, tất nhiên tuyển xã hội tốt cả. Nên đức Thánh đã nói câu : "nhất nhật khắc kỷ phục lễ thiên hạ quy nhân yên"; lại có câu : "năng hành ngũ đã ư thiên hạ, vị chi nhân hỹ"; lại có câu : "tứ hải chi nội", chẳng phải là xã hội mà chi ?

Đây xin trích mấy bài chứ không cần phải viết nhiều :

Tử Trương vấn hành. Tử viết : Ngôn trung tín, hành đốc kính, tuy man mạch chi bang, hành hỹ; ngôn bất trung tín, hành bất đốc kính, tuy châu lý, hành hồ tai !

子張問行。子曰：言忠信，行篤敬，雖蠻貊之邦行矣；言不忠信，行不篤敬，雖州里行乎哉！

Thầy Tử Trương hỏi với ngài rằng : Người ta ở trong đời, làm sao đi khắp cả thiên hạ, chỗ nào ta cũng thông hành được cả (**Tử Trương vấn hành**). Đức Thánh nói rằng : Khắp cả thiên hạ thảy là người cả, mà chính giữa mình ta cũng là người,

người ở với người, cũng chỉ đi tới những chỗ có người thời can ngại gì mà không thông hành được ? Nhưng vì động cơ giữa mình thời cội gốc cũng quan hệ ở giữa mình. Giả như tự giữa mình lời nói tất là trung tín mà không giả dối (**ngôn trung tín**), nết làm tất là đốc kính mà không khinh lờn (**hành đốc kính**), chắc là mình yêu người thời người cũng yêu mình, mình kính trọng người thời người cũng kính trọng mình; ví dầu Man Mạch kia xa xuôi mọi rợ mặc lòng, chắc cũng thông hành được vậy (**tuy Man Mạch chi bang, hành hỹ**).

Trái lại, giả như tự giữa mình nói bằng cách giả dối mà bất trung tín (**ngôn bất trung tín**), làm bằng cách khinh lờn mà bất đốc kính (**hành bất đốc kính**), mình đã không tốt mà ai tốt với mình ? Tuy rất gần gũi, chỉ ở trong một châu, một lý mà dã chắc thông hành được hay sao ? (**tuy châu lý, hành hồ tai**).

Lập tắc kiến kỳ tham ư tiền dã, tại dư, tắc kiến kỳ ỷ ư hành dã, phù nhiên hậu hành. Tử Trương thư chư thân.

立則見其參於前也，在輿則見其倚於衡也，夫然後行。子張書諸紳。

Tuy nhiên, trung tín đốc kính vẫn làm cái máy xe cho mình đi được, nhưng há phải rày có mai không, trước tốt mai xấu mà được đâu ! Tất phải tâm tâm niệm niệm, không chốc phút nào quên; dã "trung tín" mà lại trung tín luôn luôn, dã "đốc kính" mà lại đốc kính hoài hoài. Ví như khi đứng một mình thời thấy nó xoay mạt trước (**lập tắc kiến kỳ tham ư tiền dã**). Khi ngồi trên xe thời thấy nó dựa ở nơi đòn ngang xe (**tại dư, tắc kiến kỳ ỷ ư hành dã**). "Trung tín đốc kính" mà được như thế, vậy sau xứ nào xứ nào cũng thông hành được (**phù nhiên hậu hành**).

Thầy Tử Trương nghe được lời nói dức Thánh, rất bội phục những lời ấy, sợ có quên hay chăng, mới viết vào dải đai (**Tử Trương thư chư thân**).

Kết luận

Tác giả xin thú thiệt với học giả, chữ "xã hội" mà tôi viết vào đây, thiệt chưa đúng với nghĩa chữ "xã hội học" ở đời nay, nhưng mà cắt cho ra nghĩa thời cũng không sai xa nhau lắm, mà cũng không đến nỗi mâu thuẫn với nhau. Bởi vì theo học thuyết xã hội, là cốt cho tuyền thế giới nhân loại, ai cũng thảy được bình đẳng tự do hết cả. Theo như nghĩa ấy ở trong Khổng học vẫn không có, nhưng ở đoạn cuối **Khổng Học Đăng"** (1), tôi đã viết bài Đại đồng học thuyết của đức Khổng Tử, tưởng những nhà xã hội học cũng chỉ làm tới ngần ấy mà thôi. Tôi xin viết ra bài dưới này là bài cuối cùng sách **Luận Ngữ**, thiên **Nghiêu viết** :

Chu hữu đại lại, thiện nhân thị phú.

周有大賚，善人是富。

Tuy hữu chu thân, bất như nhân nhân.

雖有周親，不如仁人。

Bách tính hữu quá, tại dư nhất nhân.

百姓有過，在予一人。

Cẩn quyền lượng, thẩm pháp độ, tu phế quan, tứ phương chi chính hành yên.

謹權量，審法度，修廢官，四方之政行焉。

Hưng diệt quốc, kế tuyệt thế, cử dật dân, thiên hạ chi dân qui tâm yên.

興滅國，繼絕世，舉逸民，天下之民歸心焉。

Sở trọng dân, thực, táng.

所重民，食喪。

Đời nhà Chu, buổi Võ Vương, có làm việc ân huệ, thí cấp cho hết thảy cả dân trong nước, gọi bằng "đại lại". Vì ân

(1) Chính văn bài "Đại đồng học thuyết", chúng tôi đã in ở đầu sách, độc giả xem thích nghĩa ở cuối bộ **Khổng Học Đăng**

huệ đầy khắp tràn trề mà người trong nước tất thảy nhờ được dủ nuôi, lại nhờ được giáo dục phổ cập, không một người nào đói rét, không một người nào gian ác, tuyển dân cả trong nước, phần đại đa số thảy là người lương thiện cả; vì thế mà thiện nhân rất đông nhiều (**Chu hữu đại lại, thiện nhân thị phú**). "Phú" là nhiều lắm, như nghĩa chữ "phú vu đức" (富于德).

Tuy có người thân thích với nhà vua, nhưng không xem quý trọng bằng người có đức nhân ở trong thiên hạ, (nghĩa là khinh rẻ quý tộc mà tôn trọng nhân nhân), nên nói rằng : "**Tuy hữu Chu thân, bất như nhân nhân**". (Chu thân, giả như hoàng phái tôn thất; giả như "Chu thân" mà không phải là "nhân nhân" thời người bình dân mà lại là "nhân nhân", càng xem làm quí trọng hơn. "Nhân nhân", là dân bình thường mà có đức nhân, xem hạng người ấy lại qui trọng hơn Chu thân, chính là không kể giai cấp).

Chẳng những "Chu thân" không quý trọng bằng "nhân nhân" mà thôi, dẫu đến vị hoàng đế mà cũng phải có quyền thế riêng đâu. Địa vị đã cao thời trách nhiệm càng nặng; trách nhiệm càng nặng thời tội lỗi không phải nhẹ đâu. Nên lại có câu nói rằng : Làm một ông vua cốt để gánh hết tội lỗi cho bách tính; nếu bách tính vì đói rét cùng khổ mà nảy ra tội lỗi thời những cái tội lỗi của nó, tất thảy đổ vào một mình ông vua (**bách tính hữu quá, tại dư nhất nhân**).

"Bách tính hữu quá, tại dư nhất nhân", nghĩa là trăm họ có tội lỗi, không bắt được trăm họ đâu, mà chỉ bắt tội ở giữa mình ông vua. "Tại nhất nhân", tức là ông vua, hoặc là người thủ lĩnh của một nước.

"Quyền", là cái dồ để cân nặng nhẹ; "lượng" là cái dồ để lường nhiều ít, đo dài ván, lớn nhỏ. Những cái ấy rất có quan hệ với nhân sinh, nên phải cẩn thận chỉnh lý làm cho có chừng mực nhất định, khiến cho người ta không làm gian dối được, ấy là "cẩn quyền lượng".

"Pháp", là hình pháp luật lệ; "độ", là các thứ chế độ đặt

ra chương trình. Hai việc ấy rất quan hệ ở trên đường chính trị, tất phải thẩm xét cho tinh tường; "hình pháp" được công bình thời người không tội lỗi khỏi phải chịu oan, mà người gian ác biết lo tránh tội; chế độ làm cho được hoàn thiện thời người phú cường không dám ra tay áp chế, mà người bần nhược cũng có chốn làm ăn, ấy là "thẩm pháp độ". "Quan", là những người có chức trách, vô luận lớn nhỏ, thảy phải gánh một việc mà làm cho nước được lợi, dân được phúc. Nếu ở trong "quan chức" có một phần "phế trệ" thời nước với dân thiếu mất một phần phúc lợi.

Giả như quan chức mà phế trệ quá nhiều thời nhân dân tất phải khốn cùng mà chính trị cũng thành ra đồ giết dân hại nước. Vậy nên phải hết sức tu lý, thấy một chức việc gì trễ nải, gấp phải cách cũ mà đổi mới ngay, đó là "tu phế quan".

Làm việc thiên hạ đã được có ba câu như trên đây thời chính sự ở trong bốn phương, tới đâu thuận lợi đó, từ trị quốc đến bình thiên hạ, không việc gì trở ngại cả. (**tứ phương chi chính hành yên**).

"Diệt quốc", nghĩa là những nước yếu nhỏ bị nước lớn mạnh áp bức đến nỗi diệt vong.

"Tuyệt thế", nghĩa là những dân tộc hèn yếu bị các dân tộc mạnh chà xát đời họ đến nỗi tuyệt diệt.

Ở trong thế giới mà có hai hạng người ấy (**diệt quốc, tuyệt thế**), chính là việc đau đớn ở trong loài người, theo với nhân đạo thiên lý, thiệt không nỡ để như thế. Vậy nên phải theo đạo chí công của trời, thuận lòng bác ái của người mà đối với hạng "diệt quốc", tất phải khiến cho họ được khôi phục lại (**hưng diệt quốc**). Đối với hạng "tuyệt thế" thời phải làm sao cho dân tộc ấy được kế tục lại như cũ, không đến nỗi mất nòi, đó là "kế tuyệt thế". Còn lại phải xét trong loài người, có những hạng có đức, có tài mà mai một ở trong hạ cấp lao động gọi bằng "dật dân", ở trong loài người còn có hạng ấy, theo về nhân đạo là không được công bình, nên phải tìm kiếm cho ra hạng người ấy mà cử họ làm những việc to

lớn, in như nghĩa "tuyển hiền dữ năng" ở đời đại đạo, đó là "cử dật dân". Làm việc thiên hạ mà đủ được như ba câu trên ấy, chắc là tuyển trong thiên hạ, không một nước nào bị diệt, không một dân tộc nào bị tuyệt, không một người tốt nào bị oan khuất, lúc bấy giờ chắc cả lòng nhân dân trong thiên hạ thảy qui phục dưới ngọn cờ chủ nghĩa nhân đạo (**thiên hạ chi dân qui tâm yên**).

Nói tóm lại, chính sách mà muốn làm cho có nhân đạo, vẫn phải đủ những điều như trên kia, nhưng mà nói đến việc trọng đại thứ nhất, thời cốt có hai điều :

1)- Nuôi sống cho dân;

2)- Yên sự chết cho dân.

Vô luận dân nước nào, dòng họ nào, chỉ duy có hai việc không thiếu được : chẳng ai mà không cần sống, vì sự sống mà chăm lo cho dân đủ ăn; chẳng ai mà không có việc chết, vì có việc chết, phải lo cung cấp cho dân việc chôn người chết (**sở trọng dân, thực, táng**).

Xem suốt hết các bài như trên kia, gồm có ba tiết, gia đình, quốc gia, tuy chật hẹp đã dành... nhưng mấy bài chép trên cũng đã không khuyết điểm, dầu bàn đến xã hội, tuy có rộng lớn hơn, trước hãy làm cho được như mấy bài trên ấy. Học giả xin chớ vội say xã hội học thuyết ở đời nay mà bảo rằng mấy bài luân lý chỉ là giấy loại mà thôi. Xin ai những người hữu tâm, nhận lại cho kỹ. Tác giả không dám nói cao xa, chỉ trông mong ở sáu chữ : "**Hưng diệt quốc, kế tuyệt thế**".

CHƯƠNG XV

QUI KIẾT Ở CÔNG HỌC VẤN

Đọc suốt hết chương như trên kia, nào bắt đầu vào học, nào nghĩa chữ "nhân", nào bàn về "chính giáo", nào bàn về "luân lý", ở trong phạm vi đạo làm người, thể có, dụng có, gốc có, ngọn có, ở trong thời "tu thân", ở ngoài thời "thiệp thế", ở trong Khổng học mà nghiên cứu cho kỹ, cũng đã có thể hoàn toàn rồi, nhưng rút thùng lại thời phải nhắc quay lại chữ "học". Bởi vì những đạo lý như trên kia nói, nếu không học thời phần biết làm sao đầy đủ được ? Phần biết chưa được đầy đủ thời phần làm, làm sao được hoàn toàn ? Vậy nên qui kiết lấy chữ "học ".

Tác giả xin chép chương này, thứ nhất là hai chữ "hiếu học" ở trong sách **Luận Ngữ**.

Tiết thứ 1

Hai chữ "Hiếu học" ở trong Khổng học.

Tử viết : Thập thất chi ấp tất hữu trung tín như Khưu giả yên, bất như Khưu chi hiếu học dã.

子曰：十室之邑必有忠信如丘者焉；不如丘之好學也。

Tuyển pho sách **Luận Ngữ**, chỉ có hai chữ, kể rằng dễ thiệt là dễ, mà kể rằng khó thiệt là khó. Hai chữ gì ? "Hiếu học" ! Cắt nghĩa hai chữ đó, rất là giản đơn : "hiếu học" chỉ nghĩa là ham học; thích cho kỹ thời chỉ là say mê vào chuyện học. Theo như cách học của người đời nay thường nói thời chỉ là chuốt bộ áo cho trơn, đánh cái quần cho sạch, chải đôi giày cho bóng, đội cái mũ cho cử, cứ một ngày hai buổi lên nhà trường, nghe miệng ông thầy nói ra sao thời lập lại cho đúng, nghe hết giờ thời về, đến ngày chủ nhật thời đi chơi rông, như thế là học rồi, có khó gì mà không hiểu được ? Có sao Thánh như đức Khổng Tử cũng tự lấy hai chữ "hiếu học" khoe mình ? E anh em chúng ta đời nay, tất thảy là Khổng Tử cả mà ! Không phải đâu ! Xin hãy nhận cho kỹ những bài "hiếu học" ở sau này. Trước xin thích nghĩa bài thứ nhất.

Đức Thánh nói rằng :

Cái tinh thần lành của trời cho, ai cũng như ai, mà cái công phu học vấn về phần mình, nếu không phải là người có chí, quyết không biết ham. Thử xem một xóm kia, chỉ có 10 nhà, người trong xóm ấy tất có hạng người ngay thẳng, tín thật như mổ dây (**thất thập chi ấp, tất hữu trung tín như Khưu giả yên**), mà khốn nạn thay ! không ai hiếu học được như mổ dây cả (**bất như Khưu chi hiếu học dã**).

Ai Công vấn : Đệ tử thục vi hiếu học ? Khổng Tử đối viết : hữu Nhan Hồi giả hiếu học, bất thiên nộ, bất nhị quá, bất hạnh đoản mệnh tử hỹ; kim dã tắc vô, vị văn hiếu học giả dã.

哀公問：弟子孰為好學？孔子對曰：有顏回者好學，不遷怒，不貳過，不幸短命死矣；今也則無，未聞好學者也。

Ông Ai Công có hỏi với ngài rằng : "Ở trong học trò thầy, ai là người hiếu học ?" (**đệ tử thục vi hiếu học**). Ngài thưa

rằng : "Ở trong học trò tôi chỉ có anh Nhan Hồi là người hiếu học (**hữu Nhan Hồi giả hiếu học**). Một đời người anh không bao giờ giận lây người (**bất thiên nộ**), không bao giờ có cái lỗi mà làm tới hai lần (**bất nhị quá**). Người như thế, thiệt là hiếu học, chẳng may vì đoản mệnh mà chết đi rồi (**bất hạnh đoản mệnh tử hỹ**) (chữ "mệnh", ở đây nghĩa là số mệnh), bây giờ thời không, chưa nghe người nào là hiếu học cả" (**kim dã tắc vô, vị văn hiếu học dã**).

Ở trong 3.000 học trò, hai chữ "hiếu học" chỉ tặng cho thầy Nhan là vì có sao ? Vì thầy Nhan có hai điều tốt :

1)- "Bất thiên nộ" : người ta thường có cái nết, nhân giận ở anh Cột mà giận lây đến anh Kèo; thầy Nhan thời không thế, giận ai thời chỉ giận một người mà không giận lây tới người khác.

2)- "Bất nhị quá" : người ta thường có cái nết mình vẫn có lỗi mà mình không biết, dầu có biết nữa mà không chịu chừa; chẳng những làm điều lỗi 2 lần mà thôi, cho đến 3, 4 lần hoặc trọn đời e cũng có. Thầy Nhan thời không thế, hễ đã có lỗi thời biết ngay, đã biết thời chừa ngay tức khắc, nên không có cái lỗi gì phạm tới hai lần. Vì hai việc đó, mà đức Thánh khen bằng hai chữ "hiếu học". Như thế thời cách học vấn của Thánh hiền, há phải như học vấn của thời tục ta dâu ? Anh em thử nghĩ vì sao mà học ? Vì muốn cho nên một con người mà học. Muốn cho nên một con người mà học thời tất phải trau chuốt ở nơi tâm tính, biến hóa ở nơi khí chất : bỏ hết nết xấu mới trau chuốt được nết tốt; bỏ nết xấu trau nết tốt thời tất phải như thầy Nhan, ngăn cái tính giận lây, đổi cho hết điều lỗi cũ. Chỉ học những điều ấy, thời khuôn khổ làm người còn có khuyết điểm ở chốn nào ? Vậy nên đức Thánh mới khen thầy Nhan là hiếu học. Nếu hiếu học mà chỉ như cách học của người đời nay thời trong 3.000 học trò, e có người gấp trăm gấp ngàn thầy Nhan kia nữa !

Tử Cống vấn viết : Khổng Văn Tử hà dĩ vị chi văn dã ? Tử viết : Mẫn nhi hiếu học, bất sỉ hạ vấn, thị dĩ vị

chi văn dã.

子貢問曰：孔文子何以謂之文也？子曰：敏而好學，不恥下問，是以謂之文也。

Thầy Tử Cống hỏi ngài rằng : "Làm người mà như Khổng Văn Tử, vì cớ gì mà gọi bằng văn vậy ?" (**Khổng Văn Tử hà dĩ vị chi văn dã** ?). Đức Thánh nói rằng : "Người ấy có tính chất thông minh mà lại ham học (**mẫn nhi hiếu học**), thường có khi chịu hỏi với người thấp hơn mình mà không lấy làm thẹn (**bất sỉ hạ vấn**). Vì thế mà được gọi bằng "văn" đó vậy !" (**thị dĩ vị chi văn dã**).

Xưa nay những người đã mẫn thường không ham học, lại không chịu hỏi với người thấp hơn mình, duy Khổng Văn Tử thời được như hai câu trên kia, nên gọi bằng "văn".

Tử viết : Quân tử thực vô cầu bão, cư vô cầu an, mẫn ư sự nhi thận ư ngôn, tựu hữu đạo nhi chính yên, khả vị hiếu học dã dĩ.

子曰：君子食無求飽，居無求安，敏於事而愼於言，就有道而正焉，可謂好學也已。

Bài này là kể cho rõ thực sự của người hiếu học. Ngài nói rằng : "Cách học vấn của người quân tử không phải chăm chỉ ở nơi bề ngoài dâu; chỉ cốt ở nơi dốc chí và lực hành. Người thường ăn cầu cho thiệt ngon, ở cầu cho thiệt thích, quân tử thời dốc lòng ở nơi việc học mà không để lòng ở nơi chỗ ăn ở : vừa có ăn là xong, mà không cầu cho thiệt sướng miệng (**quân tử thực vô cầu bão**), vừa có ở là xong mà không cầu cho thiệt sướng thân (**cư vô cầu an**); siêng năng ở nơi làm việc (**mẫn ư sự**) mà lại cẩn thận ở nơi lời nói (**nhi thận ư ngôn**). Vừa dốc chí, vừa lực hành đã được như thế mà quân tử dã cho là tự túc dâu ! Lại phải đem những việc mình nói mình làm mà chất chính với người hữu đạo (**tựu hữu đạo nhi chính yên**). "Hữu đạo", nghĩa là người đạo cao đức thịnh, đáng bậc Thánh hiền. Được như thế mới đáng được gọi là người hiếu học (**khả vị hiếu học dã dĩ**). Nếu được

như thế thời chưa phải là người hiếu học đâu".

Tử Hạ viết : Nhật tri kỳ sở vô, nguyệt vô vong kỳ sở năng, khả vị hiếu học dã dĩ hỹ.

子夏曰：日知其所無，月無忘其所能．可謂好學也已矣．

Thầy Tử Hạ nói rằng : "Người ở trong lúc thì giờ còn tu học, ai nấy cũng có việc mà mình không biết (**sở vô**), mà ai nấy cũng có cái việc mà mình làm được (**sở năng**), chỗ cần nhất là mình phải có chí ham học. Chí ham học thời như thế nào ? Tất phải ngày nào, ngày nào, lo thêm phần trí thức cho mình, mà những việc gì mình không biết, mỗi ngày mỗi biết thêm (**nhật tri kỳ sở vô**). Hàng tháng hàng tháng, lo thêm phần tài năng vào mình, hễ những việc gì mà mình làm được rồi thời dẫu đến mấy tháng sau cũng nhất định không quên (**nguyệt vô vong kỳ sở năng**). Như thế là đáng gọi bằng hiếu học, mà thiệt là người hiếu học rất mực (**khả vị hiếu học dã dĩ hỹ**).

Nói rằng "nhất tri", là mỗi ngày có thêm một món tri thức mới. Nói rằng "nguyệt vô vong", là mỗi tháng thêm dày cái tài năng cũ; nếu không phải người hiếu học thời làm sao được như thế ?

Tử viết : Do dã, nhữ văn lục ngôn lục tế hỹ hồ ? Đối viết : vị dã. Cư ngô ngữ nhữ : Hiếu nhân bất hiếu học, kỳ tế dã ngu; hiếu trí bất hiếu học, kỳ tế dã đãng; hiếu tín bất hiếu học kỳ tế dã tặc; hiếu trực bất hiếu học, kỳ tế dã giảo; hiếu dũng bất hiếu học, kỳ tế dã loạn; hiếu cương bất hiếu học, kỳ tế dã cuồng.

子曰：由也，汝聞六言六蔽矣乎？對曰：未也．居吾語汝：好仁不好學，其蔽也愚；好知不好學，其蔽也蕩；好信不好學，其蔽也賊；好直不好學，其蔽也絞；好勇不好學，其蔽也亂；好剛不好學，其蔽也狂．

Đức Thánh kêu thầy Tử Lộ mà nói rằng : "Do ơi ! Mày đã nghe người ta nói lục ngôn lục tế bao giờ chưa ?" (**Do dã, nhữ văn lục ngôn lục tế hỹ hổ** ?). "Lục ngôn", nghĩa là 6 chữ, mỗi chữ là một điều tốt; "lục tế", là 6 cái bị che lấp, mà tốt hóa ra xấu. Thầy Tử Lộ thưa rằng : "Con chưa nghe được" (**đối viết : vị dã**). "Ừ, mày ngồi đó, ta nó cho mày nghe (**cư ngô ngữ nhữ**).

Đức nhân nguyên là tính tốt; người ham làm việc nhân nguyên là người tốt; nhưng chỉ biết "hiếu nhân" mà thôi mà không biết "hiếu học", tất nhiên thiếu về phần trí thức, non về sức nhẫn nại, bị cái tính "hiếu nhân" che lấp mình, thường thường bị người ta lấy việc nhân phỉnh mình, mình mắc lấy người ta lừa, thành ra người ngu (**hiếu nhân bất hiếu học, kỳ tế dã ngu**).

- Đức trí nguyên là tính tốt; người ham làm việc trí, nguyên là người tốt; nhưng chỉ biết "hiếu trí" mà thôi mà không biết "hiếu học", tất nhiên không xét được nghĩa lý, mà hay làm những việc bợm vạt khôn xảng, gặp ai đưa vào đường rông rài lếu láo cũng theo làm bướng ngay, là vì cái tính hiếu trí kia che bịt mình mà mình thành ra người "đãng" (**hiếu trí bất hiếu học, kỳ tế dã đãng**).

- Đức tín nguyên là tính tốt; người ham làm điều "tín", nguyên là người tốt; nhưng nếu chỉ "hiếu tín" mà thôi, mà không "hiếu học", tất nhiên không rành được lẽ thị phi, dụng gặp người đem những việc ước hẹn không đáng tin mà mình cũng không biết từ chối, đến nỗi hỏng hết nghĩa lý mà họa đến mình, đó là vì cái tính hiếu tín kia che bịt mình mà mình thành ra người "tặc" (**hiếu tín bất hiếu học, kỳ tế dã tặc**).

- Đức trực nguyên là tính tốt, người ham làm đều "trực" nguyên là người tốt; nhưng chỉ "hiếu trực" mà thôi mà không "hiếu học", tất nhiên kém về phần trí thức, non về sức nhẫn nại, chỉ biết một mực thẳng mà không biết lựa việc lựa người, tới đâu cũng thấy là chông gai mà tự mình sát bó vào trong vòng chật hẹp, đó là vì cái tính hiếu trực kia che bịt mình

mà mình thành ra một người "giảo" (**hiếu trực bất hiếu học, kỳ tế dã giảo**).

- Đức dũng nguyên là tính tốt; người ham làm việc "dũng", nguyên là người tốt; nhưng nếu chỉ "hiếu dũng" mà thôi mà không "hiếu học, tất nhiên chỉ ỷ huyết khí của mình mạnh mà không biết uốn nắn bằng đạo lý, ham hăng mạnh mà ghét bẩn tiện, thường đến nỗi bạo động làm càn, đó là vì cái tính hiếu dũng kia che bịt mình mà mình thành ra người "loạn" (**hiếu dũng bất hiếu học, kỳ tế dã loạn**).

- Đức cương nguyên là tính tốt; người ham làm việc "cương", nguyên là người tốt; nhưng nếu chỉ "hiếu cương" mà thôi mà không "hiếu học", tất nhiên nghĩa lý ở trong lòng quá không trồng mà hăng hái ở trong óc thường thường có luôn, chác là nói liều làm liều, đến nỗi "thái cương tắc chiết", chỉ làm những cái cử động bằng vô ý thức mà kiết quả không khác gì thằng điên. Đó là vì cái tính hiếu cương kia che bịt mình mà mình thành ra người "cuồng" (**hiếu cương bất hiếu học, kỳ tế dã cuồng**).

Bài này chúng ta thể nhận cho kỹ, có ích rất to : đã có ích ở trên lối "tu thân" lại càng có ích ở trên "thiệp thế".

Các bài như trên kia, đã biết được "hiếu học" là tốt, lại phải đọc bài này mới biết được "bất hiếu học" là xấu.

"Lục ngôn" là những gì ? Chữ "nhân", chữ "trí", chữ "tín", chữ "trực", chữ "dũng", chữ "cương", sáu chữ ấy đều là tính tốt. Thích nghĩa cho kỹ :

- "Nhân", nghĩa là có lòng bất nhẫn, tính hay yêu người.

- "Trí", nghĩ là có chất thông minh, biết nghĩ mưu kế.

- "Tín", nghĩ là có chất thật thà, không chịu nuốt lời.

- "Trực", nghĩa là giữ thẳng mực tàu, tật ác thái thậm.

- "Dũng", nghĩa là có tính hăng mạnh, mạo hiểm cảm vi.

- "Cương", nghĩa là có tính cương cường, không chịu mềm lún.

Có 6 đức tính áy mà lấy học vấn điều hòa vào, un nấu vào thời vẫn là người tốt. Vì cớ sao "nhân" hóa ra ngu, "trí" hóa ra đãng, "tín" hóa ra tặc, "trực" hóa ra giảo, "dũng" hóa ra loạn, "cương" hóa ra cuồng ? Thời chỉ che lấp bằng cái cớ "bất học" mà thôi. Tùng lai, người đã bất học thời trong óc đã đói, nên trước mắt cũng lờ mờ, chẳng tài gì không mắc cái che bịt ! "che bịt" tức là "tế". Đã có 6 cái "tế" thời lục ngôn mà làm cái gì ? Vậy nên người ta ở đời, thiên vạn phải hiếu học.

Xem những bài như trên kia thời biết "hiếu học" là hay, "bất hiếu học" là dở. Nên từ đây sấp xuống chép những bài nói về việc "học", nhưng học thời phải có "nghĩ". Vậy nên ở trong chữ "học", thường ngầm có chữ "tư"; "tư" là "nghĩ".

Tiết thứ 2

Chữ "Học" kèm với chữ "Tư".

Tử viết : Học nhi bất tư tắc võng, tư nhi bất học tắc đãi.

子曰：學而不思，則罔；思而不學，則殆。

Ngài nói rằng : Hễ chỉ biết học mà thôi, mà không biết ngẫn nghĩ thời tuy có học cũng in như không học (**học nhi bất tư, tắc võng**).

"Tư", là nghĩ; "võng", là không có gì.

Sở dĩ "võng" là tội tại "bất tư". Tuy nhiên, vừa nghĩ mà cũng phải vừa học; nếu chỉ nghĩ mà không biết học thời nên, thua, được, mất, không biết trông gương vào đâu, mà những cái mình nghĩ đó, chỉ là mệt óc mà không được một tý gì, e có lẽ nguy hiểm nữa (**tư nhi bất học, tắc đãi**).

Chữ "học" ở đây lại kiêm cả chữ "tập", như bài "**học nhi thì tập chi**".

Chữ "dãi", là hiểm nghèo. Sở dĩ "dãi" là tội tại bất học.

Tử viết : Quân tử hữu cửu tư (1) : Thị tư minh, thính tư thông, sắc tư ôn, mạo tư cung, ngôn tư trung, sự tư kính, nghi tư vấn, phẫn tư nạn, kiến đắc tư nghĩa.

子曰：君子有九思：視思明，聽思聰，色思溫，貌思恭，言思忠，事思敬，疑思問，忿思難，見得思義。

Bài này chú trọng nhất là một chữ "tư". Khuôn mẫu làm một con người chỉ một bài này là hết rồi.

Ngài nói rằng : "Muốn làm cho nên người quân tử, tất phải có chín điều nên lo nghĩ (**quân tử hữu cửu tư**).

- Hễ con mắt mình dòm thời nghĩ làm sao cho mình dòm được sáng (**thị tư minh**). "Minh", nghĩa là thấy người, biết được người xấu hay người tốt; thấy việc, biết được việc hay hay việc dở. Nếu người chẳng như thế, dầu có con mắt cũng chỉ là người mù mà thôi, nên nói rằng "thị tư minh".

- Hễ lỗ tai mình có nghe, phải nghĩ làm sao cho thông tỏ (**thính tư thông**). "Thông", nghĩa là nghe lời nói mà biết được lời nói đó phải hay chăng, thật hay dối. Nếu không được như thế thời dầu có lỗ tai nghe mà cũng là người điếc, nên nói rằng "thính tư thông".

Hai câu ấy, xem qua rất dễ, mà nhận cho kỹ thời rất khó : Hễ có con mắt thời biết thị cả thảy, mà thị minh được mấy người ? Hễ có lỗ tai thời biết thính cả thảy, mà thính thông được mấy người ? Vì vậy mà quân tử cần phải "tư minh, tư thông".

- Nhan sắc hiện ở trước mặt, phải nghĩ làm sao cho ôn hòa luôn luôn. Bởi vì nhan sắc thô bạo dã không ích gì cho mình, mà lại khiến cho người thêm ghét. Vậy nên sắc phải "tư ôn" (**sắc tư ôn**).

---

(1) Nguyên âm, cụ Sào Nam viết là "ty", nay sửa lại "tư" cho thông dụng

- Hễ dung dáng hiện ở nơi hành động, thường phải nghĩ làm sao cho ra cung kính. Bởi vì dung dáng lờn lã đã không ích gì cho mình, mà lại thường đến nỗi hỏng việc. Vậy nên mạo phải "tư cung" (**mạo tư cung**). "Mạo" nghĩa là dung dáng ở nơi thân mình.

- Hễ có mở miệng nói gì, phải nghĩ làm sao cho in như ở trong bụng mình. Bởi vì lời nói không phải ở trong lòng ra thời chẳng những người ta không tin mình, mà chính mình cũng là người miệng dối dạ. Vậy nên ngôn phải "tư trung". "Trung" nghĩa là thiệt thà ở trong lòng mình, có sao thời nói ra vậy. (**ngôn tư trung**).

- Hễ có làm những việc gì, vô luận việc lớn, việc nhỏ, việc khó, việc dễ, phải nghĩ làm sao cho hết sức cẩn thận. Bởi vì làm việc không cẩn thận thời việc thường hỏng luôn. Vậy nên sự phải "tư kính" (**sự tư kính**).

- Đụng một việc gì, gặp một người nào, hay là có một đạo lý gì mà ở trong lòng mình còn có ý hoài nghi thời phải nghĩ tìm bạn với thầy mà hỏi lại cho chắc chắn. Nếu đã nghi mà cứ bỏ đó, không biết kiếm cách hỏi thời trí thức mình không bao giờ thêm lên được. Vậy nên nghi phải "tư vấn" (**nghi tư vấn**).

- Đụng một việc gì, gặp một người nào mà có trái với ý mình, thường hay sinh ra tức giận (**phẫn**); hễ đã "phẫn" thời khí xung lên, thường thường trái đạo lý mà hỏng cả công việc, tất phải nghĩ làm sao cho nín náu được tính giận để cho khỏi hoạn nạn tới ngày sau. Bởi vì người ta ở đời, sở dĩ sinh ra họa hoạn, thường thường nhân ở nơi cơn giận. Vậy nên phải "tư nạn" (**phẫn tư nạn**).

- Hễ thấy việc gì có lợi mà mình có phần được, nhưng chưa biết cái lợi đó có hại nghĩa hay không; nếu vì lợi mà hại tới nghĩa thời cái lợi đó lại làm hại cho mình. Vậy nên kiến đắc phải "tư nghĩa" (**kiến đắc tư nghĩa**)."

Suốt cả bài này cộng có chín điều, mà mỗi một điều tất phải cần dùng đến công phu nghĩ. Mất dòm thời nghĩ cho

được sáng, tai nghe thời nghĩ cho được tỏ, nhan sắc thời nghĩ cho được ôn hòa, dung dáng thời nghĩ cho được nghiêm trang, nói phô thời nghĩ cho được ngay thật, làm việc thời nghĩ cho được kính cẩn, có điều nghi ngờ thời nghĩ kiếm cách hỏi, có điều giận thời nghĩ đến hậu hoạn, thấy được lợi thời nghĩ đến phần nghĩa. Đủ cả chín điều nghĩ ấy, là thành được một người quân tử rồi.

Trái lại, thị vì sao mà không minh, thính vì sao mà không thông, sắc vì sao mà không ôn, mạo vì sao mà không cung, ngôn vì sao mà không trung, sự vì sao mà không kính, nghi vì sao mà không vấn, phẫn vì sao mà không biết ngán, thấy lợi vì sao mà quên mất nghĩa ? Cái gốc bệnh chỉ vì không biết "nghĩ" mà thôi; nếu không biết "nghĩ" như thế thời còn gì là "học" đâu ? Vậy nên bài trên kia ngài nói rằng : "Học nhi bất tư tắc võng".

Tử viết : Bất viết như chi hà như chi hà giả, ngô mạt như chi hà dã dĩ hỹ.

子曰：不曰如之何如之何者，吾末如之何也已矣。

Học tất phải biết nghĩ, vì có nghĩ mới sinh ra nghi, vì nghi mà sinh ra nghĩ; và nghĩ và học như thế thời mới hữu ích; người ấy mới có thể dạy cho nên. Nếu có một người kia, tối một ngày không bao giờ nghi nghĩ, không tự nói rằng : "tính làm sao, tính làm sao ?". Người như thế thời ta không biết tính làm sao cho người ấy nữa vậy ! (**bất viết như chi hà như chi hà giả**), chín chữ ấy đọc một hơi.

Hình dung một hạng người không nghĩ, chính là một hạng người vô sở dụng tâm, nên ngài cũng nói rằng : **Ngô mạt như chi hà**, nghĩa là người như thế thời không thể nào dạy được (chữ "mạt", cũng như nghĩa chữ "vô").

Tử viết : Ngô thường chung nhật bất thực, chung dạ bất tẩm, dĩ tư, vô ích, bất như học dã.

子曰：吾嘗終日不食，終夜不寢，以思，

無益，不如學也。

Người biết nghĩ vẫn hay, nhưng lại tất phải có học. Đương khi học phải có nghĩ, khi nghĩ rồi còn phải học; nếu chỉ nghĩ suông mà không học thời lại vô ích lắm. Nên ngài lại nói rằng : "Ta thường trọn ngày không ăn, trọn đêm không ngủ để mà nghĩ (**ngô thường chung nhật bất thực, chung dạ bất tẩm dĩ tư**), nhưng chỉ nghĩ suông mà thôi (**vô ích**), không bằng học thêm nữa vậy (**bất như học dã**)".

Có một phần nghĩ, tất phải có một phần học thời công nghĩ mới có hiệu quả, nên nói rằng "Bất như học dã".

Chữ "tư" với chữ "học" không bao giờ rời nhau. Ba chữ "bất như học" không phải bảo người ta không nghĩ đâu, chỉ bảo cho người ta nghĩ một phần nửa mà học nhiều thời óc không mệt mà công phu học vấn lại mau tiến.

Lại có bài như sau này thời biết Thánh nhân rất buồn bã cho người không biết nghĩ :

Tử viết : Bất phẫn, bất khải, bất phỉ, bất phát, cử nhất ngung bất dĩ tam ngung phản, tắc bất phục dã.

子曰：不憤，不啓，不悱，不發，舉一隅，不以三隅反，則不復也。

Ngài nói rằng : Hễ người học tất phải có nghĩ, có nghĩ mới biết những chốn mình dốt; vì dốt mà nghĩ không ra, tất biểu hiện ra hai tình hình : "phẫn" và "phỉ".

"Phẫn", là uất ức, bực bội, ý muốn thông mà không thông được; "Phỉ", là ngập ngừng, nghẹn ngọng, miệng muốn nói mà không nói trơn. Hạng người ấy tuy vẫn chưa thông, nhưng vì biết nghĩ mà sinh ra phẫn và phỉ, chính là hạng người có khiếu học, mà người làm thầy cho nó có thể lựa cơ mà khải phát cho nó được. Nếu hạng người tuyệt không biết nghĩ là tâm khiếu đã quá đặc, óc như hình đã chết; đã không biết phẫn thời cũng chẳng biết khải vào đâu; đã không biết phỉ thời chẳng biết phát vào đâu, nên nói rằng : "Bất phẫn bất khải, bất phỉ bất phát". "Khải", là khơi múi; "Phát", là

mở móc cho rõ ràng.

Lại như đã "khải phát" cho mà nó không biết nghĩ tiếp tục thêm vào, nghe thấy nói cái gì, chỉ là nắm lấy chết cái ấy mà không biết suy trác đến cái chưa nói. Thí dụ như : Có một cái đồ 4 góc kia, 4 góc vẫn in như nhau, thầy đã chỉ rõ cho một góc rồi mà nó không biết đem 3 góc kia so đọ lại (**cử nhất ngung bất dĩ tam ngung phản**), đó là hạng người quá vô ý tứ. Óc nghĩ đã chết đến thế thời chẳng nên nói lại với nó làm gì (**tắc bất phục dã**).

Từ đây sắp xuống chỉ chép riêng về những bài nói việc học, dầu trên mặt chữ không có chữ "học", nhưng mà phạm vi chữ "học" thầy chép vào dưới này :

Tiết thứ 3

Phạm vi chữ "Học"

Tử viết : Quân tử bất trọng, tắc bất uy; học tắc bất cố, chủ trung tín, vô hữu bất như kỷ giả; quá tắc vật đạn cải.

子曰：君子不重則不威，學則不固．主忠信，無友不如己者；過則勿憚改．

Ở trong Khổng môn, nói chữ "học", tất kiêm cả chữ "tri" với chữ "hành", nên đức Thánh có nói rằng : "Hễ những người học làm quân tử trước phải có cái tính chất trọng hậu, vì trọng hậu mới thấy có ra tượng uy nghiêm; nếu không trọng hậu dược thời không có tượng uy nghiêm (**quân tử bất trọng tắc bất uy**).

Trọng hậu ở trong, uy nghiêm ở ngoài, đó là thuộc về phần "tu thân", còn về phần "xử sự tiếp vật" thời lại cần có học. Xem xét những lời hay nết tốt của Thánh hiền đời xưa,

khảo nghiệm những nhân tình vật lý của hiện trạng đời nay, đó tức là "học". Đã có học như thế thời lấy tri thức kinh nghiệm ra làm việc, biết kinh biết quyền, biết lên biết lui, chẳng đến nỗi mắc lấy bệnh "cẩu trệ cố chấp" (**học tắc bất cố**).

Được cả hai câu như trên kia, "trọng uy" là tính chất tốt, học mà "bất cố" là tài thức giỏi. Xem ở hai chữ "tắc" thời biết rõ. Nhưng lại cần có căn bản. Căn bản thời cốt ở điều gì ? Cốt ở lòng trung tín. Lòng ngay thẳng gọi bằng "trung", lòng tín thật gọi bằng "tín"; lấy hai cái đó làm chủ tể cho trong thân mình, nên lại phải chủ ở "trung tín" (**chủ trung tín**). Tu trị ở trong mình được như thế là cội gốc rồi. Nhưng công việc học vấn lại cần phải thụ ích ở nơi bạn hữu, nên phương pháp kén bạn cũng là cần lắm. Kén bạn thời nên thế nào ? Tất phải những người "chí đồng đạo hợp" mà chủ nghĩa, tông chỉ của người ấy cũng như mình, tức là "như kỷ giả" mình mới kết làm bạn; nếu những người nào chí không đồng với mình, đạo không hợp với mình, tông chỉ, chủ nghĩa trái với mình, đó chính là "bất như kỷ" thời chớ nên làm bạn với người ấy (**vô hữu bất như kỷ giả**).

Khi đã được bạn tốt rồi mà đã dám chắc rằng mình không lầm lỗi đâu; nên phải xem xét trong mình cho thiệt kỹ, hễ thấy có điều lầm lỗi (**quá**) thời tức khắc lo đổi ngay, chớ rụt rè kiêng sợ mà không dám đổi (**quá tắc vật đạn cải**).

Người làm việc học mà đủ được mấy câu như trên ấy, mới chắc thành được người quân tử (Bài này tham khảo với chương "**Đệ tử nhập tắc hiếu**" và chương "**Nhan Hồi dã hiếu học**").

Tử Trương học can lộc. Tử viết : Đa văn khuyết nghi, thận ngôn kỳ dư, tắc quả vưu, đa kiến khuyết đãi, thận hành kỳ dư, tắc quả hối; ngôn quả vưu, hành quả hối, lộc tại kỳ trung hỹ.

子張學干祿，子曰：多聞闕疑，愼言其餘則寡尤；多見闕殆，愼行其餘則寡悔；言寡

尤，行寡悔，祿在其中矣。

Xem bài này, trước phải biết mấy chữ tương đối với nhau :

- Chữ "văn" đối với chữ "kiến"; chữ "nghi" đối với chữ "dãi"; chữ "vưu" đối với chữ "hối"; cuối cùng thời chữ "ngôn" đối với chữ "hành".

Chữ "ngôn" đối với chữ "hành" ở trước là động từ; chữ "ngôn" đối với chữ "hành" ở sau hết là danh từ.

Chữ "đa", chữ "khuyết", chữ "thận", chữ "quả" thời chung nhau.

Thầy Tử Trương làm việc học, có ý tứ xây về việc cầu bổng lộc (**Tử Trương học cận lộc**). Đức Thánh biết ý Tử Trương không lo vì học cho mình mà chỉ chăm về học cho người ta ưa. Ngài mới nói với Tử Trương rằng : Sư ơi ! Mày tưởng bổng lộc vì cầu mà được hay sao ? Nhưng mày có biết đâu bổng lộc không phải giống cầu mà được; chỉ cốt ở giữa mình lo việc học, hễ mình học giỏi thời tự nhiên có bổng lộc. Bổng lộc không phải là giống chờ phải cầu. Bây giờ ta bảo cho mày; mày cứ thế mà làm cho tới nơi thời không phải cầu bổng lộc mà tự nhiên bổng lộc tới với mình. Ta nói cho mày nghe :

Hễ đạo lý trong thiên hạ, trước cần phải tai nghe cho nhiều (**đa văn**). Khi đã nghe được nhiều rồi mà những điều mình nghe đó còn có cái gì đương nghi ngờ thời chịu để thiếu lại đó mà không dám nói gượng (**khuyết nghi**). Còn ngoài ra nữa, những điều mình nghe đã chắc chắn (**kỳ dư**) thời mình mới nói, nhưng mà khi nói cũng cần phải cẩn thận, như thế là "**thận ngôn kỳ dư**". "Kỳ dư", là những điều không nghi ngờ gì; điều không ngờ gì mà mình còn cẩn thận nói thời tất nhiên ít người chê trách mình (**tắc quả vưu**). "Vưu", nghĩa la người ta chê trách mình.

Hễ sự lý trong thiên hạ, cần phải mắt thấy cho nhiều (**đa kiến**). Nhưng ở trong lúc "đa kiến" đó, còn có những

điều phấp phỏng mà chưa được vững vàng gọi bằng "dãi"; đãi thời ta cứ chịu để thiếu lại đó mà không dám làm bướng, đó là "khuyết đãi". Còn ngoài ra nữa, những điều gì mà thấy được chắc chắn rồi (tức là **kỳ dư**), thời ta mới làm; nhưng mà khi làm, cần phải cẩn thận (**thận hành kỳ dư**). Việc đã không nguy mà làm lại cẩn thận, thời còn gì phải ăn năn nữa rư ? (**tắc quả hối**). Nói mà ít người chê trách (**ngôn quả vưu**), làm việc mà ít điều phải ăn năn (**hành quả hối**); ngôn hành đã tốt như thế, chắc trong đời phải cần dùng đến mình; không cầu danh mà danh đến, không cầu lợi mà lợi theo, lộc tự nhiên ở trong ấy rồi (**lộc tại kỳ trung hỹ**).

Bài này là bàn việc học, cốt trau chuốt ở nơi ngôn hạnh. "Đa văn, đa kiến" là thuộc về phần tri; "thận ngôn, thận hành", là thuộc về phần hành; "quả vưu, quả hối", là thuộc về phần kiết quả của công việc học.

Tử viết : Nhân nhi vô tín, bất tri kỳ khả dã; đại xa vô nghê, tiểu xa vô ngột, kỳ hà dĩ hành chi tai.

子曰：人而無信，不知其可也，大車無輗，小車無軏，其何以行之哉！

Học ở Khổng môn, rất quý trọng về phần đức dục. "Tín" là một bộ phận rất lớn ở trong phần "đức", nên đức Thánh có nói rằng :

Làm người mà đã có đức thành tín, tất nhiên nói dối làm giả thời không biết còn gì là tốt nữa (**nhân nhi vô tín, bất tri kỳ khả dã**). Thí dụ như xe lớn không có cái nghê (**đại xa vô nghê**), xe nhỏ không có cái ngột (**tiểu xa vô ngột**), lấy cái gì di được nữa vậy thay (**kỳ hà dĩ hành chi tai**).

"Nghê" là cái đòn ngang ở đầu mui xe, "ngột" là cái đỡ lấy đòn ngang xe. Cần phải có hai cái ấy mới kéo được xe, cũng như người cần phải có đức tín mới nên được người. Vậy nên học giả phải cần có chữ "tín".

Tử Cống vấn viết : Bần nhi vô siểm, phú nhi vô kiêu, hà như ? Tử viết : Khả dã, vị nhược bần nhi lạc, phú nhi

hiếu lễ giả dã.

Tử Cống viết : Thi vân : Như thiết như tha, như trác như ma, kỳ tư chi vị dư ? - Viết : Tứ dã, thỉ khả dữ ngôn Thi dĩ hỹ; cáo chư vãng nhi tri lai giả.

Tử Hạ vấn viết : Xảo tiếu thuyến hề, mỹ mục miện hề, tố dĩ vi huyến hề, hà vị dã ? Tử viết : Hội sự hậu tố. Viết : Lễ hậu hồ ? Tử viết : Khởi dư dã, Thương dã; thỉ khả dữ ngôn Thi dĩ hỹ.

子貢問曰：貧而無諂，富而無驕，何如？子曰：可也。未若貧而樂，富而好禮者也。

子貢曰：詩云：如切如磋，如琢如磨，其斯之謂與？曰：賜也！始可與言詩已矣！告諸往而知來者。

子夏問曰：巧笑倩兮，美目盼兮，素以為絢兮，何謂也？子曰：繪事後素。曰：禮後乎！子曰：起予者，商也！始可與言詩已矣。

Xem góp cả hai bài liền đây, đủ làm một cái khuôn mẫu cho chúng ta học sách. Học sách không phải đọc chữ cho thục là gọi bằng học được dâu ! Tất phải phát minh ý tứ của sách ở ngoài mặt chữ mới gọi bằng biết học sách. Tức như hai bài này, một bài là thầy Tử Cống học **Kinh Thi** mà phát minh được đạo lý; một bài là thầy Tử Hạ học **Kinh Thi** mà suy ra được đạo lý.

Nguyên ở trong **Kinh Thi**, thiên **Vệ Phong** có sẵn hai câu rằng : "Như thiết như tha, như trác như ma", cứ theo ở mặt chữ mà thích nghĩa : "thiết", là cắt; "tha" là giũa; "trác", là xẻ; "ma", là mài.

Thợ làm đồ xương, đã cắt thành miếng rồi, lại phải giũa cho trơn, ấy là đã "thiết" rồi mà phải "tha". Thợ làm đồ ngọc, trước phải xẻ đá ra mà lấy ngọc, rồi lại phải mài trơn, đó là "trác" rồi mà lại "ma".

Hai câu thơ ấy nghĩa là đã tinh rồi mà lại cẩu cho tinh thêm.

Thầy Tử Cống nhân lúc hỏi đức Thánh về việc bần phú, lúc đầu thầy tưởng "bần nhi vô siểm, phú nhi vô kiêu" đã là hay rồi; đến khi đức Thánh nói với thầy "bần nhi lạc, phú nhi hiếu lễ" thời té ra đạo lý ấy lại hay hơn nhiều. Thầy mới tỉnh biết ra rằng đạo lý trong thiên hạ, càng lên càng thấy cao, càng dò càng thấy sâu, mà công phu học vấn, càng nghiên cứu càng phải dùng công thêm, in như hai câu **Kinh Thi** nói trên kia : "thiết" với "trác" là một lần công phu, "tha" với "ma" lại phải một lần công phu nữa, chứ không phải một lần công phu mà xong dâu. Nên thầy Tử Cống mới nói rằng : câu "như thiết như tha, như trác như ma" trong **Kinh Thi** nói, in như đạo lý mà thầy mới nói với trò đó vậy (**Tử Cống viết : Thi vân : như thiết như tha, như trác như ma, kỳ tư chi vị dư**).

Bởi vì "bần nhi vô siểm, phú nhi vô kiêu", một tầng công phu ấy còn cạn lắm, chỉ là một lần "thiết" với "trác" mà thôi, tất phải làm cho đến "bần nhi lạc, phú nhi hiếu lễ" thời công phu mới được tinh thục, cũng in như cốt "thiết" mà phải thêm "tha" vào, ngọc "trác" mà phải thêm "ma" vào, công phu nhiều lần thời mới được tinh mỹ, cũng một lẽ ấy mà thôi.

Thầy Tử Cống nhân học đạo lý mà giải được **Kinh Thi**, đức Thánh mới khen rằng : Như anh Tứ đó mới có thể cùng anh nói Kinh Thi được (**Tử viết : Tứ dã, thỉ khả dữ ngôn Thi dĩ hỹ**). Học **Kinh Thi** có được như thế mới là biết học mà thôi vậy. Bởi vì đạo lý vô cùng, phải có bộ óc biết suy nghĩ, nói cho những việc đã nói rồi mà biết thêm ra những việc chưa nói tới, như anh Tứ đó mới là người "**cáo chư vãng nhi tri lai giả**" Chữ "vãng", nghĩa là những điều đã nói rồi, tức là dĩ vãng (**cáo chư vãng nhi tri lai giả**); chữ "lai", nghĩa là những điều chưa nói tới, tức là tương lai.

Nói việc bần phú mà biết ra được nghĩa **Kinh Thi** như thế là : "cáo chư vãng nhi tri lai giả". Chữ "chư" có ý nhiều

việc mà không phải một việc.

Xem như bài này là một khuôn mẫu cho ta học sách. Lại phải xem như bài dưới này nữa :

Kinh Thi có câu thơ rằng : "**Xảo tiếu thuyến hề, mỹ mục miện hề, tố dĩ vi huyến hề**". Câu thơ này chỉ hình dung một người sắc đẹp. Nghĩa là, miệng cười khéo nở nang vậy (**Xảo tiếu thuyến hề**), mắt đẹp liếc rõ ràng vậy (**mỹ mục miện hề** nhân có sắc trắng mà thành ra vẻ vang vậy (**tố dĩ vi huyến hề**).

Ba câu thơ ấy, vì có câu "tố dĩ vi huyến hề", thầy Tử Hạ không hiểu ý nghĩa làm sao, nên hỏi với đức Thánh; đức Thánh dạy cho rằng : "Tố" mà làm nên "huyến" đó là công việc tô vẽ ra 5 sắc phải ở sau chất "tố" (**Tử viết hội sự hậu tố**). Bởi vì trước có chất trắng mà sau mới thiết sắc làm nên công việc tô vẽ.

Thầy Tử Hạ nghe được lời ấy, thột nhiên tỉnh ngộ ra được đạo lý, thầy mới nói rằng : À, "tố" ở trước mà "hội sự" ở sau, thế thời người ta sở dĩ làm nên người, cần có chất "trung tín" ở trước, mà những "lễ văn nghi tiết" là ở phần sau đó mà ! (**viết : lễ hậu hồ**).

Chữ "lễ" ở đây chỉ bàng những nghi văn ở bề ngoài. Sở dĩ nói rằng "lễ hậu" nghĩa là chất tố ở trước mà văn thêm vào sau.

Đức Thánh nghe thầy Tử Hạ phát minh được nghĩa ấy, Ngài khen Tử Hạ rằng : Hưng khởi được tinh thần của ta, chính là người như Thương đó vậy ! (**Tử viết : khởi dư giả, Thương dã**), có như thế mới là người cùng nói **Kinh Thi** được mà thôi vậy (**thỉ khả dữ ngôn Thi dĩ hỹ**).

Xem như bài thầy Tử Hạ nói nghĩa **Kinh Thi**, thiệt rất có thú vị ở trong cách học. Chỉ hỏi nghĩa câu "tố dĩ vi huyến hề", mà đức Thánh trả lời bằng : "hội sự hậu tố", ở trong lời đức Thánh không có chữ "lễ", mà thầy Tử Hạ suy ra được "lễ hậu". Nhân học Thi mà biết thêm được Lễ; hiểu ý tứ ở

ngoài lời nói, thiệt là tinh thần hoạt bát, không biết chừng nào. Nên đức Thánh khen bằng : "khởi dư" ("khởi dư", là mở mang được ý tứ cho ta).

Tử viết : Quan thư lạc nhi bất dâm; ai nhi bất thương.

子曰：關雎樂而不淫，哀而不傷。

"Quan Thư", là tên bài thơ, tức là thơ đầu hết **Kinh Thi**. Đức Khổng Tử nói bài này cũng cốt bày vẽ cho chúng ta cách học sách. Ngài nói rằng : hễ đọc đến thơ Quan Thư, chớ thấy văn chương âm tiết ở trong thơ ấy mà khen bằng thơ hay mà thôi; kỳ thực thơ Quan Thư sở dĩ hay, bởi vì xem trong lời thơ mà thấy được tính tình rất chính đáng; thơ ấy nói rằng vui thời thiệt có vui mà không phải có ý dâm dục (**Quan thư lạc nhi bất dâm**), nói rằng thương thời thật có thương mà không có ý thảm hại (**ai nhi bất thương**). Vì tính tình được trung chính như thế, người học thơ phải thể nhận cho đến ý nghĩa ở ngoài mặt chữ và tinh thần ở trong mặt chữ.

Tử viết : Học như bất cập, do khủng thất chi.

子曰：學如不及，猶恐失之。

Ngài nói rằng : Công phu học vấn không biết bao giờ là xong, mà người lo tu học lại không chốc phút nào nghỉ được, tất phải hết sức siêng năng, hết sức chăm chỉ, học một cách bằng tinh thần, tượng như rán sức theo đuổi mà không kịp lại còn sợ hụt mất nữa kia (**học như bất cập, do khủng thất chi**).

Vì muốn cho rõ nghĩa bài ấy, nên lại phải có bài dưới này :

Tử Lộ hữu văn, vị chi năng hành, duy khủng hữu văn.

子路有聞，未之能行，惟恐有聞。

Thầy Tử Lộ là một người rất siêng học, nên môn nhân có bài chép rằng : Thầy Tử Lộ thường có nghe lời thầy dạy, chưa kịp làm xong (**Tử Lộ hữu văn, vị chi năng hành**), chỉ duy sợ có nghe điều khác tiếp vào mà không thể làm một lúc cho

xong hết cả được (**duy khủng hữu văn**). Đó tức là ý tứ "học như bất cập, do khủng thất chi". Bởi vì công phu học tập, hễ nghĩ một chốc tức là sụt lùi mất một phân, siêng thêm được một chốc là tiến lên được một phân; nên chữ "chuyên", chữ "cần" là quý hóa nhất ở trong việc học.

Tử viết : Thí như vi sơn, vị thành nhất quị, chỉ, ngô chỉ dã; thí như bình địa, tuy phú nhất quị, tiến, ngô vãng dã.

子曰：譬如為山，未成一簣，止，吾止也；譬如平地，雖覆一簣，進，吾往也。

Đức Thánh vì lo cho các học giả làm việc học không đến nơi, nhân vì lười biếng ở lúc sau mà uổng mất công phu ở lúc trước, nên ngài đặt ra lời thí dụ rằng : thí dụ như ta đắp hòn núi, đã sắp sửa thành núi (**thí nhi vi sơn**), nhưng chưa thành công là chỉ còn thiếu một trạc đất (**vị thành nhất quị**) nếu đến đó mà thôi nghỉ, tất nhiên không thành núi, há phải có người ngăn đón ta đâu ! chỉ tự mình ngăn đón lấy mình vậy (**chỉ, ngô chỉ dã**). Lại ví như đám đất bằng, đương lúc bắt đầu khởi công, tuy mới đổ vào một trạc đất (**thí như bình địa, tuy phú nhất quị**), nếu nhân đó mà đắp lên mãi mãi thời chắc có thể thành núi; nhưng há phải ai giúp cho mình đâu ! chỉ là tự sức mình tấn lên đó vậy (**tiến, ngô vãng dã**).

Tử tại xuyên thượng, viết : Thệ giả như tư phù, bất xả trú dạ.

子在川上曰：逝者如斯夫！不舍晝夜。

Đạo lý của trời đất và đức nghiệp của Thánh hiền, hai bên vẫn phải cặp nhau mà lên, nhưng duy có ý tứ cao sâu như đức Khổng Tử mới nhận được như thế. Nên có một ngày kia, ngài ở trên bờ sông (**Tử tại xuyên thượng**), thấy giòng nước sông chảy mà ngài than rằng : Đại đạo ở trong trời đất lưu hành hoài hoài, in như nước chảy kia vậy ! (**thệ giả như tư phù**), đêm đêm ngày ngày không bao giờ nghỉ (**bất xả trú dạ**).

Học giả xem như đạo lý ấy thời công phu tiến đức tu nghiệp, có chốc phút nào nghỉ được ru ?

Xem như hai bài trên kia thời biết rằng công phu vi học, hễ tiến mãi thời không bao giờ dừng; hễ chỉ lại thời không thể tiến lên được, nên đức Thánh rất quí hóa những người siêng, mà rất ghét những người hay tự túc hoặc hay tự khí, nên ngài mới khen thầy Nhan Hồi rằng :

Ngữ chi nhi bất đọa giả, kỳ Hồi dã dư.

語之而不惰者，其回也與！

Dạy bảo cho nó mà chẳng bao giờ thấy nó lười nhác (**ngữ chi nhi bất đọa giả**), người được như thế, chỉ có anh Hồi mà thôi vậy (**kỳ Hồi dã dư**).

Ngài lại có nói rằng :

Ngô dữ Hồi ngôn chung nhật, bất vi, như ngu, thối, nhi tỉnh kỳ tư, diệc túc dĩ phát; Hồi dã bất ngu.

子曰：吾與回言終日，不違，如愚。退而省其私，亦足以發，回也不愚。

Ta thường nói đạo lý với anh Hồi đến ngót một ngày (**ngô dữ Hồi ngôn chung nhật**), chẳng thấy anh hỏi, cũng chẳng thấy anh cãi, ngó như hình người ngu (**bất vi, như ngu**), nhưng đến khi anh lui về nhà (**thối**), mà ta dò xét đến việc mình riêng của anh (**thối nhi tỉnh kỳ tư**), té ra những đạo lý gì ta nói với anh cũng tất thảy phát minh được cả (**diệc túc dĩ phát**). Thế thời Hồi vậy chẳng ngu bao giờ (**Hồi dã bất ngu**).

Ngài lại có nói rằng :

Hồi dã phi trợ ngã giả dã, ư ngô ngôn vô sở bất duyệt.

子曰：回也非助我者也，於吾言無所不悅。

Anh Hồi kia không phải là người giúp cho ta vậy (**Hồi dã phi trợ ngã giả dã**), ư lời nói ta, không một lời gì mà anh không tâm đắc cả (**ư ngô ngôn vô sở bất duyệt**).

"*Duyệt*", nghĩa là tâm đắc.

Bởi vì thầy Nhan là một người rất thông minh mà lại là một người rất trầm tĩnh, nên đức Thánh nói ra điều gì là thầy lĩnh hội được hết cả. Ở trong 3.000 học trò không ai bằng được thầy. Nên lúc thầy Nhan mất, đức Thánh có nói rằng :

Tích hồ ! Ngô kiến kỳ tiến dã, vị kiến kỳ chỉ dã.

子曰：惜乎！吾見其進也，未見其止也.

Đáng tiếc lắm vậy ôi ! (**tích hồ**), như anh Hồi kia ta đương thấy anh còn tiến lên vậy, chưa thấy đến lúc cuối cùng của anh vậy (**ngô kiến kỳ tiến dã, vị kiến kỳ chỉ dã**).

Chữ "chỉ" ở đây, không phải "chỉ" là thôi; "chỉ", nghĩa là phân lượng cuối cùng mà không còn đường tiến nữa.

Thầy Nhan so với Thánh nhân, chỉ còn kém mảy may nữa mà thôi.

Bạn của thầy Nhan là thầy Tăng cũng có bài nói rằng :

Dĩ năng vấn ư bất năng, dĩ đa vấn ư quả; hữu nhược vô, thực nhược hư, phạm nhi bất hiệu, tích giả ngô hữu thường tùng sự ư tư hỹ.

曾子曰：以能問於不能，以多問於寡；有若無，實若虛，犯而不校. 昔者，吾有常從事於斯矣.

Tư chất rất thông minh mà công phu học vấn lại rất cẩn mẫn, lấy mình là hay mà chịu hỏi với người không hay (**dĩ năng vấn ư bất năng**), lấy mình là nhiều mà chịu hỏi với người ít (**dĩ đa vấn ư quả**), mình vẫn là có mà quên được có, tự xem mình như hình không (**hữu nhược vô**); mình vẫn thực mà quên được thực, tự xem mình như hình hư (**thực nhược hư**), nếu có người ở với mình không phải, xúc phạm đến mình mà mình không thèm kể (**phạm nhi bất hiệu**). Ngày xưa, bạn ta là ông Nhan Uyên thường hết sức làm những việc ấy rồi (**tích giả, ngô hữu thường tùng sự ư tư hỹ**).

Bài này, 5 câu trên chia ra làm 3 đoạn :

1)- "Dĩ năng vấn ư bất năng, dĩ đa vấn ư quả", là công

phu học vấn không bao giờ tự túc.

2)- "Hữu nhược vô, thực nhược hư", là tính nết rất khiêm nhã.

3)- "Phạm nhi bất hiệu", là độ lượng rất rộng lớn.

Được cả 5 câu ấy, chỉ có thầy Nhan mà thôi.

Tử vị Tử Cống viết : Nhữ dữ Hồi dã, thục dữ ? Đối viết : Tứ dã hà cảm vọng Hồi. Hồi dã văn nhất dĩ tri thập, Tứ dã văn nhất dĩ tri nhị. Tử viết : Phất như dã, ngô dữ nhữ phất như dã.

子謂子貢曰：汝與回也，孰愈？對曰：賜也何敢望回。回也，聞一以知十；賜也，聞一以知二。子曰：弗如也，吾與汝弗如也。

Học trò cao dệ ở trong Khổng môn như thầy Tử Cống mà thầy còn biết thầy thua thầy Nhan, nên nhân lúc đức Thánh hỏi rằng : "Mày với Hồi ai hơn ? (**Tử vị Tử Cống viết : Nhữ dữ Hồi dã, thục dữ**). Tử Cống thưa rằng : Tứ này có gì dám trông được như Hồi (**Tứ dã hà cảm vọng Hồi**); anh Hồi vậy, nghe được một điều mà biết được mười điều (**Hồi dã văn nhất dĩ tri thập**). Tứ này nghe một điều mà chỉ biết được hai điều là may (**Tứ dã văn nhất dĩ tri nhị**), thiệt không bằng Hồi được. Đức Thánh lại nói rằng : Ừ, mày nói không bằng Hồi, đúng lắm (**phất như dã**), nhưng mà mày biết không bằng Hồi, mày hay tự nhận lấy không bằng, điều đó ta cũng khen cho mày nữa vậy (**ngô dữ nhữ phất như dã**).

Câu "phất như dã" trên là nói theo lời thầy Tử Cống. Câu "phất như dã" dưới là khuyên lơn cho thầy Tử Cống; bởi vì tự tri mình kém, mà lại hay tự nhận lấy mình kém, cũng là người khó lắm, nên ngài nói rằng : "Ngô dữ nhữ phất như dã".

Chúng ta muốn học như thầy Nhan, trước hết nên học thầy một điều là : "bất nhị quá", hễ có lỗi thời biết ngay, mà biết lỗi thời chữa ngay. Cải quá là một việc khó nhất ở trong việc học.

Đức Thánh có mấy bài nói như sau này :

Tử viết : Dĩ hỹ hồ ! Ngô vị kiến năng kiến kỳ quá nhi nội tự tụng giả dã.

子曰：已矣乎！吾未見能見其過而內自訟者也。

Thôi vậy ôi ! (**dĩ hỹ hồ**), ta chưa thấy một người nào hay biết được điều lỗi của mình mà trong lòng mình tự trách mình đó vậy. (**ngô vị kiến năng kiến kỳ quá nhi nội tự tụng giả dã**).

"Kiến kỳ quá nhi nội tự tụng", chỉ 7 chữ ấy là công phu học làm thầy Nhan. Vì có thấy rõ ràng được điều lỗi của mình mà tự mình công kích lấy mình mới hay đổi được điều lỗi của mình mà làm được "bất nhị quá" như thầy Nhan; người như thế là một hạng người thường hay "khắc kỷ". Đức Thánh vì chưa thấy được hạng người ấy, nên ngài lấy làm buồn mà nói rằng : "dĩ hỹ hồ". "Dĩ hỹ hồ", ý nghĩa là không biết trông mong vào ai nữa.

Ngài lại có nói rằng :

Quá nhi bất cải, thị vị quá hỹ.

過而不改，是謂過矣。

Có điều lỗi mà biết chữa đổi thời là không lỗi, chỉ vì không biết đổi đó mới thành ra điều lỗi mà thôi.

Ngài lại có bài nói rằng :

Pháp ngữ chi ngôn, năng vô tùng hồ ! cải chi vi quý; tốn dữ chi ngôn, năng vô duyệt hồ ! dịch chi vi quý; duyệt nhi bất dịch, tùng nhi bất cải, ngô mạc như chi hà dã dĩ hỹ.

子曰：法語之言，能無從乎！改之為貴；巽與之言能無說乎！繹之為貴；說而不繹，從而不改，吾末如之何也已矣。

Nghĩa là, những lời nói lấy đạo lý chính mà nói cùng

(**pháp ngữ chi ngôn**), có thể nào không thuận được ư ? (**năng vô tùng hồ**); chỉ duy biết chữa đổi điều lỗi của mình mới là hay chứ ! (**cải chi vi quý**). Những lời nói mà theo cách êm thuận nói cùng (**tôn dữ chi ngôn**), có thể nào không ưa thích được ư ? (**năng vô duyệt hồ**); nhưng tất phải nghiền ngửi cho ra mùi mới là hay chứ ! (**dịch chi vi quý**). Nói rút lại, hễ tốn ngôn tất biết duyệt, nhưng chỉ duyệt ở một lúc mà thôi mà không biết dịch (**duyệt nhi bất dịch**); hễ "pháp ngôn tất biết tùng", nhưng "tùng" ở trước mặt mà thôi mà không biết cải (**tùng nhi bất cải**), hạng người ấy ta không biết làm sao dạy bảo cho nó, ôi thôi vậy (**ngô mạc như chi hà dã dĩ hỹ**).

Bài này quý hó nhất là chữ "dịch", chữ "cải".

"Pháp ngôn", là lời nói bằng đạo lý chính; "tốn ngôn", là lời nói có ý tứ khéo. "Bất dịch" thời dầu "duyệt" cũng không ích gì; "bất cải" thời dầu "tùng" cũng không ích gì, như thế thời chung qui vô ích.

Học vấn mà không tiến được, chỉ vì cái bệnh tại chữ "hoạch". "Hoạch", nghĩa là vạch định một chỗ đến đó thời thôi chứ không chịu rán lên nữa. Xem như bài sau này :

Nhiệm Cầu viết : Phi bất duyệt Tử chi đạo, lực bất túc dã. Tử viết : Lực bất túc giả, trung đạo nhi phế, kim nhữ hoạch.

冉求曰：非不說子之道，力不足也．子曰：力不足者，中道而廢，今汝畫．

Nhiệm Cầu nói rằng : Chúng tôi không phải không vui ưa đạo của thầy, nhưng vì sức chúng tôi không đủ, không thể nào theo được (**phi bất duyệt tử chi đạo, lực bất túc dã**). Đức Thánh nói rằng : Mày có phải là "lực bất túc" đâu ! Những người "lực bất túc" kia, tư chất quá độn, khí phách quá hèn, muốn đi mà không thể nào đi được, chỉ đến nửa đường mà phải bỏ (**lực bất túc giả, trung đạo nhi phế**), chứ như mày là "hoạch" kia mà ! (**kim nhữ hoạch**). Chữ "hoạch",

đã thích nghĩa như trên kia.

"Hoạch" với "lực bất túc", hai hạng người ấy trái nhau : người "lực bất túc" là không có lực mà đi; "hoạch" thời là dự định sẵn ở một chỗ, vẫn còn có sức mà không chịu đi nữa. Giả như người đi đường mà định trước một chỗ nghỉ, dầu chân còn mạnh khỏe, nhưng không chịu đi. Nhiệm Cẩu chính mắc lấy chứng bệnh ấy.

Chữ "học" ở trong Khổng môn thường kèm chữ "tri" và chữ "hành" : Tri thời mới hành được; mà lại đã tri tất phải hành ngay; nên trong sách **Luận Ngữ**, hễ bàn đến công việc học thời không khỏi được hai việc ấy.

Bây giờ xin chép những bài chữ "tri" :

Tử viết : Do ! Hối nhữ tri chi hồ. Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã.

子曰：由！誨汝知之乎。知之為知之，不知為不知，是知也。

Thầy Tử Lộ có cái nết hay nói gượng, dầu điều không biết mà không tự nhận là không biết nên đức Thánh mới dạy cho rằng : Do ơi ! Ta thường bày vẽ cho mày cái cách biết đó mà ! (**Do ! hối nhữ tri chi hồ**), hễ cái gì mày biết được thời mày tự nhận là biết được (**tri chi vi tri chi**), cái gì mày đã không biết thời tự nhận không biết (**bất tri vi bất tri**), như thế thời tuy không phải đã biết được hết đâu, nhưng đã tự biết mình là không biết, đó cũng là cách biết vậy (**thị tri dã**).

Tử viết : Tri chi giả, bất như hiếu chi giả; hiếu chi giả, bất như lạc chi giả.

子曰：知之者，不如好之者；好之者，不如樂之者。

Học giả làm được Thánh hiền vẫn cần ở nơi lực hành, nhưng lúc đầu tiên phải cần có biết; vì biết mới nảy ra hành. Nhưng mà trình độ biết cũng có cạn dâu ! Ví như một thức đồ ăn ngon, người biết được mùi ấy, chưa được như người

ham ưa mùi ấy; người ham ưa mùi ấy chưa bằng người say nghiện mùi ấy; sau nghiện mùi ấy mới là biết được đến nơi (**tri chi giả, bất như hiếu chi giả; hiếu chi giả bất như lạc chi giả**).

Bài này chia ra làm ba bậc :

1)- "Tri chi giả", làn hạng người mới biết hơi đạo lý.

2)- "Hiếu chi giả", là hạng người đã biết ham đạo lý, mà sức biết có ý tiến lên một tầng nữa, cao hơn người "tri chi giả".

3)- "Lạc chi giả", là hạng người biết nghiện đạo lý; sức biết của người ấy lại cao hơn người "hiếu chi giả".

Nhưng chữ "tri" cũng có nhiều bậc :

a)- Tư chất cực kỳ cao, chỉ nhờ ở phận trời phú cho, sinh ra mà biết được. Hạng người ấy từ xưa tới nay không mấy người.

b)- Tư chất vẫn không được cực kỳ cao, so với bậc "sinh nhi tri chi", chỉ là bậc thứ, nhưng vì có công phu học vấn, hễ học tới đâu thời biết tới đó, kết quả thời sức biết cũng không kém với bậc "sinh tri". Hạng người ấy gọi bằng "học nhi tri chi".

c)- Tư chất vẫn hèn thấp còn thua bậc "học nhi tri chi", nhưng vì dụng công phu học vấn hết sức khó nhọc, kết quả thời cũng theo được bậc "học nhi tri chi". Hạng người ấy gọi bằng "khốn nhi học chi".

Nên đức Thánh đã có bài như thế này :

Tử viết : Sinh nhi tri chi giả, thượng dã; học nhi tri chi giả, thứ dã; khốn nhi học chi, hựu kỳ thứ dã; khốn nhi bất học, dân tư vi hạ hỹ.

子曰：生而知之者，上也；學而知者，次也．困而學之，又其次也．困而不學，民斯為下矣．

Người ta thường có ba bậc : bậc người "sinh nhi tri chi" là cao thứ nhất rồi vậy (**sinh nhi tri chi giả, thượng dã**);

bậc người "học nhi tri chi" là thứ xuống nữa (**học nhi tri chi giả, thứ dã**); bậc người "khốn nhi học chi" lại thứ xuống một tầng nữa vậy (**khốn nhi học chi, hựu kỳ thứ dã**). Nếu tư chất đã thua kém mà lại không chịu học, hạng người ấy là bậc thấp nhất mà thôi vậy (**khốn nhi bất học, dân tư vi hạ hỹ**).

Những bài trên kia là nói về chữ "tri". Đồng thời với chữ "tri" mà nặng như nhau lại là chữ "hành". Mà chữ "hành" ở trong sách **Luận Ngữ** là cốt làm cho nên một người quân tử. Vậy nên từ đấy sắp xuống, chỉ chép riêng những bài bàn đến quân tử.

Tử viết : Quân tử dục nột ư ngôn, nhi mẫn ư hành.

子曰：君子欲訥於言，而敏於行。

Ngài nói rằng : Hễ người quân tử thường muốn cẩn thận ư chỗ nói, tượng như người dốt, mà siêng năng ư việc làm.

Tử viết : Quân tử sỉ kỳ ngôn nhi quá kỳ hành.

子曰：君子恥其言而過其行。

Người ta thường hay nói quá hơn việc làm; duy quân tử thời không thế, nói nhiều quá hơn việc làm là quân tử lấy làm thẹn mà chỉ muốn cho phần làm được tốt hơn phần nói, nên đức Thánh đã có bài nói rằng :

Tử viết : Cổ giả ngôn chi bất xuất, sỉ cung chi bất đãi dã

子曰：古者言之不出，恥躬之不逮也。

Câu này cũng một ý với câu trên kia, nghĩa là người đời xưa sở dĩ không khinh dị phun nhả lời nói ra (**cổ giả ngôn chi bất xuất**), chỉ lo công việc mình không đúng được như lời nói là một điều đáng xấu thẹn lắm (**sỉ cung chi bất đãi dã**).

Tử viết : Quân tử hữu tam giới : thiếu chi thì huyết khí vị định, giới chi tại sắc; cập kỳ tráng dã, huyết khí phương cương, giới chi tại đấu; cập kỳ lão dã, huyết khí

ký suy, giới chi tại đắc.

子曰：君子有三戒：少之時血氣未定，戒之在色；及其壯也，血氣方剛，戒之在鬥；及其老也，血氣既衰，戒之在得。

Một đời người của quân tử có 3 điều phải răn de ở trong lòng (**quân tử hữu tam giới**) :

1)- Hồi buổi đương tuổi thơ trẻ, huyết khí chưa định, rất đáng sợ là vì nữ sắc làm hỏng mất đức tánh của mình chăng, nên răn ở chỗ nữ sắc (**thiếu chi thì, huyết khí vị định, giới chi tại sắc**).

2)- Kịp đến lúc tuổi đã lớn rồi, huyết khí vừa mạnh lên, hay hăng hái tranh hơn người, sợ có vì ham đua mà sinh ra họa hoạn chăng, nên răn ở chốn tranh đấu. (**cập kỳ tráng dã, huyết khí phương cương, giới chi tại đấu**).

3)- Đến lúc tuổi già rồi thời huyết khi đã suy, lòng tiến thủ đã có hơi non, thường quá nặng về lòng bảo thủ, e có tham đắc mà kém mất nhân cách chăng, nên răn ở nơi tham đắc (**cập kỳ lão dã, huyết khí ký suy, giới chi tại đắc**).

Vì có ba điều răn như trên kia nói thời tuổi trẻ mà không lầm lỗi vì hiếu sắc, tuổi lớn mà không lầm lỗi vì hiếu đấu, tuổi già mà không lầm lỗi vì tham đắc. Những người học làm quân tử nên biết ba điều ấy.

Tử viết : chất thắng văn, tắc dã; văn thắng chất tắc sử; văn chất bân bân nhiên hậu quân tử.

子曰：質勝文，則野；文勝質，則史；文質彬彬，然後君子。

"Chất" là có ý ngay thật, văn là có ý hoa dẹp. "Chất" ví như cây gỗ, chỉ mới có hình chất gỗ mà thôi; "văn" ví như cây gỗ đã có chạm trổ sơn vẽ vào. Nếu phần chất nhiều hơn phần văn, đến nỗi diệt mất văn thời thành ra người quê mùa mà giống như thôn dã (**chất thắng văn tắc dã**); nếu văn quá nhiều hơn chất, đến nỗi diệt mất chất thời thành ra

phù hoa mà tượng như quan sử (**văn thắng chất tắc sử**). Chỉ duy văn vừa đúng với văn mà làm thêm đẹp cho chất, chất vừa đúng với chất mà làm cội gốc cho văn; văn với chất trộn trạo cùng nhau mà thành ra một giống hoàn mỹ, vậy mới là người quân tử (**văn chất bân bân nhiên hậu quân tử**).

Bài này bàn hai chữ "quân tử", thiệt rất hoàn toàn. Chất là thuộc về phần tinh thần, văn là thuộc về hình thức; hai phương diện ấy không một phương diện nào thiếu được.

Chỉ có tinh thần mà thôi, thế là chất tháng, không lấy gì ứng phó được việc đời; nghĩa là có thể mà không dụng, thành ra một đám nhà quê, nên gọi bằng "dã". Chỉ có hình thức mà thôi, thế là văn thắng. tất không có gì làm cốt tử; nghĩa là có hoa mà không có trái, chỉ thành ra một tụi quan sử, nên gọi bằng "sử".

"Dã" thời kém phần tốt đẹp, "sử" thời kém phần thiệt thà, thảy không gọi bằng quân tử; chỉ duy "chất" mà lại thêm "văn" vào, văn mà vốn đã có chất sẵn, hai phía đều đầy đủ mà làm tốt đẹp cho nhau, như thế mới là quân tử.

Đức Thánh dạy người ta tri, chỉ có tri ngần ấy : dạy người ta hlnh, cũng chỉ có hành ngần ấy; vẫn không thiên trọng phía nào, mà cũng không bỏ sót phía nào. Vậy đức Khổng Tử nếu sinh ở đời bây giờ thời khoa học cũng có nghiên cứu tới nơi, chẳng phải vì có Khổng học mà bỏ khoa học đó vậy.

Tử viết : Quân tử bất khí.

子曰：君子不器。

Bài này cũng như bài trên. Bởi vì đã là người quân tử thời đức không thiếu điều gì, mà tài cũng không kém gì, dù ra làm việc gì, tất thảy nên được, không phải như hạng người chỉ có nhất tài, nhất nghệ, vừa thành một đồ dùng mà thôi, nên nói rằng : "bất khí" (**quân tử bất khí**).

Tử viết : Quân tử nghĩa dĩ vi chất, lễ dĩ hành chi, tốn dĩ xuất chi, tín dĩ thành chi, quân tử tai !

子曰：君子義以為質，禮以行之，遜以出之，信以成之，君子哉！

Quân tử khi ra làm việc đời, hoặc vì quốc gia, hoặc vì xã hội, trước lấy nghĩa làm bản chất. Tỷ như làm một việc, tất định có một chủ nghĩa cho chắc chắn (**nghĩa dĩ vi chất**), tới khi ra làm việc ấy thời cứ dựa vào lẽ phải tức là công lý gọi bằng lễ (**lễ dĩ hành chi**) mà lại thuận theo như thứ tự tầng lớp ở trong việc ấy mà sắp đặt cho đúng lớp trước lớp sau (**tốn dĩ xuất chi**). Nhưng bắt đầu vào việc, cho đến kết quả việc, chỉ giữ một mực thành tín để cho việc đó đến lúc cuối cùng mà thấy được thành công (**tín dĩ thành chi**).

Nói tóm lại, "nghĩa dĩ vi chất" là chủ nghĩa tốt từ lúc bắt đầu; "tín dĩ thành chi" là làm cho chủ nghĩa đó có kết quả; "lễ dĩ thành chi, tốn dĩ xuất chi" là chương trình thủ đoạn ở trong lúc làm việc. Có như thế mới là quân tử vậy thay ! (**quân tử tai**).

Tử viết : Quân tử căng nhi bất tranh, quần nhi bất đảng.

子曰：君子矜而不爭，群而不黨。

Quân tử đối với xã hội, mình vẫn giữ danh tiết mình, không chịu theo hùa với thời tục, như thế là "căng". Nhưng "căng" mà chỉ giữ mình mà thôi, mà không tranh giành với ai (**quân tử căng nhi bất tranh**); xem loài người ai nấy cũng là đồng bào, vẫn có thể đồng lao hợp tác được cả. Như thế là gọi bằng "quần". Nhưng "quần" chỉ dựa vào nhân đạo mà thôi, mà không phải làm phe riêng với ai (**quần nhi bất đảng**).

"Căng" có ý như "tranh", nhưng không phải "tranh"; "quần" có ý như "đảng", nhưng không phải "đảng". Có như thế mới là quân tử.

Tử viết : Quân tử trinh nhi bất lượng.

子曰：君子貞而不諒。

Quân tử ở với người đời, hoặc khi giao tiếp với người, hoặc khi xử trí mọi việc, phẩm hạnh rất vuông vức mà lại

trí thức rất viên thông, chỉ cốt giữ mình được đạo chính tức là "trinh"; nhưng không phải một tiếng nói gì cũng tất phải cho tin, làm một việc gì cũng tất phải quả quyết, cố chấp một cách tín nhỏ (**lượng**) như những món tiểu nhân kia. Nên nói rằng : "trinh nhi bất lượng".

Bài này nên tham khảo với bài dưới này ở trong sách **Mạnh Tử**. Nhưng nếu nhân cách chưa được như quân tử thời chưa học được bài này đâu :

Mạnh Tử viết : Đại nhân giả, ngôn bất tất tín, hành bất tất quả, duy nghĩa sở tại.

孟子曰：大人者，言不必信，行不必果，惟義所在.

Xem suốt hết mấy bài như trên kia, thời biết rằng người ta sở dĩ học là chỉ cốt học cho nên một con người, mà muốn cho nên một con người, tất phải làm cho nên một người quân tử. Nhưng mà hai chữ "quân tử" chỉ là đại biểu cho chữ "nhân" mà thôi.

"Nhân", nghĩa là người. Nếu làm nên được một con người thời chẳng cần phải nói chữ "quân tử". Vậy nên qui kết lại bài dưới này :

Tử Lộ vấn thành nhân. Tử viết : Nhược Tang Vũ Trọng chi trí, Công Xước chi bất dục, Biện Trang Tử chi dũng, Nhiễm Cầu chi nghệ, văn chi dĩ lễ nhạc, diệc khả dĩ vi thành nhân hỹ.

Viết : Kim chi thành nhân giả, hà tất nhiên ! Kiến lợi tư nghĩa; kiến nguy, thụ mệnh, cửu yếu bất vong bình sinh chi ngôn, diệc khả dĩ vi thành nhân hỹ.

子路問成人，子曰：若臧武仲之知，公綽之不欲，卞莊子之勇，冉求之藝，文之以禮樂亦可以為成人矣．子曰：今之成人者何必然！見利思義，見危授命，久要不忘平生之言，亦可以為成人矣．

Bài này là một bài tóm góp hết đạo lý ở trên đường lối làm người; nếu làm người mà thật được như bài này thời dầu không học cũng không gì là khuyết điểm. Nhưng mà nếu không thời quyết không làm được như bài này. Nói cho đúng, muốn làm nên người tốt, tất cần phải học, vả lại còn làm người một ngày, tất cần phải có một ngày học. Anh em ta xem kỹ ý nghĩa bài này :

Thầy Tử Lộ là một cao đệ ở trong Khổng môn, mà cũng là một người rất ham học, hễ có người cáo với thầy có điều lỗi gì thời thầy mừng ngay (**nhân cáo chi dĩ hữu quá tắc hỉ** 人告之以有過則喜). Vậy nên thầy sợ không làm được một con người, bèn hỏi cách thành nhân với đức Thánh ("thành nhân", nghĩa là hoàn toàn cho nên một con người).

Đức Thánh dạy rằng : Hễ tư cách một con người, phải cần cho đủ 4 cái :

1)- Về phần trí thức;

2)- Về phần đạo đức;

3)- Về phần thể phách;

4)- Về phần tài nghệ.

Nếu có trí khôn được như ông Tang Vũ Trọng (**Tang Vũ Trọng chi trí** - Tang Vũ Trọng là người có trí khôn hay đoán việc mà biết trước được, người trong đời gọi bằng thánh) - Có tấm lòng đạo đức cao thượng không trộn vào tư dục như ông Công Xước (**Công Xước chi bất dục** - Công Xước là người có đức tốt, tính chất nhân từ trong sạch. Đức Thánh đã từng nói : "Mạnh Công Xước làm quan lão cho nhà Triệu, nhà Ngụy thời có phần dư, nếu làm quan cho nước Đằng, nước Tiết thời không nổi" **Tử viết : Mạnh Công Xước vi Triệu Ngụy giả tắc ưu; bất khả dĩ vi Đằng, Tiết đại phu** :

子曰：孟公綽為趙魏者則優；不可以為滕薛大夫。

Người ấy hơn phần đức mà kém phần tài !) - Có sức

mạnh như ông Biện Trang Tử (**Biện Trang Tử chi dũng** - Biện Trang Tử là người rất mạnh ở đời Xuân Thu, có khi một mình dâm chết hai con cọp). Lại có tài nghệ như anh Nhiệm Cầu (**Nhiệm Cầu chi nghệ** - Nhiệm Cầu là một người rất hay về việc kỹ nghệ có tài buôn bán, lập ra phép toán thuật kỷ hà).

Có đủ 4 điều như 4 người trên kia : trí được như Tang, là đủ về phần trí dục; bất dục như Xước là đủ về phần đức dục; dũng được như Biện là đủ về phần thể dục; nghệ được như Cầu là đủ về phần tài năng. Vậy mà đã hoàn toàn nên một con người được chăng ? Chưa chắc đâu ! Bởi vì tư cách một con người phải đủ cả chất và văn, nếu chỉ có như 4 điều trên kia, chỉ là bản chất làm người mà thôi.

Còn có khi giao thiệp với xã hội, ứng phó với việc đời, chỉ bản chất mà thôi, còn chưa đầy đủ, nên phải gia thêm vào "văn" nữa kia mà ! Văn thời lấy cái gì ? Phải lấy "lễ nhạc". Có lễ nhạc, có lễ nghi cho đủ được trật tự; có âm nhạc cho tỏ ra hòa bình. Thêm vào những việc "văn" như thế, đó là "văn chi dĩ lễ nhạc".

Tuy kể bằng tư cách một con người mà chắc rằng đã thập phần hoàn toàn, chưa phải dễ đâu. Nhưng cũng gọi được "thành nhân" rồi đó vậy (**diệc khả dĩ vi thành nhân hỹ**).

Chúng ta xem hai chữ "thành nhân" thời có ý nghĩa gì lạ đâu ! Chỉ nên một con người là hết việc; mà xem đến lời đức Thánh nói thời biết bao công phu mới thành được "nhân" ! Kể về phần "trí", tất phải được như Tang Vũ Trọng; kể về phần "đức" tất phải như Công Xước; kể về phần "dũng" tất phải như Biện Trang Tử; kể về phần "nghệ" tất phải như Nhiệm Cầu.

Tóm góp hết sở năng của 4 người trên kia mà chưa phải là "thành nhân", tất phải "văn chi dĩ lễ nhạc" mới gọi bằng "thành nhân" được. Như thế thời "thành nhân" chẳng phải là rất khó hay sao ? Vì thế chúng ta cần phải học. Học chỉ là "bắt chước" mà thôi : lo bắt chước về phần "trí khôn"

thời trí khôn đầy đủ; lo bắt chước về phần "đức" thời đức tốt lành; lo bắt chước về phần "thể dục" thời khí lực mạnh dạn; lo bắt chước về phần "công nghệ" thời tài nghệ thành thạo. Lại còn học thêm "lễ nhạc" vào thời văn chương đủ dùng. Phương pháp làm nên "thành nhân", chỉ cốt có công học; nếu không học mà muốn nói "thành nhân", thành ra không ăn mà muốn no, e đến nỗi trót một đời người, chỉ là vóc dạc người mà gan ruột cầm thú đó vậy.

Như bài trên kia, đức Thánh nói với thầy Tử Lộ, nhưng thầy Tử Lộ nghĩ thế quá cao, mà tự xét trong mình thời sở năng chỉ có ngần này là mình làm được, nên thầy Tử Lộ lại có nói rằng : Thành nhân ở đời nay, làm gì phải đến như thế (**viết : kim chi thành nhân dã, hà tất nhiên**); hễ thấy được việc gì lợi thời nghĩ tới nghĩa, trái nghĩa thời không làm (**kiến lợi tư nghĩa**); hễ thấy nguy hiểm mà không từ chối, dám đem thân mình gieo vào (**kiến nguy thụ mệnh**). Việc gì đã ước hẹn với anh em lâu ngày thời cứ chỉ cho chắc chắn, không quên những lời nói ngày xưa (**cửu yên bất vong bình sinh chi ngôn**). Như thế cũng gọi là "thành nhân" được chứ (**diệc khả dĩ vi thành nhân hỹ**).

Như thầy Tử Lộ nói ba câu ấy, so với lời đức Thánh nói vẫn còn thua xa, nhưng mà trọng nghĩa, khinh lợi, cũng gần được như chữ "bất dục", mạo hiểm cảm vi cũng giống như "dũng"; lời hẹn ước lâu ngày mà cũng không quên, là một người không đến nỗi "vô nhân cách". Vậy nên đức Thánh cũng không cãi lại.

CHƯƠNG XVI

BÀN VỀ PHƯƠNG PHÁP THUỘC VỀ 'TÌM THẦY KÉN BẠN".

Muốn làm nên "quân tử" với "thành nhân", tất cần phải học; nhưng mà học, há phải không thầy không bạn mà nên ư ? Vì vậy chúng ta phải nghĩ cách "tìm thầy kén bạn". Xin xem chương này.

Tử viết : Ôn cố nhi tri tân, khả dĩ vi sư hỹ

子曰：溫故而知新，可以爲師矣。

Đường học vấn không bao giờ cùng, mà phép dạy người cũng không biết thế nào là đủ; bảo rằng làm thầy người được, há phải dễ đâu ! Chỉ duy ôn những điều cổ mà biết thêm được những điều tân thời trình độ người ấy đã cao mà còn cao lên mãi, chắc có thể làm thầy cho người được rồi (**ôn cố nhi tri tân, khả dĩ vi sư hỹ**).

Sở dĩ làm được thầy là gốc bốn chữ "ôn cố tri tân". "Ôn", nghĩa là ôn tập lại, thí dụ như đồ ăn để nguội, hâm lại cho nóng, ấy gọi là "ôn". "Cố", là những đạo lý mình đã biết rồi, những công việc mình đã hay rồi, từ hiện tại mà nhắc lại dĩ vãng là gọi bằng "cố". "Tân", nghĩa là những điều mình chưa biết mà cần phải biết thêm, những điều mình chưa hay mà muốn cho hay thêm, do hiện tại mà suy đến tương lai, gọi bằng "tân". Ôn cái cũ mà biết được mới thời tiến bộ không

bao giờ cùng, vậy nên làm được thầy.

Bài trên kia là nói về phép tìm thầy. Còn muốn kén bạn, phải xem như bài dưới này :

Khổng Tử viết : Ích giả tam hữu, tổn giả tam hữu; hữu trực, hữu lượng, hữu đa văn, ích hỹ; hữu biển tịch, hữu thiện nhu, hữu biển nịnh, tổn hỹ.

孔子曰：益者三友：友直，友諒，友多聞，益矣；友便辟，友善柔，友便佞，損矣.

Người làm bạn có ích cho mình, có ba hạng (**ích giả tam hữu**); người làm bạn mà tổn hại cho mình cũng có ba hạng (**tổn giả tam hữu**).

Hạng người có ích cho mình là những hạng người này :

a)- Làm bạn với người có tính ngay thẳng (**hữu trực**).

b)- Làm bạn với người có thành tín (**hữu lượng**).

c)- Làm bạn với người học vấn giàu nhiều (**hữu đa văn**).

Vì được bạn "trực" thời mình có điều lầm lỗi được nhờ bạn can ngăn cho.

Bạn với người "lượng" thời mình có việc nhờ cậy bạn, chắc người ấy có thỉ có chung.

Bạn với người "đa văn" thời học thức mình còn kém hẹp, được nhờ người bạn ấy phù trợ cho. Bạn như thế, thiệt là bạn làm ích cho mình đó rồi (**ích hỹ**).

Trái lại, nếu người bạn kia không "trực" mà chỉ là gian dối cong vạy (**hữu biển tịch**); người bạn kia không "lượng" mà chỉ là mềm mại khéo chiều dời (**hữu thiện nhu**); người bạn kia không "đa văn" mà chỉ là lanh liến siểm nịnh (**hữu biển nịnh**); những bạn như ba hạng ấy chỉ khiến cho mình ngày càng sa sút, đức hạnh đã hỏng mà học vấn cũng không nên, thiệt là người bạn làm tổn cho mình đó rồi (**tổn hỹ**).

Học giả kén bạn rất nên chú ý ở bài này. Lo gần gũi những người "trực, lượng, đa văn", mà xa tránh những người

"biến tịch, thiện nhu, biến nịnh" như thế thời được "ích" mà không "tổn".

Nghĩa chữ thầy, nghĩa chữ bạn đã kể như hai bài trên, nhưng chúng ta muốn tìm thầy, chẳng gì bằng học đức Khổng Tử.

Bởi vì thầy đến như đức Khổng Tử mới là thầy tột mực, mà cách tìm thầy của đức Khổng Tử, chúng ta càng nên học lắm.

Tử viết : Tam nhân hành, tất hữu ngã sư yên; trạch kỳ thiện giả nhi tùng chi, kỳ bất thiện giả nhi cải chi.

子曰：三人行，必有我師焉；擇其善者而從之，其不善者而改之。

Xem như lời bài này thời chữ "sư" của đức Khổng Tử, từ đời xưa tới đời nay, e chưa có ai nói tới.

Ngài nói rằng : Chỉ ba người đi với nhau, một người là mình, hai người nữa là người đi cặp với mình, ở trong hai người đó, tất nhiên có thầy ta trong ấy (**tam nhân hành tất hữu ngã sư yên**). Hai người ấy đều thiện cả ru ? Hay đều là bất thiện cả ru ? Thiện với bất thiện, tuy thuộc về phần người, nhưng thầy làm thầy cho ta được cả; chỉ cốt ở con mắt ta cho sáng, bộ óc ta cho tinh, kén chọn lấy phía nào thiện mà học theo (**trạch kỳ thiện giả nhi tùng chi**). Đó tức là thầy dạy cho ta điều thiện nên làm.

Ta nhìn thấy phía nào bất thiện, ta đem gương ấy soi vào mình ta mà đổi điều bất thiện ngay (**kỳ bất thiện giả nhi cải chi**), đó là thầy dạy cho ta điều bất thiện nên cải.

Như thế, chẳng phải là "ngã sư" hay sao ? Bởi vì nghĩa vụ của người thầy, chỉ cốt dạy cho học trò bỏ điều xấu theo điều tốt. Bây giờ ở trong hai người, có gương tốt mà bảo cho ta theo, có gương xấu mà bảo cho ta đổi, chẳng phải làm thầy cho ta mà chi ?

Vệ Công Tôn Triều vấn ư Tử Cống : Trọng Ni yên học. Tử Cống viết : Văn Võ chi đạo, vị trụy ư địa, tại

nhân; hiền giả chí kỳ đại giả; bất hiền giả chí kỳ tiểu giả; mạc bất hữu Văn Võ chi đạo yên; Phu Tử yên bất học, nhi diệc hà thường sư chi hữu ?

衛孫朝問於子貢曰：仲尼焉學？子貢曰：文武之道，未墜於地，在人，賢者識其大者，不賢者識其小者，莫不有文武之道焉，夫子焉不學，而亦何常師之有？

Lại xem như bài này thời biết đức Khổng Tử dụng ai cũng là thầy cho mình được.

Công Tôn Triều, người nước Vệ, có hỏi với thầy Tử Cống rằng : Thầy Trọng Ni học với ai, và học những điều gì (**Trọng Ni yên học**). Thầy Tử Cống nói rằng : Đạo của vua Văn, vua Võ chưa nảy xuống đất đâu (**Văn Võ chi đạo, vị truỵ ư địa**), vẫn tất thảy gửi ở nơi người cả thảy (**tại nhân**); người nào là hiền giả thời ghi nhớ được việc lớn (**hiền giả chí kỳ đại giả**), người nào là bất hiền thời ghi nhớ được việc nhỏ (**bất hiền giả chí kỳ tiểu giả**), chẳng có người nào là không có đạo của vua Văn vua Võ vậy (**mạc bất hữu Văn Võ chi đạo yên**), nên đức Phu Tử chẳng có việc gì chẳng học tới (**Phu Tử yên bất học**) mà cũng không có thầy nào là thầy nhất định đâu (**nhi diệc hà thường sư chi hữu**). "Thường sư", là chuyên chỉ ở một thầy.

Hai bài trên kia là biết được cách học thầy của đức Khổng Tử, không ai là thầy ngài, mà cũng không ai là không phải thầy của ngài. Nhưng lại xem mấy bài như sau này thời thấy được công phu học vấn của ngài.

Tử nhập Thái miếu, mỗi sự vấn. Hoặc viết : Thục vị Trâu nhân chi tử tri lễ hồ ? Nhập Thái miếu mỗi sự vấn; Tử văn chi, viết : thị lễ dã.

子入太廟每事問。或曰：孰謂鄹人之子知禮乎？入太廟每事問。子聞之曰：是禮也。

Thường có khi ngài vào nhà Thái miếu, dụng một việc

gì, hay hỏi với người quen việc (**Tử nhập Thái miếu, mỗi sự vấn**); có kẻ cười ngài rằng : Ai bảo người con của người dất Trâu biết lễ đó ru ? (**thục vị Trâu nhân chi tử tri lễ hồ**), thấy anh nhập Thái miếu mỗi sự vấn ! (入太廟每事問).

Đức Thánh nghe được lời nói ấy, ngài nói rằng : chính đó là lễ vậy (**Tử vấn chi, viết : thị lễ dã**).

Xem như bài trên ấy thời biết Thánh nhân rất ham học, mà duy có hay hỏi mới gọi bằng học vấn. Lại biết được Thánh nhân hay chịu được điều người ta chê mình. Vì chịu được lời người ta chê mới gọi bằng thịnh đức.

Thái miếu là nhà thờ của vua. Đức Khổng Tử là người dân gian, nên vào đó nhiều việc chưa quen biết, sở dĩ ngài phải hỏi. Không biết mà hỏi là đúng với đạo lý lắm, nên ngài nói rằng : ấy là lễ (**viết : thị lễ dã**).

Kia người hoặc chê ngài, chỉ là một anh không biết gì, nhưng ngài không trách giận gì dế người hoặc mà chỉ nói lại có ba chữ "thị lễ dã", thiệt là ham học vấn mà lại thịnh đức.

Tử dữ nhân ca nhi thiện, tất sử phản chi, nhi hậu họa chi.

子與人歌而善，必使反之，而後和之.

Ngài thường đọc sách ngâm thi với người ta nghe, có người kia ngâm đọc hay (**Tử dữ nhân ca nhi thiện**), tất khiến người ấy lập tráo lại (**tất sử phản chi**), mà sau lại họa theo người ấy (**nhi hậu họa chi**).

"Ca", nghĩa là đọc sách ngâm thi. "Phản" là lấp tráo lại. "Họa" nghĩa là ngâm đọc theo cho in người ta, hay nối tiếp làm bài nữa như cách "họa vận" của đời nay.

Tử viết : Gia ngã số niên, tốt dĩ học Dịch, khả dĩ vô đại quá hỹ.

子曰：加我數年，卒以學易，可以無大過矣.

Ngài nói rằng : Thêm cho ta được và (1) tuổi nữa để cho ta trót công phu học Kinh Dịch thời có thể không đến

nổi lầm lỗi lớn nữa vậy (**gia ngã số niên, tốt dĩ học Dịch, khả dĩ vô đại quá hỹ**).

Xem như bài này là lúc tuổi ngài đã già mà ngài còn ước thêm tuổi vào để hết công phu học **Dịch**, thế là Thánh nhân hiếu học không bao giờ chán, nên ngài lại có bài nói như sau này :

Tử viết : Đức chi bất tu, học chi bất giảng, văn nghĩa bất năng tỷ, bất thiện bất năng cải, thị ngô ưu dã.

子曰：德之不修，學之不講，文義不能徙，不善不能改，是吾憂也。

Ngài nói rằng : Đời mình ta thường phải lo luôn là những chuyện này.

Về phần "đạo đức", có những cái gì mà chẳng trau sửa cho tới nơi (**đức chi bất tu**). Về phần "học vấn", có những việc gì chẳng giảng tập cho tới nơi (**học chi bất giảng**). Nghe những "đạo lý" phải, mà mình chẳng làm mà không hay (**Văn nghĩa bất năng tỷ**); thấy những việc mình chẳng làm mà không hay chừa đổi (**bất thiện, bất năng cải**). Đó là những việc mà ta thường phải lo đó vậy (**thị ngô ưu dã**).

Ngài lại có bài nói rằng :

Tử viết : Cái hữu bất tri nhi tác chi giả, ngã vô thị dã : đa văn, trạch kỳ thiện giả nhi tùng chi; đa kiến nhi chí chi, tri chi thứ dã.

子曰：蓋有不知而作之者，我無是也，多聞擇其善者而從之，多見而識之，知之次也。

Ở trong đời, có một hạng người không biết gì mà dám cứ làm liều, ta không như thế (**cái hữu bất tri nhi tác chi giả, ngã vô thị dã**); ta chỉ duy nghe được nhiều lời, chọn lấy những điều tốt lành mà làm theo ngay (**đa văn, trạch kỳ thiện giả nhi tùng chi**); thấy được nhiều điều phải mà ghi

(1) Chú ý chữ "Vả" có khác chữ "Vài"

nhớ lấy (**đa kiến nhi chí chi**), như thế tuy chưa nói rằng thật biết đâu, mà cũng là hạng thứ hai ở trong hạng biết rồi vậy (**tri chi thứ dã**).

Ngài có bài nói rằng :

Tử viết : Văn mạc ngô do nhân dã, cung hành quân tử tắc ngô vị chi hữu đắc.

子曰：文莫吾猶人也；躬行君子，則吾未之有得。

Làm việc học chỉ ở nơi văn tự mà thôi, e có lẽ ta cũng bằng được người vậy (**văn mạc ngô do nhân dã**). Chỉ duy tự mình làm những việc quân tử (**cung hành quân tử**), thời ta chưa có được gì cả (**tắc ngô vị chi hữu đắc**).

Xem như hai bài ở trên này thời cách học vấn của Thánh nhân, chữ "tri" với chữ "hành" nặng cân như nhau. Bài trên có câu "tri chi thứ dã", bài dưới có câu "cung hành quân tử", qui trọng in như nhau là chữ "tri" với chữ "hành".

Tuy nhiên, Thánh nhân chỉ lấy việc học làm học mà thôi rư ? mà chính là cách dạy người cũng một phần học, nên lại có hai bài như sau đây :

Tử viết : Mặc nhi thức chi, học nhi bất yếm, hối nhân bất quyện, hà hữu ư ngã tai !

子曰：默而識之，學而不厭，誨人不倦，何有於我哉！

Cứ thinh lặng vậy mà thông hiểu được hết (**mặc nhi thức chi**); cứ lo học hoài mà không bao giờ chán (**học nhi bất yếm**); dạy bảo cho người mà không bao giờ mỏi (**hối nhân bất quyện**). Những điều đó ta đã làm gì được dâu ! (**hà hữu ư ngã tai**).

Tử viết : Nhược thánh dữ nhân tắc ngô khởi cảm; ức vi chi bất yếm, hối nhân bất quyện, tắc khả vị vân nhi dĩ hỹ.

子曰：若聖與仁則吾豈敢；抑為之不厭，誨人不倦，則可謂云而，已矣。

Ngài nói rằng : Giả như địa vị làm đến thánh và địa vị làm tới bậc người nhân thời ta há dám dâu ! (**nhược thánh dữ nhân tắc ngô khởi cảm**); hay là trụt xuống vừa có công phu như thế này : học làm lấy thánh nhân mà không bao giờ chán (**ức vi chi bất yếm**), dạy cho người ta làm thánh với nhân mà không bao giờ mỏi (**hối nhân bất quyện**) thời có thể bảo rằng ta làm được như thế mà thôi vậy (**khả vị vân nhi dĩ hỹ**).

Xem như bài trên kia thời công việc học vấn chẳng những học cho mình mà thôi, mà lại học cho người kia nữa. Lấy mình là tiên giác mà thức tỉnh cho người hậu giác; lấy mình là tiên tri mà thức tỉnh cho người hậu tri, chính giữa công việc dạy người là một nửa phần công học vấn. Nên học trò ngài là thầy Tử Hạ đã có câu nói rằng :

Sĩ nhi ưu tắc học, học nhi ưu tắc sĩ.

仕而優則學，學而優則士。

Hễ công việc làm quan là làm việc ích lợi cho người mà thiệt giỏi, đó chính là học (**sĩ nhi ưu tắc học**). Hễ làm việc học cho mình mà thiệt giỏi thời đó chính là làm quan (**học nhi ưu tắc sĩ**). "Ưu", nghĩa là hơn giỏi.

Sĩ với học, công việc xem như hình khác nhau, mà kỳ thực chỉ có một lẽ : học là cầu cho trong mình được ích lợi; sĩ thời đem cái học ra làm lợi ích cho người. Chẳng qua học phải có hành mới đầy đủ công việc học; nếu không có công việc dạy người thời té ra công việc học vấn còn thiếu mất một nửa.

Vậy nên chúng ta cần phải xem cách dạy người của đức Khổng Tử.

(誨) là lấy miệng mà dạy cho.

(教) là lấy miệng lấy thân mà dạy cho.

CHƯƠNG XVII

CÁCH DẠY NGƯỜI CỦA ĐỨC KHỔNG TỬ

Đức Khổng Tử dạy người rất nhiều phương pháp, mà khéo thứ nhất là cách tùy người mà dạy. Ngài vẫn xem loài người không ai không dạy được, nên ngài có câu nói rằng :

Tử viết : Hữu giáo vô loại.

子曰：有教無類。

Người ta nhờ trời phú dữ cho ai cũng như ai, mà sở dĩ có kẻ kém người hơn, kẻ cao người thấp chỉ có khác nhau về phần giáo dục, chớ chẳng phải vì loài người khác nhau dâu ! Nên nói đạo lý cho thiệt đúng thời chỉ có khác nhau vì giáo hóa, mà không khác nhau vì chủng tộc (**hữu giáo vô loại**). Tuy nhiên ngài nói rằng :

Tính tương cận dã, tập tương viễn dã, duy thượng trí dữ hạ ngu bất di.

性相近也，習相遠也，惟上智與下愚不移。

Theo như tính người khi mới dẻ ra, thời ai với ai cũng xê xích như nhau, vẫn gần nhau lắm (**tánh tương cận dã**). Chỉ duy ở sau lúc đẻ ra rồi, từ khi nhỏ tới lớn, hoặc vì tập quán ở trong gia đình hoặc vì tập tục ở trong xã hội, hoặc vì dạy tập ở trong nhà trường, tổng chi là gọi bằng "tập". Tập có tốt xấu khác nhau; tập được hay thời hay lắm, mà hạng

người ấy lên tới cao; tập lấy dở thời dở bét mà hạng ấy trụt xuống thấp. Cái nguyên nhân chỉ ở chỗ tập mà người ta mới khác nhau xa (**tập tương viễn dã**).

Vì tập mà đổi được tính, nhưng cũng có hạng vì tính mà chống được tập, thời có hai hạng người này :

Một hạng là tư chất cao tột mực, thông minh trí tuệ không ai bằng, hạng người ấy gọi bằng "thượng trí".

Lại một hạng người u mê ám chướng, tư chất thấp cũng tột bực, hạng người ấy gọi bằng "hạ ngu".

Hạng người đã "thượng trí" thời không bao giờ vì tập mà xấu, hạng người đã "hạ ngu" thời không bao giờ tập mà nên tốt. Hai hạng ấy là không dời đổi được (**duy thượng trí dữ hạ ngu bất di**).

"Di", nghĩa là dời đổi.

Nhưng ở trong loài người, hạng "thượng trí" vẫn rất hiếm, mà hạng "hạ ngu" cũng chẳng bao lăm; người tất thảy là hạng phổ thông, chẳng cao như hạng thượng trí, mà cũng chẳng thấp như hạng hạ ngu. Vậy nên, tốt hay xấu, nên hay hư, chỉ quan hệ ở nơi tập, người có chất tốt, thường vì tập tốt mà nên người chỉ bình thường hay nhân vì tập xấu mà thành ra hạ ngu. "Tập" là cái gì ? Chính là công phu dạy dỗ. Mà dạy dỗ, cần phải theo trình độ từng người. Thí dụ như thầy thuốc hay thường tùy bệnh chứng từ người mà khai đơn thuốc. Nên đức Thánh thường có bài nói rằng :

Trung nhân dĩ thượng, khả dĩ ngữ thượng dã, trung nhân dĩ hạ, bất khả dĩ ngữ thượng dã.

子曰：中人以上，可以語上也，中人以下，不可以語上也。

Người bậc trung trở lên có thể đem đạo lý cao mà nói cùng vậy (**trung nhân dĩ thượng khả dĩ ngữ thượng dã**); còn người từ bậc trung sấp xuống thời chỉ nên đem đạo lý bình thường, mà nói với họ, chứ không nên đem đạo lý quá cao (**trung nhân dĩ hạ bất khả dĩ ngữ thượng dã**).

Đức Khổng Tử dạy người, sở dĩ thường có lời hỏi in như nhau, mà trả lời khác nhau là vì thế. Xin xem hết các bài như sau này :

Bốn bài dưới này là chép về những người hỏi việc "hiếu".

"Hiếu", nghĩa là công việc thờ cha mẹ.

Mạnh Ý Tử vấn hiếu. Tử viết : vô vi. Phàn Trì ngự; Tử cáo chi viết : Mạnh Tôn vấn hiếu ư ngã, ngã đối viết : vô vi. Phàn Trì viết : Hà vị dã ? Tử viết : Sinh, sự chi dĩ lễ : tử, táng chi dĩ lễ, tế chi dĩ lễ.

孟懿子問孝．子曰：無違．樊遲御：子告之曰：孟孫問孝於我，我對曰：無違．樊遲曰：何謂也？子曰：生事之以禮，死葬之以禮，祭之以禮．

Mạnh Ý Tử hỏi với ngài rằng : Làm con thờ cha mẹ như thế nào mới phải ? (**hiếu**). Ngài nói rằng chớ làm việc trái lẽ (**vô vi**).

Bài này ngài nói quá vắn tắt, là có ý tứ muốn cho Mạnh Ý Tử hỏi thêm, nhưng nó không hỏi; đụng lúc đó, ngài với Mạnh Ý Tử đi ra. Phàn Trì đánh xe cho ngài, ngài nhắc lại với Phàn Trì rằng : Mới rồi Mạnh Tôn có hỏi chữ "hiếu" nơi ta, ta trả lời rằng : vô vi (**Mạnh Tôn vấn hiếu ư ngã, ngã đối viết vô vi**). Phàn Trì hỏi lại rằng : Thầy nói "vô vi" là ý nghĩa thế nào ? (**hà vị dã**). Ngài nói lại rằng : Ta sở dĩ nói rằng "vô vi", chẳng phải là cứ thuận theo mệnh lệnh của cha mẹ đâu, mà chỉ thuận theo lẽ phải : khi cha mẹ còn sống thời ta lấy lẽ phải thờ người (**sinh sự chi dĩ lễ**), rủi gặp lúc cha mẹ chết thời những việc tống táng người, ta cũng chỉ theo vừa lẽ phải mà thôi (**tử, táng chi dĩ lễ**), mà đến khi tuế thời giỗ chạp, ta có cúng tế người cũng chỉ làm cho vừa lẽ phải mà thôi (**tế chi dĩ lễ**). Đạo làm con, từ thỉ chí chung, chỉ cốt giữ lấy chữ "lễ". "Lễ", tức lẽ phải, dựa theo lẽ phải tức là "hiếu". Nếu chỉ dựa theo ý cha mẹ, mà không kể phải trái, thế là trái với lễ rồi, làm con không nên như thế, nên gọi là "vô vi".

Mạnh Vũ Bá vấn hiếu, Tử viết : Phụ mẫu duy kỳ tật chi ưu.

孟武伯問孝．子曰：父母惟其疾之憂．

Mạnh Vũ Bá hỏi với ngài rằng : Làm con thờ cha mẹ, cần cấp nhất là việc gì ? Ngài dạy cho rằng : Làm con muốn hiếu với cha mẹ, tất phải thể tất tấm lòng của cha mẹ. Cha mẹ đối với chúng con vẫn thương yêu bằng một cách bình đẳng. Nhưng tựu trung duy đứa có tật bệnh thời cha mẹ để lòng âu lo nhiều hơn (**phụ mẫu duy kỳ tật chi ưu**). Người làm con nghĩ đến lòng cha mẹ, tất phải cẩn thận vệ sinh, chớ làm những việc hại tính thương sinh để cho cha mẹ nhiều nỗi âu lo, ấy là "hiếu".

Tử Du vấn hiếu, Tử viết : Kim chi hiếu giả thị vị năng dưỡng; chí ư khuyển mã giai năng hữu dưỡng; bất kính, hà dĩ biệt hồ ?

子游問孝．子曰：今之孝者是謂能養；至於犬馬皆能有養，不敬何以別乎？

Thầy Tử Du hỏi với ngài rằng : Làm con hãy nuôi cha mẹ, đã gọi bằng "hiếu" được hay chưa ?

Ngài nói rằng : Người con hiếu ở đời nay, thông thường chỉ khen về việc hay phụng dưỡng được cha mẹ (**kim chi hiếu giả, thị vị năng dưỡng**). Tuy nhiên, chỉ biết một việc hay nuôi mà thôi thời thử xem người trong một nhà, từ chức phận người làm con trở xuống, cho đến như con chó, con ngựa, nó cũng biết đem năng lực của nó mà cung phụng chủ nhà, thảy hay có một cách nuôi người cả (**chí ư khuyển mã giai năng hữu dưỡng**). Nếu con nuôi cha mẹ mà không biết cung kính (**bất kính**), lấy gì khác được chó, ngựa nữa ru ? (**hà dĩ biệt hồ** ?).

Tử Hạ vấn hiếu. Tử viết : Sắc nan; hữu sự, đệ tử phục kỳ lao, hữu tửu tự, tiên sinh soạn, tằng thị dĩ vi hiếu hồ.

子夏問孝．子曰：色難；有事弟子服其勞，有酒食，先生饌，曾是以為孝乎？

Thầy Tử Hạ hỏi với ngài rằng : Ở trong đạo lý chữ "hiếu", cái gì là khó hơn ? Ngài nói rằng : Lấy nhan sắc vui hòa mà đối với cha mẹ, là việc khó khăn lắm (**sắc nan**). Nếu chỉ có công việc gì mà mình là đệ tử, chịu gánh lấy khó nhọc (**hữu sự, đệ tử phục kỳ lao**), đến khi có rượu cơm thời dọn ra mà mời tiên sinh ăn trước (**hữu tửu tự tiên sinh soạn**), chỉ có ngần ấy mà cho là hiếu được ru ? (**tằng thị dĩ vi hiếu hồ**).

Xem suốt cả bốn bài như trên, thời lời hỏi in như nhau, mà có sao ngài trả lời một người một khác ?

Bởi vì mỗi người có mỗi bệnh chứng, nên Thánh nhân phải theo bệnh chứng mà cho bài khác nhau : Mạnh Ý Tử là người hay chiều cha mẹ mà không biết giữ lễ, nên ngài dạy cho rằng "**vô vi**". Mạnh Vũ Bá là người thường có tật bệnh mà không biết tu tỉnh lấy mình, nên ngài dạy cho rằng "**duy cửu tật chi ưu**". Thầy Tử Du còn thiếu chữ "kính", nên ngài răn cho chữ "**bất kính**". Thầy Tử Hạ còn kém về nhan sắc, không được ôn hòa, nên ngài dạy cho "**sắc nan**".

Như thế là bệnh chứng mỗi người khác nhau, nên phương thuốc cũng phải khác nhau. Dạy người như thế, thiệt là một cách rất khéo léo. Ở trong sách **Luận Ngữ**, những bài vấn nhân, vấn chính, lời hỏi in nhau mà trả lời khác nhau, thảy là khuôn mẫu như thế cả. Đoạn sách này không thể chép hết được, xin chép thêm một bài dưới này :

Tử Lộ vấn : "Văn tư hành chư ?", Tử viết : "Hữu phụ huynh tại, như chi hà, kỳ văn tư hành chi". Nhiễm Hữu vấn : "Văn tư hành chư ?", Tử viết : "Văn tư hành chi". Công Tây Hoa viết : "Do dã vấn : văn tư hành chư ?. Tử viết : Hữu phụ huynh tại. Cầu dã vấn : Văn tư hành chủ. Tử viết : Văn tư hành chi. Xích dã hoặc, cảm vấn ?", Tử viết : "Cầu dã thối, cố tiến chi; Do dã kiêm nhân, cố thối chi".

子路問：聞斯行諸？子曰：有父兄在，如之何其聞斯行之！冉有問：聞斯行諸？子

曰：聞斯行之。公西華曰：由也問：聞斯行諸？子曰：有父兄在；求也問：聞斯行諸？子曰：聞斯行之。赤也惑，敢問？子曰：求也退，故進之；由也兼人，故退之。

Thầy Tử Lộ hỏi rằng : Hễ đã nghe điều gì thời làm ngay đi chăng ? (**văn tư hành chư** ?), đức Thánh nói rằng : Ở trên còn có cha anh thời mình là con em, lẽ phải thương lượng với cha mẹ nữa đã (**hữu phụ huynh tại**), có gì mà nghe thời làm ngay đi được !" (**như chi hà kỳ văn tư hành chi**).

Nhiễm Hữu hỏi rằng : Hễ nghe điều gì thời làm ngay đi chăng ? (**văn tư hành chư** ?), đức Thánh nói rằng : Ừ, phải rồi, nghe thời làm ngay đi ! (**văn tư hành chi** !).

Công Tây Hoa thấy hai người hỏi như nhau, mà lời thầy dạy lại khác nhau, nên Công Tây Hoa lấy làm nghi (**Xích dã hoặc, cảm vấn**), mà hỏi lại với đức Thánh muốn cho biết lý do tại làm sao ? Đức Thánh giải thích cho nghe rằng : Hai người đó hỏi tuy y nhau, nhưng mà tính chất hai người khác nhau : anh Cầu kia vậy, lười nhác rụt rè (**Cầu dã thối**), vậy nên ta phải đẩy nhắc nó lên (**cố tiến chi**), mà bảo với nó "**văn tư hành chi**". Anh Do kia vậy, khí mạnh gấp người, e có việc không kịp nghĩ mà làm bướng (**Do dã kiêm nhân**), vậy ta phải kéo lui cho nó (**cố thối chi**), mà nói với nó "**hữu phụ huynh tại**".

Xem như bài này thời cách dạy người của Thánh nhân in như thợ tạo hóa đúc các thứ vật, tùy việc lớn nhỏ mà khuôn đúc phải khác nhau, chứ chẳng phải ai cũng như ai cả đâu, lý vẫn in như nhau mà phương pháp lại có khác nhau, như thế mới là cách dạy người khéo lắm.

Đức Thánh lại có một cách dạy người bằng không nói. Ngài chỉ bảo học trò xem giữa thân ngài, thấy ngài cử chỉ hành động mà mình học chước theo tức là dạy rồi, không cần dạy bằng miệng nói.

Tử viết : Nhị tam tử dĩ ngã vi ẩn hồ ? Ngô vô ẩn hồ

nhĩ; ngô vô hành nhi bất dữ nhị tam tử giả, thị Khưu dã.

子曰：二三子以我為隱乎？吾無隱乎爾！吾無行而不與二三子者，是丘也。

Các anh em ơi ! Anh em nghĩ ta có điều gì giấu anh em đó ru ? (**dĩ ngã vi ẩn hồ** ?), ta không gì là giấu với anh em cả thảy (**ngô vô ẩn hồ nhĩ**). Ta không làm việc gì mà không bày tỏ cho anh em cả (**ngô vô hành nhi bất dữ nhị tam tử giả**), chính là giữa thân mỗ này vậy (**thị Khưu dã**).

Tử viết : Dư dục vô ngôn. Tử Cống viết : Tử nhi vô ngôn, tắc tiểu tử hà thuật yên. Tử viết : Thiên hà ngôn tai, tứ thời hành yên, bách vật sinh yên; thiên hà ngôn tai !

子曰：予欲無言。子貢曰：子而無言，則小子何述焉！子曰：天何言哉！四時行焉，百物生焉，天何言哉！

Có lúc ngài than rằng : Ta muốn lặng thinh mà không nói gì ! (**dư dục vô ngôn**). Thầy Tử Cống nói rằng : Như thầy không nói thời các bé con như chúng tôi noi theo vào đâu ! (**tử như bất ngôn, tắc tiểu tử hà thuật yên**).

Đức Thánh nói rằng : Học trò học với thầy, há phải học ở nơi lời nói mà thôi ru ? Xem như trời kia có nói gì đâu ! (**thiên hà ngôn tai**), bốn mùa nó cứ thứ tự mà đi đó (**tứ thời hành yên**), trăm giống vật cứ thuận lý mà sinh đó (**bách vật sinh yên**), đó chẳng phải là trời dạy hay sao ? Xưa nay trời có nói gì đâu ! (**thiên hà ngôn tai** !).

Xem như hai bài trên đây thời biết ý Thánh nhân dạy người, cốt ở lấy thân mình làm khuôn mẫu, mà không cốt ở nơi phô, nên trong sách **Luận Ngữ** thường có những lúc ngài không nói hay không trả lời, mà thực là dạy rồi. Xin học giả lại xem như hai bài sau này :

Nhũ Bi dục kiến Khổng Tử. Khổng Tử từ dĩ tật; tương mệnh giả xuất hộ, thủ sắt nhi ca, sử chi văn chi.

孺悲欲見孔子，孔子辭以疾；將命者出户，取瑟而歌，使之聞之。

Có ông Nhũ Bi muốn vào yết kiến đức Thánh (**Nhu Bi dục kiến Khổng Tử**), ngài cho người ra từ Nhũ Bi, bảo rằng thầy còn đau (**Khổng Tử từ dĩ tật**). Người truyền mệnh lệnh vừa ra đến cửa (**tương mệnh giả xuất hộ**), thời ngài ở trong nhà lấy dờn sắt đánh dờn mà hát (**thủ sắt nhi ca**), khiến cho Nhũ Bi nghe (**sử chi văn chi**).

Bài này là ngài muốn trách Nhũ Bi mà không muốn trách nó ở trước mặt, cũng không muốn dương điều ác của nó ra, nên ngài cự nó mà từ chối bằng đau. Nhưng lại muốn cho nó biết ý mình cự nó, mà không phải thật đau đâu, nên lại gảy dờn hát cho nó nghe khiến cho nó biết ý mà tự trách lấy nó. Đó là cách dạy bằng không nói.

Tử bất ngữ quái lực, loạn thần.

子不語怪力亂神。

Đức Thánh dạy học trò, không phải không riêng nói đâu. Nhưng cái gì nên nói mà nói thời dạy bằng cách nói; cái gì không nên nói mà không nói thời dạy bằng cách không nói, tức như bài này chép : Hễ những việc gì mà về việc quái lực hay việc loạn thần là những điều thầy không bao giờ nói tới.

"Quái lực" vì sao mà không bao giờ nói tới ? Bởi vì sức mạnh là việc cần phải có, nhưng mà sức mạnh tất phải dúng với lẽ thường thời sức mạnh vẫn có ích, nếu sức mạnh mà trái với lẽ thường thời thành ra một giống kỳ quái, dầu có nói ra, thêm làm hại cho người.

"Thần" cũng là một việc ở trong đạo lý phải có, nhưng "thần" ở gốc triết lý thời "thần" tức là người' nếu "thần" mà không phải gốc ở triết lý thời "thần" chỉ là dâm loạn, mà có nói ra, càng khiến cho người sinh ra mê tín. Nên hễ phàm lực mà quái lực, thần mà loạn thần thời đức Khổng Tử tuyệt không nói.

Bài này nhiều người nhận lầm, chia quái, lực, loạn, thần

ra làm bốn việc, nhưng đức Thánh há phải không nói lực, nói thần đâu ? Như nói rằng : "**Tận lực hồ câu hức**" (盡力乎溝洫), nói rằng "**Dụng kỳ lực ư nhân**" (用其力於仁), thời lực ở đạo lý mà ra, đức Thánh thường nói luôn. Như nói rằng : "**Tế thần như thần tại, trí hiếu hồ quỉ thần**" (祭神如神在，致孝乎鬼神), thời thần gốc ở triết lý, ngài vẫn có nói chứ ! Chỉ duy "quái lực" là cái lực trái với đạo thường, "loạn thần" là thần thuộc về mê tín, nên ngài mới không nói.

Đức Thánh lại có một cách dạy vừa nói vừa không nói, xin xem như bài dưới này :

Quí Lộ vấn sự quỉ thần, Tử viết : Vị năng sự nhân, yên năng sự quỷ. Viết : Cảm vấn tử ? Viết : Vị tri sinh, yên tri tử.

季路問事鬼神。子曰：未能事人焉能事鬼。曰：敢問死？曰：未知生，焉知死。

Quí Lộ hỏi với ngài rằng : Những công việc đối với quỉ thần thời như thế nào ? (**sự quỉ thần**).

Ngài nói rằng : "Chưa hay những việc làm người, có lấy gì hay những việc quỉ thần ư ?" (**vị năng sự nhân, yên năng sự quỉ**).

Thầy Quí Lộ lại hỏi rằng : "Việc chết thời như thế nào ?" (**cảm vấn tử** ?), ngài nói rằng : "Chưa biết được đạo lý sở dĩ sinh, lấy gì biết được đạo lý sở dĩ tử ?" (**vị tri sinh, yên tri tử** ?).

Xem như bài này, thầy Quí Lộ hỏi sự quỉ thần. Ngài không nói tới sự quỉ thần, mà lại nói tới sự nhân. Thầy Quí Lộ muốn tri tử, ngày không nói tri tử mà lại nói cho tri sinh; bởi vì sự nhân được thời sự quỉ thần cũng được, đã tri sinh được thời tri tử cũng được. Nên tuy không nói đến sự quỉ, tri tử, nhưng mà đã nói cho sự nhân và tri sinh thời tức là nói rồi; bởi vì sự nhân với sự quỉ cũng chỉ cốt ở thành tâm; tri tử với tri sinh cũng chỉ chung nhau một lẽ. Lấy lòng thành

mà sự được nhân thời không cần hỏi đến sự quỉ; xét chân lý mà tri được sinh thời không cần hỏi đến tri tử, đó là cách dạy bằng không dạy, mà cũng là không dạy mà dạy.

Chúng ta học Thánh nhân, chẳng những học những điều ngài nói, mà đến như những điều ngài không nói, chúng ta càng nên để ý lắm, thời xin xem các bài như trên kia.

Chúng ta xem suốt mấy bài ở trong chương này như trên kia thời cách dạy người của đức Khổng Tử, vẫn thiệt nhiều phương pháp, mà tựu trung có một phương pháp rất xảo diệu, rất có tinh thần, thầy trò in như cha con, anh em, thường khiến cho học trò được tùy tiện tự do phát biểu ý chí của mình, lại chính là phương pháp dạy người rất hay ở trong Khổng học.

Tòng lai, những người có địa vị làm thầy, thường hay mắc hai bệnh : một bệnh là chỉ dạy bằng cách hư vấn, gọi bằng đủ chuyện, như thế là đối với nghĩa vụ làm thầy, khuyết điểm nhiều lắm; nhưng lại có một bệnh nữa : làm thầy vẫn biết siêng dạy, đối với nghĩa vụ làm thầy, vẫn cũng chỉ trọn vẹn. Nhưng vì phương pháp dạy người quá chật hẹp, bắt buộc học trò quá nghiêm nhặt, làm đến nỗi mất hết tinh thần phát triển và tự do, như thế cũng chưa phải là "thiện giáo". Chỉ duy đức Khổng Tử thời đủ cả mấy phương diện. Xin xem mấy bài như sau này :

Tử viết : Nhược thánh dữ nhân, tắc ngô khởi cảm; ức vi chi bất yếm, hối nhân bất quyện, tắc khả vị vân nhĩ, dĩ hỹ.

子曰：若聖與仁則吾豈敢；抑為之不厭，誨人不倦，則可謂云爾，已矣。

Ngài nói rằng : Nhược bằng một bậc người đạo đức rất thuần túy, công dụng rất hoàn toàn mà đáng gọi bằng thánh với nhân (**nhược thánh dữ nhân**), thời ta há dám tự tín được như thế đâu (**tắc ngô khởi cảm**) ! Hay là chỉ học tập lấy Thánh nhân mà chẳng bao giờ chán (**ức vi chi bất yếm**), lấy

Thánh nhân dạy cho người mà không bao giờ mỏi (**hối nhân bất quyện**), như thế thời có thể bảo ta làm được (**tắc khả vị vân nhĩ**), mà ta tự tín trong mình ta cũng chỉ ngần ấy mà thôi (**dĩ hỹ**).

"Vi chi bất yếm", là thuộc về phần học, "hối nhân bất quyện", là thuộc về phần dạy. Theo ở trên sự thực thời vẫn có hai chuyện, nhưng theo về trên đạo lý thời dạy người cũng là một công việc học, nên ở trong sách **Mạnh Tử** lại có câu dẫn lời đức Thánh nói rằng :

Thánh tắc ngô bất năng, ngã học bất yếm nhi giáo nhân bất quyện dã.

聖則吾不能，我學不厭而教之不倦也。

Bài này lấy chữ "học" thay chữ "vi. "Vi chi" vẫn là học, nhưng mà "hối nhân" cũng là học, nên lại có lời thầy Tử Cống nói rằng :

Tử Cống viết : Học bất yếm, trí dã; giáo bất quyện, nhân dã; nhân thả trí, Phu Tử ký Thánh hỹ

子貢曰：學不厭，智也；教不倦，仁也。仁且智，夫子既聖矣。

Học làm Thánh mà không bao giờ chán là đã đến bậc trí rồi đó (**học bất yếm, trí dã**).

Dạy người làm Thánh mà không bao giờ mỏi là đã đến bậc nhân rồi đó (**giáo bất quyện, nhân dã**). Đã nhân mà lại trí, thế thời phu tử đã là Thánh rồi đó mà (**nhân thả trí, Phu Tử ký Thánh hỹ**).

Xem như lời thầy Tử Cống rằng "nhân thả trí", rằng "ký Thánh hỹ", há phê bình về địa vị của đức Khổng Tử dâu, mà chính là phê bình trình độ học vấn của đức Khổng Tử. Bởi vì ở trong chữ "học" là bao bọc cả thành "kỷ" và thành "nhân"; nếu chỉ một phương diện mình tự học mà thôi, mà còn thiếu về phương diện dạy người thời là phạm vi chữ "học" ở trong Khổng học còn thiếu thốn nhiều lắm. Vậy nên đức Thánh, một phương diện dụng công phu về phần tự học, đồng thời lại một

phương diện dụng công phu về phần dạy người tức là siêng học cho mình. Vậy nên đức Thánh thường nói rằng :

Ngô hữu tri hồ tai ! Vô tri dã. Hữu bỉ phu vấn ư ngã, không không như dã, ngã khấu kỳ lưỡng đoan nhi kiệt yên.

吾有知乎哉！無知也，有鄙夫問於我，空空如也，我叩其兩端而竭焉。

Ta có trí thức gì hơn người chăng ! (**ngô hữu trí hồ tai** !). Ta cũng chỉ tầm thường như người, không tri thức gì hơn cả (**vô tri dã**). Chỉ duy có một việc là nhiệt tâm dạy người thời ta tự tín được. Tỷ như có một người kia nó thiệt quê mùa dốt nát (**bỉ phu**) nó tới hỏi ư ta (**hữu bỉ phu vấn ư ngã**), xem ý tứ nó chỉ là không không trơn, tỏ ra ý tứ nhận mình là không biết mà thành tâm hỏi ta (**không không như dã**), thời ta cũng hết sức bày vẽ cho nó y theo trong điều nó hỏi, bươi móc cho hết từ đầu đến đuôi (**lưỡng đoan**) mà nói kỹ với nó (**ngã khấu kỳ lưỡng đoan nhi kiệt yên**).

"Đoan", nghĩa là mút, "kiệt", nghĩa là hết. "Kiệt kỳ lưỡng đoan", là nói cho hết đầu đuôi.

Ngài lại có nói rằng :

Tử viết : Tự hành thúc tu dĩ thượng, ngô vị thường vô hối yên.

子曰：自行束修以上，吾未嘗無誨焉。

Ngài nói rằng : Ta dạy học trò, há phải kén lựa người mà dạy dâu ! Miễn là cho người đó có lòng cầu học, có ý thỉnh giáo thời dầu người đó trí thức còn non, trình độ còn thấp, chỉ vừa biết làm bằng cách kiếm thúc tu sức chút đỉnh, đó gọi là "hành thúc tu"; hạng người ấy tuy thấp thiệt, nhưng từ hạng người ấy sắp lên (**tự hành thúc tu dĩ thượng**), ta chưa từng có một người nào không dạy, chưa từng có một việc gì không dạy cả (**ngô vị thường vô hối yên**). Chỉ phàn nàn cho một hạng người là không "hành thúc tu" thời ta mới không dạy được.

Ba chữ "hành thúc tu", theo như cổ chú thời "thúc tu", nghĩa là bó nem, nhưng xét cho kỹ thời nghĩa đó sai lắm. Thánh nhân dạy người có bao giờ nghĩ tới bó nem dâu !

"Thúc", nghĩa là kiểm thúc, là có ý biết giữ lễ phép; "tu", nghĩa là tu sức, là có ý biết sửa nết na.

Hạng người chỉ vừa "hành thúc tu" mà thôi, tuy không giỏi gì, nhưng có thể dạy được. Ở chương thứ ssu, có bài dạy rằng : **"Ngôn tất tín, hành tất quả, kinh kinh nhiên tiểu nhân tai"**, hạng người như bài này nói, chính là "hành thúc tu" đó.

Xem như bài trên kia thời đức Thánh vẫn nhiệt tâm dạy người thiệt. Nhưng mà dạy người lại dùng một cách rất xảo diệu, chỉ để cho người nào người nấy được tự do phát huy tư tưởng của mình. Xem như bài sau này :

Nhan Uyên, Quí Lộ thị. Tử viết : Hạp các ngôn nhĩ chí ? Tử Lộ viết : Nguyện xa mã, ý khinh cầu, dữ bằng hữu cộng, tệ chi nhi vô hám. Nhan Uyên viết : Nguyện vô phạt thiện, vô thi lao. Tử Lộ viết : Nguyện văn tử chi chí - Tử viết : Lão giả an chi, bằng hữu tín chi, thiếu giả hoài chi.

顏淵，季路侍。子曰：盍各言爾志？子路曰：願車馬，衣輕裘，與朋友共，敝之而無憾。顏淵曰：願無伐善，無施勞。子路曰：願聞子之志。子曰：老者安之，朋友信之，少者懷之。

Thầy Nhan Uyên với thầy Quí Lộ, vừa lúc ngồi hầu bên đức Thánh (**Nhan Uyên, Quí Lộ thị**), ngài bảo hai thầy rằng : Vì sao mỗi người mày không nói chí cho ta nghe ? (**hạp các ngôn nhĩ chí**). "Hạp", nghĩa là sao chẳng.

Thầy Tử Lộ thưa rằng : Chí tôi muốn thế này (**nguyện**) : Nếu tôi được có xe ngựa, có áo cầu nhẹ mà mặc, nhưng tôi không nhận làm của riêng mình tôi, tôi ưng với bầu bạn tôi chung cả thảy, dầu bạn hữu có làm rách nát đi, tôi không ngậm ý giận (**nguyện xa mã, ý khinh cầu, dữ**

bằng hữu cộng, tệ chi nhi vô hám).

Thầy Nhan Uyên thưa rằng : Chí tôi muốn như thế này (**nguyện**) : Không khoe khoang cái nết lành của mình (**vô phạt thiện**), không lòe tỏ cái công lao của mình (**vô thi lao**).

"Phạt", nghĩa là khoe; "thi", nghĩa là lòe loẹt.

Hai thầy nói "chí" rồi, nhưng còn muốn biết "chí" đức Thánh. Ở trong hai thầy đó, thầy Tử Lộ vẫn nhiều tuổi hơn, vậy nên thầy hỏi : hai anh em tôi muốn được nghe "chí" của thày (**nguyện văn tử chi chí**), đức Thánh mới nói :

Chí ta muốn như thế này : Ở trong loài người mà chung một xã hội với ta, có người tuổi lớn hơn ta gọi bằng "lão giả", ta xem người ấy người như cha mẹ ta, anh chị ta, ta phải lo cho người ấy làm sao tất thảy khỏi phải gánh việc khó nhọc (**lão giả an chi**); người một vai, một lứa với ta, tuổi tác bằng ngang với ta, đó là "bằng hữu", thời ta xem người ấy cũng in như ta, ta chỉ đem lòng tin thật mà đối đãi với người ấy, trông cho tất thảy không dối nhau, nghi nhau (**bằng hữu tín chi**); có hạng người vai vế sút hơn ta, tuổi tác nhỏ hơn ta, đó là "thiếu giả", thời ta xem như con cháu ta, em út ta, ta chỉ lo nâng niu ôm ấp những người đó, tượng như đặt vào trong bụng (**thiếu giả hoài chi**).

Học giả xem bài trên này thời biết được cách dạy người của đức Khổng Tử, chỉ muốn cho người ta tự động phát triển lấy ý chí mình, mà lại thấy được tâm sự của Thánh nhân thiệt hơn các người hiền nhiều lắm. Thầy Tử Lộ có xe mã khinh cầu mà chung cộng với bạn hữu, chỉ vừa trị được cái bệnh chữ "lận" mà thôi; thầy Nhan Uyên không phạt thiện, không thi lao thời chỉ tự trị được cái bệnh chữ "kiêu" (驕) mà thôi. Duy đến chí đức Khổng Tử thời nhất thiết ở trong loài người, không một người nào là tách ra ở ngoài con mắt, không một người nào là để ra ở ngoài tấm lòng mình, tùy theo người già cả mà khiến cho được yên, tùy theo người bằng hữu mà khiến cho được tín, tùy theo người bé nhỏ mà khiến cho được

"hoài", chỉ có 3 câu nói mà tư tưởng xã hội, lý luận đại đồng, thảy có thể thu nạp vào trong phạm vi ấy. Chân ý ngài dạy cho người, há phải dạy cho người làm việc một thân, một nhà, một nước mà thôi dâu !

Lại xem như bài dưới này :

Tử Lộ, Tăng Tích, Nhiệm Hữu, Công Tây Hoa thị tọa. Tử viết : Dĩ ngô nhất nhật trưởng hồ nhĩ; vô ngô dĩ dã; cư, tắc viết : bất ngô tri dã; như hoặc tri nhĩ, tắc hà dĩ tai !

子路，曾晳，冉有，公西華侍坐。子曰：以吾一日長乎爾；毋吾以也。居，則曰：不吾知也；如或知爾，則何以哉！

Thầy Tử Lộ, thầy Tăng Tích (cha thầy Tăng Sâm), thầy Nhiệm Hữu, thầy Công Tây Hoa, 4 người ấy hầu ở bên chỗ ngài ngồi (**thị tọa**). Ngài muốn biết tư tưởng của 4 người ấy, nhưng còn sợ họ kiêng nể thầy mà không dám tự do phát biểu được chăng ! Nên ngài phải hết lời khuyên dỗ mà bảo 4 người rằng :

Ta vẫn có lớn hơn chúng mày một ngày, chắc chúng mày có né nể ta (**dĩ ngô nhất nhật trưởng hồ nhĩ**), nhưng mà cái quyền tư tưởng tự do của người ta, dầu ai với ai cũng là bình đẳng cả. Chúng mày chớ né nể gì ta vậy (**vô ngã dĩ dã**), ("dĩ" là né nể). Chúng mày khi ở thường thời hay nói rằng : Người ta không biết đến ta đó mà ! (**cư, tắc viết : bất ngô tri dã**). Tuy vậy, mặc dầu, như một mai có kẻ biết đến mày (**như hoặc tri nhĩ**), thời mày lấy sở năng gì mà đối phó với người biết mày đó ru ? (**tắc hà dĩ tai**).

Tử Lộ suất nhĩ nhi đối viết : Thiên thặng chi quốc, nhiếp hồ đại quốc chi gian, gia chi dĩ sư lữ, nhân chi dĩ cơ cẩn. Do dã vi chi, tỷ cập tam niên, khả sử hữu dũng thả tri phương dã. Phu Tử sấn chi.

Cầu nhĩ hà như ? - Đối viết : Phương lục thất thập, như ngũ lục thập. Cầu dã vi chi, tỷ cập tam niên, khả sử

túc dân; như kỳ lễ nhạc, đĩ sĩ quân tử.

Xích nhĩ hà như ?. Đối viết : Phi viết năng chi, nguyện học yên, tông miếu chi sự, như hội đồng, đoan chương phủ, nguyện vi tiểu tướng yên.

Điểm nhĩ hà như ?. Cổ sắt hy, khanh nhĩ, xả sắt nhi tác, đối viết : Dị hồ tam tử giả chi soạn. Tử viết : Hà thương hồ ? Diệc các ngôn kỳ chí dã. Viết : Mộ xuân giả, xuân phục ký thành, quán giả ngũ lục nhân, đồng tử lục thất nhân, dục hồ Nghi, phong hồ Vũ Vu, vịnh nhi qui. Phu Tử vị nhiên thán, viết : Ngô dữ Điểm dã.

子路率爾而對曰：千乘之國攝乎大國之間，加之以師旅，因之以饑饉，由也為之，比及三年，可使有勇且知方也．夫子哂之．

求爾何如？對曰：方六七十，如五六十，求也為之，比及三年，可使足民；如其禮樂，以俟君子．

赤爾何如？對曰：非曰能之，願學焉，宗廟之事，如會同，端章甫，願為小相焉．

點爾何如？鼓瑟希，鏗爾，舍瑟而作．對曰：異乎三子者之撰．子曰：何傷乎！亦各言其志也．曰：暮春者，春服既成，冠者五六人，童子六七人，浴乎沂，風乎舞雩，詠而歸．夫子喟然歎曰：吾與點也．

Thầy Tử Lộ suất nhĩ (là có ý vội vàng) mà thưa rằng : Do này chỉ như thế này : có nước nào chỉ là một nước chư hầu nhỏ, sức trong nước chỉ có nghìn cỗ xe binh (**thiên thặng chi quốc**) và lại ở chét vào khoảng giữa hai nước lớn (**nhiếp hồ đại quốc chi gian**), gia chi dĩ lúc đó vừa có việc quân lữ (**gia chi dĩ sư lữ**), nhân chi buổi đó vừa mất mùa đói thiếu (**nhân chi dĩ cơ cẩn**), cho Do này được quyền chính trị nước ấy (Do dã vi chi), vừa đầy ba năm (**tỷ cập tam niên**), chắc Do này khiến cho trong nước ấy, dân có sức mạnh và lại biết

đạo lý phải nữa vậy ! (**khả sử hữu dũng thả tri phương dã**). Đức Thánh nghe xong, ngài liền mỉm cười (**Phu Tử sấn chi**) ("sấn", là dáng cười mỉm).

Ngài hỏi đến thầy Nhiệm Cầu rằng : Cầu ! Mày thời thế nào ? (**Cầu, nhĩ hà như** ?). Thầy Nhiệm Cầu thưa rằng (**đối viết**) : Chí tôi như thế này : Có một nước kia, vuông vức 60, 70 dặm đất (**phương lục thất thập**), hoặc là 5, 60 dặm (**như ngũ, lục thập**), chỉ là một nước nhỏ mà thôi, nhưng cho Cầu này được quyền chính trị ở nước ấy (**Cầu dã vị chi**), vừa đầy đủ ba năm (**tỷ cập tam niên**), có thể khiến cho dân nước ấy đủ ăn, đủ mặc, không lo sự đói thiếu (**khả sử túc dân**); đến như việc lễ nhạc mà làm nên nước văn minh thời Cầu này không dám (**như kỳ lễ nhạc**), xin để chờ bậc quân tử (**dĩ sĩ quân tử**).

Xích ! Mày thời thế nào ? (**Xích, nhĩ hà như** ?). Thầy Công Tây Hoa thưa rằng : Không phải dám nói rằng tôi đã hay được việc lễ nhạc quân tử đâu (**phi viết năng chi**). Tôi muốn học đó mà thôi (**nguyện học yên**). Giả như có việc ở trong nhà tông miếu hay là việc khi chư hầu nhóm nhau mà làm lễ hội, lễ đồng (**tông miếu chi sự như hội đồng**), có người mũ miện, có người mũ chương phủ, Xích này xin làm tên tướng nhỏ ấy (**đoan chương phủ nguyện vi tiểu tướng yên**) ("tướng", là chức quan xem việc lễ; "đoan", là tên mũ miện; "chương phủ", là tên mũ lễ của sĩ và đại phu).

Điểm ! Mày thời thế nào ? (**Điểm, nhĩ hà như** ?). Lúc đó thầy Tăng Tích gảy đờn sắt vừa ngớt tiếng (**cố sắt hy**; "hy", là tiếng đờn sắt hơi ngớt). Đương lúc Do, Cầu, Xích nói, thầy tăng Điểm hãy còn gãy đờn đến khi đức thánh gọi đến tên Điểm thầy mới dừng tiếng đờn, đặt đờn xuống, kêu reng một tiếng mà đứng dậy (**khanh nhĩ, xả sắt, nhi tác**) ("khanh nhĩ", là miêu tả cái tiếng khi đặt đờn sắt xuống có tiếng kêu reng lên; "tác" là đứng dậy), nói rằng : Chí của tôi khác hẳn với công việc của ba thầy đó ! (**dĩ hồ tam tử giả chi soạn**).

Đức Thánh nói rằng : Can hại gì đâu ! (**hà thương hồ** !) cũng là người nào nói chí người nấy mà thôi (**diệc các ngôn kỳ chí dã**).

Thầy Tăng Tích nói rằng : Chí tôi thời như thế này : Như hiện bây giờ chính là cuối mùa xuân (**mộ xuân giả**) (tức là tháng 3 âm lịch gọi bằng "quí xuân"), đồ mặc mùa xuân đã sắm xong (**xuân phục kỷ thành**), bạn học trò vừa tuổi quán 5, 6 người (**quán giả ngũ, lục nhân**) (lễ đời xưa, con trai 20 tuổi thời đội mũ vào gọi bằng "tuổi quán"), hạng còn là đồng tử 6, 7 người (**đồng tử lục, thất nhân**) ("đồng tử", là hạng học trò còn bé con), dắt nhau ra đi tắm ở sông Nghi (**dục hồ Nghi**). Tắm xong, rồi lên hứng mát ở nền Vũ Vu (**phong hồ Vũ Vu**) ("phong" là hứng gió; "Vũ Vu" là đàn tế, là một chỗ không trống mát mẻ), lại đi với nhau một đoàn, vừa đi vừa hát mà kéo nhau về tới nhà (**vịnh nhi qui**).

Đức Thánh nghe thầy Tăng Tích nói xong, ngẫm nghĩ một phút, than thở một tiếng mà nói rằng (**Phu Tử vị nhiên thán viết** ("vị nhiên", là tiếng than) : Ta cũng ưng như Điểm vậy ! (**ngô dữ Điểm dã** !) ("dữ Điểm", là có ý biểu đồng tình với thầy Tăng Tích).

Học giả đọc chương ngôn chí này, ngẫm nghĩ cho sâu, thiệt có thú vị. Chí thầy Tử Lộ làm một nhà trị binh; chí thầy Nhiệm Cầu làm một nhà lý tài; chí thầy Công Tây Hoa làm một nhà lễ nhạc, thầy là chăm về đường thực dụng, đức Khổng Tử há không phải lấy làm hay đâu ! Nhưng vì sao ngài biểu đồng tình với thầy Tăng Tích ? Mà chí thầy Tăng Tích có gì lạ đâu ? Vì sao đức Thánh lại nói rằng "Ngô dữ Điểm dã ?"

Cắt nghĩa bài này, in như bài học triết lý. Nói rằng : "Mộ xuân giả", là theo về lý tự nhiên của trời. "Quán giả ngũ lục nhân, đồng tử lục thất nhân", là theo về lối tự nhiên của người. "Dục hồ Nghi, phong hồ Vũ Vu", là theo về lối tự nhiên của đất. Dục rồi phong, phong rồi vịnh, vịnh rồi qui, chỉ là thuận theo lý tự nhiên mà phát triển tinh thần khoái

lạc của mình. "Đồng, quán" cặp nhau đi thời là bình đẳng; "dục, phong, vịnh, qui" thời là tự do. Chỉ nghe trên lời nói, thiệt là bình thường, mà dò cho đến ý tứ tinh thần, thời bảo rằng tâm lý in như trời đất, cũng không phải quá đáng, nên đức Thánh chỉ biểu đồng tình với thầy Tăng Tích.

Thầy Tăng Tích tính chất có ý cao kỳ, qui mô có ý trổng troảng, Phu Tử thường cho là hạng người cuồng, nên đã có câu rằng : **"Cuồng giả tiến thủ"** (狂者進取) chính là nói thầy Tăng Tích. Bây giờ xem thầy ngôn chí mà đức Thánh khen thầy, thời cuồng sĩ ở trong học trò đức Thánh, chúng ta há dễ phân bì được dâu !

Xem cách dạy người của đức Khổng Tử thảy như mấy bài trên này. Nay chứng vào một bài lời thầy Nhan càng rõ lắm :

Nhan Uyên vị nhiên thán viết : Ngưỡng chi di cao, toàn chi di kiên, chiêm chi tại tiền, hốt yên tại hậu, Phu Tử tuần tuần nhiên thiện dụ nhân, bác ngã dĩ văn, ước ngã dĩ lễ, dục bãi bất năng; ký kiệt ngô tài, như hữu sở lập trác nhĩ, tuy dục tùng chi, mạt do dã dĩ.

顏淵喟然嘆曰：仰之彌高，鑽之彌堅，瞻之在前，忽焉在後，夫子循循然善誘人，博我以文，約我以禮，欲罷不能，既竭吾才，如有所立卓爾，雖欲從之，末由也已。

Thầy Nhan Uyên ngồi ngẫm nghĩ mà phát ra tiếng than ràng : Đạo của thầy ta thiệt khó hình dung ra được lắm, ai nấy cũng vẫn ngửa trông vào, nhưng càng trông mà càng thấy cao (**ngưỡng chi di cao**); ai nấy cũng hết sức nghiên cứu, mà càng dục đến thời càng thấy bền (**toàn chi di kiên**); ai nấy vẫn xem trông, nhưng mà xem nó ở mặt trước (**chiêm chi tại tiền**), thoạt nhiên nó ở mặt sau (**hốt yên tại hậu**). Như thế là cao không thể với tới, bền không thể dục vào, xem không thể biện được phương hướng, chẳng phải là rất khó nhận hội lắm hay sao ! Đạo thầy ta tuy như thế, nhưng

mà may nhờ cách dạy của thầy ta thời quá hay; thầy ta khéo dắt dỗ người bằng một cách có tầng lớp (**Phụ tử tuần tuần nhiên thiện dụ nhân**) ("tuần tuần nhiên", là ý có tầng lớp thứ tự), đã mở rộng cho chúng ta lấy văn (**bác ngã dĩ văn** "bác", nghĩa là rộng nhiều), mà lại thu thúc cho chúng ta lấy lễ phải (**ước ngã dĩ lễ** "ước", nghĩa là thu thúc) khiến cho ta say vui đạo thầy, dầu muốn thôi nghỉ mà không thể nào thôi nghỉ được (**dục bãi bất năng**); dã hết sức của ta (**kỷ kiệt ngô tài**) nhưng mà có tới tận được dâu ! Chỉ thấy như hình ở trước mắt mình có một cái chân tướng dứng đỉnh duột đó (**như hữu sở lập trác nhĩ** "trác" là hình dung từ, nghĩa là đứng thẳng). Nhưng mà chúng ta chỉ đi đến đó, thấy được như thế, tuy muốn theo cho tận nơi mà không biết theo đường nào nữa (**tuy dục tùng chi, mạt do dã dĩ**).

Lời thầy Nhan bài này, chúng ta đọc phải chia ra làm ba tiết :

Tiết thứ nhất : 3 câu :

1)- "Ngưỡng chi di cao", là cao không chừng.

2)- "Toàn chi di kiên", là bền không chừng.

3)- "Chiêm chi tại tiền, hốt yên tại hậu", là hoảng hốt mơ màng không thể rình chụp được.

Ba câu trên ấy, chỉ là hình dung cái đạo lý của Thánh nhân, rất cao sâu, rất thần diệu; nếu không nhờ thầy dạy thời không thể thâm tới nơi.

Tiết thứ nhì : 3 câu :

1)- "Tuần tuần nhiên thiện dụ nhân".

2)- "Bác ngã dĩ văn".

3)- "Ước ngã dĩ lễ".

là qui công vào ơn dạy của đức Thánh.

Năm chữ "Tuần tuần nhiên thiện dụ", là miêu tả cách dạy hết sức khéo. Ví như thầy thuốc hay lựa bệnh mà cho thuốc; lại ví như ông thợ giỏi, lựa theo gỗ mà làm nên đồ,

nên gọi bằng "thiện dụ"-"Bác văn, ước lễ", chính là cái phương pháp "thiện dụ". "Văn", là văn chương ngôn ngữ khiến cho mở rộng nghe thấy, sách vở xem cho nhiều, đạo lý nghe cho rộng, thế là "bác dĩ văn". Nhưng nếu "bác văn" mà thôi, mà không qui kiết vào chân lý thời té ra những văn đó chỉ là một bộ tự điển chết, dẫu văn nhiều mà ích gì ! Nên cần phải "ước dĩ lễ". "Lễ", là một cái đạo lý rất phải, nói ra thời rất giản đơn, làm ra thời rất chính đáng. Tức như chủ nghĩa ở trong một chương trình, nguyên tắc ở trong một sự vật là gọi bằng "lễ". Có "lễ" thời mới thu thúc được "văn"; nếu chỉ "bác văn" mà không "ước dĩ lễ" thời không kiết quả. Nhưng bát dẫu mà "bác văn" thời không biết "ước lễ" vào chỗ nào. Chỉ 4 chữ ấy là miêu tả hết cách "thiện dụ".

Tiết thứ ba : 4 câu :

1)- Dục bãi bất năng;

2)- Ký kiệt ngô tài;

3)- Như hữu sở lập trác nhĩ;

4)- Tuy dục tùng chi, mạt do dã dĩ.

Sau khi thầy Nhan đã hiểu thấu rồi, biết đã đến nơi, làm đã hết sức, cách Thánh nhân chỉ còn một khoảng nữa mà thôi, nên nói rằng : "Như hữu sở lập trác nhĩ". Câu ấy chỉ duy thầy Nhan mới hình dung được đến thế. Học giả nên hết sức dụng công ở hai câu tiết thứ hai, đã biết được cách dạy của Thánh nhân mà lại biết được đường lối học đạo. Có "bác dĩ văn" thời không học thuyết gì mà không nghiên cứu tới nơi. Nhưng lại phải có "ước dĩ lễ" thời đường lối mới không sai lầm, chủ nghĩa mới được chân chính, mà mục đích chúng ta làm Thánh nhân mới đạt tới nơi được.

Tác giả lấy bài này kết thúc lấy chương này là cốt câu "Tuần tuần nhiên thiện dụ nhân", mong cho những người học cách dạy người, xin lấy đức Khổng Tử làm kiểu mẫu.

CHƯƠNG XVIII

TỔNG KẾT LUẬN

Mười bảy chương trên kia, phát huy Khổng học, bắt đầu dụng công phu cần nhất là chữ "chí", nhưng mục đích của "lập chí" thời trọng yếu nhất là chữ "nhân". Tựu trung như chính trị, luân lý, thiệp thế, quan nhân, cho đến phương pháp dạy người thảy là công dụng chữ "nhân". Có hoàn toàn được đức "nhân" mới hoàn toàn được chữ "thánh".

Chúng ta sở dĩ học là cốt học để làm người, mà khuôn mẫu làm người, tất phải làm cho đến thánh; mà muốn làm cho đến thánh, tất phải tìm cho ra tinh túy của Thánh nhân; muốn cho được tinh túy của Thánh nhân, tất phải hết sức dụng công ở nơi học. Vậy nên phải lấy chương này tổng kết cả tuyển thiên. Trước xin tiên cử lấy bốn chữ trọng yếu này :

1)- Lạc 2)- Trung 3)- Quyền 4)- Thì

Tiết thứ 1

Chữ "Lạc"

Vì sao mà trọng yếu bằng chữ "Lạc" ? Đức Khổng Tử đã có câu nói rằng :

Tri chi giả, bất như hiếu chi giả; hiếu chi giả, bất như lạc chi giả.

知之者，不如好之者；好之者，不如樂之者。

Học đạo mà chưa biết vui đạo, ví như người ăn mà chưa biết say mùi, thời e nếm qua mà mau sinh chán, chẳng làm sao đạt được mục đích mình học. Vậy nên đã cầu học, tất phải cầu học cho đến vui, đã vui thời say, say thời nghiện; tâm lý mình với tâm lý Thánh nhân in như một ruột. Có thế mới biết hết được năng sự của học vấn. Vậy nên chép mấy bài như sau này :

Diệp Công vấn Khổng Tử ư Tử Lộ. Tử Lộ bất đối. Tử viết : Nhữ hề bất viết : kỳ vi nhân dã, phát phẫn vong thực, lạc dĩ vong ưu, bất tri lão chi tương chí, vân nhĩ.

葉公問孔子於子路，子路不對，子曰汝奚不曰：其為人也：發憤忘食，樂以忘憂，不知老之將至，云爾！

Có ông Diệp Công muốn biết đức Khổng Tử người như thế nào nên hỏi với thầy Tử Lộ. Thầy Tử Lộ sợ mình không biết được hết Thánh nhân, nên không dám trả lời cho Diệp Công. Đức Thánh biết ý thầy Tử Lộ, nên ngài nói rằng : Mày sao không nói rằng (**nhữ hề bất viết**) : Thầy tôi làm người chỉ có thế này (**kỳ vi nhân dã**) : nghiên cứu đạo lý mà chưa được phát minh thời nảy ra bực tức đến nỗi quên ăn (**phát phẫn vong thực**); đến lúc đã phát minh được rồi thời trong lòng nảy ra vui sướng, vì đó quên hết những việc buồn rầu (**lạc dĩ vong ưu**). Tử tưởng tinh thần chỉ say mê vào đạo mà không biết tuổi già của mình đã sắp tới nơi rồi (**bất tri lão chi tương chí**); mày chỉ nói cho người ta như thế là đúng rồi (**vân nhĩ**).

Tử viết : phạn sơ tự, ẩm thủy, khúc quăng nhi chẩm chi, lạc diệc tại kỳ trung hỹ; bất nghĩa nhi phú thả quí, ư ngã như phù vân.

子曰：飯疏食，飲水，曲肱而枕之，樂亦在其中矣；不義而富且貴，於我如浮雲。

Ngài có nói rằng : Bữa ăn chỉ có cơm với rau (**phạn sơ tự**), uống nước trong (**ẩm thủy**), đến lúc nằm thời co cánh tay mà gối (**khúc quăng nhi chẩm chi**); tuy không ăn uống gì sang, nhưng mà ngon vì mùi đạo lý; tuy không vật chất gì thích, mà sướng về phần tinh thần, thời cũng ở trong ấy rồi (**lạc diệc tại kỳ trung hỹ**). Nếu trái lại, làm không đúng với đạo nghĩa mà giàu và sang (**bất nghĩa nhi phú thả quý**), người đời xem ra thế nào mặc dầu, chứ ở giữa ta thời ta xem như đám mây nổi mà thôi (**ư ngã như phù vân**).

Xem như bài này, càng rõ câu "Lạc dĩ vong ưu" ở bài trên. Ăn cơm rau, uống nước lã, gối bằng cánh tay, có gì là đáng vui đâu mà ngài nói rằng "lạc tại kỳ trung", chẳng phải vui vì đạo lý mà chi ? Học giả đến được như thế, có sợ gì không học được Thánh nhân đâu !

Chúng ta phải nhận cho ra nghĩa câu "Lạc tại kỳ trung". Cơm rau, uống nước lã, kê bằng cánh tay, mà vẫn có cái tinh thần thái nhiên tự đắc, thời tuy ăn như thế, uống như thế, ở như thế, vẫn không gì đáng vui, mà vì mình đã có cái vui ở trong lòng thời vui gửi vào trong ấy, những cảnh ngộ ở bề ngoài làm gì cho mình mất vui được ?

Vì có cái vui riêng của mình, nên những cái phú quí bằng bất nghĩa, chỉ xem là đám mây nổi mà thôi.

Tử viết : Mạc ngã tri dã phù. Tử Cống viết : Hà vi kỳ mạc tri tử dã. Tử viết : Bất oán thiên, bất vưu nhân, hạ học nhi thượng đạt, tri ngã giả kỳ thiên hồ ?

子曰：莫我知也夫。子貢曰：何為其莫知子也。子曰：不怨天，不尤人，下學而上達，知我者，其天乎！

Ngài nói rằng : Không ai biết được ta đó mà ! (**mạc ngã tri dã phù**). Thầy Tử Cống hỏi rằng : Thầy nói rằng không ai biết thầy, xin thưa thầy, là cái điều gì ? (**hà vi kỳ mạc tri tử dã**). Ngài nói rằng : Một đời người của ta, trên không cầu gì với trời, nên không hờn giận trời (**bất oán thiên**), dưới

không cầu gì với người, nên không trách lỗi người (**bất vưu nhân**). Ta chỉ lo ở trong mình ta, học từ đạo lý thấp học lên, mà dần dần suốt lên đạo lý cao (**hạ học nhi thượng đạt**). Kẻ biết được ta như thế, e là trời đó rư ? (**tri ngã giả, kỳ thiên hồ** ?).

Chữ "giả" ở đây là chỉ vào chữ "thiên". Vì tâm lý Thánh nhân là phù hợp với lẽ trời. Thánh tức là thiên, thiên tức là thánh, nên nói rằng "tri ngã giả, kỳ thiên hồ !".

Xem luôn cả ba bài trên này, có hai chữ "lạc", lại có chữ "vong ưu", lại có câu "bất oán thiên bất vưu nhân" thời biết tâm lý của Thánh nhân, không chốc phút nào không vui, mà sở dĩ vui, há phải vì vật chất dâu ! há phải vì cảnh ngộ dâu ! Chỉ vì công việc học của Thánh nhân đã thập phần triệt để. Vì học đã triệt để, đã bát chước đạo trời; bát chước trời mà in như trời mới vui được như thế. Xem câu "tri ngã giả, kỳ thiên hồ", thời biết được Thánh nhân vì học mà đến được cảnh vui. Xưa có câu "Hiền hy thánh, thánh hy thiên", như đức Khổng Tử chính là "Thánh hy thiên".

Nay lại xem như bài sau này thời biết được "Hiền hy thánh" :

Tử viết : Hiền tai, Hồi dã, nhất đan tự, nhất biểu ẩm, tại lậu hạng, nhân bất kham kỳ ưu, Hồi dã bất cải kỳ lạc, hiền tai, Hồi dã.

子曰：賢哉！回也，一單食，一瓢飲，在陋巷，人不堪其憂，回也不改其樂，賢哉回也.

Ngài nói rằng : Hiền vậy thay ! anh Nhan Hồi vậy ! (**hiền tai, Hồi dã**), một giỏ cơm vừa đủ ăn (**nhất đan tự**), một bầu nước vừa đủ uống (**nhất biểu ẩm**), ở thời ở chốn ngõ hẹp (**tại lậu hạng**); nếu người khác gặp lấy cảnh ngộ áy, tất không chịu nổi được buồn rầu trong mình (**nhân bất kham kỳ ưu**). Nhưng mà anh Hồi thời không bao giờ thay đổi cái vui của mình (**Hồi dã bất cải kỳ lạc**). Hiền vậy thay ! anh Hồi mà thôi vậy ! (**Hiền tai, Hồi dã**).

Chữ "lạc" của thầy Nhan, cũng tức là chữ "lạc" của đức Khổng Tử. Xem như bài trên thích nghĩa câu "lạc tại kỳ trung", thời hiểu được nghĩa câu "bất cải kỳ lạc". Công phu học của thầy Nhan cũng đã xấp xỉ với đức Khổng Tử, vậy nên cơm một giỏ, nước một bầu, ở chốn ngõ hẹp mà vẫn cứ vui luôn. Tinh thần của Khổng-Nhan cũng chỉ say mê với đạo lý. Mà sở dĩ được như thế là cốt ở công phu học; vì học mà đến được lạc, thời bao nhiêu danh lợi thế tục, vật chất bề ngoài, có cái gì mà quyến dụ được tinh thần mình nữa dâu ! Trọng yếu nhất ở trong công phu học, tất phải kể bằng chữ "lạc".

Tiết thứ 2

Chữ 'Trung'

Trước kia đã từng nói qua, "học" là cốt để cho "tri", mà "tri" với "hành" lại phải đồng thời nhất trí. Vậy nên học phải kèm cặp với hành, có hành mới được gọi bằng "tri"; có thực nghiệm ở nơi phân hành mới chứng minh được học. Nhưng chữ "hành" ở trong Khổng học, muốn nói cho rồi, tóm tắt vừa giản dơn, vừa hoàn thiện, tất nhiên phải nghiên cứu đến chữ "trung".

Đạo lý ở trong thiên hạ, bất cập vẫn không xong mà thái quá cũng đến nỗi hỏng. Nên ở trong sách **"Luận Ngữ"**, đức Thánh đã có nói rằng :

Tử viết : Sư dã quá, Thương dã bất cập, quá do bất cập.

子曰：師也過，商也不及；過猶不及。

Ngài nói rằng : anh Sư kia thời thái quá, anh Thương kia thời bất cập, thảy là trái với đạo chung, quá với bất cập, hai bên tệ bệnh vẫn in như nhau. Vì thế mà đức Khổng Tử

trông mong cho người học chỉ cầu cho được người đúng với đạo "trung".

Ngài có bài nói rằng :

Bất đắc trung hành nhi dữ chi, tất dã cuồng quyến hồ : cuồng giả tiến thủ, quyến giả hữu sở bất vi dã.

不得中行而與之，必也狂狷乎。狂者進取，狷者有所不為也。

Nếu được người đúng vào đạo "trung" mà tác thành cho nó, ta hy vọng có gì hơn ! Nhưng mà hạng người ấy hiếm quá ! Thôi ta không được hạng người đúng với đạo "trung" mà tác thành cho nó (**bất đắc trung hành nhi dữ chi**). Chữ " 中行 " ở đây, sách **Mạnh Tử** thay làm chữ " 中道 ", thứ nữa là hạng người cuồng quyến cũng được đó mà ! (**tất dã cuồng quyến hồ**). Hạng người cuồng chỉ biết một cách tiến thủ (**cuồng giả tiến thủ**); hạng người quyến chỉ biết giữ khí tiết mà có điều chẳng chịu làm đó vậy (**quyến giả hữu sở bất vi dã**).

Xem như bài này thời biết được ý đức Khổng Tử trông mong cho học trò, thứ nhất là được bậc "trung hành" (trung, là không thái quá cũng không bất cập). Nhưng mà bậc ấy ít quá, nên ngài bất đắc dĩ phải nghĩ đến người cuồng, người quyến. Nên thấy Mạnh Tử đã có câu nói rằng :

Khổng Tử khởi bất dục trung đạo tai ! bất khả tất đắc, cố tư kỳ thứ dã.

孟子曰：孔子豈不欲中道哉！不可必得，故思其次也。

Người cuồng là người có chí rất cao, nhưng mà so với trung đạo thời lại thái quá; người quyến là người có khí tiết rất trong sạch mà so với đạo trung thời lại bất cập. Hai hạng người ấy, Khổng Tử chỉ cho là thứ mà thôi. Vậy nên chưa đúng được đạo trung tức là chưa đúng đạo học của đức Khổng Tử, nên ngài thường có lời phàn nàn rằng :

Trung dung chi vi đức dã, kỳ chí hỹ hồ, dân tiển cửu hỹ

中庸之為德也，其至矣乎，民鮮久矣。

Đạo làm người ở trong thiên hạ, có gì hơn đức trung, đức dung nữa dâu ! Vô luận thời nào chốn nào, chỉ vừa đúng với lẽ phải mà không chếch lệch về một phía nào gọi bằng "đức trung". Cứ giữ chặt lấy đức trung ấy mà không bao giờ thay đổi là gọi bằng "đức dung". Trung dung chi làm nên đức đó, thiệt tốt rất rồi đó mà ! (**trung dung chi vi đức, dã kỳ chí hỹ hồ**). Nhưng mà tiếc cho người đời nay, kẻ thời thái quá, kẻ thời bất cập; kẻ thời chếch về phía này, kẻ thời nghiêng về phía nọ, quá ít người được đức trung; đã không đức trung thời làm sao mà dung thường được. Than ôi ! Người ta ít hay đức trung dung đã lâu rồi vậy ! (**dân tiển cửu hỹ**) (chữ "dân" ở đây, cũng nghĩa là người).

"Trung dung" tuy như hình hai danh từ cân nhau, nhưng thích cho đúng nghĩa thời nặng nhất là chữ "trung". Chữ "dung" là ở trong chữ "trung" mà đẻ ra. "Dung" chỉ nghĩa là thường, vì có đắc trung mới thường được. Việc trong thiên hạ, cái gì đã thái quá hoặc bất cập, tất không làm được thường thường luôn. Thí dụ như quá ư văn thời diệt mất chất, quá ư chất thời thành ra quê mùa. Lại ví như cương bất cập thời thành ra người khiếp nhược; nhu bất cập thời thành ra người táo bạo. Chỉ có chất văn; cương nhu thảy đắc trung cả mới là chí đức, vậy sau thường thường làm được. Nên đã trung tức là dung, mà trung mới là đáng quí nhất. Vậy nên sách **"Luận Ngữ"**, thiên cuối cùng (thiên Nghiêu viết), lại có một bài như sau này :

Nghiêu viết : Tư nhĩ Thuấn, thiên chi lịch số tại nhĩ cung, doãn chấp kỳ trung, tứ hải khốn cùng, thiên lộc vĩnh chung. Thuấn diệc dĩ mệnh Vũ.

堯曰：咨爾舜，天之曆數在爾躬，允執其中，四海困窮，天祿永終；舜亦以命禹。

Vua Nghiêu nói rằng : Ta nói với mày : Thuấn ơi ! (**Tư nhĩ Thuấn**), lịch số của trời đã vào mình mày (**thiên chi lịch số tại nhĩ cung**), ta khuyên cho mày, mày thiệt hãy giữ lấy đạo trung (**doãn chấp kỳ trung**), trách nhiệm của mày cốt làm cho dân trong bốn bể thảy được thái bình. Nếu dân trong bốn bể mà đến nỗi khốn cùng, thời lộc vị của trời cho mày cũng vì đó mất hết (**tứ hải khốn cùng, thiên lộc vĩnh chung**).

Lời nói như thế là vua Nghiêu mệnh cho vua Thuấn, vua Thuấn cũng lấy lời ấy mệnh cho vua Vũ (**Thuấn diệc dĩ mệnh Vũ**).

Bài này chép ở cuối cùng sách **Luận Ngữ**, chú trọng chỉ có một câu là "doãn chấp kỳ trung" ("doãn", là tin thật; "chấp", là giữ chặt; chữ "trung", cũng như chữ "trung" mấy bài trên kia).

Bài này là lời vua Nghiêu truyền cho vua Thuấn mà đức Khổng Tử thường nhắc lại dạy cho học trò. Bởi vì công dụng của việc học, chẳng phải vì nhất thân, nhất gia hay nhất quốc mà thôi; cốt làm cho đến cả việc thiên hạ kia. Làm việc cả thiên hạ, qui mô phương pháp cũng chỉ cốt một chữ "trung"; hễ giữ chặt được chữ "trung" thời dầu sự nghiệp to lớn đến như vua Nghiêu, vua Thuấn, cũng chỉ tác dụng bằng chữ "trung" mà thôi. Thế mới biết rằng tinh ý ở trong Khổng học, là học để làm Thánh nhân; mà muốn học làm cho được Thánh nhân, tất phải nghiên cứu tới chữ "trung".

Tác giả vì muốn giải thích cho rõ chữ "trung", nên phải chép mấy bài như tiết sau này.

Tiết thứ 3

Chữ "Quyền".

Như tiết trên nói thời "học" cần phải "hành", "hành" cần

phải cho đúng với "trung". Nhưng việc thiên hạ, thì với thì khác nhau, địa với địa khác nhau, mà đạo lý cũng phải tùy thì, tùy địa khác nhau. Nên phương pháp xử sự, muốn cho đúng đạo lý, tất phải cân nhắc ở nơi thì với địa, tìm cho được một cái mực cân trung bình, khiến cho khỏi chênh lệch về phía nào : phía nào đáng khinh mà khinh, phía nào đáng trọng mà trọng tức là "trung"; không thất ư quá khinh, không thất ư quá trọng, cũng là "trung". Trọng mà không phải bất cập trọng, khinh mà không phải bất cập khinh, cũng tức là "trung". Sở dĩ đúng được trung đó, cốt nhờ có cái mực cân trung bình. Mực cân trung bình là cái gì ? Tức là chữ "quyền". Xin xem như bài đức Thánh nói dưới này :

Tử viết : Khả dữ cộng học, vị khả dữ thích đạo; khả dữ thích đạo, vị khả dữ lập; khả dữ lập, vị khả dữ quyền.

子曰：可與共學，未可與適道；可與適道，未可與立；可與立，未可與權。

Bài này bàn tóm tắt hết công việc học, có đầu có đuôi, triệt thủ triệt vĩ, học giả phải chia làm ba đợt, mà thể nhận cho kỹ càng, chẳng cần phải đọc nhiều sách mà công việc làm Thánh nhân cũng đã tâm đắc khá nhiều.

Xin lược thích ý nghĩa như dưới này :

Ý đức Thánh nói rằng : Học giả bắt đầu vào cửa Thánh hiền, trước hết phải dụng công về phần "trí tri". Nghe thấy cầu cho nhiều, lại siêng hỏi thầy hỏi bạn; chí khí định cho quyết mà lại không tự túc tự cáng; người được như thế là có thể cùng nhau chung làm việc học rồi vậy (**khả dữ cộng học**). Tuy nhiên, cộng học là nước bước đầu vào cửa Thánh hiền mà thôi. Công phu làm học, phần "trí tri" lại có phần "lực hành"; cộng học chỉ là phần tri mà thôi. Nếu có tri mà tri chưa được đến nơi thời công phu học còn dương cạn lắm; mà tri sở dĩ chưa được đến nơi là vì hành chưa được tinh tấn, mục đích chưa nhận được chính xác, xu hướng chưa quyết định phương châm, như thế mà dắt vào đường lối Thánh hiền, chắc còn nhiều chốn hoài nghi mà không mạnh tiến, nhiều

mối lầm lỗi mà không dám đi tới nơi, thế là chưa có thể cùng nhau tới đạo được (**vị khả dữ thích đạo**). Tiến lên một bước nữa, công phu học vấn tuy chưa được thập phần triệt để, mà về phần trí thức đã rành rõi được thị phi; lực lượng tiến tu tuy chưa được thập phần tinh thuần mà về phần chí khí cũng đã có cơ tấn bộ; nếu đi vào đường lối Thánh hiền, chắc không đến nỗi nửa đường mà bỏ, thế là "khả dữ thích đạo" rồi (**khả dữ thích đạo**). Tuy nhiên, bậc người ấy, kể vào công phu học làm Thánh nhân, chỉ được nửa phần mà thôi. Trí thức tuy khá nhiều mà còn phải cậy nhờ thầy bạn; chí khí tuy khá cường mà e chưa chống nổi hoàn cảnh, thế là chưa có thể hứa cho tự lập (**vị khả dữ lập**). Lại tiến lên một bậc nữa, công phu học làm Thánh nhân đã cơ hồ được chín phần rồi, trí thức đã tự mình tinh thấu, dầu không thầy bạn tốt mà không đến nỗi sai lầm, chí khí đã tự mình vững vàng, dầu có hoàn cảnh xấu cũng không đến nỗi xiêu đổ. Như người ấy, chắc có thể hứa cho tự lập được (**khả dữ lập**). Tuy nhiên, công việc học làm Thánh nhân, há phải như người ấy mà đã hoàn toàn; địa vị của bậc Thánh nhân, há phải như người ấy mà đã tới nơi rư ? Bởi vì sự lý trong thiên hạ, có lúc thường, có lúc biến, cảnh ngộ của người ta có khi thuận, có khi nghịch, gặp lấy thường với thuận thời chỉ cứ đường ngay mực thẳng, dựa theo chính kinh mà làm, những người khả dữ lập đó, vẫn không đến nỗi có tội lỗi gì. Nhưng mà dụng đến khi biến với nghịch thời thì với địa đã trái với lúc thường thuận, đạo lý cũng phải theo thì với địa mà biến hóa một cách phi thường. Đến lúc bây giờ, tất phải có một bậc người trí thức cực kỳ tinh, chí khí cực kỳ cường, trì thủ lấy nết vuông mà lâm cơ ứng biến lấy óc tròn; việc tuy biến mà đạo lý vẫn không mất thường đó chỉ duy người hay quyền mới làm nổi; nếu chỉ hạng người tự lập mà thôi thời không thể làm nổi quyền được. Bởi vì ở trên tay mình chưa cầm được vững cái cân trung bình thời làm sao cân được đạo lý trong thiên hạ ? Đã không cân được đạo lý trong thiên hạ là hỏng mất quyền rồi, đó là chư có thể hứa cho làm quyền được (**vị khả dữ quyền**).

Thích tóm lại bài này, chia làm ba đợt :

"Cộng học, thích đạo", là học chi thỉ; "Thích đạo dữ lập", là học chi trung; "Dữ lập" mà tấn lên "dữ quyền", là học chi chung.

"Cộng học" là bậc thang để lên đến "thích đạo"; "thích đạo" là bậc thang tiến lên "dữ lập"; "dữ lập" là bậc thang tiến lên "dữ quyền". Kẻ bước đến bậc "dữ quyền", chính là bậc thang Thánh học co đến tột mực.

Xem người đời xưa chỉ có ông Y Doãn mới làm đúng được quyền. Giết ông Kiệt, đuổi ông Thái Giáp, đánh đổ cái thường lệ vua tôi từ đời Thương về trước mà không ai dám cho ông là người bất trung. Nên thầy Mạnh khen rằng : "Y Doãn thánh chi nhậm" (Nhậm, là gánh việc thiên hạ ở trên vai người, chính là vì thủ đoạn chữ "quyền" mới hay làm được nổi "nhậm"; mà cũng vì đạo lý chữ "quyền" mới hay đủ được chữ "trung").

Đức Khổng Tử bàn việc học mà phát đoan lấy chữ "học" quy kiết lấy chữ "quyền", thiệt là Ngài vọng cho học giả quá chừng thâm hậu rồi đó.

Tiết thứ 4

Chữ "Thì"

Tác giả lấy chương này kết thúc thiên này, mà lại lấy tiết này kết thúc chương này là vì cớ sao ? Bởi vì chúng ta đi học, mục đích cốt làm cho được "Thánh nhân".

"Thánh nhân" là ai ? Xin hãy trông gương vào đức Khổng Tử. Mà Khổng Tử sở dĩ Thánh, kể cho hết tiết mục thời ngàn nhành muôn lá, muốn tóm tắt lại một chữ, chẳng khó lắm hay sao ? Tác giả xin mượn lời thầy Mạnh Tử mà phẩm bình đức

Khổng Tử thời có một chữ tức là chữ "thì".

Thầy Mạnh nói rằng :

Mạnh Tử viết : Khả dĩ tốc nhi tốc, khả dĩ cửu nhi cửu, khả dĩ xử nhi xử, khả dĩ sĩ nhi sĩ, Khổng Tử dã. Khổng Tử giả, thánh chi thì giả dã.

孟子曰：可以速而速，可以久而久，可以處而處，可以仕而仕，孔子也．孔子者，聖之時者也．

(thiên "Vạn chương hạ").

Lúc đáng mau mà mau (**khả dĩ tốc nhi tốc**), lúc đáng lâu mà lâu (**khả dĩ cửu nhi cửu**), lúc đáng yên ở mà yên ở (**khả dĩ xử nhi xử**), lúc đáng ra làm quan mà làm quan (**khả dĩ sĩ nhi sĩ**), chính là đức Khổng Tử đó vậy ! (**Khổng Tử dã**). Đức Khổng Tử là bậc thánh nhân hay theo thì ở trong các bậc thánh vậy ! (**Khổng Tử giả, thánh chi thì giả dã**).

Xem lời thầy Mạnh Tử thời chúng ta muốn biết chân tướng của đức Khổng Tử, chỉ phán đoán bằng một chữ "thì" là đúng rồi. Vậy nên tác giả đọc sách **Luận Ngữ**, tới thiên **Hương đảng** chỉ chú ý có một bài như sau này :

Sơn lương thư trĩ, sắc tư cử hỹ, tường nhi hậu tập. Tử viết : Thì tai ! thì tai ! Tử Lộ củng chi, tam dát nhi tác.

山梁雌雉，色斯舉矣，翔而後集．子曰：時哉！時哉！子路共之，三嗅而作．

Con chim trĩ mái ở nơi cầu cạnh núi (**sơn lương thư trĩ**). "Lương", là cái cầu, "trĩ", là chim trĩ. Nó trông thấy nhan sắc người thời biết có ý không lành, tức khắc bay liền (**sắc tư cử hỹ**). Khi nào toan dậu, nó tất trước bay liệng chung quanh một đôi vòng mà sau mới xuống dậu (**tường nhi hậu tập**). "Tường" là bay liệng; "tập", là dậu. Ngài thấy con chim trĩ như thế, thột nhiên có cảm xúc mà nói rằng : Đúng thì lắm vậy thay ! Đúng thì lắm vậy thay ! (**thì tai ! thì tai**).

Thầy Tử Lộ nghe ngài nói thế, quay mặt lại ngửa lên trông con chim kia, nó kinh thột nhấp khứ kêu 3 lần mà bay ngay (**tam dát nhi tác**).

Chúng ta đọc bài này biết được tinh thần tác dụng của Thánh nhân không bao giờ rời chữ "thì".

Vì trong óc chỉ có chữ "thì" luôn luôn, nên dụng một con chim, mà phát ra ý nghĩa chữ "thì". Mà có thể thiệt ! Thử xem con chim kia thấy sắc người mà cử, chẳng phải thì nên cử mà cử hay sao ? Khi nên tường mà tường, chẳng phải thì nên tường mà tường hay sao ? "Cử" đúng với "thì", "tường" đúng với "thì", "tập" đúng với "thì", bảo rằng "thì tai, thì tai", còn gì xứng đáng hơn nữa ! Nhưng duy tâm lý Thánh nhân thường chú trọng ở chữ "thì" nên trông thấy một vật mà phát sinh ra đạo lý hay như thế.

Nay chúng ta thử xem lịch sử đức Khổng Tử khi nên nói thời nói, khi nên lặng thời lặng, khi nên đi thời đi, khi nên dừng thời dừng, khi nên chóng thời chóng, khi nên lâu thời lâu; không một việc nào không đúng với "thì", không một chốn nào không thích với "thì". Vì tinh thâm được nghĩa chữ "thì", nên phù hợp được nghĩa chữ "trung", mà dẫu đến lúc dương quyền nhi quyền cũng chỉ tác dụng bằng một chữ "thì" mà thôi. Học đức Khổng Tử mà học được chữ "Thánh chi thì" thời ta tức là Khổng Tử. Khổng Tử tức là ta. Vậy nên tác giả xin lấy chương này kết thúc tuyển thiên.

KHỔNG HỌC ĐĂNG THƯỢNG

BỔ LỤC

Trên kia chép những bài dạy cho học giả; bây giờ muốn cho tất thảy những hạng người không phải là học giả, ai cũng có được ít nhiều lợi ích ở trong lời đức Thánh, nên lại phải bổ thêm 6 bài sau này. Bởi vì những bài sau này, vô luận hạng người nào, nếu hay miệng đọc lòng suy thời ai nấy cũng được ích nhiều.

Tử Hạ Cử Phụ Tể, vấn chính. Tử viết : Vô dục tốc, vô kiến tiểu lợi. Dục tốc tắc bất đạt, kiến tiểu lợi tắc đại sự bất thành.

子夏莒父宰，問政。子曰：無欲速，無見小利；欲速則不達，見小利則大事不成。

Thầy Tử Hạ làm quan Tể đất Cử Phụ, hỏi phương pháp làm "chính trị". Ngài nói rằng : "Hễ làm việc trong thiên hạ, vô luận nhất thân, nhất gia hay nhất quốc, thảy tất phải trí thức cho sâu xa, lực lượng cho dày bền, qui mô cho rộng lớn, mới có thể làm nên được việc chính trị. Nên người ta dã làm một việc gì, không nên nóng nảy mà muốn cho chóng được (**vô dục tốc** không nên chật hẹp mà chỉ thấy lợi nhỏ (**vô kiến tiểu lợi**). Bởi vì lẽ thường trong thiên hạ, hễ dã dục tốc thời vội vàng mà hay vấp, không thể đạt được mục đích (**dục tốc tắc bất đạt**); hễ chỉ thấy ở lợi nhỏ thời bỏ sót mất lợi to, e lại có

hại nữa, việc lớn làm sao nên được ? (**kiến tiểu lợi tắc đại sự bất thành**).

Thích rút lại thời nghĩa là muốn mau chóng thời không thông đạt, tham lợi nhỏ thời hỏng việc lớn. Hai câu này nghĩa rất bình thường mà ý rất tinh đáng, nhất thiết sự lý trong thiên hạ không gì vượt khỏi hai câu ấy.

Tử viết : Kiến hiền, tư tề yên; kiến bất hiền nhi nội tự tỉnh dã.

子曰：見賢，思齊焉；見不賢，而內自省也.

Ngài nói rằng : Người ta ở đời, không ngày nào mà không tiếp xúc với người, cũng không ngày nào mà không tiếp xúc với việc; việc có hay có dở, nên người cũng có hơn có kém.

Người nào hay và hơn thời gọi bằng "hiền", người nào dở và kém thời gọi bằng "bất hiền". Chúng ta muốn cầu thầy kén bạn, nhưng ở trong xã hội, nếu mình hay đặt ý kiến kén chọn xem xét thời có chỗ nào không thầy bạn đâu ! Mình thấy được người nào hay mà hơn mình thời mình nghĩ làm sao cho cân bằng với người ấy vậy (**kiến hiền tư tề yên**); thấy người nào dở mà kém mình thời mình trông gương vào người ấy mà quay lại tự xét trong mình, sợ mình cũng có điều lỗi như người ấy chăng ? (**kiến bất hiền nhi nội tự tỉnh dã**). Nếu biết được như thế thời người hiền với người bất hiền thảy là thầy bạn làm ích cho ta cả, ta có đến nỗi thành ra người bất hiền nữa đâu !

Tử viết : Nhân vô viễn lự, tất hữu cận ưu.

子曰：人無遠慮，必有近憂.

Bài này chỉ có 8 chữ, nhưng không một người nào không nên ghi nhớ luôn luôn.

Ngài nói rằng : Việc trong thiên hạ, họa hoạn thường sinh ra ở lúc ta không xét đến, đạo tặc thường phát ở lúc ta không ngờ. Vậy nên người ta vô luận thời nào, chốn nào, việc nào, tất cũng phải tính nghĩ cho xa, thấy trước mắt mà

ngó tới sau lưng; trông thước, gang mà phải trác đến ngàn dặm; nếu hay "viễn lự" được như thế thời làm sao có "cận ưu" nữa ru ? Nếu trái lại, người làm việc mà không tính đến xa, thấy ở trước mặt mà không ngó tới sau lưng, trông gang thước mà không trác đến ngàn dặm, thế là không "viễn lự" đó rồi, thế nào cũng có cái hoạn nạn nép ở bên cạnh mình, dạo tặc nép ử nơi sân cửa, làm sao khỏi được "cận ưu" nữa ru ? (**nhân vô viễn lự, tất hữu cận ưu**). "Viễn lự", là lo tính đến xa; "cận ưu" là tai họa ở gần.

Nam nhân hữu ngôn viết : Nhân nhi vô hằng, bất khả tác vu y; thiện phu bất hằng kỳ đức, hoặc thừng (1) chi tu.

南人有言曰：人而無恆，不可作巫醫，善夫不恆其德，或乘之羞。

Ngài nói : Người phương Nam thường có câu nói rằng (**nam nhân hữu ngôn viết**) : người mà không có lòng thường) (**nhân nhi vô hằng**) thời chẳng việc gì làm nên dâu; rất tầm thường như việc thầy vu, thầy y cũng không thể làm được (**bất khả tác vu y**). "Vu", nghĩa là làm thầy đồng bóng; "Y", là làm thầy thuốc.

Câu nói ấy phải lắm ! Bởi vì người ta đã không có lòng thường, tất nhiên đức mình cũng không thường, hoặc trước tốt mà sau xấu, hoặc rày có mà mai không (**bất hằng kỳ đức**). Đức đã không giữ được thường, tất nhiên kẻ ghét người khinh, có người lấy việc đang xấu thẹn mà đưa cho mình (**thừng chi tu**). "tu" là xấu; "thừng" là đưa đến.

Tử viết : Thiện nhân, ngô bất đắc nhi kiến chi hỹ; đắc kiến hữu hằng giả, tư khả hỹ; vô nhi vi hữu, hư nhi vi doanh, ước nhi vi thái, nan hồ hữu hằng hỹ.

子曰：善人，吾不得而見之矣，得見有恆者，斯可矣；無而為有，虛而為盈，約而為泰，難乎有恆矣。

(1) tức "thừa"

Ngài nói rằng : Người mà nên một bậc thiện nhân, ta vẫn trông mong cho thấy được người ấy. Nhưng hiềm lúc bây giờ ta không được gặp thiện nhân mà thấy đó vậy (**thiện nhân, ngô bất đắc nhi kiến chi hỹ**). Ta chỉ trông mong cho thấy được hữu hằng là vừa bằng lòng ta rồi vậy (**đắc kiến hữu hằng giả tư khả hỹ**).

"Hữu hằng", là người có lòng thường.

Những người mà "hữu hằng" tức là người trung thành phác thực, không thoa vẽ giả dối, không lòe loẹt lừa dời mới mong "hữu hằng" được. Nếu một người kia, mình vẫn không mà phấn sức ra có (**vô nhi vi hữu**), trong vẫn trống mà mặt ngoài làm ra cách đầy (**hư nhi vi dinh**), thực là cùng mà mua danh làm cho sang trọng (**ước nhi vi thái**), người như thế là khó làm được "hữu bằng" rồi đó (**nan hồ hữu hằng hỹ**).

Xem luôn cả hai bài này, "vô hằng" với "hữu hằng" là phản đối nhau. Thánh nhân dạy người ta tồn tâm lập thân, nước bước thứ nhất là "hữu hằng", mà rất đáng ghét là "vô hằng". Muốn cho khỏi cái bệnh "vô hằng", tất phải vun trồng cái cội gốc bằng "trung tín" : "vô" chớ làm ra "hữu", "hư" chớ làm ra "dinh", "ước" chớ làm ra "thái", có như thế mới "hữu hằng" được.

Tử viết : Như hữu Chu Công chi tài chi mỹ, sử kiêu thả lận; kỳ dư bất túc quan dã dĩ.

子曰：如有周公之才之美，使驕且吝，其餘不足觀也已。

Ngài nói rằng : Người trong thiên hạ, nhỏ thời việc một nhà, lớn thời việc một nước, việc một xã hội, vẫn phải người có tài mới gánh nổi việc; tài không phải rất đáng quí trọng hay sao ? Nhưng mà nền tảng làm một người, tất phải vun đắp ở trên đạo đức; cội gốc ở đạo đức có tốt, thời có tài mới là hay. Nếu người mà đã không đạo đức, thời dẫu có tài mà làm gì ? Vô luận tài nhỏ mọn tầm thường, mà vì không đức

mới ra tài bỏ dã đành, giá phỏng có tài tốt đến như tài ông Chu Công mà người ấy đủ cả hai nết xấu bằng kiêu và lận (**như hữu Chu Công chi tài chi mỹ, sử kiêu thả lận**) thời những cái tài của người ấy có dư ra nữa mặc dầu cũng chẳng gì là đáng xem được nữa, chỉ là đố bỏ đi mà thôi (**bất túc quan dã dĩ**). Bởi vì ở trong phần đạo đức mà kể bằng rất xấu là tính hay khinh người mà gọi bằng "kiêu", tính hay bỏn xẻn mà gọi bằng "lận"; người đã đủ hai nết bất đạo đức, dầu có tài mà làm gì ? Nên đức Thánh nói rằng : **"Như hữu Chu Công chi tài chi mỹ, sử kiêu thả lận, kỳ dư bất túc quan giã dĩ"**.

Chúng ta xem cả 6 bài như trên kia thời biết rằng tính nết của người ta, quí nhất là "hữu hằng", trí thức người ta cần thiết nhất phải có "viễn lự", mà thủ đoạn làm việc, phải "vô dục tốc, vô kiến tiểu lợi".

Còn như những nết xấu mà chúng ta nên hết sức trừng trị, thời chẳng gì xấu hơn "vô hằng" với "kiêu lận". Nếu người ta giữ được nết tốt như trên kia là gọi bằng "hiền"; mắc lấy những nết xấu như trên kia thời gọi bằng "bất hiền". **Kiến hiền tư tề yên, kiến bất hiền nhi nội tự tỉnh dã"** là, trông mong cho người đời, ai nấy cũng có tư tưởng ấy. Vậy nên biên kỹ vào thiên này.

Thuấn hữu thần ngũ nhân nhi thiên hạ trị. Vũ Vương viết : Dư hữu loạn thần thập nhân. Khổng Tử viết : Tài nan, bất kỳ nhiên hồ ? Đường Ngu chi tế, ư tư vi thịnh; hữu phụ nhân yên, cửu nhân nhi dĩ.

舜有臣五人而天下治。武王曰：予有亂臣十人。孔子曰：才難，不其然乎？唐虞之際，於斯為盛，有婦人焉，九人而已。

Nghĩa là : Xưa đời vua Thuấn, có tôi hiền thánh năm người, mà trong thiên hạ được trị (**Thuấn hữu thần ngũ nhân nhi thiên hạ trị**). Ngũ nhân là : ông Vũ (禹), ông Tắc (稷), ông Tiết (薛), ông Cao Dao (皋陶), ông Bá Ích (伯益).

Vua Vũ Vương nhà Chu cũng nói (**Vũ Vương viết**) : Ta dây có tôi trị được loạn dủ mười người (**"Dư hữu loạn thần thập nhân"**). Chữ "loạn" ở dây là động từ, nghĩa khác với chữ "loạn" ở mọi nơi. "Loạn", nghĩa là sửa trị được buổi loạn, là một bực nhân tài rất tốt. "Thập nhân" là ông Chu Công Đán (周公旦), Thiệu Công Thích (召公奭), Thái Công Vọng (太公望), Tất Công (畢公), Vinh Công (榮公), Thái Điển (太顛), Hoàng Yêu (閎夭), Tán Nghi Sinh (散宜生), Nam Cung Quát (南宮适), thuộc về phía dàn ông chín người, lại một người nữa, thuộc về phía dàn bà là Ấp Khương (邑姜).

Đức Khổng xem việc hai đời ấy : Đời Thuấn có ngũ thần, đời Chu có thập loạn, mà than rằng (**Khổng Tử viết**) : Người có tài, thiệt là khó, chẳng thật có thế hay sao ? (**tài nan, bất kỳ nhiên hồ** ?). Xem như đời nhà Chu, nhân tài thiệt đông lắm, chỉ huy đời nhà Đường, nhà Ngu giáp tiếp với nhau mới là thịnh hơn đời ấy (**Đường Ngu chi tế, ư tư vi thịnh**). "Tế", nghĩa là giáp tiếp với nhau, "thịnh", nghĩa là đông nhiều hơn. Nhưng tất phải có một người đàn bà giúp sức vào (**hữu phụ nhân yên**); nếu không thời chỉ có 9 người mà thôi, làm gì dấy số "thập loạn" được (**cửu nhân nhi dĩ**).

Xem như thế, thời tài nan vẫn từ xưa đến nay, mà người dàn bà có tài, chẳng càng nên quí trọng lắm hay sao ?

Nam Cung Quát vấn ư Khổng Tử viết : Nghệ thiện xạ, Ngạo đẫng chu, câu bất đắc kỳ tử nhiên; Vũ, Tắc cung giá nhi hữu thiên hạ. Phu Tử bất đáp. Nam Cung Quát xuất. Tử viết : Quân tử tai nhược nhân ! Thượng đức tai nhược nhân !

南宮适問於孔子曰：羿善射，奡盪舟，俱不得其死然；禹，稷躬稼而有天下，夫子不答。南宮适出。子曰：君子哉若人！尚德哉若人！

Nghĩa là : Học trò ngài có thầy Nam Cung Quát hỏi với ngài rằng (**Nam Cung Quát vấn ư Khổng Tử viết**) :

Người đời xưa, kể có thế lực ở trong một đời, như ông Nghệ hay nghề bắn cung, ông Ngạo hay nghề đẩy thuyền trên đất khô, vẫn có thế lực mạnh lắm, mà kết quả thảy chẳng được tốt lành mà chết (**Nghệ thiện xạ, Ngạo đẵng chu, câu bất đắc kỳ tử nhiên**). "Đẵng", là đẩy thuyền trên đất khô. Chứ như ông Vũ, ông Tắc, nguyên chỉ là người tự mình làm việc cày cấy, chẳng thế lực gì, mà kết quả lại được lòng dân tín ngưỡng; ông Vũ được nối ngôi vua Thuấn, ông Tắc đến đời cháu dựng nên cơ nghiệp nhà Chu mà thành ra hai người thảy được cả thiên hạ (**Vũ Tắc cung giá nhi hữu thiên hạ**).

Đức Thánh nghe lời Nam Cung Quát hỏi, nhưng ngài không trả lời (**Phu Tử bất đáp**). Sau khi Nam Cung Quát đã thối ra (**Nam Cung Quát xuất**), ngài mới khen Nam Cung Quát mà nói với môn nhân rằng (**Tử viết**) : Như người ấy thiệt là quân tử vậy thay ! (**Quân tử tai nhược nhân**); như người ấy thiệt là sùng thượng đạo đức vậy thay ! (**thượng đức tai nhược nhân**).

Đọc bài này phải biết có sao mà Phu Tử "bất đáp". Bởi vì trong ý thầy Nam Cung Quát, có ý tôn trọng đức Khổng cũng như Vũ, Tắc mà nghĩ chắc ngài cũng có ngày có thiên hạ; ngài chẳng muốn thừa nhận lấy lời ấy, nên ngài không trả lời.

Tử viết : Ý tệ uẩn bào, dữ ý hồ lạc giả lập, nhi bất sỉ giả, kỳ Do dã dư ? Bất kỵ bất cầu, hà dụng bất tang. Tử Lộ chung thân tụng chi, Tử viết : Thị đạo dã, hà túc dĩ tang.

子曰：衣敝縕袍，與衣狐貉者立，而不恥者，其由也與？不忮不求，何用不臧。子路終身誦之。子曰：是道也，何足以臧。

Ngài nói rằng (**Tử viết**) : Thói thường người ta hay lấy sự mặc đồ xấu làm thẹn, mà trông thấy người mặc đồ tốt thời mình càng thẹn thêm, Bây giờ có người kia, mặc áo bào sắc đen đã rách, đứng với một người mặc áo cầu bằng

da con hổ, con lạc, nhưng chẳng tỷ gì thẹn, người như thế chỉ chắc là Do đó mà ! ? (**Ý tệ nẫn bào, dữ ý hổ lạc giả lập, nhi bất sỉ giả, kỳ Do dã dữ** ?). Thiệt như lời **Kinh Thi** nói rằng : Hễ làm người có lòng tri túc, chẳng thấy người hơn mình mà sanh lòng ghét; có nết liêm khiết, chẳng vì mình kém người mà sanh lòng tham. Người được như thế, dùng làm việc gì mà chẳng tốt lành (**bất kỵ bất cẩu, hà dụng bất tang**). Thầy Tử Lộ nghe đức Thánh khen mình như thế, thầy thích quá, thường đọc hai câu ấy, e đến trọn đời người (**Tử Lộ chung thân tụng chi**).

Ngài sợ thầy Tử Lộ nghĩ như thế là đầy đủ việc học, nên ngài lại răn thầy Tử Lộ rằng : Anh phải làm sao cho hơn bất kỵ, bất cẩu nữa kia ! Nếu chung thân anh chỉ có thế mà thôi thời đạo lý ấy đã đủ gì làm tốt lành đâu ! (**thị đạo dã hà túc dĩ tang**).

Bài này nên tham khảo với bài "**Sỉ ác y ác thực**" ở tiết chữ "Chi".

Mẫn Tử thị trắc, ngân ngân như dã : Tử Lộ hãnh hãnh như dã, Nhiệm Hữu, Tử Cống khản khản như dã. Tử lạc.

閔子侍側閭閭如也；子路行行如也；冉有，子貢侃侃如也；子樂。

Nghĩa là : Các thầy học trò thường ngồi hầu bên ngài (**thị trắc**) như thầy Mẫn Tử có đức tính hòa bình, hiện ở sắc mặt có dáng vui vẻ mà trung trực (**Mẫn Tử ngân ngân như dã**); như thầy Tử Lộ có tính chất cương cường, hiện ở sắc mặt có dáng cứng mạnh mà quả quyết (**Tử Lộ hãnh hãnh như dã**). Như thầy Nhiệm Hữu có tài nghệ, thầy Tử Cống có tài đạt, hiện ở bề ngoài có dáng ngay thật mà lanh lợi, dụng khi vấn đáp gì thời phân biệt được ngay (**Nhiệm Hữu, Tử Cống khản khản như dã**). Thầy thấy các trò như thế thầy vui mừng lắm (**Tử lạc**).

Tử viết : Mạnh Chi Phản bất phạt; bôn nhi điển,

tương nhập môn, sách kỳ mã viết : Phi cảm hậu dã, mã bất tấn dã.

子曰：孟之反不伐；奔而殿，將入門，策其馬曰：非敢後也，馬不進也。

Nghĩa là, đức Thánh tùng lai rất quí trọng người hay khiêm hạ nên ngài có bài khen ông Mạnh Chi Phản ràng : Như Mạnh Chi Phản mới thiệt là người có đức tánh bất phạt (**Mạnh Chi Phản bất phạt**). "Phạt", nghĩa là khoe công mình. Xem như chuyện này : Hễ trong nước có đem quân đi đánh, lỗ quân mình bị thua với quân giặc, khi quân mình chạy lui, tất có người đứng lại sau hết, làm tướng đoạn hậu để cho quân mình chạy được tuyển, như thế là "bôn nhi điến", Mạnh Chi Phản vẫn có công ấy (**bôn nhi điến**). "Bôn", là quân chạy, "điến", là đứng sau hết cản quân giặc. Nhưng Mạnh Chi Phản chẳng nhận làm công mình; khi toan vào cửa quốc đó, ông lấy roi đánh ngựa ông mà nói ràng (**tương nhập môn, sách kỳ mã viết**) : há phải ta dám đi lại sau dâu ! Vì con ngựa này nó hết sức mà chẳng lên được vậy (**phi cảm hậu dã, mã bất tấn dã**).

Thế là ý Mạnh Chi Phản muốn từ công "điến hậu" mà chẳng nhận. Nết "khiêm hạ" như thế, chúng ta chẳng nên bắt chước hay sao ?

Khổng Tử viết : Kiến thiện như bất cập; kiến bất thiện như thám thang; ngô kiến kỳ nhân hỹ, ngô văn kỳ ngữ hỹ; ẩn cư dĩ cầu kỳ chí; hành nghĩa dĩ đạt kỳ đạo; ngô văn kỳ ngữ hỹ, vị kiến kỳ nhân dã.

孔子曰：見善如不及；見不善如探湯；吾見其人矣，吾聞其語矣；隱居以求其志，行義以達其道，吾聞其語矣，未見其人也。

Đức Khổng nói ràng : Hễ thấy những người lành, hay việc lành, thời lòng ta nóng nảy lo theo kịp, mà dường như mình theo chẳng kịp (**kiến thiện như bất cập**). Ba chữ "như bất cập" cũng như câu "học như bất cập". Thấy người chẳng lành, hay việc chẳng lành, thời vội vàng tránh xa, dường như

nhúng tay vào nước sôi (**kiến bất thiện, như thám thang**). "Thám", nghĩa là nhúng tay vào; "thang", nghĩa là nước nóng sôi.

Ta thấy được người như thế rồi; ta cũng đã nghe được câu nói như thế rồi (**ngô kiến kỳ nhân hỹ; ngô văn kỳ ngữ hỹ**).

Đụng gặp thì khả dĩ xử thời mình ở ẩn giấu núp, mà lo cho đạt mục đích của mình, là chí ở làm Thánh nhân (**ẩn cư, dĩ cầu kỳ chí**).

Đụng gặp thì khả dĩ xuất thời ta làm những việc nghĩa mà ta nên làm, để cho đạo mình được thông hành ư trong đời (**hành nghĩa dĩ đạt kỳ đạo**). Ta vẫn nghe được câu nói ấy rồi, nhưng phàn nàn cho đời ta chưa được thấy người như thế vậy (**ngô văn kỳ ngữ hỹ, vị kiến kỳ nhân dã**).

(Câu "**ẩn cư dĩ cầu kỳ chí**", như thầy Nhan Uyên. Câu "**hành nghĩa dĩ đạt kỳ đạo**", như ông Y Doãn.)

KHỔNG HỌC ĐĂNG TRUNG THIÊN

CHƯƠNG I

ĐÍCH PHÁI CỦA KHỔNG HỌC.

Thượng thiên đã lược kê đại khái của Khổng học, tuy chưa được thập phần hoàn bị, nhưng chỉ đại cán, đại bản của Không học, vẫn không thiếu sót gì. Nhưng Khổng học chẳng phải chỉ ở một mình đức Khổng Tử mà thôi. Ví như nước, kể từ đầu có nước thời Khổng Tử vẫn là nguồn, mà kể cho đến phận lượng rất lớn thời Khổng Tử lại là bể; chỉ duy từ nguồn tới bể thời trung gian chi phái rất nhiều : chúng ta muốn thăm dò cho đến nguồn Khổng học, muốn bơi lặn cho cùng bể Khổng học lại tất phải kể hết các phái như sau này : một là đích phái; hai là cận phái; ba là viễn phái.

Chương này chuyên nói đích phái của Khổng Tử.

Tiết thứ I

Học trò cao tột mực ở Khổng môn

Ở trong Khổng môn, kể có ba nghìn người, thảy là những

người được thân chích với đức Khổng Tử. Hai chữ "thân chích", nguyên thấy ở sách **Mạnh Tử** :

Mạnh Tử viết : Thánh nhân bách thế chi sư dã, phấn hổ bách thế chi thượng, bách thế chi hạ văn giả, mạc bất hưng khởi dã; phi thánh nhân nhi năng nhược thị hổ ! Nhi huống ư thân chích chi giả hổ

孟子曰：聖人百世之師也，奮乎百世之上，百世之下聞者，莫不興起也；非聖仁而能若是乎！而況於親炙之者乎！

Nghĩa là : Thầy Mạnh nói rằng : Thánh nhân là một vị thầy của trăm đời vậy (**thánh nhân bách thế chi sư dã**); đứng dậy ở trên trăm đời, mà người ở dưới trăm đời ai nấy nghe cũng phải cảm kích nhức nhối, không phải thánh nhân mà được thế ru ? Người dưới trăm đời mà còn cảm động, huống gì những người thân chích ở bên Thánh nhân nữa ru ! "Thân chích" nghĩa là trực tiếp thân cận được Thánh nhân, in như ở tận một bên mà hơ nướng lấy hơi nóng.

Nhưng kể hạng người cao bậc nhất mà thừa tiếp được đạo thống của đức Khổng Tử, chỉ có hai thầy : thầy Nhan Hồi, thầy Tăng Sâm. Nay xin trích biên mấy bài đã chép ở trong sách **Luận Ngữ**, làm chứng :

Tử vị Nhan Uyên viết : Dụng chi, tắc hành, xả chi, tắc tàng, duy ngã dữ nhĩ hữu thị phù !

子謂顏淵曰：用之，則行；舍之，則藏，唯我與爾有是夫！

"Dụng", nghĩa là sai sử được. "Hành", nghĩa là mở mang ra làm sự nghiệp. "Xả", nghĩa là không thể dụng được mà phải bỏ nó. "Tàng", nghĩa là thu giấu tài đức của mình để chờ dịp khác.

Nguyên lai Khổng học đủ cả toàn thể và đại dụng, "ấu học" tất phải "tráng hành", chẳng phải lý luận suông mà không kinh tế thực dụng đâu ! Chỉ vì còn ở đời phong kiến

thời quyền chính trị ở trong tay vua chúa, nên tuy bậc Thánh hiền mạc dầu đến khi hành đạo tế thế, tất cần phải có thủ đoạn ở trong mình, bắt buộc cho vua chúa phải nghe theo mình; nói phô nó phải cứ, bày vẽ nó phải nghe thời mình mới được nhịp mà phát triển bảo phụ của mình, ghé vai vào gánh việc đời, thẳng tay ra làm việc đời. Đó là "**dụng chi tắc hành**", mà cũng in như câu "anh hùng tạo thời thế". Xưa nay, không bao giờ Thánh hiền mà chẳng hào kiệt; xem như câu "dụng chi tắc hành" là đúng lắm. Nếu chẳng may gặp khi đường đời gai góc, vận nước tối tăm, quân tử đạo tiêu, tiểu nhân đắc chí, tuy mình là Thánh hiền mà không thể chối cãi được thì thế, bọn vua chúa lúc đó mình phải bỏ họ mới xong; Thánh hiền gặp lúc đó phải dấu tài ôm đức mà không đem của quí trẽ với người mù. Đó là "**xả chi tắc tàng**". Câu "xả chi tắc tàng" phải xem như bài sau này thời mới rõ :

Tử Cống viết : Hữu mỹ ngọc ư tư, uẩn độc nhi tàng chư ? Cầu thiện giá nhi cô chư ? Tử viết : Cô chi tai ! Cô chi tai ! Ngã đãi giá giả dã !

子貢曰：有美玉於斯，韞櫝而藏諸？求善價而沽諸？子曰：沽之哉！沽之哉！我待價者也.

("Uẩn", nghĩa là thu trữ. "Độc", nghĩa là rương hòm. "Thiện giá", nghĩa là giá mua đúng phải. "Cô", nghĩa là bán cho người).

Thấy Tử Cống thấy đức Thánh đạo cao, đức thịnh mà không ra làm quan, nghi ngài có ý làm cao mà bỏ đời chăng ? Nên thiết lời thí dụ mà hỏi ngài rằng : "Có hòn ngọc tốt ở đó, thu trữ vào hòm mà dấu đi chăng ? Hay là cầu được giá phải mà bán chăng ? Ngài biết ý thấy Tử Cống nên trả lời rằng : "Bán đó chứ ! Bán đó chứ !". Lẽ nào có ngọc tốt nên dấu hoài ở trong rương dâu ! Nhưng ý ta còn chờ có người biết quí trọng mà trả cho ta giá phải đó vậy".

Xem như bài này thời ý đức Khổng Tử là có ngọc tốt, mà chờ được giá phải, giá phải chưa đến thời còn "**uẩn độc nhi tàng**", chính là ý nghĩa câu "**xả chi tắc tàng**".

Chữ "Tàng" đó không phải quyết định bất hành dâu; chỉ vì chưa gặp được nhịp "dụng chi" nên phải tàng mà thôi. Ý Thánh nhân cốt trọng ở chữ "Hành", nhưng "hành" tất phải "dụng được quân tướng" mới "hành"; nếu gặp lấy buổi phải xả quân tướng thời Thánh nhân vẫn không chịu uốn nắn mình mà theo đời dâu !

Chỉ 8 chữ **"dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng"** mà tâm sự với thủ đoạn của Thánh nhân rất là viên mãn. Đức Thánh xem ở trong học trò, chỉ duy thầy Nhan mới đủ được tư cách như thế, nên ngài nói với thầy rằng : Duy ta với mày có được như thế đó mà (**duy ngã dữ nhĩ hữu thị phù**).

Chữ "Dữ" có ý nghĩa lắm, nghĩa là có hành thời hành với nhau, nếu tàng cũng tàng với nhau. Giả như một ngày kia đức Thánh có quyền chính trị hoàn toàn ở trong tay, chắc thầy Nhan là người phụ bật trọng yếu; bây giờ đức Thánh còn là một người bất đắc vị, thời thầy Nhan cũng chỉ giỏ cơm bầu nước ở chốn ngõ hẹp mà thôi.

Chúng ta xem bài này thời biết được thầy Nhan có thể xấp xỉ đức Khổng Tử.

Thiên trên đã biên những lời đức Thánh khen thầy Nhan, không cần phải biên thêm nữa. Nhưng còn xem thêm một bài này lại càng rõ lắm. Đức Thánh thường phê bình các học trò :

Tử viết : Sài dã ngu. (子 曰 ： 柴 也 愚).

Anh Sài kia vậy, tính chất quá chừng trung hậu, nên đặt cho chữ "ngu" (Sài, là tên thầy Tử Cao).

Tử viết : Sâm dã lỗ (子 曰 ： 參 也 魯).

Anh Sâm kia vậy, tính chất quá ư cẩn trọng, nên đặt cho chữ "lỗ". (Sâm, là tên thầy Tăng Tử).

Tử viết : Sư dã tịch (子 曰 ： 師 也 辟).

Anh Sư kia vậy, tính chất quá ư lanh lợi, nên đặt cho chữ "tịch". (Sư, là tên thầy Tử Trương).

Tử viết : Do dã ngạn (子曰：由也彦).

Chỉ duy thầy Nhan, thời ngài khen cho rằng :

Anh Hồi kia vậy, e xấp xỉ với đạo Thánh nhân rồi đó mà ! đức tính học vấn của anh không thấy gì lòe loẹt ra ở ngoài, chỉ thường thường thấy như hình không trống mà thôi (Hồi, là tên thầy Nhan).

Hai chữ "lũ không" rất khó giải nghĩa, nhưng chúng ta xem ở lời thầy Tăng khen thầy Nhan đã có câu "Hữu nhược vô, thực nhược hư". Chữ "vô", chữ "hư" với chữ "không" đây có thể miêu tả đến tinh thần thầy Nhan; bởi vì thầy Nhan đức tính thâm trầm, học vấn sâu xa, có mà như hình không, đầy mà thấy như hình trống; đã "nhược hư" nên không nói bằng "thực" được, đã "nhược vô" nên không nói bằng "hữu" được. Đạo lý ở trong thiên hạ, đã "hữu" thời sinh ra "vô", đã "thực" thời nảy ra "hư", chỉ duy "nhược hư". "nhược vô" thời không bao giờ cùng kiệt. Vì thầy Nhan "lũ không" nên đức Thánh khen bằng "kỳ thứ hồ" ("Thứ", nghĩa là gần tận với đạo Thánh nhân rồi đó. "Lũ không", nghĩa là không bao giờ thấy được "có" và "đặc").

Xem như hai bài trên kia thời nhân phẩm với địa vị thầy Nhan, thật đã xấp xỉ với đức Khổng Tử.

Chúng ta muốn biết thầy Tăng thời xin xem những bài sau này :

Trong sách ***Luận Ngữ***, chép lời thầy Tăng vẫn khá nhiều, nhưng ý tứ rất cao, đạo lý rất chín, tư tưởng rất sâu xa, lực lượng rất dày dặn thời có ba bài như sau :

Tăng Tử viết : Sĩ bất khả dĩ bất hoằng nghị. Nhậm trọng chi đạo viễn, nhân dĩ vi kỷ nhậm, bất diệc trọng hồ ! Tử nhi hậu dĩ, bất diệc viễn hồ.

曾子曰：士不可以不弘毅；任重而道遠；仁以為己任，不亦重乎！死而後已，不亦遠乎？

Hễ đã là một người sĩ, không thể nào mà không "hoằng nghị" ("hoằng", nghĩa là qui mô rộng lớn; "nghị", nghĩa là

lực lượng vững vàng và bền dai). Sĩ mà "bất hoằng nghị" thời không thể nào thành ra sĩ được ? Vì cớ sao thế ? Bởi vì đã làm một người sĩ, tất phải "nhậm trọng" mà lại "đạo viễn". ("Nhậm trọng", nghĩa là gánh việc nặng; "đạo viễn", nghĩa là đi đường xa). Gánh nặng là như thế nào ? Đặt công việc làm nhân ở trên vai mình mà tự mình lo gánh lấy (**nhân dĩ vi kỷ nhậm**), chẳng phải là nặng lắm hay sao ? Đi xa là như thế nào ? Đã gánh lấy việc nhân thời thân mình còn một hơi thở, tất là gánh nhân cứ giữ chặt hoài, thế đến chết mới thôi (**tử nhi hậu dĩ**), chẳng phải xa lắm hay sao ?

Bài này chú trọng nhất chữ "hoằng", chữ "nghị". Vì có "hoằng" mà năng lượng mới to lớn, nên "nhậm" được "trọng"; vì có "nghị" mà "phách lực" mới "hùng hậu", nên "đạo" được "viễn". Đến như câu : "**Nhân dĩ vi kỷ nhậm, tử nhi hậu dĩ**", thiệt là đắc chính truyền của đức Khổng Tử. Trong Khổng học to lớn nhất lại tinh thuần nhất là chữ "nhân", bay giờ thầy Tăng quyết định gánh chữ "nhân" cho đến lúc chết, chẳng in như đức Khổng Tử hay sao ?

Tăng Tử viết : Khả dĩ thác lục xích chi cô, khả dĩ ký bách lý chi mệnh, lâm đại tiết nhi bất khả đoạt dã; quân tử nhân dư ? Quân tử nhân dã.

曾子曰：可以託六尺之孤，可以寄百裡之命，臨大節而不可奪也，君子人與？君子人也．

("Thác" nghĩa là giao cho. "Ký" nghĩa là gửi cho. "Lâm" nghĩa là bức tận).

Thầy Tăng nói rằng : Có một người kia đạo đức dã dày, tài năng lại giỏi, chí khí lại kiên cường, phách lực lại bền vững, dụng gặp khi trong nước có biến cố, vua trong nước dã mất rồi, mà người nối ngôi đó chính là đứa con bé, tuổi còn non, sức còn yếu, óc khôn còn dại dột, làm sao gánh nổi việc nước ! Người trong nước đó phải đem chúa trẻ đó giao cho mình mà mình dỡ lấy gán giúp vua trị nước; mình gánh nổi việc, việc nhờ mình mà an toàn, chúa bé kia cũng nhờ mình mà hưởng được tiếng tốt, thế là "**khả dĩ thác lục xích**

chi cô" ("Lục xích, là mười lăm tuổi. Hai tuổi rưỡi kể bằng một thước. Con mồ côi mới mười lăm tuổi gọi bằng "lục xích chi cô"). Hoặc có khi trong nước có một địa phương, mặt đất độ chừng 100 dặm, thình lình gặp cơn biến cố mà người ở trong địa phương ấy đem tính mệnh nhân dân của một xứ gửi cho mình, mình gánh lấy việc bảo cảnh yên dân, tài sản của xứ đó nhờ có mình mà được an toàn vui vẻ. Thế là "**khả dĩ ký bách lý chi mệnh**". ("Mệnh", nghĩa là mệnh lệnh của triều đình trao cho mình tức là sinh mệnh của nhân dân gửi vào mình).

Như hai câu trên đó, đã thấy được tài đức của người ấy rất tốt. Tuy nhiên, chỉ nói khi buổi thường, cảnh thuận, chưa thấy được khó lắm; duy đến buổi biến, cảnh nghịch, sinh hay tử, phúc hay họa rất quan hệ với khí tiết vấn đề, nếu người tham sinh úy họa, thường thường bị các ma chết, giặc họ hiếp bóc được mình, bắt buộc mình phải đổi lòng biến tiết, nhưng mình không thể, chỉ khăng khăng giữ lấy khí tiết, dầu ma chết với giặc họa tới tận trước mắt cũng không thể nào cướp được chí mình. Như thế là "**lâm đại tiết, nhi bất khả đoạt dã**". Người đó chẳng phải là quân tử đó ru ? Ôi ! Thiệt là người quân tử đó vậy. (**Quân tử nhân dư ? Quân tử nhân dã**).

Xem như hai bài trên, lời thầy Tăng nói vẫn thấy được đức tính thầy rất dày dặn, học thức thầy rất cao xa; mà lại xem đến lời thầy nói khi thầy lâm chung lại càng rõ lắm :

Tăng Tử hữu tật, triệu môn đệ tử viết : Khải dư thủ, khải dư túc. Thi vân : Chiến chiến căng căng, như lâm thâm uyên, như lý bạc băng; nhi kim, nhi hậu ngô tri miễn phù, tiểu tử.

曾子有疾，召門弟子曰：啓予手，啓予足．詩云：戰戰兢兢，如臨深淵，如履薄冰；而今，而後吾知免夫，小子！

Thầy Tăng có tật, khi gần tắt hơi, gọi học trò tới bên cạnh mình mà bảo cho rằng : Chúng con mở bao tay cho ta,

mở bao chân cho ta (**khải dư thủ, khải dư túc**). Bởi vì, lễ người đời xưa, hễ người gần lúc chết, tất phải dội rửa tay chân thân thể để cho hoàn toàn cái vóc thể trong sạch. Thầy Tăng bảo học trò tới đó, cách lúc chết chỉ còn một hơi, nhưng ý thầy còn không nỡ bỏ học trò, nên còn dạy thêm lời tối hậu cho chúng nó mà nói rằng : Các con nghe ! Lời ***Kinh Thi*** có câu nói rằng : Người ta ở đời, chỉ cốt cho hoàn toàn một con người, nhưng hoàn toàn một con người, há phải dễ dâu ! Tất phải trong lòng kinh úy kiêng sợ luôn luôn, thường chiến chiến vậy, thường căng căng vậy, tượng như đứng tận trên vực sâu mà lo sợ sẩy chân xuống nước (**chiến chiến căng căng như lâm thâm uyên, như lý bạc băng**) ("Chiến chiến", là có ý run run rẩy rẩy; "căng căng", là có ý nắm nắm nớp nớp : đứng trên vực sâu mà ngó xuống, tất phải sợ té xuống nước; đứng trên giá mỏng mà bước đi, tất sợ giá tan mà chết luôn). Vì tấm lòng kính sợ thường thường như thế, tới bây giờ mà câu ta nói chắc khỏi tội lỗi (**nhi kim, nhi hậu ngô tri miễn phù**). Các con nghe lấy chứ !

Xem như bài này thời thầy Tăng đến lúc tối chung mà tinh thần thầy còn in như ngày thầy "nhật tam tỉnh ngô thân". Nếu chẳng phải một người đạo đức rất cao, học vấn rất dày, làm sao được như thế ? Bảo thầy Tăng là con đích truyền của Khổng học, thật không kém gì thầy Nhan.

Ngoài thầy Nhan, thầy Tăng ra, còn có thầy 72 thầy, tựu trung như các thầy Mẫn Tử Khiên, Tử Cống, Trọng Cung, Tử Du, Tử Hạ, Tử Trương, Tể Ngã, Tất Điêu Khai, cũng thầy là cao đệ ở trong Khổng môn. Nhưng mà kể tháo nghệ thiệt cao, phẩm hạnh thiệt tốt, có thể xấp xỉ với đức Khổng Tử, chỉ duy thầy Nhan, thầy Tăng là cao tột mực; tiếc cho thầy Nhan chẳng may đoản mệnh nên không có học thuyết gì truyền đời sau : duy thầy Tăng, niên kỷ được lâu dài, công phu học vấn lại cực kỳ thuần thục, nên sâu khi đức Thánh đã tạ thế rồi mà những di ngôn, di hạnh của đức Thánh, hoàn toàn nhờ có thầy Tăng mà phát huy được thập phần viên mãn, sở dĩ đích phái của Khổng học, chúng ta

phải nhận thầy Tăng làm con dấu. Vậy nên dã nghiên cứu Khổng học, tất phải nghiên cứu đến bộ sách ***Đại học***. ("Đại học" là sách của thầy Tăng biên ra. Theo như tiên nho truyền lại thời bản sách này chia ra làm : kinh một chương, truyện mười chương.

Bây giờ theo thứ tự mà dịch ra như sau này :

CHƯƠNG II

DỊCH RIÊNG TUYỂN PHO SÁCH "ĐẠI HỌC"

Tiết thứ I

(Kinh nhất chương nguyên văn)

Đại học chi đạo : Tại minh minh đức, tại thân dân, tại chỉ ư chí thiện. Tri chỉ nhi hậu hữu định; định nhi hậu năng tịnh; tịnh nhi hậu năng yên; yên nhi hậu năng lự; lự nhi hậu năng đắc. Vật hữu bản mạt, sự hữu chung thỉ; tri sở tiên hậu tắc cận đạo hỹ.

大學之道：在明明德，在親民，在止於至善．知止而後有定，定而後能靜，靜而後能安，安而後能慮，慮而後能得．物有本末，事有終始，知所先後，則近道矣．

Thích bài này, trước khi nhận cho ra nghĩa hai chữ "Đại học". Cứ theo giữa mặt chữ mà cắt nghĩa thời một nghĩa là học cho cùng cực việc to lớn; lại một nghĩa là học cho làm được đến đại nhân. Góp cả hai nghĩa ấy mới phát minh được chữ "Đại học". Xin chứng vào thiên ***Học Kỳ*** ở trong ***Kinh Lễ***.

"Học Kỳ" nói rằng :

Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên.

建國，君民，教學為先．

Nghĩa là, dựng nước trị dân, việc giáo học làm trước hết.

Duyệt mệnh hạ viết : Duy giáo học bán

說命下曰：惟教學半．

Nghĩa là, sách ***Duyệt mệnh*** đã có câu nói rằng : Dạy người là một nửa công việc học.

Hóa dân dịch tục, cận giả duyệt phục, nhi viễn giả hoài chi, thử đại học chi đạo dã.

化民易俗，近者悅服，而遠者懷之；此大學之道也．

Nghĩa là, biến hóa được dân, dổi được phong tục, người gần duyệt phục, mà người xa yêu mến đó, ấy là dạo của "đại học" vậy.

Chữ "Đại học" ở trong thiên ***Học Ký*** với chữ "Đại học" ở đây, ý nghĩa in như nhau; chúng ta xem góp cả hai bên thời rõ được nghĩa chữ "Đại học".

"Đại học" là gì ? Là học cho đến lúc triệt thượng triệt hạ, thành kỷ, thành nhân; từ thân mà gia, từ gia mà quốc, quốc mà thiên hạ, qui nạp vào ở trong Đại học. Đã hiểu được nghĩa chữ "Đại học" như thế, bây giờ mới phải tìm cho ra đường lối làm sao mới đến được Đại học (大學之道). Vậy nên mở pho sách ***Đại học*** thời thấy bốn chữ "Đại học chi đạo" ở đầu cùng. Chữ "đạo", nghĩa là đường lối, lại nghĩa là chân lý, cũng nghĩa là phương pháp; đủ ba nghĩa ấy mới hết được nghĩa chữ "đạo". Tìm cho ra đường lối đến Đại học, nhận cho ra chân lý của Đại học, làm cho đúng phương pháp của Đại học, như thế là đúng nghĩa câu "Đại học chi đạo".

"Đại học chi đạo" thời đi vào đường lối nào ? Chân lý ở chốn nào ? Phương pháp như thế nào ? Xin xem như ba câu dưới này :

"Tại minh minh đức" (在 明 明 德). Hai chữ "minh", chữ trên nghĩa rộng, chữ dưới nghĩa hẹp, chữ trên nuốt cả hai chữ "minh đức", chữ dưới nuốt một chữ "đức".

"Đức" là gì ? Nguyên lẽ phải tự nhiên, gốc ở lẽ trời mà chúng ta được lấy để tạo thành ra nhân sự đương nhiên, ấy là gọi bằng "đức"; "đức" vẫn gốc ở lẽ trời mà in vào lòng người, bản thể nó vẫn rất sáng láng trong bóng, không một tý gì cợn bã, in như gương trong, soi đâu cũng thấu, mà bao nhiêu bóng ở ngoài tất thảy dọi được vào, thế là gọi bằng "minh đức".

Cái "minh đức" đó đã minh lại minh thêm, minh từ nơi một gang, một tấc mà dần dà đến một tầm một trượng, càng ngày càng nở nang rực rỡ, cực cho đến cả thiên hạ, chốn nào chốn nào tất thảy thấy cái tia sáng của "minh đức". Như thế là "minh minh đức".

"Tại thân dân" (在 親 民). Chữ "dân" tức là chữ "nhân", chữ "dân" chỉ học nghĩa là người. Nguyên từ thái cổ mới có loài người cho đến đời thượng cổ, ở trong vũ trụ tham với trời đất mà linh hơn vạn vật chỉ là người mà tức là "dân". Vậy nên chữ "dân" đây tức là "nhân" ở trong ***Luận ngữ***. Rằng "vụ dân chi nghĩa", rằng "cổ giả dân hữu tam tật", rằng "dân chi ư nhân dã...", những loại chữ "dân" ấy thảy là "dân" tức là "nhân". Chữ "thân", nghĩa là thương yêu, có ý là tiếp cận mật thiết, lại có ý là ôm ấp dùm bọc.

Đạo đại học chẳng phải đạo riêng của một người mà thôi, mà là đạo chung cả thiên hạ, tất phải xem người thiên hạ "nhất thị đồng nhân" (一 視 同 仁) (thân dân). Đức Khổng Tử có nói rằng : "Lão giả an chi, bằng hữu tín chi, thiếu giả hoài chi". Sách ***Lễ Ký*** có nói rằng : "Đại đạo chi hành giả, thiên hạ vi công", lại có câu : "Dĩ thiên hạ vi nhất gia". Thân yêu loài người mà được như mấy câu sách trên ấy tức là "thân dân", bởi vì đạo Đại học tức là đạo người, mà muốn cho thực hiện được đạo người, thời duy người thân yêu người mới thấy được đạo lý đại học. Vậy nên ở dưới câu :

"Tại minh minh đức" lại có câu : "Tại thân dân". "Minh minh đức", là thuộc về tâm lý; "thân dân", là thuộc về phần sự thực.

Các bản truyện chú ở đời xưa, từ Tống nho sắp xuống, nhiều người đổi chữ "thân" làm chữ "tân", lấy minh đức với tân dân làm hai việc; nhưng theo các nhà học ở đời gần đây và lại tìm cho đến các bản cổ chú đời Hán mà nghiền cho ra nghĩa kinh văn thời chữ "thân" đúng hơn. Có thân được dân mới minh được hết minh đức; bởi vì ở trong minh đức gồm cả đức mình với đức người, minh được đức của một người mà lại minh cho hết được đức cả mọi người, người nào người nào cũng minh cho được hết đức cả thảy, thời lúc đó loài người ai cũng thương yêu nhau mà thực hiện được hai chữ "thân dân", in như câu Mạnh Tử nói rằng : "**Nhân nhân thân kỳ thân, trưởng kỳ trưởng, nhi thiên hạ bình**" (人人親其親，長其長，而天下平), nghĩa là người nào người nào cũng thân yêu lấy kẻ thân của người, cũng kính trọng lấy kẻ trưởng của người mà thiên hạ cân bằng. Đó chính là ý nghĩa chữ "thân dân".

Nếu học làm chữ "tân" thời không đúng, vì ý nghĩa chữ "tân" đã nuốt vào ở trong chữ "minh đức" rồi, không cần phải thêm làm một việc nữa. Ý Thánh nhân đời xưa sở dĩ phát minh đạo đại học, có thể, có dụng, có tri, có hành, chỉ một chữ "minh" ở trên chữ "minh đức" và một chữ "thân" ở trên chữ "dân" là bao bọc hết. Nhưng vì đã nói chia ra làm hai việc, tất phải nói góp lại làm một việc, có thể mới thấy được "ngộ đạo nhất dĩ quán chi", nên lại phải có câu thứ ba.

Tại chỉ ư chí thiện (在止於至善).

"Chỉ", nghĩa là đến tới nơi. Ở trong ***Kinh Dịch***, quẻ Cấn, soán truyện có nói rằng : "Cấn chỉ dã, chỉ kỳ sở dã"

(艮止也，止其所也).

"Cấn", nghĩa là dừng; đến tới nơi mà dừng lại đó tức là "chỉ". Ví như mũi tên bắn vừa đến lòng bia, tất phải chỉ; người ta đi đường về tới nhà tất phải chỉ. Nếu "minh minh

đức, thân dân" mà chưa đạt ư cực điểm; thế là chưa hết được công việc "minh", "thân" tức là chưa đến "chốn chỉ". "Chốn chỉ" thời ở nơi nào ? Tất phải chỉ ở nơi "chí thiện". "Chí thiện", nghĩa là tốt lành tột mực, cũng nghĩa là rất mực tốt lành.

Chữ "thiện" phản đối với chữ ác. Không một tý gì ác là gọi bằng thiện. Nhưng thiện phải cho đến cực điểm, phân lượng thiện cho được hoàn toàn viên mãn, không kém thiếu một tý gì, không sai hụt một tý gì, thế là "chí thiện". Có "chí thiện" mới là "đại học chi đạo".

"Minh minh đức" cũng phải chỉ ở chốn ấy, thân dân cũng phải chỉ chốn ấy; nếu "minh", "thân" mà chưa được "chí thiện", thế là phân lượng của "minh", "thân" chưa được đầy đủ, mà mục đích của "minh", "thân" chưa thật tới nơi, là còn chưa chỉ được; nên ở dưới hai câu, lại có câu "chỉ ư chí thiện".

Góp cả ba câu ấy, mỗi câu đội lấy một chữ "tại". "Tại", nghĩa là ở, cũng nghĩa là "xét cho ra" : ở nơi "minh minh đức", ở nơi "thân dân", ở nơi "chỉ ư chí thiện"; xét cho ra "minh minh đức", xét cho ra "thân dân", xét cho ra "chí ư chí thiện". Đã xét được ra thì ở được đúng, nên kinh văn trùm lấy chữ "tại". Một chữ "tại" ấy là cái châm trỏ đường cho ta đi, mà cũng là cái bia dẫn mắt cho ta xem. Nghĩa là đạo của đại học tại ở nơi ba điều đó.

Làm cho đủ ba câu như trên kia (**minh minh đức, thân dân, chỉ ư chí thiện**), mới là đường lối đến được đại học, cũng là chân lý đại học, cũng là phương pháp làm đến đại học.

Xem kinh văn ở đầu ***Đại học*** chỉ có bốn câu mà đã bao bọc hết tuyền pho sách.

Từ đấy sắp xuống, chỉ là diễn thích ba câu áy cho kỹ mà thôi.

Tri chỉ nhi hậu hữu định; định nhi hậu năng tịnh; tịnh nhi hậu năng yên; yên nhi hậu năng lự; lự nhi hậu

năng đắc.

知止而後有定，定而後能靜，靜而後能安，安而後能慮，慮而後能得.

Tiếp lấy câu "chỉ ư chí thiện", mà bày vẽ cho người ta thực hành đến nơi.

Đương lúc dụng công ở hành, tất trước phải dụng công ở tri, nên nói tiếp lấy hai chữ "tri chỉ". "Chỉ", tức là chí thiện, mà chính là mục đích địa của chúng ta; hễ chúng ta đã làm đạo đại học, ta phải đe vào chốn đó làm lòng bia, ấy là "chỉ". Nhận cho được chắc chắn chỗ đó rồi, thế là tri được chỉ; ta đã biết được chỗ chỉ chắc chắn mà bây giờ tâm chí ta mới có nhất định (**tri chỉ nhi hậu hữu định**); tâm chí đã nhất định mà bây giờ tinh thần ta mới hay lặng lẽ êm đềm (**định nhi hậu năng tịnh**); tinh thần ta đã lặng lẽ êm đềm mà bây giờ tâm thân ta mới hay yên ổn vững vàng (**tịnh nhi hậu năng yên**); tâm thân ta đã yên ổn vững vàng mà bây giờ trí khôn ta mới hay tính toan sắp đặt (**yên nhi hậu năng lự**); trí khôn ta đã hay tính toan sắp đặt mà bây giờ mới được đến chốn "chỉ", mà đến được chốn "chỉ" tức là đứng vào vị "chí thiện" (**lự nhi hậu năng đắc**". Chữ "đắc" ở cuối cùng ngó lại chữ "tri" ở đầu hết.

Suốt 5 câu trên ấy, công phu rất nhiều là câu thứ nhất tức là "tri chỉ" mà định; rán sức ở nơi học vấn, lưu tâm ở nơi kinh nghiệm, tìm cho thiệt ra đường lối, kén cho thiệt được phương châm.

Sách ***Trung Dung*** có bốn chữ "Minh thiện thành thân", và ở trong bản sách này có 4 chữ : "Cách vật trí tri", chính là công phu làm cho được "tri chỉ". "Tri chỉ" rồi thời "định"; "định" thời "tịnh"; "tịnh" thời "yên", "yên" thời "năng lự". Đã "định, tịnh, yên" mà "lự" được, tất nhiên kết quả là năng đắc.

Nói tắt lại, "tri chỉ" là bắt đầu nhập đạo; "năng đắc" là triệt để thành công; "định, tịnh, yên, lự" là tầng thứ tấn đức tu nghiệp ở trung gian.

Chỉ năm câu ấy bày vẽ phương pháp cho chúng ta làm Thánh nhân (tức là đại nhân), thiệt quá chừng giản minh, quá chừng thâm thiết. Muốn cho học giả hiểu rõ, xin đặt một cách thí dụ như sau :

Thí dụ, như chúng ta làm việc đời, nhận định được một chủ nghĩa thiệt tốt, nhìn cho ra được một phương châm thật đúng mà tự mình đã quyết được một chốn mục đích là ở nơi đó. Đó là "tri chỉ". Đã "tri chỉ" rồi tất nhiên chí hướng mình không bạng rạng, dẫu ai dắt vơ kéo bậy mà mình quyết không lầm, đó là hữu định. Đã định rồi thời trong cái óc khôn mình mới êm đềm lặng lẽ không nảy ra những cách láu táu vội vàng, đó là "năng tịnh". Đã "tịnh" rồi mới yên được mà không thấy có những cảnh tượng khấp khểu kinh nguy, đó là "năng yên". Đã yên rồi thời ngồi được vững vàng, bước được chắc chắn, mà có thể tính toan sắp đặt kế hoạch chắc được hay, chương trình chắc được tốt, đó là "năng lự". Đã "năng lự" mà cái năng lự đó ở trong lúc định, tịnh, yên mà trù nghĩ ra thời hẳn cũng kết quả thành công (**lự nhi hậu năng đắc**).

Lấy tầng thứ làm việc đời mà thí dụ vào tầng thứ học đạo cũng in như nhau, mà cần thứ nhất là hai chữ "tri chỉ", công phu nặng chỉ có hai chữ ấy.

Vật hữu bản mạt, sự hữu chung thỉ; tri sở tiên hậu. tắc cận đạo hỹ.

物有本末，事有終始，知所先後，則近道矣.

Bài này tiếp luôn bài trên.

Chữ "vật" rất khó thích cho đúng nghĩa, ở đây hãy thích qua, chờ đến sau thích chữ "cách vật" lại thích cho kỹ. "Vật", theo tiếng quốc ngữ ta có lẽ học bằng "vật" là giống, hay là cái, hay là món, hay là chuyện; nhưng không một chữ nào cho thiệt đúng nghĩa với chữ Hán, bất đắc dĩ phải cứ học "vật" là vật e thông hơn. Bởi vì ở trong chữ "vật" ngầm có ba nghĩa : như "khí vật" thời vật là cái; "nhân vật", "súc vật" thời vật là giống; "sự vật", "vạn vật", "lễ vật" thời vật là chuyện, nên học một nghĩa thật không đúng.

Hễ vật tất phải có gốc có ngọn (**vật hữu bản mạt**); việc tất có đoạn cuối, đoạn đầu (**sự hữu chung thỉ**). Vậy nên những vật thuộc về đạo đại học cũng có gốc ngọn. Gốc là gì ? là "minh minh đức". Ngọn là gì ? là "thân dân". Bởi vì minh đức có sáng láng rõ ràng được như câu **"Bình chương bách tính** (平章百姓) trong ***Kinh Thư*** ("Bình", nghĩa là có ý bình đẳng; "chương" nghĩa là quang minh); sáng hết được cả loài người mới hay thực hiện được chân lý bác ái mà thân yêu được thảy loài người. Vậy nên "minh minh đức" làm bản, "thân dân" làm mạt (vật hữu bản mạt). Hễ việc cũng có chung cho thỉ, chung là cuối cùng của việc ấy, thỉ là bắt đầu của việc ấy; sự thuộc về đạo đại học, càng phải có "chung thỉ". "Chung" là gì ? là "năng đắc". "Thỉ" là gì ? là "tri chỉ". Bởi vì bắt đầu mà tri được chỉ thời cuối cùng mới năng đắc, nên nói rằng "Sự hữu chung thỉ". Vì vậy nên học đạo đại học mà biết được "bản" với "thỉ" là tiên, mạt với chung là hậu (**tri sở tiên hậu**).

(Chữ "sở" là thay chữ "vật", chữ "sự" mà vật với sự là nuốt vào ở trong đại học).

Học đạo đại học mà biết được cai trước, cái sự thời đã gần tận với đạo đại học rồi đó (**tắc cận đạo hỹ**).

Vì sao mà cho chữ "cận" ? Bởi vì câu trên đó là "tri sở tiên hậu", mới một chữ "tri" mà thôi thời còn chưa có chữ "hành", chữ "đắc". Chưa "đắc" thời chưa in hệt như đạo đâu; chẳng qua vừa gần đến đạo mà thôi, nhưng mà cách đạo cũng không bao lâm nữa. Có sao vậy ? "Tri" với "hành" là công phu nhất tri : "nhân" có "hành" mới mở rộng được "tri" lại vì có "tri" mà tăng tiến được "hành". Chữ "tri" ở đây cũng là chữ "tri" ở nơi "tri chỉ". Đã "tri" được chỉ thời chắc cũng chẳng bao lâu mà đến tới đạo.

Cổ chi dục minh minh đức ư thiên hạ giả : tiên trị kỳ quốc; dục trị kỳ quốc giả; tiên tề kỳ gia; dục tề kỳ gia giả : tiên tu kỳ thân; dục tu kỳ thân giả; tiên chính kỳ tâm; dục chính kỳ tâm giả : tiên thành kỳ ý; dục thành

kỳ ý giả : tiên trí kỳ tri; trí tri; tại cách vật.

古之欲明明德於天下者，先治其國；欲治其國者，先齊其家；欲齊其家者，先修其身；欲修其身者，先正其心，欲正其心者，先誠其意；欲誠其意者，先致其知，致知在格物.

Bài này chia làm 7 câu dài, mỗi một câu là tầng thứ một việc; "**cổ chi dục minh minh đức ư thiên hạ giả, tiên trị kỳ quốc**, là một câu; chấm đậu ở chữ "giả"; "**dục trị kỳ quốc giả, tiên tề kỳ gia**", là một câu, chấm đậu ở chữ "giả"; còn tiếp dưới năm câu cũng như thế.

Bây giờ, trước hãy thích một câu ở đầu bài :

Nguyên bắt đầu vào sách ***Đại học***, trước nói rõ ba việc cương lĩnh : một là "minh minh đức"; hai là "thân dân"; ba là "chỉ ư chi thiện". Ý nghĩa đã thích ở tiết trên, nhưng mà ở trong ba cương lĩnh lại chia ra làm 8 điều mục : một là "cách vật", hai là "trí tri", ba là "thành ý", bốn là "chính tâm", năm là "tu thân", sáu là "tề gia", bảy là "trị quốc", tám là "bình thiên hạ". "Bình thiên hạ" là công hiệu cuối cùng.

Như thế nào là "bình được thiên hạ" ? tức là "minh minh đức ư thiên hạ". Hiểu minh cái đức sáng ra khắp cả thiên hạ tất thảy ai nấy cũng sáng được đức, như thế mới là bình thiên hạ.

Đạo Đại học đời xưa là chỉ muốn cho đến như thế. Nói cho đúng, tất có sáng được đức sáng ư trong thiên hạ mới đạt mục đích của đại học. Mà muốn cho đạt được mục đích ấy, trước phải làm thế nào ? Tất trước phải trì cho hết cả thảy nước ở trong thiên hạ (**tiên trị kỳ quốc**). Bởi vì thiên hạ là nhóm cả thảy nước mà làm nên; nếu ở trong thiên hạ mà còn có nước nào chưa trị là chưa xong việc bình thiên hạ. Vậy nên muốn "minh minh đức ư thiên hạ", trước phải "trị kỳ quốc"; bao nhiêu nước ở trong thiên hạ mà trị yên được hết, thế là "minh minh đức ư thiên hạ" rồi.

Bây giờ thích xuống câu thứ hai : "**Dục trị kỳ quốc giả,**

tiên tề kỳ gia".

Muốn trị được hết cả thảy nước ở trong thiên hạ thời làm thế nào ? Tất trước phải làm thế nào cho tất cả thảy nhà ở trong nước, nhà nào nhà nào cũng chỉnh tề hoàn thiện; bao nhiêu nhà ở trong một nước, không một nhà nào còn so le chênh lệch, như thế là "tề kỳ gia". Bởi vì nước là nhóm tất thảy nhà làm nên; tất thảy nhà tề được cả, thế là "quốc trị". Vậy nên muốn "trị kỳ quốc", tất phải "tiên tề kỳ gia".

Bây giờ thích xuống câu thứ ba : "**Dục tề kỳ gia giả, tiên tu kỳ thân**".

Công việc "trị quốc", vẫn cần phải trước "tề kỳ gia". Nhưng vì muốn "tề kỳ gia", chẳng phải dòm ở nơi gia mà được đâu; nên có câu này : "**Dục tề kỳ gia giả, tiên tu kỳ thân**".

Hễ muốn tề được tất thảy nhà ở trong một nước, tất trước phải tu lý cho hết những thân người ở trong một nhà. Bởi vì nhà là góp bấy nhiêu người lại mà làm nên; thân bấy nhiêu người ở trong nhà mà phẩm hạnh đức tính ai cũng tu sửa được tử tế chắc là nhà ấy tốt rồi; đến lúc nhà nào nhà nào cũng tề cả thảy, thế là "quốc trị". Nhưng vì công việc "tề gia" là gốc ở nơi tu thân, vậy nên từ dây sắp xuống có bốn câu chuyên nói về công việc "tu thân".

Dục tu kỳ thân giả, tiên chính kỳ tâm; dục chính kỳ tâm giả, tiên thành kỳ ý; dục thành kỳ ý giả, tiên trí kỳ tri; trí tri : tại cách vật.

欲修其身者，先正其心，欲正其心者，先誠其意；欲誠其意者，先致其知，致知在格物.

Bốn câu ấy, chấm câu vẫn có bốn câu dài, và mỗi câu có một dậu; nhưng mà muốn thích cho đúng nghĩa thời 4 câu nên đọc một hơi; bởi vì chữ "thân", "tâm", "ý", "tri", "vật" liên lạc với nhau, không thể rời nhau được; "tâm" nuốt vào trong thân; "ý" nuốt vào trong tâm; "tri" nuốt vào trong ý, mà "tri" lại ở nơi "vật", nên bốn câu ấy chỉ có thể thích làm

một đợt, chứ không phải như chữ "gia", "quốc", "thiên hạ", còn có thể tiệt nhiên chia ra từng món.

Bây giờ xin thích luôn như dưới này :

Trên kia đã nói, muốn tề gia, trước phải tu thân. Nhưng bây giờ muốn tu được thân, há phải tu ở cái thân xác thịt mà được đâu ! Tai, mắt, chân, tay, ngũ quan bách hài đó chỉ là thân xác thịt. Ăn cơm cho béo, mặc áo cho đẹp, thuốc thang bồi bổ cho mạnh mập, vật chất cung dưỡng cho tử tế, bảo như thế là tu được thân hay sao ? Không phải dâu ! Thân xác thịt chỉ là cái vỏ; da của loài thú, lông của loài chim nó cũng có xác thịt cả thảy; nếu thân người ta mà chỉ tu bằng tu xác thịt, thế thời mang vào bộ da con cọp, chắp vào bộ lông con phượng chẳng đẹp hơn xác thịt người hay sao ? Nghĩ như thế thời tu cái thân của người ta, tất phải tu bằng cái gì ? Có lẽ nào tu bằng xác thịt mà khác được cầm thú ư ? Nói cho thiệt đúng : tất phải tu bằng tinh thần, tu bằng trí thức, tu bằng đạo đức, tu bằng học vấn.

Bây giờ ta phải nghĩ, tinh thần người ở dâu ? Tri thức, đạo đức, học vấn thời lấy cái gì ở trong thân mà chất chở cho đầy, vận dụng cho linh ? chắc phải nhờ cậy vào cái tâm. Thân người ta mà có cái tâm, chính là cái mũi kim ở trong đồng hồ, cái bánh lái ở đầu mũi thuyền; mũi kim hỏng là đồng hồ bỏ; bánh lái liệt là chiếc thuyền vô dụng, nếu tâm đã không chính tức là tinh thần chết rồi, còn nhờ cậy bằng gì mà có trí thức, đạo đức học vấn nữa ru ? còn lấy gì khu khiển được cái xác thịt thành ra một thứ tinh linh tốt đẹp nữa ru ? Vậy nên muốn tu cho được hết thân người ở trong nhà, trước phải làm sao cho chính được cái tâm ở trong thân (**dục tu kỳ thân giả, tiên chính kỳ tâm**).

Nhưng chúng ta lại phải biết, làm căn bản cho thân, vẫn tại ở tâm, mà làm cơ quan cho tâm, lại nhờ ở ý. Ý là cái gì ? là cái động cơ ở trong lòng người ta. Lúc bắt đầu lòng ta mới manh động tư tưởng tức là ý. Ý với tâm chỉ là một giống. Thí dụ : tâm là tuyển bộ máy, mà ý là cái hơi điện; máy chạm lấy

điện thời máy mới phát động. Máy phát động mà muốn cho linh, tất phải điện cho tốt; tâm phát động mà muốn cho đúng, tất cũng phải ý cho thật tốt. Vậy nên "**Dục chính kỳ tâm, tiên thành kỳ ý**". "Tâm" ví như bộ chân đi đường, "ý" ví như con mắt dòm đường; nếu "ý" mà không thành, chắc không thế nào "tâm" chính được.

Nhưng vì cái ý của lòng người ta vốn là một giống có tri giác mà lại là một giống dễ cảm xúc; muốn ý cho được thành, tất phải nhờ có bộ óc cho thật khôn, biện biệt cho được thị hay phi, nghiên cứu cho ra chân hay giả; nếu không được bộ óc khôn như thế, làm sao thành được ý đó ru ? Nên cần phải ở trong khi thành ý, chính tâm, tất trước phải lo trí tri; mà trí tri thời chỉ ở nơi cách vật (**trí tri tại cách vật**).

Rút thùng lại, 8 điều mục như trên ấy, nửa tiết trên là tu thân, chính tâm, thành ý, trí tri; nửa tiết dưới là tề gia, trị quốc, bình thiên hạ; mà làm chủ chốt ở trung gian thời cốt nơi tu thân. Chính tâm, thành ý, trí tri cũng chỉ là công việc tu thân mà thôi. Đến như tề gia, trị quốc, bình thiên hạ cũng chỉ ở nơi tu thân mà mở rộng ra. Ví như nhà chụp ảnh nguyên dầu chỉ chụp một bức ảnh cho thật tốt, sau nữa thời y như bức ảnh cũ mà phóng đại, chiếu ra hàng ngàn, hàng vạn tấm cũng cứ in như tấm nguyên chụp ra trước.

Đạo lý ở trong Đại học, gốc từ 4 chữ "**cách vật trí tri**"; mà suy nở ra đến trị quốc, bình thiên hạ cũng chỉ một lẽ như thế. Vậy nên chúng ta học Đại học chi đạo, phải hết sức nghiền cho kỹ bốn chữ "cách vật trí tri".

Bây giờ trước thích nghĩa chữ "cách" và chữ "vật".

Chữ "cách" có một nghĩa là "đến", như câu "Tổ khảo lai cách" ở trong ***Kinh Thi***, **thiên Ích Tắc** (祖考來格), "Tứ hải lai cách" (四海來格) ở trong ***Kinh Thi***, **thiên Thương Tụng**, thơ Huyền điểu, thảy nghĩa "cách" là "đến" lại đến tới nơi tức là "cách". Lại có một nghĩa khác nữa : "cách", nghĩa là "chính", như câu : "cách kỳ phi tâm" ở trong ***Kinh Thư***, "cách quân tâm chi phi" (格君心之非) ở

trong sách ***Mạnh Tử***, thấy "cách" nghĩa là "sửa chính". Lại có một nghĩa nữa : "cách" nghĩa là "thay đổi", như nghĩa câu : "hữu sỉ thả cách" (有 恥 且 格) ở trong ***Luận Ngữ***), "dân hữu cách tâm", ở trong ***Kinh Lễ*** thấy "cách" nghĩa là "đổi".

Chữ "cách" vẫn có ba nghĩa như trên kia, nhưng nghĩa chữ "cách vật" ở đây, biết theo nghĩa nào ? Chúng ta phải nghiền cho thật kỹ thời nên học theo nghĩa chữ "cách" là "lại đến, tới nơi".

Bây giờ lại thích nghĩa chữ "vật".

Trong ***Kinh Dịch***, quẻ *Gia nhân* có câu : "Quân tử dĩ ngôn hữu vật, nhi hạnh hữu hằng" (君 子 以 言 有 物 而 行 有 恆). Sách ***Trung Dung*** có câu : "bất thành tắc vô vật" (不 誠 則 無 物). Sách ***Mạnh Tử*** có câu : "vạn vật giai bị ư ngã hỹ (萬 物 者 皆 被 於 我 矣).

Xem suốt mấy chữ "vật" như các câu sách trên kia thời nghĩa chữ "vật" bao hàm rất rộng : Nhất thiết ở trong thiên hạ, nhưng việc gì, những cái gì, những giống gì, thảy tóm vào ở trong chữ "vật". Nghĩa chữ "vật" rộng lớn như thế, nên chúng ta muốn cách được vật thời nên thế nào ? Tất phải nhờ bằng công học vấn, chứng vào nơi kinh nghiệm; dã làm một việc gì, tất phải cầu cho đạo lý của việc ấy và phương pháp của việc ấy hoàn toàn nhóm đến ở trước mắt mình, mà trước mắt mình hoàn toàn thấy được việc ấy, khiến cho việc ấy với mình không rời nhau ra hai đường, như thế gọi bằng "cách vật".

Tỷ như làm một tên phu cày thời các đồ cày và công buổi cày cho đến con trâu cày, dám ruộng cày, tất thảy bày ra ở trước mắt mình, mà lại đường lối cày, phương pháp cày, không một tý gì không tinh thạo ở trong lòng mình. Thế mới là cách được vật cày.

Công phu cách vật vẫn như thế; nhưng trước khi cách vật thời ở chốn nào ? bằng cứ vào đâu mà cách được vật ? tất phải đồng thì có hai chữ "trí tri".

Bây giờ thích nghĩa hai chữ ấy.

Nghĩa chữ "trí" cũng có hai nghĩa : một nghĩa, "trí" là đắt đến, đem đến, kéo đến; lại một nghĩa. "trí" là cùng cực tận nơi. ***Kinh Dịch*** có câu : "khủng, trí, phúc dã" (恐致福也), nghĩa là cái tấm lòng lo sợ thời đắt tới được phúc. ***Binh Thư*** có câu : "trí nhân nhi bất trí ư nhân" (致人而不致於人), nghĩa là, đắt được người ta đến mà không bị người đắt mình đến. Chữ "trí tri" ở đây, cũng một nghĩa như chữ "trí" ở các sách trên kia, chỉ học "trí" là đắt đến tận nơi, mà cũng nghĩa là đắt nó đến nơi mình.

Bây giờ thích rút lại, thu lật hết chân tri chân thức vào trong óc mình, tức là "trí tri"; kéo đắt hết vật tình vật lý ở trong thiên hạ lại đến nơi với mình tức là "cách vật"; mà "trí tri" lại ở nơi "cách vật". Như thế là nghĩa câu "trí tri tại cách vật". Vì muốn cho chân tri chân thức tới tận nơi óc mình, tất phải khiến cho vật tình vật lý đến tận nơi trước mắt mình, có thể thời sức nghe, sức thấy của mình mới chân xác thực thà, sức biết của óc mình mới kỹ càng chắc chắn. Công phu làm nên "cách vật trí tri" là như thế.

Tuy nhiên, phạm vi của cách trí có rộng có hẹp, rộng cho đến vạn sự, vạn vật, mà hẹp từ nhất sự nhất vật. Ví như làm một người phu xe thời xe tức là vật, cách thức phương pháp đẩy xe tức là tri; cách trí việc đó được đến nơi thời là nghề kéo xe giỏi. Lại ví như làm một người nấu bếp, bao nhiêu đồ ở trong nhà bếp tức là vật, mà những cách thức phương pháp về nấu nướng, mua bán, dọn dẹp, sắp đặt tức là "tri", cách việc đó được đến nơi thời thành ra tên nấu bếp giỏi.

Nhất thiết cách trí về việc nhỏ, vẫn có như thế; mà suy cho thiệt rộng đến việc lớn, làm việc thiên hạ quốc gia thời thiên hạ quốc gia, nào thổ địa, nhân dân, xã hội, thì thế, thảy là "vật". Đến như kinh lý thổ địa thời nên thế nào ? Chế ngự nhân dân thời nên thế nào ? Tổ chức xã hội thời nên thế nào ? Ứng phó thời thế thời nên thế nào ? Làm thế nào cho mỗi vật "các đắc kỳ nghi"; làm thế nào cho mỗi

vật "thảy thỏa sở nguyện"; làm thế nào cho mỗi vật mỗi vật thảy kết quả được viên mãn thlnh công, đó tất thảy là "tri". Hễ vật đã "cách" được xong, tức là "trí tri" được hết. "Vật cách" xong rồi, "trí tri" hết rồi, thời thân chắc cũng tu, gia chắc cũng tề, quốc chắc cũng trị, thiên hạ chắc cũng bình, chỉ là công hiệu của "cách vật trí tri" mà thôi; mà thành ý, chính tâm là thực chứng cho được cách vật trí tri vậy.

Học giả đọc bài này nên chú ý vào 6 chữ "kỳ" : **tiên trị kỳ quốc, tiên tề kỳ gia, tiên tu kỳ thân, tiên chính kỳ tâm, tiên thành kỳ ý, tiên trí kỳ tri** và một chữ "tại" : **trí tri tại cách vật**

Chữ "kỳ" trên chữ "quốc" là thay chữ "thiên hạ"; chữ "kỳ" trên chữ "gia" là thay chữ "quốc"; chữ "kỳ" trên chữ "thân" là thay chữ "gia"; chữ "kỳ" trên chữ "tâm" là thay chữ "thân"; chữ "kỳ" trên chữ "ý" là thay chữ "tâm"; chữ "kỳ" trên chữ "tri" là thay chữ "ý". Duy chữ "tri" với chữ "vật" không thể chia ra làm hai cái mà cũng không thể dập nhập làm một chữ được, nên phải xâu bằng chữ "tại", mà chính giữa chữ "tri", chữ "cách" không có chữ "kỳ".

Bây giờ xin thích tóm lại cho dễ hiểu :

Trị hết được nước ở trong thiên hạ là thiên hạ bình; tề hết được gia ở trong một nước là quốc trị; tu hết được thân của người ở trong nhà là gia tề; chính hết được tâm ở trong thân là thân tu, thành hết được ý ở trong tâm là tâm chính; trí hết được tri ở trong ý là ý thành; mà trí tri thời tại ở dâu ? tại ở "cách vật". Cách được vật, chính là trí tri, mà trí được tri mới thấy là cách vật. Vậy nên ***Kinh Văn*** mới có bài nói tráo lại như sau này :

Vật cách nhi hậu tri chí; tri chí nhi hậu ý thành; ý thành nhi hậu tâm chính; tâm chính nhi hậu thân tu; thân tu nhi hậu gia tề; gia tề nhi hậu quốc trị; quốc trị nhi hậu thiên hạ bình.

物格而后知至，知至而后意诚，意诚而

后心正，心正而后身修；身修而后家齊，家齊而后國治，國治而后天下平。

Học giả đã thông ý nghĩa bài trên thời bài này dễ thông lắm. Nhưng chúng ta dễ hay nhận lầm là vì có hai chữ "nhi hậu".

Nghĩa hai chữ "nhi hậu" không phải nghĩa là "rồi sau mới" như chữ "nhiên hậu" đâu; chỉ thích nghĩa là "thế mới là" thời đúng với tinh thần ý tứ của tuyền bài. Vì điều mục chia làm tám điều mà tinh thần huyết mạch chỉ là nhất quán. Xin thích rõ như sau này :

Vật cách được hết thảy, thế mới là tri chí; tri đã chí hết thảy, thế mới là ý thành; ý đã thành được hết thảy, thế mới là tâm chính; tâm đã chính được hết thảy, thế mới là thân tu; thân đã tu được hết thảy, thế mới là gia tề; gia đã tề được hết thảy, thế mới là quốc trị; quốc đã trị được hết thảy, thế mới là thiên hạ bình.

Nói trái lại cho rõ ý nguyên văn, tri chứng cứ vào vật, vật còn chư cách được hết, lấy gì mà thấy được tri chí ? Tri sai khiến được ý, tri còn thiếu thốn, láy gì mà ý được thanh ? Ý chuyển vận được tâm, ý còn giả dối, lấy gì mà tâm được chính ? Tâm thống suất được thân, tâm còn nghiêng lệch, lấy gì mà thân được tu ? Góp bấy nhiêu thân thành ra nhà, nhà còn có một người thân chẳng tu, làm sao mà gia được tề ? Nhóm tất thảy nhà làm nên nước, nước còn có một nhà chưa tề, làm sao mà quốc được trị ? Họp tất thảy nước làm thiên hạ, thiên hạ còn có một nước chẳng trị, làm sao mà thiên hạ được bình ? Vậy nên nói tráo lại, tất thảy nước trị hết, thế mới là "thiên hạ bình"; tất thảy nhà tề hết, thới mới là "quốc trị"; tất thảy người mà thân tu hết, thế mới là "gia tề"; cái gì ở trong tâm ra, tất thảy chính cả, thế mới là "thân tu"; tất thảy ý mà ở trong tâm nghĩ ra, hoàn toàn thành thực, thế mới là "tâm chính"; tất thảy phần trí thức hoàn toàn thấu đáo, thế mới là "ý thành"; tất thảy đạo lý ở trong vạn vật hoàn toàn tới tận đến mình, thế mới là "tri chí".

Nói thuận, nói nghịch, suốt đầu suốt đuôi, tuy có tám điều, nhưng chủ não chỉ cốt ở hai chữ "cách trí". Cách được vật, trí được tri thời thành, chính, tu, tề, trị, bình thảy y thứ tự mà làm tới nơi hết. Công việc Đại học chi đạo chỉ ngần ấy mà thôi.

Nói về toàn thể là "minh minh đức", nuốt hết "cách, trí, thành, chính, tu". Nói về phần đại dụng là "thân dân" nuốt hết "tề, trị, bình".

Người ở trong nhà tất thảy thân với nhau là "gia tề"; người ở trong nước tất thảy thân với nhau là "quốc trị"; người ở trong thiên hạ tất thảy thân với nhau là "thiên hạ bình". Sự nghiệp "thân dân" mà đạt ư cực điểm, chính là sự nghiệp "minh minh đức" đã thập phần hoàn toàn; tới lúc đó tức đạt đến mục đích địa là "chí thiện". Chữ "chí" hai bài trên kia chính là chốn ấy.

Tự thiên tử dĩ chí ư thứ nhân, nhất thị giai dĩ tu thân vi bản.

自天子以至於庶人，壹是皆以修身為本。

Bài này tiếp lấy chữ "thiên hạ bình". Người ở trong thiên hạ, kể từ một người nguyên thủ thời gọi bằng "thiên tử", kể hết cả toàn thể nhân dân thời gọi bằng "thứ nhân"; trung gian tuy có các hạng người như "quan lại, hữu tư", v.v... nhưng tổng chi cũng là người trong thiên hạ. Người trong thiên hạ, ai nấy cũng phải có thân; thân mỗi người tu cho được trong ngoài trọn vẹn, tâm được chính, ý được thành thời thiên hạ, quốc gia mới bình, trị, tề, được hết. Nên ***Kinh văn*** lại nói rằng : Từ thiên tử cho đến ư thứ nhân, nhất luật thảy lấy tu thân làm gốc (**tự thiên tử dĩ chí ư thứ nhân, nhất thị giai dĩ tu thân vi bản**).

Chữ "bản" ở đây, cũng tức là chữ "bản" ở bài trên. "Tu thân" làm gốc cho "tề, trị, bình", tức là "minh minh đức". "Cách, trí, thành, chính" tức là công việc "tu thân". Ở trong hai chữ "tu thân", nuốt cả "cách, trí, thành, chính". Từ thiên tử đến thứ nhân, ai nấy cũng thảy "tu thân", thế là "gia tề,

quốc trị, thiên hạ bình" đó rồi.

Kỳ bản loạn nhi mạt trị giả, phủ hỹ; kỳ sở hậu giả bạc, nhi kỳ sở bạc giả hậu, vị chi hữu dã.

其本亂而末治者，否矣；其所厚者薄，而其所薄者厚，未之有也。

Trên kia đã nói "thân" là gốc, nếu "thân" không "tu" mà mong "gia tề, quốc trị, thiên hạ bình", thiệt không lẽ nào ! Bởi vì "thân" là gốc, "gia quốc, thiên hạ" là ngọn. Ngọn sở dĩ được tươi tốt nhờ ở gốc mà nảy nở ra; nếu gốc đã lọn mà mong ngọn trị được, chắc không rồi đó (**kỳ bản loạn nhi mạt trị giả, phủ hỹ**). Nền tảng người ta ở trong đời, sở dĩ dày dặn được là cốt ở thân; thân đã không tu là nền tảng đã mỏng mảnh rồi, nền tảng đã mỏng mạnh thời những cái ở ngoài nền tảng còn có dày vào đâu ! Nên những hạng người vật không cách, trí không tri, ý không thành, tâm không chính, thế là bạc với thân mình rồi. Thân là đáng hậu thứ nhất mà còn bạc đãi như thế, bảo rằng hậu với gia, quốc, thiên hạ, chưa bao giờ có thể (**kỳ sở hậu giả bạc; nhi kỳ sở bạc giả hậu, vị chi hữu dã**).

"Sở hậu giả", chỉ vào thân; "sở bạc giả" chỉ vào những giống ngoài thân; ý Thánh nhân không phải bảo người ta xem thâm là hậu mà bạc với thiên hạ, quốc, gia đâu.

Trên kia, ***Kinh Văn*** đã nói thân tu thế là "gia tề", gia tề thế là "quốc trị", quốc trị thế là "thiên hạ bình". Vả lại, gia, quốc, thiên hạ, chung tóm vào ở trong chữ "thân dân" thời có phải chia làm bên hậu, bên bạc đâu ! có phải hậu với thân mà bạc với gia, quốc, thiên hạ đâu ! Nhưng Thánh nhân rất ghét những hạng người không tu thân; ý họ đã bất thành, tâm họ đã bất chính, họ xem cái thân họ đã không muốn khác với cầm thú là họ khinh bạc cái thân họ đó rồi, chắc gia, quốc, thiên hạ, họ cũng tất thảy khinh bạc cả luôn; vì theo ở tâm lý của một hạng người ấy mà ***Kinh Văn*** mới có câu : "Kỳ sở hậu giả bạc nhi kỳ sở bạc giả hậu, vị chi hữu dã". Chúng ta đọc sách xin chớ nhận lầm.

Trên ấy là kinh nhất chương, nguyên lời nói của đức Khổng Tử mà thầy Tăng chép lại. Tuyển văn thầy có chính văn bảy bài, trọng yếu thứ nhất là câu "tri tri tại cách vật". Vì có cách vật, trí tri mới tri được chỉ mà định, định mà tịnh, tịnh mà yên, yên mà lự, lự mà đắc; trí tri cách vật, chúng ta chớ nhận lầm mà chia làm hai việc : tri với vật chỉ là một danh mục; cách với trí, chỉ là một công phu. Kêu tên thời phải có chữ "tri", chữ "vật"; thuyết lý thời phải có chữ "trí", chữ "cách", nhưng ý nghĩa thời hỗn hợp với nhau; mà học giả bắt tay vào làm cũng phải đồng nhất quán. Ví như nước với lạnh, lửa với nóng, tuy có hai danh từ, nhưng dã nước tức là lạnh, mà lạnh cũng ở nơi nước; lửa tức là nóng, mà nóng cũng ở nơi lửa. Còn 7 điều mục nữa, thầy nhờ công phu cách trí mà làm nên. Vậy nên công phu học vấn với đường lối kinh nghiệm, chúng ta không dám giây phút nào không để ý đến.

Từ đây sấp xuống là truyện thập chương. Ba chương đầu ở truyện là thích nghĩa "tam cương lĩnh"; từ chương thứ ba sấp xuống cho đến chương thứ mười là thích nghĩa "bát điều mục".

CHƯƠNG III

THÍCH NGHĨA KINH VĂN

1. Minh Đức Tân Dân

Khang Cáo viết : Khắc minh đức.

康 誥 曰 ： 克 明 德 ·

Sách ***Chu Thư*** thiên *Khang Cáo* có câu nói rằng : "**khắc minh đức**".

"Khắc", nghĩa là hay. Hay sáng đức minh. Chữ "minh" ở đây tức là chữ "minh" thứ nhất ở đầu sách ***Đại học***;

Thái Giáp viết : Cố thị thiên chi minh mệnh.

太 甲 曰 ： 顧 諟 天 之 明 命

Sách ***Thượng Thư***, thiên *Thái Giáp* có câu nói rằng : "**Cố thị thiên chi minh mệnh**. "Cố", nghĩa là cố niệm, thích theo tiếng quốc ngữ thời "cố" là "đoái nghĩ". "Thị", nghĩa là xét dò, cũng nghĩa là đính chính. Đoái nghĩ xét chính cho đến minh mệnh của trời. Chữ "minh mệnh" ở đây tức là minh đức ở dậu cùng sách. Theo như tính mệnh trời phú cho người thời gọi bằng "minh mệnh"; người được lấy minh mệnh ấy mà làm đức cho mình, đem minh mệnh của trời mà in vào ở trong lòng mình thời thành ra đức. Bây giờ đoái nghĩ xét chính cho đến minh mệnh là công việc làm cho được minh đức.

Đế Điển viết : Khắc minh tuấn đức.

帝典曰：克明俊德。

Sách *Ngu Thư*, thiên *Nghiêu Điển* có câu rằng : "**Khắc minh tuấn đức**". Nghĩa chữ "khắc" như nghĩa chữ "khắc" trên kia, cũng học nghĩa là "hay". "Tuấn", nghĩa vừa cao, vừa lớn, vừa xa. Đức gốc ở trời cho gọi bằng mình mệnh; khi đã in vào trong lòng người thời từ thân cho đến gia, quốc, thiên hạ không một người nào không đức ấy. Đức ấy vừa cao, vừa to, vừa xa, nên gọi bằng "tuấn đức". "Khắc minh", nghĩa là giữ gìn, trau chuốt ở trong mình mà lại khoách sung tuyên bố cho khắp cả thảy người, khiến cho phạm vi của đức càng rực rỡ nở nang, có thể như mặt trời, mặt trăng, không đâu không dọi đến, ấy là "khắc minh". Trên kia đã có chữ "khắc minh" cũng nghĩa như thế.

Giai tự minh dã (皆自明也).

Ba bài sách dẫn vào như trên kia, tất thảy là tự mình dó vậy.

Nghĩa hai chữ "tự minh" khó giải thích lắm. Chữ "tự nguyện", có nghĩa là "tự nhiên", mà lại có nghĩa là "tự giữa mình". Bởi vì minh đức gốc ở thiên lý tự nhiên mà đã phú vào cho ta thời tự mình ta phải hết sức dụng công làm cho thêm sáng láng mãi mãi; như thế là "tự minh". Tự giữa mình mà minh lấy minh đức cho đến tất thảy người, ai nấy cũng tự minh, đó là ý nghĩa của ba câu sách trên kia dẫn vào ("**khắc minh đức**", "**Cố thị thiên chi minh mệnh**", "**khắc minh tuấn đức**"). Vậy nên tóm lấy chữ "**giai**".

Trên đó là chương dẫu truyện.

Thang chi bàn minh viết : Cẩu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân.

湯之盤銘曰：苟日新，日日新，又日新。

Xưa vua Thang là một vị Thánh nhân ở dưới triều nhà Thương, ngài thường để ý vào minh đức, vậy nên ở bàn tắm của ngài có khắc vào 9 chữ gọi rằng "lời minh". Lời minh

rằng : **"Cẩu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân"**, nghĩa là người ta mình cái mình đức của mình, tất phải trau dồi cái điều tốt ở trong mình, xối rửa cho hết cái gợn xấu ở trong mình, thiệt làm sao cho được một ngày thấy mới (**cẩu nhật tân**); đã một ngày mới mà cứ ngày mới hoài, lại y nhiên thức mới như ngày bắt đầu mới (**nhật nhật tân, hựu nhật tân**).

Lời minh chỉ có 9 chữ, chia làm ba câu, mà kỳ thực chỉ có 4 chữ. Câu "cẩu nhật tân" là công phu thành ý chính tâm ở lúc đầu; câu "hựu nhật tân" là công phu thành ý chính tâm đã thành tựu ở lúc sau; câu "nhật nhật tân" là công phu tiếp tục ở trung gian, không giây phút nào gián đoạn. Tỷ dụ như thân thể của ta thường thường tắm rửa đổi mài, chỉ thấy trong bóng sạch sẽ in như ở thùng nước tắm mới ra, như thế là "hựu nhật tân"; cái "tân" ở ngày cuối cùng y nhiên như cái tân ở ngày đầu tiên. Nói thí dụ cho rõ, ngày mồng một vẫn là tân, mà đến ngày 30 cũng thấy mới mẻ sáng suốt như ngày mồng một; kể cho đài đến một năm, một kỷ, một đời người, chẳng khi nào là không thấy tân.

Ngẫm nghĩ cho hết ý thời đổi điều lỗi dời sang điều lành, cách cái cũ làm ra cái mới, thảy là công phu nhật tân; sự vật trong thiên hạ, tất phải giữ gìn cho được nguyên chất mới thấy được tân, mà cũng không lẽ không tăng tiến cải lương mà thấy được tân. Vậy nên cái vẫn mới mà càng trì bảo thủ cho được mới mãi là đạo lý thuộc về tinh thần; cái đã cũ mà sửa sang thay đổi, cách cựu làm cho ra tân là đạo lý thuộc về hình thức. Đạo lý thuộc về tinh thần là chính tâm, thành ý, tu thân; đạo lý thuộc về hình thức là kể cho hết tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Vậy nên muốn cho thường thường được mới mãi, lại muốn cho chốn nào cũng thấy mới, tất phải kiêm hết cả minh minh đức vào thân dân.

Khang Cáo viết : Tác tân dân.

康誥曰：作新民。

Truyện vì nhiếp chữ "tân" ở ba câu trên mà dẫn thêm bài sách này.

Sách ***Chu Thư***, thiên *Khang Cáo* có câu nói rằng : "**tác tân dân**". Chữ "tác" ở đây ý nghĩa rất to lớn, rất có tinh thần. Cái gì đã hủ bại mà trừ bỏ đi, cái gì đã mỏi mệt mà chấn khởi lên, thảy gọi bằng "tác". "Tác" lại phải thêm vào chữ "tân"; chữ "tân" cũng nghĩa như chữ "tân" ở trên kia : mài giũa cho sạch vít xấu, rửa tưới cho hết bụi nhơ, thảy gọi bằng "tân". Dụng hết công phu vào tác tân, thời ý người ai cũng thành, lòng người ai cũng chính, thân người ai cũng tu, mà thực hiện được tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Đó là minh minh đức, mà thân dân được đó vậy.

Chữ "tác" với chữ "tân" chớ chia làm hai tiệt. Có "tác" mới "tân", có "tân" mới chứng được "tác". Người ta thường hay học chữ "tác" là "làm" là không đúng nghĩa, chỉ nên học chữ "tác" là "chấn khởi".

Chữ "dân" đây cũng chỉ học "dân" là "người". Tòng lai, nhất thiết người thường hay trải lâu ngày thời sinh ra hủ bại, làm nhiều việc thời sinh ra chán mỏi, đã hủ bại lại chán mỏi, còn thế nào mà tân được ru ? Nên tất phải phấn phát tự cường, hết sức ở nơi chấn tác hưng khởi thời mới tân được dân. Chúng ta muốn sự nghiệp cho mới hoài, tất phải có tinh thần chữ "tác".. Học giả chớ bỏ ngơ chữ "tác". "Tác" nguyên có nghĩa là đứng dậy; ví dụ như người đương nằm mà thột nhiên đứng dậy, gà đương ngủ mà thột nhiên gáy to, thảy là ý tứ chữ "tác".

Thi viết : Chu tuy cựu bang, kỳ mệnh duy tân.

詩曰：周雖舊邦其命維新。

Truyện vì nhiếp chữ "tân dân" nên lại dẫn thêm bài sách này.

Kinh Thi ở thiên *Đại Nhã* có câu nói rằng : "**Chu tuy cựu bang, kỳ mệnh duy tân**", nghĩa là nhân dân của triều Chu, tuy vẫn ở vào nước đã cũ, nhưng cái minh đức của người đời ấy mà tức là minh mệnh của trời thời vẫn cứ mới hoài hoài.

Truyện dẫn câu này, chỉ là đoạn chương thủ nghĩa để làm chứng chữ "tân dân" bài trên, không phải theo như nguyên nghĩa ở trong ***Kinh Thi***. Bây giờ chỉ theo nghĩa truyện trên dây mà thích : "cựu bang", nghĩa là người nước ấy vẫn cũ; "mệnh tân", nghĩa là minh đức của người nước ấy thời vẫn mới luôn. Người dã cứ minh minh đức được luôn, tất nhiên người ở trong nước ấy ai náy cũng thân yêu nhau, đó là sự nghiệp thân dân mới triệt để.

Chữ "mệnh" ở dây hấng lấy chữ "thiên chi minh mệnh" ở tiết trên. "Mệnh", tức là "minh đức".

Xưa nay Thánh hiện trị nước, cần thứ nhất là hưng dân đức. Đức dân mà thường cứ mới hoài, có lo gì quốc không trị, thiên hạ không bình nữa ru ?

Thị cố quân tử vô sở bất dụng kỳ cực.

是故君子無所不用其極 ·

Chữ "thị" ở dây, đính ba tiết trên, nói góp cả "nhật tân, tân dân, tân mệnh". "Nhật tân, nhật nhật tân", là minh minh đức; "tác tân dân" với "cựu bang mệnh tân" là thân dân; nhưng tất phải chỉ ư chí thiện. Vậy nên quân tử ư mọi việc trên kia, không việc gì chẳng dụng tâm dụng lực làm cho đến triệt để (**vô sở bất dụng kỳ cực**). Bao giờ thấy được chỉ ư chí thiện mới là trọn vẹn được đạo Đại học. Vậy nên tuyển vân kết thúc lấy câu : "Vô sở bất dụng kỳ cực". "Cực" tức là chí thiện; "dụng" kỳ cực", là "chỉ ư chí thiện".

Trên kia chương thứ ba là thích "minh minh đức, thân dân" xong rồi. Bây giờ đỡ lấy câu "Quân tử vô sở bất dụng kỳ cực" mà giải thích cho rõ câu : "Chỉ ư chí thiện" như chương sau này.

CHƯƠNG IV

Tiết thứ I

2. Chỉ Ư Chí Thiên

Thi vân : bang kỳ thiên lý, duy dân sở chỉ.
詩云：邦畿千里，惟民所止。

Đây là dẫn lời ***Kinh Thi*** thiên *Thượng Tụng* thơ Huyền Điểu mà thích nghĩa chữ "chỉ".

Kinh Thi nói rằng : Chỗ đô thành nước rộng đến nghìn dặm đất, là chỗ để cho nhân dân qui túc vào ở đó. Dân tất phải chỉ ở chỗ bang kỳ; đạo Đại học tất phải chỉ ở chỗ chí thiện. Bởi vì dân chưa được chốn bang kỳ mà chỉ là dân chưa có chốn qui túc; đạo Đại học chưa được chí thiện mà chỉ là học chưa đến chốn qui túc.

Tiết này cũng là đoạn chương thủ nghĩa để hình dung chữ "chỉ" ("Bang kỳ" là chốn kinh đô nhà vua).

Tiết thứ 2

Thi vân : Miên man hoàng điểu, chỉ ư khưu ngu. Tử viết : U chỉ, tri kỳ sở chỉ, khả dĩ nhân nhi bất như điểu hồ.

詩云：緡蠻黃鳥，止於丘隅。子曰：於止，知其所止，可以人而不如鳥乎？

Tiết này lại dẫn ***Kinh Thi***, thơ *Miên man* ở Tiểu Nhã, để cho thêm rõ nghĩa chữ "chỉ".

Kinh Thi nói rằng : Tiếng chim hoàng oanh kia déo dắt dịu dàng nghe ra hình dáng ý lắm ! Bởi vì nó mừng được chốn nó dậu. Chốn nó dậu ở dâu ? Tức là chốn góc cồn (**miên man hoàng điểu chỉ ư khưu ngu**) "Khưu ngu", là chốn góc cồn. Đức Khổng Tử đọc câu thơ ấy nói rằng : "Con chim kia ư lúc nó chỉ mà nó biết được chốn chỉ, nên tiếng miên man biểu hiện ra tinh thần tự đắc; chim còn biết như thế, có lẽ đâu người ta mà không bằng được chim nữa ru !" (**ư chỉ, tri kỳ sở chỉ, khả dĩ nhân nhi bất như điểu hồ**).

Chim tất phải tìm chốn khưu ngu mà chỉ; người tất phải tìm đến chốn chí thiện mà chỉ. Nếu người không chỉ ư chí thiện, té ra người mà thua chim hay sao !

Hai tiết trên đó chỉ vừa hình dung chữ "chỉ". Lại có như tiết dưới này thích cho rõ nghĩa "chí thiện".

Tiết thứ 3

Thi vân : Mục mục Văn Vương, ô tập hy kính chỉ; vi nhân quân : chỉ ư nhân; vi nhân thần : chỉ ư kính; vi nhân tử : chỉ ư hiếu; vi nhân phụ : chỉ ư từ; dữ quốc nhân giao : chỉ ư tín.

詩云：穆穆文王，於緝熙敬止，為人君：止於仁；為人臣：止於敬；為人子：止於孝；為人父：止於慈；與國人交：止於信。

Tiết này lại dẫn ***Kinh Thi*** thiên *Đại Nhã* thơ Văn Vương cho thêm rõ nghĩa chữ "chí thiện".

Kinh Thi nói rằng : Sâu xa vậy thay ! Đức Văn Vương

ta đã tiếp tục luôn luôn mà lại rực rỡ sáng láng, chỉ tỏ rõ ra tinh thần cung kính và thái độ yên tịnh thường thường đúng được chốn chỉ (**mục mục Văn Vương, ô tập hy kính chỉ**. "Tập", là thường tiếp tục luôn; "Hy", là dáng quang minh; "chỉ", là đúng chốn chỉ cũng tức là thiện. Vì có "tập hy kính" mà làm việc gì, hay xử địa vị nào, đối đãi với người nào, hoàn toàn đúng với chí thiện; tức như làm vua người thời chỉ vào ở đức nhân, làm tôi người thời chỉ vào ở đức kính, làm con người thời chỉ vào ở đức hiếu, làm cha người thời chỉ ở đức từ, giao tiếp với người ở trong nước thời chỉ vào ở đức tín.

Theo ở đạo chí thiện mà kể bằng trừu tượng thời có 5 chữ : **"nhân, kính, hiếu, từ, tín"**. Tùy ở việc, tùy ở địa vị mà đúng với 5 chữ ấy tức là thiện. Đạo làm vua rất lành là "nhân"; đạo làm cha rất lành là "từ"; đạo giao tiếp với quốc nhân rất lành là "tín". Chỉ ở 5 điều ấy tức là "chí thiện". Duy Văn Vương mới được như thế, mà rất hợp với đạo Đại học; nên truyện dẫn vào đây để làm gương cho học giả. "Nhân, kính, hiếu, từ, tín" là "minh đức"; thực hiện được 5 điều ấy ư trong thiên hạ thời tất thảy vua ai cũng "nhân", tất thảy tôi ai cũng "kính", tất thảy con ai cũng "hiếu", tất thảy cha ai cũng "từ", tất thảy quốc nhân giao tiếp với nhau ai cũng "tín". Đó là sự nghiệp "thân dân". Quân có đức nhân mà thân với thần; thần có đức kính mà thân với quân; tử có đức hiếu mà thân với phụ, phụ có đức từ mà thân với tử; quốc nhân có đức tín mà người trong các nước thảy thân với nhau. "Minh minh đức ư thiên hạ" cũng chỉ ngần ấy, công việc chỉ ư chí thiện như thế mới là hoàn toàn.

Chữ "quân" ở đây, không cần học nghĩa là "vua"; hễ người làm dầu mục có thể gọi bằng "quân" cả. Chữ "thần" ở đây, không cần học nghĩa bằng "tôi"; hễ làm công bộc thảy gọi bằng "thần". Hễ nhưng người trẻ tức là "nhân tử", hễ những người già tức là "nhân phụ". Xem năm chữ "nhân" thời ý nghĩa rõ lắm. Ở trong hai chữ "quốc nhân", góp hết cả quân, thần, tử, phụ. Xem chữ "nhân thần" thời quân là

nhân, xem chữ "nhân quân" thời thần là nhân, xem chữ "nhân phụ" thời tử là nhân, xem chữ "nhân tử" thời phụ là nhân. Lấy chữ "quốc nhân" nâng đỡ bốn chữ "nhân" trên thiệt quá chừng hay, mà lại qui hóa nhất là chữ "tín".

"Tín" là nghĩa làm sao ? Nghĩa là, trong ngoài vỏ ruột in như một hết, trước sau đầu đuôi in như một hệt; đã hữu hằng lại chân thật mới gọi bằng tín. Nhân mà không tín thời là giả nhân, kính mà không tín thời là mạo kính; hiếu mà không tín thời hiếu bằng cách hư văn; từ không không tín thời từ bằng cách cô tức; chỉ duy nhân, kính, hiếu, từ mà qui nạp vào một chữ "tín" mới là "chí thành bất tức", mà thật là "chỉ ư chí thiện". Học giả nên nhận kỹ ý ấy.

Tiết thứ 4

Thi vân : Chiêm bỉ Kỳ úc, lục trúc y y, hữu phỉ quân tử, như thiết như tha, như trác như ma, sắt hề giản hề, hích hề, huyến hề, hữu phỉ quân tử, chung bất khả huyên hề, như thiết như tha giả, đạo học dã; như trác như ma giả, tự tu dã; sắt hề, giản hề giả, tuận lật dã; hích hề, huyến hề giả, uy nghi dã; hữu phỉ quân tử, chung bất khả huyên hề giả, đạo thịnh đức chí thiện; dân chi bất năng vong dã.

詩云：瞻彼淇澳，菉竹猗猗，有斐君子，如切如磋，如琢如磨，瑟兮僴兮，赫兮喧兮，有斐君子終不可諠兮；如切如磋者：道學也，如琢如磨者：自修也，瑟兮僴兮者，恂慄也，赫兮喧兮者：威儀也，有斐君子終不可諠兮者，道盛德至善；民之不能忘也。

Tiết này lại dẫn ***Kinh Thi*** thiên *Vệ Phong*, thơ Kỳ Úc để cho thêm phát minh "chí thiện".

Kinh Thi nói rằng : Xem ở bờ vũng nước sông Kỳ kia,

có cây trúc sác lục tốt dờn dờn vậy (**chiêm bỉ Kỳ úc, lục trúc y y**). Người quân tử có văn chương đó, ví như làm đồ xương sừng, đã dùng dao mà cắt nó, lại dùng bào mà chuốt nó; lại như làm đồ ngọc, đã dùng chùy tạc để xẻ nó, lại dùng đá gát để mài nó (**hữu phi quân tử, như thiết như tha, như trác như ma**), bóng nghiêm nhặt vậy (**sắt hề**), cứng cát chỉnh tề vậy (**giản hề**), chói chang sáng láng vậy (**hích hề**), rực rỡ tươi tốt vậy (**huyến hề**). Người quân tử có văn chương đó, thiệt trọn đời không bao giờ quên đặng vậy (**hữu phi quân tử chung bất khả huyên hề**).

Truyện thích nghĩa ***Kinh Thi*** mà nói thêm rằng : Câu "như thiết như tha", là nói công phu học vấn vậy; câu "như trác như ma", là nói tu trị trong mình vậy; câu "sắt hề, giản hề", là nói cái đức tin thật cung kính vậy; câu "hích hề, huyên hề", là nói cái uy nghi ở mặt ngoài vậy; câu "hữu phỉ quân tử chung bất khả huyên hề", là nói đức thịnh rất lành, dân không thể nào quên đặt vậy.

Trên kia, nguyên văn ***Kinh Thi*** chỉ 9 câu, truyện văn thích lại có 10 câu. "Đạo học giả" là thích câu "như thiết như tha", nghĩa là công phu học vấn vẫn đã tinh mà lại muốn cho tinh thêm, tượng như nghề làm xương sừng, đã "thiết" rồi mà lại "tha" thêm.

Câu "tự tu dã" là thích câu "như trác như ma", nghĩa là người ta sửa trị dồi mài lấy thân mình, đã tốt rồi mà còn muốn cho tốt thêm, tượng như nghề làm đồ ngọc, đã "trác" rồi mà lại muốn "ma" thêm nữa.

"Tuận lật dã", là thích câu "sắt hề giản hề", nghĩa là đức thành kính chất chứa ở bề trong.

"Uy nghi dã", là thích nghĩa câu "hích hề huyến hề", nghĩa là dung dáng chỉnh túc ở bề ngoài.

Câu "đạo thịnh đức chí thiện", là thích nghĩa câu "hữu phỉ quân tử chung bất khả huyên hề" bởi vì thành kính chứa ở trong mà uy nghi tỏ rõ ra ở bề ngoài, chính là có đạo đức rất thịnh, có công nghiệp rất lành, cảm hóa được khắp loài

người, ngám nghía càng sâu thời yêu mến càng lâu dài, chẳng bao giờ mà người quên được. Như thế mới đạt được mục đích "chỉ ư chí thiện".

Tiết dưới này lại muốn phát minh cho hết ý nghĩa nên lại dẫn lời ***Kinh Thi*** thơ Liệt Văn ở thiên *Chu Tụng*.

Tiết thứ 5

Thi vân : Ô hô ! Tiền vương bất vong, quân tử hiền kỳ hiền, nhi thân kỳ thân; tiểu nhân lạc kỳ lạc, nhi lợi kỳ lợi, thử dĩ một thế bất vong dã.

詩雲：於戲！前王不忘，君子賢其賢而親其親；小人樂其樂而利其利，此以沒世不忘也.

Kinh Thi có nói rằng : Hỡi ôi ! Các đấng tiền vương thiệt khiến cho chúng ta chẳng bao giờ quên đặng (**Ô hô ! Tiền vương bất vong**).

Sở dĩ "bất vong" là vì có sao ? Bởi vì thịnh đức chí thiện của tiền vương đã được như tiết trên kia nói; minh đức đã minh rồi thời sự nghiệp "thân dân" cũng thập phần viên mãn; người ở trong đời ấy, hễ là quân tử, ai nấy cũng qui trọng lấy người hiền mà đua nhau làm cho được hiền, ai nấy cũng yêu mến lấy người thân mà dày dạn cái tình thân; hễ là tiểu nhân, ai nấy cũng vui cái điều mình vui mà muốn cho tất thảy người vui; ai nấy cũng lợi điều mình lợi mà muốn cho thảy người được lợi (**quân tử hiền kỳ hiền nhi thân kỳ thân, tiểu nhân lạc kỳ lạc nhi lợi kỳ lợi**), vì thế nên người ta nhắc nhở hoài hoài mà không bao giờ quên đặng (**thử dĩ một thế bất vong dã**).

Quân tử là chỉ vào hạng có chức vị; tiểu nhân là chỉ vào hạng không có chức vị. Chữ "quân tử, tiểu nhân" ở đây khác ở mọi nơi : quân tử, tiểu nhân ở mọi nơi là nói về phần địa vị. Địa vị tuy có khác nhau, mà ở trong phạm vị "thân dân" thời

tất thảy người thảy là hạnh phúc chung nhau; nên một bên "hiền kỳ hiền nhi thân kỳ thân", một bên "lạc kỳ lạc nhi lợi kỳ lợi". Đã "hiền kỳ hiền thời không người hiền nào mà không đắc chí, đã "thân kỳ thân" thời không người thân nào mà không yêu nhau; đã "lạc kỳ lạc" thời không người nào mà không vui ngẩm; đã "lợi kỳ lợi" thời không người nào mà không no ấm.

Công việc "bình thiên hạ" đến đó là hoàn toàn triệt để, mà chính là hai chữ "chí thiện" ở đầu kinh đó vậy. Nên truyện văn dẫn bài này mà kết thúc chương này.

CHƯƠNG V

3. Cách vật Trí Tri

Tử viết : Thính tụng ngô do nhân dã, tất dã, sử vô tụng hồ; vô tình giả bất đắc tận kỳ từ, đại úy dân chí, thử vị tri bản, thử vị tri chi chí dã.

子曰：聽訟吾猶人也，必也使無訟乎；無情者不得盡其辭，大畏民志，此謂知本，此謂知之至也。

Chương này nguyên là chương thích nghĩa "cách vật trí tri" nhưng vì cổ kinh nguyên văn sót thiếu, dây chỉ biên thích những câu còn lại, vậy nên văn lý có hơi không tiếp tục mà cũng chắc không được như nguyên văn. Học giả chỉ có thể thấy được bao nhiêu thời nhận nghĩa bấy nhiêu. Tống Nho tuy có bài bổ truyện, nhưng chúng ta không thể tin theo được. Nên chỉ thích nghĩa nguyên văn như sau này :

Đức Thánh có nói rằng : Xử đoán việc kiện thời ta cũng như người vậy (**thính tụng, ngô do nhân dã**), ấ phải làm sao mà khiến được dân không ai kiện mới là rấ lành đó chứ (**tất dã sử vô tụng hồ**). Bởi vì còn đến nỗi dân có việc kiện mà cần người thẩm phán, thế thời những người vô tình còn được dem lời lẽ ngoa xảo mà dối dời khi chúng, thật chẳng lấy gì làm hay. Chỉ duy một hạng người có lòng nhân ái, có

đức cương minh, xui khiến cho những người vô tình, vừa kiêng né, vừa tín phục, không dám ở trước mặt mình mà hết được lời gian xảo của nó (**vô tình giả bất đắc tận kỳ từ**). "Tình", nghĩa là thật; "vô tình giả", là người không tình thật. Bởi vì những người vô tình đã không dám nói hết lời thời còn ai có tranh tụng nữa đâu ? Như thế là "sử vô tụng" được rồi đó.

Tuy nhiên, sở dĩ được "vô tụng" đó, há phải cậy uy quyền pháp luật mà ngăn cấm được người kiện đâu ! Chỉ cốt tự giữa bản thân mình, minh đức đã minh rồi, mà lại dân hết thảy thân với nhau rồi, tâm chí của dân tất thảy tín phục vì minh đức mà chẳng ai là còn vô tình nữa. Thế thời sở dĩ được vô tụng, gốc vì dân chí úy phục hung (**đại úy dân chí**); đó là gọi bằng "tri bản"; đó là gọi bằng "tri chí" ("tri chi chí", nghĩa là biết thật đến nơi).

Ý chính văn như trên kia chỉ mượn một việc thính tụng mà làm cho được sử vô tụng, tuy chưa thật hết nghĩa "cách vật trí tri", mà soi xét thấu được lòng người, biết được cái cội gốc làm chính trị; nếu không phải người "cách vật trí tri", chắc không làm nên. Lấy nghĩa ấy mà suy rộng ra, thời biết rằng muốn làm việc trong thiên hạ, tất trước hết phải cách cho hết vật trong thiên hạ, nào là vật tình, nào là vật lý, nào là vật thể, nào là vật dụng, nhất nhất thu nạp vào trong óc mình, đem đất tận đến trước mát mình, như thế mới là vật cách, vật đã cách tức là "tri chí" rồi. Nên truyện văn kết thúc chương này bằng câu "Thử vị tri chi chí dã". Học giả xem bài này, nên chú ý vào chữ "sử" với chữ "bản".

4. Thành Ý Chính Tâm

Chương này là thích nghĩa "thành ý chính tâm" của Kinh văn, chia làm 4 tiết :

Tiết thứ I

Sở vị thành kỳ ý giả, vô tự khi dã; như ố ác xú, như hiếu hảo sắc, thử chi vị tự khiếm; cố quân tử tất thận kỳ độc dã.

所謂誠其意者，毋自欺也；如惡惡臭，如好好色，此之謂自慊．故君子必愼其獨也．

Kinh văn có câu nói "thành kỳ ý", nghĩa là chớ có mình dối lòng mình vậy (**sở vị thành kỳ ý giả, vô tự khi dã**).

Hai chữ "tự khi" rất nên nhận cho ra nghĩa. Nguyên vì lòng trời phú cho mình mà gọi bằng lương tri, vẫn sẵn có đức sáng mà biện biệt được phải hay trái, lành hay dữ, mình cứ theo mệnh lệnh của lương tri, phải thời làm, trái thời cự, lành thời theo, dữ thời tránh, như thế là mình trung thành với lòng mình. Nếu trái lại, bỏ điều phải, lấy điều trái; theo điều dữ, cự điều lành, đó là mình giả dối với lương tri mình tức là khi lòng mình; khi lòng mình tức là "tự khi". Mình đã "tự khi" thời làm sao mà thành ý được ? Vậy nên thành kỳ ý tất trước cần nhất là cấm chỉ cái "tự khi".

Ba chữ "thành kỳ ý" lại phải nghiền cho ra nghĩa. "Ý" là động cơ ở trong lòng mình khi mới bắt đầu cảm xúc mà phát sinh ra tư tưởng, hoặc muốn làm việc gì, hoặc muốn xu hướng về đường nào, khi mới manh động ở trong lòng tức là "ý"; theo ở lúc mới manh động đó mà hết sức trung thành với lương tri, cấm tuyệt được cái múi "tự khi", như thế là "thành kỳ ý", xin học giả xem tiếp xuống mấy câu dưới này :

Như ố ác xú, như hiếu hảo sắc, thử chi vị tự khiểm, cố quân tử tất thận kỳ độc dã.

如惡惡臭，如好好色，此之謂自慊，故君子必愼其獨也。

Bốn câu này nên chú ý vào hai chữ "tự khiểm", mà hai chữ "thận độc" lại càng nên chú ý lắm. Tinh thần tuyền chương, quí trọng nhất là bốn chữ ấy.

"Tự khiểm" là phản đối với "tự khi". "Khiểm", nghĩa là đầy đủ, cũng nghĩa là chân thật. Sách ***Mạnh Tử*** có câu nói ràng : "**Ngưỡng bất quí ư thiên, phủ bất tạc ư nhân**" (仰不愧於天；俯不怍於人) (ngửa lên mà không thẹn với trời, cúi xuống mà không trên với người), đó là thực chứng được tự khiểm. Mà muốn cầu cho "tự khiểm", tất trước phải cấm tuyệt cái "tự khi". Nên truyện văn tiếp đỡ ba chữ "vô tự khi" mà đặt lời thí dụ cho ta rõ, nói rằng : "như ố ác xú", nghĩa là ghét điều chẳng lành, tất dáo để ghét, như lỗ mũi ghét mùi thúi; "như hiếu hảo sắc", nghĩa là ham điều lành, tất dáo để ham, in như con mắt ham sắc tốt. Ghét điều xấu, ham điều lành ía quả thật thà như thế thời hỏi tới thần lương tâm mà thần lương tâm vui sướng; xét đến nghĩa vụ làm người thời nghĩa vụ cũng chắc được hoàn toàn. Như thế là gọi bằng "tự khiểm".

Nói tóm lại, bớt được một phần "tự khi" thời thêm được một phần "tự khiểm", bao giờ mười phần "tự khiểm" đủ thời là ý thành được rồi. Cái công phu thành ý chỉ quan hệ nơi "tự khiểm" mà không "tự khi". Mình giả dối lấy mình thời là "tự khi"; mình thành thực lấy mình thời là "tự khiểm". Chỉ

mình với mình mà không quan hệ đến ai cả là gọi bằng "tự". Chữ "tự" đó tức là "độc".

Tai mình, mình nghe lấy mình; mắt mình mình thấy lấy mình; óc mình mình tư tưởng lấy mình, mà không một người nào ở ngoài chen vào cả, đó là gọi bằng "độc". Mà chốn "độc" đó là chốn rất nguy hiểm. Bởi vì không kiêng né ai, không sợ hãi ai mà chỉ là một mình mình biết, một mình mình hay, thành ra muốn sao thời muốn, làm sao thời làm, rồi đến nỗi sai một ly đi một dặm. Cái "độc" đó chẳng phải là rất đáng kinh sợ hay sao ? Vậy nên các bậc quân tử tất phải cẩn thận ở nơi đó. Kính cẩn ở chốn "độc" của mình thời chắc không bao giờ tự khi, mà lại chắc bao giờ cũng "tự khiểm". Cái chốn mà mình được "tự khiểm" đó chỉ là cái chốn "độc" mà quân tử phải hết sức cẩn thận đó, quyết không cho hình thức ngoài được lừa dối mình, mà cũng quyết không cho tinh thần trong mình vì ngoại vật mà thay đổi. Đó là công phu "thận kỳ độc" của quân tử. Nên ở tiết này kết thúc lấy câu "quân tử tất thận kỳ độc".

"Độc", là nghĩa làm sao ? "Độc", nghĩa là một. Mỗi một người tất có sức tự lập của người ấy; mỗi một người tất có trí khôn tư tri của người ấy.. Nói rút lại thời độc là chốn tự tri, tự năng của một mình, "thận kỳ độc", là cẩn thận kính sợ ở chốn một mình, không ai thấy đến, không ai nghe đến, mà tự giữa mình cẩn thận lấy mình, tức là "thận kỳ độc".

Tiết thứ 2

Tiểu nhân nhàn cư vi bất thiện, vô sở bất chí; kiến quân tử nhi hậu yểm nhiên; yểm kỳ bất thiện nhi trứ kỳ thiện; nhân chi thị kỷ như kiến kỳ phế can nhiên, tắc hà ích hỹ. Thử vị thành ư trung, hình ư ngoại; cố quân tử tất thận kỳ độc dã.

小人閒居為不善，無所不至；見君子而後掩然，掩其不善而著其善；人之視己如見其肺肝然，則何益矣。此謂誠於中，形於外，故君子必愼其獨也。

Từ đây sấp xuống, là kể cái tệ bệnh "tự khi" của tiểu nhân.

Tiểu nhân đương lúc bình thường ở nể, làm những việc chẳng lành, chẳng việc gì làm không đến (**tiểu nhân nhàn cư vi bất thiện, vô sở bất chí**), đụng thấy quân tử mà sau thốt nhốt vậy; bưng bít những việc bất thiện mà giả đò lòe những việc tốt lành ra (**kiến quân tử nhi hậu yểm nhiên, yểm kỳ bất thiện nhi trứ kỳ thiện**), như thế mạc dầu, mà người ta xem nó như đã thấy rõ được gan phổi nó rồi, thế thời có ích lợi gì đâu (**nhân chi thị kỷ như kiến kỳ phế can nhiên, tắc hà ích hỹ** đó gọi là cái gì đã thật có ở trong tất nhiên hình hiện ra ở ngoài (**thử vị thành ư trung, hình ư ngoại**).

"Thành ư trung", nghĩa là cái tâm thuật "thiện" với "bất thiện" đã thật thà chứa trữ ở bể trong; "hình ư ngoại", nghĩa là trong có thế nào, tất nhiên hình hiện ra ngoài cũng thế ấy. Chẳng bao giờ ở trong đã xấu mà ngoài giả làm tốt được. Vậy nên quân tử tất cả kinh thận ở chốn một mình vậy (**cố quân tử tất thận kỳ độc dã**).

Chữ "độc" rất khó giải nghĩa. "Độc", nghĩa là trong chốn tâm thuật ẩn vi chỉ một mình mình biết mà thôi. Đó là một nghĩa. Lại một nghĩa là tự thân mình, mình chỉ tự cường tự lập lấy mà không cậy đến người ngoài. Nghĩa sau có ý hay hơn nghĩa trước, thời "độc" là ở nơi tâm; theo nghĩa sau thời "độc" kiêm cả thân với tâm.

Sách ***Tuân Tử*** giảng nghĩa "thận độc" : "thận", nghĩa như chữ "thành", "độc", nghĩa như chữ "kỷ".

"Kỷ" là mình rất thành thực ở giữa mình, không cần thầy dạy, không cậy bạn giúp, không kiêng né người ngoài chê bai mà chỉ tự mình thành thực làm lấy cho mình. Đức mình, mình

lo tiến; nghiệp mình, mình lo tu; mình độc lập lấy mình, đó mới là "thận độc". Nên Tuân Tử có câu nói rằng :

Thiện chi vi đạo giả, bất thành tắc bất độc.

善之為道者，不誠則不獨。

Nghĩa chữ "độc" đó hay hơn nghĩa chữ "độc" của Chu Tử chú, nên biên vào đây để cho rộng mắt của độc giả; và lại giảng nghĩa chữ "thận", học "thận" là thành, càng thiết với nghĩa "thành ý".

Tiết thứ 3

Tăng Tử viết : Thập mục sở thị, thập thủ sở chỉ, kỳ nghiêm hồ !

曾子曰：十目所視，十手所指，其嚴乎！

Thầy Tăng Tử có nói rằng : Vẫn ở trong lúc một mình, mà hình như có 10 mắt dòm vào, có 10 tay trỏ vào, thiệt đáng sợ hãi lắm đó mà ! (**thập mục sở thị, thập thủ sở chỉ, kỳ nghiêm hồ**).

Học giả đọc bài này nên biết rằng "thập mục, thập thủ", không phải nói nhất định có 10 tay, 10 mắt đâu ! Tuy trong lúc một mình ở, một mình ngồi, có thấy chăng nữa chỉ 2 mắt mình, có trỏ chăng nữa, chỉ 2 tay mình, mà vì trong lòng mình thành thực kính sợ, xem như hình có 10 con mắt ở xung quanh mình, 10 cái tay ở trước sau mình, không giây phút nào mà dám luông tuồng cẩu thả. Như thế mới là công phu "thận độc".

Tiết thứ 4

Phú nhuận ốc; đức nhuận thân; tâm quảng, thể bàn. Cố quân tử tất thành kỳ ý.

富潤屋，德潤身；心廣體胖，故君子必誠其意。

Tiết này lại nói thêm cho rõ nghĩa chữ "thành ý", lấy câu "**phú nhuận ốc**", mà thí dụ bằng "**đức nhuận thân**"; nghĩa là, trong nhà có tư bản giàu, tất nhiên trau dồi được nhà đẹp (**phú nhuận ốc**); hễ trong lòng có đạo đức thịnh, tất nhiên trau dồi được thân tốt (**đức nhuận thân**).

Chữ "thân" ở đây nói góp cả tinh thần và xác thịt; "trí" được "tri", "thành" được "ý", "chính" được "tâm" là "nhuận" được "thân" về tinh thần; "tu" được thân, "tề" được gia, "trị" được quốc, "bình" được thiên hạ là "nhuận" được thân về xác thịt. Nói tóm lại, ở trong lòng mình, trí thức không cái gì không sáng suốt, tư tưởng không cái gì không chính đại, đó là "tâm đã "quảng" rồi. "Tâm quảng" tức là "tâm chính"; tâm đã chính rồi, tất nhiên "thân tu". Lỗ tai tất nhiên tỏ, mà không cái nghe gì lầm; con mắt thấy tất nhiên sáng, mà không cái thấy gì lạc; tay chưa cử động, tất nhiên được hoạt bát, khoan thai, mà không tý gì trở ngại, chắc là "thể bàn" ("thể", nghĩa là toàn thể của thân mình; "bàn", nghĩa là nở nang khỏe khoắn) (**tâm quảng thể bàn**). Vì vậy, nên quân tử muốn tu thân "chính tâm", tất trước phải thành "kỳ ý" (**cố quân tử tất thành kỳ ý**).

Chữ "kỳ" rất có ý nghĩa. Ý là động ở trong tâm mà nấp ở trong thân; nên chữ "kỳ" thay được chữ "tâm" và cả chữ "thân".

"Phú nhuận ốc, đức nhuận thân", hai câu ấy là chứng rõ câu "thành ư trung, hình ư ngoại". Vì trong có "phú" thời ngoài mới có "nhuận ốc"; trong có "đức" thời ngoài mới có "nhuận thân". Nếu trong không phải "phú" mà giả cách "nhuận ốc", trong không "đức" mà kiểu sức làm "nhuận thân", té ra "vô nhi vi hữu, ước nhi vi thái, hư nhi vi dinh", không bao giờ có kết quả. Vậy nên chúng ta phải hết sức "thành kỳ ý".

5. Chính Tâm Tu Thân

Sở vị tu thân tại chính kỳ tâm giả. Thân hữu sở phẫn trí tắc bất đắc kỳ chính; hữu sở khủng cụ tắc bất đắc kỳ chính; hữu sở hiếu nhạo tắc bất đắc kỳ chính; hữu sở ưu hoạn tắc bất đắc kỳ chính.

所謂修身在正其心者：身有所忿懥則不得其正；有所恐懼則不得其正；有所好樂則不得其正；有所憂患則不得其正。

Kinh Văn có nói câu : "Tu thân tại chính kỳ tâm", vì có sao mà tu thân ở nơi chính tâm ? Bởi vì tâm với thân chỉ là một giống; muốn tu trì được thân, cũng chỉ tu trì ở nơi tâm mà thôi. Vậy nên thân có điều gì xấu, không trách tội tại thân, mà chỉ trách tội tại tâm. Tâm muốn cho chính, tất phải thường giữ mực trung hòa; trung thời tâm được cân bằng luôn; hòa thời tâm được thư thái luôn. Có như thế thời tâm mới chính được. Tâm chính tức là tu thân đó rồi. Phong khiến thân mình có dụng lấy điều gì tức giận thời chắc là tâm không được chính; hay dụng có việc gì kinh sợ thời chắc là tâm không được chính; hay dụng có điều gì ham muốn thời chắc là tâm không được chính; hay dụng có điều gì ưu hoạn thời chắc là tâm không được chính.

Nói tóm lại, "**hữu sở phẫn trí, hữu sở khủng cụ, hữu sở hiếu nhạo, hữu sở ưu hoạn**", bốn điều đó thảy là khiến cho tâm mình chếch lệch. Tâm đã chếch lệch thân làm sao

mà tu dặng đó ư ? Nguyên lai tâm thể phải cốt cho trong lặng, hòa bình để làm chủ tể cho thân; những sự vật tiếp xúc ở bề ngoài, không một giống gì lay động được tâm mình; nào là giận tức (**phẫn trí**), nào là sợ hãi (**khủng cụ**), nào là ham muốn (**hiếu nhạo**), nào là lo buồn (**ưu hoạn**), không giống gì xô đẩy dắt kéo được tâm mình thời có gì là "**bất đắc kỳ chính**" nữa đâu !

Tiết thứ 2

Tâm bất tại yên, thị nhi bất kiến, thính nhi bất văn, thực nhi bất tri kỳ vị; thử vị tu thân tại chính kỳ tâm.

心不在焉，視而不見，聽而不聞，食而不知其味；此謂修身而正其心。

Xem ý nghĩa tiết này, càng biết được thân, tâm chỉ là một giống; tu, chính, chỉ là một công phu. Tức như dòm bằng mắt, nghe bằng tai, ăn bằng miệng lưỡi, tuy vẫn công việc của thân, nhưng nếu trong lúc làm công việc đó mà tâm mình hoặc tha thích ở chỗ nào mà không đặt ý vào đó (**tâm bất tại yên**), lỗ tai có lắng mà té ra không nghe (**thính nhi bất văn**), miệng lưỡi có ăn mà té ra không biết mùi đồ ăn (**thực nhi bất tri kỳ vị**).

Nói cho đúng, "bất kiến, bất văn, bất tri" có phải là tội tại thân đâu ! Chỉ vì "tâm bất tại" mà thôi. Vì "tâm bất tại" mà con mắt mất cả sức kiến, lỗ tai mất cả sức văn, miệng lưỡi mất cả sức tri vị. Đó thật là tâm bất chính, không thể nào tu được thân. Nên Kinh văn mới bảo ta rằng : "Tu trị thân mình cốt ở chính tâm mình" (**thử vị tu thân tại chính kỳ tâm**).

6. Tu Thân Tề Gia

Chương này thích "**Tu thân tề gia**", chia làm 2 tiết :

Tiết thứ 1

Sở vị tề kỳ gia, tại tu kỳ thân giả.

所謂齊其家在修正其身也 ·

Chữ "gia" vẫn kèm cặp với chữ "quốc". "Tề kỳ gia" không phải tề một nhà mà thôi dâu, mà tất phải tề hết thảy nhà ở trong một nước. ·

Trên Kinh văn đã nói rằng : "Dục tề kỳ gia giả, tiên tu kỳ thân", nghĩa là muốn tề hết gia trong một nước, trước phải tu hết thảy thân những người ở trong nhà. Nên bây giờ truyện lại thích cho rõ nghĩa.

Gia ở trong một nước, tất đủ cả các hạng người, tổng chi gọi bằng nhân. Nên truyện văn mới nói rằng :

Nhân chi kỳ sở thân ái nhi tịch yên; chi kỳ sở tiện ố nhi tịch yên; chi kỳ sở úy kính nhi tịch yên; chi kỳ sở ai căng nhi tịch yên; chi kỳ sở ngạo đọa nhi tịch yên; cố hiếu nhi tri kỳ ác; ố nhi tri kỳ mỹ giả, thiên hạ tiển hỹ.

人之其所親愛而辟焉；之其所賤惡而辟焉，之其所畏敬而辟焉，之其所哀矜而辟

焉，之其所敖惰而辟焉；故好而知其惡，惡而知其美者天下鮮矣。

Trước kể cho rõ cái bệnh căn của người ta sở dĩ gia không tề, không trách tội ở gia mà trách tội ở thân; mà thân sở dĩ không tu, thời bệnh căn tại một chữ "tịch".

"Tịch", nghĩa là xiên vạy, cũng nghĩa là nghiêng lệch. ***Kinh Lễ*** có chữ "phi tịch chi tâm" (非辟之心).

Vì xiên vạy, nghiêng lệch ở trong lòng mà thân cũng không thể tu được; thân đã không tu thời không thể tề được gia. Vậy nên muốn tề được gia, tất phải đối đãi với người, lo trừng trị nhất thiết cái bệnh chữ "tịch"; nếu đối đãi với người trong nhà mà còn có cái bệnh chữ "tịch"; hoặc vì cái chốn thân ái riêng mà có lòng tịch (**chi kỳ sở thân ái nhi tịch yên**); hoặc vì cái chốn tiện ố riêng mà có lòng tịch (**chi kỳ sở tiện ố nhi tịch yên**); hoặc vì cái chốn úy kính riêng mà có lòng tịch (**chi kỳ sở úy kính nhi tịch yên**); hoặc vì cái chốn ai căng riêng mà có lòng tịch (**chi kỳ sở ai căng nhi tịch yên**); hoặc vì cái chốn ngạo dọa riêng mà có lòng tịch (**chi kỳ sở ngạo đọa nhi tịch yên**). "Ngạo dọa", nghĩa là khinh lờn.

Năm câu trên đó trùm bọc lấy một chữ "nhân", bao bọc hết thảy người trong nhà mà cũng tức là người trong nước : nếu người nào người nào mà không cái bệnh "tịch" thời vẫn có thân ái, mà thân ái vì công tâm; vẫn có tiện ố, mà tiện ố vì công lý; vẫn có uy kính mà uy kính vì đạo đức; vẫn có ai căng, mà ai căng vì từ; dẫu có ngạo dọa mà ngạo dọa vì lòng ố ác. Như thế thời bao nhiêu người tốt, việc tốt tất thảy thân ái nhau, úy kính nhau; bao nhiêu người xấu, việc xấu, đáng tiện ố mà tiện ố, bao nhiêu người đáng ai căng, thời lấy lòng chí thành mà ai căng nó; bao nhiêu việc đáng ngạo dọa thời chiếu theo công lý mà ngạo dọa với nó, còn có thân người nào bất tu nữa đâu ? mà cũng có gia nào bất tề nữa đâu ? Sở dĩ được như thế là gốc vì trừng trị hết cái bệnh chữ "tịch". Nhưng khốn nạn thay ! Cái tâm thiên lý thường bị nhân dục

nó che lấp, mà cái bệnh căn vì xiên vạy nghiêng lệch (**tịch**) không mấy người trừng trị được. Truyện văn vì thế mà có lời đau đớn cho loài người rằng :

Cố hiếu nhi tri kỳ ác, ố nhi tri kỳ mỹ giả, thiên hạ tiển hỹ.

故好而知其惡，惡而知其美者天下鮮矣.

Tóm lại, cả 5 câu trên kia, thân ái, úy kính, ai căng, thuộc về phạm vi chữ "hiếu". "Hiếu", nghĩa là ham, là thuận thích với lòng mình. Hễ tính loài người, ai nấy cũng có hiếu, có ố; nhưng tất phải ở trong chốn mình hiếu mà biết có cái ác vẫn nấp ở trong ấy; ở trong chốn mình ố mà biết có cái mỹ vẫn nấp ở trong ấy, thời tuy hiếu mặc dầu nhưng không lẽ hiếu luôn cả cái ác; tuy ố mặc dầu, nhưng không lẽ ố luôn cả cái mỹ. Hiếu mà biết biện biệt ra được cái ác; ố mà biện biệt ra được cái mỹ, người được như thế mới là công bình mà phù hợp với thiên lý (**hiếu nhi tri kỳ ác ố nhi tri kỳ mỹ**). Nhưng mà người ấy ở trong thiên hạ dời nay thiệt là ít lắm (**thiên hạ tiển hỹ**).

Đầu tiết trùm lấy chữ "nhân", đuôi tiết kết lấy chữ "thiên hạ", học giả chớ nên bỏ qua. Để ý vào chữ "nhân" với chữ "thiên hạ" thời biết rằng tề gia, há phải nhất gia mà thôi dâu; tu kỳ thân, hác phải nhất thân mà thôi dâu ! Ý Thánh nhân trông mong cho loài người ai nấy cũng đem công tâm, công lý mà ăn ở với nhau; người mình hiếu mà chớ hiếu lầm lấy việc xấu; người mình ố mà chớ ố càn đến việc tốt thời chắc được thân ai nấy cũng tu, mà gia ai nấy cũng tề. Nên truyện văn tiết này kết thúc lấy chữ "thiên hạ".

Tiết thứ 2

Sang tiết thứ hai, hãng đỡ lấy chữ "tịch" mà dẫn chứng cho rõ, nói rằng :

Cố ngạn hữu chi viết : Nhân mạc tri kỳ tử chi ác,

mạc tri kỳ miêu chi thạc. Thử vị thân bất tu, bất khả dĩ tề kỳ gia.

故諺有之曰：人莫知其子之惡，莫知其苗之碩，此謂身不修，不可以齊其家。

Xin chứng vào lời tục ngữ càng biết rõ được bệnh "tịch" của người ta. Tục ngữ có câu nói rằng : Điều ác vẫn ai cũng ghét, mà đến điều ác của con mình thời té ra chẳng ai biết (**mạc tri kỳ tử chi ác**). Vì có sao vậy ? Là vì lòng thương con quá chừng mà hóa ra người mù mát (**nịch ái giả bất minh**) (của **Chu Tử** chú) (溺愛者不明). Cây má tốt có ai không biết ! mà đến khi trông vào má của mình thời không ai biết là má đã tốt (**mạc tri kỳ miêu chi thạc**). "Thạc", nghĩa là to lớn. Là bởi cái lòng quá ham được cho nhiều mà thành ra không biết đầy đủ. (**Tham đắc giả vô yếm**) (của **Chu Tử** chú).

Than ôi ! Con mình xấu mà không biết xấu; má mình tốt mà không biết là tốt, vì cái bệnh tịch mà mê hoặc đến như thế, thân làm sao mà tu được ru ? Gia làm sao mà tề được ru ? Đó chính là "thân không tu thời không thể nào tề được gia" (**thử vị thân bất tu, bất khả dĩ tề kỳ gia**).

7. Tề Gia, Trị Quốc

Chương này chia làm 6 tiết. Tiếp chương trên (**Tu thân, tề gia**) mà thích tới nghĩa Kinh văn : **"Tề gia trị quốc"**.

Tiết thứ 1

Sở vị trị quốc tất tiên tề kỳ gia giả.

所謂治國必先齊其家者 ·

Kinh có nói rằng : Muốn trì được nước, tất phải tề cho hết cả thảy nhà ở trong nước, là ý nghĩa như thế này :

Kỳ gia bất khả giáo, nhi năng giáo nhân giả, vô chi. Cố quân tử bất xuất gia nhi thành giáo ư quốc.

其家不可教，而能教人者：無之 · 故君子不出家而成教於國 ·

Hễ ở trong nhà mình còn không dạy được, mà hay dạy được người cả nước, chắc không đạo lý ấy (**kỳ gia bất khả giáo nhi năng giáo nhân giả, vô chi**). Bởi vì nhà tức là cái nước nhỏ, nước tức là cái nhà lớn. Vậy nên quân tử chẳng bao giờ trừ nhà ra ngoài mà thành việc giáo dục ư trong nước được (**cố quân tử bất xuất gia nhi thành giáo ư quốc**).

Hai chữ "xuất gia" khó thích nghĩa ! "Xuất gia", nghĩa là bỏ ngỏ nhà mà không dạy. Ý nói rằng : Muốn dạy cả nước,

tất cần phải dạy từ nhà; dạy hết cả từ nhà tức là dạy cả nước; mà bắt đầu phải dạy từ nhà mình, nên nói rằng : "bất xuất gia".

Tiết thứ 2

Hiếu giả, sở dĩ sự quân dã; đễ giả, sở dĩ sự trưởng dã; từ giả, sở dĩ sử chúng dã.

孝者，所以事君也；悌者，所以事長也；慈者，所以使眾也。

Thờ vua là việc ở nước, nhưng há phải đến nước mới có vua đâu ! Cha mẹ ở trong nhà cũng in như vua của nước; đối đãi với cha mẹ mà cho đúng đạo hiếu, đó tức sở dĩ thờ vua rồi (**hiếu giả sở dĩ sự quân dã**). Thờ kẻ lớn là việc ở nước, nhưng há phải đến nước mới có kẻ lớn đâu ! Người hơn tuổi mình ở trong nhà cũng in nhưng người trưởng của nước, đối đãi với người hơn tuổi mình ở trong nhà mà đúng với dạo dễ, tức sở dĩ thờ kẻ trưởng đó rồi (**đễ giả sở dĩ sự trưởng dã**). Sai khiến dân chúng là việc ở nước, nhưng há phải đến nước mới có dân chúng đâu ! Người con em thấy tớ ở trong nhà cũng in như dân chúng của nước; mình đối đãi với con em thấy tớ mà hết lòng thương yêu tức sở dĩ sử chúng đó rồi (**từ giả sở dĩ sử chúng dã**).

Thích tóm lại, gia với quốc, tuy có hai danh từ, mà tể với trị chỉ có một đạo lý. Sự quân, sự trưởng, sử chúng là việc ở nước, nhưng tất góp cả thấy nhà lại mới thành được vua (1), biết đối đãi với anh em mà dễ, tất nhiên cũng thờ được bậc lớn; biết đối đãi với con cháu, thấy tớ mà từ, tất nhiên cũng sử được dân chúng. Đem lòng hiếu ra mà sự quân, đem lòng dễ ra mà sự trưởng, đem lòng từ ra mà sử chúng, thời công

(1) Mấy chữ "**quân**" trong sách này, ta phải xem như Tổng thống đời này. Nói "**quân**" đây là nói bậc quân tuyệt hảo

việc nước đã đủ sẵn ở trong nhà rồi.

Ba câu trong tiết này là nói cho rõ nghĩa "**bất xuất gia nhi thành giáo ư quốc**".

Tiết thứ 3

Xuống đây là tiết thứ ba, thừa tiếp chữ "**từ**" mà chứng cho rõ nghĩa.

Khang Cáo viết : Như bảo xích tử, tâm thành cầu chi, tuy bất trúng, bất viễn hỹ. Vị hữu học dưỡng tử, nhi hậu giá giả dã.

康誥曰：如保赤子，心誠求之，雖不中，不遠矣。未有學養子，而後嫁者也。

Thiên Khang Cáo ở sách ***Chu Thư*** có lời nói rằng : Ví như nâng niu ôm ấp đứa con đỏ (**như bảo xích tử**).

"Xích tử" là đứa bé con khi mới sinh ra chưa biết nói, chỉ biết khóc mà thôi. Sở dĩ nói rằng "như bảo xích tử", là vì xích tử chưa hay nói, nó không biết tỏ rõ cái ý nó, nhưng mà người làm mẹ nó chỉ đem cái lòng thương nó mà chí thành thăm dò ý của nó, nghe nó khóc la lên mà đoán định cái ý nó ra thế nào (**tâm thành cầu chi**), tuy chưa thập phần đích trúng, nhưng chắc cũng không sai xa đó rồi (**tuy bất trúng, bất viễn hỹ**). Bởi vì cái tâm lý từ ái của mẹ mà dò ra được cái tâm lý của xích tử, tâm với tâm in nhau, vậy nên làm mẹ tất nuôi được con.

Xưa nay chưa có người nào trước học nuôi con mà sau mới gả lấy chồng đó vậy (**vị hữu học dưỡng tử nhi hậu giá giả dã**).

Ý tiết này là cốt nói người ta đối với quốc nhân, chẳng sợ mình không được lòng quốc nhân, mà chỉ sợ lòng mình không chí thành như bảo xích tử mà thôi.

Bảo xích tử ở trong một nhà, có thể suy ra mà bảo dân

ở trong một nước, dẫu có bất trúng cũng bất viễn đó vậy.

Tiết thứ 4

Nhứt gia nhân, nhứt quốc hưng nhân; nhứt gia nhượng; nhứt quốc hưng nhượng; nhứt nhân tham lệ, nhứt quốc tác loạn, kỳ cơ như thử; thử vị nhứt ngôn phấn sự, nhứt nhân định quốc.

一家仁，一國興仁，一家讓，一國興讓；一人貪戾，一國作亂；其機如此；此謂一言憤事一人定國。

("Hưng", nghĩa là có ý hăng hái chấn tác, cũng có ý đua nhau làm; "Phấn", nghĩa là hư hỏng, mà cũng nghĩa là đổ trúc; "Nhân", nghĩa là thân yêu lấy nhau; "Nhượng", nghĩa là kính nhường với nhau; "Tham lệ", là tham lam ngang trái).

Ý truyện văn nói rằng : Vì "tề, trị" chỉ có một lẽ, "gia, quốc" chung nhau một gốc, bắt đầu chỉ người trong một nhà có đức nhân, chẳng bao lâu tất thảy nhà ở trong một nước ai nấy cũng đua nhau mà làm nhân (**nhứt gia nhân, nhứt quốc hưng nhân**); bắt đầu người trong một nhà có đạo kính nhượng, chẳng bao lâu nhà trong một nước ai nấy cũng đua nhau làm việc nhượng (**nhứt gia nhượng, nhứt quốc hưng nhượng**).

"Nhân" với "nhượng" là tục rất tốt, nhưng gốc đầu chỉ nhứt gia mà dần dà nảy nở đến nhứt quốc. Nhà nào cũng nhân, nhà nào cũng nhượng đó là quốc trị rồi. Nếu trái lại, lúc đầu chỉ một người ở trong nước tham lam ngang trái mà sau đến nỗi ảnh hưởng khắp cả nước, thành ra tất thảy người ở trong nước ai cũng tham lam ngang trái, kết quả thời nổi lên việc loạn (**nhứt nhân tham lệ, nhứt quốc tác loạn**). Sở dĩ "nhứt quốc tác loạn" há phải tội tại nhứt quốc đâu ? gốc tội tại nhứt nhân (vua), tham lệ mà tràn nảy ra; cái máy động cơ đáng ghê gớm như thế (**kỳ cơ như thử**). Đó chính là vì

một lời nói mà hư hỏng việc, vì một người tốt mà yên định được nước (**nhứt ngôn phấn sự, nhứt nhân định quốc**).

Chữ "nhứt ngôn, nhứt nhân, học giả chớ nhận lầm. Chỉ "nhứt ngôn" mà thôi làm sao đến nỗi phấn sự ? Nhưng vì "nhứt ngôn" đó, truyền bá mãi mãi mà thành ra thiên vạn ngôn; lời nói không cánh mà bay, tuyền cả nước lầm lạc vì câu nói dở mà bao nhiêu việc hỏng hết, đó là "nhứt ngôn phấn sự".

Chỉ có một người, làm sao mà định được quốc ? Nhưng vì một người đó có thể làm tiêu biểu cho ức muôn người mà lại cái tinh thần của một người đó hấp dẫn được tinh thần của người trong một nước gốc chỉ một người mà hóa thành ức muôn người; tuy ức muôn người mà cũng in như một người. Ở trong một nước mà ức muôn người in như một người, còn có việc gì chẳng yên định nữa đâu ! Đó là "nhứt nhân định quốc".

Tiết thứ 5

Nghiêu, Thuấn suất thiên hạ dĩ nhân, nhi dân tòng chi; Kiệt, Trụ suất thiên hạ dĩ bạo, nhi dân tòng chi; kỳ sở lệnh phản kỳ sở hiếu nhi dân bất tòng; thị cố quân tử hữu chư kỷ nhi hậu cầu chư nhân, vô chư kỷ nhi hậu phi chư nhân; sở tàng hồ thân bất thứ nhi năng dụ chư nhân giả, vị chi hữu dã. Cố trị quốc tại tề kỳ gia.

堯，舜率天下以仁，而民從之，桀，紂率天下以暴，而民從之，其所令反其所好而民不從；是故君子有諸己而後求諸人，無諸己而後非諸人；所藏乎身不恕而能喻諸人者，未之有也。故治國在齊其家。

Vì chữ "quốc" là nói chung hết cả nước trong thiên hạ, nên tiết này có ý nói rộng đến thiên hạ.

Xưa vua Nghiêu, vua Thuấn đưa thiên hạ vào đường nhân mà dân theo đó (**Nghiêu, Thuấn suất thiên hạ dĩ nhân nhi dân tòng chi**). Kiệt, Trụ đưa thiên hạ vào đường bạo ngược mà dân cũng theo đó (**Kiệt, Trụ suất thiên hạ dĩ bạo nhi dân tòng chi**). Chữ "suất" có ý là làm gương cho người ta dòm.

Tiếp câu "**nhứt nhân định quốc**" ở tiết trên, có nhứt nhân như Nghiêu, Thuấn, thời thiên hạ theo đó mà dân trong thiên hạ thảy hưng nhân; có nhứt nhân như Trụ, Kiệt, thời thiên hạ theo đó mà dân trong thiên hạ thảy tác loạn. Bởi vì cái sở hiếu của nhất nhân mà ảnh hưởng quan hệ đến thiên hạ chỉ theo ở nơi sở hiếu mà không phải theo ở nơi sở lệnh; nếu cái sở lệnh trái với cái sở hiếu thời có sở lệnh mạc dầu mà dân không theo (**kỳ sở lệnh phản kỳ sở hiếu nhi dân bất tùng**) ("sở lệnh", nghĩa là cái mệnh lệnh tự một người xuất phát ra; "sở hiếu", nghĩa là cái lòng ham muốn của một người).

Đoạn này chuyên trách vào người nguyên thủ ở trong nước, nhưng suy rộng ra thời những người đã học đạo Đại học, tất thảy có trách nhiệm như thế. Nên truyện văn tiếp lấy mấy câu dưới này :

Thị cố quân tử hữu chư kỷ nhi hậu cầu chư nhân, vô chư kỷ nhi hậu phi chư nhân.

是故君子有諸己而後求諸人，無諸己而後非諸人。

Vì vậy, cho nên đấng quân tử đối đãi với loài người, cái điều gì tốt đã có sẵn trong mình mà sau mới cầu trách ư người ta (**hữu chư kỷ nhi hậu cầu chư nhân**); cái điều gì xấu đã không gác vào thân mình mà sau mới chê trách ư người ta (**vô chư kỷ nhi hậu phi chư nhân**). Vì có "hữu" mà cầu ư người ta mà người ta tin theo; cái gì mình "vô" mà sau trách người ta mà người ta thiếp phục. Nếu trái lại không phải "hữu chư kỷ" mà cứ một mực "cầu chư nhân"; không phải "vô chư kỷ" mà cứ một mực "phi chư nhân", thế là ở

trong thân mình đã chứa trữ lấy lòng bất thứ mà bảo rằng hay dạy dỗ được người, chưa có lẽ ấy bao giờ (**sở tàng hồ thân bất thứ nhi năng dụ chư nhân giả, vị chi hữu dã**).

Chữ "thứ" (恕) trọng yếu nhất ở trong tiết này, nghĩa đã thích kỹ ở ***Khổng Học Đăng thượng***, nhưng dẫy thích lược qua. Cứ như tượng chữ : chữ (如) ở trên, chữ (心) ở dưới là chữ (恕), nghĩa là lấy lòng mình mà suy ra cho ra đến lòng người mà biết lòng người cũng như lòng mình; người ưa ham cái gì thời ta thành tựu cái ấy cho người. Người ghét bỏ cái gì thời ta lo trừ khử cái ấy cho người, mà lại cái gì mình đã ưa ham, tất cũng cho người ta được ưa ham; cái gì mình đã ghét bỏ thời chớ nên đem cái ấy đối đãi với người. Đủ cả hai phương diện ấy tức là nghĩa chữ "thứ". "**Sở tàng hồ thân bất thứ**", nghĩa là bao trữ cái lòng ở trong thân mình không đúng với chữ "thứ". Chữ "dụ", nghĩa là dạy bảo.

Mình đã "bất thứ", thế là thân "bất tu", mà gia cũng "bất tề", làm sao mà dụ chư nhân để khiến cho quốc trị được ru ? Vậy nên "**trị quốc tại tề kỳ gia**".

Tiết thứ 6

Thi văn : Đào chi yêu yêu, kỳ diệp trăn trăn; chi tử vu qui, nghi kỳ gia nhân. Nghi kỳ gia nhân nhi hậu khả dĩ giáo quốc nhân.

詩云：桃之夭夭，其葉蓁蓁，之子于歸，宜其家人；宜其家人，而后可以教國人。

Đây sáp xuống dẫn lời ***Kinh Thi*** luôn ba bài để chứng cho rõ nghĩa "**trị quốc tại tề kỳ gia**".

Kinh Thi, thơ Đào Yêu ở thiên *Chu Nam* có nói rằng : Đương buổi mùa xuân, cây đào kia mơn mởn, lá đào kia xanh xanh (**đào chi yêu yêu, kỳ diệp trăn trăn**). "Yêu yêu", có ý non dịu; "trăn trăn" có dáng xanh xanh. Lễ đời xưa trai gái

kết hôn thường ở mùa xuân; cô con gái vừa lúc về nhà chồng, có phẩm hạnh đoan trang, có tính chất hiếu hữu, rất hòa hiệp với người trong một nhà (**chi tử vu qui, nghi kỳ gia nhân**).

Chữ "nghi" ở đây, rất có ý nghĩa : đối với cha mẹ mà phải đạo làm con; đối với anh em, chị em mà phải đạo làm em, làm chị; đối với tông tộc mà tông tộc cũng khen là người phải, như thế là "**nghi kỳ gia nhân**" đó rồi.

Nghi kỳ gia nhân nhi hậu khả dĩ giáo quốc nhân.

宜其家人，而后可以教國人。

Nhân vì một người phải mà người trong một nhà thảy đều phải; người trong một nhà đã đều tốt cả, bây giờ phong hóa lưu hành tất thảy nhà ở trong một nước, dâu dâu cũng mắc cái ảnh hưởng tốt; đến bây giờ mới có thể dạy được người trong nước (**nhi hậu khả dĩ giáo quốc nhân**).

"Giáo quốc nhân", chẳng phải điều gì lạ dâu, cũng chỉ khiến cho "nghi kỳ gia nhân" tất cả thảy, nên "tề kỳ gia" tức là "trị quốc".

Thi vân : Nghi huynh nghi đệ. Nghi huynh nghi đệ nhi hậu khả dĩ giáo quốc nhân.

詩云：宜兄宜弟；宜兄宜弟，而后可以教國人。

Đỡ lấy chữ "nghi" trên kia mà dẫn thêm câu ***Kinh Thi*** này.

Thơ "Lục Tiêu" ở thiên *Tiểu Nhã* có câu nói rằng : Anh thiệt phải với đạo anh, em thiệt phải với đạo em. Vì em phải với đạo làm em mà thỏa hợp được lòng anh; vì anh phải đạo làm anh mà thỏa hợp được lòng em, thế là "**nghi huynh, nghi đệ**" đó rồi. Người trong một nhà mà đã "nghi huynh nghi đệ" cả thảy, lúc bấy giờ tất thảy huynh đệ ở trong một nước, ai cũng mắc cái ảnh hưởng tốt ấy mà sau có thể dạy được quốc nhân.

Thi vân : Kỳ nghi bất thắc, chính thị tứ quốc; kỳ vi

phụ tử huynh đệ túc pháp nhi hậu dân pháp chi dã. Thử vị trị quốc tại tề kỳ gia.

詩云：其宜不忒，正是四國；其為父子兄弟足法而后民法之也。此謂治國在齊其家。

Kinh Thi, thơ "Thi cưu" ở thiên *Tào Phong* có nói rằng : Uy nghi của người quân tử chẳng bao giờ có sai lầm, chính là cái chứng nghiệm đã thân tu mà gia tề rồi. Vậy nên công hiệu to lớn chẳng những ở một nhà, một nước mà thôi, mà lại chính được nước bốn phương ấy nữa kìa (**kỳ nghi bất thắc chính thị tứ quốc**). Nói rằng "**chính thị tứ quốc**" vẫn thấy được quốc trị rồi đó, nhưng nguyên nhân há phải ở quốc đâu ! Chính nguyên nhân ở gia kia mà ! Hễ người ở trong nhà, làm cha, làm con, làm anh, làm em, thảy có thể làm khuôn mẫu cho người được (**Vi phụ tử huynh đệ túc pháp**), mà sau người trong nước mới đều tuân theo làm khuôn mẫu đó vậy (**nhi hậu dân pháp chi dã**). Đó là cái lẽ trị nước chỉ ở nơi tề cho hết nhà (**thử vị trị quốc tại tề kỳ gia**). Câu này là kết thúc cả tuyền chương.

8. Trị Quốc Bình Thiên Hạ

(chia làm 16 tiết)

Tiết thứ 1

Sở vị bình thiên hạ tại trị kỳ quốc giả

所謂平天下在治其國者：

Thượng lão lão nhi dân hưng hiếu; thượng trưởng trưởng nhi dân hưng đễ; thượng tuất cô nhi dân bất bội; thị dĩ quân tử hữu hiệt củ chi đạo dã.

上老老而民興孝，上長長而民興悌，上恤孤而民不倍；是以君子有絜矩之道也。

Trên Kinh văn có nói rằng : Bình thiên hạ ở nơi trị được cả nước ở trong thiên hạ, là ý nói rằng : Làm người kẻ trên kính trọng người già mà dân đua nhau làm việc hiếu (**thượng lão lão nhi dân hưng hiếu.** Chữ "lão" trên là động từ, chữ "lão" dưới là danh từ. Làm người kẻ trên tôn trọng kẻ trưởng mà dân đua nhau làm việc đễ (**thượng trưởng trưởng nhi dân hưng đễ**). Chữ "trưởng" trên là động từ, chữ "trưởng" dưới là danh từ. "Lão", là người tuổi bằng ngang với cha mình; "Trưởng", là người tuổi bằng ngang với anh mình.

Làm người kẻ trên hay thương yêu con bé mồ côi, mà

dân bắt chước theo không làm điều ngang trái (**thượng tuất cô nhi dân bất bội**). "Cô" là con bé không cha không mẹ. Xem góp ba câu trên ấy thời muốn cho dân hưng hiếu, tất trước giữa mình phải lão lão; muốn cho dân hưng dễ, tất giữa mình trước phải trưởng trưởng; muốn cho dân bất bội, tất tự mình trước phải "tuất cô"; lấy lòng mình mà suy cho đến lòng người thời biết được lòng người cũng in như lòng mình, vì vậy cho nên quân tử có cái đạo lý bằng cách "hiệt củ" (**thị dĩ quân tử hữu hiệt củ chi đạo dã**). "Hiệt", nghĩa là đo lường; "củ", nghĩa là cái thước để làm đồ vuông, cũng có nghĩa là khuôn mẫu; đo lường cho đúng với thước vuông, gọi bằng "hiệt củ". Hai chữ "hiệt củ" ý thích như tiết thứ hai.

Tiết thứ 2

Sở ố ư thượng, vô dĩ sử hạ; sở ố ư hạ, vô dĩ sự thượng; sở ố ư tiền, vô dĩ tiền hậu; sở ố ư hậu, vo dĩ tủng tiền; sở ố ư hữu, vô dĩ giao ư tả; sở ố ư tả, vô dĩ giao ư hữu; thử chi vị hiệt củ chi đạo.

所惡於上，毋以使下；所惡於下，毋以事上；所惡於前，毋以先後；所惡於後，毋以從前；所惡於右，毋以交於左；所惡於左，毋以交於右；此之謂絜矩之道。

Như thế nào là gọi bằng đạo "hiệt củ" ? Xin xem như lời sau này :

Bởi vì địa vị và chức phận của người ta, tuy mọi người với mọi người có khác nhau, nhưng mà theo tâm lý thời ai cũng như ai; hễ điều gì xấu thời tâm lý ai cũng ghét. Vậy nên quân tử đối đãi với người, tất tự giữa lòng mình suy ra mà đối đãi bằng một cách công bình. Tỷ như mình làm người dưới mà có những điều gì mình không bằng lòng với người trên của mình thời chớ đem điều ấy sai sử người dưới của

mình (**sở ố ư thượng, vô dĩ sử hạ**). ("Sở ố", là những việc mà mình ghét giận). Mình làm người trên mà có những việc gì mình không bằng lòng với người dưới của mình thời chớ đem việc ấy đối dãi với người trên của mình (**sở ố ư hạ, vô dĩ sự thượng**). Người ở trước mình có những điều gì khiến cho mình ghét thời mình chớ đem điều ấy dắt kéo những người ở sau mình (**sở ố ư tiền vô dĩ tiền hậu**). Người ở sau mình có điều gì làm cho mình ghét, thời mình chớ đem những điều ấy mà tiếp dãi người trước mình (**sở ố ư hậu vô dĩ tùng tiền**). Người ở cạnh bên hữu mình có những điều gì khiến cho mình ghét, thời mình chớ đem điều ấy giao tiếp với người ở cạnh bên tả mình (**sở ố ư hữu, vô dĩ giao ư tả**); người ở cạnh bên tả mình có những điều gì khiến cho mình ghét thời mình chớ đem điều ấy giao tiếp với người cạnh bên hữu mình (**sở ố ư tả vô dĩ giao ư hữu**).

Thích tóm lại, "thượng, hạ, tiền, hậu, tả, hữu", sáu chữ ấy là địa vị của mỗi người ở chung quanh mình; chữ "sử, sự, tiễn, tủng, giao", năm chữ động từ ấy là nghĩa vụ của mình đối với các hạng người. Suy giữa lòng mình ra, biết được những việc gì người đối dãi với mình mà mình đã không bằng lòng, thời mình cũng nhất thiết không đem điều ấy đối dãi với người. Mấy câu dây, ý nghĩa cũng như câu ở trong sách ***Luận Ngữ*** : "Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân", và câu thầy Tử Cống : "Bất dục nhân chi gia chư ngã giả, ngô diệc dục vô gia chư nhân" ("bất dục" tức là "sở ố", "thượng, hạ, tiền, hậu, tả, hữu" là thay chữ "nhân"). Như thế là gọi bằng "hiệt củ chi đạo".

Chữ "hiệt củ" ở dây, chính là chữ "trung, thứ" ở trong sách ***Luận Ngữ***. Tiết trên đã có câu : "Sở tàng hồ thân bất thứ" ("bất thứ", tức là trái với đạo "hiệt củ"). "Thượng, hạ, tiền, hậu, tả, hữu" bốn mạt trên dưới tuy có khác nhau mà mình theo từ người, đối dãi bằng một cách vuông vức, cân bằng, hễ cái gì lòng mình đã ghét, thời mình biết được lòng người cũng ghét, chớ đem điều mình ghét đó mà đối dãi với người, đó tức là "thứ", mà đúng với đạo "hiệt củ".

Tiết thứ 3

Thi vân : Lạc chi quân tử, dân chi phụ mẫu; dân chi sở hiếu, hiếu chi; dân chi sở ố, ố chi; thử chi vị dân chi phụ mẫu.

詩云：樂只君子，民之父母；民之所好好之，民之所惡惡之；此之謂民之父母。

Tiết này dẫn lời ***Kinh Thi*** thơ Nam sơn hữu đài ở thiên *Tiểu Nhã* để cho thêm rõ nghĩa chữ "hiệt củ".

Kinh Thi có nói ràng : Vui vẻ hòa thuận vậy thay người quân tử ấy ! thiệt đáng làm cho mẹ cho dân (**lạc chi quân tử, dân chi phụ mẫu**).

Sở dĩ làm được cha mẹ cho dân là vì thế nào ? Là vì quân tử có đạo "hiệt củ", hay đem lòng mình dạt vào lòng dân, lại hay đem lòng dân mà để vào trong lòng mình; cái gì mà lòng dân đã vui ham (**dân chi sở hiếu**), thời mình cũng vui ham theo (**hiếu chi**), mà làm cho thỏa lòng vui ham của nó; cái gì lòng dân đã ghét giận (**dân chi sở ô**), thời mình cũng ghét giận theo (**ố chi**), mà làm cho thỏa lòng ghét của nó, như thế là bảo ràng "**dân chi phụ mẫu**".

Bốn chữ "**Dân chi phụ mẫu**", là có ý xem dân như con mình, cũng như câu : "**Như bảo xích tử**" ở tiết trên. Bênh vực dân in như bênh vực đứa con đỏ, không lấy quyền thế quan trưởng mà đối dãi với dân, chỉ lấy tấm lòng thương con mà đối dãi với dân thời chắc dân cũng xem mình như cha mẹ, nên nói ràng : "**dân chi phụ mẫu**".

Hai chữ "**lạc chỉ**" là nói cả tinh thần và hình thức; ở trong có tinh thần nhân ái, ở ngoài có hình thức vui hòa, thế là "lạc chỉ". Duy có "lạc chỉ", nên điều gì ham vui, điều gì ghét giận, thảy thuận theo như lòng dân, đó chính là đạo "hiệt củ" của quân tử.

Tiết thứ 4

Tiết này lại nói về mặt phản diện để răn cho những người không biết làm cha mẹ của dân, nên lại dẫn lời ***Kinh Thi***, thơ Tiệt Nam Sơn ở thiên *Tiểu Nhã*.

Thi vân : Tiệt bỉ nam sơn, duy thạch nham nham; hách hách sư doãn, dân cụ nhĩ chiêm; hữu quốc giả, bất khả dĩ bất thận, tịch tắc vi thiên hạ lục hỹ.

詩云：節彼南山，維石巖巖，赫赫師尹，民具爾瞻；有國者，不可以不愼，辟則為天下僇矣.

Kinh Thi có nói rằng : Cao lớn vậy thay hòn núi Nam sơn kia ! đứng dưới trông lên chỉ thấy đá chởm chởm (**tiệt bỉ nam sơn; duy thạch nham nham**) (chữ "tiết" ở đây đọc bằng chữ "tiệt"; "nham nham", có ý là và cao và dốc). Kìa quan Sư doãn, địa vị đã cao, danh vọng cũng trọng, là một người mà dân thảy trông nom vào mày đó (**hách hách sư doãn, dân cụ nhĩ chiêm**).

Truyện dẫn lời ***Kinh Thi*** mà thêm vào lời răn rằng : Hễ người đã có quyền quốc trưởng, chính là người mà dân "cụ nhĩ chiêm" đó, không thể không cẩn thận mà được dâu ! (**hữu quốc giả bất khả dĩ bất thận**).

Chữ "hữu quốc" ở đây là chỉ vào người làm quốc trưởng, như các vua ở đời quân chủ; nếu vào nước dân chủ, thời nhân dân lại là "hữu quốc giả". Bởi vì nước dân chủ, thời nhân dân ai nấy cũng có bản phận được cử làm quốc trưởng; nếu người quốc trưởng đó mà không biết kính cẩn, đem lòng "xiên vạy", chỉ biết tư tư tự lợi mà thôi thời đến nỗi người ta ai cũng ghét mà kết quả bị thiên hạ giết mà thôi (**tịch tắc vi thiên hạ lục hỹ**).

Tiết thứ 5

Thi vân : Ân chi vị táng sư, khắc phối thượng đế,

nghi giám vu Ân, tuấn mệnh bất dị; đạo đắc chúng tắc đắc quốc, thất chúng tắc thất quốc.

詩云：殷之未喪師，克配上帝，儀監于殷，峻命不易；道得眾則得國，失眾則失國。

Đây lại dẫn lời ***Kinh Thi***, thơ Văn Vương ở thiên *Đại Nhã* để cho rõ nghĩa hai tiết trên.

Kinh Thi nói rằng : Khi nhà Ân chưa mất nước, chính là khi chưa mất dân (**Ân chi vị táng sư**) ("Sư", nghĩa là chúng tức là nhân dân; "Vị táng sư", nghĩa là được lòng nhân dân). Bởi vì chưa mất nhân dân nên vua chúa nhà Ân hay phối hợp với thần thượng đế (**khắc phối thượng đế**).

(Thượng đế, là vị thần chúa tể ở trên trời. Lễ đời xưa tế trời lấy các vị tiên vương phối hưởng với thượng đế). Người đời sau nên trông nhà Ân làm gương : khi xưa, vị táng sư mà phối được đức thượng đế, bây giờ thời Ân đã táng sư rồi, nên nỗi cái tôn vinh bằng phối thượng đế cũng vì đó mà mất luôn. Vậy mới biết mệnh trời to lớn kia chẳng phải dễ dưng mà hưởng được dâu ! (**Nghi giám vu Ân, tuấn mệnh bất dị**).

Xem lời ***Kinh Thi*** như 4 câu trên ấy, thời biết được ý nghĩa trong câu thơ là nói thế này :

Người hữu quốc giả, vì sao mà được nước ? Lại vì sao mà mất nước ? Bởi vì cội gốc nước ở nơi nhân dân, hễ được lòng dân là đắc chúng, thời kết quả là được nước; mất lòng dân là thất chúng, thời kết quả phải mất nước (**đắc chúng tắc đắc quốc, thất chúng tắc thất quốc**).

Ý ***Kinh Thi*** là nói như thế, truyện sở dĩ dẫn lời thơ Văn Vương đó là hấng dỡ chữ "dân" ở hai tiết trên mà bảo cho chúng ta biết nước với dân là rất quan hệ.

Chữ "táng" và chữ "thất" nghĩa in như nhau. Chữ "đắc" là phản đối với chữ "táng".

Tiết thứ 6

Tiết này hãng dỡ lấy tiết trên mà qui trọng vào một chữ "đức".

Thị cố quân tử tiên thận hồ đức; hữu đức thử hữu nhân : hữu nhân thử hữu thổ; hữu thổ thử hữu tài; hữu tài thử hữu dụng.

是故君子先慎乎德；有德此有人，有人此有土；有土此有財，有財此有用·

Vì vậy cho nên bậc quân tử muốn "trị quốc, bình thiên hạ", trước hết chăm chỉ ở việc "minh minh đức" (**thị cố quân tử tiên thận hồ đức**).

Chữ "đức" ở đây, tức chữ "đức" ở đầu thiên.

Đạo Đại học vẫn làm cho đến thân dân; có thân được dân mới là có người. Nhưng sở dĩ có người, há phải tự dưng mà có được ru ? Tất phải có "minh minh đức". Hễ có đức rồi thời người gần duyệt phục, người xa qui hướng, đó tức là con người (**hữu đức thử hữu nhân**).

Chữ "nhân" ở đây nói hết cả thảy người tức là dân chúng (hữu nhân tức là đắc chúng). Đã "thân dân" mà "hữu nhân" rồi thời dấu chân người đến đâu thành ra đất nước ở đó; thổ địa nhờ có nhân dân sẵn có mà càng ngày càng khai tịch thêm, đó tức là "hữu thổ" (**hữu nhân thử hữu thổ**).

Thổ địa là cái kho trời để trữ của cải, bao nhiêu sinh sản phẩm tất thảy nhờ đất đai mà nảy nở ra. Nay đã có đất đai rồi, nào nông lợi, khoáng sản, lâm sản, đạo lộ hải hà, vô số tài sản không còn thiếu, đó tức là hữu tài (**hữu thổ thử hữu tài**).

Chữ "tài" ở đây bao bọc rất rộng : có tài sản thuộc về phần thiên nhiên; có tài sản thuộc về phần nhân tạo, thảy là thu nạp vào trong chữ "tài", mà tục ta thường gọi bằng "của". Hễ phàm người trong quốc gia, xã hội, sở dĩ sự nghiệp không được phát đạt, gốc vì kinh tế không được mở mang; mà nguồn

gốc của kinh tế cần thứ nhất là hữu tài. Bây giờ đã hữu tài rồi thời cái sự nghiệp ở quốc gia xã hội đã sẵn của dùng, muốn kiến thiết cái gì cũng phải nên, nào hậu dân sinh, lợi dân dụng, muốn làm gì cũng làm được ngay, đó là hữu dụng (**hữu tài thử hữu dụng**).

Câu sau này chỉ có 5 chữ, nhưng ngậm có hai nghĩa : một nghĩa, là muốn kinh dinh việc gì, tất cần phải có của; lại một nghĩa là, hễ đã có của rồi, tất phải đem của ấy mà kinh dinh mọi việc. Trái lại, muốn hữu dụng mà không của, thời không gạo làm sao thổi nên cơm ? (**xảo phụ nan vi vô mễ chi xuy**) (巧婦難為無米之炊).

("Xuy", là nấu ăn, ai giữ chức nấu ăn gọi là : **Tư xuy** 司炊). Nếu có của mà không biết dùng của thời tiền bạc té ra đổ chôn chết. Vậy nên chữ "tài" phải kèm cặp với chữ "dụng", là ý tứ rất hay).

Tuy nhiên, tài dụng sở dĩ có, tất trước nhờ có thổ địa; thổ địa sở dĩ có, tất trước nhờ có nhân dân; nhân dân sở dĩ có tất trước nhờ có minh đức. Vì có minh đức mà thân được dân, thời hữu dân, hữu thổ, hữu tài, hữu dụng, tất thảy ở trong lòng mẹ minh đức mà đẻ ra cả. Vậy nên truyện văn trùm lấy câu : "**Quân tử tiên thận hồ đức**".

Nói tóm lại, không "minh đức" thời không "thân được dân", thế là nhân không, mà thổ cũng không; thổ đã không, thời tài dụng chẳng lấy gì có. Vì lý do như thế, nên truyện văn tiếp xuống tiết dưới này.

Tiết thứ 7

Đức giả bản dã, tài giả mạt dã; ngoại bản, nội mạt, tranh dân thi đoạt.

德者，本也。財者，末也。外本內末，爭民施奪。

Xem như các tiết ở trên kia thời biết rằng : "Đức" là nền tảng ở đầu tiên, mà "tài" là sản nghiệp ở cuối cùng. Thí dụ như cái cây kia, đức là cội gốc, tài là ngành lá; cội gốc có tươi tốt thời nhành lá mới rậm rạp (**đức giả bản dã, tài giả mạt dã**). Vì vậy mà trong đạo Đại học quí trọng "đức" để làm gốc mà chất chứa sẵn ở bề trong; vun đắp "tài" để làm ngọn mà phát triển ở bề ngoài. "Bản" với "mạt" có trước, có sau thời nội với ngoại phải có tầng có lớp. Nếu chẳng thế, để đức ra ngoài, khinh rẻ cái gốc; riêng của vào trong mình, quí trọng cái ngọn. Thế thời cái đáng làm gốc mà lại xem bằng ngọn; cái đáng làm ngọn mà lại xem bằng gốc (**ngoại bản, nội mạt**). Cách hành vi đã diên đảo như thế, có bao giờ ác nhân mà được thiện quả nữa ru ? Bởi vì không trau về đức mà chỉ đua về tài, đức mỏng tất nhiên dân không theo, dân không theo nên phải tranh cho được dân; muốn tranh cho được dân, tất nhiên phải dùng đến võ lực. Một phương diện đã thua kém vì đức, còn một phương diện lại tham lam vì của, tất bên này cướp bên nọ, bên nọ cướp bên này, diễn thành ra tấn tuồng dạo tác (**tranh dân, thi đoạt**). "Tranh dân", nghĩa là muốn dân về mình mà dùng bằng cách chiến tranh. "Thi đoạt", nghĩa là muốn của về mình mà dùng bằng ngón cướp bóc. Bốn chữ ấy chính là chính sách thực dân địa của đế quốc đời nay.

Tiết thứ 8

Thị cố tài tụ tắc dân tán, tài tán tắc dân tụ; thị cố ngôn bội nhi xuất giả diệc bội nhi nhập; hóa bội nhi nhập giả diệc bội nhi xuất.

是故財聚則民散，財散則民聚：是故言悖而出者亦悖而入；貨悖而入者亦悖而出。

Tiết này là dỡ lấy bốn câu tiết trên mà phát minh cho hết cái lý do phải trái. Nhân vì "ngoại bản, nội mạt", mà chỉ lo nhóm góp cho nhiều của; của nhóm vào một chỗ tất nhiên

người giàu quá ít, người đói quá đông mà kết quả thời dân phải tan (**tài tụ tắc dân tán**). Kìa muốn tranh dân mà tranh bằng cách vô bản như thế, có bao giờ được dân đâu ! Chi bằng vun đắp cái nền đức mà cho của tan ra ở dân thời nhân dân ai nấy cũng lạc nghiệp an cư, mà kết quả được dân đông nhóm (**tài tán tắc dân tụ**). "Tụ", "tán", hai chữ phản đối nhau. Của chỉ làm giàu cho một nhà, thế là tài tụ, vì vậy mà dân đói quá nhiều, sở dĩ dân tán. Của chung cộng với cả thảy dân, thế là tài tán, thời dân thảy bằng lòng mà xúm nhau vào một chỗ, sở dĩ dân tụ.

Vì có lý do như thế thời biết lẽ phải ở trong thiên hạ, không gì quí trọng hơn đức. Đức chẳng những hay ở việc làm mà thôi, mà lại hay cả ở lúc nói; vì vậy cho nên người nào đã bất đức mà phun nhả ra lời nói, lấy những giọng trái đạo phi lý mà đối đãi với người thời người ta cũng lấy những lời trái đạo phi lý mà đối đãi với mình, đó chính là lời nói bội mà ra, tất cũng có lời nói bội mà vào (**thị cố ngôn bội nhi xuất giả, diệc bội nhi nhập**).

"Xuất", nghĩa là tự mình nhả ra; "nhập", nghĩa là tự người ngoài đưa vào; "bội", nghĩa là trái với đạo lý. ***Luận Ngữ*** có câu : "Hữu đức giả tất hữu ngôn", những câu nói trái với đức tức là "bội". Kìa nói phô phải cẩn thận ở lúc xuất, mà tiền của lại càng nên cân lường ở lúc nhập; nếu khi tiền của thu vào trong tay mình mà xét ra những giống của vào đó chỉ là ích kỷ hại nhân, thế là "hóa bội nhi nhập" đó rồi; của vào đã không phải lý, tất nhiên lúc của ra cũng ra bằng một cách tai hại (**hóa bội nhi nhập giả, diệc bội nhi xuất**).

"Bội nhi nhập", nghĩa là làm hại người mà được của vào. "Bội nhi xuất", nghĩa là vì của mà bị người làm hại mình. Chữ "hóa" tức là chữ "tài" ở câu trên. Chữ "tài" rộng hơn chữ "hóa".

Tiết thứ 9

Khang Cáo viết : Duy mệnh bất vu thường.

康誥曰：惟命不于常．

Đạo thiện tắc đắc chi, bất thiện tắc thất chi hỹ.

道：善則得之，不善則失之矣．

Tiết này lại hấng dỡ lấy chữ "tuấn mệnh" ở bài trên mà nói thêm cho kỹ.

Thiên *Khang Cáo* ở sách ***Chu Thư*** có câu rằng : Chỉ duy mệnh to lớn của trời không thường nhất định ở một chỗ (**duy mệnh bất vu thường**). Ý câu ấy nói rằng : Mệnh trời không bênh riêng ai; ai có đức mà lành thời hấng dỡ được ngay; ai vô đức mà chẳng lành thời hỏng mất ngay (**đạo thiện tắc đắc chi, bất thiện tắc thất chi hỹ**).

Chữ "thiện" chỉ vào câu "Tài tán tắc dân tụ"; "bất thiện", là chỉ vào câu "Tài tụ tắc dân tán". Hai chữ "chi" là thay chữ "mệnh". Chữ "đắc" là dỡ lấy chữ "đắc chúng" mà đắc luôn cả mệnh. Chữ "thất" dỡ lấy chữ "thất chúng" mà thất luôn cả mệnh. Bởi vì lòng người về đâu tức là mệnh trời về đó; lòng người bỏ ai tức là mệnh trời bỏ người ấy.

Tiết thứ 10

Sở Thư viết : Sở quốc vô dĩ vi bảo, duy thiện dĩ vi bảo. Cữu Phạm viết : Vong nhân vô dĩ vi bảo, nhân thân dĩ vi bảo.

楚書曰：楚國無以為寶，惟善以為寶；舅犯曰：亡人無以為寶，仁親以為寶．

Tiết này hấng dỡ lấy chữ "thiện" ở tiết trên mà dẫn hai câu sách để làm chứng.

Sách ***Quốc Ngữ*** nước Sở có nói rằng : Nước Sở không giống gì lấy làm qui trọng (**Sở quốc vô dĩ vi bảo**), chỉ duy

lấy điều lành làm quí trọng (**duy thiện dĩ vi bảo**). Lại có như lời ông Cửu Phạm, người nước Tấn, có câu nói rằng : "Người đã mất nước rồi không lấy gì làm của quí trọng, chỉ duy lấy lòng nhân thân làm quí trọng" (**vong nhân vô dĩ vi bảo, nhân thân dĩ vi bảo**). "Vong nhân", nghĩa là người mất nước tức là Trùng Nhĩ (Tấn Văn Công). "Nhân thân", nghĩa lấy lòng nhân thờ cha mẹ mình.

Tiết thứ 11

Tần Thệ viết : Nhược hữu nhất cá thần, đoán đoán hề vô tha kỹ, kỳ tâm hưu hưu yên, kỳ như hữu dung yên; nhân chi hữu kỹ, nhược kỷ hữu chi; nhân chi ngạn thánh, kỳ tâm hiếu chi, bất sí nhược tự kỳ khẩu xuất, thực năng dung chi, dĩ năng bảo ngã tử tôn lê dân, thượng diệc hữu lợi tai !

秦誓曰：若有一個臣，斷斷兮無他技，其心休休焉，其如有容焉；人之有技，若己有之，人之彦聖，其心好之，不啻若自其口出，實能容之，以能保我子孫黎民，尚亦有利哉！

Tiết này chia ra làm hai tiệt : Đây hãy thích nghĩa tiệt trên.

Lời thiên *Tần Thệ* ở sách ***Chu Thư*** có nói rằng : Như có một người làm tôi cho nước (**như hữu nhất cá thần**); người ấy vẫn quyết không tài nghề gì lạ (**đoán đoán hề vô tha kỹ**) ("đoán đoán", nghĩa là quyết hẳn; chữ "hề" là trợ ngữ từ; "kỹ", nghĩa là tài nghề), nhưng tốt nhất là cái tấm lòng của người ấy vừa rộng rãi vừa nhân từ, tỏ ra tinh thần đạo đức (**kỳ tâm hưu hưu yên**); xem độ lượng người ấy, thật in như cái khuôn dung nạp được thật nhiều (**kỳ như hữu dung yên**). Thấy người ta có tài nghề hay mà sẵn lòng yêu mến, xem như cái tài nghề của mình có (**nhân chi hữu kỹ,**

nhược kỷ hữu chi). Đó là ham yêu người có tài mà quên hết cái bờ vực người với mình; thấy người ta có đức hiền thánh thời trong lòng mình hết sức yêu chuộng, chẳng những lời khen ngợi tự ở miệng mình ra mà thôi (**nhân chi ngạn thánh, kỳ tâm hiếu chi) bất sí nhược tự kỳ khẩu xuất** ("bất sí" nghĩa là chẳng những); ham bậc hiền thánh mà thật ở trong lòng vui ham, miệng nói ra thế nào thiệt có như trong lòng chứa trữ thế ấy (**thực năng dung chi**). Vì người hay ái tài tôn đức được như thế, nên người có tài dùng được hết tài, người có đức dùng được hết đức, mà con cháu ta, nhân dân ta, thảy nhờ người ấy mà bảo thủ được lâu dài (**dĩ năng bảo ngã tử tôn lê dân**) ("lê dân", nghĩa là dân đầu đen). Trong nước mà có một người tôi như thế, chẳng những lợi ích cho người ấy mà thôi, mà cũng có lợi ích cho tuyền nước vậy thay (**thượng diệc hữu lợi tai**).

Đây lại thích xuống tiết dưới :

Nhân chi hữu kỹ, mạo tật dĩ ố chi; nhân chi ngạn thánh nhi vi chi, tỷ bất thông, thực bất năng dung, dĩ bất năng bảo ngã tử tôn lê dân, diệc viết đãi tai.

人之有技，媢嫉以惡之，人之彥聖，而違之，俾不通，實不能容，以不能保我子孫黎民，亦曰殆哉。

Trái lại, có một hạng người tôi như thế này : Thấy người ta có tài nghề, đem lòng ghen tương mà ghét người ấy (**nhân chi hữu kỹ, mạo tật dĩ ố chi**) ("mạo tật" nghĩa là ghen ghét), thấy người ta hiền mà mình có lòng chống cự, khiến cho người ấy phải cùng khốn (**nhân chi ngạn thánh nhi vi chi, tỷ bất thông** ("tỷ", nghĩa là khiến; "bất thông", nghĩa là tài đức không phát triển ra được). Xem độ lượng người ấy thật quá chật hẹp mà không thể dung nạp được ai (**thực bất năng dung**). Vì thế, nên người có tài mà thành ra người vô dụng; người có đức mà thành ra người không làm được ơn cho dân, đến nỗi con cháu ta, nhân dân ta, thảy vì người tôi ấy mà kết quả không bảo thủ được (**dĩ bất năng bảo ngã tử tôn lê**

dân). Thế thời chẳng những nguy hại cho mình người ấy mà thôi, mà cũng nguy hải đến dân cả nước nữa vậy thay ! (**diệc viết đãi tai** ("đãi", nghĩa là nguy hại).

Duy nhân nhân phóng lưu chi, bỉnh chư tứ di, bất dữ đồng trung quốc; thử vị duy nhân nhân vi năng ái nhân, năng ố nhân.

唯仁人放流之，迸諸四夷，不與同中國；此謂唯仁人為能愛人，能惡人。

Hạng người "bất năng dung" như trên kia nói, thiệt làm hại cho quốc gia xã hội nhiều lắm; đối đãi với hạng người ấy chỉ duy bậc người nhân mà có quyền chính trị, tất phải đem nó đẩy đổ đi ngay, đuổi nó ra mọi rợ bốn phương, không cho nó chung ở trong một nước (**duy nhân nhân phóng lưu chi, bỉnh chư tứ di, bất dữ đồng trung quốc**) ("phóng lưu", nghĩa là đày đổ; "bỉnh", nghĩa là đuổi ra).

Thử vị duy nhân nhân vi năng ái nhân, năng ố nhân.
此謂唯仁人為能愛人，能惡人。

Câu này là kết thúc cả hai tiệt ấy.

"Nhân nhân" ở đây tức là "nhân nhân" ở câu trên, nghĩa là người có đức nhân mà lại cầm được quyền chính trị. "Năng ái nhân", là hay yêu ham người tốt, tức là hạng người "thực năng dung" mà ta đặt lên địa vị làm việc nước. "Năng ố nhân", là thật hay ghét người xấu, tức là người "thực bất năng dung", mà ta đày đuổi ra ở ngoài nước. Như thế, người mà ta yêu đó chính là người bảo được tử tôn lê dân; người mà ta ghét đó chính là người làm hại tử tôn lê dân.

Yêu một người mà tử tôn lê dân được nhờ; ghét một người mà tử tôn lê dân khỏi tai hại, chẳng phải là "năng ái nhân, năng ố nhân" hay sao ? Nhưng chẳng phải người nào cũng hay như thế dâu ! Chỉ duy người có đức nhân, tâm địa vẫn công bình chính đại mà lại yêu dân thương nước, không một tý gì tư tư tự lợi mà hay yêu người, ghét người. Được công bình chính đáng như thế, nên truyện văn nói rằng "Duy

nhân nhân vi nàng ái nhân, nàng ố nhân".

Tiết thứ 12

Kiến hiền nhi bất năng cử; cử nhi bất năng tiên, mạng dã. Kiến bất thiện nhi bất năng thối; thối nhi bất năng viễn, quá dã. Hiếu nhân chi sở ố, ố nhân chi sở hiếu, thị vị phật nhân chi tính, tai tất dãi phù thân.

見賢而不能舉；舉而不能先，命也．見不善而不能退；退而不能遠，過也．好人之所惡，惡人之所好．是謂拂人之性，菑必逮夫身！

Tiếp lấy câu "nhân nhân" mà nói trái lại (chữ "mệnh" phải đọc làm chữ "mạn", nghĩa là khinh lờn). Thấy người ta hiền mà không hay cử lên, dầu có cử mà ui dai dùng dằng không hay cử trước ngay, thế là khinh mạn đó vậy (**kiến hiền nhi bất năng cử, cử nhi bất năng tiên. mạn dã**).

Thấy người kia chẳng lành mà không hay đuổi nó; dầu có đuổi nó nữa mà còn nể nả binh hộ, không hay đuổi cho xa; thế là lầm lỗi đó vậy (**kiến bất thiện nhi bất năng thối; thối nhi bất năng viễn, quá dã**).

Than ôi ! Kìa người bất thiện, chính la người ai cũng ghét nó, mà mình lại "bất năng thối, bất năng viễn", đó là người ta ghét mà mình ham đó rồi (**hiếu nhân chi sở ố**). Đến như người bậc hiền là người ai cũng ưa ham mà mình lại "bất năng cử, bất năng tiên", thế là người ham mà mình ghét đó rồi (**ố nhân chi sở hiếu**). Ham một người mà dụng lấy người mà người ta ghét; ghét một người mà dụng lấy người mà người ta ham, chẳng phải là trái mất chân tính của người ta hay sao ? Bởi vì ham lành, ghét dữ là gốc ở tính phổ thông của người, bây giờ mình trái hẳn mà ham người dữ, ghét người lành, như thế thiệt trái với tính người rồi (**thị vị phật nhân chi tính**). Người mà trái tính người như thế, tất đến nỗi

người ác lừa phỉnh được mình, mà người thiện không bênh vực được mình, kết quả chỉ tai hại đến giữa mình thôi (**tai tất đãi phù thân**) "dãi", nghĩa là "kịp", cũng nghĩa là "tới nơi".

Tiết thứ 13

Thị cố quân tử hữu đại đạo, tất trung tín dĩ đắc chi kiêu thái dĩ thất chi.

是故君子有大道，必忠信以得之，驕泰以失之。

Tiết này hấng dỡ ba chữ "nhân chi tính" mà suy rộng ra.

Ý truyện nói rằng : Bởi vì ở trong quốc gia xã hội, chỉ loài người ở với loài người; thống trị loài người tất phải dựa theo tính loài người. Vậy nên quân tử có đạo lý thiệt lớn tức là thuận theo tính người (**thị cố quân tử hữu đại đạo**). Vì chân tính của người ta gốc ở lương tâm trời phú, dầu ai cũng biết trung tín là tốt, nên quân tử tất lấy trung tín mà được lòng người, mà chính là đúng với đại đạo (**trung tín dĩ đắc chi**); dầu ai cũng biết kiêu thái là xấu, hễ đối đãi với người bằng cách kiêu thái tất đến nỗi mất lòng người, mà chính là hỏng mất đại đạo (**kiêu thái dĩ thất chi**).

Chữ "trung", nghĩa là ngay thẳng. Việc gì đáng làm tất làm hết lòng hết sức là gọi bằng "trung". "Tín", nghĩa là tin thật; hễ điều gì nên nói tất y như trong lòng mà nói ra; mà đã nói ra tất làm cho đến nơi là gọi bằng "tín". "Kiêu", nghĩa là xấc xược. "Thái" nghĩa là xa xỉ; khinh rẻ người có đức, ghét bỏ người có tài, ỷ quyền thế mà đến nỗi mất lòng người là gọi bằng "kiêu thái".

Sinh tài hữu đại đạo; sinh chi giả chúng, thực chi giả quả; vi chi giả tật, dụng chi giả thư, tắc tài hằng túc hỹ.

生財有大道；生之者眾，食之者寡，為之者疾，用之者舒，則財恆足矣。

Tiết này, là hấng dỡ lấy hai chữ "đại đạo" mà dạy cho người ta về dưỡng sinh tài.

Vì bài trên đã có câu : "**hữu tài thử hữu dụng**", nên ở trên đường kinh tế, muốn cho công dụng ngày càng phát đạt, tất trước phải làm cho của cải ngày dẻ nở; dẻ nở của tức là "sinh tài". Sinh tài cũng có đạo lý to lớn, nên nói rằng "**sinh tài hữu đại đạo**" ("đại đạo", nghĩa là phương pháp rất chính đáng, qui mô rất to lớn, kế hoạch rất hoàn toàn, chẳng phải bợm nhỏ khôn vặt làm nên được ? Nên nói rằng : "đại đạo").

"Đại đạo", tất phải như bốn câu dưới này :

Vô luận một nhà hay một nước, một địa phương hay một xã hội, tất cũng phải có 4 hạng người với bốn loại việc :

- Một là "sinh chi giả", nghĩa là những hạng người làm cho nảy nở tiền của tức là hạng sinh lợi.

- Hai là "thực chi giả", nghĩa là những hạng người ăn mòn hết tiền của tức là hạng người phân lợi.

- Ba là "vi chi giả", tức là những công việc mà làm cho tiền của nảy nở ra như thực nghiệp, hoặc công, hoặc nông, hoặc thương, và thảy những nhà lao động, như lao tâm lao lực, v.v...

- Bốn là "dụng chi giả", tức là những công việc mà tiêu hao phí dụng mất tiền của, như đồ ăn, thức mặc, chỗ ở, đồ vui chơi, v.v...

Người vẫn phải có thực, nhưng tất phải phẩn sinh nhiều hơn phẩn thực; của vẫn phải có dụng, nhưng tất phải phẩn vi nhiều hơn phẩn dụng. Vậy nên ở trong đại đạo sinh tài, tất phải làm sao mà những hạng người sinh nở ra tiền của thời thật đông (**sinh chi giả chúng**), người ăn mất tiền của thời thật ít (**thực chi giả quả**); công việc làm cho nẩy nở ra tiền của thời gấp chóng mà không nghỉ (**vi chi giả tật**); công việc tiêu dùng về tiền của thời dẫn dà thủng thẳng mà không

gấp (**dụng chi giả thư**). Nói tóm lại, hễ có một người ăn, thời nên có đôi ba người làm, thế mới là "sinh chi giả chúng", mà "thực chi giả quả"; có một vài việc tiêu dùng, tất phải có 9, 10 việc làm lụng, thế là "vi chi giả tật", mà "dụng chi giả thư". Người trong một nhà, trong một nước, trong một địa phương, trong một xã hội mà hao tổn về "thực chi, dụng chi", thường thường thấy phần nhiều, thời tuyển cả bộ phận kinh tế chỉ thấy là lời nhiều hơn vốn, nhập nhiều hơn xuất, còn sợ gì tiền của không thường đầy đủ luôn (**tắc tài hằng túc hỹ**).

Hiện bây giờ học thuyết xã hội thường có câu "**Sinh lợi đa nhi phân lợi thiểu**" (生利多而分利小) tức là câu "**Sinh chi giả chúng, thực chi giả quả**). Lại có câu : "**Các tận sở năng, các thủ sở nhu**" tức là câu "**Vi chi giả tật, dụng chi giả thư**". Nói cho đúng, người sinh để ra của đã đông nhiều thời tất người ăn hao mất của phải ít. Công việc làm cho sinh ra của đã không bao giờ nghỉ, thời dầu có tiêu dùng chắc cũng dồi dào.

Vì có "sinh chúng" mà tự nhiên thấy được "thực quả", vì có "vi tật" mà tự nhiên thấy được "dụng thư", còn cần gì phải bóc lột cướp bóc của ai nữa rư ?

Nếu trái lại, chỉ một người "sinh chi" mà mười người "thực chi", chỉ một ngày "vi chi" mà mười ngày "dụng chi" thời dầu kinh tế học hay đến thế nào cũng không khỏi được cái nạn bằng kinh tế khủng hoảng.

Xem như mấy câu trên ấy thời ai bảo Khổng học mà không phải kinh tế học dâu ?

Tiết thứ 14

Nhân giả dĩ tài phát thân, bất nhân giả dĩ thân phát tài. Vị hữu thượng hiếu nhân nhi hạ bất hiếu nghĩa giả dã; vị hữu nghĩa kỳ sự bất chung giả dã; vị hữu phủ khố

tài phi kỳ tài giả dã.

仁者，以財發身，不仁者，以身發財．未有上好仁而下不好義者也，未有好義其事不終者也；未有府庫財非其財者也．

("Nhân", là đạo lý người trên đối với người dưới; "Nghĩa", là đạo lý người dưới đối với người trên. Vì có sao mà không nói "Thượng hiếu nhân nhi hạ bất hiếu nhân" được ? Là vì người trên lấy nhân ở với người dưới, hoặc dân thiếu gì mình cũng cho nấy cả, cho nên dụng chữ "nhân" được; chứ như người trên đã sướng rồi thời người dưới chỉ dùng nghĩa mà đối đãi thôi).

Tiết trên kia là nói chung về việc sinh tài. Tiết này lại nói riêng về những người có quyền tài chính ở trên đường chính trị.

Xưa nay, tổng cơ quan của kinh tế tất tóm vào trong tay chính trị và tư bản gia. Người coi việc tổng cơ quan ấy chỉ có hai hạng người : một hạng người là nhân giả, một hạng người là bất nhân giả. Hạng người nhân giả giàu lòng công đức, dốc lòng thương người, thường xem của là của chung, nên hay tan của để nuôi người; người nhờ được mình nuôi mà xa gần tín phục, của mình gửi ở nơi bách tính mà thân mình được yên phú tôn vinh. Đó là lấy của tan ra mà phát hiển được thân mình vậy (**nhân giả dĩ tài phát thân**).

Câu này cũng như câu : "Tổn thượng ích hạ viết ích" (損上益下曰益) trong ***Kinh Dịch***, nghĩa là bớt của người trên thêm bù cho người dưới là gọi bằng ích.

Kia những lũ bất nhân nó sẵn lòng tham ô, chỉ biết tự tư tự lợi, muốn cho tiền của tóm vào mình, cốt cho mình được nhiều của mà bóc lột của người, mua oán chác thù, đến nỗi vì của hy sinh mất cả thân mệnh. Đó là hủy thân mình mà tóm cho nhiều của (**bất nhân giả dĩ thân phát tài**). Câu này cũng in như câu : "Tổn hạ ích thượng, viết tổn" (損下益上曰損) trong ***Kinh Dịch***, nghĩa là bớt của người dưới

mà thêm bù cho kẻ trên gọi bằng "tổn".

Theo như đạo lý trên ấy đã nói thời biết rằng : Làm việc nhân nghĩa, tuy không phải mục đích tại vì lợi, nhưng vẫn có cái lợi to ở trong chỗ nhân nghĩa. Bởi vì đạo lý ở trong thiên hạ, mình hẳn hiên tử tế với người thời tất nhiên người cũng hẳn hiên tử tế với mình. Chưa có bao giờ người trên ham làm việc nhân mà người dưới không ham làm việc nghĩa đó vậy. (**vị hữu thượng hiếu nhân nhi hạ bất hiếu nghĩa giả dã**), cũng chưa có bao giờ ham làm việc nghĩa mà việc ấy kết quả không đó vậy (**vị hữu háo nghĩa kỳ sự bất chung giả dã**). Cũng chưa có bao giờ của cải kho tàng ở dân gian mà không phải là của làm lợi ích cho nhân giả đó vậy (**vị hữu phủ khố tài phi kỳ tài giả dã**). Chữ "phủ khố" ở đây, nghĩa là kho lẫm trữ tiền thóc; nhưng không phải phủ khố riêng của chính phủ đâu. Ý nói rằng : Chính phủ đã có nhân ân với dân thời dân giàu tức là chính phủ giàu. Xin xem nghĩa câu dưới này ở sách ***Luận Ngữ*** càng rõ nghĩa câu này lắm :

Ai Công vấn ư Hữu Nhược viết : Niên cơ dụng bất túc, như chi hà ? Hữu Nhược đối viết : Hạp triệt hồ ? Viết : Nhị, ngô do bất túc, như chi hà kỳ triệt dã ? Đối viết : Bách tính túc, quân thục dự bất túc ? Bách tính bất túc, quân thục dự túc ?

哀公問於有若曰：年饑用不足，如之何？有若對曰：盍徹乎？曰：二，吾猶不足，如之何其徹也。對曰：百姓足，君孰與不足。百姓不足君孰與足？

Ông Ai Công là vua nước Lỗ, có hỏi với thầy Hữu Nhược rằng : "Năm nay mất mùa, nhà nông tiêu dùng không đủ, nghĩ cách thuế má làm sao cho đầy đủ được ru ?

Thầy Hữu Nhược thưa rằng : "Theo như phép thuế ruộng của nhà Chu, hễ một tên dân cày 100 mẫu, chín phần sở đắc thuộc về nhà tư, một phần cung cấp cho nhà công, gọi bằng phép thuế triệt. Đời nhà Chu lấy của dân như thế mà nhà

công được dầy đủ; bây giờ nhà vua sợ vì dụng bất túc thời có sao không làm phép thuế triệt đó ru ?" (Phép thuế triệt là mười phần lấy một).

Ông Ai Công nghe nói mà nghĩ rằng : "Hiện nay của dân đã mười phần lấy đến hai, ta còn không đủ dùng, cớ sao lại bảo ta làm phép thuế triệt nữa vậy ?".

Thầy Hữu Nhược thưa lại rằng :

"Tiền của chính phủ là gửi ở nơi bách tính; bách tính đầy đủ thời phần tiêu dụng của nhà vua, ai để cho không đủ nữa ? Trái lại, bách tính không đầy đủ thời phần tiêu dụng của nhà vua, ai còn để cho đủ nữa ?".

Thầy Hữu Nhược sở dĩ nói như thế là nghĩ rằng : bổng lộc của vua quan ăn, tất thảy là dầu mỡ của nhân dân cung cấp cho. Vậy nên dân giàu tức là chính phủ giàu.

Câu thầy Hữu Nhược nói : "Bách tính túc, quân thực dữ bất túc", chính là nghĩa câu : "Vị hữu phủ khố tài phi kỳ tài" ở đây đó vậy.

Tiết thứ 15

Mạnh Hiến Tử viết : Súc mã thặng bất sát ư kê đồn, phạt băng chi gia bất súc ngưu dương; bách thặng chi gia bất súc tụ liễm chi thần; dữ kỳ hữu tụ liễm chi thần, ninh hữu đạo thần; thử vị quốc bất dĩ lợi vi lợi, dĩ nghĩa vi lợi dã.

孟獻子曰：畜馬乘不察於雞豚，伐冰之家不畜牛羊；百乘之家不畜聚斂之臣，與其有聚斂之臣，寧有盜臣；此謂國不以利為利，以義為利也。

Tiết này hãng đỡ tiết trên mà biện biệt "nghĩa" với "lợi" nên dẫn lời của Mạnh Hiến Tử.

Mạnh Hiến Tử là một người hiền đại phu nước Lỗ thường có lời nói rằng : "Những người ở địa vị làm việc quốc gia, vô luận nhỏ hay lớn, thảy không nên tóm lợi vào mình riêng. Hễ đã tóm lợi vào mình riêng tất nhiên có hại, tỷ như địa vị mình là quan Thượng sĩ, ở trong nhà đã có bổng lộc đủ nuôi ngựa chở một cỗ xe thời những cái lợi về gà heo mình không nên xét đến (**súc mã thặng, bất sát ư kê đồn**).

Vì sao "kê đồn" mà không xét đến ? Là vì muốn những cái lợi về "kê đồn" để chia cho dân nghèo được.

Hễ những người ở địa vị làm quan đại phu, chính là "phạt băng chi gia" thời trong nhà ấy không nên nuôi trâu dê (**phạt băng chi gia bất súc ngưu dương**).

"Băng" là nước đông thành giá. Lễ đời nhà Chu, các nhà quan đại phu thường dụng lúc nước đông giá, khiến người lấy giá từng khối trữ sẵn trong nhà để quanh năm làm đồ tế tự; đến lúc có lễ tế thời cắt băng thành từng tấm để dưa lên tế ở nhà thờ mình, nên gọi bằng "phạt băng chi gia". Duy nhà đã làm đại phu mới được cái lễ đặc biệt bằng "phạt băng". Cớ sao nhà ấy lại "bất súc ngưu dương" ? Là muốn để dành phần lợi ngưu dương nhường cho bình dân được phần lợi ích.

Tóm lại, hai câu trên ấy chỉ là mình đã được cái lợi lớn thời cái lợi nhỏ không tóm vào trong tay mình. Mình ở địa vị kẻ trên thời những việc dinh nghiệp làm ăn nên nhường cho phần dưới. Nếu trong nhà đã nuôi ngựa lại chuyên hết cả lợi gà heo; trong nhà có bổng lộc làm đại phu mà lại chuyên cả lợi trâu dê, thời bao nhiêu dân dói rét biết ăn nhờ vào cái gì ? Nhưng mà ý ông Mạnh Hiến Tử lại chủ trọng vào mấy câu dưới này :

Bách thặng chi gia bất súc tụ liễm chi thần : dữ kỳ hữu tụ liễm chi thần, ninh hữu đạo thần.

百乘之家不畜聚斂之臣，與其有聚斂之臣，寧有盜臣。

Hễ đã ở vào địa vị quan Khánh trong nước là trong nhà

mình đã có thế lực giàu gần đến 100 cỗ xe, mà mỗi cỗ xe có bốn ngựa, thế là so với bình dân đã giàu hơn nhiều lắm, tất phải chó nuôi những thầy tớ sành nghề tụ liễm. ("tụ liễm", nghĩa là bóc lột của dân mà nhóm góp vào cho quan; "liễm", là bóc lột; "tụ" là nhóm góp).

Dữ kỳ có tên đầy tớ hay tụ liễm, thà có tên đầy tớ hay ăn trộm của mình (đầy tớ mình mà hay ăn trộm của mình, gọi là "đạo thần"). Sở dĩ nói rằng : "**dữ kỳ hữu tụ liễm chi thần, ninh hữu đạo thần**". Chữ "dữ kỳ" với chữ "ninh" là so độ nặng nhẹ cùng nhau. "Đạo thần" tuy không làm ích cho mình, nhưng chỉ làm tổn hại nhà quan mà thôi; chứ như "tụ liễm chi thần" thời chỉ làm lợi ích cho nhà quan mà làm tổn hại lớn cho nhân dân.

Nhân dân đã tổn hại thời kết cuộc cũng đến nhà quan tổn hại. Tai hại vì "tụ liễm chi thần" nặng hơn "đạo thần" nhiều lắm, nên ông Mạnh Hiến Tử mới nói như thế. Vì ông Mạnh Hiến Tử là "bách thặng chi gia", nên chú ý vào câu "bất súc tụ liễm chi thần".

Câu nói ấy thiệt hiểu thấu đạo lý trị nước lắm. Là bảo dạo làm nước, chẳng phải chỉ lấy lợi làm lợi, mà cốt lấy nghĩa làm lợi đó vậy (**thử vị quốc bất dĩ lợi vi lợi, dĩ nghĩa vi lợi dã**). Bàn rút lại, tuyển cả tiết này, cốt biện biệt hai chữ "nghĩa" và "lợi".

"Lời" là chỉ về những việc sinh tài; "nghĩa", là chỉ về những việc đúng lẽ phải.

Mục đích làm nước vẫn ở nơi có lợi ích; nhưng lợi ích ở trong nghĩa mà ra, thời lợi ích mới được lâu dài, kết quả chỉ có lợi mà không hại. Đó là "dĩ nghĩa vi lợi". Nếu chỉ mục đích chuyên về phía lợi mà không để ý về phía nghĩa, tất nhiên lợi về mình mà hại đến người. Người đã hại thời mình cũng hại theo; đạo lý ở trong thiên hạ, không bao giờ mình tuyệt đối lợi, mà cũng không bao giờ người tuyệt đối hại.

Người mới mình, lợi với hại, xưa nay vẫn tương đối, vậy nên mục đích tuy cũng ở lợi, mà thủ đoạn thời dùng bằng

nghĩa, thời lợi mới quân bình mà nghĩa cũng hoàn thiện. Lời ông Mạnh Hiến Tử chẳng thâm thiết hữu vị lắm hay sao ?

Tiết sau hết.

Trưởng quốc gia nhi vụ tài dụng giả, tất tự tiểu nhân hỹ; bỉ vi thiện chi. Tiểu nhân chi sử vi quốc gia, tai hại tịnh chí; tuy hữu thiện giả, diệc vô như chi hà hỹ. Thử vị quốc bất dĩ nghĩa vi lợi, dĩ lợi vi lợi dã.

長國家而務財用者，必自小人矣；彼為善之．小人之使為國家，災害並至；雖有善者，亦無如之何矣．此為國不以義為利，以利為利也．

Tiết này hấng dỡ tiết trên mà chuyên nói về phía phản diện.

Thống trị một quốc gia (**trưởng quốc gia**), mà chỉ chuyên một mặt về tài dụng (**nhi vụ tài dụng giả**), làm như thế, tất tự bọn tiểu nhân làm ra (**tất tự tiểu nhân hỹ**); nó làm ra mà nó tự lấy làm phải, mà nó cũng vẫn thạo nghề ấy thiệt (**bỉ vi thiện chi**). Nhưng phải biết, những bọn tiểu nhân ấy mà khiến họ làm việc quốc gia, tất nhiên nó bóc lột dân quá dau thời dân thù oán mình càng nặng, chác đến nỗi những việc tai hại lần lượt mà đến (**tai hại tịnh chí**). Vì tạo ác nhân mà kiết ác quả; dầu sau có người lành nghĩ cách thiện hậu cũng không biết làm thế nào nữa (**tuy hữu thiện giả diệc vô như chi hà hỹ**).

"Thiện giả" chỉ vào người tiếp sau. Học giả nên xem chữ "tự" ở câu trên.

Mấy câu trên ấy là dạy cho quốc gia dụng nhân phải cẩn thận ư lúc đầu.

Xem như lý do ấy là trái hẳn với đạo lý tiết trên, chính là làm việc nước không biết lấy nghĩa làm lợi (**thử vị quốc bất dĩ nghĩa vi lợi**), mà chỉ lấy lợi làm lợi (**dĩ lợi vi lợi dã**),

nên đến nỗi tai hại như thế. Quốc sở dĩ không trị được, thiên hạ sở dĩ không bình được là chỉ không biết lấy nghĩa làm lợi mà thôi.

Học giả đọc đến tiết này, phải ngó lại mấy tiết trên. Trên kia đã nói rằng "đức giả bản dã, tài giả mạt dã"; lại nói rằng "tài tụ tắc dân tán; tài tán tắc dân tụ", "sinh tài hữu đại đạo". Tuyển chương phản phúc ở nơi chữ "tài" với chữ "đức", lại dinh ninh ở chữ "lợi" với chữ "nghĩa".

Thánh nhân có phải không quí trọng ở tài, lợi dâu ! Những mà sinh tài tất phải lấy đức làm gốc, hiếu lợi tất phải lấy nghĩa làm gốc. Vì đức, nghĩa mà đẻ ra tài, lợi, tất nhiên tài tán dân tụ, mà kết quả "dắc chúng tắc dắc quốc". Xin ai có để ý vào việc quốc ia, trước hết vun đắp nền đức nghĩa, mà lại có đại đạo đủ sinh tài, nhớ lấy câu "sinh chi giả chúng, thực chi giả quả, vi chi giả tật, dụng chi giả thư", chắc của cải không sợ không đầy đủ, mà cái hiệu quả vì đức, nghĩa nẩy nở ra, chắc quốc trị, thiên hạ bình không phải khó lắm.

*

* *

Thiên này kể đích phái của Khổng học mà chuyên giảng về học thuyết của thầy Tăng Sâm, nên phải biên hết tuyển thiên *Đại học*. Tuyển thiên tổng cộng, kinh một chương, truyện mười chương; kể điều mục thời có tám điều : "cách, trí, thành, chính, tu, tề, trị, bình". Nhưng tám điều mục đó lại qui nạp vào trong ba cương lĩnh : "minh minh đức, thân dân, chí ư chí thiện".

Nhưng cương lĩnh tuy có ba điều, mà căn bản thời cốt ở minh minh đức. Nên chúng ta học sách ***Đại học*** mà muốn thân thể lực hành, làm cho đạt được mục đích ta học ***Đại học***, tất trước hết thảy dụng công ở ba chữ "minh minh đức". Có đức quang minh, tất tốt đẹp ở trong mình mà lại phát huy quảng đại cho đến cả thiên hạ, tất nhiên làm được nổi sự nghiệp thân dân mà kiết quả cũng đến được địa vị "chí ư chí thiện".

Những công việc ấy, chẳng phải riêng cho một người nào, mà cũng chẳng phải chuyên trách ở một người nào. Người nào người nào cũng có thân phải tu lấy thân; người nào người nào cũng tu được thân, tất nhiên gia nào gia nào cũng tề thảy; gia nào gia nào cũng tề, thế là quốc nào quốc nào cũng trị thảy; quốc nào cũng trị thảy, thế là thiên hạ bình đó rồi.

Nói rút lại, bình thiên hạ không phải cầu ở nơi thiên hạ, mà cầu ở nơi tất thảy quốc ở trong thiên hạ, nên nói rằng "bình thiên hạ tại trị kỳ quốc".

Trị quốc, chẳng phải cầu ở nơi quốc, mà cầu ở nơi tất thảy gia ở trong quốc, nên nói rằng "trị kỳ quốc tại tề kỳ gia". Tề gia, chẳng phải cầu ở nơi gia, mà cầu ở nơi tất thảy thân những người ở trong gia, nên nói rằng "tề gia tại tu kỳ thân".

Học giả xem đến đó tất phải có ba câu hỏi :

1)- Làm sao thời tu được thân bây giờ ?

2)- Thân tu thời tu bằng cái gì ?

3)- Tu thân thời tu ở chốn nào ?

Trả lời ba câu hỏi ấy :

1)- Làm sao cho tâm chính, ý thành thời thân tu;

2)- Lo chính tâm mình, lo thành ý mình tức là tu thân;

3)- Tâm mình chính rồi, ý mình thành rồi tức là thân tu rồi.

Tuy nhiên, muốn cho được tu thân, tất cần phải có tri, có hành. "Tri" là thuộc về phần biết; "hành" là thuộc về phần làm.

Biết thế nào mới là có chân tri, chân thức ? Làm thế nào mới là hữu thỉ, hữu chung ? Chúng ta nghĩ đến đó, tất lại phải quy công ở cách vật trí tri.

"Cách vật trí tri", nghĩa đã thích kỹ như trên kia rồi. Nhưng mà muốn cho thiệt hành được "cách vật trí tri", tất phải có hai phương pháp :

1)- Dụng công phu vào học vấn;

2)- Nhờ kinh nghiệm làm thầy thọ.

Có học vấn mà không kinh nghiệm, thế là chỉ học sách thuốc mà không từng chữa bệnh, chắc không phải là thầy hay; có kinh nghiệm mà không phải gốc ở nơi học vấn, thế là đi đường biển mà không có châm chỉ nam, chắc phải đi lạc lối. Nếu chỉ như thế thời bao giờ "cách vật trí tri" được.

Nói cho thiệt đúng "ý, tâm, thân, gia, quốc, thiên hạ", tất thảy là gọi bằng "vật"; sở dĩ "thành, chính, tu, tề, trị, bình", tất thảy gọi bằng "tri". Bây giờ muốn cho "cách" được hết "vật", "trí" được "tri", thời xin học giả hết sức dụng công về việc học; đụng một vật, ta học cho cách được một vật; vật đã cách tức là trí tri; nên Kinh văn đã có câu "trí tri tại cách vật".

Vật cách rồi, tri trí rồi thời sự nghiệp cả tuyển bộ ***Đại học***, không việc gì là khó. Chỉ duy tùy địa vị mỗi người theo ở nơi thì gian, không gian mà lần lượt thứ tự làm cho có trước có sau, đúng như câu Kinh văn nói rằng "tri sở tiên hậu" thời lại quan hệ ở nơi chúng ta bắt tay thực hành mà không thể nói trước được hết.

Học giả muốn cho phát minh và thêm bổ trợ hết nghĩa lý ở trong thiên này thời lại xin xem mấy chương sau này.

(***Đại Học chính văn thích dịch chung tất***).

CHƯƠNG IV

TRUNG DUNG CHÍNH VĂN TRÍCH DỊCH

Tử Tư Lược Truyện

Kể đến đích phái của Khổng học, tất phải chép đến thầy Tử Tư.

Thầy là cháu đức Khổng Tử, con thầy Bá Ngư. Thầy Bá Ngư mới 50 tuổi mà đã qua đời, sinh hạ chỉ một người con tên là Khổng Cấp (孔伋), tên chữ là Tử Tư, chính là đích tôn của đức Khổng Tử. Thầy làm bản sách ***Trung Dung***, lại chính là đích phái rất thân thiết ở trong Khổng học.

Vậy nên tác giả dịch xong sách ***Đại Học***, tất phải dịch luôn sách ***Trung Dung***.

Bản sách này ở trong Khổng học là một bản sách rất cao, bàn đạo lý rất thâm thúy, góp cả thiên đạo và nhân sự, đủ cả lý luận và sự thực. Xem ở trên mặt chữ và chương cú, không được dễ hiểu như ***Đại Học*** và ***Luận Ngữ***. Học giả bát đầu vào cửa Khổng học thiệt chưa có thể lĩnh hội được cả tuyển thư. Vì vậy tác giả chỉ trích dịch những bài ở trong sách này, đã có bổ ích cho tâm thân chúng ta mà lại cũng rất quan hệ với thế đạo thời có mấy tiết sau này :

Tiết thứ 1

Mệnh, tính, đạo với trung, hòa

Thiên mệnh chi vị tính; suất tính chi vị đạo, tu đạo chi vị giáo.

天命之謂性，率性之謂道，修道之謂教。

Chữ "tính" ở trong Khổng học, đương lúc đức Thánh dạy học trò chẳng mấy lúc tới nơi, chỉ một câu rằng : "Tính tương cận dã" (nghĩa dã thích kỹ trên kia). Nên thầy Tử Cống dã có câu nói rằng :

Phu Tử chi văn chương, khả đắc nhi văn dã; Phu Tử chi ngôn tính dữ thiên đạo, bất khả đắc nhi văn dã.

夫子之文章，可得而聞也；夫子之言性與天道，不可得而聞也。

Nghĩa là, văn chương của thầy ta, anh em ta có được nghe luôn luôn; đến như thầy ta nói đến tính và đạo trời thời anh em ta không mấy lúc được nghe đó vậy.

Chữ "văn chương" ở trong ***Luận Ngữ*** chỉ thấy có hai chỗ : một là khen văn chương vua Nghiêu có câu nói rằng : "Hoán hồ kỳ hữu văn chương" (煥乎其有文章) và ở dây nói văn chương đức Khổng Tử. Nghĩa hai chữ "văn chương" không phải nghĩa hẹp như văn chương chúng ta thường nói.

Nhất thiết ngôn luận và hành vi của Thánh nhân mà chúng ta nghe được, thấy được thảy gọi là "văn chương". Rộng cho đến công nghiệp trị quốc, bình thiên hạ, như vua Nghiêu làm vua cũng gọi bằng "văn chương". Vì những ngôn hạnh của Thánh nhân mà đủ làm khuôn mẫu cho người đời, người đời ai nấy cũng có thể trông làm gương được, nên gọi bằng "văn chương", chứ không phải như văn chương ở người đời ta thường nói.

Nhân vì văn chương là một bức ảnh tượng của Thánh

hiển, rất minh bạch rõ ràng, người ta ai cũng nghe thấy được; nên thầy Tử Cống nói rằng : "**Khả đắc nhi văn**". Đến như "tính" với "đạo trời" là thuộc về phần lý tưởng sâu kín mầu nhiệm, bảo rằng không, vẫn không bao giờ không; mà bảo rằng có thời khó nhận cho ra có; học giả chưa có óc nghiên cứu được tới nơi thời chưa nên nói cùng họ, nên đức Khổng Tử ít khi nói lắm. Vì thế mà thầy Tử Cống nói rằng : "**Tính dữ thiên đạo bất khả đắc nhi văn**". Vì thế, mà chúng ta mở bộ ***Trung Dung***, bắt đầu thấy 2 chữ "**thiên mệnh**", và chữ "tính", tất sinh ra một mối hoài nghi : Vì có sao đức Khổng Tử không đem "tính và thiên đạo" dạy người, mà thầy Tử Tư làm sách dạy người, lại trước hết nói "tính" với "thiên mệnh" ?

Muốn trả lời câu hỏi ấy, tất phải xét đến lịch sử và thì đại.

Ở đời đức Khổng Tử, ít người nói đến tính, mà học thuyết ở đời ấy chuyên trọng sự thực, chưa cần nghiên cứu tới triết lý; nên tuyển bộ ***Luận Ngữ*** chỉ cần dạy người bằng một chữ "nhân" và hai chữ "trung", "thứ", thời "tính" với "thiên đạo" mới có thể nhận hội được đến nơi. Chứ như đời thầy Tử Tư thời học thuyết các nhà đã phát hiện nhiều tư tưởng huyền bí, như Trang Tử có bài **Thiện Tính** (善性), Mạc Tử có bài **Thiên Chí** (天志), v.v...

"Thiện tính" là tu thiện cái tính cho nó khỏi đi tầm bậy; "Thiên chí" nói chép cho rõ cái chân lý của thiên.

Cuối đời Xuân Thu đầu đời Chiến Quốc, những môn học thuyết đó thịnh hành, những nhà ngôn tính, ngôn thiên, chia đường rẽ lối, thậm chí khinh bạc nhân nghĩa, sùng thượng hư vô. Đến lúc bấy giờ mà muốn cứu thế đạo, chính nhân tâm, tất phải biện minh "thiên", "tính" cho xác đáng mới mong đem lý luận mà chứng ở nơi thực hành. Vậy nên, đầy bộ sách ***Trung Dung***, câu thứ nhất là "**thiên mệnh chi vị tính**", câu thứ nhì là "**suất tính chi vị đạo**, còn câu thứ ba là "**tu đạo chi vị giáo**"

Nay xin dịch cho kỹ nghĩa như dưới này :

Tính (性)

Như thế nào là bảo rằng "tính" ?

Nguyên lý tự nhiên phú dữ cho người mà người ta bẩm thụ lấy là gọi bằng "tính".

Lý tự nhiên tức là "thiên mệnh".

Chữ "thiên" không phải là trời ở không gian đâu, mà chỉ nói bằng lý tự nhiên; âm dương nhị khí hòa hợp ở trong lúc vô hình mà sinh ra vạn vật, đó tức là "thiên mệnh". Thuộc về thiên là gọi bằng "mệnh"; phú vào người ta rồi thời gọi bằng "tính". Mệnh với tính chỉ có một lẽ mà thôi.

Học giả xem lời *Hệ Từ* ở trong ***Kinh Dịch*** thời càng thêm rõ. Tác giả xin tiện dịch vào đây.

Hệ Từ có nói rằng :

Nhất âm nhất dương chi vị đạo; kế chi giả thiện dã; thành chi giả, tính dã.

一陰一陽之謂道；繼之者，善也；成之者，性也。

Nghĩa là một khí âm, một khí dương là gọi bằng "đạo"; đạo chỉ có "thể", "dụng" của âm dương mà thôi (**nhất âm nhất dương chi vị đạo**). Vì cái chân lý đó tiếp tục lưu hành luôn luôn mà không bao giờ sai suyển, chỉ thấy là tốt lành mà thôi (**kế chi giả, thiện dã**. Nhân cái lẽ tự nhiên ấy mà thành ra cái hiện tượng đang nhiên tức là tính đó vậy (**thành chi giả, tính dã**).

Thầy Tử Tư cũng thâm thấu Dịch lý, được chân truyền của đức Khổng Tử, nên phát minh ra câu "**thiên mệnh chi vị tính**".

Đạo (道).

Thế nào là gọi bằng "đạo" ?

Đạo chẳng phải có gì lạ đâu, chỉ y theo tính mình mà không trái với lý tự nhiên; đã phù hợp với mệnh trời mà lại hoàn thiện được tính người thời gọi bằng "đạo".

Chữ "đạo" ở đây với chữ "đạo" trong ***Luận Ngữ*** cũng gốc chữ "đạo" trong Hệ Từ.

Luận Ngữ có câu rằng : "**Nhân năng hoằng đạo, phi đạo hoằng nhân**" (人能弘道，非道弘人), nghĩa là, duy tự người hay làm cho phát triển được đạo, chứ không phải đạo phát triển ra người. Bởi vì đạo tức là tính. Người hay suất sử được tính, không phải tính suất sử được người, nên nói rằng : "**nhân năng hoằng đạo**".

Hệ Từ có câu rằng : "**Cẩu phi kỳ nhân đạo bất hư hành**" (苟非其人，道不虛行), nghĩa là, nếu không phải người làm được đạo thời đạo không tự dưng mà hành vi được đâu. Bởi vì đạo tức là tính, mà tính gửi ở người; người không suất được tính, thời đạo làm sao hành được !

Chữ "suất" ở đây có một nghĩa là tuân theo, như nói rằng : "suất tuần" (率循); lại có một nghĩa là đem dắt, như nói rằng : "thống suất", "suất lĩnh". Nhận cho thấu tinh thần chữ "suất" thời tinh thần chữ "tính" có thể dễ hiểu. Xưa nay vấn đề thuộc về chữ "tính" thường có ba thuyết :

Thầy Mạnh Tử chủ trương tính thiện. Thầy Tuân Tử chủ trương tính ác. Chư nho như Đổng Trọng Thư, Dương Hùng, cho đến các nhà học đời sau lại nhiều nhà bảo rằng "tính thiện ác hỗn". Nhưng chúng ta nhận nghĩa hai chữ "suất tính" cho kỹ thời biết rằng tính gốc ở thiên mệnh. Thiên mệnh đã là cái lý tự nhiên thời tính cũng là cái lý tự nhiên mà làm thực thể cho lòng người ta, bảo rằng thiện nó vẫn thiện, nhưng vẫn có cái cơ ác núp ở trong chỗ thiện.

Nói cho đúng thời tính chỉ là xuất phát điểm của thiện ác mà làm động cơ cho thiện ác. Người ta suất được tính thời

tính là thiện; người ta không suất được tính thời tính quay ra ác. Tính sở dĩ thiện hay ác, chỉ quan hệ ở nơi người ta suất được hay không suất được.

Phật gia triết học bảo người ta có "bát thức" (八 識) (cơ quan cảm giác trong người có tám cái thức) :

"Thức" thuộc về hữu tướng, là nhãn 眼 (con mắt), nhĩ 耳 (lỗ tai), tỹ 鼻 (lỗ mũi), thiệt 舌 (lưỡi), thân 身 (mình người), ý 意 (óc nghĩ).

Trên ấy sáu cái là "lục thức". Còn có cái thức thứ bảy là Mạt na 末 那 , thức này ở trong ý mà nảy ra, bao nhiêu loài ác manh nha từ đó, gọi bằng "đệ thất thức" 第 七 識 .

Lại còn một thức nữa là : "đệ bát thức", tức là "A lại da thức"阿 賴 耶 識mà cũng gọi bằng "như lai tàng" 如 來 藏 ("tàng", nghĩa là thu dấu, có ý là ngậm trữ). Như lai tàng chính là chữ "tính" ở trong sách Nho, nhưng Phật gia cũng cho là "tâm". Theo như lời thầy Mạnh "tận tâm tri tính" thời biết rằng tính với tâm chỉ là một gốc. Hết được năng sự và trách nhiệm của tâm tức là tri được tính. Vậy nên chúng ta suất được tính mới là tận được tâm, mà cũng vì có "tận được tâm" mới thấy là "suất được tính". Xin dịch luôn mấy lời thầy Mạnh vào đây :

Mạnh Tử viết : Tận kỳ tâm giả, tri kỳ tính dã; tri kỳ tính tắc tri thiên hỹ; tồn kỳ tâm, dưỡng kỳ tính sở dĩ sự thiên dã; yểu thọ bất nhị, tu thân dĩ sĩ chi, sở dĩ lập mệnh dã.

孟子曰：盡其心者，知其性也；知其性則知天矣；存其心，養其性所以事天也；殀壽不貳，修身以俟之，所以立命也。

Tính vẫn là giống khó biết lắm. Nhưng muốn biết tính, không cần dòm ở nơi tính đâu, chỉ dòm ở nơi mình ta; cách vật trí tri cho hết được cái năng lực và trách nhiệm của tâm, thế là biết được tính đó vậy (**tận kỳ tâm giả, tri kỳ tính dã**). Chẳng những biết được tính mà thôi; đã biết được tính

mình thời là biết được trời rồi vậy (**tri kỳ tính, tắc tri thiên hỹ**).

Trời là cái lý tự nhiên mà phú cho người, người bẩm thụ lấy làm tính. Vậy nên biết được tính tức là biết được trời.

Người ta vì có trời mới có mình, nên chức phận của mình cốt ở "sự thiên". "Sự thiên", nghĩa là thừa thuận trời; nhưng thừa thuận trời, há phải nhìn ở trời đâu ! Trời cũng là ở tâm tính ta; gìn giữ lấy lương tâm mà tâm mình không mất, dưỡng dục lấy chân tính mà tính mình không chết, chính lấy điều đó mà thờ trời vậy (**tồn kỳ tâm, dưỡng kỳ tính sở dĩ sự thiên dã**).

Chữ "sự" ở đây, không học "sự" là "thờ" đâu. Thuận theo như mệnh trời phú cho ta, không một sự trái với chân lý tức là "sự thiên". Nhưng vì theo tiếng quốc ngữ mình, không thích làm sao cho đúng được, nên học "sự" là thờ.

Chết non hay sống lâu, mặc dầu mệnh trời, mà tự giữa tâm mình không bao giờ nghi ngại, chỉ một mình tu thân để chờ mệnh trời, như thế là tự giữa mình mà lập nên mệnh trời đó vậy (**yểu thọ bất nhị, tu thân dĩ sĩ chi, sở dĩ lập mệnh dã**).

Xem mấy lời của thầy Mạnh Tử nói thời càng thêm rõ nghĩa chữ "suất tính". Chúng ta nếu hiểu được nghĩa chữ "suất tính" thời chẳng cần hỏi đến tính thiện hay tính ác, chỉ nên biết tính là một cái lý tự nhiên.

Trời vì sao mà có ra trời ? Đất vì sao mà có ra đất ? Bốn mùa vì sao mà có ra bốn mùa ? Muôn vật vì sao mà có muôn vật ? Nguyên bát đầu chỉ là một cái lý tự nhiên; cái lý tự nhiên đó phú dữ vào người mà người bẩm thụ lấy tức thành ra tính. Khi đã thành ra tính người rồi, ví như ông vua một nước đã trao quyền làm tướng cho mình thời bao nhiêu quân đội, cốt tự mình hay thống suất. Mình thống suất được rồi thời quân thành là quân phục tùng, mà mình thành ra một ông tướng giỏi; trái lại, nếu mình không thống suất được quân thời quân thành ra quân quấy mà mình thành ra một anh tướng bất tài.

Cái nghĩa "suất tính" cũng như vậy : tính vẫn tốt mà mình suất nó không nhằm đường thời tính hóa ra tính ác; tính đã đến lúc ra tính ác thời còn có gì là đạo nữa dâu ? Nên ***Trung Dung*** mới có câu "**suất tính chi vị đạo**". Chữ "như lai tàng" trong sách nhà Phật cũng nghĩa như thế.

Nguyên ở trong Như lai tàng vẫn chứa sẵn cả "vọng" 妄 và "chân" 眞 , trừ hết vọng thời chỉ thấy có chân; nếu không trừ hết vọng thời vì vọng mà diệt mất chân. Suy nguyên lên cho đến lúc đầu của "Như lai tàng" thời vẫn thấy có chân mà không thấy có vọng, cũng in như chữ "tính" ở trong nhà Nho : tính vẫn chỉ có thiện, mà vì ta không suất được nó, nên thành ra tính ác; tính vẫn là một giống hoạt động, mình không đem nó đi vào đường thiện thời nó phải đi vào đường ác ngay; cũng như "A lại da thức", nó vẫn là chỉ có chân, bởi vì không dắt nó đi vào đường chân thời nó phải chạy vào đường vọng.

Kia như người chủ trương tính thiện hay chủ trương tính ác chỉ là nhận sai chữ "tính" và chỉ mới thấy một bên mà thôi. Nói cho thiệt đúng, phải nhận câu "**thiên mệnh chi vị tính, suất tính chi vị đạo**" là luận lý rất thiết đáng.

Giáo (教)

Như thế nào là gọi bằng "giáo" ? "Giáo" là thuộc về phần nhân sự. Lấy những công việc người ta làm ra sẽ để vá chắp giúp đỡ phần thiên nhiên thời gọi bằng "giáo" tức là dựa theo cái đạo suất tính đo mà bớt chỗ thừa bù chỗ thiếu, vá chỗ khuyết, sửa sang hết chỗ chẳng bằng, khiến cho tuyển loài người trong thế giới thảy đi vào một lối đường bằng phẳng rộng lớn tức là tu đạo mà gọi bằng "giáo". Vậy nên kết thúc lấy câu : "**tu đạo chi vị giáo**". Chữ "giáo" ở dây là bao bọc hết cả thảy chính trị và giáo dục.

Xem như sách ***Ngu Thư***, kể công việc làm thiên hạ chỉ có ba việc : 1) **Chính đức** 正德 2)- **Lợi dụng** 利用 3)- **Hậu sinh** 厚生 Nhưng tóm góp vào trong hai chữ "dạy

dân" mà thôi.

Dạy dân cho đạo đức hoàn thiện thời bảo rằng "chính đức"; dạy dân cho công dụng được lợi tiện thời bảo rằng "lợi dụng"; dạy dân cho kinh tế được đầy đủ, bảo rằng "hậu sinh". Nói tóm lại thời chỉ là một chữ "giáo". Đại đạo đời xưa lấy "giáo" mà nuốt cả "chính"; bá đạo đời sau mới chia rẽ "chính" với "giáo" ra làm hai.

Sách ***Trung Dung*** là cốt nói "đại đạo" mà không cốt nói "bá đạo", nên chỉ có một chữ "giáo". "Giáo" là làm sao ? Cũng chỉ cốt tu được đạo mà thôi. Đạo người ta là gốc ở tính : tính người ta tất phải có luân lý. Vì tu bằng luân lý mà phải có "nhân, nhượng, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, hiếu, từ". Tính người tất phải có "sinh hoạt", vì tu bằng sinh hoạt mà phải có công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp và các môn học vấn về kinh tế. Tính người ta tất phải có "vui thích", vì tu bằng cách vui thích mà phải có âm nhạc, mỹ thuật và các thứ tài nghề để cho người ta được chính đáng tự do, đó thảy là qui nạp vào ở trong hai chữ "tu đạo".

Đạo không bao giờ thái quá mà cũng không bao giờ bất cập. Đạo không bao giờ cho người được phần quá hơn, cũng không bao giờ để người chịu phần quá kém; bớt phần thái quá và quá hơn thêm vào phần bất cập và quá kém, khiến cho tất thảy người được quân bình thỏa đáng, như thế mới là tu được đạo. Đó chính là cái nghĩa chữ "giáo", nên nói rằng : "tu đạo chi vị giáo".

Bàn tóm lại, mở sách ***Trung Dung***, chỉ có ba câu đầu mà thiên đạo với nhân sự, lý luận với thực hành không còn một tý gì sót thiếu. Rằng "thiên mệnh chi vị tính" là thuộc về thiên đạo và lý luận; rằng "tu đạo chi vị giáo" là thuộc về nhân sự với thực hành, mà một câu ở trung gian là câu "suất tính chi vị đạo" lại là hấng trên kéo dưới mà đủ hết cả hai mặt; rằng "suất tính" là đủ thiên đạo và lý luận; rằng "chi vị đạo" thời đủ cả nhân sự và thực hành. Nghĩa chữ "đạo" có nghĩa là lý lẽ, lại có nghĩa là đường lối, mà cũng có nghĩa

là phương pháp. Nhưng cái đạo ấy chỉ ở trong lẽ tự nhiên nảy ra mà làm đường lối và phương pháp cho loài người nên nói rằng "đạo tức là tính". Muốn cho đường lối và phương pháp của loài người được thập phần hoàn mỹ, tức phải nhờ ở công phu tu chỉnh tức là "giáo", mà giáo cũng chỉ là tu đạo mà thôi.

Chỉ có ba câu đầu sách mà đạo lý bao hàm rộng lớn, ý nghĩa tinh thần chu đáo đến như thế. Tuyển cả bộ sách ***Trung Dung*** cũng chỉ là giải thích có ba câu ấy mà thôi. Mấy tiết sau sẽ bổ thích, nay xin tiếp thích nghĩa chữ "đạo" và nghĩa chữ "trung", chữ "hòa".

Đạo dã giả bất khả tu du ly dã; khả ly phi đạo dã; thị cố quân tử giới thận hồ kỳ sở bất đổ, khủng cụ hồ kỳ sở bất văn, mạc hiện hồ ẩn, mạc hiển hồ vi; cố quân tử thận kỳ độc dã.

道也者不可修臾離也；可離非道也；是故君子戒愼乎其所不睹，恐懼乎其所不聞，莫見乎隱，莫顯乎微，故君子愼其獨也。

Đoạn này tiếp lấy chữ "đạo" ở đoạn trên mà nói rằng : Cái mà gọi bằng "đạo" là một cái gắn chặt lấy tâm thân của mình, không thể một giây, một phút nào mà lìa rời ra được (**đạo dã giả bất khả tu du ly dã**). Vì vậy cho nên những người quân tử răn đe cẩn thận ở giữa lúc không thấy đến nơi (**cố quân tử giới thận hồ kỳ sở bất đổ**), kiêng né sợ hãi ở những lúc không nghe tới nơi (**khủng cụ hồ kỳ sở bất văn**). Chớ bảo chỗ kín mà không ai thấy đâu ! Mà kỳ thực không chỉ rõ ràng bằng giữa chỗ kín (**mạc hiện hồ ẩn**); chớ bảo chỗ nhỏ nhen không ai biết đâu ! Kỳ thực không gì rõ ràng hơn chỗ nhỏ nhen (**mạc hiển hồ vi**). Cho nên quân tử phải cẩn thận ở nơi một mình vậy (**cố quân tử thận kỳ độc dã**).

Vận lý với ý nghĩa đoạn này, học giả nên chú ý :

"Sở bất đổ"", nghĩa là chỗ không ai thấy, mà mình cũng không thấy nữa kia; "Sở bất van", nghĩa là chỗ không ai nghe,

mà mình cũng không nghe nữa kia. Chỗ đó là chỗ gì ? tức là chỗ tâm thuật ẩn vi mà tính với đạo cũng cội gốc ở chỗ ấy.

Chữ "độc" nghĩa là làm sao ? nghĩa là tự ở giữa một mình tức là chữ "tự ngã".

"Tự ngã" là cái gì ? Tức là ý ta với tâm ta. Ý ta manh động, tâm ta cảm giác chỉ một mình ta biết, một mình ta hay là gọi bằng "độc". Cẩn thận ở nơi lúc đó tức là "thận độc". Chữ "thận độc" ở đây cũng như nghĩa chữ "thận độc" ở trong sách ***Đại học***. "Thận độc" tức là thành ý. Duy có thành ý mới suất được tính. Vậy nên ở sau câu "suất tính", tiếp lấy chữ "thận độc".

Tòng lai sở dĩ người ta sai lầm phóng túng, cái bệnh căn chỉ vì không "thận độc". Nhưng có biết đâu cái lúc độc đó mà vẫn có mười mắt dòm, mười tay trỏ, há phải mình tạo ác nhân mà kiết được thiện quả hay sao ?

Xem ở câu : **"mạc hiện hồ ẩn, mạc hiển hồ vi"** thời càng nên "thận độc" lắm. "Ẩn" với "vi" tức là "bất dổ", "bất vân", vì chỗ "bất dổ" mà kỳ thực là "mạc hiện"; vì chỗ "bất vân" mà kỳ thực là "mạc hiển", nên quân tử phải "giới thận khủng cụ" luôn luôn.

"Mạc hiện", nghĩa là không chi lòe rõ hơn; "mạc hiển", nghĩa là không chi rõ ràng hơn. Chúng ta tu thân, chính tâm, nếu được như mấy câu ấy tức là suất được tính mà tu được đạo rồi.

Từ đây sấp xuống là nói cho hết cái công dụng của suất tính.

Hỷ, nộ, ai, lạc chi vị phát, vị chi trung ; phát nhi giai trúng tiết vị chi hòa. Trung dã giả, thiên hạ chi đại bản dã; hòa dã giả, thiên hạ chi đạt đạo dã.

喜，怒，哀，樂之未發，謂之中；發而皆中節謂之和。中也者，天下之大本也；和也者，天下之達道也。

Học giả đọc bài chính văn này, nên chú ý vào chữ "trung", chữ "hòa".

"Trung", "hòa" vẫn có hai chữ, mà thực chỉ có một gốc, cũng ở trong chữ "đạo" đẻ ra. Có đủ cả "trung" với "hòa" mới gọi là "đạo", mà cũng vì có "trung" với "hòa" mới suất được "tính". Nên muốn "suất tính, tu đạo", phải nhận hai chữ ấy cho thiệt kỹ. "Trung", nghĩa là chính đáng, cân bằng, không chếch lệch, không thái quá, không bất cập. "Hòa", là điều hòa, thỏa thích, không ngang trái, không lầm lỗi, không nóng nảy, không nồng nàn, mà cũng không lạt lẽo.

Nghĩa "trung", "hòa" là thế, nhưng há phải ở ngoài tâm thân mình mà có "trung, hòa" đâu ! Sở dĩ được "trung", sở dĩ được "hòa", cũng chỉ dòm ở trong tâm thân mình mà thôi. Vì tâm thân mình có thể, có dụng, khi còn chứa trữ ở trong mà làm bản thể của tâm thời những cái cảm tình, hoặc đắc ý mà mừng (**hỷ**), hoặc trái ý mà giận (**nộ**), hoặc lạc quan mà vui (**lạc**), hoặc bi quan mà thương (**ai**), những cái cảm tình đó còn núp nép mà chưa phát ra (**chi vị phát**) thời chỉ có một cái chân tướng tự nhiên, êm đềm trong lặng, không thấy chênh lệch về phía nào, là gọi bằng "trung" (**vị chi trung**). Dụng đến khi tiếp xúc với ngoại vật, đáng mừng mà mừng, đáng giận mà giận, đáng buồn mà buồn, đáng vui mà vui, những cái cảm tình phát hiện ra, nó tất thảy với đạo lý (**phát nhi giai trúng tiết**)

"Trúng", nghĩa là nhằm, cũng ở trong chữ "trung" mà nảy ra gọi bằng "trúng". "Tiết", là nhịp, tượng như nhịp hát; cũng nghĩa là mát, như mát tre, mát hóp; đúng nhịp, nhằm mát, gọi bằng "trúng tiết". Như thế là gọi bằng "hòa" (**vị chi hòa**).

Cái gọi bằng "trung" đó là gốc ở chân tính của người mà làm cội gốc cho tuyển vạn sự, vạn vật. Bao nhiêu đạo lý ở trong thiên hạ, tất thảy từ đức "trung" đó nảy nở ra, nên nói rằng : "thiên hạ chi đại bản giã" (**Trung dã giả, thiên hạ chi đại bản dã**).

Cái gọi bằng hòa đó là một đường lối cho người đời xưa

đời nay, tất phải xu hướng vào. Bao nhiêu loài người ở trong thế giới tất phải bước trên đường lối ấy mà thông suốt cả trong ngoài, nên nói rằng "thiên hạ chi đạt đạo dã" (**hòa dã giả, thiên hạ chi đạt đạo dã**).

"Đại bản", nghĩa là cội gốc rất to lớn tức là cái đức "trung".

"Đạt đạo", nghĩa là đường lối rất thông thản tức là đức "hòa".

Vì cớ sao nói "trung" là "đại bản" ? Bởi vì muôn nhành, ngàn lá tất thảy gốc ở hột mộng trong lòng đẻ ra, nên nói rằng "trung" là "đại bản". Hột mộng ở trong lòng tức là chân lý thiên nhiên ở lúc "hỷ, nộ, ai, lạc chi vị phát".

Vì sao nói "hòa" là "đạt đạo" ? Bởi vì nhất thiết sự lý ở trong thiên hạ, tất có hòa mới được bình; có hòa, có bình mới được tuyền loài người êm ái thân thuận mà không trở ngại, nên nói hòa là đạt đạo; mà cái hòa đó tức là nhất thiết cảm tình, hễ phát ra đâu thảy trúng tiết đó mới gọi bằng "hòa".

Loài người với loài người giao thiệp cùng nhau, khi cảm tình chưa phát hiện thời vẫn là trung. Nhưng cảm tình không có lẽ không phát hiện; duy cảm tình phát hiện mà tất thảy chính đáng tức là "hòa". Đã hòa tất nhiên được "bình" luôn luôn, còn trở ngại gì mà không thông đạt ? Nên nói rằng "**hòa dã giả thiên hạ chi đạt đạo dã**".

Chỉ có hai chữ "trung" với "hòa" mà công việc từ nhất thân đến nhất thế giới, thảy qui nạp vào trong hai chữ ấy. Vậy nên đoạn dưới này thêm vào ba câu để cho hết cái công dụng của "trung", "hòa".

Trí trung hòa : thiên địa vị yên, vạn vật dục yên.

致中和：天地位焉，萬物育焉。

Đức trung, đức hòa đã nói như trên kia; nhưng mà cái công dụng của "trung", "hòa" chẳng phải một thân, một nhà hay một nước mà thôi dâu ! Nếu đem cái đức trung, hòa ấy mà mở mang phát triển cho đến lúc cùng cực (**trí trung hòa**),

công dụng đức trung đến cực lớn thời không một chốn nào mà bất trung; công dụng của đức hòa đến cực lớn thời không một giống gì mà bất hòa. Trời ở trên thường thấy thanh cao mà che muôn vật; muôn vật cũng nhờ cái đức trung hòa mà sinh nở phồn vinh, không một giống gì đến nỗi mất sự sống (**thiên địa vị yên, vạn vật dục yên**) (chữ "vị", nghĩa là yên nhiên như ngôi cộ; chữ "dục", nghĩa là sinh mệnh yên tuyền). Thời trời hòa thuận luôn luôn là "thiên vị"; lợi đất tràn trề khắp là "địa vị"; nhân dân tất thảy an cư lạc nghiệp, nhân loại tất thảy sinh tụ hòa bình là "vạn vật dục". Công dụng của đức trung, đức hòa, đến lúc đó mới hoàn toàn viên mãn, mà "tu đạo chi vị giáo" cũng tới đó mới thập phần thành công.

Nói tóm lại, bài này góp hết "thiên" với "nhân", "lý" với "sự", mà tìm cho đến gốc, thăm cho đến nguồn thời chỉ cốt ở lúc tâm thuật ẩn vi của người ta; tức là câu "quân tử thận kỳ độc". Duy có thận độc mới giữ được trung; mà trung tức là suất tính; đã suất được tính thời trí được hòa mà tu được đạo, kết quả được "thiên địa vị, vạn vật dục" là hoàn toàn được chữ "đạo", thành được cái công nghiệp thiên nhân nhất quán.

Tiết thứ 2.

Trung Dung (中庸).

Trọng Ni viết : quân tử trung dung, tiểu nhân phản trung dung; quân tử chi trung dung dã, quân tử nhi thì trung; tiểu nhân chi phản trung dung dã, tiểu nhân nhi vô kỵ dạn dã.

仲尼曰：君子中庸，小人反中庸，君子之中庸也，君子而時中；小人之反中庸也，小人而無忌憚也。

Nghĩa chữ "Trung Dung" đã thích ở **Khổng Học Đăng thượng**, nhưng vì bản sách này cốt tủy ở hai chữ ấy, nên phải thích lại cho kỹ.

Chữ "Trung" (中), có hai nghĩa : Không thái quá, không bất cập tức là trung; không chếch lệch về một phía nào, không nghiêng dựa về một phía nào cũng tức là trung.

"Dung", nghĩa là thường, cũng nghĩa là dùng. Đúng với đạo lý mà thường thường dùng được luôn là gọi bằng "dung".

Nhập cả hai nghĩa mà nói thời là "Trung dung".

Đức Trọng Ni có nói rằng :

Duy quân tử thời trung dung (**quân tử trung dung**), chứ như tiểu nhân thời trái với trung dung (**tiểu nhân phản trung dung**).

Đức "trung dung" của quân tử thời như thế nào ? Là quân tử mà thì trung đó vậy (**quân tử chi trung dung dã, quân tử nhi thì trung**).

Hai chữ "thì trung" rất khó giải nghĩa, mà tuyển bộ sách ***Trung Dung*** cũng trọng yếu có hai chữ ấy.

Chữ "thì" có ba nghĩa : "thì", nghĩa là buổi; "thì", nghĩa là giờ; "thì", nghĩa là mùa. Thông thường nói rằng "thì gian, thì tiết, thì đại, tổng chi cũng là chữ "thì".

Tỷ như buổi sớm, buổi trưa, buổi tối, ấy "thì" là buổi. Giờ đồng hồ trước, giờ đồng hồ sau, ấy "thì" là giờ. Mùa xuân, mùa hạ, mùa thu, mùa đông, ấy "thì" là mùa. Nhất thiết việc ở trong thiên hạ, vô luận giờ nào, buổi nào, mùa nào, tất thảy có đạo lý đúng với giờ ấy, buổi ấy, mùa ấy, là gọi bằng "thì trung".

Chữ "trung" cũng có nghĩa như chữ "trúng" (中). Tượng như người đi bắn mà nhắm bia là trúng; nếu như bắn mà trật bia thời là "bất trung"; sở dĩ bất trúng là vì "bất trung".

Giả như quá thì hay bất cập thời tức là không trúng với thì thế là bất trung; chỉ duy đúng với thì tức là trung.

Làm được thì trung, tất duy quân tử, nên nói rằng : "Quân tử nhi thì trung".

Hễ đã "thì trung" thời thường tiếp tục làm được mãi, thế là trung dung mà thành ra đức "trung dung" của người quân tử, nên nói rằng : "**quân tử chi trung dung dã**".

Kia như tiểu nhân thời lại trái thế, nên nói rằng : "**tiểu nhân phản trung dung**".

Tiểu nhân vì sao mà "phản trung dung" ? Bởi vì nhân cách của nó là tiểu nhân mà tâm lý của nó không nghĩ tới đạo lý. Nó chỉ tùy tình dục của nó, dụng gì muốn làm thời làm phàng mà không tỷ gì kiêng sợ (**tiểu nhân chi phản trung dung dã, tiểu nhân nhi vô kỵ đạn dã**). "Kỵ", là kiêng né; "đạn", là sợ hãi.

Nguyên lai theo thiên mệnh mà phú tính cho người; ở trong cái hột mộng lương tri của chúng ta, vẫn ngậm có đức trung dung. Quân tử vì suất được tính, ngày càng vun đắp trau tria mà thực hiện được trung dung; tiểu nhân thời không suất được tính, ngày càng hủy hoại chân tính mà thuận theo tình dục mình, nên nỗi trái hẳn mất trung dung.

Chỉ vì ở trong loài người, quân tử thời quá ít mà tiểu nhân thời quá nhiều, nên đức Thánh đã có lời than rằng :

Trung dung kỳ chí hỹ hồ ! Dân tiển năng cửu hỹ.

中庸其至矣乎！民鮮能久矣。

Nghĩa là : Đức trung dung thiệt là tốt rất vậy đó mà ! (**trung dung kỳ chí hỹ hồ**). Mà khốn nạn cho người ta, ít người hay được trung dung đã lâu rồi đó (**dân tiển năng cửu hỹ**). Câu này đã thích kỹ ở ***Khổng Học Đăng thượng***.

Tử viết : Đạo chi bất hành dã, ngã tri chi hỹ; trí giả quá chi, ngu giả bất cập dã. Đạo chi bất minh dã, ngã tri chi hỹ; hiền giả quá chi, bất tiếu giả bất cập dã; nhân mạc bất ẩm thực dã, tiển năng tri vị dã.

子曰：道之不行也，我知之矣；知者過之，

愚者不及也，道之不明也，我知之矣；賢者過之，不肖者，不及也；人莫不飲食也，鮮能知味也。

Bài trên đã nói rằng : Trung dung là đức rất tốt mà người ta ít hay được. Bây giờ lại giải thích cái lý do sở dĩ "dân tiển năng".

Đức Thánh nói rằng :

"Đạo trung dung" mà sở dĩ không làm ra được (**đạo chi bất hành dã**), cái có ấy ta biết rồi (**ngã tri chi hỹ**). Bởi vì ở trong loài người chỉ có hai hạng : một hạng người tư chất cao, trí thức rộng mà gọi bằng trí giả (**trí giả**); một hạng người quá ư thấp, trí thức quá ư hẹp mà gọi bằng ngu giả (**ngu giả**). Hạng trí thức thường thường xu hướng cực đoan mà làm việc lại vượt qua trung dung (**trí giả quá chi**). Hạng ngu giả thường mắc lấy bệnh tự khí mà đến khi làm việc chẳng bao giờ theo kịp trung dung (**ngu giả bất cập dã**).

Kia ngu giả bất cập, vẫn chẳng làm sao được trung dung, mà trí giả quá chi thời lại trật mất trung dung. Vì thế mà đạo bất hành đó vậy.

Tuy nhiên, đạo chi bất hành, vẫn thiệt đáng đau cho trong đời, nhưng mà còn trông mong có một ngày mà đạo minh được. Trên kia đã nói rằng "Tu đạo chi vị giáo", nếu có người chủ trương việc dạy dân mà tu cho được đạo thời đạo trung dung chắc cũng rõ rệt được. Nhưng khốn nạn thay ! Công việc về phần giáo ở đời nay quá hiếm, nên đạo trung dung không thể sáng tỏ được (**đạo chi bất minh dã**). Ta suy nguyên cái sở dĩ bất minh mà ta biết được vì thế này (**ngã tri chi hỹ**).

Người ở trong đời mà gọi bằng hiền dã, thường mắc cái bệnh thái quá, mà trật mất trung dung (**hiền giả quá chi**); người ở trong đời mà gọi bằng bất tiếu thường mắc cái bệnh bất cập mà không theo được trung dung (**bất tiếu giả bất cập dã**).

"Hiền giả", là người có tư chất tốt; "bất hiền giả", là người có tính chất xấu. "Bất tiếu", nghĩa là chẳng hiền, trái

với "hiền giả".

Vì một phía thời quá chi, lại một phía thời bất cập, đạo trung dung có thể nào mà sáng rõ được ? Vì thế mà đạo bất minh, vì bất minh sở dĩ bất hành.

Chữ "minh" với chữ "hành" cặp nhau mà lên; vì có minh mới hành được, cũng nhân có hành mới càng thêm minh.

Trí giả, ngu giả, hiền giả, bất tiếu giả, là nói đại khái cả loài người trong xã hội. Nhưng trong ý lời nói có qui trọng về phần trí giả, hiền giả. Nếu trí giả, hiền giả mà gặp được giáo dục cho thật hoàn mỹ, kiểu chính được cái lỗi quá chi thời ngu giả với bất tiếu giả cũng được nhờ có người kéo dắt mà chữa được cái bệnh bất cập, đạo có đến nỗi bất hành, bất minh nữa đâu ! Nhưng khốn nạn vị thế đạo ở lúc bấy giờ, giáo hóa đã chẳng ra gì, nên dân đức ngày càng suy kém; trí giả hiền giả còn lầm đường lạc lối huống gì ngu giả, bất tiếu giả, thế nào trông thấy được đường nữa ru ? Vì vậy nên đức Thánh lại dạy cho rằng :

Loài người ta vẫn đêm ngày sinh hoạt ở trên đường tính, đạo, mà cái chân lý thực thể của tính, đạo, thế nào là trung, thế nào là dung thời ít người biết quá. Cũng ví như thấy uống mà uống, thấy ăn mà ăn, có ai là không ăn uống đâu (**nhân mạc bất ẩm thực dã**), mà ít người hay biết được mùi vậy (**tiển năng tri vị dã**).

(Câu "**tiển năng tri vị dã**" cũng như câu ở trong ***Kinh Dịch*** : "**bách tính nhật dụng nhi bất tri**" 百姓日用而不知（繫辭上）. Chữ "nhật dụng" cũng y như chữ "mạc bất ẩm thực").

Người ta vẫn ngày đêm sống ở trong đạo trời, mà hỏi đạo trời ra thế nào, thời không ai trả lời được, nên đức Thánh lại thường than rằng : "**Tử viết : Đạo kỳ bất hành hỹ phù**" 子曰：道其不行矣夫 , nghĩa là đạo ta không hành được đó mà !

Chữ "đạo" ở đây chính là chữ "đạo" ở câu : "**suất tính**

chi vị đạo", mà cũng tức là đạo trung dung.

Trên kia đã nói : **"Trung dung kỳ chí hỹ hồ, dân tiển năng cửu hỹ"**, đạo sở dĩ bất hành là vì thế.

Tử viết : Thuấn kỳ đại trí dã dư ! Thuấn hiếu vấn nhi hiếu sát nhĩ ngôn, ẩn ác nhi dương thiện, chấp kỳ lưỡng đoan, dụng kỳ trung ư dân, kỳ tư dĩ vi Thuấn hồ.

子曰：舜其大知也與，舜好問而好察邇言，隱惡而揚善，執其兩端，用其中於民，其斯以為舜乎。

Trên kia đã nói : Đức trung dung thiệt ít người hay. Đây lại cử người đời xưa mà hay được trung dung như vua Thuấn để cho học giả làm gương.

Đức Thánh nói rằng : Vua Ngu Thuấn đời xưa mới thiệt là người có đức trí to lớn đó mà ! (**Thuấn kỳ đại trí dã dư** !). "Đại trí", tức là một bậc thánh triết mà không phải như trí giả quá chi.

Vì có đại trí mới dúng được trung dung. Nay xin xem sự thực của vua Thuấn. Vua Thuấn sở dĩ được trung dung cũng chẳng phải nhờ ở sinh tri mà được dâu; cũng công phu học vấn nhiều lắm, có óc hoài nghị, lại sẵn lòng nghiên cứu nghe nhiều, thấy nhiều, mà không tự mình lấy làm phải, ham hỏi với thầy, bạn mà lại ham xét từ lời nói thấp gần (**hiếu vấn nhi hiếu sát nhĩ ngôn**). ("nhĩ", là gần. "nhĩ ngôn", nghĩa là những lời nói của người tầm thường hay là đạo lý thiển cận). Vua Thuấn đã ham hỏi mà lại ham xét nhĩ ngôn, chính là công phu học vấn nhiều lắm. Ư trong những lời nói mà vấn sát tới nơi rồi, tựu trung có lời trái trung dung mà gọi bằng ác, có lời dúng trung dung mà gọi bằng thiện, vua Thuấn xét cả hai phía đó, lời nói gì ác thời dấu lấp, lời nói gì thiện thời biểu dương (**ẩn ác nhi dương thiện**) ("ẩn ác", nghĩa là che dấu những lời xấu của người; "dương thiện", nghĩa là nêu tỏ những lời lành của người). Thấy những đạo lý hay ở trong lời nói lành, tuy có hai múi, có cái chếch về phía cao, có cái chếch về phía

thấp, có cái thiên về phía tả, có cái thiên về phía hữu, vua Thuấn nắm lấy cả hai mút ấy (**chấp kỳ lưỡng đoan**), đo lường cân nhắc, lựa lấy cái đạo lý vừa chính trung mà thi hành mọi việc ở với dân (**dụng kỳ trung ư dân**). Chữ "trung" ở đây cũng có ý như nghĩa chữ "trung" là giữa. Vì ở trong hai mút, có thái quá chăng ? Có bất cập chăng ? Lựa cho được không thái quá, không bất cập, tức là "trung". Vì hay dùng lấy đạo trung ấy mà ở với dân, thế mới thành được đại trí như vua Thuấn vậy (**kỳ tư dĩ vi Thuấn hồ**).

Chữ "dụng" (用) với chữ "dung" (庸) in như nhau.

Tử viết : Nhân giai viết dư trí, khu nhi nạp chư cổ hộ, hãm tỉnh chi trung nhi mạc chi tri tỵ dã. Nhân giai viết dư trí, trạch hồ trung dung nhi bất năng cơ nguyệt thủ dã.

子曰：人皆曰予知，驅而納諸罟擭，陷井之中而莫之知辟也。人皆曰予知，擇乎中庸而不能期月守也。

Bài này tiếp lấy chữ "trí" ở bài trên mà nói trái lại cho ta thêm hiểu. Sở dĩ gọi bằng "trí", tất phải như vua Thuấn kia mà. Quái ngán thiệt cho người đời ta bây giờ, ai nấy cũng tự bảo rằng : mình khôn (**nhân giai viết : dư trí**) nhưng đến khi dắt mà đưa vào ở trong lưới sập, hầm bẫy mà không ai biết tránh vậy (**khu nhi nạp chư cổ hộ hãm tỉnh chi trung, nhi mạc chi tri tỵ dã**). "Khu", là lùa đẩy; "hộ", là bẫy; "cổ", là lưới; "hãm tỉnh", là hầm sập; bốn chữ ấy là nói cách thí dụ. Đường đời trắc trở, lòng người hiểm sâu, in như lưới hầm sập, nhưng mà ít người biết đường tránh thời có gì là khôn đâu !

Ai nấy thảy tự bảo rằng "mình khôn", nhưng đến khi kén chọn cho thấy được trung dung mà chẳng thấy ai giữ được đầy tháng vậy (**trạch hồ trung dung nhi bất năng cơ nguyệt thủ dã**). ("cơ nguyệt", là đầy tháng). Chọn trung dung mà không giữ được đầy tháng, còn lấy gì làm khôn đâu ! Ý bài này nặng ở hai câu dưới; hai câu trên chỉ là nói ví.

Tử viết : Hồi chi vi nhân dã, trạch hồ trung dung đắc nhất thiện tắc quyền quyền phục ưng nhi phất thất chi hỹ.

子曰：回之為人也，擇乎中庸，得一善則拳拳服膺而弗失矣。

Bài này tiếp mấy câu "**trạch hồ trung dung**" ở bài trên mà kể việc thầy Nhan Uyên để cho học giả trông làm gương.

Đức Thánh nói rằng : Cách làm người của thầy Nhan Hồi như thế này : Chọn ở đạo trung dung, thấy được một điều lành, biết điều ấy là đúng với trung dung thời khăng khăng vào trong bụng mà chẳng bao giờ quên mất đó vậy (**Hồi chi vi nhân dã, trạch hồ trung dung, đắc nhất thiện tắc quyền quyền phục ưng nhi phất thất chi hỹ**), ("phục ưng", nghĩa là in vào trong lòng). Chọn được đạo trung dụng, thời in vào trong lòng mà không mất, có như thế mới là người trí. Học giả nếu chưa làm được như vua Thuấn, tất trước phải làm cho được như thầy Nhan.

Bốn chữ "quyền quyền phục ưng", là công phu bắt đầu học chước Thánh nhân. Trung dung chẳng phải cao xa lạ lùng gì, nhưng sở dĩ chúng ta không làm được chỉ vì không có nghị lực mà không giữ được lâu dài, nên bài trên có chữ "thủ" mà bài này lại có chữ "phất thất". Giữ cho chặt mà không rời mất thời trung dung ở nơi lòng ta có khó gì mà không làm được ? Thầy Tử Tư muốn bày vẽ đường lối cho chúng ta làm trung dung, nên lại dẫn thêm bài dưới này :

Tử Lộ vấn cường. Tử viết : Nam phương chi cường dư ? Bắc phương chi cường dư ? Ức chi cường dư ? Khoan nhu dĩ giáo, bất báo vô đạo. Nam phương chi cường dã, quân tử cư chi. Nhậm kim cách, tử nhi bất yếm. Bắc phương chi cường dã, nhi cường giả cư chi. Cố quân tử hòa nhi bất lưu. cường tai kiểu; trung lập nhi bất ỷ, cường tai kiểu; quốc hữu đạo bất biến tắc yên, cường tai kiểu; quốc vô đạo chí tử bất biến, cường tai kiểu.

子路問強。子曰：南方之強與？北方之強與？抑而強與？寬柔以教，不報無道，南方之強也，君子居之。衽金革，死而不厭，北方之強也，而強者居之，故君子和而不流。強哉矯！中立而不倚，強哉矯！國有道，不變塞焉，強哉矯！國無道，至死不變，強哉矯！

Thầy Tử Lộ hỏi đức Thánh rằng :

Đạo làm cường phải như thế nào ? (**Vấn cường**) (chữ "cường" cũng như nghĩa chữ "dũng", cũng nghĩa là sức mạnh).

Thầy Tử Lộ là một người ham sức mạnh. Ở trong ***Luận Ngữ***, đã có bài nói rằng :

Tử Lộ viết : Quân tử thượng dũng hồ ? Tử viết : Quân tử nghĩa dĩ vi thượng; quân tử hữu dũng nhi vô nghĩa, vi loạn; tiểu nhân hữu dũng nhi vô nghĩa, vi đạo.

子路曰：君子尚勇乎？子曰：君子義以為尚；君子有勇而無義，為亂；小人有勇而無義，為盜。

Thầy Tử Lộ hỏi rằng : Quân tử có ham chuộng sức mạnh đó ru ? (**Quân tử thượng dũng hồ** ?). Đức Thánh nói rằng : Quân tử cốt lấy đạo nghĩa làm hơn (**quân tử nghĩa dĩ vi thượng**) dẫu có khi cần đến sức mạnh, nhưng mà cái sức mạnh ở nơi "đạo nghĩa" mà ra, nếu chỉ sức mạnh mà thôi thời không phải "quân tử sở thượng". Hễ phàm người ta tuy có loài thuộc về quân tử, cũng có loài thuộc về tiểu nhân, nhưng nếu chỉ là người có dũng mà không có nghĩa thời thảy là xấu cả. Quân tử có dũng mà không có nghĩa thời tất đến nỗi loạn (**quân tử hữu dũng nhi vô nghĩa, vi loạn**); tiểu nhân có dũng mà không nghĩa, thời tất đến nỗi làm giặc (**tiểu nhân hữu dũng nhi vô nghĩa, vi đạo**).

"Dũng" chỉ là sức mạnh, mà "đạo nghĩa" là cái phương châm để sai khiến sức mạnh. Nếu chỉ có sức mạnh mà không

có đạo nghĩa, chẳng qua thành ra người "loạn" với "đạo" mà thôi.

Dũng ví như con ngựa hay, mà nghĩa ví như tay giá ngự con ngựa; nên tuy có dũng, nhưng cần phải có đạo nghĩa. Đức Thánh đã dạy cho thầy Tử Lộ như thế, nhưng thầy Tử Lộ còn nhận lầm ý đức Thánh, tưởng là dũng mà có nghĩa thời gọi bằng cường, nên lại hỏi cường. Cường là có ý tự lập được vững vàng, đức Thánh muốn dem thầy Tử Lộ đến đạo trung dung, nên ngài nói rằng :

"Cái cường mà mày hỏi đó là cường của người Nam phương đó ru ? (**Nam phương chi cường dư** ?), cường của người Bắc phương đó ru ? (**Bắc phương chi cường dư** ?), hay là cái cường mày nên làm đó ru ? (**ức nhi cường dư** ?).

Chữ "dư" là có ý thương lượng; chữ "ức" là có nghĩa chuyển chiết; chữ "nhi" nghĩa là mày, chỉ vào học giả; nói rằng "nhi cường" là khác với nam phương, bắc phương, mà hợp với đạo trung dung của quân tử.

Khoan nhu dĩ giáo, bất báo vô đạo, Nam phương chi cường dã, quân tử cư chi.

寬柔以教，不報無道，南方之強也，君子居之。

Bài này là tiếp lấy bài trên mà phẫu giải cho rõ thế nào là Nam phương chi cường.

Lấy một cách rộng rãi mềm mỏng dạy người, dầu có vô đạo mà mình cũng không trả thù lại (**khoan nhu dĩ giáo, bất báo vô đạo**). đó là cách cường của người Nam phương vậy (**Nam phương chi cường dã**), mà quân tử thường chủ trương cách ấy (**quân tử cư chi**) ("cư", nghĩa là chủ trương).

Nhậm kim cách, tử nhi bất yếm, Bắc phương chi cường dã, nhi cường giả cư chi.

衽金革，死而不厭，北方之強也，而強者居之。

Thế nào là "Bắc phương chi cường" ? Xông pha ở trong vòng gươm giáo, áo giáp, kê nằm bằng kim cách, dầu chết mà không chán (**nhậm kim cách, tử nhi bất yếm**) ("kim", là đồ sắt; "cách", là áo da, là những đồ binh khí dùng để đi đánh giặc), đó là những cách cường của người Bắc phương vậy (**Bắc phương chi cường dã**), mà những tụi cương cường chủ trương cách ấy (**nhi cường giả cư chi**).

Theo như hai cách "cường" trên ấy đã kể, "Nam phương chi cường" thời dùng một cách hòa bình để kháng mà thiên về mặt hòa nhu; "Bắc phương chi cường" thời cường bằng một cách kịch liệt để kháng mà thiên về mặt cường bạo, thảy là không đúng với đạo trung dung, nên chưa phải cách "cường" của quân tử. "Cường" của quân tử thời xem như bài dưới này :

Cố quân tử hòa nhi bất lưu, cường tai kiểu; trung lập nhi bất ỷ, cường tai kiểu; quốc hữu đạo bất biến tắc yên, cường tai kiểu; quốc vô đạo, chí tử bất biến, cường tai kiểu.

故君子和而不流，強哉矯！中立而不倚，強哉矯！國有道，不變塞焉，強哉矯！國無道，至死不變，強哉矯！

Đoạn này chia làm bốn câu dài, mỗi một câu thát lấy ba chữ "**cường tai kiểu**". Chữ "kiểu", nghĩa là mạnh lắm, cũng như chữ "**vương thần kiểu kiểu** 王臣矯矯 ở trong ***Kinh Thi***. Bởi vì hai cách cường như Nam phương, Bắc phương là chưa đúng "trung dung" cả. Vậy nên quân tử thời làm cách cường như thế này : vẫn ôn tồn vui vẻ tỏ ra thái độ hòa bình mà chẳng bao giờ đùa theo với thì tục (**cố quân tử hòa nhi bất lưu**), thế là mạnh vậy thay rất mạnh ! (**cường tai kiểu**). Tự lập bằng một cách trung chính mà chẳng bao giờ nghiêng dựa vào ai (**trung lập nhi bất ỷ**); mạnh vậy thay rất mạnh ! (**cường tai kiểu**). Gặp phải đời thịnh trị, chính là nước hữu đạo, người ta gặp lúc đó, thường vì cảnh sung sướng mà đổi lòng, nhưng quân tử thời đạo nghĩa đầy đủ ở trong, chẳng bao

giờ thay đổi (**quốc hữu đạo, bất biến tắc yêu**), mạnh vậy thay rất mạnh ! (**cường tai kiểu**).

Nghĩa chữ "tắc" cũng như nghĩa chữ "ôn cung doãn tắc" (lời khen vua Nghiêu) ở trong ***Kinh Thư***. "tắc", nghĩa là đủ. Quân tử giàu nhiều đạo đức, thường đầy đủ ở trong mình, nên gọi bằng "tắc". "Bất biến tắc yên", là không thay đổi cái cố hữu của mình.

Đụng gặp lấy đời suy loạn, chính là nước vô đạo; người ta gặp lúc đó, thường hay bị hoàn cảnh xô đổ mà thay dạ đổi lòng, nhưng quân tử thời ôm đạo giữ nghĩa, khí tiết thỉ chung, dầu có đến chết mà nhất định không thay đổi (**quốc vô đạo, chí tử bất biến**), mạnh vậy thay rất mạnh ! (**cường tai kiểu**).

Xem suốt cả mấy câu trên ấy, "hòa nhi bất lưu" là khoan nhu mà không phải như cường của Nam phương; "trung lập nhi bất ỷ", là cương trực mà không phải như cường của Bắc phương; "quốc hữu đạo bất biến tắc" thời cường bằng một cách rất đạo đức, chẳng phải chỉ một mực khoan nhu mà thôi; "quốc vô đạo chí tử bất biến" thời là cường một cách rất hoàn toàn, chẳng phải chỉ một mực "tử nhi bất biến" mà thôi đâu.

Bài nói chữ "cường" ở đây cũng như "nghĩa dĩ vi thượng" ở trong ***Luận Ngữ***.

Chữ "quân tử" ở đây khác chữ "quân tử" ở trên ! Chữ "quân tử" ở trên là phản đối với "tiểu nhân" và "cường giả"; chữ "quân tử" ở đây tức là "quân tử trung dung", xem bài tiếp dưới này càng rõ :

Quân tử y hồ trung dung, độn thế, bất kiến tri nhi bất hối, duy thánh giả năng chi.

君子依乎中庸，遯世，不見知而不悔，唯聖者能之。

Đấng quân tử nương ở đạo trung dung, dầu trong đời có "trí giả quá chi", "hiền giả quá chi", nhưng quân tử thời không bao giờ thái quá; trong đời có "ngu giả bất cập, bất tiếu giả bất cập", mà quân tử thời không bao giờ bất cập; đức trung

dung của quân tử vẫn không cần gì ai biết mình, mà người đời cũng ít người biết được quân tử, nên tự giữa mình quân tử thành ra một người chống trái với đời (**quân tử y hồ trung dung**); đời không thấy biết tới nơi mà quân tử vẫn thái nhiên tự đắc, không lấy làm ăn năn (**độn thế bất kiến tri nhi bất hối**), hay được như thế chỉ duy bậc Thánh nhân mà thôi (**duy thánh giả năng chi**). Nói rằng "thánh giả năng" thời biết được trí giả, hiền giả chưa đến được bậc ấy.

Tiết thứ 3

Đạo với trung dung.

Tiết trên kia đã nói rõ nghĩa "trung dung", nhưng còn sợ người ta xem trung dung làm khó, nên lại nói thêm như tiết này để cho người ta biết đạo trung dung là rất dễ :

Quân tử chi đạo tạo đoan hồ phu phụ; cập kỳ chí dã, sát hồ thiên địa.

君子之道造端乎夫婦；及其至也，察乎天地。

Học giả xem tiết này thời biết được đạo trung dung là rất thâm thiết mà cũng là rất to lớn; bởi vì đạo của quân tử tức là chân lý sở dĩ có ra loài người; mà loài người sở dĩ sinh hoạt được mãi mãi cũng chỉ sinh hoạt ở trong vòng chân lý ấy. Nguyên lúc đầu sở dĩ có vũ trụ, có loài người, chỉ vì nhất âm nhất dương tự nhiên hòa hiệp mà thành ra trời đất và loài người; gây mối cho đạo người thời bắt đầu chỉ một trai, một gái thành vợ thành chồng mà sau mới có cha con, anh em cho đến thấy cả loài người ở trong thế giới (**tạo đoan hồ phu phụ**).

Chữ "phu" là nói chung về phần trai, chữ "phụ" là nói chung về phần gái : "phu" là "nhất dương" ở trong chữ "đạo",

"phụ" là "nhất âm" ở trong chữ "đạo". ***Kinh Dịch*** đã nói rằng "nhất âm nhất dương chi vị đạo". Vậy nên nói "phu phụ" là "tạo đoan" của "quân tử chi đạo"; nhưng đạo tuy "tạo đoan" ở nơi "phu phụ", mà há phải chỉ "phu phụ" mà hết được công dụng của đạo đâu ! Do ở nơi "phu phụ" suy nở ra cho thiệt rộng thời dầu thiệt cao cho đến tận trên trời, thiệt rộng lớn cho khắp cả mặt đất cũng chỉ là chân lý của "nhất âm, nhất dương", tràn trề rực rỡ mà không biết bao giờ là cùng tận, nên lại nói rằng : "cập kỳ chí dã, sát hồ thiên địa".

(Chữ "chí", nghĩa là triệt để, như ta thường nói : "đến tận nơi", do tự tạo đoan mà cho đến cực đoan là gọi bằng "chí"; "sát", nghĩa là rõ rệt. Sở dĩ nói rằng "sát hồ thiên địa", bởi vì thiên địa là phu phụ lớn, mà phu phụ tức là thiên địa nhỏ, người với trời đất chung nhau một cái chân lý tự nhiên mà thôi).

Chúng ta đọc bài sách này, rất nên quí trọng lấy nhân cách của ta; bởi vì ta là người, người tức là trời đất; ta làm cho xứng đáng cái giá trị của một người mới phối hợp được trời đất mà hoàn toàn được "quân tử chi đạo".

Tử viết : Đạo bất viễn nhân; nhân chi vi đạo nhi viễn nhân, bất khả dĩ vi đạo. Thi vân : phạt kha, phạt kha, kỳ tắc bất viễn, chấp kha dĩ phạt kha, nghễ nhi thị chi; do dĩ vi viễn; cố quân tử dĩ nhân trị nhân, cải nhi chỉ.

子曰：道不遠人；人之為道而遠人，不可以為道。詩云：伐柯伐柯其則不遠；執柯以伐柯睨而視之；猶以為遠，故君子以人治人，改而止。

Tiếp bài trên mà nói thêm cho chúng ta biết đạo quân tử cũng chỉ ở mình ta.

Đức Thánh nói rằng : Đạo chẳng phải rời cách người ta dâu (**đạo bất viễn nhân**); kia những người làm đạo mà rời cách người ra, chẳng lấy gì làm nên đạo được (**nhân chi vi đạo nhi viễn nhân, bất khả dĩ vi đạo**). Chữ "viễn", nghĩa

là rời cách, cũng có ý như lìa bỏ; bởi vì đạo tức là chân lý ở trong lòng người; nên làm đạo cũng chỉ cốt cho rõ rệt cái chân lý ấy mà thôi. Chân lý ở trong lòng người thời người tức là đạo rồi, không cần phải bỏ tách người ra mà tìm đạo ở nơi cao xa khác. Nên lại dẫn lời ***Kinh* Thi** mà thí dụ cho rõ :

Kinh Thi có nói rằng : Chặt nhánh cây làm cán búa ! Chặt nhánh cây làm cán búa ! Cái kiểu mẫu làm cán búa chẳng xa gì (**phạt kha, phạt kha, kỳ tắc bất viễn**),

"Tắc" nghĩa là kiểu mẫu. Muốn biết cái kiểu mẫu làm cán búa thời chỉ xem ở cán búa trong tay mình cầm, nên nói rằng "kỳ tác bất viễn".

Tuy nhiên, như lời ***Kinh Thi*** nói vẫn là "bất viễn" đã dành rồi, nhưng mà cái búa trong tay cầm với cái nhành cây làm búa ở trên cây còn cách nhau ra hai đường. Bây giờ mình cầm cái búa để chặt cái nhành làm cán búa (**chấp kha dĩ phạt kha**), còn phải nghiêng con mắt mà dòm nó, chắc còn lấy làm xa, chứ đã được như đạo tức là người, người tức là đạo đâu ! (**nghễ nhi thị chi, do dĩ vi viễn**), ("nghễ", nghĩa là nghiêng con mắt mà dòm ngang). Cái kha còn xa với cái kha, chứ như người với đạo, đạo với người thời in hệt một thể. Vậy nên quân tử tu đạo, chẳng cần phải cầu đạo ở ngoài người, chỉ lấy đạo ở giữa người mà chỉnh lý sửa sang, quay lại trị thân người (**cố quân tử dĩ nhân trị nhân**).

Chữ "nhân" ở trên là chân lý của người tức là đạo, chữ "nhân" ở dưới là thân thể của người tức là nhân. Lấy đạo người trị người, chính là kiểu mẫu không xa, lại thân thiết hơn phạt kha kia nữa.

Vì kiểu mẫu quá thân thiết như thế, nên quân tử trị nhân không phải tốn công uốn nắn gì cho lắm; chỉ duy thấy người ta có lầm lỗi mà sai lật mất đạo thời mình bảo cho người ta sửa chính lại, thấy người ta đã sửa được cái lầm lỗi rồi thời công việc dạy người đến ngần ấy là đủ rồi (**cải nhi chỉ**); ("cải", là chữa đổi được cho người).

Trung thứ vi đạo bất viễn, thi chư kỷ nhi bất nguyện, diệc vật thi ư nhân.

忠恕違道不遠，施諸己而不願，亦勿施於人。

Trên kia đã nói : "đạo bất viễn nhân", nay lại chỉ vẽ cho ta cái phương pháp làm tới đạo mà nói rằng : Đạo vẫn không xa người, nhưng mà người ta làm đạo tất phải có công phu nước bước thứ nhất. Thầy Tăng Tử đã có câu nói : "**Phu tử chi đạo, trung thứ nhi dĩ hỹ**". Thầy Tử Tư là học trò thầy Tăng nên cũng chú trọng về chữ "trung", chữ "thứ". "Trung" (中) "tâm" (心) là "trung" (忠); tiếp người xử việc tất thành thực ở tròng lòng mà ra là gọi bằng "trung". Như (如), "tâm (心) là "thứ" (恕); lấy lòi g mình mà suy đến lòng người, biết lòng người cũng như lòng mình, nên khi đối đãi với người cũng đem lòng mình mà đặt vào lòng người là gọi bằng "thứ". Làm được chữ "trung" là mình không tự khi, làm được chữ "thứ" là mình không khi nhân; không tự khi lại không khi nhân, thế là thành được ý, chính được tâm rồi; tuy chưa được hoàn toàn đúng với đạo, nhưng cũng cách đạo chỉ có mảy may nữa mà thôi (**trung thứ vi đạo bất viễn**).

Vì thầy Tử Tư muốn phát huy cho rõ nghĩa chữ "thứ", nên lại dẫn thêm hai câu dưới này :

Hễ những cái gì gác vào mình mà mình không ưng muốn (**thi chư kỷ nhi bất nguyện**), thời mình cũng chớ đem điều ấy gác cho người ta (**diệc vật thi ư nhân**).

Hai câu này ý nghĩa cũng như câu : "Ngã bất dục nhân chi gia chư ngã dã, ngô diệc dục vô gia chư nhân" của thầy Tử Cống ở trong sách ***Luận Ngữ*** :

Quân tử chi đạo tứ, Khưu vị năng nhất yên. Sở cầu hồ tử dĩ sự phụ, vị năng dã; sở cầu hồ thần dĩ sự quân, vị năng dã; sở cầu hồ đệ dĩ sự huynh, vị năng dã; sở cầu hồ bằng hữu tiên thi chi, vị năng dã; dung đức chi hành, dung ngôn chi cẩn; hữu sở bất túc, bất cảm bất miễn;

hữu dư bất cảm tận, ngôn cố hạnh, hạnh cố ngôn; quân tử hồ bất tháo tháo nhĩ.

君子之道四，丘未能一焉，所求乎子，以事父，未能也；所求乎臣，以事君，未能也；所求乎弟，以事兄，未能也；所求乎朋友，先施之，未能也；庸德之行，庸言之謹，有所不足不敢不勉；有餘不敢盡；言顧行，行顧言，君子胡不慥慥爾。

Tiếp hai chữ "trung", "thứ" ở trên, mà muốn cho trông gương ở đức Thánh, nên lại phải dẫn chứng bằng lời đức Thánh.

Ngài có nói rằng : Đạo của quân tử thảy có 4 điều (**quân tử chi đạo tứ**), Khưu này chưa làm được một điều gì (**Khưu vị năng nhất yên**), một là con đối với cha mẹ cần phải có hiếu, điều đó ta vẫn trách vọng với những người làm con (**sở cầu hồ tử**). "Cầu", nghĩa là trách vọng, có ý trông mong, nhưng mà tự giữa mình ta lấy điều hiếu thờ cha mẹ hãy còn chưa làm được vậy (**dĩ sự phụ vị năng dã**), (chữ "vị năng", là ngài tự trách ngài; chữ "sở cầu", là ngài trông mong ư người ta).

Ba câu ở dưới cũng nghĩa như thế : tôi thờ vua cần phải có trung, điều đó ta vẫn trách vọng ở người làm tôi (**sở cầu hồ thần**). nhưng mà tự giữa mình ta lấy trung thờ vua hãy còn chưa làm được vậy (**dĩ sự quân vị năng dã**). Em thờ anh cần phải có để, điều đó ta vẫn trách vọng ở người làm em (**sở cầu hồ đệ**), nhưng mà ở giữa mình ta, lấy để thờ anh còn chưa làm được vậy (**dĩ sự huynh vị năng dã**). Đối đãi với bầy bạn cần phải tự mình tử tế trước (**tiên thi chi**), nhưng mà ở giữa mình ta, ta chưa làm được tử tế trước bầy bạn vậy (**sở cầu hồ bằng hữu tiên thi chi, vị năng dã**). Hai chữ "vị năng" là tinh thần chữ "thứ". Ta thường lo ở giữa mình ta làm những đức thường dùng (**dung đức chi hành**), cẩn thận những điều nói thường dùng (**dung ngôn chi cẩn**), (chữ "dung", nghĩa là thường, cũng nghĩa là dùng). Nhiều điều ngôn hành

ở trong khi nhật dụng thường thường luôn gọi bằng "dung", vẫn không phải có cao xa gì, nhưng mà ta vẫn cần mẫn luôn, có điều gì còn thiếu, không dám gắng thêm (**hữu sở bất túc, bất cảm bất miễn**); có điều gì đã dẫy nhiều lắm thời không dám quá chừng hết mực (**hữu dư bất cảm tận**).

Hai câu : "**hữu sở bất túc**", "**hữu dư**" là miêu tả cái tinh thần làm cho vừa chữ "trung" : "hữu sở bất túc" thời sợ còn bất cập, nên phải gắng nhắc lên ; "hữu dư" thời sợ có thái quá, nên phải lo đè bớt lại cho khỏi thái quá, chỉ cầu cho đúng với trung. Đã trung thời thường dùng được luôn, chính là "dung đức chi hành, dung ngôn chi cẩn". Học giả chớ thấy chữ "dung" mà khinh rẻ; "dung" chính là con đẻ của "trung", chưa làm được "trung", thời trung là khó lắm, đã làn đến được "trung", "trung" đã thành thục, thời thấy ra dễ lắm, tức là "dung".

Bây giờ thiết một lý thí dụ cho thiệt rõ :

Tỷ như nấu một nồi cơm, dùng sức lửa quá nhiều thời thái quá mà cơm khê; dùng sức lửa không đủ, té ra bất cập thời cơm sống, thảy là "không đắc trung"; nếu sức lửa không thái quá mà cũng không bất cập thời "đắc trung" mà cơm chín lại ngon; sau cứ như thế mà thường thường làm được hoài thời thành ra "dung"; trung với dung chỉ có một lẽ.

Xem một việc rất nhỏ như thế, dầu việc lớn lao bao nhiêu cũng vậy. Tuyển cả pho sách ***Kinh Dịch***, quí trọng nhất là chữ "trung". Thầy Tử Tư thêm vào chữ "dung", nhưng cũng chỉ có ngần ấy đạo lý; hễ đã trung thời dung, nếu chẳng trung thời chẳng bao giờ dung được. Trong thiên ***Khổng Học Đăng thượng*** đã kết thúc lấy chữ "trung", học giả xin đọc kỹ lấy mấy bài sách này, càng biết "trung dung" là hay lắm. Tuy nhiên, nói đến "trung dung", thường ai cũng nói được, mà cầu cho thực hành được trung dung, thời lại không được mấy ai. Vậy nên đức Thánh lại nói thêm rằng : Hễ toan nói những điều gì, tất phải ngó đến sức làm của mình, mình có làm được thời mới nói ra (**ngôn cố hạnh**), ("cố", nghĩa là đoái ngó). Mà đến

khi mình làm những điều gì, tất ngó lại điều mình nói; mình đã nói ra, quyết làm cho được như điều nói (**ngôn cố hạnh**); giả phỏng nói được "trung dung" mà làm không được "trung dung", té ra "ngôn cố bất hạnh, hạnh cố bất ngôn", chỉ là một người giả dối mà không phải là "đốc thực". Quân tử có bao giờ chẳng "đốc thực" như thế (**quân tử hồ bất tháo tháo nhĩ**, ("tháo tháo", nghĩa là thật thà chắc chắn tức, là chữ "đốc thực" ở trong ***Kinh Dịch***).

Kinh Dịch, soán truyện quẻ *Đại súc* : **Cương kiện, đốc thực, huy quang, nhật tân kỳ đức.**

剛健，篤實，輝光，日新其德。

Vì có cương kiện, đốc thực mới được sáng suốt rõ ràng, càng ngày càng mới được đức mình ("tháo tháo", tức là "đốc thực", ta thường nói rằng thực thà chắc chắn).

Quân tử tố kỳ vị nhi hành, bất nguyện hồ kỳ ngoại, tố phú quí; hành hồ phú quí; tố bần tiện, hành hồ bần tiện; tố di địch, hành hồ di địch; tố hoạn nạn, hành hồ hoạn nạn; quân tử vô nhập nhi bất tự đắc yên.

君子素其位而行，不願乎其外，素富貴行乎富貴；素貧賤行乎貧賤；素夷狄行乎夷狄；素患難行乎患難；君子無入而不自得焉。

Bài này là nói cho rõ cách "ngôn hạnh" của quân tử. Đạo "trung dung" của quân tử, chẳng buổi nào, chẳng chốn nào mà không hay, không đúng; vậy nên quân tử ở đời, chỉ theo như hiện tại bản vị của mình mà làm (**tố kỳ vị nhi hành**).

Tinh nghĩa bài này, chỉ cốt ba chữ "**Tố kỳ vị**"

"Kỳ", là chỉ vào bản thân của quân tử; "vị", là thì với địa; đúng vào thì nào, địa nào tức là "vị" ấy; "tố", nghĩa là vừa đúng với hiện tại; tự nhiên ở lúc hiện tại và đang nhiên trong lúc hiện tại gọi bằng "tố".

Chỉ vì quân tử "tố kỳ vị", nên không cần phải trông mong dựa cậy vào ai; hiện tại vị mình như thế nào thời mình xử bằng

thế ấy; đã sẵn có đạo lý của mình, dầu ở ngoài có uy quyền thế lực gì, quân tử không cần nghĩ tới nơi (**bất nguyện hồ kỳ ngoại**). Hai câu chỉ nên đọc một hơi. "Tố kỳ vị nhi hành", là chú trọng về chủ quan mà không cần đến khách quan, tức là "bất nguyện kỳ ngoại". Giải thích cho kỹ đã có như mấy câu dưới này :

Giả như hiện tại vị mình là phú quí thời đã có đạo lý xử phú quí, mình cứ làm cái đạo lý ấy (**tố phú quí hành hồ phú quí**); hiện tại vị mình là bần tiện thời đã có đạo lý xử bần tiện, mình cứ làm đạo lý ấy (**tố bần tiện hành hồ bần tiện**) hiện tại mình ở vào lúc di địch thời đã có đạo lý xử lúc di địch, ta cứ làm bằng đạo lý ấy. (**tố di địch hành hồ di địch**); hiện tại vị mình ở vào lúc hoạn nạn thời đã có đạo lý xử lúc hoạn nạn (**tố hoạn nạn hành hồ hoạn nạn**); dựa theo đạo lý tự nhiên mà chỉ làm một cách đương nhiên, vậy nên quân tử chẳng vào đâu mà chẳng tự đắc đó vậy (**quân tử vô nhập nhi bất tự đắc yên**).

Hai chữ "tự đắc" rất có ý vị, dầu phú quí mà chẳng say mê về phú quí, như vua Thuấn là một người dân cày mà làm được ngôi thiên tử cũng xem như hình của sẵn mình có (**nhược cố hữu chi**), thế là tự đắc ở giữa lúc phú quí. Ở lúc bần tiện mà không lo buồn vì bần tiện như thầy Nhan Uyên "nhất đan tự, nhất biểu ẩm tại lậu hạng", mà vẫn không đổi điều vui của mình (**bất cải kỳ lạc**), đó là tự đắc ở lúc bần tiện. Ở lúc di địch mà không dơ bẩn với di địch như ông Thái Bá trốn ở Kinh Man, ông Cơ Tử qua ở Triều Tiên mà đem đạo đức mình hóa được chốn ấy, đó là tự đắc ở chỗ di địch. Gặp lúc hoạn nạn mà không nao núng vì hoạn nạn như đức Khổng Tử tuyệt lương ở Trần Thái (**Trần Thái chi gian**) 7 ngày vẫn đánh đờn đọc sách, không thấy có sắc buồn, đó là tự đắc ở lúc hoạn nạn. Mình cứ vui đạo lý của mình, giữ phẩm cách của mình, mình sai sử được hoàn cảnh, mà hoàn cảnh không sử được mình, thế là "tự đắc". Xem như bài dưới này càng thêm rõ nghĩa :

Tại thượng vị bất lăng hạ, tại hạ vị bất viên thượng; chính kỷ nhi bất cầu ư nhân tắc vô oán; thượng bất oán thiên, hạ bất vưu nhân.

在上位不陵下，在下位不援上，正己而不求於人，則無怨，上不怨天，下不尤人。

Bởi vì quân tử ở dâu cũng là tự đắc, nên có khi ở về ngôi trên mà quên cả quyền thế ngồi trên, không ỷ ngôi trên mà áp bức kẻ dưới (**tại thượng vị bất lăng hạ**); có khi ở ngôi thấp, nhưng cũng yên cái địa vị phần dưới, không hiềm mình là thấp mà vin với người trên (**tại hạ vị bất viên thượng**), tổng chi mình cứ giữ đạo chính ở giữa mình, mình xử bằng một cách trung dung mà không cầu trách gì ở người, thời trong lòng mình thái nhiên, mình không oán gì người, mà cũng không ai oán đến mình (**chính kỷ nhi bất cầu ư nhân, tắc vô oán**). Chẳng những không cầu trách ở người mà thôi, mà cũng không cầu trách ở trời nữa kia; sở dĩ trên không oán trời, dưới không trách người (**thượng bất oán thiên, hạ bất vưu nhân**),

("oán", nghĩa là có ý hờn giận; "vưu", nghĩa là có trách móc).

Quân tử chẳng cầu gì với trời, nên chẳng việc gì mà oán thiên; vẫn không cầu gì ở người, nên chẳng việc gì mà vưu nhân. "Bất oán thiên, bất vưu nhân" là rất mực "tự đắc".

Chữ "tự đắc" chớ nhận lầm như ta thường nói một người kiêu ngạo. "Tự đắc", chỉ là trong lòng thái nhiên, chỉ yên vui đạo lý ở trong mình.

Cố quân tử cư dị dĩ sĩ mệnh ; tiểu nhân hành hiểm dĩ kiểu hãnh.

故君子居易以俟命；小人行險以徼幸。

Hai câu này kết thúc cả tuyển bài. Trên kia chỉ hoàn toàn nói về quân tử; bây giờ lại nói cả mặt tiểu nhân mà phản chiếu cho thêm rõ. Bởi vì người ở trong đời, chẳng ai mà không đứng vào phạm vi hoàn cảnh; hoàn cảnh tuy có tốt,

có xấu, nhưng sở dĩ tốt xấu thời cốt ở giữa bản thân mình quân tử hay tiểu nhân. Bản thân mình mà quân tử thời chẳng hoàn cảnh nào mà xấu; bản thân mình mà tiểu nhân thời dẫu hoàn cảnh có tốt chăng cũng kết quả là xấu. Bởi vì quân tử thường thuận theo đạo lý tự nhiên, xử một cách êm thuận để nghe theo chân lý (**quân tử cư dị dĩ sĩ mệnh**), "sĩ", nghĩa là chờ. Còn như tiểu nhân, nó vẫn không biết đạo lý là gì mà nó lại tham phú quí, ghét bần tiện, nên nó không yên thuận trời, cố ỷ sức khôn của mình mà làm cho được phú quí, thường hay làm những việc trái thường phản lý để cầu nhịp họa may mà tình cờ được phú quí (**tiểu nhân hành hiểm dĩ kiểu hãnh**).

"Hành hiểm", nghĩa là đi vào đường nguy hiểm : Nhất thiết những việc trái với lẽ thường là gọi bằng "hiểm". "Kiểu hãnh", nghĩa là cầu may : Theo lẽ thường vẫn không đáng được, nhưng họa may có lúc được là gọi bằng "hãnh". "Cư dị dĩ sĩ mệnh", tức là "tố vị nhi hành"; "hành hiểm kiểu hãnh", tức là "nguyện hồ kỳ ngoại", chữ "mệnh" ở đây cũng là chữ "mệnh" ở câu "thiên mệnh chi vi tính", chứ không phải như chữ "mệnh số" mà đời ta thường nói đâu.

Xưa nay, họa phúc, thịnh suy, tồn vong, đắc tán, thảy là có đạo lý tự nhiên ở trong lúc ấy rồi. Tỷ như nóng hết thời lạnh tới, đông hết thời xuân sang; chúng ta chỉ lo hết bổn phận và nghĩa vụ của mình, tỷ như mùa đông sắp sửa tới thời dự bị đồ ngự hàn; mùa nắng sắp sửa tới thời dự bị đồ ngự thử; mình làm hết bổn phận và nghĩa vụ của mình, thế là "cư dị dĩ sĩ mệnh".

Chữ "dị" tức là chữ "trung dung"; đạo lý vừa đúng như thế, không phải thái quá cũng không phải bất cập là lẽ rất thường thuận, nên gọi bằng "dị"; "dị", cũng nghĩa là dễ. Chữ "hiểm" là phản đối với chữ "dị", không thường thuận, tất nhiên nguy hiểm, nên gọi bằng "hiểm". Tỷ như đem nước bán cho giặc, tay không bắt hùm để mong được cái phú quí thành công xuất ư ý ngoại, như thế là "hành hiểm kiểu hãnh".

Xem ở đoạn trên đã có câu "quân tử trung dung, tiểu nhân phản trung dung", cũng có thể tham khảo được.

Tử viết : Xạ hữu tự hồ quân tử; thất chư chinh hộc, phản cầu chư kỳ thân.

子曰：射有似乎君子；失諸正鵠，反求諸其身。

Trên kia đã nói chữ "đạo". Bây giờ lại bày vẽ lối nhập đạo cho chúng ta, dẫn lời đức Thánh nói rằng :

Học giả muốn vào đạo, chẳng cần phải cầu ở ngoài thân ta đâu, chỉ dòm giữa thân mình. Xin thử xem người đi bắn kia, mục đích của người đi bắn là cốt cho nhằm giữa lòng bia; mục đích của người học giả là cốt cho đúng với đạo quân tử. Nghề bắn tuy là một việc tầm thường, mà ở trong có một đạo lý rất quân tử (**xạ hữu tự hồ quân tử**), hễ khi bắn không được trúng mà thấy mũi sắt trật ra ngoài lòng bia (**thất chư chinh hộc**); tay cầm cung nỏ là mục đích cốt ở bia, mà bây giờ trật bia thời còn trách móc với ai nữa đặng ! chỉ quay lại trách vào mình. Vì thân thể mình đứng không thẳng, hay vì mắt mình dòm không đích, hay vì nghề bắn mình không sành, tổng chi mình chỉ trách mình mà thôi. Học đạo quân tử cũng in như thế : óc mình nghĩ, thân mình làm mà kiết quả không đến được mục đích địa, chẳng trách mình mà trách được ai nữa ru ? Nên nói rằng : "**phản cầu chư kỳ thân**".

"**Chinh hộc**", nghĩa là chính giữa lòng bia. Ở trường bắn có dựng cái bia, chính giữa lòng bia có thiếp một miếng da là chỗ con mắt để vào đó, nên gọi rằng : "chinh", cũng gọi bằng "hộc". Người bắn để vào chinh hộc; người học để vào đạo trung dung. Trung dung là chinh hộc của đạo quân tử. Học đạo quân tử mà muốn cho đúng đích, tất phải "phản cầu chư kỳ thân". Nên tu thân là nước bước đầu tiên để nhập đạo.

Lại xem như bài dưới này :

Quân tử chi đạo, thí như hành viễn tất tự nhĩ; thí như đăng cao, tất tự ty.

君子之道：辟如行遠，必自邇；辟如登高；必自卑。

Kể đạo của quân tử, có trung, có hòa, có dung, có cường, có "tạo đoan hồ phu phụ", lại suy cho thiệt rộng ra thời "sát hồ thiên địa", chẳng phải xa lắm hay sao ? Chẳng phải cao lắm hay sao ?

Đạo vẫn xa lắm ! Đạo vẫn cao lắm ! Há có lẽ năm bảy nước bước mà tới được ru ? Há có lẽ một vài bậc thang mà lên được ru ? Tuy nhiên mục đích địa vẫn xa, vẫn cao, mà nước bước đầu đi đến đạo, bậc thang đầu lên tới đạo thời chỉ cốt tu ở giữa thân mình; mình suất được tính mình, cứ thế mà đi lần lần, bước mãi mãi thời chắc cũng đến được mục đích địa, cũng có thể làm nên được Thánh, bắt chước được trời. Bây giờ thiết ra lời thí dụ : cũng ví như đi đường xa, tất phải bắt đầu từ lúc gần (**thí như hành viễn tất tự nhĩ**), ("nhĩ", là gần, đối với chữ "viễn"). Lại ví như lên chốn cao, tất bắt đầu từ bậc thấp (**thí như đăng cao tất tự ty**), ("ty", nghĩa là thấp, đối với chữ "cao").

Chữ "nhĩ", chữ "ty", chỉ vào chữ "thân" (身) ở bài trên. Lấy thân mình mà so đọ với thiên địa thời phải nói rằng "nhĩ" và "ty". Nhưng tu được thân, suất được tính, trí được trung hòa, thời làm được đến "thiên địa vị", "vạn vật dục", là "**hành viễn, đăng cao**" đó rồi.

Truyện văn lấy bài này để thu thúc cả tiết này, rất có thâm ý, mà cũng rất có tinh nghĩa, học giả chớ sợ cao xa không tới nơi; chỉ cần dụng công từ ở nơi gần thấp mà rán sức làm mãi mãi, trông gương ở vua Thuấn với thầy Nhan thời cũng chỉ "phản cầu chư thân" mà thôi.

Tiết thứ 4

Chân lý của quỷ thần

Tử viết : Quỷ thần chi vi đức, kỳ thịnh hỹ hồ; thị chi nhi phất kiến, thính chi nhi phất văn, thể vật nhi bất khả dị; dương dương hồ như tại kỳ thượng, như tại kỳ tả hữu. Thi viết : thần chi cách tư,(1) bất khả đạc tư, thần khả dịch tư; phù vi chi hiển, thành chi bất khả yểm, như thử phù.

子曰：鬼神之為德，其盛矣乎！視之而弗見，聽之而弗聞，體物而不可遺。洋洋乎如在其上，如在其左右。詩云：神之格思，不可度思，矧可射思，夫微之顯，誠之不可揜，如此夫！

Đạo Trung Dung là không một việc gì mà không bao bọc hết. Nói về phương diện thiển hiển thời xem ở nhân sự; nói về phương diện thâm vi thời xét đến chân lý quỉ thần.

Chữ "quỉ thần" ở trung dung không phải như "quỉ thần" ở đầu miệng các bác phù thủy.

Nguyên chân lý của vũ trụ đã có dương, thời có âm; đã có minh thời có u; đã có sinh thời có hóa; bản thể của chân lý vẫn như thế. Nhưng đến lúc tác dụng của chân lý thời âm với dương, u với minh, hóa với sinh, thường tiếp tục mà bổ trợ cho nhau; theo về mặt "dương, minh, sinh" mà nói, thời gọi bằng "thần"; theo về mặt "âm, u, hóa" mà nói thời gọi bằng "quỉ". Quỉ vẫn là thần ở trong bản thể, mà thần lại là quỉ ở nơi tác dụng. Vì bản thể có thực tướng, nên nói "thần" phải kèm với chữ "quỉ", vì công dụng không phạm vi, nên nói "quỉ" phải cập với "thần". Nhưng mà quỉ thần là thuộc về triết lý, nếu chúng ta không thông thấu triết học, thời khó

(1) Nguyên âm cụ Sào Nam dọc "ty", nay sửa lại "tư" cho phổ thông

hiểu cho tới nơi. Sở dĩ đức Khổng Tử ít nói tới "quỉ". Ở trong ***Luận Ngữ*** chỉ có một bài.

Phi kỳ quỉ nhi tế chi, siểm dã.

非其鬼而祭之，諂也。

Lại có một bài :

Vị năng sự nhân, yên năng sự quỉ.

未能事人，焉能事鬼。

Còn như nói đến chữ "thần" thời đức Khổng Tử lại ít nói lắm. Xem như bài ở thiên *Bát Dật* :

Vương Tôn Giả vấn viết : Dữ kỳ mỵ ư áo, ninh mỵ ư táo, hà vị dã ? Tử viết : Bất nhiên, hoạch tội ư thiên vô sở đảo dã.

王孫賈問曰：與其媚於奧，寧媚於灶，何謂也？子曰：不然！獲罪於天無所禱也。

Có người quyền thần nước Vệ là Vương Tôn Giả hỏi với Ngài rằng : Thường người ta tế thần để cầu ơn, cầu phúc, nhưng mà chỗ áo là chỗ đặt thần vị, tuy ngó vẫn tôn nghiêm, nhưng không có quyền làm được phúc, chứ như ở chỗ bếp có vị thần Táo quân, e có quyền làm được phúc hơn chỗ áo, dữ kỳ cầu nguyện ư chỗ áo, thà là cầu nguyện ư thần Táo. Câu tục ngữ thường nói như thế, là ý nghĩa làm sao ? (**hà vị dã** ?).

Ý Vương Tôn Giả chẳng qua lấy Áo ví với vua, lấy Táo ví với quyền thần, mới đem câu tục ngữ này hỏi với đức Khổng Tử là có ý muốn đức Khổng Tử a phụ với quyền thần hay hơn phụ tùng với vua.

Trong câu hỏi của nó thiệt không ra đạo lý gì, nhưng ta cốt xem lời đức Thánh nói cũng biết được cái lý quỉ thần ở trong Khổng học.

Đức Thánh nói rằng : Như thì tục thường nói đó, tuyệt đối không gì phải ! (**bất nhiên**), đạo làm người chỉ cốt thuận theo lý tự nhiên, phải với lý tự nhiên tức là hợp với lòng trời;

nếu đã trái với lý tự nhiên tức là đắc tội với trời rồi đó, còn cầu nguyện với chỗ nào mà được nữa ru ? (**hoạch tội ư thiên vô sở đảo dã**).

Học giả xem như bài ấy thời "quỉ thần" ở trong Khổng học thấy nuốt vào ở trong chữ "thiên", mà "thiên" chỉ là lý tự nhiên, không cần phải nói "quỉ thần" nữa. Vậy nên có câu "Phi kỳ quỉ nhi tế chi siểm dã". Lại có câu "Vị năng sự nhân, yên năng sự quỉ", cần ở nơi sự nhân mà không cần ở nơi sự quỉ; hễ sự nhân mà hợp với đạo trời tức là sự quỉ đó rồi. Nên lại có bài ở thiên *Thuật Nhi* :

Tử tật bệnh, Tử Lộ thỉnh đảo. Tử viết : Hữu chư ? Tử Lộ đối viết : Hữu chi; my viết : Đảo nhĩ vu thượng hạ thần kỳ. Tử viết : Khưu chi đảo cửu hỹ.

子疾病；子路請禱．子曰：有諸？子路對曰：有之．誄曰：禱爾于上下神祇．子曰：丘之禱久矣．

Đức Thánh đau nặng lắm (**Tử tật bệnh**), thầy Tử Lộ xin cầu nguyện với thần (**Tử Lộ thỉnh đảo**). Ngài nói rằng : Có lẽ cầu nguyện với thần mà được ru ? (**Tử viết : hữu chư** ?). Thầy Tử Lộ thưa rằng : Có lẽ ấy (**hữu chi**). Xem như sách xưa có chép lời my rằng : Cầu nguyện cho mày với Thần kỳ ở trên dưới (**My viết : đảo nhĩ vu thượng hạ thần kỳ**), ("thần", nghĩa là thiên thần; "kỳ", nghĩa là địa kỳ). Đức Thánh trả lời rằng : Thế à ! Khưu này kỳ đảo tự bao giờ tới nay đã lâu rồi vậy (**Khưu chi đảo cửu hỹ**).

Chữ "đảo" ở trong miệng đức Thánh khác với chữ "đảo" trong miệng thầy Tử Lộ. Thầy Tử Lộ là bảo tế tự cầu nguyện làm đảo, mà ý đức Khổng Tử lại trái thế, ngài cho rằng một đời người, nói phô làm lụng không cái gì trái với lẽ trời tức là "đảo" rồi, không cần phải tế tự cầu nguyện mới là "đảo".

Xem như mấy bài trên, ở trong sách ***Luận Ngữ*** thời "quỉ thần" ở trong Khổng học tức là "thiên lý" mà thôi; đã nói đến "thiên lý", chẳng cần phải nói thêm "quỉ thần" làm

gì. Ràng "vô sở đảo dã", ràng "đảo cửu hỹ" thời ở ngoài "thiên lý" vẫn không thấy chỗ nào là "quỉ thần". Nhưng vì cớ sao sách ***Trung Dung*** lại có bài nói "quỉ thần" như trên ấy ? Bởi vì cuối đời Xuân Thu, các nhà học giả như Mạc Tử, Tuân Tử (Mạc Tử có thiên *Minh Quỉ* (1); Tuân Tử có thiên *Phi Tế*), học thuyết bằng "quỉ thần" dã nhiều người kêu rêu hò hét, dễ bảo cho người ta xây vào đường mê tín, nên thầy Tử Tư phải thuyết minh ra bài này, để cho người ta biết "quỉ thần" chỉ là chân lý, không phải như "quỉ thần" mà thế tục ta thường nói dâu. Nay xin thích kỹ nghĩa nguyên văn như dưới này :

Đức Thánh nói ràng : Người dời hay nói "quỉ thần", mà có biết "quỉ thần" là gì không ? Nguyên lai âm dương nhị khí hòa hợp với nhau mà thành ra công dụng của "quỉ thần"; "quỉ thần" chi làm nên đức thiệt là thịnh lớn lắm vậy rư ? (**quỉ thần chi vị đức kỳ thịnh hỹ hồ**). Nhưng mà thịnh đức của quỉ thần, há phải có hình tích tiếng tăm mà ta nghe thấy được dâu ? Vì không hình tích, nên ta có trương mắt dòm nó mà chẳng thấy (**thị chi nhi phất kiến**); vì không tiếng tăm, nên ta có ghé tai nghe nó mà chẳng nghe (**thính chi nhi phất văn**).

Tuy nhiên, "thị" vẫn "phất kiến" mà lại không phải không có cái kiến được; "thính" vẫn "phất văn" mà lại không phải không có cái văn được. Thế thời "kiến" vào chỗ nào ? "văn" vào chỗ nào ? Chỉ duy "kiến văn" ở nơi thực thể của người ta. Bởi vì cái thịnh đức của quỉ thần, thường thường trực tiếp thâm nhập vào ở nơi mọi vật, vật gì vật gì cũng là có thể quỉ thần ở trong ấy, mà không thể thiếu sót được (**thể vật nhi bất khả dĩ**), nhơn nhơn vậy như hình ở trên mình ta, như hình ở bên tả bên hữu mình ta (**dương dương hồ như tại kỳ thượng như tại kỳ tả hữu**).

Ba câu này hoàn toàn là triết lý, rất khó giải nghĩa. Quỉ thần với vật, chúng ta thường xem ra hai đường, cớ sao lại nói ràng "dương dương hồ như tại kỳ thượng, như tại kỳ tả

(1) nói cho rõ ràng đạo lý "quỉ"

hữu" ? Xin học giả thử nghĩ, người ta chẳng phải một vật ở trong vạn vật hay sao ? Tai, mắt, miệng, mũi, chẳng phải cũng là da thịt hay sao ? Khi đi, khi đứng, khi ngủ, khi thức, ta có biết vì sao mà linh động như thế chăng ? Bộng lỗ tai vì sao mà lọt được tiếng vào ? Tròng con mắt vì sao mà dọi được sắc vào ? Mũi cũng là cục thịt, vì sao mà hay ngửi ? Miệng lưỡi cũng chỉ là hình thịt, vì sao mà phun được ra tiếng ? Thình lình mà hay ngủ, hay thức, có một tý gì mà không phải là công dụng của "âm dương nhị khí" đó ru ? Suy ra cho đến thật lớn như vũ trụ cổ kim, thiệt nhỏ như côn trùng thảo mộc, không một chỗ nào mà không phải công dụng của quỉ thần. Theo ở phương diện "biến hóa rõ ràng" thời bảo rằng "thần"; theo ở phương diện "âm ngầm kín đáo" thời gọi bằng "quỉ", nhưng tổng chi chỉ là thực thể của nhất thiết vật mà thôi nên nói rằng "thể vật nhi bất khả di, dương dương hồ như tại kỳ thượng, như tại kỳ tả hữu".

Nếu chúng ta còn nghi thời xin chứng vào lời nói ***Kinh Thi*** :

Thi viết : Thần chi cách tư, bất khả đạc tư, thần khả dịch tư.

詩曰：神之格思，不可度思，矧可射思。

Nghĩa là, thần chi tới đó vậy, không có thể đonlường được vậy, mà chúng ta chán mỏi được hay sao ?

(Chữ "cách", nghĩa là đến tới nơi, dường như chữ "lai cách" ở trong ***Kinh Thư***; "đạc", nghĩa là đon trước được, cũng nghĩa là đo lường, chẳng đon trước được, chẳng đo lường được, thế mới là "thần"' "dịch", nghĩa là chán mỏi).

Xem như lời ***Kinh Thi*** nói, thời biết rằng "quỉ thần" tức là "thiên đạo" mà "thiên đạo" vẫn có sẵn ở nơi "nhân tâm"; duy cái chân lý đó không phải văn tự mà hình dung được hết. Vậy nên truyện văn lại phải thêm hai câu như dưới này :

Phù vi chi hiển, thành chi bất khả yểm, như thử phù.

夫微之顯，誠之不可揜，如此夫！

("vi", nghĩa là kín nhiệm; "hiển", nghĩa là sáng rõ).

Lý "quỉ thần" đã nói như trên kia, tuy là "thị phát kiến", "thính phát vãn", nhưng mà lại "dương dương hồ như tại kỳ thượng, như tại kỳ tả hữu", như thế thời bảo rằng "vi" mà thật là "hiển"; bảo rằng "mầu nhiệm" thời thiệt là mầu nhiệm; bảo rằng "sáng rõ" thiệt là sáng rõ; gốc ở nơi "vi" mà đến tới "hiển", cái chân lý không thể che lấp được, như thế đó mà !

Bài này kết thúc lấy chữ "thành", học giả phải nên thể nhận. Đầu bài hai chữ "quỉ thần", mà cuối bài kết thúc lại một chữ "thành".

"Thành" là nghĩa làm sao ? Nguyên lai chí lý của tạo hóa, trời phú dữ cho người và vạn vật, chỉ có một cái chân thành mà thôi; cái chân thành đó không một tý gì giả dối, cũng không bao giờ biến đổi, vì vậy nên thường thấy có công dụng rõ rệt hoài hoài, tức là "thành chi bất khả yểm".

Tiên Nho đã có câu nói rằng : **Hữu thành tắc hữu kỳ thần, vô thành tắc vô kỳ thần.**

有誠則有其神，無誠則無其神。

Hễ có "thành" ở trong lòng mình tức là "thần" ở đó rồi. Học giả xem thích nghĩa chữ "thành" ở tiết dưới thời càng hiểu được "thành" tức "quỉ thần", "quỉ thần" tức "thành", chỉ có một lẽ mà thôi.

Tiết thứ 5

Đạo thuộc về "thành".

Tuyển cả bộ sách ***Trung Dung***, kể tuyển thể và đại dụng cho đạo thời nuốt vào ở trong hai chữ "Trung Dung", mà sở dĩ làm cho được "trung dung" thời cốt yếu thứ nhất là chữ "thành".

Tiết này xin tóm thích những bài có chữ "thành" ở trong sách ***Trung Dung***, tiếp chữ "thành" ở tiết trên mà giải thích cho thiệt rõ :

Thành giả thiên chi đạo dã, thành chi giả, nhân chi đạo dã; thành giả bất miễn nhi trúng, bất tư nhi đắc, thung dung trúng đạo, thánh nhân dã; thành chi giả, trạch thiện nhi cố chấp chi giả dã.

誠者天之道也，誠之者，人之道也；誠者，不勉而中，不思而得，從容中道，聖人也；誠之者，擇善而固執之者也。

Ý nghĩa ở bài này rất tinh vi mà cũng rất thâm thiết. Học giả muốn biết được cái lẽ "thiên nhân hợp nhất" nên nhận kỹ bài này.

Trong ***Kinh Dịch***, quẻ *Vô Vọng* (无妄) lại có quẻ *Trung Phu* (中孚). "Vô vọng", nghĩa là chân thực mà không càn; "Trung phu", nghĩa là chất chứa cái tin thật ở trong. Duy "trung phu" mà lại "vô vọng" tức là "thành".

Nhưng ở trong nghĩa chữ "thành", ngậm có hai ý : một là, thành thực bằng một cách tự nhiên, nên nói rằng "thành giả, thiên chi đạo dã"; hai là, thành thực bằng một cách đương nhiên, nên nói rằng "thành chi giả, nhân chi đạo dã".

"Thiên chi đạo" với "nhân chi đạo", nguyên lai chỉ có một đạo, nhưng theo về phần chân lý là lý tự nhiên thuộc về trời thời bảo rằng "thiên đạo"; theo về phần thực sự thời là lẽ đương nhiên mà thuộc về người thời nói rằng "nhân đạo".

Truyện văn vì sợ học giả không hiểu rõ, nên lại phải thêm mấy câu dưới này :

Như thế nào là "thành giả" ? Thành giả như thế này : chẳng chờ phải miễn cưỡng mà tự nhiên đúng lẽ (**bất miễn nhi trúng**); chẳng chờ phải ngẫn nghĩ mà tự nhiên hiểu được (**bất tư nhi đắc**), khoan thai nhẹ nhàng mà tự nhiên nhằm với đạo (**thung dung trúng đạo**), là thánh nhân đó vậy (**thánh nhân dã**), như thế là "thành giả" (**thành chi giả**).

Như thế nào là "thành chi giả" ? Thành chi giả là như thế này : Vì chưa đến được "bất miễn nhi trúng, bất tư nhi đắc", nên cần phải ở trong chỗ nghe, chỗ thấy phải kén chọn cho ra điều lành (**trạch thiện**); lại vì chưa được thung dung trúng đạo, nên cần phải ở khi chọn được điều lành rồi thời rán sức dụng công cố giữ chặt lấy điều lành ấy (**nhi cố chấp chi**), người như thế là "thành chi giả".

Bốn chữ "trạch thiện cố chấp", là công phu những hạng người chưa làm được "thành giả" mà cố học cho làm được "thành giả", nên gọi rằng "thành chi giả". "Thành chi giả" với "thành giả" chỉ thêm vào một chữ "chi" mà ý nghĩa khác nhau lắm : "thành giả" là hoàn toàn tự nhiên; thêm vào một chữ "chi" là lấy cái lẽ đương nhiên mà cầu hợp với tự nhiên; khi đã hợp được tự nhiên rồi thời "nhân" tức là "thiên", nên nói rằng "thánh hy thiên". Muốn cho đến được địa vị ấy, tất phải có công phu như bài sau này :

Bác học chi, thẩm vấn chi, thận tư chi, minh biện chi, đốc hành chi.

博學之，審問之，愼思之，明辨之，篤行之。

Tiếp chữ "trạch thiện cố chấp" ở bài trên mà bày vẽ cho cách làm :

Thứ nhất là phải "bác học", khảo cứu cho thiệt kỹ, chứng nghiệm cho thiệt nhiều, nghe cho rộng những lời nói hay, thấy cho nhiều những việc làm tốt, như thế là "bác học".

Ở trong ***Luận Ngữ***, có chữ "đa kiến", "đa văn" mà đức Thánh nói với thầy Tử Trương tức là "bác". Nghĩa chữ "học", xin xem bài "***Hiếu học***" ở ***Khổng Học Đăng thượng***. "Học" đã được "bác" rồi, nhưng ở trong lúc học tất cần phải có óc hoài nghi. Nghĩa lý trong thiên hạ, học thuyết ở xưa nay phải trái có nhiều đường, hơn kém có nhiều bậc, chẳng phải nghe mà theo bướng được đâu, nên cần phải có nghi, đã có nghi cần phải có hỏi, chính như câu : "nghi tư vấn" ở trong ***Luận***

Ngữ. "Hiếu vấn", "hiếu sát" như đức Đại Thuấn, hay hỏi được như thế thời "bác học" mới là có ích. Nhưng trong khi hỏi lại cần phải "thẩm". "Thẩm", nghĩa là xét nghĩ cho ra cái gì là đáng hỏi; cái gì cao sâu phải hỏi với người cao, cái gì thấp cạn phải hỏi với người thấp, tức như đức Thánh trả lời với thầy Phàn Trì mà ngài nói rằng : "Ngô bất như lão nông, ngô bất như lão phố", chính là ý tứ thuộc về thẩm vấn. Giả như đem "tính", "mệnh" mà hỏi với người bình thường, đem chính trị mà hỏi với người nhà quê, thế là "vấn" mà không "thẩm", hoặc có kẻ tùy tiện hỏi vơ, dụng đâu hỏi đấy cũng không phải là "thẩm vấn". "Vấn" mà không biết "thẩm" thời dẫu có hỏi mà có ích gì ? Nên "bác học" lại cần phải "thẩm vấn" (**bác học chi, thẩm vấn chi**).

Đã học rồi, đã vấn rồi, nhưng ở trong lúc học, vấn, tất cần phải dụng tâm ở nơi "nghĩ", hay nghĩ tức là "tư". "Học vấn" là dụng công về mặt tai mắt miệng; "thận tư" là dụng công về mặt tâm não; nhưng mà tâm não cũng phải có cách biết dùng; cái gì đáng nghĩ, ta mới đặt lòng vào, cái gì không đáng nghĩ thời ta cũng chẳng đặt lòng vào làm gì. Nhận cho ra cái đáng nghĩ mà nghĩ; đã nghĩ tất phải nghĩ cho chuyên, như thế là "thận tư". Chữ "tư" có ba nghĩa : một nghĩa, "tư" là nghĩ cũng là "tư tưởng" (思想), một nghĩa, "tư" là lo, cũng nghĩa là "tư lự" (思慮), tức là "yên nhi hậu năng lự" ở trong ***Đại Học. Kinh Thư*** có câu : "phất lự, hồ hoạch ?" 弗慮胡獲 , nghĩa là không lo nghĩ, làm sao mà được ? Chữ "lự" tức là chữ "tư" ở đây. Lại có một nghĩa "tư" là nhớ, cũng là "tư ức" (思憶). ***Kinh Thi*** có câu "Khởi bất nhĩ tư" (豈不爾思), nghĩa là "há phải ta không nhớ đến mày", cũng như nghĩa chữ "tư" ở đấy.

Góp cả ba nghĩa ấy thời biết rằng hễ cái đã học, đã hỏi, tất phải nghĩ cái ấy, lo cái ấy, mà lại phải cẩn thận cho được không sai lầm, như thế là "thận tư". Khi ở sau đã "thận tư" rồi, bây giờ mới đem cái óc suy nghĩ của ta và cái óc phán đoán của ta biện biệt cho ra đạo lý gì là phải, đạo lý gì là trái, đạo lý gì là chân, đạo lý gì là ngụy; cho đến những loài nhân tình

thế cố nào hay, nào dở, nào nên theo, nào nên tránh, tất thảy biện biệt cho rành, phán đoán cho được xác đáng, khiến cho những điều sở đắc ở trong học vấn không mắc cái bệnh mơ màng lộn xộn, như thế là "minh biện".

Tuy nhiên, công phu "trạch thiện cố chấp", tất phải đủ cả tri với hành; về phần thức lực vẫn phải cần cho tinh, mà kể về phần năng lực, càng phải luyện cho chín. Những điều đã học, đã vấn, đã tư, đã biện, chỉ là thuộc về phần tri; nếu có tri mà chẳng có hành thời không lấy gì chứng nghiệm được tri, thế thời không phải "trạch thiện nhi cố chấp", làm sao nên được "thành chi giả" ? Vậy nên ở sau học, vấn, tư, biện, tất phải hết sức về phần hành; trị được bao nhiêu phần, tất phải hành cho được bấy nhiêu phần. Nghị lực cho thiệt vững vàng, thực hành cho thiệt triệt để, khiến cho những điều học, vấn, tư, biện đã sở đắc tất thảy thực hiện được ở nơi lúc hành, như thế là "đốc hành".

Tóm cả bài này, công phu có năm chữ "học, vấn, tư, biện, hành" nhưng cốt yếu thời ở 5 chữ "bác, thẩm, thận, minh, đốc". Ví như thầy thuốc hay chữa bệnh : 5 danh từ "học, vấn, tư, biện, hành" là 5 vị thuốc, mà 5 chữ "bác, thẩm, thận, minh, đốc" là công phu bào chế, sao tẩm và lựa chọn điều phục; hễ thiếu một cái gì vẫn không được, mà một cái gì không đến nơi cũng không được. Vậy muốn cho nên một người "thành chi giả", tất phải có như bài dưới này :

Hữu phất học, học chi phất năng, phất thố dã; hữu phất vấn, vấn chi phất tri, phất thố dã; hữu phất tư, tư chi phất đắc, phất thố dã; hữu phất biện, biện chi phất minh, phất thố dã; hữu phất hành, hành chi phất đốc, phất thố dã.

有弗學，學之弗能，弗措也；有弗問，問之弗知，弗措也；有弗思，思之弗得，弗措也，有弗辨，辨之弗明，弗措也；有弗行，行之弗篤，弗措也.

Bài này chia ra làm năm đoạn nhỏ, mỗi đoạn chấm làm hai "cú", một "dậu".

Tỷ như : "Hữu phất học (cú), học chi phất năng (dậu), phất thố dã (cú). Đó là một đoạn nhỏ, nói cho kỹ nghĩa chữ "thành" mà thuộc về phần bác học. Bốn đoạn dưới cũng in vậy. Bởi vì học, vấn, tư, biện, hành, tuy có 5 việc, nhưng tóm nuốt vào trong một chữ "thành".

Thành tâm làm thời việc gì cũng hay, chẳng thành tâm làm thời việc gì cũng dở, nên phải cốt cho thành tâm làm. Đạo lý ở trong thiên hạ cho đến sự vật ở trong thiên hạ, vẫn cần phải có học, mà có học thời mới hay. Học, nghĩa là bắt chước, mà cũng nghĩa là nghe thấy cho tới nơi. Nhưng cũng có một món đạo lý hay một món sự vật kia; ta xét ra không đáng học thời không học (**hữu phất học**); còn như cái mà ta đã xét ra đáng học thời ta phải quyết chí học cho đến hay; nếu học cái đó chưa được hay thời quyết không chịu nửa đường mà bỏ (*bán đồ nhi phế*). Như thế là "học chi phất năng, phất thố dã" (**học chi phất năng, phất thố dã**), "thố", nghĩa là bỏ, cũng nghĩa là thôi nghỉ.

Hễ có điều gì mình xét ra không đáng hỏi thời không hỏi (**hữu phất vấn**); đến như cái đã đáng hỏi mà ta cần phải hỏi, tất phải tìm thấy kén bạn mà hỏi cho đến biết mà thôi; nếu hỏi chưa đến được biết thời quyết chẳng chịu bỏ ngơ mà chẳng hỏi (**vấn chi phất tri, phất thố dã**).

Có đạo lý gì hay sự vật gì mà ta xét ra không đáng nghĩa thời ta chẳng nghĩ (**hữu phất tư**); đến như cái mà ta xét ra là đáng nghĩ thời ta quyết cố nghĩ cho đến được; nghĩ không đến được, quyết không chịu làm lảng (**tư chi phất đắc, phất thố dã**).

Có cái gì ta xét ra không đáng biện, thôi thời chẳng biện làm gì (**hữu phất biện**); đến như cái mà có lẽ thiệt đáng biện, ta nhất định biện biệt cho được tinh; nếu biện biệt chưa được tinh, quyết không chịu hàm hồ lẫm lạc (**biện chi phất minh, phất thố dã**).

Có cái đạo lý gì hay sự công gì mà ta xét không đáng làm thời không làm ngay (**hữu phất hành**), đến như cái mà ta đã xét được đáng làm thời ta quyết làm cho thiệt hết lòng hết sức cho đến bao giờ thành công; nếu làm chưa đến lúc thành công thời nhất định làm hoài quyết không chịu làm lỡ dở mà nửa chừng bỏ việc (**hành chi phất đốc, phất thố dã**).

Bài chính văn trên ấy nên hết sức chú ý ở mấy chữ "**phất**"; hai chữ "hữu phất" lại càng chớ bỏ ngơ. Bởi vì đạo lý ở trong thiên hạ, sở dĩ đến được "trung dung", cần thứ nhất là công phu kén chọn. Ở trên kia đã có ba lần nói câu "trạch hồ trung dung", "trạch", nghĩa là kén chọn; kén chọn cái gì nên học mà học, cái gì nên vấn mà vấn, cái gì nên tư mà tư, cái gì nên biện mà biện, cái gì nên hành mà hành; thấy được cái nên mới lòi ra cái không nên; cái đã không nên, tất nhiên phải phất học, phất vấn, phất tư, phất biện, phất hành ("Phất", nghĩa là chẳng, nghĩa là không, cũng nghĩa là chớ).

Vì kén chọn được kỹ như thế mới thấy được điều lành tức là "trạch thiện"; đã trạch được thiện rồi, vì thiện mà học, tất phải học cho đến hay (năng). Vì thiện mà vấn, tất phải vấn cho đến biết (tri); vì thiện mà tư, tất phải tư cho đến được (đắc), vì thiện mà biện, tất phải biện cho hiểu được (minh); vì thiện mà hành, tất phải hành cho đến chắc chắn (đốc). Nếu chưa được như thế, nhất định không thôi, như thế là "cố chấp chi" đó vậy.

Vì bốn chữ "trạch thiện cố chấp" mà phải thuyết minh như 5 đoạn trên ấy. Nhưng lại còn có một ý nghĩa : "bác học chi", thay chữ "bác" làm chữ năng; "thẩm vấn chi", thay chữ "thẩm" làm chữ "tri"; "thận tư chi", thay chữ "thận" làm chữ "đắc", mà có sao "minh biện", "đốc hành" thời cứ dùng chữ "minh", chữ "đốc" mà không thay chữ khác ? Đó chính là ván ý của Thánh hiền rất tinh đáng. Bởi vì học chẳng phải là xong, học mà có năng thời bác mới có ích, nên đổi chữ "bác" làm chữ "năng", vấn mà có tri thời "thẩm vấn" mới có ích nên thay chữ "thẩm" làm chữ "tri", tư mà có đắc thời mới

thấy được công phu "thận tư", nên đổi chữ "thận" làm chữ "đắc"; đến như công phu chữ "biện" thời đến được minh là có hiệu quả rồi, nên chỉ dùng chữ "minh"; công phu chữ "hành" thời đến được chữ "đốc" là thực chứng hành rồi, nên dùng chữ "đốc".

Tuy nhiên, đạo trung dung là khắp thảy loài người, vẫn ai nấy cũng làm tới được; nhưng vì tài chất của mỗi người có khác nhau, những người tài chất thuộc về phần cao, óc đã giàu về sức khôn, thể lại nhiều về sức mạnh, hạng người ấy làm đạo trung dung có phần dễ. Còn như hạng người, óc kém về sức khôn mà mắc lấy cái bệnh ngu, thể chất kém về sức mạnh, mà mắc lấy cái bệnh nhu. Những hạng người ấy làm trung dung chẳng khó lắm hay sao ? Không ! không ! Đã gọi là đạo trung dung là đạo mà ai nấy cũng làm được cả. Người có óc khôn sức cứng mà làm được đã dành, chứ như người ngu, người nhu mà cũng không phải tuyệt đối không làm được; chỉ cốt người ấy có chí làm, có công làm, tất phải như mấy câu ở dưới này :

Nhân nhất năng chi, kỷ bách chi; nhân thập năng chi, kỷ thiên chi; quả năng thử đạo hỹ, tuy ngu tất minh, tuy nhu tất cường.

人一能之，己百之，人十能之，己千之；果能此道矣，雖愚必明，雖柔必強。

Bài này chỉ dạy cho một hạng người "trung nhân dĩ hạ". Học giả nên nhận kỹ chữ "nhân" 人, chữ "kỷ" 己 :

"Nhân", là chỉ vào "trung nhân dĩ thượng"; "kỷ", là chỉ vào bản thân những người "trung nhân dĩ hạ". "Trung nhân dĩ thượng", là hạng người tài chất phần cao, tự bậc trung sấp lên; "trung nhân dĩ hạ", là hạng người tài chất phần thấp, tự bậc trung sấp xuống. Vì những hạng người tự bậc trung sấp xuống, không có thể phân bì với hạng người tự bậc trung sấp lên, vậy nên khi làm đạo trung dung, tất phải ra công gấp trăm, gấp ngàn với hạng người bậc trên. Tỷ như đi một lối đường xa, người ta chỉ một giờ đồng hồ chắc cũng thấu đến nơi, nghĩa

là người ta chỉ một lần làm được ngay (**nhân nhất năng chi**), mà mình thời tập làm cho đến trăn lần (**kỷ bách chi**); người ta chỉ mười lần là được xong (**nhân thập năng chi**), mà mình thời tập làm cho đến ngàn lần (**kỷ thiên chi**). Hễ mỗi việc gì muốn cho hay, cố dụng công cho được gấp trăm với người.

Nói rút lại, việc dầu khó mặc lòng, nhưng người đã hay, tất nhiên mình cũng hay, chẳng qua "nhân nhất kỷ bách, nhân thập kỷ thiên", khác nhau về phần dụng công mà thôi; nếu có nghị lực hằng tâm, chắc hay làm được phương pháp ấy (**quả năng thử đạo hỹ**).

Chữ "đạo" ở đây khác chữ "đạo" ở mọi nơi; "đạo", chỉ nghĩa là phương pháp hay đường lối.

Theo như phương pháp trên mà làm hoài, óc mình thường vận dụng luôn luôn, càng ngày càng nở nang, tuy ngu tất cũng phải minh (**tuy ngu bất minh**); thể chất mình thường luyện tập luôn luôn, càng ngày càng cứng cỏi, tuy nhu tất cũng phải cường (**tuy nhu tất cường**).

Chữ "ngu", chữ "nhu", là tài chất thuộc về "bẩm thụ; chữ "minh", chữ "cường", là công hiệu thuộc về phần "học, vấn, tư, biện, hành".

Nếu học giả mà thường hay như thế thời đạo trung dung há phải không hay được đâu !

Đoạn này có ba chữ "năng" : hai chữ "năng" trên là nói giả phỏng, chữ "năng" dưới là chỉ vào bốn câu trên, chữ "năng" này rất có lực lượng : năng được "nhân nhất kỳ bách, nhân thập kỳ thiên", cứ nẻ đường "trạch thiện cố chấp", mà lên hoài thời nhất định không "ngu" và "nhu", mà lại quyết được "minh" với "cường", nên lại có hai chữ "tất", mà chữ "tất" lại dính với chữ "quả".

Tiết thứ 6

Luân lý ở trong "thành chi đạo."

Luân lý ở trong Khổng học, xuất phát điểm ở trên chữ "hiếu". Tiết này muốn dạy cho ta làm "hiếu" mà lại muốn cho người ta biết tột mực chữ "hiếu", nên lấy ba người đời xưa làm gương :

1)- Ngu Thuấn;

2)- Võ Vương;

3)- Chu Công.

Tử viết : Thuấn kỳ đại hiếu dã dư ? Đức vi thánh nhân, tôn vi thiên tử, phú hữu tứ hải chi nội ; cố đại đức tất đắc kỳ vị, tất đắc kỳ lộc, tất đắc kỳ danh, tất đắc kỳ thọ.

子曰：舜其大孝也與！德為聖人，尊為天子，富有四海之內；故大德必得其位，必得其祿，必得其名，必得其壽。

Vua Thuấn nguyên là một người dân nước Tàu ở đời Đường Nghiêu, con ông Cổ Tẩu, gặp gia cảnh rất khốn nạn : Cổ Tẩu là người ngu ngoan, mẹ Thuấn chết sớm, đụng lấy hậu mẫu là người ác độc, con hậu mẫu là Tượng lại là người kiêu ngạo. Tượng ngày đêm dèm mưu với cha Thuấn, đồng mưu với hậu mẫu để giết Thuấn, nhưng Thuấn không một tỷ gì oán với cha mẹ, hết sức lo việc cày ruộng, cung cấp chức việc làm con; đến lúc cuối cùng cha Thuấn, mẹ Thuấn và em là Tượng thảy bị lòng hiếu của Thuấn cảm cách mà hóa nên một nhà tử tế. Vì vậy mà tiếng "hiếu" bay đến vua Nghiêu, vua Nghiêu muốn chọn người hiền thay ngôi mình, thiên hạ cũng đồng tình suy cử vua Thuấn. Kể đức "hiếu" người đời xưa đời này, thiệt vua Thuấn là to lớn nhất.

Ở trong ***Kinh Thư*** có hai bài nói việc vua Thuấn, xin

biên vào dây :

Sư tích đế viết : Hữu quan tại hạ, viết Ngu Thuấn. Đế viết : Du, dư văn, như hà ? Nhạc viết : Cổ tử, phụ ngoan, mẫu ngân, Tượng ngạo, khắc hài dĩ hiếu, chưng chưng ngãi bất cách gian.

師錫帝曰：有鰥在下曰虞舜。帝曰：俞，予聞，如何？岳曰：瞽子，父頑，母嚚，象傲，克諧以孝，烝烝乂不格姦。

"Sư", nghĩa là quần chúng, tức là quần thần. "Tích đế", nghĩa là tấn lên với vua. "Quan", là một tên dân không có vợ. "Du", nghĩa là ừ, phải. "Dư văn", nghĩa là ta đã có nghe người ấy. "Cổ tử", là con của người mù. "Cổ tẩu", là người ngu xuẩn mà lại kém sức mát sáng, người ta gọi bằng "cổ". "Phụ ngoan", tức là Cổ Tẩu. "Mẫu ngân", tức là vợ kế của Cổ Tẩu. "Tượng ngạo", là em khác mẹ của Thuấn. "Khác hài", là hay khiến cho được hòa thuận.

Thích góp : Chúng tiến lên với vua Nghiêu rằng : Có một tên quan phu ở trong dám bách tính tên gọi rằng Ngu Thuấn. Vua Nghiêu trả lời rằng : Ừ, phải, ta đã nghe người ấy, nhưng lịch sử nó ra thế nào ? Quan Tứ Nhạc (như Thủ tướng đời nay), tâu rằng : Nó là con anh mù, cha nó ngoan ngạnh, mẹ nó hiểm ác, em nó là Tượng kiêu ngạo, nó hay lấy đức hiếu khiến cho được hòa thuận, lần lần biến hóa (**chưng chưng ngãi**), chẳng đến nỗi ai có gian dối (**bất cách gian**). Bài này thấy ở thiên *Nghiêu Điển*.

Lại còn một bài :

Đế sơ vu Lịch sơn, vãng vu điền, nhật hào khấp vu mân thiên, vu phụ mẫu ; phụ tội, dẫn thắc, chi tái. Kiến Cổ Tẩu quì quì trai lật. Cổ diệc doãn nhược.

帝初于歷山，往于田，日號泣于旻天，于父母，負罪，引慝祗載，見瞽瞍，夔夔齋慄，瞽亦允若。

Bài này là lời ông Bá Ích kể đức của Thuấn mà nói với ông Vũ rằng : Vua ta lúc còn cày ở núi Lịch Sơn (**Đế sơ vu Lịch sơn**), qua ở chốn làm ruộng (**vãng vu điền**), dụng gặp lấy tai biến trong gia đình cha mẹ với em đồng tình với nhau muốn giết mình, nên vua ta cứ ngày đêm kêu khóc với trời lớn (**nhật hào khấp vu mân thiên**), và cha mẹ (**vu phụ mẫu**), tự nhận lấy mình là có tội (**phụ tội**), tự đem những điều đau khổ vào mình (**dẫn thắc**), cung kính những việc làm con của mình để đối dãi với Cổ Tẩu (**chi tái**); hễ khi nào thấy mặt Cổ Tẩu (**kiến Cổ Tẩu**) thời tỏ ra một cách rất kính thuận, chăm chăm vậy ra hình kiêng sợ lắm (**quì quì trai lật**); Cổ Tẩu vì thế mà cũng phải tin yêu (**Cổ diệc doãn nhược**).

Xem như hai bài ***Kinh Thư*** dẫn vào trên ấy thời biết đức "hiếu" được như vua Thuấn là đúng với "thành chi dạo" ở ***Trung Dung***.

Vì Thuấn có "đạo chí thành", nên khiến cho người cha ngoan, người mẹ ngân, người em ngạo, thảy bị cảm hóa với mình. Vậy nên đức Thánh có lời tán tụng vua Thuấn rằng : Hiếu được như vua Thuấn thiệt là đức to lớn tuyệt mực đó vậy (**Thuấn kỳ đại hiếu Dã dư**). Đạo "hiếu" của vua Thuấn như thế này :

Hiếu, tất phải đức mình cho thiệt lớn, mà đức của vua Thuấn thời làm đến Thánh nhân (**đức vi Thánh nhân**). Vì đức của vua Thuấn, người trong thiên hạ chẳng ai bằng, mà được cái kết quả mỹ mãn cũng chẳng ai bằng; từ một người bình dân mà tôn cao đến làm thiên tử (**tôn vi thiên tử**). "Thiên tử", là danh hiệu của một vị nguyên thủ ở đời còn chế độ phong kiến. Nguyên một người dân cày mà bây giờ giàu đến có cả thiên hạ (**phú hữu tứ hải chi nội**). Câu này xin nhận nghĩa cho khỏi lầm :

Thì đại Nghiêu, Thuấn, ngôi vua chưa phải là cha truyền : Nghiêu trao cho Thuấn, Thuấn trao cho Vũ, đều là chọn người hiền ở trong bình dân đặt lên làm vua; thiên hạ chưa phải là của riêng của một nhà. Vì cớ sao mà bảo vua

Thuấn là "phú hữu tứ hải" ? Bởi vì thân một người ở vị nguyên thủ, làm chủ tể cho dân trong bốn bể mà khiến cho dân trong bốn bể thảy nhờ mình mà được giàu có, thế là giàu chung cho cả thảy dân, mà kỳ thực tự tay mình làm nên giàu, thời dẫu bảo rằng "phú hữu tứ hải" cũng không phải là không đúng. Kìa từ đời triều Hạ sáp xuống, lấy thiên hạ làm một nhà mà ngôi vua thành ra cha truyền con nối, đến nỗi nhận của chung một nước chiếm làm của riêng một nhà thời trái hẳn với nghĩa câu ở dây.

Cố đại đức tất đắc kỳ vị, tất đắc kỳ lộc, tất đắc kỳ danh, tất đắc kỳ thọ.

故大德必得其位，必得其祿，必得其名，必得其壽。

Bài này tiếp lấy bài trên mà nói cái lẽ cảm ứng của tự nhiên; hễ có nhân gì tất có quả ấy : tạo nhân đã ra tốt thời kết quả tất cũng rất tốt. Có đức đại hiếu như vua Thuấn, thế là gọi bằng "đại đức"; tạo nhân đã được như thế, không còn gì tốt hơn, tất nhiên được cái kết quả cũng tốt nhất. Ở trong thiên hạ, vị làm đến thiên tử, lộc đến giàu có cả bốn bể, danh đến cả thiên hạ, tôn làm Thánh nhân, thọ đến cả trăm đời còn ghi nhớ.

Chữ "thọ" ở dây không phải sống lâu bằng xác thịt mà thôi, mà lại sống lâu cả linh hồn kia nữa.

Chính văn có bốn chữ "tất đắc", nghĩa là không phải yêu cầu mà được dâu, chỉ vì có đại đức tất nhiên phải được cái kết quả như thế, nên lại có hai chữ "tất đắc".

Cố thiên chi sinh vật, tất nhân kỳ tài nhi đốc yên; cố tài giả bồi chi, khuynh giả phúc chi.

故天之生物，必因其材而篤焉；故栽者培之，傾者覆之。

Bài trên dã kể việc vua Thuấn vì có đại đức mà được cả "vị, lộc, danh, thọ"; nhân đó mà biết được lẽ tự nhiên, hễ lành thời được cái kết quả tốt, dữ thời được cái kết quả xấu,

dó chỉ là chân lý tự nhiên của tạo hóa. Tức như : trời sinh muôn giống, tất nhân tài chất nó mà thành tự cho nó (**cố thiên chi sanh vật, tất nhân kỳ tài nhi đốc yên**). Bởi vì tài chất nó sẵn có năng lực vững vàng chắc chắn thời tự nhiên thiên vun dắp cho nó (**cố tài giả bồi chi**); nếu tự bản chất nó đã không có năng lực, hèn hạ yếu ớt mà đến nỗi nghiêng lệch thời tự nhiên thiên cũng đổ trấp nó (**khuynh giả phúc chi**).

Xem bốn chữ "tài bồi, khuynh phúc" ở bài này với nhà học thuyết "thiên diễn" (**Đạt Nhĩ Văn - Darwin**) ở Âu Châu cũng là một lẽ. Bồi cho tài giả cũng là lẽ "ưu thời được thắng"; phúc cho khuynh giả cũng là lẽ "liệt thời phải bại". Chữ "bồi", chữ "phúc" tuy thuộc về thiên, nhưng chẳng phải thiên có tư ý gì đâu, chỉ là vật tự thủ lấy mà thôi. Hễ vật mà "tài giả thời thiên bồi chi", vật mà "khuynh giả thời thiên phúc chi". Thiên vẫn vô tâm, chỉ tùy vật mà đối đãi đó vậy.

Tử viết : Võ Vương, Chu Công, kỳ đạt hiếu hỹ hồ; phù hiếu giả, thiện kế nhân chi chí, thiện thuật nhân chi sự giả dã.

子曰：武王，周公其達孝矣乎！夫孝者，善繼人之志，善述人之事者也。

Bài trên đã nói rõ việc hiếu của vua Thuấn. Bài này nói rõ việc hiếu của Võ Vương, Chu Công để cho rõ nghĩa chữ "hiếu" ở trong "thành chi đạo". Dẫn lời đức Thánh nói rằng :

Làm con mà được như Võ Vương, Chu Công mới là đạt hiếu mà thôi đó mà (**Võ Vương, Chu Công kỳ đạt hiếu hỹ hồ**), ("đạt", nghĩa là thông suốt).

Võ Vương, Chu Công là con của Văn Vương. Văn Vương là một vị Thánh nhân ở cuối đời nhà Thương, đầu đời nhà Chu, gặp buổi Thượng Trụ bạo ngược, độc phu chuyên chế, Văn Vương vẫn muốn làm việc cách mạng để cứu lấy dân thiên hạ, nhưng chưa kịp làm mà Văn Vương đã qua đời. Võ Vương, Chu Công biết thể cái ý của cha, dấy quân cách mạng đánh

đổ vua ác độc để cứu vớt muôn dân, vì vậy mà đức Thánh khen bằng "đạt hiếu", mà lại nói thêm rằng : Sở dĩ làm nên hiếu đó, là vì hay nối cái lòng của tiền nhân (**thiện kế nhân chi chí**), hay noi theo cái việc của tiền nhân (**thiện thuật nhân chi sự**). Có "thiện kế", "thiện thuật" mới thật là hiếu.

Bốn chữ "thiện kế", "thiện thuật", phải nhận cho ra nghĩa, mà lại rất nên chú ý vào chữ "thiện". "Kế", nghĩa là tâm sự của người xưa chưa làm được hoàn thành, ta tiếp tục lấy mà làm cho thành, thời gọi bằng "kế". Công việc của người xưa chưa làm được triệt để, ta tuân theo lấy mà làm cho triệt để là gọi bằng "thuật". Nhưng sở dĩ "kế, thuật" mà hay, lại vì có chữ "thiện"; "Thiện", nghĩa là khéo, cũng nghĩa là hay; hay chẳng phải dựa ở hình thức mà cốt tìm cho đến tinh thần; hay chẳng phải chỉ tính ở nhất thì, mà cốt tính cho đến vạn thế. Nếu kế mà không thiện thời chỉ là học theo ở ngoài vỏ; thuật mà không thiện thời lại hỏng mất nghĩa "thì trung", chữ "hiếu" ở trong đạo Trung Dung không bảo như thế. Tức như đời vua Văn Vương, vẫn phục sự ông Trụ, đến đời ông Võ Vương thời lại đánh ông Trụ; đời vua Văn Vương giữ phận chư hầu, mà đời vua Võ Vương đánh đổ thiên tử mà mình tự làm lấy; đức Khổng Tử bảo thế là "thiện kế, thiện thuật". Học giả nhận cho rành nghĩa ấy tời biết rằng "kế chí, thuật sự" chẳng phải câu nệ ở nơi hình tích, mà chỉ cốt xét được đến tinh thần, tâm sự của cha mình cốt ở "phạt tội cứu dân" 伐罪救民 . Rủi vì đời ngài chưa kịp làm, đến đời ta lo làm cho hoàn thành chí của ngài, kết thúc việc của ngài, có như thế mới là "thiện kế, thiện thuật". Giả phỏng Văn Vương thờ Trụ mà Võ Vương, Chu Công cũng một mặt thờ Trụ, thời cái họa bạo quân ác độc, muôn họ khốn cùng, biết bao giờ cải cách được ! chẳng đau lòng Văn Vương lắm hay sao ?

Nhận được ý như thế thời biết được Võ Vương, Chu Công là "đạt hiếu". "Đạt", có nghĩa là biến thông, mà không phải cố chấp, câu nệ.

Xem như hai bài trên kia, "hiếu" được như vua Thuấn là khuôn mẫu chữ "hiếu" cho hạng người bình dân; "hiếu" được như Võ Vương, Chu Công là khuôn mẫu chữ "hiếu" cho hạng tôn quí. Tổng chi, địa vị tuy có khác nhau, thì thế tuy có trái nhau, nhưng thảy ở trong "thành chi đạo" mà ra. Chí thành được như vua Thuấn thời dẫu gặp gia đình nghịch cảnh mà công việc "hiếu" của mình càng thêm vẻ vang. Chí thành được như Võ Vương, Chu Công thời dẫu có sự thực trái nhau, mà tấm lòng "hiếu" của mình càng thêm tỏ rõ. Đó chính là tinh nghĩa chữ "hiếu" ở trong ***Trung Dung*** đó vậy.

Tiết thứ 7

"Thành chi đạo" thuộc về "Tu thân".

Tu thân dĩ đạo, tu đạo dĩ nhân. Nhân giả nhân dã, thân thân vi đại. Nghĩa giả nghi dã, tôn hiền vi đại. Thân thân chi sái, tôn hiền chi đẳng, lễ sơ sinh dã.

修身以道，修道以仁；仁者人也，親親為大．義者宜也，尊賢為大．親親之殺，尊賢之等，禮所生也．

Hai chữ "Tu thân" gốc ở Kinh văn ***Đại Học***. Chữ "nhân" gốc ở sách ***Luận Ngữ***. Trọng yếu nhất ở trong Khổng học chỉ cốt ở chữ "nhân". Nay thấy Tử Tư lại thêm vào chữ "nghĩa", chữ "lễ", nhưng mà "lễ", "nghĩa" cũng nuốt vào trong chữ "nhân". Xem như bài này thời rõ lắm. Bài này cốt bày vẽ cho chúng ta, hễ người nào tất phải tu lấy thân người ấy. Nhưng "tu thân" thời phải cậy bằng cái gì ? tất nhiên phải cậy bằng "đạo" (**tu thân dĩ đạo**).

Chữ "đạo" ở đây tức là "suất tính chi vị đạo". Suất sử được tính cho đúng với đường lối phải thời bảo rằng "đạo";

mình muốn sửa trị thân mình cũng chỉ lấy đạo lý ấy mà thôi, nên nói rằng "tu thân dĩ đạo".

Tuy nhiên, chỉ nói trống bảng chữ "đạo" thời ngó ra mình mông trống troảng, chúng ta biết bát tay vào đâu mà làm được "đạo" ? Nên lại phải nói thêm câu "tu đạo dĩ nhân".

Hễ muốn "tu thân" mà cho đúng với "đạo", tất trước phải tu cho đến đạo; nhưng mà muốn tu cho nên đạo, tất phải có một chỗ mục đích địa. Mục đích địa là gì ? Chính là đức nhân ở trong lòng người ta. Chữ "nhân" ở đây tức là chữ "chí thiện" ở sách ***Đại Học***. Tu đạo mà cốt cho được "chí ư chí thiện", tất phải thực hành cho được đức "nhân". Nên nói rằng "tu đạo dĩ nhân", bởi vì "nhân" tức là "đạo", mà "đạo" cũng tức là "nhân".

Vì nghĩa chữ "nhân" quá rộng lớn, bản thể chữ "nhân" quá tinh vi, công dụng chữ "nhân" quá xa rộng, thầy Tử Tư sợ học giả khó hiểu, nên lại nói thêm rằng : gọi bằng "nhân" là gì ? Tức là cái lý sở dĩ làm người mà thôi (**nhân giả nhân dã**). Câu này xem sách ***Mạnh Tử*** càng rõ :

Mạnh Tử viết : Nhân giả dã, nhân dã; hợp nhi ngôn chi, đạo dã.

孟子曰：仁者也，人也；合而言之，道也 .

Gọi bằng đức "nhân" đó, chẳng phải có gì lạ đâu, chỉ là cái lý sở dĩ làm người mà thôi. Có đức nhân mới thành ra người, mà cũng chỉ duy lòng người mới có đức nhân (**nhân giả dã, nhân dã**). Góp nhập cả lòng người với đức "nhân" mà nói luôn, thời gọi bằng "đạo" (**hợp nhi ngôn chi, đạo dã**).

Xem bài ấy của thầy Mạnh Tử thời rõ được nghĩa câu này. Nhưng vì chỉ nói một chữ "nhân" là người thời loài người khắp cả thế giới chưa có thể mà thương yêu được hết; nếu không yêu được thời lại té ra "bất nhân". Vì chúng ta muốn "tu thân" mà cầu cho được đức "nhân" tất phải ở trong đám thương người mà kén chọn một cái gì to lớn nhất mà trước lo làm lấy, thế thời có gì lớn hơn thân thân nữa ru ? Nên lại

nói rằng "thân thân vi đại".

Chữ "thân" trên là động từ, nghĩa là thương yêu; chữ "thân" dưới là danh từ, nghĩa là những người gần gũi thân thiết với mình. Tỷ như nói cả người thế giới thời đồng bào trong nước mình là thân; nói cả người một nước thời người trong nhà, trong họ mình là thân. Tùy phạm vi có rộng có hẹp mà người thân của mình cũng có nhiều ít. "Thân" chỉ là phản đối với chữ "sơ". Phạm vi của đức "nhân", há phải hạn định ở "thân thân" mà thôi dâu ! Nhưng bắt đầu làm công việc "nhân", tất trước phải thân yêu lấy kẻ thân của mình, dần dà mới suy rộng đến hạng người khác, thế là "thân thân" là việc lớn nhất ở trong đức "nhân" (**thân thân vi đại**). Nghĩa câu này cũng phải tham khảo với bài dưới này ở trong sách ***Mạnh Tử*** :

Mạnh Tử viết : Quân tử chi ư vật dã, ái chi nhi phất nhân; ư dân dã, nhân chi nhi phất thân; thân thân nhi nhân dân, nhân dân nhi ái vật.

孟子曰：君子之於物也，愛之而弗人，於民也，仁之而弗親，親親而仁民，仁民而愛物．

Quân tử đối đãi với loài vật vẫn có "ái" nó mà không thể "nhân" được nó; đối đãi với loài người vẫn lấy lòng "nhân" ở với nhau mà không thể cả thảy "thân" hết được; chỉ duy trước "thân" với kẻ thân mà sẽ "nhân" với "dân"; trước "nhân" với "dân", mà sau sẽ "ái" đến "vật" (**thân nhân nhi nhân dân, nhân dân nhi ái vật**).

Chữ "thân", "nhân", "ái", nghĩa ba chữ rất có cân lượng : nghĩa chữ "thân" là đối đãi một cách rất thân thiết; nghĩa chữ "nhân" là đối đãi một cách rất công bình; nghĩa chữ "ái" là đối đãi với nó không nỡ lòng tàn nhẫn.

Chân lý ở trong chữ "nhân", tuy vô luận "thân", hay "dân", hay "vật, thảy đều "nhất thị đồng nhân", nhưng trên sự thực tất phải đối đãi bằng có sai đẳng; nếu xem "vật" cũng như "dân", "dân" cũng như "thân" thời chắc không bao giờ thực hiện được chủ nghĩa ấy. Nên trong lời thầy Mạnh phải

chia ra làm ba đợt : chữ "thân" gác ở trên chữ "thân", chữ "nhân" gác ở trên chữ "dân", chữ "ái" gác ở trên chữ "vật" thiệt là rất công bình tinh đáng. Nhưng học giả phải hiểu chữ "nhân" ở trong lời thầy Mạnh Tử là chữ "nhân" nghĩa hẹp, chứ như chữ "nhân" ở câu "nhân giả nhân dã" thời lại là chữ "nhân" nghĩa rộng, nuốt cả chữ "nhân dân, ái vật" vào trong chữ "nhân" ấy; nên lại phải nói thêm câu "thân thân vi đại".

Tuy nhiên, ở trong đạo, dù cả âm với dương, cương với nhu, ***Kinh Dịch***, Hệ Từ truyện có nói :

Lập thiên chi đạo, viết âm dữ dương; lập địa chi đạo, viết nhu dữ cương; lập nhân chi đạo, viết nhân dữ nghĩa.

立天之道，曰陰與陽；立地之道，曰柔與剛，立人之道，曰仁與義。

Dựng nên đạo của trời, tất có cả âm với dương (**lập thiên chi đạo, viết âm dữ dương**); dựng nên đạo của đất tất có cả nhu với cương (**lập địa chi đạo, viết nhu dữ cương**); dựng nên đạo của người tất có cả nhân với nghĩa (**lập nhân chi đạo, viết nhân dữ nghĩa**). Vậy nên ở trong đạo, đã nói đến "nhân", tất phải nói đến "nghĩa".

Thế nào gọi bằng "nghĩa" ?

"Nghĩa", chỉ là đúng với lẽ phải mà thôi. Làm việc gì hoặc đối với người mà cho đúng với đạo phải gọi bằng "nghĩa" (**nghĩa giả nghi dã**), ("nghi", nghĩa là vừa phải lẽ).

Nhưng ở trong lẽ phải, có lớn có nhỏ; người ta làm việc nghĩa phải lựa chọn cái gì là lớn nhất mà làm trước. Cái điều lớn nhất ở trong "nghĩa" là phải tôn trọng người có đức hiền (**tôn hiền vi đại**).

"Nghĩa", chẳng phải hạn định "tôn hiền" mà thôi; nhưng tôn hiền mới là "nghĩa" lớn. Bởi vì người hiền ở trong loài người là một bậc đạo cao, đức thịnh, mình hay tôn trọng bậc người ấy làm thầy, làm bạn mình, thời những người dạy bảo giúp đỡ mình, thảy là người tốt mà mình làm những việc gì không đến nỗi trái với "nghĩa". Ý câu "tôn hiền vi đại" là

như thế.

Tóm cả 4 câu trên ấy thời biết rằng "nhân" lớn nhất là "thân thân", nghĩa lớn nhất là "tôn hiền".

Nhưng mà ở trên đường sự thực, có gốc có ngọn, có chất có vân, không thể không có trật tự. Tỷ như đối dãi với người làm cha và đối dãi với người làm con, đối dãi với người làm mẹ và đối dãi với người làm dâu, tuy thảy là kẻ thân, mà cái đạo mình thân tất phải có xê xích nhau ở nơi hình thức, như thế là "thân thân chi sái" ("**thân thân chi sái**"), ("sái", nghĩa là tùy theo phận vị mà có giảm bớt lần).

Lại tỷ như đối với người làm thầy mình và đối dãi với người làm bạn mình, đối dãi với người thượng đẳng và đối dãi với người trung đẳng, tuy thảy cũng là hiền cả, nhưng mà cái cách mình tôn tất phải lựa theo tài đức người khác nhau ở nơi bậc lớp, như thế là "tôn hiền chi đẳng" (**tôn hiền chi đẳng**), ("đẳng", nghĩa là có bậc lớp hơn kém).

Bởi vì thân nhân mà phải có "sái", tôn hiền mà phải có "đẳng", nhân đó mà ở trong "nhân, nghĩa" lại có "lễ" nảy ra (**lễ sở sanh dã**) ("lễ", không phải một "giống" ở ngoài "nhân, nghĩa", mà là "con đẻ" của "nhân, nghĩa").

"Thân thân", là "nhân"; "tôn hiền", là "nghĩa". Duy nhân nghĩa mà pha thêm vào tiết văn trật tự thời đẻ ra "lễ", nên nói rằng "lễ sở sinh".

Công việc "tu thân" mà dủ cả ba việc ấy (**nhân, nghĩa, lễ**) là thuộc về phần "hành" đã tốt rồi. Nhưng muốn cho tốt về phần hành, tất cần phải tốt về phần "tri". Vậy nên mấy bài sau này thêm bày vẽ phần chữ "tri".

Cố quân tử bất khả dĩ bất tu thân; tư tu thân, bất khả dĩ bất sự thân; tư sự thân, bất khả dĩ bất tri nhân; tư tri nhân, bất khả dĩ bất tri thiên.

故君子不可以不修身；思修身，不可以不事親，思事親，不可以不知人；思知人，不可以不知天。

Vì những đạo lý như trên kia kể, nên hễ muốn làm người "quân tử", không gì cần cấp hơn "tu thân"; nếu chẳng "tu thân" thời chẳng lấy gì làm được "quân tử" (**cố quân tử bất khả dĩ bất tu thân**). Đã nghĩ đến "tu thân" mà muốn cho làm được một người tốt, tất trước phải làm việc "nhân", mà nhân lại cốt trước là "thân thân"; nếu không phụng sự được kẻ thân thời làm sao mà tu được thân ? (**tư tu thân, bất khả dĩ bất sự thân**). Tuy nhiên công việc sự thân há phải dễ dàng đâu ? Tất phải "đại hiếu" như vua Thuấn, "đạt hiếu" như Võ Vương, Chu Công mà tiết trên đã nói, thế mới gánh nổi được chức việc sự thân. Nên lại phải cần có tôn "hiền". Nhóm được người hiền ở trong thiên hạ để giúp việc sự thân cho mình mới ví được đức hiếu của tam thánh. Nên lại cần cấp nhất là trí khôn biết người; nếu chẳng biết người thời e không sự được thân (**tư sự thân, bất khả dĩ bất tri nhân**).

Chữ "tri nhân" ở đây cũng là chữ "tri nhân" ở trong sách ***Luận Ngữ***. Xem thiên ***Khổng Học Đăng thượng*** : "**Bất tri ngôn vô dĩ tri nhân dã**", và "**Phàn Trì vấn trí, Tử viết : tri nhân**". Bởi vì có "tri nhân" mới gánh nổi được việc "sự thân". Vậy nên "quân tử tu thân" phải lo cho biết được người. Nhưng mà biết được người thời trước phải như thế nào mới biết được ? Việc biết người là một việc rất khó, nếu chỉ xem ở người mà thôi thời thế nào là biết được người ! Học giả muốn biết được người, tất phải lo cho biết được đạo trời. Bởi vì tính người là gốc ở mệnh trời, nếu không biết được "thiên mệnh chi vị tính", mà tự giữa mình đã không suất được tính, tất không làm sao xét được tính người, chắc là không "tri nhân"; mà cái cớ sở dĩ "bất tri nhân", lại chỉ vì "bất tri thiên". Vậy nên "**tư tri nhân, bất khả dĩ bất tri thiên**".

Nói tráo lại, trước có "tri thiên" mới là hay "tri nhân"; trước có "tri nhân" mới là hay "sự thân". "Tu thân, sự thân" là công việc trọng yếu ở trong phần hành; "tri nhân tri thiên" là công phu triệt để ở trong phần tri; vì có tri được mới hành được, mà cũng phải có hành được mới thấy là tri được. Vì vậy nên mấy bài dưới này nói kỹ cả "tri" với "hành".

Trí, nhân, dũng, tam giả thiên hạ chi đạt đức dã, sở dĩ hành chi giả nhất dã.

知，仁，勇三者，天下之達德也；所以行之者，一也。

Xem mấy bài ở trên kia thời tri, hành, cả hai phương diện, không phía nào thiếu được. Đạo lý ở trong thiên hạ, hiểu thấu hết mà không còn điều gì nghi; nhân tình sự biến, thiện ác, thị phi, soi xét hết mà không điều lầm, đó là gọi bằng "đức trí"; chứa trữ ở trong mình thời có lòng "chí trung, chí chính". Đối đãi với loài người thời có lòng "khoan dung, từ ái", thế là gọi bằng "đức nhân". Có tính chất "cương kiện" mà hay "tự cường", có "phách lực" hùng hậu mà hay "độc lập", thế là gọi bằng "đức dũng". Ba thứ đức ấy là những thứ đức mà xưa nay thông thường quí trọng ở trong thiên hạ đó vậy (**trí, nhân, dũng, tam giả thiên hạ chi đạt đức dã**).

Chữ "dũng" ở đây tức là chữ "cường" ở bài trên; chữ "trí" ở đây tức là tiếp chữ "tri nhân, tri thiên" ở bài trên; chữ "nhân" ở đây tiếp lấy chữ "tu đạo dĩ nhân" ở bài trên.

Học giả đã "tri" được ba đức ấy, nhưng đồng thì cần phải có "hành". Nhưng làm sao mà "hành" được triệt để được ? thời lại qui kiết ở một chữ "thành". Nên nói rằng : **sở dĩ hành chi giả nhất dã**. "Nhất", tức là "chí thành". Ở trong chữ "chí thành" có ý là chuyên nhất, nên lấy chữ "nhất" thay chữ "thành", vả lại đạo lý ***trung dung*** qui trọng nhất là một chữ thành, nên thay chữ thành làm chữ nhất cũng là dúng lắm. Có chí thành làm đức trí thời trí mới hoàn toàn; có chí thành làm đức nhân thời nhân mới viên mãn; có chí thành làm đức dũng thời dũng mới là chí đại chí cương.

Nếu trái lại, trí mà không gốc ở "chí thành" thời trí hóa ra giả dối. Nhân mà không gốc ở "chí thành" thời nhân hóa ra hư ngụy. Dũng mà không gốc ở "chí thành" thời dũng hóa ra hung bạo, không phải là đạt đức ở trong thiên hạ, làm sao mà hành được ru ? Vậy nên đạt đức tuy có ba điều mà sở dĩ hành chi thời có một chữ tức là chữ "thành".

Hoặc sinh nhi tri chi, hoặc học nhi tri chi, hoặc khốn nhi tri chi, cập kỳ tri chi, nhất dã; hoặc yên nhi hành chi, hoặc lợi nhi hành chi, hoặc miễn cưỡng nhi hành chi, cập kỳ thành công, nhất dã.

或生而知之，或學而知之，或困而知之，及其知之，一也；或安而行之，或利而行之，或勉強而行之，及其成功，一也。

Bài này lại nói cho hết phận lượng "tri" với "hành" mà có thể ở trong loài người ai nấy cũng theo đuổi được tới nơi. Bởi vì ở trong loài người, kể về tâm tính, nguyên lúc đầu bẩm thụ ở trời phú mà sinh ra người, gọi bằng "thiên mệnh chi vị tính" thời vẫn ai cũng như ai. Nhưng mà kể về phần tài chất thời có kẻ cao người thấp, kẻ dày người mỏng, kẻ thông minh người lỗ độn, không thể một loạt in nhau. Vậy nên bài này chia làm ba bậc :

Một hạng là bậc rất cao; một hạng là vừa bậc trung; một hạng là bậc thấp xuống nữa. Theo về tài chất, vẫn có ba bậc khác nhau, nhưng nếu có cội gốc ở chí thành, hết sức thành thực cầu cho được tri, hết sức dụng công ở hành thời kết quả cũng không xa nhau lắm, mà lại có lẽ in như nhau. Xin thích nghĩa chính văn như dưới này :

Có kẻ tư chất Thánh thần, thông minh tột mực, chỉ sinh ra mà biết được ba đức "trí, nhân, dũng", hạng người ấy vẫn trong đời hiếm lắm (**hoặc sinh nhi tri chi**). Lại có kẻ tư chất vừa tốt, tuy cũng thông minh, nhưng chưa phải tột mực, tất cần nhờ có học, nhưng vừa học thời vừa biết ngay (**hoặc học nhi tri chi**), hạng người này vẫn không phải "sinh nhi tri chi", nhưng học mà biết được chóng thời chẳng kém với "sinh tri" là bao nhiêu. Lại có kẻ tư chất vẫn bình thường, về phần thông minh cương kiện thua hạng người "học nhi tri chi" nhưng vì tấm lòng chí thành, cố công cầu cho đến biết, "nhân nhất kỷ bách, nhân thập kỷ thiên", nhờ khốn nạn mà nảy ra trí khôn, kết quả cũng biết được như người "học nhi tri chi"; hạng người ấy so với hai hạng trên vẫn có thua kém, nhưng

vì khổ tâm nghị lực thời cũng biết được như ai, nên đạt vào bậc thứ ba (**hoặc khốn nhi tri chi**).

Tóm cả ba hạng người ấy, rất cao là "sinh nhi tri chi", thứ nữa là "học nhi tri chi"; lại thứ nữa là "khốn nhi tri chi", phân lượng vẫn không in như nhau thiệt, nhưng mà đạo lý ở trong thiên hạ, ví như đường lối đi đường, sức biết có chóng chậm mặc dầu, nhưng đến khi tìm rõ được lối đường thời công việc của thảy người cũng in nhau như một (**cập kỳ tri chi nhất dã**).

Trên đây là nói về phần "tri", dưới này là nói về phần "hành" :

Có kẻ năng lực quá hùng hậu, tài chất quá ưu mỹ, yên nhiên thản thuận mà làm được ba đạt đức (**hoặc an nhi hành chi**), hạng người này tức là hạng "sinh nhi tri chi". Lại có kẻ năng lực vừa đầy đủ, tài chất vừa khá cao, tuy không phải "yên nhi hành chi", nhưng mau chân mạnh bước, hễ dụng sức làm thời làm được ngay (**hoặc lợi nhi hành chi**), hạng người này tức là hạng người "học nhi tri chi".

(Chữ "yên", chữ "lợi", đây cũng tức là "yên nhân, lợi nhân" ở trong ***Luận Ngữ***).

Lại có kẻ năng lực vẫn thấp hèn, tài chất có hơi yếu đuối, khi bắt tay vào làm vẫn cay co khốn đốn, nhưng vì cố công rán bước, quên mỏi, nín đau, miễn cưỡng mà theo kịp người (**hoặc miễn cưỡng nhi hành chi**), hạng người này tức là hạng người "khốn nhi tri chi".

Hai chữ "miễn cưỡng", học giả rất nên chú ý : "miễn", nghĩa là khuyên, "cưỡng", nghĩa là gắng. Tỷ như người bệnh lạt miệng không muốn ăn mà cố nuốt lấy để cho no; người đi mỏi chân mà cố gắng bước để cho tới nơi, ấy là gọi bằng "miễn cưỡng".

Ba bậc người trên ấy, so về sức "hành", vẫn mạnh yếu có khác nhau, duy có lòng chí thành cầu cho đến mục đích địa, thời đến lúc cuối cùng thảy người cũng thành công in

như một (**cập kỳ thành công nhất dã**).

Sách ***Tuân Tử*** có câu thí dụ rất hay, tiện biên vào đây :

Tuân Tử tu thân thiên : Ký nhất nhật nhi thiên lý; nô mã thập giá tắc diệc cập chi hỹ.

荀子修身篇：驥一日而千里，驽馬十駕則亦及之矣。

Con ngựa Ký kia, chân nó rất mạnh, một ngày đi thấu đến ngàn dặm đường (**Ký nhất nhật nhi thiên lý**); kìa con ngựa nô, chân nó vẫn hèn, nhưng nó đi luôn 10 ngày thời cũng thấu chỗ ngàn dặm mà con ngựa Ký đã đến (**Nô mã thập giá, tắc diệc cập chi hỹ**). Câu ấy chính là nghĩa câu "cập kỳ thành công nhất dã".

Bài này rất quí trọng là một chữ "nhất"; "nhất" là chí thành. Học giả chỉ sợ mình không chí thành mà thôi; nếu chí thành để cầu tri, chí thành để lực hành thời tuy không sánh được bậc sinh tri, yên hành, mà những người "học tri", "lợi hành", tri hành được bao nhiêu thời những hạng người "khốn tri", "miễn hành" chắc cũng tri hành được đến bấy nhiêu; chẳng chóng khó dễ tuy có khác nhau ít nhiều, nhưng trình độ đến lúc cuối cùng cũng chẳng lấy gì làm hơn kém. Vậy nên chính văn có ba chữ "nhất". Chữ "nhất" ở trên và hai chữ "nhất" ở dưới, nghĩa có khác nhau chút đỉnh : chữ "nhất" ở trên nghĩa là chuyên nhất, tức là chữ "thành"; hai chữ "nhất" ở dưới là ý so đọ, nghĩa là "đồng nhất".

Tiết này cốt nói về việc "tu thân", nên lại lấy bài sau này kết thúc tiết này :

Tín hồ bằng hữu hữu đạo; bất thuận hồ thân, bất tín hồ bằng hữu hỹ. Thuận hồ thân hữu đạo, phản chư thân bất thành, bất thuận hồ thân hỹ. Thành thân hữu đạo, bất minh hồ thiện, bất thành hồ thân hỹ.

信乎朋友有道；不順乎親，不信乎朋友矣。順乎親有道；反諸身不誠，不順乎親矣。誠

身有道；不明乎善，不誠乎身矣。

Người ta ở đời, sở dĩ phải "tu thân", há phải mục đích vì thân mình mà thôi ư ? Vì chung quanh bao bọc lấy thân mình, tất thảy là bằng hữu mình. "Bằng hữu", nghĩa là bầy bạn, cũng có thể gọi bằng chữ "quần". Ở chung quanh thân mình, nào gia đình, nào quốc gia, nào xã hội, thảy là bầy với mình cả, tuy phạm vi có rộng hẹp, tầng thứ có trước sau, nhưng mà quần đã quan hệ với thân, tất nhiên thân phải hòa hợp với quần. Nên nước bước chúng ta bắt đầu lên đường đời, cần thứ nhất là phải "**tín hồ bằng hữu**".

"Tín hồ bằng hữu", nghĩa là mình được lòng bầy bạn mà bầy bạn tin mình. Chữ "Tín", nghĩa rất sâu : mình đem chân tâm mà đối đãi với bầy bạn, bầy bạn cũng đem chân tâm mà duyệt phục vì mình, như thế mới là "tín hồ bằng hữu". Tuy nhiên, muốn "tín hồ bằng hữu", há phải chỉ trông mong ở nơi bằng hữu mà bỗng chốc được ngay đâu ! Tất nhiên, trước phải làm cho cha mẹ, anh em mình hòa thuận với mình tức là "thuận hồ thân"; có hòa thuận với những người thân của mình, mới có thể bằng hữu tín mình được. Giả như ăn ở với cha mẹ, anh em chẳng ra gì mà đã "bất thuận hồ thân", rồi thời chắc không lấy gì tín với bằng hữu được (**bất thuận hồ thân, bất tín hồ bằng hữu hỹ**). Nhưng mà hòa thuận với người thân của mình, cũng phải có đạo. Đạo là gì ? Là cốt ở nơi chí thành trong lòng mình; giữa thân mình có lòng chí thành, vậy sau cha mẹ, anh em mình mới hòa thuận với mình; giả như quay trở lại ở thân mình mà trái mất đạo chí thành, thế là chẳng thành được thân đó rồi, còn mong gì "thuận hồ thân" được nữa ư ? (**phản chư thân bất thành, bất thuận hồ thân hỹ**). Vì vậy mà chúng ta muốn "thuận hồ thân", tất trước phải "thành thân" ("thành thân", nghĩa là ở giữa bản thân mình, cả hình thức lẫn tinh thần, trong người thực thà ra một người tử tế. Nhưng mà thành thân cũng cần phải có đạo. Đạo gì mà thành được thân ? Tất trước phải dụng công về học vấn, nghiên cứu chân lý cho được rành, tìm dò đường lối cho thiệt đúng; như tiết trên kia

đã thích những điều "bác học, thẩm vấn, thận tư, minh biện" là chỉ cốt cho sáng được điều lành mà kén chọn lấy những việc lành để làm ở trong mình, như thế là "minh" được "thiện". Vì minh được thiện mới thành được "thân".

Giả như học vấn chật hẹp, nghĩa lý lù mù, là "bất minh hồ thiện" rồi, còn lấy gì mà "thành hồ thân" được nữa ru ? (**bất minh hồ thiện, bất thành hồ thân hỹ** ?). Chữ "thành thân" ở câu này, ngó lại chữ "tu thân" ở đầu tiết, "tu nhân dĩ đạo", "đạo" tức là "minh thiện", nhưng "minh thiện" lại chú trọng về chữ "thành", vì có "chân thành cầu tri" mới "minh" được "thiện, mà cũng là "chân thành lực hành" mới gánh nổi được công việc "tu thân". Vì vậy, nên lấy chữ "thành" kết thúc tiết này.

Tiết thứ 8

Chính trị ở trong "thành chi đạo".

Tiết này tiếp lấy tiết trên. Tiết trên đã nói việc "tu thân". Nhưng mà "tu thân", chẳng phải tu một thân mình mà thôi, mà là muốn tu cho hết cả thân của người trong thiên hạ. Muốn tu cho hết thân cả người trong thiên hạ, thời lại cội gốc ở tu thân mình trước. Mà muốn tu được thân mình thời khẩn yếu nhất là ba chữ "trí, nhân, dũng" 知，仁，勇，nên phải chép bài chính văn như dưới này :

Tử viết : Hiếu học cận hồ trí; lực hành cận hồ nhân; tri sỉ cận hồ dũng; tri tư tam giả, tắc tri sở dĩ tu thân; tri sở dĩ tu thân tắc tri sở dĩ trị nhân; tri sở dĩ trị nhân tắc tri sở dĩ trị thiên hạ, quốc gia hỹ.

子曰：好學近乎知；力行近乎仁；知恥近乎勇；知斯三者，則知所以修身；知所以修

身，則知所以治人；知所以治人，則知所以治天下國家矣。

Công phu về phần trí, nói tóm lại tức là chữ "trí". Muốn cho hết phận lượng chữ "trí", tất phải như vua Đại Thuấn. Nhưng nếu chúng ta tư chất bình thường, chưa có thể bỗng chốc mà thành Đại Thuấn được, tất cần phải hiếu học, nghiên cứu đạo lý, chứng nghiệm cổ kim, dốc lòng tìm bạn tìm thầy, cầu cho đa văn, đa kiến, như thế là hiếu học; tuy chưa hết được phận lượng chữ "trí" đâu, nhưng mà cũng đã gần đến phận lượng chữ "trí" rồi đó (**hiếu học cận hồ trí**). (Đọc câu này, nên tham khảo với bài "*Hiếu học*" ở quyển thượng).

Công phu thuộc về phần hành, nói tóm lại, tức là chữ "nhân" với chữ "dũng". Nhưng mà phận lượng chữ "nhân" tất phải được như "trí trung hòa" ở tiết trên. Chúng ta không thể bỗng chốc mà đến bậc nhân ấy đâu ! Tất trước phải hết sức tu tập, một tiếng nói, một việc làm, đe vào đường đạt đức đạt đạo mà đi cho tới nơi, như thế là "lực hành", tuy chưa phải là hoàn toàn được "nhân" đâu, nhưng cũng đã gần với đức "nhân" rồi đó. (**lực hành cận hồ nhân**).

Phận lượng chữ "dũng", tất phải như "quân tử chi cường" ở tiết trên, chúng ta chưa có thể bỗng chốc mà đúng được "dũng" đâu ! Tất trước phải nuôi tấm lòng "tu ố" mà biết được những điều gì thua kém với Thánh hiền, tự nhận lấy làm xấu thẹn mà nảy ra hăng hái mạnh tiến, quyết làm cho được Thánh hiền, cái chí khí ấy cũng đã gần được "dũng" rồi đó (**tri sỉ cận hồ dũng**).

Biết được ba điều ấy (tri sỉ, hiếu học, lực hành), ba điều đạt đức thuộc về công phu phần tri có thể lần lần tiến mãi, nhân đó mà biết được sở dĩ tu thân (**tri tư tam giả tắc tri sở dĩ tu thân**). Đã biết được cái phương pháp để mà tu thân thời nhân ở tu thân mà suy ra cũng biết được cái phương pháp để mà sửa trị cả loài người (**tắc tri sở dĩ trị nhân**). Đã biết được cái phương pháp để "trị nhân thời cái phương pháp "trị thiên hạ, quốc gia", cũng chỉ ở trong ấy suy ra mà biết

cả thảy (**tắc tri sở dĩ trị thiên hạ, quốc gia hỹ**).

Bây giờ kể hết phương pháp "trị thiên hạ, quốc gia" như dưới :

Phàm vi thiên hạ quốc gia giả, hữu cửu kinh, viết : tu thân dã, tôn hiền dã, thân thân dã, kính đại thần dã, thể quần thần dã, tử thứ dân dã, lai bách công dã, nhu viễn nhân dã, hoài chư hầu dã.

凡為天下國家者，有九經曰：修身也，尊賢也，親親也，敬大臣也，體群臣也，子庶民也，來百工也，柔遠人也，懷諸候也。

Đạo lý ở bài này, nếu thuộc về đời xã hội chủ nghĩa thời vẫn có một vài tiết mục không được hoàn thiện lắm, như nói rằng : "**kính đại thần, thể quần thần, hoài chư hầu**", thiệt không đúng với xã hội chủ nghĩa. Nhưng chúng ta ở về quốc gia chủ nghĩa thời đạo lý bài này càng thích hợp lắm.

Hễ kinh lý việc gì ở trong thiên hạ quốc gia, có chín điều gọi bằng đạo thông thường tức là Cửu kinh ("kinh", nghĩa là một cái đạo lý thông thường làm được) :

1)- Trau tria sửa sang lấy thân mình (**tu thân dã**) là điều cội gốc lớn nhất ở trong chín điều.

2)- Tôn trọng lấy người có đạo đức, có tài năng (**tôn hiền dã**).

Vì sao mà phải tôn hiền ? Bởi vì trong loài người, tất có người hiền, có người bất tiếu; người có chủ quyền chính trị trước phải tôn trọng lấy người hiền, vậy sau người ta mới đua nhau làm hiền, mà mong cho thiên hạ không người bất tiếu. Nên "tôn hiền" đặt vào mục thứ hai.

3)- Cha anh ta, ta phải kính; con em ta, ta phải yêu tức là "thân thân dã" (**thân thân dã**).

Vì sao thân thân lại đặt vào mục thứ ba ? Bởi vì ở trong loài người, chỉ có người già với người trẻ; người cầm quyền chính trị, tất phải kính người già của mình, sẽ kịp đến người

già của người (**lão ngô lão dĩ cập nhân chi lão**), yêu người trẻ của mình sẽ kịp đến người trẻ của người (**ấu ngô ấu dĩ cập nhân chi ấu**). Như thế thời tuyển mong loài người, ai là người già cũng được yên ủy, ai là người trẻ cũng được giáo dưỡng, nên "thân thân" đặt vào mục thứ ba.

4)- **Kính đại thần.**

5)- **Thể quần thần.**

Hai mục này ở trên đường chính trị, là một đạo lý rất thiển cận, không cần phải thích nghĩa.

6)- Xem tất thảy loài dân như con mình đẻ ra (**tứ thứ dân**); nhà có quyền chính trị tất phải đem cái lòng thương con mình mà thương lấy dân : dân dại dột phải dạy cho nó khôn, dân đói rét phải hết sức làm cho được no ấm, như thế là "tứ thứ dân".

Mục này tuy đặt về mục thứ 6, nhưng cũng là việc trọng yếu nhất ở trong chính trị; vì ở trên văn tự mà phải có trước sau, nên đặt vào mục thứ 6.

7)- Trăm việc công nghệ, rất quan hệ với cách sinh hoạt của loài người, nếu có thiếu một việc công nghệ gì thời nhân sinh phải chịu một phần khốn nạn. Vậy nên người có quyền chính trị, tất phải làm cho hết phương pháp khiến cho trăm thức công nghệ thảy sẵn sàng ở trước mắt người ta tức là "lai bách công dã" (**lai bách công dã**).

Mục này đặt vào tiết thứ bảy, nhưng mà rất quan hệ về thực nghiệp kinh tế, chúng ta cũng không thể bỏ qua được. Đời nay, khoa học phát minh, cạnh tranh tiến bộ thời bách công lại càng cần thiết lắm.

Chúng ta nên chú ý vào chữ "lai" 來 . Tỷ như kỹ thuật công nghệ gì hay, dẫu ở châu Âu, châu Mỹ, thời ta làm cho đưa lọt vào nước ta; công nghệ gì người có, ta cũng có thảy, thế là "lai bách công".

8)- Việc quan hệ ở trên đường ngoại giao, nhà tất phải có chòm xóm, nước tất phải có lân bang, không thể nào mà

không làm thân với người xa được; huống gì đời ngũ châu liên lạc, vạn quốc giao thông, càng phải thân thiện với người phương xa lắm; nên đến mục thứ 8 phải chú trọng nơi "nhu viễn nhân" ("viễn nhân", là người các nước xa lạ) : mình hay thạo về việc ngoại giao mà khiến cho người xa phải yêu mến kiêng nể (**nhu viễn nhân**).

Chữ "nhu" rất có ý vị. Bởi vì viễn nhân mà cường, tất nhiên hay khinh mình; viễn nhân mà hèn, tất nhiên hay sợ mình. Bây giờ ta dùng thủ đoạn ngoại giao cho thiệt được hoàn thiện thời người viễn nhân cường không dám khinh mình, người viễn nhân yếu phải thành tâm phục mình, có thế mới hết được thủ đoạn chữ "nhu". "Nhu viễn nhân" đặt vào mục thứ 8 cũng là trọng yếu lắm.

9)- Hoài chư hầu. Theo về đời có chế độ phong kiến, thời chư hầu là các nước tước hầu mà thuộc dưới quyền thiên tử; đến như đời đã không có chế độ phong kiến thời các nước xa gần với nước ta, nào là ông vua ở nước quân chủ, nào là đại Tổng thống ở nước dân chủ, hễ một nước có giao thiệp với mình cũng có thể xem như chư hầu đời xưa được, chúng ta không cần câu nệ ở mặt chữ, nên cũng thích kỹ như dưới này.

Thì sử bạc liễm, sở dĩ khuyến bách tính dã. Tử thứ dân tắc bách tính khuyến.

時使薄斂，所以勸百姓也；子庶民則百姓勸。

Đây là thích kỹ về mục "**tứ thứ dân**".

Sai sử nhân dân làm việc, phải có thì giờ chừng mực, tỷ như luật Lao động ngày nay, mỗi ngày bắt đầu làm công chỉ 8 giờ, đó là "thì sử" ("thì", nghĩa là thì giờ, "sử", nghĩa khiến), thuế má đóng góp lấy ở nơi nhân dân, nhưng chỉ lường vừa đủ làm việc công ích cho nhân dân thời thôi, chứ không bắt nó đóng góp quá nặng, như thế là "bạc liễm" ("liễm", nghĩa là đóng góp; "bạc", nghĩa là ít nhẹ); làm như thế là cốt để cho nhân dân vui vẻ (**sở dĩ khuyến bách tính dã**). Vậy nên nói

rằng "**tử thứ dân, tắc bách tính khuyến**".

Nhật tỉnh, nguyệt thí, khái lẫm xứng sự, sở dĩ khuyến bách công dã. Lai bách công tắc tài dụng túc.

日省，月試，既廩稱事，所以勸百工也；來百工則財用足。

Ở trong các dám công nghệ, có nghề cao, nghề thấp; có việc khó việc dễ; có người hay, kẻ dở; có lợi nhiều, lợi ít; nếu muốn cho bách công ngày càng tinh tấn, thì giờ không bỏ không mà kinh tế ngày càng đầy đủ, tất mỗi ngày phải điều tra, khảo cứu, mỗi tháng mỗi thí nghiệm cho biết hơn thua (**nhật tỉnh, nguyệt thí**), mà lại cân lường ở khi phát tiền công, cấp lương bổng cho những người thợ thuyền, khiến cho phần ăn vừa đúng với công làm : người ta làm được bao nhiêu thời cho nó ăn được bấy nhiêu (**khái lẫm xứng sự**). Đó cũng tựa như "**các tận sở năng, các thủ sở nhu**". Như thế là bách công vui vẻ đua làm, mà tiền của tiêu xài không bao giờ thiếu. Vì công nghệ ở trong nước dã phát đạt thời ngoại hóa thu nhập tất ít, nội hóa sản xuất ngày càng nhiều, tài dụng có sự gì thiếu nữa rư ? Nên nói rằng "**lai bách công tắc tài dụng túc**". ("khái lẫm", nghĩa là lương thực trả tiền công; "xứng sự", nghĩa là đúng với việc làm).

Tống vãng nghinh lai, gia thiện nhi căng bất năng, sở dĩ nhu viễn nhân dã. Nhu viễn nhân tắc tứ phương qui chi.

送往迎來，嘉善而矜不能，所以柔遠人也。柔遠人則四方歸之。

Bài này thích kỹ về mục "nhu viễn nhân". Hễ muốn cho người nước xa thân yêu với mình, há phải chuyên dùng võ lực mà được dân ? Tất phải chú trọng về văn hóa. Những người đến nước mình mà từ biệt mình ra đi là gọi bằng "vãng"; những người ở nước ngoài mà vào nước mình là gọi bằng "lai", ta đối với hạng người ấy tất phải có lễ độ mà đưa người "vãng", có ân ý mà rước người "lai"; người nào đem điều tốt đến với mình, hoặc kỹ nghệ hoặc văn hóa, hoặc đạo đức tài

năng, mình phải hết sức ân cần tiếp nạp lấy người ấy (**gia thiện**); nếu có người tài đức hèn mọn, không tri năng gì thời ta cũng tội nghiệp cho nó mà bày vẽ nhắc nhở cho người (**nhi căng bất năng**), như thế là "nhu" được "viễn nhân" rồi vậy. Ta đã "nhu được viễn nhân" như thế thời người "văng" không quên mình, người "lai" cũng yêu mến mình, người "thiện" vui lòng cho mình dùng, người "bất năng" cũng cảm hóa vì mình, tứ phương ai cũng về với mình cả thảy, nên nói rằng : "**nhu viễn nhân tắc tứ phương qui chi**".

Kế tuyệt thế, cử phế quốc, trị loạn trì nguy, triều sính dĩ thì, hậu văng nhi bạc lai, sở dĩ hoài chư hầu dã. Hoài chư hầu tắc thiên hạ úy chi.

繼絕世，舉廢國，治亂持危，朝聘以時，厚往而薄來，所以懷諸侯也，懷諸侯則天下畏之。

Ý nghĩa bài này vẫn nói về chế độ ở đời phong kiến. Nhưng ở trên đường ngoại giao, thời dầu không phải chế độ phong kiến cũng có thể thông thường dụng được. Xem như ba câu "kế tuyệt thế, cử phế quốc, trị loạn, trì nguy" càng biết được ý Thánh hiền rất trọng nhân đạo, sùng công lý, chứ không bao giờ "nhược nhục cường thực" như đời nay dâu ! Nhà nào chẳng may đến nỗi tuyệt, nước nào chẳng may đến nỗi diệt thời mình phải tìm phương pháp gì, hoặc dùng bằng cách thực lực, hoặc dùng bằng cách văn hóa, hoặc dùng bằng cách kinh tế, hoặc dùng bằng cách thủ đoạn ngoại giao mà bênh vực giúp đỡ cho họ, khiến cho họ được nối đời dựng nước trở lại (**kế tuyệt thế, cử phế quốc**); nước nào loạn thời chỉnh lý lại cho họ (**trị loạn**), nước nào nguy thời phù trì gấp cho họ (**trì nguy**).

Chỉ ba câu ấy, theo về đạo lý rất công bằng, theo về qui mô rất quảng đại, dầu nhà xã hội chủ nghĩa cũng không lấy gì làm tốt hơn.

Còn như hai câu "**triều sính dĩ thì, hậu văng nhi bạc**

lai" thời chẳng qua là hình thức bang giao, không cần phải thích kỹ nghĩa.

Như trên kia thích đó là hết thảy mục "Cửu kinh". Lại có bài tổng kết như dưới :

Phàm vi thiên hạ quốc gia hữu cửu kinh, sở dĩ hành chi giả, nhất dã.

凡為天下國家有九經，所以行之者，一也。

Góp chín mục kinh thường như trên kia nói, tuy chương trình còn rất phiền phức, công việc còn nhiều tầng thứ, bây giờ muốn làm cho tận thiện tận mỹ, nếu cứ theo từng ngành, từng lá mà tính cách thi hành thời không thể trên bức giấy chật hẹp mà kể cho hết được. Vậy truyện văn phải tóm tắt lại một chữ, nên kết thúc lấy câu "**sở dĩ hành chi giả nhất dã**". ("nhất", là một). Một là gì ? Chính là một chữ "thành" đó vậy. Chữ "thành" suốt đầu suốt đuôi, kể ngang kể dọc, nhỏ từ trong nhất thân, lớn đến nhất thiên hạ, nhất quốc gia, cũng chỉ một chữ "thành" mà thông hành được hết, nên gọi bằng "nhất". "Nhất" tức "thành", "thành" tức "nhất". Vì trong lòng có chí thành mới chuyên nhất được, ngoài như trong, trong như ngoài, trước như sau, sau như trước, có thể mới là "thành" mà cũng là "nhất".

Xưa vua Thuấn dạy vua Vũ có câu : "**duy tinh duy nhất**" 唯精唯一 . Chữ "nhất" ở ***Trung Dung*** tức là chữ "nhất" ấy. Người ta làm việc từ thân mà gia, mà quốc, mà thiên hạ, vô luận việc gì, sở dĩ thất bại là vì không chuyên nhất; nếu hay tâm tâm niệm niệm, chỉ đặt vào một chuyện ấy, chủ nghĩa với mục đích nắm chặt lấy một cái chính đáng mà cố sức làm cho tới nơi thời chẳng việc gì mà không thành công, dẫu có thất bại chăng nữa cũng gây được một cái múi, dựng nên một cái nền để người sau tiếp tục mà làm lấy, thiệt không bao giờ chuyên nhất mà thất bại dâu. Vậy nên ở trong sách ***Trung Dung***, vào tiết này, với tiết trên kia có hai câu "**sở dĩ hành chi giả nhất dã**".

Học giả đọc tiết này, phải tham khảo với tiết trên càng hay lắm.

Phàm sự dự tắc lập, bất dự tắc phế; ngôn tiền định tắc bất cáp; sự tiền định tắc bất khốn; hạnh tiền định tắc bất cứu; đạo tiền định tắc bất cùng.

凡事豫則立，不豫則廢；言前定則不跲；事前定則不困；行前定則不疚，道前定則不窮。

Trên kia đã nói chữ "nhất"; "nhất", tức là "thành". Nhưng đã gọi bằng "thành", chẳng phải bỗng chốc giây phút, hoặc rày hoặc mai, gặp vậy thời vậy, dụng đâu hay đó, mà bảo thế là "thành" được; nên bài này mới bổ thêm bằng chữ "dự" ("dự", nghĩa là tiền định, cũng nghĩa là sắp sửa). Tỷ như : kén chọn một cái chủ nghĩa cho thiệt xứng đáng, dồm vào một cái mục đích cho thiệt kỹ càng, sắp sẵn chương trình kế hoạch cho được hoàn toàn chu đáo, bây giờ mới bắt tay vào làm, như thế là "dự". Nhất thiết việc mình đã muốn làm, ư trước khi làm phải có "dự"; hễ đã "dự" thời đến khi làm chắc phải thành công, nên nói rằng : "**phàm sự dự tắc lập**". Đặt ra thí dụ càng rõ hơn :

Tỷ như muốn đi đến một xứ nào, trước hết phải biết đường lối cho rõ; phải sắm đồ hành lý cho đủ, phải tìm người chỉ lối cho thật chắc chắn; bao nhiêu đồ tài liệu thập vật khi đi đường phải dự bị cho đầy đủ : những giấy căn cước, tờ thông hành và đồ hộ thân trong khi đi, không một tý gì thiếu thốn, như thế là "dự". "Dự", tức là dự bị, hễ việc đã hữu bị thời chắc được vô hoạn. Lời ***Kinh Thi*** : "**duy sự sự nãi kỳ hữu bị, hữu bị vô hoạn**"

惟事事乃其有備，有備無患。

Nhưng sở dĩ được "hữu bị" là vì có "dự"; mà sở dĩ "dự" là vì mình có chí "thành" làm việc ấy. Nhân vì thành mà dự, nhân vì dự mà lập; chẳng bao giờ người đã bất thành mà có dự, việc đã chẳng dự cũng không bao giờ lập được.

Năm chữ "phàm sự dự tắc lập", là bao bọc cả mấy câu

dưới; còn câu "bất dự tắc phế", chỉ nói trái lại mà thôi : hễ thình lình bỗng chốc hoạc vì bị động mà làm, hoạc giả dối làm cho có chuyện, thời việc đó chỉ là việc bỏ đi (**bất dự tắc phế**). Bởi vì không thành thời không dự, không dự thời việc chẳng nên, là đạo lý nhất định.

Thích xuống câu dưới :

Toan nói một điều gì, những đạo lý mà ta nói đó, đã định sẵn trước rồi, thời lúc nói ra không gấp gáp (**ngôn tiền định tắc bất cáp**), (chữ "cáp", là nói bằng lời thí dụ, nghĩa là người đi đường vấp ngã). Toan làm một việc gì, những phương pháp mà ta làm đó, đã định sẵn trước thời chẳng bao giờ bị khốn khó (**sự tiền định tắc bất khốn**). Nhất thiết công việc quan hệ với bản thân hay gia, quốc, thiên hạ, mà chương trình kế hoạch đã định sẵn trước, thời chẳng bao giờ bị hất bại mà phải ăn năn (**hành tiền định tắc bất cứu**). Ta toan đem đạo ta truyền bá với đời mà những lý luận, chủ nghĩa học thuyết, phương châm đã định trước sẵn, chắc là đúng với chân lý, thuận với triều lưu thời chẳng bao giờ bị hoàn cảnh ngăn đón được mình mà dạo mình đến nỗi cùng (**đạo tiền định tắc bất cùng**).

Tóm cả bài này nuốt vào trong một câu "**phàm sự dự tắc lập**"; hai chữ "phàm sự", lại nuốt cả tu thân, trì nhân và trị thiên hạ, quốc gia; chữ "dự", lại hấng dỡ lấy chữ "nhất"; chữ "ngôn", thuộc về phần lý luận; chữ "sự", thuộc về phần thực hành; chữ "hạnh", thuộc về phần phẩm cách; chữ "đạo", thuộc về phần giáo hóa. Bốn chữ đó thảy phải có tiền định. Tiền định tức là chữ "dự", nghĩa là sắp sẵn trước. Chính là có chân tâm, có nghị lực, súc tích đã lâu, quyết định như thế rồi sẽ thực hiện ra, có như thế mới là "tiền định".

Thích tóm lại, mấy chữ "nhất, thành, dự, tiền định", mặt chữ tuy khác nhau, mà ý nghĩa thời quán thông với nhau; điều mục chi tiết, phải chờ đến xem thì, xem thế, xu hướng tác dụng ở trên hình thức hay thủ đoạn, không thể in như nhau, nhưng căn bản tinh thần thời chỉ cốt mấy chữ ấy.

Tiết thứ 9

Hai bậc người ở trong "thành chi đạo".

Như mấy tiết trên kia nói thời tuyển thể và đại dụng của "thành chi đạo", nào thuộc về luân lý, nào thuộc về học vấn, nào thuộc về chính trị, thảy nuốt vào trong chữ "thành". Nhân vì "thành" mà có nhân phẩm, vậy nên tiết này mới chia làm hai bậc. Xem chính văn ở dưới :

Tự thành minh, vị chi tính, tự minh thành vị chi giáo; thành tắc minh hỹ, minh tắc thành hỹ.

自誠明謂之性；自明誠謂之教，誠則明矣，明則誠矣。

Chính văn tiết trên kia đã lấy bốn chữ "minh thiện", "thành thân" mà song để tịnh cử. Chúng ta nên biết ở trong đạo lý, không một phút nào mà tri với hành chia làm hai đợt được; đã tri tất phải hành; muốn hành tất phải tri. Tri tới đâu thời hành tới đó; mà cũng hành bao nhiêu thời tri bấy nhiêu. Làm thực thà đến nơi tức gọi bằng "thành"; biết rõ đến nơi tức gọi bằng "minh". Tri hành hợp nhất vẫn là đạo lý nguyên như; duy theo về phần phẩm chất, loài người ta không thể nào không cao thấp xê xích với nhau. Vậy nên tiết trên đã có câu **"thành giả thiên chi đạo", "thành chi giả nhân chi đạo"**, thế là lấy một chữ "thành" đã chia ra làm "thiên chi đạo" với "nhân chi đạo". Bây giờ tiếp lấy ý ấy mà nói cho tường tận; một hạng người thuộc về "thành giả thiên chi đạo" thời hoàn toàn sở đắc xuất ư tự nhiên, bất đầu tự ở thành sẵn mà phát hiện ra "minh", đó gọi là "tính" (**tự thành minh vị chi tính**); một hạng người thuộc về "thành chi giả, nhân chi đạo" thời tùng lai sở đắc nhờ có học vấn, bởi vì có công phu minh thiện mà kết quả là thành, đó gọi bằng "giáo" (**tự minh thành vị chi giáo**).

Chữ "tính" với chữ "giáo" sở dĩ khác nhau, chỉ là cái

giới hạn thiên với nhân : hoàn toàn do thiên phận mà nên, thuộc về phần thiên gọi bằng "tính"; cần nhờ công giáo tập mà nên thời thuộc về phần nhân, gọi bằng "giáo".

Tuy nhiên, ở trên danh từ, "tính", "giáo" vẫn khác nhau, nhưng ở trên nguyên lý thời thiên, nhân vẫn cũng hiệp nhất, mà tuyệt nhiên không chia ra làm hai đường. Vì sao vậy ? Thiên đạo, nhân đạo cũng vẫn thu nạp vào trong hai chữ "thành minh" : hễ đã thành thời là minh rồi (**thành tắc minh hỹ**). Đó là hành kiêm cả tri, mà thiên cũng hợp nhất với nhân đó vậy. Hễ đã minh tức là thành rồi (**minh tắc thành hỹ**). Đó là tri kiêm cả hành mà nhân cũng hợp nhất với thiên đó vậy.

Chữ "thành" ở đây tức là chữ "thành nhân" ở tiết trên mà thuộc về hành; chữ "minh" ở đây tức là chữ "minh thiện" ở tiết trên mà thuộc về tri. Nói vắn tắt lại thời chỉ có một chữ "thành", một chữ "minh"; nói cho thiệt kỹ càng thời nên nhận kỹ ở tiết trên.

Chính văn muốn cho học giả minh bạch ý bài này, nên lại kể kỹ càng như hai bậc người dưới này :

Duy thiên hạ chí thành vi năng tận kỳ tính; năng tận kỳ tính tắc năng tận nhân chi tính; năng tận nhân chi tính tắc năng tận vật chi tính; năng tận vật chi tính tắc khả dĩ tán thiên địa chi hóa dục; khả dĩ tán thiên địa chi hóa dục tắc khả dĩ dữ thiên địa tham hỹ.

唯天下至誠為能盡其性；能盡其性則能盡人之性；能盡人之性則能盡物之性；能盡物之性則可以贊天地之化育；可以贊天地之化育則可以與天地參矣。

Bài này chính như câu bài trên "tự thành minh vị chi tính". Hạng người này tự nhiên thành thực ở trong mình, không một tý gì miễn cưỡng, đó là hạng người chí thành ở trong thiên hạ; nhưng hạng người ấy, ở trong thiên hạ rất hiếm, tâm tính đã tốt nhất ở trong loài người, mà tài đức lại cao nhất ở trong loài người, vừa tri vừa hành, vừa hành vừa

trị, thảy là triệt để chân thật, nên gọi bằng "thiên hạ chi chí thành" (chữ "chí", nghĩa là rất mực); duy hạng người ấy mới hay tự mình mà làm hết được phận lượng nguyên tính của mình, thế là "năng tận kỳ tính". Đã "năng tận kỳ tính" thời há phải tận tính mình mà thôi đâu ! Lại hay soi xét thể nghiệm được cả thảy tính người mà cảm hóa được tất thảy người, khiến cho ai nấy thảy cũng đầy đủ nguyên tính của mình, thế là "**năng tận kỳ tính tắc năng tận nhân chi tính**". Đã "năng tận chi tính" thời hã phải tận được tính người mà thôi đâu ! Dân tất thảy là đồng bào với mình, vật tất thảy là nhất thể với mình, lấy cái chí thành của mình mà suy ra cảm cách đến vạn vật, những loài hữu tính ở trong trời đất, thảy vun trồng bảo hộ cho nó mà khiến nó không thương hại đến tính nó, như thế là "năng tận vật chi tính". Đã "năng tận vật chi tính" thời cái đức mình che hộ cho vạn vật không khác gì trời; cái lượng mình chở đỡ cho vạn vật không khác gì đất thời chắc có thể giùm giúp công hóa dục cho trời đất được, thế là "**khả dĩ tán thiên địa chi hóa dục**". Bởi vì phát huy cái đức chí thành, đã giùm giúp được công hóa dục cho thiên hạ thời té ra bậc chí thành đó còn có khác gì với trời đất nữa ru ? Thánh nhân tức là thiên địa, thiên địa tức là Thánh nhân, chắc Thánh nhân và thiên địa cân ngang làm ba rồi vậy. Như thế là "**tán thiên địa chi hóa dục tắc khả dĩ dữ thiên địa tham hỹ**".

Bài này là kể công việc của bậc chí thành ở trong thiên hạ; nói theo về địa vị thời gọi bằng "chí thánh"; nói theo về bản chất thời gọi bằng "chí thành", nhưng cũng chỉ một danh xưng mà thôi.

Học giả đọc bài này chia ra làm 5 đợt :

1)- Tận kỳ tính;

2)- Tận nhân chi tính;

3)- Tận vật chi tính;

4)- Tán thiên địa chi hóa dục;

5)- Dữ thiên địa tham.

Tầng thứ tuy có 5 lớp, nhưng công phu chỉ là nhất quán. Nếu chí thành mà tận được tính của mình thời mấy đợt sau cũng tự nhiên mà bước tới được. Xin xem ở 4 chữ "tắc" thời rõ lắm; tựu trung có khó hiểu là câu "tận vật chi tính". Người với ta tri thức đồng, cảm giác đồng, chủng loại đồng. "tận nhân chi tính" vẫn còn có thể làm được; chứ như loài vật kia tri thức khác, cảm giác khác, chủng loại khác, thế mà muốn tận được tính nó, chẳng khó lắm hay sao ? Xin xem ở bài trên đã có như câu dưới này :

Thi vân : Diên phi lệ thiên, ngư dược vu uyên. Ngôn kỳ thượng hạ sát dã.

詩云：鳶飛戾天，魚躍于淵；言其上下察也。

Kinh Thi, thiên *Đại Nhã* có câu nói rằng : Con chim Diên kia bay tận trời, con cá kia nhảy ở vực. ***Kinh Thi*** có nói câu ấy, ý bảo rằng : Đạo quân tử rõ ràng hiển hiện ở khoảng trên cao đến dưới sâu đó vậy.

Học giả xem như ý bài ấy thời ý nghĩa "tận vật chi tính" cũng chẳng khó gì : tính giống gì thích bay, cứ cho nó thỏa thuận tính bay; tính giống gì thích nhảy, cứ cho nó thỏa thuận tính nhảy; suy cho đến các loài khác, tính nó thích gì thời ta cứ khiến cho nó thỏa thích tính ấy, miễn giống này không làm hại đến giống khác thời có can ngại gì đâu. Vậy nên tiết sau lại có câu : "**vạn vật tịnh dục nhi bất tương hại**" (*sẽ thích ở tiết sau*), đó chính là "tận vật chi tính".

Bài trên kia đã kể kỹ một hạng người "thành giả thiên chi đạo". Bây giờ lại kể một hạng người "thành chi giả nhân chi đạo". Thích kỹ như dưới :

Kỳ thứ trí khúc, khúc năng hữu thành; thành tắc hình; hình tắc trứ; trứ tắc minh; minh tắc động; động tắc biến; biến tắc hóa; duy thiên hạ chí thành vi năng hóa.

其次致曲，曲能有誠；誠則形，形則著，著則明，明則動，動則變，變則化，唯天下至誠為能化。

Một bậc người cao tột mực là "thiên hạ chí thành", mà chính là "tự thành minh vị chi tính", còn thứ xuống một bậc nữa tức là hạng người mà "tự minh thành vị chi giáo", hạng này theo về phần thiên nhiên vẫn không phải đã được hoàn toàn là chí thành đâu, nhưng vì dụng lực ở công phu học vấn nhiều lắm, bắt đầu từ một điều, một điều mà tích lũy làm cho tới nơi, chồng chất hàng ngàn hàng vạn cái một điều đó, thế là "trí khúc", ("khúc", là một việc lẻ loi mà chưa được là hoàn toàn, tượng như một khúc ở trong bài hát); nhưng vì công phu trí khúc, tháng chứa năm chồng, mà cũng hay đầy đủ được phân lượng của đức thành (**khúc năng hữu thành**). Hễ đã thành thực ở bên trong thời tức khắc hình hiện ở bề ngoài (**thành tắc hình**); đã hình hiện thời tức khắc rõ rệt (**hình tắc trứ**); đã rõ rệt thời tức khắc chói lòe rỡ ràng (**trứ tắc minh**). Đã trải qua hình tắc trứ, trứ tắc minh rồi, tất ở trong lúc đó tự nhiên hoạt động một cách nhanh chóng (**minh tắc động**); hễ đã động tất nhiên không phải cẩu trệ thủ thường đâu, mà lại tùy thì biến cải (**động tắc biến**); đã hay tùy thì biến cải thời tất nhiên cũ hóa nên mới, ít hóa nên nhiều, nhỏ hóa nên to, xấu hóa nên tốt, mà nhất thiết sự vật ở trong thiên hạ, chỉ vận dụng bằng một chữ "thành" mà không thấy chỗ nào là trở ngại cả (**biến tắc hóa**). Hiệu nghiệm của trí khúc đã làm được "biến tắc hóa" như thế thời còn có khác gì thiên hạ chí thành nữa đâu ! Nên kết thúc bài này lấy một câu rằng : "Duy thiên hạ chí thành vi năng hóa", bởi vì chân lý ở trong thiên hạ, chỉ duy có đức chí thành mới hay cảm hóa được thiên hạ.

Chữ "chí thành" ở bài này cũng là ý nghĩa chữ "chí thành" ở bài trên, hưng địa vị người có khác nhau chút đỉnh : "chí thành" ở bài trên là tự nhiên mà đến hoàn toàn nhờ ở phần thiên; chữ "chí thành" ở bài này là tụ tập mà nên, một nửa nhờ ở phần người.

Xem suốt cả hai bài thời càng rõ ràng được ý câu : "**thiên chi đạo, nhân chi đạo**".

Chữ "hình", "trứ", "minh", "động", "biến", "hóa", xem trên mặt chữ tuy như hình có tầng thứ, nhưng chỉ là một đợt mà tiến lên lần lần mà thôi. Tạo nhân chỉ cốt ở hai chữ "trí khúc" là kiêm cả "minh thiện" với "thành thân". Như tiết trên kia đã nói, "bác học", "thẩm vấn", "minh biện", "thận tư", "đốc hành", thảy là công việc "trí khúc", mà "nhân nhất kỷ bách, nhân thập kỷ thiên" ở trong thì giờ trí khúc cũng không thiếu được.

Chí thành chi đạo, khả dĩ tiền tri, quốc gia tương hưng, tất hữu trinh tường; quốc gia tương vong tất hữu yêu nghiệt; họa phúc tương chí, thiện tất tiên tri chi, bất thiện tất tiên tri chi. Cố chí thành như thần.

至誠之道，可以前知；國家將興，必有禎祥；國家將亡，必有夭孽；禍福將至：善必先知之，不善必先知之；故至誠如神。

Từ đây sáp xuống, chỉ chuyên bàn công dụng của "chí thành", dầu "thiên chi đạo" và "nhân chi đạo" có khác nhau, nhưng nếu đã đến "chí thành" thời cũng một loạt như nhau; chẳng những việc quá khứ và hiện tại mà biết được đã đành, chứ như những việc tương lai và vị lai cũng cứ ở trong cái đạo "chí thành" mà suy trắc tới nơi, tất thảy biết trước được hết (**chí thành chi đạo khả dĩ tiền tri**); hễ một nước một nhà, tuy chưa hưng thịnh mà có cơ toan hưng thịnh, tất nhiên có cái điềm tốt lành hiển hiện ra (**quốc gia tương hưng tất hữu trinh tường**); hễ một nước một nhà, tuy chưa mất tuyệt, mà đã có cơ toan mất tuyệt, tất có cái chuyện quái gở phát hiện ra (**quốc gia tương vong tất hữu yêu nghiệt**). Bởi vì việc ở trong thiên hạ, chỉ có hai đường : chẳng họa thời phúc, chẳng phúc thời họa; hai đường đó chẳng phải bỗng chốc thình lình mà đến dâu : hễ phúc sắp sửa đến, tất nhiên có việc lành làm tin trước; hễ họa sắp sửa đến, tất nhiên có cái việc chẳng lành làm tin trước.

Vậy nên xem ở nơi việc lành, tất biết trước được phúc gần đến; xem ở việc chẳng lành tất biết trước được họa gần đến (**họa phúc tương chí, thiện tất tiên tri chi, bất thiện tất tiên tri chi**). Bởi vì cái việc lành, chính là cái trinh tường mà báo cáo cho ta về việc phúc; cái việc không lành, chính là cái yêu nghiệt báo cáo cho ta về việc họa. Vậy nên lấy tấm lòng "chí thành" mà soi xét ở trước việc, có việc gì mà chẳng biết trước được dâu ! Họa chưa đến mà biết trước được họa là vì xem ở nơi bất thiện; phúc chưa đến mà biết trước được phúc, là vì xem ở nơi thiện. Trong tinh thần của người "chí thành", thấy được những chỗ người ta không thấy đến, nghe được những chỗ người ta không nghe đến; bề ngoài xác thịt là người mà bề trong linh hồn thực là thần đó. Vậy nên "chí thành" tức là "thần" (**cố chí thành như thần**).

Hai chữ "như thần", học giả nên nhận cho kỹ. Bởi vì thế tục ta thường nhận "thần" là nơi hư không huyền ảo; nhưng có biết dâu "thần" ở nơi "chí thành", nên nói rằng : "chí thành như thần".

Chữ "như" dây không phải nghĩa là "thí dụ", mà chỉ là chữ "tức". Thành tức thần, thần tức thành, hai điều đó chỉ là một hệt, chứ không phải "như" là ví như. Học giả chớ nhận lầm nghĩa chữ "như" ấy.

"Trinh tường, yêu nghiệt" bằng chứng vào dâu ? Chúng ta cũng chớ nhận lầm. Vua phải đạo vua, tôi phải đạo tôi, là "trinh tường" ở trong nước. Cha phải đạo cha, con phải đạo con; chồng phải đạo chồng, vợ phải đạo vợ, là "trinh tường" ở trong nhà, chữ không phải xem ở ngoài việc người ta làm, bảo rằng có một giống "trinh tường" hay "yêu nghiệt" như những thuyết mê tín của thế tục dâu ! Học giả xem chữ "thiện", chữ "bất thiện" thời hiểu được ý Thánh hiền.

Thành giả tự thành dã; nhi đạo tự đạo dã; thành giả vật chi chung thỉ; bất thành vô vật. Thị cố quân tử thành chi vi quí.

誠者，自成也；而道自道也；誠者物之終

始，不誠無物。是故君子誠之為貴。

Bài này tiếp lấy chữ "chí thành" ở bài trên mà phát huy cho hết chân lý của "thành". "Thành" là giống gì ? Chỉ là tự giữa mình thành ra mình.

Vô luận nhân hay vật, tất thảy phải có đức "thành" mới mình nên được mình (**thành giả tự thành dã**)

Chữ "tự thành", ở đây cũng như chữ "tự cường", "tự lập", "tự trị". Sở dĩ mình nên được mình, chỉ là mình làm lấy mình nên mà không phải vay mướn nhờ cậy ai cả, nên bảo rằng "tự thành"; mà sở dĩ "tự thành" được là gốc ở cái tinh thần chân thật, nên nói rằng "thành giả tự thành dã".

Thí như thật là sắt thời thành ra sắt, thật là vàng thời thành ra vàng, v.v... chẳng bao giờ giả vàng, giả sắt mà thành được vàng, sắt.

Bốn chữ "thành giả tự thành", ý nghĩa rất tinh túy mà không tốn chữ : hễ việc gì muốn thành công, tất phải thành tâm làm việc ấy; nói rộng ra nữa, nhất thiết việc phải mà đường lối ta phải đi theo là gọi bằng "đạo" Nhưng cái đạo đó cũng chẳng ở ngoài cái đạo mà có đâu, cũng chỉ ở giữa bản thân của đạo mà thực hiện ra đạo. Thành đã tự thành, thời đạo cũng chỉ là tự đạo, nên lại nói thêm một câu rằng :"**nhi đạo tự đạo dã**".

Xem ở hai chữ "tự đạo" thời chúng ta nên biết rằng ta đã là người thời chính giữa chân lý của mình ta làm nên người tức là đạo; dẫu Phật, dẫu Thánh, dẫu Thượng đế, dẫu Thiên Chúa cũng chỉ ở giữa mình ta mà thôi, không bao giờ ở ngoài mình ta mà lại có đạo, nên nói rằng "tự đạo". Chữ "tự", nghĩa là giữa mình ta; nhưng tất thảy phải tự ta có đức thành mới nên được mình ta mà thành ra đạo.

Vì sao mà phải cần ở chữ "thành" ? Bởi vì nhất thiết sự vật, lúc bắt đầu vẫn thật có cái ấy, nên lúc cuối cùng cũng chỉ thật là cái ấy. Tạo nhân mà thật như thế, đến lúc kết quả cũng chỉ thật như thế; kết quả cái trước lại tạo nhân cho cái

sau. Chung vẫn kết quả của cái thành đoạn trước, mà chính là tạo nhân cho cái thành đoạn sau. Thế thời chỉ một cái thành mà bao quát hết chung thỉ của sự vật nên nói rằng **"thành giả vật chi chung thỉ"**.

Vật chi chung, chung ở thành; vật chi thỉ, cũng thỉ ở thành; nếu chẳng có thành, tất nhiên không có sự vật (**bất thành vô vật**), dầu có tô vẽ phấn sức trang hoàng giả dối đến thế nào cũng chỉ là cái đồ bỏ đi mà thôi.

Bốn chữ "bất thành vô vật" rất đúng với chân lý ở trong thiên hạ. Tỷ như nhân mà giả nhân, nghĩa mà giả nghĩa thời có gì là nhân nghĩa dâu ! Vì vậy nên người quân tử, trong từ một mình, ngoài đến làm việc quốc gia thiên hạ, chỉ quí trọng nhất là đức thành mà thôi (**thị cố quân tử thành chi vi quí**).

Thành giả, phi tự thành kỷ nhi dĩ dã; sở dĩ thành vật dã; thành kỷ, nhân dã; thành vật, trí dã; tính chi đức đã. Hợp ngoại nội chi đạo dã; cố thì thố chi nghi dã.

誠者，非自成己而已也；所以成物也。成己仁也，成物知也，性之德也，合外內之道也，故時措之宜也。

Bài trên đã nói rõ rằng : "Thành giả tự thành", nhưng mà ý Thánh nhân sợ học giả nhận lầm, tưởng là công dụng đức thành chỉ thành kỷ mà thôi, thời té ra công dụng quá chật hẹp lắm ! Nên bài này lại nói thêm rằng : người có đức thành, không phải tự thành cho mình mà thôi dâu; mình thành cho mình, chính sở dĩ mình thành cho vật kia nữa. 誠者，非自成己而已也；所以成物也(chữ "vật" ở đây bao bọc cả loài người và loài vật. Xem câu **"tận nhân chi tính, tận vật chi tính"** ở bài trên thời hiểu được. Thành được trong mình đó là đức "nhân" vậy (**thành kỷ nhân dã**); thành được người khác, đó là tức là "trí" vậy (**thành vật trí dã**). Cả nhân và trí là cái đức mà trời phú cho người là **"thiên mệnh chi vị tính"** đó vậy, mà lại là cái đạo suất tính, hợp đủ cả ngoài với trong đó vậy (**tính chi đức dã, hợp ngoại nội chi đạo**

dã). Nhân vì cái đạo mà suất được tính đó, tất phải hợp cả ngoại lẫn trong : ngoài thời thành vật, mà lại phải trước thành kỷ; trong thời thành kỷ mà lại phải suy cho đến thành vật. Muốn cho hết được phận lượng cái đạo, tất không phải một ngày một đêm mà xong đâu ! Kể gần thời ở trong một đời người, kể xa thời hết cả vũ trụ tuyền thể. Phạm vi quá rộng, nên thời gian quá dài, thời "dinh hư, tiêu tức" vẫn khác nhau. Xưa nay mới cũ vẫn chống nhau, đạo vẫn bất biến, mà thì vẫn có biến; thì đã có biến, thời quân tử làm việc đời, tất phải theo thì mà sắp đặt cho đúng với đạo (**cố thì thố chi nghi dã**).

Chữ "thì thố" ở đây cũng như chữ "thì trung" ở tiết trên : "thì", có nghĩa là buổi, có nghĩa là mùa, có nghĩa là giờ; theo mùa, theo buổi, theo giờ mà lừa lọc sắp đặt cho khỏi trái với đức nhân, đức trí, như thế là "**thì thố chi nghi**".

Học giả xem ở hai bài này, nên tham khảo với bài dưới này ở trong sách ***Mạnh Tử*** :

Thầy Tử Cống tán tụng đức Khổng Tử có nói : "**Học bất yếm, trí dã, giáo nhân bất quyện, nhân dã.**

學不厭，知也；教人不倦，仁也。

"Học bất yếm" là "thành kỷ"; "giáo nhân bất quyện", là "thành vật". Nhưng chính văn ở đây lại nói : thành kỷ là nhân, thành vật là trí, chẳng phải chống trái nhau hay sao ? Không phải đâu ! Bên thầy Tử Cống nói là chỉ bàn về kết quả : vì học không chán mà kết quả được trí; vì dạy không mỏi mà kết quả được nhân. Chứ như sách ***Trung Dung*** thời chỉ bàn về tạo nhân : bởi vì tạo nhân ở đức nhân nên thành được kỷ; nếu người không khắc kỷ phục lễ thời làm sao thành kỷ đó ru ? Nên nói rằng "**thành kỷ, nhân dã**". Nếu người không trí tri cùng lý, làm sao thành được vật đó ru ? Nên nói rằng "thành vật, trí dã".

Nói tóm lại, thành kỷ là tạo nhân ở nhân mà kết quả thời kiêm cả trí; thành vật là tạo nhân ở trí mà kết quả lại kiêm cả nhân. Nhân với trí tuy có hai danh từ mà thực thời

chỉ một dạo lý. Vậy nên truyện văn lại nói góp một câu "tính chi đức dã".

Chúng ta coi suốt cả lời hai bên (***Mạnh Tử, Trung Dung***), thời biết rằng "nhân, trí", chỉ là một gốc; "thành kỷ, thành vật", chỉ là một nguồn. Vì muốn thành kỷ, nên học phải "bất yếm"; vì muốn thành vật, nên phải "giáo bất quyện". Góp cả hai dạo lý ấy thời "nhân, trí" mới kiêm tuyền, mà lại cốt nhất là nuốt vào ở trong chữ "thành"; tuyền thể ở chữ "thành" mà tác dụng cần phải có chữ "thì"; nếu chỉ biết "thành" mà không biết "thì thố", thời cái thành đó hóa ra "trung hậu" chết !

Xem bài này, mở đầu lấy chữ "thành", kết thúc lấy câu "thì thố chi nghi" thời biết được ý tứ Thánh hiền chẳng câu nệ cổ mà bỏ kim, cũng chẳng say mê tân mà bỏ cựu. Xin học giả nhận kỹ ý nghĩa bài này :

Cố chí thành vô tức.

故至誠無息 .

Câu này tiếp lấy bài trên để dẫn khởi bài dưới, ý nói rằng : tuyền thể và đại dụng của đức chí thành đã kể tường tất như trên kia, nhưng sở dĩ làm đến được chí thành, không phải công việc một tháng, một năm, một đời mà xong đâu ! cũng không phải ngoài khác trong, trong khác ngoài, trước khác sau, sau khác trước mà được đâu ! Tất phải trong như ngoài, ngoài như trong, trước như sau, sau như trước, một ngày đã vậy thời mười ngày cũng vậy, một đời cũng vậy, dẫu đến trăm đời ngàn đời cũng cứ vậy; năm tháng có thay đổi, mà cái đức chí thành không bao giờ thay đổi; trời lay đất chuyển có lúc dừng, mà cái đức chí thành chẳng bao giờ dừng; có "vô tức" như thế, mới là chí thành, nên hô lên một câu rằng "**cố chí thành vô tức**".

"Tức", nghĩa là nghỉ; "vô tức", nghĩa là không bao giờ nghỉ. Có vô tức mới thấy được chí thành. Duy chí thành mới luôn luôn được vô tức. Chỉ năm chữ ấy, bao quát hết tinh nghĩa của sách ***Trung Dung***, dẫu thánh thần, dẫu trời đất cũng chỉ năm chữ ấy mà thôi. Vậy nên tiếp bài dưới này mà

nói cho kỹ :

Bất tức tắc cửu; cửu tắc trưng; trưng tắc du viễn, du viễn tắc bác hậu; bác hậu tắc cao minh. Bác hậu sở dĩ tái vật dã; cao minh sở dĩ phú vật dã; du cửu sở dĩ thành vật dã. Bác hậu phối địa; cao minh phối thiên; du viễn vô cương.

不息則久，久則徵；徵則悠遠；悠遠則博厚；博厚則高明．博厚所以載物也；高明所以覆物也；悠久所以成物也；博厚配地；高明配天；悠遠無疆．

Hễ đã chí thành mà bất tức thời tất nhiên lâu dài (**bất tức tắc cửu**); đã lâu dài thời có chứng nghiệm rõ ra (**cửu tắc trưng**); đã có chứng nghiệm rõ ra thời ngày càng phát triển nở nang mà ảnh hưởng càng xa rộng lắm (**trưng tắc du viễn**). ("du viễn", nghĩa là xa rộng không biết bao nhiêu cùng); hễ đã "du viễn" thời phạm vi rất rộng với dày (**du viễn tắc bác hậu**) ("bác", nghĩa là rộng; "hậu", nghĩa là dày); hễ đã "bác hậu" thời địa vị cực kỳ cao, soi dọi cực kỳ sáng, mà tấn lên đến bậc "cao minh" (**bác hậu tắc cao minh**). Vì có đức nghiệp "bác hậu", mà bao nhiêu vật ở trong vũ trụ thảy nhờ mình chở đỡ được cả (**bác hậu sở dĩ tái vật dã** ("tái", nghĩa là chở); vì có đức nghiệp cao minh mà bao nhiêu vật ở trong vũ trụ thảy nhờ mình che đỡ được cả (**cao minh sở dĩ phú vật dã**) ("phú", nghĩa là che); vì có đức nghiệp "du cửu" mà bao nhiêu vật ở trong vũ trụ thảy nhờ mình tác thành được cả (**du cửu sở dĩ thành vật dã**) ("du cửu", nghĩa là xa xôi lâu dài, cũng tức là "du viễn"). Vì tái được vật, nên đức nghiệp bác hậu sánh hợp với đất (**bác hậu phối địa**). Vì phú được vật nên thấy đức nghiệp cao minh sánh hợp với trời (**cao minh phối thiên**).

Nghĩa chữ "phối" là có ý cân ngang : trời cao minh mà che được vật, chí thành cũng cao minh in như trời; đất bác hậu mà chở được vật, chí thành cũng bác hậu in như đất, nên

nói rằng "phối địa, phối thiên". Vì đã phối được địa, phối được thiên, nên trời đất cao xa đến bao nhiêu đức nghiệp của chí thành cũng cao xa đến bấy nhiêu; nếu đem tai mắt người ta mà đo lường, thiệt không biết chừng mực nào mà đo lường cho xiết, nên nói rằng : "du viễn vô cương" ("vô cương", nghĩa là không chừng mực giới hạn). Chữ "bác hậu", có ý nói về phần lực lượng; chữ "cao minh", có ý nói về phần trí tuệ; chữ "du cửu", có ý nói về phần tuyền thể đạo đức và sự nghiệp.

Như thử giả, bất hiện nhi chương, bất động nhi biến, vô vi nhi thành.

如此者，不見而章，不動而變，無為而成．

Ba chữ "**như thử giả**" hãng dỡ lấy ba bài trên. Đức nghiệp của chí thành rất lớn, rất cao, rất lâu dài như thế, đến lúc bấy giờ không cần phải phát biểu lòe loẹt mà tự nhiên rực rỡ chói chang (**bất hiện nhi chương**); không cần phải chấn động lung lay mà tự nhiên biến hóa (**bất động nhi biến**), không cần phải dụng công cố làm mà tự nhiên thành tựu mọi việc (**vô vi nhi thành**). Công dụng chí thành đến lúc đó, thiệt là thánh thần không biết chừng nào mà kể hết, nên lại thắt lấy một câu như sau :

Thiên địa chi đạo, khả nhất ngôn nhi tận dã; kỳ vi vật bất nhị, tắc kỳ sinh vật bất trắc.

天地之道，可一言而盡也；其為物不貳，則其生物不測．

Nói tóm lại, đạo của chí thành, chẳng phải là đạo của người mà thôi, mà thực là đạo của trời đất. Đạo của trời đất có một chữ, mà bao quát được hết (**thiên địa chi đạo khả nhất ngôn nhi tận dã**). "Nhất ngôn", nghĩa là một chữ. Trong sách ***Luận Ngữ*** có câu : "**Hữu nhất ngôn nhi khả dĩ chung thân hành chi dã hồ**", chữ "nhất ngôn", ở đây cũng nghĩa như thế. Nhưng "nhất ngôn" ở ***Luận Ngữ*** là một chữ "thứ"; "nhất ngôn" ở đây là một chữ "thành". Nhưng mà học giả

dụng công ở nơi chữ "thứ" được thời tích lũy lâu ngày cũng đến được chữ "thành", mà đã đến được chữ "thành" thời mình tức là trời đất, mà trời đất tức là mình. Tuy nhiên, đạo của trời đất, vẫn rất rộng lớn, rất cao xa, e thiên ngôn vạn ngữ không thể hết được, sao chỉ nói một chữ "thành" mà hết được ? Nên chúng ta lại phải nhận kỹ hai câu ở dưới. Bởi vì trời đất sở dĩ làm nên trời đất chỉ gốc có đức "thuần thành chuyên nhất", không một chút gì chen lộn vào (**kỳ vi vật bất nhị**),

("Bất nhị", nghĩa là chuyên có một cái mà không trộn vào hai cái).

Trời chỉ có một cái chí thành mà làm ra trời; đất chỉ có một cái chí thành mà làm ra đất. Vì chỉ có một cái chí thành như thế, nên đến lúc công dụng phát hiện ra thời đất chở được vật, trời che được vật, mà sinh dục được vạn vật, không thể nào trắc lượng được cho cùng (**tắc kỳ sinh vật bất trắc**).

"Vi vật", "sinh vật", hai chữ "vật" khác nhau; chữ "vật" ở trên là bản thân của trời đất, chữ "vật" ở dưới là nhất thiết loài vật ở trong vũ trụ.

Học giả xem chữ "vật" ở đây, càng hiểu rõ được hai chữ "cách vật" ở trong sách ***Đại Học***. Hễ đã nói rằng "vật" thời nhất thiết sở hữu ở trong vũ trụ, tất thảy nuốt vào trong chữ "vật". Sự lý nhất thiết vật mà cách được hết tức là trí tri. Chữ "sinh vật" ở đây cũng nghĩa là chữ "vật" ở "cách vật".

Thiên địa chi đạo, bác dã, hậu dã, cao dã, minh dã, du dã, cửu dã.

天地之道，博也，厚也，高也，明也，悠也，久也。

Trên kia, đã kể rõ "thiên địa chi đạo", nhưng nói riêng chữ "bác hậu" thuộc về địa, "cao minh" thuộc về thiên, sợ học giả nhận lầm tưởng là địa không cao minh, thiên không bác hậu chăng ? nên lại nói góp lại như sau này :

Theo về thực tế của đạo đất vẫn là bác hậu, nhưng há

phải không cao minh dâu ! Thực tế của đạo trời vẫn là cao minh, nhưng há phải không bác hậu đâu ! Trời cao minh mà cũng bác hậu, đất bác hậu mà cũng cao minh; vừa bác vừa hậu, vừa cao vừa minh, mà lại trời đất chung nhau "du cửu" cả. Bác hậu thời bác hậu vô cùng, cao minh thời cao minh vô cùng. Chung cả 6 chữ : bác hậu, cao minh, du cửu mới là "thiên địa chi đạo".

Bài này là bài tổng kết cả mấy bài trên. Ở trong ý nghĩa 6 chữ, tiếp tục nhau mà nảy nở ra. Vì mở mang được rộng (**bác**), mới tích lũy được dày (**hậu**); đã rộng, đã dày địa vị mới lên được cao; vì địa vị lên được cao mà không giống gì che lấp được, nên soi dọi được sáng (**cao minh**). Vì bác hậu như thế, cao minh như thế, nên công nghiệp tác dùng càng lên càng xa, mà thấy được "du cửu vô cương"; cầu cho đến cội gốc nguyên nhân thời lại cốt 4 chữ "chí thành vô tức". Vì "vô tức" mà đến được "du viễn", vì "du viễn" mà "bác hậu"; vì "bác hậu" mà "cao minh"; tạo nhân ở chí thành vô tức, mà kết quả được "du cửu vô cương". Quả lại sinh ra nhân; nhân lại kết thành quả. Kể ngang thật không bao giờ cùng; kể dọc cũng không bao giờ hết, nên chính văn có hai chữ "vô cương".

Triết học ở ***Trung Dung***, đến như bài này thiệt phát minh những điều mà đức Khổng Tử chưa hề nói tới.

Tiết thứ 10

Kể công phu làm cho đến thành chi đạo.

Đại tai ! Thánh nhân chi đạo, dương dương hồ phát dục vạn vật, tuấn cực vu thiên; ưu ưu đại tai, lễ nghi tam bách, uy nghi tam thiên, đãi kỳ nhân nhiên hậu hành. Cố viết : Cẩu bất chí đức, chí đạo bất ngưng yên.

大哉！聖人之道，洋洋乎發育萬物，峻極于天；優優大哉！禮儀三百，威儀三千，待其人然後行；故曰：苟不至德，至道不凝焉.

Tiết trên kia đã nói "thiên địa chi đạo". Nhưng mà phối thiên, phối địa tức là Thánh nhân, nên bài này lại nói bằng "thánh nhân chi đạo".

Đạo của thánh nhân thật to lớn vậy thay ! (**đại tai ! thánh nhân chi đạo**). Mênh mênh, mông mông vậy, phát triển ra làm công dụng thời nuôi nấng trưởng thành được vạn vật (**dương dương hồ phát dục vạn vật**), mà kể về phần lượng có lẽ cao tột tận trời (**tuấn cực vu thiên**). Về phần đại dụng đã như thế, mà kể về phần tế mục thời lại rờm rực giàu nhiều, cũng to lớn không xiết kể hết (**ưu ưu đại tai**). Xem như lễ nghi đến ba trăm, uy nghi nhiều đến ba ngàn (**lễ nghi tam bách, uy nghi tam thiên**).

Lễ nghi, uy nghi là chỉ vào các thức văn chương chế độ, hoặc ở triều đình, hoặc ở nơi xã hội hoặc ở nơi quốc gia, hễ những việc duy trì thế đạo, phụ thực nhân tâm, thảy thuộc vào trong mấy chữ ấy, chứ không phải như hư văn, tục lệ của đời ta bây giờ đâu ! "Tam bách, tam thiên" chẳng qua hình dung cái ý chữ "ưu ưu" mà thôi, không phải thật số mục như thế.

Góp cả mấy câu trên ấy thời biết được đạo Thánh nhân thật là to lớn. Đạo đã to lớn, há phải dung dị mà làm được ru ? Tất chờ đợi có người cũng là bậc Thánh nhân, vậy sau mới cất nổi gánh đạo mà thi hành được công việc của đạo (**đãi kỳ nhân nhiên hậu hành**).

Chữ "kỳ nhân" chỉ vào Thánh nhân. Hành được đạo Thánh nhân, tất phải chờ được Thánh nhân. Vậy nên nói rằng : Nếu chẳng có người đức rất tốt thời đạo rất lớn ấy chẳng thế nào bền vững được (**cố viết : cẩu bất chí đức, chí đạo bất ngưng yên**).

"Chí đức", nghĩa là đức rất thịnh tức là Thánh nhân; "chí

đạo", nghĩa là đạo rất lớn tức là "Thánh nhân chi đạo"; chữ "ngưng", nghĩa là gắn chặt, cũng có ý là bền vững. Bởi vì lễ nghi uy nghi, cũng như bộ máy, Thánh nhân mới là thợ làm máy với người cầm máy; nếu không "chí đức" thời những đồ lễ nghi, uy nghi hoàn toàn là đồ bỏ đi; nên nói rằng "chí đạo bất ngưng yên".

Cố quân tử tôn đức tính, nhi đạo vấn học; trí quảng đại, nhi tận tinh vi; cực cao minh, nhi đạo trung dung. Ôn cố, nhi tri tân; đôn hậu, dĩ sùng lễ.

故君子尊德性，而道問學；致廣大，而盡精微；極高明，而道中庸。溫故而知新；敦厚以崇禮。

Bài này 5 đậu, 5 cú, tiếp mấy chữ "chí đức" ở bài trên mà vẽ cho chúng ta cách làm cho đến "chí đức"; bởi vì "chí đức" mới làm được "chí đạo". Vậy nên quân tử phải hết công phu ở nơi "minh thiện", "thành thân"; tôn trọng lấy đức tính của mình mà siêng năng ở trên đường vấn học (**cố quân tử tôn đức tính nhi đạo vấn học**).

Chữ "đạo" ở đây là động từ, khác với chữ "đạo" ở mọi nơi : "đạo", có ý là nghiên cứu. Một câu này là trùm hết cả tuyển bài. Bốn câu ở dưới lại kể cho tường điều mục.

"Tôn đức tính, đạo vấn học" thời như thế nào ? Nghĩa lý ở trong thiên hạ, phạm vi rất rộng lớn, mà ý tứ rất tinh vi, quân tử tìm cho đến nơi quảng đại, lại nghiên cứu cho được tinh vi ("tinh", nghĩa là ròng mà không phải xép bã; "vi", nghĩa là kín nhiệm mà không dễ trông thấy). Đạo đức của bậc Thánh thần vẫn rất là cao minh mà lại vừa đúng với trung dung; quân tử vẫn đặt thân mình vào địa vị rất cao minh, mà đến khi ra làm việc đời, ứng sự tiếp vật thời chỉ de vào đường trung dung mà đi.

Câu "**trí quảng đại nhi tận tinh vi**" là đạo vấn học; câu "**cực cao minh nhi đạo trung dung**" là tôn đức tính.

Việc tai nghe mắt thấy ở trong thiên hạ, nghĩa lý phải

trái ở đời xưa, đời nay đã qua rồi tức là "cố", cái hiện tại với tương lai tức là "tân"; quân tử nhân ôn tập lấy điều cũ mà thêm phát minh được lẽ mới, thế là "**ôn cố nhi tri tân**". Dụng công về phần tri đã như thế, mà đến khi dụng công về phần hành thời lại hết sức trau tria về phần đức dục, dắp dày cái nền ":nhân hậu" để vun cao lấy nền "lễ nghĩa" (**đôn hậu dĩ sùng lễ**).

Chữ "dôn" như nghĩa chữ "dốc"; chữ "sùng" như nghĩa chữ "cao"; chữ "lễ" này chỉ là lẽ phải, ngậm có ý chữ "nghĩa"; chữ "hậu" ngậm có ý chữ "nhân".

Câu "**ôn cố nhi tri tân**" là thuộc về phần "đạo vấn học"; câu "**đôn hậu dĩ sùng lễ**" thuộc về phần "tôn đức tính". "Tôn đức tính" là thành thân mà thuộc về phần "hành"; "đạo vấn học", là minh thiện mà thuộc về phần "tri". Quân tử vì dụng công ở năm câu như trên kia, sở dĩ thành được "chí đức".

Thị cố cư thượng bất kiêu, vi hạ bất bội; quốc hữu đạo, kỳ ngôn túc dĩ hưng; quốc vô đạo, kỳ mặc túc dĩ dung. Thi viết : Ký minh thả triết, dĩ bảo kỳ thân, kỳ thử chi vị dư ?

是故：居上不驕，為下不倍；國有道，其言足以興；國無道，其默足以容。詩曰：既明且哲，以保其身，其此之謂與？

Trên kia đã nói, "chí đức" chứa trữ ở trong mình. Bài này lại nói "chí đức" đem ra ở với đời.

Quân tử khi ra ở với đời, cũng chỉ cội gốc ở nơi "chí đức". Vì vậy cho nên có khi ở địa vị cao hơn người mà chẳng bao giờ kiêu láo (**cư thượng bất kiêu**); có khi ở địa vị thấp mà làm người bậc dưới cũng chẳng bao giờ trái với đạo (**vi hạ bất bội**), ("bất bội", nghĩa là láy đạo lý thẳng mà đối đãi với người trên, không chịu làm những việc trái đạo mà nịnh hót với người trên. Vì quân tử ở với người dưới thời "bất kiêu", ở với người trên thời "bất bội"; hoàn cảnh có thay đổi mặc dầu, mực thước ở giữa thân mình không bao giờ lầm lỗi.

Vậy nên gặp khi nước hữu đạo mà dùng đến mình thời lời mình nói ra có thể nước nhờ cậy mình mà hưng khởi được (**quốc hữu đạo, kỳ ngôn túc dĩ hưng**), nếu rủi mà gặp lấy lúc nước vô đạo, không thể dùng được mình, nhưng vẫn ôm đạo giữ thân, tự xử bằng một cách êm lặng mà trong đời không ai làm hại được mình (**quốc vô đạo mặc túc dĩ dung**).

Chữ "mặc" phản đối với chữ "ngôn". Gặp phải buổi hữu đạo, thời bày vạch kế mưu, phun nhả những cái sở học của mình, làm cho lợi dân ích quốc, là gọi bằng "ngôn túc dĩ hưng". Sách ***Luận Ngữ*** có câu : "Bang hữu đạo, nguy ngôn nguy hạnh". Còn như "mặc", tức là bất ngôn; bởi vì gặp phải buổi nước vô đạo, dầu ngôn cũng chẳng ai nghe, thường hay vì lời nói mà rước lấy họa, nên quân tử chỉ "**mặc túc dĩ dung**", cũng như câu "**bang vô đạo miễn ư hình lục**" ở sách ***Luận Ngữ***.

Ở trong ***Kinh Thi*** có nói : "Đã sáng hiểu đạo lý mà lại khôn khéo ở đời để vừa gìn giữ lấy thân mình", chính là bảo như thế (**ký ninh thả triết dĩ bảo kỳ thân, kỳ thử chi vị dư**).

Chữ "bảo kỳ thân" đây, không phải quân tử tiếc thân đâu. Xem như câu "sát thân dĩ thành nhân", thời có phải chỉ tiếc thân mà thôi đâu ! Nhưng chưa gặp nhịp đáng "sát thân dĩ thành nhân" thời quân tử lại phải "minh triết bảo thân"; nếu thân chưa đáng chết mà chết vào lúc vô dụng thời quân tử chẳng khinh dị bỏ thân đâu. "Sát thân" với "bảo thân" cũng chung nhau ở trong một lẽ phải của quân tử. Có như thế mới là đạo trung dung. Sách xưa có câu : "Thánh nhân vô tử pháp" 聖人無死法(***Chu Tử Ngữ Lục***), nghĩa là "hễ Thánh nhân vẫn thường có phương pháp linh hoạt", tức là cái nghĩa "minh triết".

Tử viết : Ngu nhi hiếu tự dụng; tiện nhi hiếu tự chuyên; sinh hồ kim chi thế, phản hồ cổ chi đạo, như thử giả, tai cập kỳ thân giả dã.

子曰：愚而好自用，賤而好自專，生乎今之世，反乎古之道，如此者，災及其身者也.

Vì bài trên đã có câu "Minh triết bảo thân", nên bài này lại nói về mặt trái, chính là một hạng người không minh, không triết mà đến nỗi không bảo được thân là như hạng người này : mình vẫn ngu mà không biết là ngu, tự thánh tự thần, dụng việc gì cũng làm bậy, chỉ ỷ lấy sức của mình mà thôi (**ngu nhi hiếu tự dụng**); mình vẫn tiện mà không cam chịu tiện, tự tôn tự đại, chuyên giữ lấy việc mà làm (**tiện nhi hiếu tự chuyên**). Người đã như thế thiệt là một người không học vấn, không trí thức, không biết nghĩa "tùy thì biến thông", để ra ở đời nay mà cố muốn quay lại đạo đời xưa (**sinh hồ kim chi thế, phản cổ chi đạo**). Người đã như thế, tất đến nỗi tai hại kịp đến giữa thân mình (**như thử giả, tai cập kỳ thân giả dã**).

"Kim chi thế", là chỉ vào hoàn cảnh hiện tại; "cổ chi đạo", là chỉ vào đường lối người đời xưa đã từng qua. Chữ "đạo" ở đây không phải đạo là đạo lý, mà chỉ là đường lối cũ người ta từng đi. Theo về đạo lý thời đầu xưa, đầu nay cũng chỉ chung một lẽ phải; chứ như đường lối ở đời, thời đường lối đời xưa tất nhiên không hợp với đường lối đời nay; sinh ở đời nay mà quay trở lại đường lối đời xưa, tức là ở vào đời vô đạo mà muốn quay lại như lối đời hữu đạo, có thể nào mà không "tai cập kỳ thân" đặng ru ? Suy cho đến nguyên nhân thời chỉ vì người ấy không "tôn đức tính" mà "đạo vấn học" đó vậy.

Thượng yên giả tuy thiện vô trưng, vô trưng, bất tín; bất tín, dân phất tùng. Hạ yên giả tuy thiện bất tôn; bất tôn, bất tín; bất tín, dân phất tùng.

上焉者雖善無徵；無徵不信；不信民弗從
下焉者雖善不尊；不尊不信；不信民弗從。

Bài này tiếp mấy chữ "cư thượng, vi hạ" ở bài trên mà nói cho rộng đạo ở đời.

Người ở trong xã hội, chẳng bao giờ khỏi hai hạng người : một hạng người ở địa vị trên, tức như vua hay đại Tổng thống một nước, đó là gọi bằng "thượng yên giả". Hạng

người ấy tất phải đạo đức cho thật tốt, học vấn cho thật cao, danh dự cho thật rộng xa, để cho dân lấy làm bằng chứng mà tin cậy được, nghĩa là "hữu trưng"; nếu không thế thời tuy có làm việc lành mà vì không "trưng chứng" (**tuy thiện vô trưng**), thời dân không tin; không tin thời dân không chịu phục tùng (**vô trưng bất tín; bất tín dân phất tùng**). Lại một hạng người nữa là người bình dân không quyền vị, hạng người này gọi bằng "hạ yên giả", tuy bản thân mình vẫn tốt, nhưng vì địa vị không được ở ngôi cao (**tuy thiện bất tôn**), thời thế lực mình không lấy gì cho dân tin cậy; dân đã không tin cậy, tất nhiên nó không chịu phục tùng (**bất tôn bất tín; bất tín, dân phất tùng**).

Bài này chia làm hai hạng người :

Hạng người "thượng yên giả" chú trọng vào chữ "trưng"; tỷ như vua Thuấn vẫn là đức Thánh nhân, nhưng phải chờ vua Nghiêu biết tới, đặt lên ở trên triều đình, làm việc nhiếp chính tới 18 năm mà sau mới được thiên hạ tín phục. Nếu tự một tên dân cày mà thình lình làm ngôi thiên tử thời làm gì có "**âu ca triều cẩn lai qui**" (謳歌朝覲來歸) nữa ru ?

Một hạng người nữa là "hạ yên giả" thời chú trọng vào chữ "tôn"; tỷ như đức Khổng Tử cũng là đức Thánh nhân, nhưng chỉ vì ngài không quyền vị vua chúa, chỉ là người sư nho, nên dẫu có đạo đức thiệt cao mà không làm sao cho nhân dân các nước khác phục tùng mình, trọn đời ngài chỉ là chu du mỏi mệt, cuối cùng làm sách dạy đời mà thôi. Vậy nên quân tử ở đời mà muốn cho dân phục tùng, tất phải có hai lẽ :

1)- Ở ngôi cao mà muốn làm điều lành, tất trước phải có việc "trưng chứng" cho dân biết;

2)- Ở bậc dưới, tất phải làm thế nào tạo được một thì thế mà đặt mình lên ngôi tôn.

Nếu không cả hai lẽ ấy, hoặc có ngôi mà không đức sẵn, hoặc có đức mà không ngôi cao, thảy là không sử được dân; "lý" vẫn như thế, mà "thế" cũng như thế. Chúng ta ra đời

không phải chuyên ỷ một chữ "thiện" mà xong được.

Cố quân tử chi đạo, bản chư thân, trưng chư thứ dân, kiến chư thiên địa nhi bất bội, chất chư quỷ thần nhi vô nghi, bách thế dĩ sĩ Thánh nhân nhi bất hoặc.

故君子之道，本諸身，徵諸庶民，建諸天地而不悖；質諸鬼神而無疑，百世以俟聖人而不惑。

Bài này tiếp lấy chữ "trưng" ở bài trên mà nói cho kỹ.

Ý chính văn nói rằng : Đạo của quân tử tôn lấy đức tính, đạo được vấn học, vẫn gốc ở giữa mình mà phát triển ra; nhả một điều nói, tất phải cho chứng được điều mình nói là hay; làm một việc làm, tất phải cho chứng được việc mình làm là tốt.

Cái đó chứng vào đâu ? Tất phải chứng vào nơi bầy dân; nói mà dân tin là lời nói hay; làm mà dân in là việc làm tốt (**bản chư thân, trưng chư thứ dân**) (chữ "chư", ở đây cũng như nghĩa chữ "ư"). Mà chẳng những chứng ở dân mà thôi : con mắt dân đều thấy cả, lỗ tai dân đều nghe cả, lòng dân tất thảy tín phục cả, lòng dân tức là lòng trời đất; ví dầu mùa trời có thay đổi, hình đất có khác nhau, nhưng chỉ thuận ở lòng dân mà sắp đặt ra muôn việc, tất nhiên thuận với thì trời, chiều theo tính đất mà khiến cho nhân dân sinh hoạt đều được bằng lòng, như thế là "**kiến chư thiên địa nhi bất bội**".

"Bất bội", nghĩa là không trái với trời đất; đã không trái với trời đất thời dầu tinh linh chính khí của trời đất mà gọi bằng quỉ thần vẫn mơ màng huyền diệu lắm, nhưng cũng có thể đem những việc ta làm mà chất chính với quỉ thần, quỉ thần cũng phải thừa thuận mà không nghi ngờ gì cả (**chất chư quỉ thần nhi vô nghi**). Hễ đã thuận với đạo trời đất, hợp với lẽ quỉ thần thời chẳng những quá khứ và hiện tại tất thảy không sai lầm, mà dầu xa đến tương lai hoặc trăm đời sau nữa, chờ có bậc Thánh nhân đời sau e cũng phải trông gương vào mình mà cho là tận thiện tận mỹ, không có gì

nghi hoặc (**bách thế dĩ sĩ Thánh nhân nhi bất hoặc**).

Chữ "bách thế", chỉ là nói giả phỏng, không phải hạn định trăm đời mà thôi; mình làm khuôn mẫu ở đời này mà treo gương cho đời sau trông vào, thế là "**bách thế dĩ sĩ Thánh nhân nhi bất hoặc**".

Chất chư quỉ thần nhi vô nghi, tri thiên dã; bách thế dĩ sĩ Thánh nhân nhi bất hoặc, tri nhân dã.

質諸鬼神而無疑，知天也；百世以俟聖人而不惑，知人也。

Bài này tiếp lấy bài trên, nhưng quí trọng vào hai câu cuối cùng. Bởi vì "trưng chư dân" là phần dễ, "chất chư quỉ thần" là phần khó. Sở dĩ "**chất chư quỉ thần nhi vô nghi**", chẳng phải quỉ thần chiếu Thánh nhân dâu, mà chỉ vì Thánh nhân thông được quỉ thần, óc khôn của Thánh nhân soi thấu được lẽ trời mà tri được thiên; đã tri được thiên tức quỉ thần ở trong lòng Thánh nhân rồi. Vậy nên chất với quỉ thần mà không còn gì nghi. "Trưng chư dân" là thuộc về hiện tại; "bách thế dĩ sĩ thánh nhân" là thuộc về phần tương lai. Sở dĩ "sĩ thánh nhân nhi bất hoặc", há phải Thánh nhân đời sau thua Thánh nhân đời trước dâu. Bởi vì trong óc Thánh nhân chỉ là một khối nhân đạo; mình đã thông thấu hết nhân đạo mà tri được nhân thời dẫu Thánh nhân ở đời sau cũng không ra khỏi được cái phạm vi ấy, nên chờ đợi Thánh nhân ở sau trăm đời mà vẫn in nhau một hệt.

Bài này cốt tại 4 chữ "tri thiên, tri nhân". "Tri thiên" là thuộc về "hình nhi thương" là chuyên chỉ bằng đạo lý vô hình, nên nói cập với quỉ thần. "Tri nhân" là thuộc về phần "hình nhi hạ", là chuyên chỉ sự nghiệp hữu hình, nên nói cập với Thánh nhân.

Nói tóm lại, việc người mà căn cứ ở nguyên tắc chân lý thời "tri nhân" tức là "tri thiên". Đạo trời mà suy diễn ra làm sự nghiệp dân sinh, thời tri thiên cũng tức là tri nhân; chẳng qua theo về phần bản thể mà nói thời gọi "tri thiên"; theo về

phẩn thực dụng mà nói thời gọi "tri nhân". Chung vào một chữ "tri" là "thành minh" đó vậy.

Tiết trên đã nói "Thành tắc minh, minh tắc thành", chữ "tri" ở đây cũng là thế.

Trọng Ni tổ thuật Nghiêu Thuấn, hiến chương Văn Võ; thượng luật thiên thì, hạ tập thủy thổ; thí như thiên địa chi vô bất trì tái, vô bất phú đảo; thí như tứ thì chi thác hành, như nhật nguyệt chi đại minh.

仲尼祖述堯舜，憲章文武；上律天時，下襲水土，辟如天地之無不持載，無不覆幬；辟如四時之錯行，如日月之大明。

Trên kia đã nói : "Thánh nhân chi đạo" và "quân tử chi đạo". Bây giờ muốn dẫn chứng vào một người, nên phải thuật đến đức Khổng Tử. Đạo đức Khổng Tử tức là đạo Thánh nhân. Đạo ngài thời như thế này :

Kể bằng Thánh đời xưa đủ cả đạo đức và sự nghiệp mà không ai tốt hơn thời có vua Nghiêu vua Thuấn ở đời Đường, Ngu, vua Văn, vua Võ ở đời Chu. Đến đức Khổng Tử thời tổ thuật lấy Nghiêu Thuấn, hiến chương lấy Văn Võ.

"Tổ thuật", nghĩa là nối theo dấu tích, như cháu theo ông; "hiến chương", nghĩa là những công việc khuôn mẫu cho đời, như chế độ, lễ nhạc, v.v..., tất thảy rõ ràng cho đời trông thấy. Nay đức Khổng Tử "tổ thuật" được nơi Nghiêu Thuấn, "hiến chương" được cả Văn Võ, mà lại trên thời bắt chước với mùa trời (**thượng luật thiên thì**), dưới thời vận dụng đất nước (**hạ tập thủy thổ**).

"Luật", nghĩa là so đo thì trời mà làm cho không sai lỗi; "tập", nghĩa là lợi dụng được thủy thổ mà thủy thổ thành ra bị chinh phục với mình. Chữ "luật" có ý như "qui luật"; chữ "tập" có ý như "tập kích". Đức Khổng Tử vì có đạo lớn như thế, nên lưu hành phát triển ở trong vũ trụ. Ví như trời đất, không chỗ nào không nâng đỡ, không chốn nào không che bọc (**thí như thiên địa chi vô bất trì tái, vô bất phú đảo**).

Lại ví như bốn mùa thay trộn nhau mà đi, ví như mặt trời, mặt trăng thay đổi nhau mà làm sáng (**thí như tứ thì chi thác hành, như nhật nguyệt chi đại minh**).

"Thác hành", nghĩa là mùa xuân đi qua sang mùa hạ, mùa thu đi qua sang mùa đông, mà ấm, lạnh, mát, nóng, sinh trưởng thủ thành, trộn trạo nhau mà làm nên công dụng trong một năm; "đại minh", nghĩa là mặt trời thay mặt trăng mà làm sáng ở ban ngày, mặt trăng thay mặt trời mà làm sáng ở ban đêm.

Vạn vật tịnh dục nhi bất tương hại, đạo tịnh hành chi bất tương bội.

萬物並育而不相害；道並行而不相悖。

Chẳng những như trên kia đã nói mà thôi, mà lại đạo đức cảm hóa đến rất xa, công dụng Thánh thần đến rất lớn, khiến cho muôn vật đồng thì sinh nở mà không giống gì làm hại giống gì (**vạn vật tịnh dục nhi bất tương hại**). Đường lối đồng thì tiến đi không đường nào trái với đường nào (**đạo tịnh hành nhi bất tương bội**).

"Tịnh dục", nghĩa là đều sinh nở; "tương hại", nghĩa là chống cãi nhau, tức như chim bay mà không làm hại đến cá, cá ngầm mà không làm hại tới chim bay, v.v... Thế là "**tịnh dục nhi bất tương hại**", tức là dùng đạo cương mà bổ cho nhu, dùng đạo nhu mà bổ cho cương. Trai làm đạo trai mà bổ trợ cho gái, gái làm đạo gái mà bổ trợ cho trai, v.v..., thế là "**đạo tịnh hành nhi bất tương bội**".

Tiểu đức xuyên lưu, đại đức đôn hóa, thử thiên địa chi sở dĩ vi đại dã.

小德川流，大德敦化，此天地之所以為大也。

Ba câu này là tổng kết cả đức nghiệp của đức Khổng Tử mà khiến cho học giả biết Thánh nhân tức là thiên địa, thiên địa tức là Thánh nhân. Học giả muốn làm "tham thiên địa, tán hóa dục" như tiết trên kia nói, cũng chỉ bắt chước

lấy đức Khổng Tử mà thôi.

Đức Khổng Tử làm sao mà lớn được như trời đất ?

Bởi vì đạo ngài bao bọc cả đức nhỏ, đức lớn. Theo về những chỗ "nhất ngôn, nhất hạnh, nhất cử, nhất động" mà đều hợp với lẽ phải, thầy gọi bằng "tiểu đức"; những tiểu đức ấy tiếp tục luôn luôn, không chốc phút nào dừng nghỉ, in như nước sông chảy luôn luôn không giờ ngừng (**tiểu đức xuyên lưu**). Kể về phần tuyền thể đại dụng thuộc về thiên lý tự nhiên, không thể lấy chủ nghĩa mà hình dung ra được, gọi bằng "đại đức", cái đại đức ấy, khi lặng thời dày dặn êm đềm mà không thấy hơi tiếng, khi động thời biến hóa vô cùng mà tác thành được vạn vật, thế là "**đại đức đôn hóa**".

Nhân vì tiểu đức thời không chốc phúc gián đoạn, đại đức thời không bao giờ cùng tận; cái sở dĩ làm to lớn như thế tức là trời đất dó vậy (**thử thiên địa chi sở dĩ vi đại dã**).

Ở tiết trên đã hai lần có câu : "**đại tai thánh nhân chi đạo**", bây giờ dẫn chứng vào đức Khổng Tử, nhưng chỉ có 4 câu là sự thực : "**Tổ thuật Nghiêu Thuấn, biến chương Văn Võ, thượng luật thiên thì, hạ tập thủy thổ**". Còn các câu khác, từ câu "**thí như thiên địa**" sấp xuống thời chỉ là mượn thiên địa mà hình dung đức Khổng Tử. Hai câu "**tiểu đức, đại đức**" là truy nguyên cái sở dĩ làm Thánh nhân, và sở dĩ làm thiên địa, chỉ có tám chữ mà bao bọc đạo lý rất vô cùng. Học giả nên nghiền kỹ hai câu ấy.

Tiết thứ 11

Qui kiết ở nơi công phu "thận độc".

Hai chữ "thận độc", nguyên ở tiết thứ nhất, sách ***Trung Dung***, mà thầy Tử Tư lại học thầy Tăng Tử. Thầy Tăng Tử làm sách ***Đại Học***, viết vào chương *Thành ý*, đã có câu :

"quân tử tất thận kỳ độc dã", mà thầy Tử Tư cũng thuật lại ở tiết thứ nhất sách ***Trung Dung*** chỉ có hai chữ ấy. Công phu làm Thánh nhân, nước bước thứ nhất là hai chữ ấy.

Nghĩa chữ "độc" ngậm có hai ý : một là "độc tri", là chỗ mà một mình biết lấy mình tức là ở trong lòng mình; khi lòng mình cảm giác như thế nào, tư tưởng như thế nào, mình chưa nói cho ai nghe, mình chưa bày tỏ cho ai thấy, đó là cái chỗ "độc tri". Đấy là một ý. Lại một ý nữa cũng nuốt vào trong nghĩa chữ "độc", tức là độc lập; phát triển cái năng lực của mình, kiên trì cái chủ nghĩa của mình cho thành một người tự chủ độc lập mà không dựa vào thế lực người, không nô lệ của tư tưởng người, như thế là độc lập. Nghĩa chữ "độc" đủ cả hai ý ấy, chính là nền tảng làm được chí thành. Sách ***Tuân Tử*** có câu :

Bất thành tắc bất độc, bất độc tắc bất hình.

不誠則不獨；不獨則不形。

Nghĩa là, không phải người chí thành thời không hay "thận độc"; đã không hay thận độc thời đức mình không hay hình hiện ra ngoài được. Cái tinh thần của "thận độc", công phu của "thận độc", dẫu chí thần chí thánh cũng ngần ấy mà thôi. Nên sách ***Trung Dung*** lấy bài này để phát huy ý nghĩa "thận độc", mà kết thúc tuyển bộ sách này :

Thi viết : Ý cẩm thượng quýnh, ố kỳ văn chi trứ dã. Cố quân tử chi đạo, ám nhiên nhi nhật chương; tiểu nhân chi đạo, đích nhiên nhi nhật vong. Quân tử chi đạo, đạm nhi bất yếm, giản nhi văn, ôn nhi lý, tri viễn chi cận, tri phong chi tự, tri vi chi hiển, khả dữ nhập đức hỹ.

詩云：衣錦尚絅，惡其文之著也。故君子之道闇然而日章；小人之道的然而日亡。君子之道淡而不厭，簡而文，溫而理，知遠之近，知風之自，知微之顯，可與入德矣。

Bởi vì quân tử chỉ cham ở "thận độc"; thận ở chỗ độc thời cần ai biết đến mình dâu ! Mình dẫu có đạo đức văn

học mà không cần lòe loẹt cho ai biết. Tức như trong ***Kinh Thi*** có câu : "**Ý cẩm thượng quýnh**", nghĩa là mặc áo gấm ở trong mà trùm lấy cái áo đơn vải ở ngoài áo gấm; sở dĩ làm như thế là ghét cái văn thái của áo gấm lòe trổ ra ở ngoài đó vậy (**ố kỳ văn chi trứ dã**).

Câu này dẫn vào đấy ngụ ý : Chữ "cẩm", là ví vào đạo quân tử, chữ "thượng quýnh", là ví vào đạo quân tử không thèm lòe loẹt mặc dầu, nhưng vì chí thành chất chứa ở trong thời tự nhiên hình hiện ra ở ngoài.

Trên kia đã nói : "**thành tắc hình, hình tắc trứ, trứ tắc minh**". Vậy nên đạo của quân tử, chỉ thấy ra im im ngầm ngầm như hình mờ mờ tối mà kỳ thực càng ngày càng sáng rệt (**ám nhiên nhi nhật chương**). Còn như đạo của tiểu nhân thời trái thế: nó không có một tý gì tốt, chẳng qua giả dối lòe loẹt, ngó như hình rực rỡ vậy, mà kỳ thực càng ngày càng tiêu mòn, đến nỗi mất ráo (**tiểu nhân chi đạo đích nhiên nhi nhật vong**).

Câu "tiểu nhân chi đạo...", chỉ nói về phản diện; nhưng trong ý kinh văn là chú trọng về "quân tử chi đạo", nên lại tiếp rằng : đạo của quân tử không cầu người biết, mà tự nhiên người biết; không cầu người ưa, mà tự nhiên người ưa; ví vào mùi đồ ăn, khi nếm qua như hình lạt, mà thực thời không bao giờ chán (**đạm nhi bất yếm**); "đạm", nghĩa là có ý bình thường mà không nồng hậu. Bởi vì có tính chất đạm nên phát nơi ngôn từ xem ra giản dị không có gì phiền phức khó khăn, mà kỳ thực rất có vẻ văn chương (**giản nhi văn**), hình hiện ra ở nơi thái độ, giao tiếp với người chỉ thấy ôn hòa êm ái, mà kỳ thực có điều lý rõ ràng cả thảy (**ôn nhi lý**).

Ba câu trên ấy hình dung cho kỳ 5 chữ "**ám nhiên nhi nhật chương**". Và "đạm, giản, ôn", nên chỉ thấy là "ám nhiên", nhưng kết quả thời lại được "bất yếm", và văn và lý, chính là cái "chứng nghiệm nhật chương" đó vậy.

Nói trái lại, như đạo tiểu nhân thời nồng ngọt mà người ta mau sinh chán, phiền sác mà không ra văn gì, nóng nảy

mà mất hết diệu lý, nên kết quả thời "**dích nhiên nhi nhật vong**". Học giả xem quân tử, tiểu nhân trái nhau là thế. Chúng ta vẫn nên học làm quân tử, mà muốn học làm quân tử thời cần nhất là "tri" với "hành"; nhưng trước có "chân tri thời sau mới "thực hành" được. Vậy nên mấy câu dưới này chú trọng vào ba chữ "tri".

Đạo lý ở trong thiên hạ, trước từ gần mà sau mới tới xa; trước ở giữa thân mình mà sau mới tới gia, quốc, thiên hạ, thế là gọi bằng "viễn chi cận", nghĩa là chỗ gần tức là cái cơ quan cho chốn xa, chỗ xa chỉ ảnh hưởng chỗ gần mà ra đó vậy, đó là một điều học giả nên biết (**tri viễn chi cận**). Lý cảm hóa ở trong thiên hạ ví như gió chuyển, bắt đầu khởi ở một chỗ, mà chốc phút bay khắp mọi nơi; nhưng cái làn gió ấy, tất có tự chốn nào phát khởi; đức quân tử cảm hóa được người cũng thế, đầu từ ở thân mình mà lan tràn khắp gia, quốc, thiên hạ, như thế là "phong chi tự", đó là một điều học giả nên biết (**tri phong chi tự**). Đạo chí thành của quân tử lúc đầu chỉ thận ở nơi chỗ độc, vẫn rất mơ màng kín nhiệm, mà đến khi cuối cùng thời rực rỡ sáng chói, in như mặt trời dọi buổi mai, mặt trăng dọi buổi đêm, đó là "vi chi hiển", lại là một điều học giả nên biết (**tri vi chi hiển**). Học giả biết đủ ba cái nguyên lý ấy : biết được "viễn chi cận" thời chẳng cần lo ở xa, mà trước lo cho tốt ở chỗ gần; biết được "phong chi tự" thời chẳng cần trông ở người mà chỉ cần ở mình cho có ảnh hưởng; biết được "vi chi hiển" thời lo giữ gìn ở nơi tâm thuật ẩn vi của mình mà không sợ thiên hạ không biết tới. Nói tóm lại, đã tri được chắc chắn như thế thời đến lúc hành chắc cũng không sai lầm, có thể đưa vào khuôn đạo đức rồi vậy (**khả dữ nhập đức hỹ**). Suy nguyên sở dĩ nhập được đức, chỉ cội gốc ở nơi thận độc, nên lại nói thêm như bài dưới :

Thi vân : Tiềm tuy phục hỹ, diệc khổng chi chiêu. Cố quân tử nội tỉnh bất cứu, vô ố ư chí; quân tử sở bất khả cập giả, kỳ duy nhân chi sở bất kiến hồ.

詩云：無雖伏矣，亦孔之昭；故及子內省

不疚，伙惡於志，君子所不可反者，其唯人之所不見乎？

Bài này dẫn lời ***Kinh Thi***, nguyên nghĩa Kinh văn nói : Những hạng người âm hiểm ác độc, trong lòng nó chất chứa điều xấu mà bề ngoài nó vẫn hết sức che bịt, nhưng cái lòng xấu của nó chẳng bao giờ che bịt xong. Tỷ như con cá ngầm ở dưới nước sâu, tuy nó nấp nép thiệt (**tiềm, tuy phục hỹ**), nhưng nó ở dưới nước thời cái tăm và hình nó, ánh hiển lên mặt nước cũng rất là rõ ràng (**diệc khổng chi chiêu**).

"Tiềm", nghĩa là cá tiềm dưới nước; "khổng", nghĩa là rất; "chiêu", nghĩa là thấy được rõ. Bởi vì trong lòng người ác không dấu được ai, có lý do rất rõ như thế.

Nếu mình không lòng ác thời ở trong đã không thẹn với lương tâm của mình, dầu ngoài có tiếng xấu, chẳng bao giờ làm xấu được mình. Vì vậy cho nên những người quân tử chỉ đêm ngày xem xét ở trong lòng, cốt cho khỏi đau đớn với lương tâm mình (**cố quân tử nội tỉnh bất cứu**).

"Nội tỉnh", nghĩa là xét ở trong; "bất cứu", là không đau đớn. Bởi vì nội tỉnh mà đã bất cứu thời "tâm quảng thể bàn, thái nhiên tự đắc", chẳng chút gì gai góc ở ý chí mình (**vô ố ư chí**). Quân tử sở dĩ làm thành một bậc người cao thượng, mà người thường không thể theo kịp là bởi tại chỗ nào ? Chính là chỗ kín đáo ở trong lòng mà người ta không thấy được đó mà ! (**quân tử sở bất khả cập giả; kỳ duy nhân chi sở bất kiến hồ**).

"Nhân chi sở kiến", là chỉ vào chỗ lòng mình động niệm, cảm xúc, hoặc tư tưởng kinh dinh, chỉ mình biết lấy mình mà không để tai mắt vào chỗ ấy tức là "độc". Vì quân tử hay "thận độc", nên người thường không hay kịp được.

Thi vân : Tướng tại nhĩ thất, thượng bất quí vu ốc lậu; cố quân tử bất động nhi kính, bất ngôn nhi tín.

詩云：相在爾室，尚不愧于屋漏；故君子不動而敬，不言而信。

Bài này cũng dẫn lời ***Kinh Thi*** để phát huy cái hiệu nghiệm "thận độc".

Kinh Thi có nói rằng : Xem ở nơi tâm địa của mày (**tướng tại nhĩ thất**). "Tướng", nghĩa là xem; "thất", là chỗ buồng tim của mình. "Nhĩ thất", tức là tâm địa ta, mà hay cẩn thận từ lúc kín đáo, dấu đến khi ở một mình trong chỗ nhà dột, chính là chỗ trời đất quỉ thần với mình mà thôi, mà mình tự vấn lương tâm không tỳ gì thẹn xấu (**thượng bất quí vu ốc lậu**). "Ốc lậu", là khóe tây bắc nhà ở, nghĩa là chỗ buồng kín; chỗ ấy tai mắt người ngoài không tới nơi, nên mượn để hình dung chữ "độc". "Bất quí vu ốc lậu", là công phu "thận độc" riết lắm. Tiên Nho đã có câu nói rằng "**độc hành bất quý ảnh, độc tẩm bất quý khâm**" (獨行不愧影，獨寢不愧衾). Nghĩa là khi đi một mình mà không thẹn với bóng mình, khi nằm một mình mà không thẹn với nệm mình đắp. Hai câu này cũng ý nghĩa ấy. "Bất quí", nghĩa là không xấu thẹn.

Vì sao mà được "bất quí" ? Là vì trong tâm mình chẳng chốc phút nào động niệm làm việc ác, chỉ chí thành luôn luôn, như thế mới là hay "thận độc".

Quân tử chỉ vì hay "thận độc" như thế, nên giữa bản thân quân tử, không chờ đến lúc động tác mà vẫn kính cẩn luôn luôn (**bất động nhi kính**); không chờ đến lúc nói phô mà vẫn tin thật luôn luôn (**bất ngôn nhi tín**). Kính sẵn ở trước khi bất động, nếu chờ ở lúc động tác rồi mới kính, té ra đức kính đó là miễn cưỡng; tin sẵn ở lúc bất ngôn, nếu chờ lúc ngôn rồi mới tín, té ra cái đức tín đó không phải là tự nhiên.

Quân tử sở dĩ hơn người ta là vì có đức kính, mà kính không phải miễn cưỡng; có đức tín, mà tín lại rất tự nhiên; nên nói rằng "**bất động nhi kính, bất ngôn nhi tín**".

Thi viết : Tấu cách vô ngôn, thì my hữu tranh. Thị cố quân tử bất thưởng nhi dân khuyến, bất nộ nhi dân uy ư phu việt.

詩曰：奏格無言，時靡有爭。是故君子不賞而民勸，不怒而民威於鈇鉞。

Bài này lại dẫn lời ***Kinh Thi*** để chứng thực ý câu "**bất ngôn nhi tín**".

Kinh Thi có nói : Mình lấy cái thành ý đưa lên mà cảm cách với thần minh, không cần phải nói phô (**tấu cách vô ngôn**); cảm cách thần minh mà chỉ dùng bằng cách chí thành như thế thời chẳng những quỉ thần cảm cách mà thôi, mà lại cảm cách được tất thảy người, lúc bấy giờ chẳng ai sinh lòng tranh đoạt (**thì my hữu tranh**).

Xem như bài ***Kinh Thi*** trên kia, tấu cách bằng vô ngôn mà được cái hiệu "thì my hữu tranh". Vì vậy đạo của quân tử chẳng chờ đến làm ân thưởng cho người, mà người tự nhiên khuyên nhau làm điều thiện (**bất thưởng nhi dân khuyến**); chẳng chờ phải trách phạt người mà người tự nhiên sợ hãi hơn đố làm hình phạt (**bất nộ nhi dân uy ư phu việt**).

"Phu", là cái búa; "việt", là cái việt, đồ để giết người; "nộ", nghĩa là xung giận mà dùng đến hình luật; "uy", nghĩa như chữ "úy"; "bất thưởng", "bất nộ", nghĩa là chỉ cảm người bằng tinh thần, nên không cần phải thưởng mà người tự nhiên biết ơn; chỉ hóa người bằng đạo đức nên không cần phải dụng uy, người tự nhiên sợ hãi. Bài này là nói cho rõ công hiệu của "thận độc".

Thi viết : Bất hiển duy đức, bách tích kỳ hình chi. Thị cố quân tử đốc cung nhi thiên hạ bình.

詩曰：不顯惟德，百辟其刑之；是故君子篤恭而天下平。

Bài này lại dẫn lời ***Kinh Thi*** để thêm rõ ý tư ba bài trên, mà cũng thấy được công hiệu lớn của "thận độc".

Kinh Thi nói rằng : "Cái đức chí thành chỉ là âm ngầm kín đạo, không thấy lòe loẹt ra (**bất hiển duy đức**), chữ "bất hiển", tức là chữ "ám nhiên" ở bài trên. Đức tuy bất hiển mà "hữu chư trung hình chư ngoại", thực thời rất là rõ rệt. Vậy

nên trăm quan ở triều đình tất thảy trông gương mà bắt chước lấy (**bách tích kỳ hình chi**)"bách tích", là tất thảy người làm việc cho chính phủ; "hình chi", là in theo một khuôn mẫu.

Xem như lời ***Kinh Thi*** nói thời biết rằng : Trên đường chính trị dầu xa lớn đến cả thiên hạ, nhưng chỉ cội gốc ở một chữ "đức". Vậy nên người quân tử cầm quyền chính trị, sở dĩ bình được thiên hạ, há phải cậy bằng uy quyền pháp luật đâu; chỉ cốt ở giữa mình thành được ý, chính được tâm, dày dặn lấy đức cung kính mà tự nhiên cảm hóa được ức muôn người, công hiệu đến được thiên hạ bình (**thị cố quân tử đốc cung nhi thiên hạ bình**). Chữ "đốc cung", tức là ý nghĩa chữ "thận độc". Chỉ hai chữ ấy mà đến được thiên hạ bình, ngó qua như hình vu khoát, nhưng nghĩ cho lâu thời rất có lẽ : Bởi vì người làm chủ tể cho cả thiên hạ, một lời nói, một việc làm, một nước bước, tất thảy ảnh hưởng đến cả tuyển thể quốc dân thời bách quan tất thảy phải thủ pháp, vạn dân tất thảy phải phục tùng, như bài trên đã nói "**bất thưởng nhi dân khuyến, bất nộ nhi dân uy**" thời còn sợ gì thiên hạ không bình được ?

Học giả đọc bài này, nên tham khảo với lời thầy Mạnh Tử :

Mạnh Tử viết : Nhân nhân, thân kỳ thân, trưởng kỳ trưởng nhi thiên hạ bình.

孟子曰：人人親其親，長其長，而天下平

Nghĩa là, người nào, người nào, thảy đều thân lấy kẻ thân của mọi người, tất thảy kính lấy kẻ trưởng của mọi người mà thiên hạ bình được.

Học giả phải biết sở dĩ khiến được nhân nhân thân kỳ thân, trưởng kỳ trưởng, là gốc ở nơi quân tử "đốc cung".

Chữ "đốc", ý là nền tảng rất dày dặn; chữ "cung", ý là thái độ rất nghiêm trang; chỉ có hai chữ mà miêu tả cái tinh thần của "chí thành" rất thâm thiết.

Thi viết : Dư hoài minh đức, bất đại thanh dĩ sắc.

Tử viết : Thanh sắc chi ư dĩ hóa dân, mạt dã. Thi viết : Đức du như mao, mao do hữu luân, thượng thiên chi tải, vô thanh vô xú, chí hỹ.

詩曰：予懷明德，不大聲以色。子曰：聲色之於以化民，末也。詩曰：德輶如毛，毛猶有倫，上天之載，無聲無臭至矣。

Bài này tuyển dẫn lời ***Kinh Thi***, thảy có 5 câu, mà ý nghĩa chia làm 3 đợt : Đợt thứ nhất dẫn câu thơ Hoàng hỷ, thiên *Đại Nhã*; đợt thứ nhì, dẫn câu ở thơ Chửng dân, thiên *Đại Nhã*; đợt thứ ba, dẫn câu ở thơ Văn Vương, thiên *Đại Nhã*. Ý nghĩa ba đợt rất có tầng thứ, "thiển nhập thâm" mà trong lời thầy Tử Tư giải thích lại càng sâu vào triết lý.

Học giả đọc bài này lại càng biết bản ***Trung Dung*** có ý vị triết học rất nồng hậu, chứ không phải luân lý, chính trị mà thôi dâu. Xin thích kỹ như dưới này :

Kinh Thi có câu nói rằng : Ta yêu mến đức sáng của mày (**dư hoài minh đức**). Vì đặt ra lời Thượng đế khen vua Văn Vương, nên có chữ "dư". Chữ "dư", chỉ vào trời.

Đức sáng mày như thế nào ? Chỉ có cái tinh thần chí thành hiển hiện ra, tuy vẫn có thanh mà thanh không phải lừng lẫy, tuy hơi có sác mà sắc không phải chói lòe; thanh sắc ở bề ngoài chỉ có chút đỉnh mà thôi (**bất đại thanh dĩ sắc**).

Lời ***Kinh Thi*** chỉ có hai câu ấy, đức Thánh đọc qua mà nói rằng : Đem cái thanh với cái sắc mà dùng để cảm hóa dân, chỉ là cái ngọn đó mà thôi vậy (**thanh sắc chi ư dĩ hóa dân, mạt dã**). Bởi vì "bất đại thanh dĩ sắc", nhưng hãy còn có "thanh sắc", chẳng qua "bất đại" mà thôi, nên đức Thánh cho là "mạt dã". Nhân vì "bất đại thanh" thời hãy còn có tiếng tăm mà nghe được, "bất đại sắc", thời hãy còn có hình tượng mà thấy được, nên lại dẫn thêm câu ***Kinh Thi*** dưới này :

Kinh Thi nói rằng : Đức chí thành của quân tử thoảng nhẹ như sợi lông (**Thi viết : Đức du như mao**), "du", nghĩa là nhẹ lắm, nhẹ như sợi lông là hình dung cái đức rất nhiệm.

Ý nghĩa câu này đã thâm hơn trên một tầng, nhưng thầy Tử Tư còn chưa lấy làm triệt để, nên thầy lại nói rằng : Tỷ dụ đức bằng cái lông, vẫn rất tinh vi thiệt, nhưng mà còn như cái lông thời còn có hình tích mà so sánh được (**mao du hữu luân**). "Luân", nghĩa là loài. Có loài tức là còn có so sánh được, chỉ duy như câu dưới này mới là cực kỳ thâm, cực kỳ vi, cực kỳ tinh diệu, tức là câu "**thượng thiên chi tái vô thanh vô xú**", nghĩa là công việc làm của chân lý tự nhiên đó là công việc của thượng thiên, không một tý tiếng, không một tý hơi. Ôi thôi ! Như thế mới là triệt để, không còn gì hơn được nữa vậy (**chí hỹ**).

Hai chữ "chí hỹ" rất khó thích nghĩa, chỉ nên ý hội, mà không thể ngôn truyền được.

Thích tóm lại, cả ba đợt : có thanh có sắc, dẫu chỉ bất đại mà thôi, cũng là ngọn, chưa bằng ý tứ câu "**thượng thiên chi tái vô thanh vô xú**", mỗi một đợt thâm lên một tầng, cuối cùng thời qui kết vào chân lý tự nhiên, mất hết cả "thanh" với "xú".

Sách ***Lão Tử*** có câu : **Huyền chi hựu huyền**玄之又玄

Sách ***Phật Tổ*** có câu :

Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhân hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai.

若以色見我，以音聲求我，是人行邪道，不能見如來.

Hai câu tượng như chung một tinh ý. Đó mới thật là triết lý của Khổng học.

Tiết thứ 12

Tổng Kết.

Bản sách này là chân đích phái của Khổng học, cũng in như sách ***Đại Học***. Nhưng ***Đại Học*** có ý dễ hiểu, ***Trung Dung*** thời thiệt khó hiểu. Tác giả dịch bản sách này, vì sợ học giả khó hiểu, nên không dám viết hết tuyền văn, mà lại phải sắp đặt ra làm 11 tiết như trên kia.

Tiết thứ nhất, bát đầu mở sách ra xem thời thấy câu "**thiên mệnh chi vị tính**".

Tiết cuối cùng, là trang giấy sau hết thời thấy được câu "**thượng thiên chi tái, vô thanh vô xú**".

Thế thời tuyển bộ sách, mở đầu ra chữ "thiên", thát đuôi lại cũng chữ "thiên", biết được thâm ý của người làm sách, chỉ cốt nói cho rõ "thiên chi đạo", tức là đạo của trời. Nhưng mà đạo của trời đó, há phải để mất vào chỗ xanh cao ngất, mà bảo là trời hay sao ?

Đạo của trời cũng chỉ ở nơi lòng người ta mà thôi; lòng người ta tức là "nhân chi đạo", mà "nhân chi đạo" tức là "thiên chi đạo". Nên trung gian bản sách này đã có hai câu rằng "thành giả, thiên chi đạo dã; thành chi giả, nhân chi đạo dã". Nói cho đúng, "nhân chi đạo, thiên chi đạo", chỉ khác nhau bằng hai cái danh từ, mà ý nghĩa tinh thần thời tóm vào trong một chữ "thành".

Tựu trung, các tiết mục tuy nhiều, nhưng tất thảy nuốt vào trong chữ "thành chi đạo".

Chúng ta đọc bản sách ***Trung Dung***, xin hết sức nghiên cứu lấy ba chữ "thành chi đạo". Nhân mà không thành, không phải là nhân; trí mà không thành, không phải là trí; dũng mà không thành, không phải là dũng; đến như "bác học, thẩm vấn, thận tư, minh biện, đốc hành", cũng chỉ làm cho hết phận lượng của chữ "thành" mà thôi. Nên hai chữ "thành

thân" lại cốt tủy ở trong bản sách này. Nếu chúng ta làm được hai chữ "thành thân" tức là tuyển được nhân đạo mà thiên đạo cũng chỉ ngần ấy.

Chữ "thành thân" mà làm được xong rồi, thời đầu bảo tuyển bộ ***Trung Dung*** chỉ có một chữ cũng đúng lắm !

KHỔNG HỌC ĐĂNG HẠ THIÊN

(Lời nói tiếp hai thiên trên).

"Thượng thiên" là thuyết minh chính tông, chỉ là "di ngôn, di hạnh" của bản thân đức Khổng Tử, là tổ sư của nhà Khổng học.

"Trung thiên" là đích phái của Khổng học. Tuy nhiên ở trong đích phái đó, chỉ có thầy Tăng Sâm là trực tiếp thân chá với đức Khổng Tử; chứ như thầy Tử Tư (*Khổng Cấp*) cũng đã là gián tiếp mà không trực tiếp. Bởi vì thầy Tử Tư là học với thầy Tăng mà thừa tiếp được chính truyền của Khổng học. Vậy nên chép đến lịch sử của Khổng học, tất nhiên phải nhận thầy Tử Tư là một người đại hữu công; ngọn đèn Khổng học thực nhờ có thầy mà lừng lẫy chói chang đến đời sau. Từ thầy Tử Tư trở xuống mới đẻ ra hai thầy, thành ra hai phái : một phái là thầy Mạnh Tử; một phái là thầy Tuân Tử.

Chúng ta đọc sách, trước phải biết vì sao mà có hai phái. Bởi vì từ khi đức Khổng Tử đã qua đời, thời đoạn sau, học trò của ngài theo học thuyết của ngài ở khắp các địa phương nước Tàu bấy giờ truyền thụ cho các người sau, tựu trung chỉ có hai thầy :

- Một là thầy Tăng Sâm (Tăng Tử).
- Hai là thầy Bốc Thương (Tử Hạ).

Hai thầy ấy dạy học trò rất đông, mà truyền thụ đạo của đức Khổng Tử cũng phát đạt in như nhau. Thầy Tăng Tử chuyển đến thầy Tử Tư mà đẻ ra học thống thầy Mạnh Tử. Thầy Tử Hạ chuyển đến chư nho đời Chiến Quốc mà đẻ ra học thống thầy Tuân Tử.

Vì cha đẻ của hai thầy có khác nhau, nên học thuyết có so se với nhau chút đỉnh. Nhưng truy cho đến nguồn gốc của đời ông thời y nhiên là con một nhà.

Nay trước xin bàn chung cả hai thầy :

Mạnh, Tuân sở dĩ khác nhau ở chỗ nào ? Mở sách ***Mạnh Tử*** mà xem thời nhiều nhất là chữ "tính thiện"; mở sách ***Tuân Tử*** mà xem thời thấy quyển thập thất có một thiên "tính ác". Chốn đó là hai thầy khác nhau.

Chúng ta nếu chủ trương "tính thiện", tất nhiên cho Mạnh là phải, Tuân là trái; nếu chủ trương "tính ác", tất nhiên cho Tuân là phải mà Mạnh là trái. Cái vấn đề ấy, chư nho tự tụng từ đời Hán tới bây giờ, mỗi người chủ trì một lý luận, cơ hồ gây nên trận đánh to; nhưng mà ai phải, ai chàng, cũng chỉ là nói ngọn, chưa ai tìm cho đến gốc. Muốn tìm cho đến gốc, tất nhiên phải chiết trung vào lời đức Khổng Tử.

Đức Khổng Tử nói chữ "tính" chỉ có một câu : "**tính tương cận dã**" (性相近也). Nhận cho đến ý đức Khổng Tử thời ở trong chữ "tính", chẳng phải t ệt đối là "thiện", cũng chẳng phải tuyệt đối là "ác", in như nghĩa ở trong kinh Phật, bảo người ta có cái "A lại da thức" (阿賴耶識), tức là "như lai tạng". Ở trong "như lai tạng" (如來藏) ngậm đủ cả "chân" với "vọng" : cái "chân" hiện ra thời là "thiện", cái "vọng" hiện ra thời là "ác". Đức Khổng Tử nói chữ "tính" cũng y như thế. "Tính" chỉ là một cái động cơ cho "thiện" với "ác"; động cơ theo về "thiên lý" thời chỉ có "thiện" mà thôi; động cơ theo về "nhân dục", thời "ác" cũng thường có luôn, vì vậy cho nên đức Khổng Tử chỉ nói rằng : "**tính tương cận**".

"Tương cận" là nghĩa làm sao ? Nguyên đầu vẫn thiện, nhưng xê xích một tý thời té ra ác cũng không khó gì.

Thầy Mạnh Tử chỉ truy nguyên ở chỗ gốc, mà lại sợ người ta nhận tính làm ác, cố sức chủ trương tính thiện, chứ chữ "tính thiện" của thầy Mạnh Tử cũng ở trong ý đức Khổng Tử mà nảy ra.

Thầy Tuân Tử chỉ nhận về đoạn hậu thiên, mà lại sợ người ta chiều theo tính mà làm ác, nên cố sức chủ trương tính ác; kỳ thực chữ "tính ác" của Tuân Tử cũng ở trong ý đức Khổng Tử mà phát huy ra.

Chỉ dòm ở mặt chữ, hai thầy vẫn trái nhau, mà suy cứu cho đến tinh thần của hai thầy thời dắp đổi bổ túc cho nhau, không phải trái nhau. Nếu ai nhận lầm tính là tuyệt đối thiện thời xin đọc lời Tuân Tử; nếu ai nhận lầm tính là tuyệt đối ác thời xin đọc lời Mạnh Tử.

Nói cho đúng, "tính" chỉ là cái cơ quan xung động cho loài người tức là "như lai tạng" của nhà Phật : nó vẫn thiện mà đưa nó vào ác thời nó cũng ác; nó vẫn có cái cơ làm ác, nhưng dắt nó vào thiện thời nó chỉ là thiện. Rất hay là một câu dấu sách ***Trung Dung*** : **"suất tính chi vị đạo"**.

"Suất tính", nghĩa là làm sao ? Tức là quản suất thống lĩnh được tính, khiến nó chỉ đi đường thiện mà chẳng đi đường ác; in như quan tướng hay suất được binh lính : cũng là binh lính cả thảy, suất hay thời binh có kỷ luật mà thành ra binh nhân nghĩa, suất dở thời binh không kỷ luật mà thành ra binh trộm cướp. Thâm thiết thay ! Tinh đáng thay ! hai chữ "suất tính".

Vì khéo học ba chữ "**tính tương cận**", mà nói ra được hai chữ "suất tính". Cháu khéo học ông như thế, chúng ta thiệt không biết đặt miệng vào chỗ nào mà cãi được nữa.

Tuy nhiên, công nghiên cứu của hai thầy Mạnh, Tuân, chúng ta cũng nên sùng bái lắm. Bởi vì chỉ ba chữ "**tính tương cận**" của đức Khổng Tử thời cái giới hạn và phạm vi của hai chữ "tương cận" biết lấy gì làm bằng cứ ? Vì có thầy Mạnh nói rõ ra một chữ "thiện", thầy Tuân nói ra một chữ "ác" thời chúng ta mới tỉnh ngộ ra được ràng : cái giới hạn

và phạm vi của chữ "tương cận" chỉ có mảy may chút đỉnh; thiện với ác cách xa nhau chỉ có trong một ly một hào : khéo giữ lấy thiện thời là người, không khéo một tý thời quay ra ác là cầm thú. Nên thầy Mạnh Tử đã có câu nói rằng :

Nhân chi sở dĩ dị ư cầm thú giả cơ hy.

人之所以異於禽獸者，幾希。

Nghĩa là, người ta chi sở dĩ khác hơn cầm thú, chỉ có mảy may mà thôi. Cái mảy may tức là "thiện" ở trong tính. Than ôi ! Cái thiện ở trong tính, chỉ có mảy may, thầy Mạnh đã nói như thế, há phải bảo tính là tuyệt đối không làm được ác đâu!

Thầy Tuân Tử cũng có câu nói rằng :

Phàm tính giả, thiên chi tựu dã.

凡性者天之就也。

Lại có câu :

Đồ chi nhân khả dĩ vi Vũ.

塗之人可以為禹。

Câu trên nghĩa là : Hễ cái tính dó là lẽ tự nhiên của trời mà hiện thành ra. Nghĩa câu dưới là : Tất thảy người đi ngoài đường đều có thể làm được Thánh nhân như vua Vũ (câu này cũng in như câu : "**nhân giai khả dĩ vi Nghiêu Thuấn**" (人皆可以為堯舜 của thầy Mạnh). Câu đó tự miệng thầy Tuân Tử nói, thời há phải nhận tính là tuyệt đối ác đâu ?

Chúng ta nhận cho kỹ ở trong chỗ hai thầy khác nhau mà tìm cho đến nguồn gốc thời biết được hai thầy chẳng bao giờ trái nhau; chẳng những không trái nhau mà thôi, lại còn phát minh cho nhau, bổ túc cho nhau nữa kia ! Huống gì đọc hết cả hai bộ sách bàn đến việc học vấn thời chủ trương "minh thiện, thành thân", bàn đến việc quốc gia thời chủ trương "nhân, lễ, nghĩa, giáo", hai thầy in như một miệng, chẳng phải là chính giòng con nòi của Khổng học hay sao ? Vậy nên đạt vào chương "*Khổng học cận phái*" như thiên sau dây để tiếp lấy thiên ***Khổng Học Đăng trung***.

PHÁI RẤT GẦN Ở TRONG KHỔNG HỌC

CHƯƠNG I

MẠNH TỬ

Tiết thứ 1

Mạnh Tử lược truyện.

Đức Khổng Tử ở Đông phương tương tự như ông Tô Cách Lạp Để (**Socrate**) ở Tây phương, nhưng to lớn hơn ông Tô Cách Lạp Để. Thầy Mạnh Tử thời lại với ông Bá Lạp Đồ (**Platon**).

Chung một địa vị, nhưng học với thầy mà thêm nảy nở được học thuyết cho thầy, phát huy được tư tưởng Thánh nhân của thầy, cái công lao ấy, Bá Lạp Đồ với thầy Mạnh in hệt như nhau. Duy ông Bá Lạp Đồ có sáng tạo ra "quan niệm luận" (觀念論) (*idéalisme*), công lao ở trên đường tư tưởng có thể cao quá thầy mình. Chứ như thầy Mạnh thời thuộc về vấn đề "hình nhi thượng" (形而上) ít khi nói tới nơi, chỉ một mực nói về đạo đức ở trong nhân tính và nhân nghĩa vương đạo ở trên đường chính trị; cái điểm ấy tư tưởng của thầy Mạnh tượng như có thua Bá Lạp Đồ.

Tuy nhiên, thuộc về phần nhiệt thành muốn cứu đời chữa

tục, cản làn sóng giữa lúc ba đào, thời thầy Mạnh lại có lẽ hơn Bá Lạp Đồ nhiều lắm ! (dịch ở "*Trung Quốc triết học*").

Vì đời người thầy Mạnh Tử xuất hiện cách sau đức Khổng Tử đã hơn một trăm năm, chính giữa lúc Chiến Quốc tranh loạn, tranh thành nhau bằng đánh, tranh đất nhau bằng đánh (**tranh thành dĩ chiến, tranh địa dĩ chiến**) (爭城以戰，爭地以戰); giết người đầy khắp đồng, chôn nhau trăn khắp lũy (**sát nhân dinh dã, sát nhân dinh thành**) (殺人盈野，殺人盈城). Thầy đau đớn vì đời người như thế, đã không thể nào khỏi đỏ mắt choáng tai; mà huống gì ở trong tư tưởng giới đời này cũng rất mực lung tung choáng váng : nào Dương Chu, nào Mặc Địch, nào Hứa Hành, nào Tống Kinh, nào Trung Chu, nào Cáo Tử, vô số tay sừng nhọn ở trong trường tư tưởng, thường diễn ra tuồng tư tưởng chiến luôn luôn. Thầy Mạnh Tử là một người hùng biện đại tài, mà lại phi thường nhiệt thành nghị lực; một phương diện đánh với phường công lợi chiến tranh, lại một phương diện đánh với bọn dị đoan tà thuyết. Nên thầy thường có câu nói rằng :

Thiện chiến giả, phục thượng hình.

善戰者，服上刑 .

Nghĩa là, anh nào hay nghề chiến tranh nên cho nó chịu hình luật trảm quyết.

Lại có nói rằng :

Suất thổ địa nhi thực nhân nhục, tội bất dung ư tử.

率土地而食人肉 . 罪不容於死 .

Nghĩa là, vì tranh nhau bằng đất đai mà nỡ cho đất đai ăn thịt người, tội bọn nó dẫu xử tử cũng không lấy lẽ gì bào chữa được.

Xem những câu nói ấy của thầy, ta có thể tưởng tượng được khí phách rất hùng, nghị luận rất quang minh chính đại, dẫu các bác phi chiến ở Âu Châu đời nay, tưởng chưa dễ mấy ai lẫm liệt được như thế.

Thầy vì một mặt lại tuyên chiến với dị đoan tà thuyết, nên hết sức suy tôn đức Khổng Tử là vị tổ sư của thầy.

Thầy thường có câu nói rằng :

Bá Di, Y Doãn, Khổng Tử, giai cổ thánh nhân dã, ngô vị năng hữu hành yên; nãi sở nguyện, tắc học Khổng Tử dã.

伯夷，伊尹，孔子，皆古聖人也，吾未能有行焉；乃所願，則學孔子也。

Ông Bá Di, ông Y Doãn, đức Khổng Tử, thảy Thánh nhân đời xưa cả, ta chưa có thể làm được như các ngài. Nhưng chí nguyện của ta thời chỉ ưng học thầy Khổng Tử ta mà thôi.

Thầy lại có câu nói rằng :

Tự hữu sinh dân dĩ lai, vị hữu Khổng Tử dã.

自有生民以來，未有孔子也。

Từ thuở có loài người cho đến nay, chưa có ai như đức Khổng Tử.

Xem lời thầy suy tôn đức Khổng Tử là độc nhất vô nhị; mà há phải thầy nịnh đức Khổng Tử đâu ! Chỉ vì tư tưởng thầy, học thuật thầy, ở trong mắt thầy, chỉ có Khổng Tử là cao nhất. Mà đức Khổng Tử cũng thiệt cao nhất ! Trò ở sau thầy trăm năm, mà tinh thần soi dọi nhau, in như ngồi chung trước một ngọn đèn. Vậy nên các học thuyết ở đời ấy, ngoài đức Khổng Tử, thầy không chịu bái phục ai. Ở trong óc thầy có một ngọn lửa rất nồng nàn, rất nóng sốt, toan đốt hết mấy lũ cường quyền công lợi, mà ở đầu lưỡi thầy lại có một ngọn gươm rất sắc sảo, rất chói chang, cơ hồ giết hết mấy lũ tà thuyết yêu ngôn.

Ta đọc đến câu :

Phú quí bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất.

富貴不能淫，貧賤不能移，威武不能屈.

Nghĩa là, đem giàu sang như mình mà chẳng bao giờ mình say; lấy bần tiện khốn mình mà chẳng bao giờ mình đổi; lấy uy vũ dọa mình mà chẳng bao giờ mình lún. Hùng vậy thay khí phách ấy ! Quang minh lỗi lạc vậy thay, khâm hoài vậy ! Biết bao giờ ở trong loài người có thấy Mạnh thứ hai nữa ru ! Vì vậy mà ta phải nhắc đến mẹ dể của thầy :

"Họ tên thầy là Mạnh Kha, tên chữ là Tử Dư. Thầy sinh ở huyện Trâu nước Lỗ. Mẹ thầy đẻ thầy ở năm thứ tư đời Liệt Vương nhà Chu, trước kỷ nguyên Tây lịch năm 372. Thầy khi bốn, năm tuổi đã là con không cha, công phu dạy con chỉ nhờ bà mẹ là Mạnh Mẫu. Bà vì muốn cho con nên một người Thánh hiền, nên khi con còn trẻ thơ mà đã hết lòng hết sức vào công dạy con; đến nỗi phải ba lần dời chỗ mình ở. Ban đầu ở xóm làm nhà đồ (屠) (nhà làm thịt súc vật), bà biết chỗ này là xấu, nên ở lâu thời con hư mất; nhưng khổ nỗi nhà nghèo, không dời được xa, tạm dời qua xóm làm đồ mã, chẳng bao lâu lại dời qua xóm khác, xóm này nhiều trường học. Lúc đó thầy Mạnh đã 6, 7 tuổi, thấy thấy học trò đi học, cũng xin mẹ đua theo đi học. Bà mới mừng mà nói rằng : "Chỗ này là chỗ con ta ở được rồi !" Từ lúc đó, chỗ ở mới nhất định, mà nước bước đầu thầy Mạnh vào cửa Thánh hiền cũng từ lúc đó. Nhưng lúc bấy giờ thầy còn tính trẻ con, chưa biết thập phần chăm học.

Một ngày kia, trường học chưa đến giờ nghỉ mà thầy đã ra về; vừa vào nhà chào mẹ, bà Mạnh Mẫu đương ngồi trên khung cửi dệt vải, sắc mặt hiện ra vẻ nghiêm nghị, liền cầm dao cắt khổ vải trong khung cửi đứt làm hai đoạn. Thầy kinh sợ hỏi bà : "Vì sao mẹ lại cắt song cửi ?". Bà nói : "Nghề con đi học cốt để làm nên một người. Bây giờ con bỏ học mà về, cũng như bộ song cửi của mẹ dây đã bị một lát dao cắt đứt, tức là đổ bỏ đi !".

Thầy nghe đến đó, cúi đầu tạ tội với mẹ. Từ đó sắp đi, thầy hết sức chăm chỉ học vấn; nhân đó mà công phu thuần thục, kết quả thành một vị Á thánh đại hiền. Truy nguyên

cho đến tạo nhân, công ơn bà từ mẫu thiệt không biết bao nhiêu ! Vả lại, huyện Trâu và Khúc Phụ là quê hương đức Khổng Tử, cách nhau chỉ trong gang thước, nên được ảnh hưởng với di phong của đức Khổng, thầy sở đắc cũng nhờ đó mà thành tựu quá mau.

Lúc đầu thầy học với môn nhân thầy Tử Tư, thừa tiếp được chính truyền của đức Khổng; khi sau thầy đã học thành rồi, thầy rất sốt sáng về việc hành đạo, nên cũng chu du các nước như đức Khổng : nào Tề, nào Lương, nào Tống, nào Lỗ, thầy có đấu chân thầy đến; học trò theo thầy thường có vài trăm người sắp lên. Nhưng vì chủ nghĩa thầy khác với chủ nghĩa của quân chúa đời ấy : người ta đương "chuyên chế" mà thầy lại đề xướng "dân quyền"; người ta đua "chiến tranh" mà thầy lại chủ trương "nhân nghĩa". Nên nỗi trọn một đời của thầy chỉ làm một sư nho mà thôi. Năm thầy đã già, mới tự tay mình biên soạn những câu hay trong ***Kinh Thi, Kinh Thư***, phát huy tinh ý của đức Khổng, làm bản sách ***Mạnh Tử*** gồm có 7 thiên, tức là bản sách mà chúng ta còn học đó.

Đến năm thầy 84 tuổi là năm thứ 26 đời Chu Nản Vương, vừa năm 289 trước kỷ nguyên Tây lịch là năm thầy Mạnh thọ chung.

Một vị đại hiền ở đời Chiến Quốc, đến lúc bấy giờ mới còn sót lại cho ta một bộ sách tức là bộ ***Mạnh Tử***. Nhưng bộ sách ấy chỉ là dựa vào tinh thần của đức Khổng, đến như giọng văn, nét mực thời trái hẳn miệng đức Khổng không phải là ít."

Tống Nho có câu rằng :

Thiện học Khổng Tử giả, mạc nhược Mạnh Tử

善學孔子者，莫若孟子.

Nghĩa là, khéo học đức Khổng Tử không ai bằng thầy Mạnh. Câu nói ấy thiệt đúng lắm.

Xưa nay những người khéo học thầy, cốt ở được tinh

thần của thầy, chứ không phải cứ láp miệng thầy mà nói theo dâu.

Nay tác giả xin trích cử mấy câu của thầy Mạnh trái với lời đức Khổng, kể qua như dưới này :

a)- Đức Khổng Tử chỉ nói :

Quân quân, thần thần.

君君，臣臣

Thầy Mạnh thời nói :

Quân chi thị thần như thủ túc, tắc thần thị quân như phúc tâm; quân chi thị thần như khuyển mã, tắc thần thị quân như quốc nhân; quân chi thị thần như thổ giới, tắc thần thị quân như khấu thù.

君之視臣如手足，則臣視君如腹心；君之視臣如犬馬，則臣視君如國人；君之視臣如土芥，則臣視君如寇讎。

Nghĩa là, nếu vua xem tôi như tay chân mình mà nâng niu quí trọng lấy nó, thời tôi cũng xem vua như lòng bụng mình mà giữ gìn bảo hộ cho nó. Giả phỏng trái lại, vua xem tôi như chó ngựa, chỉ là cho nó ăn để sai sử mà thôi, thời tôi cũng xem vua như người dưng trong nước, chẳng lấy gì làm ơn đức. Vua nếu xem tôi như đất cỏ mà tùy ý chà xát dày bừa thời tôi cũng xem vua như dứa thù giặc của mình, tất phải đánh đổ mới xong.

Đó là những câu mà đức Khổng Tử chưa nói đến.

b)- Đức Khổng Tử chỉ nói một chữ "nhân" (仁), chẳng bao giờ đem chữ "nhân" nói cặp với chữ "nghĩa" (義). Nhưng thầy Mạnh Tử mở miệng ra đã nói "nhân" tất kèm với "nghĩa" (仁義).

Đó lại là một điều mà thầy Mạnh thường nói trái đức Khổng Tử.

c)- Đức Khổng Tử thường nói : "**tín nhi hiếu cổ**" (信

而好古), lại thường nói : **"hiếu cổ mẫn dĩ cầu chi"** (好古敏以求之). Ngài vẫn lấy sách đời xưa làm quí trọng. Nhưng thầy Mạnh lại nói rằng : **"tận tín thư, tắc bất như vô thư"** (盡信書則不如無書), nghĩa là ý thầy nói : Học sách cốt biết biến hóa, nếu cứ mê chết vào sách mà tin hết cả, âu là không có sách thời có lẽ hay hơn.

Đó là một điều mà đức Khổng Tử chưa từng nói.

d)- Đức Khổng Tử thường có nói những chữ **"ái dân"** (愛民), **"sử dân"** (使民), với những câu : **"Thượng hiếu lễ tắc dân mạc cảm bất kính; thượng hiếu nghĩa tắc dân mạc cảm bất phục; thượng hiếu tín tắc dân mạc cảm bất dụng tình**

上好禮，則民莫敢不敬；上好義，則民莫敢不服；上好信，則民莫敢不用情。

Nghĩa là, làm người bề trên ưa ham "lễ" thời dân chẳng ai dám chẳng kính; người bề trên ưa ham "nghĩa" thời dân chẳng ai dám chẳng phục; người bề trên ưa ham "tín" thời dân chẳng ai dám giả dối.

Xem trên mặt chữ thời cơ quan chủ động tại vua, mà nhân dân chỉ là người bị động; dân xem như không quyền gì. Duy đến thầy Mạnh thời lại nói rằng :

Dân vi quí, xã tắc thứ chi, quân vi khinh; thị cố đắc hồ kỳ dân nhi vi thiên tử.

民為貴，社稷次之，君為輕；是故得乎其民而為天子。

Nghĩa là, ở trong một nước, quí trọng thứ nhất là dân; trụt xuống một bậc nữa là đất đai và các thứ gạo lúa; nền thần Xã, thần Tắc sút một bậc ở dưới dân; đến như vua thời lại khinh rẻ hơn thần Xã thần Tắc nữa. Bởi vì vua là nhờ có dân mới làm được vua; dân đặt ra vua chứ chẳng phải vua đặt ra dân đâu. Vì vậy cho nên được lòng tất thảy dân, vậy sau mới làm được thiên tử.

Xem ở trên mặt chữ của lời thầy Mạnh thời quyền dân nặng hơn quyền vua không biết bao nhiêu.

Đó lại là một điều mà đức Khổng Tử chưa hề nói tới.

e)- Đức Khổng Tử tuy có nói chữ "đạo", nhưng chưa bao giờ so đọ chữ "đạo" với chữ "tục"; mà trong chữ "đạo" của đức Khổng Tử, chỉ phần nhiều thuộc về phía tốt. Nhưng đến chữ "đạo" của thầy Mạnh thời thường thường trộn vào phía xấu. Như những câu :

Do kim chi đạo, vô biến kim chi tục, tuy dữ chi thiên hạ, bất năng nhất triêu cư dã.

由今之道，無變今之俗，雖與之天下，不能一朝居也。

Nghĩa là, cứ theo như đạo đời nay, lại không đổi cái tục của đời nay thời tuy đem thiên hạ cho mình mặc dầu, mà chắc có vô số dân tộc nổi lên, không thể nào một ngày yên ở nổi.

Chữ "đạo" ở trong sách ***Mạnh Tử*** như thế rất nhiều. Chỉ học chữ "đạo" là đường lối, mà không phải "đạo" là chân lý.

Như câu : "**Tử chi đạo, mạch đạo dã**" (子之道，貊道也), nói với Bạch Khuê.

Nghĩa là, theo như đạo của ngươi là đạo mọi rợ đó vậy !

Ý chữ "đạo" như thầy Mạnh nói, chỉ duy ***Trung Dung*** mới có một câu : "tiểu nhân chi đạo", nhưng không phải nói ra ở đầu miệng đức Thánh.

Chúng ta mới biết trong lời thầy Mạnh như hình trái với đức Thánh, nhưng kỳ thực chẳng trái nhau bao giờ; chỉ duy đức Thánh chưa nói đến, mà thầy Mạnh lại phát huy quảng đại ra cho đầy đủ hết ý của đức Thánh. Trò khéo học thầy, thiệt nên như thầy Mạnh học đức Thánh.

Tuyển văn cả bộ **Mạnh Tử**, vì giấy mực hữu hạn, mà thì giờ biên chép cũng có hơi chật hẹp, và lại sợ tốn công của độc giả, nên tóm lạt những điều rất to lớn, lược dịch ra như sau này :

Tiết thứ 2

Tâm tính luận.

Học thuyết của thầy Mạnh, trọng yếu nhất là chữ "lương tâm" và chữ "tính thiện". Mà ở trong lương tâm thời bao bọc cả "lương tri" với "lương năng"; ở trong tính thiện thời thuyết minh ra có "tứ đoan". Xin xem như mấy bài chính văn dưới này :

Nhân chi sở bất học nhi năng giả, kỳ lương năng dã; sở bất lự nhi tri giả, kỳ lương tri dã. Hài đề chi đồng, vô bất tri ái kỳ thân giả, cập kỳ trưởng dã vô bất tri kính kỳ huynh dã. Thân thân, nhân dã, kính trưởng, nghĩa dã; vô tha, đạt chi thiên hạ dã.

人之所不學而能者，其良能也；所不慮而知者，其良知也。孩提之童，無不知愛其親者；及其長也，無不知敬其兄也。親親：仁也；敬長：義也，無他，達之天下也。

Nguyên hai chữ "lương tâm" đã thấy ở thiên *Cáo Tử Thượng*. Nhưng chỉ nói trổng bằng "nhân nghĩa chi tâm" mà thôi. Đến bài này mới dẫn chứng được minh bạch.

Ý nói rằng : Người ta có những điều chẳng cần học tập với ai mà tự mình hay được là cái lương năng đó vậy (**nhân chi sở bất học nhi năng giả, kỳ lương năng dã**), có cái điều không cần suy nghĩ lám mà tự nhiên biết được là cái lương tri đó vậy. (**Sở bất lự nhi tri giả, kỳ lương tri dã**), tức như chứng vào những việc này : Đứa bé con miệng vừa biết cười, tay vừa biết nắm (**hài đề chi đồng**), không đứa nào là không biết yêu cha mẹ nó (**vô bất tri ái kỳ thân giả**); đến khi nó đã lớn tuổi rồi (**cập kỳ trưởng dã**) (chữ "trưởng" đây là chỉ vào chín, mười tuổi sấp xuống), không đứa nào mà chẳng biết kính trọng anh nó (**vô bất trĩ kính kỳ huynh dã**). Cái

lòng biết như thế, tức là lương tri; vì lương tri mà nảy ra lương năng : thân yêu lấy người thân của mình là lương năng thuộc về tính nhân (**thân thân, nhân dã**). Kính trọng lấy người trưởng của mình là lương năng thuộc về tính nghĩa (**kính trưởng, nghĩa dã**). Xem ở nơi "ái kỳ thân", "kính kỳ huynh" mà biết được cái ấy là lương tâm của người ta, chẳng phải có gì lạ đâu, chỉ có hai điều ấy mà thông suốt khắp cả thiên hạ, hễ loài người ai cũng phải có (**vô tha, đạt chi thiên hạ dã**) chẳng phải lương tri lương năng mà chi ?

Nói góp cả lương tri, lương năng tức là lương tâm, vì thầy Mạnh cho rằng : Tâm người vẫn sẵn như thế, nên chủ trương tính thiện.

Thầy lại thường nói rằng :

Nhân tính chi thiện dã, do thủy chi tựu hạ dã; nhân vô hữu bất thiện, thủy vô hữu bất hạ.

人性之善也，猶水之就下也；人無有不善，水無有不下。

Tính người ta tất xu hướng về phía lành, cũng in như nước, tất chảy xuống chỗ thấp. Gốc dầu tính của người chẳng ai là chẳng lành : gốc dầu tính của nước chẳng bao giờ chẳng chảy xuống thấp.

Tuy nhiên, thầy Mạnh vẫn chủ trương tính là thiện, nhưng đời Chiến Quốc, đồng thời với thầy có một người là Cáo Tử, cũng một nhà học vấn rất cao, nhưng bàn về tính người, lại phản đối với thầy Mạnh.

Cáo Tử nói rằng :

Tính do soàn thủy dã, quyết chư đông phương tắc đông lưu; quyết chư tây phương tắc tây lưu. Nhân tính chi vô phân ư thiện, bất thiện dã, diệc do thủy chi vô phân ư đông tây dã.

性猶湍水也，決諸東方則東流；決諸西方則西流。人性之無分於善不善也，亦猶水之

無分於東西也。

Tính người ta in như dòng nước chảy gấp trổ sang phương Đông, thời nó chảy sang Đông, trổ nó sang phương Tây thời nó chảy sang Tây; tính người không phân biệt được "thiện" với "bất thiện", cũng như tính nước không phân biệt Đông với Tây vậy.

Theo như ý Cáo Tử, vẫn cho là ở trong tính người đủ cả hai tố chất "thiện" với "ác". Nhưng thầy Mạnh lại có một lý luận mà bác lời Cáo Tử. Thầy đặt ra lời thí dụ rằng :

Nhà ngươi nói nước vẫn không phân biệt ư Đông, Tây, nhưng đã bao giờ thấy nước không phân biệt ư trên dưới đó ru ? Nước đã nhất định cứ chảy xuống thấp, đủ chứng được tính người nhất định cứ hướng vào "lành". Nếu nhận rằng nước cũng có khi lên cao thời thử xem như hiện tượng này :

Mạnh Tử viết : Thủy tín vô phân ư đông tây, vô phân ư thượng hạ hồ ?

孟子曰：水信無分於東西；無分於上下乎？

Thầy lại nói tiếp :

Kim phù thủy, bác nhi dược chi, khả sử quá tảng; kích nhi hành chi, khả sử tại sơn : thị khởi thủy chi tính tai ? Kỳ thế tắc nhiên dã ! Nhân chi khả sử vi bất thiện, kỳ tính diệc do thị dã.

今夫水，搏而躍之，可使過顙；激而行之，可使在山；是豈水之性哉？其勢則然也！人之可使為不善，其性亦猶是也。

Kìa như nước đó, múc nó mà tát lên cao, có lúc khiến nó lên quá đầu mình (**bác nhi dược chi, khả sử quá tảng**), ngăn đón nó lại mà ép nó phải đi ngược, có lúc đưa nó lên ở núi (**kích nhi hành chi, khả sử tại sơn**). Sở dĩ quá tảng và tại sơn, há phải gốc tính của nước như thế dâu ? Chỉ vì bức với sự thế phải như vậy ?

Tính người ta có lúc bắt phải làm điều bất thiện, cũng

in như nước mà có lúc bắt buộc nó phải lên cao đó vậy ! Chớ thấy nó có lúc lên cao mà bảo rằng tính nó không phải chảy xuống thấp; cũng như thấy người ta có làm điều bất thiện, mà bảo tính người không phải là thiện. Thế là luận lý không suy đến gốc đó rồi.

Thầy Mạnh lại nói rằng :

Mạnh Tử viết : Phú tuế, tử đệ đa lại; hung tuế, tử đệ đa bạo, phi thiên chi giáng tài nhĩ thù dã; kỳ sở đĩ hãm nịch kỳ tâm giả, nhiên dã. Kim phù mâu mạch, bá chủng nhi ưu chi, kỳ địa đồng, thụ chi thì hựu đồng, bột nhiên nhi sinh, chí ư nhật chí chi thì giai thục hỹ; tuy hữu bất đồng : tắc địa hữu phì sấu, vũ lộ chi dưỡng, nhân sự chi bất tề dã. Cố phàm đồng loại giả, cử tương tự dã, hà độc chí ư nhân nhi nghi chi, thánh nhân dữ ngã đồng loại giả.

孟子曰：富歲子弟多賴；凶歲子弟多暴，非天之降才爾殊也，其所以陷溺其心者，然也。今夫麰麥，播種而耰之，其地同，樹之時又同。浡然而生，至於日至之時皆熟矣；雖有不同：則地有肥瘠，雨露之養，人事之不齊也。故凡同類者，舉相似也，何獨至於人而疑之，聖人與我同類也。

Đoạn này thí dụ tính người bằng loài lúa má.

Thầy nói rằng : năm mùa màng tốt, con em nhiều đứa tử tế. (**Phú tuế, tử đệ đa lại**); năm mùa màng thua kém, con em nhiều đứa làm xằng (**hung tuế, tử đệ đa bạo**). Đó há phải trời phú tài chất cho ta có khác nhau dâu ! (**phi thiên chi giáng tài nhĩ thù dã**), nhưng sở dĩ con em đến nỗi làm xằng, chỉ vì bức với hoàn cảnh mà hãm nịch lương tâm của nó mà thôi. Thử xem như loài lúa má kia, rác xuống ruộng rồi bừa cỏ cho nó, đất in như nhau, cái mùa trồng cấy lại in như nhau, tất nhiên từ ngày nó mọc lên cho đến ngày nó chín cũng in như nhau cả. Tuy gián hữu chỗ xấu chỗ tốt không in nhau, thời há

phải vì tính lúa không in nhau dâu ! Chỉ vì đất có chỗ béo chỗ gầy, có chỗ được mưa, có chỗ không được mưa, và lại công phu người cày cấy có chỗ hơn, có chỗ kém mà nên nỗi lúa má có chỗ tốt, có chỗ xấu. Nếu suy cho đến nguyên tính của nó thời đồng một loại lúa má, tất nhiên tính cũng in nhau. Chẳng những lúa má mà thôi, hễ đã đồng một loài, tất tương tựa cả thảy (**cố phàm đồng loại giả, cử tương tự dã**). Cớ sao đến loài người mà lại nghi có khác nhau ? Dám chắc rằng Thánh nhân vẫn đồng loài với ta, tính Thánh nhân mà thiện, tất nhiên tính người ta cũng thiện cả thảy (**thánh nhân dữ ngã đồng loại dã**).

Nhân vì hai chữ "đồng loại" nên thầy lại phát huy ra cái lẽ "đồng nhiên". "Đồng nhiên", nghĩa là tất cả thảy lấy làm thích. Nay y theo như lời thầy mà nói cho rõ ý cái lẽ "đồng nhiên".

Thí dụ như : Miệng ai cũng ưa mùi ngon; hễ đến mùi Dịch Nha nấu ra thời miệng ai cũng thích ăn. Tai ai cũng ưa nghe tiếng hay; hễ đến nhạc Sư Khoáng làm ra thời tai ai cũng thích nghe cả. Mắt ai cũng ưa thích sắc đẹp; nếu đến sắc đẹp như Tử Đô mà con mắt không thích dòm, chỉ duy người không con mắt mà thôi. Thế thời, miệng đồng nhiên ở mùi ngon; tai đồng nhiên ở tiếng hay; mắt đồng nhiên ở sắc đẹp. Can có gì tâm người ta mà không có cái đồng nhiên được ru ? Vì vậy, nên thầy có nói thế này :

Tâm chi sở đồng nhiên giả, hà dã ? Vị lý dã, nghĩa dã; thánh nhân tiên đắc ngã tâm chí sở đồng nhiên nhĩ. Cố lý nghĩa chi duyệt ngã tâm, do sô hoạn chi duyệt ngã khẩu.

心之所同然者，何也？謂理也，義也。聖人先得我心之所同然耳。故理義之悅我心，猶芻豢之悅我口。

Cái đồng nhiên mà ở trong lòng người ta là cái gì ? Chính là cái lẽ phải gọi bằng "lý" và "nghĩa". "Lý" và "nghĩa" là cái "đồng nhiên" trong lòng người ta. Duy Thánh nhân

trước giữ được lấy cái "đồng nhiên" ấy mà thôi; nếu người ta mà giữ được cái "đồng nhiên" như Thánh nhân thời chắc ai nấy cũng ưa ham "lý" với "nghĩa". Vậy nên "lý, nghĩa" chi ưa thích ư lòng ta, cũng như đồ ăn sô hoạn chi ưa thích ư miệng ta (**cố lý nghĩa duyệt chi ngã tâm, do sô hoạn chi duyệt ngã khẩu**).

Xưa đức Khổng Tử nói tâm người, chuyên chú chữ "nhân". Nay thấy Mạnh thêm vào chữ "nghĩa", nên thấy lại có bài nói thí dụ rằng :

Ngưu sơn chi mộc thường mỹ hỹ; dĩ kỳ giao ư đại quốc dã, phủ cân phạt chi, khả dĩ vi mỹ hồ ? Thị kỳ nhật dạ chi sở tức, vũ lộ chi sở nhuận, phi kỳ manh nghiệt chi sinh yên. Ngưu dương hựu tùng nhi mục chi, thị dĩ nhược bỉ trạc trạc dã; nhân kiến kỳ trạc trạc dã, dĩ vi vị thường hữu tài yên. Thử khỉ sơn chi tính dã tai ! Tuy tồn hồ nhân giả, khỉ vô nhân nghĩa chi tâm tai; kỳ sở dĩ phóng kỳ lương tâm giả, diệc do phủ cân chi ư mộc dã, đán đán nhi phạt chi, khả dĩ vi mỹ hồ ?!

牛山之木嘗美矣；以其郊於大國也，斧斤伐之，可以為美乎？是其日夜之所息，雨露之所潤，非其萌蘖之生焉；牛羊又從而牧之，是以若彼濯濯也；人見其濯濯也，以為未嘗有材焉．此豈山之性也哉！雖存乎人者，豈無人義之心哉！其所以放其良心者，亦猶斧斤之於木也．旦旦而伐之，可以為美乎？

Như cây gỗ trên núi Ngưu Sơn, từng nhiều phen tốt đẹp, nhưng vì núi ấy ở gần kinh thành nước lớn, nên có những người hái củi đem rìu búa chặt nó, còn lấy gì mà tốt được nữa ư ? Những giống cây ấy thật cũng thấy ngày đêm có sinh nở, mưa móc có rưới nhuần, há phải không mầm mập nẩy nở ra đâu ! Nhưng khổ vì bầy trâu dê kia lại tiếp đó mà dày bừa dậm đạp cho chết, nên nỗi cây tuyền cả núi sạch trụi sạch trơn. Người chỉ thấy đoạn nó trơn trụi như vậy mà

nói rằng : Núi Ngưu Sơn kia chưa từng có cây. Ôi ! Há phải gốc tính núi như thế đâu ! Ở lòng người ta cũng vậy, nguyên khi đầu, há phải không lòng nhân nghĩa đâu ! Nhưng sở dĩ phóng mất cái lương tâm mà đến nỗi lương tâm sạch trơn sạch trụi, thời cũng như cây gỗ kia mà dụng lấy rìu búa vậy, hằng ngày, hằng ngày chém hoài chém hủy (**đán đán nhi phạt chi**), còn gì tốt đẹp đặng nữa ru ?

Thầy dã thí dụ như đoạn trên, thầy lại suy nguyên cho đến cớ người mất lương tâm mà nói tiếp rằng :

Kỳ nhật dạ chi sở tức, bình đán chi khí, kỳ hiếu ố dữ nhân tương cận dã giả, cơ hy; tắc kỳ đán trú chi sở vi, hữu cốc vong chi hỹ; cốc chi phản phúc, tắc kỳ dạ khí bất túc dĩ tồn; dạ khí bất túc dĩ tồn, tắc kỳ vi cầm thú bất viễn hỹ; nhân kiến kỳ cầm thú dã nhi dĩ vi vị thường hữu tài yên giả, thị khởi nhân chi tình dã tai !

其日夜之所息，平旦之氣，其好惡與人相近也者，幾希；則其旦晝之所為有梏亡之矣．梏之反覆，則其夜氣不足以存；夜氣不足以存，則其違禽獸不遠矣．人見其禽獸也而以為未嘗有材焉者，是豈人之情也哉！

Người ta ở trong một đêm, há phải tuyệt không một giây phút nào mà không thấy được lương tâm đó ru ? Đêm khuya thanh vắng, nằm nghĩ một mình, đến lúc trời mới mờ sáng, lúc đó thần khí thanh minh mà lương tâm thình lình phát hiện gọi rằng "**bình đán chi khí**", chỉ một chốc phút đó, lòng ham lẽ phải, lòng ghét điều chàng, vẫn có mảy may gần với tính người, nếu nuôi nấng giữ gìn cho nó nảy nở ra tức là lương tâm mình đó. Mà ai dè qua khỏi chốc phút đó, đã có vô số vật dục ở trong đám hắc ám bùng ra, từ sáng mai đến chiều hôm, vô số những chuyện làm tan nát mất lương tâm mình, tan đi nát lại, dắt ngược kéo xuôi mà những cái tinh thần ở đêm khuya trong sạch thảy đi đâu mất ráo, thế là "**dạ khí bất túc dĩ tồn**", thời té ra mạt mũi tuy người mà ruột gan chỉ là cầm thú. Theo

lúc đó mà dòm vào người, có khác cầm thú bao lăm ! Người ta thấy nó ra cầm thú mà bảo rằng nó chưa từng có lương tâm, lương năng, thế há phải nguyên tính người như vậy đâu !

Đoạn này thấy suy nguyên cái sở dĩ mất lương tâm rất thống thiết, rất minh bạch; chúng ta đọc sách nên nhận cho kỹ từ chữ. Chữ "**bình dán chi khí**" với chữ "**dạ khí**" càng rất nên nhận cho ra nghĩa.

Loài người ta, Thánh hiền với trộm cướp, quân tử với tiểu nhân khác nhau ở việc làm, nhưng lương tâm ở trong lúc mảy may thời ai cũng như ai thảy. Cái rìu búa mà chém chặt lương tâm lại đau hơn cái rìu búa mà chém chặt cây gỗ.

Tuy nhiên, khi nửa đêm tảng sáng, trong giấc mộng mới chợt tỉnh ra, tuy trộm cướp hay tiểu nhân đến thế nào, chắc cũng có mảy may cái sinh cơ thiện niệm; lúc đó tức là "**bình dán chi khí**", mà "**bình đán chi khí**" tức là "**dạ khí**". Thử xem chúng ta khuya khoắc một mình, bát tay lên trán, có ai mà thích làm việc ác ru ? Khốn nạn thay ! Mảy may dạ khí lại bị tiêu hao vào những việc ban ngày làm !

Thầy Mạnh vì đau đớn cho người ta mà nói kết thúc bốn câu như dưới này :

Cố cẩu đắc kỳ dưỡng, vô vật bất trưởng; cẩu thất kỳ dưỡng, vô vật bất tiêu.

故苟得其養，無物不長；苟失其養，無物不消。

Bốn câu này quí trọng nhất là chữ "dưỡng". "Dưỡng" là nuôi. Nuôi cái gì ? Nuôi cái lương tâm đó vậy. Nuôi cái lương tâm thời nhờ bằng cái gì ? Tất phải lấy lý nghĩa làm đồ nuôi. Lý tức là lẽ trời; nghĩa tức là việc phải làm của người ta. Nhưng mà muốn cho rành lý nghĩa, tất phải nhờ công cách vật trí tri. Nên trong mấy câu có hai chữ "vật".

Chữ "vật" ở đây cũng như chữ "cách vật" ở trong ***Đại Học***. "Vật" tức là "lý, nghĩa" mà cũng tức là "lương tâm". Mình biết dem lý nghĩa mà nuôi lấy lương tâm, thế là lương

tâm đắc kỳ dưỡng rồi. Lý nghĩa thêm dày thời lương tâm thêm đầy đủ; lương tâm và lý nghĩa nhờ cậy nhau mà béo tốt hưng, thế là "vô vật bất trưởng". Trái lại, lương tâm đã cơ hồ phóng thất mà lại không lý nghĩa để nuôi nó; lý nghĩa càng ngày càng hỏng thời lương tâm cũng càng ngày càng mòn, như thế là lương tâm mất cái đồ nuôi, thời kết quả đến nỗi tiêu diệt (**cẩu thất kỳ dưỡng, vô vật bất tiêu**).

Chữ "tiêu" với chữ "trưởng" phản đối nhau; chữ "đắc" với chữ "thất" phản đối nhau. "Đắc dưỡng" thời trưởng, "thất dưỡng" thời tiêu; xê xích nhau chỉ trong một tý. Thầy Mạnh muốn cho thêm rõ cái nghĩa ấy, nên lại có câu dẫn chứng bằng lời đức Thánh :

Khổng Tử viết : Thao tắc tồn, xả tắc vong, xuất nhập vô thì, mạc tri kỳ hướng, duy tâm chi vị dư !

孔子曰：操則存，舍則亡；出入無時，莫知其向，惟心之謂與？

Xưa đức Thánh có nói rằng : Rất tốt lành là tâm người ta, mà rất nguy hiểm cũng là tâm người ta. Vì sao vậy ? Bởi vì tâm người ta là giống hoạt động, mà không phải giống nằm trơ; giống linh giác, mà không phải giống tử vật, hễ ta biết cầm nó lại thời còn (**thao tắc tồn**), ta thả nó thời nó đi mất (**xả tắc vong**); khi ta thao thời thấy nó nhập, khi ta xả thời thấy nó xuất; chốc ra, chốc vào, chốc vào, chốc ra, không hạn định thì giờ, mà cũng không biết đâu là phương hướng. Như thế thiệt nguy hiểm thay là tâm đó mà ! (**xuất nhập vô thì, mạc tri kỳ hướng, duy tâm chi vị dư** !).

Thích tóm cả đoạn này, trước sau chỉ nói cho rõ tính là thiện. Thiện là cái gì ? Là lương tâm. Ai nấy cũng chung có cái lương tâm thời gọi bằng "đồng nhiên" (chữ "nhiên" nên học nghĩa là "phải", là "thích"). Tâm người ta mà "đồng nhiên", chỉ có lý nghĩa; việc gì vô lý, việc gì bất nghĩa, chắc không ai lấy làm thích; nên lại quí trọng ở câu "**lý nghĩa chi duyệt ngã tâm**".

Muốn cho lương tâm thường tồn luôn luôn, tất phải nuôi nó bằng lý nghĩa; người ta sở dĩ đến nỗi mất lương tâm, chỉ vì không có lý nghĩa mà nuôi nó. Nhưng mà muốn cho nhận được lý nghĩa tất phải phang múi ở khi bình dán với dạ khí.

Văn ý bài này thiệt hết sức thương loài người. Thầy nói đến câu : "**vi cầm thú bất viễn**", với câu "**nhân kiến kỳ cầm thú giả**", chúng ta đọc đến đó, đáng tỉnh ngộ biết chừng nào !

Tiết thứ 3

Thực chứng của thiện tính có bốn mối.

Thầy Mạnh vì muốn chứng rõ cho thiện tính, đã có lời như tiết trên kể, nhưng còn chứng bằng cách trừu tượng; duy có một đoạn dưới này mới là chứng bằng cách cụ thể tức là "Tứ đoan thuyết" :

Nhân giai hữu bất nhẫn nhân chi tâm; sở dĩ vị nhân giai hữu bất nhẫn nhân chi tâm giả, kim nhân sạ kiến nhụ tử tương nhập ư tỉnh, giai hữu truật dịch trắc ẩn chi tâm, phi sở dĩ nạp giao ư nhụ tử chi phụ mẫu dã; phi sở dĩ yêu dự ư hương đảng, bằng hữu dã; phi ố kỳ thanh nhi nhiên dã !

人皆有不忍人之心；所以謂人皆有不忍人之心者，今人乍見孺子將入於井，皆有怵惕惻隱之心；非所以納交於孺子之父母也；非所以要譽於鄉黨朋友也；非惡其聲而然也！

Ý thầy nói rằng : tất thảy loài người ai nấy cũng có tấm lòng nhân ái, mà không nỡ lòng làm ác với người, đó là "**bất nhẫn nhân chi tâm**". Cái "bất nhẫn nhân chi tâm" đó, sở dĩ bảo rằng tất thảy người đều có, là chứng vào chỗ nào ? Thử xem bây giờ người ta thình lình thấy đứa bé con bò lững thững

toan rớt xuống giếng, vô luận người nào, tất thảy có cái lòng vì đứa bé con kia mà kinh thột thương xót, đó tức là **"truật dịch trắc ẩn chi tâm"**. Cái lòng "truật dịch trắc ẩn" mà bổng chốc phát hiện ra ở lúc chợt thấy đứa bé con gần rớt xuống giếng (**"sạ", nghĩa là thốt nhốt**). Ở lúc bây giờ chẳng phải nghĩ đến làm ơn với cha mẹ đứa bé con đâu ! Chẳng phải nghĩ đến cầu tiếng khen với làng xóm, bạn bầy đâu ! Cũng chẳng phải ghét vì mình mang lấy tiếng xấu đâu ! Cái lòng "truật dịch trác ẩn" phát sinh ra ở lúc "bất tri bất giác", thế chẳng phải là người ta thảy có cái lòng bất nhẫn hay sao ?

Giả như khi thấy đứa bé con toan rớt xuống giếng mà mình vẫn nghĩ đến làm ơn với cha mẹ nó, hay cầu tiếng khen với làng xóm bầy bạn mình, hay sợ mình mang lấy tiếng xấu thời bảo rằng không **"bất nhẫn nhân chi tâm"** e cũng có lẽ. Nhưng không phải bởi các nguyên nhân như trên kia; chỉ là "trác ẩn **chi tâm**" mà thôi. Thế đủ biết người ta thường có **"bất nhẫn nhân chi tâm"** đó vậy.

Thầy dã cử chuyện ấy làm chứng, lại nói tiếp rằng :

Do thị quan chi, vô trắc ẩn chi tâm phi nhân dã; vô tu ố chi tâm phi nhân dã; vô từ nhượng chi tâm, phi nhân dã; vô thị phi chi tâm, phi nhân dã. Trắc ẩn chi tâm, nhân chi đoan dã; tu ố chi tâm, nghĩa chi đoan dã; từ nhượng chi tâm, lễ chi đoan dã, thị phi chi tâm, trí chi đoan dã. Nhân chi hữu thị tứ đoan dã, do kỳ hữu tứ thể dã; hữu thị tứ đoan nhi tự vi bất năng giả, tự tặc giả dã.

由是觀之，無惻隱之心，非人也；無羞惡之心，非人也；無辭讓之心，非人也；無是非之心，非人也；惻隱之心，仁之端也；羞惡之心，義之端也；辭讓之心，禮之端也；是非之心，智之端也。人之有是四端也，猶其有四体也；有是四端而自謂不能者，自賊者也。

Trong ý thầy Mạnh vốn nhận căn bản của lòng người là tính nhân. Nhưng vì ở trong tính nhân có nảy ra "nghĩa, lễ, trí", ba tính nữa, nên thầy mới phát minh ra cái thuyết "tứ đoan". "Tứ đoan", nghĩa là bốn mối. Kể tuyển thể cả bốn tính thời bao hàm rộng lớn, điều mục phiền phức, và lại khi còn dấu ở trong lòng, khó chỉ cho minh bạch được; duy có 4 cái mối mà bắt dấu phát hiện ra, ta mới nhận được tâm nào thuộc về tính nấy. Thứ nhất là tâm "trắc ẩn". Ở nơi "tâm trắc ẩn" mà suy ra thời biết còn có cái tâm "tu ố", tâm "từ nhượng", tâm "thị phi". Có đủ bốn cái tâm ấy mới gọi bằng người. Nếu không có cái tâm thuộc về phần "trắc ẩn", không phải người; không có cái tâm thuộc về phần "tu ố", không phải người; không có cái tâm thuộc về phần "từ nhượng", không phải người, không có cái tâm thuộc về phần "thị phi", không phải người.

Như việc dẫn chứng ở đoạn trên, vì sợ đứa bé con rớt xuống giếng mà sinh ra lòng thương xót, đó là "trắc ẩn". Lại suy ra nữa, biết cái việc đáng lấy làm xấu thẹn chê ghét mà sinh ra lòng xấu thẹn chê ghét, đó là lòng "tu ố". Đụng lấy việc không nên thừa nhận, không nên cạnh tranh mà sinh ra lòng từ chối nhân nhượng, đó là lòng "từ nhượng". Thấy được chuyện phải mà trong lòng cho là phải, thấy được chuyện trái mà trong lòng cho là trái, đó là lòng "thị phi".

Bốn cái lòng ấy, chính là bốn cái múi tỏ ra để cho ta nhận được bốn tính. Cái tâm "trắc ẩn" là làm cái mối cho tính "nhân" đó vậy; cái tâm "tu ố" là làm cái mối cho tính "nghĩa" đó vậy; cái tâm "từ nhượng" là làm cái mối cho tính "lễ" đó vậy; cái tâm "thị phi" là làm cái mối cho tính "trí" đó vậy. Đó là bốn cái múi ấy gọi bằng "tứ đoan" (**nhân chi đoan, nghĩa chi đoan, lễ chi đoan, trí chi đoan**). Người ta phải có "tứ đoan" ấy, in như phải có "tứ thể" đó vậy ("tứ thể", là hai chân, hai tay).

Có "tứ thể" mới thành thân của người; có "tứ đoan" mới thành tâm của người. Tự giữa mình vẫn có "tứ đoan"; mà tự bảo rằng mình "bất năng", cái người như thế là tự mình làm

hại lấy mình đó vậy (**hữu thị tứ đoan nhi tự vị bất năng giả, tự tặc giả dã**), (chữ "tự tặc", ở đây tức là chữ "tự bạo, tự khí").

Nguyên lai những người ác mà cam tự chịu mình là hư, chỉ có hai hạng người : một hạng người bằng cách hung bạo cương cường, họ không kể Thánh hiền nhân nghĩa là gì, đó là hạng người "tự bạo"; lại một hạng nữa, hèn hạ yếu ớt, lười biếng vô chí, họ bảo Thánh hiền nhân nghĩa không bao giờ đến mình, đó là hạng "tự khí". Chữ "tự tặc" ở đây chính là chỉ vào hai hạng người ấy. Người mà đến nỗi "tự tặc" thời còn gì là người nữa đâu ! Thầy Mạnh rất đau đớn cho hai hạng người ấy, nên có bài này :

Thầy rất đau đớn cho hạng người tự tặc, mà thầy lại rất trông mong cho hạng người tự lập tự cường, nên thầy lại nói tiếp rằng :

Phàm hữu tứ đoan ư ngã giả, tri giai khoách nhi sung chi hỹ, nhược hỏa chi thỉ nhiên, tuyền chi thỉ đạt; cẩu năng sung chi, túc dĩ bảo tứ hải, cẩu bất sung chi, bất túc dĩ sự phụ mẫu.

凡有四端於我者，知皆擴而充之矣；若火之始燃，泉之始達，苟能充之，足以保四海；苟不充之，不足以事父母。

Hễ người ta có bốn mối ở trong mình thời còn lo gì không làm được người tốt nữa ru ? Chỉ sợ mình không biết mà thôi; nếu mình đã biết rằng mình có "tứ đoan" thời tức khắc theo ở bốn mối ấy mà dát dài mở rộng ra (**tri giai khoách nhi sung chi hỹ**), ("khoách sung", nghĩa là mở rộng mà dát dài ra). Cái lòng "tứ đoan" đó ta đã "khoách sung" ra, tất nhiên cái tia sáng cứ phụt phụt lên mãi; tỷ như lửa bắt đầu nhen mà cái thế đỏ không dập được (**nhược hỏa chi thỉ nhiên**); lại tỷ như nước mạch ở trong suối bắt đầu chảy ra thời cái thế sôi tuôn không thể ngăn lại (**tuyền chi thỉ đạt**). Thiệt hay sung được như thế, chẳng những làm tốt cho một

thân một gia mà thôi, mà lại dủ gìn giữ cả bốn bể nữa kia ! Nếu không biết "khoách sung tứ đoan" mà để cho nó hao mòn tiêu diệt thời dầu giữa một thân mình, việc rất gần là thờ cha mẹ e cũng không nổi.

Xem ý thầy bàn như trên kia, thầy rất lo cho hạng người "tự tạc", mà rất trông mong cho hạng người biết "khoách sung". Lòng "tứ đoan" khi mới mở mối, chỉ như một giọt nước suối chảy ra, mà giọt nước ấy chảy mãi chảy hoài thời chắc có lúc đi đến tận bể mà thành ra bể lớn; người ta mà thiệt "khoách sung" được "tứ đoan" thời công việc "tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" cũng chỉ ở tấm lòng suy ra mà thôi. Vậy nên thầy nói rằng : "**Cẩu năng sung chi, túc dĩ bảo tứ hải**". Câu này in như lời đức Thánh : "**nhất nhật khắc kỷ phục lễ, thiên hạ qui nhân yên**" (一日克己復禮，天下歸人焉) (thích ở ***Khổng Học Đăng thượng***).

Thầy vì rất ghét những người "tự tạc", nên lại có bài nói như sau này :

Tự bạo giả, bất khả dữ hữu ngôn dã; tự khí giả, bất khả dữ hữu vi dã. Ngôn phi lễ nghĩa, vị chi tự bạo dã, ngô thân bất năng cư nhân do nghĩa, vị chi tự khí dã. Phù nhân, nhân chi yên trạch dã; nghĩa, nhân chi chính lộ dã. Khoáng yên trạch nhi phất cư; xả chính lộ nhi bất do, ai tai !

自暴者，不可與有言也；自棄者，不可與有為也；言非禮義，謂之自暴也；吾身不能居仁由義，謂之自棄也．夫仁人之安宅也，義人之正路也．曠安宅而弗居，舍正路而不由．哀哉 !

Nhưng hạng người dã "tự bạo" không thể nói chuyện phải với họ; những hạng người dã "tự khí" thời không thể chung làm việc phải với họ. Vì sao vậy ? Bởi vì những hạng người mà gọi bằng "tự bạo, tất nhiên mở miệng ra thời họ bài bác lễ nghĩa ngay (**ngôn phi lễ nghĩa, vị chi tự bạo**); những hạng người mà kêu bằng "tự khí" thời họ dành cam thân họ làm hèn hạ, bảo họ ở vào đức "nhân", đi theo đường

nghĩa thời họ dành nhận ràng thân mình không làm nổi (**ngô thân bất năng cư nhân do nghĩa**).

Đau đớn cho hai hạng người ấy : họ có biết đâu cái chỗ ở của người ta mà rất yên lành, chẳng gì hơn đức "nhân"; đức "nhân" tức là cái nhà yên của người ta vậy (**phù nhân, nhân chi yên trạch dã**). Cái đường ngay thẳng của người ta mà người ta nên đi theo, chẳng gì hơn đường "nghĩa"; đường "nghĩa" đó là đường chính của người ta đi vậy (**nghĩa, nhân chi chính lộ dã**). Bây giờ, những hạng người "tự bạo tự khí" họ bỏ cái nhà yên mà không ở, họ ở những chỗ bất nhân, họ bỏ đường ngay mà không đi, đi theo vào đường bất nghĩa, thiệt đau đớn cho họ lắm thay ! (**khoáng yên trạch nhi phất cư, xả chính lộ nhi bất do, ai tai !**).

Tuyển cả pho ***Mạnh Tử*** chỉ phản phúc ở nơi "tính thiện, lương tâm". Nhưng bản sách này không thể biên viết được hết, nay xin lật những bài rất trọng yếu, viết thêm dưới này :

Vương tử Điếm vấn viết : Sĩ hà sự ? Mạnh Tử viết : Thượng chí. Viết : Hà vị thượng chí ? Viết : Nhân nghĩa nhi dĩ hỹ. Sát nhất vô tội, phi nhân dã; phi kỷ hữu nhi thủ chi, phi nghĩa dã. Cư ô tại ? Nhân thị dã. Lộ ô tại ? Nghĩa thị dã. Cư nhân do nghĩa, đại nhân chi sự bị hỹ.

王子墊問曰：士何事？孟子曰：尚志。曰：何謂尚志？曰：仁義而已矣。殺人無罪，非仁也；非其有而取之，非義也。居惡在？仁是也。路惡在？義是也。居仁由義，大人之事備矣。

Có người con quốc vương tên Điếm hỏi với thầy Mạnh ràng : "Làm người sĩ, cần làm những việc gì ?" (**sĩ hà sự**). Thầy trả lời ràng : "Việc của người sĩ làm, chỉ có lập chí mình cho cao thượng, mà cũng tự cao thượng lấy chí mình. Nói tóm lại, việc của sĩ chỉ có "thượng chí" mà thôi".

Vương tử lại hỏi ràng : "Như thế nào là gọi bằng "thượng chí" ? Thượng chí thời làm những việc gì ?". Thầy trả lời ràng : "Thượng chí cũng chỉ thượng ở nhân nghĩa mà thôi

vậy ! (**nhân nghĩa nhi dĩ hỹ**). Nếu có một người không có tội đáng giết, mà mình nỡ giết nó là phi nhân đó rồi (vì Vương tử có quyền giết người được, nên thầy nói câu này); không phải của sở hữu của mình mà mình cướp lấy của đó, thế là phi nghĩa rồi (**sát nhất vô tội; phi kỷ hữu nhi thủ chi**). Nói cho đúng, chung thân của người sĩ, ở tất có chỗ nên ở, đi tất có lối nên đi.

Chỗ ở là chỗ nào ? tức là cái nhà nhân đó vậy (**yên trạch**). Đi thời đi đường nào ? tức là đường nghĩa đó vậy (**chính lộ**). Ở vào đức nhân, đi theo đường nghĩa là đủ công việc của đại nhân đó rồi (**cư nhân do nghĩa, đại nhân chi sự bị hỹ**).

Thấy lại có bài nói về tính của quân tử :

Quân tử sở tính, tuy đại hành bất gia yên; tuy cùng cư bất tổn yên : phận định cố dã.

君子所性，雖大行不加焉；雖窮居不損焉；分定故也。

Cái tính thiện mà quân tử thường giữ chặt trong mình (**quân tử sở tính**), tuy cảnh ngộ có hồi thuận hồi nghịch, nhưng tính quân tử không bao giờ vì cảnh ngộ mà có hơn có kém; có khi gặp thì gặp thế mà tài đức của mình phát triển được rất to (**đại hành**, nhưng tính của quân tử chẳng phải vì "đại hành" mà có thêm lên (**tuy đại hành bất gia yên**); có lúc thất thời thất thế mà thân mình ở vào địa vị cùng khốn (**cùng cư**), nhưng tính của quân tử chẳng phải vì cùng cư mà bớt kém (**tuy cùng cư, bất tổn yên**). Thế thời cảnh ngộ ở phía ngoài, tuy vẫn "đại hành, cùng cư" khác nhau, mà chân tính ở phía trong thời gặp lúc "đại hành" cũng như vậy, gặp lúc "cùng cư" cũng như vậy, chẳng bao giờ thấy có thêm, chẳng bao giờ thấy có bớt là vì sao ? Vì cái phận lượng của tính mình vẫn nhất định sẵn rồi vậy ?

Xin xem mấy câu đoạn dưới thời rõ được quân tử sở tính là như thế nào :

Quân tử sở tính, nhân, nghĩa, lễ, trí, căn ư tâm; kỳ sinh sắc dã, túy nhiên; hiện ư diện, áng ư bối, thi ư tứ thể, tứ thể bất ngôn nhi dụ.

君子所性：仁，義，禮，智，根於心，其生色也，睟然；見於面，盎於背，施於四体；四体不言而喻。

Quân tử sở tính như thế nào ? Thời như thế này : Nguyên có cái tâm "tứ đoan" : "trắc ẩn" là nhân, "tu ố" là nghĩa, "từ nhượng" là lễ, "thị phi" là trí, bốn điều đó cội gốc chứa sẵn ở trong lòng, "**hữu ư trung**" mà "**hình ư ngoại**", phát hiện ra làm dung sắc, thường thấy có màu sinh hoạt mà tươi tốt nhuận nhàng vậy (**kỳ sinh sắc dã, túy nhiên**). Rõ ư nơi mặt mà xem đàng trước thấy được "túy nhiên"; đầy ở nơi lưng mà xem đàng sau cũng thấy được "túy nhiên" (**hiện ư diện, áng ư bối**), phát triển ra khắp ư tay chân, thời tay chân tự nhiên mà theo thần lương tâm sai sử, không cần dạy bảo nó mà nó như hình hiểu hết cả (**thi ư tứ thể, tứ thể bất ngôn nhi dụ**).

Thầy lại nói về phía phản diện để răn cho ta những việc làm hại lương tâm :

Cơ giả cam thực, khát giả cam ẩm; thị vị đắc ẩm thực chi chính dã, cơ khát hại chi dã. Khởi duy khẩu phúc hữu cơ khát chi hại, nhân tâm diệc giai hữu hại; nhân năng vô dĩ cơ khát chi hại vi tâm hại, tắc bất cập nhân, bất vi ưu hỹ.

飢者甘食，渴者甘飲；是未得飲食之正也，飢渴害之也。豈惟口腹有飢渴之害，人心亦皆有害；人能無以飢渴之害為心害，則不及人，不為憂矣。

Người đến lúc đói thời thấy đồ ăn, ăn ngay (**cơ giả, cam thực**), người đến lúc khát thời thấy đồ uống, uống ngay (**khát giả cam ẩm**). Đương lúc đó, không kịp nghĩ đến những đồ ăn đồ uống có đáng ăn uống hay không. Thế là chưa được

cái lẽ chính của ăn uống đó vậy, nhưng mà cứ ăn uống liều, chỉ vì đói với khát làm hại đó vậy (**thị vị đắc ẩm thực chi chính dã, cơ khát hại chi dã**). Bởi vì cái tệ hại bằng đói khát mà để tiếng tham cho miệng bụng mắc lấy xấu; cơ khát làm hại được khẩu phúc đành như vậy, nhưng há phải khẩu phúc mà thôi dâu ! Chính giữa lòng người cũng rất có nhiều cái làm hại (**khởi duy khẩu phúc hữu cơ khát chi hại, nhân tâm diệc giai hữu hại**). Cái làm hại được lòng mình cũng in như cơ khát làm hại được khẩu phúc. Giá như người ta nín nhịn được cái cơ khát ở khẩu phúc mà cấm chỉ luôn được cái việc hại ở tâm mình thời dầu chẳng hơn được Thánh hiền, nhưng cũng không đến nỗi thua Thánh hiền dâu. Cái việc mình không kịp người là không phải lo (**nhân năng vô dĩ cơ khát chi hại vi tâm hại, tắc bất cập nhân, bất vi ưu hỹ**).

Bài này bàn việc rất thiển cận, mà luận lý rất cao sâu. Vì đói mà không kịp kén ăn, vì khát mà không kịp xin uống, theo ở bề ngoài thời chỉ làm hại cho khẩu phúc mà thôi; nhưng suy cho đến chân lý thời tham ăn tham uống mà hại khẩu phúc là cái hại còn nhỏ; tham sống, tham hư vinh, tham lợi lộc mà hại đến lương tâm thời cái hại càng to lớn lắm. Truy nguyên đến động cơ chỉ vì làm tôi tớ cho xác thịt mà hủy hoại mất tinh thần, cũng chỉ ở trong một chữ "tham" mà ra cả. Nếu ta biết lấy nghĩa lý mà dè ép chữ "tham", lấy tinh thần mà chế ngự được xác thịt thời chúng ta có khác gì Thánh hiền dâu ! Nên thấy rất trịnh trọng bằng một câu : "**nhân năng vô dĩ cơ khát chi hại vi tâm hại**". Ở trong chữ "năng" rất có nghị lực, có gan kiên nhẫn; có chữ "năng" ấy thời ra Thánh hiền; mất chữ "năng" ấy thời ra cầm thú.

Than ôi ! Cái độc hại vì cơ khát, chẳng đáng ghê gớm lắm hay sao !

Tiết thứ 4

Dưỡng khí, tri ngôn.

Chúng ta muốn học làm đức Khổng Tử, tất trước phải học làm thầy Mạnh; mà muốn học làm thầy Mạnh, tất phải biết sở dĩ thầy Mạnh làm thầy Mạnh là những điều gì. Công phu tác thánh của một đời người thầy Mạnh, chỉ cốt yếu nhất là có hai điều :

a)- **Dưỡng khí** (養氣).

b)- **Tri ngôn** (知言).

"Dưỡng khí" là công phu ở "tu thân chính tâm"; "tri ngôn" là phương pháp để "quan nhân thiệp thế". Nhưng mà sở dĩ dưỡng được khí, tri được ngôn thời căn bản chỉ có bốn chữ là "tập nghĩa, tinh nghĩa", ("tập nghĩa", là nhóm góp hết điều phải vào trong mình; "tinh nghĩa", là xét được rành rẽ những nghĩa lý ở trong thiên hạ).

Thầy Mạnh vì có công phu ở bốn chữ ấy, nên thầy mới dưỡng được khí, tri được ngôn mà xấp xỉ với đức Khổng Tử. Nay xin dịch bài chính văn ở thiên "*Công Tôn Sửu thượng*" như sau này :

Công Tôn Sửu vấn viết : Phu tử gia Tề chi khanh tướng, đắc hành đạo yên; tuy do thử bá vương bất dị hỹ; như thử tắc động tâm phù hồ ? Mạnh Tử viết : Phù ! Ngã tứ thập bất động tâm.

公孫丑問曰：夫子加齊之卿相，得行道焉；雖由此霸王不異矣；如此則動心否乎？孟子曰：否！我四十不動心。

Công Tôn Sửu là cao đệ của thầy, hỏi với thầy rằng : "Giả như có một ngày kia thầy được địa vị làm khanh tướng nước Tề, nắm quyền chính trị vào trong tay, thế là thầy được

phát triển đạo của thầy rồi; tuy bởi đó mà làm nên nghiệp bá, nghiệp vương, chắc cũng chẳng quái lạ gì (**tuy do thử bá vương, bất dị**). Như thế thầy có kinh động trong lòng hay không ?" (**như thử tắc động tâm phủ hồ** ?) Chữ "động tâm", là có ý nghị vì gánh quá nặng, việc quá to mà tinh thần mình có lay động chăng ?

Thầy trả lời quyết rằng : "Không ! (**phủ**). Ta từ khi 40 tuổi đã bất động tâm rồi".

Ba chữ "bất động tâm", nên nhận cho ra nghĩa : Hễ tâm người ta thuộc về phần tri chưa được tinh thục, đụng gặp lấy việc gì thột nhiên đến, hoặc có vấn đề gì mà khó giải quyết, tất nhiên sinh ra nghi ngờ mà tinh thần nhân đó phải dao động. Lại một cớ là vì phần hành chưa được thuần thục chu đáo, nên nỗi nghị lực còn yếu, năng lực còn hèn, đụng lấy gánh nặng việc to thời tinh thần cũng nhân đó mà dao động.

Người ta sở dĩ động tâm chỉ vì hai cớ như trên; chứ như thầy Mạnh thời học thức đã đầy đủ, mà thuộc về phần tri không tỷ gì kém thiếu; tiến tu đã viên mãn mà thuộc về phần hành không tỷ gì kém thiếu. Thức lực và năng lực đã thập phần triệt để, còn sợ gì có động tâm nữa rư ? Nhưng mà khi thầy chưa đến tuổi, chưa dám chắc được như thế. Nên thầy tự xét trong mình thầy, phải đến khi đã 40 tuổi rồi mới dám chắc là bất động tâm, nên nói rằng "**ngã tứ thập bất động tâm**".

Từ đây sấp xuống, kể cho kỹ lý do sở dĩ "bất động tâm" và phương pháp "bất động tâm".

Viết : Bất động tâm hữu đạo hồ ? Viết : Hữu

曰 : 不動心有道乎 ? 曰 : 有 ·

Công Tôn Sửu lại hỏi rằng : "Làm được bất động tâm có phương pháp gì hay không ?". Thầy trả lời rằng : "Có".

(Chữ "đạo" ở đây có ý như chữ "đạo" là đường. Công Tôn Sửu nghĩ "bất động tâm" là khó lắm; muốn cầu một cái đường lối nào mà đi đến cái địa vị "bất động tâm", nên hỏi rằng : "**bất động tâm hữu đạo hồ**"). Từ đây sấp xuống, thầy

Mạnh lại dẫn chứng ở các người khác cũng mỗi người có một cái phương pháp mà đến được "bất động tâm", nhưng cách "bất động tâm" của người khác thời không phải như thầy. Người khác "bất động tâm" thời chỉ ỷ vào "huyết khí chi dũng"; chứ như thầy "bất động tâm" thời chuyên ỷ vào "nghĩa lý chi dũng".

Xin xem mấy đoạn như sau này :

Bắc Cung Ảo chi dưỡng dũng dã, bất phu náo, bất mục đào; tư dĩ nhất hào tỏa ư nhân, nhược thát chi ư thị triều; bất thụ ư hạt khoan bác, diệc bất thụ ư vạn thặng chi quân; thị thích vạn thặng chi quân, nhược thích hạt phu; vô nghiêm chư hầu, ác thanh chí, tất phản chi.

北宮黝之養勇也：不膚撓，不目逃，思以一毫挫於人，若撻之於市朝，不受於褐寬博，亦不受於萬乘之君；視刺萬乘之君，若刺褐夫，無嚴諸侯，惡聲至，必反之。

Đoạn này là kể chuyện của một người lực sĩ ở đời Chiến Quốc tên là Bắc Cung Ảo, nó chỉ nuôi sức mạnh bằng "huyết khí chi dũng", mà nó cũng có "bất động tâm". Cách "bất động tâm" của nó như thế này :

Không bao giờ rùng mình rởn ốc, không bao giờ vì sợ hãi mà phải nháy mắt; nó thường nghĩ có một mảy may gì bị người ta bát nạt mình, nó lấy làm xấu lắm, xem như hình đem nó ra đập giữa chợ; cái nó đã không chịu ư người ty tiện thời dẫu người quyền thế nó cũng không chịu; nó xem cái việc đâm vua một nước, tượng như đâm đứa mặc áo vải cánh, dẫu chư hầu nó cũng không sợ; hễ đưa tiếng xấu đến nó, tất trả thù ngay. Cách "bất động tâm" của anh này, chỉ là một tên khùng mà thôi.

Lại còn có một anh nữa tên là Mạnh Thi Xả :

Mạnh Thi Xả chi sở dưỡng dũng dã, viết : Thị bất thắng do thắng dã, lượng địch nhi hậu tấn, lự thắng nhi hậu hội, thị úy tam quân giả dã; Xả khỉ năng vi tất thắng

tai ! Năng vô cụ nhi dĩ hỹ.

孟施舍之所養勇也．曰：視不勝猶勝也，量敵而後進，慮勝而後會，是畏三軍者也，舍豈能為必勝哉！能無懼而已矣．

Cách "bất động tâm" của anh này cũng nuôi sức mạnh bằng "huyết khí chi dũng". Anh thường nói rằng : Tự trong con mắt ta xem, thua cũng như được vậy (**thị bất thắng do thắng dã**); nếu lường sức giặc mà sau mới tiến; tính toan cho ra cách được mà sau mới đánh cùng nó thời ra anh nhỏ gan phải sợ tam quân đó vậy. Xả dây há ràng làm nổi tất thắng đâu ? Nhưng chỉ không sợ ai mà thôi vậy.

Mạnh Thi Xả vì một phương pháp như thế mà cũng "bất động tâm"; nhưng chỉ là anh liều mà thôi.

Hai đoạn trên kia nói việc hai người, nhưng thầy đặt vào hai chữ "dưỡng dũng" là có ý nói rằng : Họ chỉ có dũng mà không phải có trí với nhân, chỉ thành ra cái mạnh của võ phu lực sĩ, chứ không phải cái mạnh của Thánh hiền.

Tới đoạn dưới này, thầy mới dẫn chứng vào thầy Tăng và lời đức Thánh để cho chúng ta biết cái mạnh của Thánh hiền :

Tích giả, Tăng Tử vị Tử Tương viết : Tử hiếu dũng hồ ? Ngô thường văn đại dũng ư phu tử hỹ; tự phản nhi bất súc, tuy hạt khoan bác, ngô bất sủy yên; tự phản nhi súc, tuy thiên vạn nhân, ngô vãng hỹ. Mạnh Thi Xả thủ khí, hựu bất như Tăng Tử chi thủ ước dã.

昔者，曾子謂子襄曰：子好勇乎？吾嘗聞大勇於夫子矣：自反而不縮，雖褐寬博，吾不惴焉；自反而縮，雖千萬人，吾往矣．孟施舍之守氣，又不如曾子之守約也．

Dũng như hai người trên kia là không phải dũng mà chúng ta đáng học. Chúng ta chỉ học như lời thầy Tăng.

Xưa kia, thầy Tăng có nói với học trò thầy là thầy Tử Tương rằng : "Anh chắc thích làm việc mạnh đó ư (**Tử hiếu dũng hồ ?**). Ta đây đã từng được nghe lời "đại dũng" ư thầy ta rồi (**ngô thường văn đại dũng Phu Tử hỹ**); (Phu Tử, là chỉ vào đức Khổng Tử). Thầy nói rằng : "Mình tự xét lại trong mình mà trái với nghĩa lý, có điều cọng vạy không được thẳng (**tự phản nhi bất súc**), thời tuy đối với một người rất ty tiện, chỉ mặc áo vải cánh rộng ống, mà ta dám chẳng run sợ được ư (**tuy hạt khoan bác, ngô bất sủy yên**), ("sủy", là có ý rụt rè sợ hãi; "súc", nghĩa là ngay thẳng); nếu mình xét lại trong mình mà đúng nghĩa lý, tự mình đã ngay thẳng (**tự phản nhi súc**), thời tuy họ đông đến nghìn muôn người, ta cũng cứ tấn phăng, chẳng sợ gì" (**tuy thiên vạn nhân, ngô vãng hỹ**).

Xem như lời thầy Tăng học cách "đại dũng" như nghĩa đức Phu Tử, đem so với Mạnh Thi Xả thời té ra Mạnh Thi Xả chỉ trì thủ về mặt khí mà thôi (**Mạnh Thi Xả chi thủ khí**), thua cách trì thủ của thầy Tăng nhiều lắm. Bởi vì cách trì thủ của thầy Tăng mới được nghĩa lý tinh thâm của Thánh nhân đó vậy (**hựu bất như Tăng Tử chi thủ ước dã**).

Đoạn này chỉ cốt nhất có bốn chữ "tự phản nhi súc"; bốn chữ ấy chính là công phu làm nên "đại dũng". Nên thầy Mạnh khen rằng : "**Tăng Tử chi thủ ước**". Chữ "ước" có hai nghĩa :

1)- Nghĩa lý tinh thâm;

2)- Công phu xác thực.

Truyện văn đoạn dưới này là tinh tủy ở trong sách ***Mạnh Tử*** mà lại tinh tủy của một đời người thầy Mạnh Tử. Học giả xin thiên vạn nghiên cứu lấy đoạn này.

Nguyên lai sách ***Luận Ngữ***, đức Khổng Tử chú trọng ở chữ "chí", nói đi nói lại ở chữ "chí" không biết mấy lần; nhưng chữ "khí" thiệt ít khi nói tới. Tuyền cả pho sách ***Luận Ngữ*** chỉ có chương "Quân tử hữu tam giới" có lọt vào ba chữ "khí", nhưng chỉ nói suông bằng "huyết khí", còn về phần "lý khí" thời Khổng Tử chưa nói tới. Duy đến thầy Mạnh

mới phát minh ra hai chữ "dưỡng khí"; chúng ta nhân đó mà biết được làm người vẫn cốt nhất là có chí, nhưng sở dĩ "chí" mình được vững vàng, tất trước phải có cái "khí" cho mạnh lớn (**cương đại**). Xưa nay chẳng bao giờ "khí" hèn mà "chí" vững vàng được. Hễ người ta có "chí tự lập" tất cần phải có "khí tự cường". Xem như đoạn thầy nói dưới này rất rõ :

Vì bài trên có hai chữ "thủ khí" mà thầy mới tiếp tục nói rằng :

Phù chí, khí chi súy dã; khí thể chi sung dã. Phù chí, chí yên; khí, thứ yên. Cố viết : Trì kỳ chí, vô bạo kỳ khí.

夫志，氣之帥也；氣，体之充也。夫志至焉；氣，次焉。故曰：持其志，無暴其氣。

Tâm ý của người ta xu hướng về phía nào là gọi bằng "chí", làm cái chủ động lực cho thân mình, xuất phát điểm của sự nghiệp một đời người, cốt ở nơi "chí". "Chí" thí dụ như quan chủ tướng ở trong quân đội, sở dĩ thống suất được "khí" mình mà dắt "khí" mình đi vào đường tốt, nên nói rằng : "**phù chí, khí chi súy dã**".

Chữ "súy", có nghĩa là "thống suất", mà cũng nghĩa là "tướng súy". Duy có tướng súy mới thống suất được quân; duy có chí mới thống suất được khí. Ba chữ "khí chi súy" đặt vào dưới chữ "chí" thiệt là hay lắm. Nhưng thầy Mạnh nói thế, không phải khinh rẻ chữ "khí" đâu. Xưa nay vẫn tướng có hay mới suất được quân; nhưng chẳng bao giờ quân hèn yếu đau ốm mà bảo tướng khiến cho mạnh được; nên người ta quan hệ về khí cũng chẳng kém gì chí. Nên thầy lại nói rằng :

"Khí" là cái gì ? Là cái nguyên khí ở trong người, làm giống bồi bổ cho thể phách, thể phách nhờ đó mà dầy nở đó vậy (**khí, thể chi sung dã**). Vì vậy, chí vẫn là tột mực qui trọng đó rồi, mà khí cũng quan hệ thứ hai với chí đó vậy (**phù chí, chí yên; khí thứ yên**). Khí với chí thường cậy nhau mà tàng tiến, cũng thường cập nhau mà phát triển. Vậy nên

người ta vẫn phải lo trì thủ lấy chí mình, nhưng cũng không nên tổn hại đến khí mình, mới có câu nói rằng : "**trì kỳ chí, vô bạo kỳ khí**".

Chữ "trì", nghĩa là cố giữ cho bền chặt; chữ "vô bạo", nghĩa là phải nâng niu nuôi nấng lấy nó mà chớ khinh dị phóng túng làm hư hỏng bằng cách táo bạo.

Chữ "trì kỳ chí" ở đây thời đức Khổng đã thường nói : "**bất khả đoạt chí** (不可奪志), với "**đốc chí**" (篤志). cũng là ý nghĩa chữ "trì"; chỉ duy "vô bạo kỳ khí" thời Mạnh Tử mới phát minh. Ở trong chữ "vô bạo" đã ngậm có ý nghĩa chữ "dưỡng", nhưng vì Công Tôn Sửu chưa hiểu, nên hỏi rằng :

Ký viết : Chí, chí yên; khí, thứ yên; Hựu viết : Trì kỳ chí, vô bạo kỳ khí giả, hà dã ?.

既曰：志，至焉，氣，次焉；又曰：持其志，無暴其氣者，何也？

Đoạn này nhờ Công Tôn Sửu hoài nghi mà chúng ta mới biết được một đoạn nghĩa lý rất tinh thấu. Sửu vì nhận chữ "**chí**" (至) với chữ "**thứ**" (次) có ý chính trọng so se, nên nghi đến câu dưới mà hỏi rằng :

Đã nói : "**chí, chí yên; khí, thứ yên**", lại còn nói : "**trì kỳ chí, vô bạo kỳ khí**", là sao vậy ? Thầy Mạnh trả lời cho Công Tôn Sửu để cho hiểu rằng : "Chí" với "khí" là trọng cân như nhau, chẳng phải trọng "chí" mà khinh "khí" được.

Xin xem đoạn dưới này :

Viết : Chí nhất, tắc động khí; khí nhất, tắc động chí dã; kim phù quyết giả, xu giả, thị khí dã, nhi phản động kỳ tâm.

曰：志一則動氣；氣一則動志也，今夫蹶者，趨者，是氣也，而反動其心。

Thầy trả lời cho Công Tôn Sửu rằng : "Khí" vì sao mà cũng phải xem như "chí" đó ru ? Bởi vì người ta sở dĩ hoàn

toàn một con người, chỉ nhờ có hai cái bản chất : về mặt tinh thần là "chí", về mặt thể phách là "khí"; khi tinh thần mình chuyên nhất thời "chí" sai sử được "khí", mà "khí" bị động (**chí nhất, tắc động khí**), nhưng có lúc thể phách chuyên nhất, mà tác dụng bằng "khí", thời tinh thần vì thể phách xung động mà "chí" cũng bị động (**khí nhất, tắc động chí dã**). Tỷ như khi ta đi đường mà thình lình bị vấp ngã, hoặc khi có việc gì thình lình phát hiện mà ta phải chạy gấp, đó chỉ là thuộc về bộ phận "khí", "khí" trở lại nhân đó mà kích động đến lòng mình (**quyết giả, xu giả, thị khí dã, nhi phản động kỳ tâm**). Câu này thầy Mạnh chỉ thiết lời thí dụ để chứng minh câu "**khí nhất tắc động chí**". Công Tôn Sửu chưa hiểu tại câu ấy, mà thầy Mạnh thuyết minh cũng chú trọng tại câu ấy. Xem kỹ câu ấy thời dã có ý tỏ rằng : Hễ "bạo kỳ khí", tất đến nỗi "động kỳ tâm". Vì muốn cho được "bất động tâm", nên phải "vô bạo kỳ khí".

Công Tôn Sửu tiếp đó mà thột nghĩ đến cái phương pháp của thầy Mạnh, sở dĩ "bất động tâm". Nên lại hỏi rằng :

Cảm vấn, Phu tử ô hổ trường ? Viết : Ngã tri ngôn ngã thiện dưỡng ngô hạo nhiên chi khí.

敢問：夫子惡乎長？曰：我知言，我善養吾浩然之氣。

Xin dám hỏi thầy : "Thầy sở dĩ được "tứ thập bất động tâm", chắc thầy có phương pháp gì rất hay chú ?" (**cảm vấn Phu Tử ô hổ trường**), (chữ "ô hổ trường" ngó lại chữ "hữu đạo hổ" ở đoạn trên). Thầy trả lời rằng : "Cái sở trường của ta chỉ có hai : một là ta "tri ngôn"; hai là ta "thiện dưỡng" cái "hạo nhiên chi khí" của ta". "Tri ngôn", là nghe lời nói có phải chăng, mà biết được tà chính ở trong lòng người; "thiện dưỡng ngô hạo nhiên chi khí", nghĩa là khéo nuôi lấy "khí hạo nhiên" của mình ta (*ý nghĩa sẽ thích kỹ ở đoạn dưới*).

Cảm vấn : Hà vị hạo nhiên chi khí ?

敢問：何謂浩然之氣？

Dám xin hỏi thầy, như thế nào là gọi bằng "hạo nhiên chi khí" ?

Viết : Nan ngôn dã.

曰：難言也。

Thầy nói rằng : Cái "hạo nhiên chi khí" mà giải thích ra cho minh bạch thiệt là khó lắm. Bởi vì nó là giống vô hình lại không có chừng mực, há có dễ bày tỏ ra được ru ? Nhưng thầy cũng phẫu giải cho thiệt kỹ như dưới này :

Kỳ vi khí dã, chí đại chí cương, dĩ trực dưỡng nhi vô hại, tắc tắc hồ thiên địa chi gian.

其為氣也，至大至剛，以直養而無害，則塞乎天地之間。

Cái mà làm bằng "khí hạo nhiên" đó vậy, vẫn rất mực lớn, lại rất mực cứng, nhưng cần phải nuôi nó; ta cứ lấy đạo lý ngay thẳng nuôi cho nó, mà chớ làm tổn hại nó (**chí đại chí cương, dĩ trực dưỡng nhi vô hại**), một mặt bồi bổ nó, lại một mặt chớ tổn hại thời cái "khí hạo nhiên" của ta càng ngày càng nảy nở, càng tràn trề, có thể dầy lấp ở trong khoảng trời đất (**tắc tắc hồ thiên địa chi gian**).

Đoạn này thầy vẫn miêu tả ba chữ "hạo nhiên khí", nhưng mà trước thầy đã nói rằng "nan ngôn". Chúng ta đọc sách đoạn này, chỉ có thể ý hội được; nhưng muốn chỉ cho rõ thế nào là "chí đại", thế nào là "chí cương", dẫu thiên ngôn vạn ngữ e không thể kể hết. Nếu có ai đọc thuộc bài "Chính khí ca" của ông **Văn Thiên Tường** thời hỗ trợ cho ý nghĩa bài này nhiều lắm. Chỉ duy bốn chữ "**trực dưỡng vô hại**" thời chúng ta có thể hiểu được. Xin xem kỹ ở đoạn dưới này :

Kỳ vi khí dã, phối nghĩa dữ đạo; vô thị nỗi dã.

其為氣也，配義與道；無是餒也。

Cái "khí" mà đã được "chí đại, chí cương" rồi thời cái "khí" đó chẳng những không thua kém gì "nghĩa" với "đạo", mà lại cân tày phối hợp với "nghĩa" và "đạo (**phối nghĩa dữ**

đạo). Vì có "khí hạo nhiên" mà làm cho phối nghĩa với đạo, thế là đạo nghĩa sở dĩ hoàn toàn đầy đủ hơn nữa, nhờ bằng "khí hạo nhiên"; nếu không cái "khí hạo nhiên" ấy thời đạo nghĩa e cũng có lúc chẳng hoàn toàn mà đến nỗi hèn đói đó vậy (**vô thị, nỗi dã**).

Hai câu này chúng ta thường hay nhận lầm nghĩa. Chữ "phối" có ý là giúp đỡ, cũng có ý là hợp lực; giúp đỡ cho đạo nghĩa cũng ví như phối hợp dưỡng khí với đạm khí mà sinh khí mới được hoàn toàn, nếu không hai chất phối hợp nhau thời sinh khí không được mãn túc; đạo nghĩa nhờ khí mà không đến nỗi hèn đói cũng như thế.

Thị tập nghĩa sở sinh giả, phi nghĩa tập nhi thủ chi dã; hành hữu bất khiếm ư tâm tắc nỗi hỹ.

是集義所生者，非義襲而取之也；行有不慊於心則餒矣。

Trên kia đã nói "khí hạo nhiên" làm giúp cho nghĩa với đạo. Tuy nhiên cái "khí hạo nhiên" đó không phải cái giống thình lình mà được đâu; quay lại tất phải gốc ở đạo nghĩa. Nên đoạn này lại nói tiếp rằng :

Cái "khí hạo nhiên" đó là góp vô số việc nghĩa mà nảy nở ra (**thị tập nghĩa sở sinh dã**). (Chữ "thị" ở đây hẳng đỡ lấy chữ "thị" ở thượng văn : "thị", là chỉ vào "khí hạo nhiên". Hai chữ "tập nghĩa", là công phu rất trọng yếu ở trong việc "dưỡng khí".

Bình thường ở trong mình, từ một lời nói, một việc làm, một nước bước đi, tất thảy căn cứ vào nghĩa, gọi bằng "tập nghĩa"; nhóm góp được hết việc nghĩa, gọi bằng "trực dưỡng". Lý đã "trực" thời khí mới tráng, mới đẻ ra được cái khí chí đại chí cương, nên nói rằng "tập nghĩa sở sinh". Nếu trái lại, công phu "tập nghĩa" vẫn không được sẵn sàng, chỉ bỗng chốc tình cờ được một vài điều nghĩa ở bề ngoài mà toan lén chụp lấy được "khí hạo nhiên" thời quyết không lẽ ấy; nên lại nói rằng : "**phi nghĩa tập nhi thủ chi dã**", ("tập", nghĩa

là lén chụp), nghĩa câu này khó hiểu, độc giả phải nhận kỹ hai chữ "tập nghĩa" ở đoạn trên.

"Tập nhi thủ chi" là phản đối với "tập nghĩa" : giờ nào, giờ nào, việc gì, việc gì, không một tí gì sai với nghĩa, thế là "tập nghĩa"; chứ như năm thì mười họa, thỉnh lình mà đúng được một việc nghĩa thời té ra "tập nhi thủ chi", chứ không phải "tập nghĩa". Hễ đã không phải "tập nghĩa" thời nghĩa chẳng bao giờ làm, mà "bất nghĩa" thời thường thường luôn; nhưng việc mình làm, chắc có điều trái lý, bội đạo mà không được đầy đủ trong lòng, thời khí cũng nhân đó mà yếu hèn rồi vậy (**hành hữu bất khiếm ư tâm, tắc nỗi hỹ**).

Chữ "khiếm" ở đây cũng như chữ "tự khiếm" ở sách ***Đại Học***. Làm việc, hỏi với thần lương tâm mà không xấu thẹn là "tự khiếm"; nếu xấu thẹn với lương tâm tức là "bất khiếm" mà khí cũng hèn yếu, thành ra "khí nỗi".

Chữ "nỗi" ở đây với chữ "nỗi" ở trên, ý khác nhau : chữ "nỗi" ở trên là đạo nghĩa không đầy đủ; chữ "nỗi" ở đây là khí không đầy đủ.

Tất hữu sự yên, nhi vật chính; tâm vật vong; vật trợ trưởng dã.

必有事焉，而勿正；心勿忘，勿助長也。

Bốn câu đoạn này là nói cho tường tất cái công phu "tập nghĩa". Xin độc giả chú ý vào một chữ "tất" và ba chữ "vật". Nay xin theo từ câu mà giải nghĩa cho kỹ :

Chúng ta muốn "dưỡng" được "khí hạo nhiên", tất phải "tập" cho được "nghĩa"; mà sở dĩ "tập nghĩa" là cốt để "dưỡng khí". Nhưng mà công phu "tập nghĩa, dưỡng khí", lại chẳng phải một hôm một mai mà được đâu; chẳng phải rày làm mai nghỉ mà được đâu; tất phải thường thường dụng công phu luôn (**tất hữu sự yên**). Nhưng mà công phu cốt cho chuyên, năm như tháng, tháng như ngày, ngày như giờ, cứ lần lần làm tới, mà chớ nghĩ trước rằng đến bao giờ là xong việc (**nhi vật chính**).

Chữ "chính", nghĩa là hẹn trước một thời giờ nhất định. Thí dụ như đi đường, cứ chăm chăm bước hoài, không hẹn trước thì giờ nào đến, như thế là "vật chính".

Vì sao mà phải "vật chính" ? Bởi vì hẹn trước một thì giờ là có ý gấp nóng muốn cho tới; lỡ mà không in được như thì giờ, tất nhiên sinh chán mỏi mà hay có tệ nửa đường bỏ dở. Vậy nên "tất hữu sự" mà phải "vật chính".

Tuy nhiên, làm việc mà không dự định thì giờ nào thành công thời trong lúc làm việc đó thường sinh ra cái tệ quên lững; nếu có chốc phút quên lững thời công phu đã kém thiếu khá nhiều, như thế cũng không thể tập được nghĩa; nên lại phải trong lòng thường chăm nhớ luôn mà chớ chốc phút quên lững (**tâm vật vong**).

Tuy nhiên, "vật vong" vẫn là hay lắm, nhưng lại e có một tệ bệnh sinh ra. Bởi vì "vật vong" là thường chăm chỉ luôn; đã chăm chỉ luôn, tất nảy ra nóng gấp mà mắc vào cái bệnh "dục tốc"; đã "dục tốc" tất ưng cho mau lớn, không chịu lần lần dụng công chờ cho đến ngày nó lớn. Đó là mắc lấy cái bệnh "**trợ trưởng**". "Tập nghĩa, dưỡng khí" mà mắc lấy cái bệnh "trợ trưởng", càng không nên lắm.

Hai chữ "trợ trưởng" phải nhận cho ra nghĩa :

Thì giờ chưa đến thành thục mà cố miễn cưỡng đặt để, ép bức cho nó thành thục mau, tất nhiên nó không được thành thục mà lại hư hỏng nữa. Nên kết thúc lấy câu : "**vật trợ trưởng dã**".

Thích tóm lại, hai chữ "**hữu sự**" là bát tay vào dụng công. Hễ thấy việc gì đáng làm mà đúng với nghĩa thời ta cứ làm, thế là "hữu sự".

Chữ "chính" là một cái bệnh, nghĩa là chưa làm việc mà đã tính đến thành công. Chữ "vong" lại là một cái bệnh, nghĩa là làm có hơi mỏi mà đến nỗi bỏ ngơ. Hai chữ "trợ trưởng" lại là một cái bệnh lớn, nghĩa là không thuận lý tự nhiên mà thêm vào sức kiểu cưỡng. Duy ở trong ba chứng bệnh, cái

chứng "trợ trưởng" có ý khó nhận ra, nên thấy Mạnh lại thiết ra lời thí dụ như đoạn dưới này :

Vô nhược Tống nhân nhiên. Tống nhân hữu mẫn kỳ miêu chi bất trưởng, nhi loát chi giả, mang mang nhiên qui, vị kỳ nhân viết : Kim nhật bệnh hỹ; dư trợ miêu trưởng hỹ; kỳ tử xu nhi vãng, thị chi, miêu tắc cảo hỹ. Thiên hạ chi bất trợ miêu trưởng giả, quả hỹ; dĩ vi vô ích, nhi xá chi giả bất vân miêu giả dã; trợ chi trưởng giả loát miêu giả dã, phi đồ vô ích, nhi hựu hại chi.

無若宋人然：宋人有閔其苗之不長而揠之者，芒芒然歸，謂其人曰：今日病矣！予助苗長矣；其子趨而往視之，苗則槁矣。天下之不助苗長者寡矣！以為無益而舍之者，不耘苗者也；助之長者，揠苗者也；非徒無益，而又害之。

Bài này chỉ nói cho rõ nghĩa chữ "trợ trưởng" mà thiết lời thí dụ bằng người nước Tống. Theo chính văn, thích lại như dưới :

Như thế nào là "trợ trưởng" ? Xem như người nước Tống kia lo lúa mình không được tốt mà nhổm gốc lên cho nó; khi thấy gốc má lên được cao, luống khuống chạy về nói với người nhà rằng : hôm nay mệt quá ! ta giúp cho má ta lên được lớn rồi vậy !

Người con nó vội vàng chạy tới nơi, dòm thấy má thời má đã khô héo cả rồi !

Người trong thiên hạ, làm việc "dưỡng khí" mà không như Tống nhân trợ miêu trưởng, thiệt ít quá ! Còn hạng người cho là vô ích mà bỏ quách đi, là người không bừa cỏ cho má đó vậy ! Người trợ vào cho nó trưởng lại là người nhổm gốc má đó vậy; chẳng những vô ích mà thôi, lại còn tai hại thêm vào nữa.

Xin ai "tập nghĩa, dưỡng khí" chớ như thế !

Tuyển văn bài này, hãng dỡ lấy hai câu :"**ngã tri ngôn, "ngã thiện dưỡng ngô hạo nhiên chi khí**".

Như trên kia đã thích kỹ là thuộc về công phu "dưỡng khí". Muốn "dưỡng khí" mình cho được thiệt "hạo nhiên" mà "chí đại chí cương", để cho đầy lấp ở khoảng trời đất, tất cần phải hết sức ở công phu "tập nghĩa"; mà công phu "tập nghĩa" tất cần phải "vật chính, vật vong, vật trợ trưởng". Bỏ hết cả ba cái chứng bệnh ấy mà tất hữu sự luôn luôn, từ trẻ tới lớn, lớn tới già, thường "tập nghĩa" được như thế thời chắc "khí hạo nhiên" của mình nuôi được đầy đủ, to lớn, cứng mạnh.

Khéo học thầy Mạnh, nên học lấy bài ấy. Còn công phu về "tri ngôn", thời xin xem như bài dưới :

Hà vị tri ngôn ? viết : Bí từ, tri kỳ sở tế; dâm từ, tri kỳ sở nạm; tà từ, tri kỳ sở ly; độn từ, tri kỳ sở cùng; sinh ư kỳ tâm, hại ư kỳ chính; phát ư kỳ chính, hại ư kỳ sự; thánh nhân phục khởi, tất tòng ngô ngôn hỹ.

何謂知言？曰：詖辭，知其所蔽；淫辭，知其所陷；邪辭，知其所離；遁辭，知其所窮。生於其心，害於其政；發於其政，害於其事；聖人復起，必從吾言矣。

Như thế nào là gọi bằng "tri ngôn" ? (chữ "tri ngôn" ở đây tức là chữ "tri ngôn" ở trong sách ***Luận Ngữ***" : "**Bất tri ngôn, vô dĩ tri nhân dã**". đã thích nghĩa ở ***Khổng Học Đăng thượng***). Nhưng mà cái phương pháp sở dĩ tri ngôn, tất phải xem lời thầy Mạnh ở dây.

Thầy nói rằng : Lời nói người ta, tuy là nói ra ở miệng, nhưng mà tiếng nói gốc ở trong lòng mà ra. Đời xưa đã có câu : "**ngôn giả tâm chi thanh**" (言者，心之聲), nghĩa là lời nói là cái tiếng ở trong lòng ra. Vậy nên nghe lời nói của người mà biết được lòng của người mới là "tri ngôn". Tức như lời nói của một người kia, nghiêng lệch chếch mếch mà không được cân bằng chỉnh chiện (**bí từ**) thời ta biết được lòng người ấy có bị che lấp vì một cái gì (**tri kỳ sở tế**). Lời nói của một người kia là lời dâm đãng mà không đúng với đạo lý (**dâm từ**), ta biết được trong lòng người ấy đã sụp vào

một món tư tình (**tri kỳ sở hạm**). Nghe lời nói một người kia gian vậy mà không hợp với chính lý (**tà từ**) thời biết được trong lòng người ấy có chỗ sai lìa chính dạo (**tri kỳ sở ly**) nghe lời nói một người kia có ý khốn nạn mà tìm đường trốn tránh (**độn từ**) thời biết được trong lòng người ấy đã có chỗ lý cùng mà phải từ khuất (**tri kỳ sở cùng**).

Mỗi hạng người vì mắc lấy mỗi bệnh (**tế, hạm, ly, cùng**), nên khi phát ra lời nói, có lời "**bí, dâm, tà, độn**", ta nghe lời nó mà biết được bệnh nó, như thế mới là "tri ngôn".

Vì sao ta phải lo cho được "tri ngôn" ? Bởi vì lời nói của người ở trong thiên hạ, quan hệ với "thế đạo nhân tâm" chẳng phải ít. Gốc dầu chất chứa ở trong lòng mà nảy nở ra lời nói (**sinh ư kỳ tâm**); đã nói ra rồi, làm hại đến chỗ chính trị (**hại ư kỳ chính**); đã phát bố ra ở nơi chính trị (**phát ư kỳ chính**), tất làm hại đến những sự nghiệp trong đời (**hại ư kỳ sự**). Tạo nhân ở nơi lời "bí, dâm, tà, độn", mà kết quả đến nỗi "hại kỳ chính, hại kỳ sự", lý do quan hệ với nhau như thế, dầu đời sau có Thánh nhân dậy lại nữa, tất nhiên cũng cho lời nói ta là phải mà thuận theo đó vậy (**Thánh nhân phục khỉ, tắc tòng ngô ngôn hỹ**).

Tóm lại, tinh tủy tuyển văn bài này chỉ cốt có bốn chữ : "dưỡng khí, tri ngôn". Chỉ bốn chữ đó là công phu của thầy Mạnh sở dĩ học được đức Khổng Tử mà làm nên một bậc Á thánh. Nhưng căn bản sở dĩ được bốn chữ ấy thời lại suy nguyên đến tám chữ ở trong sách ***Đại Học*** : vì có "cách vật trí tri" mới tri được ngôn; vì có "thành ý chính tâm" mới dưỡng được khí. "Cách vật trí tri" là công phu "tinh nghĩa". Có tinh được nghĩa lý ở trong thiên hạ mới làm được "tri ngôn". Có "chính tâm thành ý" mới làm được công phu "tập nghĩa"; nhóm góp hết được đạo nghĩa vào trong thân mình mới nuôi được "khí hạo nhiên".

Học giả chỉ hết sức làm bốn chữ ấy, thời pho sách ***Mạnh Tử*** không cần phải học nhiều cũng có thể làm được như Mạnh Tử rồi.

Tác giả nhân bài "tri ngôn" này mà biên thêm vào một bài ở trong ***Kinh Dịch*** để cho học giả tham khảo; giúp sức cho "tri ngôn" được nhiều lắm.

Kinh Dịch về *Hệ từ hạ* có bài nói rằng :

Tương phản giả, kỳ từ tàm; trung tâm nghi giả, kỳ từ chi; cát nhân chi từ quả; táo nhân chi từ đa; vu thiện chi nhân, kỳ từ du; thất kỳ thủ giả, kỳ từ khuất.

將叛者，其辭慚；中心疑者，其辭枝；吉人之辭寡；躁人之辭多；誣善之人，其辭游；失其守者，其辭屈。

Bài này cũng bàn cái phương pháp cho ta nghe lời nói. Độc giả nhận kỹ nghĩa bài này, bổ ích cho việc "tri ngôn" nhiều lắm. Nay thích kỹ nghĩa như sau :

Hễ người nào toan làm việc bất trung thành mà phản nghịch với mình, tất nhiên lời nói của mình có ý trễn thẹn (**tương phản giả, kỳ từ tàm**); hễ người nào trong lòng có ý hồ nghi mà không nhận được một đạo lý chắc chắn, tất nhiên lời nói ra ngách ngọn rời rạc mà không tìm ra cội gốc (**trung tâm nghi giả, kỳ từ chi**); người nào thật là quân tử, tất nhiên lời nói ra chẳng bao nhiêu lời mà ý nghĩa chính đáng, ý vị sâu xa, chỉ một vài câu đã biết là quân tử (**cát nhân chi từ quả**); người nào tính chất tiểu nhân láu táu xốp nổi, tất nhiên lời nói ra rơm rác bộn bề mà kỳ thực không ý nghĩa gì chính đáng (**táo nhân chi từ đa**); người nào có lòng hãm hại người ta mà toan vu hãm những người lành, tất nhiên lời nói ra lan man vớ vẩn mà không thấy được chủ chốt vào chỗ nào (**vu thiện chi nhân, kỳ từ du**); hễ người nào đã lừa gạt lương tâm của mình mà không giữ nổi được khí tiết, tất nhiên lời nó nói ra cong co uốn nắn mà mất hết lẽ thẳng (**thất kỳ thủ giả, kỳ từ khuất**).

Xem như ý nghĩa bài này, in như phép "tri ngôn" của thầy Mạnh Tử : "bí, dâm, tà, độn", chính là "từ tàm, từ chi, từ du, từ khuất", mà tương phản giả tức là "sở tế"; trung tâm

nghi giả, tức là "sở hãm"; vu thiện chi nhân tức là "sở ly"; thất kỳ thủ giả, tức là "sở cùng".

Học giả xem sách mà có ý biết tham khảo như thế thời đọc sách mới có ích.

Tiết thứ 5

Triết học ở trong chính trị.

Chúng ta muốn biết học thuyết chính trị của thầy Mạnh, tất trước phải nghiên cứu đến thì đại của thầy Mạnh.

Thầy Mạnh ở về thì đại nào ? Chính là thì đại Chiến Quốc. Thì đại ấy cực kỳ vô đạo, chư hầu giết lẫn nhau, tranh lẫn nhau làm bá, người trong một nước, một nòi giống mà xem nhau như cừu thù, tình cảnh nhân dân thống khổ ở đời này, thiệt không còn gì là đường sinh hoạt. Thầy rất đau xót về nông nỗi ấy, nên thầy hết sức chủ trương nhân nghĩa, bài xích chiến đấu, mà trong con mắt thầy rất ghét bạo quân ("bạo quân", là vua tàn độc) và rất ghét ô lại ("ô lại", là quan tham bẩn). Ở trong sách ***Mạnh Tử*** đã thường có những câu :

Kim chi chư hầu, thủ chi ư dân dã, do ngự dã

今之諸侯，取之於民也，猶禦也。

Nghĩa là, các vua chư hầu ở đời nay bóc lột của dân mà lấy vào mình, cũng như lũ kẻ cướp vậy (**do ngự dã** - "ngự", là kẻ đón đường cướp của).

Cẩu trệ thực nhân thực nhi bất tri kiểm; đổ hữu ngạ biệu nhi bất tri phát. Nhân tử tắc viết : Phi ngã dã, tuế dã. Thị hà dị ư thích nhân nhi sát chi, viết : Phi ngã dã, binh dã.

狗彘食人食而不知檢，塗有餓莩而不知發，人死則曰：非我也，歲也。是何異於刺人而殺之，曰：非我也，兵也。

Nghĩa là, chó heo ăn hết đồ ăn của người mà kẻ có quyền chính trị không biết xét tới nơi; ngoài đường có thây người chết đói mà người có kho lẫm tiền thóc không biết phát chẩn cho dân; đụng đến người chết thời chối ràng không phải ta giết nó đâu, năm mất mùa giết nó vậy. Thế thời có khác gì cầm gươm đâm người mà giết nó rồi trở lại nói rằng : không phải ta giết nó đâu, gươm đó vậy !

("Cẩu trệ", là chỉ vào lũ quan lại tham ô; "thích nhân", nghĩa là đâm người, là ví dụ những vua tàn bạo, ý nói rằng lấy chính trị ác giết người, không khác gì lấy gươm giết người).

Thầy lại nói :

Bào hữu phì nhục, cứu hữu phì mã, dân hữu cơ sắc, dã hữu ngạ biệu, thử suất thú nhi thực nhân dã.

庖有肥肉，廐有肥馬，民有饑色，野有餓莩，此率獸而食人也。

Trong bếp nhà vua quan có thịt béo; trong chuồng có ngựa béo; dân có sắc mặt nhịn đói; ngoài đồng có thây người chết đói, đó là lùa giống thú ăn thịt người vậy ("ngạ biệu", nghĩa là thây chết đói).

Thầy lại có nói :

Tranh địa dĩ chiến, sát nhân dinh dã; tranh thành dĩ chiến, sát nhân dinh thành; thử sở vị suất thổ địa nhi thực nhân nhục, tội bất dung ư tử.

爭地以戰，殺人盈野，爭城以戰，殺人盈城；此所謂率土地而食人肉，罪不容於死。

(*Bài này đã thích nghĩa ở tiết thứ nhất*).

Ý thầy rất ghét những hạng người bày đặt ra việc đánh nhau, với hạng người chăm bóc lột của dân để thêm sức giàu

cho nhà vua. Nên có nói rằng :

Kim chi sự quân giả, giai viết : ngã năng vị quân tịch thổ địa, sung phủ khố, kim chi sở vị lương thần, cổ chi sở vị dân tặc dã; quân bất hướng đạo, bất chí ư nhân, nhi cầu phú chi, thị phú Kiệt dã. Ngã năng vị quân ước dữ quốc chiến tất khắc, kim chi sở vị lương thần, cổ chi sở vị dân tặc dã; quân bất hướng đạo, bất chí ư nhân, nhi cầu vị chi cường chiến, thị phụ Kiệt dã.

今之事君者，皆曰：我能為君辟土地，充府庫，今之所謂良臣，古之所謂民賊也；君不鄉道，不志於仁，而求富之，是富桀也。我能為君約與國戰必克，今之所謂良臣，古之所謂民賊也；君不鄉道，不志於仁，而求為之強戰，是輔桀也。

Những người làm quan thờ vua ở đời nay, thấy tự khoe rằng : "Ta hay vì vua ta mở đất đai, giàu kho tàng", họ bảo thế là tôi hay (**lương thần**), chứ như theo đạo đời xưa thời nó thiệt là thằng giặc của dân đó vậy (**dân tặc**). Vì sao vậy ? Vì vua không theo đạo lý phải, không chăm chỉ làm việc nhân, mà còn cầu giàu thêm cho vua, đấy là làm giàu cho lão Kiệt đó vậy ("Kiệt", là một ông vua rất độc ác ở đời nhà Hạ). Họ lại nói rằng ta hay vì vua ta, hẹn với nước láng giềng (**dữ quốc**), tuyên chiến với nó, tất nhiên mình được; họ bảo thế là "lương thần"; chứ theo đạo đời xưa thời họ chính là "dân tặc" đó vậy. Vì sao ? Vì vua không theo đạo lý phải, không chăm chỉ làm việc nhân, mà còn giúp cho nó đánh mạnh (**cường chiến**), đấy chỉ là giúp cho Kiệt đó vậy.

Thấy rất để ý vào việc dạy dân, mà không thích dạy dân bằng việc đánh, nên lại nói rằng :

Bất giáo dân nhi dụng chi, vị chi ương dân; ương dân giả, bất dung ư Nghiêu Thuấn chi thế.

不教民而用之，謂之殃民；殃民者，不容於堯舜之世。

Không dạy cách làm ăn cho dân, mà dụng nó vào việc đánh nhau, đáng gọi là tội "ương dân". Những người đã có tội "ương dân", nếu ở về đời Nghiêu, Thuấn, tất không tha được tội nó ("ương dân", nghĩa là làm tai hại dân).

Ý thầy lại rất ghét những việc thuế má nặng để khổ dân, nên lại nói :

Cổ chi vi quan dã, tương dĩ ngự bạo; kim chi vi quan dã, tương dĩ vi bạo.

古之為關也，將以禦暴；今之為關也，將以為暴。

Đời xưa đặt ra những chỗ cửa quan, cốt để ngăn ngừa trộm cướp; đời nay đặt ra cửa quan thời lại cốt để làm trộm cướp. Bởi vì đời xưa đặt ra các chỗ tuần phòng ở nơi cửa sông cửa bể, chỉ cốt để phòng bị trộm cướp; chứ như đời bây giờ cốt thu thuế cho nhiều để khổ dân mà thôi. Thầy Mạnh cho thế là "vi bạo" mà không "ngự bạo". Quan lại thu thuế nặng của dân cũng tức là một bọn trộm cướp, nên nói rằng "vi bạo".

Ý thầy rất đau đớn cho nhân dân buổi ấy, nên thường có những câu nói rằng :

Dân chi tiểu tụy ư ngược chính, vị hữu thậm ư thử thì giả dã.

民之憔悴於虐政，未有甚於此時者也。

Nhân dân vì chính trị ác độc mà nên nỗi cháy sém gầy gò, chẳng có lúc nào thậm hơn lúc này nữa !

Đoạt kỳ dân thì, sử bất đắc canh nậu dĩ dưỡng kỳ phụ mẫu, phụ mẫu đống ngạ, huynh đệ thê tử ly tán.

奪其民時，使不得耕耨以養其父母，父母凍餓，兄弟妻子離散。

Cướp hết mùa cày cấy của dân, lùa nó đi vào công việc nhà quan, khiến nó không được cày cấy để nuôi cha mẹ nó; cha mẹ nó đã bị chết đói, chết rét, luôn cả anh em vợ con nó cũng đến nỗi lìa tan.

Xem suốt tuyển pho ***Mạnh Tử***, thấy nói về những tệ hại thuế má nặng và tai hại chiến tranh, kể hết ác độc của những tay cường quyền; bươi móc những vết xấu của nhà chính trị, chửi mắng những hạng người vun đắp cho nhà tư bản, xưa nay chưa ai có những giọng kịch liệt đến như thế.

Chúng ta xem hết những ý thầy nói cũng đã biết được tinh thần của thầy bày tỏ ở trên đường chính trị.

Nay xin tiêu yết ra bốn mục lớn :

1)- Chú trọng về công lợi chung mà rất ghét công lợi riêng.

2)- Chú trọng về hòa bình mà rất ghét về chinh chiến.

3)- Ở trong chính trị mà làm nhân nghĩa, chẳng bao giờ rẽ chính trị nhân nghĩa ra làm hai đường.

4)- Chú trọng quyền dân và tôn trọng ý dân.

Trước diễn dịch mục thứ nhất :

Chú trọng về công lợi chung mà rất ghét công lợi riêng.

注重於公利而深惡私利者。

Học thuyết ở Âu Châu ngày nay quí trọng là công lợi chủ nghĩa. Học thuyết thầy Mạnh cũng không phải bỏ hết công lợi đâu; nhưng công lợi riêng thời thầy rất ghét. Xin xem ở bài thầy nói với Lương Huệ Vương thời rõ :

Vương viết : Tẩu bất viễn thiên lý nhi lai, diệc tương hữu dĩ lợi ngô quốc hồ ?

王曰：叟不遠千里而來，亦將有以利吾國乎？

Lương Huệ Vương hỏi rằng : Ông không kể đường xa nghìn dặm mà lại tới ta, chắc cũng có điều gì làm lợi nước

ta đó mà !

Trong lời nói của Lương Huệ Vương, bệnh thống không phải tại chữ "lợi", nhưng mà nhận chữ "quốc" làm ngô quốc, té ra cái nước là nước riêng của mình va, thời làm lợi cho nước ta tức làm lợi riêng cho mình anh.

Chữ "lợi" đặt ở trên chữ "ngô", nên thầy Mạnh Tử ghét lắm, thầy trả lời rằng :

Vương hà tất viết lợi; diệc hữu nhân nghĩa nhi dĩ hỹ.

王何必曰利；亦有仁義而已矣。

Lấy địa vị làm vua như ngài, cần gì phải nói lợi ? cũng chỉ có nhân nghĩa mà thôi vậy.

Học giả đọc bài này, không nên bỏ lơ chữ "vương", mà càng nên đặt ý vào chữ "ngô". Xem luôn đoạn dưới này càng rõ :

Vương viết : Hà dĩ lợi ngô quốc ? Đại phu viết : Hà dĩ lợi ngô gia ? Sĩ, thứ nhân viết : Hà dĩ lợi ngô thân ? Thượng hạ giao chinh lợi, nhi quốc nguy hỹ.

王曰：何以利吾國；大夫曰：何以利吾家；士，庶人曰：何以利吾身。上下交征利，而國危矣。

Tự giữa mình vua mà cứ nghĩ rằng : Lấy gì làm lợi cho nước ta ? Thế là vua nhận nước làm của riêng. Vua mà cầu cho lợi về vua, tất nhiên Đại phu cũng nói rằng : Lấy gì làm lợi cho nhà ta ? mà lo làm lợi riêng cho Đại phu. Chuyển xuống nữa, người làm sĩ, hay làm thứ nhân cũng nói rằng : "lấy gì làm lợi cho thân ta ?" mà lo cho có lợi về sĩ và thứ nhân. Nhân vì cái bụng tư lợi như thế mà đến nỗi trên lo giành phần lợi của người dưới, dưới lo giành phần lợi của người trên; trên dưới giành nhau bằng việc lợi mà nước chắc nguy rồi đó !

Đoạn này thích cho hết ý, vì sao mà đến nỗi "quốc nguy" ?

Vì **"thượng hạ giao chinh lợi"** ("thượng hạ giao chinh

lợi", nghĩa là trên dưới giành nhau bằng mối lợi), mà sở dĩ "thượng hạ giao chinh lợi", ai cũng nghĩ phần lợi ích riêng cho ta; vua chỉ biết lợi "ngô quốc"; đại phu, sĩ, thứ nhân chỉ biết lợi "ngô gia, ngô thân", chắc vua không nghĩ gì đến dân, thời dân cũng không nghĩ gì đến vua. Vua với dân đã không làm lợi chung với nhau, tất nhiên nước là bỏ ngỏ, có thể nào mà "quốc bất nguy" được ? Cái tệ hại vì một chữ "ngô" mà ghê gớm như thế ! Nên thầy Mạnh nói ràng : "Vương hà tất viết lợi ?".

Đọc xuống đoạn dưới càng rõ được ý thầy :

Vạn thặng chi quốc thí kỳ quân giả, tất thiên thặng chi gia; thiên thặng chi quốc thí kỳ quân giả, tất bách thặng chi gia. Vạn thủ thiên yên, thiên thử bách yên, bất vi bất đa hỹ; cẩu vị hậu nghĩa nhi tiên lợi, bất đoạt bất yểm.

萬乘之國，弑其君者必千乘之家；千乘之國，弑其君者必百乘之家；萬取千焉，千取百焉，不為不多矣。苟為後義而先利，不奪不厭。

Tỷ như cái nước giàu có đến muôn cộ xe mà vua trong nước ấy bị thằng tôi nào giết, tất là cái nhà thiên thặng giết chớ ai ? (**vạn thặng chi quốc thí kỳ quân giả, tất thiên thặng chi gia**). Còn nước giàu có đến nghìn cỗ xe kia, mà vua nước ấy bị thằng tôi nào giết, tất nhà bách thặng giết chớ ai ? (**thiên thặng chi quốc thí kỳ quân giả, tất bách thặng chi gia**).

Ôi thôi ! Làm một nhà "thiên thặng" ở trong nước "vạn thặng", thế là chia phần ở trong một vạn, mình đã lấy được một nghìn rồi (**vạn thủ thiên yên**). Làm một nhà "bách thặng" ở trong nước "thiên thặng", thế là chia phần ở trong một nghìn mình đã lấy được một trăm rồi (**thiên thủ bách yên**) thế cũng đã là không phải không nhiều nữa (**bất vi bất đa hỹ**). Vì sao mà nhà "thiên thặng" còn giết vua "vạn thặng" ? Nhà "bách

thạng" còn giết vua "thiên thạng" ? Thời có gì lạ đâu ! Chỉ vì không cốt gấp ở nghĩa, mà cốt gấp ở lợi, không cướp hết cả, tất không dã no (**cầu vi hậu nghĩa nhi tiên lợi, bất đoạt bất yểm**).

Chữ "hậu", chữ "tiên" ở đây là động từ, không phải danh từ : "hậu", là có ý khinh rẻ; "tiên" , là có ý quí trọng. Hễ khinh rẻ nghĩa mà quí trọng lợi, tất phải cướp ráo mới nghe.

Xem cái tệ hại như thế thời cái công lợi riêng chẳng phải độc lắm hay sao ? Muốn cho được lợi vào nước, và cả lợi cho dân thời có gì hơn công lợi chung. Mà muốn làm công lợi chung, tất nhiên phải làm nhân nghĩa. Nên thầy lại kết thúc bằng hai câu này :

Vương diệc viết : Nhân nghĩa nhi dĩ hỹ; hà tất viết lợi.

王亦曰：仁義而已矣；何必曰利？

Khuyên cho ngài đã làm vua như ngài (**vương**) cũng chỉ nên nói "nhân nghĩa" mà thôi, cần gì phải nói tới "lợi" ?

Thích cho hết ý : Vua mà cứ chăm về "nhân nghĩa", lo "lợi" chung cho quốc dân, thời đại phu, thứ nhân cũng đua nhau làm "nhân nghĩa" mà lo "lợi" chung cho nước, tuy không phải nói "lợi ngô quốc" mà lợi ích biết chừng nào !

Đó là thâm ý của thầy Mạnh.

Chúng ta chớ say mê vì công lợi chủ nghĩa của Thái Tây mà không nhận kỹ tinh thần của Mạnh Tử.

Xin đọc đến bài thầy nói với Tống Kinh ở thiên *Cáo Tử Hạ* thời càng minh bạch lắm !

Lời thầy nói :

Vi nhân thần giả, hoài lợi dĩ sự kỳ quân; vi nhân tử giả, hoài lợi dĩ sự kỳ phụ; vi nhân đệ giả, hoài lợi dĩ sự kỳ huynh, thị quân thần, phụ tử, huynh đệ, chung khứ nhân nghĩa, hoài lợi dĩ tương tiếp, nhiên nhi bất vong giả, vị chi hữu dã.

為人臣者，懷利以事其君；為人子者，懷利以事其父；為人弟者，懷利以事其兄；是君臣，父子，兄弟，終去仁義，懷利以相接，然而不亡者，未之有也。

Kẻ làm tôi người, ôm lấy lòng lợi mà thờ vua nó; kẻ làm con người, ôm lấy lòng lợi mà thờ cha nó; kẻ làm em người, ôm lấy lòng lợi mà thờ anh nó. Thế thời vua tôi, cha con, anh em, trót bỏ nhân nghĩa, ôm lấy lòng lợi mà tiếp dãi nhau, như thế mà nước ấy không đến nỗi mất tuyệt, chắc không lẽ ấy ! (**hoài lợi dĩ tương tiếp, nhiên nhi bất vọng giả, vị chi hữu dã**).

Nói rút lại, "ngữ ý" (語意) ở trong hai bài này, tệ hại lớn nhất là hai câu "**thượng hạ giao chinh lợi**", "**hoài lợi dĩ tương tiếp**", chúng ta dầu xem qua, nghĩ trái hẳn với công lợi chủ nghĩa của Thái Tây, mà tưởng lời nói thầy Mạnh là "vu khoát". Nhưng thử nghĩ cho kỹ, nếu ở trong một nhà mà cha với con, anh em chỉ đem lợi nhử cho nhau : con vì có lợi mới tử tế với cha; em vì có lợi mới tử tế với anh; một ngày kia lợi hết, tất phải bỏ nhau; mà dầu có còn lợi nữa, tất cũng đến nỗi tranh nhau cướp nhau; mà diễn thành ra cái tuồng "cốt nhục tương tàn"; chính là những việc mà trước mắt ta thường thấy.

Bao nhiêu việc cha giết con; con giết cha, anh giết em, em giết anh, có bao giờ không vì tranh lợi mà xảy ra đâu ! Suy cho rộng ra việc một nước, một xã hội, hễ những cuộc giết nhau, cướp nhau, tương tàn, tương tặc, tất thảy ở cái nguồn tranh lợi mà nảy ra hết. Thế thời cái công lợi chủ nghĩa của Thái Tây chúng ta phải tuyệt dối không thừa nhận, mà chúng ta càng nên bội phục lời thầy Mạnh.

Tuy nhiên, thầy Mạnh sở dĩ bài xích công lợi chủ nghĩa là thầy ghét vì công lợi riêng mà thôi, chứ như công lợi thuộc về phần chung thời thầy Mạnh vẫn để xướng lắm. Bởi vì công lợi chung tức là lạc lợi chủ nghĩa. "Lạc lợi chủ nghĩa",

là làm sung sướng lợi ích cho tất thảy mọi người, thời thầy Mạnh chẳng bao giờ phản đối. "Lạc lợi chủ nghĩa" tức như câu :

"Quân tử hiền kỳ hiền nhi thân kỳ thân; tiểu nhân lạc kỳ lạc nhi lợi kỳ lợi".

君子賢其賢而親其親；小人樂其樂而利其利。

Xin chứng vào mấy bài sau này, như nói rằng :

Cổ chi nhân dữ dân giai lạc, cố năng lạc dã.

古之人與民皆樂，故能樂也。

Người đời xưa chung vui với tất thảy dân, hễ dân đã khổ thời mình không chịu vui riêng, nếu mình có vui, tất khiến cho dân thảy sung sướng, vì thế mới hay vui được (**dữ dân giai lạc, cố năng lạc dã**).

Lại như bài này :

Độc nhạc lạc, dữ nhân nhạc lạc, thục lạc ? Viết : Bất nhược dữ nhân. Viết : Dữ thiểu nhạc lạc, dữ chúng nhạc lạc, thục lạc ? Viết : Bất nhược dữ chúng. Kim vương dữ bách tính đồng lạc, tắc vương hỹ.

獨樂樂，與人樂樂，孰樂？曰：不若與人！曰：與少樂樂，與眾樂樂，孰樂？曰：不若與眾！今王與百姓同樂，則王矣！

Thầy thường nói việc nhạc với vua nước Tề. Thầy hỏi vua rằng : "Một mình vui nghe nhạc, với người ta vui nghe nhạc, phía nào vui hơn ?" Vua nói rằng : "Không bằng với người ta vui" (**bất nhược dữ nhân**).

Thầy lại hỏi rằng : "Với dám ít người vui nghe nhạc, với dám nhiều người vui nghe nhạc, phía nào vui hơn?" (**thục lạc**). Vua nói : "Không bằng với dám đông người vui".

Thầy nói : "Như vua đã biết với dám đông người vui mới vui, thế thời vua làm sao cho dân bách tính vui cả thảy, bây giờ vua sẽ vui".

Vua vui mà bách tính cũng thấy vui, thế là "dữ bách tính đồng lạc đó, tất nhiên làm nên nghiệp thịnh trị như tiên vương xưa (**kim vương dữ bách tính đồng lạc, tắc vương hỹ**).

Lại xem bài này :

Tề Tuyên Vương vấn viết : Văn Vương chi hựu, phương thất thập lý, nhược thị kỳ đại hồ ?

齊宣王問曰：文王之囿，方七十里，若是其大乎？

Tề Tuyên Vương hỏi với thầy rằng : Vườn của vua Văn Vương ngang dọc vuông 70 dặm, thiệt có to lớn như thế đó ru ? ("hựu", là cái vườn nhà vua).

Viết : Dân do dĩ vi tiểu dã.

曰：民猶以為小也。

Thầy nói rằng : "Thế mà dân buổi ấy còn cho là nhỏ đó vậy !".

Viết : Quả nhân chi hựu, phương tứ thập lý, dân do dĩ vi đại, hà dã ?

曰：寡人之囿，方四十里，民猶以為大，何也？

Vua hỏi rằng : "Vườn của quả nhân này, chỉ vuông có 40 dặm mà dân còn cho là lớn hung, cớ sao vậy ?"

("Quả nhân", là người ít đức; lời vua tự khiêm thời gọi là "quả nhân").

Viết : Văn Vương chi hựu phương, thất thập lý, sô nghiêu giả vãng yên; trĩ thố giả vãng yên, dữ dân đồng chi, dân dĩ vi tiểu, bất diệc nghi hồ ?

曰：文王之囿方七十里，芻蕘者往焉，雉兔者往焉，與民同之，民以為小，不亦宜乎？

Thầy nói rằng : "Vua chớ nghi vườn vua Văn Vương là lớn. Vua Văn Vương tiếng tuy có vườn 70 dặm, nhưng vẫn là vườn chung với dân nữa kia. Ở trong vườn đó, người hái

rau, bứt củi (**sô nghiêu giả**), được ra vào chỗ đó (**vãng yên**); người đi bán chim trĩ, đánh con thỏ (**trĩ thố giả**), được qua lại chỗ đó (**vãng yên**). Vườn của vua mà cho dân chung cọng như thế (**dữ dân đồng chi**), dân còn cho rằng nhỏ, chẳng cũng phải lắm hay sao ? (**bất diệc nghi hồ** ?).

Đoạn này thấy nói cái nghĩa "đồng lợi" của vua Văn Vương. Đoạn dưới này lại nói cái tệ "lợi riêng" của Tề Tuyên Vương.

Thần thỉ chí ư cảnh, vấn quốc chi đại cấm, nhiên hậu cảm nhập; thần văn giao quan chi nội hữu hựu phương tứ thập lý, sát kỳ my lộc giả như sát nhân chi tội; tắc thị phương tứ thập lý vi tỉnh ư quốc trung, dân dĩ vi đại, bất diệc nghi hồ ?

臣始至於境，問國之大禁，然後敢入；臣聞郊關之內，有囿方四十里，殺其麋鹿者如殺人之罪；則是方四十里為井於國中，民以為大，不亦宜乎？

Chứ như vườn của nhà vua thời trái hẳn với vườn của vua Văn Vương. Lúc đầu tôi mới bước chân đến cõi nước (**quốc cảnh**), hỏi thăm những phép luật cấm lớn của nước (**vấn quốc chi đại cấm**), mới dám vào, thời nghe rằng : Ở trong cửa phía giao, có vườn nhà vua vuông 40 dặm, hễ ai giết những giống hươu nai ở trong vườn ấy thời bị tội đồng với tội giết người (**sát kỳ my lộc giả như sát nhân chi tội**), thế thời có phải là vườn nữa đâu ! Chỉ là đặt một cái hầm bẫy ở trong nước mà rộng vuông đến 40 dặm (**tắc thị phương tứ thập lý vi tỉnh ư quốc trung**) ("tỉnh", nghĩa là cái hầm bẫy; ai sụp vào hầm bẫy thời chết ngay). Kia vườn nhà vua mà nuôi nhiều my lộc, để nhử cho dân mắc lấy tội như tội giết người, cũng như cái hầm bẫy; dân cho là lớn, cũng chẳng phải lắm hay sao !

Xem như ý tứ mấy bài trên ấy, tuy nói những việc phạm vi nhỏ, nhưng cũng tỏ được ý thấy ghét lợi riêng mà thích

lợi chung. Bài trên nói rằng : "**Dữ dân đồng lạc**"; bài dưới nói rằng : "**Dữ dân đồng chi**", thầy là ý ấy.

Lại xin xem luôn mấy bài sau này :

Thầy thường nói với Tề Tuyên Vương rằng :

Vi dân thượng nhi bất dữ nhân đồng lạc giả, phi dã; lạc dân chi lạc giả, dân diệc lạc kỳ lạc; ưu dân chi ưu giả, dân diệc ưu kỳ ưu. Lạc dĩ thiên hạ, ưu dĩ thiên hạ, nhiên nhi bất vượng giả, vị chi hữu dã.

為民上而不與人同樂者，非也；樂民之樂者，民亦樂其樂；憂民之憂者，民亦憂其憂；樂以天下，憂以天下．然而不王者，未之有也．

Hễ làm người ở trên dân mà không chung việc vui với dân là không phải dó vậy. Hễ kẻ lấy những việc vui của dân làm vui (**lạc dân chi lạc giả**), thời dân cũng vui chuyện vui của người trên (**dân diệc lạc kỳ lạc**).

Làm người trên mà lấy những việc lo của dân làm lo cho mình (**ưu dân chi ưu giả**), thời dân nó cũng lo những việc lo cho người trên (**dân diệc ưu kỳ ưu**).

Lấy việc vui của cả thiên hạ làm việc vui của mình; lấy việc lo của cả thiên hạ làm việc lo của mình (**lạc dĩ thiên hạ, ưu dĩ thiên hạ**), như thế mà không làm nên nghiệp vương, chắc không có lẽ ! ("lạc", là có ý sung sướng; "ưu", là có ý đau khổ).

Xem câu : "**Lạc dĩ thiên hạ, ưu dĩ thiên hạ**" thời biết ý thầy không phải ghét công lợi; nhưng tất lạc lợi cho được khắp cả thiên hạ mới là thầy chủ trương.

Lại xem như những lời mà thầy thường nói với Tề Tuyên Vương.

Vua Tề Tuyên Vương thường nói với thầy rằng :

"Quả nhân này ham tiền của" ("**hiếu hóa**") (好貨).

Thầy trả lời rằng :

Vua như ham tiền của, xin ham chung với bách tính. (**Vương như hiếu hóa dữ bách tính đồng chi**) (王 如 好 貨 與 百 姓 同 之), tất khiến cho dân trăm họ, hễ người ở tất có kho lẫm chứa lúa (**cư giả hữu tích thương**) (居 者 有 積 倉), hễ người đi đường, thảy có túi dãy trữ tiền gạo (**hành giả hữu lỡa lương**) (行 者 有 裹 糧), như thế thời hiếu hóa mà có hại gì !

Tề Vương lại nói rằng :

"Quả nhân có bệnh ham sắc con gái" (**hiếu sắc**) (好 色).

Thầy trả lời rằng :

Nhà vua như ham sắc, xin ham chung với bách tính, tất khiến cho dân trăm họ tất thảy ở trong không người con gái nào quá thì mà không chồng (**nội vô oán nữ**) (內 無 怨 女), ở ngoài không người con trai nào lớn tuổi mà không vợ (**ngoại vô khoáng phu**) (外 無 曠 夫). Như thế thời "hiếu sắc" mà có hại gì ?

Xem như những bài kia thời việc lạc lợi chung của nhân dân là mục đích duy nhất của thầy, mà lại rất để ý đến hạng dân bần cùng.

Nên thầy lại có bài nói rằng :

Tích giả, Văn Vương chi trị Kỳ dã, canh giả cửu nhất; quan thị, cơ nhi bất chinh; trạch lương vô cấm; tội nhân bất noa.

昔 者 ， 文 王 之 治 岐 也 · 耕 者 九 一 ， 關 市 譏 而 不 征 ； 澤 梁 無 禁 ， 罪 人 不 孥 ·

Ngày xưa vua Văn Vương làm việc chính trị ở đất Kỳ, đối với dân cày, nó được ăn chín phần linh một ở trong mười phần, thế là nó cung cấp cho nhà quan không đầy một phần ở trong mười phần (**canh giả cửu nhất**). Những chỗ cửa quan với chợ, thời chỉ có xét hỏi mà không thu thuế (**quan thị cơ nhi bất chính**) ("cơ", nghĩa là tra xét, hỏi thăm, phòng có

gian trộm chàng; "chinh", nghĩa là thu thuế).

Đến như những chỗ chằm đìa rừng động tất thảy cho dân được đánh cá, hái củi, chặt cây mà không có lệnh cấm (**trạch lương vô cấm**). Dân rủi có người mắc lấy tội thời người nào làm duy người ấy chịu, chẳng bao giờ bắt tội lây đến người nhà nó (**tội nhân bất nọa**).

Lại như hạng người già mà không vợ, gọi bằng "quan" (**lão nhi vô thê viết quan**) (老而無妻曰鰥); già mà không chồng gọi bằng "quả" (**lão nhi vô phu, viết quả**) (老而無夫曰寡); già mà không con gọi bằng "độc" (**lão nhi vô tử, viết độc**) (老而無子曰獨); trẻ mà không cha, gọi bằng "cô" (**ấu nhi vô phụ, viết cô**) (幼而無父曰孤). Bốn hạng người trên, chính là hạng dân cùng ở trong thiên hạ, mà không biết kêu oan với ai (**thử tứ giả, thiên hạ chi cùng dân nhi vô cốc giả**) (此四者，天下之窮民而無告者).

Văn Vương phát chính thi nhân, tất tiên tư tứ giả.

文王發政施仁，必先斯四者。

Vua Văn Vương xuất phát chính lịnh để tuyên bố nhân ân của mình (**phát chính, thi nhân**), tất trước chú ý ở bốn hạng cùng dân như trên kia kể.

Xem thấy bàn "vương chính" mà cử vua Văn Vương làm gương, thời biết ý thầy rất để mắt vào dân cùng, mà cái chủ nghĩa "lạc lợi" chung là trọng yếu thứ nhất ở trong bản ***Mạnh Tử***.

Diễn dịch về mục thứ hai :

Chú trọng về hòa bình, mà rất ghét về chinh chiến.

注重於和平，而深惡征戰者

"Phi chiến chủ nghĩa", là một chủ nghĩa rất tốt mà thịnh hành ở Âu Châu gần đây. Bởi vì cái học thuyết mới từ đầu thế kỷ hai mươi, nhiều người chủ trương "nhân đạo" ("nhân đạo", nghĩa là lo sự hạnh phúc cho loài người), hết sức bài xích chiến tranh, cho việc đánh nhau là tội ác rất nặng. Nhưng

chủ nghĩa ấy há phải đến đời nay mới phát hiện đâu ! Thực ra thầy Mạnh từ trước 2.000 năm đã từng phẫn phúc nói đến chủ nghĩa ấy. Thầy rất ghét việc đánh nhau, như những câu nói : "**Thiện chiến giả phục thượng hình**", "**Tranh địa dĩ chiến, sát nhân dinh dã; tranh thành dĩ chiến, sát nhân dinh thành; thử sở vị suất thổ địa nhi thực nhân nhục, tội bất dung ư tử**" (*nghĩa đã thích ở tiết trên*).

Lại như nói rằng :

Sư hành nhi lương thực, cơ giả phất thực, lao giả phất tức, phương mệnh ngược dân, ẩm thực nhược lưu, lưu liên hoang vong, vi chư hầu ưu.

師行而糧食，飢者弗食，勞者弗息，方命虐民，飲食若流；流連荒亡，為諸侯憂。

Đem quân đi phải lấy lương ở dân mà ăn (**sư hành nhi lương thực**), tất nhiên nhân dân ở lúc đó, người đói không có mà ăn, là vì lương hướng đã cung cấp cho quân lính (**cơ giả phất thực**), còn người ở chiến trường và người lo cung cấp việc quan thời hết sức khó nhọc mà không được nghỉ (**lao giả phất tức**). Thế mà những người bày đặt ra việc đánh nhau hãy còn ỷ võ lực mình mạnh mà chống cãi lẽ trời, hết sức làm tai hại dân (**phương mệnh ngược dân**, ("mệnh", nghĩa là lẽ trời; "phương", nghĩa là chống cãi). Quân đi tới đâu, ăn uống in như nước chảy (**ẩm thực nhược lưu**); khi đánh được mà đắc chí thời các anh kẻ lớn trong dám đánh, mặc sức mình "lưu liên hoang vong" để làm khổ sở đau đớn cho dân các nước (**lưu liên hoang vong, vi chư hầu ưu**) ("hoang", nghĩa là luống tuồng không chán; "vong", nghĩa là vui say không chán; "lưu", nghĩa là theo giòng sông đi xuống mà quên trở về; "liên", nghĩa là theo giòng sông đi lên mà quên trở lại. "Lưu liên", chỉ ý là say mê vô độ). Mấy câu đó tất thảy là hình dung cái tội ác của nhà làm việc binh. Nên thầy có câu rằng :

Ngũ bá giả, tam vương chi tội nhân dã; kim chi chư hầu, ngũ bá chi tội nhân dã.

五霸者，三王之罪人也；今之諸侯，五霸之罪人也。

Ý thầy hới ràng : Việc chiến tranh tuy là mở mối ở đời Tam Vương, nhưng mà vua Thang đánh Kiệt, vua Võ đánh Trụ, còn là vì dân mà đánh kẻ có tội. Đến như đời Ngũ Bá thời chỉ là tranh cướp nhau mà đánh nhau, vun đắp quyền lợi cho một người mà làm tai hại đến trăm họ, thiệt chính là tội nhân của đời Tam Vương đó vậy. ("Ngũ Bá", là năm người làm bá ở đời Xuân Thu : Tề Hoàn, Tấn Văn, Tống Tương, Tần Mục, Sở Trang). Đến như chư hầu ở đời Chiến Quốc thời cái họa chiến tranh lại gấp mười ở đời Ngũ Bá; chính là tội nhân của đời Ngũ Bá đó vậy ("tội nhân", nghĩa là người có tội đáng xử tử, tức là "phục thượng hình").

Tuy nhiên, thầy Mạnh vẫn phi chiến, nhưng cũng không phải tuyệt đối bỏ hết việc binh dâu; vì trong thuyết chính trị của thầy, cần thứ nhất là "bảo dân". Nếu có dân nước nào bị cái hại "bạo quân chuyên chế" làm độc khổ nhân dân, bất đắc dĩ cần phải cứu dân nước ấy mà phải dụng đến việc binh thời cũng có lúc phải đánh. Nhưng trong khi tuyên chiến chỉ là đánh với vua tàn ngược của nước ấy. Vậy nên thầy nói việc Tề Vương đánh Yên, có câu ràng :

Thủ chi nhi Yên dân duyệt tắc thủ chi; thủ chi nhi Yên dân bất duyệt tắc vật thủ.

取之而燕民悅，則取之；取之而燕民不悅，則勿取。

Nghĩa là, đánh nước Yên mà dân nước Yên vui lòng thời nên đánh; đánh nước Yên mà dân nước Yên không vui lòng thời chớ đánh ! ("thủ chi", nghĩa là đánh lấn nước người ta).

Thầy lại nói việc vua Thang đánh nước Cát, có câu ràng :

Tru kỳ quân nhi điếu kỳ dân, nhược thì vũ giáng dân

đại duyệt.

誅其君而弔其民，若時雨降，民大悅。

Vua Thang vì vua nước Cát quá vô đạo, dân nước Cát quá cực khổ nên vua Thang phải đem quân sang đánh, giết vua tàn bạo của nó (**tru kỳ quân**); mà yên ủy thăm dòm dân cực khổ của nó (**điếu kỳ dân**); quân vua Thang đi tới nơi, in như trổ mưa nhằm thì xối xuống (**nhược thì vũ giáng**) ("giáng", nghĩa là mưa xối), dân nó vui mừng hưng (**dân đại duyệt**).

Xem như những bài trên thời nếu chiến tranh mà cứu nhân dân ở trong vùng nước lửa (**dân dĩ vi tương chửng kỷ ư thủy hỏa chi trung dã**) (民以之將拯己於水火之中也。), thời Mạnh Tử cũng cho là "nghĩa chiến".

Duy thấy rất ghét là cách chiến tranh ở đời Xuân Thu, cũng như "xâm lược chính sách" ở đời gần đây, nên thấy có nói rằng :

Xuân Thu vô nghĩa chiến (春秋無義戰).

Nghĩa là tuyển đời Xuân Thu không một trận đánh nào phải nghĩa ("nghĩa chiến", là mục đích chiến tranh ở "nhân nghĩa").

Diễn dịch về mục thứ ba :

Ở trong chính trị mà làm nhân nghĩa, chẳng bao giờ rẽ chính trị nhân nghĩa ra làm hai đàng.

仁義即在於政治之中，非於仁義之外別有政治。

Các chính trị học thuyết ở đời gần đây, trừ bốn chữ "**phú quốc cường binh**" (富國強兵) ra ngoài, e không gì là mục đích; trừ một lối **xâm lược thực dân** (侵略殖民), ra ngoài e không gì là thủ đoạn. Xem như Nhật Bản đối đãi với Triều Tiên (1), Anh Cát Lợi đối với Ấn Độ (1) thời ta biết

(1) (1 - 2) Tình thế Triều Tiên và Ấn Độ nay đã khác hẳn lúc cụ Sào Nam viết sách này

được mục đích với thủ đoạn của nhà chính trị đời sau : đã nói chính trị, tất phải bỏ nhân nghĩa ra ngoài, mà nhân nghĩa chỉ là mấy câu nói suông của nhà học giả. Nào là **nhân đạo chủ nghĩa** (仁道主義), nào là **công lý triết học** (公理哲學), nào là **bác ái** (博愛), **bình đẳng** (平等), **tự do** (自由), chẳng bao giờ nhét vào trong khuôn chính trị được. Bởi vì đã nói "nhân" tất phải bác ái; đã nói "nghĩa" tất phải cho người ta bình đẳng, tự do; nếu cứ "nhân nghĩa" như thế hoài thời những nhà xâm lược thực dân làm thế nào mà múa tay lên mặt được ? Vậy nên "nhân nghĩa" với chính trị phải rẽ làm hai đường.

Chỉ duy "chính trị học thuyết" của thầy Mạnh thời trái hẳn với những nhà chính trị khác. Bởi vì học thuyết của thầy Mạnh là thừa tiếp lấy chân truyền của Khổng Tử; Khổng, Mạnh nói "chính trị" thường cặp luôn với "nhân, nghĩa".

Khổng Tử có câu rằng :

Tử vi chính, yên dụng sát ?

子為政，焉用殺？

Mà Mạnh Tử cũng có câu :

Bất thị sát nhân giả năng nhất chi.

不嗜殺人者，能一之。

Hai câu ấy ý tứ như một, thích nghĩa kỹ như dưới này :

Quan Đại phu nước Lỗ có hỏi với đức Thánh rằng :

Giả như ta giết những người vô đạo, khiến cho người khác làm nên hữu đạo, có phải với cách làm chính hay không ? (**như sát vô đạo dĩ tựu hữu đạo, hà như** ?). Đức Thánh trả lời rằng : Ông không quyền chính trị thời thôi, bây giờ ông đã có quyền làm chính, cần gì phải dùng đến giết ? (**tử vi chính; yên dụng sát** ?). Ông thành tâm muốn làm việc lành, mà tự nhiên dân trông gương vào ông, tất thảy lành cả (**tử dục thiện nhi dân thiện hỹ**).

Lương Tương Vương vấn viết : Thiên hạ ô hồ định ?

梁襄王問曰：天下惡乎定？

Vua Tương Vương nước Lương hỏi với thầy rằng : Thiên hạ an định vào buổi nào ? ("ô hồ", có ý như bao giờ; "định", nghĩa là an ổn bình định).

Đối viết : Định vu nhất

對曰：定于一。

Thầy trả lời rằng : Hiện bây giờ nước này nước nọ tranh nhau làm hùng bá, nên nỗi trong thiên hạ không yên tịnh được; hễ bao giờ có người thống nhất được cả thiên hạ thời thiên hạ mới an định (**định vu nhất**).

Thục năng nhất chi ?

孰能一之？

Tương Vương lại hỏi rằng : Thế thời ai là người thống nhất được thiên hạ.

Thầy trả lời rằng :

Bất thị sát nhân giả năng nhất chi.

不嗜殺人者，能一之。

Hễ người nào có lòng nhân đức, không ham giết người thời người ấy thống nhất được cả thiên hạ (**bất thị sát nhân giả năng nhất chi**, ("thị", nghĩa là ham muốn; "bất thị sát nhân", nghĩa là không thích những chuyện giết người. Tuy đến lúc làm chính trị, gặp người có tội, không thể không giết được, như Thang giết Kiệt, Võ giết Trụ, há phải tuyền không giết đâu, nhưng trong khi giết đó "xuất ư vạn bất đắc dĩ", chứ không phải trong lòng muốn giết. Nên nói rằng : "**bất thị sát nhân**".

Thầy lại nói tiếp rằng :

Kim phù thiên hạ chi nhân mục, vị hữu bất thị sát nhân giả dã.

今夫天下之人牧，未有不嗜殺人者也。

Hiện bây giờ những người làm nhân mục ở trong thiên

hạ, chưa có ai là người "bất thị sát nhân" ("nhân mục", nghĩa là những người làm nguyên thủ ở trong một nước; thống suất nhân dân, coi việc chăn nuôi dân; "nhân", tức là dân).

Như hữu bất thị sát nhân giả tắc thiên hạ chi dân giai dẫn lĩnh nhi vọng chi hỹ

如不嗜殺人者，則天下之民皆引領而望之矣。

Giả như có người thiệt là "bất thị sát nhân", thời dân ở trong thiên hạ, ai nấy cũng nghểnh cổ mà trông người ấy chắc rồi ("lĩnh", nghĩa là cổ họng; "dẫn lĩnh", nghĩa là nghểnh cổ).

Ba chữ "bất thị sát" ở trong miệng Mạnh Tử cũng là ba chữ "yên dụng sát" ở trong miệng Khổng Tử, thảy là chủ trương làm chính trị bằng nhân đức, tức là "nhân chính". Nhưng ở trong "nhân chính", chú trọng nhất có hai việc :

A.- **Dưỡng dân** (養民).

B.- **Giáo dân** (教民).

"**Dưỡng dân**", là lo cho dân về phần sống xác thịt. "Giáo dân", là lo cho dân về phần sống tinh thần. "Dưỡng" với "giáo" vẫn "đồng thì tịnh hành", nhưng cũng có hoãn cấp sai nhau chút đỉnh; trước lo dưỡng rồi sau mới lo đến giáo, cũng như ý trước "phú chi" rồi sau mới "giáo chi" ở trong ***Luận Ngữ***. Vậy nên các bài thầy nói về việc giáo dưỡng có tầng thứ trước sau.

Xin xem như mấy bài sau này :

Thầy thường nói với Lương Huệ Vương rằng :

Vương như thi nhân chính ư dân, tỉnh hình phạt, bạc thuế liễm, thâm canh dị nậu; tráng giả dĩ hạ nhật tu kỳ hiếu đễ trung tín.

王如施仁政於民，省刑罰，薄稅斂，深耕易耨；壯者以下日修其孝悌忠信。

Nhà vua như muốn thi hành những việc chính trị mà có

nhân đức với dân (**vương như thi nhân chính ư dân**) thời giảm bớt những việc hình phạt, nhẹ ít những món thuế má (**tỉnh hình phạt, bạc thuế liễm**) ("tỉnh", nghĩa là bớt, "hình" là luật giết người; "phạt" là luật bắt tội người; "bạc", nghĩa là nhẹ ít; "thuế", là bắt dân nạp tiền thuế; "liễm", là bắt dân đóng góp để cung cấp việc quan); khiến cho dân được thì giờ và đủ sức để cày bừa kỹ (**thâm canh dị nậu**) ("canh", là cày đất; "nậu", là bừa cỏ); còn như con em tuổi lớn lại được có ngày giờ rỗi mà tu tập những việc "hiếu đễ trung tín" (**tráng giả dĩ hạ nhật tu kỳ hiếu đễ trung tín**) ("hạ nhật", là ngày thong thả).

Bài này ba câu trên chú trọng về việc "dưỡng dân"; một câu dưới chú trọng về việc "giáo dân". Vì sao mà phải có câu "tráng giả dĩ hạ nhật..." ? Bởi vì, trong lòng người ta, dầu ai cũng có thể muốn làm "hiếu đễ trung tín", nhưng khổ vì cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, lại còn lo trốn tránh hình phạt, gánh chịu xâu thuế, có thì giờ nào làm việc "hiếu đễ trung tín" nữa ru ? Vậy nên câu này ở sau ba câu trên, nhưng cũng thấy nuốt vào trong hai chữ "nhân chính".

Xem bài dưới này lại càng tường tất lắm :

Bất vi nông thần, cốc bất khả thăng thực dã.

不為農辰，穀不可勝食也.

Giữa mùa cày cấy phải để cho dân được thuận mùa cày mà chẳng làm trái mất việc cày gặt của nó thời chắc lúa nhiều lắm mà không thể ăn hết.

Sác cổ bất nhập ô trì, ngư biết bất khả thăng thực dã.

數罟不入污池，魚鱉不可勝食也.

Lưới nhặt không cho vào ao dầm thời những giống cá tất phải nhiều không thể người ăn hết được (**sác cổ bất nhập ô trì, ngư biết bất khả thăng thực dã**) ("sác cổ", là những thứ lưới bắt cá và dày và nhặt, dầu tôm tép cũng không sót được; cấm không cho dùng thứ lưới ấy, để nuôi loài cá cho lớn. Có thể thời dân mới nhiều đồ ăn).

Phủ cân dĩ thì nhập sơn lâm, tài mộc bất khả thăng dụng dã.

斧斤以入山林，材木不可勝用也。

Thứ rìu búa vào núi rừng tất hạn định cho có thì tiết; hễ đang mùa xuân hạ thời cấm không cho người vào rừng chặt cây; mà nếu có người vào rừng nữa, cũng cấm không cho chặt những thứ cây nhỏ. Như thế thời cây gỗ trên rừng không thể dùng hết được (**phủ cân dĩ thì nhập sơn lâm, tài mộc bất khả thăng dụng dã** ("phủ", là cái búa; "cân", là cái rìu, là đồ để chặt cây; "tài", là cây gỗ đã dùng được).

Đoạn trên này thảy sáu câu chia làm ba món. Hai câu trên là lo việc cơm gạo cho dân; hai câu giữa là lo việc đồ ăn cho dân; hai câu dưới là lo việc khí dụng cho dân. Đủ cả mấy chuyện ấy là việc bắt đầu ở trong chính trị "dưỡng dân". Nên nói tóm lại rằng :

Cốc dữ ngư biết bất khả thăng thực, tài mộc bất khả thăng dụng, thị sử dân dưỡng sinh táng tử vô hám dã; dưỡng sinh, táng tử vô hám, vương đạo chi thỉ dã.

穀與魚鱉不可勝食，材木不可勝用，是使民養生喪死無憾也；養生喪死無憾，王道之始也。

Có mấy việc như trên kia nói : đủ lúa với đồ ăn để cho dân ăn, đủ cây gỗ cho dân dùng, thế là khiến cho dân nuôi người sống, chôn người chết, không còn lo thiếu thốn nữa vậy (**thị sử dân dưỡng sinh táng tử vô hám dã**) ("dưỡng sinh", là cung cấp đồ ăn đồ mặc cho người sống; "táng tử", là cung cấp hòm vỏ mồ mả cho người chết; "vô hám", là đều được thỏa thích mà không ăn năn tức giận); khiến cho dân "dưỡng sinh vô hám, táng tử vô hám" là việc bắt đầu ở trong đạo đời vương đó vậy (**vương đạo chi thỉ dã**).

Chữ "thỉ" rất nên để ý. Bởi vì đạo vương rất lớn và rất nhiều, chỉ bấy nhiêu việc, chẳng qua là nước bước thứ nhất mà thôi. Khiến cho dân sống có chỗ ăn, chỗ mặc, chỗ ở, chết

có đủ mà chôn thời các việc gì khác nữa mới tiếp tục mà làm nên. Nên nói rằng "vương đạo chi thỉ".

Vì muốn cho đầy đủ mở mang các việc ấy, thầy mới chủ trương ở trong đường chính trị, cần thứ nhất có bốn chữ "phân điền, chế sản".

Chia ruộng cho dân được đủ cày; ai nấy cũng cân như nhau, là gọi bằng "phân điền" (分田). Sửa sang sắp đặt cho dân, khiến cho ai nấy cũng có tiền của cho đủ tiền xài, gọi bằng "chế sản".

Vì thấy chủ trương những vấn đề ấy, nên thầy lại nói thêm như đoạn dưới này :

Ngũ mẫu chi trạch thụ chi dĩ tang, ngũ thập giả khả dĩ ý bạch hỹ.

五畝之宅，樹之以桑；五十者可以衣帛矣.

Theo chế độ "tỉnh điền" đời xưa, ruộng đất chia cân cho dân, hễ một nhà tất có một đám vườn vuông 5 mẫu, mà 5 mẫu vườn ấy thảy trồng dâu cho hết, cho dân đủ nuôi tằm làm tơ thời lụa rất nhiều, ai đã già tới 50 tuổi có thể đủ lụa mà mặc cả (**ngũ thập giả khả dĩ ý bạch hỹ**).

Kê đồn cẩu trệ chi súc, vô thất kỳ thì, thất thập giả khả dĩ thực nhục hỹ.

雞豚狗彘之畜，無失其時，七十者可以食肉矣.

Bày vẽ cách "mục súc" cho dân, khiến cho nó biết phương pháp nuôi gà, heo, chó, đừng làm mất thì sinh dục của nó, tất nhiên các thứ thịt giống súc thường thường sẵn luôn, mà những người già đến 70 tuổi, tất thảy có thịt mà ăn cả (**thất thập giả khả dĩ thực nhục hỹ**) ("kỳ thì", là thì giờ nó đương sinh nở, không làm thịt nó).

Bách mẫu chi điền, vật đoạt kỳ thì; bát khẩu chi gia, khả dĩ vô cơ hỹ.

百畝之田，勿奪其時，八口之家可以無饑矣。

Dân ở đời chế độ "tỉnh điền", hễ một suất dân là có ruộng vuông 100 mẫu; mà 100 mẫu ruộng ấy chớ cướp mất mùa cày cấy của nó (**bách mẫu chi điền vật đoạt kỳ thì**).

Chữ "đoạt", là tệ hại của đời vô đạo; thường gặp buổi dân cày cấy mà chính phủ lùa dân làm những việc công dịch để nó bỏ ruộng không được cày, thế là vua cướp mất mùa cày của dân, nên nói rằng "đoạt kỳ thì". Nếu chính phủ không có tệ chính ấy thời dân đã có ruộng 100 mẫu, thường được cày cấy luôn, chắc là lúa sẵn thóc nhiều, dẫu có nhà đông người đến 8 miệng ăn cũng không đến nỗi có người nhịn đói mà chết nữa vậy (**bát khẩu chi gia, khả dĩ vô cơ hỹ**).

Đoạn này lời thầy nói rất có điều lý. Ý bạch chỉ là người ngũ thập trở lên; thực nhục chỉ là người thất thập trở lên, mà trọng yếu nhất là cầu cho được "bát khẩu chi gia, khả dĩ vô cơ". Bởi vì muốn cho tất thảy nhân dân đều được đầy đủ, mà lại ai nấy cũng có lụa mặc, có thịt ăn thời sự thế không làm tới được. Vậy nên ý bạch thực nhục chỉ nhượng cho người già; còn như miệng ăn của cả thảy người trong nhà thời chỉ "khả dĩ vô cơ" là tốt rồi.

Hễ phàm lý tưởng, tất phải cần cho thực hành được, miễn cho tuyển cả nhân dân giải quyết xong vấn đề ăn cơm tức là không có người cực khổ, chính như câu "dưỡng sinh, táng tử vô hám" ở đoạn trên. Như thế là chính sách "dưỡng dân" đã làm xong.

Bây giờ lại cần phải "giáo", nên thầy nói tiếp rằng :

Cẩn tường tự chi giáo; thân chi dĩ hiếu đễ chi nghĩa, ban bạch giả bất phụ đái ư đạo lộ hỹ.

謹庠序之教；申之以孝悌之義，頒白者不負戴於道路矣。

Việc dạy dân thời như thế này :

Dân đến 8 tuổi thời đưa vào nhà tiểu học, đến 16 tuổi sắp lên thời đưa vào nhà đại học, mà tên các nhà ấy gọi bằng "tường, tự" ("tường", nghĩa là nuôi, cốt để nuôi dức tính cho dân; "tự", nghĩa là tập cho dân biết nghề bắn cung, tức là "xạ"; "xạ", là một việc trọng yếu ở trong "lục nghệ", cốt để tập tài nghề cho dân.

Tóm hết cả hai thức dạy đó, gọi bằng "tường tự chi giáo". Nhưng trong câu này, nên chú trọng vào chữ "cẩn".

Vì sao mà có chữ "cẩn" ? Bởi vì nhà học mà chính phủ dựng ra là cốt dạy cho dân thảy nên một con người, tất phải chương trình và công khóa ở trong nhà học hết sức cẩn thận; nếu chương trình và thầy dạy chẳng ra gì thời tuy có nhà học mặc dầu, chẳng qua cũng là đồ vô dụng. Vậy nên "tường tự chi giáo" mà phải đặt chữ "cẩn" ở trên. Ở trong nhà tường nhà tự, lại cần thiết nhất là dạy cho dân biết hiếu dễ, nên phải đinh ninh phản phúc ở những nghĩa ấy : "Hiếu" như thế nào mới đúng với nghĩa chữ "hiếu" ? "Để" như thế nào mới đúng với nghĩa chữ "dễ" ? Nghĩa hai chữ ấy tất phải dạy cho tinh tường. "Hiếu" chẳng phải hiếu với cha mẹ trong nhà mà thôi, "dễ" chẳng phải dễ với anh em trong nhà mà thôi; đem lòng "hiếu dễ" ấy mà đối đãi với người già, kẻ lớn ở trong nước. Nhân dân mà được hiếu, được dễ ấy là nhờ ở trong nhà học đã dạy cho kỹ càng, tất nhiên những người ở nhà học ra, ai nấy cũng được thực hành đạo lý ấy. Khi đi ra ngoài đường, tất nhiên người trẻ kính người già, người bé thương người lớn; xem người già cả tất thảy là cha anh mình, ai nỡ để những người đầu bạc lơ phơ mà còn mang đội ở ngoài đường sá nữa dâu. Thế là "**ban bạch giả bất phụ đái ư đạo lộ hỹ**" ("ban bạch", là những người già mà tóc ở trên đầu nửa trắng nửa đen; "phụ đái", là vai mang lưng đội những đồ nặng nhọc). Xem ở nơi đạo lộ mà không có người "ban bạch phụ đái" là đức tính dân tốt lắm rồi.

Xem góp cả hai đoạn trên kia kể là công việc "dưỡng dân" và "giáo dân", hai phía viên mãn cả, chính là lúc thành

công ở trong "vương đạo".

Sở dĩ nói bàng "vương đạo" là trong ý thầy rất phản đối với "bá đạo". "Bá đạo" không phải là không chính trị, nhưng mà chính trị của họ chuyên về mặt phú cường cho nhà vua; chứ như chính trị trong ý thầy Mạnh thời lại cốt làm phú cường cho nhân dân.

Vậy nên ở trong "chính trị học thuyết" của thầy lại có thể chia làm hai đại tiết :

1)- Bình dân kinh tế học thuyết.

2)- Bình dân giáo dục học thuyết.

Hai tiết ấy sẽ tường ở đoạn sau.

Diễn dịch về mục thứ tư :

Quí trọng quyền dân và tôn trọng ý dân.

Vì sao chúng ta dám đoán định "chính trị học thuyết" của thầy Mạnh là khuynh hướng về mặt "bình dân" ?

Bởi vì trong lý tưởng của thầy, rất quí trọng quyền dân, lại rất tôn trọng ý dân. Xin cử mấy bài sau này làm chứng.

Trước xin bàn những bài thuộc về "dân quyền chủ nghĩa".

Thầy Mạnh vốn xem chữ "dân" với chữ "nhân" làm một chữ. Nhưng ở trong loài người lại lấy "dân" làm quí. Học thuyết từ đời thầy Mạnh Tử trở về trước, thiệt chưa có ai để xướng dân quí hơn vua, mà chính giữa đức Khổng Tử cũng chưa từng nói tới. Chỉ duy đến thầy Mạnh, thoạt đầu tiên nói một một câu rằng :

"Dân vi quí, quân vi khinh".

Lại như bài thầy trả lời với Lương Tương Vương rằng : **"bất thị sát nhân giả, năng nhất chi"** (*đã thích ở đoạn trên*).

Lương Tương Vương lại hỏi rằng :

Thục năng dữ chi ?

孰能與之 ?

Nghĩa là, thế thời người thống nhất được thiên hạ đó, ai

là người có quyền cho phép người ấy được thống nhất ?

Đối viết : Thiên hạ mạc bất dữ dã.

對曰：天下莫不與也。

Thầy trả lời rằng : Thầy người trong thiên hạ, chẳng có ai là người không quyền cho cả (**thiên hạ bất dữ dã**).

"Dữ" nghĩa là cho, tức là có quyền thừa nhận cho người kia được thống nhất; "thiên hạ", tức là nhân dân cả tuyển thể; "thống nhất", là chỉ vào vua, nhưng mà vua sở dĩ được thống nhất, tất nhờ ở tuyển thể nhân dân thừa nhận). Nếu nhân dân không cho thời một mình người vua làm sao thống nhất nổi ? Đó là chính ý của thầy trọng nhân dân; nên nói rằng "**thiên hạ mạc bất dữ**", ý là người trong thiên hạ tất thảy có quyền trao cấp cho vua, dân có quyền cho (**dữ**), vua mới có quyền lấy. Chữ "dữ" tương đối với chữ "thủ". Nếu dân không "dữ" thời vua không "thủ" được, lại tất phải tuyển thiên hạ "dữ" cả không thể trừ ngoại được một người nào.

Xem ngữ ý câu này, thiệt "trọng dân" tột mực.

Lại xem như bài sau này càng rõ lắm :

Vạn Chương viết : Nghiêu dĩ thiên hạ dữ Thuấn, hữu chư ? Mạnh Tử viết : Phủ, thiên tử bất năng dĩ thiên hạ dữ nhân.

萬章曰：堯以天下與舜，有諸？孟子曰：否！天子不能以天下與人。

Học trò thầy có Vạn Chương hỏi với thầy rằng : "Vua Nghiêu lấy thiên hạ cho vua Thuấn, có chuyện ấy không ?" (**Nghiêu dĩ thiên hạ dữ Thuấn hữu chư** ?) (chữ "dữ" ở đây cũng như chữ "dữ" ở bài trên).

Mạnh Tử nói rằng : "chuyện ấy không có (**phủ**) (chữ "phủ" trả lời chữ "hữu chư"). Bởi vì thiên tử không có quyền lực gì mà đem thiên hạ cho người được" (**thiên tử bất năng dĩ thiên hạ dữ nhân**).

Nhiên tắc Thuấn hữu thiên hạ dã, thục dữ chi ?

然則舜有天下也，孰與之？

Vạn Chương lại hỏi rằng : "Vậy vua Thuấn được có thiên hạ, dấy là ai cho ?"

Viết : Thiên dữ chi

曰：天與之。

Trời cho đó, chứ còn ai nữa !

Thiên dữ chi giả, chuân chuân nhiên, mệnh chi hồ ?

天與之者，諄諄然，命之乎？

Vạn Chương lại hỏi : Như nói rằng trời cho đó, e trời cũng khấn khấn vậy mà bảo cho ru ? (**chuân chuân nhiên, mệnh chi hồ** (chữ "mệnh", là bảo khiến, khác với chữ "mệnh" ở mọi nơi).

Viết : Phủ; thiên bất ngôn, dĩ hành dữ sự, thị chi nhi dĩ hỹ.

曰：否！天不言，以行與事，示之而已矣。

Thầy nói rằng : không phải thế (**phủ**); trời chẳng bao giờ nói : trời chỉ lấy công việc làm và những thành ích, bảo tỏ ý trời mà thôi vậy (**thiên bất ngôn, dĩ hành dữ sự thị chi nhi dĩ hỹ**)

("Hành dữ sự", là những việc xuất tự ý trời bày đặt ra; "thị", nghĩa là biểu hiện. Chữ "thị" đỡ lấy chữ "mệnh"; "thị" cho thế nào tức là "mệnh" cho thế ấy).

Xem ở mấy câu này, chúng ta phải biết "thiên" là gì ? "Thiên", tức là dân. Xem lòng dân tức là lòng trời. Vậy nên thầy nói tiếp rằng :

Thiên tử năng tiến nhân ư thiên, bất năng sử thiên dữ chi thiên hạ.

天子能薦人於天，不能使天與之天下。

Thiên tử chỉ có quyền đưa người hiền tiến lên cho trời, không có quyền bảo trời đem thiên hạ cho người ấy. Vì cho hay không cho là quyền tại trời, thiên tử cũng chỉ một người

như người khác mà thôi.

("Tiến nhân ư thiên", nghĩa là giới thiệu một người kia với trời).

Nhưng mà nói rằng thiên, há phải thiên là trời xanh xanh, hay đức Thượng đế như nhà tôn giáo thường nói hay sao ? không phải. Chữ "thiên" ở trong miệng thầy Mạnh chỉ là "nhân dân" ở trong tuyển cả nước. Thầy cho chủ quyền của nước ở nơi dân, vậy nên dân có quyền đem thiên hạ cho người (**dân năng dĩ thiên hạ dữ nhân**), dân mới là đại biểu cho trời.

Xem như câu : "**thiên tử bất năng dĩ thiên hạ dữ nhân**" thời quyền thiên tử thua dân xa lắm. Độc giả xin đọc xuống đoạn dưới này :

Bộc chi ư dân, nhi dân thụ chi; cố viết : thiên bất ngôn, dĩ hành dữ sự thị chi nhi dĩ hỹ.

暴之於民，而民受之；故曰：天不言，以行與事，示之而已矣。

Tuyên bố ra giữa dân mà dân bằng lòng vui chịu lấy (**bộc chi ư dân nhi dân thụ chi**) ("bộc", nghĩa là bêu tỏ ra; "thụ", nghĩa là thừa nhận).

Tích giả, Nghiêu tiến Thuấn ư thiên, Thuấn tướng Nghiêu nhị thập hữu bát tái ("tái", nghĩa là năm). **Nghiêu băng, Thuấn tỵ Nghiêu chi tử, ư Nam Hà chi nam; thiên hạ chư hầu triều cẩn giả, bất chỉ Nghiêu chi tử nhi chỉ Thuấn; tụng ngục giả, bất chỉ Nghiêu chi tử, nhi chỉ Thuấn; âu ca giả, bất âu ca Nghiêu chi tử, nhi âu ca Thuấn; Cố viết : Thiên dã. Phù nhiên hậu chi trung quốc, tiễn thiên tử vị yên.**

昔者，堯薦舜於天，舜相堯二十有八載；堯崩，舜避堯之子於南河之南；天下諸侯朝覲者，不之堯之子而之舜；訟獄者，不之堯之子而之舜；謳歌者，不謳歌堯之子而謳歌舜，故曰：天也。夫然後之中國踐天子位焉。

Đoạn này là chứng cho có sự thực để cho rõ được vua Thuấn có thiên hạ là cốt vì nhân dân thuận cho. Nói rằng : **"thiên dữ chi"**, nhưng thực tế là **"dân dữ chi"** mà thôi.

Kể chuyện như thế này :

Ngày xưa, vua Nghiêu có tiến vua Thuấn với trời, vua Thuấn mới làm tướng cho vua Nghiêu hai mươi tám năm (**nhị thập hữu bát tải**) (chữ "hữu", nghĩa là lại, cũng nghĩa là thêm vào). Đến lúc vua Nghiêu mất, Thuấn không dám chiếm lấy ngôi vua của Nghiêu, toan nhường lại cho con vua Nghiêu mà tránh qua ở bên Nam sông Nam Hà (**Thuấn ty Nghiêu chi tử ư Nam Hà chi nam**); nhưng mà nhân dân lúc bấy giờ, tất cả người trong thiên hạ, hễ ai là người triều cẩn không triều cẩn con vua Nghiêu mà triều cẩn với Thuấn; hễ ai có tụng ngục, không đến kêu van với con vua Nghiêu mà đến với Thuấn; hễ ai có âu ca công đức, không âu ca con vua Nghiêu mà âu ca Thuấn. Như thế thiệt là **"bộc chi ư dân nhi dân thụ chi"**. Dân đã thụ chi, vậy nên chắc rằng trời cho đó vậy (**cố viết : thiên dã**). Vua Thuấn bấy giờ mới chiếu theo lòng dân, đi đến giữa kinh đô nước mà lên ngôi thiên tử.

Thế thiệt là Thuấn được làm ngôi thiên tử chỉ là dân cho làm mà không phải vua Nghiêu có quyền cho Thuấn vậy. Nên thầy Mạnh nói rằng : **"thiên tử bất năng dĩ thiên hạ dữ nhân"**.

Xưa nay, người ta học sử cũ Tàu, chỉ nói rằng vua Nghiêu trao cho vua Thuấn (**Nghiêu dữ Thuấn**); chỉ duy thầy Mạnh phát minh được nghĩa lý ấy, mà cốt nhất có ba chữ "dân dữ chi".

("Dân dữ chi", nghĩa là nhân dân cho đó, tức là "bộc chi ư dân nhi dân thụ chi".

"Triều cẩn giả", là người đến chầu và yết kiến; "tụng ngục giả", là người có việc tụng sự, hoặc có chuyện hình ngục mà phải kêu oan; "âu ca giả", là cảm ơn đội đức mà ngợi hát tán tụng. Năm chữ "chi" nghĩa là đi).

Kể ba hạng người ấy là đủ đại biểu cho ý dân.

Thầy Mạnh muốn chứng rõ ngữ ý của mình "dân tức là thiên", nên dẫn lời ***Kinh Thư*** rằng :

Thái Thệ viết : Thiên thị tự ngã dân thị; thiên thính tự ngã dân thính.

泰誓曰：天視自我民視；天咱自我民咱

Xưa thiên *Thái Thệ* ở trong ***Chu Thư*** đã có câu nói rằng :

Trời vẫn có dòm, mà không phải ở trời có mắt dâu; chỉ tự ở nơi mắt ta dòm tức là trời dòm (**thiên thị tự ngã dân thị**), trời vẫn có nghe, nhưng không phải ở trời có tai nghe dâu, chỉ ở nơi tai dân ta nghe tức là trời nghe đó (**thiên thính tự ngã dân thính**).

Lời Thái Thệ nói như trên kia là bảo như việc vua Thuấn đó vậy.

Dân vẫn là đại biểu cho trời, mà quyền dân vẫn thay được quyền trời; dân tức là trời, vẫn đời xưa đã có như thế.

Xem như ý tứ đoạn này thời thầy Mạnh xem chủ quyền ở trong nước thuộc về nhân dân, tinh ý cũng không khác gì Lô Thoa (**J.J. Rousseau**) ở bên Pháp. Học giả đời bây giờ quí trọng Lô Thoa mà bỏ ngỏ Mạnh Tử, thiệt không biết là tâm lý gì !

Tuyển cả pho ***Mạnh Tử*** triệt thủ triệt vĩ, nói dọc nói ngang thảy là vì nhân dân kêu dau khổ, thay cho nhân dân tính dường hạnh phúc, mà qui kiết lại ở nơi thuận lòng dân, trọng ý dân. Xin xem những bài sau này càng rõ lắm :

Đắc thiên hạ hữu đạo; đắc kỳ dân, tư đắc thiên hạ hỹ. Đắc kỳ dân hữu đạo; đắc kỳ tâm, tư đắc dân hỹ. Đắc kỳ tâm hữu đạo, sở dục dữ chi, tụ chi; sở ố vật thi nhĩ dã.

得天下有道，得其民，斯得天下矣．得其民有道，得其心，斯得民矣．得其心有道，所欲與之，聚之，所惡勿施爾也．

Thống nhất được thiên hạ, tất có một cái đường lối hay (**đắc thiên hạ hữu đạo**); tóm hết cả dân trong thiên hạ chắc là thống nhất thiên hạ rồi đó. Tóm hết được cả dân trong thiên hạ phải có một phương pháp hay (**đắc kỳ dân hữu đạo**); hễ thỏa thuận lòng nó chắc là được dân rồi đó. Hòa thuận lòng nó tất có một đạo lý hay (**đắc kỳ tâm hữu đạo**); hễ dân đã muốn cái gì, thời ta góp lật lại cho nó để cho nó được vừa lòng (**sở dục, dữ chi, tụ chi**); hễ dân đã ghét những cái gì thời ta chớ đem cái ấy mà thi hành với dân (**sở ố, vật thi nhĩ dã**).

Xem câu "**đắc kỳ tâm tư đắc dân; đắc kỳ dân tư đắc thiên hạ**" thời "học thuyết chính trị" của thầy Mạnh trọng yếu thứ nhất là "đắc nhân tâm". Vậy nên chính phủ muốn làm những việc gì, như những việc đặt quan lại và giết những người có tội, cũng tất thảy phải chiếu ý dân.

Xin xem bài này :

Quốc quân tiến hiền, như bất đắc dĩ.

國君進賢如不得已 ·

Làm vua trong một nước mà muốn đưa người hiền ở dưới thấp đặt lên trên cao, tất phải cẩn thận kỹ càng như hình bị quốc dân bắt buộc mình, mình bất đắc dĩ phải đặt người ấy lên. Sở dĩ phải cẩn thận như thế là vì sao ? Bởi vì dùng một con người, chẳng phải xuất tự ý quốc quân đâu, mà chỉ là xuất tự ý quốc dân. Vậy nên thầy lại nói kỹ như đoạn dưới này :

Tả hữu giai viết hiền, vị khả dã; chư đại phu giai viết hiền, vị khả dã; quốc nhân giai viết hiền nhiên hậu sát chi, kiến hiền yên, nhiên hậu dụng chi.

左右皆曰賢，未可也；諸大夫皆曰賢，未可也；國人皆曰賢，然後察之，見賢焉，然後用之 ·

Tỷ như ta muốn dụng một người kia, mà hỏi với người tả hữu bên mình đều nói rằng : "Người ấy là hiền", nhưng chưa được dó vậy (**tả hữu giai viết hiền, vị khả dã**). Lại hỏi

với các quan đại phu, các quan đại phu đều nói rằng : "Người ấy là hiền", cũng chưa được dó vậy (**chư đại phu giai viết hiền, vị khả dã**). Đến bao giờ nghe thấy cả nhân dân trong nước ai cũng khen người ấy là hiền, quốc quân mới xét người ấy, thấy rõ người ấy là hiền. Vậy sau đưa người ấy lên chức cao mà dùng người ấy (**quốc nhân giai viết hiền, nhiên hậu sát chi; kiến hiền yên, nhiên hậu dụng chi**).

Xem ngữ ý đoạn này thời dụng một người hiền mà phải thừa thuận ở nơi ý quốc dân. Chữ "sát chi", chữ "kiến hiền", chữ "dụng chi", tuy thuộc về quốc quân, nhưng mà quốc quân chỉ là thừa hành ý dân mà thôi. Trước kia quốc quân chưa được mắt thấy người hiền, chỉ nghe theo ở nơi lời quốc dân, nên phải thêm vào mắt mình thấy. Thế thời "sát" với "kiến" với "dụng" chẳng khác gì cái quyền ủy nhiệm của vị đại Tổng thống các nước dân chủ đời nay. Học giả xem ý nghĩa đoạn trên ấy đã thông thời hai đoạn dưới này cũng không cần thích nghĩa.

Tả hữu giai viết bất khả, vật thính; chư đại phu giai viết bất khả, vật thính; quốc nhân giai viết bất khả, nhiên hậu sát chi; kiến bất khả yên, nhiên hậu khứ chi.

左右皆曰不可，勿聽；諸大夫皆曰不可，勿聽；國人皆曰不可，然後察之，見不可焉，然後去之。

Ý nghĩa đoạn này cũng như ý nghĩa đoạn trên. Nhưng chữ "vật thính" với chữ "vị khả dã", ý có khác nhau chút đỉnh.

("Vật thính", là quyết hẳn không nghe; "vị khả dã", thời có ý còn thương lượng).

Đoạn trên là dụng một người mà phải nghe ý dân; đoạn này là bỏ một người mà phải theo ý dân. Thân như tả hữu mình; quí như các quan đại phu, cho đến giữa mình ông vua cũng chẳng tôn trọng được hơn ý dân. Chẳng những thế mà thôi, mà đến khi có giết một người, cũng tất chờ đến ý dân thuận giết mới giết được. Nên xuống đoạn dưới này, lại có

câu "**quốc nhân sát chi**".

Tả hữu giai viết khả sát, vật thính; chư đại phu giai viết khả sát, vật thính; quốc nhân giai viết khả sát, nhiên hậu sát chi; kiến khả sát yên, nhiên hậu sát chi; cố viết quốc nhân sát chi dã.

左右皆曰可殺，勿聽；諸大夫皆曰可殺，勿聽；國人皆曰可殺，然後察之，見可殺焉，然後殺之．故曰：國人殺之也．

Một người kia mà những người tả hữu đều nói rằng : "đáng giết", chớ nghe ! các quân đại phu thảy nói rằng : "đáng giết", chớ nghe ! Bao giờ nhân dân cả nước ai cũng nói rằng : "đáng giết", bấy giờ quốc quân mới xét tội người ấy, thấy đáng giết, vậy sau mới giết người ấy; thế thời người ấy bị giết, chẳng phải là quốc quân giết nó, mà chính là quốc dân giết nó vậy !

Mấy chữ "nhân" thảy có thể thay ra làm chữ "dân", vì quốc dân là tương đối với tả hữu và chư đại phu với quốc quân, mà có lẽ lại tuyệt đối cao hơn kia nữa, nên đáng đọc làm quốc dân.

Xem ý thầy Mạnh nói ở mấy đoạn sách này, thiệt tôn trọng quyền dân không khác gì "***Lô Thoa dân ước luận***" (**Du Contrat social**). Nhưng chỉ tiếc cho thầy sinh đời Chiến Quốc, quyền vua quá nặng, địa vị dân quá thấp, mà chế độ "Quốc hội" chưa có ai sáng lập, muốn cho thực hiện chủ nghĩa "dân trị" như những câu : "**quốc nhân giai viết hiền nhiên hậu dụng chi**", v.v... thành ra chỉ một mình thầy nói suông mà chưa thực hành được. Đó là một điều đau đớn cho thế đạo !

Tiết thứ 6

Bình dân kinh tế chủ nghĩa.

Tiết trên kia đã nói : Ở trong "chính trị học thuyết" của thầy Mạnh có chia ra làm hai đại cương :

1)- **Bình dân kinh tế** (平民经濟).

2)- **Bình dân giáo dục** (平民教育).

Tiết này xin trước kể về "bình dân kinh tế".

Chủ nghĩa này ở đời Mạnh Tử chỉ là lý luận mà chưa thấy thực hành. Nhưng nếu nhân đạo có ngày phát triển, con ma ác chính có ngày tiêu diệt, chắc "bình dân kinh tế chủ nghĩa" thế nào cũng có ngày thực hiện.

Ở trong chủ nghĩa ấy, thầy Mạnh lại cần nhất có hai phương châm :

1)- **Chế sản** (制產).

2)- **Phân điền** (分田).

Nhưng vì tài sản của nhân dân ở đời Chiến Quốc, trừ ngoài thổ địa ra, công nghiệp, thương nghiệp chưa lấy gì làm phát đạt lắm. Vậy nên nói đến sinh sản phẩm, tất trước phải để mắt vào thổ địa; nên muốn "chế sản" cho dân, nước bước thứ nhất là phải "phân điền".

"Chế sản" là nghĩa làm sao ?

Chữ "chế" ở đây có ý như chữ "quân" ở trong sách ***Luận Ngữ*** thiên *Quí Thị* ("Quân vô bần") (均無貧). Người có quyền chính trị tất trước phải điều tế châm chước làm sao cho tài sản ở nhân dân cân bằng đầy đủ, không người nhiều kẻ ít, không người giàu kẻ đói, khiến cho tất thảy ai là dân tất khỏi bị khốn khổ về vấn đề ăn mặc.

Nguyên ý của thầy rất ghét là hạng người làm chính trị mà nỡ lòng để dân nhịn đói, nên thầy có những bài kể tội ác

của họ.

Trọng Ni viết : thỉ tác dũng giả, kỳ vô hậu hồ. Vị kỳ tượng nhân nhi dụng chi giả, như chi hà, kỳ sử tư dân cơ nhi tử dã.

仲尼曰：始作俑者，其無後乎！為其象人而用之者，如之何其使斯民饑而死也。

Thầy có dẫn lời đức Thánh nói rằng :

Anh nào bày đặt ra chuyện làm bổ nhìn đem đi chôn, người ấy chác là đến nỗi tuyệt tự mà vô hậu đó mà ! (**thỉ tác dũng giả, kỳ vô hậu hồ**) ("dũng", nghĩa là hình người làm bằng bổ nhìn, hoặc kết giấy cỏ, hoặc tạc bằng gỗ; "thỉ tác", là người đầu tiên làm ra; "vô hậu", nghĩa là không có người thừa tự).

Đức Thánh sở dĩ có câu nói ấy, là trong ý ngài rất ghét những hạng người khinh rẻ loại người, nỡ lòng làm ra người giả mà đem đi chôn; tuy họ chôn đó, không phải người thật nhưng họ đã chôn được người giả, chác có ngày họ chôn được người thật. Cái tâm lý của bọn "**tượng nhân nhi dụng**", thiệt là đáng ghét ("tượng nhân", nghĩa là làm ra hình dạng người; "dụng chi", nghĩa là đem chôn theo người chết).

Làm người giả mà chôn, đức Thánh còn ghét như thế; sao những người có quyền chính trị nỡ khiến cho doàn dân ấy nhịn đói mà chết (**như chi hà kỳ sử tư dân cơ nhi tử giả**). Cái tội ác những bọn "**sử dân cơ tử**" lại nặng gấp trăm gấp ngàn những bọn người "**tạc dũng**" nữa kia !

Thầy lại có những bài như sau này càng thống thiết lắm nữa :

Vô hằng sản nhi hữu hằng tâm giả, duy sĩ vi năng. Nhược dân, tắc vô hằng sản nhân vô hằng tâm. Cẩu vô hằng tâm, phóng, tịch, tà, xỉ, vô bất vi dĩ; cập hãm ư tội nhiên hậu tùng nhi hình chi; thị võng dân dã. Yên hữu nhân nhân tại vị, võng dân nhi khả vi dã.

無恆產而有恆心者，惟士為能。若民則無

恆產，因無恆心。苟無恆心：放，辟，邪，侈，無不為已；及陷於罪，然後從而刑之，是罔民也。焉有仁人在位，罔民而可為也。

Nhất thiết loài người, khi mới sinh ra, người nào cũng có thể dắt vào đường tốt, có can hại gì mà đến nỗi mất nhân cách. Người sở dĩ mất nhân cách chỉ vì hoàn cảnh lùa đẩy nó : hoàn cảnh tốt thời tốt, hoàn cảnh xấu thời xấu.

Hoàn cảnh tốt là gì ? Là tiền của có sẵn luôn luôn, gọi bằng "**hữu hằng sản**". Hoàn cảnh xấu thời trái thế, một bữa no, mười bữa đói; một ngày đủ, mười ngày thiếu, không tiền của sẵn luôn, chính là "**vô hằng sản**".

Tuy ở trong loài người cũng có một hạng người mà ta gọi bằng Thánh hiền, dẫu đụng lấy hoàn cảnh xấu (**vô hằng sản**), mà tâm địa thường tốt luôn luôn (**hữu hằng tâm**); nhưng hạng người ấy quá hiếm, chỉ duy đạo đức cao, học vấn tốt mà làm một hạng người "sĩ", mới hay được như thế (**duy sĩ vi năng**).

Chữ "sĩ" ở đây cũng như chữ "sĩ" ở trong ***Luận Ngữ*** mà đức Khổng Tử trả lời cho thầy Tử Cống. Còn đến lớp dân phổ thông thời vì "vô hằng sản" tức khắc nhân đó mà "vô hằng tâm"; nếu đã đến lúc "vô hằng tâm" thời luông tuồng (**phóng**) xiên vạy (**tịch**), gian dối (**tà**), bậy bạ (**xỉ**), chẳng cái gì chẳng làm (**vô bất vi dĩ**); đến khi đã làm những điều xấu mà bị can phạm pháp luật, sụp vào tội ác thời những người có quyền chính trị vin lấy cớ đó mà chém giết họ (**cập hãm u tội, nhiên hậu tòng nhi hình chi**). Thế thời những bọn có quyền chính trị đặt bẫy mà sụp dân đó vậy (**thị võng dân dã**) ("võng", nghĩa là lưới bủa, cũng nghĩa là lừa phỉnh). Làm chính trị bạc ác để đến nỗi dân đói rét, khi nó vì đói rét mà sụp vào tội thời lại giở pho luật ra mà giết nó, chẳng phải thả bẫy sụp dân mà gì ! Đời thuở nào có người nhân đức ở ngôi trên mà làm được những chuyện "võng dân" như vậy !

Thị cố, minh quân chế dân chi sản, tất sử ngưỡng túc

dĩ sự phụ mẫu; phủ, túc dĩ súc thê tử; lạc tuế, chung thân bão; hung niên, miễn ư tử vong; nhiên hậu khu nhi chi thiện, cố dân chi tòng chi dã khinh.

是故明君制民之產，必使仰足以事父母；俯足以畜妻子；樂歲終身飽，凶年免於死亡；然後驅而之善，故民之從之也輕。

Đỡ lấy đoạn trên mà phát minh ra hai chữ "chế sản".

Học giả nên trước nghiên cứu cho rõ nghĩa chữ "sản". Theo học thuyết đời nay, thời những giống hoặc thiên nhiên, hoặc nhân tạo mà làm được cái tài liệu cho nảy đẻ ra tiền của như : sinh sản phẩm ở không gian, ở mặt đất, ở sông bể, ở núi rừng là sản phẩm thuộc về thiên nhiên. Lại một hạng thuộc về nhân tạo như : đồ buôn ở thị trường, vật liệu ở công trường và năng lực của cơ giới (*máy móc*), thảy là "sinh sản phẩm" thuộc về nhân tạo.

Nhưng mà chữ "sản" ở đời thầy Mạnh thời quan hệ rất lớn, chỉ có nông sản. Bởi vì đời ấy, nhân khẩu sinh dục chưa lấy gì làm nhiều lắm, mà khoa học thuộc về công thương nghề nghiệp còn chưa phát minh, nên nói đến "sinh sản phẩm" thời chỉ duy thổ địa là lớn nhất. Nếu trên đường chính trị mà khiến cho nông sản của dân được chốn nào chốn nào cũng phát đạt, người nào người nào cũng quân bình tức là công việc "chế sản" xong xả rồi. Nên thầy chú trọng về chế độ "phân điền" (*sẽ xem ở đoạn sau*).

Đoạn này, thầy chỉ nói lược ràng :

Vì vậy cho nên những bậc vua thánh minh cần lo điều chế những đồ sinh sản phẩm cho dân (tức là "nông sản"), tất khiến cho những người có cha mẹ, trông lên trên đủ phụng sự cha mẹ (**ngưỡng túc dĩ sự phụ mẫu**); bao nhiêu người có vợ con, cúi xuống đủ sức nuôi vợ con (**phủ túc dĩ súc thê tử**); may gặp năm được mùa vẫn trọn đời no ấm (**lạc tuế, chung thân bảo**) ("lạc tuế", là năm mùa màng tốt). Rủi gặp năm mất mùa, cũng chẳng đến nỗi chết chóc (**hung niên,**

miễn ư tử vong) ("hung niên", là năm mùa màng thua). Dân dã có hàng sản như thế, vậy sau lùa nó mà đưa vào đường lành (**nhiên hậu khu nhi chi thiện**) ("chi", nghĩa là đi) thời dân tất phải dễ theo đường lành (**cố dân chi tòng chi dã khinh**) ("khinh", nghĩa là dễ).

Kim dã chế dân chi sản, ngưỡng bất túc dĩ sự phụ mẫu; phủ bất túc dĩ súc thê tử; lạc tuế chung thân khổ; hung niên bất miễn ư tử vong. Thử duy cứu tử nhi khủng bất thiếm, hề hạ trị lễ nghĩa tai !

今者制民之產，仰足以事父母；俯不足以畜妻子；樂歲終身苦，凶年不免於死亡。此惟救死而恐不贍，奚暇治禮義哉！

Đoạn này là thầy kể tội ác về "chính trị" đời bấy giờ :

Nay vậy, "chế sản" cho dân dã chẳng ra gì; bao nhiêu "sinh sản phẩm" chỉ làm lợi ích cho người trên mà nhân dân thời thây kệ nó đói rét, nên nỗi bọn họ trên không đủ thờ cha mẹ, dưới không đủ nuôi vợ con; may dụng năm được mùa, mà trót đời người vẫn lầm than khổ sở; dụng năm mất mùa thời chết đói chết rét, chết ngang chết dọc ở đường sá; như thế thời nhân dân chỉ lo cứu khỏi cái chết e còn không xong (**thử duy cứu tử nhi khủng bất thiếm**), còn thời giờ nào mà ngồi làm việc lễ nghĩa nữa ru ! (**hề hạ trì lễ nghĩa tai** !).

Sử có câu :

Cơ hàn thiết thân bất cố liêm sỉ.

饑寒切身不顧廉恥。

Và sách ***Quản Tử*** có câu :

Y thực túc nhi tri vinh nhục, thương lẫm thực nhi tri lễ nghĩa.

衣食足而知榮辱，倉廩實而知禮義。

Chính như lời thầy Mạnh nói ở đoạn này.

Xem "học thuyết kinh tế" của thầy Mạnh, thiệt rất chú

ý về "bình dân". Bỏ ngoài "bình dân" ra, thiệt không gì là "kinh tế". Xin xem như bài này :

Đằng Văn Công vấn vi quốc, Mạnh Tử viết : dân sự bất khả hoãn dã.

滕文公問為國．孟子曰：民事不可緩也．

Vua nước Đằng là Văn Công hỏi thầy việc trị nước. Thầy trả lời rằng : Cần thứ nhất ở trong việc trị nước, chỉ có việc dân mà thôi; việc dân không thể bỏ lơ được (**dân sự bất khả hoãn dã**).

"Dân sự" là việc gì ? tức là việc "chế sản".

Tuy nhiên, muốn cho chế sản được công bình, tất phải trong nước cho được có chính trị tốt. Nếu trong nước ấy, không chính trị tốt thời làm gì mà chế được sản cho dân ? Nên thầy đã có câu nói rằng :

Vô chính sự tắc tài dụng bất túc.

無政事則財用不足．

Nghĩa là, trong nước không chính trị tốt, tất nhiên chính lịnh thi hành chỉ là những việc bớt của người dưới thêm cho người trên (**tổn hạ ích thượng**). (損下益上). Người ở dưới ngày càng đói cùng, tất nhiên người ở trên cũng đến ngày trúc đổ, in như câu sách ***Luận Ngữ*** đã nói :

Bách tính bất túc, quân thục dữ túc ?

百姓不足君孰與足？

Nghĩa là, trăm họ đã không đầy đủ thời vua đầy đủ với ai ? Sở dĩ kết quả đến nỗi "tài dụng bất túc".

Vì vậy mà muốn cho kinh tế giàu, tất phải có chính trị tốt. Cũng chỉ có chính trị tốt mới hay có kinh tế giàu; muốn cho được kinh tế giàu, tất trước phải vun đắp cái nền kinh tế của bình dân, tức là ý câu : "**dân sự bất khả hoãn**".

Thầy muốn phân giải cho rõ cái cớ ấy mới nói thêm rằng :

"Dân chi vi đạo dã, hữu hằng sản giả hữu hằng tâm; vô hằng sản giả vô hằng tâm".

民之為道也，有恆產者有恆心；無恆產者無恆心

(*Nghĩa đã thích ở đoạn trên*).

Vì muốn cho dân được có hàng sản, nên thầy rất chú trọng chế sản.

Thầy thường có lời trách vua nước Trâu rằng :

Hung niên cơ tuế, quân chi dân lão nhược chuyển hồ câu hác; tráng giả tán nhi chi tứ phương giả kỷ thiên nhân hỹ; nhi quân chi thương lẫm thực, phủ khố sung. Hữu tư mạc dĩ cáo; thị thượng mạn nhi tàn hạ dã.

凶年饑歲，君之民老弱轉乎溝壑；壯者散而之四方者幾千人矣；而君之倉廩實，府庫充，有司莫以告，是上慢而殘下也。

Đụng gặp lúc tai trời thủy hạn, mùa màng thua kém (**hung niên cơ tuế**) ("hung", nghĩa là tai hại; "cơ", nghĩa là mất mùa). Dân trong nước, người già kẻ yếu lăn lóc khắp ở chỗ ngòi rãnh (**lão nhược chuyển hồ câu hác**); người trai tráng bỏ nhà cửa mà đi xin khắp cả bốn phương (**tráng giả tán nhi chi tứ phương**), biết mấy nghìn người rồi đó ! mà về phần nhà vua thời lúa thóc vẫn đầy trong lẫm chạn (**thương lẫm thực**), tiền của vẫn tràn trong kho tàng (**phủ khố sung**); nhưng bách quan hữu tư chẳng một người nào đem dân tình khổ sở mà nói với vua (**hữu tư mạc dĩ cáo**). Thế là kẻ trên quá ư bất nhân mà làm tai hại kẻ dưới đó vậy. (**thị thượng mạn nhi tàn hạ dã**).

Ở trong chính sách "chế sản" của thầy, không cốt ở làm giàu cho chính phủ, mà cốt cứu đói cho bình dân, làm thế nào cho bình dân không một người đói mới là "chế sản", vì vấn đề ấy mà bát đầu từ căn bản giải quyết, tất phải làm cho nhân dân ai nấy cũng sẵn cơm ăn. Nhưng theo về đời thầy

Mạnh sáp lên thời muốn cho nhân dân sẵn cơm ăn, tất phải cho nó có sản nghiệp nhất định, mà sản nghiệp ở dời ấy quan hệ nhất là "nông sản". Vậy nên thấy hết sức giảng giải chế độ "phân điền".

Phân điền chế độ.

Từ dây sáp xuống chỉ chuyên về chế độ "phân điền", cũng tức là chế độ "tỉnh điền".

Nhà xã hội chủ nghĩa ở dời nay, thường đề xướng một chế độ, họ bảo là "xã hội chính sách". Ở trong chính sách ấy, họ chú trọng nhất là "thổ địa công hữu", nghĩa là bao nhiêu đất đai tất thảy đem làm của chung, mà tất cả nhân dân người nào cũng được hưởng quyền "thổ địa", mỗi một suất người, tất có một phần thổ địa, đó tức là "**thổ địa công hữu pháp**" (土地公有法).

Học giả Âu Châu gần dây mới phát minh học thuyết ấy, mà ai dè dâu trước dây 3.000 năm ở Đông phương ta đã có chế độ "tỉnh điền", đã từng thực hành chế độ "thổ địa công hữu".

Xin học giả nhận kỹ mấy doạn sách sau này :

Phù nhân chính, tất tự kinh giới thỉ; kinh giới bất chính, tỉnh địa bất quân, cốc lộc bất bình; thị cố bạo quân ô lại tất mạn kỳ kinh giới.

夫仁政必自經界始；經界不正，井地不均，穀祿不平，是故暴君污吏必慢其經界。

Đọc doạn sách này, trước phải nghiệm kỹ nghĩa hai chữ "kinh giới". "Kinh", nghĩa là chỉnh lý cho rõ ràng đường dọc dường ngang; "giới", nghĩa là lập thành cho phân minh các cận cõi tức là giới hạn.

Đã hiểu rõ nghĩa chữ "kinh giới" như thế mới giảng thông được doạn sách này :

Hễ phàm làm chính trị bằng nhân đức (**nhân chính**), tất bắt đầu từ "kinh giới" mà bước lên (**tất tự kinh giới thỉ**); nếu "kinh giới" bị phá hoại mà không được chỉnh tề (**kinh giới bất chính**) thời ruộng đất bị hào cường choán hết phần nhiều, mà bần dân cam chịu phần thua thiệt, như thế là "**tỉnh địa bất quân**"; lúa thóc tiền gạo thảy nặng túi vua quan, mà những người không quyền lực phải bó tay chịu chết, như thể là "**cốc lộc bất bình**". Vì vậy muốn cho được "**quân tỉnh địa, bình cốc lộc**", tất trước phải "chính kinh giới".

Ba chữ "chính kinh giới" là trọng yếu nhất ở trong bài sách này.

Tuy nhiên, đạo lý vẫn như thế, mà muốn cho thực hiện đạo lý ấy, ở về đời còn chế độ phong kiến, bao nhiêu quyền chính trị nắm vào trong tay bạo quân ô lại, nếu một ngày kia "kinh giới" đã chính thời "điền địa" phải quân cấp cho dân, "cốc lộc" phải giữ mực công bình, những ngón tham tàn của bạo quân ô lại, biết thả vào chỗ nào ? Vì vậy cho nên bạo quân ô lại, họ muốn thả ngón tham tàn của họ ra, tất trước phá hoại hết "kinh giới" (**tất mạn kỳ kinh giới**); "kinh giới" đã hỗn loạn rồi, thời bình dân càng cực khổ.

Kinh giới ký chính, phân điền chế lộc khả tọa nhi định dã.

经界既正，分田制禄可坐而定也。

Bây giờ muốn cải cách những tệ hại như trên kia nói, thế tất phải "chính kinh giới". "Kinh giới" đã chính rồi thời những việc chia ruộng mà công cộng cho dân (**phân điền**), "chế lộc" để ngăn ngừa nhà quan, chắc có thể an ngồi mà làm được (**khả tọa nhi định**). ("khả tọa nhi định", ý là làm được dễ lắm).

Tỉnh điền chế độ

Từ dây sáp xuống, phải chia ra làm ba đoạn :

Đoạn thứ nhất : giải thích cho rõ chế độ "tỉnh điền", đặt ra làm mấy câu hỏi :

1)- Phép "tỉnh điền" sáng khởi từ đời nào ?

2)- Qui mô lập ra phép "tỉnh điền" thời như thế nào ?

3)- Mục đích lập ra phép "tỉnh điền" là ở chỗ nào ?

Trước trả lời câu hỏi thứ nhất : *Phép "tỉnh điền" sáng khởi từ đời nào ?*

Trả lời câu hỏi này thành ra quay lại vấn đề phục cổ. Nguyên loài người xã hội ta, ở đời thái cổ còn về thì đại bộ lạc, mỗi khúm người tất nhiên có một dám đất chung, một dám đó chính là sản nghiệp thiên nhiên chung của một khúm người đó tức là mô hình của phép "tỉnh điền" ở đời xưa. Nhưng vì sao lúc đó loài người sinh nở quá đông mà chế độ gia đình cũng tự nhiên phải thành lập. Tuy thổ địa chưa có tư hữu, nhưng mà thói du mục đã biến thành nghề canh nông, tất nhiên phải định ra cái phép "kế" (計), "khẩu" (口), "phân" (分), "điền" (田), nghĩa là tính theo suất người mà chia phần ruộng đất. Lúc đó, cái quyền "phân điền" tất phải trao cho một người lãnh tụ, tức là quân chúa, mà bắt đầu từ vua Hoàng đế mới sáng lập phép "tỉnh điền" : mỗi một khu đất vạch thành hình chữ "tỉnh" (井), người ở chung quanh khu đất đó, ai cũng được hưởng một phần đất là bao nhiêu mẫu; khi cày cấy thời cày cấy chung với nhau, đến khi thu gặt thời phần ai đưa về nhà người này hưởng; cái phần sở đắc không người nhiều kẻ ít, danh từ hai chữ "tỉnh điền" từ đó mới phát hiện ra. Buổi đầu mới sáng lập chưa lấy gì làm hoàn bị, trải qua đời Đường, Ngu thời phép "tỉnh điền" lại có ý tiêm tất hơn chút đỉnh, mà nhân dân đời ấy thảy hy hy ở trong một dám cày chung ăn chạ. Nay đọc câu đồng dao ở đời Đường, Ngu có câu rằng :

Tạc tỉnh nhi ẩm, canh điền nhi thực; nhật xuất nhi tác, nhật nhập nhi tức.

鑿井而飲，耕田而食，日出而作，日入而息。

Nghĩa là : Đào giếng mà uống, cày ruộng mà ăn, mặt trời mọc ta dậy, mặt trời lặn ta nghỉ.

Xem như lời hát của lũ bé con đó thời biết được tình hình nhân dân ở đời có phép "tỉnh điền", vui vẻ biết chừng nào !

Lại xem như thơ ***Tư Văn*** ở thiên *Chu Tụng*, có câu rằng :

Di ngã Lai Mâu, đế mệnh suất dục, vô thử cương nhĩ giới.

貽我來牟，帝命率育，無此疆爾界。

Thơ này là kể công đức ông Hậu Tắc ở đời vua Thuấn bày vẽ cho dân trồng 100 thứ lúa, mà nói rằng :

Ơn đức Thượng đế cho ta những giống lúa Lai, lúa Mâu, khiến cho ta trồng trĩa lấy mà nuôi nhau, không chia ra làm bờ nọ cõi kia.

Xem ý lời thơ (**vô thử cương nhĩ giới**), thời cũng biết được điền chế ở đời xưa thật là công hữu.

Đau đớn thay ! Từ phép "tỉnh điền" phá hoại, dân ta mới khổ vì "hào cường kiêm tính". Thầy Mạnh sở dĩ chủ trương khôi phục phép "tỉnh điền" cũng vì có ấy

("Du mục", nghĩa là cậy nghề săn bắn mục súc mà làm ăn, bởi vì lúc đó dân chưa biết nghề canh nông, nên gọi bằng "du mục thì đại")

2)- *Qui mô làm ra phép "tỉnh điền" thời như thế nào ?*

Trả lời câu hỏi này, tất nhiên phải dẫn chứng vào chế độ đời nhà Chu. Thầy Mạnh đã có câu nói rằng :

Chu nhân bách mẫu nhi triệt.

周人百畝而徹 .

Nghĩa là, chế độ ở đời nhà Chu thời mỗi một suất người có ruộng trăm mẫu mà làm phép "triệt".

("Triệt", nghĩa là thông, là người nào, người nào cũng thông đồng ở trong một chế độ. Nhưng mà nhận kỹ ý tứ chữ "triệt" thời có khác với thuyết "thổ địa công hữu" của nhà xã hội học đời nay; có lẽ nói rằng "thổ địa quốc hữu" thời đúng hơn. Bởi vì thổ địa sở hữu quyền thuộc về Nhà nước, mà không phải thuộc về nhân dân; chỉ duy nhân dân ai cũng được ăn ruộng, phưởng phất như phép "quân điền" (均田) bây giờ). Xin bày vẽ cho kỹ thời như sau này :

Thông tính cho hết số điền địa ở trong một nước, vạch định ra mỗi một khu là 900 mẫu vuông vức, thành ra hình chữ "tỉnh" (井), chu vi mỗi một khuôn là 100 mẫu, hợp cộng 800 mẫu, gọi bằng "tư điền". Chính giữa trung ương cũng một khuôn ruộng vuông 100 mẫu, gọi bằng "công điền". "Tư điền" thời tám nhà thông lực hợp tác với nhau, đến khi thu gặt thời kể mẫu mà chia cho nhau, tức là nghĩa câu **"bát gia đồng tỉnh"** (八家同井). Còn 100 mẫu ở trung ương tức là "công điền" thời lại tám nhà chung sức cày gặt mà lấy lúa thu gặt đó nộp vào nhà quan, cung cấp bổng lộc cho quan lại, và cũng thay thuế má cho nhân dân. Vậy nên ở đời có phép "tỉnh điền", nhân dân chỉ phải ra sức cày "công điền" mà chẳng bao giờ phải nộp thuế.

Xin xem đoạn chính văn sau này càng rõ lắm :

Phương lý nhi tỉnh; tỉnh cửu bách mẫu; kỳ trung vi công điền, bát gia giai tư bách mẫu; đồng dưỡng công điền.

方里而井；井九百畝；其中為公田，八家皆私百畝；同養公田 .

Đó là qui mô của phép "tỉnh điền" đã kể kỹ như trên kia.

Nay lược thích như sau này :

Vuông một dặm đất mà vạch thành một "tỉnh" (**phương lý nhi tỉnh**) ("lý", nghĩa là dặm; diện tích ngang dọc đúng một dặm tức là "phương lý"); mỗi một "tỉnh" có 900 mẫu ruộng : 100 mẫu chính giữa là "công điền" (**kỳ trung vi công điền**), chung quanh "công điền" có 800 mẫu làm "tư điền của 8 nhà (**bát gia giai tư bách mẫu**); 8 nhà đó chung sức lại mà cày "công điền" (**đồng dưỡng công điền**), (chữ "dưỡng", ở đây cũng như nghĩa chữ "canh tác")

"Công điền" là ruộng để cung cấp bổng lộc cho nhà quan, "tư điền" là ruộng phần riêng cho nhân dân, mỗi một nhà 100 mẫu. Nhưng còn có một hạng người vừa mới thành đinh mà chưa có vợ là chưa thành gia, chưa được ăn phần 100 mẫu ruộng. Vậy nên ở phép "tỉnh điền", trích ra một hạng ruộng 25 mẫu để cung cấp cho những hạng chưa thành gia đó, nên lại có câu này :

Dư phu nhị thập ngũ mẫu.

餘夫二十五畝 ·

"Dư phu", nghĩa là có một tên phu lẻ là hạng con trai chưa thành gia, họ chỉ được ăn ruộng 25 mẫu, chờ bao giờ họ có vợ thành gia thời cấp thêm ruộng cho họ cũng vừa đủ 100 mẫu. Thế là mỗi nhà một vợ, một chồng thảy đều có ruộng 100 mẫu. Nên thầy Mạnh lại có nói :

Bách mẫu chi điền, thất phu canh chi; bát khẩu chi gia túc dĩ vô cơ hỹ.

百畝之田，匹夫耕之；八口之家足以無饑矣 ·

Nhà 8 miệng ăn, sở dĩ không đói, là nhờ có phép "tỉnh điền" đó vậy. Vì nhân dân không lo sợ đói, nên ai cũng yên cư lạc nghiệp mà phong tục rất là tốt lành. Xem như đoạn dưới này :

Tử, tỷ vô xuất hương; hương điền đồng tỉnh, xuất nhập tương hữu, thủ vọng tương trợ, tật bệnh tương phù trì, tắc bách tính thân mục.

死，徙無出鄉；鄉田同井，出入相有，守望相助，疾病相扶持，則百姓親睦 ·

Người già, người trẻ ở quấn quít với nhau, dầu ai dụng lấy biến cố gì mà gặp lúc chết, hay dời chỗ ở (**tỷ**), nhưng không phải ra khỏi làng (**tử, tỷ vô xuất hương**); đất ruộng ở trong làng thời đã sẵn chung nhau từng tỉnh (**hương điền đồng tỉnh**); khi ra khi vào làm bạn với nhau (**xuất nhập tương hữu**); đụng có khi phải ngăn ngừa thủy hạn, gìn giữ lúa thóc thời giúp đỡ cho nhau (**thủ vọng tương trợ**).

("Thủ", nghĩa là giữ. Khi lúa gặt rồi, chưa đưa về được trong nhà thời tám nhà giữ giùm cho nhau, đó là "thủ". "Vọng", nghĩa là trông, đụng khi mưa gió bất kỳ, sợ trôi hay mất lúa đi chăng, thời trông nom giùm cho nhau, đó là "vọng"). Đụng có nhà nào rủi gặp đau ốm thời người những nhà chung quanh giúp đỡ cày cấy cho, mà lại lo giùm việc thuốc thang cho người bệnh (**tật bệnh tương phù trì**). Như thế thời bách tính ở đời có phép "tỉnh điền" rất mực thân yêu hòa thuận với nhau lắm (**tác bách tính thân mục**).

Tác giả biên đến đây, trong óc phát ra một luồng đau đớn. Bọn dầu đen máu đỏ, họ bao giờ có nghĩ đến tranh quyền cướp nước gì đâu ! Chẳng qua ngày ba bận cơm, năm vài bộ quần áo, khỏi đói khỏi rét; sống có chỗ nuôi, chết có chỗ chôn là hạnh phúc họ đầy đủ rồi. Nếu phép "tỉnh điền" mà ngày càng phát đạt thêm, trên không lo sự đóng góp vì vua quan, dưới không lo việc tội tình vì nuôi miệng; khi thường không lo mất mùa cày cấy, khi biến không lo gánh vạ chiến tranh thời còn cần gì phải bàn đến xã hội chính sách nữa ru ?

Chúng ta nghĩ đến đó mà khen cho bác Hạng Vũ kia đào mả Tần Thỉ Hoàng, thật là đúng lắm ! Bởi vì phép "tỉnh điền" sở dĩ phá hoại là tội tại mấy anh bạo quân như Tần Thỉ Hoàng đó vậy.

3)- *Mục đích lập ra phép "tỉnh điền" ở chỗ nào ?*

Đời xưa sở dĩ lập ra phép "tỉnh điền" có hai mục đích :

a)- Sợ ruộng đất tóm vào tay hào cường, nên phải cấm không cho thổ địa được tư hữu.

b)- Sợ cái độc ác vì thuế nặng, nên phải làm một cách

cho ruộng đất khỏi phải nộp thuế.

Giả như đạt được hai mục đích ấy thời cái tai hại bần dân chịu khổ với đại địa chủ, cái ác độc phú thuế làm lợi ích cho bạo lại tham quan, tất không có cả.

Tục ta thường có câu :

"Kẻ thời điền liên thiên mẫu, kẻ thời vô địa lập chùy!"

Kinh tế bất bình chẳng gì hơn thế nữa !

Sách *Sử Ký* của ông Tư Mã Thiên cũng có câu rằng :

Phú giả hoặc lụy cự vạn, nhi bần giả bất yếm tào khang.

富者或累鉅萬，而貧者不饜糟糠。

Bần phú giai cấp xa nhau là một sự rất đau đớn !

Mục đích đời xưa sở dĩ làm ra phép "tỉnh điền" là chỉ vì cứu những tệ hại ấy.

Tác giả biên đến đoạn này, có phát minh ra một vấn đề rằng :

Thế thời "học thuyết kinh tế" của thầy Mạnh, chỉ thiên trọng về nông nghiệp mà thôi ru ?

Không phải ! Không phải ! Ở trong "học thuyết kinh tế" của thầy vẫn kiêm đến cả "công thương" nữa.

Nói đến công nghiệp thời chú trọng về chức nghiệp phân công. Chức nghiệp phân công nghĩa là theo năng lực của mỗi người và nghề nghiệp của mỗi người vẫn thấy có làm lụng in như nhau mà hưởng thụ về phần tiền công thời khác nhau. Tỷ như người làm công sinh sản được nhiều thời ăn phần báo thù (1) được nhiều, người làm công sinh sản được ít thời ăn phần báo thù phải chịu ít. Nhưng mà ở trong khi cấp phần báo thù, tất phải cân lượng ở nơi vật chất : vật chất có dài vắn, dẹp xấu, tinh thô, nặng nhẹ, nhiều ít, lớn nhỏ; những đồ người thợ làm ra đã có chất phân biệt như thế thời ăn phần báo thù tất cũng nhân đó mà có phân biệt.

(1) Báo thù : tức thù lao (chú thích của NXB)

Đó tức là "phân công vấn đề", mà cũng thành ra "giá trị luận". Xin xem những bài thầy nói như sau này :

Thầy có biện bác với Hứa Hành và Trần Tương, học giả xem rất có thú vị :

Hứa Hành là một người chủ trương một học thuyết, in như "học thuyết xã hội" ngày nay : Hễ ai có ăn tất phải lao động; ai không lao động thời không được ăn. Anh mới đề xướng lên "chủ nghĩa quân dân tịnh canh". Anh nói rằng :

Hiền giả dữ dân tịnh canh nhi thực, ung tôn nhi trị.

賢者與民並耕而食，饔飧而治。

Hễ những ông vua hiền, tất chung chạ với dân cày cấy lấy mà ăn, nấu cơm thổi gạo lấy mà làm việc chính trị.

Xem trong ý Hứa Hành thời cho rằng vua với dân là cá nhân như thảy, không phép được bắt dân cày cho vua ăn. Nhưng vì thầy Mạnh chú trọng về chức nghiệp phân công, nên thầy bác lời Hứa Hành rằng :

Bách công chi sự, cố bất khả canh thả vị dã.

百工之事，固不可耕且為也。

Công việc của trăm nghề thợ, vẫn không thể vừa cày vừa làm thợ được vậy (**bách công chi sự, cố bất khả canh thả vi**). Xét cho kỹ ý lời thầy nói thời nông với công vẫn thảy là cần cấp ở trong xã hội; nhưng nông chuyên làm việc nông, công chuyên làm việc công, đem những cái sở đắc của nghề mình giao dịch cho nhau : nông đem lúa thóc đổi cho công mà lấy đồ dạc (**dĩ túc dịch giới khí**); công đem đồ đạc mình làm ra mà đổi lúa thóc của nhà nông (**dĩ giới khí dịch túc dã**). Vì có giao dịch lợi ích cho nhau thời "chủ nghĩa kinh tế" của nhân sinh mới có thể thành lập được. Nên thầy lại nói rõ rằng :

Hữu đại nhân chi sự, hữu tiểu nhân chi sự.

有大人之事，有小人之事。

Có công việc thuộc về hạng người đặc biệt; có công việc thuộc về hạng người phổ thông. Chữ "đại nhân", chữ "tiểu

nhân" ở đây không phải bằng địa vị, mà chỉ nói bằng chức nghiệp. Tỷ như nhà văn học, nhà mỹ thuật, nhà chính trị, gọi bằng "đại nhân chi sự", bởi vì những việc đó, tất có học vấn tài năng đặc biệt mới làm được, nên nói bằng "đại". Tỷ như canh nông, mục súc và mọi việc làm ăn tầm thường, vô luận hạng người nào cũng có thể làm được, nên gọi bằng "tiểu nhân chi sự". Chúng ta chớ nhận lầm chữ "đại nhân", mà bảo rằng : vua quan là đại, nhân dân là tiểu.

Xin xem đoạn thầy nói sau này thời rõ được ý :

Thả nhất nhân chi thân, nhi bách công chi sở vi bị, như tất tự vi nhi hậu dụng chi; thị suất thiên hạ nhi lộ dã; cố viết : hoặc lao tâm, hoặc lao lực; lao tâm giả trị nhân; lao lực giả trị ư nhân; trị ư nhân giả, tự nhân; trị nhân giả, tự ư nhân.

且一人之身，而百工之所為備，如必自為而後用之；是率天下而路也；故曰：或勞心，或勞力；勞心者治人，勞力者治於人；治於人者食人，治人者食於人。

Xem văn lý đoạn này thời một phương diện phân công, mà một phương diện lại là hợp tác, chẳng qua giao hoán lợi ích cho nhau, chứ không người nào bất lao động cả. Nhưng vì đã có một xã hội, tất có người gánh việc này, kẻ gánh việc kia, chẳng lẽ một người mà gánh cả trăm việc. Giả như thân một con người mà làm hết việc trăm nghề thợ (**nhất nhân chi thân nhi bách công chi sở vi bị**), tất phải dồ dạc gì cũng tự tay mình làm lấy thời sau mới có mà xài (**như tất tự vi nhi hậu dụng chi**). Như thế, tất nhiên không người nào chuyên làm nghề gì, mà cũng không người nào ngồi yên được một chỗ, chỉ là đem người cả thiên hạ chạy luống cuống ở ngoài đường vậy (**thị suất thiên hạ nhi lộ dã**).

Vì có đạo lý nhất định như thế vậy nên bàn đến "kinh tế", tất phải chủ trương "phân công", mà chủ trương "phân công" thời không bao giờ tiêu diệt được "giai cấp". Nhưng sở dĩ có "giai cấp", chẳng phải vì địa vị, thế lực bất bình đẳng,

mà chỉ vì tài năng tri thức bất bình đẳng. Nếu có một ngày mà loài người tài năng trí thức, ai ai cũng bình đẳng như nhau thời lúc bấy giờ mới nói đến tiêu diệt "giai cấp" được.

Tuy nhiên, nói thế là mộng tưởng suông mà thôi, chắc không bao giờ có sự thực như thế. Vậy nên thầy Mạnh lại nói rằng :

Người ở trong một đời, tất phải làm việc trong một đời, nhưng mà có kẻ lao động bằng óc khôn, hạng người ấy gọi bằng "lao tâm" (nghĩa là, mệt nhọc về phần trí), lại có kẻ lao động bằng chân tay xác thịt, hạng người ấy gọi bằng "lao lực" (nghĩa là, mệt nhọc bằng sức xác); người lao tâm kia phải tính toan những việc cai trị người (**lao tâm giả trị nhân**), nhưng người lao lực kia tất phải chịu cai trị ư người (**lao lực giả trị ư nhân**). Người bị "trị ư nhân", tất phải cung cấp việc ăn cho người (**trị ư nhân giả tự nhân**); người "trị nhân" tất được nhờ người ta cung cấp cho mình ăn (**trị nhân giả tự ư nhân**).

Phân công
(分工).

Đoạn trên này từ hai chữ "hoặc" sáp xuống là kể việc "phân công" rất tóm tắt ở trong xã hội.

"Xã hội học thuyết" đời nay, họ thường có câu đấu miệng rằng : "đánh đuổi giai cấp" và "phế trừ giai cấp chế độ", tất nhiên họ bảo lời thầy Mạnh nói đoạn này là "vu hủ", mà e lại có kẻ chửi thầy nữa kia ! Nhưng chỉ vì họ không hiểu nghĩa "phân công" của thầy Mạnh khác nhau chữ "tâm", chữ "lực", mà chung nhau một chữ "lao" thời có gì là giai cấp ? Nhưng vì một người thời "lao tâm" mà "trị nhân", một người thời "lao lực" mà "trị ư nhân", tất phải gánh việc "tự nhân"; mà đã gánh việc "trị nhân" thời được cái quyền "tự ư nhân".

Chúng ta lại phải giảng cho rõ nghĩa chữ "trị nhân".

"Trị nhân" tất phải duy trì trật tự cho xã hội, tính toan lợi ích cho nhân quần, chứ chẳng phải có uy quyền áp chế

mà gọi là "trị nhân" đâu. Trái lại, tự mình không giữ được trật tự mà phải cậy người giữ giùm cho; tự mình không tính được lợi ích mà phải cậy người tính giùm cho, như thế là "trị ư nhân". Hễ đã có hai hạng người khác nhau như thế thời tự nhiên phải có "giai cấp" ("giai", nghĩa là thềm, là thang; "cấp", nghĩa là bậc, cũng nghĩa là lớp). Chúng ta ở trong thời đại mà loài người chưa được trí thức, tài năng cho bình đẳng thời làm sao khỏi được có "giai cấp" ? Chỉ duy mỗi hạng người ở mỗi giai cấp, ai nấy cũng hợp tác và phân công tức là bình đẳng đó.

Cứ xem văn lý chung nhau một chữ "lao" thời chúng ta rất biểu đồng tình với lời thầy Mạnh. Thầy nhận định hai hạng người kia thầy là có công lao với xã hội. Tỷ như nhà văn học làm nên sách vở, nhà mỹ thuật, nhà âm nhạc nuôi dược tinh thần, giúp việc vui cho xã hội, các người lao lực mới nhờ đó mà hoạt động ở trên đường văn minh, chính là một món tiền của vô hình mà loài người rất nên quí hóa.

Phân công được như thế, há có rẻ rúng được hạng người "lao tâm" ru ! Trong ý thầy Mạnh, rất ghét hạng người họ dã không lao lực mà họ cũng không lao tâm, họ chỉ hay một nghề phá hoại. Thầy cho những hạng người ấy mới là không đáng cho ăn. Nên thầy có câu thí dụ :

Hữu nhân ư thử, hủy ngõa hoạch mạn, kỳ chí diệc tương dĩ cầu thực dã, tắc tử tự chi hồ ? viết : phủ.

有人於此，毀瓦畫墁，其志亦相以求食也，則子食之乎？曰：否！

Giả như có một người kia chỉ làm những việc dập bể gạch, vạch nát tường (**Hủy ngõa hoạch mạn**), bốn chữ này là hình dung một hạng người không làm việc ích mà chỉ làm việc hại người; nhưng mà chí người ấy cũng cốt người ta cho ăn đó vậy (**kỳ chí diệc tương dĩ cầu thực dã**) thời anh có nên nuôi người ấy không ? (**tắc tử tự chi hồ** ?) (chữ "tử" là chỉ vào Bành Canh là người hỏi thầy).

Bành Canh trả lời ràng : không (**viết : phủ**).

Thầy lại nói tiếp rằng :

Viết : Nhiên tắc tử phi tự chí dã, tự công dã.

曰：然則子非食志也，食功也。

Ừ phải rồi ! Hễ cho người ta ăn, không phải dòm chí người ta mà cho ăn vậy (**phi tự chí dã**), dòm ở người có công làm lợi ích cho mình mà cho ăn đó vậy (**tự công dã**).

Xem hai chữ "tự công" ở đây thời biết chữ "tự nhân" ở trên kia cũng chỉ là nuôi những người có công với xã hội.

Tuy nhiên, ở trong lúc "tự công", lại phải theo ở giá trị mỗi người mà thù báo khác nhau, tùy ở nơi lao động sở năng có hơn kém mà trả lại cho cái giá trị vừa tương dương. Đó lại là "giá trị luận" ở trong "kinh tế học". Nên thấy có lời biện bác với Trần Tương rằng :

Phù vật chi bất tề, vật chi tình dã; hoặc tương bội, tỷ; hoặc tương thập, bách; hoặc tương thiên, vạn : tử tỷ nhi đồng chi, bố bạch trường đoản đồng, tắc giá tương nhược; ma, lũ, ty, nhự, khinh trọng đồng, tắc giá tương nhược; ngũ cốc đa quả đồng, tắc giá tương nhược; lũ đại tiểu đồng, tắc giá tương nhược, thị loạn thiên hạ dã; cự lũ, tiểu lũ đồng giá, nhân khởi vi chi tai.

夫物之不齊，物之情也；或相倍，蓰；或相什，百；或相千，萬；子比而同之，布帛長短同，則價相若；麻，縷，絲，菅屨重同，則價相若；五穀多寡同，則價相若；屨大小同，則價相若；是亂天下也；巨屨小屨同價，人豈為之哉！

Bản chất của mọi giống (tức là vật chất), không cân tày như nhau, là tình thật của mọi vật như thế (**vật chi bất tề, vật chi tình dã**); vì bản thân của mỗi một giống, tất có cái giá trị tương dương của nó; không thể vì dục vọng của ta mà ép nó theo ý mình; hoặc có cái hơn nhau chỉ gấp hai gấp năm (**hoặc tương bội, tỷ**) ("bội", là gấp hai; "tỷ", là gấp năm); lại có cái hơn nhau đến gấp mười, gấp trăm; có cái hơn nhau đến gấp

nghìn, gấp muôn. Nếu bây giờ anh muốn một luật đồng giá nhau, không kỳ lụa hay vải, chỉ dài ngắn đồng nhau thời giá in như nhau (**bố bạch trường đoản đồng, tắc giá tương nhược**); không kỳ gai, sợi, tơ bông, chỉ nặng nhẹ đồng nhau thời giá in nhau (**ma, lũ, ty, nhự, khinh trọng đồng tắc giá tương nhược**); năm loài lúa không kỳ loài gì, chỉ nhiều ít đồng nhau thời giá in nhau (**ngũ cốc đa quả đồng, tắc giá tương nhược**); giày không kỳ thức giày gì, chỉ lớn nhỏ đồng nhau thời giá in nhau (**lũ đại tiểu đồng, tắc giá tương nhược**). Quả như lời anh nói là làm rối cho thiên hạ vậy (**thị loạn thiên hạ dã**). Chỉ nói một giống giày mà đã biết vật giá phải khác nhau, giả như giày tốt hay xấu không kể đến, chỉ kể giày lớn với giày nhỏ khác nhau, nếu giày lớn mà giá cũng như giày nhỏ thời còn có ai chịu làm giày lớn nữa ru ! (**cự lũ, tiểu lũ đồng giá, nhân khởi vi chi tai !**).

Như mấy đoạn trên kia là "phân công chủ nghĩa" và "giá trị luận" của thầy Mạnh, chúng ta đã nhận được đại khái rồi. Tuy nhiên, ở trong học thuyết của thầy vẫn ít nói đến "thương nghiệp", nhưng cũng không phải thầy bỏ ngơ đâu. Xem mấy bài sau này thời "thương nghiệp" thầy vẫn thường nghĩ tới; nhưng cũng chỉ chú trọng về lợi ích cho bình dân, mà không phải "thương nghiệp" để làm lợi ích cho chính phủ.

Trong ý thầy rất ghét những cách đánh thuế chợ, thầy có nói rằng :

Cổ chi vi thị dã, dĩ kỳ sở hữu dịch kỳ sở vô; hữu tư giả, trị chi nhĩ.

古之為市也，以其所有，易其所無；有司者，治之耳！

Thầy sở dĩ nói đoạn này là rất muốn khôi phục phép "thị chính" của đời xưa.

Nguyên đời xưa sở dĩ đặt ra chợ, mục đích cốt để tiện lợi cho nhân dân, khiến cho họ đem những giống mình có thừa mà đổi lấy những giống mình không có (**dĩ kỳ sở hữu dịch kỳ sở vô**); đến như quan lại mà chính phủ để coi việc

"thị chính" (市政), chỉ là **"giám sát"** (鑒察) những việc kiện cáo ở giữa chợ mà thôi, chứ chẳng bao giờ đánh thuế đến người buôn bán (**hữu tư giả, trì chi nhĩ**).

Việc đánh thuế kẻ buôn bán, trong ý thầy lấy làm ty bỉ, nên thầy có nói tiếp rằng :

Hữu tiện trượng phu yên, tất cầu lũng đoạn nhi đăng chi, dĩ tả hữu vọng nhi võng thị lợi, nhân giai dĩ vi tiện. Cố tùng nhi chinh chi. Chinh thương tự thử tiện trượng phu thỉ hỹ.

有賤丈夫焉，必求壟斷而登之，以左右望而罔市利，人皆以為賤，故從而征之。征商自此賤丈夫始矣。

Nguyên phép đời xưa vẫn không thuế chợ. Vì sao mà sinh ra thuế chợ ? Nhân vì có anh con trai dơ bẩn kia (**tiện trượng phu**) ("tiện", nghĩa là tham ô dơ bẩn, không phải nghĩa chữ "tiện" đối với chữ "quí"), thấy chợ nhiều đồ, anh mới nghĩ một cách để cướp lợi, tất tìm một chỗ cồn cao mà đứng lên đó (**cầu lũng đoạn nhi đăng chi** -"lũng đoạn", là chỗ đám đất cao ở trong chợ), để cho tiện trông suốt cả tư bề chợ (**dĩ tả hữu vọng**), mà tóm lặt lấy những giống gì có lợi ở trong chợ vào tay mình (**nhi võng thị lợi**), người trong chợ ai cũng cho thằng ấy là dơ bẩn (**nhân giai dĩ vi tiện**).

Vì lòng tham của một tên "tiện trượng phu" đó mà khơi móc cái mối tham cho quan lại, quan lại mới nhân đó mà đánh thuế người buôn (**cố tùng nhi chinh chi**). Bắt đầu chỉ đánh thuế những bọn "tiện trượng phu" kia; mối lợi đã mở ra thời nguồn tham cũng càng sôi nhẩy, dần dần mới thành ra luật "chinh thương" ("chinh thương", nghĩa là đánh thuế con buôn). Múi "tệ chính" ấy là "tạo đoan" từ tên "tiện trượng phu" kia vậy (**chinh thương tự thử tiện trượng phu thỉ hỹ**).

Chúng ta đọc đoạn sách này thời biết ý thầy rất ghét thuế chợ. Kìa một anh nhà buôn "lũng đoạn" mà thầy đã cho là "bỉ tiện"; huống gì chính phủ mà "lũng đoạn thị lợi" thời đáng "bỉ tiện" biết chừng nào. Nên thầy lại có bài nói rằng :

Thị triển nhi bất chinh, pháp nhi bất triển, tắc thiên hạ chi thương giai duyệt nhi nguyện tàng ư kỳ thị hỹ.

市廛而不征，法而不廛，則天下之商皆悅而願藏於其市矣。

Bài này cũng nói về "thị chính".

Hễ những chỗ thành phố đông người mà bày đặt ra làm chợ thời có phép "triển" mà không phép "chinh", hoặc là chỉ có "pháp" mà không "triển" thời tất nhiên những con buôn ở trong thiên hạ tất thấy vui lòng muốn trữ đồ buôn ở trong chợ nước mình đó (**tắc thiên hạ chi thương giai duyệt nhi nguyện tàng ư kỳ thị hỹ**).

("Triển", nghĩa là đặt ra phép biên số các nhà ở. Bởi vì nhà xung quanh gần chợ toàn là do chính phủ làm ra để cho những chủ buôn thuê ở, nên phải biên chép tên họ các chủ buôn, gọi bằng phép "triển";

"Chinh" nghĩa là đánh thuế đồ buôn; biên chép lấy tên họ chủ thuê mà không đánh thuế đồ buôn là "triển nhi bất chinh".

"Pháp", nghĩa là đặt ra chính lịnh điều lệ để trừng trị kẻ gian phi trộm cướp ở trong chợ, gọi bằng "pháp". Chỉ có "pháp" mà thôi, mà không đặt ra lệ thu tiền thuê nhà là "pháp nhi bất triển").

"Thị chính" (市政) mà khoản đãi được như hai câu trên ấy thời nảy ra hai vấn đề lợi ích :

1)- Nhân khẩu thêm nhiều.

2)- Hóa vật thêm giàu.

Bởi vì đồ buôn không phải chịu thuế thời dân buôn các nước tất kéo nhau tới ở nước mình, mà lại sinh sản phẩm ở các nước thảy đưa đến mà giao hoán sản vật của nước mình, sản vật nước mình nhân đó mà tàng gia.

Vì muốn đạt được mục đích ấy, nên thấy lại có câu nói rằng :

Quan, cơ nhi bất chinh, tắc thiên hạ chi lữ giai duyệt nhi nguyện xuất ư kỳ lộ hỹ.

關譏而不征，則天下之旅皆悅而願出於其路矣。

Những chỗ quan tái tuần phòng ở trong quốc cảnh mình chỉ có phép "cơ" mà không phép "chinh" thời những khách đi đường của thiên hạ tất thảy bằng lòng mà ưng đi đường của nước mình vậy (**tắc thiên hạ chi lữ, giai duyệt nhi nguyện xuất ư kỳ lộ hỹ**).

"Cơ", nghĩa là xét hỏi. Hễ những chỗ xuất khẩu, nhập khẩu ở trong nước, có đặt ra cửa quan, có quan lại canh phòng xét hỏi những người lạ qua lại, ngừa có gian phi đạo tặc chăng, chỉ "cơ" mà thôi, chứ không đánh thuế đồ buôn, đó là "cơ nhi bất chinh".

Thấy lại có câu nói rằng :

Triền vô phu lý chi bố, tắc thiên hạ chi dân giai duyệt nhi nguyện vi chi manh hỹ.

廛無夫里之布，則天下之民皆悅而願為之氓矣。

Những người đã có họ tên vào giấy "triền" thời chỉ nộp tiền thuế nhà mà thôi mà không bắt họ phải đóng tiền "phu", tiền "lý" thời dân ở trong thiên hạ tất thảy bằng lòng mà xin nhập tịch làm dân nước mình vậy (**tắc thiên hạ chi dân giai duyệt nhi nguyện vi chi manh hỹ**).

"Phu", nghĩa là chịu tiền đóng góp một suất đinh; hễ người ngoại quốc ở nước mình phải chịu tiền thuế ấy, gọi bằng "phu bố"; "lý", nghĩa là đóng góp tiền một khóe đất đủ làm nhà ở, gọi bằng "lý bố". Hễ người ngoại tịch vào ở nước mình phải chịu tiền thuế ấy, bây giờ miễn trừ cho họ, không khiến họ nộp "phu bố", "lý bố" thời người ngoại quốc đến đông mà nhân khẩu ở trong nước mình ngày càng phồn thịnh.

Vì có mục đích như thế, nên thấy chủ trương chính sách "thương nghiệp" bằng "tự do mậu dịch", nghĩa là mở rộng thị trường của mình cho người ngoài đến nước mình được tự do buôn bán, trái hẳn với Âu Châu đời nay, thu thuế chợ rất nặng, đánh thuế người cũng cao, theo con mắt các nhà học

mới đời nay chắc bảo rằng thầy Mạnh không biết chính sách "phú cường" !

Ừ, có thế thiệt ! Nhưng xin học giả hãy nghĩ, chính sách làm "phú cường" cho nhân dân, tất phải trái hẳn với chính sách "phú cường" cho chính phủ. Nếu chúng ta có tâm lý như thầy Mạnh thời tuyển bộ sách ***Mạnh Tử*** đáng xem làm sách "phú cường".

Tóm lại, đầu đuôi kinh tế chủ nghĩa của thầy Mạnh, nói nông nghiệp thời chủ trương phép tỉnh điền, muốn cho dân ai cũng được hưởng quyền thổ địa; nói công nghiệp thời chủ trương phân công với hợp tác trên với dưới, lớn với bé, trên vai người nào cũng gánh một chữ "lao" (*lao tâm, lao lực*); nói về thương nghiệp thời chủ trương tự do mậu dịch, mà miễn thuế miễn xâu, muốn cho dân buôn khỏi chết vì thuế nặng, mà thị trường thời được của nhóm người đông.

Tổng chi, không một câu, một chữ nào mà không chú trọng về bình dân kinh tế. Nếu bình dân kinh tế đã đầy đủ thời chính phủ lẽ nào còn dối thiếu ! Dân đã giàu, tất nhiên nước cũng giàu; nước đã giàu, tất nhiên phải mạnh, nên thầy đã có câu :

Khả sử chế đỉnh dĩ thác Tần Sở chi kiên giáp lợi binh hỹ.

可使制梃以撻秦楚之堅甲利兵矣 ·

Nghĩa là, dân trong nước đã giàu vừa mạnh và đều lòng ái quốc trung quân thời có thể làm gậy bằng cây mà đánh "kiên giáp lợi binh" Tần, Sở.

Thầy lại có câu nói rằng :

Nhân nhân vô địch ư thiên hạ.

仁人無敵於天下 ·

Nghĩa là, người có quyền chính trị ở một nước kia hay làm được nhân chính thời trong thiên hạ không ai địch nổi.

Những câu ấy há phải nói khoác mà thôi đâu. Tuy đến đời nay, tình thế ngũ châu vẫn khác xa đời Chiến Quốc, nhưng

cái tinh thần thuộc về "bình dân kinh tế chủ nghĩa" chẳng bao giờ bỏ được.

Tác giả biên kỹ mấy đoạn trên kia, xin độc giả chớ nhìn trên mặt chữ mà bảo thầy Mạnh là vu khoác.

Tiết thứ 7

Chủ nghĩa thuộc về "bình dân giáo dục".

Nói đến "học thuyết giáo dục" của thầy Mạnh, tất nhiên phải truy nguyên đến Khổng Tử và Tăng Tử.

"Giáo dục thuyết" của Khổng Tử đã tường ở ***Khổng Học Đăng thượng***.

"Giáo dục thuyết" của Tăng Tử thời đã tường ở ***Khổng Học Đăng trung***.

Giáo dục của đức Khổng Tử chú trọng về chữ "**nhân**" (仁), chữ "**thứ**" (恕).

Giáo dục của Tăng Tử thời lại chú trọng ở "Minh đức", "thân dân", "chí ư chí thiện".

Duy đến thầy Mạnh Tử vẫn thừa tiếp lấy học thuyết Khổng, Tăng, nhưng lại phát huy cho thiệt quảng đại và lại chú trọng ở "bình dân giáo dục".

Trong cách giáo dục của thầy Mạnh có thể chia làm ba điều mục :

1)- Giáo dục thuộc về "tâm tính".

2)- Giáo dục thuộc về "thực hành".

3)- Giáo dục thuộc về "nhân cách".

1.- Giáo dục thuộc về "tâm tính" :

Ở tiết thứ hai đã kê kỹ "tâm tính luận" của thầy Mạnh,

nay chỉ nói lược lại.

Thầy Mạnh dạy người, trọng yếu thứ nhất là bảo cho người ta phải "tồn tâm, dưỡng tính", như những bài thầy nói sau này :

Tồn kỳ tâm, dưỡng kỳ tính, sở dĩ sự thiên dã.

存其心，養其性，所以事天也。

(Nghĩa đã thích ở tiết thứ nhất sách ***Trung Dung***).

Lại có bài nói rằng :

Nhân hữu kê khuyển phóng, tắc tri cầu chi; hữu phóng tâm nhi bất tri cầu, ai tai ! Học vấn chi đạo, vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ hỹ.

人有雞犬放，則知求之，有放心而不知求，哀哉！學問之道，無他，求其放心而已矣。

Nghĩa là, người ta thường có con gà, con chó chạy đi mất (**nhân hữu kê khuyển phóng**), thời biết hết sức tìm kiếm nó (**tắc tri cầu chi**) ("phóng", nghĩa là chạy đi mất; "cầu", là tìm lại cho được), sao có người để tâm mình chạy đi mất mà không biết tìm kiếm nó về (**hữu phóng tâm nhi bất tri cầu**) ? Thế thời xem cái tâm mình không quí hóa bằng gà chó, chẳng là đáng đau đớn lắm hay sao ! (**ai tai !**). Vậy nên ở trong đường lối chúng ta làm học vấn, không gì lạ đâu ! (**học vấn chi đạo, vô tha**), chỉ cốt cầu cho được phóng tâm trở lại mà thôi ! (**cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ hỹ**).

Học giả đọc bài này, phải nhận cho ra nghĩa chữ "phóng tâm" ("tâm" là giống gì ? Thầy đã nói rõ ràng : "**nhân, nhân tâm dã**" (仁，人心也), nghĩa là, gốc tâm của con người ta chỉ có nguyên lý là "lòng nhân" mà thôi).

Chữ "nhân" ở đây tức là chữ "nhân" ở trong ***Luận Ngữ***", "nhân" là cội gốc cho muôn việc lành. Trong lòng người ta vẫn có sẵn cái "đức nhân" ấy; cũng như các thứ trái mà có cái hột để làm mộng như : đào nhân, hạnh nhân, qua tử nhân, v.v...

Giống trái mà không hột mộng tức là trái chết. Lòng

người mà không "đức nhân" tức là lòng chết. Cái "đức nhân" đó đi đâu mất mà không ở trong lòng mình, thế là "phóng tâm". Tâm đến lúc đã phóng mất rồi mà muốn cầu trở lại thời tất cần phải học vấn. Nên thầy nói rằng "**học vấn chi đạo, vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ hỹ**", nghĩa là phương pháp học vấn không điều gì lạ đâu (**vô tha**), chỉ cốt cầu cho được "phóng tâm" là xong rồi.

Sự dau dớn của người ta không chi hơn bằng "phóng tâm". Nên thầy lại có bài nói rằng :

Sinh, diệc ngã sở dục dã; nghĩa, diệc ngã sở dục dã; nhị giả bất khả đắc kiêm, xả sinh nhi thủ nghĩa giả dã.

生，亦我所欲也；義，亦我所欲也；二者不可得兼，舍生而取義者也。

Nghĩa là, người ta ở dời, theo về phần xác thịt, không gì cần hơn sự sống. Cái sự sống đó vẫn cũng là ta muốn lắm đó vậy (**sinh, diệc ngã sở dục dã**), nhưng lại phải sống về phần "tinh thần"; sống về phần tinh thần thời chẳng gì cần hơn "nghĩa" ("nghĩa", là việc phải mình đáng làm, cũng ở trong chữ "nhân" mà đẻ ra tức là "nhân tâm"). Vì thế mà "nghĩa" cũng là điều ta muốn lắm (**nghĩa, diệc ngã sở dục dã**). Giả như cân nhác cả hai điều đó (**sinh** và **nghĩa**) được luôn cả hai thời vẫn là tốt lắm; nhưng có lúc dụng lấy một hoàn cảnh gì hay một sự thế gì, nếu giữ lấy "sinh" thời mất "nghĩa", nếu giữ lấy "nghĩa" thời mất "sinh". Cái phần "sinh" với phần "nghĩa" không thể được luôn cả hai (**nhị giả bất khả đắc kiêm**), đến lúc đó ta nên tính thế nào ? Chỉ có một lẽ : Bỏ cái "sinh" mà lấy cái "nghĩa" đó vậy ! (**xả sinh nhi thủ nghĩa giả dã** (chữ "xả" với chữ "thủ" phản đối với nhau : "xả", nghĩa là bỏ đi; "thủ", nghĩa là núm lấy).

Thầy muốn cho rõ ý nghĩa ấy, lại nói thêm rằng :

Sinh diệc ngã sở dục; sở dục hữu thậm ư sinh giả. Cố bất vi cẩu đắc dã. Tử diệc ngã sở ố; sở ố hữu thậm ư tử giả; cố hoạn nạn hữu sở bất tỵ dã.

生，亦我所欲，所欲有甚於生者，故不為

苟得也．死，亦我所惡；所惡有甚於死者，故患難有所不避也．

Nghĩa là, sự sống vẫn là lòng ta muốn (**sinh, diệc ngã sở dục**), nhưng cái việc mà lòng ta muốn, còn có cái cần thiết hơn sự sống nữa kia (**sở dục hữu thậm ư sinh giả**) tức là nghĩa (nghĩa lại quí trọng hơn sinh, nên nói "hữu thậm"). Vì vậy mà chẳng chịu làm tầm bậy cho được sống (**cố bất vi cẩu đắc**).

Hai chữ "cẩu dắc", ý nghĩa rất hay. Nguyên chữ "cẩu", đồng âm với chữ "cẩu" (狗) là chó, dụng dâu cũng ăn, dụng đâu cũng ở, không kể phải chăng là gì, thành ra người cũng như chó, nên gọi là "cẩu dắc".

Cái sự chết vẫn lòng ta ghét (**tử diệc ngã sở ố**), nhưng mà cái việc ta "sở ố" còn có cái khó chịu hơn chết nữa kia (**sở ố hữu thậm ư tử giả**), tức là "bất nghĩa". Bởi vì cái chết chỉ là chết mất xác thịt, chứ như "bất nghĩa" thời chết luôn cả tinh thần. Vì muốn nuôi lấy tinh thần thời xác thịt dẫu chết mà vẫn như sống. Vậy nên nguy hiểm hoạn nạn mà có chỗ mình không tránh (**cố hoạn nạn hữu sở bất tỵ dã**),

"tỵ", nghĩa là tránh; "bất tỵ", nghĩa là không tránh cái chết, cũng là ý chữ "xả sinh" ở trên. Hễ không tránh chết tức là bỏ sống.

Vì thấy muốn cho rõ nghĩa chữ "phóng tâm" nên thầy lại nói thêm rằng :

Thị cố sở dục hữu thậm ư sinh giả, sở ố hữu thậm ư tử giả; phi độc hiền giả hữu thị tâm dã; nhân giai hữu chi; hiền giả năng vật táng nhĩ.

是故所欲有甚於生者，所惡有甚於死者；非獨賢者有是心也；人皆有之；賢者能勿喪耳！

Nghĩa là, cái lương tâm của người ta mà biết cân nhắc ở trong sự sống chết, có cái ham muốn thiệt hơn sự sống (**sở dục hữu thậm ư sinh giả**), có cái ghét hơn sự chết (**sở ố**

hữu thậm ư tử giả). Cái lương tâm ấy, chẳng phải chỉ người hiền giả có mà thôi (**phi độc hiền giả hữu thị tâm dã**); hễ dã là người, tất thảy có tâm ấy (**nhân giai hữu chi**). Nhưng vì người thường hay để tâm phóng mất, chỉ duy hiền giả hay giữ được tâm ấy, không cho nó mất đi mà thôi (**hiền giả năng vật táng nhĩ**) ("táng", nghĩa là mất, tức là "phóng kỳ tâm").

Chữ "thị tâm" ở đây nên nhận lại cho kỹ. "Thị tâm", là tâm gì ? Chính là ham "nghĩa" thiết hơn sự sống, ghét "bất nghĩa" hơn sự chết.

Thầy lại muốn nói cho có chứng cớ, nên lại nói đoạn sau này :

Nhất đan tự, nhất đậu canh, đắc chi tắc sinh, phất đắc tắc tử; hố nhĩ nhi dữ chi, hành đạo chi nhân phất thọ; xúc nhĩ nhi dữ chi, khất nhân bất tiết dã.

一簞食，一豆羹，得之則生，弗得則死；呼爾而與之，行道之人弗受；蹴爾而與之，乞人不屑也。

Muốn chứng nghiệm được lương tâm ta, xin xem như lẽ này :

Giả như cơm chỉ một đai (**nhất đan tự**), canh chỉ một đậu (**nhất đậu canh**), vẫn là của rất ít; nhưng nếu được bấy nhiêu thời sống, không được thời chết (**đắc chi tắc sinh, phất đắc tắc tử**), thế mà người đem đồ ấy cho mày có ý sỉ phục mày rồi mới cho (**hố nhĩ nhi dữ chi**), chắc dầu mày là người qua đường cũng không chịu; gạt đá mày rồi mới cho (**xúc nhĩ nhi dữ chi**), chắc dầu mày là người ăn xin cũng không thèm (**khất nhân bất tiết dã**). Xem như chuyện đó thời biết rằng tấm lòng liêm sỉ, vẫn đến hạng người hành đạo với hạng khất nhân cũng có cả thảy; có sao cái lòng liêm sỉ đó bỗng chốc mà bỏ mất đi đâu ? là chỉ vì cái bả phú quí nó làm hại. Nên thầy kể rõ như đoạn dưới này :

Vạn chung tắc bất biện lễ nghĩa nhi thọ chi; vạn chung ư ngã hà gia yên ? Vị cung thất chi mỹ, thê thiếp

chi phụng, sở thức cùng phạp giả đắc ngã dư ?

萬鍾則不辨禮義而受之；萬鍾於我何加焉？為宮室之美，妻妾之奉，所識窮乏者得我與？

Thoạt có người đem "vạn chung" cho mình (**vạn chung**) là bổng lộc rất nhiều, lấy chung mà đong nhiều đến một vạn, lúc đó thấy của tối mặt, thôi thời đúng lễ nghĩa hay không, không kịp kể, nhắm mắt mà chịu lấy (**tắc bất biện lễ nghĩa nhi thụ chi**).

Chữ "biện" có nghĩa là đo đắn cân nhắc, nghĩ có đáng hay không. "Vạn chung" vẫn nhiều hơn "đan tự", "đậu canh" không biết bao nhiêu, nhưng thử nghĩ cái đồ ở ngoài đem đến, có làm gì cho thêm chân giá trị của mình được không ? (**vạn chung ư ngã, hà gia yên ?**).

Cái bản chất trời sinh ra mình tức là "ngã", dẫu không "vạn chung" chẳng thấy kém, mà có "vạn chung" nữa cũng không thấy hơn, nên nói rằng "**ư ngã hà gia ?**".

Vì sao "bất biện lễ nghĩa" mà chịu lấy nó ? Chẳng phải vì hoa mỹ ở nhà cửa, phụng sự nhiều vợ hầu, những người đói khó quen biết mình được có nhịp cảm ơn mình đó hay sao ? (**vị cung thất chi mỹ, thê thiếp chi phụng, sở thức cùng pháp giả đắc ngã dư ?**).

Hướng vị thân tử nhi bất thụ; kim vị cung thất chi mỹ, vi chi; kim vị thê thiếp chi phụng, vi chi; kim vị sở thức cùng phạp giả đắc ngã nhi vi chi. Thị diệc bất khả dĩ dĩ hồ.

鄉為身，死而不受；今為宮室之美，為之；今為妻妾之奉，為之；今為所識窮乏者得我，而為之，是亦不可以已乎？

Cái tình tệ nghĩ quá buồn cười ! Vẫn nguyên lai cũng một "ngã" ấy : trước kia đối với một đại cơm, một chén canh, ghét cái vô lễ, đành chịu chết mà không thọ (**hướng vị thân, tử nhi bất thụ**); đến bây giờ đem cái "ngã" ấy mà bán rẻ

cho cái bả vinh hoa, vì nhà cửa đẹp, vì vợ hầu đông, vì dám nghèo đói cám ơn mà chịu lấy cái "vạn chung" không "lễ nghĩa". Ôi ! Chuyện vô liêm sỉ như thế cũng không đáng từ chối đi cho rảnh rư ? (**thị diệc bất khả dĩ dĩ hồ** !).

Thử chi vị thất kỳ bản tâm.

此之謂失其本心。

Câu này là kết thúc cả đoạn trên.

Chữ "bản tâm", ngó lại chữ "thị tâm" là cái tâm "ham nghĩa", mà không chịu "cẩu đắc", ghét "bất nghĩa" mà không chịu "ty hoạn". "Bất biện lễ nghĩa" mà thọ lấy "vạn chung", chính là mất "bản tâm" ấy rồi, nên nói rằng "**thất kỳ bản tâm**".

Học giả đọc câu này phải nhận đến hai chữ "phóng tâm" ở đoạn trên. Vì "tâm" có phóng mới đến nỗi "thất"; mà sở dĩ "phóng kỳ tâm" thời bệnh căn tại không học vấn, nên không nghĩa lý để giằng giữ được tâm mình, đến nỗi tâm mới luông tuồng mà thành ra "phóng". Tâm đã đến lúc phóng thời còn có chân tính gốc nữa dâu ! Sở dĩ đến nỗi "thất kỳ bản tâm".

Chúng ta muốn giữ gìn lấy "bản tâm" cho được "bất thất", tất phải cầu "phóng tâm". Mà muốn cầu "phóng tâm", tất phải hết sức ở nơi học vấn. Xem như câu "**học vấn chi đạo vô tha**, v.v..." thời biết.

Lại có bài như sau này :

Công Đô Tử vấn viết : Quân thị nhân dã, hoặc vi đại nhân, hoặc vi tiểu nhân, hà dã ?

公都子曰：均是人也，或為大人，或為小人，何也？

Học trò thấy có Công Đô Tử hỏi với thầy rằng : Tất thảy là người như nhau (**quân thị nhân dã** ("quân", nghĩa là cân, cũng nghĩa là tất thảy), mà tựu trung có kẻ làm đại nhân, có kẻ làm tiểu nhân, là cớ làm sao ? (**hoặc vi đại nhân, hoặc vi tiểu nhân, hà dã** ?).

Chữ "đại nhân", "tiểu nhân" ở đây là so đọ với nhau bằng đạo đức, học vấn, chứ không phải so đọ với nhau bằng

danh vị; đời ta thường gọi các cụ lớn là đại nhân, mà bách tính là tiểu nhân thời trái với nghĩa ở đây.

Mạnh Tử viết : Tùng kỳ đại thể vi đại nhân, tùng kỳ tiểu thể vi tiểu nhân.

孟子曰：從其大体為大人，從其小体為小人。

Thầy Mạnh trả lời rằng :

Chăm chỉ về phần đại thể thời thành đại nhân; chăm chỉ về phần tiểu thể thời thành tiểu nhân. Bởi vì ở trong thân thể ta có cái đại, cái tiểu.

"Đại" là cái gì ? Là cái lương tâm mà trời phú cho ta. Ta cố chăm chỉ nuôi lấy lương tâm ta, không cho lương tâm làm nô lệ cho "nhĩ, mục, khẩu, phúc", thế là "tùng kỳ đại thể"; kết quả thành được phẩm cách cao quí mà làm đại nhân; chính như nghĩa câu : "**dưỡng kỳ đại dã vi đại nhân**".

"Tiểu", là cái gì ? Là "khẩu, phúc, nhĩ, mục"; nếu chỉ lo nuôi lấy miệng, bụng, tai, mắt", thế là "**tùng kỳ tiểu thể**", cuối cùng thành người giá trị hư hèn mà thành tiểu nhân, chính là nghĩa câu : "**dưỡng kỳ tiểu giả vi tiểu nhân**".

Sở dĩ đại nhân, tiểu nhân chỉ khác nhau ở chốn "dưỡng", nhưng mà sở dĩ biết được "dưỡng" thời lại nhờ ở bộ óc nghĩ, nên thầy lại nói với Công Đô Tử rằng :

Nhĩ mục chi quan bất tư (1) **nhi tế ư vật; vật giao vật tắc dẫn chi nhi dĩ hỹ. Tâm chi quan tắc tư, tư tắc đắc chi; bất tư tắc bất đắc dã. Thử thiên chi sở dữ ngã giả, tiên lập hồ kỳ đại giả, tắc kỳ tiểu giả bất năng đoạt dã; thử vi đại nhân nhi dĩ hỹ.**

耳目之官不思，而蔽於物；物交物則引之而已矣。心之官則思，思則得之，不思則不得也。此天之所與我者，先立乎其大者，則其小者，不能奪也；此為大人而已矣。

(1) Nguyên cụ Sào Nam dọc âm vận "ty", nay sửa "tư"

Cũng là người cả thảy, vì sao có kẻ biết "dưỡng kỳ đại" mà "tùng kỳ đại thể" ? lại có kẻ "dưỡng kỳ tiểu" mà "tùng kỳ tiểu thể" ? Cái có đó chỉ ở nơi nghĩ với không nghĩ mà thôi.

Ở trong thân thể người ta, mỗi cái có mỗi chức trách gọi bằng "quan" (官). Quan của tai chỉ biết nghe, quan của mắt chỉ biết xem, mà nó không biết nghĩ (**nhĩ mục chi quan bất tư**). Vì nó không biết nghĩ, nên vật chất ở bề ngoài che lấp được nó (**nhi tế ư vật**, ("tế", nghĩa là che, "vật", là những giống tiếp xúc ở trước tai mắt). Tai mắt đã tiếp xúc lấy những giống vật ngoài, tỷ như mắt mình tiếp lấy sắc đẹp, tai mình tiếp lấy tiếng dâm tức khắc nó kéo đi theo nó mà thôi vậy (**vật giao vật tắc dẫn chi nhi dĩ hỹ**). Chữ "vật" trên chỉ vào "vật dục", chữ "vật" dưới chỉ vào "thân thể" ("giao", nghĩa là tiếp xúc; "dẫn", nghĩa là dắt kéo).

"Nhĩ mục" sở dĩ bị "vật" dẫn được là tội tại nó không hay nghĩ; chỉ duy tâm của mình, cái chức trách của nó là hay nghĩ (**tâm chi quan tắc tư**). Nó đã hay nghĩ, nghĩ thời được, là đúng với chức trách của nó mà sai sử được tai mắt (**tư tắc đắc chi**) (chữ "chi" là chỉ vào đại thể). Nếu không chịu nghĩ thời chẳng được mà bị tai mắt sai khiến được nó (**bất tư tắc bất đắc dã**). Cái đó vẫn gốc ở nguyên lý trời phú cho ta (**thử thiên chi sở dữ ngã giả**); mà trong lúc trời phú cho ta, vẫn đủ cả "lớn" với "nhỏ"; nếu ta trước tự lập ở nơi phần lớn thời những cái phần nhỏ kia chẳng bao giờ cướp được (**tiên lập hồ kỳ đại dã tắc kỳ tiểu giả bất năng đoạt giả**).

"Đại", là tâm quan, "tiểu" là các thứ vật chất. Vật chất không cướp được tâm quan, tức thành ra người cao quí đó rồi. Đó là đại nhân mà thôi vậy (**thử vi đại nhân nhi dĩ hỹ**).

Giáo dục ở trong học thuyết thầy Mạnh, trọng yếu nhất là "dưỡng tâm". Những hạng người không biết "dưỡng tâm", thầy cho là rất "ty bỉ", nên lại có câu rằng :

Chi bất nhược nhân, tắc tri ố chi; tâm bất nhược nhân, tắc bất tri ố; thử chi vị bất tri loại dã.

指不若人，則知惡之；心不若人，則不知惡；此之謂不知類也。

Có một ngón tay kia không được ngay thẳng như ngón tay người ta thời biết lấy làm xấu thẹn (**chỉ bất nhược nhân, tắc tri ố chi**), bây giờ cái tâm mình cong co gian vạy, không được chính trực như tâm người thời không biết xấu thẹn (**tâm bất nhược nhân tắc bất tri ố**).

Hai chữ "nhân" ở trong bốn câu, nghĩa có khác nhau : chữ "nhân" trên chỉ vào hạng người phổ thông; chữ "nhân" dưới chỉ vào hạng người quân tử. Ngón tay người thẳng mà ngón tay mình cong là "**chỉ bất nhược nhân**"; người thời quân tử mà ta thời tiểu nhân là "**tâm bất nhược nhân**".

Biết lấy ngón tay thua người làm xấu mà không biết lấy tâm địa thua người làm xấu, thành ra một hạng người mất trí khôn, không biết giống gì là quí, giống gì là tiện nữa vậy (**thử chi vị bất tri loại dã**) ("tri loại", nghĩa là phân biệt được giống quí, giống tiện).

Thầy lại nói rằng :

Nhân chi ư thân dã, kiêm sở ái; kiêm sở ái tắc kiêm sở dưỡng dã. Ẩm thực chi nhân, tắc nhân tiện chi hỹ; vị kỳ dưỡng tiểu, dĩ thất đại dã.

人之於身也，兼所愛；兼所愛則兼所養也。飲食之人，則人賤之矣；為其養小以失大也。

Ở trong thân người ta, có nhỏ có lớn mặc dầu, nhưng đã một thể ở trong thân ta, tất phải yêu quí cả thảy (**nhân chi ư thân dã kiêm sở ái**); yêu quí cả thảy thời phải nuôi nấng cả thảy (**kiêm sở ái tắc kiêm sở dưỡng dã**). Nhưng tựu trung cách nuôi, có người nuôi phần nhỏ, có người nuôi phần lớn. Nuôi phần lớn thời phải nuôi lấy tâm; nuôi phần nhỏ thời chỉ nuôi khẩu phúc; mà nuôi khẩu phúc tất nhờ bằng ăn uống. Cớ sao một người kia chỉ lo nuôi khẩu phúc mà tham ăn uống tới người ta khinh rẻ ngay. (**Ẩm thực chi nhân, tắc nhân tiện chi hỹ** ?). Người ta sở dĩ khinh rẻ là vì người kia chỉ nuôi lấy

cái nhỏ bỏ mất cái lớn vậy (**vị kỳ dưỡng tiểu dĩ thất đại dã**). Đó há phải khẩu phúc không đáng nuôi dâu ! Chỉ vì nuôi khẩu phúc mà không nuôi lấy tâm thời người ấy mới là đáng bỉ tiện đó vậy.

Xem suốt cả mấy bài như trên kia thời biết giáo dục tâm tính là thầy rất chú ý, mà trong phần dưỡng tâm, thầy lại chú trọng hai phương pháp :

1)- **Quả dục**. Dạy cho người ta ngăn lòng tình dục. Tình dục của người ta không thể bỏ hết được, nhưng tất phải lấy nghĩa lý mà hạn chế tình dục; tình dục bớt được một phần thời nghĩa lý thêm được một phần, nên "quả dục" là công phu thứ nhất ở trên đường "dưỡng tâm".

2)- **Tri sỉ**. Người ta sở dĩ muốn được lòng "tu ố" là cần có biết xấu thẹn. Nếu người mà không biết xấu thẹn thời không thể nào nuôi được tâm. Nên thầy có dạy cho ta những bài như sau :

Dưỡng tâm mạc thiện ư quả dục, kỳ vi nhân dã quả dục, tuy hữu bất tồn yên giả, quả hỹ; kỳ vi nhân giả đa dục, tuy hữu tồn yên giả, quả hỹ.

養心莫善於寡欲；其為人也寡欲，雖有不存焉者，寡矣；其為人也多欲，雖有存焉者，寡矣。

Ta muốn nuôi lòng ta, chẳng gì hay hơn ít tình dục (**dưỡng tâm mạc thiện ư quả dục**). Hễ làm một con người mà trong một đời người ấy ít về phía tình dục (**kỳ vi nhân dã, quả dục**) thời tuy có khi lầm lỗi hay quên lãng, tâm mình có bất tồn chăng nữa, cũng chỉ chốc phút thôi vậy (**tuy hữu bất tồn yên giả, quả hỹ**). Hai chữ "quả" có ý khác nhau chút đỉnh : chữ "quả" ở trên là thuộc về phần lượng; phần lượng về tình dục chẳng bao lăm, là "quả dục"; chữ "quả" ở dưới là thuộc về thì giờ; phần lượng tình dục chẳng bao lăm thời thì giờ "phóng tâm" chác cũng chẳng bao lâm.

Ý nghĩa đoạn này cốt cho người ta "quả dục" để "dưỡng tâm". Trái lại, có một người kia đã "đa dục" thời lương tâm

tuy có lúc tồn chăng, nhưng chỉ chốc phút đã mất ngay (**kỳ vi nhân dã đa dục, tuy hữu tồn yên giả, quả hỹ**).

"Quả", là ít; "đa", là nhiều; "dục", là những cái ý mình ham muốn mà thuộc về phần xấu. Chữ "dục" ở trong sách ***Mạnh Tử*** vẫn có chữ "dục" tốt, như câu : "**khả dục chi vi thiện**", nghĩa là những cái gì hay việc gì mà đúng với nghĩa lý ta đáng ham muốn, thế là "khả dục" mà gọi bằng "thiện". Chữ "dục" trên kia trái hẳn với chữ "dục" này.

Thầy lại có những lời dạy cho người ta "tri sỉ", Hai chữ "tri sỉ", nguyên xuất ở sách ***Trung Dung*** : "**tri sỉ cận hồ dũng**", nghĩa là người có lòng biết xấu thẹn, tuy chưa phải hoàn toàn đức dũng mà cũng đã gần với đức dũng rồi đó.

Thầy Mạnh muốn phát huy nghĩa ấy, nên có những bài nói rằng :

Nhân bất khả dĩ vô sỉ; vô sỉ chi sỉ, vô sỉ hỹ.

人不可以無恥；無恥之恥，無恥矣。

Sự xấu thẹn là động cơ để cho người ta làm lành; người không thể nào mà không lòng xấu thẹn được (**nhân bất khả dĩ vô sỉ**). Lương tâm của người ta vẫn sẵn có lòng "tu ố", mà bây giờ đến nỗi "vô sỉ", còn mong gì làm Thánh hiền nữa ru ?

Tuy nhiên, nếu có ngày lương tâm phát động mà biết xấu hổ cái chốn mình "vô sỉ" (**vô sỉ chi sỉ**), thế là cái thiên lý đã xuất hiện, chắc nhân dục cũng phải thối lui, chính lúc đó sắp đi là mất được cái vết xấu thẹn rồi vậy (**vô sỉ hỹ**).

Sỉ chi ư nhân, đại hỹ. Vi ky biến chi xảo giả, vô sở dụng sỉ yên; bất sỉ bất nhược nhân, hà nhược nhân hữu ?

恥之於人，大矣。為機變之巧者，無所用恥焉；不恥不若人，何若人有？

Cái lòng xấu thẹn chi ư người ta quan hệ lắm (**sỉ chi ư nhân, đại hỹ**); nhưng có một hạng người chỉ chuyên làm cách xảo bằng "ky biến" (rình nhịp lựa chiều mà thay đổi trăm khoanh, gọi bằng "ky biến chi xảo"), những hạng người ấy

không còn một tý gì lương tâm, không chốn nào mà đặt lòng "tu ố" vào nữa (**vô sở dụng sỉ yên**). Kìa những người mà "bất sỉ" đó (chữ "bất sỉ" ở đây tức là chữ "vô sỉ" ở trên), nhân cách của họ đã thua kém người ta nhiều rồi (**bất sỉ bất nhược nhân**), lại còn có cái gì mà bằng người được nữa ru ? (**hà nhược nhân hữu ?**).

Xem suốt mấy bài trên, thời công phu và phương pháp "dưỡng tâm", cần ở nơi "tri sỉ" với "quả dục". Xin học giả xem lại tiết trên, đọc những bài **Tâm tính luận** thời càng biết học thuyết với giáo dục của thầy Mạnh thuộc về phần "tâm tính giáo dục" rất tinh tương.

2)- Giáo dục thuộc về phần "thực hành".

Mục trên kia chỉ nói về phần "tri" và thuộc về "tâm tính". Nhưng đã có "tri" tất phải có "hành".

Thuyết giáo dục của thầy Mạnh chẳng phải thiên trọng về phần "tri" mà thôi đâu, thầy lại chú trọng về phần "thực hành" lắm, nhưng trong khi "thực hành" có "căn bản", có "chi diệp".

"Căn bản" là những việc gì. Xin xem mấy bài sau này :

Tào Giao vấn viết : Nhân giai khả dĩ vi Nghiêu Thuấn, hữu chư ? Mạnh Tử viết : Nhiên, Nghiêu Thuấn chi đạo, hiếu, đễ nhi dĩ hỹ; Tử phục Nghiêu chi phục; tụng Nghiêu chi ngôn, hành Nghiêu chi hạnh, thị Nghiêu nhi dĩ hỹ.

曹交問曰：人皆可以為堯舜，有諸？孟子曰：然，堯舜之道，孝悌而已矣；子服堯之服，誦堯之言，行堯之行，是堯而已矣。

Mạnh Tử viết : Kê minh nhi khởi, tư tư vi thiện giả, Thuấn chi đồ dã; kê minh nhi khởi, tư tư vi lợi giả, Chích chi đồ dã; dục tri Thuấn dữ Chích chi phân, vô tha, lợi dữ thiện chi gian dã.

孟子曰：雞鳴而起，孳孳為善者，舜之徒

也，雞鳴而起，孳孳為利者，蹠之徒也，欲知舜與蹠之分，無他，利與善之間也。

Mạnh Tử viết : Thuấn chi cư thâm sơn chi trung, dữ mộc thạch cư, dữ lộc thỉ du; kỳ sở dĩ dị ư thâm sơn chi dã nhân giả, cơ hy; cập kỳ văn nhất thiện ngôn, kiến nhất thiện hạnh, nhược quyết giang hà, bái nhiên mạc chi năng ngự dã.

孟子曰：舜之居深山之中，與木石居，與鹿豕遊，其所以異於深山之野人者，幾希；及其聞一善言，見一善行，若決江河，沛然莫之能禦也。

Mạnh tử đạo tánh thiện, ngôn tất xưng Nghiêu Thuấn; Nhan Uyên viết : Thuấn hà nhân dã ? Dư hà nhân dã ? Hữu vi giả, diệc nhược thị !

孟子道性善，言必稱堯舜。顏淵曰：舜何人也？予何人也，有為者，亦若是！

Mạnh Tử viết : Quân tử dĩ nhân tồn tâm, dĩ lễ tồn tâm; nhân giả ái nhân; hữu lễ giả kính nhân. Ái nhân giả, nhân hằng ái chi; kính nhân giả nhân hằng kính chi. Hữu nhân ư thử, kỳ đãi ngã dĩ hoạnh nghịch, tắc quân tử tất tự phản dã : Ngã tất bất nhân dã, tất vô lễ dã, thử vật hề nghi chí tai ! Kỳ tự phản nhi nhân hỹ, tự phản nhi hữu lễ hỹ, kỳ hoạnh nghịch do thị dã, . Quân tử tất tự phản dã; ngã tất bất trung. Tự phản nhi trung hỹ; kỳ hoạnh nghịch do thị dã. Quân tử viết : Thử diệc vọng nhân dã, dĩ hỹ; như thử tắc dữ cầm thú hề trạch tai ! Ư cầm thú hựu hà nạn yên. Thị cố quân tử hữu chung thân chi ưu, vô nhất triêu chi hoạn dã. Nãi nhược sở ưu tắc hữu chi : Thuấn nhân dã, ngã diệc nhân dã, Thuấn vi pháp ư thiên hạ, khả truyền ư hậu thế; ngã do vị miễn vi hương nhân dã, thị tắc khả ưu dã. Ưu chi như hà ? Như Thuấn nhi dĩ hỹ. Nhược phù quân tử sở hoạn, tắc vong hỹ; phi nhân vô vi dã, phi lễ vô hành dã; như hữu nhất triêu chi hoạn, tắc quân tử bất hoạn hỹ.

孟子曰：君子以仁存心；以禮存心。仁者愛人；有禮者敬人。愛人者，人恆愛之；敬人者，人恆敬之。有人於此，其待我以橫逆，則君子必自反也：我必不仁也，必無禮也，此物奚宜至哉！其自反而仁矣；自反而有禮矣，其橫逆由是也；君子必自反也；我必不忠。自反而忠矣，其橫逆由是也；君子曰：此亦妄人也已矣；如此則與禽獸奚擇哉！於禽獸又何難焉。是故君子有終身之憂，無一朝之患也；乃若所憂則有之：舜人也，我亦人也；舜為法於天下，可傳於後世；我由未免為鄉人也，是則可憂也。憂之如何？如舜而已矣。若夫君子所患則亡矣；非仁無為也，非禮無行也；如有一朝之患，則君子不患矣。

Vạn Chương vấn viết : Thuấn vãng vu điền, hào khấp vu mân thiên, hà vi kỳ hào khấp dã ? Mạnh Tử viết : Oán mộ dã : "Ngã kiệt lực canh điền, cung vi tử chức nhi dĩ hỹ, phụ mẫu chi bất ngã ái, ư ngã hà tai !". Đế sử kỳ tử cửu nam nhị nữ bách quan, ngưu dương, thương lẫm bị, dĩ sự Thuấn ư quyến mẫu chi trung, thiên hạ chi sĩ đa tựu chi giả. Đế tương tư thiên hạ nhi thiên chi yên. Vị bất thuận ư phụ mẫu, như cùng nhân vô sở qui; nhân duyệt chi, hảo sắc, phú quí, vô túc dĩ giải ưu giả; duy thuận ư phụ mẫu, khả dĩ giải ưu. Đại hiếu chung thân mộ phụ mẫu, dư ư Đại Thuấn kiến chi hỹ !

萬章問曰：舜往于田，號泣于旻天；何為其號泣也？孟子曰：怨慕也：我竭力耕田，共為子職而已矣；父母之不　我愛，於我何哉！帝使其子九男，二女，百官，牛羊，倉廩備，以事舜於畎畝之中；天下之士，多就

之者．帝將下胥天下而遷之焉．為不順於父母，如窮人無所歸；人悅之，好色，富貴，無足以解憂者；惟順於父母可以解憂．大孝終身慕父母，予於大舜見之矣．

Mạnh Tử viết : Thiên hạ đại duyệt nhi tương qui kỷ, thị thiên hạ duyệt nhi qui kỷ, do thảo giới dã, duy Thuấn vi nhiên. Bất đắc hồ thân, bất khả dĩ vi nhân; bất thuận hồ thân, bất khả dĩ vi tử.

Thuấn tận sự thân chi đạo nhi Cổ Tẩu để dự; Cổ Tẩu để dự nhi thiên hạ hóa; Cổ Tẩu để dự nhi thiên hạ chi vi phụ tử giả định. Thử chi vị đại hiếu.

孟子曰：天下大悅而將歸己，視天下悅而歸己，猶草芥也，惟舜為然．不得乎親，不可以為人；不順乎親，不可以為子．舜盡事親之道而瞽瞍底豫；瞽瞍底豫而天下化；瞽瞍底豫而天下之為父子者定．此之謂大孝．

Mạnh Tử viết : Nhân chi sở dĩ dị ư cầm thú giả, cơ hỹ. Thứ dân khứ chi, quân tử tồn chi; Thuấn minh ư thứ vật, sát ư nhân luân, do nhân nghĩa hành, phi hành nhân nghĩa dã.

孟子曰：人之所以異於禽獸者，幾希．庶民去之，君子存之；舜明於庶物，察於人倫，由仁義行，非行仁義也．

Mạnh Tử viết : Tử Lộ nhân cáo chi dĩ hữu quá, tắc hỷ. Vũ văn thiện ngôn tắc bái Đại Thuấn hữu đại yên, thiện dữ nhân đồng, xả kỷ tùng nhân, lạc thủ ư nhân dĩ vi thiện. Tự canh giá, đào, ngư dĩ chí vi đế, vô phi thủ ư nhân giả; thủ chư nhân dĩ vi thiện, thị dữ nhân vi thiện giả dã. Cố quân tử mạc đại hồ dữ nhân vi thiện.

孟子曰：子路人告之以有過，則喜．禹聞善言則拜．大舜有大焉，善與人同，舍己從

人，樂取於人以為善。自耕稼，陶，漁以至為帝，無非取於人者；取諸人以為善，是與人為善者也。故君子莫大乎與人為善。

Mạnh Tử viết : Nghiêu Thuấn tính giả dã; Thang Võ phản chi dã. Động dung chu toàn, trúng lễ dã, thịnh đức chi chí dã; khốc tử nhi ai, phi vị sinh giả dã; kính đức bất hồi, phi dĩ can lộc dã; ngôn ngữ tất tín, phi dĩ chính hạnh dã; quân tử hành pháp dĩ sĩ mệnh nhi dĩ hỹ.

孟子曰：堯舜性者也；湯武反之也。動容周旋中禮也，盛德之志也；哭死而哀，非為生者也；經德不回，非以干祿也；言語必信，非以正行也；君子行法以俟命而已矣。

Mạnh Tử viết : Trí giả vô bất tri dã, đương vụ chi vi cấp; nhân giả vô bất ái dã, cấp thân hiền chi vi vụ; Nghiêu Thuấn chi trí nhi bất biến vật, cấp tiên vụ dã; Nghiêu Thuấn chi nhân nhi bất biến ái nhân, cấp thân hiền dã.

孟子曰：知者，無不知也，當務之為急；仁者，無不愛也，急親賢之為務；堯舜之知而不遍物，急先務也；堯舜之仁而不遍愛人，急親賢也。

Đào Ứng vấn viết : Thuấn vi thiên tử, Cao Dao vi sĩ, Cổ Tẩu sát nhân, tắc như chi hà ? Mạnh Tử viết : Chấp chi nhi dĩ hỹ. Nhiên tắc Thuấn bất cấm dư ? viết : Phù Thuấn ô đắc nhi cấm chi; phù hữu sở thụ chi dã. Nhiên tắc Thuấn như chi hà ? Viết : Thuấn thị khí thiên hạ do khí tệ tỷ dã, thiết phụ nhi đào, tuân hải tân nhi xử, chung thân hân nhiên, lạc nhi vong thiên hạ.

桃應問曰：舜為天子，皋陶為士，瞽瞍殺人，則如之何？孟子曰：執之而已矣。然則舜不禁與？曰：夫舜惡得而禁之？夫有所受之也。然則舜如之何？曰：舜視棄天下猶棄

敝蹝也，竊負而逃，遵海濱而處，終身訢然，樂而忘天下。

Mạnh Tử viết : Thuấn chi phạn khứu như thảo dã, nhược tương chung thân yên; cập kỳ vi thiên tử dã, bị chẩn y, cổ cầm, nhị nữ quả, nhược cố hữu chi.

孟子曰：舜之飯糗茹草也，若將終身焉；及其為天子也，被袗衣，鼓琴，二女果，若固有之。

Học giả muốn chứng thực cho rõ ý thầy Mạnh chuyên trọng ở "bình dân giáo dục" thời xin xem mấy bài chép vào đoạn sau này :

Trong miệng thầy thường tán tụng, trong ý thầy rất sùng bái, mà người đời xưa, chỉ có ba người là vua Nghiêu, vua Thuấn và đức Khổng Tử. Nhưng vua Nghiêu là kể cặp với vua Thuấn; chứ như vua Thuấn với Khổng Tử thời thầy xưng thuật riêng luôn luôn, là vì sao ? Bởi vì hai người ấy là làm mô phạm cho bình dân vạn cổ.

Đức Khổng Tử dã dành là một người bình dân mà làm thánh sư cho năm vạn vạn dân tộc ở Đông phương. Đến vua Thuấn lại càng bình dân hơn nữa : xuất thân vẫn con một nhà ty tiện; cha là một anh mù mà ác, mẹ lại yêu nghịch, em là Tượng lại ngày thường muốn giết Thuấn (**Tượng nhật dĩ sát Thuấn vi sự**), mà thân một mình Thuấn chu toàn ở trong cảnh gia đình cực khổ, quá nửa đời người, làm hết những việc tân khổ của bình dân, khi làm phu cày, khi làm thợ đổ đất, khi làm ông chài, khi làm người mục súc, thế mà vì đức thịnh đạo cao, kết quả được thiên hạ qui phục với Thuấn, đội Thuấn lên làm thiên tử, lại ở ngôi thiên tử gần nửa đời người, đến khi thân già từ ngôi, lại không truyền ngôi cho con mình, mà trút cả ngôi thiên tử lại cho con một anh tù phạm là ông Hạ Vũ, bản thân của Thuấn cứ y nhiên một cái lốt cũ bình dân của mình.

Chúng ta xem suốt người đời xưa, đời nay, đáng làm kiểu mẫu cho bình dân chúng ta, thiệt chẳng ai hơn Thuấn

nữa, mà e cũng chẳng ai bằng Thuấn nữa. Nên thầy Mạnh muốn treo cái gương cho "bình dân giáo dục", mà đầu miệng thầy chẳng mấy lúc ngớt được chữ "Thuấn". Xin biên lược như sau này :

(*Từ đây sắp xuống là thích nghĩa mấy bài chính văn trên kia*).

Có người Tào Giao hỏi với thầy rằng : Tất thảy người ai cũng có thể làm được Nghiêu, Thuấn, có thế chăng ? (**Nhân giai khả dĩ vi Nghiêu Thuấn, hữu chư** ? (Vì Nghiêu Thuấn là nói về phần đạo đức, chớ không phải nói về phần quyền vị). Thầy trả lời rằng : Phải ! (**nhiên**), đường lối làm cho đến Nghiêu Thuấn, cũng chỉ có hiếu đễ mà thôi vậy ! (**Nghiêu Thuấn chi đạo, hiếu đễ nhi dĩ hỹ** !) (nghĩa chữ "hiếu dễ" đã thích ở ***Khổng Học Đăng thượng***). Làm cho hết việc Nghiêu Thuấn, thiệt không phải hiếu đễ mà thôi, nhưng thầy chỉ vì một hạng bình dân mà nói, nên thầy nói rằng : "**hiếu đễ nhi dĩ hỹ**". Bởi vì đã hiếu với cha mẹ mình, tất nhiên biết "thân kỳ thân"; đễ với anh em mình, tất nhiên biết "trưởng kỳ trưởng", tức là câu "**nhân thân kỳ thân, trưởng kỳ trưởng nhi thiên hạ bình**". Thế là làm được Nghiêu Thuấn đó rồi. Giả như anh ăn mặc, cách ăn mặc của Nghiêu (**phục Nghiêu chi phục**), đọc những lời nói của Nghiêu (**tụng Nghiêu chi ngôn**), mà lại hết sức làm những công việc của Nghiêu (**hành Nghiêu chi hạnh**), thế thời anh cũng là Nghiêu đó rồi (**thị Nghiêu nhi dĩ hỹ**).

Ba câu này chú trọng ở "**hành Nghiêu chi hạnh**". Trong ý thầy nói rằng : sở dĩ làm được Nghiêu, Thuấn, không phải ở nơi đồ mạc với lời nói mà thôi, mà cốt ở nơi "phẩm hạnh" kia. Học giả đọc ba câu trên chớ xem bằng cân ngang.

Trái lại "**phục Nghiêu chi phục, tụng Nghiêu chi ngôn**" mà không thực hành được "**Nghiêu chi hạnh**", thế thời thành ra người hư sức mà thôi. **Câu "nhân giai khả dĩ vi Nghiêu Thuấn"**, dụng công tại ở chữ "**vi**".

Trong sách ***Mạnh Tử*** đã có câu :

Hiệp Thái Sơn dĩ siêu Bắc Hải, ngữ nhân viết : Ngã

bất năng, thị thành bất năng dã; vị trưởng giả chiết chi, ngữ nhân viết : Ngã bất năng, thị bất vi dã, phi bất năng dã.

挾太山以超北海，語人曰：我不能，是誠不能也；為長者折枝，語人曰：我不能，是不為也，非不能也。

Xem đoạn này thời nghĩa chữ "vị" càng rõ lắm :

Giả như nách hòn núi Thái Sơn để vượt qua bể Bắc (**hiệp Thái Sơn dĩ siêu Bắc Hải**), nói với người rằng ta không thể làm nổi (**ngữ nhân viết : ngã bất năng**), đó thiệt là "bất năng" vậy; chứ như vì kẻ lớn bẻ nhành cây (**vị trưởng giả chiết chi**) mà nói với người rằng : chuyện đó ta không thể làm được (**ngữ nhân viết ngã bất năng**), đó là tội tại không chịu làm (**thị bất vi giả**) chứ không phải làm không được vậy ! (**phi bất năng dã** !).

Xem lời thí dụ ở đoạn này thời chữ "vi" có công phu lắm. Chúng ta sở dĩ không được như Nghiêu, Thuấn, cũng tội tại "**bất vi**" mà thôi. Nhưng muốn làm cho đến được Nghiêu, Thuấn, tất bắt đầu ở "hiếu đễ". Vậy nên thấy kể việc "đại hiếu" của vua Thuấn rất kỹ.

Thầy Mạnh thường nói đến tính "thiện", mà dẫn người đời xưa để làm chứng, tất khen đến Nghiêu Thuấn (**Mạnh Tử đạo tính thiện, ngôn tất xưng Nghiêu Thuấn**) ("đạo" nghĩa là nói). Nói tính thiện mà phải kể đến việc Nghiêu Thuấn, bởi vì Nghiêu Thuấn chỉ là người; thiện như Nghiêu Thuấn thời biết được tính người ai cũng như Nghiêu Thuấn.

Thầy lại chứng vào lời thầy Nhan :

Xưa thầy Nhan Uyên có nói rằng : Thuấn là người gì ? (**Thuấn hà nhân dã** ?), ta là người gì ? (**dư hà nhân dã** ?) cũng chỉ là người cả thảy; ta có khác gì Thuấn đâu ! Hễ ta có công phu làm Thuấn thời cũng như Thuấn mà thôi (**hữu vi giả, diệc nhược thị**).

Xem chữ "vi" bài này càng rõ nghĩa chữ "vi" ở bài trên lắm.

"Vi" thời như thế nào ? Đã có mấy bài như dưới này :

Buổi tảng sáng nghe gà gáy mà tức khắc dậy (**kê minh nhi khởi**), từ đó cho đến suốt ngày, chỉ chăm chăm chỉ chỉ lo làm việc lành, thế là một hạng người như Thuấn đó vậy ! (**tư tư vi thiện giả, Thuấn chi đồ dã** !); trái lại, "kê minh nhi khởi" mà chỉ chăm chỉ làm việc tư lợi, thế là một hạng người như "đạo Chích" đó vậy (**Chích chi đồ dã**). Thuấn với Chích, một người thánh tột mực, một người thời phàm tột mực; chúng ta muốn biết hai người đó sở dĩ phân biệt, há có lý do gì lạ đâu ! (**dục tri Thuấn dữ Chích chi phân, vô tha**) chỉ có cái khoảng cách nhau là lợi với thiện đó vậy : Làm lợi hoài thành ra Chích; làm thiện hoài thành ra Thuấn. Chỉ vì việc làm khác nhau mà "thánh, phàm" xa nhau tuyệt. Nhưng bắt đầu chỉ chốc phút ở nơi lòng nghĩ : nghĩ bằng thiện thời làm thiện; nghĩ bằng lợi thời làm lợi; nhân ở chốn nghĩ nảy ra làm; nhân ở chốn làm mới nảy ra Thuấn với Chích, chẳng ghê gớm lắm hay sao !

(chữ "lợi", nguyên có hai nghĩa : một nghĩa là "lạc lợi", một nghĩa là "tư lợi". Chữ "lợi" ở đây là "tư lợi". Những việc ích kỷ hại nhân, bất nhân vô đạo, phải kêu bằng "lợi" mà là loài Chích).

Thầy lại nói rằng :

Thánh nhân có gì hơn ta đâu ! Xem như vua Thuấn khi còn ở trong núi sâu Lịch Sơn (**Thuấn chi cư thâm sơn chi trung**), ở trộn với cây đá (**dữ mộc thạch cư**), dùa chung với hươu lợn (**dữ lộc thỉ du**). Xem ở hình thức bề ngoài, Thuấn sở dĩ khác hơn người quê mùa ở núi sâu, chỉ có chút đỉnh (**kỳ sở dĩ dị ư thâm sơn chi dã nhân dã, cơ hy**), ("dã nhân" là người ngu dốt quê mùa; "cơ hy", nghĩa là có ý như nói chút đỉnh hay mảy may). Cớ sao mà Thuấn lại thành ra bậc đại nhân ? Thì cũng chỉ vì "tư tư vi thiện" đó mà ! Hễ đến lúc nghe được một lời nói lành (**Cập kỳ văn nhất thiện ngôn**), thấy được một việc lành (**kiến nhất thiện hạnh**), thời tức khắc cố làm lấy được mà không giống gì ngăn cản lại được, cũng như nước giang hà đến lúc vựa chảy ào ào vậy, không gì ngăn

cản lại được ! (**nhược quyết giang hà bái nhiên mạc chi năng ngự dã**) ("quyết", nghĩa là nước bùng ra; "bái nhiên", là hình dung chữ "quyết"; "ngự", nghĩa là ngăn cản). Hai chữ "thiện" đây tức là chữ "thiện" bài trên : "Thiện ngôn, thiện hạnh", là nghe thấy ở người khác mà Thuấn hay làm lấy. Chính như sách ***Trung Dung*** nói : "**Thuấn hiếu vấn nhi hiếu sát nhĩ ngôn**" (*nghĩa đã thích ở thiên trung*).

Thầy Mạnh vẫn trông cho người ta thực hành được như Thuấn; duy thực hành được như Thuấn nên chỉ trông vào giữa mình mà không trông ở người; vì không trông ở người, nên cũng không trách người, chỉ cốt mình làm được như Thuấn mà thôi. Chính là ý nghĩa bài dưới này :

Thầy nói rằng : Người quân tử sở dĩ thành ra quân tử, là vì đối đãi với người thường lấy lòng nhân mà yêu người (**nhân giả ái nhân**); thường dùng những việc có lễ mà kính trọng người (**hữu lễ giả kính nhân**); hễ đã yêu người, lẽ nên người thương yêu mình (**ái nhân giả, nhân hằng ái chi**); hễ đã kính người, lẽ nên người thường kính mình (**kính nhân giả, nhân hằng kính chi**). Theo lẽ thường vẫn như thế, nhưng tình cờ có một người kia, ư lúc đó, nó đem hoạnh nghịch đối đãi với mình (**hữu nhân ư thử, kỳ đãi ngã dĩ hoạnh nghịch**) ("hoạnh nghịch", nghĩa là ngang trái), thời quân tử tất trở lại trách giữa mình mà nghĩ rằng : chác ta có điều bất nhân đó mà ! chác ta có điều vô lễ đó má ! (**tắc quân tử tự phản dã : ngã tất bất nhân dã, tất vô lễ dã**); nếu chẳng thế thời những cái "hoạnh nghịch" đó, có lẽ gì được đến nơi ta rư ? (**thử vật hồ nghi chí tai**) (chữ "vật", nghĩa là việc, chỉ vào việc "hoạnh nghịch").

Khi quân tử tự phản mà thấy mình đã nhân rồi, đã hữu lễ rồi (**kỳ tự phản nhi nhân hỹ, tự phản nhi hữu lễ hỹ**), nhưng người kia còn "hoạnh nghịch" với mình như trước (**kỳ hoạnh nghịch do thị dã**), quân tử tất tự phản một lần nữa, mà nghĩ rằng chác ta làm nhân với lễ còn có ý giả dối mà không hết lòng chăng ? (**quân tử tất tự phản dã : ngã bất trung**) (chữ "trung" đây nghĩa như chữ "**trung tín**" ở sách

Luận Ngữ. Ý nghĩa chữ "trung" đây cốt dạy cho bình dân đối đãi với nhất thiết người tất thảy phải "trung").

Khi tự phản lần nữa mà thấy mình đã "trung" rồi (**tự phản nhi trung hỹ**), mà người kia hãy còn "hoạnh nghịch" với mình như trước : quân tử đến lúc đó đã có một cách đối đãi với người kia; quân tử nghĩ rằng kia anh "hoạnh nghịch" với ta đó, cũng là một anh ngông càn mà thôi vậy (**thử diệc vọng nhân giả dĩ hỹ**). Người đã "ngu vọng" đến như thế thời còn phân biệt gì với giống cầm thú nữa ru ? (**như thử tắc dữ cầm thú hề trạch tai** !) ("trạch", nghĩa là phân biệt). Người ấy đã như cầm thú rồi thôi ! Ta còn trách móc gì loài cầm thú kia nữa ! (**ư cầm thú hựu hà nạn yên**) ("nạn", nghĩa là trách móc).

Vì quân tử chỉ "tự phản" mà không trách người như đoạn trên nói, vậy nên quân tử chỉ có cái lo ở trong một dời người của mình mà gọi bằng "chung thân chi ưu" mà không sợ hãi vì tai bay vạ bốc (**thị cố quân tử hữu chung thân chi ưu, vô nhất triêu chi hoạn dã**) ("nhất triêu chi hoạn", là cái tai họa mà một mai thình lình đến; "ưu" với "hoạn" nghĩa khác nhau lắm : "ưu" thuộc về trách nhiệm đáng lo` "hoạn" là thuộc về tai họa đáng sợ).

Quân tử chỉ có "ưu" mà không "hoạn" là vì sao ? Thầy Mạnh lại thích cho rõ như dưới này :

Cái việc mà quân tử "sở ưu" thời như thế này (**nãi nhược sở ưu tắc hữu chi**), trong lòng quân tử thường nghĩ rằng : vua Thuấn ngày xưa là người vậy, ta cũng là người vậy (**Thuấn nhân dã, ngã diệc nhân dã**), cớ sao đạo đức, sự nghiệp của Thuấn làm khuôn mẫu cho cả thiên hạ, truyền bá được đến đời sau (**Thuấn vi pháp ư thiên hạ, khả truyền ư hậu thế**) (chữ "pháp" như chữ "mô phạm", nghĩa là khuôn mẫu; "vi pháp", là thuộc về hiện tại, "khả truyền" là thuộc về vị lai), mà ta đây thời chưa khỏi làm một người ở trong một khóe làng mà thôi vậy ! (**ngã do vị miễn vi hương nhân dã** - chữ "hương nhân" cũng như chữ "dã nhân" ở đoạn trên. Theo địa vị bình dân mà nói, nên dùng chữ "hương nhân", "dã nhân". Bình dân vẫn cũng

làm được Thánh nhân, nhưng vì không làm như Thuấn, thành ra "hương nhân", "dã nhân" hoài; nên nói rằng "**vị miễn vi hương nhân**"). Quân tử nghĩ đến đó mới lấy làm việc đáng lo mà nói rằng : "**thị tắc khả ưu dã**" (chữ "thị" đỡ lấy hai câu trên). "Ưu" thời làm thế nào ? Chỉ cố làm cho được như Thuấn mà thôi vậy ! (**ưu chi như hà ? Như Thuấn nhi dĩ hỹ**), chứ như nói "sở hoạn" của quân tử thời không gì đáng "hoạn" cả (**nhược phu quân tử sở** hoạn, tắc vô hỹ). Vì một đời người của quân tử, những việc gì không phải "nhân", những vì gì không phải "lễ", quân tử chẳng bao giờ làm (**phi nhân vô vi dã, phi lễ vô hành dã**). Nếu chẳng may mà có việc "họa hoạn" gì trong một mai nảy ra thời cái đó quân tử không sợ rồi (**như hữu nhất triêu chi hoạn, tắc quân tử bất hoạn hỹ**).

Tinh thần ở trong bài này, cốt nhất hai chữ "tự phản" với câu "**như Thuấn nhi dĩ hỹ**".

Thuấn là do bình dân mà tiến lên làm Thánh đế, nên về chủ nghĩa "bình dân giáo dục", phải nói đến như Thuấn mới là tột mực, chứ không phải trách gì người ta ai cũng như Thuấn cả đâu; chỉ duy ta đã là người, tất phải mục đích đến như Thuấn. Xem câu "**Thuấn nhân dã, ngã diệc nhân dã**", thời hiểu được thâm ý của thầy.

Người ta muốn bắt chước vua Thuấn, trước phải bắt chước đức hiếu của vua Thuấn. Xin phải đọc bài sau này :

Vạn Chương có hỏi thầy rằng : Xưa vua Thuấn đi cày ở ngoài ruộng mà thường kêu khóc với trời cao (**Thuấn vãng vu điền, hào khấp vu mân thiên**). Kêu khóc đó là ý gì vậy (**hà vi kỳ hào khấp dã**). Thầy trả lời rằng : Thuấn sở dĩ "hào khấp" là vì lòng Thuấn vừa oán vừa mộ đó vậy (**oán mộ dã**) ("oán", nghĩa là ăn năn cái lỗi mình; "mộ" là yêu mến cha mẹ không thể nào quên được. Chữ "oán" ở đây không phải là oán trách, mà nghĩa là "oán hối"). Suy cho đến tâm lý của Thuấn thời chỉ có thế này : Ta lo hết sức cày ruộng, chỉ cung cấp chức việc làm con mà thôi vậy (**ngã kiệt lực canh điền, cung vi tử chức nhi dĩ hỹ**) ("chức", nghĩa là trách nhiệm; "tử chức", nghĩa là trách nhiệm làm con, khác với nghĩa chữ "quan chức").

Mà bây giờ đến nỗi cha mẹ không thương đến ta (**phụ mẫu chi bất ngã ái**), chác ta có tội lỗi gì đó mà ! (**ư ngã hà tai !**). Thuấn sở dĩ kêu khóc với trời là tâm lý như thế.

Mấy câu trên ấy là giải thích chữ "oán". Từ đây sắp xuống là giải thích chữ "mộ".

Thuấn chẳng những oán mà thôi, lại còn nặng về "phản mộ" nữa. Xin xem lịch sử vua Thuấn :

Vua Nghiêu nghe tiếng Thuấn, muốn truyền thiên hạ cho Thuấn, trước hãy khiến con vua chín trai, hai gái, cùng cả bách quan, vừa ngưu dương, vừa thương lẫm, tất thảy đem cung cấp cho Thuấn, để phụng sự Thuấn trong "quyến mẫu" (**dĩ sự Thuấn ư quyến mẫu chi trung** ("quyến mẫu", là sở ruộng), lúc bấy giờ những kẻ có tài học ở trong thiên hạ, phần nhiều đi đến với Thuấn (**thiên hạ chi sĩ đa tựu chi giả**), vua Nghiêu khi đó định đem cả thiên hạ mà đổi qua cho Thuấn (**Đế tương tư thiên hạ nhi thiên chi yên**) ("thiên", nghĩa là thay đổi : thiên hạ nhà Đường thay làm thiên hạ nhà Ngu, là nghĩa chữ "thiên"). Cảnh ngộ lạ lùng như thế mà Thuấn có vui mừng gì dâu ! chỉ vì trong lòng Thuấn nghĩ mình còn không được bằng lòng với cha mẹ (**vị bất thuận ư phụ mẫu**), nên nỗi buồn rầu tức tối như một đứa cùng khổ không có chốn về (**như cùng nhân vô sở qui**)

Chữ "thuận" phản đối với chữ "nghịch". Cảnh ngộ vua Thuấn lúc đó, ngoài gia đình ra, thấy là "thuận cảnh"; chỉ duy trong gia đình còn là "nghịch cảnh", tức là "**phụ mẫu chi bất ngã ái**".

Xét tâm lý vua Thuấn lúc bấy giờ, mặc dầu người thiên hạ yêu mình (**nhân duyệt chi**), mặc dầu sắc đẹp kể cạnh mình, mặc dầu phú quý tiến cho mình, nhưng không một cái gì cởi gỡ được lòng buồn của mình (**vô túc dĩ giải ưu dã**); chỉ trông bao giờ thỏa thuận với cha mẹ mới cởi gỡ được lòng buồn (**duy thuận ư phụ mẫu khả dĩ giải ưu**).

Người ta hồi dương trẻ nhỏ thời yêu mến cha mẹ, đó là lẽ thường. Chỉ duy bậc đại hiếu thời trọn một đời người, yêu mến cha mẹ luôn luôn (**đại hiếu chung thân mộ phụ mẫu**)

(chữ "mộ" rất có nghĩa chuyên nói về mặt tinh thần, chứ không nói về mặt hình thức). Cha mẹ còn sống mà mộ đã đành, khi cha mẹ mất rồi mà vẫn còn mộ trong lòng, chẳng bao giờ quên, thế là "chung thân mộ phụ mẫu". Người làm con được như thế, ta chỉ thấy ở vua Đại Thuấn đó vậy (**dư ư đại Thuấn kiến chi hỹ**).

Thầy lại phát minh cho hết cái công dụng "đại hiếu" của vua Thuấn như bài dưới này :

Đức hiếu của vua Thuấn há phải ảnh hưởng ở một nhà, một nước mà thôi đâu ! mà ảnh hưởng đến cả thiên hạ.

Đức hiếu của một người mà ảnh hưởng đến cả thiên hạ, có thế mới đúng chữ "đại hiếu". Đức Khổng Tử cũng đã nói rằng : "**Thuấn kỳ đại hiếu dã dư** !". Thầy Mạnh lại phát minh ra như thế này :

Tất cả người trong thiên hạ, ai nấy nghe Thuấn cũng bằng lòng hưng mà toan về với Thuấn (**thiên hạ đại duyệt nhi tương qui kỷ**); vinh hoa danh dự đến thế, nếu người tầm thường, cho chuyện ấy là đắc ý biết chừng nào ! Nhưng ai biết đâu tâm lý của Thánh nhân, trở lại xem việc "thiên hạ duyệt nhi qui kỷ" như "thảo giới" đó vậy (**do thảo giới dã**) ("thảo", là cỏ; "giới", là cải, hình dung một giống rất nhỏ). Chỉ duy vua Thuấn mới có tâm sự như thế (**duy Thuấn vi nhiên**). Thuấn nghĩ rằng : không cảm hóa được cha mẹ, không thể làm được người (**bất đắc hồ thân, bất khả dĩ vi nhân**) (chữ "đắc" rất có ý nghĩa : cha mẹ dẫu có ác bạc, nhưng bị cảm hóa với mình mà phải trở ra lành, thế là mình xử về phia trước, mà cha mẹ phải chịu thua, nên nói rằng "đắc hồ thân". Người đến như thế mới tột mực đạo người; nên đặt chữ "vi nhân" vào). Không thỏa thuận được lòng cha mẹ, không thể làm con được (**bất thuận hồ thân, bất khả dĩ vi tử**) (chữ "thuận" nghĩa có chật hơn chữ "đắc" mà việc cũng dễ hơn chữ "đắc", nên chỉ dùng với khuôn "vi tử" mà thôi; so với "vi nhân" thời nghĩa hẹp lắm). Xem như việc vua Thuấn thời càng rõ lắm.

Vua Thuấn hết được đạo lý thờ cha mẹ, mà cha ác như

Cổ Tẩu phải hóa nên tốt lành (**Thuấn tận sự thân chi đạo nhi Cổ Tẩu để dự**) (chữ "dự" ở đây như chữ "dự" là quẻ "Dự" ở trong ***Kinh Dịch***. ***Kinh Dịch*** có câu rằng : "**Dự thuận dĩ động**" : hòa thuận mà tốt lành là nghĩa chữ "dự").

Cổ Tẩu "để dự", tuy là việc gia đình vua Thuấn, nhưng vì treo gương "vi nhân" cho thiên hạ rất lớn, rất xa, mà người thiên hạ tất thảy bị hóa với vua Thuấn (**nhi thiên hạ hóa**). Chẳng những thiên hạ ở lúc đó mà thôi, mà lại ảnh hưởng sâu xa lắm; thấy như Cổ Tẩu mà còn "để dự" được, người thiên hạ mới biết rằng : Làm cha thiệt hết đạo từ thời con cũng phải hóa nên hiếu; làm con thiệt hết đạo hiếu thời cha cũng phải hóa nên từ, không ai hoài nghi ở chốn cha con là khó làm nữa (**nhi thiên hạ chi vi phụ tử giả định** (chữ "định" ý nghĩa rất hay : bởi vì người ta thường có câu nói bênh về phía cha thời chuyên đổ tội cho con bất hiếu; bênh về phía con thời chuyên đổ tội cho cha bất từ; vì thế mà cái đạo lý làm cha con không định luận). Duy xem đến việc vua Thuấn và Cổ Tẩu mà đạo lý "vi phụ tử" mới có nhất định; nên thầy nói rằng : "**thiên hạ chi vi phụ tử giả định**", mà cũng có như thế mới gọi được "đại hiếu" (**thử chi vị đại hiếu**).

Nghĩa đoạn sách này, các hậu chú nhận sai mất ý thầy Mạnh. Thầy đặt chữ "định" ở dưới chữ "vi phụ tử" là nói chung cả hai bên; cha phải hết sức "từ" thời không cần trách con hiếu mà con cũng phải hiếu; con phải hết sức "hiếu" thời không cần trách cha từ, mà cha cũng phải từ. Đó là nghĩa chữ "định" của thầy Mạnh. Thầy nói chung bằng "vi phụ tử", chứ không nói riêng một phần "vi tử". Cớ sao hậu nho nhận lầm ý thầy mà chuyên trách về phần "vi tử" như có câu nói rằng : **thiên hạ vô bất thị để phụ mẫu** (天下無不是底父母), nghĩa là trong thiên hạ không cha mẹ nào là không phải, mới mở mũi cho những câu tà thuyết ở đời sau, như tục nói rằng "muốn nói ngoa, làm cha mà nói", đó có phải chân ý thầy Mạnh đâu ! Ý thầy Mạnh muốn cho chúng ta "**cử nhất ngung dĩ tam ngung phản**" (xem về phía làm con mà suy được phía làm cha). Nên thầy nói chung ba chữ "vi phụ tử". Giả như "vi phụ bất từ" mà cố trách "vi tử" không

được bất hiếu; "vi tử bất hiếu" mà cố trách "vi phụ" không được "bất từ" thời làm sao mà "vi phụ tử định" được ? Nhưng lại có người nói rằng : Thế thời Cổ Tẩu chẳng phải là "phụ bất từ" hay sao ? Không phải ! Không phải ! Cổ Tẩu mà "bất từ" là bất từ khi nào kia, chứ khi sau đã "để dự" thời y nhiên một vị "từ phụ" rồi, còn nghi ngại gì ở chân lý "phụ tử" nữa đâu ? Đó là tinh thần chữ "định" của thầy Mạnh.

Thuấn sở dĩ Thánh, chẳng phải một đức "hiếu" mà thôi đâu ! Hễ cái gì mô phạm ở trong đạo người, Thuấn hoàn toàn làm được hết. Nói tóm lại thời chỉ có hai chữ "nhân nghĩa". Nên thầy có bài nói rằng :

Người ta sở dĩ khác hơn loài cầm thú, trừ ngoài cái lương tâm ra thời người có khác gì nó đâu ! Mà cái lương tâm của người, nguyên lúc đầu trời phú cho chỉ có "cơ hy" mà thôi (**nhân chi sở dĩ dị ư cầm thú dã, cơ hy**). Nhưng mà cái "cơ hy" đó, dân hạ ngu bỏ vứt đi (**thứ dân khử chi**) (chữ "thứ dân" ở đây chỉ vào một hạng người ngu ác, chứ không phải như chữ "thứ dân" thầy thường hay nói); đến như quân tử thời hay giữ gìn lấy cái "cơ hy" ấy (**quân tử tồn chi**). Bởi vì tồn được cái "cơ hy" ấy, tích lũy lâu ngày, phát huy quang đại thành ra bậc Đại Thánh.

Xin xem gương ở vua Thuấn :

Vua Thuấn nguyên đầu chẳng phải là một người dân hay sao ? Nhưng vì Thuấn có cái công phu tồn tâm như thế này :

Vua Thuấn đối với sự lý mọi việc, dụng công phu học vấn mà sáng suốt được hết (**minh ư thứ vật**; đối với luân lý loài người thời dùng óc khôn nghiên cứu mà xét nghiệm được tới nơi (**sát ư nhân luân**). Vì có sức "tri" với sức "hành" càng lâu càng thuần thục, càng thuần thục càng tự nhiên, chỉ de giữa nhân nghĩa mà làm (**do nhân nghĩa hành**), chứ không phải mất công tốn sức mà bày đặt ra nhân nghĩa dó vậy (**phi hành nhân nghĩa dã**).

Hai chữ "hành" ý có khác nhau : chữ "hành" ở trên là "yêu nhi hành chi"; chữ "hành" ở dưới là miễn cưỡng tạo tác ra; sở dĩ được "do nhân nghĩa hành", gốc ở có minh sát : vì

tri được thấu triệt, nên hành được dễ dàng.

Xem ý nghĩa bài này thời người ta muốn cho khác cầm thú, tất phải tồn tâm; mà muốn cho tồn được tâm, tất cần phải nhờ nơi học vấn. "Minh ư thứ vật, sát ư nhân luân", chính là công phu học vấn triệt để (biện biệt thiphi cho rành rõi là "minh"; thể nhận đạo lý cho đến từ ly, từ hào là "sát").

Hai chữ "cơ hy" ở bài này, chính là nghĩa câu "**đạo tâm duy vi**" 道心惟微 ở ***Kinh Thư***. "Đạo tâm", là một giống không tiếng, không hình, tượng như chút đỉnh mà thôi, nên nói rằng : "cơ hy".

Muốn chứng minh công phu học vấn của vua Thuấn, nên lại phải xem bài dưới này :

Công phu học vấn của Thuấn, không phải tìm thấy ở trong nhà trường dâu : Đụng nghe ai có lời nói hay; dụng thấy ai có việc làm hay, tất thảy là thầy của Thuấn cả, mà kết quả thời lại Thuấn làm thầy cho người nữa kia ! Nên thầy Mạnh lại nói rằng :

Xưa thầy Tử Lộ là cao đệ ở trong Khổng môn, hễ có người lấy việc lỗi của thầy cáo với thầy thời thầy mừng lắm (**nhân cáo chi dĩ hữu quá, tắc hỉ**). Vua Vũ là một vị Thánh nhân ở đầu triều nhà Hạ, hễ được nghe lời nói lành của ai thời cúi đầu lạy người ấy để tỏ ý phục tùng (**văn thiện ngôn tắc bái**).

Ham điều lành như hai người trên vẫn Thánh hiền thật, nhưng đến như Đại Thuấn lại càng to lớn hơn (**Đại Thuấn hữu đại yên**).

Vì sao mà thấy được "Thuấn hữu đại yên" ? Mà Thuấn sở dĩ được "hữu đại" ở chốn nào ? Xin xem sự thực như dưới này :

Người ta thường chuyên lấy việc lành về mình, mà Thuấn thời không thế : Hễ cái gì mình lấy làm lành, tất đem chung làm với người mà muốn cho người cũng lành như mình (**thiện dữ nhân đồng**). Nếu cái gì mình còn kém người, mà thấy được người phải hơn mình thời bỏ vứt ý kiến riêng của mình

mà theo như người ngay (**xả kỷ tòng nhân**), chẳng những thế mà thôi, hễ việc lành của người, người ta thường hay có lòng ghen nạnh, chứ Thuấn thời quên hết giới hạn mình với người, sẵn lòng vui vẻ chụp lấy cái thiện ở người mà để làm cái thiện cho mình (**lạc thủ ư nhân dĩ vi thiện**).

Ba câu ở đoạn này có ba thủ đoạn, mà tóm vào một tinh thần : câu "thiện dữ nhân đồng", là quên được cái thiện của mình, mà chung cọng với người; câu "xả kỷ tòng nhân", là tôn trọng điều thiện của người mà hy sinh phần ý riêng của mình; câu "lạc thủ ư nhân dĩ vi thiện", thời lại quên hết cả người, cả mình, mà chỉ biết có thiện mà thôi. Tóm lại là một tinh thần "đại công vô ngã".

Vua Thuấn từ ngày còn một tên bình dân; làm phu cày cấy (耕 稼), làm thợ đổ đất (陶), làm anh nhà chài (漁), cho đến ngày được lên làm vua (以 至 為 帝), chẳng một việc lành gì mà không phải lấy ư người cả (**vô phi thủ ư nhân dã**).

(Ba chữ "thủ ư nhân" rất có thú vị : Vì quên được cái thiện ấy là thiện của mình, mà nhận làm thiện của người, lại quên cả cái thiện đó là thiện của người mà vớ lấy làm thiện của mình, nên gọi bằng "thủ ư nhân").

Vì cái tấm lòng hay "thủ ư nhân dĩ vi thiện", mà những người có điều thiện càng hăng hái làm thiện. Té ra vua Thuấn lại là người giúp cho người ta làm lành nữa vậy (**thị dữ nhân vi thiện giả dã**)

(Chữ "dữ" tương đối với chữ "thủ" : "thủ", là mình chưa sẵn, mà lấy ở người; "dữ", là người đã có mà nhờ mình giúp thêm cho).

Vì vua Thuấn có cái tinh thần như thế, nên so với Tử Lộ và vua Vũ lại càng to lớn hơn. Vậy nên quân tử chẳng gì lớn hơn "dữ nhân vi thiện" (**cố quân tử mạc đại hồ dữ nhân vi thiện**).

Suốt mấy bài như trên kia, nêu một cái mục đích cho bình dân ta, khiến cho ta học làm Thánh. Còn mấy bài sau

này, thời lại quy kiết vào tâm tính.

Vì thấy Mạnh "đạo tính thiện, ngôn tất xưng Nghiêu Thuấn", nên lại có bài nói rằng :

Xưa nay các bậc Thánh nhân, tuy vẫn thành công như nhau, mà truy cứu cho đến căn bản sở dĩ thành công có khác nhau chút đỉnh : Nghiêu Thuấn là một bậc người "sinh nhi tri", "yên nhi hành", chỉ y theo tính tự nhiên mà thành đến Thánh đó vậy (**Nghiêu Thuấn tính giả dã**), cũng tức là câu **"Nghiêu Thuấn tính chi dã"**, chứ như một bậc Thánh như vua Thang, vua Võ thời công phu tác Thánh không được khỏe dễ như Nghiêu Thuấn : lúc ban đầu tuy không khỏi bị xô đẩy vì khí chất, nhưng hết sức "trí tri lực hành" mà khiến cho quay trở lại bản vị của "tính" (**Thang Võ phản chi dã**).

Chữ "tính", chữ "phản", tuy có khác nhau, mà rút thủng lại thời Nghiêu, Thuấn, Thang, Võ, thảy là làm mô phạm cho loài người, nên thầy lại nói tiếp rằng : Người đã làm được tính, hoặc được phản rồi, đã thành ư trung tất hình ư ngoại; khi hình hiện ở nơi cử động, khi hình hiện ở nơi dung tắc, khắp mấy mặt tiền, hậu, tả, hữu, suốt một đời khi già, trẻ thì chung, tất thảy là đúng với thiên lý (**động dung chu toàn trúng lễ dã**)

(Chữ "chu" là kể về mặt không gian; "toàn", là kể về mặt thì gian).

Một đời người ở trong không gian, thì gian, không việc gì không đúng với lễ; người được như thế là thịnh đức đến tột mực rồi vậy (**thịnh đức chi chí dã**).

Có lúc tác dụng vì tình cảm, khóc người chết mà thương thảm (**khốc tử nhi ai**), cũng chỉ là chân tình phát hiện, chứ không phải mua lòng người sống đó vậy (**phi vị sinh giả dã**). Cứ đường dọc đạo đức mà đi, không quanh co uốn nắn (**kinh đức bất hồi**) ("hồi" là quanh queo; "kinh" nghĩa là thẳng). Đó chỉ là thiên tính tự nhiên, chứ không phải làm thế để được vua chúa yêu chuộng mà cầu bổng lộc vậy (**phi dĩ can lộc dã**) (chữ "can lộc" đã thích kỹ ở *Thượng Thiên*). Một lời phô, một tiếng nói, tất ở trong lòng mà ra (**ngôn ngữ tất tín**).

Nhưng cũng vì lòng sẵn như thế, chứ không phải mượn việc nói để bào chữa việc làm mình vậy (**phi dĩ chính hạnh dã**). Phẩm cách của người ta, Thánh, phàm khác nhau, chỉ ở nơi "chân" với "ngụy". "Khốc ai" mà có ý "vị sinh"; "kinh đức" mà có ý "can lộc"; "ngôn tín" mà có ý "chính hạnh", đó là "ngụy" rồi. Mất hết "ngụy" thời "chân" lòi ra, tuyền được "chân" tức là "Thánh".

Vậy nên quân tử chỉ biết giữa mình làm cho đúng khuôn mẫu đạo người (**quân tử hành pháp**); còn những giống "quí, tiện, họa, phúc, vinh, nhục", ở bề ngoài thời phó mặc lẽ tự nhiên mà thôi vậy (**dĩ sĩ mệnh nhi dĩ hỹ**)

"Mệnh", nghĩa là lẽ tự nhiên, cũng thay làm chữ "thiên" được (chữ "thiên mệnh" ở đầu sách ***Trung Dung***) dã thích kỹ).

Câu "quân tử hành pháp" ở dây cũng là câu "quân tử hoài hình" ở trong ***Luận Ngữ*** : hễ những cái gì đúng với đạo lý, đáng làm khuôn mẫu cho mình mà cũng đáng làm khuôn mẫu cho người đời, thời gọi bằng "hình", mà cũng gọi bằng "pháp". Tỷ dụ như nói rằng : kiểu mẫu làm văn thời nói rằng "văn pháp"; kiểu mẫu hành binh thời nói rằng "binh pháp", v.v... Xem đó thời rõ được ý nghĩa chữ "hình", chữ "pháp" ở trong ***Luận, Mạnh***).

Thầy muốn cho người ta làm được Nghiêu Thuấn, không phải bảo ta học một việc mà thôi đâu; muốn cho ta học hết cả việc Nghiêu Thuấn, sẽ có ngày làm việc quốc gia, thiên hạ nữa kia, nên thầy lại nói rằng :

"Trí giả vô bất tri dã, đương vụ chi vi cấp..."

(*xem bài cái trên kia*).

Chúng ta học làm Thánh nhân, chi tiết điều mục vẫn nhiều lắm, nhưng căn bản nuốt vào trong hai chữ "nhân" và "trí".

Có trí mới hết được phần tri, có nhân mới hết được phần hành. Hễ dã gọi bằng "trí giả", tất không sự lý gì mà không

biết; nhưng không lẽ nào trong một lúc mà biết được hết cả, tất có cái mà gấp phải biết trước, chính là cần thiết giữa hiện tại mà gấp nên biết trước (**đương vụ chi vi cấp**).

Hễ đã gọi bằng "nhân giả", vẫn không giống gì mà không nên "ái"; nhưng không lẽ nào trong một lúc mà "ái" được hết cả, tất có người mà ta gấp nên "ái" trước, người ấy là người hiền mà ta phải cần phải cấp thương yêu lấy người ấy (**cấp thân hiền chi vi vụ**). Tức như đức trí của Nghiêu Thuấn mà không cần biết khắp tất thảy việc là vì mình đương gấp biết những việc đáng làm trước đó vậy (**Nghiêu Thuấn chi trí nhi bất biến vật, cấp tiên vụ dã**); đức nhân của Nghiêu Thuấn mà không cần "ái" hết tất thảy người, là vì mình đương cần cấp ở nơi thân hiền vậy.

Chúng ta đọc đoạn sách này, phát ra một câu nghi vấn : nói rằng trí mà chỉ cấp "tiên vụ, thế thời ở ngoài "tiên vụ" chẳng nên biết hay sao ? Nói rằng nhân mà chỉ cấp "thân hiền", thế thời ở ngoài "thân hiền", không nên "ái" hay sao ?

Trả lời câu hỏi ấy, xin nhận ở hai chữ "cấp", lại xin dọc hai bài chính văn của ***Kinh Thư*** và ***Luận Ngữ***.

Kinh Thư có lời rằng :

Tri nhân tắc triết, duy đế kỳ nan chi.

知人則哲，唯帝其難之。

Nghĩa là, biện biệt được hết thảy người thời mới là Thánh; việc đó chính duy vua Nghiêu còn lấy làm khó.

Luận Ngữ có câu rằng :

Bác thí ư dân nhi năng tế chúng, Nghiêu Thuấn kỳ do bệnh chư !

博施於民而能濟眾，堯舜其猶病諸！

Xem ở chữ "năng" với chữ "bệnh" thời biết rằng : "biến vật, biến ái nhân", (nghĩa là biện hết thảy việc, yêu hết thảy người), là việc khó tột, dầu Thánh như Nghiêu Thuấn, cũng không thể trong một lúc mà làm xong, chỉ duy cái gì đáng

cấp thời tất phải biết trước với "ái" trước, nên nói rằng "**cấp tiên vụ, cấp thân hiền**", ư lúc những việc cấp xong rồi, sẽ lần lần tích lũy thứ dệ thêm vào hoài, chác đến việc "**vô bất tri, vô bất ái**".

Xem ở chính văn bài trên, thầy nói chữ "nhân" rất có tầng thứ : "**thân thân nhi nhân dân, nhân dân nhi ái vật**", nghĩa là công việc làm nhân, trước phải thân yêu lấy người thân của mình, đó là "thân thân", sẽ suy lòng "thân thân" ra mà đem "nhân chính" ở với dân, đó là "nhân dân"; đã nhân dân rồi, sẽ đem tấm lòng đó mà yêu khắp cả vạn vật. Xem đó thời biết câu "**nhân giả vô bất ái**", mà câu "**trí dã vô bất tri**" cũng có lẽ tỷ giảo mà suy được.

Học giả xin xem bài dưới này, rất bội phục tài lý luận của thầy Mạnh, mà càng rõ tư tưởng "bình dân chủ nghĩa" của thầy. Huống gì thầy nói việc vua Thuấn, so với học giả đời sau, xem sách cũ học chuyện người xưa, cao thấp xa nhau lắm : thầy chẳng phải cứ theo sự thực trần hủ mà nói đâu; thầy lại có cặp mắt nhà triết học, bộ óc nhà khoa học mà phán đoán tâm lý Thánh nhân nữa.

Học trò thầy có Đào Ứng hỏi rằng : Thuấn là con Cổ Tẩu mà làm thiên tử; Cao Dao làm sĩ sư đứng đầu tòa án; Cổ Tẩu vô cố mà giết người thời Cao Dao tính làm sao ? (**Thuấn vi thiên tử, Cao Dao vi sĩ, Cổ Tẩu sát nhân tắc như chi hà** ?). Cái vấn đề này chẳng qua Đào Ứng đặt điều ra, bằng không soạn xuất để làm nạn thầy Mạnh, mà thiệt là đề mục rất khốn nạn.

Cổ Tẩu tuy giết người, nhưng Thuấn không lẽ không cứu cha; Cao Dao vẫn là quan chấp pháp nhưng đối với người cha của thiên tử, không lẽ không bênh nể; nhưng bênh nể cha thiên tử thời mất hết cái nghĩa vụ làm sĩ sư, mà lại đến nỗi đổ trút hết quyền tư pháp. Thuấn tuy là thiên tử, nhưng cũng không lẽ lấy quyền thiên tử mà phá hoại được pháp luật; bởi vì ở trong pháp luật, đã sát nhân thời phải chịu tội nặng kia mà !

Cái vấn đề rất khốn nạn như thế mà thầy Mạnh trả lời

suông, ta mới phục tài thầy.

Thầy trả lời rằng :

Khó gì việc đó ! Ở trong quyền tư pháp, quan sĩ sư vẫn có quyền được bát sát nhân phạm; sát nhân phạm là Cổ Tẩu thời Cao Dao cứ bắt quách mà thôi (**chấp chi nhi dĩ hỹ**).

Đào Ứng lại hỏi rằng : Vậy thời Thuấn không ngăn cấm được Cao Dao ư ?

Thầy trả lời rằng : Ửa ! Thuấn lấy cớ gì mà cấm được Cao Dao ? (**Thuấn ô đắc nhi cấm chi**). Bởi vì quyền tư pháp đó, há phải tay Thuấn trao riêng cho Cao Dao, mà quay lại cấm được Cao Dao ? Cao Dao được quyền bát sát nhân phạm là đã có chịu ở nơi tuyển ý quốc dân kia mà ! (**phù hữu sở thụ chi dã**),

(Chữ "hữu sở thụ chi" ở đây, nhiều người giải không ra nghĩa. Xin xem ở câu "**Quốc nhân giai viết : khả sát, nhiên hậu sát chi**" và câu "**Quốc nhân sát chi dã**", thời biết rằng trong ý thầy Mạnh đã thường nhận pháp luật là thụ ở nơi công ý quốc dân).

Đào Ứng lại hỏi rằng : thế thời Thuấn tính làm sao ? (**nhiên tắc Thuấn như chi hà ?**), chẳng lẽ mình làm thiên tử mà ngồi dòm cha chịu tử tội hay sao ?

Thầy nói rằng : Theo như tâm lý Thuấn thời vấn đề đó càng dễ giải quyết lắm : Thuấn coi bỏ cả ngôi thiên tử như bỏ chiếc dép rách đó vậy (**Thuấn thị khí thiên hạ do khí tệ tỷ dã**) (chữ "thiên hạ" ở đây là thay chữ "thiên tử", không phải như chữ "thiên hạ" ở mọi nơi; "khí thiên hạ", là bỏ cái địa vị làm thiên tử), rình lén vào nhà ngục cõng Cổ Tẩu đi trốn (**thiết phụ nhi đào**) ("thiết", là trộm lén; "phụ" là cõng), cha con nọi dàng theo mé biển mà xa lánh một chỗ (**tuần hải tân nhi xử**) ("hải tân" là mé biển), trọn đời người, cha con ở với nhau, hớn hở vui vẻ mà quên quách ngôi thiên tử (**chung thân hân nhiên lạc nhi vong thiên hạ**).

Chúng ta đọc bài sách này, phát sinh ra được hai ý nghĩa mới :

1)- Trong tinh thần thầy Mạnh rất say về "bình dân chủ nghĩa".

2)- Trong học thuyết "chính trị", thầy Mạnh rất chủ trương về "tam quyền phân lập".

Tác giả nói thế, chắc có kẻ bác rằng : Trong sách ***Mạnh Tử*** có thấy "bình dân chủ nghĩa" đâu ! có thấy "tam quyền phân lập" đâu !

Ôi ! Đọc sách mà chỉ nhìn vào mặt chữ, chỉ câu nệ ở nét mực hàng văn thời còn gì là thú đọc sách nữa đâu !

Tác giả xin phẫu giải bài này cho thật kỹ thời biết được như trên kia nói là đúng lắm :

Thuấn không dám ỷ quyền Thiên tử mà xâm phạm đến quyền tòa án. Cha mình bị tội thời mình phải trộm nách mà đi, hy sinh cái ngôi thiên tử để tôn trọng lấy quyền tư pháp, chẳng phải là theo nghĩa "bình dân" hay sao ? Bởi vì trong lòng Thuấn xem cha thiên tử cũng như cha bình dân mới thiệt là "bình dân chủ nghĩa". Mà trong mắt Cao Dao cũng vậy : bình dân giết người, theo pháp luật phải bắt; cha thiên tử giết người cũng phải bắt. Vì pháp luật mà phải trọng đến "bình dân"; vì bình dân mà không dám tha một tên sát nhân phạm là cha ông thiên tử. Chỉ đọc câu "**sát chi nhi dĩ hỹ**" thời "bình dân chủ nghĩa" nồng hậu biết là bao !

Đấy là nói về ý nghĩa thứ nhất. Đây xin nói về ý nghĩa thứ hai :

"Tam quyền" là những cái gì ? tức là Lập pháp (lập ra pháp luật); Tư pháp (nghiêm giữ pháp luật); Hành chánh (thi hành những việc quốc dân giao cho làm). Ba quyền đó không được xâm phạm nhau.

Tuy ở trong sách ***Mạnh Tử*** không minh văn như thế, nhưng theo ý nghĩa bài này thời cái tinh thần ấy rõ lắm :

Thuấn là người đứng đầu địa vị hành chánh. Cao Dao là người đứng đầu địa vị tư pháp. Vì quyền tư pháp là độc lập, mà Thuấn không dám cấm Cao Dao; Cao Dao vì muốn quyền tư pháp được độc lập mà không dám tha tội cha thiên

tử. Đọc câu "**Thuấn ô đắc nhi cấm chi**", chẳng phải là tinh thần của "Tam quyền phân lập" đó ư ? Còn như quyền lập pháp là thuộc về quốc dân, lại cao hơn hành chánh, tư pháp thời ở trong sách ***Mạnh Tử*** đã chép rất nhiều, đây không cần viết ra rờm bút.

Nhưng lại còn có kẻ hoài nghi rằng :

Thuấn cõng Cổ Tẩu đi thời hành chánh mất người nguyên thủ, Thuấn há lẽ bỏ cả thiên hạ, mà thiên hạ há lẽ bỏ được Thuấn ư ?

Tuy nhiên, việc đó không ngại gì. Đã đành thiên hạ không bỏ được Thuấn, nhưng Thuấn sở dĩ trung thành với quyền hành chánh, là cốt làm cho trong thiên hạ có pháp luật, có luân lý; nếu bắt buộc Cao Dao tha cho thời còn gì pháp luật ! Thuấn muốn trọn vẹn hai nghĩa vụ ấy, chỉ hữu phải như lời thầy Mạnh nói. Nhưng khi Thuấn cõng Cổ Tẩu đi rồi thời quốc dân tức khắc khai "toàn dân đại hội", tất nhiên nhất diện thời cố lưu vua Thuấn; nhất diện thời lấy công ý toàn quốc dân mà do toàn quốc dân ân xá cho Cổ Tẩu. Như thế thời Cao Dao vẫn không có lỗi, mà Cổ Tẩu cũng được tha, Thuấn cứ việc làm thiên tử. Sự lý ấy, há chẳng thực hiện được hay sao ? Thế thời tuy không chữ "Tam quyền phân lập", mà tinh thần của "Tam quyền phân lập" thiệt đã hoàn toàn thực hiện lắm rồi.

Học giả nay chỉ say mê học thuyết Âu Tây mà không xét đến tinh thần Mạnh Tử, thiệt oan uổng thầy Mạnh quá !

Thầy Mạnh bàn việc Thánh nhân đời xưa, sở dĩ khác hơn các nhà hủ nho là vì có một đặc sắc : thầy thường đem cặp mắt nhà tâm lý học mà dò thấu đến ruột Thánh nhân, chứ không phải như nhà đọc sử kia chỉ xem ngoài vỏ Thánh nhân. Nên thầy lại có bài nói rằng :

Thường tình ta ở đời, xử vào cảnh bần tiện thời buồn rầu bực bội mà hiện ra tinh thần thất ý; xử vào cảnh phú quý thời vui mừng hớn hở mà hiện ra tinh thần đắc ý. Duy tâm lý Thánh nhân thời không thế, bần tiện mặc dầu, phú quý mặc dầu, chỉ cho là đồ cỏ rác ở phía ngoài mà chẳng bao giờ động đến trong lòng. Xem gương ở vua Thuấn thời rõ lắm :

Thuấn khi còn làm một tên dân cày, ăn cơm có gì đâu ! chỉ ba hột cơm khô; dồ ăn có gì đâu ! chỉ ba ngọn cỏ ruộng (**Thuấn chi phạn khứu, như thảo dã**), theo về thường tình chắc lấy làm tân khổ lắm, mà tâm lý của Thuấn thời cho làm ngon ngọt, có lẽ già đời người cứ vậy cũng dành (**nhược tương chung thân yên**); đến lúc thay địa vị vua Nghiêu làm thiên tử, mặc áo sa đủ các thứ thêu vẽ (**bị chẩn y**), lại thường có dàn cầm gảy quá mát tai (**cổ cầm**), lại có hai người con gái con ông thiên tử đứng hầu bên mình (**nhị nữ quả**), theo về thường tình thời sướng thích biết bao nhiêu ! Nhưng mà tâm lý vua Thuấn thời cho việc đó là việc rất cổ kỹ, xem như việc đã sẵn có từ ngày lọt lòng mẹ (**nhược cố hữu chi**)

"Khứu" là cơm khô; "nhự" là nhai nuốt; "bị" là mặc; "cổ" là tay đánh đàn; "quả" là con gái đứng hầu.

Học giả đọc bài này, nên biết tâm lý của Thánh nhân chỉ vui thích vì nghĩa lý mà chẳng bao giờ kích thích vì cảnh ngộ; mà cũng chỉ thấy Mạnh Tử mới miêu tả được tâm lý của Thánh nhân.

Đọc câu "**nhược tương chung thân yên**" với câu "**nhược cố hữu chi**", chắc không thợ truyền thần nào vẽ được tinh diệu như thế; mà lại hay nhất là hai chữ "nhược" : Thuấn há phải chung thân bần tiện đâu ! Thuấn há phải sinh ra mà đã phú quí đâu ! Mà trong tâm lý Thuấn vẫn quên hết cảnh ngộ bần tiện và phú quí. Có như thế mới là Đại Thánh nhân, mà cũng có như thế mới đáng làm khuôn mẫu cho loài người đó vậy.

Tóm lại, trên đây là giáo dục thuộc về phần thực hành. "Bình dân giáo dục" của thầy Mạnh, không phải chỉ nói lý luận suông, mà cốt cho chúng ta thấy có sự thực, căn bản ở nơi hiếu đễ mà "khoách sung" cho đến to lớn thời phải hết phận lượng nhân với trí. Thầy nhắc đi nhắc lại việc vua Thuấn, cũng chỉ cầu cho chúng ta làm có ngần ấy việc mà thôi. Nhưng Thánh triết xưa nay còn chán chi người ? Sao thầy chỉ lập đi lập lại chuyện vua Thuấn ? Đó mới biết thâm ý của thầy. Thầy vì để óc "bình dân" mà xét được trong sử sách một người bình dân làm đến Đại Thánh; "bình dân" mà

làm một vị đế vương, bát đầu ra đời vẫn là bình dân, đến lúc cuối cùng cũng chỉ là bình dân. Nói "hiếu đễ" thời hiếu đễ tột mực; nói "nhân trí" cũng nhân trí tột mực. Cái phận lượng của một con người, chẳng tý gì là khuyết điểm. Nguyên một người bình dân mà "thịnh đức đại nghiệp" đến như thế, đáng làm gương cho bình dân ta, còn ai hơn Thuấn nữa ? Tác giả biên mục này mà trích lục lấy những bài nói chuyện vua Thuấn, học giả muốn nghiên cứu cho thật kỹ thời có tuyển bộ ***Mạnh Tử***, chứ trong đoạn sách này chưa đủ gì.

3)- Giáo dục thuộc về phần nhân cách.

Hai chữ "nhân cách" đời bây giờ vẫn thường nói ở đầu miệng. "Nhân cách" là nghĩa thế nào, chưa thấy ai giảng cho minh bạch xác thực.

"Nhân" là người, ai cũng biết cả; nhưng trong ý nghĩa chữ "nhân", phải bao bọc cả "thiên, địa, vật, ngã". Vì có tham hợp với trời đất mà làm tam tài mới thành được nhân; mà trong phạm vi chữ "nhân" phải bao bọc cả "vật" với "ngã". Nói về khách quan, tất có tương đối với "ngã" mà gọi bằng "vật"; nói về chủ quan, tất có tương đối với "vật" mà kêu bằng "ngã". Muốn cho hoàn toàn được nhân cách, tất phải đối với ba mặt ấy : trên đối với trời, dưới đối với đất, giữa đối với vật và ngã, không một phương diện nào còn khuyết điểm. Như thế mới hoàn toàn được "nhân cách".

Nay lại cắt nghĩa chữ "cách" (格). "Cách" có nghĩa là cách thức, lại có nghĩa là phẩm cách, lại có nghĩa là cách điệu. Nhưng nghĩa chữ "cách" ở nơi "nhân cách", ngoài ba nghĩa trên, lại còn một nghĩa nữa : "cách" là đến nơi. Đủ cả phẩm cách làm người, cách thức làm người, cách điệu làm người, mà lại phải làm cho thiệt đến nơi, thế là "nhân cách". Nói tóm lại, thời chỉ có làm người cho thiệt triệt để mới thành ra con người.

Đức Khổng Tử có câu nói rằng : "**Cô bất cô, cô tai ! cô tai !**", câu này chỉ là lời thí dụ, nhưng ý nghĩa rất bao

hàm, dây chỉ theo mặt chữ mà thích nghĩa.

("Cô", là tên một giống đồ vuông). Ý đức Thánh nói rằng :

Đã kêu bằng cái cô mà không thành ra cái cô (**cô bất cô**), thế mà cô được đó ru ! thế mà cô được đó ru (**cô tai ! cô tai !**).

Nay suy ý đức Khổng Tử mà đặt làm một câu cho gán vào đoạn sách này :

Nhân bất nhân, nhân tai ! nhân tai !

人不人，人哉！人哉！

Nghĩa là, kêu bằng người mà chẳng thành ra người, thế có phải người được nữa ru ! Thế có phải người được nữa ru ! Đã không được ra người, tức là cầm thú. Cái tội ác vì "vô nhân cách", chẳng đau đớn lắm hay sao ?

Vậy nên "chủ nghĩa giáo dục" của thầy Mạnh lại qui kiết ở nơi "nhân cách".

Xin xem những bài thầy nói dưới này :

Vạn vật giai bị ư ngã hỹ; phản thân nhi thành, lạc mạc đại yên.

萬物皆備於我矣；反身而誠，樂莫大焉。

Lại nói rằng :

Nhân hữu bất vi dã, nhi hậu khả dĩ hữu vi.

人有不為也，而後可以有為。

Lại nói rằng :

Vô vi kỳ sở bất vi; vô dục kỳ sở bất dục, như thử nhi dĩ hỹ.

無為其所不為，無欲其所不欲，如此而已矣。

Lại nói rằng :

Quân tử hữu tam lạc : phụ mẫu câu tồn, huynh đệ vô cố, nhất lạc dã; ngưỡng bất quí ư thiên, phủ bất tạc ư

nhân, nhị lạc dã; đắc thiên hạ anh tài nhi giáo dục chi, tam lạc dã. Quân tử hữu tam lạc, nhi vương thiên hạ bất dữ tồn yên.

君子有三樂：父母俱存，兄弟無故，一樂也；仰不愧於天，俯不怍於人，二樂也；得天下英才而教育之，三樂也。君子有三樂，而王天下不與存焉。

Lại nói rằng :

Cư thiên hạ chi quảng cư, lập thiên hạ chi chính vị, hành thiên hạ chi đại đạo; đắc chí dữ dân do chi, bất đắc chí độc hành kỳ đạo; phú quí bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất, thử chi vị đại trượng phu.

居天下之廣居，立天下之正位，行天下之大道；得志與民由之，不得志獨行其道；富貴不能淫，貧賤不能移，威武不能屈，此之謂大丈夫。

Lại có nói rằng :

Sĩ, cùng bất thất nghĩa; đạt bất ly đạo. Cùng bất thất nghĩa, cố sĩ đắc kỷ yên; đạt bất ly đạo, cố dân bất thất vọng yên. Cổ chi nhân đắc chí, trạch gia ư dân; bất đắc chí, tu thân hiện ư thế; cùng tắc độc thiện kỳ thân, đạt tắc kiêm thiện thiên hạ.

士，窮不失義，達不離道。窮不失義，故士得己焉；達不離道，故民不失望焉。古之人得志，澤加於民；不得志，修身見於世；窮則獨善其身，達則兼善天下。

Lại nói rằng :

Khả dục chi vị thiện; hữu chư kỷ chi vị tín; sung thực chi vị mỹ; sung thực nhi hữu quang huy chi vị đại; đại nhi hóa chi, chi vị thánh; thánh nhi bất khả tri chi, chi vị thần.

可欲之謂善，有諸己之謂信；充實之謂美；充實而有光輝之謂大；大而化之之謂聖；聖而不可知之之謂神。

Tóm mấy bài chính văn trên kia là về "chính diện nhân cách". Từ đây trở xuống là "phản diện nhân cách" :

U bất khả dĩ nhi dĩ giả, vô sở bất dĩ; ư sở hậu giả bạc, vô sở bất bạc dã; kỳ tiến nhuệ giả, kỳ thối tốc.

Hương nguyện đức chi tặc dã : đồng hồ lưu tục, hợp hồ ô thế; cư chi tự trung tín, hành chi tự liêm khiết, chúng giai duyệt chi, tự dĩ vi thị, nhi bất khả dữ nhập Nghiêu Thuấn chi đạo. Cố viết : đức chi tặc dã.

Khổng Tử viết : ố tự nhi phi giả; ố nịnh khủng kỳ loạn nghĩa dã; ố lợi khẩu khủng kỳ loạn tín dã; ố hương nguyện khủng kỳ loạn đức dã.

於不可已而已者，無所不已；於所厚者薄，無所不薄也，其進銳者，其退速。

鄉愿德之賊也：同乎流俗，合乎汙世；居之似忠信，行之似廉潔，眾皆悅之，自以為是，而不可與入堯舜之道。故曰：德之賊也。

孔子曰：惡似而非者；惡佞恐其亂義也，惡利口恐其亂信也；惡鄉愿恐其亂德也。

Mạnh Tử viết : Thanh văn quá tình, quân tử sỉ chi. Ngô kim chi hậu, tri sát nhân thân chi trọng dã; sát nhân chi phụ, nhân diệc sát kỳ phụ; sát nhân chi huynh, nhân diệc sát kỳ huynh; nhiên tắc phi tự sát chi dã, nhất gián nhĩ.

孟子曰：聲聞過情，君子恥之。吾今之後知殺人親之重也；殺人之父，人亦殺其父，殺人之兄，人亦殺其兄；然則非自殺之也，一間耳。

Bổn Thành Quát sĩ ư Tề. Mạnh Tử viết : Tử hỹ Bổn

Thành Quát ! Bồn Thành Quát kiến sát, môn nhân vấn viết : Phu Tử hà dĩ tri kỳ tương kiến sát ? Viết : Kỳ vi nhân dã, tiểu hữu tài, vị văn quân tử chi đại đạo dã, tắc túc dĩ sát kỳ khu nhi dĩ hỹ.

盆成括仕於齊．孟子曰：死矣盆成括！盆成括見殺，門人問曰：夫子何以知其將見殺？曰：其為人也，小有才，未聞君子之大道也，則足以殺其軀而已矣．

Tể nhân hữu nhất thê nhất thiếp, nhi xử thất giả; kỳ lương nhân xuất, tắc tất yếm tửu nhục nhi hậu phản. Kỳ thê vấn sở dữ ẩm thực giả, tắc tận phú quí dã. Kỳ thê cáo kỳ thiếp viết : "Lương nhân xuất tắc tất yếm tửu nhục nhi hậu phản, vấn kỳ dữ ẩm thực giả, tận phú quí dã, nhi vị thường hữu hiển giả lai; ngô tương hám lương nhân chi sở chi dã." Tảo khởi, thi tòng lương nhân chi sở chi, biến quốc trung vô dữ lập đàm giả, tốt chi đông quách bàn gian chi tế giả, khất kỳ dư bất túc, hựu cố nhi chi tha; thử kỳ vi yếm túc chi đạo dã. Kỳ thê qui, cáo kỳ thiếp viết : Lương nhân giả, sở ngưỡng vọng nhi chung thân dã, kim nhược thử; dữ kỳ thiếp sấn kỳ lương nhân nhi tương khấp ư trung đình, nhi lương nhân vị chi tri dã, thi thi tòng ngoại lai, kiêu kỳ thê thiếp. Do quân tử quan chi, tắc nhân chi sở dĩ cầu phú quí lợi đạt giả, kỳ thê thiếp bất tu dã, nhi bất tương khấp giả, cơ hy hỹ !

齊人有一妻一妾，而處室者；其良人出，則必饜酒肉而後反；其妻問所與飲食者，則盡富貴也．其妻告其妾曰：良人出，則必饜酒肉而後反，問其與飲食者，盡富貴也，而未嘗有顯者來，吾將瞷良人之所之也．蚤起施從良人之所之，遍國中無與立談者，卒之東郭墦間之祭者，乞其餘不足，又顧而之他，此其饜足之道也．其妻歸告其妾曰：良人者，所仰望而終身也．今若此；與其妾訕

其良人而相泣於中庭，而良人未之知也；施施從外來，驕其妻妾，由君子觀之，則人之所以求富貴利達者，其妻妾不羞也，而不相泣者，幾希矣！

Tóm mấy bài chính vận trên đây là "phản diện nhân cách", tức là những cách hành vi mà không ra cách người. Trong ý thầy Mạnh rất khinh rẻ những hạng người ấy.

Bây giờ xin theo từ bài mà dịch nghĩa sau này :

Thầy nói rằng : Ở trong vũ trụ nhất thiết lý tự nhiên của vạn vật, tất thảy đủ ở tâm thân ta rồi (**vạn vật giai bị ư ngã hỹ**) ("ngã" ở đây nói góp cả tinh thần mình và khu xác); nếu ta biết phản lại trong thân ta mà tự mình có đức thành thời vui thích ở trong tinh thần mình chẳng gì to lớn hơn nữa vậy (**phản thân nhi thành, lạc mạc đại yên**).

Bài này là nói nhân cách đến tột mực, mà lại làm căn bản cho nhân cách. Chữ "thành" ở đây, tức là chữ "thành" ở ***Trung Dung***. Học giả phải xem tiết thứ 5 "**thành chi đạo**" ở chương 1 thiên thứ nhì ***Khổng Học Đăng trung***.

Nói tóm lại, thành nghĩa là chân thật; chân thật ra một con người còn gì vui hơn nữa ! Nhưng mà công phu làm đến đó thời cốt ở nơi phản thân. Bởi vì "**vạn vật giai bị ư ngã**" rồi, cần gì phải cầu ai nữa đâu !

Thầy lại nói rằng : Phẩm cách người ta sở dĩ cao quí, chẳng phải chỉ ở nơi sự nghiệp, công danh mà gốc ở nơi đạo đức khí tiết. Công danh sự nghiệp ở nơi đạo đức khí tiết mà ra thời nhân cách mới là cao quí; nếu chỉ vì tham công danh sự nghiệp mà không ngó đến đạo đức khí tiết, thế là mất nhân cách rồi, còn gì là việc đáng làm nữa ru ? Vậy nên mình đã là một con người, tất trước phải có cái mà mình không chịu làm đó vậy (**nhân hữu bất vi dã**) mà sau mới có cái việc mình làm (**nhi hậu khả dĩ hữu vi**).

Bài này chữ ít mà ý rộng, học giả khó nhận cho ra ý nghĩa :

"Bất vi" vẫn trái với "hữu vi", nhưng lại vì có "bất vi" mới đẻ ra "hữu vi". Xem đức Khổng Tử không a phụ với quyền thần; Mạnh Tử không khuất tiết với chư hầu, đó là "bất vi". Vậy sau thành được đại Thánh, đại hiền, nêu sự nghiệp bất hủ ở vạn thế, thời "hữu vi" lại còn gì lớn hơn. Nhưng mà vì thuộc về phần hành động; hành động lại tự ở tư tưởng đẻ ra, nên nói chữ "vi" thường truy nguyên đến chữ "dục". "Dục" là thuộc về phần tư tưởng; "Sở vi" chỉ là thực hiện sở dục mà thôi, nên thầy lại nói rằng :

Xem nhân cách vẫn chứng ở nơi việc làm, mà cũng phải xét đến nơi ý muốn. Bây giờ muốn thành được nhân cách tốt thời chỉ duy chớ làm những chuyện không đáng làm (**vô vi kỳ sở bất vi**), chớ muốn lấy những điều không nên muốn (**vô dục kỳ sở bất dục**); chỉ như thế là nhân cách được rồi mà thôi vậy (**như thử nhi dĩ hỹ**).

Bài này học giả phải nhận kỹ hai chữ "sở bất" : hễ trái với chân lý, thẹn với lương tâm tức là việc chẳng nên làm, là "sở bất vi". "Sở bất vi" mà ta "vô vi", là giá trị ta cao quí lắm rồi ! Cái gì mà không phải nghĩa lý bắt buộc ta, không phải thiên lương xui khiến ta, tức là cái không đáng muốn, là "sở bất dục"; đã "sở bất dục" thời ta "vô dục". Như thế là tư tưởng ta cao thượng lắm rồi ! Ngoài ra, chẳng còn gì hơn, nên nói chữ "như thử nhi dĩ hỹ".

Trong "chủ nghĩa giáo dục" của thầy Mạnh, chỉ cốt nói những việc mà bình dân thầy làm được, mà lại muốn nhắc cao cái địa vị cho bình dân.

Xem như bài này :

Thầy nói rằng : Nhân cách người ta cốt làm cho nên một người quân tử, nhưng muốn biết nhân cách của quân tử, tất phải xét đến tâm lý của quân tử.

Người ta thường mộng tưởng điều gì mà kết quả điều ấy được như nguyện, tất nhiên tinh thần vui thích mà gọi bằng "lạc". Quân tử sở lạc chỉ có ba điều (**quân tử hữu tam lạc**). Ba điều là những điều gì ? Một là thuộc về luân lý trong gia đình, trên thời cha mẹ đồng thời mạnh khỏe mà mình

được bằng lòng về chữ "hiếu" (**phụ mẫu câu tồn**), anh em đồng bào với mình thảy không sự tình gì bất hạnh mà ta được bằng lòng về phần "đễ" (**huynh đệ vô cố**). Như thế là nghĩa vụ ta ở gia đình được thỏa thích viên mãn, là một việc vui của quân tử vậy (**nhất lạc dã**).

Hai là thuộc về tâm thân. Quân tử lập thân hành kỷ, trên thường đối với trời mà sợ có việc gì trái lẽ trời. Nay xét lại việc mình làm thường đúng với lẽ trời luôn, mà trông lên không xấu thẹn với trời (**ngưỡng bất quý ư thiên**); dưới đối với người thường có việc gì trái với đạo người, nay xét lại trong thân mình, không việc gì mà trái với đạo người, nên cúi xuống không thẹn với người (**phú bất tạc ư nhân**). Đó là một điều mà quân tử lấy làm vui vậy (**nhị lạc dã**).

Ba là thuộc về phần truyền đạo cứu thế mà quân tử lấy làm vui lắm. Quân tử trau dồi đạo đức, chăm siêng học vấn, há phải chỉ lo tự lập tự thành lấy mình mà thôi dâu ! Lòng quân tử vẫn muốn lập nhân, thành nhân kia nữa. Nên quân tử phải để ý vào giáo dục người ta. Nhưng mà người thiên hạ quá chừng đông, không thể lấy một mình mà trực tiếp giáo dục được hết; nên quân tử lại muốn được những kẻ anh tài trong thiên hạ mà tự mình giáo dục lấy (**đắc thiên hạ anh tài nhi giáo dục chi**). Thế thời những người anh tài được trực tiếp nhờ mình giáo dục thời chí nguyện của quân tử thỏa thích biết chừng nào ! Đó lại là một điều vui của quân tử vậy (**tam lạc dã**).

Tóm cả ba điều vui như trên, tựu trung có hai điều mà quân tử không dám chắc được : nhất lạc, là "phụ mẫu câu tồn, huynh đệ vô cố", điều đó quyền ở trời cao; tam lạc, là "đắc thiên hạ anh tài nhi giáo dục chi", điều đó quyền ở người cho. Chỉ duy nhị lạc là "ngưỡng bất quí ư thiên, phủ bất tạc ư nhân", điều đó quyền ở giữa mình làm lấy, nên quân tử thường tường vui điều đó luôn. Đức Khổng Tử "lạc tại kỳ trung", thầy Nhan "bất cải kỳ lạc", chính là lạc về điều đó.

Chữ "anh tài" phải thích làm hai nghĩa : "anh" là hạng người tư chất thông minh, thí dụ như cỏ thơm ở trong loài

loài hoa; "tài" là bản chất bền chặt, ví như gỗ tốt ở trong loài cây. Cỏ xấu không thể nào trồng nên cảnh tốt, gỗ hủ không thể nào làm nên đồ dùng. Vậy nên giáo dục tất phải cần được người anh tài.

Chữ "giáo dục" cũng có hai nghĩa : khơi dắt trí khôn, mở rộng tai mắt, gọi bằng "giáo"; điều luyện chân tay, nuôi nấng thể lực gọi bằng "dục". Chữ "dục" có nghĩa là nuôi. Gần đây, học mới có ba chữ "dục" : nuôi đức tính là "đức dục"; nuôi trí khôn là "trí dục"; nuôi chất mạnh là "thể dục".

Vì ý thầy chú trọng về bình dân, nên lại nói thêm hai câu rằng : Quân tử có ba điều vui.

Chỉ những việc như trên đã kể, ngoài ba điều ấy, dẫu sự nghiệp to lớn đến như làm vua thống trị cả thiên hạ cũng không dặt vào ở trong ba điều ấy, là vì lòng quân tử không nghĩ tới đó vậy (**nhi vương thiên hạ bất dữ tồn yên**).

Xem câu này thời biết ý thầy Mạnh. Đọc câu "lạc dĩ thiên hạ" thời vương thiên hạ há phải không đáng vui dâu ! Mà cớ gì lại nói "vương thiên hạ bất dữ tồn ?". Ý thầy nghĩ rằng : Vương thiên hạ là việc của đế vương chứ như nói việc "giáo dục bình dân" thời nên bỏ việc vương thiên hạ ra ngoài. Bởi vì việc "vương thiên hạ" không phải bình dân ai cũng mộng tưởng đến được.

Tuy nhiên, nhân cách giáo dục của thầy Mạnh chẳng phải bảo cho bình dân chỉ vừa làm một người phổ thông mà thôi. Nên nhân khi học trò thầy là Cảnh Xuân hỏi với thầy rằng : du thuyết chư hầu làm nên khanh tướng như Công Tôn Diễn, Trương Nghi, chẳng phải là đại trượng phu hay sao ?

Thầy trả lời rằng :

Hai anh ấy làm gì nên đại trượng phu được ? Hễ đại trượng phu tất phải như thế này : Ở chốn ở rộng trong thiên hạ tức là ở bằng đức nhân (**cư thiên hạ chi quảng cư**); đứng ở vị chính trong thiên hạ tức là đứng bằng lễ phép (**lập thiên hạ chi chính vị**); đi theo đường lớn trong thiên hạ tức là đi theo chính nghĩa (**hành thiên hạ chi đại đạo**); may gặp lúc

đắc chí mà có quyền chính trị ở trong tay thời dắt cả toàn nhân dân đưa vào đường lối ấy (**đắc chí dữ dân do chi**). Rủi gặp lúc bất đắc chí, mà mình không có quyền làm chính trị thời cứ một mình ta đi vào đường lối ấy (**bất đắc chí độc hành kỳ đạo**), dẫu ai đem phú quí cho mình mà không thể say mê được mình (**phú quí bất năng dâm**), dẫu đụng lấy cảnh bần tiện khốn khổ mà không thể dời đổi được chí của mình (**bần tiện bất năng di**); dẫu ai đem cường quyền võ lực hàm dọa mình mà không thể mềm lún được mình (**uy võ bất năng khuất**). Như thế mới đáng cái tên đại trượng phu (**thử chi vị đại trượng phu** ("đại trượng phu", nghĩa là người con trai to lớn; nhưng to lớn vì đức nghiệp chứ không phải to lớn vì danh vị).

Nhân cách như bài này nói mới là tột mực.

Xem bài dưới này lại phát minh được nghĩa ấy nữa.

Thầy lại nói rằng :

Hễ đã làm một người sĩ thời tuy hoàn cảnh có thay đổi mặc dầu, nhưng đạo đức khí tiết của mình chẳng bao giờ vì hoàn cảnh mà thay đổi. Vậy nên gặp lấy hoàn cảnh xấu mà thân ở vào địa vị khốn cùng, nhưng vẫn cứ giữ chặt lấy nghĩa vụ của mình không để mất (**cùng bất thất nghĩa**); may gặp lúc hoàn cảnh tốt, mà thân đứng vào địa vị hiển đạt, nhưng cũng chẳng say mê vinh hoa phú quí mà làm những việc trái đạo của mình (**đạt bất ly đạo**). Tổng chi, đương khi cùng, nhưng chỉ vì giữ chính nghĩa mà phải chịu cùng, vậy nên thân giá của mình chẳng bao giờ hỏng, mà dồng bào càng nên sùng bái (**cùng bất thất nghĩa, cố sĩ dắc kỷ yên**) ("sĩ dắc kỷ" là những người thức giả càng thêm tin phục mình). Gặp khi đạt thời dạo mình cặp theo với mình, đồng thời phát triển. Vậy nên nhân dân được thỏa tấm lòng ngưỡng vọng (**đạt bất ly đạo, cố dân bất thất vọng yên**) ("dân bất thất vọng", nghĩa là dân không mất lòng). Thử xem những người ở đời xưa, dắc chí như vua Thuấn thời ơn đức tràn khắp ở nhân dân (**trạch gia ư dân**); bất dắc chí như đức Khổng Tử, nhưng vẫn cứ tu lấy đạo đức của mình mà học vấn văn chương

rõ ràng ở trên đời (**tu thân hiện ư thế**). Khi bất đắc chi chi cực mà gọi bằng cùng thời đã có một cách xử vào buổi cùng. Người đời say, một mình cứ tỉnh; người đời đục, một mình cứ trong. Thế là dạo mình vẫn hanh thông luôn, còn sợ gì cùng nữa ru ? (**cùng tắc độc thiện kỳ thân**). Đắc chi chi cực mà gọi bằng đạt thời lấy đạo đức học vấn của mình mà làm nên ảnh hưởng đến cả thiên hạ, khiến cho thiên hạ thảy đều tốt lành như mình (**đạt tắc kiêm thiện thiên hạ**).

Hai chữ "độc thiện" người ta thường nhận lầm mà bảo rằng độc thiện là mình lo bảo toàn lấy thân mình mà thôi. Câu ấy sai ý thầy Mạnh quá ! Thượng văn đã có câu : "Tu thân hiện ư thế" thời độc thiện há phải bảo thân mà thôi dâu ! Người đời bỏ đức, nghĩa, mà một thân mình cứ giữ đức, nghĩa, như thế mới là độc thiện. Giả như tôn đức lạc nghĩa mà đến nỗi có khi sát thân thành nhân, thế chẳng phải độc thiện hay sao ? Còn như chữ "kiêm thiện" nghĩa là mình đã thiện thời khiến cho người thiên hạ tất thảy thiện. Chính như lời đức Khổng Tử đã nói : "Kỷ dục lập nhi lập nhân, kỷ dục đạt nhi đạt nhân".

Xét hết các bài như trên, chỉ nói nhân cách bằng trừu tượng. Bây giờ muốn bàn nhân cách cho được cụ thể, tất phải xem bài dưới này :

Chúng ta muốn cho được hoàn toàn nhân cách, há phải một bước mà lên tột cuối cùng hay sao ? tất phải tu tỉnh lâu ngày, tiến hành từ bước, do thấp tiến lên cao, lại do cao tiến lên cao tột đỉnh; đến lúc lên tận tuyệt đỉnh mới là hoàn toàn được nhân cách.

Thầy nói rằng :

Tính người ta vẫn thiện, chỉ vì tình dục làm hại mà xoay ra ác. Nhưng mà tình dục chẳng phải tuyệt ác dâu ! Những cái không nên ham muốn, mà ham muốn thời ác đã đành, chứ như cái mình ham muốn đó mà đúng với nghĩa lý thời lại ham muốn làm những việc đáng ham muốn, thế là "khả dục". Khả dục chính là gọi bằng thiện (**khả dục chi vị thiện**).

Người làm được thiện nhân tức là bắt đầu vắt nên khuôn người mà chứng minh được cái tính mình là thiện, nhưng chỉ

sợ cái thiện đó chốc vào chốc ra, chốc còn chốc mất, mà thành ra cái thiện không phải ta sở hữu thời e nhân cách cũng hỏng mất; tất phải dụng công phu lên một bậc nữa, được một tý thiện tức khắc là giữ cho đọc lâu dài, để cho những điều thiện đó chân thật là của mình có. Như thế là "hữu chư kỷ". Hữu chư kỷ là gọi bằng tín (**hữu chư kỷ chi vị tín**). Người đã làm được tín nhân là có thể làm căn bản cho nhân cách được rồi. Bây giờ lại vun trồng nuôi nấng, khiến cho bản chất ngày càng nảy nở, thiện với tín chất chứa đầy khắp trong ngoài như thế là "sung thực". Sung thực chính là gọi bằng mỹ (**sung thực chi vị mỹ**) (chữ "mỹ" là có ý đạo đức mà thêm văn chương vào). Người mà làm được mỹ nhân là hạng người thiện tín đã sung thực. Nhân cách đến đó đã ví như thành hình một người trẻ con, nhưng cần cho được to lớn lên nữa, tất phải làm cho đến "đại nhân".

Đại nhân thời như thế nào ? Căn cứ ở nơi sung thực mà phát triển ra làm sự công, tu sức cho thành văn thái, rực rỡ huy hoàng, ảnh hưởng cho khắp xa gần, thế là "sung thực nhi hữu quang huy"; đã sung thực vừa quang huy, chính là gọi bằng "đại nhân" (**sung thực nhi hữu quang huy chi vị đại**).

Người đã làm được đại nhân thời ở trong mười phần nhân cách đã được chín phần rưỡi rồi. Nhưng chưa phải là thập phần cụ thể, tất phải làm cho tấn lên một bậc nữa tức là bậc thánh nhân. Thánh nhân chẳng có khác gì đại nhân đâu, cũng chỉ tự bản thân đại nhân mà thêm vào diệu dụng biến hóa, như câu "vô khả, vô bất khả" của đức Khổng Tử. Như thế là "đại nhi hóa chi". Đại nhi hóa chi, đó là gọi bằng "thánh nhân" (**đại nhi hóa chi, chi vị thánh**). Người đã đến Thánh nhân rồi thời nhân cách vẫn không còn gì là khuyết điểm. Nhưng há phải ở trên Thánh nhân không bậc gì cao hơn nữa đâu ! Còn có một bậc nữa tức là "thần nhân". Thần nhân cũng chỉ là thánh nhân mà thôi. Nhưng duy thánh mà còn có thể ta biết được chưa phải là thần. Thánh mà đến lúc chúng ta không thể hình dung được in như lời đức Khổng Tử khen vua Nghiêu rằng :

"**Nguy nguy hồ ! duy thiên vi đại, duy Nghiêu tắc chi.**

Đãng đãng hồ ! dân vô năng danh yên".

巍巍乎！惟天為大，惟堯則之；蕩蕩乎！民無能名焉。

Nghĩa là, vừa cao vừa rộng vậy ôi (**nguy nguy hồ**), duy trời là to lớn, chỉ Nghiêu in như trời. Minh mông trống troảng vậy ôi ! (**đãng đãng hồ**). Người ta không thể lấy chỗ nào mà tán tụng được (**dân vô năng danh yên**), chính là "**thánh nhi bất khả tri chi**" đó vậy. "Thánh nhi bất khả tri chi", gọi bằng "thần".

Nói tóm lại, muốn cho được nhân cách đến triệt để, tất phải trải qua sáu bậc ấy.

Hai bậc ở dưới là "thiện" và "tín"; hai bậc chính giữa là "mỹ" và "đại"; hai bậc tột cao là "thánh" với "thần". Nhân cách tới đó mới là thập phần triệt để. Nhưng cội gốc bắt đầu chỉ có "thiện" và "tín". Loại người có ai là không làm được "thiện" với "tín" đâu. Đã làm được "thiện" với "tín" thời "mỹ, đại, thánh, thần" chắc không phải là tuyệt đối không làm được tới. Chúng ta vì sao mà rẻ rúng nhân cách thánh nhân của chúng ta !

Từ đây sấp xuống là nói những hạng người vô nhân cách :

Đạo lý ở trong thiên hạ có việc ta đáng làm, mà theo về bổn phận ta phải làm việc ấy, đó là gọi bằng "bất khả dĩ", nghĩa là không thể nào bỏ nghỉ được. Với cái việc không thể bỏ được mà đành bỏ đi (**ư bất khả dĩ nhi dĩ giả**), người ấy chắc không nghĩ đến nghĩa vụ, không chuyện gì mà không bỏ nữa (**vô sở bất dĩ**). Ở trong loài người, theo về đạo luân lý vẫn có người mà ta nên hậu gọi bằng "sở hậu giả"; nếu ở người ta nên hậu mà nỡ lòng ở bạc (**ư sở hậu giả bạc**), chắc người ấy không bao giờ nghĩ tới nhân đạo, không chỗ nào mà không ở bạc đó vậy (**vô sở bất bạc dã**). Lại còn một hạng người, bắt đầu nghe một chủ nghĩa gì ngó ra ham say lắm, hoặc là nghe một học thuyết gì ngó ra ưa ham lắm, trong một thời gian ngắn ngủi, hăng hái lạ thường, nhưng vì nghị

lực vẫn chẳng bao nhiêu, nên chí khí cũng chẳng bền vững; khi bước lên ngó ra quá mạnh, nhưng chẳng bao lâu thời thối lui lại mau chóng. Người đó chính là "**kỳ tiến nhuệ giả kỳ thối tốc**".

Bài này ba câu dài có thể phân làm ba hạng người :

Câu thứ nhất là hạng người "tự khí"

Câu thứ nhì là hạng người "rất bất nhân"

Câu thứ ba là hạng người "không kiên nghị".

Tổng chi là vô nhân cách cả thảy ("hậu", nghĩa là dày; "bạc", nghĩa là mỏng).

Loài người đối với loài người, vẫn không chỗ nào mà đáng bạc, nhưng tựu trung vẫn có hơn kém về phận lượng, nên so đọ với nhau phải có chỗ dày chỗ mỏng. Tỷ như gia so đọ với thân thời thân là sở hậu giả; gia so đọ với quốc thời gia là sở hậu giả; quốc so đọ với thiên hạ thời quốc là sở hậu giả.

Vì tương đối với chữ "hậu" mà thấy bên kia là "bạc". Nhưng theo về lẽ bác ái, bình đẳng, "nhất thị đồng nhân" thời vẫn không chỗ nào mà không đáng hậu, chỉ duy tấn hành có hoãn cấp, thời gian có trước sau, cảm tình có sâu cạn, cân nhắc ở nơi phân lượng mà xử trí cho vừa phải, tuy không nhất luật hậu được hết, mà vẫn cũng không bạc ở chỗ nào.

Thầy đã có bài nói rằng : "**Quân tử chi ư vật dã, ái chi nhi phất nhân; ư dân dã, nhân chi nhi phất thân; thân thân nhi nhân dân, nhân dân nhi ái vật**". Xem nghĩa bài này thời ý nghĩa chữ "hậu" và "bạc" rất rõ.

Quân tử đối đãi với vật, ái được nó mà không thể nhân với nó được, đối đãi với dân, nhân cho nó mà không thể thân với nó được. Nói cho đúng với đạo lý công bình, tất thân với kẻ thân mình, mà suy ra nhân với dân; nhân với dân, rồi suy ra ái đến vật. Chữ "thân", "nhân", "ái", cân lượng ở ba chữ ấy thời chỉ vì tương đối mà thấy có "hậu, bạc" chứ không tuyệt đối "bạc" ở chốn nào. Cái đạo lý "lý nhất nhi phận thù", chính như thế (một chân lý in nhau mà phân lượng khác nhau là "lý nhất nhi phận thù").

Đọc câu "Kỳ tiến nhuệ giả kỳ thối tốc", nên nhớ lời Trang Tử có câu rằng :

Kỳ xu nghĩa nhược khát giả, kỳ tỵ nghĩa nhược nhiệt.

其趨義若渴者，其避義若熱。

Nghĩa là, người nào nghe "nghĩa" mà xu vào như người khát thấy nước, tức là "kỳ tiến nhuệ dã", người ấy chắc có lúc thấy "nghĩa" mà tránh xa như dụng lửa sợ nóng (tức là "kỳ thối tốc").

Thầy lại nói rằng : Có một hạng người đức Khổng Tử ghét lắm ! Ngài đã có câu nói rằng "**hương nguyện, đức chi tặc dã**" (*đã thích ở trên kia*). Như thế nào là người "hương nguyện" ? Cách làm người của nó tuy là "tùy ba trục lãng", "hỗn dồng" với tục trôi nổi (**đồng hồ lưu tục**), phụ thế xu thời; hòa hợp với đời nhơ bẩn, ruột gan nó vẫn chẳng ra gì mà mặt nạ nó lại khéo che bịt lắm (**hợp hồ ô thế**); cách nó ở giữa mình vẫn không trung tín mà giống trung tín (**cư chi tự trung tín**); việc làm của nó vẫn chẳng liêm khiết mà giống liêm khiết, chúng bể ngoài lắm với nó thảy ưa ham nó (**chúng giai duyệt chi**); mà nó cũng tự nhận nó là phải (**tự dĩ vi thị**), mà kỳ thực nhân cách đã như thế, không thể nào dắt nó vào đường lối Nghiêu Thuấn được (**nhi bất khả dữ nhập Nghiêu Thuấn chi đạo**). Vậy nên bảo nó là một tên giặc ở trong dám đạo đức (**cố viết đức chi tặc giả**). Xưa đức Khổng Tử đã từng nói rằng : Ở trong nhân tình vật lý, "thị" thiệt là thị thời ai cũng biết là tốt; "phi" thiệt là phi thời ai cũng biết là xấu. "Thị vẫn đáng hạm, mà "phi" cũng chưa đến nỗi tuyệt đối đáng ghét; chỉ đáng ghét là một hạng giống như "thị" mà kỳ thiệt là "phi" (**ố tự nhi phi dã**). Hạng ấy sở dĩ đáng ghét, bởi vì cái "phi" của nó thường làm loạn được cái "thị".

Ở trong loài người có ba hạng đáng ghét :

a) Nịnh; b) Lợi khẩu; c) Hương nguyện.

Ghét bọn "nịnh", sợ vì họ làm loạn mất chính nghĩa đó vậy (**ố nịnh, khủng kỳ loạn nghĩa dã**).

Ghét bọn "lợi khẩu", sợ vì họ làm loạn mất chân lý đó

vậy (**ố lợi khẩu, khủng kỳ loạn tín dã**).

Ghét bọn "hương nguyện", sợ vì họ làm loạn mất đạo đức đó vậy (**ố hương nguyện, khủng kỳ loạn đức dã**).

"Nịnh" sở dĩ loạn được nghĩa là vì sao ? Bao nhiêu người nịnh, khéo dò xét tâm lý người mà lấy một cách giả nhân, giả nghĩa che mát người, khiến cho người ta nhận lầm nó là nghĩa, nên nói rằng "loạn nghĩa".

"Lợi khẩu" sao mà loạn được tín ? Bao nhiêu người lợi khẩu, lưỡi nó có gươm, miệng nó có dao, lời nó nói điên đảo được thị phì, hỗn loạn được hắc bạch; vì nó mà những kẻ thành tín thường thường bị khuất phục với nó, nên nói rằng "lợi khẩu loạn tín" ("lợi khẩu", nghĩa là sắc miệng).

"Hương nguyện" vì sao mà loạn được đức ? (*xem* **giải thích như trên kia**).

Thầy lại nói rằng :

Phẩm cách của một con người sở dĩ đáng quí trọng là vì thực chất đầy đủ ở bên trong, mà văn hoa bề ngoài vừa xứng với thực chất. Thực chất là căn bản để làm người đó vậy. Giả như một người kia "lập thân hành kỷ" không đạo đức làm căn bản, mà chỉ lo lòe loẹt bề ngoài, mua chuốc những danh dự huyễn, thường thường nảy ra cái tiếng khen thừa hơn tình thực (**thanh văn quá tình**). Cái đó những người quân tử cho là xấu thẹn lắm (**quân tử sỉ chi**).

Xem bài này thời biết rằng nhân cách của chúng ta, "thực" là căn bản ở trong, "danh" là chi diệp ở ngoài; nếu danh hữu dư mà thực bất túc, âu là thực hữu dư mà danh bất túc. Thực đã hữu dư thời dầu chẳng cầu danh mà kết quả danh cũng đến mình. ***Trung Dung*** đã có câu : "**đại đức giả tất đắc kỳ danh**" (*đã thích*). Nếu thực đã bất túc thời dầu có đắc kỳ danh cũng chỉ là nước không nguồn, cây không gốc, chẳng lấy gì làm đáng quí hóa. Vậy nên quân tử lấy thanh vân quá tình mà xấu thẹn ("thanh vân", nghĩa là tiếng khen; "tình", nghĩa là sự thực).

Nhân cách của người ta chẳng phải chỉ cậy có tài mà được

dâu; nếu chỉ có tài mà không đức thời chẳng những hỏng mất nhân cách mà thôi, có lẽ hại đến tánh mạng nữa kia.

Xin xem bài dưới này :

Bổn Thành Quát được làm quan ở nước Tề, thầy Mạnh nói rằng :

Ôi ! Chết rồi ! Kia anh Bổn Thành Quát (**Tử hỹ Bổn Thành Quát**). Chẳng bao lâu Bổn Thành Quát quả nhiên bị người ta giết (**Bổn Thành Quát kiến sát**). Môn nhân hỏi thầy rằng : Thầy lấy cớ gì biết anh nọ sắp bị người ta giết ? (**Phu tử hà dĩ tri kỳ tương kiến sát**) (ba chữ "tri kỳ tương" là có ý đoán trước được).

Thầy trả lời rằng : Anh nọ, cách làm người của anh (**kỳ vi nhân dã**) có tài chút đỉnh (**tiểu hữu tài**), nhưng mà không học vấn, không được nghe đạo lớn của quân tử vậy (**vị văn quân tử chi đại đạo dã**). Vì "tiểu hữu tài", nên hay cậy tài; vì "vị văn đại đao", nên làm việc hay trái với nghĩa lý, thế thời chỉ vừa đủ giết thân nó mà thôi vậy (**tắc túc dĩ sát kỳ khu nhi dĩ hỹ**).

Đọc bài này, nên tham khảo với bài "**hiếu dũng tật bần**" ở *Thượng thiên*.

Học giả lại xem bài dưới đây :

Văn lý toàn bài tượng như một thiên tiểu thuyết vắn, chúng ta đọc qua thời miêu tả một hạng người vô nhân cách, thiệt in như bức vẽ. Xin lược dịch như sau :

Người nước Tề, có một anh kia, ở trong nhà anh (**xử thất**) một vợ lớn (**thê**), một vợ bé (**thiếp**); hễ người chồng đi ra thời tất cũng no nê rượu thịt mà sau mới về (**lương nhân xuất tất yến tửu nhục nhi hậu phản** ("yến", nghĩa là no dã). Khi về tới nhà, vợ nó thường hỏi những ai chung ăn uống với anh ta thời anh ta kể ra thảy là người phú quý cả. Mà quái lạ thiệt ! Chưa bao giờ có khách sang tới nhà anh ta (**nhi vị thường hữu hiển giả lai**) ! Người vợ mới nói : Ta phen này quyết rình xem chồng ta đi những chỗ nào (**ngô tương hám lương nhân chi sở chi dã**).

Sáng mai dậy sớm, chồng nó cứ lệ thường ra đi, một mình người vợ lớn đi theo sau chồng nó; chồng nó đi tới đâu, vợ cũng rình tới chỗ ấy (**tảo khởi thi tòng lương nhân chi sở chi**), đi khắp trong nước, không thấy người nào dừng nói chuyện với chồng mình (**biến quốc trung vô dữ lập đàm giả**). Cuối cùng đi đến chỗ đông quách, gặp có nhà đương tế ở khoảng mả (**tốt chi đông quách bàn gian chi tế giả**) ("tốt", nghĩa là cuối cùng; "bàn gian" là cồn tha ma). Anh chàng đến đó xin lấy đồ cúng thừa ra (**khất kỳ dư**), nhưng chẳng lấy gì làm no đủ (**bất túc**), lại ngó trông mà đi dám khác (**hựu cố nhi chi tha**). Ủa ! Như thế là cái phương pháp ông chồng làm no đủ đó vậy (**thử kỳ vi yếm túc chi đạo dã !**). Vợ nó rình được đích xác rồi, quay về nói lại với thiếp nó rằng (**kỳ thê qui cáo kỳ thiếp viết**) : Ôi thôi ! Đức chồng ta là người mà dõi ta trông mong cho đến già đời đó vậy (**lương nhân giả sở nguyện vọng nhi chung thân thân dã**), bây giờ như thế ! (**kim nhược thử**). Vợ với thiếp chê cười lương nhân nó mà cùng nhau khóc ở giữa sân (**dữ kỳ thiếp sấn kỳ lương nhân nhi tương khấp ư trung đình**), nhưng lương nhân nó chưa biết gì, hớn hở tự phía ngoài vào nhà, lên mặt kiêu với thê thiếp nó (**thi thi tòng ngoại lai, kiêu kỳ thê thiếp**).

Đem chuyện Tế nhân như trên mà dặt vào mấy quân tử thời những bọn cầu phú quí lợi dạt ở đời nay, họ dùng những cách quì lạy xin xỏ ở lúc vắng người, lớn tiếng to tăm ở trước quần chúng (**tắc nhân chỉ dĩ cầu phú quí lợi đạt giả**), nếu thê thiếp họ biết tới, e còn gì chẳng thẹn thuồng mà chẳng quẹt nước mắt chung với nhau nữa ư ? (**kỳ thê thiếp bất tu giả nhi tương khấp giả cơ hy**).

Bài này là một phương thuốc rất dắng miệng, khiến cho những người phú quí lợi dạt mà hại mất nhân cách, nếu có chút lương tâm, tất nhiên phải một dạo dọc qua phải đổ mồ hôi trộm !

(Chữ "phú" phản đối với chữ "bần"; "quí" phản đối với "tiện", "lợi" phản đối với "khốn"; "dạt" phản đối với "cùng").

Than ôi ! Người đời cam bần tiện khốn cùng mà lo giữ

lấy nhân cách, dễ mấy người đó ru ?

Tóm lại ba mục thuộc về "giáo dục" đã lược chép như trên kia, nhưng vì trong ý thầy Mạnh, chuyên để mắt vào bình dân, nên dã nói về "giáo dục" chẳng mấy khi quên lững chữ "dân".

Xin xem những bài sau này :

Thiện chính bất như thiện giáo chi đắc dân dã; thiện chính dân úy chi; thiện giáo dân ái chi. Thiện chính đắc dân tài, thiện giáo đắc dân tâm.

善政不如善教而得民也；善政民畏之；善教民愛之。善政得民財，善教得民心。

Thiết vi tường, tự, học, hiệu dĩ giáo chi. Hạ viết hiệu, Ân viết tự, Chu viết tường, học, tắc tam đại cộng chi; giai sở dĩ minh nhân luân dã. Nhân luân minh ư thượng, tiểu dân thân ư hạ.

設為庠，序，學，校以教之。夏曰校，殷曰序，周曰庠，學則三代共之；皆所以明人倫也。人倫明於上，小民親於下。

Thành quách bất hoàn, binh giáp bất đa, phi quốc chi tai dã; điền dã bất tịch, hóa tài bất tụ, phi quốc chi hại dã. Thượng vô lễ, hạ vô học, tặc dân hưng, táng vô nhật hỹ.

城郭不完，兵甲不多，非國之災也；田野不辟，貨財不聚，非國之害也；上無禮，下無學，賊民興，喪無日矣。

Thiên chi sinh thử dân dã, sử tiên tri giáo hậu tri; sử tiên giác giáo hậu giác dã. Dư thiên dân chi tiên giác giả dã; dư tương dĩ tư đạo giác tư dân dã, phi dư giác chi nhi thùy dã ? Tư thiên hạ chi dân, thất phu thất phụ hữu bất bị Nghiêu Thuấn chi trạch giả, nhược kỷ thôi nhi nạp chi câu trung.

天之生此民也，使先知覺後知；使先覺覺後覺也。予，天民之先覺者也；予將以斯道

覺斯民也，非予覺之而誰也？思天下之民，匹夫匹婦有不被堯舜之澤者，若己推而內之溝中。

Dương, Mặc chi đạo bất tức, Khổng Tử chi đạo bất trứ. Thị tà thuyết vu dân, sung tắc nhân nghĩa dã; nhân nghĩa sung tắc, tắc suất thú thực nhân; nhân tương tương thực, ngô vị thử cụ, nhàn tiên thánh chi đạo cự Dương, Mặc.

楊，墨之道不息，孔子之道不著。是邪說誣民，充塞仁義也。仁義充塞，則率獸食人，人將相食，吾為此懼，閑先聖之道，距楊，墨。

Quân tử sở dĩ giáo giả ngũ : hữu như thì vũ hóa chi giả; hữu thành đức giả; hữu đạt tài giả; hữu đáp vấn giả; hữu tư thục ngãi giả. Thử ngũ giả, quân tử chi sở dĩ giáo dã.

君子之所以教者五：有如時雨化之者；有成德者；有達才者；有答問者；有私淑艾者；此五者，君子之所以教也。

Thuấn phát ư quyến mẫu chi trung. Phó Duyệt cử ư bản trúc chi gian. Dao Cách cử ư ngư diêm chi trung. Bách Lý Hề cử ư thị. Cố thiên tương giáng đại nhậm ư thị nhân dã, tất tiên khổ kỳ tâm chí, lao kỳ cân cốt, ngạ kỳ thể phu, không phạp kỳ thân, hành phất loạn kỳ sở vi, sở dĩ động tâm nhẫn tính, tăng ích kỳ sở bất năng. Nhân hằng quá, nhiên hậu năng cải; khốn ư tâm, hành ư lự nhi hậu tác; trưng ư sắc, phát ư thanh nhi hậu dụ; nhiên hậu tri sinh ư ưu hoạn, tử ư yên lạc dã.

舜發於畎畝之中；傅說舉於版築之間；膠鬲舉於魚鹽之中；百里奚舉於市。故天將降大任於是人也，必先苦其心志，勞其筋骨，餓其体膚，空乏其身，行拂亂其所為，所以動心忍性曾益其所不能；人恆過，然後能

改；困於心，衡於慮而後作；徵於色，發於聲而後喻；然後知生於憂患，死於安樂也。

Hành chi nhi bất trước yên; tập hỹ nhi bất sát yên : chung thân do chi, nhi bất tri kỳ đạo giả chúng dã.

行之而不著焉；習矣而不察焉；終身由之，而不知其道者眾也。

Từ dây sáp xuống, nói tóm lại cho hết ý tứ "bình dân giáo dục".

Vì sao mà đối với bình dân tất cần phải có giáo dục ? Bởi vì công hiệu giáo dục lớn hơn công hiệu chính trị nhiều lắm. Thầy đã nói rằng :

Người có quyền làm nhà nước, chắc ai cũng muốn cho được dân; nhưng sở dĩ kết quả được dân, tất cần phải có giáo dục tốt; nếu chỉ chính trị tốt mà thôi thời công hiệu đắc dân không bằng giáo dục tốt đó vậy (**thiện chính bất như thiện giáo chi đắc dân dã**). Vì lý do như thế này : trong nước có chính trị tốt, dân thường thấy có pháp luật mà biết sợ, chỉ vừa khiến bình dân cách diện mà thôi (**thiện chính dân úy chi**), chi bằng trong nước có giáo dục tốt, khiến dân biết lễ nghĩa mà thân ái với nhau, kết quả được bình dân cách tâm cả thảy (**thiện giáo dân ái chi**). Trong nước có thiện chính thời dân giàu mà nước cũng giàu, chỉ vừa được nhân dân đem tiền của cung cấp cho nhà quan mà thôi (**thiện chính đắc dân tài**), chi bằng trong nước có thiện giáo thời nhất thiết bình dân đều cảm hóa vì giáo dục, mà thảy đem lòng khuynh hướng vào chính phủ, kết quả thu hết được lòng dân (**thiện giáo đắc dân tâm**).

Bài này là do tạo nhân mà đoán định được kết quả để cho chúng ta biết giáo dục là trọng yếu lắm.

"Dân úy chi", là dân chỉ sợ ở trước mặt, tuy có hiệu quả cũng chỉ "đắc dân tài" mà thôi. "Dân ái chi", là dân say đến trong lòng mà kết quả thời lại "đắc dân tâm". Truy nguyên cho đến tạo nhân thời chỉ cốt ở nơi thiện giáo. Muốn cho đạt được mục đích ấy, tất phải có phương pháp khiến cho bình

dân có giáo dục tốt. Nên thầy có nói rằng :

Đời xưa nhà Hạ, nhà Ân, nhà Chu, dạt ra các nhà học để dạy dân; đời nhà Hạ gọi rằng "hiệu", đời nhà Ân gọi rằng "tự", đời nhà Chu gọi rằng "tường". Đến như nhà học thời ba đời chung có cả thảy (**thiết vi tường, tự, học, hiệu dĩ giáo chi. Hạ viết hiệu, Ân viết tự, Chu viết tường, học tắc tam đại cộng chi**), cốt cho sáng tỏ được đạo lý làm người vậy (**giai dĩ minh nhân luân dã**). Đạo lý làm người, dã tự ở kẻ trên dạy bảo cho được rõ rệt (**nhân luân minh ư thượng**), thời tiểu dân ở dưới ảnh hưởng vì giáo dục mà tất thảy thân yêu nhau (**tiểu dân thân ư hạ**).

Thầy Mạnh dã từng nói rằng :

Sử Khiết vi tư đồ, giáo dĩ nhân luân; phụ tử hữu thân, quân thần hữu nghĩa, phu phụ hữu biệt, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín.

使契為司徒，教以人倫；父子有親，君臣有義，夫婦有別，長幼有序，朋友有信。

Trong năm điều đó gọi là "ngũ luân". Nhưng chữ "nhân luân" ở trong ý thầy Mạnh thời chỉ giảng bằng đạo lý làm người là vừa đúng. Mà muốn cho được "nhân luân minh, tiểu dân thân", tất phải có mấy câu như lời vua Nghiêu.

Vua Nghiêu (**Phóng - Huân**) nói rằng : Hễ giáo dục cho nhất ban bình dân, tất phải người nào mệt nhọc thời tìm cách yên ủy cho nó (**lạo chi**); bọn nào chia rời, phải tìm đường kéo dắt nó lại (**lại chi**); người nào lầm lỗi tất phải sửa chữa cho nó chính (**khuông chi**), người nào xiên vạy, tất phải uốn nắn cho nó được thẳng (**trực chi**), người nào còn hèn yếu, tất phải giùm giúp cho nó đến ngày đủ lực lượng (**phụ chi**), người nào còn thơ trẻ, tất phải ôm ấp lấy nó đến ngày đủ lông cánh (**dực chi**), khiến cho những điều mà mình dạy nó, nó thấy thấm ngấm vào tâm thần nó, in sâu vào đầu óc nó mà thành ra cái sở hữu của nó (**sử tự đắc chi**).

Nhưng bấy nhiêu công phu, chưa phải thập phần triệt để dâu. Lại tất phải sau khi nó đã tự đắc, tiếp theo đó mà chắt tác cổ vũ cho nó được hoàn toàn cái tư cách một người bình dân (**hựu tòng nhi chấn đức chi**).

Xem mấy lời vua Nghiêu nói như trên thời thấy được chân chính tinh thần của giáo dục.

"Khuông chi, trực chi" là đức dục; "phụ chi, dực chi", là trí dục; "lạo chi, lại chi" là thể dục; "sử tự đắc chi", là kiêm cả tam dục; "hựu tòng nhi chấn đức chi" là công phu thuộc về phần tối hậu để cho đến hoàn toàn.

Thích cho rõ nghĩa chữ "giáo dục". "Giáo" vẫn là dạy, nhưng chẳng những dạy bằng miệng lưỡi, mà lại phải dạy bằng tâm thần. "Dục" vẫn nghĩa là nuôi, nhưng chẳng những nuôi ở hình thức, mà lại phải nuôi đến cả tinh thần. Giáo dục được như thế, có sợ gì "nhân luân bất minh, tiểu dân bất thân" nữa dâu !

Than ôi ! Bình dân giáo dục chưa phát đạt, mà toan ngày ngày nói nhân đạo, đêm đêm nói đại đồng, chỉ là đứng dưới đất mà mong ăn ngỗng trời !

Hai chữ "tiểu dân" ở bài trên, chớ nhận lầm nghĩa. "Tiểu dân" chỉ là kể từ một phần tử. Nói tóm hết cả các phần tử gọi bằng "tiểu dân", chứ không phải ở trong loài dân mà phân biệt ra làm tiểu với đại đâu. Chữ "thượng" là chỉ vào người có quyền giáo dục; chữ "hạ" là chỉ vào những hạng người bị giáo dục. Lại xem bài dưới này thời biết rằng : Cái tệ hại bình dân không giáo dục chẳng phải là nhỏ. Bởi vì ở trong một nước mà bình dân không giáo dục thời dẫu có thế lực gì cũng là vô dụng, nên thầy có nói rằng :

Thành quách ở trong nước, đầu có sứt mẻ (**thành quách bất hoàn**), đồ binh khí ở trong nước dẫu còn thiếu thốn (**binh giáp bất đa**), nhưng đấy chẳng phải là việc tai của nước vậy (**phi quốc chi tai dã**); đất đai không mở rộng ra ngoài nước (**điền dã bất tịch**), kho tàng không chất trữ tiền của cho được dư thừa (**hóa tài bất tụ**), đó chẳng phải là việc hại của nước vậy (**phi quốc chi hại dã**). Vì sao thế ? Bởi vì "thành quách bất hoàn" thời "tu lý" lại là xong; "binh giáp bất đa" thời "chế tạo" thêm là được. "Điền dã bất tịch", chẳng qua không "thực dân địa" mà thôi ("tịch", là ăn lấn đất láng giềng cho rộng đất nước mình ra). "Hóa bất tụ" chẳng qua phải bớt đường xa xỉ mà thôi. Nếu xét cho đến bệnh căn thời những

điều trên, chẳng lấy gì làm tai hại lắm, mà tai hại nhất, chính là bình dân vô giáo dục. Hễ bình dân mà đã vô giáo dục, tất nhiên những người gánh công việc cao (**thượng**), thảy kiêu láo mà không giữ phép (**vô lễ**), những người gánh công việc thấp (**hạ**), thảy không biết đua nhau làm việc lành (**vô học**). Kết quả thời những bọn dân làm trộm cướp lung tung dậy lên (**tặc dân hưng**), chắc chẳng rày thời mai nước đến nỗi mất (**táng vô nhật hỹ**).

Như trên đã nói, nếu so với học thuyết Âu Châu, e có kẻ chê lời thầy Mạnh là vu khoát. Nhưng thử xem thành quách rất tốt, binh giáp rất nhiều như nước Trung Hoa (1), mà liệt cường vẫn xem là nước bệnh phu; thực dân địa không một tấc, đại tư bản chẳng bao làm như nước Xiêm La(1) mà thế giới vẫn nhận làm nước độc lập, thời câu "phi quốc chi tai", "phi quốc chi hại", chẳng phải có chứng cứ lắm hay sao !

Nói trái lại, "quốc chi tai, quốc chi hại" là cái gì ? Là chỉ tội tại bình dân vô giáo dục.

Bàn đến bình dân giáo dục thời lại có một vấn đề cần phải giải quyết là câu hỏi : "Ai là người gánh lấy việc giáo dục cho bình dân" ? Theo như học thuyết thông thường thời bảo rằng : "Trách nhiệm giáo dục thuộc về vua quan". Chứ như ý thầy Mạnh thời trách nhiệm giáo dục chẳng phải là việc riêng của vua quan, mà chính là trách nhiệm chung của các bậc Thánh hiền. Bởi vì các bậc Thánh hiền, thảy ở trong bình dân mà ra; lấy bản thân bình dân gánh lấy việc giáo dục bình dân, so với vua quan, chắc có thể tin cậy được nhiều hơn. Nên thầy có bài kể về ông Y Doãn mà nói rằng :

Khi xưa ông Y Doãn là một bậc Thánh nhân mà gánh lấy việc thiên hạ. Khi ông chưa làm tướng cho vua Thang, còn đi cày ở xứ ruộng Hữu Sản, nhưng vẫn ôm một bão phu rất lớn, tự giữa mình vui say đạo Nghiêu Thuấn, quyết một ngày đem đạo Nghiêu Thuấn mà thực hành, khiến cho tất thảy bình dân thành ra dân ở đời Nghiêu Thuấn. Ông Y Doãn thường tự nghĩ rằng : Trời sinh ra loài người ấy vậy (**thiên**

(1) (1-2) Tình thế các nước nay đã khác hẳn - Lời nhà Xuất bản

chi sanh thử dân dã), theo trong lẽ tự nhiên, vẫn ai nấy cũng có tri giác, nhưng vì thì gian có kẻ trước người sau thời cơ quan tri giác cũng có người sớm, kẻ muộn : kẻ tri giác được sớm mà tỉnh ngộ được trước người tâ, hạng người ấy gọi bằng "tiên tri, tiên giác"; kẻ tri giác muộn mà tỉnh ngộ sau người, ấy gọi bằng "hậu tri hậu giác".

Tri giác tuy có kẻ trước người sau như thế, nhưng lòng trời há lẽ bỏ ai dâu ! Ở trong lẽ tự nhiên vẫn đã sắp đạt sẵn sàng, khiến cho người "tiên tri" thức tỉnh người "hậu tri" (**sử tiên tri giáo hậu tri**); khiến cho người "tiên giác" thức tỉnh người "hậu giác" đó vậy (**sứ tiên giác, giáo hậu giác dã**).

(Chữ "giác" có hai nghĩa : chữ "giác" cặp với chữ "tri" nghĩa là cảm giác, thuộc về phần lý trí; chữ "giác" riêng lại thành ra động từ, nghĩa là đánh thức người ta dậy, thuộc về phần công dụng giáo dục. Hai chữ âm đọc cũng khác nhau : "tri giác" đọc bằng "giác"; "giác chi" đọc bằng "giáo".

Tiên tri, tiên giác là bậc thầy; hậu tri hậu giác là bậc trò; kết quả trò cũng như thầy thời cơ quan nhờ chữ "giáo" ở chính giữa.

Ta đây là một người tiên giác ở trong đám dân của trời đó vậy (**dư thiên dân chi tiên giác giả**)

(Hai chữ "thiên dân" là nói chung cả loài người; ba chữ "tiên giác giả" là ông Y Doãn tự xưng lấy mình).

Ta cũng sắp sửa đem đạo của ta mà đánh thức cho đám dân ấy vậy (**dư tương dĩ tư đạo giáo tư dân dã**) ("tư dạo", tức là Nghiêu Thuấn chi dạo).

Bởi vì trời đã cho ta làm "tiên giác" thời những đoàn "hậu tri, hậu giác" đó, nếu chẳng phải ta đánh thức họ thời ai nữa ư ? (**phi dư giáo chi nhi thùy dã** ?).

Bởi vì ông Y Doãn đã có một bảo phụ như thế, mà há phải ở ngoài miệng nói suông dâu ! Vẫn trong lòng ông thường nghĩ những nhân dân trong thiên hạ, nếu còn một người trai, một người gái nào mà chẳng mắc ơn trạch Nghiêu Thuấn (**tư thiên hạ chi dân, thất phu thất phụ hữu bất bị Nghiêu Thuấn chi trạch dã**) ("thất phu" là một người trai;

"thất phụ" là một người gái), tự trong lòng mình cho là rất đau đớn, xem như những người khốn nạn đó tội tại mình đẩy nó xuống giữa vũng nước sâu (**nhược kỷ thôi nhi nạp chi câu trung**) ("thôi" nghĩa là xô đẩy; "câu trung" nghĩa là giữa vũng nước kênh). Tuy chẳng phải tay mình xô đẩy, nhưng vì mình không đánh thức nó, để cho nó u mê, thế là chôn cái trí thức của nó, tội lại nặng hơn chôn xác thịt của nó vậy.

Xem như bài trên thời biết rằng trách nhiệm giáo dục tất phải cậy ở những người "tiên tri, tiên giác". Tuy nhiên, có trách nhiệm giáo dục mà cũng cần phải có quyền giáo dục. Quyền giáo dục có vào trong tay mình mới có thể khiến cho dân ấy thành ra dân Nghiêu Thuấn được. Vậy nên ông Y Doãn khi đã gặp vua Thang ba lần rước mình thời từ biệt với dám ruộng cày, làm tướng cho vua Thang, đổ hết cả tâm lực vào bình dân giáo dục. Đọc câu "**sử thị dân vi Nghiêu Thuấn chi dân**", tâm sự Thánh nhân chẳng bao giờ quên bình dân là như thế.

Phương pháp giáo dục của thầy Mạnh, bắt đầu phải kén chọn cho rành chủ nghĩa. Chủ nghĩa thầy Mạnh, gốc tuân theo đạo "trung dung" của đức Khổng Tử. Thầy thấy đời Chiến Quốc là hiện tại đời thầy có hai nhà xướng ra hai học thuyết : một là học thuyết Dương Chu chuyên về chủ nghĩa vị ngã, in như "khoái lạc chủ nghĩa" (**Epicure**), ở Âu Châu. Nhưng học thuyết ấy thiên ư ích kỷ.

Lại một học thuyết nữa do Mặc Địch xướng ra, chuyên về chủ nghĩa "kiêm ái", in như học thuyết xã hội đời nay. Nhưng mà học thuyết ấy lại xây về quá khích.

"Thiên ư ích kỷ" như Dương Chu thời "lưu tệ" đến nỗi làm hại mất nghĩa. "Xây về quá khích" như Mặc Địch thời "lưu tệ" đến nỗi làm hại mất nhân.

(Đoạn này chỉ muốn cho rõ lý luận thầy Mạnh mà biên vào đây, nhưng thuộc về triết học vấn đề, sẽ tường thuật ở bản sách khác).

Vậy nên thầy Mạnh cực lực công kích hai chủ nghĩa ấy, mà chỉ sùng bái chủ nghĩa "Trung Dung" của đức Khổng Tử. Thầy cho rằng : chủ nghĩa "Trung Dung" rất thích hợp với

bình dân giáo dục. Trong đạo "Trung Dung" vẫn cốt chữ "nhân" mà cũng kiêm chữ "nghĩa". "Nhân" vẫn là yêu người, mà trong lúc yêu người vẫn có phân biệt, như câu **"Lão ngô lão dĩ cập nhân chi lão, ấu ngô ấu dĩ cập nhân chi ấu"**, nghĩa là kính trọng ông già của mình, mà suy cho đến ông già của người; thương yêu con trẻ của mình mà suy ra cho đến con trẻ của người, thời ý thầy Mạnh há phải tuyệt đối "tư ái" dâu ! Nhưng cân lượng ở nơi hai chữ "dĩ cập", chính là "nhân" ở trong đạo "Trung Dung".

Lại xem như câu :

Nhân bệnh xả kỳ điền nhi vấn nhân chi điền.

人病捨其田而耘人之田。

Nghĩa là người ta đáng lo là bỏ ruộng của mình mà đi bừa ruộng của người (ý là bỏ việc học vấn của mình mà đi lo cho người khác).

Lại như câu :

Thủ thục vi đại ? Thủ thân vi đại

守孰為大？守身為大。

Nghĩa là việc đáng giữ gìn, việc gì là lớn nhất ? thời việc giữ gìn phẩm cách mình là lớn nhất (xem chữ "bất thất kỳ thân" thời rõ nghĩa chữ "thủ", chớ nhận lầm), thời ý thầy Mạnh há phải tuyệt đối không "vị ngã" dâu ? Nhưng vị ngã mà phải cân lượng cho vừa đúng chủ nghĩa; bừa xong ruộng mình rồi sẽ bừa giúp ruộng người; giữ được thân mình rồi sẽ giữ nhà giữ nước, thế mới là "chủ nghĩa" ở trong đạo "Trung Dung".

Xét cho thấy tinh thần ấy thời học thuyết thầy Mạnh rất phản đối với học thuyết Dương, Mặc.

Theo học thuyết Mặc thời quá ư cao rộng, người ta không thể làm được tới nơi, mà kết quả "nhân bất thành nhân". Theo học thuyết Dương thời quá ư cô độc, người ta cũng không thể làm được nên kết quả "nghĩa bất thành nghĩa".

Thầy Mạnh sợ học thuyết hai nhà đó thịnh hành, e chủ nghĩa "Trung Dung" bị bọn họ đánh đổ, nên thầy cực lực công kích mà nói rằng :

Đạo của Dương, Mặc không tắc nghỉ (**Dương, Mặc chi đạo bất tức**), đạo của Khổng Tử không rõ rệt (**Khổng Tử chi đạo bất trứ**), tất đến nỗi lời nói tà lừa gạt dân, bịt bùng mất nhân nghĩa đó vậy (**Thị tà thuyết vu dân sung tắc nhân nghĩa dã**). Đức nhân, đức nghĩa đã bị tà thuyết che lấp thời trong loài người, mặt người mà lòng thú quá chừng nhiều; lúc đầu còn dắt thú ăn người, kết quả e người với người ăn nhau nữa (**nhân nghĩa sung tắc, tắc suất thú** (1) **thực nhân, nhân tương tương thực**) (câu "suất thú thực nhân", nên xem thích nghĩa ở tiết *Chính trị*).

Cuối cùng, thấy lại thêm ba câu này : "**Ngô vị thử cụ, nhàn tiên thánh chi đạo, cự Dương Mặc**", nghĩa là, ta lo sợ vì những cớ như trên nói, nên hết sức ủng hộ lấy đạo của Tiên thánh, đánh đổ thuyết họ Dương, họ Mặc (chữ "nhàn" ở đây như nghĩa chữ "nhàn hữu" (閑有) ở quẻ "Gia Nhân" trong ***Kinh Dịch***, nghĩa là khuôn nắp gìn giữ cho khỏi sứt mẻ.

Lại xem như bài ở dưới này thời biết cách dạy người của quân tử.

Tuy tấm lòng quân tử đối đãi với người vẫn là bình đẳng, nhưng đến lúc thiết giáo thời không phải một loạt in như nhau; bởi vì tài chất người ta có kẻ cao người thấp; hoàn cảnh người ta có nơi xấu nơi tốt. Vậy nên quân tử dạy người, cũng phải theo tài chất mỗi người, với hoàn cảnh mỗi người mà thành ra có thứ dệ khác nhau. Nên thầy Mạnh nói rằng :

Quân tử chi sở dĩ dạy người có năm bậc (**quân tử chi sở giáo giả ngũ**) :

Có một hạng cao nhất, hạng người này tư tưởng sẵn tốt, chất thông minh vẫn đã hữu dư, chỉ duy chờ gặp thầy, nhờ thầy điểm hóa ít nhiều thời có thể nghe một biết mười mà biến hóa mau chóng; quân tử dạy hạng người ấy chẳng tốn công phí sức gì, chỉ dùng cách khơi ý mở mối mà được. Ví như loài sinh vật kia, mộng cây tốt sẵn, lại trồng tỉa vào

(1) Khi xưa người ác gọi bằng thú, người gọi bằng nhân. Sau này thú quá nhiều, nên nói chữ "nhân" ! Vì xưa đối với nhân, còn có nhân, nên nói thú; sau này dần dần loài người vì biến ra thú cả, không lẽ nói thú, nên nói nhân; nếu nói chữ "thú" cả thời thành ra thú thiệt mất đi

chốn đất tốt, dụng gặp trận mưa phải thì thời tức khắc khai hoa kết quả ngay (**hữu như thì vũ hóa chi giả**). Đó là hạng người bậc rất cao, mà cách dạy quân tử cũng là đặc biệt lắm vậy; như đem câu "**ngô đạo nhất dĩ quán chi**" nói với thầy Tăng, mà thầy "dạ" ngay là "**thì vũ hóa**".

Lại còn một hạng người nữa, bản chất người ấy thiên về đạo đức, nhưng vì chưa gặp thầy, mà đạo đức chưa được hoàn toàn, quân tử nhân đó mà lấy đạo đức un nấu cho người, khiến cho đạo đức người ấy được hoàn toàn (**hữu thành đức giả**).

Lại có một hạng người nữa, bản năng người ấy thiên về mặt tài nghệ, nhưng vì chưa gặp thầy, tài nghệ chưa được phát đạt, quân tử chuyên lấy tài nghệ mà đào tạo cho người, khiến cho tài nghệ người ấy được phát đạt (**hữu đạt tài dã**).

Lại có một hạng người nữa, tài chất người ấy không lấy gì làm cao lắm, nhưng cũng vào bậc trung nhân; chỉ vì hoàn cảnh bắt buộc, thì giờ ít ỏi mà không được thường thường thân chích với quân tử, quân tử phải dùng một cách dạy bằng đáp vấn, nghĩa là hễ bao giờ có hỏi tới mình, thời mình cũng hết lòng mà giải thích cho (**hữu đáp vấn giả**).

Bốn cách dạy như trên kia, là tùy ở nơi nhân tài có cao thấp mà cách dạy cũng có sâu cạn khác nhau. Nhưng thảy là đối với những người trực tiếp thụ giáo đó vậy.

Ngoài bốn cách trên, lại có một cách như thế này : Đối với những hạng người gián tiếp thụ giáo. Hạng người này, hoặc không ở chung một chỗ với quân tử, không sinh chung một đời với quân tử, duy nhờ ảnh hưởng ở đạo đức của quân tử, hoặc truyền vận được "cách ngôn thiện hạnh" của quân tử, mà riêng tự giữa mình hấp thụ lấy tinh thần giáo dục của quân tử, cảm hóa truyền nhiễm mà thành ra người tốt lành, cũng thành đức, cũng đạt tài như những người thân chích với quân tử (**hữu tư thục ngải dã**)

(Chữ "tư thục" ở đây chứng vào thầy Mạnh với đức Khổng Tử). Thầy có nói rằng :

Dư vị đắc vi Khổng Tử đồ dã, dư tư thục chư nhân dã.

予未得為孔子徒也，予私淑諸人也。

Nghĩa là ta chưa được làm học trò đức Khổng Tử vậy, ta chỉ là tư thục với học trò ngài vậy. Cách dạy bằng "tư thục ngài", tuy chỉ là gián tiếp giáo dục, nhưng cũng là một cách dạy của quân tử.

Tóm cả năm bậc ấy, cao thứ nhất là "như thì vũ hóa chi", xa thứ nhất là "tư thục ngài dã"; trung gian "thành đức, đạt tài, đáp vấn", tổng cộng có năm bậc, thảy là phương pháp giáo dục của quân tử vậy (**thử ngũ giả, quân tử chi sở dĩ giáo dã**).

Lại xem như bài dưới này thời biết được trong ý thầy Mạnh, hy vọng cho bình dân rất xa với rất lớn. Nên thầy nói lấy những việc người bình dân đời xưa mà đã từng làm những sự nghiệp to lớn để cho chúng ta trông đó làm gương.

Thầy nói rằng :

Thuấn chẳng phải là một vị Thánh đế hay sao ? Mà lúc đầu vẫn ở trong đám cày cấy xuất thân (**Thuấn phát ư quyến mẫu chi trung**). Phó Duyệt chẳng phải là Thánh tướng hay sao ? (Phó Duyệt làm thủ tướng cho vua Cao Tôn đời nhà Thương) (***Kinh Thư*** có ba thiên sách Duyệt Mệnh), nhưng bắt đầu vẫn ở trong đám bai xuống mà cử lên (**Phó Duyệt cử ư bản trúc chi gian**). Dao Cách chẳng phải là một vị danh thần hay sao ? Nhưng vẫn ở trong phường mám muối mà cử lên (**Dao Cách cử ư ngư diêm chi trung**). Bách Lý Hề chẳng phải là một vị hiền đại phu hay sao ? Nhưng bắt đầu chỉ là một người bán trâu mà Tần Mục Công cử lên (**Bách Lý Hề cử ư thị**).

Xem mấy người như đã kể trên thời bao nhiêu sự nghiệp to lớn thảy ở tay bình dân mà làm nên; mà bình dân sở dĩ làm được sự nghiệp lớn, tất trước phải có giáo dục. Ở trong trường giáo dục, lớn thứ nhất là trường dạy của trời. Vậy nên trời toan đem gánh nặng mà gán vào trên vai người ấy (**cố thiên tương giáng đại nhiệm ư thị nhân giả**), tất trước (**tất tiên**) phải bắt buộc cho nó khổ mệt tâm chí nó (**khổ kỳ tâm chí**), nhọc mỏi gân xương nó (**lao kỳ cân cốt**), đói khát đến xác thịt nó (**ngạ kỳ thể phu**), cùng túng nghèo thiếu đến thân

thể nó (**không phạp kỳ thân**), thậm chí đến những việc nó hành động, thường xui khiến cho lúng túng rối reng (**hành phất loạn kỳ sở vi**).

Ta xét cho đến lòng trời, há phải ghét bỏ người ấy đâu ! Vì quá thương người ấy mà trao gánh lớn cho người ấy, tất phải dạy người ấy cách khốn khổ gian nan, sở dĩ khiến cho người ấy phát động được tâm tốt, trải một lần biến thời thêm được một việc khôn; nín nhịn được tính xấu, càng tăng ích được những việc mà mình từ xưa chẳng hay (**động tâm nhẫn tính, tăng ích kỳ sở bất năng** - chữ "tính" là chỉ vào tình dục tập quán).

Đấng Tạo hóa kia sở dĩ làm khổ tâm như thế, là vì sao ? Bởi vì tất cả bình dân ta thường dụng có lỗi lầm, vậy sau biết thay chữa (**quá nhiên hậu năng cải**), bứt rứt ở trong lòng, ách tức ở bụng nghĩ mà sau mới cảm động phấn phát, sẽ để hữu vi (**khốn ư tâm, hành ư lự nhi hậu tác**), có chứng nghiệm ư sắc mặt của thầy mình, có phát hiện ư tiếng trách của thầy mình mà sau mới giác ngộ (**trưng ư sắc, phát ư thanh nhi hậu dụ**).

Ba câu này là đỡ hết cả tuyển văn trên kia năm câu : "khổ kỳ tâm chí, v.v..." này là chuyên nói về hạng người bần tiện. Giả như người dã công hầu môn phiệt mà tục ta thường gọi là "thượng lưu" thời làm gì có "khổ, lao, cơ, không phạp, phất loạn" nữa ru ? Tuyển bộ thất thiên (孟子), thấy sở dĩ ham nói việc Thuấn, chính là ý ấy.

Vì thông bệnh của bình dân như thế, nếu muốn cho họ gánh được sự nghiệp phi thường, mà không dạy cho họ bằng một thủ đoạn phi thường thời làm sao ở trong đám bình dân mà nảy ra được những hạng người như trên kia đã kể ? Vậy sau mới biết ở trong đám ưu hoạn, chính là cái sở dĩ làm sống cho ta ? ở trong trường yên lạc chính là cái sở dĩ làm chết cho ta đó vậy (**nhiên hậu tri sinh ư ưu hoạn, nhi tử ư yên lạc dã** - "bản trúc" nghĩa là nghề nện móng xây tường; "ngư diêm" là nghề bán cá làm muối - "trưng ư sắc phát ư thanh", chữ sắc, chữ thanh là chỉ về phía thầy dạy. Xem ở sắc thầy mà biết mình có lỗi, thế là "dụ". Chữ "tác" có ý như

người ở trong giấc ngủ mà dậy).

(Lôi đình phong vũ là thanh sắc của trời dạy; đánh đập dức la là thanh sác của thầy dạy).

Trong ý thầy Mạnh vẫn hết sức hy vọng vào bình dân. Nhưng mà ở trong nhất ban bình dân, người thượng trí quá ít, người hạ ngu quá nhiều, muốn giáo dục cho được trí thức bình đẳng, là một việc rất khó; nên thầy lại nói rằng :

Tòng lai ở trong loài người, trừ các bậc Thánh hiền ra thời đều là những hạng người này, bảo họ làm họ vẫn làm, nhưng làm mặc dầu mà không biết cái lẽ sở dĩ nhiên (**hành chi nhi bất trước yên**), bảo họ tập, họ vẫn tập, tập quen mặc dầu mà không xét đến cái nghĩa sở đương nhiên (**tập hỹ nhi bất sát yên**). Vì khốn nạn ở phần trí quá ít, thí dụ người mù chỉ biết người dát đi mà không dòm thấy được đường, nên nỗi trọn đời người vẫn đi theo đường lối đó mà không hiểu thấy được đường lối. Hạng người ấy thật quá nhiều đó vậy (**chung thân do chi nhi, nhi bất tri kỳ đạo giả chúng dã**).

Bài trên đó, nên tham khảo với bài ở sách *Luận Ngữ* : "**Dân khả sử do chi, bất khả sử tri chi**".

Từ đây sáp xuống lại kể những giáo pháp của thầy Mạnh thời có mấy bài chính văn như sau này :

Mạnh Tử viết : Đại tượng bất vị chuyết công, cải phế thằng mặc. Nghệ bất vị chuyết xạ, biến kỳ cấu luật. Quân tử dẫn nhi bất phát, dược như dã; trung đạo nhi lập, năng giả tùng chi.

Mạnh Tử viết : Nghệ chi giáo nhân xạ, tất chí ư cấu; học giả diệc tất chí ư cấu. Đại tượng hối nhân tất dĩ qui củ; học giả diệc tất dĩ qui củ. Hiền giả dĩ kỳ chiêu chiêu, sử nhân chiêu chiêu; kim dĩ kỳ hôn hôn, sử nhân chiêu chiêu.

Vãng giả bất truy, lai giả bất cự; cẩu dĩ thị tâm chí, tư thụ chi nhi dĩ hỹ.

Giáo diệc đa thuật hỹ; dư bất tiết chi giáo hối dã giả, thị diệc giáo hối chi nhi dĩ hỹ.

Tuy hữu thiên hạ dị sinh chi vật dã, nhất nhật bộc

chi, thập nhật hàn chi, vị hữu năng sinh giả dã, ngô hiện diệc hãn hỹ; ngô thôi nhi hàn chi giả chí hỹ; ngô như hữu manh yên hà tai ! Kim phù dịch chi vi số, tiểu số dã; bất chuyên tâm trí chí, tắc bất đắc dã. Dịch Thu thông quốc chi thiện dịch giả dã, sử Dịch Thu hối nhị nhân dịch : kỳ nhất nhân chuyên tâm trí chí, duy Dịch Thu chi vi thính; nhất nhân tuy thính chi, nhất tâm dĩ vị hữu hồng hộc tương chí, tư viên cung chước nhi xạ chi, tuy dữ chi câu học, phất nhược chi hỹ; vị thị kỳ trí, phất nhược dư ? Viết phi nhiên dã.

孟子曰：大匠不為拙工改廢繩墨，羿不為拙射變其彀率；君子引而不發；躍如也，中道而立，能者從之。

孟子曰：羿之教人射，必志於彀；學者亦必志於彀。大匠誨人，必以規矩；學者亦必以規矩。賢者以其昭昭，使人昭昭；今以其昏昏，使人昭昭。

往者不追，來者不拒；苟以是心至，斯受之而已矣。

教亦多術矣；予不屑之教誨也者，是亦教誨之而已矣。

雖有天下易生之物也，一日暴之，十日寒之，未有能生者也；吾見亦罕矣；吾退而寒之者至矣；吾如有萌焉，何哉！今夫奕之為數，小數也；不專心致志，則不得也；奕秋通國之善奕者也，使奕秋誨二人奕，其一人專心致志，惟奕秋之為聽；一人雖聽之，一心以為有鴻鵠將至。思援弓繳而射之，雖與之俱學，弗若之矣：為是其智弗若與？曰：非然也。

Cách dạy của thầy Mạnh, vẫn tùy tài chất của mỗi người mà đặt ra phép dạy có bậc lớp như đã kể trên; nhưng cũng

không phải không qui củ nhất định đâu. Nên thấy có nói rằng : Hễ đã làm thợ cả, tất phải có thằng mặc; chẳng bao giờ vì thợ vụng mà đổi bỏ thằng mặc của mình (**đại tượng bất vị chuyết công, cải phế thằng mặc**) ("đại tượng" là thợ cả, cũng là thợ thầy; "chuyết" là vụng, là dốt; "thằng" là sợi dây nẻ mực; "mặc" là mực thước của thợ). Ông Hậu Nghệ dạy người học nghề bắn, tất phải có cấu luật; chẳng bao giờ vì người bắn vụng mà thay đổi cấu luật của mình (**Nghệ bất vị chuyết xạ biến kỳ cấu luật**) ("cấu luật" nghĩa là chừng mực kéo cung cho vừa tới nơi. Chỉ nói tắt một chữ "cấu" cũng được, "cấu" nghĩa là kéo cung vừa đến chừng, không thái quá, cũng không bất cập; thái quá thời dây cung đứt, bất cập thời dây mũi tên không sức, chỉ duy vừa đúng "cấu" thời khéo).

Cách dạy của đại tượng và Nghệ phải giữ lấy "thằng mặc cấu luật", há lẽ cách dạy của quân tử mà không "thằng mặc cấu luật" đó ru ? "Thằng mặc cấu luật" của quân tử tức là "trung đạo".

Tuy nhiên, quyền dạy ở quân tử mà hay với không hay, lại quyền ở người học. Vậy nên quân tử dạy người, không thể bắt buộc người ta cho đến thực hay, cũng ví như thợ bắn dạy người học bắn, chỉ kéo cung cho đến tận nơi (**dẫn**), mà không thể tự tay mình phát lấy tên (**quân tử dẫn nhi bất phát**); nhưng tuy là "bất phát" mà cái máy phát động đã rõ ràng hoạt hiện ở trước mắt, in như phót nhảy lên đó vậy (**dược như dã**). Quân tử há phải tiếc công mà giấu người đâu. Một tiếng nói, một việc làm của quân tử thảy là đứng vào chừng mực đạo trung (**trung đạo nhi lập**); chỉ duy ai hay nghe, hay học mà gọi bằng "năng giả" thời cứ đe "trung đạo" mà tuân theo đó vậy (**năng giả tùng chi**).

Ý nghĩa bài dưới này cũng in như ý nghĩa bài trên.

Thầy nói rằng :

Hậu Nghệ dạy người ta bắn, tất để ý vào ở chỗ "cấu" (**Nghệ chi giáo nhân xạ, tất chí ư cấu**). Ông thợ cả dạy người làm thợ, tất phải lấy qui củ mà dạy (**đại tượng hối nhân tất dĩ qui củ**), người đi học làm thợ, cũng phải lấy qui

củ mà học theo như thầy (**học giả diệc tất dĩ qui củ**) ("qui" là thước đo làm đồ tròn; "củ" là thước đo làm đồ vuông). Dầu làm thợ gì, tất phải cậy có mực thước; "qui củ" là mực thước của thợ.

Thầy đã có lời nói rằng :

Ly Lâu chi minh, Công Thâu Tử chi xảo, bất dĩ qui củ bất năng thành phương viên.

離婁之明，公輸子之巧，不以規矩不能成方圓.

Nghĩa là dầu có người mắt được sáng như ông Ly Lâu, xảo được như óc ông Công Thâu Tử, nếu chẳng dùng "qui củ" thời chẳng làm sao nên được đồ vuông đồ tròn.

Xem cả ba bài trên là ý thầy cốt muốn cho học trò phải bỏ cho hết cái tính ỷ lại, mà chớ chuyên trông cậy ở thầy. Bởi vì người làm thầy chỉ có sức bày vẽ cho qui củ mà thôi; đến như người đi học, tất phải châm dòm ở qui củ, mà vận dụng lấy óc khôn của mình, lo hết sức dụng công tự giữa mình, sẽ cầu cho đến được tinh xảo. Cái tinh xảo đó chẳng phải thầy trao trút cho mình được. Giá như mình không dụng công thời tuy thầy có Thánh hiền mặc dầu cũng không phép gì dạy được mình tốt. Nên thầy Mạnh lại có nói rằng :

Tử tượng, luân dư, năng dữ nhân quy củ, bất năng sử nhân xảo.

梓匠，輪輿，能與人規矩，不能使人巧.

Nghĩa là thợ làm đồ mộc (**tử tượng**), thợ làm bánh xe (**luân** với đóng xe (**dư**), chỉ hay đem quy củ mà bày vẽ cho người, chứ không thể khiến người ta xảo được. Bởi vì xảo hay không xảo, chỉ cốt ở người học; duy không đúng quy củ thời mới trách ở thầy. Làm thầy mà không biết quy củ thời thiệt là tội của thầy đó vậy.

Thầy lại nói rằng :

Trách nhiệm làm thầy người ta, chẳng phải là việc dung dị. Nếu đạo đức học vấn ở giữa mình chưa đủ làm khuôn mẫu cho người, mà muốn lòe cái tiếng làm thầy, lấy cái địa

vị thầy làm vinh dự, sức chưa đáng làm thầy mà cố muốn làm thầy, thế là giữa bản thân của người làm thầy đã vị tự mãn, tự túc mà hỏng hết tiền đồ, mà lại tai hại cho những hạng người học với thầy ấy. Đó chẳng phải là một việc rất đau đớn cho người lắm hay sao ! Nên nói rằng : "Nhân chi hoạn tại háo vị nhân sư".

Lại có bài như dưới đây để trách những hạng người không đáng làm thầy mà cũng làm thầy. Thầy nói rằng :

Những bậc hiền triết, tất trước mình đức ở giữa mình rồi mới đem cái đức sáng mà chỉ vẽ mở mang cho người, khiến cho người thảy được sáng láng như mình (**hiền giả dĩ kỳ chiêu chiêu sử nhân chiêu chiêu** - "chiêu chiêu" là hình dung cái vẻ quang minh của đạo đức), chứ như những người làm thầy ở đời nay thời lại trái hẳn : tâm thể của họ đã bị tình dục che lấp, óc khôn tối tăm, vẫn là hôn hôn đó rồi, mà lại toan dùng cái hôn hôn đó đứng ra làm thầy người, mong khiến cho người được chiêu chiêu (**kim dĩ kỳ hôn hôn sử nhân chiêu chiêu**).

Cái tệ hại "háo vi nhân sư" như thế, còn lấy gì mong được giáo dục hữu hiệu nữa ru ?

Lại còn có bài này, tuy không phải trong miệng thầy nói ra, nhưng cũng chứng minh được tấm lòng nhân thứ của thầy đối đãi với những người thỉnh giáo, nên biên dịch vào đây.

Những người đến thụ giáo với thầy, tuy có kẻ thấp người cao, kẻ hơn người kém, nhưng mà tự trong lòng thầy thảy muốn cho người ta nên người tốt, mà sẵn lòng dạy cho người ta, dẫu có ai tới học với thầy mà lại bỏ ra đi, thầy vẫn chẳng kéo lại đã dành (**vãng giả bất truy**), chớ hễ có ai mà vui lòng tới học với thầy thời thầy chẳng giờ cự người ấy (**lai giả bất cự**) ("cự" nghĩa là không cho nó vào), miễn là người ấy thiệt đem lòng cầu học đến với thầy thời thầy vui lòng tiếp nạp lấy mà thôi vậy (**cầu dĩ thị tâm chí, tư thụ chi nhi dĩ hỹ**) (đúng với bài "**Hộ hương nan dữ ngôn**").

Lời nói bài trên tuy xuất ở miệng quán nhân (người bán quán) nước Đảng, mà thiệt đúng với tâm lý của thầy. Chính giữa thầy cũng tự nói rằng :

Đào Mặc tất qui ư Dương; Đào Dương tất qui ư nho; qui, tư thụ chi nhi dĩ hỹ.

逃墨必歸於楊；逃楊必歸於儒；歸斯受之而已矣。

Nghĩa là ai tránh xa nhà đạo Mặc, tất quay về ở đạo Dương; đã tránh xa nhà đạo Dương, tất quay về ở đạo Nho, người ta đã quay về đạo Nho của mình thời mình cứ tiếp nạp lấy mà thôi vậy. Xem cách dạy người của thầy Mạnh, vẫn có mục đích mà lại cần có thủ đoạn. Mục đích chuyên dồm vào ở qui củ mà cầu cho người ta vào được cửa Thánh hiền, đầu đối với ai vẫn cũng một mục đích ấy, đến như thủ đoạn ở trong khi làm cách dạy thời lại nhiều ngón lắm. Nên thấy có bài nói rằng :

Thủ đoạn dạy người cũng nhiều lối đó vậy (**Mạnh Tử viết : giáo diệc đa thuật hỹ**).

Kìa những người mà ta dắt tai tiếp mắt cùng nó (言提其耳), vẫn là giáo hối đã dành; còn có những người mà ta không chịu trả lời, không chịu tiếp kiến, ngó như ta không cho nó là trong sạch mà chẳng dạy bảo nó (**dư bất tiết chi giáo hối dã**) ("bất tiết", như tục ta thường nói "không thèm") nhưng há phải không dạy bảo nó đâu ! Trông nó vì cái cớ bất tiết đó mà nó hay "cải quá tự tận", đó cũng là dạy bảo cho nó mà thôi vậy (**thị diệc giáo hối chi nhi dĩ hỹ**).

Tùng lai, cách dạy vốn nhờ thầy hay, nhưng mà dạy có ích hay không thời lại cốt ở người có cách học.

Cách học, quí hóa nhất là chuyên với cần. Đã cần lại chuyên, chính là người hay dụng tâm thời dạy mới hữu ích. Người chẳng dụng tâm thời dạy cũng vô ích. Nên thấy có bài đặt làm lời thí dụ rằng :

"Vương chi bất trí" có gì đáng nghi quái đâu ? Tuy có một giống thực vật kia, vẫn là giống dễ sống nhất ở trong thiên hạ (**tuy hữu thiên hạ dị sinh chi vật giả**), nhưng nếu một ngày cho nó được hơi ấm, mười ngày bắt nó chịu hơi lạnh (**nhất nhật bộc chi, thập nhật hàn chi**) ("bộc" nghĩa là ấm, là chịu được nhật quang; "hàn" nghĩa là lạnh, là bị lấy sương

giá; "nhất bộc, thập hàn" là ví như một ngày học, mười ngày nghỉ), thời gian bộc quá ít mà thời gian hàn quá nhiều, chưa có thể gì mà sinh nở được đó vậy (**vị hữu năng sinh giả dã**). Như một người kia, buổi ta tiếp kiến cũng chỉ một lúc mà thôi (**ngô hiện diệc hãn hỹ**), ta liền lui ra thời tức khắc có kẻ hàn chi đến rồi (**ngô thối nhi hàn chi giả chí hỹ**). Khi ngô hiện, vẫn có bộc chi, nhưng bộc chi chưa kịp ấm mà đã hàn chi ngay thời ta làm thế nào cho nó có cơ mảng mầm bây giờ ! (**ngô như hữu manh yên hà tai**). Huống gì lẽ trong thiên hạ, chẳng việc gì không chuyên tâm trì chí mà nên được. Tỷ như việc đánh cờ (**dịch**) vẫn là cái thuật số nhỏ (**kim phù dịch chi vi số, tiểu số dã**), nhưng nếu không chuyên tâm trí chí thời chẳng học nên nghề đó vậy, dầu có ông thầy dạy cờ như Dịch Thu vẫn là người cao cờ nhất cả trong nước vậy (**Dịch Thu thông quốc chi thiện dịch giả dã**), bấy giờ khiến Dịch Thu dạy hai người học cờ (**sử Dịch Thu hối nhị nhân dịch**), thấy in như nhau, cách dạy in như nhau, nhưng trong hai người đó, có một người chuyên tâm trí chí, chỉ chăm nghe Dịch Thu dạy mà thôi (**kỳ nhất nhân chuyên tâm trí chí, duy Dịch Thu chi vi thính**), còn một người kia, tuy vẫn cũng có nghe (**nhất nhân tuy thính chi**), nhưng chỉ nghe thoảng ở ngoài tai, mà một phía ở trong lòng còn mơ tưởng rằng có chim hồng hộc toan đến, nghĩ sắm sửa kéo cung sắp dây mà toan bắn con chim kia (**nhất tâm dĩ vi hữu hồng hộc tương chí, tư viên cung chước nhi xạ chi**). Cái anh này tâm đã bất tại như thế, tuy học chung với người kia, nhưng chắc phải thua người kia rồi (**tuy dữ chi câu học, phất nhược chi hỹ** - "chước" nghĩa là buộc dây vào mũi tên), đó là vì trí khôn anh chẳng bằng người kia đó ru ? (**vi thị kỳ trí phất nhược dư** ?), chắc rằng không phải thế vậy ! (**viết : phi nhiên dã**). Chỉ vì một người thời chuyên tâm trí chí, một người thời hồng hộc kỳ tâm, nên nỗi học in như nhau mà hơn kém xa nhau đó vậy.

Đoạn này thích làm hai thí dụ, nhưng chỉ chú trọng ở bốn chữ "chuyên tâm trí chí", ("chuyên tâm" nghĩa là chuyên nhất tâm mình vào một chỗ; tâm vô tha thích là gọi bằng "chuyên"; "trí chí" nghĩa là cố để chí mình vào một chuyện, tất cầu cho nên. Sách ***Trang Tử*** có câu :

Dụng chí bất phân, nãi ngưng vu thần.

用志不紛，乃凝于神

Nghĩa là, người ta dụng chí vào một chuyện mà không để chia lòng vào chỗ khác thời tinh thần ngưng kiết mà nghĩ gì cũng phải thông, chính là nghĩa hai chữ "trí chí".

Phương pháp người làm học, chỉ có bốn chữ ấy là công phu rất giản đơn, mà lại rất hiệu lực.

Tiết thứ 8

Đạo "thiệp thế quan nhân" của thầy Mạnh.

Thiên trên đã tường thuật đạo "thiệp thế quan nhân" của đức Khổng Tử. Học giả nếu trông vào đức Khổng Tử thời ở trên đường "thiệp thế quan nhân" cũng đã chắc không đến nỗi lầm lạc. Nhưng chúng ta đọc đến sách ***Mạnh Tử*** thời còn bổ ích cho óc khôn chúng ta nhiều lắm. Nên lại phải biên dịch ra tiết này :

Phương pháp "thiệp thế" của thầy Mạnh, căn bản ở đạo đức mà ra. Một phương diện thời muốn cho mình hoàn toàn được nhân cách, mà một phương diện thời lại tôn trọng nhân cách của người, nên thầy có những bài như sau này :

Mạnh Tử viết : Cung giả bất vũ nhân, kiệm giả bất đoạt nhân, cung kiệm khi khả dĩ thanh âm tiếu mạo vi tai.

孟子曰：恭者不侮人，儉者不奪人，恭儉豈可以聲音笑貌為哉。

Thầy nói rằng : Người có đức cung kính, tất nhiên chẳng khinh lờn người (**cung giả bất vũ nhân**); người có đức tiết kiệm tất nhiên chẳng cướp bóc của người (**kiệm giả bất đoạt nhân**). Đức cung, đức kiệm vẫn là đức tốt, nhưng tất phải "bất vũ nhân" mới thấy là cung, "bất đoạt nhân" mới thấy là kiệm. "Cung, kiệm" mà "xuất ư thành tâm" mới xứng được đức cung, đức kiệm. Giả như chỉ trau chuốt ở nơi tiếng nói,

uốn nắn ở ngoài sắc mặt mà bảo thế là làm được "cung, kiệm" thời há có lẽ nào ! (**cung, kiệm, khởi khả dĩ thanh âm tiếu mạo vi tai**) ("thanh âm" nghĩa là tiếng nói; "tiếu mạo" nghĩa là sắc mặt).

Đọc bài ấy, nên tham khảo với bài :

Tử Cống viết : Phu tử ôn, lương, cung, kiệm, nhượng, dĩ đắc chi.

子貢曰：夫子溫，良，恭，儉，讓，以得之。

(ở sách ***Luận Ngữ***).

Chữ "cung" nuốt được chữ "ôn lương"; chữ "kiệm" nuốt được chữ "nhượng". Người có đức cung thời không nết kiêu ngạo; người có đức kiệm thời không nết tham lam (讓). Chẳng bao giờ vũ nhân, đoạt nhân thời chắc chẳng ai oán hận đến mình. Phương pháp "thiệp thế" rất hay là hai chữ ấy.

Nhưng thông bệnh người ta có một điều đáng xấu là hay nói điều xấu của người. Vì hay nói điều xấu của người mà nảy ra những mối thù oán. Nên thấy nói rằng :

Mạnh Tử viết : Ngôn nhân chi bất thiện đương như hậu hoạn hà ?

孟子曰：言人之不善，當如後患何？

Người chưa đến bậc Thánh hiền, không thể nào khỏi được việc bất thiện (人非堯舜，焉得事事盡善). Nhưng chúng ta đối với người, chỉ nên đem lòng trung thứ mà tiếp đãi người; dẫu thấy người có việc bất thiện, ta nên che lấp cho người; trái lại, nếu thấy người có điều bất thiện mà mình nói ra giữa công chúng thời e đến nỗi người bất thiện đó vì xấu thẹn mà sinh ra thù oán. Xin thử nghĩ khi mình mở miệng nói ra, sao chẳng tưởng đến tai hại về sau như thế nào (**ngôn nhân chi bất thiện đương như hậu hoạn hà**) ?

Mạnh Tử viết : Phi lễ chi lễ, phi nghĩa chi nghĩa, đại nhân phất vi.

孟子曰：非禮之禮，非義之義，大人弗為。

Đem thân vào xã hội chẳng bao giờ bỏ được lễ nghĩa.

Tuy nhiên, gọi bằng lễ nghĩa là cốt cho vừa đúng với lẽ

phải; tùy thì, tùy địa mà câu cho hợp được đạo "Trung Dung". Có như thế thời lễ mới thành ra lễ, nghĩa mới thành ra nghĩa, mà những người đạo đức lớn chỉ làm những lễ nghĩa ấy.

Giả như có một việc gì theo thì tục vẫn cho là lễ, mà chiếu theo lẽ trời thời té ra chẳng phải lễ, đó là "phi lễ chi lễ" (**phi lễ chi lễ**), có một việc gì, theo về tập quán thường cho là nghĩa, mà chiếu theo đạo lý thời té ra việc ấy chẳng phải nghĩa, đó là "phi nghĩa chi nghĩa" (**phi nghĩa chi nghĩa**).

Hễ những việc gọi bằng lễ mà kỳ thực phi lễ, gọi bằng nghĩa mà kỳ thực phi nghĩa thời đại nhân chẳng bao giờ làm những việc ấy (**phi lễ chi lễ, phi nghĩa chi nghĩa đại nhân phất vi**).

Học giả đọc bài ấy, nên hết sức nhận cho ra chân lý ở trong "lễ nghĩa".

"Lễ" nghĩa là tiết văn ở trong thiên lý mà ra; "nghĩa" nghĩa là châm chước ở thiên lý với nhân tình cho vừa thích hợp. Nếu chỉ dựa theo tư ý của cá nhân, quen giữ tập quán của thì tục, tất có những việc trái với thiên lý, nghịch với nhân tình mà người đời cho là lễ nghĩa; trái lại, xét cho thấu chân lý thời có những việc ở trong chân lý gọi bằng lễ nghĩa, mà người đời lại cho là phi lễ, phi nghĩa. Hai phương diện ấy, học giả phải có óc phán đoán cho tinh. Chứ như thầy Mạnh nói ở đây, chỉ nói một phía thuộc về đại nhân. Chúng ta lại nên suy cho đến phản diện kẻo mắc lầm lấy thì tục đó vậy.

Mạnh Tử viết : Đại nhân giả ngôn bất tất tín, hành bất tất quả, duy nghĩa sở tại.

孟子曰：大人者，言不必信，行不必果，惟義所在。

Vì muốn cho bổ túc ý nghĩa bài trên ấy, nên thầy lại có bài nói rằng :

Hễ làm một người đạo đức cao, học thức rộng, tài năng giỏi mà gọi bằng đại nhân, lời nói, nết làm của bậc người ấy há phải như tầm thường dung tục kia, hễ đã nói một tiếng gì tất cũng bo bo giữ lấy tin thật; làm một việc gì tất cũng xăng xăng cố cho quả quyết; thế chỉ là "ngôn tất tín, hành

tất quả" mà đức Khổng Tử đã cho là "kinh kinh nhiên **tiểu nhân tai**". Đại nhân thời trái thế : một lời nói mà xét lại chẳng đáng tin, thời bất tất giữ lấy tin mới được, một việc làm mà xét lại chẳng đáng tin thời bất tất chấp lấy quả mới được (**đại nhân giả ngôn bất tất tín, hành bất tất quả**). Chỉ duy cần nhác ở lẽ phải mà gọi bằng "nghĩa" : nghĩa ở nơi nên tín, nên quả thời "tín quả", nghĩa ở nơi nên tín, chẳng nên quả, thời "bất tất tín, bất tất quả". Đó mới là mực thước của đại nhân ở đời đó vậy (**duy nghĩa sở tại**).

Chữ "tín" ở đây khác với chữ "tín" mọi nơi. Chữ "tín" thường cặp với chữ "trung" hay chữ "thành" là chữ "tín" cụ thể. Nguyên một đức tốt của người ta, người chẳng bao giờ bỏ được "tín", nên đức Khổng Tử đã nói rằng "**Dân vô tín bất lập**" (民無信不立).

Chứ như chữ "tín" ở đây là chữ "tín" trừu tượng, tức như Vĩ Sanh lỡ ước với một người con gái, đứng nơi cầu chờ nó, đến nước lụt lên, ôm cột cầu mà chết, chính là "ngôn tất tín" của tiểu nhân. Chứ như đại nhân thời tín nuốt vào trong chữ "nghĩa", có thế mới là đúng với đức tín. Câu "hành bất tất quả" cũng một đạo lý ấy. Câu "quả cảm nhi trất" (果敢而窒) ở ***Luận Ngữ*** chính là chữ "quả" đây.

Mạnh Tử viết : Quân tử bất lượng, ô hồ chấp ?

孟子曰：君子不亮，惡乎執？

Bài này cũng một ý như bài trên.

Đạo lý ở trong thiên hạ, có thường có biến, có kinh có quyền. Gặp lúc thường thời thủ kinh, nếu gặp lúc biến thời lại phải hành quyền. Chỉ duy cân nhác ở nơi nghĩa lý, chứ chẳng phải cân nhắc ở nơi sự tích. Vậy nên quân tử ở đời chẳng bao giờ làm trung hậu chết. Quân tử đã bất lượng thời có cái gì là chấp nhất nữa đâu ! (**quân tử bất lượng, ô hồ chấp ?**).

Chữ "lượng" ở đây, tức là chữ "lượng" ở câu "Quân tử trinh nhi bất lượng" (君子貞而不諒) ở trong sách ***Luận Ngữ***. "Chấp" nghĩa là câu nệ cố chấp, chính là "ngôn tất tín, hành tất quả". Quân tử sở dĩ bất lượng, chính vì "duy nghĩa sở tại" đó vậy.

Người ta ở đời, mình với người không thể nào không giao tế với nhau. Ở trên đường giao tế lại cần phải cung kính nhau.

Tuy nhiên, cũng là cung kính cả thảy, mà tựu trung có ruột có vỏ, có danh có thực, có thật có giả; giao tế cần phải xét ở chốn ấy. Nên thầy có bài rằng :

Mạnh Tử viết : Tự nhi phất ái, thỉ giao chi dã; ái nhi phất kính, thú súc chi dã; cung kính giả, tệ chi vị tương giả dã; cung kính nhi vô thực, quân tử bất khả hư câu.

孟子曰：食而佛愛，豕交之也；愛而佛敬，獸畜之也；恭敬者，幣之未將者也．恭敬而無實，君子不可虛拘．

Nuôi cho ăn mà không lòng yêu mến, thế là lấy cách đối dãi với heo mà giao tiếp với mình đó vậy (**tự nhi phất ái, thỉ giao chi dã**). Vì dầu có lòng yêu mến, mà chẳng lòng kính trọng, thế là lấy cách nuôi muông mà nuôi mình đó vậy (**ái nhi phất kính, thú súc chi dã**). Vì dầu có ái mà lại có cung kính là ở trong đạo giao tế thiệt cũng khác xa với "thỉ giao, thú súc" rồi. Nhưng cung kính như thế nào mới thật cung kính ? Cung kính há phải xem ở nơi lễ vật đó ru ? Cung kính là gốc ở trong lòng có sẵn, tất ở trước khi chưa bày lễ vật ra mà đã tỏ rõ ra tấm lòng cung kính đó vậy (**cung kính giả tệ chi vị tương giả dã**). Giả như cung kính ở bề ngoài mà xét ra không tình thực thời quân tử chẳng thể câu nệ ở hư văn mà thừng (1) nhận lấy cung kính ấy (**cung kính nhi vô thực quân tử bất khả hư câu**).

("Tệ" nghĩa là lễ vật tiếp khách, hoặc ngọc, hoặc lụa, v.v...; "tương" nghĩa là dâng lên. Chữ "hư" phản đối với chữ "thực"; có vỏ mà không ruột, gọi bằng "hư"; ruột đặc ở trong, gọi bằng "thực"). "Cung kính nhi vô thực", cũng chẳng khác với "thỉ giao, thú súc" được bao nhiêu !

Mạnh Tử viết : Quân tử chi thủ, tu kỳ thân nhi thiên hạ bình; nhân bệnh xả kỳ điền nhi vân nhân chi điền; sở cầu nhân giả trọng, nhi sở dĩ tự nhậm giả khinh.

(1) Chữ "thừa", cụ Sào Nam hay dọc "thừng"

孟子曰：君子之守，修其身而天下平；人病舍其田而耘人之田；所求於人者重，而所以自任者輕。

Đạo thiệp thế của thầy Mạnh, há phải xem ở người đâu ! Chỉ cốt xem ở giữa mình mà thôi. Lấy mình mà chuyển di được đời, chứ chẳng phải vì đời mà chuyển di được mình. Nên thầy nói rằng :

Đạo trì thủ của quân tử nắm chặt lấy thằng mặc ở trong mình vuông vức ngay thẳng, thành được ý mình, chính được tâm mình, tự mình tu lấy thân mình mà ảnh hưởng tràn lan ra, chẳng những gia tề, quốc trị mà thôi, mà lại thiên hạ bình nữa (**quân tử chi thủ, tu kỳ thân nhi thiên hạ bình**). Sở dĩ được thiên hạ bình đó, há phải cầu ở nơi thiên hạ mà được ru ? Chỉ vì căn bản ở tu thân mà công hiệu lớn đến như thế, người ta chẳng nên quí trọng lấy thân mình hay sao ? Tỷ như người đi cày, bỏ ruộng của mình mà bừa ruộng của người ta, chắc ai cũng biết lo sợ điều ấy (**nhân bệnh xả kỳ điền nhi vân nhân chi điền**); huống gì thân của mình lại quí trọng hơn ruộng mình biết bao nhiêu ! Bỏ ruộng mình, còn là người ngu, thời rẻ rúng thân mình lại càng ngu quá ! Mà sao người ở đời bây giờ thời thấy những điều trách vọng ư người thời quá nặng, mà sở dĩ tự gánh lấy ở trên mình thời quá nhẹ ? Khinh về phần kỷ mà trọng về phần nhân, điên đảo như thế, chẳng quái gở lắm hay sao ? (**sở cầu ư nhân giả trọng, nhi sở dĩ tự nhậm giả khinh**).

(Chữ "thủ" ở đây rất quan hệ, nếu chỉ thích qua : "thủ" là giữ, thời chẳng làm sao thông được; "Thủ" nghĩa là có đạo đức, có khí tiết; "bệnh" nghĩa là lo sợ; chữ "nhậm" ở đây tức là chữ "nhậm" ở câu "**tự nhậm dĩ thiên hạ chi trọng**" (自任以天下之重) của ông Y Doãn.

Chữ "cầu ư nhân" ở đây tức là chữ "cầu" ở câu "**hữu chư kỷ nhi hậu cầu chư nhân**" ở sách ***Đại Học***.

Ở trên đường "thiệp thế", thầy Mạnh rất khinh bỉ là hai hạng người : một là ỷ mình phú quí mà kiêu xỉ; hai là thấy người quyền thế mà kiêng sợ.

Nên thấy có bài :

Mạnh Tử viết : Thuyết đại nhân tắc diếu chi, vật thị kỳ nguy nguy nhiên; đường cao số nhẫn, thôi đề số xích, ngã đắc chí, phất vi dã; thực tiền phương trượng, thị thiếp số bách nhân, ngã đắc chí, phất vi dã; ban lạc ẩm tửu, khu sính điền lạp, hậu xa thiên thặng; ngã đắc chí, phất vi dã. Tại bỉ giả, giai ngã sở bất vi dã; tại ngã giả, giai cổ chi chế dã; ngô hà úy bỉ tai !

孟子曰：說大人則藐之，勿視其巍巍然；堂高數仞，榱題數尺，我得志，弗為也；食前方丈，侍妾數百人，我得志，弗為也；般樂飲酒，驅騁田獵，後車千乘，我得志，弗為也；在彼者，皆我所不為也；在我者，皆古之制也，吾何畏彼哉！

Nói chuyện với người có quyền thế lớn thời trong mát mình nên xem họ bằng thường rẻ (**thuyết đại nhân tắc diếu chi**); chớ thấy họ có quyền thế mà xem họ bằng cao ngất nghểu (**vật thị kỳ nguy nguy nhiên**).

Vì sao mà "diếu thị" họ đó ru ? Bởi vì chí ý hành vi của họ với ta vẫn khác nhau xa lắm. Kìa chốn họ ở thường nhà có thềm cao vài nhẫn, cột hiên cao vài thước; ở trang hoàng như thế, nếu ta đắc chí, chẳng thèm làm như thế vậy (**đường cao số nhẫn, thôi đề số xích, ngã đắc chí phất vi dã**). Trước chốn bàn ăn mâm cỗ rộng đến vuông một trượng; con hầu vợ lẽ nhiều đến vài trăm người, ăn ngủ sung sướng như thế, nếu ta đắc chí chẳng thèm làm như thế vậy (**thực tiền phương trượng, thị thiếp số bách nhân, ngã đắc chí phất vi dã**). Rượu chè hát xướng, săn bắn chơi đùa, xe đi theo mình nhiều đến nghìn cỗ, chơi hoang đàng như thế, nếu ta đắc chí, chẳng làm thế vậy (**ban lạc ẩm tửu, khu sính điền lạp hậu xa thiên thặng, ngã đắc chí phất vi dã**). Kìa những giống khoái lạc mà họ ỷ để kiêu người, thảy là những giống mà ta chẳng thèm làm đó vậy (**tại bỉ giả giai ngã sở bất vi giả**). Còn như những cái ở giữa ta có thảy là khuôn mẫu phép tắc của Thánh nhân đời xưa đó vậy (**tại ngã giả giai cổ chi chế dã**). Ta sợ gì họ nữa

ư ! ? (**ngô hà úy bỉ tai**).

(Chữ "đại nhân" ở đây chỉ vào hạng vương hầu có quyền vị, khác với chữ "đại nhân" ở mấy bài trên.

"Nguy nguy nhiên" là hình dung hạng người cao quý; "bạn lạc" nghĩa là say vui; "khu sính" nghĩa là rông chơi đua đuổi; đem quân lính đi săn, gọi bằng "điển"; đem muông chó đi săn gọi bằng "lạp").

Mạnh Tử viết : Dục quí giả, nhân chi đồng tâm dã; nhân nhân hữu quí ư kỷ giả, phất tư nhĩ. Nhân chi sở quí giả phi lương quí dã. Triệu Mạnh chi sở quí, Triệu Mạnh năng tiện chi. Thi vân : Ký túy dĩ tửu, ký bảo dĩ đức; ngôn bảo hồ nhân nghĩa dã; sở dĩ bất nguyện nhân chi cao lương chi vị dã. Lệnh văn quảng dự thi ư thân, sở dĩ bất nguyện nhân chi văn tú dã.

孟子曰：欲貴者，人之同心也，人人有貴於己者，弗思耳。人之所貴者，非良貴也。趙孟之所貴，趙孟能賤之。詩云：既醉以酒，既飽以德；言飽乎仁義也；所以不願人之膏粱之味也，令聞廣譽施於身，所以不願人之文繡也。

Bài trên đã bảo cho người ta chẳng nên lún với quyền quí. Bài này thầy bảo cho người ta nên quí trọng lấy của quí ở trong mình.

Thầy nói rằng : Lòng muốn quí là người ta ai cũng có cả thảy (**dục quí giả nhân chi đồng tâm dã**). Nhưng mà cái đáng quí đó, há phải chờ người ta đưa đến mới được đó ư ? Người nào người nào thảy có cái đáng quí sẵn ở giữa mình, nhưng vì người ta chẳng biết nghĩ mà thôi vậy (**nhân nhân hữu quí ư kỷ giả, phất tư nhĩ**). Nếu như cái quí mà chờ người ngoài đưa đến cho mình, chắc chẳng phải cái thật tốt mà đáng quí đó vậy (**nhân chi sở quí giả phi lương quí dã**). Bởi vì cái quí mà người ta đưa đến cho mình là cái quí quyền ở người : người ta đã cho được mình thời tất nhiên Triệu Mạnh cũng làm tiện được mình (**Triệu Mạnh**

chi sở quí, Triệu Mạnh năng tiện chi).

Xem thế thời biết rằng quyền làm quí ở trong tay Triệu Mạnh, há phải đồ quí của mình đâu ! ***Kinh* Thi** đã nói rằng : Đã say bằng gì ? Say bằng rượu. Đã no bằng gì ? No bằng đức (**Ký túy dĩ tửu, ký bão dĩ đức**). Hai câu này là thể hứng của ***Kinh Thi***, tinh thần chỉ trọng ở câu "ký bão dĩ đức"; nghĩa câu ấy là nói no nê ở nhân nghĩa đó vậy (**ngôn : bão hồ nhân nghĩa dã**). Vì có màu mè nhân nghĩa mà trong óc mình, lòng mình say mùi đạo đức mà quên mùi đời; sở dĩ chẳng thèm muốn đến mùi cao lương người ta cho nữa vậy (**sở dĩ bất nguyện nhân chi cao lương chi vị dã**). Tiếng khen lành, tiếng tốt rộng tràn trề ở thân mình, vui tinh thần mà quên vật chất, sở dĩ chẳng thèm những đồ văn tú của người cho nữa vậy (**lịnh văn quảng dự thi ư thân, sở dĩ bất nguyện nhân chi văn tú giả**).

("Triệu Mạnh", là tên một vị thượng khanh nước Tấn; "cao" là dầu mỡ; "lương" là gạo nếp; thường nói đồ ăn ngon gọi bằng "cao lương"; "văn" là những đồ có thái sắc; "tú" là những đồ thêu, thường nói đồ mặc đẹp, gọi bằng "văn tú").

Đọc bài trên này, nên tham khảo với bài "**Tố kỳ vị nhi hành, bất nguyện hồ kỳ ngoại** ở sách ***Trung Dung***.

"Hữu quí ư kỷ giả" là cái gì ? tức là thiên tước ("danh tước" mà trời cho mình, trái với "nhân tước" là danh tước người cho mình).

Thầy Mạnh đã có nói rằng :

Hữu thiên tước giả; hữu nhân tước giả. Nhân, nghĩa, trung, tín, lạc thiện bất quyện, thử thiên tước dã; công khanh, đại phu, thử nhân tước dã. Cổ chi nhân, tu kỳ thiên tước nhi nhân tước tùng chi; kim chi nhân tu kỳ thiên tước dĩ yêu nhân tước; ký đắc nhân tước, nhi khí kỳ thiên tước, tắc hoặc chi thậm giả dã; chung diệc tất vong nhi dĩ hỹ.

孟子曰：有天爵者；布人爵者．仁，義，忠，信，樂善不倦，此天爵也；公卿，大夫，此人爵也．古之人，修其天爵，而人爵從

之；今之人，修其天爵，以要人爵；既得人爵，而棄其天爵，則惑之甚者也；終亦必亡 而已矣·

Nghĩa là có cái danh tước trời cho gọi bằng "thiên tước"; có cái danh tước người cho gọi bằng "nhân tước". "Nhân, nghĩa, trung, tín, lạc thiện bất quyện", ấy là thiên tước đó vậy; "công khanh, đại phu", ấy là nhân tước đó vậy. Người đời xưa, chỉ một mực trau lấy thiên tước của mình, mà nhân tước tự nhiên theo đến (**cổ chi nhân tu kỳ thiên tước nhi nhân tước tùng chi**), câu này cũng như câu "**học giả lộc tại kỳ trung hỹ**" ở sách *Luận Ngữ*; chứ như người đời nay, miễn cưỡng giả làm cho có thiên tước mà cốt để làm mồi câu nhân tước (**kim chi nhân, tu kỳ thiên tước dĩ yêu nhân tước**), khi đã được nhân tước rồi, bỏ quách thiên tước (**ký đắc nhân tước nhi khí kỳ thiên tước**), thời thiệt là người ngu hoặc quá chừng đó vậy (**tắc hoặc chi thậm giả dã**). Người ấy chắc đến khi cuối cùng, thiên tước mất rồi đã đành, mà đến nỗi nhân tước cũng mất luôn mà thôi vậy (**chung diệc tất vong nhi dĩ hỹ**).

("Yêu", nghĩa là mồi nhử; "lạc thiện bất quyện", nghĩa là say vui việc lành chẳng bao giờ chán mỏi).

Vạn Chương viết : Cảm vấn, giao tế hà tâm dã ? Mạnh Tử viết : Cung dã. Viết : Khước chi, khước chi vị bất cung, hà tai ? Viết : Tôn dã tứ chi, kỳ giao dã dĩ đạo, kỳ tiếp dã dĩ lễ, tư Khổng Tử thụ chi hỹ.

Vạn Chương viết : Kim hữu ngự nhân ư quốc môn chi ngoại giả, kỳ giao dã dĩ đạo, kỳ quị dã dĩ lễ, tư khả thụ ngự dư ? Viết : Bất khả. Khang Cáo viết : Sát việt nhân vu hóa, mẫn bất úy tử, phàm dân võng bất đỗi; thị bất đãi giáo nhi tru giả dã, như chi hà kỳ thụ chi ? Viết : Kim chi chư hầu thủ chi ư dân dã do ngự dã : Cầu thiện kỳ lễ tế hỹ, ty quân tử thụ chi, cảm vấn : Hà thuyết dã ? Viết : Tử dĩ vi hữu vương giả tác, tương tỷ kim chi chư hầu nhi tru chi hồ ? Kỳ giáo chi bất cải nhi hậu tru chi hồ ? Phù vị phi kỳ hữu nhi thủ chi giả, đạo dã; sung loại chí, nghĩa chi tận dã. Khổng Tử chi sĩ ư Lỗ dã, Lỗ nhân liệp dác, Khổng Tử diệc liệp dác, liệp dác do khả, nhi huống thụ kỳ tứ hồ ?

Viết : Nhiên tắc Khổng Tử chi sĩ dã, phi sự đạo dư ? Viết : Sự đạo dã. Sự đạo hề liệp dác dã ? Viết : Vi chi triệu dã; triệu túc dĩ hành hỹ; nhi bất hành, nhi hậu khứ, thị dĩ vị thường hữu sở chung tam niên yêm dã. Khổng Tử hữu kiến hành khả chi sĩ, hữu tế khả chi sĩ, hữu công dưỡng chi sĩ.

萬章曰：敢問交際何心也？孟子曰：恭也。曰：卻之，卻之為不恭何哉？曰：尊者賜之，其交也以道，其接也以禮，斯孔子受之矣。

萬章曰：今有餽人於國門之外者，其交也以道，其餽者以禮，斯可受餽與？曰：不可。康誥曰：殺越人于貨，閔不畏死，凡民罔不讎，是不待教而誅者也，如之何其受之。曰：今之諸侯取之於民也，猶餽也；苟善其禮際矣，斯君子受之。敢問：何說也？曰：子以為有王者作，將比今之諸侯而誅之乎？其教之不改，而後誅之乎？夫謂非其有而取之者，盜也。充類至義之盡也。孔子之仕於魯也，魯人獵較，孔子亦獵較，獵較猶可，而況受其賜乎？曰：然則孔子之仕也，非事道與？曰：事道也。事道奚獵較也？曰：為之兆也，兆足以行矣；而不行，而後去。是以未嘗有所終三年淹也，孔子有見行可之仕，有際可之仕，有公養之仕。

Lại xem bài này thời chỉ vẽ cho chúng ta một phương châm "thiệp thế" càng quang minh chính đại lắm, mà cũng viên thông chu đáo lắm.

Vạn Chương hỏi với thầy rằng : Đạo giao tế với bậc trên mình là tâm lý gì ? (**cảm vấn giao tế hà tâm dã**).

Thầy nói rằng : Lòng cung kính đó vậy (**cung dã**)

Vạn Chương lại hỏi rằng : Người ta có cho mình lễ vật gì, mình cố từ lấy được, thế là "bất cung", là sao vậy (**viết : khước chi khước chi vi bất cung, hà tai ?**).

Thầy nói rằng : Bậc tôn trưởng có cho mình (**viết : tôn giả tứ chi**), mình phải xem ở chốn giao tiếp, giả như người ấy giao cho mình có một đạo lý, người ấy tiếp với mình có lễ phép, thời xưa kia đức Khổng Tử dành chịu lấy kia mà ! (**kỳ giao dã dĩ đạo, kỳ tiếp dã dĩ lễ tư Khổng Tử thụ chi hỹ**), còn ngại gì mà khước chi khước chi nữa ư ? (câu "khước chi khước chi vi bất cung" nguyện tục thường hay nói).

Vạn Chương lại hỏi rằng : Giả như bây giờ có một người kia, đánh cướp của người ở ngoài quốc môn, người ấy gọi bằng "anh ngự", nhưng khi nó đem của cho mình, nó "giao dã" cũng "dĩ đạo", nó "quị dã" cũng "dĩ lễ" thời có lễ nên chịu lấy của "anh ngự" đó ư ?

(**Vạn Chương viết : Kim hữu ngự nhân ư quốc môn chi ngoại giả, kỳ giao dã dĩ đạo, kỳ quị dã dĩ lễ, tư khả thụ ngự dư** ?).

Thầy nói rằng : Không nên ! (**viết : bất khả** !). Sách ***Chu Thư***, thiên *Khang Cáo* đã nói rằng : Những bọn giết người mà cướp lấy của, chính là bọn tham lam mê mẩn chẳng sợ chết, hễ người, không ai chẳng ghét. (**Khang Cáo viết : Sát việt nhân vu hóa, mẫn bất úy tử, phàm dân võng bất đồi**). Bọn đó chẳng chờ dạy mà trị tội nặng đó vậy (**thị bất dãi giáo nhi tru giả dã**); có lẽ gì nó cho mình của mà mình thụ lấy được ? (**như chi hà kỳ thụ chi** ?).

Vạn Chương lại hỏi rằng : Thầy xưa vẫn thường nói : Các chư hầu ở đời nay cách họ lấy của dân in như kẻ cướp vậy (**kim chi chư hầu thủ chi ư dân giả, do ngự dã**). Bây giờ thầy lại nói : nếu lễ tế họ phải thời quân tử chịu lấy đồ họ cho (**cẩu thiện kỳ lễ tế hỹ tư quân tử thụ chi**), dám hỏi thầy vấn đề này, lấy lẽ gì giải quyết (**cảm vấn hà thuyết dã** ?).

Thầy nói rằng : Bọn ngự kia là "bất dãi giáo nhi tru" kia mà ! Chứ như bọn chư hầu đời nay đó, anh thử nghĩ, nếu có vương giả dấy lên, có lẽ kéo cả tụi chư hầu đời nay mà giết vứt đi cả ư ? (**viết : tử dĩ vi hữu vương giả tác, tương tỷ kim chi chư hầu nhi tru chi hồ** ?). E có lẽ dạy nó mà nó chẳng chừa, sau mới giết nó đó mà ! (**kỳ giáo chi bất cải, nhi**

hậu tru chi hồ). Tuy nói cách nó thủ dân vẫn như kẻ cướp chỉ là theo ở trên tâm lý mà nói, thời cái chẳng phải của mình có mà cưỡng lấy cho được, tức là giặc đó vậy, chứ có lẽ nói chư hậu cũng "bất đãi giáo nhi tru" đâu ! (**phù vị phi kỳ hữu nhi thủ chi giả, đạo dã**). Xưa đức Khổng làm quan ở nước Lỗ vậy, tục lệ nước Lỗ thường vua quan dát nhau đi săn, so đọ với nhau lấy những giống săn được mà chia phần cho nhau gọi bằng "liệp dác". Tục ấy vẫn chẳng tốt gì, nhưng lúc đó Lỗ nhân "liệp dác", đức Khổng Tử cũng "liệp dác" (**Khổng Tử chi sĩ ư Lỗ dã, Lỗ nhân liệp dác, Khổng Tử diệc liệp dác**) ("liệp dác" là so đọ nhau bằng đồ ăn, còn có lẽ làm được, mà huống gì chịu lấy lễ chư hầu cho mình đó ru ? (**liệp dác do khả, nhi huống thụ kỳ tứ hồ** ?).

Vạn Chương lại hỏi rằng : Thế thời đức Khổng đi làm quan đó, chẳng phải cốt vì làm đạo mình ru ? (**viết nhiên tắc Khổng Tử chi sĩ giả, phi sự đạo dư** ?).

Thầy trả lời rằng : Vẫn sự đạo đó vậy (**viết : sự đạo dã**).

Vạn Chương lại hỏi rằng : Đã "sự đạo, cớ gì cũng "liệp dác" vậy ? (**sự đạo hề liệp dác dã** ?).

Thầy nói rằng : Đức Khổng mà cũng "liệp dác" là chỉ làm cái tin trước cho người nước Lỗ biết rằng Thánh nhân chẳng phải là người trái với đời đó vậy (**viết : vi chi triệu dã**). Xem nơi "triệu trẩm" biết rằng vừa đủ làm được, mà xét lại thời không thể làm được đạo mình, vậy sau phải bỏ đi nước khác (**triệu túc dĩ hành hỹ, nhi bất hành, nhi hậu khứ**). Vì vậy mà đức Thánh ở các nước chư hầu chưa từng có ở nước nào mà "yêm lưu" trót ba năm đó vậy (**thị dĩ vị thường hữu sở chung tam niên yêm dã**).

Tuy nhiên, cách làm quan của đức Khổng, há phải cố chấp một lối đâu ! Có khi thấy chiều hành được đạo mình mà làm quan; có khi nhằm lúc tạm thời gặp được ông vua nước ấy giao tế với mình tốt mà cũng làm quan trong một lúc; lại có lúc vừa đến nước khác mà vua nước ấy lấy công đạo nuôi mình bằng khách bổng thời trong lúc đó cũng gọi bằng làm quan (**Khổng Tử hữu kiến hành khả chi sĩ; hữu**

tế khả chi sĩ; hữu công dưỡng chi sĩ).

("Tỷ" nghĩa là dất cả lũ; chữ "sự" nghĩa như chữ "hành", khác chữ "sự" ở mọi nơi; muốn thi hành được đạo mình là "sự đạo"; "triệu" nghĩa la tin trước, tức là "triệu trẫm").

Xem đoạn sách này phải biết "thánh chi thì" của đức Khổng. Chúng ta "thiệp thế" mà chưa được tư cách như đức Khổng, quá khó nói lắm ! (*sẽ giải thích kỹ ở tiết sau*).

Lại xem ở dưới này càng hiểu được đạo lý thuộc về việc làm quan.

Mạnh Tử viết : Sĩ, phi vị bần dã, nhi hữu thì hồ vị bần. Vị bần dã, từ tôn cư ty, từ phú cư bần. Từ tôn cư ty, từ phú cư bần, ô hồ nghi hồ ? Bảo quan kích thác. Khổng Tử thường vi ủy lại hỹ, viết : Cối kế đáng nhi dĩ hỹ; thường vi thặng điền hỹ, viết : Ngưu dương đốt tráng trưởng nhi dĩ hỹ, vị ty nhi ngôn cao, tội giả; lập hồ nhân chi bản triều, nhi đạo bất hành, sỉ dã.

孟子曰：仕，非為貧也；而有時乎為貧．為貧者，辭尊居卑，辭富居貧．辭尊居卑，辭富居貧，惡乎宜乎，抱關擊柝．孔子嘗為委吏矣，曰：會計當而已矣；嘗為乘田矣，曰：牛羊茁壯長而已矣．位卑而言高，罪也；立乎人之本朝，而道不行，恥也．

Thầy Mạnh nói rằng : Mục đích quân tử đi làm quan cốt để "hành đạo tế thì", chẳng phải vì nhà đói mà cầu bổng lộc; nhưng mà cũng có lúc "vị bần" mà làm quan. Hoặc vì "thân lão, gia bần", cần bổng lộc để nuôi cha mẹ, hoặc vì duyên cớ khác, vạn bất dắc dĩ mà phải làm quan cho đỡ đường sinh nhai (**sĩ phi vị bần giả, nhi hữu thì hồ vị bần**). Hễ những người đã "vị bần nhi sĩ" là cốt vừa có bổng lộc đỡ thì là thôi; nhưng tất phải từ chức cao mà nhận lấy chức thấp; từ bổng lộc nhiều mà nhận bổng lộc ít (**vị bần giả, từ tôn cư ty; từ phú cư bần**). Hễ đã "từ tôn cư ty", từ "phú cư bần", thời kén lấy những chức việc gì cho thích hợp rư ? (**từ tôn cư ty, từ phú cư bần, ô hồ nghi hồ ?**). Chỉ duy vị rất thấp,

chức rất nhỏ, bổng lộc rất ít như một tên tiểu lại canh cửa, chỉ biết việc "bảo quan kích thác" là xong (**bảo quan kích thác**). Xin chứng vào đức Khổng : Ngài từng có lúc làm chức "Ủy lại" thời ngài nghĩ rằng : "cối kế" vừa đáng mà thôi vậy (**Khổng Tử thường vi ủy lại hỹ; viết : cối kế đáng nhi dĩ hỹ**). Lại thường có lúc làm chức "Thặng điển" thời ngài nghĩ rằng trâu dê sinh nở mạnh lớn mà thôi vậy (**thường vi thặng điển hỹ, viết : ngưu dương đốt tráng trưởng nhi dĩ hỹ**). Xem gương đức Khổng Tử thời "cư ty cư bần" là đúng với người "vị bần nhi sĩ", có gì đáng tội, đáng sỉ đâu ! Chỉ duy có một hạng người, chức vị mình vẫn thấp mà nói với những việc cao ở triều đình, tất thường bị người ta bắt tội đó vậy. Bởi vì vị đã ty, tất nhiên không ngôn trách, nên ngôn cao là tội (**vị ty nhi ngôn cao, tội dã**).

Lại có hạng người tham lấy ngôi cao dứng ở bản triều của người, nghiễm nhiên một ông quan lớn, mà đạo mình chẳng thi hành được, thiệt là đáng xấu thẹn đó vậy (**lập hồ nhân chi bản triều nhi đạo bất hành, sỉ dã**).

(Chữ "từ" trái với chữ "thụ"; "cư" nghĩa là tự xử lấy; "quan" nghĩa là cửa công của chính phủ làm ra để phòng ngự đạo tặc; "thác" nghĩa là đồ bằng gỗ người đi đêm thường đánh để làm hiệu). Ôm cửa quan, đánh cái thác, danh tuy là việc quan, mà kỳ thực thời làm thuê ăn tiền mà thôi, mà tuyệt đối chẳng làm hại gì ai. Vậy nên những người vị bần nhi sĩ thấy làm những chức ấy là đúng.

("Ủy lại" nghĩa là coi những việc đong lường tính toán; "cối kế" nghĩa là đong gạo thóc, tính sổ sách; "đáng" nghĩa là chẳng sai lầm; "thặng điển" nghĩa là chức coi việc mục súc cho nhà công; "đốt" nghĩa là sinh nở).

Lại xem bài dưới này thời nghĩa "từ", "thụ" ở trên đường "thiệp thế" càng minh bạch lắm.

Vạn Chương viết : Sĩ chi bất thác chư hầu, hà dã ? Mạnh Tử viết : Bất cảm dã. Chư hầu thất quốc nhi hậu thác ư chư hầu; lễ dã; sĩ chi thác ư chư hầu, phi lễ dã.

Vạn Chương viết : Quân quị chi túc tắc thụ chi hồ ?

Viết : Thụ chi. Thụ chi, hà nghĩa dã ? Viết : Quân chi ư manh dã cố chu chi. Viết : Chu chi tắc thụ, tứ chi tắc bất thụ, hà dã ? Viết : Bất cảm dã. Viết : Cảm vấn kỳ bất cảm hà dã ? Viết : Bảo quan kích thác giả giai hữu thường chức dĩ tự ư thượng; vô thường chức nhi tứ ư thượng giả dĩ vi bất cung dã. Viết : Cảm vấn quốc quân dục dưỡng quân tử, như hà tư khả vị dưỡng hỹ ? Viết : Nghiêu chi ư Thuấn dã, sử kỳ tử cửu nam sự chi, nhi nữ như yên, bách quan ngưu dương thương lẫm bị, dĩ dưỡng Thuấn ư quyến mẫu chi trung, hậu cử nhi gia chư thượng vị. Cố viết : Vương công chi tôn hiền giả dã.

萬章曰：士之不託諸侯，何也？孟子曰：不敢也。諸侯失國而後託於諸侯，禮也；士之託於諸侯，非禮也。萬章曰：君饋之粟則受之乎？曰：受之。受之何義也？曰：君之於氓也固周之；曰：周之，則受，賜之則不受，何也？曰：不敢也。曰：敢問其不敢何也？曰：抱關擊柝者，皆有常職以食於上；無常職而賜於上者，以為不恭也。曰：敢問國君欲養君子，如何斯可謂養矣？曰：養之於舜也，使其子九男事之，二女女焉，百官牛羊倉廩備，以養舜於畎畝之中，後舉而加諸上位；故曰：王公之尊賢者也。

Vạn Chương hỏi rằng : Người làm sĩ chẳng gửi thân ở chư hầu là sao vậy ? (**sĩ chi bất thác chư hầu, hà dã**).

Thầy trả lời rằng : Chẳng dám thác đó vậy (**bất cảm dã**). Vua chư hầu rủi mất nước mà sau mới thác ở vua chư hầu là đúng lễ đó vậy (**chư hầu thất quốc nhi hậu thác ư chư hầu, lễ dã**); chứ như sĩ mà thác ư chư hầu thời trái với lễ đó vậy (**sĩ chi thác ư chư hầu, phi lễ dã**). Vì phi lễ, sở dĩ chẳng dám thác.

Vạn Chương lại hỏi rằng : Giả như vua trong nước đưa gạo thóc cấp cho mình thời có thụ lấy chăng ? (**quân quị chi túc, tắc thụ chi hồ** ?).

Thầy trả lời rằng : Cứ thụ chi ! (**thụ chi**).

Vạn Chương lại hỏi rằng : Thụ chi có nghĩa gì vậy ? (**thụ chi, hà nghĩa dã** ?).

Thầy trả lời rằng : Nghĩa ấy rõ ràng lắm : Hễ vua đối dãi với tên dân nước ngoài vào, vẫn có nghĩa vụ phải có chu cấp cho nó (**quân chi ư manh dã, cố chu chi**).

Vạn Chương lại hỏi rằng : Cấp lúa cho thời thụ, cho bổng lộc thời bất thụ, cớ sao vậy ? (**viết : chu chi tắc thụ, tứ chi tắc bất thụ, hà dã** ?).

Thầy trả lời rằng : Chẳng dám thụ đó vậy (**viết : bất cảm dã**).

Vạn Chương hỏi rằng : Dám hỏi thầy cái cớ bất cảm là vì sao ? (**viết : cảm vấn kỳ bất cảm, hà dã** ?).

Thầy nói rằng : Hễ những người làm quan lại cho chính phủ, ví như bảo quan kích thác, danh phận hèn thấp mặc dầu, nhưng thầy có chức việc thường, lấy chức thường mà ăn bổng lộc của bề trên cho (**viết : bảo quan kích thác dã, giai hữu thường chức dĩ tự ư thượng**); chứ như hạng người không chức việc thường mà nhận lĩnh lấy bổng lộc bề trên cho, nghĩ như thế là mác lấy tội bất cung đó vậy (**vô thường chức nhi tứ ư thượng giả, dĩ vi bất cung dã**). Vì sợ bất cung nên tứ chi tác bất thụ.

Vạn Chương lại hỏi rằng : Xin hỏi : Quốc quân muốn nuôi quân tử, như thế nào mới gọi bằng cách dưỡng hiền của quốc quân được ? (**viết : cảm vấn quốc quân dục dưỡng quân tử, như hà tư khả vị dưỡng hỹ** ?).

Thầy trả lời rằng : Từ xưa tới nay, kể cách dưỡng quân tử cho phải đạo quốc quân dưỡng hiền thời chẳng ai bằng vua Nghiêu nuôi vua Thuấn. Địa vị Nghiêu là thiên tử, địa vị Thuấn là thất phu. Nhưng vì Thuấn là hiền giả, vậy nên Nghiêu chi dối dãi với Thuấn vậy, khiến con mình chín trai thờ Thuấn, hai gái gả cho Thuấn, bách quan ngưu dương thương lẫm đủ cả thảy để nuôi Thuấn ư trong đám quyến mẫu, rồi sau lại cử Thuấn lên mà đặt ở ngôi cao (**viết : Nghiêu chi ư Thuấn dã, sử kỳ tử cửu nam sự chi, nhị nữ nhứ yên,**

bách quan, ngưu dương, thương lẫm bị, dĩ dưỡng Thuấn ư quyến mẫu chi trung, hậu cử nhi gia chư thượng vị). Vì vậy nên nói rằng : Khuôn mẫu của vương công tôn hiền là như thế (**cố viết : vương công chi tôn hiền giả dã**).

(Gửi thân ở người nhờ người nuôi cho gọi bằng "thác"; "như" nghĩa là gả làm vợ người. "Quyến mẫu" : xứ đất cày; phép đạc điền đời xưa; nghìn thước vuông là một mẫu, ở khoảng một mẫu, rộng một thước, sâu một thước gọi bằng "quyến").

Vạn Chương viết : Cảm vấn : Bất hiện chư hầu, hà nghĩa dã ? Mạnh Tử viết : Tại quốc viết thị tỉnh chi thần; tại dã viết thảo mãng chi thần, giai vị thứ nhân; thứ nhân bất cảm hiện ư chư hầu, lễ dã. Vạn Chương viết : Thứ nhân, triệu chi dịch; tắc vãng dịch, quân dục hiện chi, triệu chi, tắc bất vãng hiện chi, hà dã. Viết : Vãng dịch, nghĩa dã; vãng hiện bất nghĩa dã. Thả quân chi dục hiện chi dã, hà vị dã tai ? Viết : Vị kỳ đa văn dã, vị kỳ hiền dã. Viết : Vị kỳ đa văn dã, tắc thiên tử bất triệu sư, nhi huống chư hầu hồ ? Vị kỳ hiền dã, tắc ngô vị văn dục hiện hiền nhi triệu chi dã. Mục Công ký hiện ư Tử Tư, viết : Cổ thiên thặng chi quốc dĩ hữu sĩ hà như ? Tử Tư bất duyệt, viết : Cổ chi nhân hữu ngôn viết : Sự chi vân hồ khởi viết : Hữu chi vân hồ ? Tử Tư chi bất duyệt dã, khi bất viết : Dĩ vị tắc tử quân dã, ngã thần dã, hà cảm dữ quân hữu dã; dĩ đức : tắc tử sự ngã giả dã hề khả dĩ dữ ngã hữu ? Thiên thặng chi quân, cầu dữ chi hữu, nhi bất khả đắc dã, nhi huống khả triệu dư ? Tề Cảnh Công điển, chiêu Ngu nhân dĩ sinh, bất chí, tương sát chi. Chí sĩ bất vong tại câu bác, dũng sĩ bất vong táng kỳ nguyên. Khổng Tử hề thủ yên ? Thủ phi kỳ chiêu, bất vãng dã. Viết : Cảm vấn chiêu Ngu nhân, hà dĩ ? Viết : Dĩ bì quan, thứ nhân dĩ chiên, sĩ dĩ kỳ, đại phu dĩ sinh; dĩ đại phu chi chiêu, chiêu Ngu nhân, Ngu nhân tử bất cảm vãng; dĩ sĩ chi chiêu, chiêu thứ nhân, thứ nhân khởi cảm vãng tai ! Huống hồ dĩ bất hiền nhân chi chiêu, chiêu hiền nhân hồ ? Dục kiến hiền nhân, nhi bất dĩ kỳ đạo, do dục kỳ nhập nhi bế chi môn dã. Phù nghĩa, lộ dã; lễ, môn dã; duy quân tử năng do thị lộ, xuất nhập thị

môn dã. Thi vân : Chu đạo như chỉ, kỳ trực như thỉ, quân tử sở lý, tiểu nhân sở thị.

Vạn Chương viết : Khổng Tử quân mệnh triệu bất sĩ giá nhi hành, nhiên tắc Khổng Tử phi dư ?

Viết : Khổng Tử đang sĩ, hữu quan chức, nhi dĩ kỳ quan triệu chi dã.

萬章曰：敢問：不見諸侯何義也？孟子曰：在國曰市井之臣；在野曰草莽之臣；皆謂庶人；庶人不敢見於諸侯，禮也．萬章曰：庶人召之役．則往役；君欲見之，召之，則不往見之，何也？曰：往役，義也；往見，不義也．且君之欲見之也，何為也哉？曰：為其多聞也，為其賢也．曰：為其多聞也，則天子不召師，而況諸侯乎？為其賢也，則吾未聞欲見賢而召之也．繆公亟見於子思曰：古千乘之國以友士何如？子思不悅曰：古之人有言曰：事之云乎？豈曰：友之云乎？子思之不悅也，豈不曰：以位則子君也，我臣也，何敢與君友也；以德：則子事我者也，奚可以與我友？千乘之君，求與之友，而不可得也，而況可召與？齊景公田，招虞人以旌，不至，將殺之．志士不忘在溝壑，勇士不忘喪其元；孔子奚取焉，取非其招，不往也．曰：敢問：招虞人何以？曰：以皮冠，庶人以旃，士以旂，大夫以旌；以大夫之招，招虞人，虞人死不敢往；以士之招招庶人，庶人豈敢往哉！況乎以不賢人之招，招賢人乎？欲見賢人而不以其道，猶欲其入而閉之門也．夫義，路也；禮，門也；惟君子能由是路，出入是門也．詩云：周道如底，其直如矢，君子所履，小人所視．

萬章曰：孔子君命召，不俟駕而行，然則孔

曰：孔子當仕，有官職，而以其官召之也，子非與？

Vạn Chương hỏi rằng : Xin hỏi thầy, thầy chẳng yết kiến chư hầu là nghĩa gì vậy ? (**Vạn Chương viết : Cảm vấn : Bất hiện chư hầu, hà nghĩa dã**).

Thầy trả lời rằng : Dân ở chốn kinh thành thời gọi bằng "thị tỉnh chi thần"; dân ở chốn đồng nội thời gọi bằng "thảo mãng chi thần", thầy gọi bằng "thứ nhân" (**Mạnh Tử viết : Tại quốc, viết thị tỉnh chi thần; tại dã viết thảo mãng chi thần; giai vị thứ nhân**). Hễ thân phận mình là thứ nhân thời chẳng dám yết kiến vua chư hầu, đó là theo lễ vậy (**thứ nhân bất cảm hiện ư chư hầu, lễ dã**).

Vạn Chương lại hỏi rằng : Hễ mình là thứ nhân, dụng khi vua quan đòi đi làm việc quan thời đi làm việc quan (**thứ nhân, triệu chi dịch tắc vãng dịch**); đến khi vua trong nước muốn tiếp kiến mình, lấy mệnh lệnh nhà quan đòi mình thời chẳng chịu tới yết kiến, là cớ sao vậy ? (**quân dục hiện chi, triệu chi, tắc bất vãng hiện chi, hà dã** ?).

Thầy trả lời rằng : Cớ đó chẳng lạ gì ! Theo về lẽ phải : Vãng dịch là đúng với nghĩa đó vậy (**viết : vãng dịch nghĩa dã**), vãng hiện là trái với nghĩa đó vậy (**vãng hiện, bất nghĩa dã**). Vả lại, vua trong nước mà muốn tiếp kiến mình đó vậy, vì cớ gì đó ru ? (**thả quân chi dục hiện chi dã, hà vị dã tai** ?) Chắc vì có hai cớ : một, vì kính trọng mình là người đa văn đó vậy (**viết : vị kỳ đa văn dã**); hai, vì kính trọng mình là người hiền đó vậy (**vị kỳ hiền dã, tắc ngô vị văn dục hiện hiền nhi triệu chi dã**). Thử xem việc người đời xưa : Vua Mục Công nước Lỗ, thường tiếp chuyện với thầy Tử Tư, có một ngày kia nói với thầy Tử Tư rằng : "Theo đạo đời xưa lấy ông vua một nước ngàn cỗ xe mà làm bạn với người sĩ thời như thế nào ?" (**Mục Công kỳ hiện ư Tử Tư, viết : cổ thiên thặng chi quốc dĩ hữu sĩ, hà như** ?). Thầy Tử Tư có ý chẳng bằng lòng mà nói rằng : Người đời xưa có câu rằng : Bảo rằng dáng thờ làm thầy kia mà ! Há bảo rằng dáng xem làm bạn đó ru ? (**Tử Tư bất duyệt, viết : Cổ chi nhân hữu ngôn viết :**

sư chi vân hồ ! khởi viết hữu chi vân hồ ?). Bây giờ ta suy ý thầy Tử Tư sở dĩ bất duyệt, há chẳng phải nghĩ rằng : như kể bằng quyền vị thời ông là vua, ta là tôi, tôi có lẽ gì dám làm bạn với vua vậy ! (**Tử Tư bất duyệt dã, khởi bất viết : dĩ vị, tắc tử quân dã, ngã thần dã, hà cảm dữ quân hữu dã**); như kể về đạo đức thời ông là người đáng thờ tôi bằng thầy kia mà ! Có lẽ gì ông nói làm bạn với tôi được ! (**dĩ đức, tắc tử sự ngã giả dã, hề khả dĩ dữ ngã hữu** ?)

Xem như việc Tử Tư với Mục Công thời biết rằng giá trị của một hiền giả, vua nước thiên thặng cầu làm bạn mà không thể được vậy. Làm bạn còn chẳng được kia mà, huống gì đem mệnh lệnh đòi người hiền được ru ? (**thiên thặng chi quân cầu dữ chi hữu nhi bất khả đắc dã, nhi huống khả triệu dư** ?).

Lại xem như việc này nữa : Xưa vua Cảnh Công nước Tề đi săn, lấy cờ lông đòi chức quan Ngu nhân (**Tề Cảnh Công điển, chiêu Ngu nhân dĩ sinh**). Ngu nhân chẳng chịu đến, Cảnh Công toan giết nó (**bất chí, tương sát chi**). Đức Khổng Tử nghe chuyện ấy mà than rằng : Phải rồi ! Hễ là chí sĩ chẳng bao giờ quên thân mình chôn ở ngòi rãnh (**chí sĩ bất vong tại câu hác**); hễ là dũng sĩ, chẳng bao giờ quên làm việc vứt mất đầu mình (**dũng sĩ bất vong táng kỳ nguyên**). Đức Khổng Tử sở dĩ khen Ngu nhân như thế, lấy vào nghĩa gì ? (**Khổng Tử hề thủ yên** ?). Chỉ vì Ngu nhân thấy cái đồ của vua đòi mình chẳng đúng thời chẳng chịu đi đó vậy (**thủ phi kỳ chiêu bất vãng dã**).

Vạn Chương hỏi rằng : Xin hỏi thầy cái đồ vời Ngu nhân, lấy cái gì ? (**viết : cảm vấn chiêu ngu nhân hà dĩ** ?)

Thầy nói rằng : Lấy cái mão bằng da (**dĩ bì quan**). Theo lễ đời nhà Chu, đòi thứ nhân lấy cái chiên, đòi sĩ dùng cờ cán, đòi đại phu dùng cờ sinh (**thứ dân sĩ chiên, sĩ dĩ kỳ, đại phu dĩ sinh**); bấy giờ Cảnh Công lấy cờ sinh đòi Ngu nhân, té ra đem cái đồ đòi đại phu mà đòi Ngu nhân, Ngu nhân thà chết chẳng dám đi (**dĩ đại phu chi chiêu, chiêu Ngu nhân, Ngu nhân tử bất cảm vãng**). Lấy việc đó suy ra, thời dùng lễ vời

quan sĩ mà vời thứ nhân, thứ nhân há dám đi nữa ru ? (**dĩ sĩ chi chiêu chiêu thứ nhân, thứ nhân khởi cảm vãng tai** ?); huống gì đem cách chiêu với người bất hiền mà vời người hiền thời làm sao thấy được người hiền nữa ru ? (**huống hồ dĩ bất hiền nhân chi chiêu, chiêu hiền nhân hồ** ?) Tùng lai muốn thấy người hiền, tất phải đúng với đạo tôn hiền; nếu muốn thấy người hiền mà chẳng dùng đạo ấy, chẳng khác nào muốn người ta vào mà đóng quách cửa đó vậy (**dục kiến hiền nhi bất dĩ kỳ đạo, do dục kỳ nhập nhi bế chi môn dã**), Ôi ! **Nghĩa là đường lớn vậy, Lễ là cửa lớn vậy (phù, nghĩa lộ dã; lễ, môn dã**), chỉ duy quân tử mới hay đi theo đường ấy, ra vào cửa ấy vậy mà thôi (**duy quân tử năng do thị lộ, xuất nhập thị môn dã**). ***Kinh Thi***, thiên *Tiểu Nhã*, thơ Đại Đông ( ) có nói rằng : Đường to lớn kia bằng phẳng như hòn đá mài, ngay thẳng như mũi tên; cái đường mà quân tử thường bước đi trên ấy, chính là cái đường mà tiểu nhân trông nom vào (**Thi vân : chu đạo như chỉ, kỳ trực như thỉ, quân tử sở lý, tiểu nhân sở thị**), dẫn bốn câu ***Kinh Thi*** này để làm chứng câu "nghĩa, lộ dã".

Vạn Chương lại hỏi rằng : Đức Khổng đụng khi vua có mệnh lệnh đòi tới thời chẳng chờ sắp xe ngựa xong mà đi ngay (**Khổng Tử quân mệnh triệu, bất sĩ giá nhi hành**), thiên *Hương Đảng* sách ***Luận Ngữ*** có chép như thế, bây giờ như lời thầy nói : "triệu chi tắc bất vãng", té ra đức Khổng e chẳng phải đó mà ! (**nhiên tắc Khổng Tử phi dư** !). Thầy nói rằng : Ủa ! Đức Khổng có bao giờ không phải ! Ngài sở dĩ bất sĩ giá nhi hành, là vì ngài đương làm quan, mà vua lấy nghĩa vụ chức quan ấy vời ngài kia mà ! (**Viết : Khổng Tử đang sĩ, hữu quan chức, nhi dĩ kỳ quan triệu chi dã**).

("Thị tỉnh chi thần", nghĩa là người tôi ở chốn chợ giếng; "thảo mãng chi thần" nghĩa là tôi ở chốn sáng cỏ. "Dịch" nghĩa là đi làm việc quan; "đa văn" nghĩa là học vấn rộng, trí thức cao; "hiền" nghĩa là đạo đức thịnh, tài năng tốt; "Ngu nhân" nghĩa là chức quan coi việc săn. Nghĩa chữ "chí sĩ" xem ở thượng thiên, chương nói chữ "chí". "Câu hác" là chốn vùi lấp thây mình; "nguyên" nghĩa là cái đầu; "táng kỳ nguyên"

nghĩa là bị chết chém; "bất vong" nghĩa là có ý thường muốn làm những chuyện ấy. "Chí sĩ bất vong tại câu hác" tức là "sát thân dĩ thành nhân". "Dũng sĩ bất vong táng kỳ nguyên", tức là "xả sinh nhi thủ nghĩa". "Bì quan" là cái dổ để đòi Ngu nhân. Đường tứ thông bát đạt gọi bằng "chu đạo", nói ví như đạo lớn của quân tử).

Chúng ta ở trên đường "thiệp thế", nhất định phải có bạn. Cách làm bạn, tất như thế nào mới là cực điểm ở trong nghĩa lý ?

Xem như bài dưới này thời biết lý luận của thầy Mạnh rất cũ mà cũng rất mới :

Vạn Chương vấn viết : Cảm vấn hữu ? Mạnh Tử viết : Bất hiệp trưởng, bất hiệp quí, bất hiệp huynh đệ nhi hữu; hữu dã giả, hữu kỳ đức dã; bất khả dĩ hữu hiệp dã; Thuấn thượng kiến đế, đế quán sanh ư nhị thất, diệc hưởng Thuấn, điệt vi tân chủ; thị thiên tử nhi hữu thất phu dã. Dụng hạ kính thượng, vị chi quí quí, dụng thượng kính hạ, vị chi tôn hiền; quí quí, tôn hiền, kỳ nghĩa nhất dã.

萬章問曰：敢問友？孟子曰：不挾長，不挾貴，不挾兄弟而友；友也者，友其德也；不可以友挾也；舜尚見帝，帝館甥於貳室，亦饗舜，迭為賓主；是天子而友匹夫也．用下敬上，謂之貴貴；用上敬下，謂之尊賢；貴貴，尊賢，其義一也．

Vạn Chương hỏi rằng : Xin hỏi đạo làm bạn ? (**cảm vấn hữu**).

Thầy trả lời rằng : Tục thường làm bạn hay có ỷ mình là người tôn trưởng (**hiệp trưởng**), hay có ỷ mình là quyền quí (**hiệp quí**), hay ỷ mình có tình anh em (**hiệp huynh đệ**), đó thầy là trái với đạo làm bạn. Đạo làm bạn chẳng như thế. Chẳng ỷ mình là tôn trưởng, đối với người đáng làm bạn, phải quên cái trưởng của mình; chẳng được ỷ quyền quí, đối với người mình đáng làm bạn, phải quên cái quí của mình; chẳng được ỷ có tình anh em, đối với người bạn có thể xem

quí trọng hơn anh em nữa (**bất hiệp trưởng, bất hiệp quí, bất hiệp huynh đệ nhi hữu**).

Vì sao vậy ? Vì người mà ta làm bạn đó, người ấy đạo đức hơn ta mà ta phải làm bạn đó vậy (**hữu dã giả, hữu kỳ đức dã**). Đạo đức dã đứng vào vị tuyệt đối thời không thể có hiệp cái gì mà làm bạn vậy (**bất khả dĩ hữu hiệp dã**). Xin chứng vào việc đời xưa : Quí đến làm thiên tử như vua Nghiêu, tiện chỉ một tên thất phu là Thuấn; nhưng Thuấn được lấy lễ bình đẳng mà tiếp kiến vua Nghiêu; vua Nghiêu vì vua Thuấn làm nhà nhị thất để riêng công quán cho chàng rể ở; vua Nghiêu cũng đến ăn tiệc ở nhà Thuấn, đáp đổi làm tân chủ với nhau (**Thuấn thượng kiến đế, đế quán sanh ư nhị thất, diệc hưởng Thuấn, điệt vi tân chủ**). Thuấn tới nhà Nghiêu thời Thuấn là tân, Nghiêu là chủ; Nghiêu tới nhà Thuấn, thời Thuấn là chủ, Nghiêu là tân. Như thế là thiên tử làm bạn với thất phu đó vậy (**thị thiên tử nhi hữu thất phu dã**). Theo một phương diện về vua Thuấn, lấy nghĩa quân thần mà đối đãi với Nghiêu, dùng phận kẻ dưới kính trọng kẻ trên gọi bằng quí người quí (**dụng hạ kính thượng vị chi quí quí**); theo về phương diện vua Nghiêu thời lấy lễ sư hữu mà đối đãi với Thuấn, lấy lễ người trên kính trọng người dưới, gọi bằng tôn bậc hiền (**dụng thượng kính hạ, vị chi tôn hiền**). Quí người quí, tôn bậc hiền, kể về nghĩa phải, hai bên in nhau như một vậy (**quí quí tôn hiền kỳ nghĩa nhất dã**).

(Chữ "thượng" có ý là bằng ngang nhau. Vì nhà Thuấn cũng in như nhà vua Nghiêu nên gọi bằng "nhị thất". Thuấn là rể Nghiêu mà ở nhà vua Nghiêu làm, gọi bằng "quán sanh". Chữ "quí" hứng lấy chữ "thiên tử").

Học giả đọc bài trên ấy thời biết rằng ở trong đường "giao tế", tất hai bên phải tốt in nhau mới có thể tương cầu tương ứng. Nên thầy Mạnh có bài rằng :

Cổ chi hiền vương háo thiện nhi vong thế; cổ chi hiền sĩ, lạc kỳ đạo nhi vong nhân chi thế.

古之賢王好善而忘勢；古之賢士，樂其道而忘人之勢。

Nghĩa là vua hiền ở đời xưa ham điều lành của người mà quên thế vị của mình, nên thiên tử mà làm bạn với thất phu, chính là vua Nghiêu vậy. Bực hiền sĩ ở đời xưa, vui đạo đức ở trong mình mà quên thế vị của người, nên thất phu mà làm bạn với thiên tử, chính là Thuấn vậy.

Nghĩa chữ "hữu" của thầy Mạnh, phát huy được ý đức Khổng, mà lại cao sâu rộng lớn nhiều lắm. Học giả nên tham khảo ở thượng thiên.

"Xuất xử" là một việc rất lớn ở trên đường "thiệp thế"; người đời xưa có câu : **Hữu chí ư thượng cẩn đắc kỳ trung; cẩu chí ư trung sở thành ty hạ.**

有志於上，僅得其中，苟志於中，所成卑下·

Nghĩa là ta có chí ư làm người bực tột cao thời may kết quả được tới bực trung : nếu chỉ dụng tâm làm một người bậc trung thời kết quả chỉ là thành người hạ đẳng.

Tác giả vì muốn cho anh em ta "hữu chí ư thượng" nên dịch luôn ba bài như sau này : một là việc ông Y Doãn; hai là việc đức Khổng; ba là việc nói chuyện ông Bách Lý Hề.

Vạn Chương vấn viết : Nhân hữu ngôn : Y Doãn dĩ cát phanh yêu Thang, hữu chư ?

Mạnh Tử viết : Phủ, bất nhiên. Y Doãn canh ư Hữu Sằn chi dã, nhi lạc Nghiêu Thuấn chi đạo yên; phi kỳ nghĩa dã, phi kỳ đạo dã, lộc chi dĩ thiên hạ, phất cố dã; hệ mã thiên tứ, phất thị dã. Phi kỳ nghĩa dã, phi kỳ đạo dã, nhất giới bất dĩ dữ nhân, nhất giới bất dĩ thủ chư nhân. Thang sử nhân dĩ tệ sính chi. Hiệu hiệu nhiên viết : Ngã hà dĩ Thang chi sính tệ vi tai; ngã khởi nhược xử quyến mẫu chi trung, do thị dĩ lạc Nghiêu Thuấn chi đạo tai ! Thang tam sử vãng sính chi. Ký nhi phiên nhiên cải viết : Dữ ngã xử quyến mẫu chi trung, do thị dĩ lạc Nghiêu Thuấn chi đạo, ngô khởi nhược sử thị quân vi Nghiêu Thuấn chi quân tai; ngô khởi nhược sử thị dân vi Nghiêu Thuấn chi dân tai; ngô khởi nhược ư ngô thân thân kiến chi tai. Kỳ tự nhậm dĩ thiên hạ chi trọng như thử, cố tựu Thang nhi thuế chi

dĩ phạt Hạ cứu dân, Ngô vị văn uổng kỷ nhi chính nhân giả dã; huống nhục kỷ dĩ chính thiên hạ giả hồ ! Thánh nhân chi hạnh bất đồng dã; hoặc viễn, hoặc cận, hoặc khứ, hoặc bất khứ, qui khiết kỳ thân nhi dĩ hỹ. Ngô văn kỳ dĩ Nghiêu Thuấn chi đạo yêu thang, vị văn dĩ cát phanh dã.

萬章問曰：人有言伊尹以割烹要湯有諸？孟子曰：否，不然，伊尹耕於有莘之野，而樂堯舜之道焉，非其義也，非其道也，祿之以天下弗顧也；繫馬千駟弗視也，非其義也，非其道也，一介不以與人，一介不以取諸人。湯使人以幣聘之，囂囂然曰：我何以湯之聘幣為哉！我豈若處畎畝之中，由是以樂堯舜之道哉！湯三使往聘之，既而幡然改曰：與我處畎畝之中，由是以樂堯舜之道，吾豈若使是君之堯舜之君哉！吾豈若使是君之堯舜之民哉！吾豈若於吾親親見之哉！民自任以天下之重如此，故就湯而說之以伐夏救民，吾未聞枉己而正人者也；況辱己以正天下者乎？聖人之行不同也，或遠或近，或去，或不去，歸潔其身而已矣，吾聞其以堯舜之道要湯，未聞以割烹也。

Một là việc ông Y Doãn. Ông Y Doãn là một vị thánh ở đời nhà Thương.

Vạn Chương hỏi rằng : Người ở trong đời, có kẻ nói : Xưa ông Y Doãn làm nghề cắt thịt nấu ăn mà yêu kiết vua Thang, có chăng ? (**Vạn Chương vấn viết : nhân hữu ngôn; Y Doãn dĩ cát phanh yêu Thang, hữu chư** ?).

Thầy nói rằng : Không ! Lời ấy chẳng phải (**Mạnh Tử viết : Phủ, bất nhiên**). Ông Y Doãn cày ở nơi Hữu Sằn, chỉ biết say vui đạo của Nghiêu Thuấn mà thôi (**Y Doãn canh ư Hữu Sằn chi dã, nhi lạc Nghiêu Thuấn chi đạo yên**). Cái gì mà nhận ra chẳng đúng với nghĩa Nghiêu Thuấn, chẳng đúng

với đạo Nghiêu Thuấn, chính là "phi kỳ nghĩa dã, phi kỳ đạo dã", thời tuy đem cả thiên hạ cho mình an hưởng, nhưng mình chẳng thèm ngó cổ lại đó vậy (**phi kỳ nghĩa dã, phi kỳ đạo giã, lộc chi dĩ thiên hạ, phất cố dã**); cho mình phú quí đến có ngựa nghìn cỗ tứ, chẳng thèm liếc xem vậy (**hệ mã thiên tứ, phất thị dã**). Chẳng những thế mà thôi, mà lại trong sạch vuông chính từ một mảnh sáp đi, hễ thấy được "phi kỳ nghĩa dã, phi kỳ đạo dã", thời tuy cái rất nhỏ nhen chỉ vừa nhất giới, nhưng chỉ vì đạo nghĩa chẳng đáng cho cũng chẳng chịu đem cho người; đạo nghĩa chẳng đáng lấy, quyết chẳng chịu lấy trong tay người (**phi kỳ nghĩa giả, phi kỳ đạo dã, nhất giới bất dĩ dữ nhân, nhất giới bất dĩ thủ chư nhân**). Y Doãn quí trọng đạo nghĩa vẫn như thế, có bao giờ xem phú quí ra gì. Chỉ vì đạo cao, đức thịnh mà tiếng lọt đến tai vua Thang, vua Thang khiến người đem lễ vật đến rước (**Thang sử nhân dĩ tệ sính chi**). Lúc đầu Y Doãn thấy lễ vật vua Thang thời hiện ra tinh thần tự trọng mà nói rằng : kìa sính tệ của vua Thang mà ta có lấy làm gì (**hiêu hiêu nhiên viết : ngã hà dĩ Thang chi sính tệ vi tai**); ta đây cứ ở trong chốn quyến mẫu, nhân đó mà vui hoài đạo của Nghiêu Thuấn, há có gì bằng nữa ru ? (**ngã khởi nhược xử quyến mẫu chi trung, do thị dĩ lạc Nghiêu Thuấn chi đạo tai**).

Khi vua Thang rước lần đầu, Y Doãn vẫn tỏ ý "phất cố, phất thị" của mình; nhưng mà Y Doãn há phải người sạch mình bỏ đời đó ru ? Quả nhiên đến khi Thang sai người qua rước ân cần đến ba lần (**Thang tam sử vãng sính chi**). Đoạn rồi, Y Doãn hăng hái vậy, đổi cách xưa mà nói rằng : "Dữ kỳ ta cư xử quyến mẫu chi trung, do thị dĩ lạc Nghiêu Thuấn chi đạo", âu là ta phát triển sở học của ta, xui khiến vua đời này làm nên vua đời Nghiêu Thuấn, xui khiến dân đời này làm nên dân đời Nghiêu Thuấn; lúc xưa ta vui đạo Nghiêu Thuấn ở trong lòng, bây giờ thực hiện trước mắt ta, mà mình ta thân thấy được sự nghiệp Nghiêu Thuấn, há có gì vui bằng thế nữa ru ? (**ký nhi phiên nhiên cải viết : dữ ngã xử quyến mẫu chi trung, do thị dĩ lạc Nghiêu Thuấn chi đạo, ngô khởi nhược sử thị quân vi Nghiêu Thuấn chi quân tai ! Ngô khởi**

nhược sử thị dân vi Nghiêu Thuấn chi dân tai ! Ngô khởi nhược ư ngô thân thân kiến chi tai !).

Xem như lời Y Doãn nói thế thời một người đem hai vai mà gánh lấy việc nặng cả thiên hạ, bão phụ lớn như thế (**kỳ tự nhậm dĩ thiên hạ chi trọng như thử**), vậy nên mới tới vua Thang mà dạy cho vua Thang lấy việc đánh Hạ Kiệt cứu nhân dân (**cố tựu Thang nhi thuế chi dĩ phạt Hạ cứu dân**).

Xem hết lịch sử một đời người Y Doãn, thiệt là chính kỷ mà chính luôn được cả thiên hạ, có bao giờ nhục kỷ đâu! Ta chưa nghe ai vốn cong giữa mình mà chính được người đó vậy; huống gì ô nhục giữa mình mà toan đem mình ra chính được thiên hạ, chắc không người nào ! (**ngô vị văn uổng kỷ nhi chính nhân giả dã; huống nhục kỷ dĩ chính thiên hạ giả hồ** ?). Xưa nay công việc của Thánh nhân làm, ở bề ngoài vẫn chẳng in nhau (**Thánh nhân chi hành, bất đồng dã**); hoặc người lánh xa, hoặc người ở gần, hoặc lúc này thời bỏ đi, hoặc lúc kia thời chẳng bỏ đi, rút thùng lại, ai nấy cũng trong sạch thân giá của mình mà thôi vậy (**hoặc viễn, hoặc cận, hoặc khứ hoặc bất khứ, quy khiết kỳ thân nhi dĩ hỹ**). Y Doãn là một vị Thánh nhân ở trong quần Thánh, há lẽ chịu nhục kỳ thân đó rư ? Ta nghe ông ấy chỉ lấy đạo của Nghiêu Thuấn mà "yêu kiết" Thang, chưa nghe "yêu kiết" bằng cách "cát phanh" đó vậy (**ngô văn kỳ dĩ Nghiêu Thuấn chi đạo yêu Thang, vị văn dĩ cát phanh dã**).

(Bốn ngựa kéo một cỗ xe gọi bằng "tứ". Chữ "thủ" và chữ "dữ" tương đối : của mình cho người là "dữ"; mình lấy của người là "thủ". Chữ "giới" dây cũng như chữ "giới" là hột cải; "nhất giới" là hình dung vật rất nhỏ. Chữ "thân" hấng đỡ chữ "kỷ". Chữ "kỷ" phản đối với chữ "nhục". Chữ "nhân" tương đối với chữ "kỷ", chỉ vào cá nhân, thiên hạ là bao bọc tất thảy nhân, nuốt cả thị quân, thị dân. "Cát" nghĩa là cắt thịt. "Phanh" nghĩa là nấu ăn).

Vạn Chương vấn viết : Hoặc vị Khổng Tử ư Vệ chủ Ung Thư, ư Tề chủ thị nhân Tích Hoàn, hữu chư hồ ?

Mạnh Tử viết : Phủ ! Bất nhiên dã ! Háo sự giả vi chi dã. U Vệ chủ Nhan Thù Do, Di Tử chi thê, dữ Tử Lộ chi thê huynh đệ dã Di Tử vị Tử Lộ viết : Khổng Tử chủ ngã, Vệ khanh khả đắc dã. Tử Lộ dĩ cáo. Khổng Tử viết : Hữu mệnh. Khổng Tử tấn dĩ lễ, thối dĩ nghĩa; đắc chi, bất đắc, viết hữu mệnh; nhi chủ Ung Thư dữ thị nhân Tích Hoàn, thị vô nghĩa, vô mệnh dã. Khổng Tử bất duyệt ư Lỗ, Vệ, tao Tống, Hoàn Tư Mã tương yếu nhi sát chi; vi phục nhi quá Tống; thị thì Khổng Tử đang ách, chủ Tư Thành Trinh Tử vi Trần Hầu châu thẩn. Ngô văn : Quan cận thẩn, dĩ kỳ sở vi chủ; quan viễn thẩn, dĩ kỳ sở chủ; nhược Khổng Tử chủ Ung Thư dữ nhân Tích Hoàn, hà dĩ vi Khổng Tử ?

萬章問曰：或謂孔子於衛主癰疽，於齊主侍人瘠環，有諸乎？孟子曰：否！不然也！好事者為之也。於衛主顏讎由，彌子之妻，與子路之妻兄弟也。彌子謂子路曰：孔子主我，衛卿可得也。子路以告。孔子曰：有命；孔子進以禮，退以義，得之，不得，曰有命；而主癰疽與侍人瘠環，是無義無命也。孔子不悅於魯衛，遭宋，桓司馬將要而殺之；微服而過宋；是時孔子當阨，主司城貞子為陳侯周臣。吾聞：觀近臣，以其所為主；觀遠臣，以其所主；若孔子主癰疽與侍人瘠環，何以為孔子？

Hai là việc đức Khổng Tử.

Chúng ta có khi dất khách quê người mà phải dựa vào người làm địa chủ, chính là một việc ở trên đường "thiệp thế". ***Luận Ngữ*** đã có câu :

Nhân bất thất kỳ thân, diệc khả tông dã.

因不失其親，亦可宗也。

Xin học giả xem bài dưới này :

Vạn Chương hỏi rằng : Có kẻ bảo đức Khổng, khi ở nước

Vệ, người làm chủ cho ngài là Ung Thư; khi ở nước Tề, người làm chủ cho ngài là thị nhân Tích Hoàn, việc ấy có chăng ? (**Vạn Chương vấn viết : hoặc vị Khổng Tử ư Vệ chủ Ung Thư, ư Tề chủ thị nhân Tích Hoàn, hữu chư hồ** ?).

Thầy trả lời rằng : Không ! Không phải thế ! (**Mạnh Tử viết : Phủ ! Bất nhiên dã**). Chuyện ấy chẳng qua những bọn háo sự đặt điều ra mà thôi (**háo sự giả vi chi dã**). Thực ra thời đức Thánh khi ở nước Vệ, làm khách ở nhà ông Nhan Thù Do là một người hiền nhân nước Vệ (**ư Vệ chủ Nhan Thù Do**). Lúc đó có quyền thần nước Vệ tên là Di Tử, vợ Di Tử với vợ thầy Tử Lộ là anh em gái (**Di Tử chi thê dữ Tử Lộ chi thê huynh đệ dã**). Thầy Tử Lộ lúc đó cũng đi theo ngài, Di Tử có ý muốn đức Khổng đến ở nhà mình, mới nói với thầy Tử Lộ rằng : Thầy ngươi đến ở nhà ta để ta làm chủ cho, chắc thầy ngươi làm quan khanh nước Vệ dễ như chơi (**Di Tử vị Tử Lộ viết : Khổng Tử chủ ngã, Vệ khanh khả đắc dã**).

Xem hai câu này, kìa lòng đứa tiểu nhân suy trắc lòng quân tử thánh nhân, khẩu khí hắn dễ ghét mà cũng buồn cười ! Thầy Tử Lộ là người ngay thật, đem câu nói của Di Tử cáo với đức Thánh (**Tử Lộ dĩ cáo**). Đức Thánh nói rằng : Việc ta may rủi, chỉ có phó mặc lẽ tự nhiên (**Khổng Tử viết : hữu mệnh**).

Một đời người của đức Khổng, theo với lẽ nên tiến mà tiến, theo với nghĩa nên thối mà thối; đến như tước vị của người, được hay không được, ngài chỉ nói rằng "hữu mệnh". Có như thế mới là đức Khổng. Mà chuyện chủ Ung Thư với thị nhân Tích Hoàn là chuyện vô nghĩa, vô mệnh đó vậy (**Khổng Tử tiến dĩ lễ, thối dĩ nghĩa, đắc chi, bất đắc, hữu mệnh; nhi chủ Ung Thư dữ thị nhân Tích Hoàn, thị vô nghĩa, vô mệnh dã**).

Đức Khổng ngày kia chẳng bằng lòng ở nước Lỗ, nước Vệ, phải bỏ Lỗ, Vệ ra đi; đi phải trải qua đất nước Tống; lúc ấy dụng lấy nước Tống có tên Hoàn Tư Mã, toan đón chận đường mà giết ngài (Đức Khổng khi đó có nói rằng "thiên

sinh đức ư dư, Hoàn Đối kỳ như dư hà ?"). Ngài bất đắc dĩ phải đổi hình, mặc đồ người ty tiện để cho đi qua khỏi nước Tống (**Khổng Tử bất duyệt ư Lỗ, Vệ, tao Tống, Hoàn Tư Mã, đương yếu nhi sát chi; vi phục nhi quá Tống**). Xem như lúc ấy, đức Thánh chính đương giữa buổi nguy hiểm (**thị thì Khổng Tử đương ách**), nhưng ở trong nguy hiểm mà lễ nghĩa của Ngài chẳng chút gì sai. Người làm chủ cho ngài ở lúc ấy là một vị hiền đại phu gọi là Tư Thành Trinh Tử. Trinh Tử là người tôi trung trực của Trần Hầu (**chủ Tư Thành Trinh Tử vi Trần Hầu châu thần**). Ta thường nghe : Xem người tôi ở gần vua mà muốn biết người ấy tốt hay xấu, tất phải xem ở khách dựa nó làm chủ; xem người ta ở phương xa đến, muốn biết người tốt hay xấu thời phải xem nó đến chủ nhà nào. Bởi vì quân tử với tiểu nhân thường theo loài với nhau mà làm (**ngộ văn quan cận thần, dĩ kỳ sở vi chủ; quan viễn thần dĩ kỳ sở chủ**). Giả như đức Khổng mà chủ Ung Thư và thị nhân Tích Hoàn thời còn lấy gì làm đức Khổng ? (**nhược Khổng Tử chủ Ung Thư dữ thị nhân Tích Hoàn, hà dĩ vi Khổng Tử?**).

("Chủ Ung Thư" nghĩa là làm khách ở nhà ông quan chữa bệnh mụt cho vua; "Chủ thị nhân Tích Hoàn" nghĩa là làm khách ở nhà hầu thân của vua. Xem chữ "huynh đệ" ở đây thời biết người đời xưa vẫn xem trai gái như nhau.

Chữ "mệnh" chỉ là lẽ tự nhiên; xem thích nghĩa ở câu "thiên mệnh chi vị tính". Thầy Mạnh đã có câu rằng :

"Tận kỳ đạo nhi tử giả, chính mệnh dã"

盡其道而死者正命也

Nghĩa là hết được đạo làm người của mình mà được chết, là lẽ tự nhiên chính đáng đó vậy. Học giả chớ nhận lầm chữ "mệnh" là số mệnh. Xem chữ "mệnh" nói kèm với chữ "nghĩa" thời càng rõ ý chữ "mệnh" : Cái gì đã "vô nghĩa" tức là "vô mệnh", thời mệnh chẳng phải là số mệnh càng rõ lắm. Hoàn Đối làm quan Tư Mã là Tổng trưởng bộ binh, Tư Thành là tên quan như chức Hộ thành ở đời nay. ***Kinh Thi*** có câu : **"Hạnh qui vu chu"行歸于周**.

Đức hạnh người ấy qui vào trung tín, cũng nghĩa như chữ "chu" ở đây; 忠信曰周 , "Sở vi chủ" nghĩa là người khách dựa vào mình làm chủ. "Sở chủ" nghĩa là người làm nhà chủ chứa mình).

Vạn Chương vấn viết : Hoặc viết : Bách Lý Hề tự dục ư Tần, dưỡng sanh dã, ngũ dương chi bì, tự ngưu dĩ yêu Tần Mục Công, tín hồ ?

Mạnh Tử viết : Phủ, bất nhiên ! Háo sự giả vi chi dã. Bách Lý Hề Ngu nhân dã; Tần nhân dĩ Thùy Cức chi bích, dữ Khuất sản chi thặng, giả đạo ư Ngu dĩ phạt Quắc; Cung Chi Kỳ gián; Bách Lý Hề bất gián, tri Ngu Công chi bất khả gián nhi khứ chi Tần, niên dĩ thất thập hỹ, tằng bất tri dĩ tự ngưu cầu Tần Mục Công chi vi ô dã, khả vị trí hồ ? Bất khả nhi bất gián, khả vị bất trí hồ ? Tri Ngu Công chi tương vong nhi tiên khứ chi, bất khả vị bất trí dã; thì cử ư Tần, tri Mục Công chi khả dữ hữu hành dã, nhi tướng chi, khả vị bất trí hồ ? Tướng Tần nhi hiển kỳ quân ư thiên hạ, khả truyền ư hậu thế, bất hiền nhi năng chi hồ ? Tự dục dĩ thành kỳ quân, hương đảng tự háo giả bất vi, nhi vị hiền giả vi chi hồ ?

萬章問曰：或曰：百里奚自鬻於秦，養牲者，五羊之皮，食牛以要秦穆公，信乎？孟子曰：否，不然！好事者，為之也。百里奚虞人也；晉人以垂棘之璧與屈產之乘，假道於虞以伐；虢；宮之奇諫;百里奚不諫，知虞公之不可諫，而去之秦，年已七十矣，曾不知以食牛干秦穆公之為汙也，可謂智乎？不可諫而不諫，可謂不智乎？知虞公之將亡而先去之，不可謂不智也。時舉於秦，僖穆公之可與有行也而相之，可謂不智乎？相秦而顯其君於天下，可傳於後世，不賢而能之乎？自鬻以成其君，鄉黨自好者不為，而謂賢者為之乎？

Ba là nói chuyện Bách Lý Hề.

Vạn Chương hỏi rằng : Có kẻ nói rằng : Xưa Bách Lý Hề tự bán mình ư nhà nuôi súc vật ở nước Tần, được năm bộ da dê, làm nghề chăn nuôi trâu để "yêu kiết" vua Mục Công nước Tần, thiệt có như chuyện ấy không ? (**Vạn Chương vấn viết : Bạch Lý Hề tự dục ư Tần, dưỡng sanh giả, ngũ dương chi bì, tự ngưu, dĩ yếu Tần Mục Công, tín hồ** ?).

Thầy nói rằng : Không ! Không phải thế ! (**Mạnh Tử viết : Phủ, bất nhiên**), kẻ háo sự dạt ra đấy ! (**háo sự giả vi chi dã**). Chúng ta thử xét lịch sử Bách Lý Hề thời biết được lời nói ấy là không phải. Bách Lý Hề nguyên người nước Ngu đó vậy (**Bách Lý Hề Ngu nhân dã**). Nước Ngu là láng giềng với nước Quắc; người nước Tấn muốn lấy nước Ngu. Vì âm mưu của người nước Tấn như thế, bấy giờ mới đem ngọc bích ở Thùy Cức và ngựa chở xe là thổ sản đất Khuất, dâng cho vua nước Ngu mà mượn đường đi ngang qua nước Ngu để sang đánh nước Quắc (**Tấn nhân dĩ Thùy Cức chi bích dữ Khuất sản chi thặng, giả đạo ư Ngu dĩ phạt Quắc**). Vua Ngu được của nước Tấn dút cho, nhận lời nước Tấn. Hiền thần nước Ngu là Cung Chi Kỳ can Ngu Công xin đừng cho; Bách Lý Hề không can (**Cung Chi Kỳ gián, Bách Lý Hề bất gián**); há phải trí khôn Bách Lý Hề thua Cung Chi Kỳ đó ru ? Chính vì Bách Lý Hề là người khôn, biết Ngu Công là người ngu, dầu là can nữa cũng chỉ mất lời mà chẳng ích gì đến nước, nên bỏ nước Ngu mà đi qua nước Tấn (**tri Ngu Công chi bất khả gián nhi khứ chi Tần**). Lúc đó Bách Lý Hề đã 70 tuổi rồi, còn chẳng biết việc "tự ngưu", can Tấn Mục Công là dơ bẩn, bảo rằng khôn được hay sao ? (**niên dĩ thất thập hỹ, tằng bất tri dĩ tự ngưu, can Tần Mục Công chi vi ô dã, khả vị trí hồ**). Biết chẳng nên can, chẳng can, bảo thế là bất trí, há có lẽ ru ? (**bất khả gián nhi bất gián, khả vị bất trí hồ** ?). Biết được Ngu Công thế nào cũng mất nước mà trước lánh đi, không thể bảo là người bất trí vậy (**tri Ngu Công chi tương vong, nhi tiên khứ chi, bất khả vị bất trí dã**). Gặp được cơ hội nước Tấn cử mình lên, biết vua Tấn là Mục Công, chính là người có thể giúp cho làm nghiệp bá được, mà làm tướng cho

Mục Công, há có lẽ người bất trí được ru (**thì cử ư Tần, tri Mục Công chi khả dữ hữu hành dã, nhi tướng chi, khả vị bất trí hồ** ?). Đã làm tướng nước Tần mà lừng lẫy được danh giá vua mình ở trong thiên hạ, công nghiệp đáng truyền tụng đến đời sau. Lịch sử Bách Lý Hề như thế, đã là người khôn lại là người tài; bảo người bất hiền mà được như thế hay sao ? (**tướng Tần nhi hiền kỳ quân ư thiên hạ, khả truyền ư hậu thế, bất hiền nhi năng chi hồ** ?). Xưa nay, hễ đã người hiền tất cũng tự trọng lấy thân mình. Nếu ô nhục thân mình đến nỗi tự bán mình mà toan làm nên cho vua mình được, việc bất trí như thế, dẫu chỉ hạng người tự háo ở trong làng xóm, còn chẳng thèm làm, mà bảo người hiền chịu làm đó hay sao ? (**tự dục dĩ thành kỳ quân, hương đảng tự háo giả bất vi, nhi vị hiền giả vi chi hồ** ?). ("Giả đạo" nghĩa là mượn đường đi qua; "Thùy Cức chi bích" nghĩa là ngọc bích ấy thổ sản ở đất Thùy Cức; "Khuất sản chi thặng" nghĩa là ngựa chở xe rất tốt, thổ sản ở đất Khuất. Hai giống ấy là đồ quí của nước Tấn. "Can" nghĩa là xin xỏ. Mục Công là một vị bá quân có tiếng ở trong Ngũ bá, nhờ có Bách Lý Hề giúp cho. Sách ***Hán Sử*** có câu "**Bách Lý Hề chi Tần nhi Tần bá**" 百里奚之秦而秦霸 . "Tự háo" nghĩa người tầm thường mà có ý trau danh giá).

Tóm xem cả mấy bài trên kia, thấy bạn thời trông gương vào Nghiêu Thuấn; xuất xử thời trông gương Y Doãn; chủ khách thời trông gương vào đức Khổng; nghĩa vua tôi thời trông gương vào Bách Lý Hề. Luân lý ở trên đường "thiệp thế" chẳng còn thiếu gì; mà lại đọc hết mấy bài, phát sinh được hai lý tưởng :

Một, là quốc gia chủ nghĩa. Ở trong ý thầy Mạnh chỉ chú trọng về thì trung : Đức Khổng Tử bỏ nước Lỗ ra đi, Bách Lý Hề bỏ nước Ngu ra đi mà chẳng thấy thầy Mạnh thát buộc lấy nghĩa quốc gia quốc giới, chẳng phải là ái nhân loại trọng hơn ái quốc hay sao ?

Hai, là ở trong ý thầy Mạnh rất say mê cộng hòa chính thể. Xem bốn chữ "Nghiêu Thuấn chi đạo", thầy nhác đi nhác

lại chẳng biết mấy lần, mà lại "Nghiêu Thuấn chi quân, Nghiêu Thuấn chi dân, Nghiêu Thuấn chi trạch", ngó ra ý miệng thích lòng say, dẫu thiên thánh bách vương chẳng dời nào hơn nữa, là vì có sao ?

Bởi vì xem trên lịch sử ở Đông phương, trải 4.000 năm, chỉ duy dời Nghiêu Thuấn mới là dời đại đạo. Quyền thiên tử do ở nhân dân trao cho mà chẳng phải của riêng một nhà nào giữ được. Một tên thất phu đứng lên làm thiên tử, mà chẳng thấy ai lấy giai cấp quí tiện làm điều. Đường đổi ra Ngu, Nghiêu trao qua Thuấn, chẳng phải cách mệnh là gì ? Mà chẳng thấy có danh từ hai chữ "cách mệnh". Dân cho Thuấn thời Thuấn được, dân cho Vũ thời Vũ được. Mà Đan Chu (con Nghiêu), Thường Quân (con Thuấn), chẳng dám nhận ngôi cha là của nhà mình. Tuy chẳng thấy hai chữ "dân chủ" ở trong sách, mà kỳ thực thời dân chủ tột mực.

Tốt lành vậy thay ! Cách mệnh mà chỉ dùng bằng cách "thung dung ấp tổn"; dân chủ mà chẳng thấy nghị trường cạnh tranh. Xem lịch sử cả Đông khắp Tây, có dời nào được như thế !

Chính đức Khổng Tử cũng tán tụng nhạc vua Thuấn là tận thiện tận mỹ. Duy thấy Mạnh khéo học đức Khổng, nên tư tưởng thấy mới có như thế. Học giả chẳng đáng thế nhận lắm hay sao ?

Mấy bài trên kia chuyên chứng vào sự thực những việc to lớn. Lại có bài như dưới này, văn rất giản thiết, nghĩa rất bao hàm, làm ích cho chúng ta ở trên đường "thiệp thế", vừa nhân vừa nghĩa, vừa trí vừa dũng, chúng ta càng nên nghiền lắm.

Mạnh Tử viết : Khả dĩ thủ; khả dĩ vô thủ; thủ, thương liêm. Khả dĩ dữ, khả dĩ vô dữ; dữ, thương huệ. Khả dĩ tử, khả dĩ vô tử, tử, thương dũng.

孟子曰：可以取，可以無取；取，傷廉．可以與，可以無與；與，傷惠．可以死，可以無死；死，傷勇．

Thầy nói rằng : Lẽ thị phi ở trong thiên hạ, hễ những việc gì phải, trái, xấu, tốt, đã thập phần minh bạch, mát ai cũng nhìn được thấy, óc ai cũng nghĩ được ra, việc đó chẳng cần cân nhắc lắm; chỉ duy có những việc, phải trái còn ở chung chênh, tốt xấu còn hơi lờ mờ, quân tử càng nên biện biệt cho thiệt tinh xác.

Tỷ như giao tế với người, của người ta mà lấy vào trong mình thời gọi bằng "thủ"; có một cái gì lúc đầu ta thoạt nghĩ đầu lấy cái đó cũng chẳng ngại gì, nhưng mà nghĩ kỹ lại thời không lấy cái đó mới đúng với nghĩa lý hơn, thế mà mình trót lấy, là hư hại đức liêm của mình rồi (**Mạnh Tử viết : khả dĩ thủ, khả dĩ vô thủ; thủ, thương liêm**). Vẫn của mình mà trao cho người, gọi bằng "dữ"; tỷ như có một cái gì, thoạt đầu nghĩ đem cho nó, tưởng chẳng ngại gì, nhưng nghĩ kỹ lại thời cho nó là không đúng với đạo lý, thế mà trót cho, làm hư hại lòng nhân đó rồi (**khả dĩ dữ; khả dĩ vô dữ; dữ, thương huệ**). Giả như gặp một trường hợp nào, thoạt đầu nghĩ : tưởng vì việc đó mà mình chết cũng đáng, nhưng nghĩ kỹ lại thời té ra không chết vì việc ấy mới đúng với đạo lý, thế mà ta trót chết, là hư hại đức dũng của mình rồi (**khả dĩ tử; khả dĩ vô tử, tử, thương dũng**) ("thương" nghĩa là hư hại, cũng nghĩa là hỏng mất; "liêm" nghĩa là đức trong sạch; "huệ" nghĩa là đức nhân ái; "dũng" nghĩa là đức cương nghị).

Thủ, dữ, tử, ba điều đó ở trên đường "thiệp thế", thảy không tránh khỏi được. Nhưng mà "thủ" làm sao cho "bất thương liêm"; "dữ" làm sao cho "bất thương huệ"; "tử" làm sao cho "bất thương dũng", tất phải cân nhắc cho kỹ ở nơi đạo lý, mà lại đong lường cho đúng sự tình. Phải nhận kỹ năm chữ "khả dĩ", "khả dĩ vô", mà lại chú trọng ở phía "khả dĩ vô" : đáng không lấy thời ta không lấy, là hoàn toàn được đức "liêm; đáng không cho thời ta không cho, là hoàn toàn được đức "huệ"; đáng không chết mà ta không chết, là hoàn toàn được đức "dũng".

Nói trái lại, quân tử vẫn có "thủ", nhưng xét ở đạo lý nhất định khả dĩ thủ thời thủ mà vẫn cứ là liêm; quân tử vẫn

có dũ, nhưng xét ở đạo lý nhất định khả dĩ dũ thời dũ mới là huệ; quân tử vẫn không sợ chết, nhưng xét ở đạo lý nhất định khả dĩ tử thời tử càng thấy là dũng. Chứng vào người đời xưa thời như Y Doãn lấy sinh tệ của vua Thang, là thủ không thương liêm; đức Khổng cho thầy Nguyên Tư 900 bỉnh lúa là dũ không thương huệ; Bá Di, Thúc Tề ngạ tử ở núi Thú Dương là tử không thương dũng.

Trái lại, giả như thầy Mạnh mà nhận lấy lộc vạn chung của Tề vương là thủ mà thương liêm; Nhiễm Tử cho Công Tây Xích ngũ bỉnh lúa là dũ mà thương huệ; thầy Tử Lộ chịu chết với Khổng Khôi nước Vệ là tử mà thương dũng.

Mạnh Tử viết : Vô tội nhi sát sĩ, tắc đại phu khả dĩ khứ; vô tội nhi lục dân, tắc sĩ khả dĩ tỷ.

孟子曰：無罪而殺士，則大夫可以去；無罪而戮民，則士可以徙。

Thầy Mạnh nói rằng : Không xét được người sĩ có tội lỗi gì mà vua nỡ đem ra giết, thời những quan đại phu cũng nên bỏ mà đi; không xét được dân có tội lỗi gì mà vua nỡ đem ra giết nó, thời những người sĩ cũng nên dời tránh.

Thảy các bài như trên là lý luận thầy Mạnh ở trên đường "thiệp thế".

Từ đây sấp xuống là chứng vào những việc thầy đã thực hành :

Mạnh Tử trí vi thần nhi qui. Tha nhật vương vị Thì Tử viết : Ngã dục trung quốc nhi thụ Mạnh Tử thất, dưỡng đệ tử dĩ vạn chung, sử chư đại phu quốc nhân giai hữu sở căng thức, tử hạp vi ngã ngôn chi. Thì Tử nhân Trần Tử nhi dĩ cáo Mạnh Tử. Mạnh Tử viết : Nhiên ! Phù Thì Tử ô tri kỳ bất khả dã ! Như sử dư dục phú, từ thập vạn nhi thụ vạn, thị vi dục phú hồ ? Quí Tôn viết : Dị tai ! Tử Thúc Nghi ! Sử kỷ vi chính bất dụng, tắc diệc dĩ hỹ, hựu sử kỳ tử đệ vi khanh ! Nhân diệc thục bất dục phú quí, nhi độc ư phú quí chi trung hữu tư lũng đoạn yên.

孟子致為臣而歸．他日王謂時子曰：我欲中國而授孟子室，養弟子以萬鍾，使諸大夫國人皆有所矜式，子盍為我言之．時子因陳子而以告孟子．孟子曰：然！夫時子惡知其不可也！如使予欲富，辭十萬而受萬，是為欲富乎？季孫曰：異哉子叔疑！使己為政不用，則亦已矣，又使其子弟為卿！人亦孰不欲富貴，而獨於富貴之中，有私壟斷焉．

Thầy Mạnh thường làm Khách Khanh ở nước Tề, thờ vua Tề Tuyên Vương, nhưng chỉ có danh nghĩa làm quan Khanh, chứ chưa từng ăn bổng lộc (việc này ở năm thứ ba Chu Thận Thuyên Vương nước Tàu; 318 năm trước lịch Tây kỷ nguyên). Thầy lúc đó 55 tuổi. Suốt một đời của thầy gọi bằng có làm quan, chỉ có trong mấy tháng năm ấy. Lúc đầu thầy vốn trông mong Tề Tuyên Vương dụng được thầy, mà những sở học của thầy như : chủ nghĩa dân quyền, chủ nghĩa phi chiến và những chính sách bình dân giáo dục, bình dân kinh tế, nhứt nhứt thực hiện ở việc làm, đưa thiên hạ lên trên đường Nghiêu Thuấn. Nên thầy có nói rằng :

"Đương kim chi thế như dục bình trị thiên hạ, xả ngã, kỳ thùy".

當今之世如欲平治天下，舍我其誰？

Nghĩa là : "Đương đời bây giờ như muốn bình trị được thiên hạ, bỏ ta thời còn ai làm nên !".

Nhưng tiếc thay ! Tề Tuyên Vương là một người đủ hết các tật : háo sắc, háo hóa, háo dũng, vẫn không tư cách làm vua hiền; mà thầy Mạnh thời học thuật lại quá cao, bày vẽ cho vua rặt những đạo Nghiêu Thuấn. Thầy đã có nói rằng :

"Ngã phi Nghiêu Thuấn chi đạo, bất cảm dĩ trần ư vương tiền".

我非堯舜之道，不敢以陳於王前．

Nghĩa là : Ta chẳng lấy đạo Nghiêu Thuấn thời chẳng

dám đem bày trước nhà vua.

Nhất phiến khổ tâm thầy ở nước Tề, chỉ muốn hành kỳ sở học mà thôi. Nhưng tội tình quá ! Đánh đờn ở bên tai trâu, chẳng bao giờ có hiệu quả, nên thầy có nói với Tề Tuyên Vương rằng : **"Phù nhân, ấu nhi học chi tráng nhi dục hành chi. Vương tắc viết : "Cô xả nhữ sở học nhi tùng ngã, tắc hà như ?"**.

夫人，幼而學之，壯而欲行之，王則曰：姑舍汝所學而從我，則何如？

Nghĩa là một con người kia, lúc trẻ mà học đạo Nghiêu Thuấn, đến tuổi lớn mà muốn hành được cái học ấy; ai dè vua lại nói rằng : "Hãy bỏ sở học của mày đi mà chiều theo những điều ta muốn", thời biết làm sao bây giờ ! Vậy nên kết quả thầy phải bỏ nước Tề.

Từ đây sắp xuống, chuyên biên chép những việc lúc thầy ở nước Tề, chính là một bức gương "thiệp thế" rất lớn của đời người thầy Mạnh :

Thầy Mạnh đã chẳng bằng lòng với Tề Vương, trả chức việc làm tôi lại cho Tề Vương mà về nhà quán mình (**Mạnh Tử trí vi thần nhi qui**). Ngày khác vua có nói với quan đại phu là Thì Tử rằng : "Ý ta muốn kén một địa điểm vừa chính ở giữa nước mà làm nhà cho thầy Mạnh ở" (**tha nhật vương vị Thì Tử viết : Ngã dục trung quốc nhi thụ Mạnh Tử thất**), cấp bổng lộc vạn chung cho thầy để thầy nuôi đệ tử, sẽ khiến các quan đại phu và người nước ta thảy có chốn trông nom làm khuôn phép; người sao chẳng vì ta nói giùm cho với (**dưỡng đệ tử dĩ vạn chung, sử vi đại phu quốc nhân giai hữu sở căng thức; tử hạp vị ngã ngôn chi** ?).

Tề Vương nói thế, chẳng qua muốn mua chuộc lấy tiếng tôn hiền, nhưng vì Thì Tử cũng không hiểu, nên cậy Trần Trán giới thiệu, đem lời Tề Vương nói mà thưa với thầy (**Thì Tử nhân Trần Tử nhi dĩ cáo Mạnh Tử**). Thầy nói rằng : Có thế ru ? (**Mạnh Tử viết : nhiên** ?). Nhưng mà Thì Tử làm gì biết được lẽ không nên dó vậy (**phù Thì Tử ô tri bất**

khả dã). Giả như ta thiệt có lòng muốn làm giàu thời khi ta làm quan Khanh có bổng lộc 10 vạn chung của vua nuôi, té ra từ phần nhiều mà chịu phần ít, có phải là muốn làm giàu đó ru ? (**như sử dư dục phú, từ thập vạn nhi thụ vạn, thị vi dục phú hồ** ?). Thầy nói mấy câu như trên là vì không tiện nói xấu vua, nên thầy phải nói khéo. Thầy phải dẫn lời Quí Tôn cho Trần Tử nghe : "Xưa Quí Tôn có nói rằng : lạ thiệt cho Tử Thúc Nghi ! khiến mình làm việc chính, dã chẳng dụng được mình thời cũng thôi là xong, quay lại không bỏ đứt được phú quí mà khiến con em mình ra làm quan Khanh (**Quí Tôn viết : Dị tai Tử Thúc Nghi ! Sử kỷ vi chính bất dụng tắc diệc dĩ hỹ, hựu sử kỳ tử đệ vi khanh**). Ôi ! thường tình người ai lại chẳng muốn phú quí, mà một mình Tử Thúc Nghi ư trong đám phú quí có lũng đoạn riêng nữa vậy, chẳng đáng quái lạ lắm sao ? (**nhân diệc thục bất dục phú quí, nhi độc ư phú quí chi trung hữu tư lũng đoạn yên**).

(Chữ "trí" đây tức là chữ "trí sĩ"; "trung quốc", nghĩa là vừa cần ở chính giữa nước, bốn phương đi lại đường in như nhau; nghĩa chữ "lũng đoạn" đã thích ở tiết thứ 6).

Thầy sở dĩ dẫn lời Quí Tôn, chỉ cho rõ ý thầy không lẽ dã từ thập vạn mà lại thụ vạn. Nhưng chân tâm của thầy thời chỉ vì Tề Vương không thể cộng sự được. Vì thầy còn ở giữa nước Tề, không thể nói thẳng ý ấy được. Vậy nên lại có mấy bài sau này :

Mạnh Tử khứ Tề, Doãn Sĩ ngữ nhân viết : Bất thức vương chi bất khả dĩ vi Thang Võ, tắc thị bất minh dã; thức kỳ bất khả, nhiên thả chí, tắc thị can trạch dã. Thiên lý nhi kiến vương, bất ngộ, cố khứ, tam túc nhi hậu xuất Trú, thị hà nhu trệ dã ? Sĩ tắc tư bất duyệt. Cao Tử dĩ cáo. Viết : phù Doãn Sĩ ô tri dư tai ! Thiên lý nhi kiến vương, thị dư sở dục dã; bất ngộ, cố khứ, khởi dư sở dục tai ! Dư tắc bất đắc dĩ dã, Dư tam túc nhi xuất Trú, ư dư tâm do dĩ vi tốc; vương thứ kỳ cải chi; vương như cải chư, tắc tất phản dư. Phù xuất Trú nhi vương bất dư truy dã, dư nhiên

hậu hạo nhiên hữu qui chí. Dư tuy nhiên khởi xả vương tai; vương do túc dụng vi thiện. Vương như dụng dư, tắc khởi đố Tề dân yên, thiên hạ chi dân cử yên. Vương thứ kỳ cải chi, dư nhật vọng chi; dư khởi nhược thị tiểu trượng phu nhiên tai, gián ư kỳ quân nhi bất thụ, tắc nộ, hạnh hạnh nhiên hiện ư kỳ diện, khứ tắc cùng nhật chi lực nhi hậu túc tai. Doãn Sĩ văn chi, viết : Sĩ thành tiểu nhân dã.

孟子去齊，尹士語人曰：不識王之不可以為湯武，則是不明也；識其不可，然且至，則是干澤也。千里而見王，不遇，故去。三宿而後出晝，是何濡滯也？士則茲不悅，高子以告，曰：夫尹士惡知予哉！千里而見王，是予所欲也；不遇故去，豈予所欲哉！予則不得已也。予三宿而出晝，於予心猶以為速；王庶幾改之；王如改諸，則必反予。夫出晝而王不予追也，予然後浩然有歸志。予雖然豈舍王哉；王由足用為善，王如用予，則豈徒齊民安，天下之民舉安。王庶幾改之，予日望之；予豈若是小丈夫然哉！諫於其君而不受，則怒，悻悻然見於其面，去則窮日之力而後宿哉！尹士聞之，曰：士誠小人也。

Thầy đã đi khỏi quốc đô nước Tề (**Mạnh Tử khứ Tề**). Bạn quen với thầy là Doãn Sĩ nói với người ta rằng : Giả như Mạnh Tử chẳng biết được vua là người chẳng đủ tư cách làm Thang, Võ thời Mạnh Tử mác lấy lỗi bất minh rồi vậy. (**Doãn Sĩ ngữ nhân viết : bất thức vương chi bất khả dĩ vi Thang Võ, tắc thị bất minh dã**). Biết vua Tề là bất khả, thế mà hãy tìm đến nước Tề thời là Mạnh Tử mác lấy lỗi can trạch rồi vậy (**thức kỳ bất khả, nhiên thả chí, tắc thị can trạch dã**).("bất minh" nghĩa là không có óc phán đoán người; "can" nghĩa là cầu cạnh; "trạch" nghĩa là ơn huệ). Đánh đường từ nghìn dặm xa mà đến yết kiến vua Tề, vì chẳng

dụng được vua Tề nên phải đi (**thiên lý nhi kiến vương, bất ngộ cố khứ**); vì bất ngộ mà phải đi, lẽ nên đi cho mau; bây giờ trải ba hôm mà sau mới ra khỏi đất Trú, làm gì ui dai chậm trễ như thế ! (**tam túc nhi hậu xuất Trú, thị hà nhu trệ giả**).

Câu này có ý nghi thầy không quả quyết. Trong lời Doãn Sĩ dọ Tề Vương chỉ nói Thang, Võ, là có ý trách thầy Mạnh không tài như Y Doãn, Thái Công mà giúp cho vua làm cách mệnh như Thang, Võ.

Học trò thầy là Cao Tử đem lời Doãn Sĩ mà cáo với thầy (**Cao Tử dĩ cáo**). Thầy nói rằng : Kìa Doãn Sĩ làm sao biết được lòng ta ! (**viết : phù Doãn Sĩ ô tri dư tai** !) Thiên lý nhi kiến vương, ta vẫn ôm mối hy vọng rất lớn mà đến vậy (**thiên lý nhi kiến vương, thị dư sở dục dã**); bất ngộ cố khứ, há phải chí nguyện ta ưng như thế đâu ! Đó chính là ta cực chẳng đã mà thôi vậy ! (**bất ngộ cố khứ, khởi dư sở dục tai ! dư bất đắc dĩ dã**). Ta mới ba hôm mà đã ra khỏi đất Trú. Đáng lẽ phải nói là : Ta ba hôm mà chỉ mới ra khỏi đất Trú, nhưng theo về lòng ta hãy còn cho là đi có hơi chóng (**dư tam túc nhi xuất Trú, ư dư tâm do dĩ vi tốc**).

Vì sao thế ? Vì ta còn trông mong ở vua, ngõ hầu vua đổi được lòng vua (**vương thử kỳ cải chi**). Giả như vua thiệt đổi lòng, thời tất chẳng chịu để cho ta đi, mà mời ta trở lại (**Vương như cải chư, tắc tất phản dư**). Ai dè đâu, khi ta ra khỏi đất Trú, mà vua chẳng khiến người mời ta trở lại vậy (**phù xuất Trú nhi vương bất dư truy dã**). Lúc đó ta mới quyết tuyệt với đất nước Tề mà định chí về nước nhà (**dư nhiên hậu hạo nhiên hữu qui chí**). Ta tuy bề ngoài như thế, nhưng trong lòng há bỏ đứt được vua đâu ! (**dư tuy nhiên, khởi xả vương tai**). Xem tính chất của vua vẫn còn có thể giùm giúp cho làm điều lành (**vương do túc dụng vi thiện**); vua giả như thiệt trọng dụng ta thời ta quyết đem đạo Nghiêu Thuấn mà thi hành ư nước Tề thời há những dân nước Tề được an mà thôi, có lẽ đến cả dân trong thiên hạ cũng thảy được an (**vương như dụng dư tắc khi đồ Tề dân yên, thiên**

hạ chi dân cử yên).

Thầy sở dĩ nói câu này là vì thế lực nước Tề mạnh nhất ở trong đời ấy. Lợi dụng nước Tề mà thống nhất được thiên hạ cũng chẳng phải việc khó.

Vua ngô hầu đổi được lòng, ta vẫn ngày ngày trông hoài (**vương thử kỳ cải chi, dư nhật vọng chi**). Ta đây há phải như bọn tiểu trượng phu kia dâu ? ! (**dư khỉ nhược thị tiểu trượng phu nhiên tai** !). Họ can vua mà vua chẳng nghe, thời giận ngay (**giản ư kỳ quân nhi bất thụ, tắc nộ**). Xăng xăng vậy tỉnh thần tức giận tỏ ra ở ngoài mặt (**hạnh hạnh nhiên hiện ư kỳ diện**) đã ra đi thời cố sức đi trong một ngày mà sau mới nghỉ. Bọn tiểu trượng phu thời như thế, ta đây há như thế dâu (**khứ tắc cùng nhật chi lực nhi hậu túc tai** !).

Doãn Sĩ nghe được lời thầy, tự trách mình rằng : "Lòng quân tử như thế, mà tiểu nhân làm gì biết được ! Sĩ đây thiệt là tiểu nhân vậy !" (**Doãn Sĩ văn chi, viết : Sĩ thành tiểu nhân dã**). (Hai người chẳng tương đắc gọi là "bất ngộ"; "Trú" là tên một xứ đất ở gần quốc đô nước Tề).

Mạnh Tử khứ Tề, cư Hưu. Công Tôn Sửu vấn viết : Sĩ nhi bất thụ lộc, cổ chi đạo hồ ? Viết : Phi dã. Ư Sùng, ngộ đắc kiến vương; thối nhi hữu khứ chí; bất dục biến, cố bất thụ dã; kế nhi hữu sư mệnh, bất khả dĩ thỉnh. Cửu ư Tề, phi ngã chí dã.

孟子去齊，居休。公孫丑問曰：士而不受祿，古之道乎？曰：非也。於崇吾得見王；退而有去志；不欲變，故不受也；繼而有師命，不可以請。久於齊，非我志也。

Khi thầy Mạnh đã đi khỏi quốc đô nước Tề, nghỉ lại ở ấp Hưu (**Mạnh Tử khứ Tề, cư Hưu**). Công Tôn Sửu nhắc chuyện cũ mà hỏi rằng : "Thầy làm quan cho nước Tề, mà thầy lại chẳng chịu ăn bổng lộc, e thầy làm theo dạo của đời xưa chăng ? (**Công Tôn Sửu vấn viết : Sĩ nhi bất thụ lộc, cổ chi đạo hồ** ?). Thầy nói rằng : Chẳng phải vậy (**phi dã**). Khi ta mới vào đất nước Tề, ở đất Sùng, được tiếp chuyện

với vua, ta đã thấy được triệu xấu; lúc từ biệt vua, ta vẫn đã có ý phải bỏ nước Tề (**ư Sùng, ngô đắc kiến vương, thối nhi hữu khứ chí**). Chí ấy chẳng muốn thay đổi nữa, cho nên tuy có chịu tiếng làm quan Khánh mà chẳng chịu lấy bổng lộc (**bất dục biến, cố bất thụ dã**). Đoạn rồi, vừa trong nước đụng có việc binh, chẳng lẽ xin bỏ đi ở giữa lúc hoạn nạn; vì thế mà ta phải lôi thôi ở đất nước Tề, chứ theo nguyện chí của ta thời chẳng muốn ở lâu ư nước Tề vậy (**kế nhi hữu sư mệnh, bất khả dĩ thỉnh, cửu ư Tề, phi ngã chí dã**).

Lại xem như bài dưới này thời nghĩa "từ thụ" của thầy Mạnh càng đáng làm gương cho chúng ta lắm :

Trần Trăn vấn viết : Tiền nhật ư Tề, vương quị kiêm kim nhất bách, nhi bất thụ; ư Tống quị thất thập dật nhi thụ; ư Tiết quị ngũ thập dật nhi thụ. Tiền nhật chi bất thụ : thị, tắc kim nhật chi thụ : phi dã. Kim nhật chi thụ : thị, tắc tiền nhật chi bất thụ : phi dã. Phu tử tất cư nhất ư thử hỹ ? Mạnh Tử viết : Giai thị dã ! đương tại Tống dã, dư tương hữu viễn hành; hành giả tất đĩ tận, từ viết : "Quị tận", dư hà vi bất thụ ? Đương tại Tiết dã, dư hữu giới tâm, từ viết : "Văn giới, cố vị bình quị chi", dư hà vi bất thụ ? Nhược ư Tề tắc vị hữu xử dã; vô xử nhi quị chi, thị hóa chi dã. Yên hữu quân tử, nhi khả dĩ hóa thủ hồ ?

陳臻問曰：前日於齊，王餽金一百，而不受；於宋餽七十鎰而受；於薛餽五十鎰而受；前日之不受：是，則今日之受：非也；今日之受：是，則前日之不受：非也；夫子必居一於此矣？孟子曰：皆是也！當在宋也，予將有遠行，行者必以贐．辭曰：餽贐；予何為不受？當在薛也，予有戒心，辭曰：聞戒，故為兵餽之；予何為不受？若於齊則未有處也．無處而餽之，是貨之也．焉有君子．而可以貨取乎？

Trần Trăn hỏi với thầy rằng : Ngày trước thầy ở nước

Tề, vua Tề đưa cho thầy vàng gấp giá 100 cân mà thầy từ chẳng nhận; đoạn, sau thầy ở nước Tống, vua Tống đưa cho thầy 70 dật mà thầy nhận; thầy ở nước Tiết, vua Tiết đưa 50 dật mà thầy nhận. Cũng là một việc người ta cho mình như nhau, mà ngày trước thời thầy bất thụ; nếu bất thụ mà cho là phải thời ngày nay thầy thụ là trái vậy (**tiền nhật chi bất thụ thị, tắc kim nhật chi thụ, phi dã**). Nếu ngày nay thầy thụ là phải thời ngày trước thầy bất thụ chắc là trái vậy (**kim nhật chi thụ, thị; tắc tiền nhật chi bất thụ, phi dã**); thầy chắc phải nhận một lỗi ư việc ấy vậy (**phu tử tất cư nhất ư thử hỹ**).

Thầy trả lời rằng : tiền nhật và kim nhật, thụ và bất thụ, tất thảy phải cả, chẳng chuyện gì trái hết ! (**Mạnh Tử viết : giai thị dã**).

Vì sao mà nói rằng "giai thị" ? Đương lúc ta ở nước Tống mà toan ra đi, ta sắp sửa có công việc đi đường xa (**đương tại Tống dã dư tương hữu viễn hành**); hễ người đi đường xa tất phải có tiền ăn đi đường (**hành giả tất dĩ tận**); lời người đưa vàng nói rằng "đưa lộ phí", ta có cớ gì mà chẳng nhận ? (**từ viết "quị tận" dư hà vi bất thụ** ?). Đương lúc ta ở nước Tiết mà toan ra đi, ta có lòng sợ dụng phải giặc ở giữa đường (**đương tại tiết dã, dư hữu giới tâm**); lời người đưa vàng nói với ta rằng : "nghe có giới cụ nên vì sám đồ binh bị mà phải cấp phí cho", ta có cớ gì mà chẳng nhận ? (**Tử viết : "văn giới, cố vi binh qui chi", dư hà vi bất thụ** ?). Hai việc đó vì có nghĩa xử trí món vàng ấy thời ta thụ là phải rồi, chứ như ngày trước ta ở nước Tề thời chưa có nghĩa gì xử xong cả vậy (**nhược ư Tề tắc vị hữu xử dã**). Không nghĩa gì xử mà đem của cho, té ra lấy của làm mồi nhử mình đó vậy (**vô xử nhi quị chi, thị hóa chi dã**). Há có lẽ đối với người quân tử mà toan đem của mồi nhử được ư ? (**yên hữu quân tử nhi khả dĩ hóa thủ hồ** ?) (theo phép cân đời xưa : 20 lượng vàng là một "dật"; "tận" nghĩa là lễ vật đưa người lên đường để làm lộ phí; -"giới" nghĩa là sợ đi đường dụng phải giặc).

Mạnh Tử cư Trâu, Quí Nhậm vi Nhâm xử thú dĩ tệ

giao, thụ chi nhi bất báo; xử ư Bình lục Chử Tử vi tướng, dĩ tệ giao, thụ chi nhi bất báo. Tha nhật do Trâu chi Nhâm kiến Quí Tử; do Bình Lục chi Tề, bất kiến Chử Tử. Ốc Lô Tử hỉ, viết : Liên đắc gián hỹ. Vấn viết : Phu tử chi Nhâm kiến Quí Tử, chi Tề bất kiến Chử Tử, vị kỳ vi tướng dư ? Viết : phi dã. Thư viết : hưởng đa nghi; nghi bất cập vật, viết bất hưởng; duy bất dịch chí vu hưởng, vị kỳ bất thành hưởng dã. Ốc Lô Tử duyệt. Hoặc vấn chi. Ốc Lô Tử viết : Quí Tử bất đắc chi Trâu, Chử Tử đắc chi Bình Lục.

孟子居鄒，季任為任處守，以幣交，受之而不報；處於平陸，儲子為相，以幣交，受之而不報．他日由鄒之任見季子；由平陸之齊，不見儲子．屋廬子喜，曰：連得間矣．問曰：夫子之任見季子，之齊不見儲子，為其為相與？曰：非也．書曰：享多儀，儀不及物，曰：不享．惟不役志於享，為其不成享也．屋廬子悅．或問之．屋廬子曰：季子不得之鄒，儲子得之平陸．

Khi thầy ở nước Trâu có người làm quan giữ đất Nhâm tên là Quí Nhậm đem lễ vật giao tiếp với thầy (**Mạnh Tử cư Trâu, Quí Nhậm vi Nhâm xử thú, dĩ tệ giao**), thầy chịu lễ vật nhưng chẳng đáp lễ (**thụ chi nhi bất báo**). Đến lúc thầy tạm ở đất Bình Lục, Chử Tử đương làm tướng nước Tề, lấy lễ vật giao tiếp với thầy (**xử ư Bình Lục, Chử Tử vi tướng, dĩ tệ giao**), thầy chịu lấy lễ vật, nhưng cũng chẳng đáp lễ (**thụ chi nhi bất báo**). Đoạn rồi, đến ngày sau, thầy từ đất Trâu đi qua đất Nhâm, vào yết kiến Quí Tử tỏ ý cảm ơn (**tha nhật do Trâu chi Nhâm, kiến Quí Tử**); từ đất Bình Lục đi qua quốc đô nước Tề, chẳng vào yết kiến Chử Tử để cảm ơn (**do Bình Lục chi Tề, bất kiến Chử Tử**). Ốc Lô Tử là học trò thầy, mừng mà nói rằng : Liên này bữa nay dụng được nhịp hỏi rồi (**Ốc Lô Tử hỉ, viết Liên đắc gián hỹ**), và hỏi thầy rằng : "Phu tử chi Nhâm kiến Quí Tử chi Tề bất

kiến Chừ Tử, e thầy vì cái cớ Chừ Tử làm quan tướng đó ru ?" (**vấn viết : phu tử chi Nhâm, kiến Quí Tử; chi Tề bất kiến Chừ Tử; vị kỳ vi tướng dư** ?).

Trong ý Ốc Lô Tử nghĩ rằng thầy Mạnh làm cao với quan tướng mà chẳng chịu yết kiến, chứ như Quí Tử là một quan huyện nên thầy mới yết kiến. Nhưng Ốc Lô Tử vẫn nhận lầm ý thầy.

Thầy trả lời rằng : Chẳng phải như ý anh nói (**viết : phi dã**). Để ta dẫn lời ***Kinh Thư*** nói cho anh nghe :

Kinh Thư, thiên *Lạc Cáo* có rằng : Tiệc mời khách sở dĩ quí hóa là cốt ở lòng kính (**Thư viết : hưởng, đa nghi**), nếu lòng cung kính thua với vật chất, thời gọi rằng không hưởng (**nghi bất cập vật, viết bất hưởng**).

Vì cớ sao mà nói rằng "bất hưởng" ? Bởi vì có hư văn mà không thành ý, chỉ là thấy được người ấy chẳng để lòng ở nơi hưởng khách (**duy bất dịch chí vu hưởng**). Lời ***Kinh Thư*** nói như thế là vì cách hưởng đó chỉ có vật mà không nghi, chẳng lấy gì thành được lễ hưởng vậy (**vị kỳ bất thành hưởng dã**). Ốc Lô Tử nghe lời thầy nói rồi mừng lắm (**Ốc Lô Tử duyệt**). Có người hỏi lại vì cớ sao ? (**hoặc vấn chi** ?). Ốc Lô Tử giải thích cho nghe rằng : Quí Tử vì có chức trách làm quan huyện, chẳng được phép bỏ huyện mà đi sang nước Trâu, nên chỉ "dĩ tệ giao" là đủ tỏ lòng cung kính. Còn như Chừ Tử là làm tướng ở quốc đô nước Tề, có quyền được tự do đi đến Bình Lục, thế mà chỉ "dĩ tệ giao" mà thôi, chẳng chịu tới yết kiến thầy, đó là tỏ ra lòng cung kính thua Quí Tử. Vì thế mà thầy Mạnh đáp lễ có khác nhau. "Chi Nhâm kiến Quí Tử, chi Tề bất kiến Chừ Tử" là chỉ xét ở chân tâm của hai người mà chẳng phải xét ở lễ vật đó vậy.

(**Ốc Lô Tử viết : Quí Tử bất đắc chi Trâu, Chừ Tử đắc chi Bình Lục**).

("Xử thủ" là như quan tri huyện ; "Bình Lục" là đất ở gần quốc đô nước Tề -"Liên" là tên Ốc Lô Tử; "đa" nghĩa là đáng qui trọng; "nghi" nghĩa là lòng cung kính, lễ vật không gì mà lòng cung kính nhiều; "bất hưởng" nghĩa là tuy có

hưởng cũng như bất hưởng; "hưởng" nghĩa là lễ tiếp khách).

Xem như bài trên ấy, việc rất thiển cận mà ý tứ rất cao thâm. Đạo "thiệp thế" của Thánh hiền thiệt chu mật từ một nước bước là như thế.

Lại xem như bài dưới này thời biết được đạo tiến thối của chúng ta ở trên đường "thiệp thế" :

Mạnh Tử vị Trì Oa viết : Tử chi từ Linh Khưu nhi thỉnh sĩ sư, tự dã; vị kỳ khả dĩ ngôn dã. Kim ký số nguyệt hỹ, vị khả dĩ ngôn dư ? Trì Oa gián ư vương nhi bất dụng, trí vi thần nhi khứ. Tế nhân viết : Sở dĩ vị Trì Oa, tắc thiện hỹ; sở dĩ tự vị, tắc ngô bất tri dã. Công Đô Tử dĩ cáo. Viết : Ngô văn chi dã : hữu quan thủ giả, bất đắc kỳ chức tắc khứ; hữu ngôn trách giả, bất đắc kỳ ngôn tắc khứ. Ngã vô quan thủ, ngã vô ngôn trách dã, tắc ngô tấn thối khởi bất xước xước nhiên hữu dư dụ tai.

孟子謂蚳鼃曰：子之辭靈丘而請士師似也；為其可以言也。今既數月矣，未可以言與？蚳鼃諫於王而不用，致之臣而去。齊人曰：所以為蚳鼃則善矣；所以自為則吾不知也。公都子以告。曰：吾聞之也；有官守者，不得其職則去，有言責者，不得其言則去；我無官守，我無言責也。則吾進退，豈不綽綽然有餘裕哉！

Trì Oa, làm quan Sĩ sư nước Tề, thấy có nói với rằng : Nhà ông từ chức quan ở Linh Khưu mà xin làm chức Sĩ sư, điều ấy giống như phải vậy ! (**Mạnh Tử vị Trì Oa viết : tử chi từ Linh Khưu nhi thỉnh Sĩ sư, tự dã**). Bởi vì làm Sĩ sư là chức thân cận vua, có thể khuyên can vua được vậy (**vị kỳ khả dĩ ngôn dã**). Nay ông làm Sĩ sư đã trót vài tháng rồi, ở trong vài tháng đó mà thấy ông cứ im lặng, e chưa có chuyện gì đáng nói đó ru ? (**kim ký số nguyệt hỹ, vị khả dĩ ngôn dư** ?).

Trì Oa nguyên là một người bạn tốt của thầy, nên nghe

thấy nói, liền vào can vua, nhưng vua chẳng nghe lời, Trì Oa trả chức Sĩ sư cho vua mà về (**Trì Oa gián ư vương nhi bất dụng, trí vi thần nhi khứ**). Người nước Tề họ biết chuyện ấy là vì thầy Mạnh, họ lại cười thầy mà nói rằng : Cách thầy Mạnh sở dĩ xử trí cho Trì Oa thời phải lắm rồi vậy (**Tề nhân viết : sở dĩ vị Trì Oa, tắc thiện hỹ**); nhưng thầy Mạnh sở dĩ tự xử trí cho mình thời chúng ta chẳng biết đó vậy (**sở dĩ tự vị, tắc ngô bất tri dã**). Tề nhân sở dĩ nói như thế là vì thấy thầy Mạnh ở Tề lâu, nghi thầy có ý cầu làm quan trở lại chăng ? Công Đô Tử là học trò thầy đem lời Tề nhân mà cáo với thầy (**Công Đô Tử dĩ cáo**). Thầy nói rằng : Ta có nghe ở Thánh hiền đời xưa dạy rồi vậy (**viết : ngô văn chi dã**) : Hễ ai có chức trách phải khuyên can vua, nếu chẳng được vua tín dụng lời nói mình thời phải bỏ đi (**hữu ngôn trách giả, bất đắc kỳ ngôn, tắc khứ**). Chứ như ta ở nước Tề không quan thủ kia mà ! không ngôn trách kia mà ! thời quyển đi, không đi có ai bắt buộc ta đâu ! Ta lên hay lui, có gì chẳng thung dung tự tại đó ư ? (**ngã vô quan thủ, ngã vô ngôn trách dã, tắc ngô tiến thối khỉ bất xước xước nhiên hữu dư dụ tai** !).

("Ngôn" nghĩa là can khuyên vua; "tấn" nghĩa là lên làm quan nữa; "thối" nghĩa là lui về đất nhà mình; "xước xước nhiên" là có ý khoan thai tùy tiện).

Lại xem bài dưới này thời biết thêm được đạo nhân ở trên đường "thiệp thế" :

Thuần Vu Khôn viết : Tiên danh thực giả, vị nhân dã, hậu danh thực giả, tự vị dã. Phu tử tại tam khanh chi trung, danh thực vị gia ư thượng hạ, nhi khứ chi ; nhân giả, cố như thử hồ ? Mạnh Tử viết : Cư hạ vị, bất dĩ hiền sự bất tiếu giả, Bá Di dã ; Ngũ tựu Thang, ngũ tựu Kiệt giả. Y Doãn dã, bất ố ô quân, bất từ tiểu quan giả, Liễu Hạ Huệ dã. Tam tử giả, bất đồng đạo, kỳ xu nhất dã. Nhất giả : hà dã ? Viết : nhân dã. Quân tử diệc nhân nhi dĩ hỹ, hà tất đồng ? Viết : Khổng Tử vi Lỗ Tư Khấu, bất dụng; tùng nhi Tế, phàn nhục bất

chí, bất thoát miện nhi hành; bất tri giả, dĩ vi vị nhục dã; kỳ tri giả, dĩ vi vị vô lễ dã; nãi Khổng Tử tắc dục dĩ vi tội hành, bất dục vi cẩu khứ. Quân tử chi sở vi, chúng nhân cố bất thức dã.

淳于髡曰：先名實者，為人也；後名實者，自為也。夫子在三卿之中，名實未加於上下，而去之；仁者，固如此乎？孟子曰：居下位，不以賢事不肖者：伯夷也；五就湯，五就桀者：伊尹也；不惡汙君，不辭小官者：柳下惠也。三子者，不同道，其趨一也。一者，何也？曰：仁也。君子亦仁而已矣，何必同？曰：孔子為魯司寇，不用；從而祭，燔肉不至，不稅冕而行；不知者，以為為肉也；其知者，以為為無禮也；乃孔子則欲以微罪行，不欲為苟去。君子之所為，眾人固不識也。

Thuần Vu Khôn nói với thầy rằng : Ở trong đạo lý, hễ có danh tất phải có thực. Vả lại thực phải cho xứng với danh. Những kẻ có danh thực mà chăm làm trước, là kẻ làm lợi ích cho người vậy (**Thuần Vu Khôn viết : Tiên danh thực giả, vị nhân dã**). Những kẻ chẳng cần có danh thực mà đặt danh thực lại sau, là người chỉ làm lợi ích cho mình đó vậy (**hậu danh thực giả, tự vị dã**). Bây giờ nhà thầy đã từng ở địa vị trong ba quan Khanh, lẽ nên làm cho có danh thực gì đã, mà bây giờ mới trong bấy nhiêu ngày chưa có danh thực gác ư trên vua dưới dân, thế mà thầy bỏ quách (**phu tử tại tam khánh chi trung, danh thực vị gia ư thượng hạ, nhi khứ chi**), há lẽ người có đức nhân vẫn làm như thế ư ? (**nhân giả cố như thử hồ** ?).

Chữ "nhân" ở trong lời Thuần Vu Khôn chỉ nghĩ rằng : Đã là nhân giả, tất nhiên yêu vua mà chẳng nỡ bỏ vua. Chứ như chữ "nhân" ở trong ý thầy Mạnh thời khác thế. Xin xem lời thầy nói :

Thầy trả lời rằng : Đời xưa có ba người : Một là ông Bá Di gọi bằng "thánh chi thanh", ông ấy dẫu ở ngôi thấp, nhưng người trên mình mà bất tiếu thời bỏ đi ngay, chẳng chịu dem mình là người hiền mà cộng sự với người bất tiếu, là ông Bá Di đó vậy (**Mạnh Tử viết : cư hạ vị bất dĩ hiền sự bất tiếu giả, Bá Di dã**). Hai là ông Y Doãn, gọi bằng "thánh chi nhậm"; ông ấy xem việc trong đời chẳng thấy việc gì là khó, xem người trong đời chẳng thấy người nào là hư; vua Thang, vua Kiệt vẫn khác nhau xa, mà ông đã năm lần tới đất nước vua Thang, cũng năm lần tới đất nước Kiệt (**ngũ tựu Thang, ngũ tựu Kiệt giả, Y Doãn dã**). Nguyên đầu vua Thang rước Y Doãn, nhưng lại tiến Y Doãn với Kiệt, mong Kiệt dụng Y Doãn thời vua Thang khỏi phải cách mệnh; mà Y Doãn cũng ráp gan di lại cả Thang Kiệt đến năm lần, cuối cùng mới giúp Thang đánh Kiệt. Ba là ông Liễu Hạ Huệ gọi bằng "thánh chi hòa", ông ấy chỉ chú trọng về chủ quan ở phần mình mà chẳng quản đến khách quan ở phần người, dẫu dụng lấy vua dơ bẩn cũng chẳng ghét, dẫu làm chức quan thấp nhỏ cũng chẳng từ, miễn cho hết nghĩa vụ của mình là xong, mà chẳng kể đối phương, là ông Liễu Hạ Huệ đó vậy (**bất ố ô quân, bất từ tiểu quan giả, Liễu Hạ Huệ dã**).

Ba ông ấy chẳng in nhau một đường lối, nhưng cái mục đích nhè vào như một đó vậy (**Tam tử giả, bất đồng đạo, kỳ xu nhất dã**).

Cái nhất đó là gì ? (**nhất giả hà dã** ?). Là đức nhân vậy (**viết : nhân dã**). Quân tử cũng cốt cho đúng "nhân" mà thôi, chứ việc làm cần gì phải in nhau ? (**quân tử diệc nhân nhi dĩ hỹ, hà tất đồng** ?). Thầy lại vì cớ sở dĩ bỏ nước Tề, thiệt chẳng tiện nói xấu vua, nên phải dẫn đến việc đức Khổng. Thầy nói rằng : đức Khổng ngày xưa làm quan Tư khấu nước Lỗ, nhưng vua Lỗ chẳng dụng nổi ngài (**Viết : Khổng Tử vi Lỗ Tư khấu, bất dụng**); bởi vì lúc ấy quyền thần nước Lỗ là Tam gia(1), họ ghét ngài, mà vua lại không quyền, ngài không thể làm việc với Tam gia được; ngài thế nào cũng phải

(1) Tam gia : Mạnh Tôn, Qui Tôn, Thúc Tôn

bỏ nước Lỗ, nhưng còn chờ có dịp kiếm cớ ra đi, không muốn để tiếng xấu cho vua. Gặp may, vừa một ngày kia, có lễ tế ở trong nhà Thái Miếu, phần thịt biếu của quan Đại phu chẳng đưa tới ngài, ngài tức khắc chẳng kịp cởi mũ miện khi ở tế ra mà đi ngay (**tùng nhi tế, phàn nhục bất chí, bất thoát miện nhi hành**). Nhân vì muốn đi đã lâu ngày mà chưa có cớ, vừa dụng mất phần biếu tức khắc ra đi. Vì thế, nên người ngoài chẳng biết thời bảo rằng ngài vì miếng thịt đó vậy (**bất tri giả; dĩ vi vị nhục dã**), còn người có biết thời cho là ngài trách lỗi vô lễ đó vậy (**kỳ tri giả, dĩ vi vị vô lễ dã**). Hai hạng người ấy, thảy chẳng biết được ý đức Thánh. Chứ như ý đức Thánh thời chỉ muốn mình ra đi chịu mang lấy tội nhỏ mà đi (**nãi Khổng Tử tắc dục dĩ vi tội hành**).

"Vì tội" là gì ? Học giả nên nghĩ : vì một miếng thịt mà bỏ nghĩa vua tôi, chẳng phải là tội lỗi hay sao ? Nhưng đức Khổng muốn gác tội ấy vào mình. Hoàn cảnh của đức Khổng lúc ấy thiệt quá khó nói ! Ngài sở dĩ bỏ nước Lỗ là tội tại Tam gia. Mà theo về trên danh nghĩa thời lại tội tại vua Lỗ. Ngài đã chẳng tiện công kích Tam gia, mà lại chẳng nỡ để vua mang lấy tiếng bỏ mình. May nhờ miếng thịt biếu chẳng tới mà ngài mới được cớ ra đi, thỏa được lòng ngài chẳng muốn ra đi bằng một cách cẩu thả (**bất dục vi cẩu khứ**). Xem như việc ấy của đức Khổng Tử thời những việc mà quân tử làm, bọn tầm thường vẫn chẳng biết được vậy (**quân tử chi sở vi, chúng nhân cố bất thức dã**).

Có tiếng tăm cho người đời biết, gọi bằng "danh"; có sự thiệt cho người đời thấy, gọi bằng "thực". Lệ quan Khanh ở đời xưa nước Tàu có ba hạng : một là quí thích của nhà vua mà làm quan Khanh, gọi bằng "quí thích chi khanh", tức như quan hoàng phái ở đời nay; hai là người khác họ với nhà vua mà làm quan Khanh, gọi bằng "dị tính chi khanh", tức như quan thượng thư bộ viện ở đời nay; ba là người nước khác đến làm quan Khanh ở nước mình gọi bằng "khách khanh" tức như thầy Mạnh ở nước Tề lúc bấy giờ. (Chữ "nhân" ở bài này như chữ "nhân" đức Khổng Tử thường nói, chỉ cốt ở tâm đức cho được đại công vô tư, mà hình thức ở bề ngoài

nhất thiết chẳng kể (*nên tham khảo ở Thượng thiên, chương bàn chữ* "**nhân**). "Tư khấu" là chức quan coi việc hình ngục, cũng là quan Khanh; "phàn nhục" nghĩa là thịt biếu; "miện" là mũ quan đại phu khi vào tế. Chữ "thuế" ở dây đọc bằng "thoát", "bất thoát miện" là tỏ ra ý di gấp lắm).

Chúng ta ở đời có một việc rất khốn nạn là vì người đời không bao giờ quân tử hết, mà trong khi chúng ta làm việc, không thể nào không tiểu nhân lộn vào. Thế thời đối dãi với tiểu nhân nên thế nào ?

Kinh Dịch có quẻ *Độn*, Đại tượng truyện đã có câu : "**Quân tử dĩ viễn tiểu nhân, bất ác nhi nghiêm**".

君子以遠小人，不惡而嚴。

Nghĩa là quân tử vẫn phải xa lánh tiểu nhân, nhưng xa họ ở trong lòng, chẳng cần xa họ ở trước mặt. Nên đối dãi với họ, tất chẳng phải hiện ra sắc ác, mà tự mình giữ một cách trang nghiêm.

Xem như việc thầy Mạnh ở dưới này thời đúng lắm :

Mạnh Tử vi khanh ư Tề, xuất điếu ư Đằng; vương sử Cáp đại phu Vương Hoan vi phụ hành. Vương Hoan triêu mộ hiện, phản Tề Đằng chi lộ, vị thường dữ chi ngôn hành sự dã. Công Tôn Sửu viết : Tề khanh chi vị bất vi tiểu hỹ; Tề Đằng chi lộ, bất vi cận hỹ; phản chi, nhi vị thường dữ ngôn hành sự, hà dã ? Viết : Phù ký hoặc trì chi, dư hà ngôn tai !

孟子為卿於齊出弔於滕；王使蓋大夫王驩為輔行．王驩朝暮見，反齊滕之路，未嘗與之言行事也．公孫丑曰：齊卿之位，不為小矣；齊滕之路，不為近矣；反之，而未嘗與言行事，何也？曰：夫既或治之，予何言哉！

Thầy làm quan nước Tề, vua Tề sai thầy thay mặt đi điếu ở nước Đằng, thầy là chính khanh (**Mạnh Tử vi Khanh ư Tề, xuất điếu ư Đằng**). Vua lại khiến quan đại phu đất Cáp là Vương Hoan làm chức phụ hành (**Vương sử Cáp đại**

phu Vương Hoạn vị phụ hành). Vương Hoan là đứa nịnh thần, trong ý thầy vẫn không thích, nhưng vì lấy quân mệnh mà cộng sự với mình, nên Vương Hoan thường buổi mai, buổi tối tiếp kiến thầy luôn (Vương Hoan triêu mộ hiện), trở đi trở lại ở đường Tề và Đằng, nhưng thầy chưa từng cùng với Vương Hoan nói công việc đi sứ (**phản Tề Đằng chi lộ, vị thường dữ chi ngôn hành sự dã**). Công Tôn Sửu quái lạ mà hỏi rằng : Nó là chức vị làm quan khanh nước Tề, chẳng phải là nhỏ nữa, đường đi từ nước Tề đến nước Đằng chẳng phải là gần nữa, vừa đi vừa về mà chưa từng cùng nhau nói việc đi, là vì sao vậy ? (**Công Tôn Sửu viết : Tề Khanh chi vị, bất vi tiểu hỹ; Tề Đằng chi lộ, bất vi cận hỹ; phản chi nhi vị thường dữ ngôn hành sự, hà dã** ?).

Thầy nói rằng : Ửa ! Việc gì đã có người làm cả thảy, ta còn phải nói gì nữa ru ? (**viết : Phù, ký hoặc trì chi, dư hà ngôn tai** ?). ("phụ hành" nghĩa là quan Phó sứ giúp việc cho quan Chính sứ).

Lại xem hai bài dưới này thời biết cách thầy Mạnh đối dãi với tiểu nhân, thiệt đúng với câu "bất ác nhi nghiêm" lắm.

Trong ý thầy tuy rất ghét Vương Hoan mà ở ngoài miệng chẳng một lời gì công kích nó. Học giả nên xem luôn hai bài dưới này :

Công Hành Tử hữu tử chi tang. Hữu sư vãng điếu; nhập môn, hữu tấn nhi dữ Hữu sư ngôn giả; hữu tựu Hữu sư chi vị nhi dữ Hữu sư ngôn giả. Mạnh Tử bất dữ Hữu sư ngôn, Hữu sư bất duyệt viết : chư quân tử giai dữ Hoan ngôn, Mạnh Tử độc bất dữ Hoan ngôn, thị giản Hoan dã. Mạnh Tử văn chi, viết : Lễ, triều đình bất lịch vị nhi tương dữ ngôn, bất du giai nhi tương ấp dã, ngã dục hành lễ, Tử Ngao dĩ ngã vi giản, bất diệc dị hồ ?

公行子有子之喪，右師往弔：入門，有進而與右師言者；有就右師之位，而與右師言者．孟子不與右師言；右師不悅曰：諸君子皆與曜言，孟子獨不與曜言，是簡曜也．孟子聞之曰：

禮，朝庭不歷位而相與言，不踰階而相揖也，我欲行禮，子教以我為簡，不亦異乎？

Công Hành Tử có làm đám tang cho con nó, các quan ở triều thảy qua làm lễ điếu. Quan Hữu sư là Vương Hoan cũng đi điếu. Khi Hữu sư mới vào cửa (**Công Hành Tử hữu tử chi tang, Hữu sư văng điếu, nhập môn**), có người lướt lên mà nói chuyện với Hữu sư (**Hữu tấn nhi dữ Hữu sư ngôn giả**); có người lại đến tận chốn Hữu sư ngồi mà nói chuyện với Hữu sư (**hữu tựu Hữu sư chi vị nhi dữ Hữu sư ngôn giả**); chỉ duy thầy Mạnh chẳng nói chuyện với Hữu sư (**Mạnh Tử bất dữ Hữu sư ngôn**). Hữu sư chẳng bằng lòng mà nói rằng : Các quan ở triều thảy có nói chuyện với Hoan, duy thầy Mạnh chẳng nói chuyện với Hoan, thế là khinh Hoan này đó vậy (**Hữu sư bất duyệt, viết : chư quân tử giai dữ Hoan ngôn, Mạnh Tử độc bất dữ Hoan ngôn, thị giản Hoan dã**).

Nghe được lời Vương Hoan, thầy nói rằng : Theo như lễ phép ở triều đình, chẳng được trải qua ngôi thứ mà nói chuyện với nhau, chẳng được vượt qua lớp bậc mà làm lễ ấp bái với nhau đó vậy (**Mạnh Tử văn chi viết : lễ, triều đình, bất lịch vị nhi tương dữ ngôn, bất du giai nhi tương ấp dã**). Lễ triều đình đã nhất định như thế, ta muốn làm theo lễ, Tử Ngao lại bảo ta là khinh giản, chẳng cũng quái lạ đó ru ? (**ngã dục hành lễ, Tử Ngao dĩ ngã vi giản, bất diệc dị hồ ?**).

("Giản" nghĩa là có ý sơ lược; "giai" nghĩa là bậc lớp; vượt bậc dưới lên bậc trên là "du giai"; "Tử Ngao" là tên tự của Vương Hoan).

Nhạc Chính Tử tùng ư Tử Ngao chi Tề; Mạnh Tử vị Nhạc Chính Tử viết : Tử chi tùng ư Tử Ngao lai, đồ bộ chuyết dã; ngã bất ý tử học cổ chi đạo nhi dĩ bộ chuyết dã.

樂正子從於子敖之齊；孟子謂樂正子曰：子之從於子敖來，徒餔啜也；我不意子學古之道，而以餔啜也。

Tử Ngao là một đứa tiểu nhân mà lại có quyền thế. Học trò thấy Mạnh là Nhạc Chính Tử, nhân lúc đó có đi theo với Tử Ngao qua nước Tề (**Nhạc Chính Tử tùng ư Tử Ngao chi Tề**). Thấy chẳng bằng lòng Nhạc Chính Tử về việc ấy, nên nói rằng : Anh mà đi theo Tử Ngao lại nước Tề, chỉ là vì ba miếng ăn mà thôi vậy (**Mạnh Tử vị Nhạc Chính Tử viết : Tử chi tùng ư Tử Ngao lại, đổ bô chuyết dã**). Ta chẳng ngờ anh đi học đạo đời xưa mà chỉ đem ra kiếm bữa ăn đó vậy (**ngã bất ý tử học cổ chi đạo nhi dĩ bô chuyết dã**);

("Bô" nghĩa là ăn cơm; "chuyết" nghĩa là nhai đồ ăn).

Xem như bài trên ấy thời biết ý thầy Mạnh ghét Vương Hoan đến đường nào ! Nhưng chẳng bao giờ nói rõ Vương Hoan là tiểu nhân. Trách Nhạc Chính Tử theo Vương Hoan cũng chỉ có câu "đổ bô chuyết dã" mà thôi, là chỉ muốn cho học trò mình khỏi xấu, chứ chẳng cần chuởi máng gì Vương Hoan. Đó chính là đạo "thiệp thế" của quân tử.

Thiên trên, chương "Thiệp thế quan nhân" đã có câu "Công kỳ ác, vô công nhân chi ác", xem bài trên càng rõ lắm.

Lại xem như bài dưới này, càng thấy được đạo quân tử ở với đời, muốn cho đúng với Thánh hiền tất phải trái với lưu tục.

Trần Đại viết : Bất hiện chư hầu, nghi nhược tiểu nhiên. Kim nhất hiện chi, đại tắc dĩ vương, tiểu tắc dĩ bá. Thả Chí viết : Uổng xích nhi trực tầm, nghi nhược khả vi dã.

Mạnh Tử viết : Phù uổng xích nhi trực tầm giả, dĩ lợi ngôn dã. Như dĩ lợi, tắc uổng tầm trực xích nhi lợi, diệc khả vi dư ? Tích giả, Triệu Giản Tử sử Vương Lương dữ Bế Hề thặng, chung nhật nhi bất hoạch nhất cầm; Bế Hề phản mệnh viết : Thiên hạ chi tiện công dã. Hoặc dĩ cáo Vương Lương, Lương viết : Thỉnh phục chi, cưỡng nhi hậu khả; nhất triêu nhi hoạch thập cầm. Bế Hề phản mệnh viết : Thiên hạ chi lương công dã. Giản Tử viết : Ngã sử chưởng dữ nhữ thặng. Vị Vương Lương, Lương bất khả, viết : Ngô vị chi phạm ngã trì khu, chung nhật

bất hoạch nhất; vị chi quĩ ngộ, nhất triêu nhi hoạch thập. *Thi* vân : Bất thất kỳ trì, xả thỉ như phá. Ngã bất quán dữ tiểu nhân thặng, thỉnh từ. Ngự giả thả tu dữ xạ giả tỷ. Tỷ nhi đắc cẩm thú, tuy nhược khưu lăng, phất vi dã; như uổng đạo nhi tùng bỉ, hà dã ? Thả tử quá hỹ, uổng kỷ giả vị hữu năng trực nhân giả dã.

陳代曰：不見諸侯，宜若小然。今一見之，大則以王，小則以霸。且志曰：枉尺而直尋，宜若可為也。孟子曰：夫枉尺而直尋者，以利言也；如以利則枉尋直尺而利，亦可為與？昔者，趙簡子使王良與嬖奚乘，終日而不獲一禽；嬖奚反命曰：天下之賤工也，或以告王良。良曰：請復，之強而後可；一朝而獲十禽；嬖奚反命曰：天下之良工也。簡子曰：我使掌與女乘，謂王良，良不可，曰：可為之範我馳驅，終日不獲一；為之詭遇，一朝而獲十。詩云：不失其馳，舍矢如破，我不貫與小人乘，請辭。御者且羞與射者比，比而得禽獸，雖若丘陵，弗為也；如枉道而從彼何也？且子過矣，枉己者未有能直人者也。

Đương thời Chiến Quốc, những phường du sĩ thuyết khách, tranh nhau lòn lỏi ở dưới cửa chư hầu, như những bọn Tô Tần, Trương Nghi, Công Tôn Diễn, họ thảy làm đến Khanh tướng, hách dịch ở trong một đời; chỉ duy thấy Mạnh thời không thế. Học trò thấy là Trần Đại hoài nghi về việc ấy mà thương lượng với thầy rằng : Thầy chẳng chịu yết kiến với chư hầu, e việc ấy chỉ là tiết mọn đó mà ! (**Trần Đại viết : bất hiện chư hầu, nghi nhược tiểu nhiên**). Giả như bây giờ một lần yết kiến họ (**kim nhất hiện chi**), nếu gặp dịp họ tín dụng mình, như sự nghiệp lớn thời có thể làm được vương nghiệp (**đại tắc dĩ vương**); dẫu mà sự nghiệp nhỏ đi nữa thời cũng có thể làm được bá nghiệp (**tiểu tắc dĩ bá**). Tài học

như thấy chỉ mất công nhất hiện mà làm được vương hay bá, còn ngại gì chẳng làm ? Vả lại lời sách ***Chí*** đời xưa có nói rằng : Cong vạy chỉ một thước mà ngay thẳng được một tầm (**thả *Chí* viết : uổng xích nhi trực tầm**). Xem lời ***Chí*** như thế, e có lẽ nhất hiện chư hầu ta đáng làm đó vậy (**nghi nhược khả vi dã**).

Thầy nói rằng : Anh nói quá lạ ! Kìa người ta nói "uổng xích nhi trực tầm" chỉ là giọng con nhà buôn lấy cách được lợi (1) mà nói đó vậy (**viết : phù uổng xích nhi trực tầm giả, dĩ lợi ngôn dã**). Giả như chẳng nghĩ đến đạo nghĩa, chỉ lấy lợi mà thôi thời uổng đến một "tầm chỉ trực được một xích" mà có lợi cũng làm hay sao ? (**như dĩ lợi tắc uổng tầm trực xích nhi lợi diệc khả vi dư** ?). Để ta dẫn một việc mà thí dụ cho anh nghe : Ngày xưa Triệu Giản Tử khiến Vương Lương làm người dánh xe cho Bế Hề, mà Bế Hề là người ngồi trên xe chuyên coi việc bắn; lúc đầu đi trót một ngày từ sớm tận tối mà chẳng được một giống cầm (**Tích giả, Triệu Giản Tử sử Vương Lương dữ Bế Hề thặng, chung nhật nhi bất hoạch nhất cầm**), Bế Hề vì thấy bắn chẳng được gì, quay về trả lời với Triệu Giản Tử rằng : bác Vương Lương này là thợ vụng nhất thiên hạ vậy (**Bế Hề phản mệnh viết : thiên hạ chi tiện công dã**).

Có kẻ đem lời nói của Bế Hề nói với Vương Lương (**hoặc dĩ cáo Vương Lương**). Vương Lương tức quá; bởi vì Vương Lương chỉ là coi việc đánh xe, chứ như bắn trúng hay trật là quyền tại người bắn. Bây giờ Bế Hề đổ lỗi cho Vương Lương, nên Vương Lương mới nói rằng : Thế thời tôi xin đi một lần nữa (**Vương viết : thỉnh phục chi**). Cố thỉnh với Bế Hề mãi, mà sau Hề mới nhận lời (**cưỡng nhi hậu khả**). Bế Hề và Vương Lương lại đi sân lần thứ hai thời té ra chỉ một buổi mai mà được 10 giống cầm (**nhất triêu nhi hoạch thập cầm**). Bế Hề mừng quá, trở lại trả lời với Triệu Giản Tử rằng : Bác Vương Lương này thiệt thợ giỏi nhất ở trong thiên hạ vậy (**Bế Hề phản mệnh viết : thiên hạ chi lương công dã**).

(1) Cụ Sào Nam dọc chữ "lợi" bằng "ly", nay để lợi cho phổ thông

Đọc đoạn sách này thật buồn cười cho thói đời : Vương Lương ngày nay cũng là Vương Lương ngày trước; mới cách nhau trong một ngày mà tiện công với lương công khen chê khác xa là vì cớ gì ? Vì ngày trước "bất hoạch nhất cẩm", thời bảo rằng tiện; ngày nay "hoạch thập cẩm" thời bảo rằng lương. Miệng thế tục khen chê người, chỉ xem ở nơi thành bại, chứ không xét đến chân sự lý thời còn lấy gì thấy được chân giá trị nữa ru ?

Triệu Giản Tử nói với Bế Hề rằng : Ừ, nó thiệt là lương công, ta khiến nó chuyên đánh xe cho mày đi bán (**Giản Tử viết : ngã sử chưởng dữ nhữ thặng**).

Lúc đó Giản Tử bảo Vương Lương như vậy (**Vị Vương Lương**). Lương chối, nói rằng : Lão Bế Hề vụng bán quá ! Trước kia tôi cứ theo khuôn mực của tôi, tôi vì nó rong ngựa đánh xe theo đường lối chính của tôi, thời nó đi tối ngày chẳng bán được một giống (**Lương bất khả viết : ngô vị chi phạm ngã trì khu, chung nhật bất hoạch nhất**); đến ngày sau, tôi vì nó đưa xe đi quanh quẹo, lựa dón dụng giống cẩm cho nó bán, thời mới một buổi mai mà được mười giống (**vị chi quĩ ngộ, nhất triêu nhi hoạch thập**). Xưa nay người đánh xe với người bán, người nào có nghĩa vụ người ấy, người nào có sở năng người ấy. Vậy nên Kinh Thi, thiên Tiểu nhã, thơ Xa công đã có câu rằng : Người làm nghề đánh xe, chẳng bao giờ sai lỗi cái đường của mình chạy (Thi vân : Bất thất kỳ trì). Đến như người làm nghề bán thời chẳng bảo người đánh xe chiều theo mình; mình cứ đem tài bán của mình ra, hễ phát một mũi tên nào, in như trúng bia mà vào được lòng bia (**xả thỉ như phá**). Xem câu ***Kinh Thi*** nói như thế thời xạ giả mà thiệt là quân tử, chẳng cần gì bảo ngự giả phải quĩ ngộ. Kìa như Bế Hề thiệt tiểu nhân quá, nó không tài bán mà nó bát tôi phải quĩ ngộ vì nó. Tôi tùng lai chẳng quen đánh xe cho tiểu nhân; thôi lạy bác, tôi xin kiếu (**ngã bất quán dữ tiểu nhân thặng, thỉnh từ**).

Xem như chuyện Vương Lương với Bế Hề thời chỉ một người làm nghề ngự còn chẳng thèm thông dồng tác tệ với

người xạ (**ngự giả thả tu dữ xạ giả tỷ**). Tỷ với nhau mà được cầm thú như cồn gò cũng chẳng chịu làm vậy (**tỷ nhi đắc cầm thú, tuy nhược khưu lăng, phất vi dã**). Thế thời tỷ mà được lợi, ngự giả còn chẳng chịu làm, lẽ nào mình là quân tử chịu uốn vạy đạo thẳng của mình mà đi theo nó thời còn ra gì ? (**như uổng đạo nhi tùng bỉ hà dã ?**). Vả lại, như lời anh nói, thiệt lầm rồi đó (thả tử quá hỹ) : xưa nay những người tự mình đã uổng, chẳng bao giờ khiến cho người ngay thẳng được, là đạo lý nhất định đó vậy (**uổng kỷ giả vị hữu năng trực nhân giả dã**).

("Vương" tức là tam vương; "bá" tức là ngũ bá; "uổng xích" là thí dụ bằng khuất kỷ ở tạm thì; "trực tầm" là thí dụ bằng phát triển được sự nghiệp. Mười tấc là một "xích", mười trượng là một "tầm". Hễ đi bắn, được giống gì thảy gọi bằng "cầm". "Tiện công" là thợ hèn vụng. Mấy câu này phải nhận nghĩa ở chữ "phạm" với chữ "quĩ" : "phạm" nghĩa là cứ nẻ đường chính mà đi cho đúng với luật đánh xe; "quĩ" nghĩa là quanh co quách quéo trái mất lối đi xe; "trì" nghĩa là ngựa chạy mau. Đạo vẫn ngay thẳng mà mình cong uốn lại, là "uổng đạo").

Bốn chữ "uổng xích trực tầm" làm hại vô số nhân tâm thế đạo. Việc trong thiên hạ tốt từ đầu tốt đi, xấu cũng từ đầu xấu đi. Trang Tử có câu nói rằng :

Kỳ thỉ tác dã giản, kỳ tương tất giả cự.

其始作也簡，其將畢也巨

Nghĩa là lúc bắt tay vào làm có hơi khinh suất thời đến khi sắp xong việc tành ra tai họa lớn.

Nhưng mà nhiều người lầm vì "uổng xích trực tầm", nên chẳng bao giờ tạo ác nhân mà được thiện quả. Dương Hùng thất thân với Vương Mãng, Thái Ung thất thân với Đổng Trác, họ uổng hết cả tầm mà trực được tý nào ? Chúng ta đọc sách càng phục lời thầy Mạnh.

Ở trên đường "thiệp thế", chẳng tránh khỏi được hai đường là ân và oán. Làm oán vẫn chẳng nên làm, nhưng làm

ân cũng cần phải có cân lượng. Nên xem như bài dưới này :

Tề ky. Trần Trăn viết : Quốc nhân giai dĩ phu tử tương phục vi phát Đường; đãi bất khả phục ?

Mạnh Tử viết : Thị vi Phùng Phụ dã. Tấn nhân hữu Phùng Phụ giả, thiện bác hổ; tốt vi thiện sĩ, tắc chi dã, hữu chúng trục hổ; hổ phụ ngu, mạc chi cảm anh; vọng kiến Phùng Phụ, xu nhi nghinh chi, Phùng Phụ nhương tý hạ xa, chúng giai duyệt chi, kỳ vi sĩ giả tiếu chi.

齊饑．陳臻曰：國人皆以夫子將復為發棠；殆不可復！孟子曰：是為馮婦也。晉人有馮婦者，善搏虎，卒為善士，則之野，有眾逐虎；虎負嵎，莫之敢攖；望見馮婦，趨而迎之，馮婦攘臂下車眾皆悅之；其為士者笑之．

Lúc đó nước Tề đụng trời mất mùa (**Tề ky**)(1). Nguyên xưa kia thầy Mạnh đã từng vì dân đói mà xin với vua phát kho lúa ở ấp Đường để chẩn tế cho dân; nay dân Tề lại đói lần nữa, Trần Trăn nói với thầy rằng : Người nước Tề thấy có ý nghĩ thầy toan làm việc phát Đường lần nữa, việc ấy e không thể làm được nữa đó mà ! (**Trần Trăn viết : quốc nhân giai dĩ phu tử tương phục vi phát Đường, đãi bất khả phục**).

Thầy trả lời rằng : Nếu ta mà làm việc phát Đường lần nữa, té ra ta là anh Phùng Phụ đó vậy (**Mạnh Tử viết : thị vi Phùng Phụ dã**). Người nước Tấn có anh Phùng Phụ, nguyên đầu anh là một tên vũ phu bạo khách, hay ỷ sức mạnh tay không bắt hùm (**Tấn nhân hữu Phùng Phụ giả, thiện bác hổ**). Nhưng lúc sau đã cải lương làm một người hiền lành; một ngày kia anh đi ra đồng nội, có đám người đang đuổi cọp, cọp ngồi dựa góc núi, chẳng ai dám đụng tột nó (**tốt vi thiện sĩ; tắc chi dã, hữu chúng trục hổ; hổ phụ ngu, mạc chi cảm anh**). Thột trông thấy Phùng Phụ đi qua, chúng vội

(1) "Ky" tức "cơ"

vàng đón rước anh (**vọng kiến Phùng Phụ, xu nhi nghinh chi**). Phùng Phụ thấy chúng rước mình, cơn hăng của anh lại xung lên, xăn cánh tay, ở trên xe nhảy xuống lại thả nghề bát hổ của anh ra (**Phùng Phụ nhương tý hạ xa**), chúng thảy khen Phùng Phụ (**chúng giai duyệt chi**). Nhưng nếu tựu trung có người là thiện sĩ thời tất nhiên cười nó (**kỳ vi sĩ giả, tiếu chi**).

("Phát Đường" nghĩa là phát kho lúa ở ấp Đường; "dãi" là có ý hoài nghi; "anh" nghĩa là kình với nó; "nhương tý" nghĩa là giơ cánh tay).

Ý nghĩa bài ấy vẫn sâu, mà văn tự lại rất tinh diệu. Đọc bài ấy in như đọc một đoản thiên tiểu thuyết. Duy thâm ý của thầy là thế nào thời lại phải nhận ở ngoài văn tự. Sơ tâm thầy sở dĩ đến nước Tề là trông mong cho Tề Vương "thi nhân phát chính chế sản phân điền" để cho thực hiện được chủ nghĩa bình dân kinh tế.

Thầy đã có bài :

Mạnh Tử viết : Dân phi thủy hỏa bất sinh hoạt; hôn mộ khấu nhân chi môn hộ, cầu thủy hỏa, vô phất dữ dã, chí túc hỹ. Thánh nhân trị thiên hạ, sử hữu thúc túc như thủy hỏa; thúc túc như thủy hỏa, nhi dân yên hữu bất nhân giả hồ ?

孟子曰：民非水火不生活；昏暮叩人之門户求水火，無弗與者，至足矣。聖人治天下，使有菽粟如水火，菽粟如水火，而民焉有不仁者乎？

Hạng bình dân rất cần cấp là nước và lửa. Dân chẳng có nước lửa, chẳng lấy gì sinh hoạt nữa (**dân phi thủy hỏa, bất sinh hoạt**). Tuy nhiên, đụng lúc tối tăm đến gõ cửa người ta xin nước lửa, không ai nỡ lòng chẳng cho, là chỉ vì giống ấy quá sẵn mà thôi (**hôn mộ khấu nhân chi môn hộ cầu thủy hỏa, vô phất dữ giả, chí túc hỷ**). Thúc túc lại một việc cần cấp sinh hoạt cho nhân dân, nhưng vì thúc túc chẳng được đầy đủ như thủy hỏa, nên nỗi dân thường đói. Giả như đời bây giờ

có Thánh nhân trị việc thiên hạ, tất nhiên khiến cho nhân dân sẵn có thúc túc cũng như thủy hỏa (**thánh nhân trị thiên hạ sử hữu thúc túc như thủy hỏa**), thúc túc đã sẵn đủ như thủy hỏa mà dân có lẽ gì chẳng thân yêu nhau nữa ru ? (**thúc túc như thủy hỏa nhi dân yên hữu bất nhân giả hồ** ?).

Chính sách bình dân kinh tế của thầy mà cũng là duy nhất chủ nghĩa của thầy, chỉ muốn cho toàn quốc dân chẳng bao giờ đói rét, há phải như chủ nghĩa ăn xổi ở thì đâu. Đụng đến dân đói mà phát lúa kho chẩn tế, chẳng qua lúc thầy mới đến nước Tề, chưa thực hành được chủ nghĩa của mình, nên phải dùng cách "cứu cấp trị tiêu" 救急治標 ở trong lúc tạm thì. Những công việc nhỏ nhen ấy chính là "khả nhất bất khả tái". Nay ở Tề đã lâu mà Tề Vương chẳng dùng được thầy, chủ nghĩa của thầy dã sắp sửa cuốn vào túi, giả như còn làm việc phát Đường nữa, tự trong ý thầy bảo là Phùng Phụ lần thứ hai.

Xem những câu trả lời, chẳng đụng chạm gì lời hỏi; chỉ có một câu "thị vị Phùng Phụ dã" là ý thầy nói rằng : Mình chẳng dại gì mà còn mua ơn vụn với dân nước Tề nữa.

Đoạn trên đã nói về dạo "thiệp thế", nhưng mà chúng ta "thiệp thế" là "thiệp thế" với ai ? "Thiệp thế" với người đó vậy. Người xưa có câu :

Duyệt nhân, thành thế; duyệt thế, thành thân

閱人成世；閱世成身

Nghĩa là trải hết thảy hạng người, mới thành ra đời; trải khắp việc đời, mới thành được thân.

("Duyệt nhân" là xem hết người thiện ác; "duyệt thế" là xem suốt việc xưa nay). Nhưng mà muốn "duyệt thế", tất phải có óc "duyệt nhân". Nên thầy thường bày phép "quan nhân" cho ta nhiều lắm. Góp biên lại như dưới này :

CÁCH QUAN NHÂN CỦA THẦY MẠNH TỬ

Mạnh Tử viết : Tồn hồ nhân giả, mạc lương ư miêu

tử. Mâu tử bất năng yểm kỳ ác : Hung trung chính, tắc mâu tử liệu yên; hung trung bất chính, tắc mâu tử mạo yên. Thính kỳ ngôn dã, quan kỳ mâu tử, nhân yên sưu tai ?

孟子曰：存乎人者，莫良於眸子。眸子不能掩其惡；胸中正，則眸子瞭焉；胸中不正，則眸子眊焉；聽其言者，觀其眸子，人焉廋哉！

Phép "quan nhân" của thầy Mạnh có hơi giản đơn kỳ diệu hơn phép của đức Khổng Tử. Nhưng chúng ta nếu chẳng phải là bậc thông minh tuyệt đích thời sợ không dùng được phép của thầy.

Thầy nói rằng : Cái quan năng ở trong loài người, chẳng gì hay hơn tròng ngươi con mắt (**Mạnh Tử viết : tồn hồ nhân giả, mạc lương ư mâu tử**). Bởi vì "mâu tử" người nào tỏ rõ tinh thần của người ấy. Người nào dã ác thời "mâu tử" tất bày tỏ ra không thể che lấp được (**mâu tử bất năng yểm kỳ ác**). Ở trong lòng ngay thẳng thời tất nhiên "mâu tử" mù mờ (**hung trung bất chính, tắc mâu tử mạo yên**). Ta nghe lời nói của người nào, ta xem kỹ "mâu tử" của người ấy, người kia thiện hay ác, có cách gì dấu ta được nữa ru ? (**thính kỳ ngôn giả, quan kỳ mâu tử, nhân yên sưu tai**).

("Mâu tử" là tròng ngươi ở trong mắt, cũng gọi bằng "đồng tử"; "Liệu" nghĩa là trong sáng, có ý là "hắc bạch phân minh"; "mạo" nghĩa là mù mờ, có ý là hắc bạch bất phân minh).

Đọc sách *Tả Truyện*, nhiều việc xem người bằng con mắt, như câu :

Phong mục nhi sài thanh, nhẫn nhân dã.

蜂目而豺聲忍人也

Nghĩa là mắt ong mà tiếng sói, chắc là người tàn nhẫn đó vậy.

Mục động nhi ngôn tứ, cụ ngã dã.

目動而言肆，懼我也

Nghĩa là mắt nhấp nháy quá nhiều, mà lời nói không nhất định, chắc hẳn có ý sợ ta đó vậy.

Hai câu ***Tả Truyện*** dẫn trên ấy cũng lấ xem người bằng cách dòm con mắt và nghe lời nói. Nhưng tất phải có tài như thầy Mạnh mới dùng được phép ấy. Nếu chưa có tài như thầy Mạnh thời dùng phép "quan nhân" của đức Khổng Tử chắc hoàn toàn chu đáo hơn.

Từ đây sấp xuống chuyên bàn về phương pháp nghe lời nói :

Mạnh Tử viết : Nhân chi dị kỳ ngôn dã, vô trách nhĩ hỹ.

孟子曰：人之易其言也，無責耳矣。

Ở tiết trên kia đã có bài tri ngôn, giải thích tường tất rồi. Đây chẳng qua viết thêm mấy bài để bổ túc ý nghĩa tiết trên.

Thầy nói rằng : Những người mà khinh dể nhả lời nói mình ra, chắc người ấy có nết ham nịnh, ưa thân cận với tiểu nhân, nên không gặp được thầy bạn chê trách nó mà thôi vậy (**Mạnh Tử viết : nhân chi dị kỳ ngôn dã, vô trách nhĩ hỹ**).

Mạnh Tử viết : Sĩ vị khả dĩ ngôn nhi ngôn, thị dĩ ngôn thiểm chi dã; khả dĩ ngôn nhi bất ngôn, thị dĩ bất ngôn thiểm chi dã. Thị giai xuyên dụ chi loại dã.

孟子曰：士未可以言而言，是以言餂之也；可以言而不言，是以不言餂之也。是皆穿窬之類也。

Thầy lại có nói rằng : Những người đã gọi bằng sĩ, tất nhiên dụng lúc nên nói mà nói, dụng lúc chưa nên nói thời không nói. Giả như dụng một trường hợp nào hoặc một sự tình gì, chưa có thể nói, mà tự dưng nói (**Mạnh Tử viết : sĩ vị khả dĩ ngôn nhi ngôn**), người ấy tất nhiên muốn biết ý tứ mình, muốn thăm dò tâm sự mình, mà lấy cách nói khiêu móc dó vậy (**thị dĩ ngôn thiểm chi dã**). Dụng trường hợp

nào hoặc sự tình gì, đã nên nói rồi, mà cố chẳng nói (**khả dĩ ngôn nhi bất ngôn**), người ấy chắc là lấy cách bất ngôn mà khiêu móc ý tứ mình dó vậy (**thị dĩ bất ngôn thiểm chi dã**). Thủ đoạn hai hạng người ấy thảy là một loài với bọn xuyên du dó vậy (**thị giai xuyên du chi loại dã**).

Cách thiểm như hai hạng người ấy, tâm thuật họ chẳng khác gì bọn xuyên du, nên nói rằng : "xuyên du chi loại".

("Thiểm" nguyên nghĩa là liếm, muốn lấy đồ ăn mà le lưỡi ra liếm gọi bằng "thiểm", khươi móc ý kiến của người cũng là "thiểm". Bọn kẻ trộm xoi ngạch khoét tường, chực lấy của người mà lại sợ người biết, gọi bằng "xuyên du").

Mạnh Tử viết : Hữu bất ngu chi dự; hữu cẩu toàn chi hủy.

孟子曰：有不虞之譽；有求全之毀。

Thấy lại có bài nói rằng : Những người đem tiếng nói mà mua cảm tình, tất nhiên đưa tiếng khen đến mình; nhưng ta phải xét những tiếng khen họ khen mình dó, có đúng với sự thực của mình không; nếu chẳng đúng với sự thực của mình mà tình cờ được tiếng khen trái với sự thực, là tiếng khen dó ta vẫn chẳng dong lường đến nơi, thế là gọi bằng "bất ngu chi dự" (**Mạnh Tử viết : hữu bất ngu chi dự**). Lại như ta xét trong mình vẫn không nết xấu đáng chịu lấy tiếng chê, nhưng vì họ vạch lá tìm sâu, trách cho mình được thập toàn mà họ cố nói thêm cho mình những tiếng xấu, thế là gọi bằng "cẩu toàn chi hủy" (**hữu cẩu toàn chi hủy**). Người ta ở dời hễ đã có "bất ngu chi dự"; thời tất cũng có "cẩu toàn chi hủy". Hai câu ấy in như câu thơ cụ Nguyễn Công Trứ : "Khi ưa tô vẽ méo nên tròn (**bất ngu chi dự**); lúc ghét dệt thêu ngay hóa vạy" (**cẩu toàn chi hủy**). Học giả lấy cách thính ngôn mà quan nhân, nên để ý vào hai lối ấy.

Mạnh Tử viết : Tự bạo giả, bất khả dữ hữu ngôn dã; tự khí giả, bất khả dữ hữu vi dã.

孟子曰：自暴者，不可與有言也；自棄者，不可與有為也。

Thầy lại có bài nói rằng : Những hạng người tự bạo, không thể cùng họ nói đến đạo lý được đó vậy (**tự bạo giả bất khả dữ hữu ngôn dã**); hạng người tự khí, không thể cùng họ làm việc gì tốt được đó vậy (**tự khí giả bất khả dữ hữu vi dã**). Chính văn bài này đã thích kỹ ở tiết trên.

Mạnh Tử viết : Bất nhân giả khả dữ ngôn tai ! An kỳ nguy nhi lợi kỳ tai; lạc kỳ sở dĩ vương giả. Bất nhân nhi khả dữ ngôn, tắc hà vương quốc bại gia chi hữu.

孟子曰：不仁者可與言哉！安其危而利其菑；樂其所以亡者。不仁而可與言，則何亡國敗家之有？

Trong mắt thầy Mạnh xem người, rất để ý vào người nhân và bất nhân. Hễ những hạng người bất nhân, thầy cho là không nên nói với họ.

Thầy có bài nói rằng : Người bất nhân kia, còn mong gì nói với thọ được nữa ru ? (**Mạnh Tử viết : bất nhân giả, khả dữ ngôn tai** ?). Bởi vì hạng người bất nhân, lương tâm họ đã chết, óc khôn họ đã điên đảo; nguy tới nơi mà họ an ở lấy những chuyện nguy, mà lại những việc có thể sinh được tai họa, họ cho là việc lợi ích (**an kỳ nguy nhi lợi kỳ tai**). Kỳ nguy, kỳ tai chính là cớ sở dĩ vương; nhưng vì họ an lấy nguy, họ lợi lấy tai, té ra những cái làm nên họa chết mà họ vẫn say vui bằng cái ấy (**lạc kỳ sở dĩ vương giả**).

Tổng chi, không đáng an mà an, không đáng lợi mà lợi, không đáng lạc mà lạc, duy người bất nhân mới như thế, thời còn gì khả dữ ngôn nữa ru ? Nếu bất nhân mà còn khả dữ ngôn, thời làm gì có vương quốc, bại gia nữa ? (**bất nhân nhi khả dữ ngôn, tắc hà vương quốc bại gia chi hữu** ?).

Mạnh Tử viết : Thiên tử bất nhân, bất bảo tứ hải; chư hầu bất nhân, bất bảo xã tắc; khanh, đại phu bất nhân, bất bảo tông miếu; sĩ, thứ nhân bất nhân, bất bảo tứ thể. Kim ố tử vương nhi lạc bất nhân, thị do ố túy nhi cưỡng tửu.

孟子曰：天子不仁，不保四海；諸侯不

仁，不保社稷；卿，大夫不仁，不保宗廟；士，庶人不仁，不保四體。今惡死亡而樂不仁，是猶惡醉而強酒。

Trước thầy đã có nói rằng : Thiên tử mà mất lòng nhân thời mất luôn cả bốn bể (**Mạnh Tử viết : thiên tử bất nhân, bất bảo tứ hải**); chư hầu mà mất lòng nhân thời mất luôn cả xã tắc (**chư hầu bất nhân, bất bảo xã tắc**); khanh, đại phu mà mất lòng nhân thời mất luôn cả tông miếu (**khanh, đại phu bất nhân, bất bảo tông miếu**); sĩ, thứ nhân mà mất lòng nhân thời mất luôn cả bốn tay chân (**sĩ, thứ nhân bất nhân, bất bảo tứ thể**), thế thời chả khác gì người ghét say mà gắng uống rượu vậy (**thị do ố túy nhi cưỡng tửu**). Xem bài này càng thêm rõ ý bài trên.

Mạnh Tử viết : háo danh chi nhân, năng nhượng thiên thặng chi quốc; cẩu phi kỳ nhân đan tự đậu canh hiện ư sắc.

孟子曰：好名之人，能讓千乘之國；苟非其人，簞食豆羹見於色。

Trong đời có một hạng người háo danh, họ vì mua danh chuốc tiếng mà miễn cưỡng làm nhân nghĩa giả, vẫn cũng che bịt được mát thì tục. Nhưng dụng lấy kẻ sành xem người thời cái mặt nạ của bọn nhân nghĩa giả kia phải lột ra ngay.

Nên thầy có bài nói rằng : Những người mà ham làm danh tiếng, có lúc vì tâm háo danh quá nặng, có thể đem cả nước nghìn cỗ xe mà nhường đi cho người (**Mạnh Tử viết : háo danh chi nhân, năng nhượng thiên thặng chi quốc**). Câu này chứng vào việc nước Yên : Tử Khoái vì muốn được tiếng mình như vua Nghiêu mà đem nước nhường cho Tử Chi; đến sau dân nước Yên không thuận, thành ra việc loạn nước Yên.

Thầy Mạnh đã có bài rằng :

Tử Khoái bất đắc dữ nhân Yên, Tử Chi bất đắc thụ Yên ư Tử Khoái.

子噲不得與人燕；子之不得受燕於子噲。

Nghĩa là anh Tử Khoái không lẽ gì được đem nước Yên cho người dưng; anh Tử Chi cũng không lẽ gì mà chịu lấy nước Yên ư Tử Khoái. Trong ý thầy Mạnh, chẳng phải cho việc nhượng thiên thặng chi quốc là việc xấu, nhưng vì chủ quyền nước ở nơi dân; nước là của chung cả quốc dân, bây giờ vì một người háo danh đem nước thiên thặng nhường cho người khác, là rất không hợp với công lý, nên thầy phán đoán cho hai chữ "bất đắc".

Tuy nhiên, người háo danh mà nhượng quốc đó, há phải có thành tâm ấp nhượng như Nghiêu Thuấn đâu ! Làm việc nhượng quốc mà chẳng phải xuất ư thành tâm, thế chỉ là người giả dối. Người đã giả dối là chẳng phải thiệt người tốt đó vậy. Đã chẳng phải thiệt người tốt, e có lúc tạm thì quên lửng lòng háo danh, mà dụng lấy việc rất nhỏ như cho ai một dại cơm, một chén canh, ở sắc mặt đã hình hiện, ra ý tham tiếc (**cẩu phi kỳ nhân, đan tự đậu canh hiện ư sắc**).

Đọc bài này nên nhớ câu ***Kinh Thư***, thiên *Chu Quan* :

Thư viết : Tác ngụy tâm lao nhật chuyết

書曰：作偽心勞日拙。

Nghĩa là hễ làm việc giả dối không thể che dấu được, kết quả thời người làm dối đó chỉ lạ mệt lòng mà ngày càng thấy vụng ("chuyết" nghĩa là vụng).

Tăng Tử viết : Hiếp kiên siểm tiếu, bệnh vu hạ huề. Tử Lộ viết : vị đồng nhi ngôn, quan kỳ sắc nản nản nhiên phi Do chi sở tri dã.

曾子曰：脅肩諂笑，病于夏畦。子路曰：未同而言，觀其色赧赧然，非由之所知也。

Trong mắt quan nhân của thầy, rất ghét hạng người giả dối và siểm nịnh, nên thầy có dẫn lời thầy Tăng và lời thầy Tử Lộ để cho chúng ta biết tránh những hạng người này :

Tăng Tử có nói rằng : Có một người kia, thấy người quyền quí thời cố làm cách siểm nịnh để mua lòng người yêu, rùn vai, cười siểm, tỏ ra một cách rất kính sợ; những bọn gian nịnh mà làm cách hiếp kiên siểm tiếu, khi họ dụng công phu ấy, khó nhọc hơn người làm ruộng ở giữa trời nắng (**Tăng Tử viết : hiếp kiên siểm tiếu, bệnh vu hạ huề**). Thầy Tử Lộ có nói rằng : Những người siểm nịnh với quyền quí, toan hót người bằng bộ nói; người ta chưa tương đắc với mình, mà mình cố thả giọng làm thân với người (**Tử Lộ viết : vị đồng nhi ngôn**). Khi họ nói dó, trong lòng họ vẫn biết trên, nên xem sắc mặt họ tỏ ra một cách trơ trên vậy (**quan kỳ sắc nản nản nhiên**). Những bọn người làm như thế, chẳng phải người mà Do này quen biết được đó vậy (**phi Do chi sở tri dã**). "Hiếp kiên" là có ý ép hai vai mà rùn xuống như hình sắp sửa lạy; "siểm tiếu" là chuyện chẳng gì vui mà cười gắng để lấy lòng người. Sách ***Luận Ngữ*** có câu :

"Lạc nhiên hậu tiếu, nhân bất yếm kỳ tiếu"

樂然後笑，人不厭其笑

Nghĩa là có chuyện vui, vậy sau mới cười, thời người ta chẳng hiềm ghét tiếng cười của mình. Chữ "siểm tiếu" dây tức là cười mà người ta sinh ghét. "Bệnh" nghĩa là nhọc mệt- "Huề" nghĩa là khóe ruộng 50 mẫu; "hạ huề" nghĩa là cày ruộng ở mùa nắng nồng. Hạ huề chỉ nhọc mệt ở xác thịt, chứ "hiếp kiên siểm tiếu" thời nhọc luôn đến tinh thần. Nên nói rằng : "bệnh vu hạ huề" ("nản nản" là dáng xấu thẹn).

Xem bài trên thời biết rằng : Những lũ tiểu nhân vẫn trong mắt Thánh hiền chẳng đặt nó vào, nhưng trong lòng Thánh hiền thời trông cho bọn cải ác vi thiện, nên thường để mắt vào chốn cải cách của bọn nó.

Mạnh Tử viết : Tây Tử mông bất khiết, tắc nhân giai yểm tỵ nhi quá chi. Tuy hữu ác nhân, trai giới, mộc dục, tắc khả dĩ tự Thượng Đế.

孟子曰：西子蒙不潔，則人皆掩鼻而過之．雖有惡人，齋戒沐浴，則可以祀上帝．

Thầy nói rằng : Hễ xem người mà chỉ bằng cứ ở bề ngoài hay bằng cứ ở lịch sử dĩ vãng thời vị tất đã không người hối quá thiên thiện mà ta không dung thứ cho nó. Thí dụ như Tây Tử là gái đẹp có tiếng, xem mặt mày nó ai cũng phải ưa, nhưng nếu một ngày nó trùm đội đồ bất khiết mà đứng bên người thời người đi đường thấy phải bụm mũi mà chạy qua mau; bởi vì bất khiết che mất đẹp vậy (**Mạnh Tử viết : Tây Tử mông bất khiết, tắc nhân giai yểm ty nhi quá chi**).

Trái lại, tuy có một người kia, vẫn mặt mũi xấu xí chẳng ra gì, nhưng có một ngày nó biết trai giới để trong sạch lòng nó, nó hay mộc dục để trong sạch thân nó, thời nó xấu mặc dầu, nhưng có thể đem nó vào tế Thượng đế được, là vì lòng cung kính ý chí thành ở trong một lúc cũng đủ tiêu trừ vít ác của nó vậy (**tuy hữu ác nhân trai giới mộc dục, tắc khả dĩ tự Thượng đế**).

("Mông" nghĩa là trùm khỏa; "bất khiết" nghĩa là đồ dơ thối; "yểm ty" nghĩa là che mũi- "Trai" nghĩa là ăn chay ở sạch; "giới" nghĩa là răn de cấm giới ở trong lòng; "mộc" nghĩa là gội đầu; "dục" nghĩa là tắm cả thân thể, 4 chữ ấy hình dung ý thành kính).

Bài này hoàn toàn nói về mặt thí dụ, mà chính ý thời có hai phía : một là người bình thường vẫn tốt mà vướng lấy một vít xấu thời chẳng ai chịu tha thứ cho; hai là người tùng lai vẫn xấu mà có một ngày thay lòng đổi dạ thời chắc trời cũng soi xét cho. Thánh hiền khuyên người cải quá tự tân, chẳng bao giờ tuyệt đường thiên thiện là như thế.

Cách thầy xem người có cặp mắt đặc biệt, mà xét người lại có bộ óc đặc biệt in như lời đức Khổng : "chúng háo chi, tất sát yên; chúng ố chi, tất sát yên". Vậy nên thầy phê bình phán đoán người, thường khác xa thì tục. Xin xem hai bài dưới này :

Công Đô Tử viết : Khuông Chương thông quốc giai xưng bất hiếu yên, phu tử dữ chi du, hựu tùng nhi lễ mạo chi, cảm vấn hà dã ?

Mạnh Tử viết : Thế tục sở vị bất hiếu giả ngũ : Đọa kỳ tứ chi, bất cố phụ mẫu chi dưỡng, nhất bất hiếu dã; bác dịch, háo ẩm tửu, bất cố phụ mẫu chi dưỡng, nhị bất hiếu dã; háo hóa tài, tư thê tử, bất cố phụ mẫu chi dưỡng, tam bất hiếu dã; túng nhĩ mục chi dục, dĩ vi phụ mẫu lục, tứ bất hiếu dã; háo dũng, đấu ngận, dĩ nguy phụ mẫu; ngũ bất hiếu dã. Chương Tử hữu nhất ư thị hồ ? Phù Chương Tử, tử phụ trách thiện nhi bất tương ngộ dã. Trách thiện, bằng hữu chi đạo dã. Phụ tử trách thiện, tặc ân chi đại giả. Phù Chương Tử khởi bất dục hữu phu thê tử mẫu chi thuộc tai ! Vị đắc tội ư phụ, bất đắc cận, xuất thê bỉnh tử, chung thân bất dưỡng yên; kỳ thiết tâm dĩ vi bất nhược thị, thị tắc tội chi đại giả; thị tắc Chương Tử dĩ hỹ.

公都子曰：匡章通國皆稱不孝焉，夫子與之遊，又從而禮貌之，敢問何也？孟子曰：世俗所謂不孝者五：情其四支，不顧父母之養，一不孝也；博奕好飲酒，不顧父母之養，二不孝也；好貨財，私妻子，不顧父母之養，三不孝也；從耳目之欲，以為父母戮，四不孝也；好勇鬥很以危父母，五不孝也。章子有一於是乎？夫章子，子父責善而不相遇也。責善，朋友之道也。父子責善，賊恩之大者。夫章子豈不欲有夫妻子母之屬哉！為得罪於父，不得近，出妻屏子，終身不養焉，其設心以為不若是，是則罪之大者，是則章子已矣。

Công Đô Tử có hỏi rằng : kia người Khuông Chương, cả nước ai cũng bảo anh ta là bất hiếu. Thầy đã làm bạn với anh, lại thường lấy lễ mạo mà kính anh, dám hỏi vì lý do gì đó vậy ? (**Công Đô Tử viết : Khuông Chương thông quốc giai xưng bất hiếu yên, phu tử dữ chi du, hựu tùng nhi lễ mạo chi, cảm vấn hà dã** ?). Thầy nói rằng : Ủa ! Chương Tử có tội gì là đáng tội bất hiếu đâu ! Thông thường người đời cho là người bất hiếu, chỉ có năm điều là đúng tội (**Mạnh**

Tử viết : thế tục sở vị bất hiếu giả, ngũ).

Một hạng người quá lười biếng, quanh năm tay chân chẳng động tác, chẳng nghĩ đến phụ mẫu chi dưỡng, là một điều bất hiếu đó vậy (**đọa kỳ tứ chi, bất cố phụ mẫu chi dưỡng, nhất bất hiếu dã**). Hai là say mê cờ bạc, ham uống rượu, chẳng nghĩ đến phụ mẫu chi dưỡng, là hai điều bất hiếu đó vậy (**bác dịch, háo ẩm tửu, bất cố phụ mẫu chi dưỡng, nhị bất hiếu dã**). Ba là tham lam của người để làm của riêng cho vợ con mình, chẳng nghĩ đến phụ mẫu chi dưỡng, là ba điều bất hiếu đó vậy (**háo hóa tài tư thê tử, bất cố phụ mẫu chi dưỡng, tam bất hiếu dã**). Bốn là cùng cực những việc tình dục của tai mắt, để nhơ nhuốc đến cha mẹ, là bốn điều bất hiếu đó vậy (**túng nhĩ mục chi dục dĩ vi phụ mẫu lục, tứ bất hiếu dã**). Năm là ham làm huyết khí chi dũng, hăng đua đánh với người ta, đến nỗi nguy lây tới cha mẹ, là năm điều bất hiếu đó vậy (**háo dũng đấu ngận, dĩ nguy phụ mẫu, ngũ bất hiếu dã**).

Lấy năm điều ấy mà xét vào trong lịch sử của Chương Tử thời Chương Tử có một điều gì ư trong năm điều ấy dâu ! (**Chương Tử hữu nhất ư thị hồ** ?).

Ôi ! Tội nghiệp cho Chương Tử, chỉ có vì có cha con trách điều lành với nhau mà thành ra chẳng hợp nhau đó vậy (**phù Chương Tử, tử phụ trách thiện nhi bất tương ngộ dã**). Tùng lai, trách thiện là lối giao thiệp với bầu bạn đó vậy (**trách thiện, bằng hữu chi đạo dã**); chứ như cha con trách thiện với nhau là tai hại cho ân tình lớn lắm ! (**phụ tử trách thiện, tặc ân chi đại giả**).

Ôi ! Chương Tử cũng nhân tình như ai, há chẳng muốn được chồng vợ ở với nhau, con mẹ thân với nhau đó ư ? (**phù Chương Tử khỉ bất dục hữu phu thê, tử mẫu chi thuộc tai**). Tội nghiệp quá ! Vì đắc tội với cha, chẳng được thân cận với cha (**vị đắc tội ư phụ, bất đắc cận**). Anh ta chẳng được gần cha, nên đuổi vợ, bỏ con, trọn đời anh chẳng được vợ con nuôi (**xuất thê bỉnh tử, chung thân bất dưỡng yên**). Anh sở dĩ chịu cực khổ như thế, là trong lòng anh nghĩ : nếu chẳng như

thế, thế là tội lại quá lớn nữa (**kỳ thiết tâm dĩ vi bất nhược thị, thị tắc tội chi đại giả**). Suy nguyên cho đến tâm lý Chương Tử thời Chương Tử vẫn chẳng phải người bất hiếu rồi đó ! (**thị tắc Chương Tử dĩ hỹ** !).

("Lục" nghĩa là sỉ nhục. Vì con làm điều bất nghĩa mà tai vạ đến cha mẹ, là "dĩ nguy phụ mẫu"; "thiết tâm" nghĩa là sắp đặt ở trong lòng; "bất nhược thị thị tắc tội chi đại giả", chín chữ đọc một hơi).

Chúng ta đọc bài này, nên nhận cho ra nghĩa câu "bất cố phụ mẫu chi dưỡng".

"Phụ mẫu chi dưỡng" nghĩa là công dưỡng dục của cha mẹ mình. Cha mẹ nuôi mình cho đến trưởng thành là để làm gì ? Là chỉ muốn cho mình làm nên một con người. Tất phải cần chức nghiệp, cấm hoang chơi, và lo làm những việc công ích với xã hội. Bây giờ "đọa kỳ tứ chi, bác dịch, háo ẩm tửu" thời còn gì là chức nghiệp, còn nghĩ gì tới nghĩa vụ làm người. Hai hạng người ấy thiệt đã uổng công cha mẹ nuôi mình lớn, nên có câu "bất cố phụ mẫu chi dưỡng".

Lại còn một hạng người nữa : "háo hóa tài, tư thê tử". Người ấy tuyệt không công đức, chỉ mưu tư kỷ, chắc là một giống sâu mọt lớn ở xã hội, cũng là uổng công cha mẹ nuôi nó lớn, nên cũng có câu "bất cố phụ mẫu chi dưỡng".

Ba hạng trên ấy, chỉ bất cố mà thôi, tội bất hiếu đã dành; còn hai hạng sau nữa, lại làm những việc trái đạo, trái nghĩa mà để nhục và nguy đến cha mẹ thời chẳng những bất cố mà thôi, lại còn bất hiếu nặng lắm ! Nhưng học giả phải xét : "vi phụ mẫu lục" là tội tại câu "túng nhĩ mục chi dục". "Nhĩ mục chi dục" là những việc trái đạo lý, mà say thanh sắc để nhục đến cha mẹ mới là bất hiếu. "Nguy phụ mẫu" là tội tại câu "háo dũng dấu ngận". Bởi vì "háo dũng dấu ngận" là võ phu huyết khí chi dũng, nhân thế mà nguy đến cha mẹ thời là bất hiếu.

Trái lại, dục mà thuộc về đạo lý chính đáng tức là "lương tâm chi dục", dũng mà theo về chính khí đại nghĩa tức là "thánh hiền chi dũng", chẳng phải tuyệt đối là không "vi phụ

mẫu lục dĩ nguy phụ mẫu". Tỷ như Ngũ Tử Tư trốn Sở mà cha Ngũ Kiến bị giết; sử sách chép nhiều những việc như thế, mà Thánh hiền không đặt vào câu bất hiếu.

Thầy Mạnh đã có câu :

Mạnh Tử viết : Bất dĩ văn hại từ, bất dĩ từ hại chí; dĩ ý nghinh chí, thị vi đắc chi !

孟子曰：不以文害辭，不以辭害志；以意迎志，是為得之。

Nghĩa là chớ lấy chữ mà làm hại mất lời, chớ lấy lời mà làm hại mất tinh thần của Thánh hiền, chỉ duy phải lấy ý suy nghĩ của mình mà đón lấy tinh thần của Thánh hiền. Như thế mới đúng được phép đọc sách.

Xưa đức Khổng đã có bài chép ở sách ***Luận Ngữ***, thiên *Công Dã Tràng* rằng :

Tử viết : Thục vị Vi Sinh Cao trực ? hoặc khất ế yên, khất chư kỳ lân nhi dữ chi.

子曰：孰謂微生高直？或乞醯焉，乞諸其鄰而與之。

Nghĩa là : Ai bảo ngươi Vi Sinh Cao là một người có tính trực ? (**Tử viết : thục vị Vi Sinh Cao trực** ?). Xem như việc này : có kẻ xin giấm ở anh, đụng lúc nhà anh không sẵn, anh không chịu nói thiệt, anh lại đi xin ở nhà láng giềng nhận làm của anh mà đem cho người kia (**hoặc khất ế yên; khất chư kỳ lân nhi dữ chi**).

Xem như chuyện ấy, thiệt là người cướp tốt mua ơn. Giấm của nhà láng giềng mà anh lại hớt làm ơn của anh, chuyện tuy rất nhỏ mà thấy tâm thuật anh chẳng phải là người trực. Hễ là người trực, chẳng bao giờ không mà nói rằng có, của người mà nhận làm của mình. Vi Sanh Cao tuy trong đời cho nó là người trực, nhưng đức Khổng lấy một việc "khất ế" mà ngài phán đoán là người bất trực. Thầy Mạnh cũng học ý đức Khổng. Vậy nên thấy bàn người chẳng khen hùa theo miệng người đời.

Xem bài dưới này :

Khuông Chương viết : Trần Trọng Tử khởi bất thành liêm sĩ tai ? Cư Ô Lăng tam nhật bất thực, nhĩ vô văn, mục vô kiến dã, tỉnh thượng hữu lý, tào thực thực giả quá bán hỹ, bổ bặc vãng thực chi, tam yết nhiên hậu nhĩ hữu văn, mục hữu kiến.

Mạnh Tử viết : ư Tề quốc chi sĩ, ngô tất dĩ Trọng Tử vi cự phách yên. Tuy nhiên, Trọng Tử ô năng liêm ? Sung Trọng Tử chi tháo, tắc dẫn nhi hậu khả giả dã. Phù dẫn : thượng thực khô nhượng, hạ ẩm hoàng tuyền. Trọng Tử tỳ huynh, ly mẫu, xử ư Ô Lăng, dĩ mẫu tắc bất thực, dĩ thê tắc thực chi; dĩ huynh chi thất tắc phất cư, dĩ Ô Lăng tắc cư chi; thị thượng vi năng sung kỳ loại giả hồ. Nhược Trọng Tử giả, dẫn nhi hậu sung kỳ tháo giả dã.

匡章曰：陳仲子豈不誠廉士哉！居於陵三日不食，耳無聞，目無見也，井上有李，螬食實者過半矣，匍匐往將食之，三咽然後耳有聞，目有見。

孟子曰：於齊國之士，吾必以仲子為巨擘焉。雖然仲子惡能廉！充仲子之操，則蚓而後可者也。夫蚓上食槁壤，下飲黃泉，仲子避兄離母，處於於陵，以母則不食，以妻則食之；以兄之室，則弗居，以於陵則居之；是尚為能充其類者乎？若仲子者蚓而後充其操者也。

Khuông Chương hỏi với thầy rằng : Như Trần Trọng Tử, trong đời ai cũng khen là liêm sỉ; xét lịch sử của anh, há chẳng thiệt là liêm sỉ đó ư ? (**Khuông Chương viết : Trần Trọng Tử khởi bất thành liêm sỉ tai** ?). Anh ở đất Ô Lăng, chê bỏng lộc người anh của anh là bất nghĩa, mà nhịn ăn đến ba ngày (**cư Ô Lăng, tam nhật bất thực**). Lúc đói quá, đến nỗi tai không nghe gì, mắt không thấy gì (**nhĩ vô văn, mục**

vô kiến dã). Gặp trên giếng có cây lý, sâu ăn trái dã hơn nửa rồi, bò lóm khóm tới nơi giếng, hái trái lý ăn, nuốt ba lần xuống họng, vậy sau tai mới có nghe, mắt mới có thấy (**tỉnh thượng hữu lý, tào thực thực giả quá bán hỹ, bổ bặc vãng tương thực chi; tam yết nhiên hậu nhĩ hữu văn, mục hữu kiến**). Việc Trần Trọng Tử như thế, trong đời khen bằng liêm sĩ, chẳng đúng lắm hay sao ?

Thầy Mạnh trả lời rằng : Người sĩ ở trong thiên hạ thời chưa kể Trọng Tử vào đâu; chứ chỉ bàn người sĩ của nước Tề, ta tất cho Trọng Tử là một tay lớn thiệt ! (**Mạnh Tử viết : ư Tề quốc chi sĩ, ngô tất dĩ Trọng Tử vi cự phách yên**). Tuy nhiên, nếu bảo Trọng Tử là liêm, thời Trọng Tử lấy gì liêm được ! (**tuy nhiên, Trọng Tử ô năng liêm**). Ở trong chân lý đạo đức, dầu giống gì cũng quí ở dắc trung, đức liêm cũng vậy. Nếu liêm mà thái quá như Trọng Tử, muốn cho đầy đủ được chí hạnh của Trọng Tử thời phải làm con trùn mà sau mới xong (**sung Trọng Tử chi tháo, tắc dẫn nhi hậu khả giả dã**). Bởi vì con trùn kia, ở trên thời nó ăn đất khô, chẳng cần gì hột cơm của đời; ở dưới thời nó uống suối vàng, chẳng cần gì giọt nước của đời (**phù dẫn, thượng thực khô nhưỡng, hạ ẩm huỳnh tuyền**). Có thể mới làm được liêm như Trọng Tử. Bây giờ Trọng Tử vẫn là người kia mà ! Tránh xa anh, lìa bỏ mẹ, ở với vợ ở đất Ô Lăng (**tỵ huynh, ly mẫu, xử ư Ô Lăng**). Thế thời lấy cơm của mẹ thời chẳng ăn (**dĩ mẫu tắc bất thực**); lấy cơm của vợ thời ăn (**dĩ thê tắc thực chi**); lấy nhà của anh mình thời chẳng chịu ở (**dĩ huynh chi thất tắc phất cư**), lấy đất Ô Lăng thời ở đó (**dĩ Ô Lăng tắc cư chi**). Thế còn gì hay dẫy đủ được phận lượng đức liêm của anh nữa rư ? (**thị thượng vi năng sung kỳ loại giả hồ** ?). Nói cho đúng, làm người như cách Trọng Tử, tất phải hóa ra con trùn mà sau mới dẫy đủ được phẩm hạnh mình vậy (**nhược Trọng Tử giả, dẫn nhi hậu sung kỳ tháo giả dã**).

("Liêm sĩ" là một người sĩ có đức liêm; "bổ bạc" là đi bằng hai chân liền hai tay; "yết" là nuốt xuống họng; "cự" nghĩa là lớn; "phách" là ngón tay lớn; "cự phách" có ý là một người trổi hơn trong đám; "tháo" nghĩa là chí hạnh của người

ta giữ, như "tiết tháo, tháo thủ"; "dẫn" là loài côn trùng ở dưới đất).

Xem hai bài trên ấy thời biết rằng Thánh hiền phẩm bình người, một tiếng khen, một tiếng chê, tất căn cứ ở chân lý và cân nhắc cho đúng trung đạo, mà lại xem xét ở hoàn cảnh, đo đán đến sự tình : thiệt đáng khen mới khen, thiệt đáng chê mới chê, chứ há phải theo hùn miệng thế tục mà khen bướng chê càn dâu ! Giả như Khuông Chương mà chẳng gặp thầy Mạnh thời ai biết Khuông Chương bị tiếng oan "bất hiếu" đó ru ? Trần Trọng Tử mà chẳng gặp thầy Mạnh thời ai biết Trần Trọng Tử chính là hạng người "bất cận nhân tình" đó ru ? Con mắt chúng ta xem người, nên học Thánh hiền những chốn ấy.

Thầy Mạnh xem người thường chú trọng về phần đức hạnh; nhân đức hạnh mà đoán được sự nghiệp. Vậy nên có bài dưới này :

Lỗ dục sử Nhạc Chính Tử vi chính. Mạnh Tử viết : Ngô văn chi, hỉ nhi bất mỵ. Công Tôn Sửu viết : Nhạc Chính Tử cường hồ ? Viết : Phủ. Hữu trí lự hồ ? Viết : Phủ. Đa văn chí hồ ? Viết : Phủ. Nhiên tắc hề vi hỉ nhi bất mỵ ? Viết : Kỳ vi nhân giả háo thiện. Háo thiện túc hồ ? Viết : Háo thiện ưu ư thiên hạ nhi huống Lỗ quốc hồ ? Phù cẩu háo thiện tắc tứ hải chi nội giai tương khinh thiên lý nhi lai cáo chi dĩ thiện. Phù cẩu bất háo thiện tắc nhân tương viết dĩ dĩ, dư ký dĩ tri chi hỹ, dĩ dĩ chi thanh âm nhan sắc cự nhân ư thiên lý chi ngoại; sĩ chỉ ư thiên lý chi ngoại, tắc sàm siểm diện du chi nhân chí hỹ; dữ sàm siểm diện du chi nhân cư, quốc dục trị khả đắc hồ ?

魯欲使樂正子為政。孟子曰：吾聞之，喜而不寐。公孫丑曰：樂正子強乎？曰：否。有知慮乎？曰：否。多聞識乎？曰：否。然則奚為喜而不寐？曰：其為人者好善。好善足乎？曰：好善優於天下，而況魯國乎？夫苟好善，則四海之內皆將輕千

里而來告之以善；夫苟不好善，則人將曰訑訑，予既已知之矣。訑訑之聲音顏色距人於千里之外；士止於千里之外，則讒諂面諛之人居，國欲治可得乎？

Nhạc Chính Tử là học trò rất cao ở trong môn đồ thầy Mạnh.

Lúc ấy nước Lỗ sắp sửa khiến Nhạc Chính Tử xem việc chính trong nước (**Lỗ dục sử Nhạc Chính Tử vi chính**), thầy nói rằng ta nghe việc ấy, mừng mà chẳng ngủ được (**Mạnh Tử viết : ngô văn chi, hỉ nhi bất my**). Công Tôn Sửu hỏi rằng : Thầy sở dĩ mừng vì Nhạc Chính Tử là người cương nghị đó ru ? (**Công Tôn Sửu viết : Nhạc Chính Tử cường hồ** ?). Rằng : Không phải ! (**viết : phủ** !). Hay vì Nhạc Chính Tử là người có trí lự đó ru ? (**hữu trí lự hồ** ?). Rằng : Không phải ! (**viết : phủ** !). Hay là vì Nhạc Chính Tử là người nhiều nghe nhớ đó ru ? (**đa văn chí hồ** ?). Rằng : Không phải ! (**viết : phủ** !).

Công Tôn Sửu lại hỏi rằng : Đã chẳng phải cường, lại chẳng phải hữu trí lự, cũng chẳng phải đa văn chí, thế thời thầy nghe Nhạc Chính Tử "toan vi chính" mà thầy "hỉ nhi bất my", là vì Nhạc Chính Tử có điều gì hay ? (**nhiên tắc hề vi hỉ nhi bất my** !). Thầy nói rằng : Nhạc Chính Tử làm người có một điều tốt nhất là tính hay ham điều lành của người (**viết : kỳ vi nhân dã háo thiện**). Công Tôn Sửu lại hỏi : Chỉ "háo thiện" mà đủ làm việc chính trong nước ru ? (**háo thiện túc hồ** ?). Thầy nói rằng : Người có lòng háo thiện, đem làm việc thiên hạ, còn giỏi hung, mà huống gì làm việc nước Lỗ có khó gì ? (**viết : háo thiện ưu ư thiên hạ, nhi huống Lỗ quốc hồ** ?). Ôi ! Người ta thiệt có lòng háo thiện thời người ở trong bốn bể thảy toan khinh đường đất nghìn dặm mà lại đem việc thiện cáo cho mình (**phù cẩu háo thiện, tắc tứ hải chi nội giai tương khinh thiên lý nhi lai cáo chi dĩ thiện**). Ôi ! Người ta thiệt không lòng háo thiện thời người ngoài toan nói rằng : Dáng kiêu ngạo kia ta đã biết nó rành rồi, những giọng nói sắc mặt hình hiện ra thì

thì, thường ngán dón người ở ngoài nghìn dặm xa (**phù cảu bất háo thiện, tắc nhân tương viết : di di dư ký dĩ tri chi hỷ, di di chi thanh âm nhan sắc cự nhân ư thiên lý chi ngoại**). Hễ những người hiền sĩ dừng chân ở ngoài nghìn dặm, thời những bọn sàm siểm diện du đến ngay (**sĩ chi ư thiên lý chi ngoại tắc sàm siểm diện du chi nhân chí hỹ**). Ở vào hạng người sàm siểm du thời dầu muốn trị được nước mà có thể nào ? (**dữ sàm siểm diện du chi nhân cư, quốc dục trị khả đắc hồ** ?).

("Đa vấn chí" nghĩa là học vấn nhiều - "di di" hình dung tinh thần kiêu ngạo nghĩa là tự túc tự mãn - Câu "cự nhân ư thiên lý chi ngoại" có ý là người ở phương xa trông thấy mà đã ghét rồi - "sàm" nghĩa là người hay nói dèm - "siểm" nghĩa là người hay nói nịnh- "diện du" nghĩa là a dua trước mặt).

Chúng ta ở đời cần phải xem người cho rành là để làm gì ? Là để kén người làm bạn. Chẳng những làm bạn với người đời nay mà thôi, mà lại còn làm bạn với người đời xưa kia nữa. Vậy nên phép xem người phải xem người đời xưa, có như sau này :

Mạnh Tử vị Vạn Chương viết : Nhất hương chi thiện sĩ, tỳ hữu nhất hương chi thiện sĩ; nhất quốc chi thiện sĩ, tư hữu nhất quốc chi thiện sĩ; thiên hạ chi thiện sĩ, tư hữu thiên hạ chi thiện sĩ. Dĩ hữu thiên hạ chi thiện sĩ vi vị túc, hữu thượng luận cổ chi nhân. Tụng kỳ thi, độc kỳ thư, bất tri kỳ nhân, khả hồ ? Thị dĩ luận kỳ thế dã. Thị thượng hữu dã.

孟子謂萬章曰：一鄉之善士，斯友一鄉之善士；一國之善士，斯友一國之善士；天下之善士，斯友天下之善士；以友天下之善士為未足，又尚論古之人，頌其詩，讀其書，不知其人可乎？是以論其世也；是尚友也。

Thầy nói với Vạn Chương rằng : Trong đạo làm bạn, vì trình độ có cao thấp khác nhau, phạm vi có rộng hẹp xa nhau. Tỷ như có người thiện sĩ ở trong một làng thời làm bạn với

người thiện sĩ ở trong một làng (**Mạnh Tử vị Vạn Chương viết : Nhất hương chi thiện sĩ, tư hữu nhất hương chi thiện sĩ**); thiện sĩ ở trong một nước thời làm bạn với thiện sĩ ở trong một nước (nhứt quốc chi thiện sĩ, tư hữu nhất quốc chi thiện sĩ); thiện sĩ ở trong thiên hạ thời làm bạn với thiện sĩ ở trong thiên hạ (**thiên hạ chi thiện sĩ, ty hữu thiên hạ chi thiện sĩ**). Làm bạn đến thiện sĩ ở trong thiên hạ, trình độ vẫn đã cao, phạm vi vẫn đã rộng, nhưng chỉ làm bạn với người đời nay là người đồng thì với mình mà thôi, đạo làm bạn như thế là chưa cho là đủ; nên lại phải tấn lên một tầng nữa mà bàn xét đến người đời xưa (**dĩ hữu thiên hạ chi thiện sĩ vi vị túc, hựu thượng luận cổ chi nhân**). Vì thế mà xem người đời xưa lại cần lắm. Có xem được người đời xưa mới có thể làm bạn với người đời xưa được. Giả như mình đọc thơ người xưa, mình học sách người đời xưa mà chẳng biết những người ở trong thi thư ra thế nào có lấy gì mà làm bạn được với người xưa nữa ru ? (**tụng kỳ thi, độc kỳ thư, bất tri kỳ nhân, khả hồ** ?). Vì vậy mà muốn bàn người xưa, tất phải bàn đến thì đại người xưa đó vậy (**thị dĩ luận kỳ thế dã**). Như thế mới gọi bằng cách làm bạn tột cao đó vậy (**thị thượng hữu dã**).

Như bài ấy là nghĩa chữ "hữu" của thầy Mạnh rất là rộng lớn. Mà lại nghĩa chữ "sư" của thầy Mạnh cũng vậy. Nói đến làm bạn, thời làm bạn với người đời xưa mới là "thượng hữu"; nói đến làm thầy thời làm thầy cho trăm đời sau mới là "thánh sư". Xin xem bài dưới này :

Mạnh Tử viết : Thánh nhân bách thế chi sư dã : Bá Di, Liễu Hạ Huệ thị dã. Cố văn Bá Di chi phong giả, ngoan phu liêm, nọa phu hữu lập chí; văn Liễu Hạ Huệ chi phong giả, bạc phu đôn, bỉ phu khoan. Phấn hồ bách thế chi thượng, bách thế chi hạ văn giả, mạc bất hưng khởi dã; phi thánh nhân nhi năng nhược thị hồ ? Nhi huống ư thân chích chi giả hồ ?

孟子曰：聖人百世之師也：伯夷，柳下惠是也。故聞伯夷之風者，頑夫廉，懦夫有立

志；聞柳下惠之風者，薄夫敦，鄙夫寬，奮乎百世之上，百世之下聞者莫不興起也；非聖人而能若是乎？而況於親炙之者乎！

Người làm thầy ở trong một đời vẫn đã là người cao thượng thiệt. Nhưng so với Thánh nhân thời lại chẳng phải thầy một đời mà thôi. Thánh nhân là làm thầy cho người sau trăm đời đó vậy (**Mạnh Tử viết : Thánh nhân bách thế chi sư dã**).

Thánh nhân như ai ? Như Bá Di, Liễu Hạ Huệ đó vậy. (**Bá Di, Liễu Hạ Huệ, thị dã**).

Bá Di là người ở cuối triều nhà Thương, mà đến bây giờ ai nghe được phong thanh của Bá Di, dầu đứa ngoan độn cũng phải hóa ra người liêm, dầu đứa nhu khiếp cũng hóa nên người có chí tự lập (**cố văn Bá Di chi phong giả, ngoan phu liêm, nọa phu hữu lập chí**).

"Ngoan phu" vì sao mà liêm ? "Nọa phu" vì sao mà lập ? Là nhờ nghe hơi tiếng của thầy Bá Di đó vậy.

Liễu Hạ Huệ là người đầu đời Xuân Thu, mà đến bây giờ ai nghe được phong thanh của Liễu Hạ Huệ, dầu người thiển bạc cũng hóa nên người trung hậu, dầu người chật hẹp cũng hóa nên người rộng khoan. (**văn Liễu Hạ Huệ chi phong giả, bạc phu đôn, bỉ phu khoan**).

"Bạc phu" vì sao mà dôn ? "Bỉ phu" vì sao mà khoan ? Là nhờ nghe hơi tiếng của thầy Liễu Hạ Huệ đó vậy.

Hai người ấy, đứng dậy ở trên trăm đời, mà người ở dưới trăm đời hễ đã nghe đến chẳng ai chẳng cảm kích mà "hưng khởi" đó vậy (**phấn hồ bách thế chi thượng, bách thế chi hạ văn giả, mạc bất hưng khởi dã**). Nếu chẳng phải là Thánh nhân mà làm gì cảm hóa được như thế ru ? (**phi Thánh nhân nhi năng nhược thị hồ** ?) Người ở sau trăm đời nhờ nghe tiếng thầy ở trước trăm đời còn cảm hóa lanh chóng như thế; huống gì những người được "thân chích" Thánh nhân nữa ru ? (**nhi huống ư thân chích chi giả hồ** ?).

("Ngoan" nghĩa là ngu mà tham; "liêm" nghĩa là vuông

mà sạch; "thân chích" là trực tiếp nhờ thầy, in như hơ nướng bên lửa).

Xem góp cả hai bài trên thời chúng ta biết rằng : Ý nghĩa chữ "hữu", chữ "sư" của thầy Mạnh phát huy quang đại cho đức Khổng nhiều lắm. Đức Khổng chỉ nói rằng : "Ích giả tam hữu", "Hữu kỳ sĩ chi nhân dã...", mà thầy Mạnh lại nói đến "thượng hữu cổ nhân". Đức Khổng chỉ nói rằng : "Ôn cố nhi tri tân khả dĩ vi sư hỹ", "Tam nhân đồng hành, tất hữu ngã sư yên", v.v... mà thầy Mạnh lại nói đến "Bách thế chi sư", thời ý nghĩa xa rộng hơn lời đức Khổng nhiều lắm !

Học sách Khổng-Mạnh nên nghiên khảo những chốn ấy. Nay xin lược đem các bài trọng yếu mà đối chiếu như tiết sau :

Tiết thứ 9

Tỷ giảo thầy Mạnh với đức Khổng Tử.

Tác giả biên đến tiết này phải có một vấn đề đem ra thương xác với học giả :

Thầy Mạnh có khác với đức Khổng hay không ? Thầy Mạnh có thua kém đức Khổng hay không ? Thầy Mạnh có cao hơn đức Khổng hay không ?

Trả lời ba câu hỏi ấy, xin nói rằng : Chính thống ở trong Khổng học, Khổng-Mạnh vẫn in như nhau. Thầy Mạnh không thể nào hơn được đức Khổng, mà huống gì về phần đức tính, về phần khí tượng, thầy Mạnh còn chút đỉnh thua đức Khổng. Tuy nhiên, vì thì đại và hoàn cảnh xui khiến, nên về phần tư tưởng, về phần học thuyết thời thầy Mạnh lại có nhiều điều bổ túc cho đức Khổng. Chúng ta nếu chỉ đọc sơ hai bộ ***Luận, Mạnh***, e nhiều kẻ lại nghi thầy Mạnh hơn đức Khổng nữa kia ! Nhưng chẳng phải thế ! Đó chẳng qua thì thế khác nhau, nên tư tưởng và học thuyết cũng phải tùy thì mà tiến lên.

Nay trích cử những điểm khác nhau như dưới này :

1)- Luân lý thuộc về "quân thần".

Khổng Tử viết : Quân quân, thần thần (Nhan Uyên). Quân sử thần dĩ lễ, thần sự quân dĩ trung (Bát dật).

Mạnh Tử viết : Quân chi thị thần như thủ túc, tắc thần thị quân như phúc tâm; quân chi thị thần như khuyển mã, tắc thần thị quân như quốc nhân; quân chi thị thần như thổ giới, tắc thần thị quân như khấu thù.

孔子曰：君君，臣臣（顏淵）·君使臣之禮，臣事君以忠（八佾）

孟子曰：君之視臣如手足，則臣視君如腹心；君之視臣如犬馬，則臣視君如國人；君之視臣如土芥，則臣視君如寇讎·

Đức Khổng Tử nói : "Vua cho dúng dạo vua, tôi cho dúng đạo tôi. Vua lấy lễ sai khiến tôi, tôi hết lòng trung thờ vua".

Thầy Mạnh nói ràng : Vua kính trọng thân yêu tôi, xem tôi như tay chân mình thời tôi cũng kính trọng ái dái vua, xem như lòng bụng mình (**Mạnh Tử viết : quân chi thị thần như thủ túc, tắc thần thị quân như phúc tâm**); nếu vua đối dãi với tôi dành có nuôi nấng ơn huệ mà không kính trọng, chỉ là xem tôi như chó ngựa thời tôi xem lại vua cũng chỉ như đối đãi với người trong nước (**quân chi thị thần như khuyển mã, tắc thần thị quân như quốc nhân**); nếu vua đối đãi với tôi chẳng những không kính trọng mà thôi, lại còn không thương yêu nữa, chỉ xem tôi như đất dai cỏ rác thời tôi cũng xem lại vua như thù giặc (**quân chi thị thần như thổ giới, tắc thần thị quân như khấu thù**).

2)- Luân lý thuộc về "quân" với "dân"

Chẳng thấy dức Khổng phân biệt bên nào là trọng, bên

nào là khinh. Nhưng thầy Mạnh thời nói rõ ràng ràng :

Dân vi quí, quân vi khinh.

民為貴，君為輕 ·

3)- Thuyết thuộc về "phi chiến".

Đức Khổng chỉ nói rằng :

Dĩ bất giáo dân chiến, thị vị khí chi

孔子曰：以不教民戰，是謂棄之 ·

Chứ thầy Mạnh thời nói một cách rất nghiêm dữ, như những câu rằng : **Thiện chiến giả, phục thượng hình; suất thổ địa nhi thực nhân nhục, tội bất dung ư tử.**

善戰者，服上刑 · 率土地而食人肉 · 罪不容於死 ·

4)- Học thuyết thuộc về "tính".

Đức Khổng chỉ có một câu : **Tính tương cận dã**

性相近也 · （陽貨）

Đến thầy Mạnh thời tuyển bộ "thất thiên" nói vô số chữ "tính".

5)- Học thuyết thuộc về "dị đoan".

Đức Khổng có câu rằng :

"Công hồ dị đoan, tư hại dã dĩ !"

攻乎異端，斯害也已 !

Bài này học giả thường hay nhận lầm ý đức Thánh, bảo chữ "công", nghĩa là công trị, như nghĩa chữ "công kim" (攻金), "công ngọc" (攻玉). Hễ ai học theo dị đoan là "công hồ dị đoan" (hễ những học thuyết nào mà biệt lập ra một múi gọi bằng "dị đoan"). Chứ như nghĩa chữ "công" ở

trong lời đức Thánh thời chẳng phải như thế. Chữ "công" nghĩa là công kích, bài bác. Bởi vì trong lòng đức Khổng, in như bể rộng, nuốt hết cả muôn hới ngàn giòng; in như trời không, dung hết mây mù ráng trổ, nên Ngài đối với các học thuyết khác, thường muốn dung hòa hỗn hợp, bỏ "sở đoản" mà lặt cái "sở trường". Xem như Lão Tử vẫn một học thuyết khác với ngài mà ngài vẫn nhận làm thầy. Nên ngài mới nói ràng : Hễ thấy người ta "dị đoan" mà mình cố ra sức công kích thời chỉ là làm hại cho mình mà thôi ! Chẳng những làm hại đến tâm thân mà còn làm hại cho học thuyết nữa. Vì mình đã công kích người ta, thời người ta cũng công kích mình, có thể nào chẳng hại được (**Tử viết : công hồ dị đoan tư hại dã dĩ**).

Học giả muốn nhận ý bài trên ấy cho khỏi lầm, xin nhận câu "vô công nhân chi ác" thời biết ý đức Khổng đối với dị đoan, chủ trương bằng cách điều hòa, mà chẳng chủ trương công kích. Duy đến thầy Mạnh thời khác hẳn, hễ dị đoan như Dương Chu, Mặc Địch, Hứa Hành, Cáo Tử, thời thầy cực lực công kích.

Đức Khổng biên sách ***Xuân Thu***, thường tiêu ý nghĩa tôn Chu mà đặt chữ "Vương" lên đầu sách. Duy đến thầy Mạnh thời chuyên để ý vào nước Tề, nước Lương, mà như hình bỏ ngỏ Chu Vương không nhắc tới.

Tóm cả mấy điều như trên là những điểm mà thầy Mạnh khác với đức Khổng, há phải thầy Mạnh chẳng tôn tín đức Khổng đó ư ? Không phải ! Tôn tín đức Khổng, chẳng ai hơn thầy Mạnh !

Thầy thường dẫn lời thầy Tể Ngã ràng :

Tể Ngã viết : Dĩ Dư quan ư Phu Tử, hiền ư Nghiêu Thuấn viễn hỹ.

宰我曰：以予觀於夫子，賢於堯舜遠矣。

Nghĩa là lấy tư tưởng của Dư dây mà suy trác Phu Tử thời Phu Tử hiền hơn Nghiêu Thuấn xa lắm. Lại dẫn lời thầy Tử Cống ràng :

Tử Cống viết : Tự sanh dân dĩ lai vị hữu Phu Tử dã.

子貢曰：自生民以來，未有夫子也。

Nghĩa là tự thuở sinh ra loài người tới bây giờ, chưa có ai được như đức Phu Tử đó vậy.

Lại dẫn lời thầy Hữu Nhược rằng :

Hữu Nhược viết : Thánh nhân chi ư dân, loại dã; xuất hồ kỳ loại, bạt hồ kỳ tụy; tự sinh dân dĩ lai, vị hữu thịnh ư Khổng Tử dã.

有若曰：聖人之於民，類也；出乎其類，拔乎其萃，自生民以來，未有盛於孔子也。

Nghĩa là Thánh nhân với người ta, cũng là loài người cả thảy vậy.

Nhưng đức và tài của Thánh nhân, trổi cao hơn trong loài, siêu bạt ở giữa bầy, xưa nay các bậc Thánh nhân thảy như thế. Nhưng mà từ thuở có loài người đến bây giờ, chưa có vị Thánh nhân nào mà thịnh hơn đức Khổng đó vậy.

Thầy lại có nói rằng :

Mạnh Tử viết : Khổng Tử, đăng Đông Sơn nhi tiểu Lỗ; đăng Thái Sơn nhi tiểu thiên hạ; cố quan ư hải giả, nan vi thủy; du ư Thánh nhân chi môn giả, nan vi ngôn.

孟子曰：孔子，登東山而小魯；登太山而小天下；故觀於海者，難為水；遊於聖人之門者，難為言。

Nhân cách đạo đức vừa cao vừa lớn ở trong người đời, thiệt chẳng ai bằng đức Khổng. Thi dụ như lên đỉnh núi Đông Sơn mà xem xuống nước Lỗ thời thấy nước Lỗ là nhỏ (**Mạnh Tử viết : Khổng Tử, đăng Đông Sơn nhi tiểu Lỗ**); lên đỉnh núi Thái Sơn mà xem xuống thiên hạ thời thấy thiên hạ là nhỏ (**đăng Thái Sơn nhi tiểu thiên hạ**); hễ lên cao đến bao nhiêu thời xem xuống dưới càng nhỏ bấy nhiêu. Người bình thường chưa đến địa vị đức Khổng mà làm sao biết được đức Khổng. Bởi vì đức Khổng quá cao lớn mà chúng ta quá thấp

nhỏ, muốn hình dung cho ra đức Khổng mà biết làm sao hình dung được. Vì vậy mà lại thiết ra lời thí dụ :

Hễ người nào đã xem ở mạt bể mới biết rằng khó làm ra nước (**cố quan ư hải giả, nan vi thủy**), người nào đến học ở cửa Thánh nhân mới biết rằng khó làm nên lời miêu tả (**du ư Thánh nhân chi môn giả, nan vi ngôn**).

Bài này khó hiểu nhất là sáu chữ : "nan vi thủy" "nan vi ngôn" :

Giả như nước giếng, nước ao, nước sông thời có gì là "nan vi" ? Chỉ duy đến nước bể thời mênh mênh mù mịt không bờ không bến, làm được như thế thiệt là khó lắm. Nên nói rằng "nan vi thủy".

Lại giả như một bậc thiện nhân hay đại hiền thời miêu tả cho ra cũng còn dễ; chỉ duy đến Thánh nhân như đức Khổng mới thiệt là : "ngưỡng chi di cao, toàn chi di kiên, chiêm chi tại tiền hốt yên tại hậu", không thể nào lấy một vài lời nói mà hình dung ra được nên nói rằng "nan vi ngôn".

Thầy Mạnh lại có bài nói rằng :

Mạnh Tử viết : Do Nghiêu Thuấn chí ư Thang, ngũ bách hữu dư tuế; nhược Vũ, Cao Dao tắc kiến nhi tri chi; nhược Thang tắc văn nhi tri chi. Do Thang chí ư Văn Vương, ngũ bách hữu dư tuế; nhược Y Doãn, Lai Chu tắc kiến nhi tri chi; nhược Văn Vương, tắc văn nhi tri chi. Do Văn Vương chí ư Khổng Tử, ngũ bách hữu dư tuế; nhược Thái Công Vọng, Tán Nghi Sinh tắc kiến nhi tri chi nhược Khổng Tử, tắc văn nhi tri chi. Do Khổng Tử nhi lai chí ư kim, bách hữu dư tuế; khứ Thánh nhân chi thế, nhược thử kỳ vị viễn dã; cận Thánh nhân chi cư, nhược thử kỳ thậm dã; nhiên nhi vô hữu hồ nhĩ, tắc diệc vô hữu hồ nhĩ.

孟子曰：由堯舜至於湯，五百有餘歲，若禹，皐陶則見而知之；若湯則聞而知之，由湯至於文王，五百有餘歲，若伊尹，萊朱則見而知之；若文王則聞而知之．由文王至於

孔子，五百有餘歲，若太公望，散宜生則見而知之；若孔子則聞而知之。由孔子而來至於今，百有餘歲，去聖人之世，若此其未遠也；近聖人之居，若此其甚也。然而無有乎爾，則亦無有乎爾。

Bài này ở cuối cùng sách ***Mạnh Tử***. Học giả nhận kỹ bài này thời biết rằng : Khổng học chẳng phải là học riêng của mình đức Khổng. Trên thời tiếp nối lấy Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn; dưới thời dẫn xuất thầy Mạnh cho đến học thống Hán, Đường, Tống tới bây giờ. Tựu trung chỉ có khác nhau là hai bậc người : một là bậc "kiến nhi tri chi"; hai là bậc "văn nhi tri chi".

Những người đồng thì trực tiếp với Thánh nhân thời thấy Thánh nhân mà biết được đạo Thánh nhân; tức như Vũ, Cao Dao, trực tiếp với Nghiêu Thuấn; Y Doãn, Lai Chu trực tiếp với Thang; Thái Công Vọng, Tán Nghi Sinh trực tiếp với Văn Vương. Những bậc người ấy, là "kiến nhi tri chi". Chứ như vua Thang cách Nghiêu Thuấn hơn 500 năm; Văn Vương cách vua Thang hơn 500 năm, đức Khổng lại cách vua Văn Vương hơn 500 năm. Những bậc người ấy tuy không trực tiếp với Thánh nhân, mà vì gián tiếp nghe với người khác cũng biết được đạo của Thánh nhân, gọi bằng "văn nhi tri chi".

Hai bậc người như trên kia, vì thời đại có khác nhau, nên "kiến tri, văn tri" có khác nhau, nhưng tổng chi cũng là "tri chi" cả. Khổng học sở dĩ bất tuyệt là nhờ có thế. Trong ý thầy Mạnh, một phương diện tự nhận mình là bậc "kiến nhi tri", lại một phương diện trông mong cho người đời sau có bậc "văn nhi tri", nên thầy nói kết thúc lại rằng :

Từ đức Khổng mà tới bây giờ mới hơn 100 năm (**do Khổng Tử nhi lai, chí ư kim bách hữu dư tuế**); "bách hữu dư tuế" so với "ngũ bách hữu dư tuế" là thì đại còn gần lắm. Thế thời cách với đời Thánh nhân chưa xa gì, đã như vậy, mà lại gần chốn ở của Thánh nhân quá chừng ! Gần lại như vậy (**khứ Thánh nhân chi thế, nhược thử kỳ vị viễn dã,**

cận Thánh nhân chi cư, nhược thử kỳ thậm dã). (Hai câu này là thầy Mạnh tự nhận thầy với đức Khổng, đất Trâu đến đất Lỗ chung ở trong một tỉnh Sơn Đông, nên nói rằng "cận Thánh nhân chi cư").

Đời đã chẳng cách nhau xa, ở lại tiếp nhau gần, lẽ nên có bậc người "kiến nhi tri chi". Nếu mà không bậc người "kiến nhi tri chi" thời chắc tương lai cũng không bậc người "văn nhi tri chi" (**nhiên nhi vô hữu hồ nhĩ, tắc diệc vô hữu hồ nhĩ**).

Nghĩa chữ "do" cũng như nghĩa chữ "tự". Hai chữ "nhĩ" là đại danh từ, chữ "nhĩ" trên là chỉ vào bậc "kiến nhi tri chi"; chữ "nhĩ" dưới là chỉ vào bậc "văn nhi tri chi". Hai câu cuối cùng phải chia làm hai ý nghĩa : ba chữ "hữu hồ nhĩ" câu trên, thầy tự nhận lấy; ba chữ "hữu hồ nhĩ " câu dưới, là ý thầy trông mong người đời sau.

Trong ý thầy hết sức tôn tín đức Khổng, mà sức tự tín của thầy cũng rất hùng vĩ. Ý thầy nói rằng : Nếu không đức Khổng thời học thống từ Nghiêu Thuấn đến Văn Vương, lấy ai truyền cho đời sau biết ? Nếu không thầy Mạnh tiếp lấy đức Khổng thời học thống của đức Khổng còn làm sao có người nghe mà biết được nữa ru ?

Bài này kết thúc bộ sách ***Mạnh Tử*** rất có ý vị :

Thầy Mạnh rất sùng bái đức Khổng mà thầy thường tự nhận thầy là học đức Khổng.

Nãi sở nguyện tắc học Khổng Tử dã.

乃所願則學孔子也。

Thầy thường phàn nàn rằng :

Dư vị đắc vi Khổng Tử đồ dã.

予未得為孔子徒也

Nghĩa là ta chưa được làm học trò cập môn của đức Khổng đó vậy.

Thế mà lý luận hành vi của thầy lại có những điểm khác với đức Khổng như đoạn trên kia đã kể, chẳng mâu

thuần lắm hay sao ?

Không ! Không ! Thầy Mạnh với đức Khổng, từ tinh thần tư tưởng cho đến học thuyết in hệt nhau, chỉ có ba chữ "trung", "thì", "quyền". Ba chữ ấy in như nhau thời ngoài ra, dầu một tiếng nói, một việc làm, có so se ít nhiều, cũng cốt cho đúng với ba chữ ấy. Xin chứng nghiệm với các bài như sau này :

1)- Chữ 'Trung'.

Mạnh Tử viết : Trung dã dưỡng bất trung, tài dã dưỡng bất tài; cố nhân lạc hữu hiền phụ huynh dã. Như trung dã khí bất trung, tài dã khí bất tài, tắc hiền bất tiếu chi tương khứ, kỳ gian bất năng dĩ thốn.

孟子曰：中也養不中，才也養不才；故人樂有賢父兄也．如中也棄不中，才也棄不才，則賢不肖之相去，其間不能以寸．

Ý nghĩa chữ "trung" đã thích kỹ ở *thượng thiên* và *trung thiên*. Chính truyền của Khổng học rất chú trọng chữ "trung". Tuyển bộ ***Dịch***, bao nhiêu chữ "cát" (cát, là tốt lành) thảy thuộc vào "cương trung" và "nhu trung". Đức Khổng đã có câu rằng :

Quân tử nhi thì trung (君子而時中).

Vì đức tánh của người ta, trừ phần ác ra không kể, đến như phần thiện chỉ có "cương thiện" và "nhu thiện"; nhưng tất phải "cương nhu đắc trung" mới gọi bằng thiện, mà cũng có "đắc trung" mới thích hợp với nghĩa chữ "thì". Nếu việc gì đã "thất trung" tức là "trái thì". Nhà triết học ở Âu Châu Hy La Á Thị cũng có bài "Trung hành thuyết", nhưng ý nghĩa tinh đáng thời chẳng bằng ý nghĩa chữ "trung" của thầy Mạnh.

Xin thích những bài chữ "trung" của thầy Mạnh như sau này:

Thầy nói rằng : Trời phú dữ cho người ta, ở trong bản tính ai cũng vẫn có thể làm được điều lành. Nhưng thuộc về phần tài thời kẻ cao người thấp, kẻ hơn người kém, không

thể in như nhau. Vì vậy mà người thấp kém tức là bất tài; sở dĩ bất tài thời lại tại bất trung; hoặc cương thái quá mà thành ra cương ác, hoặc nhu thái quá mà thành ra nhu ác; tổng chi, dã bất trung là bất tài. Chỉ duy có hạng người : cương không thái quá mà lại thêm nhu trung vào, nhu không thái quá mà lại thêm cương trung vào, hạng người ấy là người có đức trung, mà thật là người tài. Làm cha anh người dã có tài đức như thế, đáng gọi bằng hiền thời trách nhậm hạng người ấy lại càng nặng lắm. Nếu dã đứng vào địa vị phụ huynh thời những người một loài với con em mình, nó còn bất trung, mình phải đem đức trung của mình mà "huân dào" (薰陶) thành tựu cho nó (**trung dã dưỡng bất trung**); nó còn bất tài, mình phải đem sức tài của mình mà phù trì dìu dắt cho nó (**tài dã dưỡng bất tài**). Nhưng người bất trung bất tài, nhờ ơn giáo dục của người trung, người tài mà thảy thành được trung với tài. Vậy nên người ta dã vui có cha anh hiền đó vậy (**cố nhân lạc hữu hiền phụ huynh dã**).

Trái lại, giả như người trung mà bỏ những người bất trung, người tài mà bỏ những người bất tài thời người hiền và người bất tiếu té ra có xa nhau gì ! e trong khoảng đó không cách nhau được một tấc (**như trung dã khí bất trung, tài dã khí bất tài, tắc hiền, bất tiếu chi tương khứ kỳ gian bất năng dĩ thốn**).

Học giả đọc bài này, nên tham khảo với bài "học bất yếm, giáo bất quyện" ở ***Luận Ngữ***.

Trong đạo Thánh hiền, có "thành kỷ" tất phải "thành vật". Dưỡng được người bất trung mới thấy là "trung dã"; dưỡng được người bất tài mới thấy là "tài dã". Giả như "khí bất trung, khí bất tài" thời có gì làm "trung dã, tài dã" nữa dâu ! Dẫu có tiếng hiền, nhưng chẳng khác gì "bất tiếu", nên nói ràng "**tương khứ bất năng dĩ thốn**".

(Chữ "dưỡng" ở dây ý nghĩa bao hàm rộng lắm; phải học nghĩa bằng giáo dục mới đúng. Vừa giáo, vừa dục mới là "dưỡng". Ba chữ "hiền phụ huynh", chẳng phải là cha anh trong một nhà mà thôi, chính là bậc tiên giác ở trong loài

người, như câu "thiên dân chi tiên giác" (天民之先覺). Bậc người ấy đáng làm cha anh cho người một nước, một thiên hạ, nên đội lấy hai chữ "nhân lạc" ("nhân lạc" nghĩa là tất thảy loài người vui thích).

Mạnh Tử viết : Thang chấp trung lập hiền vô phương.

孟子曰：湯執中立賢無方。

Thấy lại có nói rằng : Vua Thang là một vị Đại thánh đời nhà Thương, thịnh đức đại nghiệp dầu Nghiêu Thuấn cũng thế mà thôi. Nhưng sở dĩ được như Nghiêu Thuấn, chỉ vì hay cầm giữ đạo trung cũng in như Nghiêu Thuấn "doãn chấp quyết trung" (允執厥中), (bốn chữ "doãn chấp quyết trung", nguyên ở ***Kinh Thư***, thiên *Đại Vũ Mô*, lời vua Nghiêu trao cho vua Thuấn mà vua Thuấn cũng trao cho vua Vũ, nghĩa đã thích ở *thượng thiên*).

Vua Thang vì hay "chấp trung", nên đem đạo trung ra mà dùng người trị nước, cũng chỉ thấy người nào là đúng với đức trung mà gọi bằng hiền thời tức khắc đặt lên ngôi cao, chẳng cần kể giai cấp hay tư cách gì khác (**Mạnh Tử viết : Thang chấp trung lập hiền vô phương**).

Lại xem hai bài dưới này :

Mạnh Tử viết : Khổng Tử bất đắc trung đạo nhi dữ chi, tất dã cuồng quyến hồ. Khổng Tử khởi bất dục trung đạo tai !

孟子曰：孔子不得中道而與之，必也狂狷乎。孔子豈不欲中道哉！

Mạnh Tử viết : Trung đạo nhi lập, năng giả tùng chi.

孟子曰：中道而立，能者從之。

Hai bài này nghĩa đã thích ở *thượng thiên* và *tiết* trên.

2)- Chữ "thì"

Vì chữ "trung" và chữ "thì" không thể rời nhau. Muốn cho đúng đạo trung, tất phải tinh nghĩa chữ "thì". Nên tiếp

mấy bài như sau :

Mạnh Tử viết : Khổng Tử chi khứ Tề, tiếp tích nhi hành, khứ tha quốc chi đạo dã. Khứ Lỗ, viết : Trì trì ngô hành dã, khứ phụ mẫu quốc chi đạo dã. Khả dĩ tốc nhi tốc, khả dĩ cửu nhi cửu, khả dĩ xử nhi xử, khả dĩ sĩ nhi sĩ, Khổng Tử dã, Khổng Tử thánh chi thì giả dã, Khổng Tử chi vị tập đại thành. Tập đại thành dã giả : Kim thanh nhi ngọc chấn chi dã.

孟子曰：孔子之去齊，接淅而行，去他國之道也。去魯，曰：遲遲吾行也，去父母國之道也。可以速而速，可以久而久，可以處而處，可以仕而仕，孔子也。孔子聖之時者也。孔子之謂集大成。集大成也者：金聲而玉振之也。

Học giả muốn biết nghĩa chữ "thì" của thầy Mạnh thời xem những bài như dưới này :

Thầy thường thuật việc đức Khổng rằng :

Khi đức Khổng bỏ nước Tề ra đi, vì đi gấp quá chẳng kịp chờ nấu xong cơm; gạo vừa vo rồi hốt lấy gạo mà đi. Sở dĩ gấp như thế, là đạo lý ở trong khi bỏ nước khác mà đi đó vậy (**Mạnh Tử viết : Khổng Tử chi khứ Tề, tiếp tích nhi hành, khứ tha quốc chi đạo dã**). Khi ngài bỏ nước Lỗ ra đi, ngài lại nói rằng : dùng dằng chậm chạp khi ta ra đi vậy; sở dĩ chậm chạp như thế, là đạo lý ở trong khi bỏ nước, cha mẹ mà đi đó vậy (**khứ Lỗ, viết : trì trì ngô hành dã, khứ phụ mẫu quốc chi đạo dã**).

Xem như việc ấy thời biết rằng : Thì có thể nên chóng mà chóng, thì có thể nên lâu mà lâu, thì có thể nên ở nhà mà ở nhà, thì có thể nên ra làm quan mà ra làm quan. "Tốc, cửu, xử, sĩ", việc chẳng in nhau, mà tất thảy đúng với thì nghĩa, như thế là đức Khổng đó vậy (**khả dĩ tốc nhi tốc, khả dĩ cửu nhi cửu, khả dĩ xử nhi xử, khả dĩ sĩ nhi sĩ, Khổng Tử dã**). Đức Khổng thiệt là bậc Thánh thì ở trong các bậc

Thánh đó vậy (**Khổng Tử thánh chi thì giả dã**).

(Ba chữ "Thánh chi thì" là so sánh với ba vị Thánh xưa : Bá Di, "Thánh chi thanh" (伯夷：聖之清); Y Doãn, "Thánh chi nhậm" (伊尹：聖之任); Liễu Hạ Huệ, "Thánh chi hòa" (柳下惠：聖之和). Ba người ấy, chỉ Thánh được một cách, chứ như đức Khổng thời thì nên thanh mà thanh, thì nên nhậm mà nhậm, thì nên hòa mà hòa. Góp hết "thanh, nhậm, hòa" vào trong thân một người mà làm một vị Thánh rất mực. Ví như bộ âm nhạc, đức Khổng gọi bằng nhóm đại thành (**Khổng Tử chi vị tập đại thành**).

"Tập đại thành" là như thế nào ?

Là trong một bộ nhạc hoàn bị từ thỉ chí chung : tiếng kim phát khởi lên mà cho đến tiếng ngọc thu thúc lại đó vậy (**tập đại thành dã giả, kim thanh nhi ngọc chấn chi dã**).

(Bốn chữ "kim thanh ngọc chấn" là lấy việc làm nhạc mà giải thích nghĩa ba chữ "tập đại thành". Toàn bộ nhạc, lấy tiếng chuông phát khởi nhạc, gọi bằng "kim thanh", lấy tiếng khánh kết thúc nhạc, gọi bằng "ngọc chấn"; trung gian các thức âm nhạc hoàn toàn đầy đủ. Mà Thánh chi thì của đức Khổng cũng in như bộ nhạc "đại thành". Nên nói rằng : "**Khổng Tử chi vị đại thành**".

Xem như bài trên ấy, thấy chỉ lấy một chữ "thì" mà tán tụng đức Khổng. Học giả xem câu : "thì tai, thì tai" ở sách ***Luận Ngữ***, thời biết Khổng, Mạnh một bộ óc in như nhau.

Đức Khổng làm ***Dịch***, *Tượng truyện* nói chữ "thì" góp 24 quẻ, mà *Soán truyện* nói chữ "thì" nhiều lắm. Chỉ duy thấy Mạnh khéo học đức Khổng, nên thấy bàn việc người đời xưa rất chú trọng vào nghĩa chữ "thì".

Ở thiên *Ly Lâu hạ* có một bài :

Vũ, Tắc đang bình thế, tam quá kỳ môn nhi bất nhập, Khổng Tử hiền chi. Nhan Tử đang loạn thế, cư ư lậu hạng, nhất đan tự, nhất biểu ẩm, nhân bất kham kỳ ưu, Nhan Tử bất cải kỳ lạc. Khổng Tử hiền chi, Mạnh Tử viết :

Vũ, Tắc, Nhan Hồi đồng đạo, Vũ tư thiên hạ hữu nịch giả, do kỷ nịch chi dã; Tắc tư thiên hạ hữu cơ giả, do kỷ cơ chi dã, thị dĩ như thị kỳ cấp dã. Vũ, Tắc, Nhan Tử dịch địa, tắc giai nhiên.

禹，稷當平世，三過其門而不入，孔子賢之．顏子當亂世，居於陋巷，一簞食，一瓢飲，人不堪其憂，顏子不改其樂，孔子賢之．孟子曰：禹，稷，顏回同道：禹思天下有溺者 由己溺之也；稷思天下有饑者由己饑之也， 是以如是其急也．禹，稷，顏子易地則皆然．

Ông Vũ, ông Tắc đang thì thái bình gấp làm việc nước, lo trừ họa "hồng thủy" (洪水) cho dân, đến nỗi ba lần đi qua cửa nhà mình mà chẳng vào nhà (**Vũ, Tắc đang bình thế, tam quá kỳ môn nhi bất nhập**), đức Khổng khen cho là hiền (**Khổng Tử hiền chi**). Thầy Nhan gặp đời loạn, không ra làm việc đời, chỉ ở trong ngõ hẹp, một giỏ cơm ăn, một bầu nước uống, giả như người khác e chẳng chịu nổi buồn rầu (**nhân bất kham kỳ ưu**), mà thầy Nhan thời chẳng đổi điều vui của mình (**Nhan Tử bất cải kỳ lạc**). Đức Khổng cũng khen cho là hiền (**Khổng Tử hiền chi**).

Thầy Mạnh phê bình hai việc ấy rằng : Vũ, Tắc, Nhan Hồi, việc tuy khác nhau mà tâm lý vẫn in như nhau (**Mạnh Tử viết : Vũ, Tắc, Nhan Hồi đồng đạo**). Chẳng qua vì gặp thì khác nhau : gặp được bình thế thời làm Vũ, Tắc; gặp phải loạn thế thời làm thầy Nhan. Thì bất đồng, vậy nên việc bất đồng; nhưng mà nghĩa tùy thì thời in như nhau, há phải thầy Nhan khác với Vũ, Tắc đâu !?

Nay ta thử suy cho đến tâm lý của Vũ, Tắc. Đương lúc họa hồng thủy ở vua Nghiêu, Vũ nghĩ thiên hạ còn có người chết đuối nhận làm đau đớn nghĩ người đắm ấy tội tại mình trấn nó đó vậy (**Vũ tư thiên hạ hữu nịch giả do kỷ nịch chi dã**). Tắc nghĩ thiên hạ còn có người chết đói nhận làm đau đớn, nghĩ những người chết đói ấy tội tại mình để nó nhịn đói vậy (**tắc tư thiên hạ hữu cơ giả do kỷ cơ chi dã**).

Vì tâm lý ấy, nên cần cấp cứu người đến như thế (**thị dĩ như thị kỳ cấp dã**). Đã xét rõ được tâm lý của Vũ, Tắc, thời biết được tâm lý của thầy Nhan. Nếu thay đổi hoàn cảnh của ba người : Vũ, Tắc mà ở vào địa vị của thầy Nan thời cũng như thầy Nhan; thầy Nhan mà ở địa vị Vũ, Tắc thời cũng như Vũ, Tắc. Nghĩa tùy thì cũng in như nhau vậy (**Vũ, Tắc, Nhan Tử dịch địa tắc giai nhiên**).

(Nghĩa chữ "địa" ở đây khác với mọi nơi : "địa" là nói góp cả thì gian và không gian. Cảnh ngộ mình và thì đại mình thảy có thể gọi bằng "địa". Xem ở *thượng văn* có chữ "bình thế, loạn thế" thời hiểu được nghĩa chữ "địa". Có thể lấy "thì" thay chữ "địa" cũng đúng).

Ở trên đường "chính trị", thầy lại rất chú trọng chữ "thì", có bài ràng :

Mạnh Tử viết : Dĩ Tề vương do phản thủ dã. Tề nhân hữu ngôn viết : Tuy hữu trí tuệ bất như thừa thế; tuy hữu tự cơ bất như đãi thì. Kim thì tắc dị nhiên dã. Hạ Hậu, Ân, Chu chi thịnh, địa vị hữu quá thiên lý giả dã, nhi Tề hữu kỳ địa hỹ, kê minh cẩu phệ tương văn nhi đạt hồ tứ cảnh, nhi Tề hữu kỳ dân hỹ; địa bất cải tịch hỹ, dân bất cải tụ hỹ, hành nhân chính nhi vượng, mạc chi năng ngự dã. Thả vương giả chi bất tác, vị hữu sơ ư thử thì giả dã, dân chi tiểu tụy ư ngược chính vị hữu thậm ư thử thì giả dã. Cơ giả dị vi thực, khát giả dị vi ẩm; đang kim chi thì vạn thặng chi quốc, hành nhân chính, dân chi duyệt chi, do giải đảo huyền dã. Cố sự bán cổ chi nhân, công tất bội chi; duy thử thì vi nhiên.

孟子曰：以齊王猶反手也。齊人有言曰：雖有智慧不如乘勢；雖有鎡基，不如待時；今時則易然也。夏后殷周之盛，地未有過千里者也， 而齊有其地矣；雞鳴狗吠相聞而達乎四境，而齊有其民 矣；地不改辟矣，民不改聚矣；行人政 而王，莫之能禦也。且王者之不作，未有疏於此時者也， 民之憔悴於虐政，未有甚於此時者也；

飢者易為食，渴者易為飲；當今之時，萬乘之國行人政，民之悅之，猶解倒懸也．故事半古之人，功必倍之，惟此時為然．

Đem nước Tề làm nên nghiệp vương dễ như lật bàn tay đó vậy (**Mạnh Tử viết : dĩ Tề vương phản thủ dã**).

Vì sao thế ? Người nước Tề có câu thành ngữ rằng : Vô luận làm việc gì, tuy cần phải có trí tuệ, nhưng chẳng bằng cỡi được thế (**Tề nhân hữu ngôn viết : Tuy hữu trí tuệ, bất như thừa thế**). Vô luận dựng một công nghiệp gì, tuy cần phải có tư cơ, nhưng chẳng bằng chờ được thì (**tuy hữu tư cơ bất như dãi thì**).

Đấy là câu nói của Tề nhân. Trí tuệ là trí khôn mưu mẹo để tính việc, nhưng tất có thừa thế thời trí tuệ mới vận dụng được mau. Tư cơ là tài liệu nền tảng để làm việc, nhưng tất có đãi thì thời tư cơ mới phát triển được chóng. Thì và thế quan hệ in nhau, nhưng trước có thì mới tạo nên thế. Nên thầy lại nói rằng : Theo như đời bây giờ thời dễ làm lắm ! (**kim thì tắc dị nhiên dã** !). Đời nhà Hạ, nhà Ân, nhà Chu, vừa lúc đương thịnh, chưa có đất rộng hơn nghìn dặm, vậy mà Tề bây giờ đã có đất hơn nghìn dặm rồi (**Hạ Hậu, Ân, Chu chi thạnh, địa vị hữu quá thiên lý giả dã, nhi Tề hữu kỳ địa hỹ**). Tiếng gà gáy chó sủa liên tiếp với nhau, mà suốt đến bốn bể quốc cảnh, thế là Tề lại có dân đông nữa rồi (**kê minh cẩu phệ tương văn nhi đạt hồ tứ cảnh nhi Tề hữu kỳ dân hỹ**). Đất in như đất cũ, chẳng cần phải thay đổi nữa mà đã mở rộng rồi (**địa bất cải tịch hỹ**), dân in như dân cũ, chẳng cần thay đổi nữa mà đã nhóm đông rồi (**dân bất cải tụ hỹ**). Sẵn có thế lực dày lớn như thế, chỉ duy làm nhân chính mà nên nghiệp vương chắc chẳng ai ngăn cản được vậy (**hành nhân chính nhi vương, mạc chi năng ngự dã**); vả lại nói về phần thì, lại càng đúng thì lắm. Trong đời chẳng vương giả dấy lên, chưa có bao giờ lâu hơn lúc này vậy (**thả vương giả chi bất tác vị hữu sơ ư thử thì giả dã**). Nhân dân đau đói tối tàn vì ngược chính chưa có bao giờ thậm hơn lúc này nữa vậy (**dân chi tiểu tụy ư ngược chính vị hữu thậm ư thử thì giả dã**). Thường người

ta đau lâu ngày phải trông lành, loạn lâu ngày phải trông trị; ví như người quá đói dễ cho ăn, người quá khát dễ cho uống (**cơ giả dị vi thực, khát giả dị vi ẩm**). Vừa thì đời bây giờ lấy một nước đủ sức muôn cỗ xe mà làm nhân chính, lòng dân tất nhiên vui mừng như mở dây trói treo ngược vậy (**đương kim chi thì, vạn thặng chi quốc hành nhân chính, dân chi duyệt chi do giải đảo huyền dã**). Vì vậy cho nên việc làm chỉ có một nửa bằng người đời xưa mà thành công, chắc gấp hai người đời xưa (**cố sự bán cổ chi nhân, công tất bội chi**); chỉ duy lúc này mới làm như thế được (**duy thử thì vi nhiên**).

("Đảo huyền" là trói treo ngược; chân ở trên, đầu ở dưới, gọi bằng "đảo huyền").

Tóm cả bài trên, góp coả sáu chữ "thì" thời biết rằng : Học thuyết "chính trị" của thầy Mạnh rất quí trọng chữ "thì". Chẳng những việc lớn cần chữ "thì" mà thôi, mà những việc nhỏ mọn chẳng việc gì bỏ được chữ "thì", nên thầy lại có bài rằng :

Mạnh Tử viết : Sĩ phi vị bần giả; nhi hữu thì hồ vị bần. Thú thê phi vị dưỡng dã, nhi hữu thì hồ vị dưỡng.

孟子曰：仕非為貧也，而有時乎為貧。娶妻非為養也，而有時乎為養。

Làm quan là cốt để trí quân trạch dân, chẳng vì đỡ đói mà làm quan đó vậy (**Mạnh Tử viết : Sĩ phi vị bần dã**); nhưng cũng có người vì hoàn cảnh sở bức, theo thì đó mà phải vị bần mà làm quan (**nhi hữu thì hồ vị bần**). Cũng ví như lấy vợ là cốt để sinh con đẻ cháu, chứ không phải vì nhờ người cung dưỡng mình mà lấy vợ đó vậy (**thú thê phi vị dưỡng dã**), nhưng cũng có người cô thân độc xử, không thể làm được những việc nấu cơm gánh nước, tùy thì đó phải vị dưỡng mà cần lấy vợ (**nhi hữu thì hồ vị dưỡng**).

Lại đến những việc "kinh tế trị sinh", cũng cần có chữ "thì" lắm ! Thầy có nói rằng :

Mạnh Tử viết : Thực chi dĩ thì, dụng chi dĩ lễ, tài bất khả thắng dụng dã.

孟子曰：食之以時，用之以禮；財不可勝用也。

Tiêu xài về những việc ăn uống, tất phải vừa đúng thì tiết là thôi, mà không thể đến nỗi thái quá (**thực chi dĩ thì**); chi dụng về các việc thù ứng, tất phải cho vừa đúng với lễ mà chẳng hao phí bằng vô ích (**dụng chi dĩ lễ**). Như thế là "sinh giả chúng, thực giả quả; vi giả tật, dụng giả thư" thời của nảy nở ra nhiều không thể dùng được hết vậy (**tài bất khả thắng dụng dã**).

Lại có bai như dưới này thời nghĩa chữ "thì" quan hệ với thân người ta càng lớn lắm :

Mạnh Tử viết : Thiên hạ hữu đạo, dĩ đạo tuận thân; thiên hạ vô đạo, dĩ thân tuận đạo; vị văn dĩ đạo tuận hồ nhân giả dã.

孟子曰：天下有道，以道殉身；天下無道，以身殉道；未聞以道殉乎人者也。

Thầy nói rằng : Người ta ở đời, có thân mới chở được đạo, mà cũng vì có đạo mới thành được thân. Thân với đạo chẳng bao giờ rời nhau, nhưng tất phải tùy thì mà tiến thối. Gặp lúc thiên hạ hữu đạo, thân ta đắc thì hành đạo thời lấy đạo theo với thân mình; thân mình hiển đạt chừng nào thời đạo cũng phát triển chừng ấy (**Mạnh Tử viết : thiên hạ hữu đạo, dĩ đạo tuận thân**). Gặp lúc thiên hạ vô đạo, đạo mình dã trái với đời thời phải lấy thân mình theo với đạo; đạo ẩn mà thân cũng ẩn (**thiên hạ vô đạo, dĩ thân tuận đạo**).

Chứng vào người đời xưa, như ông Y Doãn bỏ Hữu Sằn mà làm tướng cho vua Thang, là "dĩ đạo tuận thân". Như thầy Nhan Hồi ở lậu hạng mà không ra làm việc đời, là "dĩ thân tuận đạo". Thì nghĩa của Thánh hiền là như thế. Chưa nghe có ai lấy đạo mình mà hùa theo với người đó vậy (**vị văn dĩ đạo tuận hồ nhân giả dã**).

Nói tóm lại, tuyển cả bộ ***Mạnh Tử***, không chốn nào mà không ý nghĩa chữ "thì".

Như trên kia dã kể, chẳng qua trích cử mấy bài để cho

học giả vừa dễ hiểu. Nhưng chúng ta ở trên đường "thiệp thế", nào là xử sự, nào là tiếp vật, muốn thực hiện được nghĩa "quân tử thi trung", tất phải biết nghĩa chữ "quyền" :

3)- Chữ "Quyền".

"Quyền" nghĩa là cân nhắc cho rõ nặng nhẹ : lựa bên nào nặng, bên nào nhẹ mà xử trí cho đúng cân trung bình. Vậy nên trong đạo quân tử, tất cần phải có chữ "quyền".

Thầy có câu rằng :

Quyền nhiên hậu tri khinh trọng; vật giai nhiên, tâm vi thậm.

權然後知輕重；物皆然，心為甚。

Nghĩa là có bác cân lên, vậy sau mới biết được nặng hay nhẹ; nhất thiết sự vậy thảy như thế. Lòng người ta càng cần phải quyền lắm !

"Quyền chính" là cái đòn cân để cho chúng ta cân nhắc mà làm cho đúng với nghĩa "thì, trung".

Từ dây sắp xuống, xin dịch những bài nói chữ "quyền" :

Mạnh Tử viết : Dương Tử thủ vị ngã, bạt nhất mao nhi lợi thiên hạ, bất vi dã. Mặc Tử kiêm ái, ma đính phóng chủng lợi thiên hạ, vi chi. Tử Mạc chấp trung, chấp trung vi cận chi. Chấp trung vô quyền do chấp nhất dã. Sở ố chấp nhất giả, vị kỳ tặc đạo dã; cử nhất nhi phế bách dã.

孟子曰：楊子取為我，拔一毛而利天下，不為也。墨子兼愛，磨頂放踵利天下，為之。子莫執中，執中為近之。執中無權猶執一也。所惡執一者，為其賊道也，舉一而廢百也。

Một là giải thích ý nghĩa có "quyền" mới "đắc trung".

Thầy Mạnh nói rằng : Dương Tử lấy chủ nghĩa "vị ngã" (**Mạnh Tử viết : Dương Tử thủ vị ngã**). (Chủ nghĩa "vị ngã" là chủ nghĩa cá nhân khoái lạc, cũng có thể gọi bằng "lợi kỷ" chủ nghĩa). Tuy chú trọng về lợi kỷ, nhưng tuyệt đối

không làm hại đến người; tuy không làm hại đến người, mà tuyệt đối không làm lợi cho người. Ví dầu rứt một sợi lông của mình mà lợi cho cả thiên hạ cũng chẳng chịu làm đó vậy (**bạt nhất mao nhi lợi thiên hạ bất vi dã**). Mặc Tử lấy chủ nghĩa "kiêm ái" (**Mặc Tử kiêm ái**), cốt làm lợi ích chung cho tất thảy người, mà không kể lợi ích của mình; ví dầu mài mòn từ đỉnh đến gót chân của mình mà có thể làm lợi cho thiên hạ được, cũng cứ làm ngay (**ma đính phóng chủng lợi thiên hạ, vi chi**).

Hai chủ nghĩa là hai nhà ấy : "vị ngã" thời quá ư chật hẹp mà mắc lấy bệnh tự tư; kiêm ái thời quá ư rỗng trống, mà không thể thực hiện được chủ nghĩa. Chỉ duy có chủ nghĩa của Tử Mạc là chủ nghĩa "chấp trung" (**Tử Mạc chấp trung**). Nghĩa chấp trung ấy có lẽ đúng với đạo (**chấp trung vi cận chi**). Nhưng tiếc cho cách chấp trung của Tử Mạc không được như chấp trung của Nghiêu Thuấn; bởi vì đạo lý chữ "trung" tất phải có quyền; cân nhắc ở thì nghĩa mà làm trung mới thật là chấp trung. Kìa chấp trung như Tử Mạc, chỉ giữ lấy một cách chính giữa mà không quyền, thời có khác gì chấp nhất nữa đâu ! (**chấp trung vô quyền, do chấp nhất dã**).

Cách chấp nhất như thế, có sao mà quân tử cho là đáng ghét ? (**sở ố chấp nhất giả**), là vì nó làm hại mất chân đạo lý đó vậy (**vị kỳ tặc đạo dã**). Nếu theo chủ nghĩa ấy, té ra chỉ làm nổi một việc mà bỏ hết trăm việc đó vậy (**cử nhất nhi phế bách dã**).

("Kiêm ái" nghĩa là tất thảy người phải thương yêu cho hết, cũng tức là chủ nghĩa "bác ái"- "Chấp trung" nghĩa là xê xích ở khoảng hai bên mà cố giữ lấy một cách ở chính giữa : có "lợi kỷ" mà chẳng phải "vị ngã" như Dương Tử; có yêu người mà chẳng "kiêm ái" như Mặc Tử - "Chấp nhất" nghĩa là cố chấp lấy một đạo lý mà chẳng biết tùy thì biến dịch).

Xem như bài trên thời biết rằng chữ "quyền" là phương châm cho chữ "trung". Tỷ như có một đạo lý gì, đặt vào chốn này vẫn là "trung", sang chốn khác thời lại "thất trung"; ở vào người này vẫn là "trung", đưa sang người khác thời lại

là "thất trung".

Thầy Mạnh đã có bài rằng :

Hương nhân trưởng ư bá huynh nhất tuế, tắc thùy kính ? Viết : Kính huynh. Chước, tắc thùy tiên ? Viết : Tiên chước hương nhân. Dung kính tại huynh; tư tu chi kính tại hương nhân.

鄉人長於伯兄一歲，則誰敬？曰：敬兄。酌，則誰先？曰：先酌鄉人。庸敬在兄；斯須之敬在鄉人。

Nghĩa là người trong làng mình lớn hơn anh mình một tuổi thời mình kính ai ? (**hương nhân trưởng ư bá huynh nhất tuế, tắc thùy kính** ?). Rằng : kính anh mình (**viết kính huynh**). Khi rót rượu ở lúc hương ẩm thời rót cho ai trước ? (**chước tắc thùy tiên** ?) Rằng : trước rót cho người làng mà lớn tuổi hơn anh mình (**viết : tiên chước hương nhân**). Bởi vì cân nhắc ở trong đạo lý, lòng kính thường thường luôn thời để ở anh mình (**dung kính tại huynh**); việc kính ở trong một chốc phút thời để ở hương nhân (**tư tu chi kính tại hương nhân**).

Xem như ý nghĩa bài ấy thời hiểu được nghĩa chữ "trung" chẳng phải là "chấp nhất".

Giả như cố chấp lấy một nghĩa "kính huynh" mà chẳng "tiên chước hương nhân" thời làm sao mà "đắc trung" được ? Vậy nên đức Khổng giảng dạo học, cũng bắt đầu từ "cộng học", rồi đến "thích đạo"; "thích đạo" rồi đến "dữ lập"; "dữ lập" rồi đến "dữ quyền"; "dữ quyền" là công học vẫn mới triệt để (*nghĩa đã thích ở Thượng thiên*).

Lại xem bài dưới này thời nghĩa chữ "quyền" càng rõ lắm :

Thuần Vu Khôn viết : Nam nữ thụ thụ bất thân, lễ dư ? Mạnh Tử viết : Lễ dã. Viết : Tẩu nịch tắc viên chi dĩ thủ hồ ? Viết : Tẩu nịch bất viên chi, thị sài lang dã; nam nữ thụ thụ bất thân, lễ dã; tẩu nịch viên chi dĩ thủ giả, quyền dã. Viết : Kim thiên hạ nịch hỹ, Phu tử chi

bất viên, hà dã ? Viết : thiên hạ nịch, viên chi dĩ đạo, tẩu nịch viên chi dĩ thủ. Tử dục thủ viên thiên hạ hồ ?

淳于髡曰：男女授受不親，禮與？孟子曰：禮也。曰：嫂溺則援之以手乎？曰：嫂溺不援之，是豺狼也。男女授受不親，禮也；嫂溺則援之以手者，權也。曰：今天下溺矣，夫子之不援，何也？曰：天下溺援之以道，嫂溺援之以手。子欲手援天下乎？

Thuần Vu Khôn hỏi rằng : "nam nữ thụ thụ bất thân", có phải là lễ đời xưa rứa không ? (**Thuần Vu Khôn viết : nam nữ thụ thụ bất thân, lễ dư ?**). Thầy Mạnh nói rằng : Lễ đời xưa vẫn có như thế (**Mạnh Tử viết : lễ dã**). Thuần Vu Khôn lại hỏi rằng : Giả như thấy chị dâu chìm đắm thời có phải lấy tay mà kéo lên đó ru (**viết : tẩu nịch tắc viên chi dĩ thủ hồ ?**). Thầy nói rằng : Chị dâu toan chết đuối mà mình chẳng vớt thời còn gì là lòng người ! chỉ là giống sài lang đó vậy ! (**viết : tẩu nịch bất viên chi, thị sài lang dã !**). Nam nữ thụ thụ bất thân, đó là lễ phải vậy, chứ như chị dâu chìm đắm mà lấy tay vớt lên là quyền biến đó vậy (**tẩu nịch viên chi dĩ thủ giả, quyền dã**).

Thuần Vu Khôn lại hỏi rằng : Hiện bây giờ thiên hạ chìm đắm cả rồi, thấy ngồi yên không vớt, cớ sao vậy ? (**viết : kim thiên hạ nịch hỹ, Phu tử chi bất viên, hà dã ?**). Thầy nói rằng : "tẩu nịch" thời có lẽ lấy tay mà vớt lên được (**tẩu nịch viên chi dĩ thủ**); chứ như thiên hạ nịch thời tất phải lấy đạo vớt mới xong (**thiên hạ nịch viên chi dĩ đạo**). Bây giờ đạo mình chưa đại hành được, mà anh muốn ta đem tay ra vớt thiên hạ hay sao ? (**tử dục thủ viên thiên hạ hồ ?**).

("Thụ" nghĩa là đem đồ gì trao cho người; "thụ" nghĩa là đỡ tiếp lấy đồ người ta trao cho; "thân" nghĩa là thân lấy tay tiếp với nhau; "thụ thụ bất thân" là tỏ ý nam nữ hữu biệt; "sài" và "lang" là loài chó ở trên rừng).

Nguyên lai chữ "quyền" tương đối với chữ "kinh". "Kinh" nghĩa là đạo thường; "quyền" nghĩa là thông biến. Vì có thông

biến mà chẳng trái mất đạo thường mới gọi bằng "quyền" Nên thầy Mạnh có câu :

Quân tử phản kinh nhi dĩ hỹ.

君子反經而已矣·

Việc thiên hạ có thường, có biến; đạo xử thế có kinh, có quyền. Nhưng vì quyền mà quay trở lại kinh, gọi bằng "phản kinh". Phản kinh thời là một đạo lý rất chính đáng, chứ chẳng phải như nhà quyền mưu, quyền thuật mượn tiếng làm quyền mà bỏ mất chính đạo, thời trái hẳn với chữ "quyền" của Thánh hiền. Xin học giả xem bài dưới này :

Nhâm nhân hữu vấn Ốc Lô Tử viết : Lễ dữ thực thục trọng ? Viết : Lễ trọng. Sắc dữ lễ, thục trọng ? Viết : Lễ trọng. Viết : Dĩ lễ thực tắccơnhi tử; bất dĩ lễ thực tắc đắc thực, tất dĩ lễ hồ ? Thân nghính tắc bất đắc thê, bất thân nghính tắc đắc thê, tất thân nghính hồ ? Ốc Lô Tử bất năng đối.

Minh nhật chi Trâu dĩ cáo Mạnh Tử. Mạnh Tử viết : U đáp thị dã, hà hữu ? Bất suỵ kỳ bản nhi tề kỳ mạt, phương thốn chi mộc khả sử cao ư sầm lâu; kim trọng ư vũ giả, khởi vị nhất câu kim dữ nhất dư vũ chi vị tai ! Thủ thực chi trọng giả dữ lễ chi khinh giả nhi tỷ chi, hề sí thực trọng ? Thủ sắc chi trọng giả, dữ lễ chi khinh giả nhi tỷ chi, hề sí sắc trọng ? Vãng ứng chi viết : Chẩn huynh chi tý nhi đoạt chi thực, tắc đắc thực; bất chẩn tắc bất đắc thực, tắc tương chẩn chi hồ ? Du đông gia tường nhi lâu kỳ xử nữ, tắc đắc thê; bất lâu tắc bất đắc thê, tắc tương lâu chi hồ ?

任人有問屋廬子曰：禮與食孰重？曰：禮重·色與禮孰重？曰：禮重·曰：以禮食則飢而死，不以禮食則得食，必以禮乎？親迎則不得妻，不親迎則得妻，必親迎乎？屋廬子不能對·

明日之鄒以告孟子；孟子曰：於答是也何有！不揣其本而齊末，方寸之木可使高於岑樓·金

重於羽者，豈謂一鉤金與一輿羽之謂哉！取食之重者，與禮之輕者而比之，奚翅食重？取色之重者，與禮之輕者而比之，奚翅色重？往應之曰：紾兄之臂而奪之食，則得食；不紾則不得食，則將紾之乎？踰東家牆而摟其處女，則得妻；不摟則不得妻，則將摟之乎？

Có người đất Nhâm hỏi với Ốc Lô Tử rằng : Lễ với ăn, cái gì trọng hơn ? (**Nhâm nhân hữu vấn Ốc Lô Tử viết : lễ dữ thực, thục trọng** ?). Nói rằng : So đọ lễ với thực thời lễ là trọng (**viết : lễ trọng**).

Nhâm nhân lại hỏi rằng : Sắc với lễ, cái gì trọng ? (**sắc dữ lễ, thục trọng** ?). Nói rằng : So đọ sắc với lễ thời lễ là trọng (**viết : lễ trọng**). Nhâm nhân lại hỏi rằng : Giả như có một việc kia, tất cho đúng lễ mới ăn thời phải nhịn đói mà chết; chẳng cần đúng lễ mà cứ ăn thời được ăn; lúc ấy ta tất cứ giữ lấy lễ đó ru ? (**viết : dĩ lễ thực, tắc cơ nhi tử; bất dĩ lễ thực, tắc dắc thực, tất dĩ lễ hồ** ?). Theo lễ thời phải thân nghinh : nhưng thân nghinh thời lại chẳng được vợ, chẳng thân nghinh thời lại được vợ; lúc ấy ta tất phải theo lễ mà thân nghinh đó ru ? (**thân nghinh tắc bất dắc thê, bất thân nghinh tắc dắc thê, tất thân nghinh hồ** ?).

Nhâm nhân hỏi đến đó, Ốc Lô Tử bí quá, chẳng trả lời được (**Ốc Lô Tử bất năng đối**). Vì đã nói lễ trọng thời thực và sắc là khinh. Nhưng có lúc theo lễ thời phải chết đói, theo lễ thời phải mất vợ. Muốn xử trí cho được lưỡng tuyền, thiệt là khốn nạn ! Vì Ốc Lô Tử không thấy hiểu được nghĩa chữ "quyền", nên không giải đáp được vấn đề ấy. Sáng ngày phải qua nước Trâu, đem lời hỏi của Nhâm nhân mà cáo với thầy (**minh nhật chi Trâu dĩ cáo Mạnh Tử**).

Thầy nói rằng : Trả lời câu hỏi ấy, có khó gì ! (**Mạnh Tử viết : ư đáp thị dã, hà hữu** ?). Nay ta thiết ra lời thí dụ, nói cho anh nghe : Trong việc thiên hạ, cái gì cũng có gốc, có ngọn. Đo từ gốc cho đến ngọn mới phân biệt được cao thấp; nếu chẳng do lường từ gốc mà chỉ so đọ ở ngọn (**bất**

sụy kỳ bản nhi tể kỳ mạt), thế thời cây vuông độ một tấc có thể đưa nó lên cao hơn cái lầu trên đỉnh núi ? (**phương thốn chi mộc, khả sử cao ư sầm lâu**). Lại có một lẽ thí dụ nữa : Theo lẽ thường mà nói, so đọ cục sắt với cái lông, chắc ai cũng bảo rằng sắt nặng hơn lông (**kim trọng ư vũ giả**); giả như đụng lấy một khâu sắt thì làm sao nặng hơn một xe lông được ? (**khởi vị nhất câu kim dữ nhất dư vũ chi vị tai** ?).

Ý nghĩa hai đoạn thí dụ này, phải phẫu giải cho ra mới hiểu được.

Truy nguyên cho đến gốc dấu của mọi việc thời lễ vẫn là trọng hơn thực, sắc, cũng ví như sầm lâu vẫn cao hơn thốn mộc; nhưng lại phải so đọ ở nơi tình thế hiện tại và phận lượng lớn nhỏ, nhiều ít thời thực, sắc cũng có khi nặng hơn lễ; cũng in như một xe lông lại nặng hơn một cục sắt. Đụng đến lúc lông nhiều đến một xe, mà sắt chỉ có một khâu thời làm sao bảo sắt nặng hơn lông được ?!

Cân lường nặng nhẹ được như thế, là gọi bằng "quyền". Nên thầy nói tiếp rằng : Bây giờ ta lấy phận lượng nặng thuộc về thực với phận lượng nhẹ thuộc về lễ mà so đọ với nhau thời há những thực là trọng mà thôi, e có lẽ thực lại hơn lễ nữa kia ! (**thủ thực chi trọng giả dữ lễ chi khinh giả nhi tỷ chi, hề si thực trọng**). Lấy phận lượng nặng thuộc về sắc với phận lượng nhẹ thuộc về lễ mà so đọ với nhau thời há những sắc là trọng mà thôi, mà e có lẽ sắc còn hơn lễ nữa kia ! (**thủ sắc chi trọng giả, dữ lễ chi khinh giả, nhi tỷ chi, hề si sắc trọng**).

Nghĩa chữ "quyền" tùy thì biến dịch là như thế. Hiểu được nghĩa ấy thời trả lời câu hỏi trên kia có khó gì. Anh cứ qua nói với nó rằng : "Mày có sợ đói chết mà phải bỏ lễ ru ? Thời giả như vặn trái cánh tay của anh mày mà cướp lấy đồ ăn thời được ăn (**vãng ứng chi viết : chẩn huynh chi tý nhi đoạt chi thực, tắc đắc thực**); chẳng vặn trái cánh tay của anh mày thời chẳng được ăn (**bất chẩn tắc bất đắc thực**) thời mày cũng toan vặn tay trái tay anh mày đó ru ? (**tắc tương chẩn chi**

hổ ?). Vượt qua tường nhà láng giềng phía đông mà cướp lấy đứa con gái chưa chồng của nó thời được vợ, chẳng cướp lấy thời chẳng được vợ thời mày cũng toan cướp lấy xử nữ đó ru ? (**du đông gia tường nhi lâu kỳ xử nữ tắc đắc thê, bất lâu tắc bất đắc thê, tắc tương lâu chi hổ** ?)

(Chữ "lễ" ở đây chỉ nghĩa là lễ phép, ở trong lẽ phải mà thêm tiết văn vào gọi bằng "lễ phép"; "sắc" là việc trai gái, cũng là việc vợ chồng giao tế với nhau; "thân nghinh" nghĩa là con trai đi rước dâu; "suy" nghĩa là đo lường; "chẩn" nghĩa là vặn trái; "lâu" nghĩa là kéo dắt đi).

Lời vấn đáp ở bài trên ấy, việc rất tầm thường, mà đạo lý rất tinh thâm.

Trong ý Nhâm nhân lo sợ giữ lễ thời đến nỗi chết đói và mất vợ. Trong ý thầy Mạnh thời cốt cân lường về phía nào nặng nhẹ. Hai đoạn thí dụ ở trung gian là cốt cho Ốc Lô Tử hiểu ý ấy. Đoạn cuối cùng hạ lời giả thiết để đối chiếu với lời hỏi của Nhâm nhân. "**Chẩn huynh chi tỷ nhi đoạt chi thực tắc đắc thực; du đông gia tường nhi lâu kỳ xử nữ tắc đắc thê**", dụng trường hợp ấy thời chẳng lẽ vì thực vì sắc mà bỏ lễ được, đó là "lễ trọng".

Trái lại, "lễ chi khinh giả" mà so đọ với "thực, sắc chi trọng giả", nếu giữ lễ mà đến nỗi chết đói và mất vợ thời há phải là người "thông quyền đạt biến" dâu. Xin chứng vào hai bài ở sách ***Mạnh*** **Tử** :

Mạnh Tử viết : Cổ chi quân tử, sở tựu tam, sở khứ tam. Nghinh chi trí kính dĩ hữu lễ, ngôn tương hành kỳ ngôn dã, tắc tựu chi; lễ mạo vị suy, ngôn phất hành dã, tắc khứ chi. Kỳ thứ, tuy vị hành kỳ ngôn dã, nghinh chi trí kính dĩ hữu lễ, tắc tựu chi; lễ mạo suy, tắc khứ chi. Kỳ hạ, triêu bất thực, tịch bất thực, cơ ngạ bất năng xuất môn hộ, Quân văn chi viết : Ngô đại giả bất năng hành kỳ đạo, hựu bất năng tùng kỳ ngôn dã, sử cơ ngạ ư ngã thổ địa, ngô sỉ chi. Chu chi, diệc khả thụ dã, miễn tử nhi dĩ hỹ.

孟子曰：古之君子，所就三，所去三：迎之

致敬以有禮，言將行其言也，則就之；禮貌未衰，言弗行也，則去之.其次：雖未行其言也，迎之致敬以有禮，則就之；禮貌衰，則去之．其下：朝不食，夕不食，饑餓不能出門户；君聞之曰：吾大者不能行其道，　又不能從其言也，使饑餓於我土地，吾恥之．周之，亦可受也；免死而已矣．

Đạo lý làm quan của quân tử đời xưa, mình tấn tới với vua có ba lý do; mình phải bỏ vua mà đi cũng có ba lý do (**Mạnh Tử viết : cổ chi quân tử sở tựu tam, sở khứ tam**) : Một là vua rước mình hết lòng kính mà có lễ, mình nói điều gì, vua cũng toàn làm những lời mình thời tới đó (**nghinh chi trí kính dĩ hữu lễ, ngôn tương hành kỳ ngôn dã, tắc tựu chi**). Lễ mạo tuy chưa thiếu kém nhưng mà mình nói gì, vua thảy chẳng làm thời bỏ đi (**lễ mạo vị suy, ngôn phất hành dã, tắc khứ chi**). Hai là lý do thấp kém bậc trên (**kỳ thứ**), vua tuy chưa làm được những lời mình nói, nhưng đón rước mình hết cung kính mà có lễ thời cũng tựu chi (**tuy vị hành kỳ ngôn dã, nghinh chi trí kính dĩ hữu lễ, tắc tựu chi**); lễ mạo sút kém thời bỏ đi (**lễ mạo suy tắc khứ chi**). Ba là lý do thấp nhất : vì mình gặp hoàn cảnh khốn nạn, sớm chẳng ăn, chiều chẳng ăn, nhịn đói sắp chết, không thể bước ra khỏi cửa được (**kỳ hạ, triêu bất thực, tịch bất thực, cơ ngạ bất năng xuất môn hộ**). Vua nghe được tình cảnh ấy đau đớn mà nói rằng : Ôi thôi ! Ta đối với quân tử, theo về việc lớn, ta chẳng làm nổi được đạo quân tử, ta lại chẳng hay theo được lời nói của quân tử; bây giờ để quân tử nhịn đói mà chết ở đất nước ta, ta lấy làm xấu thẹn lắm ! Ta phải cung cấp cho quân tử mới được ! Vua đã có thành tâm cung cấp cho mình như thế thời những tiền gạo vua cho cũng đáng thụ đó vậy. Đó là miễn khỏi chết mà thôi vậy (**quân văn chi viết : ngô đại giả, bất năng hành kỳ đạo, hựu bất năng tùng kỳ ngôn dã, sử cơ ngạ ư ngã thổ địa, ngô sỉ chi, Chu**

chi, diệc khả thụ dã, miễn tử nhi dĩ hỹ).

("Mạo" nghĩa là dung dáng).

Xem như bài ấy là một trường hợp mà thực trọng hơn lễ. Lại có bài này :

Vạn Chương vấn viết : Thi vân : Thú thê như chi hà ? Tất cáo phụ mẫu, tín tư ngôn dã, nghi mạc như Thuấn. Thuấn chi bất cáo nhi thú, hà dã ?

Mạnh Tử viết : Cáo tắc bất đắc thú. Nam nữ cư thất, nhân chi đại luân dã, như cáo tắc phế nhân chi đại luân, dĩ trụy phụ mẫu, thị dĩ bất cáo dã.

Vạn Chương viết : Đế chi thế Thuấn nhi bất cáo hà dã.

Viết : Đế diệc tri cáo yên tắc bất đắc thế dã.

萬章問曰：詩云：娶妻如之何，必告父母，信斯言也！宜莫如舜。舜之不告而娶，何也？孟子曰：告，則不得娶；男女居室，人之大倫也；如告，則廢人之大倫，以惡父母，是以不告也。萬章曰：帝之妻舜而不告，何也？曰：帝亦知告焉則不得妻也。

Vạn Chương hỏi rằng : ***Kinh Thi*** có câu rằng : Lấy vợ thời nên thế nào ? Tất phải cáo với cha mẹ (**Vạn Chương vấn viết : *Thi* vân : thú thê như chi hà ? Tất cáo phụ mẫu**). Thật như lời ấy vậy, e chẳng phải như vua Thuấn (**tín tư ngôn dã, nghi mạc như Thuấn**). Thuấn chẳng cáo với cha mẹ mà lấy vợ là sao vậy ? (**Thuấn chi bất cáo nhi thú, hà dã** ?). Thầy nói rằng : Nếu Thuấn mà cáo với cha mẹ thời cha mẹ Thuấn tất ngăn cấm Thuấn, Thuấn chẳng được lấy vợ (**Mạnh Tử viết : cáo tắc bất đắc thú**). Xưa nay, trai gái chung nhau làm vợ chồng là một luân lý lớn ở trong đạo người đó vậy (**nam nữ cư thất, nhân chi đại luân dã**). Giả như giữ lễ "tất cáo phụ mẫu" thời bỏ đại luân của đạo người mà để tiếng chê trách cho cha mẹ (**như cáo tắc phế nhân chi đại luân, dĩ trụy phụ mẫu**). Vì thế mà bất cáo đó vậy (**thị dĩ bất cáo dã**).

Vạn Chương lại hỏi rằng : Lúc ấy vua Nghiêu gả con cho vua Thuấn mà cũng chả cáo cho cha mẹ Thuấn biết là sao vậy ? (**Vạn Chương viết : Đế chi thế Thuấn nhi bất cáo, hà dã** ?). Thầy nói rằng : Vua Nghiêu cũng biết cáo với cha mẹ Thuấn, tất nhiên Thuấn phải sợ cha mẹ Thuấn thời vua Nghiêu không thể gả được con cho Thuấn đó vậy (**viết : Đế diệc tri cáo yên tắc bất đắc thế dã**).

("Trụy" nghĩa là oán trách; "thế" nghĩa là gả con gái cho người).

Xem bài trên ấy, thời biết được có một trường hợp mà sắc trọng hơn lễ.

Nay đọc sách ***Mạnh Tử*** mà suy cho ra ý thầy Mạnh : Trong ý thầy nghĩ rằng : bỏ lễ khinh mà lấy thực sắc trọng làm một trường hợp rất phi thường như việc quân tử và vua Thuấn ở hai bài trên kia, đến lúc ấy mới phải dùng "quyền"; không chờ lễ mạo mà chịu lấy đồ ăn, không cáo với cha mẹ mà tự cưới lấy vợ, chính là bất đắc dĩ mà phải dùng "quyền". Nếu chẳng phải trường hợp như thế thời chẳng cần gì dùng "quyền". Lễ là trọng mà thực sắc là khinh mới là chính kinh của đạo quân tử. Chữ "quyền" là dùng để bổ cứu cho chữ "kinh" mà cũng có biết "quyền" mới thích hợp được nghĩa "thì trung".

Lại xem bài dưới này :

Tăng Tử cư Võ Thành, hữu Việt khấu. Hoặc viết : Khấu chí, hạp khứ chư ? Viết : Vô ngụ nhân ư ngã thất, hủy thương kỳ tân mộc. Khấu thối, Tăng Tử phản. Tử Tư cư ư Vệ, hữu Tề khấu. Hoặc viết : khấu chí, hạp khứ chư ? Tử Tư viết : Như Cấp khứ, quân thùy dữ thủ ? Mạnh Tử viết : Tăng Tử, Tử Tư đồng đạo; Tăng Tử sư dã, phụ huynh dã; Tử Tư thần dã, vi dã. Tăng Tử, Tử Tư dịch địa tắc giai nhiên.

曾子居武城，有越寇．或曰：寇至，盍去諸？曰：無寓人於我室，毀傷其薪木．寇退，曾子反．子思居於衛，有齊寇．或曰：寇至，盍

去猜？子思曰：如伋去，君谁与守？孟子曰：曾子，子思同道：曾子師也，父兄也；子思臣也，微也。曾子，子思易地則皆然。

Thầy Tăng làm khách ở đất Võ Thành, dụng có giặc nước Việt tới (**Tăng Tử cư Võ Thành, hữu Việt khấu**), có người nói với thầy rằng : Giặc tới, sao chẳng đi ? (**hoặc viết : khấu chí, hạp khứ chư** ?). Thầy nói rằng : Chớ cho người ngoài ở gửi vào nhà ta, và dừng cho làm hư hại những cây gỗ làm dược củi (**viết : vô ngụ nhân ư ngã thất hủy thương kỳ tân mộc**). Đoạn rồi giặc lui, thầy Tăng trở về chốn ở cũ (**khấu thối, Tăng Tử phản**).

Thầy Tử Tư làm quan ở nước Vệ, dụng có giặc nước Tề (**Tử Tư cư ư Vệ, hữu Tề khấu**), có kẻ nói với thầy rằng : Giặc tới sao chẳng đi ? (**hoặc viết : khấu chí, hạp khứ chư** ?). Thầy nói rằng : Đi sao đặng ? Giả như Cấp này cũng đi thời vua cùng với ai giữ đất nước ? (**Tử Tư viết : như Cấp khứ, quân thùy dữ thủ** ?).

Việc hai thầy khác nhau như trên kia, thầy Mạnh cân nhắc ở nghĩa chữ "quyền", thầy mới nói rằng : Thầy Tăng, thầy Tử Tư chung nhau một đạo lý phải (**Mạnh Tử viết : Tăng Tử, Tử Tư đồng đạo**). Bởi vì thầy Tăng ở Võ Thành là chỉ làm thầy dạy đó vậy; địa vị thầy lúc ấy cũng là bậc cha anh đó vậy, không trách nhiệm phải giữ giặc (**Tăng Tử sư dã, phụ huynh dã**). Đến như thầy Tử Tư khi ở nước Vệ là có nghĩa vụ làm tôi rồi vậy, chức phận mình cũng như bình dân đó vậy (**Tử Tư thần dã, vi dã**). Vậy nên xử vào địa vị thầy Tăng thời có đạo lý khả dĩ khứ; xử vào địa vị thầy Tử Tư thời có đạo lý bất khả dĩ khứ. Giả như dổi thầy Tăng ở sang địa vị thầy Tử Tư; dổi thầy Tử Tư ở sang địa vị thầy Tăng thời hai thầy cũng làm như thế cả (**Tăng Tử, Tử Tư, dịch địa, tắc giai nhiên**).

Tổng chi, "quân tử sở vi, người đi, người ở; khi ở, khi đi, việc chẳng đồng như nhau, mà thảy là cân nhắc ở đạo lý phải.

Dịch Truyện có câu rằng :

Tùy thì biến dịch, dĩ tùng đạo dã.

隨時變易，以從道也。

Đạo ở đời chẳng phải chấp nhất mà được; duy theo thì thay đổi mà cứ vừa đúng với đạo. Đó tức là "quyền" mà thành ra "nghĩa chấp trung". Vậy nên "chấp trung vô quyền" như Tử Mạc mà thầy Mạnh cho là tạc đạo.

Kết luận

Tác giả tiết dịch tuyển bộ ***Mạnh Tử***, tổng cộng chín tiết : Khởi đầu **Tâm tính luận** là xuất phát điểm của học thuyết thầy Mạnh; cuối cùng, **Thì, Trung, Quyền** là qui kiết điểm của học thuyết thầy Mạnh; trung gian rất trọng yếu là tiết **Dưỡng khí, Tri ngôn** chính là căn bản công phu tác thánh.

"Chính trị" học thuyết thời góp cả "bình dân kinh tế, bình dân giáo dục". Lại thấy được học thông của nhà Khổng, chẳng phải trọng lý luận suông, mà còn rất trọng thực hành; chẳng những bổ ích cho người đời xưa, mà lại mở mối đắt đường cho các nhà học mới.

Đến như "thiệp thế quan nhân", càng dủ hết mọi lối "thẩm thì thức thế". Bảo rằng chân truyền của Khổng học, bản thể đã sung túc, mà đại dụng cũng hoàn toàn.

Chúng ta đọc pho ***Luận Ngữ*** xong, lại đọc cho cùng pho ***Mạnh Tử***, xét cho ra các điểm đồng dị thời xin nói tóm lại rằng : Tinh túy của Khổng học là chữ "nhân" (仁) và chữ "thành" (誠).

Tuyển pho ***Luận Ngữ*** giảng chữ "nhân" rất tinh tường, mà Mạnh Tử lại bổ túc thêm chữ "nghĩa", chữ "lễ", chữ "trí", nhưng cũng qui nạp vào trong chữ "nhân".

Đến như chữ "thành", gốc ở Khổng học đích phái mà ra. Thầy Tăng thuật lời đức Khổng có chương "***Thành ý***". Thầy Tử Tư thuật lời đức Khổng, nói đi nói lại chỉ một chữ

"thành", mà rất tóm tắt là mấy câu :

Thành giả, vật chi chung thi, bất thành vô vật.

誠者物之終始，不誠無物．

Quí trọng chữ "thành" biết là chừng nào !

Thầy Mạnh thừa tiếp lấy ý ấy mà có những câu :

Mạnh Tử viết : "Phản thân nhi thành lạc mạc đại yên"; "thành giả thiên chi đạo dã; tư thành giả nhân chi đạo dã"; "chí thành nhi bất động giả, vị chi hữu dã"; "bất thành vị hữu năng động giả dã".

孟子曰：反身而誠，樂莫大焉．誠者，天之道也；思誠者，人之道也．至誠而不動者，未之有也．不誠未有能動者也．

Học giả xem kỹ những câu nói ấy thời biết chữ "thành" là một chữ rất trọng yếu ở trong Khổng học cũng chẳng kém gì chữ "nhân". "Nhân" mà có "thành" mới thật ra "nhân"; "thành" ư làm "nhân" mới gọi là "thành".

Chúng ta học làm Khổng-Mạnh, cũng chỉ học hai chữ ấy là đủ. Nhưng đến khi tác dụng thời lại cần phải có ba chữ "Thì, Trung, Quyền". Nếu khi đem thân ra làm việc xã hội, việc loài người, việc vũ trụ, mà chẳng thực hành được ba chữ "Thì, Trung, Quyền" thời cũng hóa ra "nhân" "thành" "chết". Vậy nên bản sách này kết thúc lấy ba chữ ấy.

Tuy nhiên, muốn làm cho được ba chữ ấy, trước phải biết cho tinh ba chữ ấy, như thế nào là "thì", như thế nào là "trung", như thế nào là "quyền". Nếu biết không tinh, tất nhiên làm không đúng : rằng tùy thì, mà hóa ra người xu tục; rằng chấp trung, mà hóa ra người chấp nhất; rằng dụng quyền, mà hóa ra người cơ biến thời lại trái với chân lý của Khổng- Mạnh nhiều lắm.

Ông Tôn Trung Sơn có lời rằng : "Tri nan hành dị" (知難行易) nghĩa là biết cho thấu là khó, chứ biết rồi mà làm thời dễ. Vậy nên chúng ta muốn làm cho được ba chữ ấy, tất phải cầu cho tinh nghĩa ba chữ ấy. Mà muốn cho thiệt

tinh nghĩa ba chữ ấy, tất phải dùng phương pháp gì ?

Tất phải qui công ở học vấn. Học vấn đã đủ, lại phải kinh nghiệm cho giàu. Bao giờ "cách vật trí tri" cho đến nơi thời thực hành được ba chữ "Thi, Trung, Quyền" cũng không khó. Rủi gặp lúc thì thế chẳng may mà đạo học của mình chẳng phát triển được ở lúc hiện tại, thời ta cứ "trứ thư lập thuyết" để lưu tặng cho người đời sau cũng có công với "vạn thế".

Tác giả xin trích cử mấy điểm lớn ở trong lời thầy Mạnh mà rất có công đến bây giờ :

– Một là, chính sách "phân điền quân sản" thời dầu xã hội học thuyết ở đời nay cũng chỉ là ở nguồn gốc ấy mà dẻ ra.

– Hai là "trọng dân chủ nghĩa" thời dầu các nhà học thuyết dân quyền ở đời nay cũng không ra khỏi phạm vi học thuyết của thầy Mạnh.

– Ba là "phi chiến chủ nghĩa", chủ nghĩa này đến đời nay mới thịnh hành ở Âu Châu, mà thầy Mạnh ở trên 3.000 năm dã hết sức chửi mắng những nhà chiến tranh, cơ hồ đào mồ trúc mả. Như nói rằng : **"thiện chiến giả phục thượng hình"**; như nói rằng : **"suất thổ địa nhi thực nhân nhục, tội bất dung ư tử"**; như nói rằng : **"tranh địa dĩ chiến, sát nhân dinh dã; tranh thành dĩ chiến, sát nhân dinh thành"**, v.v...

Xem hết các luận điệu như trên kia thời khẩu khí thầy Mạnh bài xích chiến tranh, nồng nàn dữ dội biết chừng nào !

Gần đây, những cuộc giảm binh)(1), những tiếng "tức chiến", những nhà giảng giải hòa bình, nếu nghe lời thầy Mạnh, chắc cũng phải chịu làm bạn tiên giác.

Tác giả biên xong ban sách này, xin biểu xuất mấy câu ấy cho học giả để ý, đừng bảo rằng học thuyết Đông phương mà thua học thuyết Tây phương đó vậy.

(1) Tức thuyết "tài giảm binh bị" của các nhà ngoại giao Âu Mỹ khoảng sau Âu chiến 1914-1918

CHƯƠNG II

TUÂN TỬ

*(Trích ở sách **Tuân Tử**)*

Tiết thứ 1

Tuân Tử triết học lược luận

Tuân Tử người nước Triệu, họ Tuân, tên Huống, tên chữ là Khanh, sanh ở đời Chiến Quốc, sau thầy Mạnh ước 40 năm. Học thuyết rất mới mẻ, thường chủ trương một lý tưởng độc lập và một lý luận tự do, không chịu nương dựa vào tường vách người đời xưa. Chúng ta đối với Tuân, sở dĩ đáng kính phục, đáng sùng bái là vì chốn ấy. Nhưng hậu nho sở dĩ hay công kích thầy Tuân cũng vì chốn ấy. Chúng ta nếu có bộ óc nghiên cứu học vấn và có cặp mắt phán đoán học thuật thời xin đem tuyển bộ ***Tuân Tử*** ra xem, dám chắc thầy Tuân là cháu đích tự của Khổng học. Nay xin lược biên những học thuyết tân đĩnh (新穎) và những tư tưởng cao kỳ của thầy ra sau này :

1)- Tính ác luận

(Xem thiên *Tính ác* ở sách ***Tuân Tử***).

2)- Phi mệnh thuyết

(Xem thiên *Thiên luận* ở sách ***Tuân Tử***).

3)- Hay công kích người khác.

(Xem thiên *Phi thập nhị tử* ở sách ***Tuân Tử***).

Ở trong thiên này, chỉ trừ đức Khổng ra không công kích tới. Từ đức Khổng sấp xuống, dầu thầy Tử Tư, thầy Mạnh, cũng bị thầy Tuân bài xích. Mà nhất là "tính thiện học thuyết" của thầy Mạnh thời thầy Tuân lại công kích riết.

Vì có ba điểm như trên kia kể, nên thầy Tuân bị hậu nho công kích rất nhiều. Như Hàn Xương Lê nói rằng :

Đại thuần nhi tiểu tỳ, trạch yên nhi bất tinh, ngữ yên nhi bất tường.

大醇而小疵，擇焉而不精，語焉而不詳．

Tô Đông Pha nói rằng :

Ngu nhân chi sở kinh, tiểu nhân chi sở hỉ.

愚人之所驚，小人之所喜．

Tuy nhiên, chúng ta lấy cặp mắt đặc biệt mà xem sách ***Tuân Tử*** thời những điểm lập dị như trên kia kể, chẳng những không nên vì đó mà công kích thầy Tuân, lại nên nhân đó mà sùng bái thầy Tuân. Tác giả xin dẫn chứng lời thầy Tuân mà giải thích ra sau này :

1)- Giải thích ý nghĩa bài "Tính ác luận".

Ở tuyển thiên "*Tính ác luận*", mà người cho là kỳ quái nhất là những câu này :

Kiệt Trụ tính dã, Nghiêu Thuấn ngụy dã. Nhân chi tính ác, kỳ vi thiện giả, ngụy dã.

桀紂，性也；堯舜，偽也．人之性惡，其為善者，偽也．

Cứ xem trên mặt chữ những câu ấy, mà đọc qua một lần thời bảo Tuân học là dở mà trái với Khổng học, e cũng có lẽ. Nhưng nếu nghiên cứu cho đến nơi thời ý nghĩa những câu ấy dễ làm mờ tối cho Tuân học, là tội tại chúng ta nhận

lầm ý nghĩa của thầy Tuân, mà chẳng phải thầy Tuân để xướng ra tà thuyết.

Nguyên đời xưa đặt chữ "tính" 性 một bên bộ "tâm" 忄, một bên chữ "sinh" 生, "tâm sinh vi tính", có ý là theo lương tâm mà nảy nở ra gọi bằng "tính"; lại có ý là cái máy sống ở trong lòng người gọi bằng "tính". Vì cái máy sống ở trong lòng người đó đã nấp sẵn cái cơ "tình dục". Nguyên lúc đầu thuộc về phần "tiên thiên" 先天, chỉ có tâm mà thôi thời bảo rằng "thiện" vẫn là phải. Nhưng đến lúc đã xoay vào phần "hậu thiên" 後天 thời tức khắc nảy ra "tình dục"; đã có tình dục, không thể nào bảo không ác, nên đức Khổng nói rằng : "tính tương cận dã", sách ***Trung Dung*** cũng nói rằng : "suất tính chi vị đạo". Nếu "tính" mà tuyệt đối "thiện" thời cớ gì mà có gần nhau, mà cũng cần gì phải thống suất nó. Nếu "tính" mà tuyệt đối "ác" thời gần với "thiện" sao được ? Mà cũng làm sao suất nó đi vào thiện được ? Chứng vào nghĩa của đức Khổng và thầy Tử Tư thời "tính" chỉ là một cái động cơ, có thể vận dụng nó mà làm được thiện, mà cũng có thể đưa đẩy nó làm được ác. Nghĩa chữ "suất" của thầy Tử Tư sở dĩ tuyệt diệu là vì thế. Duy thầy Mạnh chuyên để ý về điểm tiên thiên thời nhận "tính" là "tâm" mà bảo rằng "thiện". Thầy Tuân chuyên để ý về điểm hậu thiên thời nhận "tính" là "tình dục" mà bảo rằng "ác".

Vì thầy Tuân đã nhận tính là ác, mới nảy ra chữ "ngụy", nên nói rằng : Như Kiệt Trụ là tính đó vậy (**Kiệt Trụ tính dã**), như Nghiêu Thuấn là "ngụy" đó vậy (**Nghiêu Thuấn ngụy dã**). Lại nói rằng : tính của người ta vẫn có ác; cái sở dĩ làm ra được lành đó, chỉ là "ngụy" đó vậy (**nhân chi tính ác; kỳ vi thiện giả, ngụy dã**).

Đọc mấy câu ấy, tất phải nghiên cứu cho ra ý nghĩa chữ "tính", chữ "ngụy".

Nghĩa chữ "tính" đã thích như trên kia rồi, nay xin thích cho rõ nghĩa chữ "ngụy".

Muốn biết nghĩa chữ "ngụy" cho đúng, tất phải truy

nguyên đến ý người đời xưa đặt chữ "ngụy".

Chữ "ngụy" một bên bộ "nhân" (亻), một bên chữ "vi" (爲), "nhân vi vi ngụy". Hễ cái gì lấy tâm lực người ta làm ra gọi bằng "ngụy". Ý cổ nhân lúc đầu đặt chữ, ở trong "ngụy" bao bọc hết công phu học vấn tu tập. Vậy nên thầy Tuân mới nói rằng : Như Kiệt Trụ là thuận theo tình dục đó vậy; chứ như Nghiêu Thuấn là lấy sức người làm mà suất sử được tính đó vậy.

Ai ngờ học giả đời sau không hiểu nghĩa chữ "tính" ở trong ý thầy Tuân, lại nhận lầm chữ "ngụy", bảo "ngụy" là giả dối, phản đối với chữ "thành" (誠). Vì muốn học không tới nơi mà trở lại chửi máng thầy Tuân, nên nỗi học thuyết của thầy Tuân phải chết oan.

Giả như thầy Tuân học "tính" là lương tâm, "ngụy" là trá ngụy thời Kiệt, Trụ là dở; Nghiêu, Thuấn là hay, dẫu đứa trẻ con ba tuổi còn nói được, có lẽ nào một người học thức cao xa như thầy Tuân mà lại nói điên đảo thị phi như thế !

Xin xem "tính ác thiện" có mấy câu như dưới này thời rõ lắm :

Phàm tính giả, thiên chi tựu dã.

凡性者，天之就也·

Nghĩa là hễ kêu bằng tính là tự nhiên ở trời mà thành ra. Câu này in như câu : **"thiên mệnh chi vị tính"**.天命之謂性

Bất khả học, bất khả sự, nhi tại thiên giả vị chi tính; khả học nhi năng, khả sự nhi thành, nhi tại nhân giả, vị chi ngụy.

不可學，不可事，而在天者謂之性；可學而能，可事而成，而在人者，謂之偽·

Xem mấy câu này thời nghĩa chữ "tính", chữ "ngụy" ở trong ý thầy Tuân rõ lắm.

Không thể học chước được, không thể làm ra được, mà quyền ở trời bày đặt, gọi bằng "tính" (**bất khả học, bất khả sự, nhi tại thiên giả, vị chi tính**); có thể học chước được mà

hay, có thể làm lấy mà nên, mà quyền ở người ta làm ra, gọi bằng "ngụy" (**khả học nhi năng, khả sự nhi thành nhi tại nhân giả, vị chi ngụy**). Nghĩa chữ "tính", chữ "ngụy" phân biệt như thế, thời ai có bảo "ngụy" là đối trá đâu !

Lại có câu này càng rõ nghĩa chữ "tính" của thầy Tuân :

Sinh chi sở dĩ nhiên giả, vị chi tính.

生之所以然者，謂之性

Nghĩa là sinh lý của người ta chỉ sở dĩ có ra thế thời gọi bằng "tính".

Xem như câu này thời ý thầy Tuân vẫn chỉ "tình dục" người ta tức là "tính". Tỷ như có mắt thời tự nhiên hay thấy, có tai thời tự nhiên hay nghe, có miệng thời tự nhiên hay ăn, có mũi thời tự nhiên hay ngửi; mà lại những cái tự nhiên đó vẫn có sẵn ở trong sinh lý của loài người, nên nói rằng : **sinh chi sở dĩ nhiên giả**.

Học giả nhận rõ được nghĩa chữ "tính" của thầy Tuân và nghĩa chữ "ngụy" của người đời xưa thời biết được học thuyết "tính ác" của thầy Tuân, chẳng những không phản đối với học thuyết "tính thiện" của thầy Mạnh, mà có lẽ lại bổ túc cho thầy Mạnh. Bởi vì trong lời tính thiện của thầy Mạnh, chuyên chú trọng về mặt lương tâm mà bỏ sót về phía tình dục. Nói cho đúng, tính chỉ là một cái máy hoạt động, vẫn chứa sẵn lương tâm mà cũng chẳng phải không tình dục. Chúng ta tóm góp cả học thuyết hai nhà thời hữu ích với công học vấn càng nhiều lắm.

Lại có một lẽ nữa : Thầy Mạnh nói "tính thiện" là trông mong cho người ta theo "tính" mà làm "thiện". Thầy Tuân nói "tính ác" là trông mong cho người ta chữa "tính" mà chẳng làm "ác". Tấm lòng cứu đời, hai thầy vẫn in như một.

Giải nghĩa ý nghĩa thuyết "Phi mệnh".

Giải thích ý nghĩa bài này, trước phải nhận cho rõ nghĩa chữ "mệnh" (命).

Kinh Thư có câu : **"Duy mệnh bất vu thường".**

惟命不于常

Sách ***Trung Dung*** có câu : **"Thiên mệnh chi vị tính"** (天命之謂性) thời nguyên gốc chữ "mệnh" chỉ là lý tự nhiên của vũ trụ (宇宙). Nhân đó mà chữ "mệnh" thường kèm kẹp với chữ "thiên". Thiên cũng chỉ là lý tự nhiên. Đức Khổng có câu : "**Hoạch tội ư thiên vô sở đảo dã**", tiên nho chú thích chữ "thiên" rằng : "thiên tức lý dã". Thế thời nguyên nghĩa chữ "thiên" chỉ là chân lý mà thôi. Trong ý đức Khổng cũng nói rằng : Người đã đắc tội với chân lý, không kỳ đảo đau mà tránh khỏi (**hoạch tội ư thiên vô sở đảo dã**); nghĩa chữ "thiên", chữ "mệnh" ở trong lời đức Thánh vẫn chỉ như thế. Vì học giả đời sau nhận lầm nghĩa chữ "mệnh" của đức Khổng, họ bảo rằng : "mệnh" là số mệnh, là cái vận hạn của trời xui khiến ra. Đến nỗi có người nói rằng :

Nhất ẩm nhất trác mạc phi tiền định.

一飲一啄莫非前定

Nghĩa là được một vốc nước mà uống, một hột cơm mà ăn, chẳng gì là chẳng phải số mệnh tiền định.

Vì nhận lầm "mệnh" là số mệnh như thế, mà hai tiếng "thiên mệnh" thành ra một giống thần quái bất khả tư nghị.

Thầy Tuân vì muốn đánh đổ cái óc mê tín ấy, nên cực lực bài xích chữ "mệnh" mà cũng bài xích chữ "thiên" luôn. Ý thầy chỉ chủ trương nhân sự là rất có uy quyền, "thiên" và "mệnh" hoàn toàn không can thiệp đến, nên thầy diễn ra học thuyết "phi mệnh", có những bài như sau này :

Thiên hành hữu thường : Bất vị Nghiêu tồn, bất vị Kiệt vương, ứng chi dĩ trị tắc cát, ứng chi dĩ loạn tắc hung

天行有常；不為堯存，不為桀亡，應之以治則吉；應之以亂則凶。

Độ số của trời đi, vẫn đã có mực thường, chẳng phải vì Nghiêu mà làm cho Nghiêu được tồn, chẳng phải vì Kiệt mà làm cho Kiệt đến vương (**thiên hành hữu thường, bất vì**

Nghiêu tồn, bất vị Kiệt vương). "Tồn" hay "vương" chỉ quyền ở việc người; người lấy việc trị mà ứng với thiên hành thời được tốt lành (**ứng chi dĩ trị, tắc cát**); người lấy việc loạn mà ứng với thiên hành thời mắc lấy xấu dữ (**ứng chi dĩ loạn, tắc hung**).

("Thiên hành" nghĩa là độ số trời đi, tỷ như mặt trăng, mặt trời, sao, mây, v.v... thảy gọi bằng thiên hành; "cát" nghĩa là tốt lành; "hung" nghĩa là xấu dữ; "vương" là mất).

Thầy Tuân nhận định rằng : Tốt xấu ở việc người, vẫn chẳng quan hệ đến mệnh trời; nên thầy lại nói rằng :

Cường bản nhi tiết dụng, tắc thiên bất năng bần.

強本而節用，則天不能貧。

Hết sức làm việc nông mà lại dè dặt ở đường tiêu dùng thời chẳng trời nào làm được mình đói (**cường bản nhi tiết dụng, tắc thiên bất năng bần**).

Dưỡng bị nhi động thì, tắc thiên bất năng bệnh.

養備而動時，則天不能病。

Tài liệu dưỡng sanh đã đầy đủ mà động tác lại vừa đúng thì giờ thời chẳng trời nào làm mình bệnh được (**dưỡng bị nhi động thì, tắc thiên bất năng bệnh**).

Tu đạo nhi bất nhị, tắc thiên bất năng họa.

修道而不貳，則天不能禍。

Mình lo tu sức cho đúng với đạo lý mà chẳng bao giờ thay đổi thời chẳng trời nào làm họa được mình (**tu đạo nhi bất nhị, tắc thiên bất năng họa**).

Cố thủy hạn bất năng sử chi cơ khát.

故水旱不能使之飢渴。

Vì vậy cho nên dầu nước lụt, đại hạn cũng không thể nào khiến mình đói khát được (**cố thủy hạn bất năng sử chi cơ khát**).

Hàn thử bất năng sử chi tật.

寒暑不能使之疾。

Dầu có mùa rét mùa nắng cũng không thể khiến mình đau ốm được (**hàn thử bất năng sử chi tật**).

Yêu quái bất năng sử chi hung.

妖怪不能使之凶·

Dầu có yêu tai quái lạ cũng không thể nào khiến mình xấu dữ được (**yêu quái bất năng sử chi hung**).

Trái lại,

Bản hoang nhi dụng xỉ, tắc thiên bất năng sử chi phú.

本荒而用侈，則天不能使之富·

Nông bản bỏ hoang mà tiêu dùng xa xỉ thời trời không thể khiến được mình giàu (**bản hoang nhi dụng xỉ, tắc thiên bất năng sử chi phú**).

Dưỡng lược nhi động hãn, tắc thiên bất năng sử chi tuyền.

養略而動罕，則天不能使之全·

Đồ dưỡng sanh quá sơ lược mà thì giờ vận động lại quá ít thời trời không thể khiến cho mình an tuyền (toàn) được (**dưỡng lược nhi động hãn, tắc thiên bất năng sử chi tuyền**).

Bội đạo nhi vọng hành tắc thiên bất năng sử chi cát.

悖道而妄行，則天不能使之吉·

Trái đạo lý mà làm càn thời trời không thể khiến cho mình tốt lành được (**bội đạo nhi vọng hành tắc thiên bất năng sử chi cát**).

Xem văn ý bài trên rất tinh xác, cũng rất tân cảnh, chỉ chú trọng về một mặt "nhân định thắng thiên" 人定勝天: việc người đã nhất định, thời trời phải chịu thua.

Bốn chữ "cường bản tiết dụng" thời trên đường kinh tế không thiếu gì, mà bốn chữ "dưỡng bị động thì" thời theo với nguyên tắc vệ sinh càng đúng lắm ! "Tu đạo bất nhị" thời càng đúng với đạo lý "xu cát ty hung".

Vương Dương Minh có câu nói rằng :

"Trung tín vi cát, đạo nghĩa vi phúc".

忠信為吉，道義為福。

Hiểu thấu được đạo lý ấy, còn cần gì nói "số mệnh" nữa ru ? Ý thầy chẳng những không "câu nệ ư thiên" mà thôi, mà tính cả nhất thiết vận mệnh thuộc về "địa" với "thì", thầy cũng mạt sát hết. Ở thiên *Thiên luận* có nói rằng :

Trị, loạn, thiên da ? Viết : Nhật, nguyệt, tinh, thần, thụy, lịch, thị Vũ Kiệt chi sở đồng dã. Vũ dĩ trị, Kiệt dĩ loạn; trị loạn phi thiên dã.

治，亂，天耶？曰：日，月，星，辰，瑞，曆，是禹桀之所同也。禹以治，桀以亂，治，亂非天也。

Đời trị, đời loạn, có phải trời đó ru ? (**trị, loạn, thiên da** ?). Rằng : Không phải ! Thử xem nhật kìa, nguyệt kìa, tinh kìa, thần kìa, thụy kìa, lịch kìa, những cái ấy, đời Vũ, đời Kiệt thảy có cả (**nhật, nguyệt, tinh, thụy, lịch, thị Vũ, Kiệt chi sở đồng dã**). Vũ nhân đó mà trị, Kiệt nhân đó mà loạn, thời trị, loạn, chẳng phải trời làm ra đó vậy (**Vũ dĩ trị, Kiệt dĩ loạn; trị, loạn, phi thiên dã**).

Thì da ? Viết : Phiền khải phồn trưởng ư xuân hạ; súc tích thu tàng ư thu đông; thị hựu Vũ, Kiệt chi sở đồng dã. Vũ dĩ trị, Kiệt dĩ loạn; trị, loạn, phi thì dã.

時耶？曰：繁啓蕃長於春夏；蓄積收藏於秋冬，是又禹桀之所同也。禹以治，桀以亂；治，亂非時也。

Đời trị, đời loạn, vì bởi thì vận đó ru ? (**thì da** ?). Rằng : Không phải ! Vật gì cũng nở nang phồn thịnh ở mùa xuân, mùa hạ; chứa lượm thu tàng ở mùa thu, mùa đông, đó lại là đời Vũ, đời Kiệt in như nhau đó vậy (**phiền khải phồn trưởng ư xuân hạ, súc tích thu tàng ư thu đông, thị hựu Vũ Kiệt chi sở đồng dã**). Nhưng Vũ nhân đó mà trị, Kiệt nhân đó mà loạn; thế thời đời trị, đời loạn chẳng phải vì thì vận đó vậy (**Vũ dĩ trị, Kiệt dĩ loạn; trị, loạn phi thì dã**).

Địa da ? Viết : Đắc địa tắc sanh, thất địa tắc tử; thị

hựu Vũ, Kiệt chi sở đồng dã. Vũ dĩ trị, Kiệt dĩ loạn; trị, loạn, phi địa dã (*Thiên Luận* thiên).

地耶？曰：得地則生，失地則死，是又禹桀之所同也。禹以治，桀以亂；治，亂非地也。

Hay là đời trị, đời loạn, bởi vì đất ư ? (**địa da** ?). Rằng : Không phải ! Có địa lý thời sống, mất địa lý thời chết; điều ấy lại Vũ, Kiệt in như nhau đó vậy (**đắc địa tắc sinh, thất địa tắc tử, thị hựu Vũ, Kiệt chi sở đồng dã**. Nhưng Vũ nhân đó mà trị, Kiệt nhân đó mà loạn; thế thời trị, loạn, chẳng phải vì đất đó vậy (**Vũ dĩ trị, Kiệt dĩ loạn, phi địa dã**).

Thầy Tuân đã nhận định được "thiên, thì, địa", ba cái ấy không quan hệ đến nhân sự, mới đoán định một lời rằng :

Thiên hữu kỳ thì, địa hữu kỳ tài, nhân hữu kỳ trị, phù thị chi vị năng tham.

天有其時，地有其財，人有其治，夫是之謂能參。

Trời có quyền làm ra thì, đất có quyền dẻ ra của, người có quyền làm ra trị (**thiên hữu kỳ thì, địa hữu kỳ tài, nhân hữu kỳ trị**). Như thế gọi bằng "năng tham" (**phù thị chi vị năng tham**).

("Tham" nghĩa là tham hợp với trời đất, tức như nghĩa "tham vi tam tài" : người bằng ngang với trời đất mà làm tam tài).

Thầy Tuân vì chủ trương lý luận như thế, nên nhất thiết chú trọng nhân sự mà bác hẳn những lời nói "mệnh", nói "thiên".

Tuy nhiên, học giả nên biết : "Phi mệnh" ở trong ý thầy Tuân là chuyên chỉ về mệnh và số mệnh; chứ như triết lý "tính mệnh" thời thầy Tuân có bác đâu ! Và như chữ "thiên" ở trong miệng đức Khổng thời thầy cũng không bác nữa. Thầy Tuân có nói rằng :

Thiên chi sanh dân, phi vị quân dã; thiên chi lập

quân, dĩ vị dân dã.

天之生民，非為君也；天之立君，以為民也。

Trời sanh ra nhân dân, chẳng phải vì có vua mà sanh ra dân đó vậy; trời dựng ra vua, mục đích là vì dân đó vậy.

Lại có câu rằng : **"tri mệnh giả bất oán thiên"**

知命者，不怨天。

Hiểu được lẽ tự nhiên thời chẳng oán trời.

Xem mấy câu nói như trên, thời thầy Tuân có phải không thiên mệnh dâu ! Nhưng mà cả gan dám nói mạt sát nhất thiết số mệnh, nhất thiết thiên tai, thời chúng ta nên phục tài đặc kiến của thầy Tuân.

Giải thích về thuyết "Phi thập nhị tử"

Thuyết "Phi thập nhị tử" là một đặc sắc ở trong bộ sách ***Tuân Tử***. Từ thầy Tử Tư sấp xuống, tất thảy bị thầy Tuân chỉ trích những chốn khuyết điểm. Tựu trung có chốn thiệt đúng, cũng có chốn không thiệt đúng; nhưng học giả nên phục bộ óc triết học của thầy Tuân không chịu nô lệ với cổ nhân.

Xưa nay tư tưởng học vấn thường phải tùy thì đại, hoàn cảnh mà thay đổi lần lần.

Thầy Tuân sinh ở sau thầy Tử Tư, thầy Mạnh, học vấn tư tưởng đã phải theo triều lưu mà thay đổi ít nhiều; huống gì đương đời ấy, ngụy nho, biện sĩ, trăm miệng nghìn tai, người trương mỗi cờ, nhà trồng mỗi vách, ai nấy cũng **"trì chi hữu cố 持之有故 ngôn chi thành lý言之成理 "** (cầm giữ có một cớ, nói ra cũng có một lẽ. Thầy Tuân sợ chân chính Khổng học vì đó mà lạc lối sai đường, mà lại sợ người ta câu nệ dấu xưa, lấp theo nghĩa cũ để đến nỗi Khổng học mang lấy những tiếng vu hủ bất hoàn toàn, vậy nên hết sức công kích hậu nho, mong kiểu chính những lưu tệ ở trong Khổng học.

Người xưa ở Âu Châu có ông Lộ Đức (**Luther**) lập ra

phái Gia tô tân giáo, người Tây cho là "tông giáo cách mệnh". Chúng ta nay đọc thiên "*Phi thập nhị tử*", cũng phải gọi thầy Tuân là một nhà cách mạng ở trong Khổng học. Thử xem thiên *Hiển Học* của Hàn Phi Tử có câu rằng : "**Nho dĩ văn loạn pháp**" 儒以文亂法 , nghĩa là các nhà nho hay lấy văn tự mà làm loạn mất pháp luật. Hàn Phi Tử là học trò thầy Tuân, câu nói ấy chắc thụ truyền ở thầy Tuân ra, thời biết ràng nho học đến đời thầy Tuân thiệt đã sai với chính truyền đức Khổng nhiều lắm.

Thầy Tuân công kích "thập nhị tử", chính là một tấm lòng "vệ đạo cứu thì". Học giả muốn nghiên cứu Tuân học, xin xem kỹ thiên "*Phi thập nhị tử*". Ở trong thiên ấy, xưng tụng đức Khổng luôn luôn, mà lại các thiên khác thầy biên chép ngôn hạnh của đức Khổng. Thế thời nhận thầy Tuân là chính phái Khổng học còn nghi ngờ gì nữa ?

KẾT LUẬN

Trên kia đã giải thích ba chỗ dị điểm của thầy Tuân. Nay lại trích biên những ngôn luận thầy Tuân mà in hệt như đức Khổng cho học giả biết thầy Tuân là con nòi của nhà Khổng. Có những bài như dưới này :

Học bất khả dĩ dĩ; thanh xuất ư lam nhi thắng ư lam; băng thủy vi chi nhi hàn ư thủy.

學不可以已；青出於藍而勝於藍；冰水為之而寒於水。

Học chẳng bao giờ thôi được (**học bất khả dĩ dĩ**). Càng học càng lên hoài, như sắc xanh nguyên ở chàm ra, mà lại xanh hơn chàm (**thanh xuất ư lam nhi thắng ư lam**); giá nguyên ở nước làm nên, mà lại lạnh hơn nước (**băng thủy vi chi nhi hàn ư thủy**). Câu này in như câu : "**học nhi thì tập chi**" ở sách *Luận Ngữ*.

Quân tử chi học dã, dĩ mỹ kỳ thân; tiểu nhân chi học dã, dĩ vi cẩm độc.

君子之學也：以美其身；小人之學也，以為禽犢。

Mục đích làm học của quân tử, cốt để cho tốt cái thân mình (**quân tử chi học dã, dĩ mỹ kỳ thân**); mục đích học của tiểu nhân cốt để làm trâu ngựa cho người sai khiến.

("Cầm", là tiếng kêu chung loài súc vật; "độc" là trâu con).

Câu này in như câu : "**Cổ chi học giả vị kỷ; kim chi học dã vị nhân**" ở sách *Luận Ngữ*.

Hành nhất bất nghĩa, sát nhất vô tội, nhi đắc thiên hạ, bất vi dã.

行一不義，殺一無罪，而得天下，不為也。

Nên làm một điều bất nghĩa, giết một người không tội, mà được thiên hạ đi nữa, cũng chẳng thèm làm (**hành nhất bất nghĩa, sát nhất vô tội, nhi đắc thiên hạ, bất vi dã**). Câu này in như lời đức Khổng : "**hành nhất bất nghĩa, sát nhất bất cô nhi đắc thiên hạ, giai bất vi dã**"

行一不義，殺一不辜而得天下，皆不為也。

ở sách *Mạnh Tử*.

Khuể bộ nhi bất hưu, bí biết thiên lý; lụy thổ nhi bất chuyết, khưu sơn sùng thành.

跬步而不休，跛鱉千里；累土而不輟，丘山崇成。

Tích lũy từ mỗi bước, bước hoài mà chẳng nghỉ thời dẫu con biết què cũng đi thấu ngàn dặm (**khuể bộ nhi bất hưu, bí biết thiên lý**). Tích lũy từ mỗi hòn đất, đắp mãi mà chẳng thôi thời cao được đến bằng gò núi (**lụy thổ nhi bất chuyết, khưu sơn sùng thành**).

(Chữ "bí" cũng đọc bằng chữ "bá"). Câu này in như bài "**sinh tri, học tri, khổn tri, cập kỳ tri chi nhất dã**" ở sách *Trung Dung*.

Quân tử dưỡng tâm mạc thiện ư thành; quân tử chí đức mặc nhiên nhi dụ, dĩ thận kỳ độc giả dã.

君子養心莫善於誠；君子至德，默然而喻，以慎其獨者也。

Người quân tử nuôi lấy tâm mình, chẳng gì tốt hơn đức thành (**quân tử dưỡng tâm, mạc thiện ư thành**). Đức rất tốt của quân tử, im lặng vậy mà tự mình hiểu lấy (**quân tử chí đức, mặc nhiên nhi dụ**); cốt kính cẩn ở chốn một mình mình biết đó vậy (**dĩ thận kỳ độc giả dã**).

Câu này in như "**thành ý thận độc**" ở sách ***Đại học***.

Tướng cao hạ, thị khao phì, tự ngũ chủng, quân tử bất như nông nhân; thông tài hóa, tướng mỹ ác, biện quí tiện, quân tử bất như cổ nhân; thiết qui củ, trần thằng mặc, tiện bị dụng, quân tử bất như công nhân.

相高下，視墝肥，序五種，君子不如農人；通財貨，相美惡，辨貴賤，君子不如賈人；設規矩，陳繩墨，便備用，君子不如工人。

Xem đất cao thấp, xét đất béo gầy, sắp bày năm giống lúa, quân tử phải chịu thua dân cày (**tướng cao hạ, thị khao phì, tự ngũ chủng, quân tử bất như nông nhân**). Lưu thông tiền của, xét được vật tốt hay xấu, biện được giá đắt hay rẻ, quân tử phải chịu thua con nhà buôn (**thông tài hóa, tướng mỹ ác, biện quí tiện, quân tử bất như cổ nhân**). Đặt ra thước tròn, thước vuông, bày ra giấy mực, làm tiện lợi cho đồ dùng, quân tử phải chịu thua con nhà thợ (**thiết qui củ, trần thằng mặc, tiện bị dụng, quân tử bất như công nhân**).

Câu này in như câu : "**ngô bất như lão nông, ngô bất như lão phố**" mà đức Khổng Tử nói với thầy Phàn Trì.

Trích lục mấy câu trên, chẳng qua nếm một miếng mà biết cả vạc. Còn như toàn bộ ***Tuân Tử*** 32 *thiên*, tựu trung nói lễ, nhạc, binh, chính trị, học thuật, những điểm tương đồng với đức Khổng không thể biên hết.

Xưa ông Tư Mã Tử Trường làm sách ***Sử Ký***, đem thấy

Mạnh với thầy Tuân Khanh chung làm một truyện. Cặp mắt nhà sử dệ nhất ở xưa nay, há phải như Tống nho tôn Mạnh mà ức Tuân đâu ? Vậy nên tác giả xin đặt thầy Mạnh và thầy Tuân vào "Khổng học cận phái". Còn chư nho từ Tần dĩ hạ, xin sẽ biên vào chương sau.

KHỔNG HỌC VIỄN PHÁI

CHƯƠNG I

KHỔNG HỌC PHÁI Ở ĐỜI LƯỠNG HÁN VÀ LỤC TRIỀU

Hai chương trên đã biên kỹ học thuyết Mạnh, Tuân mà dật làm Khổng học "cận phái". Bởi vì học thuyết thầy Mạnh xuất tự thầy Tăng Sâm, thầy Tử Tư. Học thuyết thầy Tuân xuất tự thầy Tử Hạ. Hai nhà ấy thiệt là chính phái rất gần của Khổng học.

Từ lúc thầy Mạnh đã qua đời, học trò thầy chẳng ai truyền được đạo học của thầy. Cách sau thầy Mạnh 40 năm mà học thuyết thầy Tuân mới thịnh hành. Học trò thầy Tuân có Hàn Phi Tử, Lý Tư, hai người ấy đem học thuyết của thầy mà thực nghiệm ở trên chính trị, làm ảnh hưởng cho học thuyết từ nhà Hán sắp xuống; mà học thuyết thầy Mạnh đến đời Hán Văn Đế mới được một người là Giả Nghị, nhưng chỉ vừa chiếm được một bộ phận nhỏ ở Khổng học.

Thuộc về phương diện "chính trị" thời có bài "*Quá Tần Luận*" (過秦論) và bài "*Trị An Thất Sách*" (治安七策). Chúng ta đọc kỹ hai bài ấy thời biết được tài chính trị văn chương của Giả Nghị, bảo rằng làm học trò tư thục với thầy Mạnh e cũng được, chứ như bảo là cháu thừa tự của Khổng học thời e cũng chưa được xứng đáng. Duy đến đời Hán Võ

Đế mới được một người thật là đại nho tên là Đổng Trọng Thư (董仲舒).

Thầy Đổng khởi gia bàng pho sách ***Xuân Thu***, làm quan bác sĩ ở đời Hán Cảnh Đế, phát phẫn đọc sách đến nỗi ba năm mát chẳng dòm ngoài vườn (發憤，讀書三年，目不窺園).

Thầy có làm bản sách ***Xuân Thu phồn lộ*** (春秋繁露) 17 quyển, phát huy ý nghĩa kinh ***Xuân Thu*** của đức Khổng.

Nay xin trích những câu danh ngôn của thầy như dưới này :

Phù nhân nhân; chính kỳ nghị, bất mưu kỳ lợi; minh kỳ đạo, bất kế kỳ công.

夫仁人，正其誼，不謀其利；明其道，不計其功。

Xem nghĩa câu này thời biết được thầy Đổng bàn chữ "nhân" cũng phảng phất như chữ "nhân" trong ***Luận Ngữ***.

Thầy nói rằng : Hễ đã làm một người có đức nhân thời khi làm việc gì, chỉ cốt cho đúng với nghĩa việc ấy, mà chẳng mưu cái lợi của việc ấy; chỉ cốt sáng được đạo lý của việc ấy, mà chẳng tính đến thành công của việc ấy.

Ý nghĩa hai câu ấy hoàn toàn trọng đạo nghĩa mà khinh công lợi, rất hợp tâm lý của Thánh nhân.

Thầy lại có câu nói rằng :

Đạo chi đại nguyên, xuất ư thiên; thiên bất biến, đạo diệc bất biến.

道之大原，出於天，天不變，道亦不變。

Nguồn gốc lớn của đạo, nguyên ở lẽ tự nhiên mà nảy ra (**đạo chi đại nguyên xuất ư thiên**). Lẽ tự nhiên chẳng bao giờ biến, đạo cũng chẳng bao giờ biến (**thiên bất biến, đạo diệc bất biến**).

(Chữ "thiên" ở đây cũng in như chữ "thiên" của Khổng, Mạnh).

Lại có bài rằng :

Nhân dĩ an nhân, nghĩa dĩ chính kỷ. Cố nhân chi vi ngôn, nhân dã; nghĩa chi vi ngôn, ngã dã; nhân chi pháp tại ái nhân; nghĩa chi pháp tại chính ngã. Nhân tạo nhân, nghĩa tạo ngã.

仁以安人，義以正己。故仁之為言，人也；義之為言，我也。仁之法在愛人；義之法在正我；仁造人，義造我。

Đức nhân để mà an được người (**nhân dĩ an nhân**). Đức nghĩa để mà chính lấy thân mình (**nghĩa dĩ chính kỷ**). Vậy nên cố đặt ra chữ nhân, có chữ nhân (亻) là người đứng một bên (**nhân chi vi ngôn, nhân dã**). Đặt ra chữ "nghĩa", có chữ "ngã" (我) là ta ở dưới (**nghĩa chi vi ngôn, ngã dã**). Xem ý đặt chữ mà suy cho ra nghĩa thời biết rằng : Khuôn mẫu đức nhân ở nơi yêu người (**nhân chi pháp tại ái nhân**), khuôn mẫu đức nghĩa ở nơi chính mình ta (**nghĩa chi pháp tại chính ngã**; vì có đức nghĩa mà chính ngã thời tạo nên được ta (**nghĩa tạo ngã**).

Bài này bàn chữ "nhân", chữ "nghĩa" rất hợp với thầy Mạnh.

Lại có câu rằng :

Thiện ngôn thiên giả, tất hữu nghiệm ư nhân; thiện ngôn cổ giả, tất hữu nghiệm ư kim.

善言天者，必有驗於人；善言古者，必有驗於今。

Ý hai câu này là nói rằng : Thiên và nhân chung nhau một lẽ.

Nói cho đúng với thiên đạo, tất có thực nghiệm ở nơi việc người (**thiện ngôn thiên giả tất hữu nghiệm ư nhân**). Nói thiên mà chẳng nghiệm ư người thời thành ra hư huyễn.

Cổ và kim chung nhau một đạo. Nói cho đúng với cổ, tất có chứng nghiệm ở việc đời nay (**thiện ngôn cổ giả tất hữu nghiệm ư kim**); nếu nói cổ mà chẳng nghiệm ư kim

thời chỉ là lời phù phiếm.

Nói tóm lại, xem những lời trên thời học thuyết của Đổng Tử không ra ngoài phạm vi Mạnh, Tuân. Duy lời thấy bàn chữ "tính" có bài "*Tính tam phẩm thuyết*" (性三品說), so với Mạnh, Tuân thời có mới hơn.

Xin lược biên những lời như sau :

Thánh nhân chi tính, bất khả dĩ danh tính; đẩu sao chi tính, diệc bất khả dĩ danh tính. Tính giả, trung dân chi tính dã. Tính tỷ ư hòa, thiện tỷ ư mễ; mễ xuất hòa trung nhi hòa vị khả tuyển vi mỹ dã; thiện xuất tính trung nhi tính vị khả tuyển vi thiện dã.

聖人之性，不可以名性；斗筲之性，亦不可以名性．性者，中民之性也．性比於禾，善比於米；米出禾中，而禾未可全為米也；善出性中，而性未可全為善也．

Lại có bài rằng :

Danh tính bất dĩ thượng, bất dĩ hạ, dĩ kỳ trung danh chi. Tính như kiển, như noãn; noãn đãi phú nhi vi sổ; kiển đãi tao nhi vi ty; tính đãi giáo nhi vi thiện.

名性不以上，不以下，以其中名之．性如蔪，如卵；卵待覆而為雛，蔪待繅而為絲．性待教而為善．

Thấy Đổng chia "tính" ra làm ba bậc : Bậc cao nhất là tính của Thánh nhân tức là bậc thượng trí, chỉ hoàn tuyền có thiện mà thôi, không thể đặt tên cho bằng tính được (**thánh nhân chi tính, bất dĩ danh tính**); lại một bậc thấp nhất là tính của hạng người đẩu sao tức là hạng người hạ ngu, tính hạng người ấy hoàn tuyền ác mà thôi, lại cũng không thể đặt tên bằng tính được (**đẩu sao chi tính diệc bất khả dĩ danh tính**). Chỉ duy một hạng trung nhân, cao không được như bậc Thánh nhân, thấp không đến như hạng người đẩu sao; bậc người ấy gọi bằng "trung dân", tính của trung dân mới có thể đặt tên bằng tính được (**tính giả trung dân chi tính dã**).

"Tính", ví như cây lúa; "thiện", ví như hột gạo (**tính tỷ ư hòa; thiện tỷ ư mễ**). Hột gạo vẫn ở trong cây lúa mà ra, nhưng cây lúa chưa phải hoàn tuyền là tốt (**mễ xuất hòa trung, nhi hòa vị khả tuyền vi mỹ dã**). "Thiện" vẫn ở trong "tính" mà ra; nhưng "tính" chưa có thể hoàn tuyền là "thiện" vậy (**thiện xuất tính trung, nhi tính vị khả dĩ tuyền vi thiện dã**).

Đặt tên bằng tính, không lấy bằng bậc thượng, không lấy bằng bậc hạ, chỉ lấy bằng bậc trung mà đặt tên cho nó (**danh tính, bất dĩ thượng, bất dĩ hạ, dĩ kỳ trung danh chi**).

Ý thầy Đổng chủ trương có ba bậc : dòm vào bậc thượng trí mà bảo tính là thiện, chẳng phải ! dòm vào bậc hạ ngu mà bảo tính là ác cũng chẳng phải ! duy dòm vào bậc trung dân mà đặt tên tính thời mới phải. Nghĩa là tính ngậm có cả thiện cả ác, chính là phát huy nghĩa ba chữ "tính tương cận" (性相近) của đức Khổng, mà lại chiết trung được hai nhà Mạnh và Tuân.

Thầy vì muốn cho rõ nghĩa ấy, nên lại thiết lời thí dụ mà nói rằng :

Tính ví như ổ kén, như trứng chim (**tính như kiển, như noãn**). Trứng chim chờ mẹ nó ấp mới thành ra được chim con (**noãn đãi phú nhi vi sổ**); ổ kén chờ người quây mà thành được tơ (**kiển đãi tao nhi vi ty**); tính người ta chờ phải dạy mới thành được thiện (**tính đãi giáo nhi vi thiện**).

Đọc lời thầy Đổng rồi thời mối tranh biện giữa Mạnh, Tuân, chúng ta mới có thể điều hòa được. Nhưng chúng ta nên biết : chữ "giáo" ở trong miệng thầy Đổng tức là chữ "tập" của đức Khổng, chữ "ngụy" của thầy Tuân. Hậu nho học lầm nghĩa chữ "ngụy", nên nhiều người bài bác Tuân học. Duy Đổng Tử nhận rành nghĩa chữ "ngụy" nên luận tính cũng chiết trung với thầy Tuân.

Hán nho Lưu Hướng (劉向) có nói rằng :

Mạnh Tử giả diệc đại nho dĩ vi nhân chi tính thiện. Tuân Khanh tác tính ác nhất thiên, dĩ phi Mạnh Tử. Đổng Trọng Thư diệc đại nho tác thư mỹ Tuân Khanh.

孟子者亦大儒以為人之性善．荀卿作性惡一篇，以非孟子．董仲舒亦大儒作書美荀卿．

Tư Mã Thiên

Chư nho ở đời Tây Hán, theo về trên học thuyết lý luận thời duy thấy Đổng là chân nho. Đổng một thì ấy, ở trung gian đời Hán Võ Đế lại có cha con một nhà Tư Mã Đàm và Tư Mã Thiên. Tư Mã Thiên lại có học Cổ văn ***Xuân Thu*** với Đổng Tử.

Tuy nhiên hai cha con nhà này có một đặc sắc ở trong Khổng học, là chuyên về nghề làm sử. Sử học vẫn là một bộ phận lớn ở trong Khổng học. Đức Khổng làm sách ***Xuân Thu***, chính là pho sử nước Lỗ, mà tay đức Khổng tự sửa sang chỉnh đốn lấy; vậy ***Xuân Thu*** mới thành ra một bộ Thánh kinh, chính là sự nghiệp rất lớn ở trong Khổng học.

Thầy Mạnh có nói rằng :

Khổng Tử thành *Xuân Thu* nhi loạn thần tặc tử cụ.

孔子成春秋而亂臣賊子懼．

Đức Khổng lập thành bộ ***Xuân Thu*** mà con giặc, tôi loạn phải sợ.

Bởi vì lúc ấy đời suy đạo mọn, đức Khổng sợ, phải làm ra sách ***Xuân Thu*** (**thế suy đạo vi, Khổng Tử cụ, tác *Xuân Thu***) 世衰道微,孔子懼,作春秋 Cha con nhà họ Tư Mã rất thâm thúy về học ***Xuân Thu***, nên đổ tinh thần vào làm nhà sử. Ông Tư Mã cha, khi gần tắt hơi, nắm tay con, quẹt nước mắt mà nói rằng : Ta chết rồi, mày tất làm quan Thái sử (**dư tử, nhữ tất vi Thái sử** (予死,汝必為太史) ("Thái sử" là chức quan sử ở đời Hán), mày làm Thái sử, mày chớ quên tư tưởng học thuật của ta là những điều ta đã muốn biên chép ra (**vi Thái sử, vô vương ngô sở dục luận trước hỹ**)為太史,毋忘吾所欲論著矣.

Chúng ta muốn rõ cha con nhà này là chính phái của

Khổng học thời phải bàn đến bộ sử ký của ông Tư Mã Thiên.

Tư Mã Thiên vì cứu tội cho Lý Lăng mà phải chịu hình cung. Khi đã bị hình, thành một người tàn tật, nhưng mà trong hơn mười năm vẫn chẳng chốc phút nào quên lời cha. Làm thành pho sử ký, chép hết việc nhân vật nước Tàu trên dưới 3.000 năm : trên từ đế vương, dưới đến thứ dân, hễ có chuyện gì đáng vào sử là liệt không sót một tý. Tựu trung như "*Hóa Thực truyện*" để chép chuyện những người buôn bán làm giàu; như "*Du Hiệp truyện*" để biểu dương những người kiếm khách hiệp sĩ. Đọc hết từ đầu đến đuôi pho sách ấy, có thể gọi bằng "văn hóa sử" (文化史), lại có thể gọi bằng "kinh tế sử" (經濟史) và gọi bằng "tư tưởng sử" cũng đúng lắm. Mà quí hóa nhất là bộ óc phán đoán và cặp mắt xem xét; lại can đảm nhất lúc hạ bút viết văn. Chứng minh như : biên "*Khổng Tử thế gia*" (孔子世家) thời lấy một vị sư nho bố y đặt cân ngang cùng vương đế; chép bản kỷ cho Hạng Võ thời xem người cừu địch với Hán triều cũng in như vua nhà Hán mà chẳng kiêng né. Những đặc điểm như thế, cởi sạch hết lốt vu hủ và thiên kiến của nhà nho. Thức kiến xa lớn biết bao ! qui mô hoành quảng biết bao !

Đại học giả nước Nhật Bản là Đỗ Biên Tú Phương tiên sinh làm sách "***Trung Quốc Triết Học Sử***" có phê bình bộ sách ***Sử Ký*** rằng :

Tay viết sử như Tư Mã Thiên, thiệt ở trong nhà sử bên Thái Tây chưa thấy một người nào là tay đối địch với ông ấy được !

在泰西的史家中，我們者還沒有見過敵手！

Chúng ta nếu có gì muốn nghiên cứu Sử học, xin tìm bộ ***Sử Ký*** mà xem. Bản sách này không thể biên vào hết được, chỉ xin biên một đoạn văn tắt là lời tự tự của ông Tư Mã Thiên như dưới này :

Tự Chu Công tốt ngũ bách tuế nhi hữu Khổng Tử. Khổng Tử tốt hậu chí ư kim ngũ bách tuế, hữu năng thiệu minh thế, chính *Dịch Truyện*, kế *Xuân Thu*, bản *Thi, Thư, Lễ, Nhạc* chi tế, ý tại tư hồ ! ý tại tư hồ ! Tiểu tử hà cảm

nhượng yên.

自周公卒，五百歲而有孔子．孔子卒後，至於今五百歲，有能紹明世，正易傳，繼春秋，本詩，書，禮，樂之際，意在斯乎！意在斯乎！小子何敢讓焉．

Từ lúc Chu Công qua đời, năm trăm năm mà có đức Khổng (**tự Chu Công tốt, ngũ bách tuế nhi hữu Khổng Tử**). Sau lúc đức Khổng qua đời đến bây giờ lại năm trăm năm nữa, chắc có người nối đời thịnh trị (**Khổng Tử tốt hậu chí ư kim ngũ bách tuế, hữu năng thiệu minh thế**), khảo chính sách ***Dịch Truyện***, nối tiếp kinh ***Xuân Thu***, truy nguyên cho đến tinh thần nhất quán của *Thi, Thư, Lễ, Nhạc*, chắc ở đây đó mà ! chắc ở đây đó mà ! (**chích *Dịch Truyện*, kế *Xuân Thu*,** bản ***Thi, Thư, Lễ, Nhạc*** chi tế, ý tại tư **hồ** ! ý **tại tư hồ** !). Tiểu tử này nào dám nhường cho ai nữa vậy ! (**Tiểu tử hà cảm nhượng yên** !).

Xem đoạn sách trên ấy thời biết rằng : Tư tưởng bảo phụ của ông Tư Mã Thiên là muốn nối sự nghiệp của đức Khổng làm ***Xuân Thu***, mà lại muốn tiếp luôn đến chính thống của Chu Công, há phải như các bộ sử ở trong bổ giấy loại đâu !

Xưa đức Khổng lấy tư cách một người bình dân mà làm ***Xuân Thu***; nay ông Tư Mã Thiên lấy một người bị hình mà làm ***Sử Ký***. Giá trị hai bản sách ấy, cặp mắt của chúng ta, e không phán đoán nổi. Chúng ta chỉ biết rằng : Sử gia được như ông Tư Mã Thiên, thiệt là con nòi của Khổng học.

Lưu Hướng.

Sau đời cha con họ Tư Mã, có cha con họ Lưu. Cha là Lưu Hướng, con là Lưu Hâm. Kể về công phu hiệu đính ***Kinh Thư***, Hướng có làm bản ***Biệt Lục*** (別錄), bản ***Thuyết Uyển*** (說苑) (20 quyển), bản ***Tân Tự*** (新序) (10 quyển), có công phu với học giới đời ấy. Lưu Hâm có làm bản ***Thất***

Lược (七略), định nền tảng cho văn hiến đời nhà Hán, nhưng Lưu Hâm vì nhân cách quá đê, siểm sự Vương Mãng, không thể cùng cha nó mà tinh liệt vào Khổng học phái, thua cha con họ Tư Mã.

Dương Hùng

Đồng thì với Lưu Hâm lại có một người tên là Dương Hùng, tự là Tử Vân. Dương có thể đặt vào nhà triết học, ham nghiên cứu những lý tưởng thuộc về vũ trụ bản thể, bắt chước ***Kinh Dịch*** làm sách ***Thái Huyền*** (太玄) (10 quyển), bắt chước ***Luận Ngữ*** làm sách ***Pháp Ngôn*** (法言) (10 quyển); thuộc về tính luận cũng chủ trương thiện ác hỗn.

Dương có câu rằng :

Tu thiện tắc vi thiện nhân; tu ác tắc vi ác nhân, khí giả thông thiện ác chi mã dã.

修善則為善人，修惡則為惡人，氣者通善惡之馬也。

Ý Dương nói rằng : Bản thể của "tính" chỉ là hư huyễn, in như huyền lý của vũ trụ, ở trong ấy ngậm có phần tử thiện, ác; sở dĩ thành ra thiện hay ác, chỉ cốt ở công phu tu tập mà ra : tu thiện thời thành ra người lành (**tu thiện tắc vi thiện nhân**); tu ác thời thành ra người dữ (**tu ác tắc vi ác nhân**). Khí của người ta là con ngựa để chạy vào đường thiện, ác đó vậy (**khí giả thông thiện ác chi mã dã**).

Xem ý nghĩa trong lời Dương đã nói như trên cũng là tham hợp cả Mạnh, Tuân mà sáng lập ra một nghĩa mới. Duy có câu "thông thiện ác chi mã", quí trọng về phần khí, thời Dương cũng nhận nghĩa chữ "suất tính" mà học "suất" là "quản suất, thống suất". Người suất được tính cũng in như giá ngự được ngựa.

Học thuyết được như Dương Hùng, thiệt cũng đáng trọng. Tiếc cho mạt lộ Dương quá xấu : theo Vương Mãng làm Đại

phu cho Mãng, kết quả ở trên các nhảy xuống mà chết. Nếu Dương Hùng mà được như lời đức Khổng nói : "thủ tử, thiện đạo", hoặc lời thầy Tăng nói : "tử nhi hậu dĩ", thời ở trong chính phái Khổng học, tất phải cho Dương ngồi một ghế. Nhưng kết quả không thế, oan cho Dương lắm !

Vương Sung

Cuối đời Tây Hán cho đến đời Lưỡng Tấn, tuy cũng có năm, ba ông nhà nho, nhưng không thuần túy thuộc về Khổng học. Như Vương Sung, Tuân Duyệt, Từ Cán, Trọng Trường Thống, Mã Dung, Trịnh Huyền (王充,荀悅,徐幹,仲長統,馬融,鄭玄), bảo các người ấy là nhà nho, vẫn là nho; bảo họ thật là chính phái của Khổng học, e họ cũng chẳng dám thừa nhận. Thôi, chúng ta chẳng cần dặt ép họ vào Khổng phái.

Tựu trung, duy Vương Sung có làm bản sách ***Luận Hành*** (論衡) (85 thiên), trong có *Tế Thế Thiên* (齊世篇), *Tự Nhiên Thiên* (自然篇). Vương bảo rằng vũ trụ bản thể, hoàn tuyền là một giống vô ý chí. Vạn vật sở dĩ sanh diệt, chỉ vì âm dương nhị khí tương giao mà sanh ra. Luận điệu cũng có hơi dặc biệt, nhưng đến "vận mệnh luận" như *Cốt Tướng Thiên* (骨相篇), *Khí Thọ Thiên* (氣壽篇) thời hoàn tuyền tương tự với thuyết mê tín, nên không thể đặt Vương vào Khổng phái được.

Ngoài nữa, các người như Mã Dung, Trịnh Huyền, Tuân Duyệt, thảy là nhà nghiên cứu kinh học, bổ ích cho văn hiến ở trong một đời, nhưng tất thảy không thể đứng ngang với Mạnh, Tuân được.

Từ Cán

Duy Từ Cán có mấy câu ở sách ***Trung Luận*** (中論), thiên *Nghệ kỷ* (藝紀) rất có bổ ích cho nhà nho suông. Tác giả xin biên vào dây :

Nghệ giả, đức chi chi diệp dã; đức giả, nhân chi căn cán dã; tư nhị vật giả, bất thiên hành, bất độc lập. Mộc vô chi diệp, tắc bất năng phong kỳ căn cán, cố vị chi hối. Nhân vô nghệ, tắc bất năng thành kỳ đức; cố vị chi dã.

藝者，德之枝葉也；德者，人之根幹也；斯二物者，不偏行，不獨立。木無枝葉，則不能豐其根幹，故謂之殘；人無藝，則不能成其德，故謂之野。

Ý nói rằng : Nghệ thuật là chi diệp của đức (**nghệ giả, đức chi chi diệp dã**); đạo đức là căn cán của người (**đức giả, nhân chi căn cán dã**). Hai giống ấy chẳng đi mếch, chẳng đứng một mình (**tư nhị vật giả, bất thiên hành, bất độc lập**). Cây không nhánh lá thời không thể che được căn cán để cho căn cán được to lớn, nên gọi bằng cây hối (**mộc vô chi diệp tắc bất năng phong kỳ căn cán, cố vị chi hối**). Người không nghệ thuật thời không thể hoàn tuyền được đức; nên gọi bằng người dã (**nhân vô nghệ tắc bất năng thành kỳ đức, cố vị chi dã**).

("Hối" nghĩa là cây trụi trọc không thành cây; "dã" nghĩa là người quê kịch không thành người).

Ý nghĩa mấy câu ấy cũng như câu "Văn chất bân bân" của đức Khổng.

Chu Cát (1) Lượng

Chính giữa đời Hậu Hán, trước đời Tây Hán có sản xuất một bậc danh sĩ, họ Chu Cát, tên Lượng, tự là Khổng Minh. Khổng Minh không trước tác gì nhiều, chỉ thấy được một bản ***Võ Hầu Tâm Thư*** (武侯心書) là sách ông truyền lại. Nhưng chỉ thuộc về một bộ phận binh pháp và chính trị, chẳng lấy gì đại biểu được tư tưởng của ông.

(1) Đọc đúng là Gia Cát

Tuy nhiên, chúng ta đọc hai bài "*Xuất Sư biểu*" (出 師 表) thời thấy được nhân cách nhân tài của ông thiệt là một nhà thực hành Khổng học mà chẳng như nhà nho múa miệng suông.

Tác giả xin lược biên lịch sử và ít câu di ngôn của ông Chu Cát như dưới đây :

Chu Cát Khổng Minh sanh ở cuối đời Hậu Hán. Gặp buổi Tào, Ngô cướp Hán, thiên hạ đại loạn, ông "cao ngọa cung canh" (高 外 躬 耕) ở đất Nam Dương, nhưng hoài bão một tấm lòng cứu đời vớt dân. Thường tỷ mình với Quản Trọng, Nhạc Nghị, nhưng ông nghĩ rằng tất phải hưng phục Hán thất, mới đạt được mục đích cứu đời. Vậy nên Tôn Quyền, Tào Tháo có rước ông, ông chẳng chịu đến. Chờ đến Lưu Tiên Chúa ba lần tới Thảo lô mời ông, ông mới ứng sinh, bỏ Thảo lô ra giúp Lưu Tiên Chúa, lập thành cơ nghiệp nước Thục, chia ba thiên hạ đứng ngang với Ngụy, Ngô gọi bằng Tam quốc.

Lưu Tiên Chúa qua đời, giúp Lưu Hậu Chúa, hai lần xuất sư đánh Ngụy, sáu lần kéo binh ra khỏi Kỳ Sơn. Vì cần lao quá độ, bỏ ngủ quên ăn, bị bệnh chết ở trong quân dinh. Sự nghiệp một đời của ông, xuất xử in như thánh Y Doãn, cử động hợp nghĩa ***Xuân Thu***. Trong sử có chép những câu danh ngôn của ông như dưới này :

Cúc cung tận tụy, tử nhi hậu dĩ; chí ư thành bại lợi độn, phi thần chi minh sở năng nghỉnh đổ dã.

鞠 躬 盡 瘁 ， 死 而 後 已 ； 至 於 成 敗 利 鈍 ， 非 臣 之 明 所 能 迎 睹 也 。

Liều thân hết mệt với việc nước, hễ bao giờ chết mới thôi (**cúc cung tận tụy, tử nhi hậu dĩ**); đến như nên hay thua, sác hay lụt, chẳng phải trí khôn của tôi thấy trước được đó vậy (**chí ư thành bại, lợi độn, phi thần chi minh sở năng nghỉnh đổ dã**).

Đọc mấy câu ấy, in như câu "Tử nhi hậu dĩ" của thầy Tăng, và câu "Tiên nan nhi hậu hoạch" của đức Khổng.

Tài tu học dã; học tu tịnh dã; phi học vô dĩ quảng tài; phi tịnh vô dĩ thành học.

才須學也；學須靜也．非學無以廣才；非靜無以成學．

Tài, tất phải có học (**tài tu học dã**); học tất cốt phải lặng (**học tu tịnh dã**). Không học vấn, không lấy gì phát triển được tài (**phi học vô dĩ quảng tài**; không điềm tịnh, không lấy gì thành tựu được học (**phi tịnh vô dĩ thành học**).

Mấy câu ấy cũng như câu "Tịnh nhi hậu năng an, an nhi hậu năng lự" ở sách ***Đại Học***.

Đạm bạc dĩ minh chí, ninh tịnh dĩ trí viễn.

淡薄以明志，寧靜以致遠．

Thanh tâm quả dục cam phận đạm bạc để cho chí mình được trong sáng; xa tránh những chốn phồn hoa, bỏ hết những trường danh lợi để đem thân mình đến địa vị Thánh hiền.

Hai câu này thuần túy tinh thần của nhà Khổng.

Hai chữ "đạm bạc", chính là "thực vô cầu bão, cư vô cầu an". Vì có đạm bạc mà chẳng say mê với vật chất thời tư tưởng mới tỉnh táo mà minh được chí.

Hai chữ "ninh tịnh", chính là "bất hoạn vô vị", "bất hoạn mạc kỷ tri", vì có ninh tịnh mà chẳng nóng nảy ở đường công danh thời nghị lực mới được vững bền mà trí được viễn.

Chỉ có mười chữ ấy mà đạo lý của Khổng môn thầy qui nạp ở trong ấy. Đạm bạc là quả dục; minh chí là trí tri; ninh tịnh là dưỡng tâm; trí viễn là thực hành.

Nếu chẳng phải chân nho, làm sao ngôn hạnh được như ông Chư Cát ?

Phó Huyền

Sau ông Chư Cát, lại có một người gọi bằng thuần nho ở đời Tây Tấn, họ Phó, tên Huyền, tự là Hưu Dịch. Thật nho gia ở đời Lưỡng Tấn Lục Triều, ông này là thứ nhất. Sách

ông làm, thấy ở trong bộ ***Bách Tử Tuyển Thư*** (百子全書) có 24 thiên. Tựu trung nói về "xã hội, kinh tế" khá nhiều. Nay chỉ trích biên ít câu như dưới này :

Cổ giả, dân phác nhi hóa thuần; thượng thiểu dục nhi hạ thiểu ngụy; quân thần tương dữ nhất thể; thượng hạ thí chi hình ảnh; quan thứ, dân trung, nhi ân mâu phụ tử; thượng bất trưng phi thường chi vật, hạ bất cung phi thường chi cẩu; quân bất sách vô dụng chi bảo, dân bất dục vô dụng chi hóa.

古者，民樸而化醇；上少欲而下少偽；君臣相與一體；上下譬之形影；官恕民忠，而恩侔父子；上不徵非常之物，下不供非常之求；君不索無用之寶，民不鬻無用之貨。

Như đoạn trên nói, ở trên đường "chính trị" rất đúng với ý tứ Khổng, Mạnh.

Đời xưa, dân chất phác và giáo hóa tốt (**cổ giả, dân phác nhi hóa thuần**); kẻ trên, ít lòng tham, mà kẻ dưới ít lòng dối (**thượng thiểu dục nhi hạ thiểu ngụy**); vua tôi đối đãi với nhau in như thân một người (**quân thần tương dữ nhất thể**); người trên kẻ dưới thân thiết nhau ví như hình với bóng (**thượng hạ thí chi hình ảnh**). Quan nhân, thứ dân trung thành, mà ơn sánh với cha con (**quan thứ, dân trung nhi ân mâu phụ tử**). Người trên không trưng cầu những giống phi thường (**thượng bất trưng phi thường chi vật**), người dưới chẳng phải cung cấp những thuế khóa phi thường (**hạ bất cung phi thường chi cẩu**). Vua chẳng đòi hỏi đến những đồ quí vô dụng (**quân bất sách vô dụng chi bảo**); dân chẳng mua bán những vật hóa vô dụng (**dân bất dục vô dụng chi hóa**). Đến đời nay thời khác hẳn.

Sĩ thụ gian ư triều; cổ cùng ngụy ư thị; thượng sính vô yếm chi dục, hạ sung vô cực chi cẩu; đô hữu chuyên thị chi cổ, ấp hữu khuynh thế chi thương; mạt lưu lạm dật, nhi bản nguyên kiệt; tiêm my dinh thị; nhi cốc bạch khánh.

士樹姦於朝，賈窮偽於市；上逞無厭之欲，下充無極之求；都有專市之賈，邑有傾世之商；末流濫溢，而本源竭，纖靡盈市，而穀帛罄。

Người làm quan dua nhau gian trá ở chốn triều đình (**sĩ thụ gian ư triều**); người buôn bán dua nhau gian dối ở chốn chợ búa (**cổ cùng ngụy ư thị**). Người trên luông tuồng tham dục không bao giờ chán (**thượng sính vô yếm chi dục**); người dưới rặng cung cấp chẳng bao giờ đầy (**hạ sung vô cực chi cầu**). Ở quốc đô có nhà buôn lớn chuyên sạch lợi cả chợ (**đô hữu chuyên thị chi cổ**). Ở hương ấp có nhà tư bản lớn giàu nghiêng được một nước (**ấp hữu khuynh thế chi thương**). Giòng ngọn tràn chảy tứ tung mà nguồn gốc phải kiệt (**mạt lưu lạm dật nhi bản nguyên kiệt**). Đồ xa hoa dâm xỉ đầy tràn chợ mà tơ gạo sạch trơn (**tiêm my dinh thị nhi cốc bạch khánh**).

Mấy đoạn kể trên, thiệt đúng với tình hình kinh tế-xã hội ở đời loạn. Chúng ta đọc qua chẳng cần xem các sách xã hội chủ nghĩa đời nay mà cũng có thể biết được tình hình đại khái. Người có bước chân vào cửa Khổng học, há phải không ngó đến thực dụng đâu !

Đào Uyên Minh

Cuối Đông Tấn, đầu Lục Triều có ông Đào Tiềm cũng gọi bằng Đào Uyên Minh. Ông này vẫn chẳng phải là nhà giảng học trước thư, nhưng lịch sử một đời người hoàn tuyền là "khí tượng" nho giả, gọi bằng thi nhân hay gọi bằng triết nhân, hay gọi bằng chí sĩ, tất thảy đúng hết.

Lúc nước Tấn chưa mất, ông vì con cháu nhà danh tướng thế thần, nên cũng có làm quan Tri huyện một lần. Nhân vì đốc bưu (tức phái viên của quan phủ) tới huyện, huyện lại bảo ông phải thát dai ra tiếp kiến. Ông nói rằng :

"**Ngã khởi vị ngũ đẩu mễ chiết yêu kiến hương lý**

tiểu nhi da ?"

我豈為五斗米折腰見鄉里小兒耶？

Nghĩa là "ta há lẽ vì năm đấu gạo mà gãy xương lưng đi chào một thằng tiểu nhi hương lý đó ru ?", tức ngày ấy cởi ấn thụ, bỏ quan về, có làm bài "*Qui khứ lai từ*" (歸去來辭). Dĩ hậu tuyệt tích ở quan trường. Chẳng bao lâu vua Tấn mất nước, tập thi văn của ông không chịu để niên hiệu đời Tống, chỉ để "Nghĩa Hy giáp tý" ("Nghĩa Hy" là niên hiệu cuối cùng của đời Tấn). Trong tập thơ của ông có bài thơ vịnh "Kinh Kha" (荊軻), tả một người kiếm khách dâm Tần Thỉ Hoàng, chan chứa những ý tứ khẳng khái kịch liệt. Lại có bài "*Đào Hoa nguyên ký*" (桃花源記), tả việc một người nhà chài đi đánh cá đến Đào Hoa Lâm, dụng gặp một đám dân đời nhà Tần ty loạn, mở một vùng trời đất riêng ở trong núi sâu. Người đời Đường có câu thơ rằng : "**Hoa thảo tự sanh vô thuế địa, nhi tôn trường độc vị thiêu thư**" (花草自生無稅地，兒孫長讀未燒書), nghĩa là cây cỏ tự nhiên sinh mọc ở chốn đất, không ai thu thuế, con cháu được mãi mãi đọc lấy sách chưa dụng lửa Tần Thỉ Hoàng đốt. Đọc bài này thấy được một làn lý tưởng ngậm có ý nghĩa đại đồng của lời đức Khổng và tự nhiên chủ nghĩa của triết học Tây phương.

Khổng học phái của Lục triều phải để ông làm kết thúc; bởi vì Khổng học đến Lục triều rất là tiêu diều tịch mịch, được như ông Đào quá hiếm !

Vương Thông

Sang triều nhà Tùy, có Vương Thông, tự là Trọng Yêm cũng là Văn Trung Tử. Làm sách ***Nguyên Kinh*** (元經), nhái ***Kinh Dịch***; làm sách ***Trung Thuyết*** (中說), nhái ***Luận Ngữ***. Ông này hay học nhái đức Khổng. Nhưng nói cho đúng, chỉ là được cái vỏ đức Khổng mà thôi. Vì quá chừng học nhái đức Khổng nên lý luận cũng có nhiều chỗ hay, xin biên mấy câu sau này :

***Thi Thư* thịnh, nhi Trần thế diệt, phi Trọng Ni chi tội dã. Trai giới tu nhi Lương quốc vương, phi Thích Ca chi tội dã.**

詩書盛而陳世滅，非仲尼之罪也．齋誡修而梁國亡，非釋迦之罪也．

Khổng học có phải ở nơi ***Thi Thư*** đó ru ? ***Thi Thư*** đến lúc quá thạnh mà đời Trần diệt, là tội tại người không biết học đức Trọng Nê, chứ chẳng phải tội đức Trọng Ni đó vậy (***Thi Thư* thịnh nhi Trần thế diệt, phi Trọng Ni chi tội dã**). Phật giáo há phải ở nơi trai giới đó ru ? Trai giới quá chừng tu sức mà nước Lương mất, là tội tại người không biết học đức Thích Ca, chứ chẳng phải tội tại đức Thích Ca đó vậy (**trai giới tu nhi Lương quốc vương, phi Thích Ca chi tội dã**).

Hoặc vấn Phật ? Tử viết : Thánh nhân dã. Viết : Kỳ giáo như hà ? Viết : Tây phương chi giáo dã. Trung quốc tắc nệ; hiên xa bất khả dĩ thích Việt; quan miện bất khả dĩ chi Hồ; cổ chi đạo dã.

或問佛，子曰：聖人也．曰：其教如何？曰：西方之教也．中國則泥；軒車不可以適越；冠冕不可以之胡；古之道也．

Hoặc hỏi Phật là người thế nào ? (**hoặc vấn Phật** ?) Thầy rằng : Phật là bậc Thánh nhân đó vậy. (**viết : Thánh nhân dã**). Lại hỏi rằng : Phật giáo thời như thế nào ? (**viết : Kỳ giáo như hà** ?). Nói rằng : Chỉ là giáo của Tây phương đó vậy (**viết : Tây phương chi giáo dã**) (Tây phương là : Tây Vực, Thiên Trúc), chứ đưa vào Trung Quốc thời làm không đi, vì Phật giáo không thích hợp với phong tục Trung Quốc (**Trung quốc tắc nệ**). Ví như hiên xa không thể đem đến nước Việt, quan miện không thể đem sang nước Hồ, là lẽ tự nhiên ở đời xưa truyền lại (**hiên xa bất khả dĩ thích Việt, quan miện bất khả dĩ chi Hồ; cổ chi đạo dã**). Vì tục nước Việt không dùng được hiên xa; tục nước Hồ không dùng được quan miện; tục Trung Quốc không dùng được Phật giáo,

là lẽ tự nhiên ("hiên xa" là xe hoa của vua quan đi).

Khổng học ở hai đời triều nhà Tùy (Tùy Văn Đế và Tùy Dượng Đế) chỉ có một Vương Thông là có thể ghép vào Khổng phái, nhưng cũng chẳng qua thiêm thủ mà thôi.

Đời nhà Đường gần 300 năm, tựu trung chỉ có một vài người có thể gọi bằng dệ tử của Khổng phái. Ngoài ra hoàn tuyển là ngụy Khổng.

Ông Lý Bạch có bài thơ trào Lỗ nho rằng :

李白有嘲魯儒詩云 :

Lỗ tẩu đàm ngũ kinh,
魯叟談五經 ,

Bạch phát tử chương cú,
白髮死章句 ;

Vấn dĩ kinh tế sách,
問以經濟策 ,

Mang như trụy yên vụ.
茫如墜煙霧 .

Nghĩa là : Các cụ đồ nước Lỗ hay đàm đạo "ngũ kinh", già đến tráng đầu vẫn ôm chặt lấy mấy chương cú chết. Đem "Kinh tế sách" hỏi các cụ, mơ màng như sa vào trong đám khói mù.

Đọc bốn câu thơ ấy, thiệt đáng than cho Khổng học ở đời Đường lắm ! Miệng nói "ngũ kinh" mà trong óc không một tý gì là "kinh tế", há phải Lỗ tẩu mà thôi đâu ! Sở dĩ như thế, vì có hai nguyên nhân :

Một là, khoa cử thi phú đến đời Đường mới bắt đầu thịnh hành, mà học giả ở trong đời ấy, đua nhau mượn Khổng học làm bị gậy xin cân dai.

Hai là, Phật giáo Thiền tông từ đời Đường mới thịnh đến cực điểm, mà những hạng người thông minh trong đời ấy thảy chôn đầu nhốt óc vào cửa nhà Phật. Vì thế chính phái Khổng học quá ư ít người. Nay chỉ bòn được hai người

là Hàn Dũ và Lý Cao.

Hàn Dũ

Hàn Dũ tự là Thối Chi (退之), cũng gọi bằng Hàn Xương Lê, cha mẹ mất từ khi ông ba tuổi, ở nhà với anh; đến mười một tuổi, anh cũng mất. Công giáo dưỡng tuyền nhờ tay bà chị dâu là họ Trịnh. Linh đinh cô khổ như thế, nhưng Hàn rất khắc khổ ham học. Thông suốt hết "lục kinh bách tử"; học giả đời ấy, trông Hàn như Thái Sơn, Bắc Đẩu. Nhân vì đời ấy, học thuyết của Lão Tử, tông giáo của Phật gia, chính đương dấc thế thịnh hành, ảnh hưởng với xã hội nhân tâm rất nhiều. Đến nỗi "sùng thượng hư vô, khinh bạc thực dụng"; chẳng mấc lấy bùa mê từ chương, thời say vào huyền lý Phật, Lão. Hàn có ý tự phụ mình là Mạnh Tử, nên học chước thấy Mạnh tịch Dương, Mặc, Hàn cũng hết sức tịch Lão, Phật.

Nói cho đúng, Hàn nguyên lai là một nhà văn chương, tinh tủy của Phật, Lão, Hàn vẫn chưa dò đến nơi. Nhưng nhân cách khí tiết của Hàn cũng đáng làm học trò hậu tiến của Khổng, Mạnh.

Xin xem một việc như sau này :

Đời vua Hiến Tông nhà Đường, vua Đường rước xương Phật đem về trong cung. Từ vua sấp xuống, tất thảy khấu đầu quì lạy ở dưới xá lợi (xương Phật); ban chiếu cho thiên hạ thần dân thảy phải chí thành cung dưỡng. Lúc ấy tuyền cả nước không ai dám nói một lời gì. Duy Hàn làm một bài "Phật cốt biểu" dâng lên vua, xin đốt xá lợi, cấm thiên hạ sùng phụng. Cuối bài biểu có câu nói ràng :

"Giả như xương Phật có linh thời tai họa nặng đến bao, xin một mình Dũ này chịu.

如果佛骨有靈驗，有降禍祟之能力，則臣愈願尸其咎。

Vua Đường thấy biểu, giận hung, toan xử bằng tử tội,

may được tha, đày viễn biên.

Khí tiết đường hoàng như thế, ràng con nòi Khổng học, thiệt cũng chẳng kém gì !

Sách Hàn làm có bài "*Nguyên tính*", bài "*Nguyên đạo*", cũng chủ trương tính có tam phẩm (上, 中, 下), học lấp của Đổng Trọng Thư, nhưng mà biến hóa chút đỉnh.

Lý Cao

Cháu rể ông Hàn là Lý Cao, tự là Tập Chi. Văn chương học vấn thảy ảnh hưởng ở Hàn Dũ mà ra. Lý có làm bộ sách ***Phục Tính thư*** (復性書) (ba thiên), tuy không ra ngoài khuyên sáo Mạnh, Tuân, mà lại có nhiều chốn phảng phất với Phật thuyết, nên không thể nào sánh với Mạnh, Tuân được.

Khổng học đời Đường kết thúc lấy ông này cũng là thiêm thủ.

CHƯƠNG II

KHỔNG HỌC Ở TRIỀU TỐNG

Khổng học từ đời Đường trải qua triều Ngũ Quí (五 季), tìm cho ra một người chân chính Khổng phái, cơ hồ như "sừng lân lông phụng", hiếm hoi quá chừng ! Đến vào đời Bắc Tống, may có mấy vị danh nho, bát đầu nghiên cứu thực tế nho học, bỏ chương cú "huấn hổ học" (訓 詁 學) ra ngoài. Ở sau thì đại khoa cử thịnh hành mà siêu nhiên chú lực vào học nghĩa lý, trước hết có thầy Tôn Minh Phục (孫 明 復) làm bản sách ***Xuân Thu tôn vương phát vi*** (春 秋 尊 王 發 微), thầy Âu Dương Tu làm bản ***Xuân Thu luận*** (春 秋 論), ***Dịch Đồng tử vấn*** (易 童 子 問), thiệt là một tiêu tức mới cho chúng ta biết rằng Khổng học tất có ngày trung hưng.

Quả nhiên, chẳng bao lâu đến triều Tống Nhân Tông đặc xuất ra một vị Khổng thánh thứ hai tức là thầy Chu Mậu Thúc. Đồng thì tiếp gót mà lên, lại có thầy Trương, thầy Thiệu với hai thầy Trình, hoàn tuyển là cháu chắt thật dòng của Khổng học. Tựu trung có một điều thật lạ, từ Đường sắp lên. Phật với Nho như giá với than, không thể nào dung hợp được; mà từ Tống trở về sau, lại khác hẳn : "Tính lý học" của nhà Nho và "Tâm tính học" của nhà Phật thường thường pha lộn màu với nhau mà thành ra một thức đồ ăn ngon tột cổ kim. Nhưng việc ấy thuộc về phạm vi triết học, tác giả sẽ có thì giờ dịch bản sách ***Đông phương Triết học sử*** (1), xin

kể tường về đề mục ấy. Nay chỉ bàn về Khổng học phái ở đời Tống.

Chu Liêm Khê

Khổng Tử ở đời Tống là ai ? Trả lời câu hỏi ấy, tất phải nói lớn lên rằng : Thầy Chu Mậu Thúc. Thầy, họ Chu, tên Đôn Di, tự là Mậu Thúc, người ở đất Đạo Chu nước Tàu. Phụ thân thầy mất sớm, ở dựa vào nhà ông cậu là Trịnh Hướng. Trịnh làm quan Long Đồ Cát đại học sĩ. Trịnh thấy thầy còn bé con mà tính chất trọng hậu thuần phác in như một vị lão thành, nên yêu thầy như con mình đẻ. Thầy chẳng những là người đạo đức, mà kiêm cả tài khí phi thường. Cuối đời Tống Nhân Tông đã từng làm quan Chủ bạ ở huyện Phân Ninh (Chủ bạ tức là Để lại nước ta). Lúc ấy mới hai mươi ba tuổi, xử ngục tụng rất minh đoán, quan trên phục tài, được cử lên làm quan Tư lý tham quân (như Thông phán nước ta). Quan tuy chẳng lớn gì nhưng vì tài khí rất cao, nên tỏ ra nhiều thủ đoạn đặc biệt. Tha tử tù, giảng chính nghĩa; dụng có quan Chuyển vận sứ Vương Quì (王逵) ỷ thế ra oai, bày đặt ra nhiều hình pháp dữ, thầy cả gan công kích Quì, xem chức Tham quân như dép rách, bị cách mất quan. Nhưng vì thế mà quan Đại lý tự thừa là Trình Hướng trọng đạo đức khí tiết thầy, khiến hai người con là nhị Trình tới học với thầy. Thầy vì mất chức quan mà được hai người học trò in như Nhan, Tăng ở Khổng môn, chính là việc đại đắc ý của thầy vậy. Mấy năm sau lại làm quan huyện Nam Xương. Thầy đi tới đâu, nhân dân yêu mến như cha mẹ. Lối chính trị thầy làm vừa nghiêm minh, vừa nhân thứ, trong nhà ngục không tiếng kêu oan; mà tự phụng lại rất tần tiện. Được bổng lộc bao nhiêu chia cấp cho bọn nghèo đói, không để dành một đồng xu. Một ngày kia đau nặng gần tắt hơi, người bạn là Phan Hưng Tự toan liệu lý hậu sự cho thầy, kiếm trong hòm vát, chỉ còn tiền dẹp không đầy một trăm chữ. Qua ngày sau thầy sống lại, triều đình trọng tiến, thầy được làm quan

(1) Tiếc thay cụ Sào Nam chưa đủ thì giờ làm như ý định

Thái tử Trung xá thiêm thư (太子中舍簽書), lại làm quan Phán quan ở huyện Hợp Chu, ông Triệu Thanh Hiến làm Tuần sát sứ, nghe lời người dèm thầy, toan lấy uy quyền đối đãi thầy; nhưng đến lúc thấy thái độ thầy rất an nhàn, Triệu mới bỏ uy quyền. Ngày sau ông Triệu lại gặp thầy lần nữa ở Kiến Châu, thấy công việc thầy hành chính trị dân, càng tôn phục lắm, than rằng : "Lần này mới được thấy Chu Mậu Thúc thật ! (得見眞周茂叔.). Quan Tả thừa là Bổ Tông Mạnh đến Hợp Chu tiếp kiến thầy, thấy thầy cũng than rằng : Trong đời này lại có hạng người như thế ! (世竟有這樣的人).

Đầu niên hiệu Thần Tông, làm quan vận chuyển phán quan ở Quảng Nam. Lại nhận chức Để điểm hình ngục, xông pha lam chướng, lặn lội khắp khe núi động đèo, gánh hết những việc cải lương dân tục, thanh tẩy ngục oan. Vì quá độ cần lao, nhân đắc tật, dời về huyện Nam Khang, làm nhà dưới núi Lô Sơn; núi có khe là Liêm Khê, thầy làm nhà đọc sách ở đó. Chẳng bao lâu thầy qua đời, người đời mới kêu thầy là Liêm Khê Phu tử. Thầy là người thanh minh quả dục, trong lòng thường tiêu sái như trời sáng trăng trong. Hai thầy Trình hồi đương thiếu niên đến thụ nghiệp với thầy, thầy bảo tìm cho ra Nhan Hồi, Trọng Ni sở lạc là việc gì ? Hai thầy Trình lúc ấy mới chán nghề khoa cử mà nảy nở ra chí cầu đạo. Thầy Trình Minh Đạo thường nói rằng : Từ sau hai lần yết kiến thầy Chu, ngâm phong lộng nguyệt mà về; có ý như "Ngộ dữ Điểm dã" của đức Khổng.

吟風弄月而歸，有吾與點也之意

Vương Yên Thạch (tức Vương An Thạch) là một người đại tài danh, vừa một nhà đại chính trị, thường có ý "nhãn không nhất thế" (眼空一世), nhưng khi ở Giang Đông gặp thầy, bàn đạo lý với thầy suốt ngày đêm. Lúc lui về nhà, đến nỗi ngẫm nghĩ quên ăn ngủ.

Xem hết lịch sử một đời của thầy, nhân vật rất tự nhiên không tục khí; tự xử rất thanh cao, mà tiếp vật lại rất hòa nhã.

Lúc thầy làm quan, hết sức trung thành với chức vụ, mà lại thường tỏ ra khí tượng nham nhám, không đặt quyền quí vào trong mắt.

Chúng ta phẩm bình nhân vật từ Xuân Thu về sau mà có ai như đức Khổng được chăng, chỉ có thầy ! Kể về học thuật thời là ở sau đức Khổng, mà lại mở thêm rộng đường cho đức Khổng; đắp dựng một nền tảng cho nho học từ Tống trở về sau. Chẳng những người đời ấy sùng bái mà thôi, mà sau này Nguyên, Minh, Thanh cho đến ngày nai, hễ ai nói đến học thuật nhà Khổng không thể bỏ sót được thầy !

Tuy nhiên, học thuật của thầy thâm về triết học, sẽ biên kỹ vào triết học sử, đây chỉ biên đại lược chút đỉnh :

Sách thầy làm vẫn không nhiều, chỉ có 7 quyển ***Chu Tử tuyển thư*** (周子全書). Tựu trung có bản ***Thái Cực đồ thuyết*** (太極圖說) và bản ***Thông Thư*** (通書) hoàn tuyền thuộc về bộ phận triết học. Duy có một điều là đặc sắc trong học thuật của thầy :

Thầy đối với Phật, Lão, chẳng những chẳng bài xích mà lại thường quán thông dung hợp tư tưởng của các nhà, để làm một học thuyết đặc biệt của tự kỷ.

Thầy thường nghiên cứu Phật học với Thọ Nhai hòa thượng ở chùa Hạc Lâm, mà Thái cực đồ của thầy, lại do Trần Hi Di truyền lại.

Nói tóm lại, học thuyết thầy vẫn căn bản ư Khổng- Mạnh, xuất phát điểm ở ***Kinh Dịch*** với sách ***Trung Dung***, mà lại hấp thụ cả tư tưởng tinh hoa của Phật, Lão. Có như thế mới là Khổng Tử đời sau. Giả như đồng thì có thầy Mạnh Kha, e lại phát sinh nhiều nghị luận có thú vị nữa chưa biết chừng !

Nay xin biên vài câu rất tinh túy giản đơn ở trong sách ***Thông Thư*** để cho học giả nếm chút đỉnh :

Thông Thư có những câu dưới này :

Thành giả thánh nhân chi bản

誠者聖人之本 ·

Đức chí thành là cội gốc để làm Thánh nhân.

Câu này vẫn thừa tiếp học thuyết thầy Tử Tư, nhưng chữ "Thánh nhân chi bản" thời có ý nói rằng : Làm đến Thánh nhân chỉ có một chữ "thành" mà thôi, nên thầy lại có câu nói rằng :

Thành, vô vi, cơ : thiện ác.

誠 : 無為 , 幾 : 善惡 .

Hai câu này chỉ có 6 chữ, nhưng mà giải phẫu cho hết ý nghĩa thời tâm tính học ở trong nhà Khổng, bao quát cả Mạnh, Tuân, Đổng, Hàn, thầy qui nạp vào trong 6 chữ ấy.

Tinh tủy ở hai chữ "thành" và "cơ".

"Thành" là nguyên lý của vũ trụ vạn vật, nó chỉ một khối tự nhiên, chí thuần chí túy, chưa thấy có hình tích động tác những cái gì, nên nói rằng "thành vô vi". Thầy đã có câu thích rằng :

Tịch nhiên bất động giả, thành dã

寂然不動者 , 誠也 .

Câu ấy là thích nghĩa chữ "vô vi".

Sở dĩ phân biệt ra thiện và ác là tại ở "cơ". Nghĩa chữ "cơ" rất khó giải thích. Thầy đã có câu chú rằng :

Cơ giả động chi vi, thiện ác chi sở do phân dã.

幾者動之微 , 善惡之所由分也 .

Nay chúng ta nhận hai câu ấy mà giải phẫu cho kỹ thời cát nghĩa rằng : "cơ" là ý tưởng sáp sửa động mà chưa thập phần hiển hiện ra động. Cái máy động ở trong lúc còn mơ màng mang mậm, thiện hay ác tự lúc ấy mới nảy ra. Chỉ duy Thánh nhân giữ được nguyên chất thành : "thành tắc minh", cũng "minh tắc thành", sở dĩ hoàn tuyền là thiện; chứ như phàm nhân thời xúc động về "ác cơ" quá nhiều, nên mất hẳn đức "thành" mà kết quả thời hoàn tuyền là "ác".

Ở trong sách "***Tính Lý đại tuyền***" có vẽ ra đồ như dưới này :

Thành cơ { ác cơ / thiện cơ } 誠幾 { 惡幾 / 善幾 }

Thầy lại có một câu nói làm cốt tử cho bản thể luận của thầy rằng :

Vô cực nhi thái cực

無極而太極

Câu này ý vị rất sâu xa, tư tưởng rất huyền diệu. Vì thuộc về bộ phận triết học, nên muốn giải phẫu cho được nghĩa, xin nhường để bộ ***Triết học sử*** ngày sau, bản ***Khổng học*** này tạm không thích nghĩa.

Thiệu Khang Tiết

Đồng thì với thầy Chu Liêm Khê, lại có thầy Thiệu Khang Tiết, thầy Trương Hoành Cừ và học trò của thầy Chu là hai thầy Trình Minh Đạo và Trình Y Xuyên.

Chúng ta nghiên cứu hết cả học thuyết bốn thầy thời Khổng học ở đời Tống kiết thai từ thầy Liêm Khê mà phát dục trưởng thành đến bốn thầy mới đủ. Đây chỉ lược biên qua lịch sử và ít nhiều danh ngôn của bốn thầy; còn nghiên cứu cho hết học thuyết bốn thầy thời sẽ có pho ***Triết học sử***. Duy có bản sách ***Tây Minh*** (西銘) của thầy Trương vừa tinh vi, vừa quảng đại, không thể "cát ái" (割愛) được, xin dịch kỹ như tiết sau :

Thầy Khang Tiết, họ Thiệu, tên Ung, tự Nghiêu Phu. Nhân cách học thuật của thầy cũng anh em với thầy Liêm Khê. Nhưng chúng ta đã ví thầy Chu bàng đức Khổng, tất phải ví thầy Thiệu bàng Lão Tử. Bởi vì học thuật của thầy hoàn tuyền thuộc về triết lý. Mà lại một đời người của thầy in như thầy Nhan, chưa bao giờ ra làm việc đời. Triều đình vẫn có trưng triệu đôi ba lần; danh tướng ở đời ấy như Phú Bật, Tư Mã Quang, Vương Yên Thạch đua nhau rước thầy, mà thầy chỉ thủy chung giữ cách an bần lạc đạo, hoàn tuyền làm một người tư tưởng độc lập. Thầy rất bội phục đức Khổng.

Thầy thường nói rằng :

Tam hoàng sự nghiệp chỉ có nghìn đời; Ngũ đế sự nghiệp chỉ có trăm đời; Tam vương sự nghiệp chỉ có mười đời; Ngũ bá sự nghiệp chỉ có một đời. Duy đức Khổng Tử mới là sự nghiệp đến vạn thế.

皇道千世之業也，帝道百世之業也，王道十世之業也，霸道一世之業也．孔子者，萬世之業也．

Thầy vẫn không khoa học thực nghiệm như Âu Châu, nhưng chỉ theo trực giác suy nghĩa ra mà bàn đến vũ trụ, lại in như "vạn hữu dẫn lực thuyết" (萬有引力說) của Nơi Tông (**Newton**) người Thái tây.

Đọc bài "Ngư tiều vấn đáp" của thầy, có một đoạn rất lý thú :

Tiều giả vấn ư ngư viết : Thiên hà y ? Viết : Y ư địa. Địa hà phụ ? Viết : Phụ ư thiên. Nhiên tắc thiên địa hà y, hà phụ ? Viết : Tự tương y phụ; thiên y hình, địa phụ khí. Kỳ hình dã, hữu nhai; kỳ khí dã, vô nhai. Hữu vô tương sanh, hình khí tương tức, chung tắc hữu thỉ.

樵者問於漁曰：天何依？曰：依於地．地何附？曰：附於天．然則天地何依何附？曰：自相依附；天依形，地附氣．其形也，有涯；其氣也，無涯．有無相生，形氣相息，終則有始．

Người hái củi hỏi với người chài rằng : Trời nương vào đâu ? (**tiều giả vấn ư ngư, viết : thiên hà y** ?). Nói rằng : Nương vào đất (**viết y ư địa**). Đất dính vào đâu ? (**địa hà phụ** ?). Nói rằng : Dính theo trời (**viết : phụ ư thiên**). Thế thời trời và đất y phụ vào đâu ? (**nhiên tắc thiên địa hà y phụ**). Trời là không gian vô hình, phải y vào hình đất (**thiên y hình**), đất là thực chất hữu hình, phải phụ vào khí trời (**địa phụ khí**). Vì có y hình nên thiên mới bất hoại; vì có phụ khí, nên địa cũng xoay vần. Duy thuộc về phần hình thời có bờ

hạn (**kỳ hình dã hữu nhai**), mà thuộc về phần khí thời không bờ hạn (**kỳ khí dã vô nhai**). Vì vô sinh ra hữu, lại vì hữu sinh ra vô; hữu vô đáp đổi sanh nhau hoài (**hữu vô tương sanh**) vì hình thở ra khí, lại vì khí mà nuôi được hình; hình khí chuyển nhau mà đẻ ra hoài (**hình khí tương tức**). Sanh tức đến lúc cuối cùng thời gọi bằng "chung"; nhưng lần cũ chung, lại sanh tức ra lần mới, gọi bằng "thủy". Thế là "chung tắc hữu thủy" (**chung tắc hữu thủy**), câu này lấy ở trong ***Kinh Dịch***.

Vì thấy chủ trương học thuyết ấy, nên thầy lấy phép "nguyên, hội, vận, thế" (元, 會, 運, 世) mà đoán trước tuổi của trời đất.

Thầy nói rằng : Ba mươi năm thành một "thế". Mười hai thế thành một "vận". Ba mươi vận thành một "hội". Mười hai hội thành một "nguyên". Một nguyên là một ức hai vạn chín ngàn sáu trăm năm (129.600), lúc đó là một lần tuổi của trời đất vừa hết. Nhưng trời đất già hết thời trời đất trẻ lại đẻ ra.

Nguyên chi hữu nguyên, mỗi một lần sắp đầy nguyên, chính đáng vào hội thứ 11. Lúc đó nhân vật tiêu diệt, giống hữu sanh ở trong vũ trụ không còn giống gì.

Đoạn rồi, vừa đúng vào hội thứ 12 thời địa cầu tắt hơi; mà thiên địa cũng đổi thay sang lần khác. Nguyên lại rồi nguyên, tuần hoàn mãi; chung rồi lại thủy, chính là nghĩa câu "chung tắc hữu thủy" của thầy.

Lại có một chuyện rất lạ :

Xứ Thiên Tân nguyên không tiếng đỗ quyên. Một ngày kia, thầy đi trên cầu Thiên Tân, nghe tiếng chim đỗ quyên, thầy nhận cho là đại khí lưu động từ Nam qua Bắc. Thầy đoán trước rằng : Thiên Tân sắp sửa loạn. Quả nhiên, Tống từ Nhân Tôn về sau, tiểu nhân đương triều, trải hai đời vua mà Bắc Tống mất nước. Mà đương lúc thầy nói, chính là lúc triều Tống rất thịnh. Xem câu dự ngôn của thầy, chứng minh được Dịch học của thầy cũng đáng ghê gớm !

Ở trong học thuyết của thầy, nhiều dặc sắc, nhưng bản

sách này không thể biên hết. Học giả muốn nghiên cứu cho rộng, xin xem những bản sách như dưới này :

a)- ***Hoàng cực kinh thế thư*** (皇極經世書)12 quyển

b)- ***Quan vật nội thiên*** (觀物內篇) 1 quyển

c)- ***Quan vật ngoại thiên*** (觀物外篇) 1 quyển

d)- ***Ngư tiều vấn đáp*** (漁樵問答) 1 quyển

Nhân cách của thầy lại có một điều đặc biệt : Thầy bình sanh rất ghét bộ dài các nhà nho. Thường cỡi chiếc xe nhỏ chơi dạo giữa đường, dụng khi thừa hứng thích vui, gặp bé con hay người đi đường, vô luận lớn bé, sang hèn, thầy cùng nhau trò chuyện ăn uống. Đọc tập thơ ***Kích nhượng*** (擊壤) của thầy thời thấy tinh thần thái độ ấy rất nhiều.

Trương Hoành Cừ

Thầy Hoành Cừ, họ Trương, tên Tái, tự là Tử Hậu. Thầy buổi thiếu niên chí khí bất quần" (不群), ham nói việc binh. Từng dâng thư với quan Thủ tướng Phạm Văn Chính, xin cho đem quân đánh giặc Tây Hạ. Nhân vì học được sách ***Trung Dung***, liền đổi tư tưởng, quyết chí làm được Khổng-Mạnh : Nhưng học, thấy rộng lắm, sách Lão, sách Thích thiệp liệp nhiều năm, sau quay lại chuyên tâm về Lục Kinh đức Khổng. Thầy sở dĩ thành đại nho, dựng nền tảng ở trên ***Chu Dịch*** với ***Trung Dung***; mà tư tưởng lý luận của thầy lại tâm đắc vào học thuyết "đại đồng" của đức Khổng.

Thầy phát huy chữ "nhân" của đức Khổng và chữ "thành" của thầy Tử Tư thập phần tinh trí.

Xin dọc bản sách ***Chính Mông*** (正蒙) của thầy, trong bản ấy có thiên *Tây Minh* (西銘), xin dịch hết tuyển văn ra sau này :

Càn xưng phụ, khôn xưng mẫu. Dư tư diễu yên, nãi hỗn nhiên trung xử. Cố thiên địa chi tắc, ngô kỳ thể; thiên địa chi súy, ngô kỳ tính. Dân ngô đồng bào, vật ngô dữ dã.

Đại quân giả, ngô phụ mẫu tông tử, kỳ đại thần, tông tử chi gia tướng dã. Tôn cao niên, sở dĩ trưởng kỳ trưởng; từ ấu nhược sở dĩ ấu kỳ ấu.

Thần kỳ hợp thể; thánh kỳ tú dã. Phàm thiên hạ bì lung, tàn tật quỳnh độc, quan quả, giai ngô huynh đệ chi điên liên nhi vô cốc giả dã.

U thì bảo chi, tử chi dục dã. Lạc thả bất ưu, thuần hồ hiếu giả dã.

Vi đức, viết bội; hại nhân viết tặc. Tế ác giả, bất tài; kỳ tiễn hình, tiếu giả dã. Tri hóa tắc thiện thuật kỳ sự; cùng thần tắc thiện kế kỳ chí. Bất quí ốc lậu, vi vô thiêm; tổn tâm dưỡng tính vi phỉ giải.

Ố chỉ tửu, Sùng Bá Tử chi cố dưỡng; dục anh tài, Dĩnh Phong Nhân chi tích loại. Bất thi lao nhi để dự, Thuấn kỳ công dã. Vô sở đào nhi đãi phanh, Thân Sanh kỳ cung dã. Thể kỳ thụ nhi qui toàn giả, Sâm hồ. Dũng ư tùng nhi thuận lịnh giả, Bá Kỳ dã. Phú quí phước trạch tương hậu ngô chi sanh dã; bần tiện ưu thích, dung ngọc nhữ ư thành dã. Tổn, ngô thuận sự; một, ngô ninh dã.

乾稱父，坤稱母，予茲藐焉，乃混然中處。故天地之塞，吾其體；天地之帥吾其性；民吾同胞，物吾與也。

大君者，吾父母宗子；其大臣，宗子之家相也。尊高年，所以長其長，慈幼弱所以幼其幼。

神其合體，聖其秀也。凡天下疲癃殘疾，惸獨，鰥寡，皆吾兄弟之顛連而無告者也。

於時保之，子之翼也，樂且不憂純乎孝者也。

違德曰悖。害仁曰賊；濟惡者，不才；其踐形，肖者也。知化則善述其事；窮神，則善繼其志。不愧屋漏，為無忝；存心養

性為匪懈·

惡旨酒，崇伯子之顧養；育英才，潁封人之錫類；不施勞而底豫舜其功也；無所逸而待烹，申生其恭也；體其受而歸全者，參乎；勇於從而順令者，伯奇也·

富貴福澤將厚吾之生也；貧賤憂慼，庸玉汝於成也·存吾順事，沒吾寧也·

Chúng ta đọc kỹ bản văn thiên *Tây Minh*, thời biết được thầy Trương phát huy Khổng học có ba đặc điểm :

Một là nghĩa chữ "nhân" của đức Khổng, đến thầy Trương mới xiển phát được rất rộng lớn. Thầy cho rằng loài người và vạn vật tất thảy con chung của cha mẹ. Bác ái được cả thảy mới gọi bằng "nhân". Xem câu "**Dân ngô đồng bào, vật ngô dữ dã**" thời ý nghĩa chữ "nhân" mới cực viên mãn mà phạm vi đức "nhân" cũng rộng lớn không biết chừng nào !

Hai là chữ "hiếu" ở trong Khổng học, từng lại chỉ nói phạm vi hẹp vừa hiếu với cha mẹ mình mà thôi. Chứ đến thầy Trương thời hiếu là hiếu với trời. Có thờ được trời mới là hiếu. Mà muốn thờ được trời, tất nhiên phải thương yêu hết loài con của trời, mà lại phải thuận theo lẽ trời mới hết được thiên chức của mình làm người. Xem câu "**Lạc thả bất ưu, thuần hồ hiếu giả dã**" thời phạm vi chữ "hiếu", chẳng phải hiếu riêng với cha mẹ mình mà thôi.

Ba là thầy tuy chủ trương "ái nhân ái vật", "nhất thị đồng nhân" (一視同仁), nhưng chẳng phải "ái vô sai đẳng" như học thuyết Mạc Tử. Bốn chữ "lý nhất phận thù" (理一分殊), nghĩa là chân lý chỉ có một, mà phận lượng phải khác nhau; ở trong nhân loại xã hội, có quí, có tiện, có bần, có phú, có hiền, có bất tiếu là một nguyên tắc tự nhiên mà thành ra sự thực dang nhiên. Chiếu theo lẽ vạn vật sanh ở giữa vũ trụ, tuy đồng thị cảm thụ khí âm dương của trời đất, nhưng khí phát sinh ra, tự nhiên có thiên hình vạn trạng, tự nhiên có giống lớn giống nhỏ, giống tốt giống xấu, giống cao giống thấp. Người ta thờ trời yêu vật cũng chỉ tùy phận lượng của

nó mà "điều tể" xử trí cho "các đắc kỳ nghi", không thể ép nán bắt buộc cho như nhất luật được. Đó chính là thuyết "lý nhất phận thù" của thầy, đọ với Phật gia, Mặc gia, tinh thấu hơn nhiều lắm.

Ba đặc điểm ở trong học thuyết thầy Trương, quy nạp vào thiên *Tây Minh" : Trời là cha chúng ta (***càn xưng phụ**); vì có khí thái hư là càn mới sinh ra vạn vật. Đất là mẹ chúng ta (**khôn xưng mẫu**); vì có chất bác hậu là khôn, mới nuôi được vạn vật.

Mình ta tuy nhỏ nhen thế vậy, nhưng vẫn hỗn nhiên ở chính giữa trời đất (**dư tư diếu yên, nãi hỗn nhiên trung xử**). Người vì đứng chính giữa trời đất là cái thể của ta (**thiên địa chi tắc, ngô kỳ thể**). Chân lý làm được chủ tể cho trời đất là tính của ta (**thiên địa chi súy, ngô kỳ tính**).

(Chữ "tắc" đây như chữ "doãn tắc" (允塞) ở ***Kinh Thư***. Đầy đặc chắc chắn mới gọi bằng "tắc".

"Thể" nghĩa là thực chất; chữ "súy" đây cũng là chữ "súy" ở câu "chí, khí chi súy dã" ở sách ***Mạnh Tử*** "súy" nghĩa là chủ tể).

Hai câu này tiếp trên khởi dưới : câu trên là nói thân người ta phối hợp với hình trời đất; câu dưới là nói tâm người ta phối hợp với tính trời đất. Vì có hai câu đó, mới dẫn khởi được hai câu dưới này :

Vì nguyên lý đồng nhất như thế, nên tất thảy loài người là chung một bào thai mẹ với mình, mà tất thảy gọi trời là cha, đất là mẹ (**dân ngô đồng bào**).

Còn như các loài vật, tuy chủng tộc khác nhau, nhưng cũng sanh ở trong càn khôn với người ta chung một vũ trụ, cũng phải gọi nó là bạn bầy ta đó vậy (**vật, ngô dữ dã**).

Đoạn trên ấy là truy nguyên cho đến "lý nhất". Từ đây sáp xuống mới giải phẫu cho rõ "phận thù".

Ở trong loại người mà có người làm vua lớn, người ấy chỉ là đứa con cả của cha mẹ ta (**đại quân giả, ngô phụ mẫu tông tử**). Người làm đại thần là người coi giúp việc nhà cho tông tử đó vậy (**kỳ đại thần, tông tử chi gia tướng dã**).

(Người con dứng chủ tế gọi bằng "tông tử". Người quản lý việc trong nhà gọi bằng "gia tướng". "Tông tử" và "gia tướng" là mượn chữ mà đặt danh từ để cho rõ chức phận mỗi người khác nhau : rằng "tông tử" là có nghĩa vụ phải hiếu với cha mẹ, phải gánh lấy việc tế gia; rằng "gia tướng" là có nghĩa vụ phải trung thận với "tông tử" để làm những việc cha mẹ đã giao cho).

Ở trong đồng bào mình có người tuổi cao thời mình phải tôn kính người ấy, chính sở dĩ "trưởng ngô chi trưởng" (**tôn cao niên, sở dĩ trưởng kỳ trưởng**). Trong đồng bào có những người ấu nhược thời mình phải thương yêu người ấy, chính sở dĩ "ấu ngô chi ấu" (**từ ấu nhược, sở dĩ ấu kỳ ấu**).

(Chữ "trưởng", chữ "ấu" ở trên là động từ; chữ "trưởng", chữ "ấu" ở dưới là danh từ. "Tôn cao niên" là nhân với anh mình; "Từ ấu nhược" là nhân với em mình).

Ở trong đồng bào có bậc người "thánh nhi bất khả tri chi" gọi bằng "thần". Người ấy là in hệt với cha mẹ (**thần kỳ hợp thể**). Có một bậc người "đại nhi hóa chi" gọi bằng "thánh", người ấy là ưu tú ở trong bầy con đó vậy (**thánh kỳ tú dã**).

Ở trong loài dân thiên hạ, có hạng người chẳng may mắc lấy đau ốm mà tê bại, dụng lấy què quặt đui câm mà thành tàn tật, không ông bà con cái mà quỳnh độc, không vợ mà quan, không chồng mà quả, thảy là anh em ta bị lấy nạn "diên liên" mà "vô cốc" đó vậy (**phàm thiên hạ bì lung, tàn tật, quỳnh độc, quan, quả, giai ngô huynh đệ chi diên liên nhi vô cốc giả dã**).

("Vô cốc" nghĩa là không biết kêu oan với ai; "diên liên" có ý là khốn lắm. Câu này là chỉ hạng người đáng thương thảm nhất ở trong đồng bào).

Có những người anh em mình "diên liên, vô cốc" như

thế mà ta bây giờ hay dắt dìu đùm bọc họ, khiến cho họ được an tuyền, chính là người con biết kính trọng cha mẹ đó vậy (**ư thì bảo chi, tử chi dực dã**).

Những kẻ "điên liên, vô cốc" kia, mà họ hay thể lòng cha mẹ, an thuận lẽ trời, cứ vui vẻ và lại chẳng buồn, người ấy mới hoàn tuyền được đạo hiếu đó vậy (**lạc thả bất ưu, thuần hồ hiếu giả dã**).

Bốn câu trên này nói hai hạng người :

"Ư thì bảo chi" là hạng người được hoàn cảnh sướng mà hay phủ tuất người cực khổ, chính là người hay kính trọng lòng cha mẹ, nên nói rằng "tử chi dực".

"Lạc thả bất ưu" là hạng người gặp hoàn cảnh khổ mà lạc thiên an mệnh, chính là người rất hiếu thuận với trời đất, nên nói rằng "thuần hiếu dã".

Có hạng người trái đạo đức, tội danh người ấy gọi bằng "bội thân" (**vi đức viết bội**). Hạng người làm hư hỏng mất tính nhân, tội danh người ấy gọi bằng "tặc tử" (**hại nhân, viết tặc**).

Có hạng người dắt bầy kéo lũ, giúp nhau làm điều ác, hạng người ấy là con bất tài (**tế ác giả, bất tài**). Còn đến như hạng người trổi nhất ở trong đồng bào, đạo đức tâm tính xứng đáng với hình người; hạng người ấy in giống được cha mẹ mà gọi bằng "tiếu tử" đó vậy (**kỳ tiễn hình, tiếu giả dã**).

(Chữ "dực" đây như chữ "hữu nghiêm hữu dực" (有嚴有翼) ở ***Kinh Thi*** thiên *Tiểu Nhã*, thơ Lục nguyệt; "bội" nghĩa là nghịch với cha mẹ; "tặc" nghĩa là dứa con làm giặc, tỷ như Kiệt, Trụ, Tần Thỉ Hoàng là hạng người ấy.

Hai chữ "tiễn hình", nguyên ở sách ***Mạnh Tử***. Thầy Mạnh nói rằng : hình người, sắc người, chính là tính trời tự nhiên đó vậy (hình, sắc, thiên tính dã) (形色天性也 ·). Nhưng chúng nhân vì hậu thiên khí chất làm hại mất tính trời, đến nỗi hình sắc thành ra dồ xấu; duy Thánh nhân vậy sau giữ được nguyên hình như thuở mới sinh ra). (唯聖人然後可以踐形).

Tỷ như mắt tất nhiên dòm được sáng; tai tất nhiên nghe

được tỏ; tay chân tất nhiên cử động được đúng lẽ, thảy gọi bằng "tiến hình", người được tiến hình là tiểu tử của trời đất, con in giống cha mẹ gọi bằng "tiểu tử".

Có một hạng người thông minh khôn sáng, biết tùy thì biến hóa; người ấy, chính là người con hiếu mà khéo noi theo việc của cha mẹ (**tri hóa tắc thiện thuật kỳ sự**).

Có một hạng người học vấn rộng xa, tư tưởng cao sâu cùng cực được lẽ thần diệu; hạng người ấy là con hiếu mà khéo nối chí cha mẹ (**cùng thần tắc thiện kế kỳ chí**).

"Cùng thần, tri hóa", nguyên chữ ở ***Kinh Dịch***) :

窮神，知化，德之盛也·

"Thiện thuật, thiện kế", nguyên chữ ở ***Trung Dung*** :

夫孝者善繼人之志，善述人之事者也·

Nhưng ý ***Trung Dung*** chỉ nói hiếu với cha mẹ mình. Thầy Trương dẫn vào đây thời lại nói hiếu với trời đất. Thì gian, không gian vẫn biến hóa luôn luôn; người tri hóa là thiện thuật được việc trời đất. Thiên đạo, địa đạo, vẫn thần diệu bất trắc; người cùng thần là thiện kế được chí trời đất.

Có hạng người tu thân thận độc, dẫu khi ở ốc lậu chỉ một mình với mình mà chẳng thẹn với lương tâm. Người ấy chính là người con hiếu mà làm vẻ vang cho cha mẹ được (**bất quí ốc lậu, vi vô thiếm**).

("Vô thiếm", nguyên chữ ở ***Kinh Thi***, thiên *Tiểu Nhã*, thơ Tiểu Uyển : "Túc hưng, dạ mỵ, vô thiếm nhĩ sở sanh" (夙興夜寐，無忝爾所生) nghĩa là mai sớm dậy, đêm khuya nằm, thường lo cho khỏi nhục đến người đẻ ra mày. Thầy Trương dẫn vào đây thời sở sanh chỉ vào thiên địa. "Bất quý ốc lậu", nguyên chữ ở ***Kinh Thi***, đã thích kỹ ở *Trung thiên*).

Có hạng người chuyên giữ lấy lương tâm mình, lo nuôi lấy đức tính mình, người ấy chính là người con có hiếu, mà chẳng dám quên lời cha mẹ dạy (**tồn tâm dưỡng tính, vi phi giải**).

("Phỉ giải" nghĩa là không dám lười biếng, ý là nhớ lời cha mẹ dạy luôn luôn).

Có hạng người ghét rượu ngon mà chẳng uống, như vua Hạ Vũ xưa, chính là người con hiếu thương nghĩ đến công nuôi của cha mẹ vậy (**ố chỉ tửu, Sùng Bá Tử chi cố dưỡng**).

(Hai chữ "cố dưỡng" là lấy câu 不顧父母之養 ở sách ***Mạnh Tử*** mà nói trái lại. "Sùng Bá Tử" tức là vua Hạ Vũ, con ông Cổn).

Có người lấy đạo đức học vấn của mình đem ra dạy người, dưỡng dục được anh tài của thiên hạ, người ấy chính là con hiếu mà làm ơn cho nòi họ mình, in như Dĩnh Phong Nhân đó vậy (**dục anh tài, Dĩnh Phong nhân chi tích loại**).

("Dục anh tài", nguyên chữ ở sách ***Mạnh Tử*** (得天下英才而教育之). "Tích loại", nguyên chữ ở ***Kinh Thi***, thiên *Đại Nhã*, thơ Kỷ Túy : "hiếu tử bất quị, vĩnh tích nhĩ loại" (孝子不匱，永錫爾類). Những chữ "loại" ở ***Kinh Thi***, chỉ ở trong họ hàng mình; chữ "loại" của thầy Trương thời bao bọc hết loài người, ***Kinh Thi***, ở dưới chữ "loại" có tiếp hai câu rằng : "kỳ loại duy hà ? thất gia chi khổn" (其類維何，室家之壺); nghĩa chữ "loại" đó hẹp lắm. Chữ "loại" của thầy hứng lấy câu : "dân bào, vật dữ" thời nghĩa là chữ "loại" rộng lắm !).

Việc Dĩnh Phong Nhân ở Tả truyện : Quan Phong Nhân dất Dĩnh, yết vua nước Trịnh. Vua cho ăn canh thịt, Phong Nhân không ăn, để dành đưa về cho mẹ. Vua Trịnh là Trung Công nghe mà cảm động, xưa kia dã từ mẹ, bây giờ phải rước mẹ về. Sách khen Dĩnh Phong Nhân là người thuần hiếu. Thầy Trương dẫn chuyện ấy mà nói những người giáo dục anh tài thời hiếu lớn hơn Phong Nhân không biết bao nhiêu.

Có hạng người làm lợi ích cho xã hội, có công dức với nhân quần, nhưng không kể công lao mà tự nhiên loài người được vui vẻ, khiến cho cha mẹ được bằng lòng. Người ấy chính là con có công hiếu như vua Thuấn đó vậy (**bất thi lao nhi để dự, Thuấn kỳ công dã**).

(Chữ "thi lao" đã thích nghĩa ở *Thượng thiên*. Chữ "để dự" đã thích nghĩa ở *Hạ thiên*, chương *Mạnh Tử*).

Có một hạng người dụng lấy hoàn cảnh éo le, xử vào gia đình nghịch cảnh, nhưng gặp sao an vậy, chờ xem trời đất xử trí mình ra thế nào. Người ấy chính là có lòng kính cha mẹ như Thân Sanh, biết không thể trốn được cha mà ngồi an chờ cha giết, cũng là người hiếu với trời đất đó vậy (**vô sở đào nhi đãi phanh, Thân Sanh kỳ công dã**).

Việc Thân Sanh ở *Tả truyện* : Cha Thân Sanh là Tấn Hiến Công nghe lời dèm của vợ bé, nói oan cho Thân Sanh dâng thuốc độc cho Hiến Công. Thân Sanh không trốn, tự ải mà chết.

Ý tư câu này, chỉ là nghĩa câu "cư dị dĩ sĩ mệnh" (nghĩa đã thích ở *Trung thiên*. Thấy chẳng qua mượn việc Thân Sanh cho rõ ý, chớ không bát buộc người ta làm như việc Thân Sanh).

Có một hạng người, trọn đời chỉ làm việc lành, không làm những việc "háo dũng dấu ngận", lo bảo tuyền lấy thân thể của trời đất cho mình đến ngày mệnh chung. Người ấy chính là một hạng con hiếu của trời đất như Tăng Sâm đó mà ! (**thể kỳ thụ nhi qui tuyền giả Sâm hồ** !).

Có một hạng người hết sức nghe theo trời bảo mình mà thuận mệnh lệnh của trời; người ấy chính là một hạng con hiếu của trời đất như Bá Kỳ đó vậy (**dũng ư tùng nhi thuận lệnh giả, Bá Kỳ dã**).

Trên kia đã kể hết thảy hạng người mà lại tá chứng vào sáu người đời xưa. Trong ý thầy muốn cho chúng ta biết tất thảy người chẳng ai là con riêng của cha mẹ nào. Chỉ chung nhau một cha mẹ là trời và đất. Mà lại trọng yếu nhất là chúng ta phải lo thờ cha tức là thờ trời. Dầu rủi mà gặp lúc có mẹ không tốt, chúng ta chỉ nên lo hết lòng hiếu đạo với cha. Hiếu với cha nghĩa là hiếu với trời. Hiếu với trời tức là thờ trời. Nhưng mà thờ trời, há phải là tế cúng như nền Nam Giao tế Trời đâu ! Chỉ duy một đời người mình, nhỏ từ một tiếng nói, một việc làm, lớn đến sự nghiệp chung thân; trong

từ cá nhân, ngoài đến tuyến xã hội, nhất thiết ứng phó hoàn tuyến theo thiên lý mà làm. Thuận theo lẽ trời tức là thờ trời mà cũng là thờ cha. Còn như về phần thờ mẹ, đã qui nạp vào trong việc thờ cha. Đã thờ được cha thời rủi có gặp lấy mẹ ác, tỷ như dâu bể đổi dời, vực gò xáo trộn, ta chỉ nghe vào trời mà tùy thì tùng đạo, cũng chẳng phải là phạm tội bất hiếu.

Xem như sáu người dẫn chứng trên kia : Vua Vũ là con ông Cổn; Thuấn là con ông Cổ Tẩu; Thân Sanh là con Hiến Công; Bá Kỳ là con Doãn Cát Phụ, thảy là người không mẹ. Chỉ duy Dĩnh Phong Nhân, thầy Sâm, là người có mẹ thời biết thâm ý thầy chuyên chú trọng về phần thờ cha. Mà thờ cha chính ở nơi thờ trời.

Thờ trời thời làm sao ?

Nói rút lại, chỉ có sáu chữ "**tận thiên chức, tuần thiên lý**"

盡天職，循天理。

Chức phận trời giao cho mình, mình làm cho hết sức; chân lý trời phú cho mình, mình y theo không sai. Như thế là hết được bổn phận thờ trời, mà hoàn tuyện được chữ "hiếu".

Thầy muốn cho chúng ta thể nhận được lòng trời, nên thầy nói tóm lại bốn câu như dưới này :

Loại người ta ở trong vũ trụ, theo về cảnh ngộ, không thể nào không kẻ rủi người may; theo về thì gian, không thể nào không người dài kẻ vắn. Nhưng cảnh ngộ may rủi mặc dầu, thì gian dài vắn mặc dầu, tất thảy là lòng cha trời vẫn thương con lắm. Người được phú quí phúc trạch kia chính là trời toan cho cái đời sống của ta được thêm tốt lành đó vậy (**phú quí phúc trạch, tương hậu ngô chi sanh dã**); người phải chịu bần tiện ưu thích kia, chính là trời rán de dạy bảo cho mày mà báu quí mày cho đến lúc nên đó vậy (**bần tiện ưu thích dung ngọc nhữ ư thành dã**). Khi ta còn sống, ta cứ thuận đạo trời mà thờ trời; đến khi ta chết, lại là nhờ ơn trời mà an nghỉ đó vậy (**tồn, ngô thuận sự;**

một, ngô ninh dã).

Xem nghĩa bốn câu dã thích kỹ như trên thời biết rằng ta dã làm được con trời, nên thể lòng trời; chớ thấy phú quí phúc trạch mà kiêu xa : càng nên nhờ phú quí phúc trạch mà tu nhân tích đức; chớ thấy bần tiện ưu thích mà tự bạo tự khí, càng nên vì bần tiện ưu thích mà ích trí thành tài. Đó là thâm ý thầy Trương hy vọng với đồng bào ta đó vậy.

Còn hai câu cuối cùng : "tổn, ngô thuận sự; một, ngô ninh dã", lại là "thiện ngộ thỉ, thiện ngộ chung, thiện ngộ sanh, thiện ngộ tử" để cho được hoàn tuyền chữ "nhân", chữ "thành" ở trong Khổng học; mà chữ "hiếu" đến đó mới được cực điểm hoàn tuyền.

Tác giả dịch thiên "Tây Minh" xong, xếp sách ngồi nghĩ : Vẻ vang thay ! Tươi tốt thay ! Cháu đời xa của Khổng học mà có như thầy Trương, thiệt quang hiển cho tổ tiên nhiều lắm !

Lý luận tư tưởng ở trong một trang giấy, đầu hết có 7 chữ "dân ngô đồng bào, vật ngô dữ", quan niệm dường hoàng biết chừng nào ! Trung gian nhắc đến "đại quân, đại thần, cao niên, ấu nhược", lại nhắc đến những hạng người "bì lung, tàn tật, quỳnh độc, quan quả" mà tiếp lấy một câu "giai ngô huynh đệ chi điên liên nhi vô cốc giả dã", nhân đạo chủ nghĩa nồng nàn biết chừng nào ! Chẳng những rộng lớn hơn quốc gia, xã hội chủ nghĩa ở đời nay, mà có lẽ lại tinh đáng hơn nhân loại xã hội chủ nghĩa ở đời nay nữa kia ! Mà có thú vị nhất là thuyết "lý nhất phận thù".

Nếu chẳng biết "lý nhất" thời đối với loài người chẳng khỏi sanh ra lòng kỳ thị, mà cái họa "chủng tộc chiến tranh" chẳng bao giờ rồi. Nếu chẳng biết "phận thù" thời dễ khiến cho xã hội mất hết cả trật tự mà cái sống tự do hỗn loạn chẳng biết bao giờ an.

Thầy vẫn nói tất thảy người là con trời, mà chẳng phải như thuyết nhà tông giáo. Thầy vẫn nói nhân loại nên nhất thể bác ái, mà chẳng phải như các bác khẩu dầu thiển.

Qui kiết ở chữ "nhân", chữ "thành" của Khổng học chí hỹ ! tận hỹ !

Nói đến bộ phận học vấn, dạy phép tu dưỡng cho chúng ta có mấy câu rất tân cảnh :

Học giả hữu tức thì, nhất như mộc ngẫu; nhân khiên xúc tắc động, xả chi tắc tức.

學者有息時，一如木偶；人牽搐則動，舍之則息。

Người làm học nếu có giờ tất nghỉ thời in như người bổ nhìn (**học giả hữu tức thì, nhất như mộc ngẫu**), có người kéo lắc thời rung rinh (**nhân khiên xúc tắc động**), buông thả ra thời nghỉ (**xả chi, tắc tức**).

Học giả hữu tức thì, diệc vô dị ư tử; thị tâm tử dã, thân tuy sinh diệc vật dã.

學者有息時，亦無異於死；是心死也，身雖生亦物也。

Người làm học, nếu có giờ tất nghỉ, cũng không khác gì chết (**học giả hữu tức thì, diệc vô dị ư tử**). Là vì lòng chết rồi, thân tuy sống cũng là một giống vật đó vậy (**thị tâm tử dã, thân tuy sinh, diệc vật dã**).

Thầy bàn đến chữ "tính", có chia làm hai phương diện : một là "thiên địa chi tính"; hai là "khí chất chi tính". Có câu nói rằng :

Hình nhi hậu hữu khí chất chi tính; thiện phản chi tắc thiên địa chi tính tồn yên.

形而後有氣質之性；善反　之則天地之性存焉。

Người đã thành hình ra rồi, mà sau mới có phần tính thuộc về khí chất. Nhưng vì có học vấn tu tập mà khéo quay trở lại, thời tính bản nhiên của trời đất cứ còn được hoài.

Nói cho đúng, thầy luận học chỉ theo câu "học nhi thì tập chi" mà "diễn dịch" ra; thầy luận tính chỉ theo câu "tính

tương cận dã" mà "xiển minh" ra. Nhận kỹ bản sách thấy thời tranh biện của Mạnh Tuân chẳng phải đa sự.

Trình Minh Đạo

Thầy Trình Minh Đạo, họ Trình, tên Hạo, tự là Bá Thuần, học trò thầy Liêm Khê, nhân cách in như thầy.

Lúc thầy mới 12, 13 tuổi, phẩm hạnh đã in như người lão thành, từng làm quan nhiều phủ huyện, chính tích rất tốt, yêu dân như con.

Niên hiệu Hy Ninh đời Thần Tông, có làm quan ở triều. Lúc ấy, Vương An Thạch mới làm tân pháp, thầy phản đối với Vương. Một ngày kia hội ở trung đường bàn chính sự, An Thạch dem "thanh sắc nghiêm dữ" dãi thầy. Thầy khoan thai vào ngồi, nói êm êm rằng : "Việc thiên hạ chẳng phải việc bàn riêng của một nhà nào, xin Minh Công bình tâm hạ khí mà nghe chứ ! (天下事非一家私議，願明公平心下氣以聽之 !). An Thạch lấy làm bẽ lắm !

Học thuyết của thầy rất quý trọng chữ "nhân", hết sức nghiên cứu ý nghĩa chữ "nhân" của đức Khổng. Thầy có câu nói rằng :

Học giả tu thức nhân; nhân giả hồn nhiên dữ vật đồng thể. Nghĩa, lễ, trí, tín, giai nhân dã.

學者須識仁；仁者，渾然與物同體；義，禮，智，信皆仁也。

Lại có câu rằng :

Vạn vật dữ ngã nhất thể dã.

萬物與我一體也。

Ý thầy muốn học giả nhận cho ra chữ "nhân". Biết rành rẽ được đạo "nhân", thể nhận được đạo "nhân" thời nghĩa, lễ, trí, tín, thảy là "nhân" cả. Bản thể luận, tính luận của thầy, rất nhiều tinh nghĩa, nhưng hoàn tuyền thuộc về triết học sẽ nhường biên dịch ở ***Triết học sử***. Duy công phu tu dưỡng của thầy chuyên về mặt duy tâm. Ngày sau sản xuất ra học

phái họ Lục, họ Vương, thầy là thầy làm tổ sư (Lục Tượng Sơn, Vương Dương Minh). Nghị luận tư tưởng của thầy thường thường xuất nhập ở Phật gia, nhưng lại chú trọng ở trên dường dung thế, hoàn tuyển là nòi giống họ Khổng. Thầy có câu nói ràng :

Thánh nhân dĩ sanh tử vi bản phận sự, bất khả cụ, cố bất luận sanh tử. Phật học phạ sanh tử, cố chỉ quản thuyết bất hưu.

聖人以生死為本分事，不可懼，故不論生死。佛學怕生死，故只管說不休。

Thánh nhân cho sống chết là việc trong bản phận, không cần gì sợ, cũng không nên sợ (**Thánh nhân dĩ sanh tử vi bản phận sự, bất khả cụ**), nên chẳng bàn đến việc sống chết (**cố bất luận sanh tử**). Nhà học Phật sợ việc sống chết, nên cố nói đi nói lại không rồi (**Phật học phạ sanh tử, cố chỉ quản thuyết bất hưu**). Câu nói trên ấy in như ý đức Khổng "Vị tri sinh, yên tri tử".

Trình Y Xuyên

Thầy Trình Y Xuyên, em ruột thầy Minh Đạo, tên Di, tự là Y Xuyên. Đạo đức học vấn, anh em in nhau. Duy tính chất thầy Trình em quá nhiều về phần nghiêm tuấn; nên nỗi vạn niên ganh nhau ý kiến với Tô Đông Pha, thành ra phe đảng Lạc với Thục. Đó chính là chốn thầy em thua kém thầy anh. Nhưng kể về công việc gánh đời thời thầy Trình em nhiều chốn hay lắm. Đời Tống Triết Tông, thầy làm quan Kinh diên thị giảng, bàn bạc nhân vật không né tránh quyền quí chút nào. Thường thấy vua lấy nước nóng xối vào bầy kiến, chốc lại phát sinh ra ý bất nhẫn, thầy liền tấu ràng :

Xin nhà vua đem lòng bất nhẫn ấy, suy ra cho khắp thiên hạ.

願陛下以此心及於天下。

Lại có lúc vua bẻ cây liễu giữa sân, thầy can ràng : "Lúc

này đương mùa xuân phát sanh vạn vật, nhà vua vô cố bát nó tồi tàn, trái với đạo háo sanh của trời rồi đó vậy".

時方春盛，無故摧之，非好生之道·

Các danh thần lúc bấy giờ nghe được, thảy khen ngợi ! thật đáng quan thị giảng !

Khi thầy bị đày ra Bồi Châu; thuyền qua Hàn Giang, gặp trận bão lớn, thuyền sáp đổ, nhưng thầy thái nhiên, thanh sắc không tỷ thay đổi. Trong thuyền có người già hỏi thầy. Thầy trả lời rằng : "Nhân vì lòng ta thường giữ thành kính đó vậy" (因吾心存誠敬也). Người già kia chốc nói rằng : "Thành kính dành tốt, vô tâm càng hơn" (誠敬雖可，不如無心·). Thầy kính phục lời nói ấy, muốn nói chuyện cùng người già, nhưng người già đi đâu mất rồi.

Thầy luận học có một câu nói rất tinh giản :

Ngọc bất ma bất quang, trí bất trí bất ích; nhi trí tri chi pháp, tắc vi kinh nghiệm.

玉不磨不光，知不致不益；而致知之法則為經驗·

Ngọc chẳng mài chẳng sáng, trí khôn người ta chẳng đem đến chẳng thêm, nên cần phải trí trì. Mà phương pháp làm sao cho trí được trí, tất nhờ có kinh nghiệm.

Thầy nhận kinh nghiệm trí là trí thức hậu thiên; bổ túc cho tiên thiên lương trí, tất nhờ vào kinh nghiệm. Câu nói ấy, in như lời câu Hàn Phi Tử. Hàn có nói rằng :

Vô tham nghiệm, nhi tất chi giả, ngu dã.

無參驗而必之者，愚也·

Nhưng người không tham khảo thực nghiệm mà dám lấy làm chắc chắn, là người ngu đó vậy.

Phất năng tất nhi cứ chi giả, vu dã.

弗能必而據之者，誣也·

Đã chẳng lấy gì làm chắc chắn mà cứ theo càn đi, đó là người nói vu đó vậy.

Thầy Trình chủ trương kinh nghiệm tri cũng là ý ấy. Thầy lại chia tri thức làm hai phương diện :

Một là "đức tính chi tri", hai là "kiến văn chi tri".

Đức tính chi tri thuộc về phần trực giác, chỉ bằng cứ ở lương tri mà biết được.

Kiến văn chi tri thuộc về phần thực nghiệm, tất bằng cứ ở nơi tai nghe, mắt thấy mới biết được. Nên thầy có câu rằng :

Hàm dưỡng tu dụng kính

涵養須用敬 ·

Trữ nuôi lương tâm mình, tất phải dùng công phu đức kính.

Tấn học tại ư trí tri.

進學在於致知 ·

Tăng tấn học vấn, tất phải dụng công phu trí tri tức là kinh nghiệm.

Hai câu nói trên ấy là học thuyết rất tinh mật của thầy Y Xuyên.

Học trò của thầy Trình

Học trò hai thầy Trình, có bốn thầy : Tạ Thượng Thái, Dương Qui Sơn, Lữ Lam Điền, Hồ Ngũ Phong, thảy nên biên vào phái Khổng học. Nhưng học thuyết các thầy thảy không ra khỏi phạm vi hai thầy Trình.

Chúng ta nếu đọc hết bản sách tuyển thư của Trình môn thời học thuyết 4 thầy sẽ hiểu được hết.

Nay chỉ lược biên một vài ngôn hạnh của các thầy :

1)- **Tạ Thượng Thái** : Thầy Thượng Thái đầu học với thầy Trình anh. Thầy Trình anh qua đời, học với thầy Trình em. Thầy Trình em hỏi :

- Anh lâu nay sở đắc những gì ?

Thầy thưa rằng :

- Tôi mới trừ khử được một chữ "căng".

但去得一矜字 ·

Ở trong bài luận nhân của thầy, có những câu rằng :

Tâm giả hà dã ? Nhân thị dĩ. Nhân giả hà dã ? Hoạt giả vi nhân, tử giả vi bất nhân.

心者，何也？仁是已·仁者，何也？活者，為仁；死者，為不仁·

Tâm người ta là cái gì ? Đức nhân đó mà thôi. Đức nhân là cái gì ? Cái sống là nhân, cái chết là bất nhân.

Kim nhân thân thể ma tỳ, bất tri thống dạng, vị chi bất nhân. Đào hạnh chi hạch khả chủng nhi sanh giả, vị chi nhân.

今人身體麻痺，不知痛癢，謂之不仁·桃杏之核，可種而生者，謂之仁·

Muốn chứng nghiệm cho rõ ý nghĩa mấy câu trên, tỷ như người ta thân thể tê tái, dầu đau ngứa cũng không biết, gọi bằng bệnh "ma mộc bất nhân". Hột trái dào, trái hạnh có thể dúc mộng mà sống được, gọi bằng "đào nhân, hạnh nhân".

Xem đó thời biết ý chữ "nhân" rõ lắm.

2)- **Dương Qui Sơn** : Thầy Dương Qui Sơn , họ Dương, tên Thì (楊時), tự là Trung Lập, dỗ tấn sĩ rồi mới đến học với thầy Minh Đạo. Khi Dương ra về, thầy Minh Đạo nói rằng : "Ngô dạo nam hỹ" (吾道南矣).

Triều Tống, sau lúc Nam độ (南渡), học giả nhờ ảnh hưởng ở thầy Qui Sơn rất nhiều. Chu Hối Am, Trương Nam Hiến, Lữ Đông Lai, các phái Khổng học ở đời Nam Tống, thảy do thầy sản xuất.

3)- **Lữ Lam Điền** : Thầy Lữ Lam Điền, họ Lữ, tên Đại Lâm, tự là Dữ Thúc, nguyên dầu học thầy Trương Hoành Cừ, lại qua học với thầy Minh Đạo. Thầy Minh Đạo qua dời, lại học với thầy Y Xuyên nhưng dối với học thuyết thầy Trương,

phục ưng đến chung thân. Những cái gì thầy Trương đã nói tới thời đầu hai thầy Trình có phản đối, nhất định cãi lấy được. Thầy rất bội phục chữ "trung" của đức Khổng.

Câu " Hỷ nộ ai lạc chi vị phát vị chi trung" ở sách ***Trung Dung***, thầy cho "trung" tức là "bản tính". Thầy chỉ thọ có 47 tuổi, nhưng đã làm sách được nhiều lắm. Có những bản "***Lam Điền văn tập***" (28 quyển); "***Thi thuyết***"; "***Đại học thuyết***"; "***Trung Dung thuyết***" (3 quyển); "***Lễ Ký truyện***" (16 quyển); "***Mạnh Tử giảng nghĩa***" (14 quyển).

4)- **Hồ Ngũ Phong** : Thầy Hồ Ngũ Phong, họ Hồ, tên Hoàng (胡宏), tự là Trọng Nhân (仲仁), con một nhà đại học giả là Hồ An Định (胡安定). Lúc trẻ đã làm văn chương hay, nhưng để ý vào học Thánh hiền, không làm khoa cử. Đóng cửa đọc sách ở Hành Sơn (衡山) hơn 20 năm, đêm ngày không nghỉ. Ở trong bản sách "***Tri ngôn nghi nghĩa***" (知言疑義) của thầy có một đoạn rằng :

Nhân tâm chi vi đạo, chí đại dã, chí thiện dã; tâm phóng nhi bất tri cầu nhĩ. Nhĩ mục văn kiến vi kỷ tế; phụ tử phu phụ vi kỷ lụy; y cầu ẩm thực vi kỷ dục; ký thất kỳ bản hỹ, do giai viết : Ngã hữu tri, bi phù !

人心之為道，至大也，至善也；心放而不知求耳！耳目見聞為己蔽，父子夫婦為己累，衣裘飲食為己欲；既失其本矣，猶皆曰：我有知，悲夫！

Đạo sẵn ở trong tâm người ta, suy ra rất tốt lành. Nhưng khốn nạn vì tâm bị phóng mà chẳng biết cầu lại mà thôi : Tai nghe, mắt thấy làm che lấp được mình; cha con, vợ chồng làm lụy được mình; y cầu ẩm thực làm say mê được mình. Đã mất bản tâm của mình rồi, còn hãy dám nói rằng ta có biết, đau đớn thiệt !

Thầy chủ trương lý luận ấy, nên bội phục câu thầy Mạnh nói : "Học vấn chi đạo, vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ hỹ", nên thầy cho rằng : bỏ được ba bệnh "tế, lụy, dục", chính là công phu chân học vấn.

Thầy giảng câu "thiên mệnh chi vị tính" ở sách ***Trung Dung***, cho thiên mệnh là lý tự nhiên : y theo lý tự nhiên mà phát triển ra thời gọi bằng đạo; dầu đến việc sống chết của người ta cũng là lý tự nhiên; nên thầy rất phản đối thuyết giải thoát sanh tử của nhà Phật.

Vương An Thạch

Đồng thì với mấy thầy Chu, Trương, Thiệu, Trình là chính phái của Khổng học, ngoài ra còn có người đại tài, vừa văn chương gia, vừa tư tưởng gia, vừa chính trị gia là Vương An Thạch cũng phải đặt vào Khổng học chi phái.

Họ Vương, tên An Thạch, tự là Giới Phu, hiệu là Bán Sơn; tay chính trị của Vương rất bạo dạn. Đời Tống Thần Tông, Vương làm Tể tướng, ban bố tân pháp, lệ hành cải cách, chú ý ở trên đường phú quốc cường binh. Lúc ấy, phản đối đảng cơ hồ nửa thiên hạ, nhưng Vương cứ thẳng tay làm; tiếc cho đảng Vương quá nhiều tiểu nhân, nên nỗi Vương làm kết quả thất bại. Thầy Trần Minh Đạo có câu nói rằng :

Tân pháp chi họa, quân tử khích thành chi, tiểu nhân giao hoại chi.

新法之禍，君子激成之，小人交壞之.

Thiệt là câu nói rất bình tĩnh.

Tuy nhiên, Vương ở trên đường chính trị vẫn không thành công; mà ở trên đường học thuật thời có điều bổ túc cho Khổng học. Xin lược biên những câu tân cảnh ở trong bài ***Nguyên Tính Luận*** (元性論) và bài ***Tính Tình Luận*** (性情論) như sau này :

Xưa nay luận tính, thấy có năm nhà : Mạnh Tử nói tính thiện, Tuân Tử nói tính ác; Hàn Dũ bác Tuân mà theo Mạnh, nhưng chuyên chỉ ngũ thường là tính; Dương Hùng cho tính thiện ác hỗn, lại nhận luôn chữ "tập" ở trong lời đức Khổng là tính; Lý Cao lại chủ trương tính thiện tính ác. Theo ý Vương tất thảy là không đúng. Vương có câu phán đoán rằng :

Tính sanh tình, tình sanh thiện ác.

性生情，情生善惡。

Nghĩa là vì có tính mới dẻ ra tình; nhân có tình mới dẻ ra thiện và ác.

Lại có câu rằng :

Tính giả, tình chi bản; tình giả, tính chi dụng dã

性者情之本；情者，性之用也。

Nghĩa là tính là cội gốc của tình; tình là tác dụng của tính.

Giả như nói tình mà ác thời Thuấn sở dĩ làm Thánh nhân, vì có tình ưu hỉ với em là Tượng (象憂亦憂，象喜亦喜). Văn Vương sở dĩ làm Thánh nhân, vì có tình nộ đối với Trụ (王赫斯怒). Vậy nên tính tình phải cần cả hai. Ví như cung với tên phải chờ nhau mà tác dụng; sở dĩ phải hay quấy, chỉ hỏi ở mũi tên trúng đích hay không trúng đích mà thôi. Vậy nên tình phát ra mà ác, tính không lẽ gánh được tội; tình phát ra mà thiện, tính không lẽ chuyên được công.

Nói cho đúng, tính chỉ là một giống chẳng phải thiện, chẳng phải ác, chỉ làm mẹ cho tình. Tình là con tính. Con thiện hay ác thời quan hệ ở lúc dạy con. Vậy nên thiện ác là trách tại tập, chứ tính tình in như một mà thôi.

Đoạn trên là tính tình nhất trí thuyết của Vương. Học giả đọc qua cũng phải nhận làm một bộ óc đặc biệt.

Như các tiết trên kia kể là Khổng học phái ở Bắc Tống xong rồi. Từ đây sáp xuống, sẽ biên tới Nam Tống và Nguyên triều.

CHƯƠNG III

KHỔNG HỌC PHÁI Ở ĐỜI NAM TỐNG VỚI TRIỀU NGUYÊN

Toan kể đến Khổng học phái ở Nam Tống, trước phải chép qua lịch sử thì đại lúc ấy.

Bắc Tống đến cuối đời Khâm Tông bị giặc vào cướp Trung Quốc; Huy, Khâm, hai vua bị giặc Kim bắt về Mạc Bắc. Tống Cao Tông bỏ kinh thành chạy qua Nam phương, định quốc đô ở Hàng Châu. Quốc vận suy đồi đạt ư cực điểm; ở trong nòi giống Khổng học có sản xuất được hai người : một là Nhạc Phi, hai là Trương Tuấn. Hai người này vẫn không gọi là nhà trước tác, nhưng chỉ đem tinh thần của Khổng học mà thực hiện ở trên việc làm. Trung thành với việc nước, tân khổ vì thương sanh, càng thật là con nòi nhà Khổng học. Tác giả xin biên vào đầu tiết này :

Tiết thứ 1

Khổng học ở đời Nam Tống Nhạc Võ Mục.

Nhạc Võ Mục, họ Nhạc, tên Phi, hiệu là Võ Mục; cha chết từ khi mới 3 tuổi, công nuôi dạy nhờ bà Nhạc mẫu. Lúc

ông Nhạc 8 tuổi, gặp nạn giặc Kim, mẹ con cắp nhau qua Nam. Nhạc mẫu biết con là người phi thường, mong cho con trưởng thành làm một người cứu nước. Nhân lúc bổng con may vá, lấy kim chích lưng con khắc bốn chữ "Tận trung báo quốc" (盡忠報國) ở sau lưng. Ngày sau ông Nhạc đến lúc chết mà dấu châm bốn chữ ấy còn in sâu vào thịt.

Ông Nhạc khi đã biết học, rất ham đọc pho ***Xuân Thu tả truyện***. Nghĩa tôn Chu (Đông Chu, Tây Chu), nhương di ở ***Xuân Thu*** rất là tâm đắc.

Sự nghiệp một đời của ông, xuất phát điểm nhờ một bộ Kinh dức Khổng. Ông vì đau nạn nước tức thù giặc, nên không làm nghề khoa cử, mà chuyên tâm nghiên cứu Binh thư. Đời Tống Cao Tông ông khởi binh đánh với giặc Kim, thu phục được đất Hà Nam, Hà Bắc, chúa Kiên Ngột Truật đã toan bỏ đất U, Yên (U là Sơn Tây, Yên là Bắc Kinh) mà về. Đau đớn cho triều Tống lúc ấy bị thằng gian thần Tần Cối chuyên quyền, ăn của lót của giặc Kim mà giảng hòa với Kim. Vua Cao Tông đến nỗi trong một ngày phát 12 đạo Kim bài bắt ông phải kéo quân về, nên nỗi việc khôi phục trung hưng đã sắp thành mà hóa ra bại. Tội đứa gian thần ngộ quốc, thiệt tức giận đến ngàn thu.

Nay chúng ta đọc bài biểu ban sư của ông, chẳng làm sao cầm được dòi giòng nước mắt. Trong bài biểu, ông có câu rằng :

Thân đang khổn ký, tri vô bổ ư nhung hàng; khẩu tụng chiếu thơ, diện hữu tàm ư quân lữ.

身當閫寄，知無補於戎行；口誦詔書，面有慚於軍旅．

("khổn ký" là chức quan tướng ở ngoài quốc môn).

Lại có câu rằng :

Thóa thủ Yên, vân, trực dục phục thù nhi báo quốc; thệ tâm thiên địa, kỳ tương khể thủ dĩ xưng phiên.

唾手燕雲，直欲復讎而報國；誓心天地，期將稽首以稱藩

Ông tuy trung thành đến như thế, nhưng vì giặc Kim nói với Tần Cối rằng : "Nhạc Phi không chết, hòa nghị tất không thành được". (岳飛不死，和議不成).

Kết quả Tần Cối giết ông ở trong ngục Hàng Châu. Than ôi ! Vua ám, tôi gian, giết oan mất một người tuyệt thế danh tướng, nhưng văn chương khí tiết của ông vẫn còn chói chang ở giữa trời đất.

Ông chẳng những khí tiết bất phàm, mà lại văn chương cũng hay tuyệt. Trong bản cổ văn còn có chép bài ***Lương Mã Đối*** (良馬對) của ông. Lại có bài thơ đề *Tây Hồ tự* (西湖寺), trong có hai câu rằng :

Đàm thủy hàn sanh nguyệt.

Tùng phong dạ đái thu.

潭水寒生月 ·

松風夜帶秋 ·

Thi tài như thế, dầu người Đường cũng phải thua. Ông lại có một câu danh ngôn xưa nay ai nấy cũng truyền tụng :

Vua Tống hỏi ông rằng :

- Lúc nào thiên hạ được thái bình ?

Ông thưa rằng :

- Văn thần bất ái tiền, võ thần bất tích tử, thiên hạ thái bình hỹ.

文臣不愛錢，武臣不惜死，天下太平矣 ·

Bao giờ những người làm quan văn chẳng thương tiền, những người quan võ chẳng tiếc chết, chắc thiên hạ thái bình đó.

Chúng ta thử nghĩ, học thức như thế, trung nghĩa như thế, bảo chẳng phải nói Khổng học mà gì ?

Khi ông ở trong quân đinh, việc binh cần cấp, quên ngủ quên ăn, nhưng trên tay chẳng bao giờ rời pho sách ***Xuân Thu tả truyện***. Chỉ một việc ấy, chúng ta càng nên bội phục.

Trương Ngụy Công

Trương Ngụy Công, họ Trương, tên Tuấn, hiệu là Ngụy Quốc Công, là một vị danh thần đời Nam Tống. Nhiều phen đem quân đánh giặc Kim, Kim Ngột Truật đã từng kinh hồn lạc vía với ông. Ông tuy thân kiêm tướng tướng, lo việc nước từ ngày suốt đêm, nhưng dụng lúc thì giờ nghỉ việc quan, lại nghiên cứu học nghĩa lý.

Ông có làm những bản sách như dưới này :

Dịch giải tạp thuyết (易 解 雜 說) (10 quyển); ***Thư, Thi, Lễ, Xuân Thu, Trung Dung giải nghĩa***, (cộng 10 quyển); ***Tấu nghị***-(奏 議) (20 quyển), ***Văn tập*** (文 集) (10 quyển). Con ông là thầy Trương Nam Hiên, thành một vị đại nho, thầy nhờ đình huấn của ông.

Nam Tống lúc ấy, triều đình thảy chủ hòa với Kim, duy ông thủy chung một mực chủ chiến. Tài lược chiến sử ông không bằng ông Nhạc, nhưng khí tiết học thức, hai ông in nhau, mà dạy con nên một bậc đại hiền thời ông lại hạnh phúc hơn ông Nhạc.

Học phái đời Nam Tống so với học phái đời Bắc Tống, những người sánh đôi được Chu, Trình, Trương, Thiệu, chỉ có hai nhà là Chu Hối Am và Lục Tượng Sơn.

Trước khi biên tới thầy Chu Hối Am, phải nhắc qua đến nghiệp sư của thầy, tức là Lý Diên Bình tiên sanh :

Lý Diên Bình

Họ Lý, tên Thông, tự là Nguyên Trung (愿 中), sanh ở đời Bắc Tống, 39 tuổi, tránh giặc Kim qua Nam, mang Trình học truyền sang Nam phương, không đi thi, không làm quan, an bần lạc đạo, hơn 40 năm chuyên đem học nghĩa lý dạy học trò tối ngày. Nhưng cách học của Lý chuyên trọng về mặt thực hành, không để ý về phương diện trước tác.

Giảng sách cho học trò nghe, chuyên giảng về nhân cách tu dưỡng. Hễ giảng giải rồi thời chung nhật nguy tọa, cốt

thể nghiệm cho ra tinh thần chữ "nhân" của đức Khổng. Thầy có câu thường hỏi học trò rằng : Người ta như thế nào mới thể đức nhân được đến nơi (人間到底如何而能體得仁到). Học trò thầy rất đông, người cao đệ thứ nhất là thầyChu Hối Am.

Chu Hối Am

Chu Hối Am tiên sinh, họ Chu, tên Hy, tự là Nguyên Hối, hiệu Hối Am. Thầy sinh ở sau đức Khổng Tử kể có 1609 năm. Thiên phận rất cao, công học vấn lại rất dầy đủ, giáo dục được nhân tài rất nhiều. Nhân cách và học thuật e có lẽ anh em với đức Khổng.

Bao nhiêu sách vở của phái Khổng học, chẳng những ***Ngũ Kinh***, ***Tứ Thư***, vừa nghiên cứu vừa biên tập, vừa chú thích, e không sót một bản gì; mà lại chư tử bách gia, cũng thảo luận phê phán hết thảy. Khổ tâm nghị lực về công phu học vấn, thiệt ở trong Khổng phái e không ai bằng.

Sách thầy trước tác quá nhiều, chúng ta ngồi kể không hết. Xin kể những bản mà học giả đời sau cần dùng như dưới này :

Tứ Thư tập chú (四書集註) và ***Luận Mạnh tập nghĩa*** (論孟集義) (cộng 34 quyển) - ***Đại học Trung Dung hoặc vấn*** (大學中庸或問) (2 quyển) - ***Chu Dịch bản nghĩa*** (周易本義) (12 quyển) - ***Dịch học khải mông*** (易學啓蒙) (4 quyển) - ***Nghi lễ thông giải*** (儀禮通解) (37 quyển) - ***Thi tập truyện*** (詩集傳) (8 quyển) - ***Thái Cực đồ thuyết giải*** (太極圖說解) (1 quyển) - ***Thông Thư giải*** (通書解) (2 quyển) - ***Tây Minh giải*** (西銘解) (1 quyển)- ***Trình thị di thư*** (程氏遺書) (25 quyển) - ***Cận tư lục*** (近思錄) (14 quyển) - ***Y Lạc uyên nguyên lục*** (伊洛淵源錄) (16 quyển) - ***Danh thần ngôn hạnh lục*** (名臣言行錄) (24 quyển) - ***Tiểu học thư*** (小學書) (6 quyển).

Những sách trên ấy, chuyên giảng nghĩa lý ở trong phái Khổng học.

Ngoài ra, như bộ phận sử học thời có bản ***Tư trị thông giám cương mục*** (資治通鑑綱目) (60 quyển). Bản sách này rất có ích cho các nhà nghiên cứu sử học. Lại như thuộc về bộ phận văn học (học làm văn) thời có bản ***Sở từ tập chú*** (楚辭集註) (8 quyển) - ***Hàn văn khảo dị*** (韓文考異) (10 quyển). Thuộc về bộ phận đạo gia thời có bản ***Âm phù kinh chú***) (陰符經註) (1 quyển).

Chúng ta chỉ xem mục sách như trên kia kể, ôi ! Tài hèn học kém như chúng ta, chắc phải kinh hồn giựt vía. Thầy đầu óc to lớn biết bao ! Tinh lực dẫy đủ biết bao ! Ông tay cương kiện biết bao ! Huống gì ngoài sách thầy làm ra, lại còn có di ngôn mà học trò thầy biên toản lại nữa, còn có bản ***Văn tập*** (文集) (121 quyển) - ***Ngữ loại*** (語類) (140 quyển) - ***Chu Tử tuyển thư*** (朱子全書) (64 quyển).

Thử nghĩ một đời người thầy chỉ có 71 tuổi, mà công phu trước tác nhiều như thế, vả lại lịch sử của thầy chẳng phải là một nhà trước tác mà thôi, kiêm cả nhà đạo đức, nhà chính trị, nhà giáo dục, nhà khí tiết, không việc gì là chẳng đáng làm khuôn mẫu cho chúng ta. Tuy thì đại bây giờ cung tường nhà Khổng cơ hồ gió cuốn mây lay, nhưng vì chúng ta vẫn nòi giống Khổng học dẻ ra, nên lịch sử của đức Khổng thứ ba, chúng ta không thể bỏ ngơ được.

Xin biên ra như sau này :

Hiệu thầy là Hối Am, học trò thường xưng rằng : Hối Am tiên sinh, niên hiệu Kiến Viêm thứ tư đời Nam Tống Cao Tông, đương năm 1130 lịch Tây, ông Chu Tùng, người tỉnh Mân (Phúc Kiến) sanh thầy ư lúc ấy. Thầy 14 tuổi, cha qua đời. Lúc cha mất, gửi thầy cho ba người học giả : Hồ Hiến (胡憲), Lưu Miễn Chi (劉勉之), Lưu Tử Huy (劉子翬). Cha trối lại với thầy rằng : "Ba người ấy thảy bạn thân ta, học vấn lại có uyên nguyên nữa, mày phải thờ như cha".

此三人皆我親友，其學亦有淵源，汝須父事之。

Từ đó thầy mới học với ba người ấy. Ba người ấy nhớ lời bạn dặn, xem thầy như con mình, hết lòng dạy thầy, nên thầy thành tài rất sớm. Văn cử nghiệp cũng hay. 19 tuổi đỗ

Tấn sĩ, bổ quan ở huyện Đồng An, chính tích rất tốt. Nhưng vì thấy chẳng phải là người danh lợi, mà là người có chí làm Thánh hiền. Năm thầy 24 tuổi, dụng gặp được thầy Lý Diên Bình dương giảng học thống Chu, Trương, thầy mới bắt đầu vào cửa Thánh học.

Thầy Diên Bình thường khen thầy rằng :

Nguyên Hối tấn học thậm lực, lạc thiện úy nghĩa, ngô đảng tiễn hữu !

元晦進學甚力，樂善畏義，吾黨鮮有！

Học thống từ đức Khổng truyền đến thầy Chu Liêm Khê, bây giờ thầy mới vào làm cháu thừa tự.

Năm 33 tuổi thầy được làm Văn học bác sĩ. Triều đình hồi đó đương khiếp vía với giặc Kim, chẳng ai dám để xướng chủ chiến. Nhưng thầy vì một bầu máu nóng từ cha truyền lại (ông Chu Tùng thường chủ trương chính sách đánh Kim, bị Tần Cối ghét, phải bỏ quan), nên thầy có lời tâu với vua rằng : Giặc Kim là kẻ thù của vua cha, không thể chung nó đội trời, xin phải trù bị việc đánh. (**大學之道；在外格物，君父之讎，不共戴天·**). Nhưng vì Tể tướng buổi ấy, rặt đồ khiếp nhược, không dùng được lời nói của thầy. Thầy liền bỏ quan về nhà, chuyên để ý vào giáo dục tử đệ, cùng nghiên cứu đạo học, nên thanh giá ngày càng lớn hung. Năm thầy 39 tuổi, ra làm quan phủ Nam Khang, vừa chính vừa giáo, thầy thực hành sở học rất nhiều. Trong lúc thầy làm quan, nhưng không quên việc giáo học, thầy sửa lại Bạch Lộc Động thư viện dựng học qui dạy học trò, dựng nhà thờ, tế tiên hiền từ thầy Liêm Khê sáp xuống, cốt để tuyên minh đạo đức, phù thực cương thường. Dân cả phủ Nam Khang xem thầy như cha mẹ.

Tùng lai, quân tử được tiếng, tất bị tiểu nhân ghen ghét. Bọn dung thần như Tể tướng Vương Hoài, Thị lang Lâm Lật, họ hết sức hãm hại thầy. Họ vì ghét thầy mà bài xích luôn cả Trình học. Thầy lại phải bỏ Nam Khang mà về nhà. Vì đảng phản đối thầy quá đắc thế, thấy thầy dạy học trò quá đông, hán bảo thầy là ngụy đạo học.

Năm hiệu thứ 10 đời Thuần Hy, vua ban sắc cấm chỉ đạo học. Lúc ấy bọn gian thần ghét thầy đạt ư cực điểm, chúng bảo ngụy học chưa làm được thầy chết, lại vu thầy là nghịch đảng. Bởi vì thầy thường giảng nghĩa ***Xuân Thu***, khuyên người ái quốc thảo tặc, rất xung đột với bọn tiểu nhân đến đỗi có kẻ thượng thư xin chém thầy. Đảng học đến lúc này, nếu như người khác, e phải biến tiết, dịch hạnh hùa với quần tiểu cho xong, nhưng thầy chẳng thế, thái nhiên ở Trúc Lâm tinh xá giảng học như thường.

Môn nhân là Thái Nguyên Định cũng bị can vào án ngụy đảng, bị dày đi đất Đạo Chu, tới thầy từ biệt, thầy trò đem sách ***Tham Đồng Khế*** (參同契) chất nghi với nhau. Ngoài mấy câu nghĩa lý, không một lời gì; vui vẻ chia tay nhau. Cảnh ngộ ấy, tình thần này, thiệt là nan sư, nan dệ. Lúc ấy thầy có bức giấy viết cho Phương Tân Vương (方賓王), trong có câu rằng :

Nhất thân lợi hại bất túc vân; sở cụ giả, Tần chính khanh phần chi họa, toại cập ngô đảng.

一身利害不足云；所懼者，秦政坑焚之禍，遂及吾黨。

Thầy tuy nói thế, nhưng giảng đạo, đọc sách vẫn cứ y nhiên. Năm thầy tuổi gần 70, tinh lực dẫu não đã suy, lại thường hay đau mắt. Trong lúc đa bệnh, có người khuyên thầy nên dậy trưa, nhưng thầy hễ thấy bóng trời rạng tức dậy ngay, cứ dạy bảo học trò không nghỉ, nhiều lúc biên sách suốt đêm.

Tháng 2 năm thứ 6 hiệu Trường Khánh (đúng năm 1200 lịch Tây), bệnh thầy đã mệt lắm, còn gượng bệnh giảng Thái Cực Đồ Tây Minh với học trò, ư ngày sau thầy qua đời. Lúc môn sanh làm lễ táng thầy, đảng phản đối thầy lại phao tiếng rằng : Ngụy đồ bốn phương toan mượn tiếng táng thầy ngụy nó, nhân để mưu loạn. Chính phủ vì thế, giám thị rất nghiêm, nhưng người lai hội còn có hơn nghìn.

Đạo đức khí tiết cảm nhân như thế, ngày sau Nam Tống mất nước, cháu tàng tôn là Chu Tuấn giữ tiết chế theo với nước, con cháu nhà đạo học vẫn nên như thế !

Học thuyết thầy thuộc về bộ phận triết học, bản sách này không thể bàn hết, xin chờ bản ***Triết học sử*** sẽ biên ký.

Bàn tóm lại, chính thống của Khổng học, từ Tăng, Tư, Mạnh, chuyển đến Chu, Trương, Trình, Thiệu, đến thầy Chu Hối Am là một lần "tập đại thành". Cũng in như Phục Hy, Văn Vương, chuyển đến đức Khổng là một "tập đại thành" đó vậy. Nếu bảo thầy có những điểm gì là đặc sáng thời e không đúng lắm; mà bảo học trò đời sau không ai phản đối học thuyết của thầy, cũng là không đúng. Tuy nhiên, ai phản đối mặc dầu, nhưng nói đến căn bản vẫn để thời giá trị một vị đại nho, nếu có ai "xuy mao cầu tỳ" cũng là bất túc khinh trọng.

Lục Tượng Sơn

Ở trong một thì đại Trình, Chu học thuyết đương thịnh hành mà có một người độc lập ra một học phái với thầy Chu Hối Am, tức là nhà họ Lục. Người anh là Lục Cửu Thiều, Lục Cửu Linh, em là Lục Cửu Uyên, tức là Lục Tượng Sơn, chính là người ở trong phái Khổng học mà lại tranh bá với thầy Hối Am. Cửu Thiều, bạn thân thiết với thầy Chu, thường với thầy Chu giảng "Thái cực đồ thuyết", dạy hai em thành tài, dựng nền tảng cho nhà học họ Lục. Trong một nhà sáu anh em, thầy là người hữu tài hữu học. Sở dĩ được hạnh phúc như thế, nhờ công người anh thứ hai rất nhiều. Anh thứ hai tên là Cửu Tự.

Cửu Uyên mới ba tuổi đã mất mẹ, Cửu Tự thấy trong một nhà năm anh em, tất phải trước giải quyết sanh hoạt vấn đề mới chuyên tâm được học vấn. Ông mới cùng vợ là họ Dư mở phố buôn thuốc, lại chăm sóc việc cày. Vừa buôn, vừa cày, đêm ngày lo đường thực nghiệp, một phương diện chỉnh lý gia đình; một phương diện dưỡng dục các em. Tân khổ sanh nhai, thầy gác vào trên vai hai chồng vợ. Cửu Thiều, Cửu Linh, Cửu Uyên sở dĩ học thành đại nho, thầy nhờ công Cửu Tự và Dư thị.

Tượng Sơn làm bài minh mộ chí cho anh, có câu :

Dư thị hiếu thuận xuất ư thiên tính.

余氏孝順出於天性 ·

Thầy Tượng Sơn từ ba tuổi sắp lên, hoàn tuyền nhờ anh chị nuôi thành nhân. Thầy lúc trẻ chẳng ham chơi bằng cách trẻ con, tịnh trọng như người thành nhân. Hồi 4 tuổi, đi đường theo cha là Tuyên Giáo Công, đột nhiên hỏi với cha rằng :

Trời đất ở chốn nào là cùng cực ?

天地之所窮際如何 ?

Tuyên Giáo Công không trả lời được cho con, đến nỗi về nhà quên ăn ngủ. Thầy 8 tuổi, đọc sách ***Luận Ngữ***, đến mấy bài thầy Hữu Tư nói, thầy dã nghi lời thầy Hữu Tư là chi ly. (支離).

Bé con mới 8 tuổi dầu, mà dầu óc kỳ dị đã như thế. 13 tuổi, đọc sách xưa, thấy thích nghĩa hai chữ "vũ trụ" là "tứ phương thượng hạ viết vũ, cổ vãng kim lai viết trụ" (nghĩa chữ "vũ" chuyên chỉ về không gian, tức là trên dưới nam bắc đông tây; nghĩa chữ "trụ" chuyên chỉ về thì gian, bao bọc cả đời xưa và kỳ vãng, đời nay và tương lai), thầy thột nhiên tỉnh ngộ hung mà nói rằng :

Vũ trụ nội sự, nãi kỷ phận nội sự; kỷ phận nội sự, nãi vũ trụ nội sự.

宇宙內事，乃己分內事；己分內事，乃宇宙內事 ·

Việc ở trong vũ trụ, chính là việc ở trong bổn phận mình; việc ở trong bổn phận mình, chính là việc ở trong vũ trụ.

Lại nói rằng :

Vũ trụ tiện thị ngô tâm; ngô tâm tức thị vũ trụ. Đông hải hữu thánh nhân; tây hải hữu thánh nhân; thiên bách thế chi thượng hữu thánh nhân; thiên bách thế chi hạ hữu thánh nhân. Thử tâm thử lý mạc bất đồng dã.

宇宙便是吾心；吾心即是宇宙 · 東海有聖人；西海有聖人；千百世之上有聖人；千百世之下有聖人 · 此人此理莫不同也 ·

Xem mấy câu nói trên ấy thời học thuyết của thầy chủ trương "tâm tức lý" đã manh nha từ lúc ấy. Ngày sau thầy bỏ quan về làm nhà ở núi Vân Đài, chuyên đem học thuyết "tâm tức lý" của mình giảng giải cho học trò bốn phương nghe.

Thầy có câu thường nói rằng :

Học giả nếu minh bạch được "tâm tức lý" thời 6 pho sách Kinh thầy làm bản chú thích của mình mà thôi (學者知本六經，皆我註腳).

Niên hiệu thứ hai đời Thuần Hy, thầy 37 tuổi, thầy với thầy Chu hội nhau ở Nga Hồ Tự (鵝湖寺). Lúc ấy có những người đại học giả ở trong đời như thầy Đông Lai, thầy Thoa Sơn, thầy Phục Trai, tất thảy dự hội, toan giải quyết vấn đề học thuyết Chu, Lục khác nhau; nhưng kết quả thời hai nhà không thể nào nhất trí được. Đoạn rồi, cách 6 năm, thầy 43 tuổi, qua thăm thầy Chu ở phủ Nam Khang, thầy Chu hoan hỷ phi thường, mời thầy tới Bạch Lộc Động thư viện, giảng sách ***Luận Ngữ***, chương "*Quân tử dụ u nghĩa, tiểu nhân dụ u lợi*". Giảng xong rồi, thầy Chu đứng dậy từ tạ, thầy có câu nói rằng :

Kim nhật học giả chỉ độc thư, chỉ thị giải tự nhi dĩ, cánh bất cầu huyết mạch.

今日學者之讀書，只是解字而已，更不求血脈.

Học trò ngày nay đọc sách, chỉ là cắt nghĩa từng chữ mà thôi, không nghiên cứu đến huyết mạch ở trong câu sách.

Học thuyết Chu, Lục khác nhau, vấn đề này muốn phẫu tích cho ra, tất phải chờ pho ***Triết học sử***, bởi vì vấn đề ấy, hoàn tuyền thuộc về triết học, nay chỉ nói lược qua đại khái :

Thầy Chu chú trọng về phần "đạo vấn học"; thầy Lục chú trọng về phần "tôn đức tính". Thầy Chu dạy người "cùng lý độc thư"; thầy Lục dạy người chuyên về "tồn tâm dưỡng tính", chẳng cần "độc thư". Thầy Chu kiêm cả thuyết "duy tâm" với "duy vật", nên chú trọng "cách vật". Thầy Lục thời thiên trọng về thuyết "duy tâm". Học thuyết thầy Chu có ý

tương tự với khoa học; học thuyết thầy Lục có ý tương tự với Phật học. Nhưng bàn về nhân cách và tính chất của hai thầy thời thầy Chu phảng phất đức Khổng; thầy Lục phảng phất thầy Mạnh.

Ở trên đám hội Nga Hồ, khi hai thầy từ biệt nhau, có hai bài thơ thuật hoài, xin biên vào đây cũng biết được khí tượng hai thầy khác nhau.

Thơ thầy Lục rằng (1) :

Khư mộ hưng ai tông miếu khâm,
Tư nhân thiên cổ bất ma tâm.
Quyên lưu tích chí thương lương thủy,
Quyền thạch sùng thành hoa Thái sầm.
Dị giản công phu chung cửu đại,
Chi ly sự nghiệp cánh phù trầm.
Dục tri tự hạ thăng cao xứ,
Chân ngụy tiên tu biện chỉ câm.

德業風流夙所欽，
別離三載更關心．
偶扶藜杖出寒谷，
又枉藍輿度遠岑．
舊學商量加邃密，
新知培養轉深沈．
卻愁說到無言處，
不信人間有古今．

Thơ thầy Chu rằng :

Đức nghiệp phong lưu túc sở khâm,
Biệt ly tam tải cánh quan tâm.

(1) Không thấy bài dịch của cụ Sào Nam

Ngẫu phù lê trượng xuất Hàn cốc,
Hựu uổng lam dư độ viễn sầm.
Cựu học thương lương gia thúy mật,
Tân tri bồi dưỡng chuyển thâm trầm.
Khước sầu thuyết đáo vô ngôn xứ,
Bất tín nhân gian hữu cổ câm.
德業風流夙所欽，
別離三載更關心．
偶扶藜杖出寒谷，
又枉藍輿度遠岑．
舊學商量加邃密，
新知培養轉深沈．
卻愁說到無言處，
不信人間有古今．

Dịch :

Đức nghiệp phong lưu dễ mấy ông,
Trót ba năm vắng biết bao lòng !
Gậy lê ra cốc tình cờ nhịp,
Kiệu trúc qua đèo quí hóa công.
Học đắp nền xưa khuôn nhặt cũ,
Cây vun chồi mới gốc từ trong.
Hỡi ai nói đến văn không chữ,
Rằng có xưa nay, mới lạ lùng !

("Lê trượng" là gậy ông già kẻ quê - "Lam dư" là kiệu mây hoặc tre).

Xem hai bài thờ như trên, giọng thơ thấy Lục quá lộ khuê giác mà thơ thấy Chu uyển nhã hàm súc, câu thứ 5, thứ 6 nói đủ cả hai phương diện : học vấn cũ nên thương lương; càng thương lương càng thêm thúy mật, tức là ý như câu "ôn cố nhi tri tân". Tri thức mới lại nên bồi dưỡng; nhưng công

phu bồi dưỡng chẳng phải lòe loẹt mà được, tất phải có một cách thâm trầm, có ý như câu "yên nhi hậu năng lự, lự nhi hậu nang đắc". Chỉ hai câu thơ ấy cũng đủ nhận ra được học thuyết thầy Hối Am rất hợp với nguyên tắc của đức Khổng. Nếu chỉ chuyên vào mặt chủ quan độc đoán mà bỏ về mặt khách quan nghiên cứu như học thuyết Lục Tượng Sơn, e sập vào tệ bệnh "duy ngã độc tôn". Chúng ta phải phân biệt về chốn ấy.

Nam Tống học phái, ngoài hai nhà Chu, Lục, lại có một phái nữa tức là Vĩnh gia học phái. Phái này có hai người lĩnh tụ : Trần Long Xuyên, tên Lượng, tự Đồng Phủ; Diệp Thủy Tâm, tên Thích, tự Chính Tắc.

Phái học này đứng giữa khoảng Chu, Lục đắp riêng một tường bích, chuyên chú trọng về học kinh tế công lợi. Trần có bản ***Long Xuyên văn tập*** (30 quyển); Diệp có bản ***Thủy Tâm văn tập*** (29 quyển), ***Tập học kỷ ngôn*** (50 ngôn). Óc kinh tế công lợi, Trần, Diệp in như nhau, nhưng họ Diệp càng nồng hậu lắm. Tư tưởng họ Diệp nhiều chốn chúng ta nên để ý. Diệp chuyên chú lực về sự công, cực lực công kích học Trình, Chu; đối với sách xưa, chuyên trọng ***Kinh Thư*** và ***Chu Lễ***.

Diệp nói rằng :

"Mục đích Thánh hiền đời xưa chỉ ở nơi quốc lợi dân phúc, nói những tâm, những tính, những lý gì, chỉ là Tử Tư, Mạnh Tử bày dạt ra. Chân truyền của đức Khổng chỉ có ***Chu Lễ Thượng Thư*** là đích xác".

Diệp lại có nói rằng :

"Sách ***Chu quan*** nói chữ "dạo" thời kiêm tôn trọng phần nghệ. Kinh vàn có câu : "Nho dĩ dạo đắc dân". Mà dạo kiêm cả lục đức, lục hạnh, lục nghệ "lục đức" là trí (智), nhân (仁), thánh (聖), nghĩa (義), trung (中), hòa (和); "lục hạnh" là hiếu (孝), hữu (友), mục (睦), nhân (仁), nhâm (任), tuất (恤); "lục nghệ" là lễ (禮), nhạc (樂), xạ (射), ngự (御), thư (書), số (數). Đạo đời xưa chẳng bao giờ ra ngoài thực dụng, lục nghệ tức là đạo đời xưa".

Diệp lại chú trọng về mặt sử học, chuyên lấy cặp mắt xem sử mà phê bình người đời xưa với sách đời xưa. Diệp đối với Tiên hiền Tiên nho chỉ bội phục đức Khổng , ngoài ra thảy công kích ráo.

Diệp có nói rằng :

孔子言道，尤為著明。

Còn như Chu, Trương, Trình, Chu thảy là trộn pha với Lão, Phật.

Tác giả không dám nhận phái Vĩnh gia chẳng phải là Khổng phái, nhưng chuyên về mặt công lợi mà bác luôn hết Trình, Chu thời tác giả quyết chẳng tán thành. Chỉ duy bàn đến phương diện học vấn mà có bộ óc độc lập chẳng chịu nô lệ với cổ nhân thời chúng ta cũng nên bội phục.

Phái học này chuyển qua Nhật Bổn, có sản xuất hai nhà đại nho : một là Y Đảng Nhân Trai, người Nhật Bổn gọi bằng Quật Hà học phái; hai là Vật Tổ Lai, người Nhật Bổn gọi bằng Huyên Viên học phái. Hai nhà này cũng là thừa tiếp phái Vĩnh gia mà phản đối Chu Tử.

Khổng học phái ở Nam Tống, đến Vĩnh gia là cùng. Nhưng đến lúc Tống vong, giặc Mông Cổ diệt Tống, lập nên triều Nguyên, lúc đó có vài vị danh nhân vừa đạo đức, vừa khí tiết, vừa văn chương, cũng đáng xưng làm con nòi Khổng học, trích biên lấy hai người : một là Văn Văn Sơn, hai là Tạ Phương Đắc.

Văn Văn Sơn : Họ Văn, tên Thiên Tường, tự Tống Thụy. Nguyên con nhà giàu, đỗ Trạng nguyên, gặp nạn nước mất, tự tan sạch gia tài, chiêu mộ quân lính đánh với giặc Nguyên gần 10 năm, sau binh thua bị bắt.

Nguyên Thế Tổ muốn thu phục lòng người Trung Quốc, có dỗ ông; bảo ông chịu hàng Nguyên thì cho làm Tể tướng, nhưng ông thủy chung bất khuất, bị tù ở ngục Yên Kinh 3 năm. Khi ông ở trong ngục làm nhiều thi văn hay, thứ nhất là bài *Chính Khí ca*, hiện đời bây giờ còn truyền tụng. Khi ông lâm hình, thấy ở trong dai áo ông có để bài tán rằng :

Khổng viết : Thành nhân, Mạnh viết : Thủ nghĩa; duy kỳ nghĩa tận. sở dĩ nhân chí. Độc thánh hiền thư, sở học hà sự; nhi kim nhi hậu, thứ cơ vô quý

孔曰：成仁，孟曰：取義；惟其義盡，所以仁至；讀聖賢書，所學何事；而今而後，庶幾無愧。

Tạ Diệp Sơn : Họ Tạ, tên Phương Đắc, tự là Quan Trực, nguyên đậu Tấn sĩ, tầng làm quan đến Tri Tín Châu (知信州). Hồi Tống mất nước, cũng khởi binh đánh Nguyên như Văn Thiên Tường; sau bình bại rồi, về nhà ở ẩn trong núi. Vua Nguyên nhiều lần trưng triệu, ông không chịu ra. Vua bắt quan sở tại địa phương ép đưa vào triều. Đi đến nửa đàng, tuyệt thực mà chết. Sách sử có chép những bài văn tứ sinh của ông, trong có câu rằng :

Tống thất cô thần đản khiếm nhất tử

宋室孤臣，但欠一死。

cũng đủ thấy khí tiết của ông rồi. Ông tuy chẳng phải có đặc biệt học thuyết gì, nhưng nhân cách như ông cũng là giòng Khổng học.

Ngoài ra hai người trên ấy, lại còn một người nữa là Trịnh Sở Nam.

Trịnh Sở Nam : Họ Trịnh, tên Trung, biệt hiệu Sở Nam, lại có một biệt hiệu nữa là Tư Tiếu. Nguyên con nhà quan, khi tuổi còn bé đã được bổ Quốc tử giám giám sinh. Vừa dụng mất nước, rất hăng hái về việc phục thù báo quốc. Nguyên đã thống nhất Trung Quốc rồi, nhưng ông còn không biến chí cũ, bôn tẩu khắp Nam Bắc, hô hào đồng chí, nếm hết trăm thức đắng cay, nhưng vì sức cô, giặc lớn, kết quả vô thành. Bao nhiêu tâm sự, thường ký thác ở bức vẽ, câu thơ. Ông hay nghề vẽ bông lan, nhưng từ sau lúc nước mất, chỉ vẽ nửa cây trên, còn nửa cây dưới không vẽ. Người ta hỏi có gì không vẽ gốc ? Ông nói rằng : "Tất thảy đất bị giặc cướp hết, gốc lan còn đứng vào đâu !". Trót một đời người không lấy vợ, bỏ nhà không ở. Khi gần chết, thu thập hết

thấy thi văn bỏ vào trong một cái hòm sắt gieo xuống dưới giếng sâu, không cho ai biết. Đoạn rồi, từ đó tự để lấy thần vị mình rằng : "Đại Tống bất trung bất hiếu Trịnh Sở Nam" (大宋不忠不孝鄭所南!). Thung dung mặc áo đội mão, trông phía Nam khóc lạy rồi chết. Ngày sau, triều nhà Minh đánh được Nguyên, khôi phục Trung Quốc, người ta tu lý giếng cũ mới phát hiện được hòm sắt, mở hòm ra xem thời trong có tập thi văn, để rằng : "Mộc thiên thất cư sĩ Trịnh Sở Nam duy tập". Thanh nho để làm ***Trịnh Sở Nam tâm sử***.

Trích biên mấy câu trong tập ấy như dưới này :

Thơ vịnh Hoa cúc :

Ninh khả chi đầu bão hương tử.
寧可枝頭抱香死，

Bất tằng phiêu lạc bắc phong trung.
不曾飄落北風中。

Thơ thuật hoài :

Nhật cận vọng do kiến,
日近望猶見，

Thiên cao vấn khởi tri;
天高問豈知。

Triêu triêu hướng nam bái,
朝朝向南拜，

Nguyện đổ hán tinh kỳ.
願睹漢旌旗。

Thơ để bích :

Bất tri kim nhật nguyệt.
不知今日月，

Đản mộng Tống sơn xuyên.
但夢宋山川。

Tuyển tập nhiều lắm, không thể biên hết, nhưng đọc mấy câu trên ấy cũng thấy được nhân cách của một người trong giòng Khổng học.

Tiết thứ 2

Khổng học phái ở triều Nguyên

Đương lúc huyền hoàng đổi sắc, beo cọp ăn người, chính là ách vận của Khổng học. Vậy nên trong khoảng Tống mất, Nguyên lên, ở thì đại ẩy, Khổng học phải tiêu điều trầm tịch. May có được một vài người gọi là ngọn đèn ở giữa vùng hắc ám, chứ so với thái dương bắc đẩu, thực không gì bằng !

Khổng học trổi nhất ở đời Nguyên, chỉ có hai người : một là Hứa Lỗ Trai; hai là Ngô Thảo Lô.

Hứa Lỗ Trai

Họ Hứa, tên Hành, tự là trọng Bình, hiệu Lỗ Trai, sanh lúc Tống đã gần mất nước. Trẻ ham học, thường nhiều câu hỏi thầy không trả lời xong. Sau lúc đã thành nhân, gặp thiên hạ tao loạn, tiếng học vắng tanh, nhưng Hứa không bỏ nghề đọc sách; đóng cửa dạy học trò. Đoạn rồi, gặp được thầy Diêu Xu mới tìm được mối học của Trình, Chu, chuyên theo

tiểu học bước lên, dụng công từ "sái" (洒), "tảo" (掃), "ứng" (應), "đối" (對), sẽ đưa vào cửa đại học, gần xa nghe tiếng, học trò theo rất đông. Nguyên Thế Tông nghe tiếng, rước vào làm Quốc tử Tế tửu. Có làm pho *Lỗ Trai toàn thư* (7 quyển); trong ấy phần nhiều thuộc về bộ phận triết học. Nay chỉ biên những câu cần thiết với chúng ta :

Vi học giả trị sanh tối vi cấp vụ. Cẩu sanh lý bất túc, tắc vi học chi đạo đang hữu sở phương. Bỉ bàng cầu vọng tấn giả, cập vi quan thị lợi giả, kỳ diệc quẫn ư sanh lý chi sở trí dã. Quân tử đang dĩ vụ nông vi sanh; thương cổ tuy trục mạt, diệc khả vi dã, quả xử chi, bất thất nghĩa lý, diệc vô bất khả. Nhược giáo học vi quan dĩ qui đồ sanh kế, tắc khủng phi cổ nhân ý dã.

為學者治生最為急務，苟生理不足，則為學之道當有所妨．彼旁求妄進者，及為官嗜利者，其亦實於生理所致也．君子當以務農為生，商賈雖逐末，亦可為也；果處之，不失義理，亦無不可．若教學為官以規圖生計，則恐非古人意也．

Người làm học, trước cần cấp là việc trị sanh. Nếu sự sống chẳng xong, tất có hại đường lối làm học. Kìa những người chạy càn đi tát và làm quan tham tiền, cũng vì sanh lý quẫn bách mà đến thế. Vậy lối học của quân tử nên chú trọng ở việc nông. Dầu nghề buôn bán, tuy là nghề trục mạt, nhưng nếu ta làm không đến mất nghĩa lý cũng không hề gì.

"Giả như mượn đường dạy học, lối làm quan để tính toan sự sống thời thật chẳng phải ý người đời xưa vậy".

Chúng ta đọc đoạn văn trên ấy, xem qua như hình thiển cận, mà nghĩ kỹ thời thật sâu xa.

Thử nghĩ chúng ta muốn tư tưởng của mình cho được độc lập mà còn phải an nhờ vào của người, đến nỗi phải chun lòn ở dưới chân quyền quí, lạy lục ở trước mặt mấy cụ tanh đồng thời có thể nào mà tư tưởng độc lập được ?

Ở trong các nhà tư tưởng Thái tây, như ông Tolstoi, Rousseau, Wordsworth, cũng thấy chủ trương một tinh thần như Hứa Lỗ Trai. Hứa lại có những câu này, in như khẩu khí Khổng, Mạnh :

Phàm sự hữu lưỡng kiện; hữu do tự kỷ để; hữu bất do tự kỷ để. Do tự kỷ để, hữu nghĩa; bất do tự kỷ để hữu mệnh. Duy hữu qui ư nghĩa mệnh nhi dĩ.

凡事有兩件：有由自己底，有不由自己底．由自己底，有義；不由自己底，有命．唯有歸於義命而已．

Hễ việc ở đời có hai phương diện : có cái do quyền tự mình làm lấy, có cái không do tự quyền mình làm lấy. Cái do quyền tự mình thời đã có nghĩa, mà bổn phận mình phải làm; cái không do quyền tự mình thời đã có mệnh là lý tự nhiên. Làm việc chỉ hữu qui kiết ở "nghĩa", "mệnh" mà thôi.

Lại có câu rằng :

Nhân giả tất khắc kỷ; khắc kỷ tắc công. Công tắc nhân; nhân tắc ái.

仁者則克己；克己則公．公則仁，仁則愛

(Nghĩa "khắc kỷ" đã thích ở *Thượng thiên*).

Ngô Thảo Lô

Họ Ngô, tên Trừng, tự là Ấu Thanh, hiệu Thảo Lô, học thuyết của ông này, chiết trung cả hai thuyết họ Chu, họ Lục. Nhưng chú trọng về mặt tôn đức tánh. Điểm ấy khác với Hứa Lỗ Trai, bởi vì Hứa thời chú trọng ở đạo vấn học, nhưng mà kể Khổng học phái ở triều Nguyên, tất phải nhận Hứa, Ngô là song bích (雙璧).

CHƯƠNG VI

KHỔNG HỌC PHÁI Ở TRIỀU MINH

Tiết thứ 1

Đức Khổng qua đời đã gần 2.000 năm, cách Thánh nhân xa như thế mà còn sản xuất một nhà đại triết học là thầy Vương Dương Minh, chẳng những không thua Trình, Chu, mà e có lẽ tư tưởng cao hơn Trình, Chu nữa ! Nhưng kể đến Vương học, tất nhiên phải nhác qua đến nhà tiền bối dẻ ra Vương.

Thứ nhất là Tiết Kính Hiên, Ngô Khang Trai; thứ nhì là Hồ Kính Trai, Trần Bạch Sa, Lâu Nhất Trai. Vương Dương Minh chính là xuất ư Nhất Trai môn hạ, mở một thế hệ Khổng học ở đời Minh.

Nhưng muốn phê phán cho kỹ càng, phải chờ đến bộ ***Triết học sử***. Đây chỉ biên qua lược truyện của các nhà mà thôi.

Tiết Kính Hiên

Tiết Kính Hiên, họ Tiết, tên Huyên, tự Đức Ôn, hiệu Kính Hiên. Bắt đầu học các sách Chu (Liêm Khê), Trình, sau về lý học, bỏ hết những học cử nghiệp cũ, tự tay chép bản sách ***Tính Lý đại toàn*** (性 理 大 全). Thì nhân thấy tôn xưng là Tiết Phu Tử. Sau làm quan đến Lễ bộ Hữu thị lang kiêm Hàn lâm học sĩ, thường có phen lấy lời trung trực cứu tử tội cho người. Lại có lúc vua triệu đối ở tiền điện, nhân

thấy vua y quan bất chính, không chịu vào. Vua phải đổi y quan mới chịu vào.

Chúng ta xem việc ấy cũng đủ thấy được nhân cách rất cao. Có làm sách ***Độc Thư Lục*** (讀書錄) (11 quyển), sách ***Đạo Luận*** (道論) (3 quyển). Danh ngôn của Tiết có câu rằng :

Thủy thanh tắc kiến hào mao; tâm thanh tắc kiến thiên lý.

水清則見毫毛；心清則見天理。

Ngô Khang Trai

Ngô Khang Trai, họ Ngô, tên Dữ Bật (與弼), tự Tử Phó (子傅), hiệu Khang Trai. Mười chín tuổi, bắt đầu đọc pho sách ***Y Lạc Uyên nguyên lục*** (伊洛淵源錄), nhân quyết chí làm Thánh hiền. Ngô thuở trẻ khí chất rất cương phẩn; đến lúc tự giác mình là quấy, hết sức về công phu khắc kỷ, tính cách khác hẳn thuở xưa, bỏ quách nghề thi cử, tạ tuyệt việc tục. Một mình ở trên cái lầu nhỏ, chăm đọc Kinh, Truyện với ngữ lục chư nho, để thể nghiệm vào thân tâm mình. Suốt hai năm không xuống lầu. Năm 22 tuổi, nhân vì cha làm quan Quốc tử tư nghiệp (司業) nên thường theo cha qua lại Kinh sư. Nhưng thường ăn mặc lam lũ, áo giày xơ xác, người chẳng ai biết là con quan tư nghiệp. Sau về làng, lại siêng cày, ra sức làm ăn, mang tơi vác cày ở giữa mưa gió, thấy trò cặp nhau nói chuyện cổ kim vũ trụ ở giữa ruộng trưa; mở cày về ăn cơm hút và rau đậu, thấy trò nhất thể như nhau. Trần Bạch Sa từ Nam Quảng lại học, ở chung với nhau. Một ngày kia, trời còn chưa rạng, bóng sáng mai còn lờ mờ, thấy Ngô sớm dậy sảy gạo thấy Bạch Sa chưa dậy, thấy kêu to lên rằng : "Làm một người học trò mà lười biếng như thế thời ngày khác lấy gì đến được cửa thầy Y Xuyên, lại lấy gì đến được cửa thầy Mạnh ?".

秀才而若為懶情，則他日何從到伊川門下，又何從到孟子門下。

Lại một ngày kia gặt lúa, lưỡi hái cắt phải ngón tay đau lắm; vừa bỏ hái xuống, chốc tự trách lấy mình rằng : "Há có lẽ chịu thua với ngoại vật" (忽自警曰：何可為物所勝), lại gặt lúa như cũ.

Công khắc kỷ của thầy Ngô Khang Trai đại khái như thế. Thầy chú trọng về mặt thực hành, không để ý về mặt trước tác. Thường bảo : "Bút mực quá rườm thời sở đắc càng ít", nên thầy không một bản gì tự tay làm ra. Thầy chuyên trọng về mặt thực hành, nên những người nhờ thầy un nấu như Hồ Kính Trai, Lâu Nhất Trai, Trần Bạch Sa thảy làm đại nho triều nhà Minh.

Khổng học phái ở Minh triều, tất phải nhận thầy làm mẹ đẻ. Bình thường thầy dạy người, cốt thực hành hai câu ở ***Kinh Dịch*** :

Kính dĩ trực nội; nghĩa dĩ phương ngoại.

敬以直內；義以方外。

Nghĩa là giữ lòng cung kính để cho căn bản ở trong được ngay thẳng; chăm làm việc nghĩa để cho khuôn mẫu ở ngoài được vuông vức.

Hồ Kính Trai

Hồ Kính Trai, họ Hồ, tên Cư Nhân, tự Thúc Tâm, hiệu Kính Trai, học giả gọi bằng Kính Trai tiên sinh. Thầy vừa 20 tuổi đã lập chí học làm Thánh hiền. Khi đến học với thầy Ngô Khang Trai, vứt hẳn nghề khoa cử, làm nhà ở núi Mao Khê, chuyên đọc sách.

Đoạn rồi, muốn cho nhiều nghe, rộng thấy, bắt đầu du lịch đi tỉnh Mân, sang tỉnh Chiết, vào thành Kim Lăng, qua hồ Bành Lệ, hễ đi đến đâu, tất tìm thăm những người có học thức; chẳng bao lâu về làng, chuyên giảng học cho chư sanh. Quan tỉnh với Vương phủ, thầy có mời thầy, thầy cố từ bất tựu, chung thân không làm quan, thanh bần lạc đạo như một vị Thánh. Thầy cư thường nghiêm nghị thanh khổ, mỗi ngày

tất có bản nhật ký, lập sẵn khóa trình, chép hết những điều công, điều quá ở trong một ngày để tự tu tỉnh.

Thầy có câu danh ngôn rằng :

"Nhân nghĩa dĩ nhuận thân, nha tiêm dĩ nhuận ốc, tắc túc hỹ".

仁義以潤身，牙籤以潤屋，則足矣。

"Lấy nhân nghĩa để nhuận thân, lấy sách vở để nhuận ốc thời đời người mình đủ rồi".

("nha tiêm" là cây dùng treo sách).

Sách thầy làm có pho ***Cưnghiệplục*** (居業錄) (8 quyển) ***Văn tập*** (文集) (20 quyển).

Học thuyết của thầy Khang Trai, thầy Kính Trai chủ trương in như một. Đại khái 7 phần dựa vào Minh Đạo, Tượng Sơn (尊德性), 3 phần dựa vào Y Xuyên, Chu Tử (道學問).

Trần Bạch Sa

Trần Bạch Sa, họ Trần, tên Hiến Chương, tự Công Phủ, hiệu Bạch Sa, thân dài 8 thước, mắt sáng như sao, má bên hữu có 7 vít nút ruồi thành ra hình sao Bắc Đẩu. Lúc trẻ, dã dĩnh ngộ phi thường, đọc sách xem qua một lần thời nhớ ngay (讀書一覽輒記).

Thường đọc sách ***Mạnh Tử*** đến câu : **"Dư thiên dân chi tiên giác"** hăng hái nói rằng : "Làm người tất nên như thế" (慨然曰： 為人必當如此). Lúc đầu có đi thi hương đậu cử nhân. Từ lúc đến học với thầy Ngô Khang Trai thời bỏ dứt nghề khoa cử, chuyên ý vào học Thánh hiền. Tịnh tọa ở trong nhà đọc sách, chân không ra khỏi cửa ngõ đến vài năm. Chẳng bao lâu, đạo đức học vấn, tiếng nghe khắp gần xa. Quan Tế Tửu là Hình Nhượng nói với trong triều rằng : "Chân nho phục xuất" (眞儒復出). Quan Bố chánh sứ là Bành Thiều, quan Đô ngự sử là Chu Anh xúm nhau tiến thầy ở triều. Vua nhân triệu thầy vào Kinh, khiến thầy đến Lại bộ thi bổ quan, thầy từ tật không tới, sớ xin cho chung dưỡng.

Cách xuất xử của thầy hoàn toàn một người chân nho. Học thuyết của thầy căn bản ở thầy Chu Liêm Khê, chú trọng nhất là chữ "hư" và chữ "tịnh" :

Hư vi cơ bản, tịnh vi môn hộ; dĩ vũ trụ vi khuông quách, dĩ nhật dụng thường hành phận thù vi công dụng.

虛為基本，靜為門户；以宇宙為匡郭，以日用常行分殊為功用。

Mấy câu này là lời phê bình của Hoàng Tông Hy黃宗羲.

Vương Dương Minh

Khổng học phái đời Minh, từ lúc có pho ***Ngũ Kinh Tứ Thư đại tuyển*** ra đời, dùng bản sách này thi tấn sĩ. Học giả trong thiên hạ, chuyên đem ***Trình, Chu tập chú*** làm mồi cân đai. Ngoài ***Trình, Chu tập chú***, họ chẳng biết một tý gì. Nhưng mà họ há phải say ở Trình, Chu đâu ! chỉ bốn chữ "thăng quan phát tài" là mục đích của họ. Khổng học đến bây giờ thành ra một đám đồng cỏ rậm. Ở trong đám đồng hoang cỏ rậm ấy mà mở ra một đường lối quang minh, gieo vào một hạt mộng tân tiên tốt đẹp, khiến cho Khổng học lại rực rỡ tinh thần, thiệt phải qui công cho người khẩn hoang và gieo mộng.

Người ấy là ai ?

Tức thầy Vương Dương Minh. Thầy chẳng những học lý đã tinh, mà võ công cũng trổi. Kể học thuyết thời "tri hành nhất trí" (知行一致); kể sự nghiệp thời "văn võ song tuyển". Thiệt là một người con đích phái thừa tự ở trong Khổng học.

Thầy, họ Vương, tên Thủ Nhân, tự Bá Án, hiệu Dương Minh, con quan Lại bộ Thượng thư Vương Hoa.

Lúc trẻ tuổi hào mại bất kỳ, nhưng lại hay trầm tư mặc tưởng. Năm 17 tuổi, đương đi chơi xa, cha gọi về cưới vợ, vừa đi đến Thiết Trụ Cung gặp một người đạo sĩ đương ngồi giữa đường, thầy nhân hỏi đạo "dưỡng sinh", đắc ý ngồi nói hoài, quên quách đêm ấy là đêm cưới vợ. Tính cách kỳ dị như thế !

Năm 21 tuổi, đậu thi Hương ở tỉnh Chiết Giang. Năm ấy bắt đầu nghe được học cách vật của Tống nho mới phát phẫn tìm khắp sách Thánh hiền, nghiên cứu quá cần, đến nỗi phát bệnh. Tính cách hiếu học lại như thế !

Nhưng lúc ấy còn pha vào học khoa cử. Năm 28 tuổi, đậu Nhị giáp Tấn sĩ. Năm 35 tuổi, vì làm quan chủ sự, dâng sớ dàn hạch gian thần là Lưu Cẩn, trái ý vua, phải vào ngục, bị đình trượng 40, lại phải đày ra Quí Châu, coi việc kiện ở Long Trường Dịch. Nhưng tên Cẩn còn tức giận thầy, muốn thầy chết mới thôi. Diên đổ sai thích khách đón thầy đến mấy lớp. Thầy nếm vô số cay đắng gian nan mới may đến được Long Trường ba năm, ăn ngủ với lam yên, chướng khí, xuất sanh nhập tử nhiều lần.

Thầy có câu nói :

Trung tín vi phúc, đạo nghĩa vi cát.

忠信為福，道義為吉。

Chính là nói ở hồi đó. Sau ba năm, Lưu Cẩn bị tội chết, thầy mới được ân xá hồi triều.

Tuy nhiên, học vấn nhân cách của thầy, sở dĩ bồi dưỡng được cao sâu, đào thành được lão luyện, là nhờ ở ba năm nguy hiểm trước kia.

Câu "Ưu thích dung ngọc nhữ ư thành" **憂戚庸玉汝於成** của thầy Trương, thiệt là kỳ nghiệm.

Khi thầy đã về triều, vừa gặp nhịp thầy phát triển tài năng, đánh dẹp được nhiều đám giặc lớn, như giặc Nam Cống (**南贛**), giặc Đinh Chương (**汀漳**), giặc Hoành Thủy (**橫水**), giặc Thống Cương (**桶岡**), giặc Tam Lợi (**三利**), thảy trong tay thầy dẹp sạch. Lại có Thần Hào (**宸濠**) làm loạn lớn, thầy cũng dẹp an. Quân công rất lớn, được phong Tân kiến bá. Đoạn rồi, bọn gian thần ghen ghét, thầy phải bỏ quan. Đến năm 50 tuổi, thời học thuyết mới của thầy chói dọi như sao hôm xuất hiện. Anh tài ở bốn bể xúm nhóm ở cửa thầy.

Năm 56 tuổi, vua sai đi đánh giặc Tư Điển (**思田**), lúc ấy, bệnh thế nặng hung, nhưng vì mệnh vua, phải gắng bệnh

ra đi. Qua năm sau, thầy mất ở chốn dánh giặc. Khi thầy lâm chung, môn nhân cầu lời nói trối, thầy cười mỉm rằng :

Thử tâm quang minh, diệc phục hà ngôn.

此心光明，亦復何言。

Nói rồi tức khắc thoát hóa.

Thầy sanh ở năm 1472 Tây lịch, mất ở năm 1528, thọ 57 tuổi.

Đọc tuyển lịch sử của thầy, rất kỳ dị là khí chất biến hóa trải 5 lần : Lúc đầu ham tập làm "Nhậm hiệp" (任俠); thứ hai xoay tập làm "Kỵ xạ" (騎射); thứ ba ham tập làm "Từ chương" (辭章); thứ tư ham học sách "Thần tiên" (神仙); thứ năm lại xoay vào học nhà Phật (佛學). Đến năm niên hiệu Chính Đức đời nhà Minh, thầy 36 tuổi, duyệt lịch vô số nhiều, thể nghiệm vô số kỹ, mới xác định qui kiết vào Khổng học. Nhưng ở trong Khổng học, thầy dựng riêng một ngọn cờ độc lập, không y phụ với Trình, Chu; điều đó chúng ta thiệt rất nên sùng bái.

Thầy chẳng những biến hóa khí chất rất mạnh, mà lại bộ óc tư tưởng thoát hết lối hủ của nhà nho.

Sách thầy có pho ***Dương Minh tuyển tập*** (38 quyển). Tựu trung có bản ***Truyền tập lục*** là tinh tủy của học thuyết thầy. Bản sách này chưa phải là triết học sử, nên xin lược biên đại khái như dưới :

Tri hành hợp nhất luận.

知行合一論。

Xưa nay các nhà học hay chia "tri và hành" làm hai đường (trí tri và lực hành), đến thầy Dương Minh mới xướng thuyết "tri hành hợp nhất".

Thầy nói rằng :

"Hễ tri lúc nào tức là hành lúc ấy. Duy có hành mới chứng nghiệm được tri; nếu không tri, lấy gì mà hành ? Nếu không hành, lấy gì gọi bằng tri ? Tri hành không thể chia làm hai đường được, nên thầy chủ trương "tri hành" hợp làm một.

Thầy có một đoạn thuyết minh bằng thí dụ rất rõ. Thầy lấy hai câu 如好好色，如惡惡臭) trong ***Đại Học*** cắt nghĩa cho ta nghe rằng : Tỷ như thấy sắc đẹp mà biết nó là sắc đẹp, đó là "tri"; nhưng ở trong lúc thấy sắc đẹp tức khắc dã ham liền, đó là "hành". Lại như nghe mùi thúi mà biết nó là thúi, đó là "tri", nhưng trong lúc nghe mùi thúi tức khắc dã ghét liền, đó là "hành". Giả như thấy sắc tốt mà không ham, nghe ác xú mà không ghét, là vì không biết đẹp, không biết thúi, đủ chứng được không "tri" thời không "hành". Chứ như biết đẹp thời háo ngay, biết xấu thời ố ngay, chẳng phải là "tri hành" cập với nhau hay sao ?

Giả như "tri hành" chia làm 2 đường : há có lẽ mắt thấy đẹp, mũi nghe thúi, ra một lúc mà ham đẹp, ghét thúi lại ra một thì gian khác ư ?

Xem đoạn thí dụ trên ấy, thời thuyết "tri hành hợp nhất", chúng ta quyết phải thừa nhận.

Thầy lại có câu nói rằng :

Tri, thị hành đích chủ ý; hành. thị tri đích công phu. Tri, thị hành chi thủy; hành, thị tri chi thành.

知，是行的主意；行，是知的工夫．知是行之始；行是知之成．

"Tri" là chủ ý để mà thành; "hành" là công phu thực hiện "tri". "Tri" là bắt đầu vào "hành"; "hành" là kết quả của "tri". Đó lại là ý nghĩa "tri hành nhất quán".

Học trò thầy có hai người : Tiền Tự Sơn (錢緒山), Vương Long Khê (王龍溪). Nhân lúc thầy xuất phát đánh giặc Tư Điền, hai người sợ thầy đi xa, đem ý kiến học thuyết của mình cầu thầy phê phán. Thầy lúc ấy, vừa đau nặng, vừa rối việc quân, nhưng cũng chiều lòng học trò, cố gắng ngồi ở trên cầu Thiên Tuyền (天泉) nghe hai người nói cho hết lời mà thầy chỉ cho chốn còn thiếu. Đó chính là tinh thần "hối nhân bất quyện" của đức Khổng.

Ở trong bản ***Tuyển Thư*** có chép đoạn "Thiên tuyền chứng đạo vấn đáp" (天泉證道問答).

Nay không thể biên được hết, trích biên bốn câu :

Vô thiện vô ác, thị tâm chi thể; hữu thiện hữu ác, thị ý chi động. Tri thiện tri ác, thị lương tri; vi thiện khử ác, thị cách vật.

無善無惡，是心之體；有善有惡，是意之動；知善知惡，是良知；為善去惡，是格物。（錢緒山之言）.

Nói tóm lại, học thuyết thầy Dương Minh, hoàn tuyền thuộc về Duy tâm luận, phất phưởng như nhà triết học của Âu Tây là Tô Cách Lạp Để (**Socrates**). Nhưng mà theo về Khổng học, thời tiếp thụ lấy nghĩa lương tri lương năng của thầy Mạnh rất nhiều. Thầy tuy phản đối Chu Tử, nhưng chẳng phải tuyệt đối phản đối. Thầy có biên một bản, trích cử 34 điều ở trong văn tập thầy Chu, thầy nhận làm in như ý kiến của thầy. Đó cũng thấy được tinh thần "hòa nhi bất đồng" của quân tử.

Các cao đệ của Vương môn

Học trò thầy Dương Minh, có 4 người :

Vương Long Khê, Tiền Tự Sơn, Vương Tâm Trai, La Chỉnh Am.

Họ Vương, họ Tiền, thầy là người giúp dỡ cho thầy Dương Minh phát huy học thuyết dẫn tấn hậu sanh.

1)- **Vương Long Khê** ở sau khi thầy mất rồi, hết sức phát triển Vương học. Người đời cho là Nhan Uyên ở Vương môn. Vương có câu rằng :

"Nhất thiết thế tình thị dục của chúng ta, thảy ở ý sanh ra, tâm vẫn là rất lành; ý động mới chẳng lành"

吾人一切世情嗜欲皆從意生．心本至善，意動始有不善．

Mấy câu này rất hợp với chữ "vô ý" của đức Khổng.

2)- **Tiền Tự Sơn** cũng lưu truyền Vương học hết sức, nhưng tư tưởng có khác với Long Khê, chuyên chú ý về mặt thực tiễn, từng làm quan Hình bộ viên ngoại lang. Vì hạch 10 tội Võ Đình Hầu, nên phải xuống ngục. Nhưng ở trong ngục vẫn cứ giảng ***Kinh Dịch*** không tí buồn sợ.

3)- **Vương Tâm Trai**, tên Cấn, tự Nhữ Chỉ. Nguyên thuở trẻ nhà nghèo không đi học được, theo cha đi buôn ở Sơn Đông; chỉ có biết mặt chữ ít nhiều, thường nhét sách ***Luận Ngữ, Hiếu Kinh, Đại Học*** ở trong túi; hễ gặp người thông nho, thời kéo sách ra hỏi. Hỏi được từng nào, ghi lấy từng ấy; kết quả chỉ học lấy một mình mà nên. Cách học vấn như Vương, thiệt là xưa nay hiếm có !

Đến năm 38 tuổi, sanh hoạt đã đủ, mới đến học với thầy Dương Minh. Nhưng lúc đầu mới đến, không chịu tự nhận mình là học trò; lên ngồi ngôi khách, đem lối học cách vật của mình biện nạn với thầy Dương Minh rất lâu, bấy giờ mới có ý chiếc phục, xin chịu làm đệ tử. Nhưng vì anh khí còn quá thịnh, chốc lại tự hối, xin cho biện luận lại. Thầy Dương Minh cũng ừ cho, Vương lại cứ lên ngồi ngôi khách như trước, biện bác rất lâu, nhưng không thể nào đánh đổ được Dương Minh, lúc ấy mới đại phục, xin làm đệ tử thầy Dương Minh.

Chí khí và hành vi lạ lùng như thế, sở dĩ thầy Dương Minh cũng kính phục lắm !

Thầy Dương Minh thường nói với học trò rằng : "Lúc xưa ta bát giặc Thần Hào, ta không một tý gì kinh động; nay phải kinh động với người ấy. Đấy mới thật là người học làm Thánh nhân đó vậy".

吾最擒宸濠時，一無所動；今卻為斯人所動，此眞學聖人者也。

Sau thầy Dương Minh qua đời, người ta thường xưng rằng : Ở trong Vương môn, trỗi nhất là nhị Vương (Long Khê, Tâm Trai). Có bản sách ***Vương Tâm Trai tuyển tập***.

Học thuyết của Tâm Trai rất hữu danh là "Cách vật thuyết".

Nguyên hai chữ "cách vật" ở sách ***Đại Học***, không theo nghĩa Chu Tử. "Cách vật là cùng lý" không theo nghĩa Dương Minh "Cách vật là chính tâm". Vương giảng chữ "cách" như là nghĩa chữ "cách thức", có ý nghĩa chữ "hiệt củ", nghĩa là trước làm mực thước giữa thân mình cho chính, sẽ chính được cả mực thước của thiên hạ, quốc gia. "Tâm, thân, gia, quốc, thiên hạ", thảy là "vật"; do lường được mực thước cho chính tề, tức là "cách"; nghĩa này rất mới, cải cả "Duy tâm luận" của Dương Minh.

Học giả đời sau, như Lưu Trấp Sơn, Tuyển Tổ Vọng, Y Đàng Nhân Trai, thảy cho hai chữ "cách vật" như nghĩa Vương.

4)- **La Chỉnh Am**, họ La, tên Khâm Thuận, tự Doãn Thăng, hiệu Chỉnh Am. La từng đồng thi với Dương Minh làm quan đến Quốc tử Tư nghiệp. Đạo đức học vấn lúc ấy rất tốt, vì nhờ được thầy. Nhưng vì thằng Lưu Cẩn ghét, bị đoạt chức vi dân. Thằng Cẩn chết rồi, thầy được phục chức quan để Lại bộ Thượng thơ, chẳng bao lâu từ quan trí sĩ.

Sách La làm có bản "Chỉnh Am tồn cảo" " 整菴存稿 " (20 quyển); "Khốn tri ký" " 困知記 " (9 quyển).

Học thuyết của La bát đầu xây dựng về Phật học.

Sách "Minh Nho học án" " 明儒學案 " có chép rằng : Một ngày kia La đến Kinh sư, gặp một ông Tăng già, hỏi Phật ở đâu ? Tăng nói : Phật ở hột trái cây bá trước sân (佛在庭前柏樹子) tức là "bá tử nhân"

(Câu này nguyên Triệu Chu hòa thượng nói ra, nguyên ý nói lòng nhân tức là Phật, mà cũng là tâm tức là Phật. Hạt trái ở trong lòng trái, gọi bằng nhân, nên nói rằng "Phật tại đình tiền bá thụ tử", ý chỉ có ba chữ "Phật tại tâm").

La cảm động hung, ngẫn nghĩ từ đêm suốt sáng, thột nhiên tỉnh ngộ, cho là chí kỳ chí diệu. Lúc bây giờ mới nghiên cứu Phật lý. Con nhà nho mà thông thấu Phật học, chỉ duy ông này. Rồi sau lại tham khảo hết các học thuyết Trình, Chu, Lục, Vương, nhưng La rất bội phục thuyết "lý nhất phận thủ" của Trương Tử.

La tuy thâm thấu Phật học, nhưng cuối cùng qui túc vào nho học. Đối với học thuyết Lục Tượng Sơn, Vương Dương Minh, La không chịu khuất phục. Sách La làm có bài "Lý nhất phận thù thuyết", phát huy nguyên ý của thầy Trương Hoành Cừ rất là tinh tế. Chờ bộ ***Triết học sử*** sẽ biên kỹ. Tổng chi Trình, Chu học phái ở đời Minh phải lấy La Chỉnh Am làm lĩnh tụ.

Lưu Trấp Sơn

Khổng học phái ở đời Minh đến năm thứ 6 hiệu Vạn Lịch vua Thần Tông, đương Tây lịch năm 1578, sản xuất một người, khiến cho Khổng học may khỏi tuyệt tự, mà lại là người chết theo nước, chính là thầy Lưu Trấp Sơn.

Họ Lưu, tên Tống Chu, tự Khải Đông, hiệu Niệm Đài, nguyên người ở phủ Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang. 24 tuổi đậu tấn sĩ. Vừa đậu, liền dâng sớ xin tha tội cho Đông Lâm danh sĩ, mà tự mình thời xin về làng ẩn cư, nhưng chẳng bao lâu bị triều đình kéo ra làm Lễ bộ chủ sự. Vừa vào triều, liền đàn hạc Ngụy Trung Hiền là một đứa tiểu nhân rất thần thế ở buổi ấy. Chí khí cương liệt được như thế, thiệt chẳng mấy ai ! Sau làm quan đến Tả đô Ngự sử, hết sức đau đời thương nước, làm rất nhiều tấu sớ đàn hạc gian thần, chỉ trích tệ chính, vãn cứu suy vận cho nước nhà; nhưng khổ vì vận đời suy quá, triều đấy tứ hung (四凶), tiếng đờn không thể lọt vào tai trâu. Đến năm thứ hai hiệu Sùng Trinh, bỏ quan về nhà, đóng cửa tối ngày, tạ tuyệt tục khách, chuyên một mặt về luyện tính tu tâm. Nhưng vì học trò gần xa xúm nhau lại xin thầy dạy, bất đắc dĩ phải thiết giảng đàn ở Trấp Sơn thư viện, môn nhân kể đến nghìn người.

Lúc ấy thầy chuyên lấy thận độc tu thân và giảng học làm việc duy nhất. Nhưng không thể nào quên được việc nước, thấy "gian nhân đắc chí, quốc sự nhật phi" (日非), lại hăng hái dâng thư xin đuổi gian thần, trừ tệ chính, nhưng kết quả cũng chẳng ai nghe.

Tháng 6 năm đầu hiệu Hoàng Nguyên đời Phúc Vương, đột nhiên nghe được tin Sử Khả Pháp chiến tử, Phúc Vương bị giặc bắt. Quốc biến đến thế, khiến cho thầy tuyệt thực hơn 20 ngày, đồng mất với giang sơn triều Minh, lúc ấy thầy 68 tuổi.

Sách thầy làm có bộ "Lưu tử toàn thư" " 劉子全書 " (40 quyển).

Thầy lúc trẻ học với Hứa Phu Viễn, nghe được câu "Tồn thiên lý, khử nhân dục" " 存天理，去人欲 " của Vương Dương Minh, rất là tâm đắc. Lại qua yết Đông Lâm danh sĩ là Cao Phan Long, bàn bạc cùng nhau chép thiên "Vấn học". Đức nghiệp của một đời thầy manh nha từ đó. Thầy sanh bình thao thủ rất cẩn nghiêm, công phu thận độc chẳng bao giờ ngớt, thiệt một người nhân cách rất cao ở cuối đời Minh.

Thầy có vẽ một bản đồ, phụ vào lời thuyết minh, gọi bằng "độc thể đồ thuyết".

Đồ trên



Thầy thuyết minh rằng : Thể trời không một phút nào chẳng vận hành, nhưng đến chốn rún ở chính giữa thời vạn cổ thường đứng một chốn. Chốn thường đứng đó tức là "tịnh". Tâm người ta ở lúc hỷ, nộ, ai, lạc chi vị phát tức là độc thể. Độc thể in như thể trời.

Đồ dưới



Thầy thuyết minh rằng : tiểu nhân cũng có cái độc thể ấy, nhưng vì vật dục quá nhiều : khi đã đồng thời bát phương tứ diện lung tung, ngựa ý, hươu lòng không chút đỉnh an lặng; động mãi đến nỗi tâm chết, nên khi tịnh chỉ thời in như cây khô tro lạnh; tượng như hình đồ trên đó.

Hai hình đồ trên là nhân chữ "độc" ở trong ***Đại Học, Trung Dung***, mà thầy phát huy ra làm thuyết này.

Lấy chữ "độc" thay chữ "tâm", cho "tâm thể" là "độc thể". Xem như câu "Giới thận hồ kỳ sở bất đổ, khủng cụ hồ kỳ sở bất văn", thời biết rằng nghĩa chữ "độc" tức là "tâm" rất tinh đáng.

Thầy có bản sách ***Nhân cực đồ thuyết*** và bản ***Chứng nhân yếu chỉ*** rất có giá trị ở trong ***Triết Học***, chờ bản ***Triết học sử*** sẽ bàn kỹ.

Tóm lại, học phái thầy Chu Hối Am đến cuối Tống đầu Nguyên thành ra không hư vô dụng. Học phái thầy Vương Dương Minh, đến mạt lộ đời Minh thành ra phóng dật " 放逸 ", tự tứ " 自恣 ". May có thầy Lưu Trấp Sơn, tư tưởng đã cao siêu vừa khít nhặt, công học vấn lại vừa xác thực vừa thuần túy : phía trong thời chủ trì "thận độc", phía ngoài thời chủ trì "tiết nghĩa", toan chấn hưng sĩ khí, khích lệ nhân tâm, thiệt đích đáng là con dòng Khổng học. Chẳng may nước đổ nhà nghiêng, nuốt cay uống giận mà chết, thiệt là vô hạn thương tâm cho nhà Khổng học ! Nhưng tư tưởng giới, học giới ở Minh triều được có thầy làm nụ sao mai, thiệt là khoái sự !

Sử Khả Pháp

Tác giả biên đến đây, phải viết thêm vào một người. Người này chết trước thầy Lưu Trấp Sơn 20 ngày, tức là Sử Khả Pháp.

Ông đậu tấn sĩ ở đời Sùng Trinh. Lúc Minh mất nước, Phúc Vương chạy qua Giang Nam, ông khởi binh đánh giặc. Sau Phúc Vương bị bắt, ông kéo quân cứu Phúc Vương, bị quân thua với Mãn Thanh, ông gieo thân vào trong lửa mà chết. Ông có tập văn cảo ở quân trung, ròng ròng thấy là giọt nước mắt với máu. Vong quốc cô thần có như ông thiệt không xấu thẹn với con nhà Khổng học !

CHƯƠNG V

KHỔNG HỌC PHÁI Ở TRIỀU THANH

Triều Minh mất, triều Thanh lên, giữa lúc dâu bể đổi dời, xanh vàng lộn nhộn, Khổng học phải trải qua mấy phen dày bừa chà xát. Bao nhiêu tâm tính học, kinh tế học, cơ hồ như tro tàn khói lạnh, mà thế lực của khảo chứng học, từ đó nứt mang mọc mầm, tiếp tục phồn thịnh luôn luôn. Từ niên hiệu đầu triều Thanh cho đến Trung Hoa Dân quốc nguyên niên, ước trong khoảng 250 năm, kể con cháu thừa tự của nhà Khổng học, chỉ có 5, 7 người; còn ngoài ra, hoàn toàn thuộc về khảo chứng học. Các nhà khảo chứng học, có công với học giả, chỉ là giải chữ thích nghĩa, biện biệt cho ra sách nào hay, sách nào dở, chứng nghiệm cho ra chữ nào đúng, chữ nào sai. Thực tế tinh thần của Khổng học thời các nhà khảo chứng học, họ ít để ý tới nơi, sở dĩ tác giả trong chương này chỉ biên có mấy người như dưới :

Đầu chương là Cố Viêm Võ, cuối chương là Đàm Tự Đồng, sẽ để kết thúc bản sách này.

Cố Đình Lâm

Họ Cố, tên Viêm Võ, hiệu Đình Lâm. Đương lúc thấy sanh, chính là triều Minh đã đến bóng tà sắp lặn, mà gia cảnh thấy lại càng gian truân lắm. Mẹ mất sớm, thờ kế mẫu là Vương thị rất hiếu. Hồi nhà Minh mất nước, thấy cử quân

nghĩa cần vương đánh nhà Thanh nhưng hoàn tuyền thất bại. Bà Vương tuyệt thực chết theo nước, trối lại với thầy, khiến không được làm quan với họ nước khác. Thầy vẫn là người khí tiết, lại thừa thụ di huấn bà mẹ, vậy nên trót đời không ăn bổng lộc triều Thanh. Chu du khắp thiên hạ, nghiên cứu hết sách vở đời xưa đời nay, hễ khi ra đi, tất chở đầy sách vở đưa theo để dùng làm tài liệu thực chứng, sở dĩ kiến văn quá rộng, học cũng khác hẳn người xưa.

Thầy sống có 67 tuổi mà làm sách rất nhiều, kể có : "Nhật tri lục" "日知錄" (36 quyển); "Thiên hạ quận quốc lợi bệnh thư" "天下郡國利病書" (120 quyển); "Triệu vực ký", "Đình lâm di thư" "肇域記" "庭林遺書" (cộng 65 quyển); ngoài nữa, các thứ sách còn nhiều.

Học thuyết của thầy, rất chú trọng về mặt thực dụng. Thầy chu du trót 30 năm, hễ đi tới một chốn nào, tất tìm kiếm những tên lính già hoặc ông lão nhà quê, hỏi tra tình hình thực tế của địa phương ấy và những di văn cổ tích của xứ ấy. Hỏi xét được kỹ càng rồi, tất đem sách ra tra khám lại, xem sách cũ có đúng hay không. Cái gì sách không đúng thời sửa ngay. Bản sách " 天下郡國利病書 " chính là biểu hiện tinh thần thực dụng của thầy đó vậy.

Thầy làm bản sách "Nhật tri lục" 日知錄 , có nói rằng :

"Bản sách này, chia làm 3 thiên : thiên trên là "kinh thuật" (經術), thiên giữa là "trị đạo" (治道), thiên dưới là "bác văn" (博聞), mong ngày nào có vương giả dậy, toan đem ra thực hành để dắt đưa thế đạo lên đời thái bình, chứ chưa dám nói với người đời nay vậy".

上篇經術，中篇治道，下篇博聞，有王者起，將見諸行事，以躋斯世於治古之隆，未敢為今人道也。

Thầy có một câu nói thí dụ : "Nghề làm sách in như nghề đúc tiền. Người đời xưa lấy đồng ở trên núi về mà đúc nên tiền; người đời nay thời mua lặt tiền dẹp cũ, gọi bằng "phế đồng", đem về đúc lại gọi bằng có đúc, nên chữ tiền họ đúc xấu không ra gì".

常謂今人纂輯之書正如古人之鑄錢；古人采銅於山，今人則買舊錢，吋名之曰廢銅，以充鑄而已，所鑄之錢既已粗惡，

Thầy nói như thế, nên cách học vấn của thầy chủ trương bằng độc sáng, chứ như nhặp nếm cặn bã người đời xưa, thầy cho là xấu thẹn lắm. Thầy rất ghét cách học không hư của cuối đời Minh, mà chú trọng về kinh học như đời tiên Tần trở lên. Mục đích học vấn của thầy cốt ở "kinh bang tế thế".

Học trò thầy có tên Hồng Thừa Trù, thần phục triều Thanh, làm quan thiệt lớn, vào trong núi chốn nhà thầy ở, lấy lễ đệ tử xin yết thầy, thầy cự chẳng cho vào. Thanh triều triệu thầy mãi, nhưng thầy thỉ chung bất khuất. Nói Khổng học ở Thanh sơ như thầy quá hiếm !

Hoàng Lê Châu

Họ Hoàng, tên Tông Hy, tự Thái Cung, hiệu Lê Châu. Cha là Hoàng Tôn Tố, nguyên một vị trung thần nhà Minh, bị gian nhân Ngụy Trung Hiền vu hãm, phải chết ở trong ngục. Hoàng muốn trả thù cha, nách dùi sắt vào kinh, toan giết Ngụy Trung Hiền, nhưng lúc vừa tới nơi, đụng Ngụy gian đã chết rồi, nhân tự dâm một đứa gian dảng. Lại dâng thư xin giết nghịch thần. Thầy đương lúc tuổi trẻ mà khí khái, lẫm liệt dã như thế. Tuổi lớn, theo di mệnh cha, đến học với Lưu Trấp Sơn.

Thầy tuân theo lời di huấn của cha ràng : Học giả tất phải thông hiểu việc sử (學者不可不通曉史事). Vậy nên biên chép những bản thực lục đời Minh, cho đến 21 bộ sử xưa, làm thành pho "Minh sử án" (明史案) (244 quyển) và các bộ sử khác thảy vài mươi món. Ngoài việc tu sử, lại nghiên cứu "Cửu Lưu bách gia" (九流百家). Đụng cái gì sách nhà không đủ chứng, thời du lịch tìm tòi để vá những chốn thiếu. Bác học lực hành lại như thế ! Khắp thảy đất Ngô, đất Việt, ai cũng biết tiếng thầy. Lại dạy hai con Tôn Viêm, Tôn Hội, khiến đồng thì thành danh. Rủi gặp hồi nước mất, thầy lại củ hợp các chí sĩ, chống với quân Mãn Thanh.

Quân thua, tẩng vượt bể qua Nhật Bổn cầu viện binh. Vào chết ra sống, vạn khổ thiên tân, thiệt là một người thực hành Khổng học.

Sau khi Mãn Thanh thống nhất tuyền quốc, cuộc đời đã hết đường xoay, thầy phụng mẫu qui hương, chuyển để lòng vào việc trước tác; hồi dư hạ thời dạy học trò. Năm thứ 17 đời Khang Hy, vua Thanh có chiếu mời thầy làm Bác học hồng nho, thầy lấy niên lão, cố từ không ứng sinh. Vua Thanh mới khiến quan Tuần phủ trong tỉnh sao những sách sử mà tay thầy biên ra, tất đưa đến Kinh sư.

Thầy đến 80 tuổi còn đọc sách không ngớt, thường đọc đến nửa đêm.

Sách thầy làm rất nhiều, kể những bản đã lưu hành ở lúc bấy giờ, có bản "Minh Nho học án"" 明儒學案 " (60 quyển);"Tống Nguyên học án" " 宋元學案 " (100 quyển); "Văn minh luận" " 文明海 " (482 quyển). Ngoài Sử học, Văn học, thầy lại nghiên cứu đến Dịch học, có làm bản "Dịch học tượng số luận" " 易學象數論 " (6 quyển); Âm nhạc học có bản"Luật lữ tân nghĩa" " 律呂新義 " (2 quyển), và Thiên toán học cũng có làm thành sách. Ngoài các bản sách kể trên, còn có một bản sách, chính là bản tâm tủy của thầy mà đương lúc đó bí mật không lưu hành; đến đầu thế kỷ 20, sách ấy mới xuất hiện, thổi lên một phong trào cách mạng rất lớn cho Dân Quốc, tức là bản "Minh di đãi phóng lục" (明夷待訪錄).

Nay xin lược biên những câu danh ngôn của thầy như sau này :

Thuộc về bộ phận "học thuật", thầy có nói rằng :

Kinh thuật sở dĩ kinh thế, nãi bất vi vu nho.

經術所以經世，乃不為迂儒。

Nghĩa là học kinh vạn, cốt có đem ra làm việc đời, mới chẳng phải là nhà nho hủ.

Lại có câu rằng :

Độc thư bất đa, tắc vô dĩ chứng tư học chi biến; độc thư đa nhi bất cầu chư tâm, tắc hựu vi ngụy nho.

讀書不多則無以證斯學之變；讀書多，而不求諸心，則又為偽儒。

Nghĩa là đọc sách chẳng nhiều rộng thời không lấy gì chứng được lối biến hóa ở trong việc học; đọc sách nhiều rộng mà chẳng phản cầu lại ở trong tâm mình thời lại ra nhà nho giả dối.

Lại có nói rằng :

Cổ chi quân tử tu đức nhi hậu giảng học; kim chi quân tử giảng học nhi bất tu đức.

古之君子修德而後講學；今之君子講學而不修德。

Nghĩa là đời xưa gọi bằng người quân tử, là tu đức rồi mà sau mới giảng học; đời nay gọi bằng quân tử, là những hạng người giảng học mà chẳng tu đức.

Còn về bộ phận "chính trị học thuyết", thời có những bài như sau :

Bài "***Nguyên quân***" (là truy nguyên sở dĩ đặt ra vua) :

Nguyên quân viết : Hữu sanh chi sơ, nhân các tự tư dã; nhân các tự lợi dã, thiên hạ hữu công lợi, nhi mạc hoặc hưng chi, hữu công hại nhi mạc hoặc trừ chi.

原君曰：有生之初，人各自私也，人各自利也；天下有公利而莫或興之，有公害而莫或除之。

Nghĩa là lúc đầu mới sanh ra người, người nào cũng được có phần riêng của mình, người nào cũng được lo làm lợi cho mình. Thiên hạ có việc lợi ích chung mà chẳng ai chịu làm cho; có việc tệ hại chung mà chẳng ai chịu bỏ cho.

Hữu nhân giả xuất, bất dĩ nhất kỷ chi lợi vi lợi, nhi sử thiên hạ thụ kỳ lợi; bất dĩ nhất kỷ chi hại vi hại, nhi sử thiên hạ thích kỳ hại; thử kỳ nhân chi cần lao, tất thiên vạn bội ư thiên hạ chi nhân.

有人者出，不以一己之利為利，而使天下受其利；不以一己之害為害，而使天下釋其害；此其人之勤勞，必千萬倍於天下之人。

Nghĩa là lúc ấy có một người kia ra gánh lấy việc thiên hạ (tức là vua), chẳng lấy lợi riêng của một mình làm lợi, mà tất muốn cho thiên hạ thảy có lợi. Chẳng lấy hại riêng của một mình làm hại, mà tất khiến cho thiên hạ thảy không hại. Người như thế, tất phải siêng năng khó nhọc hơn gấp nghìn gấp muôn người ở trong thiên hạ.

Phù dĩ thiên vạn bội chi cần lao, nhi kỷ hựu bất hưởng kỳ lợi, tất phi thiên hạ chi nhân tình sở dục cư dã. Cố cổ chi nhân lượng nhi bất dục nhập giả, Hứa Do Vụ Quang thị dã; nhập nhi hựu khứ chi giả, Nghiêu Thuấn thị dã; sơ bất dục nhập nhi bất đắc khứ giả, Vũ thị dã. Khởi cổ chi nhân hữu sở dị tai ! Háo dật ố lao, diệc do phù nhân chi tình dã.

夫以千萬倍之勤勞，而己又不享其利，必非天下之人情所欲居也，故古之人量而不欲入者，許由，務光是也；入而又去之者，堯舜是也；初不欲入而不得去者，禹是也，豈古之人有所異哉！好逸惡勞，亦猶夫人之情也。

Nghĩa là người phải chịu lấy cần lao gấp nghìn gấp muôn người khác, mà tự giữa mình lại không được hưởng lợi, trách nhậm của người vua là thế, mà nhân tình thiên hạ ai muốn ở làm gì ? Vậy nên người đời xưa, có kẻ dứng ngoài thương lượng mà chẳng chịu vào là như Hứa Do, Vụ Quang đó vậy (**Cố cổ chi nhân lượng nhi bất dục nhập giả, Hứa Do, Vụ Quang thị dã**); có kẻ đã vào mà lại bỏ đi, là như Nghiêu Thuấn đó vậy (**nhập nhi hựu khứ chi giả, Nghiêu Thuấn thị dã**); có kẻ bắt đầu vẫn chẳng muốn vào mà bất đắc dĩ phải vào, là như vua Vũ đó vậy (**sơ bất dục nhập nhi bất đắc khứ giả, Vũ thị dã**). Há phải người đời xưa có gì lạ đâu ! Ham thong thả, ghét khó nhọc, cũng như tình của người ta thảy đó vậy, mà phải dọ lấy gánh khó nhọc làm vua, là bất đắc dĩ lắm (**khởi cổ chi nhân hữu sở dị tai ! háo dật ố lao, diệc do phù nhân chi tình dã**).

Hậu chi vi quân giả, bất nhiên : dĩ vi thiên hạ lợi hại chi quyền, giai xuất ư ngã; ngã dĩ thiên hạ chi lợi tận qui ư kỷ; dĩ thiên hạ chi hại tận qui ư nhân, diệc vô bất khả; sử thiên hạ chi nhân bất cảm tự tư, bất cảm tự lợi; dĩ ngã chi đại tư, đoạt thiên hạ chi công; thị thiên hạ vị mạc đại chi sản nghiệp, truyền chi ư tử tôn, hưởng thụ vô cùng.

後之為君者，不然：以為天下利害之權，皆出於我；我以天下之利盡歸於己；以天下之害盡歸於人，亦無不可；使天下之人不敢自私不敢自利；以我之大私奪天下之公；視天下莫大之產業，傳之於子孫，享受無窮·

Nghĩa là người làm vua ở đời sau thời chẳng thế (**hậu chi vi quân giả, bất nhiên**); nghĩ rằng quyền làm lợi hại cho thiên hạ, thảy ở tay ta ra (**dĩ vi thiên hạ lợi hại chi quyền, giai xuất ư ngã**) : ta lấy những việc lợi ở trong thiên hạ trút hết về phần mình; lấy những việc hại ở trong thiên hạ trút hết cho người, cũng không hề gì (**ngã dĩ thiên hạ chi lợi, tận qui ư kỷ, dĩ thiên hạ chi hại tận qui ư nhân, diệc vô bất khả**). Vì tâm lý họ nghĩ như thế, nên họ tất khiến cho người thiên hạ chẳng ai được tự tư, chẳng ai được tư lợi, chỉ một ông vua (**sử thiên hạ chi nhân bất cảm tự tư bất cảm tư lợi**). Lấy cái đại tư của một người, cướp hết lợi công của thiên hạ (**dĩ ngã chi đại tư đoạt thiên hạ chi công**). Xem thiên hạ là sản nghiệp của mình chẳng gì lớn hơn, truyền chi ư con cháu, hưởng thụ đến vô cùng (**thị thiên hạ vị mạc đại chi sản nghiệp truyền chi ư tử tôn, hưởng thụ vô cùng**). Cũng thảy là vua, mà đời xưa với đời sau khác nhau như thế.

Thử vô tha : cổ giả dĩ thiên hạ vi chủ, quân vi khách; phàm quân chi sở tất thế nhi kinh dinh giả, vị thiên hạ dã. Kim giả dĩ quân vi chủ, thiên hạ vi khách; phàm thiên hạ chi vô địa nhi dắc an ninh giả, giai vi quân dã.

此無他，古者以天下為主，君為客；凡君之所畢世而經營者，為天下也·今者以君為主，天下為客；凡天下之無地而得安寧者，皆為君也·

Nghĩa là sở dĩ như trên kia nói, không có gì lạ (**thử vô tha**) : bởi vì người dời xưa, lấy thiên hạ làm chủ thể mà vua chỉ là khách (**cổ giả dĩ thiên hạ vi chủ, quân vi khách**); hễ những điều mà người làm vua trọn đời sắp đặt đó, chỉ vì thiên hạ thôi vậy (**phàm quân chi sở tất thế nhi kinh dinh giả, vị thiên hạ dã**). Người đời sau thời lại lấy vua làm chủ thể mà thiên hạ chỉ là khách (**kim giả, dĩ quân vi chủ, thiên hạ vi khách**); hễ những điều mà khiến cho người thiên hạ không chốn ăn ngồi, thảy vì vua đó vậy (**phàm thiên hạ chi vô địa nhi đắc an ninh giả, giai vị quân dã**).

Thị dĩ, kỳ vị đắc chi giả, đổ độc thiên hạ chi can não, ly tán thiên hạ chi tử nữ, dĩ bác ngã nhất nhân chi sản nghiệp, tằng bất thảm nhiên; viết : Ngã cố vị tử tôn sáng nghiệp dã. Kỳ ký đắc chi dã, xao bác thiên hạ chi cốt tủy, ly tán thiên hạ chi tử nữ, dĩ phụng ngã nhất nhân chi dâm lạc, thị vi đang nhiên; viết : Thử ngã sản nghiệp chi hoa tức dã.

是以，其未得之者，屠毒天下之肝腦，離散天下之子女，以博我一人之產業，曾不慘然；曰：我固為子孫創業者．其既得之者，敲剝天下之骨髓，離散天下之子女，以奉我一人之淫樂，視為當然；曰：此我產業之花息也．

Nghĩa là bởi vì cớ như trên nói, nên khi họ chưa lấy được thiên hạ, họ mổ xé gan óc của người thiên hạ; họ lìa tán con trai con gái của người thiên hạ để giựt lấy sản nghiệp đưa vào một mình (**thị dĩ kỳ vị đắc chi giả, đổ độc thiên hạ chi can não, ly tán thiên hạ chi tử nữ, dĩ bác ngã nhất nhân chi sản nghiệp**), họ không lấy làm đau (**tằng bất thảm nhiên**). Họ nói rằng : Ta vẫn vì con cháu ta mà sáng nghiệp đó vậy (**viết : ngã cố vị tử tôn, sáng nghiệp dã**). Khi đã lấy được thiên hạ rồi, xé bóc hết cốt tủy của người thiên hạ, lìa tan hết con trai con gái của người thiên hạ để cho thỏa thích việc dâm lạc của một người, mà họ cho là sự phải (**kỳ ký đắc chi giả, xao bác thiên hạ chi cốt tủy, ly tán thiên hạ**

chi tử nữ, dĩ phụng ngã nhất nhân chi dâm lạc, thị vi đang nhiên). Họ nói rằng đó là hoa lợi mà sản nghiệp ta sở đương đắc đó vậy (曰：此我產業之花息也).

Nhiên tắc vi thiên hạ chi đại hại giả, quân nhi dĩ hỹ; hướng sử vô quân, nhân các đắc tự tư dã, nhân các đắc tự lợi dã. Ô hô ! khởi thiết quân chi đạo, cố như thị hồ ?

然則為天下之大害者，君而已矣；向使無君，人各得自私也，人各得自利也．嗚呼！豈設君之道，固如是乎？

Nghĩa là : Thế thời người làm hại lớn cho trong thiên hạ, chỉ vua mà tôi (**nhiên tắc vi thiên hạ chi đại hại giả, quân nhi dĩ hỹ**). Phỏng khiến không vua thời người nào người nấy được tự tư, người nào người nấy được tự lợi, có lẽ gì tư lợi chỉ chuyên về một người mà thôi (**hướng sử vô quân, nhân các đắc tự tư dã, nhân các đắc tự lợi dã**).

Than ôi ! Đạo lý đặt ra vua, há có như thế ru ? (**Ô hô ! khởi thiết quân chi đạo, cố như thị hồ ?**).

Cổ giả, thiên hạ chi nhân ái dái kỳ quân, tỷ chi như **phụ; nghị chi như thiên; thành bất vi quá dã. Kim giả, thiên hạ chi nhân, oán ố kỳ quân, thị chi như khấu thù, danh chi vi độc phu, cố kỳ sở dã.**

古者，天下之人愛戴其君，比之如父；擬之如天；誠不為過也．今者，天下之人，怨惡其君，視之如寇讎，名之為獨夫，固其所也．

Nghĩa là đời xưa người trong thiên hạ yêu mến vua mình ví như cha, kính trọng vua mình cân với trời, thật chẳng phải quá đáng ! (**cổ giả thiên hạ chi nhân, ái đái kỳ quân tỷ chi như phụ, nghị chi như thiên, thành bất vi quá dã**). Mà đời nay, người trong thiên hạ, oán giận vua, xem vua như khấu thù, gọi vua là độc phu, vẫn là lẽ đang nhiên vậy (**kim giả, thiên hạ chi nhân, oán ố kỳ quân, thị chi như khấu thù, danh chi vi độc phu, cố kỳ sở dã**).

Thầy đã đem đạo lý đặt vua đời Tam đại (Hạ, Thương, Chu) trở lên và tệ bệnh làm vua ở đời sau, so đọ nhau cho rõ ưu liệt, thầy mới bàn luôn đến pháp của xưa nay sở dĩ khác nhau.

Thầy có bài ***Nguyên Pháp*** như dưới này :

Tam đại dĩ thượng hữu pháp, tam đại dĩ hạ vô pháp.

原法曰：三代以上有法，三代以下無法。

Từ đời Hạ, Thương, Chu trở lên, có hiến pháp (**tam đại dĩ thượng hữu pháp**); từ đời Hạ, Thương, Chu trở xuống, không gì là hiến pháp (**tam đại dĩ hạ, vô pháp**).

Hà dĩ ngôn chi ? Nhị Đế tam Vương tri thiên hạ chi bất khả vô dưỡng dã, vị chi thụ điền dĩ canh chi; tri thiên hạ chi bất khả vô y dã, vị chi thụ địa dĩ tang ma chi; tri thiên hạ chi bất khả vô giáo dã, vi chi học hiệu dĩ hưng chi, vi chi hôn nhân chi lễ, dĩ phòng kỳ dâm; thử Tam đại dĩ thượng chi pháp dã. Cố vị thường vị nhất kỷ nhi lập dã.

何以言之？二帝，三王知天下之不可無養也，為之授田以耕之；知天下之不可無之衣也，為之授地以桑麻之；知天下之不可無教也，為之學校以興之；為之婚姻之禮，以防其淫；此三代以上之法也。故未嘗為一己而立也。

Câu nói ấy chứng vào đâu ? Đế Vương đời Thượng cổ biết rằng : Thiên hạ tất phải có gạo thóc mà nuôi, vì đó mà phải trao ruộng cho dân để dân cày (**tri thiên hạ chi bất khả vô dưỡng dã, vị chi thụ điền dĩ canh chi**); biết thiên hạ tất phải có lụa vải mà mặc, vì đó mà phải trao đất cho dân để mà trồng dâu, trồng bông (**tri thiên hạ chi bất khả vô y dã, vị chi thụ địa dĩ tang ma chi**); biết thiên hạ tất phải có thầy mà dạy, vì đó mà phải lập nhà học hiệu để cho dân học; lại vì tính người không được hoàn tuyền thiện, nên phải đặt ra lễ cưới hỏi để ngăn ngừa điều dâm (**tri thiên hạ chi bất khả vô giáo dã, vi chi học hiệu dĩ hưng chi, vi chi hôn nhân chi lễ dĩ phòng kỳ dâm**). Đó là hiến pháp từ đời Tam Đại trở lên; vẫn

chưa tầng vì một mình mà lập ra đó vậy (**thử Tam đại dĩ thượng chi pháp dã; cố vị thường vị nhất kỷ nhi lập dã**).

Hậu chi nhân chủ, ký đắc thiên hạ, duy khủng kỳ tộ mệnh chi bất trường dã; tử tôn chi bất đắc bảo hữu dã, tư phòng hoạn ư vị nhiên, dĩ vi chi pháp; nhiên tắc kỳ sở vị pháp dã, nhất gia chi pháp, phi thiên hạ chi pháp dã.

後之人主，既得天下，唯恐其祚命之不長也；子孫之不得保有也；思防患於未然，以為之法；然則其所謂之法者，一家之法，非天下之法也。

Nhân chủ đời sau, đã được thiên hạ rồi, chỉ lo sản nghiệp mình không lâu dài, con cháu mình không được hưởng giữ, lo ngăn ngừa họa hoạn ư lúc chưa phát sanh, mới đặt ra pháp luật. Thế thời những pháp luật mà họ gọi bằng pháp đó, chỉ là pháp luật của một nhà, chứ chẳng phải hiến pháp của thiên hạ vậy (**nhiên tắc kỳ sở vị pháp giả, nhất gia chi pháp, phi thiên hạ chi pháp dã**).

Tức luận giả vi hữu trị nhân vô trị pháp; ngô dĩ vi hữu trị pháp nhi hậu hữu trị nhân.

即論者謂有治人無治法；吾以謂有治法，而後有治人。

Học giả thường bảo rằng : Chỉ có người làm ra trị, chứ không pháp luật nào làm ra trị; chú ta thời bảo rằng : tất phải có hiến pháp làm được trị, mà sau mới có người làm được trị.

Xem hết mấy lời ở trong bài Nguyên Quân, cũng y như tinh thần của Khổng Mạnh đã nói.

Đức Khổng nói rằng : "**Đại đạo chi hành dã, thiên hạ vi công; kim đại đạo ký ẩn, thiên hạ vi gia**".

大道之行也，天下為公；今大道既隱，天下為家。

Thầy Mạnh nói rằng : "**Dân vi quí, quân vi khinh**".

Bài "***Nguyên Quân***" chỉ phô diễn ý nghĩa ấy cho tường mà thôi.

Đến như đoạn bàn về "pháp", thời thầy Mạnh đã nói rằng :

Nghiêu Thuấn chi đạo, bất dĩ nhân chính, bất năng bình trị thiên hạ.

堯舜之道，不以人政，不能平治天下。

Nghĩa là có nhân tâm như vua Nghiêu vua Thuấn mặc dầu, nhưng nếu không dùng bằng "nhân chính" thời cũng không thể nào bình trị được thiên hạ.

Nghiêu Thuấn chi đạo là trị nhân; nhân chính là trị pháp.

Trong ý thầy Mạnh là "trị nhân" và "trị pháp" nặng cân như nhau, nên thầy lại nói rằng :

Đổ thiện bất túc dĩ vi chính, đổ pháp bất năng dĩ tự hành.

徒善不足以為政，徒法不能以自行。

Nghĩa là chỉ có lòng lành suông mà thôi không thể đủ làm việc chính trị (**đổ thiện bất túc dĩ vi chính**); chỉ có pháp luật suông mà thôi không thể ỷ vào một pháp luật mà làm lấy được (**đổ pháp bất năng dĩ tự hành**).

"Đổ thiện" tức là không trị pháp; "đổ pháp" tức là không trị nhân.

Theo như ý thầy Lê Châu thời thiên trọng về "trị pháp". Mà như câu "hữu trị nhân vô trị pháp", thời lại thiên trọng về "trị nhân". Tác giả cho như lời thầy Mạnh mới thiệt tinh đáng.

Tóm lại : Thầy Lê Châu, tài năng đã lớn, học thức lại rộng; sử học, kinh học, thiên văn học, âm nhạc học, không món gì không học tới nơi, mà lại nghiên cứu đến tinh tủy, không phải như hạng người khẩu đầu thiền, mà cũng chẳng phải nô lệ với người đời xưa.

Đọc đến bài "**Nguyên Quân, Nguyên Pháp**", chúng ta không biết sùng bái như thế nào. Huống gì lịch sử của thầy, vì thù nước, thù cha, nhiều phen hy sinh thân mình vào đám nguy hiểm.

Sau khi nước mất, nuôi mẹ, dạy em, chẳng giây phút quên lời cha, lại hiếu hữu tột mực. Có một điều mà chúng

ta thần thánh nhất là giọt nước mắt vong quốc đến khi đậy nắp quan tài rồi, hãy còn chứa chan. Xem bản dịch "***Minh Di đại phóng lục***", thiệt in như một bức chiếu ảnh.

Than ôi ! Khổng học phái đến đầu đời Thanh, chắc ai cũng thừa nhận Cố, Hoàng, hai thầy là anh cả !.

Nhan Tập Trai

Họ Nhan, tên Nguyên, tự Hồn Nhiên, hiệu Tập Trai, sanh năm thứ 8, hiệu Sùng Trinh, đời nhà Minh, chính vừa năm 1635 Tây lịch.

Thầy lúc trẻ không cha mẹ, nuôi gởi ở nhà họ Chu, làng Lưu Thôn, nếm hết mọi mùi cay đắng. Tuổi nên 8, vào học nhà trường tư, siêng năng khác khổ, khác hẳn những người thường; học nghiệp nhân đó tấn bộ hung lắm. Đến khi tuổi khá lớn, dụng hồi việc nước suy loạn, binh hèn giặc mạnh, nên thầy lại nghiên cứu vào các sách Binh thư. Khi đã 21 tuổi, đọc pho sách "***Thông Giám***", quên cả ăn ngủ. Vì pho sách ấy mà ảnh hưởng đến rất lớn. Đến năm 24 tuổi, mở nhà trường riêng dạy học trò, bắt đầu làm bản sách "***Tồn Tri Thiên***", qua năm sau lại làm bản sách "***Tồn Tính Thiên***"; nối đó lại làm bản sách "***Tồn Học Thiên***". Lúc bấy giờ cội gốc của học thuyết thầy, mới rất bền vững. Sau đó, lại làm sách "***Tồn Nhân Tồn Trị Thiên***", và lại tự giữa thân mình vừa giảng học vừa siêng cày, trau dồi đạo đức, xa tránh danh lợi. Người trong một đời, ai thấy cũng trọng qui nhân cách của thầy. Đến năm 70 tuổi, thầy tạ thế, chính dương năm thứ 43 hiệu Khang Hy đời nhà Thanh. Sách thầy làm có bản "***Nhan Thị Di Thư***" (顏氏遺書), ở trong ấy chép đủ các bản sách ở trên kia.

Thầy thường nói rằng :

Hễ lập nên một món luận thuyết, chỉ cốt bàn phải hay trái, mà chẳng kể ở nơi đồng hay khác (立言但論是非，不論異同), nếu là phải thời tuy ý kiến của một hai người mà cũng không thể cãi được (是，則一二人之意見，不可易也), nếu trái thời tuy muôn nghìn người đồng một miệng

mà cũng không thể họa theo được (非則雖千萬人之所同不隨聲也). Há những nghìn muôn người mà thôi dâu ! (豈惟千萬人而已哉!). Tuy các cuộc lôi đồng mê mẫn nghìn trăm năm, nhưng chúng ta cũng nên lấy mình là tiên giác mà thức tỉnh cho hậu giác, chứ không nên phụ họa lôi đồng nữa vậy.

雖千百年同迷之局，我輩亦當以先覺覺後覺，不可附和雷同也．

Thấy vì thấy lưu tệ của Nho học đến lúc cuối cùng đời Minh, thành ra một đám trống không luông tuổng nên thấy hết sức kiểu chính. Sở dĩ đối với Minh học, Tống học, nhất khái bài xích. Thấy thường nói rằng : "Những môn Lý học, Tâm học mà chỉ nói suông ở trên bàn sách, cứu cánh không ích gì đến việc thực hành"理學心學要為凡上空論，毫無益於躬行實踐．Ở trong Khổng học dạy người học, đủ cả lục nghệ, là chỉ cốt thanh niên đệ tử luyện tập ở những nơi sự thực, có bao giờ chỉ mấy câu học vấn ở dầu miệng mà thôi dâu (教人學六藝，都是要子弟實地練習的，幾曾是這種口頭學問). Dạy cho nó bằng thực địa, tập cho nó ở nơi thực địa, mà sau mới thể nghiệm được chắc chắn, đó mới là hữu ích 實地教之，實地習之，之而後可實得體驗，這實得的體驗，才有功益.

Sở dĩ học trò đức Khổng, người nào người nấy ở trên xã hội, thảy gánh vác một mặt công việc (所以孔子的弟子，都能在社會上當獨一面). Nếu cứ như học vấn ở dầu miệng, thời chẳng qua trộm xéo mấy câu tinh luận của nhà Phật. Phật chẳng thành Phật, nho chẳng thành nho, một món học chết như thế, chỉ là "tử học" mà có ích gì !若如這種口頭學問，則簡直是佛性論的剽竊．佛家所謂幻覺之性，一種死學，究何所益 Sở dĩ làm học, nên chú trọng vào thực hành; mà giáo khoa thời chú trọng bằng "hương tam vật".

所以學宜實用之旨，而教科則宜以周禮鄉三物為歸

("Hương tam vật" nghĩa là ba việc công khóa ở trong nhà hương học :

1)- ***Lục đức*** : **trí** (智), **nhân** (仁), **thánh** (聖), **nghĩa** (義), **trung** (中), **hòa** (和).

2)- ***Lục hạnh*** : **hiếu** (孝), **hữu** (友), **mục** (睦), **nhân** (仁), **nhậm** (任), **tuất** (恤).

3)- ***Lục nghệ*** : **lễ** (禮), **nhạc** (樂), **xạ** (射), **ngự** (御), **thư** (書), **số** (數).

Có như thế, thời "Tử học" mới có thể biến làm "Hoạt học" được (於是則死學庶可變為活學).

"Hoạt học" nghĩa là học bằng cách sống. Đoạn này chép ở sách "***Nhan Thị di thư Tôn học thiên***").

Thầy lại có nói rằng : Tôi thường nói càn rằng : Những cái huyền lý thuộc về tính mệnh, chẳng cần giảng làm gì (僕妄謂性命之理，不可講也). Tuy có giảng nữa, người ta cũng chẳng nghe được (雖講，人亦不能聽也). Tuy có nghe nữa, người ta cũng chẳng tỉnh được (雖聽，人亦不能醒也). Tuy tỉnh nữa, người ta cũng chẳng thực hành được (雖醒，人亦不能行也). Chỉ duy những công việc tác dụng ở trong tính mệnh mà nảy nở ra, như "Thi, Thư, Lục nghệ", mới có thể giảng với nhau dạng, nghe với nhau dạng, tỉnh với nhau dạng, làm với nhau dạng mà thôi.

所可得而更講之，共聽之，共醒共行之者，性命之作用如詩書六藝而已。

Vả lại, chính giữa "Thi, Thư, Lục nghệ" cũng chẳng phải giảng suông mà được đâu. (即詩書六藝，非徒列坐講聽). Cần thứ nhất là hễ đã giảng thời tức khắc phải tập (要性一講即教習). Tập đến chỗ nào tức khắc phải hỏi (習至難處來問). Đã hỏi thời phải giảng lần cho nó (方再與講). Cái công giảng thời có chừng, mà cái công tập thời không bao giờ rồi (講之功有限,習之功無已).

Đức Khổng với học trò, chỉ duy ngày nay tập làm việc lễ, ngày mai tập làm việc bắn (孔子性與弟子，今日習禮，明日習射). Gián hữu với một hai người nói tính mệnh, cũng là vì người ấy tự hiểu trong mình đã nhiều, mới

cùng nói (**聞有可與言性命，亦因其自悟而深，方可言**). Bởi vì tính mệnh là chẳng phải một giống mà ngôn truyền được (**蓋性命非可言傳也**). Dầu bất giảng cũng chẳng phải là bất giảng (**不特不道而已矣**)(1).

Thầy lại thường nói rằng :

Ông Nghiêu, ông Thuấn, ông Khổng, ông Chu thường dập nhập thân mình với tính mà nói (**堯，舜，孔，周之言性也，合身言之**). Vậy nên có câu "Hữu vật hữu tắc" (**故曰：有物有則**), nghĩa là có một giống gì, tất có khuôn mẫu giống ấy.

Lại nói rằng :

Nghiêu Thuấn tính chi, Thang Vũ thân chi dã.

堯舜性之，湯禹身之也。

Nghiêu Thuấn suất tính nhi xuất, thân chi sở hành, giai tính dã.

堯舜率性而出，身之所行皆性也。

Nghĩa là ông Nghiêu, ông Thuấn, suất tính mà làm ra, thân mình làm điều gì thảy là tính đó.

Thang Vũ tu thân dĩ phục tính, cứ tính chi hình, dĩ trị tính dã

湯禹修身以復性，據性之形，以治性也

Nghĩa là ông Thang, ông Vũ, tu lấy thân mình mà phục được tính, cứ ở nơi tính mình hình ra mà sửa sang tính vậy.

Người ở sau Khổng môn chỉ duy có thầy Mạnh biết được như thế. (**孔門後惟孟子見及此**). Nên có câu rằng :

Hình sắc thiên tính dã, duy thánh nhân nhiên hậu khả dĩ tiễn hình.

故曰：形色天性也，惟聖人然後可以踐形

Nghĩa là hình và sắc tức là tính trời hiện ra đó vậy, nhưng duy Thánh nhân mới hoàn toàn được hình trời cho (cố **viết hình sắc, thiên tính dã, duy thánh nhân nhiên hậu khả dĩ tiễn hình**). Thế thời biết cái hình đó tức là gốc ở tính

(1) Ở Di Thư Tôn Học Thiên

mà hình ra (**hình, tính chi hình dã**) (形，性之形也); tính đó tức là làm tính cho hình vậy (性，形之性也). Nếu bỏ mất hình thời không gì là tính (舍形則無性矣); nếu bỏ mất tính, không gì là hình. (舍性亦無形矣).

Theo như bản sách "***Nhan thị niên phổ***" (顏氏年譜) đã từng chép : Thầy trước thường nghiên cứu đến học thuyết của Trình, Chu; từ khi Nam du, kiết giao với các nhà học giả phương Nam, thời té ra thấy những người ấy rật là trái hẳn với cách học Khổng, Mạnh, chỉ là trống không như con nhà thiền. Thầy mới nhận được rõ ràng Trình, Chu với Khổng, Mạnh tiệt nhiên ra hai đường. Mới nghĩ rằng : Có đánh đổ được một phân Trình, Chu, mới gầy tiếp được một phân Khổng, Mạnh (必破一分程朱，才可近一分孔孟). Vì vậy mới thoát ra ngoài vòng ngồi im nói trống mà chú lực vào nơi công việc thực hành.

Xét ý tứ của thầy sở dĩ phản đối với "tính lý học" của Tống, Minh, in như tư tưởng của Mặc Tử.

Nhà Mặc Tử ở đời tiên Tấn, thấy học giả đời bây giờ quên trớt học gốc của đức Khổng, mà chỉ bó buộc ở nơi mạt tiết hư văn, nên Mặc Tử mới đứng ra mà công kích tội đó. Họ Nhan cũng một tâm lý như họ Mạc. Hai người này thiệt là một bức tượng đối chiếu rất khéo ở trong xưa nay. Cứ theo ý tứ ấy, thời họ Nhan chính là một tay cách tân ở trong nhà tư tưởng.

Thầy thường nói rằng :

Tinh thần của con người ta, và năm tháng của một đời người, thảy là có chừng mực nhất định (人之歲月精神有限). Nếu ở trong đám nói không mà qua một ngày tức là bỏ hao mất một ngày ở trong đám thực hành (誦說中渡一日，便習行中錯一日); thêm nhiều một phân công phu ở trên giấy mực, tức là thiếu một phân ở trên chức phận (紙墨上多一分便身世上少一分).

Thầy lại có nói rằng :

Cách học bàng lạng lẽ mà ưa nói suông, tất đến nỗi chán việc đời (靜閑而久愛空談之學，必至厭事). Đã chán việc đời (厭事), tất đến nỗi bỏ việc đời (必至廢事).

Vậy nên làm hại nhân tài, làm nát thiên hạ, chính là Tống học đó vậy (故誤人才，敗天下者，宋學也). (Tống học là những học thuyết của nhà nho ở đời Tống).

Thầy hoàn tuyển đứng trên chủ nghĩa "thực dụng" (**Pragmepizm**), lời lẽ đường hoàng rất in như Mặc Tử, mà lại thống thiết hơn. Thầy những lời thế tục hay nói rằng : "Người biết đọc sách tức là học giả (讀人，是學者), thầy rất phản đối lời nói ấy. Thầy chủ trương làm việc tức là học. Vì làm việc mà phải đọc sách, đó là thiệt học thuyết của đức Khổng. Đức Khổng chẳng bao giờ bảo đọc sách là biết được việc; nên cốt phải làm việc. Nếu ngoài sự làm việc ra, còn có gì gọi là học vấn ! Sở dĩ lúc thầy dạy học trò, rất chăm chỉ về "hương tam vật" ở trong Chu Lễ, mà lại chú trọng ở "lục nghệ" ("lục nghệ" là sáu cái nghề : "lễ" là chế độ; "nhạc" là âm nhạc; "xạ" là bắn cung; "ngự" là đánh xe; "thư" là tập viết các thức chữ; "số" là các thức tính toán), cốt khiến cho các con em ai nấy cũng thông thạo một nghề, để cho cung cấp được phần thực dụng.

Thầy từ khi 22 tuổi, học nghề làm thuốc. Khi học nghiệp đã thành thời dắt con em sinh hoạt bằng nghề cày cấy; lại là một nhà nông in như ông Mặc Tử.

Thầy có tiêu biểu một câu nói rằng :

"Hễ một ngày còn sinh tồn, tất phải làm sự sống ở một ngày".

一日生存，當為生命辦一日之事.

Câu nói ấy, lại in như câu "Không lao động thời không được ăn cơm" (不工作則不得吃飯) của nhà xã hội chủ nghĩa. Xem như ý tứ ấy, sở dĩ cách học bằng "nói suông" của Tống, Minh là học chết; mà cách học bằng thực hành của thầy Nhan mới là học sống.

Thầy thường nói : "Ta hết sức deo đuổi về sự cày, không kịp ăn, không kịp ngủ, mà tấm lòng tà vọng cũng không thể nào để ra.

吾力用農事，不遑食寢，邪望之念亦自不起.

Chúng ta dùng cả tâm lực, buổi nào buổi nào cũng cứ theo trên đường thiên lý mà làm việc, thời nhân dục còn ở chốn nào sanh ra được".

(若用十分心力時時往天理上做，則人欲何事生哉)

Đó là "lực hành cận hồ nhân" vậy (1). (信乎力行近乎仁)

("Lực hành cận hồ nhân" là hết sức làm việc, tuy chưa thiệt là nhân, nhưng cũng đã gần với nhân vậy).

Chính sách luận (政策論) của họ Nhan, thấy rất chú trọng về thực lợi thực hành, vả lại xem lao động quí bằng thần thánh, sở dĩ đối với bọn ăn không ngồi rồi ở trong đời, cho là phi thường trái mắt.

Những vấn đề thuộc về "bần phú bất quân" ở trên xã hội, với vấn đề "hữu sản giai cấp" ở đời bây giờ, thấy vẫn từng đem công phu nghiên cứu tới nơi. Sở dĩ ở trên đường chính sách của thấy, chuyên chủ trương ở hai điều để tấn lên đường cải cách : một là chế độ "tỉnh điền" ở đời nhà Chu; hai là phép "đồn điền".

Thấy thường nghĩ rằng : nguồn bệnh của xã hội, khiến cho đại đa số sanh dân phải chịu vạ lầm than, là vì cớ sao ? Là chỉ vì tội "tham tàn kiêm tính" (兼併) của bọn nhà giàu mà nảy ra.

Thấy thường có bài "tỉnh điền luận, đồn điền luận", xin thuật ra sau này :

Tha sanh tổn đích thì đại, phú đích tăng thực bất dãi thuyết; đại bộ phận thị y ư địa lực. Kinh tế thượng đích vấn đề sở dĩ hòa thổ địa vấn đề tối tương quan, đản tự tỉnh điền pháp phá hoại dĩ lai, thổ địa biến thành tư hữu chế; nhân khẩu ích phồn thực, phú lực nhật lũng đoạn. Giá phản tỷ lệ chi sở cực, thế gian tựu chỉ hữu thiểu số đích quí tộc phú hào, nhất chưởng gia thiên, xã hội thượng khả tăng khả bi đích hiện tượng hòa khuynh hướng, đãi

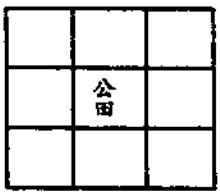
(1) Niên phổ thượng

số bất thăng số. Giá cá yếu giai do ư phú đích kiêm tính cập tỉnh điền chế phá hoại liễu đích nguyên cố.

他生存的時代，富的增殖不待說；大部分是依於地力·經濟上的問題所以和土地問題最相關，但自耕田法破壞以來，土地變成私有制，人口益繁殖，富力日壟斷·這反比例之所極，世間就只有少數的貴族和富豪，一掌遮天，社會上可憎可悲的現象和傾向，殆數不勝數·這個要皆由於富的兼併，及井田制破壞了的原故·

Thì đại bây giờ, nhà giàu sở dĩ ngày càng giàu thêm; trừ ra một phần ít, có nhờ các nghề khác, còn đại bộ phận thời chỉ dựa vào sức đất (sức đất là ruộng, vườn, sông, núi, tức là 土地). Nên vấn đề thuộc về kinh tế với vấn đề thuộc về thổ địa rất quan hệ với nhau. Nhưng mà từ khi phép tỉnh điền vừa phá hoại rồi cho tới bây giờ, thời thổ địa biến thành chế độ tư hữu; miệng nhân đinh ngày thêm đông nhiều, sức nhà giàu ngày thêm lũng đoạn ("lũng đoạn" là lựa lọc hết các món lợi ích chung mà chiếm làm của riêng mình). Những cái phần tỷ lệ đó mà lên cho đến kỳ cùng, nên nỗi trong thế gian chỉ có một phần ít là qui tộc và phú hào, một bàn tay che bịt trời, làm nên cái hiện tượng đau đớn gớm ghê ở trong xã hội, tai hại ấy thật không xiết kể ! Tìm cho đến nguyên do, thiệt chỉ vì bọn giàu kia kiêm tính và phá hoại mất phép tỉnh điền.

Đồ thuyết về phép "tỉnh điền" :



Mỗi nhất tỉnh phân vi cửu khoảnh: mỗi khoảnh bình phương nhất bách mẫu, công cấp dân phu cộng bát nhân. Mỗi nhân nhất khoảnh địa lực tương đương, thông lực hợp tác, các hưởng kỳ sở đắc chi lợi, xuất nhập tương hữu, bệnh tật tương phù trì, bát gia hựu hợp canh kỳ trung chi nhất khoảnh, nhi nạp kỳ sở

đắc chi công lợi ư công gia, dĩ vi công gia chi dụng, sở dĩ bất tu phú thuế nhi quốc dữ dân giai vô bần phạp chi hoạn.

每一井分為九頃；每頃平方一百畝，公給民夫共八人，每人一頃，地力相當，通力合作，各享其所得之利，出入相友，病疾相夫持，八家又合耕其中之一頃，而納其所得之利於公家，以為公家之用；所以不須賦稅而國與民皆無貧乏之患。

Nghĩa là : Mỗi mạt đất một khuông tỉnh, chia làm 9 khoảnh (每一井分為九頃); mỗi khoảnh vuông vức 100 mẫu, công cấp cho nhân dân, mỗi 8 người chung ăn phần ruộng một tỉnh, mỗi người một khoảnh, phần đất cân như nhau; 8 nhà chung sức với nhau, cày cấy chung với nhau. Tới khi xong mùa, ai nấy cứ hưởng lợi sở đắc ở trong khoảnh ruộng ấy. Khi ra vào bầy bạn với nhau, nếu có người đau ốm thời cứu dỡ cho nhau. Còn một khoảnh ở chính giữa trung ương, gọi bằng công điền thời 8 nhà chung quanh góp sức làm cày mà đưa lợi sở đắc đó nạp vào quan. Sở dĩ quan chẳng cần phải thâu thuế, dân chẳng cần phải nạp thuế mà nước với dân thảy không bên nào đói thiếu. Muốn làm cho nhà giàu không còn kiêm tính nữa thời phép tỉnh điền thế nào cũng phải được sống lại. Thầy Mạnh trước 2.000 năm từng chủ trương như thế, há phải không lý do đâu !

在他二千餘年前之古代，孟子曾主張過！

Họ Nhan từng thuyết minh rằng :

Thổ địa giá đông tây, bản thị thiên dữ đích, sở vị thiên huệ chi vật, bản bất thị nhất nhân sở đắc nhi tư hữu đích tánh chất đích đông tây. Thùy dã thị xích điểu điểu nhất ty bất trước địa tùng mẫu thân hoài lý sinh xuất lai đích; vi thậm ma nhất tiểu bộ phận đích nhân phú, chung thân vinh hoa nhi đại đa số đích nhân chuyển yếu khốn khổ thân ngâm chí ư cùng tử nê ? Giá quả thị xuất ư thiên ý ma ! Như quả nhất tử sanh nhi phú, tha số tử sanh nhi cùng, vi phụ mẫu đích năng thị vi thường

tình nhi bất chi quái, nhi bất chi lực đổ cải biến cứu chính ma. Sở dĩ thổ địa đích tư hữu, vô luận như hà, đương cấm chỉ. Tế tư điền nhi nhất tô thuế, tài thị đạo lý.

土地這東西，本是天與的，所謂天惠之物，本不是一人所得而私有的性質的東西．誰也是赤條條一絲不著地從母親懷裏生出來的；為甚麼一小部分的人富，終身榮花，而大多數的人轉要困苦呻吟至於窮死呢？這果是出於天意麼！如果一子生而富，他數子生而窮，為父母的能視為常情而不之怪，而不之力圖改變救正麼．所以土的私有，無論如何，當禁止．齊私田而一租稅，才是道理．

Giống thổ địa đó, khi chưa có người mà đã sẵn rồi, chính là của mà trời làm ơn cho người, chẳng phải là giống mà một người nào tư hữu được.

Hễ loài người khi mới lọt lòng mẹ, chẳng thấy ai là mang một tấc đất mà ra cả. Vì sao mà một hạng người bộ phận ít, ruộng trên ao dưới, có bay thẳng cánh, ăn không ngồi nể sung sướng một đời, mà những bọn dại đa số thời lại không chút đất cắm dùi, đau đớn khốn cùng cho đến khi chết !

Như thế, có đúng với lý trời không ? Trời đất là cha mẹ của người, mà người thảy là con của trời đất; nếu như chỉ một đứa con sanh mà giàu sướng, còn nhiều đứa con sanh mà đói cùng, cha mẹ có thể dương mắt dòm mà không ái ngại không ? Làm nhà chính trị, đến lúc đó mà chẳng lo cứu vớt sửa sang, có bảo rằng thuận ư nhân tình được không ? Sở dĩ chế độ tư hữu, vô luận thế nào, tất phải cấm chỉ mới xong. Cần hết cả tư điền mà làm cách thu nhập như phép tỉnh điền, mới là đạo lý.

Lại có lời thuyết minh của họ Nhan như sau này :

Ruộng đất ở trong khoảng trời đất; lẽ nên cho những người ở trong khoảng trời đất hưởng chung như nhau (天地間田，宜天地間人共享之). Nếu thuận lòng bọn nhà giàu kia thời có lẽ tóm góp hết của cả muôn người mà cấp

cho một người, nó cũng chưa dã chán (若順彼富民之心，即盡萬人之產而給一人，所不厭也). Kể vương đạo mà thuận nhân tình, thời có thế dâu ! (王道之順人情固如是乎). Huống gì một người mà có vài trăm khoảnh ruộng; trái lại, vài trăm người mà chẳng được một khoảnh đất (況一人而數百頃，或數十百人而不一頃). Người làm cha mẹ dó, há có lẽ cho một đứa con giàu mà bát mấy đứa con kia đói, dành lòng được hay sao ? (為父母者使一子富，而諸子貧，可乎？); huống gì đời bây giờ ruộng hoang đất bỏ còn có 2, 3 phần ở trong mười (況今荒廢至十之二三). Bây giờ ta cày khẩn cho hết mà chia làm từng tỉnh, bao nhiêu dân lưu ly vô cốc, thời dời nó tới ở những chốn ấy, cung cấp cho nó trâu cày và lúa mộng, khiến nó được cày chung ăn chung, thời chẳng những ruộng không thiếu mà lại có ruộng dư nữa kia !

(墾而耕之，移流離無告之民，給牛種而耕焉，田自更餘耳).

Vì vậy nên thấy lại chủ trương phép "đồn điền" như đời xưa.

Đời nhà Chu trở về trước, gửi binh lính ở trong dân cày, mới bày ra phép "đồn điền", lại quan hệ với phép "tỉnh điền" như trên đã nói. Mỗi dân trong mỗi tỉnh, lặt lấy những người tráng dinh, hễ khi cày gặt xong rồi, thời kén chọn những địa điểm nào cho vừa thích hợp, chia ra làm hai ban : một ban văn, một ban võ mà huấn luyện cho nó bằng việc binh, vừa làm dân cày, vừa làm quân binh; lấy những điều tiết nghĩa mà dạy cho nó, lấy thiên chức làm bản phận mà tỏ cho nó, thời chắc kết quả sở đắc, một phương diện thời giàu được nước mà dè dặt được tài dụng, lại một phương diện nữa thời quân lính biết yêu nước mà liều chết với giặc (*bài này chép ở "Tồn trị thiên"*).

Nghị luận ý tứ như trên ở trên đường kinh tế, ở trên đường quốc phòng, ở trên binh thực, rất có thể gọi bằng trí thức cao tột. Vả lại, những chính sách ấy, thảy là nói được cụ thể phân minh, so với những hạng nói khoác ở trên bàn sách, thiệt khác nhau rất xa.

Tài thực dụng kinh quốc của thầy, há phải như những bọn trống sơn bánh vẽ đâu !

Học thuyết của ông Nhan Tập Trai, thầy là hoàn tuyền thực học. Những điều mà nhà nho của Tống, Minh đương còn thiếu kém, nhờ thầy mà bổ cứu được rất nhiều. Những chính luận thuộc về vấn đề kinh tế và xã hội, tuy đến ngày nay, vẫn còn chiếm một địệu bộ rất có giá trị.

Đái Đông Nguyên

Họ Đái, tên Chấn, tự Đông Nguyên, thầy vẫn là một đại gia ở trong Khảo chứng học; những sách thầy làm nhiều chốn phát huy được chân chính tinh thần của Khổng, Mạnh; nên biên mấy đoạn danh ngôn như dưới này :

Thầy có một câu nói rất lạ lùng, ai đầu mới nghe, chắc bảo là quái gở, nhưng nghĩ cho kỹ thời cũng đúng lẽ lắm.

Thầy nói rằng : "Thánh nhân trị thiên hạ, tất thể tình của dân, an thỏa lòng dục của người, mà đạo vương mới tu minh được".

聖人治天下，體民之情，遂人之欲而王道修

"Dục" của người là gì ?

Sách ***Lễ Ký*** có nói rằng : "Ẩm, thực, nam, nữ, nhân chi đại dục tồn yên", thế thời lòng dục của người chẳng gì lớn hơn ăn uống và trai gái.

禮記曰：飲，食，男，女人之大欲存焉

Vậy nên Thánh nhân trị dân, tất là khiến cho dân thỏa được lòng dục, nên thầy Mạnh nói đến nhân chính, tất khiến cho **"cư giả hữu tích thương, hành giả hữu lỡa lương"** (居者有積倉，行者有裹糧) nghĩa là người ở nhà có kho lẫm trữ lúa; người đi đường có túi dãy trữ gạo. Lại tất khiến cho **"nội vô oán nữ, ngoại vô khoáng phu"** (內無怨女，外無曠夫), nghĩa là ở trong không người con gái không chồng mà oán, ở ngoài không người con trai không vợ mà ở suông. Lại nói rằng : "Vương như háo hóa, dữ bách tính đồng chi; Vương như háo sắc, dữ bách tính đồng chi"

王如好貨 與百姓同之；王如好色，與百姓同之 (*nghĩa đã thích ở Chương nhất*). Chính sách của Thánh hiền đời xưa, chỉ cốt "**thể nhân tình, toại nhân dục**" là như thế.

Chính sách người đời sau thời trái hẳn : Không nghĩ đến tình dục người ta, mà trách người ta bằng lý (責以理也). Kẻ tôn lấy lý trách kẻ ty (尊者以理責卑); kẻ trưởng lấy lý trách kẻ ấu (長者以理責幼); kẻ quý lấy lý trách kẻ tiện (貴者以理責賤). Tuy có sai lỗi, nhưng bảo thế là thuận 雖失謂之順. Đến như người ty, người ấu, người tiện, lấy lý mà trách lại người tôn, người trưởng, người quí, thời dẫu có phải, nhưng cũng cho là nghịch (卑者，幼者，賤者，以理爭之，雖得之謂之逆). Lúc bấy giờ, người ở giai cấp dưới, dẫu có những việc đồng tình đồng dục khắp cả thiên hạ, mà không thể dạo đạt được với người trên (於是下之人不能以天下之同情，天下所同，欲達之於上).

"Người trên cứ một mực lấy lý trách người dưới (câu này rất đúng với luật "bất ưng vi" (不應為) của nước ta), mà người bị tội ở dưới không biết bao nhiêu mà kể". (上以理責其下，而在下之罪人，不勝指數).

"Người bị pháp luật mà chết, còn có kẻ thương đến (人死於法，猶有憐之者). Người vì lý mà chết, thời có mấy ai thương đến nơi (死於理其誰憐之).

"Than ôi ! Theo các lời nói của ngụy nho để làm trị, họa lại thậm hơn Thân Hàn đến như thế"嗚呼！誰乎老釋之言以之言，其禍甚於申韓如是也(疏證上)

Thầy lại nói tệ bệnh của người ta, nặng nhất chỉ có hai chữ "tư" (私) và "tế"(蔽).

"Tư" là lòng tự tư, tự vị; "tế" là che bịt vì ý kiến riêng hay tập quán xấu. Nên thầy chủ trương học vấn giáo hóa, cốt cho người ta "bất tư, bất tế".

Thầy có câu nói rằng :

Nhân thả trí giả, bất tư bất tế giả dã.

仁且智者，不私不蔽者也.

Nghĩa là người không lòng riêng thời đúng với đức nhân; không bị cái gì che lấp thời đúng với đức trí.

Ở trong bản sách *Nguyên Thiện* của thầy có một đoạn ràng :

Nhân chi ẩm thực dã, dưỡng kỳ huyết khí; nhi kỳ vấn học dã, dưỡng kỳ tâm trí. Thị dĩ tự đắc vi quí.

人之飲食也，養其血氣，而其問學也，養其心知．是以自得為貴．

Nghĩa là người ta phải có đồ ăn thức uống mới nuôi được huyết khí của mình; mà lại phải có công phu học vấn mới nuôi được óc khôn. Hai món ấy, không thiếu được món nào, vậy nên cần phải "tự đắc" ("tự đắc" nghĩa là tự giữa mình sẵn có, mà chẳng phải vay mượn đến ai).

Huyết khí đắc kỳ dưỡng, tuy nhược tất cường; tâm trí đắc kỳ dưỡng, tuy ngu tất minh. Thị dĩ khoách sung vi quí.

血氣得其養，雖弱必強；心知得其養，雖愚必明．是以擴充為貴．

Nghĩa là huyết khí sẵn đồ nuôi, thời tuy yếu hèn, tất cũng hóa ra mạnh (**huyết khí đắc kỳ dưỡng, tuy nhược tất cường**); óc khôn sẵn đồ nuôi thời tuy ngu ám, tất cũng hóa ra minh (**tâm trí đắc kỳ dưỡng, tuy ngu tất minh**). Vì vậy, nên cần phải "khoách sung" (**thị dĩ khoách sung vi quí**).

("Khoách sung" nghĩa là mở rộng cho thiệt đầy đủ). Nuôi huyết khí, tất phải khoách sung đồ ẩm thực; nuôi tâm trí, tất phải khoách sung đường học vấn. Đủ cả hai mặt, thời người thiên hạ không ai không thỏa được lòng.

"Giáo dục thuyết" của thầy Đái Đông Nguyên, tóm vào mấy câu trên ấy.

Học giả Thái tây có câu nói ràng : "tinh thần kiện tuyển trữ vào ở trong thân thể kiện tuyển; thân thể kiện tuyển dựa vào ở tinh thần kiện tuyển".

健全的精神，宿於健全於身體；健全的身體，宿於健全的精神．

Tóm lại, Khổng học phái ở đầu triều Thanh : Cố, Hoàng, Nhan, Đái, bốn nhà in nhau, tuyển là phá đổ tường bích của Tống nho, Minh nho mà tiến thẳng vào cung đình Khổng,

Mạnh. Nên hoàn tuyển chú trọng về thực dụng, thường có ý tiếp cận với "công lợi thuyết" của Thái tây. Tuy nhiên "công lợi thuyết" của Thái tây là cốt để ủng hộ quyền lực của cá nhân; "thực dụng thuyết" của bốn nhà thời cốt để bổ cứu cho sự dau đớn của xã hội. Hai bên mục đích khác nhau xa, chúng ta nên biết.

Ngoài bốn nhà trên kia, lại có hai người : một là Tôn Hạ Phong, hai là Lý Nhị Khúc :

1)- Tôn Hạ Phong

Họ Tôn, tên Kỳ Phùng, tự Khải Thái, hiệu Hạ Phong. Thầy tuổi dã trưởng thành, thờ cha mẹ rất hiếu, có tài năng, có khí tiết. Thầy nguyên người ở huyện Dung Thành (容城), năm thứ 9 đời Sùng Trinh, giặc vây thành huyện, thầy tự chỉ huy phương lược, suất thổ dân ra đánh giặc, giặc phải lui.

Vua Thánh Tổ triều Thanh nghe tiếng thầy, rước thầy nhiều lần, thầy không ứng; dời nhà qua Cộng Thành, mở nhà học Kiêm Sơn Đường (兼山堂), chuyên giảng ***Kinh Dịch***. Vả suốt con cháu cày ruộng ở nhà tranh không trồng mà vui vẻ như thường.

Thầy có câu nói tự thuật rằng : "Công phu lúc bảy mươi tuổi, so với lúc sáu mươi tuổi, kỹ càng hơn; công phu lúc tám mươi tuổi, so với bảy mươi tuổi, kỹ càng hơn; công phu năm chín mươi tuổi, so với tám mươi tuổi, kỹ càng hơn".

七十歲的功夫，較六十歲，密也；八十歲的功夫，較七十歲，密也；九十歲的功夫較八十歲，密也。

Thầy ở đời trải 92 tuổi, nhưng học vấn khí tiết in như một ngày.

Thầy có câu nói rằng :

Nhân giả, thiên địa chi tâm dã; nhân thất kỳ vi nhân, thiên địa hà dĩ thanh ninh.

人者，天地之心也；人失其為人，天地何以清寧。

Con người ta, chính là lòng của trời đất : nếu người mất cái sở dĩ làm người thời trời lấy gì trong sáng ? đất lấy gì an lặng được ?

Lại có câu :

Thành, khuyết tại sự, bất tại tâm; vinh, nhục tại tâm, bất tại sự.

成，缺在事，不在心；榮，辱在心，不在事。

Thành công hay thất bại tại nơi việc, chẳng tại nơi tâm; nếu tâm mình hoàn toàn thời thất bại cũng là thành công. Vinh hay nhục tại nơi tâm, chẳng tại nơi sự; nếu tâm mình xấu hổ, thời vinh hoa cũng là sỉ nhục.

Sách thầy làm có bản "Lý học tông truyền" (理學宗傳) (26 quyển); "Tứ thư cận chỉ"(四書近指) (20 quyển);"Độc dịch đại chỉ" (讀易大指) (5 quyển); "Lý học truyền tâm toản yếu" (理學傳心纂要) (8 quyển).

2)- Lý Nhị Khúc

Họ Lý, tên Ngung, tự Trung Thu, hiệu là Khước. Cha là Lý Khả Tùng, năm thứ 15 hiệu Sùng Trinh, đem 5.000 tráng sĩ, chiến tử ở dưới thành Tương Dương. Lúc ấy thầy còn trẻ, không đi theo quân được. Thầy vì cha mất sớm, nhà nghèo, không thể đi học ở trường được, chỉ học tập viết chữ với mẹ, nhưng vì thiên tài quá tốt, học chẳng bao lâu mà đã tiến bộ nhiều. Vì nhà không sẵn sách, chỉ mượn sách ở thân hữu về xem. Nhưng kinh, sử, tử, tập cho đến sách Lão, Phật, thứ gì cũng đọc hết.

Năm thứ 4 đời Khang Hy, vào Đạo Nam thư viện, giảng sách cho Đông Lâm học đồ nghe, người nghe kể hàng vạn. Năm thứ 17 đời Khang Hy, vua có chiếu mời chân nho trong nước, trong triều đình nhiều người tiến cử thầy, nhưng thầy cố từ không chịu đi. Lúc chiếu chỉ vua đòi gấp quá, đến nỗi thầy muốn tự tử, triều đình mới không đòi thầy nữa. Từ đó về sau khóa cửa không tiếp người; duy Cố Viêm Võ tiên sinh đến nhà, thầy mới một lần khoản đãi rất vui.

Lúc Thánh Tổ tuần du đến huyện Tây Yên, muốn tiếp kiến thầy, thầy từ bệnh không tới yết. Vua ban bốn chữ "Quan trung đại nho" (關中大儒) cho thầy.

Sách thầy làm có bản "Toàn tập" (全集) (26 quyển); trong đó có 8 quyển "Tứ thư phản thân lục" (四書反身錄) và bản "Thập tam kinh củ mâu; nhị thập nhất sử củ mâu" (十三經糾繆， 二十一史糾繆). Tinh lực của thầy chỉ có mấy bản sách ấy, bởi vì mục đích của thầy không ở nơi trước tác.

Thầy thường có câu nói rằng :

Việc trước tác của Thánh hiền đời xưa, chỉ là xuất ư bất đắc dĩ, chẳng phải lấy trước tác mua tiếng.

著述事大抵古聖賢不得已而後作，非以立名也

Vậy nên có một câu nói gì ra đời, chói chang như mặt trời, mặt sao, muôn đời ăn uống mãi chẳng hết.

故一言之出，炳若日星，萬世飲而不盡

Lời thầy giảng kinh Dịch, có một câu rất hay :

Kim thả bất tất cầu Dịch ư Dịch, nhi thả cầu Dịch ư kỷ.

今且不必求易於易，而且求易於己

Nay học giả ta bất tất cầu Dịch Lý ở Kinh Dịch, mà hãy cứ cầu Dịch Lý ư giữa mình; tức như một ngày 12 giờ, một giờ 10 khắc, mà cứ lo bỏ lòng dục, giữ lẽ trời, đó tức là "**thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức**".

無時無刻而不去欲，存理為務，即此便是天行健，君子以自強不息

Hai câu trên, nguyên chính văn ***Kinh Dịch***, lời *Tượng truyện* của đức Khổng, quẻ Càn; nghĩa là xem tượng quẻ Càn thời biết được thể trời vận hành luôn luôn chẳng bao giờ nghỉ, thiệt là rất mạnh khỏe; quân tử bắt chước trời thời dùng theo tượng Càn mà tự giữa mình miễn cưỡng siêng năng chẳng giây phút nghỉ.

Hai chữ "tự cường" nghĩa là mình lấy sức mình làm cường cho mình, chẳng chờ ai giúp đỡ, chẳng đợi ai đốc xúc.

Chẳng những một thân mà thôi, việc một nhà một nước cũng như thế. Nghĩa hai chữ "bất tức", ý như lời thầy Tăng nói : 仁以為己任，死而後已 ở trong ***Luận Ngữ***.

Tư tưởng của thầy Tôn Hạ Phong, thầy Lý Nhị Khúc, hai người in như nhau, mà học thuyết thời chiết trung cả Trình, Chu, Lục, Vương. Đó là một đặc sắc của hai thầy.

Lục Phù Đình

Họ Lục, tên Thế Nghi, tự Đạo Uy, hiệu Phù Đình. Thầy sanh năm thứ 39 đời Vạn Lịch triều Minh. Lúc thầy mới đi học, đã có chí làm việc đời. Gặp buổi Minh suy, lưu tặc hoành hành, sanh dân đồ thán, thầy đau lòng tét mắt, dâng thư lên triều xin cử dụng những người văn võ cán lược. Triều đình không nhắc tới, thầy lui về làm nhà ở ẩn, chuyên một việc giảng học ở Đông Lâm. Đoạn rồi, vừa Minh mất nước, thầy cứ giảng học không nghỉ. Triều Mãn Thanh nhiều phen khởi dụng thầy, nhưng thầy cố từ bất xuất. Học thuyết của thầy chuyên khuynh hướng về Trình, Chu, nhưng lại lấy Khổng, Mạnh làm chân đích.

Thầy có những câu nói như dưới này :

Kim chi sở đang học giả, chính bất chỉ lục nghệ; thiên văn, địa lý, hà cừ, binh pháp chi loại, giai thiết thế dụng, bất khả bất giảng.

今之所當學者，正不止六藝；天文，地理，河渠，兵法之類，皆切世用，不可不講.

Thiên văn là những giống trắc lượng thể trời, xem xét khí hậu, suy tính được thủy, hạn, phong, tai, mà dự bị cứu tế, gọi bằng "thiên văn học". Địa lý là nghiên cứu địa hình địa chất và địa dư địa đồ, cho đến các thứ thổ nghi, các xứ hiểm yếu, gọi bằng "địa lý học". Hà cừ là các pháp đào sông, tạc ngòi, mở kênh đem nước, như lối dẫn thủy nhập điền, đắp đê ngự thủy, thảy là "hà cừ học". Binh pháp là các pháp thuật để hành binh, như chiến lược, chiến thuật, quân giới, quân nhu, tất thảy nghiên cứu đến nơi là "binh pháp học".

Lại có câu nói rằng :

Thiên hạ vô giảng học chi nhân, thử thế đạo chi suy dã; thiên hạ giảng học chi nhân, diệc thế đạo chi suy dã.

天下無講學之人，此世道之衰也；天下皆講學之人，亦世道之衰也。

Ý nghĩa thầy nói rằng : Khắp thiên hạ chỉ là người xu danh lợi mà chẳng một người nào giảng học, vẫn là đường đời đến lúc suy rồi; nhưng mà có người giảng học, tất cần có người thực hành; nếu tất cả thiên hạ mà chỉ thấy là người giảng học, cũng là đường đời suy lắm rồi đó.

Thầy rất ghét hạng nói suông, nên có câu nói rằng :

Cận thế giảng học, đa không đàm, không đàm thậm hại sự.

近世講學多空談，空談甚害事。

CHƯƠNG VIII

KHỔNG HỌC PHÁI Ở CUỐI TRIỀU THANH VÀ BẮT ĐẦU VÀO DÂN QUỐC

Thì đại cuối triều Thanh có một "học phái mới" sản xuất. Phái này gốc ở Khổng học mà ra, nhưng lại bắt tay với "Tây dương tư tưởng"; bảo họ là thuần túy Khổng học, e không đúng lắm; mà bảo họ là Khổng học tân phái, thời e đúng hơn. Người làm lãnh tụ cho học phái này là Khang Hữu Vi.

Khang Nam Hải

Họ Khang, tên Hữu Vi, tự Quảng Hạ, hiệu Trưởng Tố.

Khang thường nói : Khổng Tử là một vị Thánh nhân cao nhất ở trong thế giới, chú tinh thần vào "đại đồng chủ nghĩa", cốt làm cho tuyền thế giới được thái bình. Dẫn "Tam thế thuyết" ở trong "Công Dương truyện" làm chứng. ("Tam thế" là đời suy loạn, đời thăng bình, đời thái bình; đời thái bình chỉ vào đời đại đồng).

Khang lại nói rằng : Kế tiếp được tinh thần đức Khổng, chẳng ai hơn thầy Mạnh. Ở trong sách ***Mạnh Tử***, có những thuyết "Dân tặc, độc phu, phân điền, chế sản" (民賊，獨夫，分田，制產), thảy là phát huy tinh thần "đại đồng". Đến như thầy Tuân thời vì tôn trọng quân quyền quá, nên Khang bảo thầy Tuân là "tiểu nho chi khôi".

Đại lược học thuyết Khang như thế. Khang lại hấp thụ

được tư tưởng Âu Tây, nên rất hăng hái cải cách. Triều Quang Tự đời Thanh, Khang từng phen dâng thư xin biến pháp tự cường. Cuộc chính biến ở năm Mậu Tuất (*1898*), chính Khang là lĩnh tụ.

Nhưng có một điểm rất khác lạ : Học thuyết của Khang thời chủ trương "đại đồng dân chủ", và "cực đoan bác ái, cực đoan bình đẳng"; mà đến công việc làm của một đời Khang thời lại thỉ chung chỉ có "bảo hoàng" và "phục bích".

Ngôn và hành mâu thuẫn nhau quá, chúng ta thiệt không dám nhận Khang là Thánh. Tuy nhiên, những bản sách Khang làm như bản 孟子微 (2 quyển); 大同書 (1 bộ); 孔子改制考 (21 quyển), thời học giả ta nên nghiên cứu đến.

Đồng thì với Khang, lại có bốn người, thảy là người rất có quan hệ với cuộc cải cách nước Trung Hoa, mà cũng đáng gọi bằng "Khổng học thực hành phái". Lược biên như dưới :

Trâu Dung

Họ Trâu, tên Dung, người tỉnh Tứ Xuyên. Nguyên đầu học vấn cử nghiệp, từng đỗ cử nhân; cuối triều Quang Tự, phong triều mới nổi lên, bỏ khoa cử, theo cách học mới. Trâu lưu học Nhật Bản, trông thấy qui mô phú cường của Nhật Bản, càng tức giận Thanh triều hủ bại và ghét thói áp chế của người Mãn. Đầu tiên phát hành một bản sách gọi bằng "***Cách mệnh quân***", chủ trương đánh đổ Mãn Thanh, dựng nước dân chủ. Bản sách này ảnh hưởng đến tuyển quốc, Thanh triều giận lắm, nhân lúc Trâu ở Nhật Bản về, đón bắt ở Thượng Hải bỏ vào ngục. Trâu tự tử ở trong ngục. Nhưng chẳng bao lâu thời tiếng súng bài Mãn vang động bốn phương, Trâu thiệt là người châm ngòi trước hết.

Chương Thái Viêm

Chương Thái Viêm, người tỉnh Chiết Giang, họ Chương, tên Bính Lân, tự Thái Viêm. Từng đỗ cử nhân, sau qua Nhật Bản, gặp Trâu Dung, bát đầu kết làm đồng chí. Trâu Dung làm bản sách "*Cách Mệnh quân*", Chương có đề bài tự, nên

đồng thì bị xuống ngục với Trâu.

Sau lúc Trâu tuận nghĩa 6 năm, Chương được ra ngục, lại trốn sang Nhật Bản, dụng Tôn Trung Sơn từ Mỹ châu về Nhật Bản tổ chức hội "Trung Quốc Đồng minh hội", Chương làm một người trọng yếu ở trong hội, lại làm chủ bút tờ "***Dân Báo***".

"Trung Quốc Đồng minh hội" sở dĩ kết quả được thành công, nhờ cơ quan ở tờ "***Dân Báo***", công bút mực của Chương chẳng phải là ít. Chương tiên sinh lại một tay kiện tướng ở trong "khảo chứng học phái", mà học thuyết lại pha vào Phật học tư tưởng.

Sách Chương làm nhiều lắm, như những bản "***Nguyên Đạo, Nguyên Danh, Minh Kiến, Nguyên Mặc, Đính Khổng, Nguyên Pháp, Tế Vật luận thích***", thảy là sách có giá trị.

Lương Nhậm Công. (1)

Họ Lương, tên Khải Siêu, biệt hiệu Nhậm Công tiên sinh, lại có hiệu "Ẩm Băng Thất chủ nhân", người tỉnh Quảng Đông. Lương tuổi trẻ thông dĩnh lạ thường : 16 tuổi thi Hương đậu Giải nguyên, 19 tuổi vào Vạn Mộc Thảo Đường học với Khang Nam Hải. Tư tưởng học thức mới, phát đạt lạ thường. Lúc vua Quang Tự biến pháp, đưa Lương vào tham dự tân chính, vì Tây thái hậu bất dung, cơ hồ bị hại, may thoát khỏi, trốn qua Nhật Bản, lập nhà "Tân Dân tùng báo", làm lấy chủ nhậm và chủ bút. Tư tưởng mới của học giả đương thì, ảnh hưởng vì sách vở của Lương nhiều lắm, như bản sách ***Trung Quốc hồn, Mậu Tuất chính biến ký*** thời lại ảnh hưởng đến học giả nước ta.

Lương, lúc đầu tuy theo thầy là Khang Hữu Vi, nhưng cách hành động với tông chỉ của Lương thời khác hẳn Khang.

Ở Nhật Bản chẳng bao lâu lại du lịch Mỹ châu, càng tâm túy với tư tưởng dân chủ, thoát ly đảng Bảo hoàng, tán thành Dân Quốc. Năm thứ tư Dân Quốc, Viên Thế Khải phản quốc xưng đế, Lương với học trò là Thái Tùng Ba, đầu tiên

(1) Xem ***Tự Phán*** của cụ Sào Nam, sẽ biết Lương là bạn tâm đắc của cụ Sào Nam

khởi nghĩa đánh Viên. Lương làm Tham mưu trưởng cho quân Hộ quốc. Văn tự ở trong quân có bản ***Tuận ty tập*** đủ biểu hiện được tài chính trị với quân lữ.

Thực hành phải ở trong Khổng học, thiệt phải nhận Lương tiên sinh làm một vị kiện tướng. Mà lại về phương diện khảo cứu học thuật, chỉnh đốn cổ thư cũng có thể đối địch với Chương Thái Viêm. Xin xem bản sách "Thanh đại học thuật khái luận" 清代學術概論 , với bản ***Âm băng thất tùng thư*** thời dám kêu to lên rằng : Biết bao giờ nòi Khổng học nước ta mà có được những hạng người như thế !.

Uông Tinh Vệ

Uông Tinh Vệ, họ Uông, tên Triệu Minh, hiệu Tinh Vệ, người tỉnh Quảng Đông, con một ông quan tri phủ. 16 tuổi, đỗ cử nhân, liền qua lưu học ở Nhật Bản, say chủ nghĩa Cộng hòa, gia nhập Trung Quốc Đồng minh hội; làm người tâm phúc cho Tôn Trung Sơn, gửi giấy về cho cha ở nhà, xin cha từ tuyệt con, bảo rằng : "Con ngày nay chỉ biết là con cháu Hoàng đế, chứ chẳng phải con cháu họ Uông". Lại gửi giấy cho vị hôn thê là Lưu Thị Trinh rằng: "Triệu Minh ngày nay đã vào cách đảng, dầu họng chưa biết dứt khi nào, xin cô tuyệt hôn với Triệu Minh, khỏi làm lụy đến một đời cô". Đánh hai tờ giấy xong rồi, nói với Tôn Trung Sơn xin thừa nhận việc đi ám sát Nhiếp Chính Vương nhà Thanh. Lúc ấy Uông mới 19 tuổi, thẩm vào Bắc Kinh, đồng hành có Hoàng Phục Sanh, chôn chá đạn dưới cầu Thiên Yên, rình Nhiếp Chính Vương ra triều thời giựt máy chá đạn.

Chẳng may việc chưa kịp thành mà mưu đã phát lộ. Triều đình Thanh bắt Uông bỏ ngục, kết án chung thân giam cấm, mà lại ngầm khiến ngục tốt hết sức ngược đãi, toan để Uông chết ở trong ngục. May nhờ có nữ đồng chí là Trần Quân Bích tan hết cửa nhà, đem vàng bạc đút cho ngục tốt để bảo tuyền tính mạng cho Uông. Đến tháng 10 năm Tân Hợi, sau lúc Võ Hán khởi nghĩa, Dân Quốc thành lập, Uông được ra khỏi ngục Bắc Kinh. Dân Quảng Đông được tin, hoan hỷ lạ thường, liên hợp 50 đoàn thể đánh điện lên Bắc Kinh

mời Uông về làm Đô đốc tỉnh Quảng Đông ("đô đốc" là quan thủ hiến tỉnh lúc đó). Uông đánh điện lại cố từ, nói rằng : "Tài học Triệu Minh chỉ vừa làm phá hoại, chưa đủ sức kiến thiết, xin cho xuất dương du học". Nhưng dân Quảng Đông cố mời Uông, Uông bất đắc dĩ phải trốn Quảng Đông mà đi thẳng sang Âu Châu du học ở nước Pháp. Đã đến Paris thời lập một tờ báo ***Dân Nghị*** để liên lạc lưu Pháp học sinh nước Tàu và để thâu nhập xã hội tư tưởng của nước Pháp. Đoạn rồi sau mấy năm, theo Tôn Trung Sơn lên Bắc Kinh. Tờ di chúc của Tôn, chính tay Uông thảo; Tôn hồi đau nặng chỉ ký tên mà thôi.

Nói cho đúng, lịch sử Uông từ đây về trước, vừa nhiệt thành, vừa khí tiết, vừa nhân cách cao thượng, thiệt là một nhà thực hành phái ở trong Khổng học. Nhưng vì hiện tại Uông chưa cái quan (1), ta chưa dám hạ lời định luận.

Duy có một người ở trong Khổng học phái của đời Mãn Thanh chân chính đại đặc sắc tức là thầy Đàm Lưu Dương.

Đàm Lưu Dương

Họ Đàm, tên Tự Đồng, tự Phục Sanh, hiệu Tráng Phi, người huyện Lưu Dương, tỉnh Hồ Nam, sanh năm thứ tư hiệu Đồng Trị đời nhà Thanh, chính vừa năm 1865 tây lịch. Khi thầy 12 tuổi, mẹ thầy là Từ phu nhân mất sớm, bị người mẹ dì ngược đãi rất khổ, nên khi thầy còn trẻ, nếm đủ muôn đắng ngàn cay, thế mà tuổi chưa bao lăm, đã có chí khí rất lớn. Xem hết các thứ sách, có tài làm văn chương, lại có tính chất ham làm việc nghĩa hiệp, học nghề đánh gươm. Đến năm 20 tuổi, theo việc quân ở tỉnh Tân Cương, quan Tuần phủ tỉnh ấy là Lưu Cẩm Đường khen tài thầy lạ lắm. Sau đó khoảng 10 năm, thầy muốn đi giao du hết danh sĩ ở trong nước Tàu. Đi khắp hết 9 tỉnh, bắc từ Trực Lệ, nam tới Đài Loan, chơi rộng đi xa, thấy nghe càng giàu đủ lắm.

Sang năm 31 tuổi, nhân gặp ông Lương Khải Siêu, nghe đến tông chỉ giảng học Khang Nam Hải và qui mô làm việc

(1) Đậy nắp hòm, ý nói chưa chết, vì lúc cụ Sào Nam làm ***Khổng Học Đăng***, Uông chưa chết

đời, thầy rất bái phục, lại nghiên cứu Phật học với Kim Làng cư sĩ là Dương Văn Hội, tâm đắc rất nhiều.

Lúc ấy bỏ quách chức Hậu bổ tri phủ của mình mà đi qua Trường Sa là thủ phủ tỉnh Hồ Nam, lập một nhà học riêng gọi bằng "Thì vụ học hiệu 時務學校, rước ông Lương làm thầy chủ giảng và những bạn đồng chí là Huỳnh Tôn Hiến, Đường Tài Thường đặt ra hội Nam học.

Khi đã giảng cứu văn học rồi, lại bàn bạc đến chính trị mới và hết sức nghiên cứu tình thế của các nước Âu Mỹ, sĩ phong ở Tam tương nhân đó mà biến đổi một dạo lớn.

Lúc ấy các học trò giỏi ở trong Thì Vụ học hiệu, như Lý Bính Hoàn, Lâm Khuê, Thái Ngạc (tức Thái Tùng Ba), thảy là những người sừng sỗi ở đời bấy giờ.

Năm thứ 24 niên hiệu Quang Tự, vua Thanh có ý chí cách tân, mới triệu thầy vào kinh, thầy mới tham tán tân chính. Chẳng dè việc chưa kịp nên mà cơ mưu tiết lộ. Nhân vì Viên Thế Khải ngoại hòa nội phản, vua Quang Tự phải tù ở Dinh Đài, Khang Nam Hải phải chạy trốn qua Nhật Bản. Bấy giờ thầy mới quyết một tấm lòng tuận nghĩa. Thầy nghĩ rằng : Tất phải có một phen đổ máu thời việc cải cách mới có thể làm xong. Vì vậy mới tựu nghĩa, mà bị dứt cổ ở dưới đao cường quyền.

Khi thầy chết, thần sắc rất tự nhiên, thiệt là tráng liệt đến rất mực. Con cháu nhà Khổng học, há vừa dâu !

Sách thầy làm có bộ "Nhân học" (仁學)(2 quyển); "Văn tập" (文集) (3 quyển); "Thi tập" (詩集) (1 quyển); "Tranh nghị" (爭議) (2 quyển), thảy góp vào trong bộ ***"Đàm Lưu Dương tuyển tập"***. Nhưng ở trong ấy thời chủ não tư tưởng, tóm vào trong bộ sách ***Nhân Học***. Nội dung gồm có 27 chương; trong bài "Nhân học giới thuyết" (仁學界說) phô bày được rất minh bạch. Xin trích ra sau này :

"Nhân" là gì ? Chính là bản thể của lòng người (仁是心之傳). Bản chất nó rất lành, mà chẳng lay động (其本質至善，而不動). Gặp có khi cảm xúc thời thông suốt cả thiên hạ (感則通於天下). Nhân chỉ là lương tâm, gốc nó ở nơi thiên lý thiên đạo, sở dĩ sanh hay diệt, bất sanh hay

bất diệt, tất thảy là bình đẳng (仁就是良心，其所本為天理，天道，所以生滅，俱為平等). Vì căn cứ vào nhân tâm ấy, nên nhất thiết xã hội nhân loại, chính trị, đạo đức, tông giáo, thảy những vấn đề ấy bao bọc ôm trữ vào trong lòng nhân. Mà những tinh thần đại đồng của đức Khổng, từ bi nhân ái của Phật Thích Ca, chúa Dê-Du, dân quí quân khinh của thầy Mạnh, tuyệt đối tự do của Trang Tử, cho đến tinh thần Đại cách mệnh của Pháp lan tây, thảy là ở trong nhân tâm đó mà phát hiện ra. Nếu có học thuyết gì mà trái với tinh thần ấy, tức là dị đoan, tức là tà thuyết, v.v...

Đọc hết tuyển pho sách ấy, thiệt là bút chặt đinh, lời chém sắt, thở một hơi mà làm ra.

Thầy bàn tới "chính trị" thời có một câu tóm tắt rằng :

Vì giòng vua đã thịnh, thời Đường, Ngu trở về sau, không còn chính trị gì đáng xem (君統盛，唐虞之後，無可觀之政). Vì Khổng giáo đã mất thời cuối đời Chu trở về sau không còn sách nào đáng đọc (孔教亡，三代之後，無可讀之書). Thầy tuy nói thế, nhưng đối với bản sách ***Minh Di đại phong lục*** của thầy Hoàng Tông Hy và bản sách ***Vương Thuyền Sơn di thư*** thời thầy lại nhân làm gần ý đức Khổng. Nhân vì tư tưởng của họ Hoàng là trực tiếp với Lục, Vương; tư tưởng của họ Vương lại gián tiếp với Chu, Trương; mà Lục, Vương, Chu, Trương, thầy là cội nguồn của thầy Mạnh mà ra.

Đến như những học phái mà theo thầy Tuân, rặt những tục nho, chỉ biết qui trọng quyền vua mà thôi, tất thảy bỉ tiện chẳng cần nói đến.

Bàn về vấn đề "quân chủ", thời thầy nói rằng :

Lúc đầu mới sanh ra người, vẫn không danh hiệu "quân và thần", tất thảy chỉ là dân mà thôi (生民之初，本無所謂君臣，則皆民也). Đã là dân cả thời không thể cai trị nhau, mà cũng không thì giờ làm việc cai trị (民不能相治，亦不暇法). Lúc bấy giờ ở trong đám dân đó, cộng cử một người lên mà đặt làm vua (於是共舉一人為君). Người làm vua đó, đã là dân cộng cử lên, thế thời chẳng phải vua lựa chọn dân, mà dân lựa chọn lấy vua đó vậy (夫曰

其舉之，則非君擇民，而民擇君也）

Vì dân lựa chọn lấy vua, nên gọi bằng cộng cử. Đã gọi bằng cộng cử thời phận vị của vua có gì cao xa hơn dân; mà có lẽ lại cũng thấp sút như dân kia mà.

夫曰：共舉之，則其分際，又非甚遠於民，而不下齊於民也

Vả lại, vì nhân dân cộng cử mà thành ra vua, thế là trước có dân mà sau mới có vua（夫曰：共舉之，則固有民而後有君　）. Vua đó là ngọn (君末也), dân kia là gốc（民本也）.

Lẽ trong thiên hạ, chẳng bao giờ nhân vì ngọn mà làm hại đến gốc（　天下無有因末而累及本者　）; cũng há có lẽ gì nhân vì vua mà làm hại đến dân nữa ru ? (亦起可可因君而累及民哉). Ôi ! Đã nói rằng cộng cử lên thời tất cũng có lẽ cộng phế được (夫曰：共舉之，則且必可共廢之). Bởi vì người làm vua đó, chỉ là người biện sự cho dân mà thôi (君也者，為民辨事者也). Người làm tôi đó chỉ là người giúp vua biện việc cho dân (臣也者，助辨民事者也).

Những người đó biện việc không xứng đáng, thời bỏ quách, có đạo lý gì lạ đâu !

Tư tưởng dân chủ của thầy, ở trong khối óc trọng dân, khinh vua mà tuôn ra, lấy những nguyên nhân mà xưa nay vua với dân xáo đầu làm dít, dít làm đầu, thầy nói được tường tế rất mực. Thầy nhận rằng : quân quyền sở dĩ khoách trương, chỉ là kết quả của hai tạo nhân : một là tập quán hủ cũ ở trong lịch sử; hai là nhà nho gian dối, cáo mượn hơi hùm. Vì hai nguyên nhân ấy nên kết quả thành ra quân quyền lớn hung (君權的擴張，全由於歷史的因襲，及邪學小儒，阿君附上的結果

Quân chủ trong lịch đại, tất thảy là bọn độc phu mà hút máu mủ dân, bóc lột của cải người, dâm hiếp vợ con người; mà những hạng người gọi bằng trung thần thời chỉ là những bọn chim chuột mà có thủ đoạn giùm giúp cho Kiệt, Trụ làm ác. Như thế mà người trong đời hãy còn nhận làm quý hóa, đem nó làm gương cho danh giáo　, thiệt

là ngu bất khả cập.

歷代的君主都是咬民膏血，竭民財物，淫人妻女的獨夫；而所謂忠臣者，則是助這種架紂為虐的鼠輩，世人猶引為尊貴，引作名教的龜鑑，眞是愚不可及

Thầy lại đem cái mút bút nhọn sắc của thầy đâm chọc đến triều Mãn Thanh, lửa phụt ra ở đầu ngòi lông, máu ứa chảy trên hàng chữ mực. Thầy đã không thừa nhận quân thần quan hệ, thầy lại đem nhãn quan ở nơi xã hội mà chính là một cội gốc của học thuyết thầy, thầy quyết định rằng :

Chính trị dân chủ cộng hòa, chính là ý trời lòng dân ở vào chốn ấy. Vậy nên nguyên lý với tinh thần của chính trị, chỉ có một chốn đứng vững chân, tức là ức muôn người bình đẳng như nhau, sẽ gây nên thế giới cộng vinh 共榮 , cộng tồn 共存 với nhau民主共和的政治，就是天意民心之所存處，政治的原理和精神，要當立脚於萬人的相互平等之上以圖其相互的共榮共存的

Đó tức là "bình dân chủ nghĩa" mà nuốt cả "xã hội chủ nghĩa" vào trong (這就是他的社會主義，又其學說的根本). Lại còn phê phán đến nội dung của ngũ luân mà nhà nho thường nói. Thầy chú tinh thần vào "nhân loại bình đẳng", muốn chữ "ái" được đầy đủ công bình, nên thầy bác những học thuyết cũ. Thầy nhận rằng bốn "luân đạo" đời xưa truyền lại :"quân thần hữu nghĩa, phụ tử hữu thân, phu phụ hữu biệt, trưởng ấu hữu tự", bốn câu ấy trái hẳn với tinh thần chữ "ái" thuộc về bình đẳng.

義，親，別，序四倫，和這平等愛的精神相違背

Thầy nói rằng :

Bốn "luân đạo" ấy mà phát sanh ra, chỉ là một món tài liệu làm cho những người cường và lớn vì lợi ích tư kỷ dùng để áp bức những người yếu và bé. Sở dĩ chúng ta ở đời bây giờ cần phải gây dựng một nền đạo đức thuần túy cho thiết đúng với lẽ trời ý trời. Muốn được thế, tất phải có một cái động cơ ở nơi tấm lòng không tự tư, tự lợi mà nảy nở ra. Nói tóm lại, thời giống lợi hại quan hệ đó, chỉ là giống tương đối, chứ những thuyết đạo đức mà chỉ vì "quân, phụ, trưởng, quí"

dụng tình áp bức "thần, tử, ấu, tiện" để thỏa lòng tư lợi mình, thiệt là tối bất đạo đức. Sở dĩ đức Khổng có câu nói "quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử, phu phu, phụ phụ" là luân đạo mà đúng với tương đối chủ nghĩa, chứ chẳng thấy tuyệt đối về bên nào.

Hai vị thánh là Thích Ca và Cơ Đốc, ở trên nước bước thứ nhất khi hai ngài thành đạo, tức khắc đem bốn luân đạo tự tư kia, bỏ hủy trước ráo; còn nhân đạo mà "Tam Thánh cộng tồn" (Tam thánh : Khổng, Thích, Gia) chỉ có một luân đạo là bằng hữu tin thực với nhau mà thôi; bởi vì luân đạo bằng hữu đó, mới thật là luân đạo nặng lớn mà ức muôn người cộng thông, chẳng bao giờ tiêu hủy được. Vậy nên luân đạo ở thế giới tương lai, chỉ có một đạo bằng hữu.

"Bằng hữu" nghĩa là bầu bạn với nhau. Dầu cha con, lớn bé, anh em, vợ chồng mặc lòng, nhưng theo ở trên đạo người, tất thảy nuốt vào ở trong hai chữ "bằng hữu". Ngoài hai chữ "bằng hữu", chẳng cần phải có danh mục gì (*đoạn này chép ở **Nhân học thiên***).

這四道德之發生，是強者，長者，為自己的利益揑造出來，用以壓迫弱者，幼者的，所以想立眞合天意的純粹道德時，當出於無自私，自利的動機而後可．換句話，利害關係這東西，徒以君，父，長，責去壓迫臣，子，幼，賤，以遂其非的道德最不是道德；所以孔子也說：君君，臣臣；父父，子子，正是相對主義上的倫道；佛耶兩聖也在其成道的第一步上，把這自私自利的四倫破棄過了；三聖所共孫重過的倫道，上有朋友間的友道而止，這一倫是萬人共通不可不行的大道．

Như đoạn trên kể, chính là căn bản đạo đức luận của thầy Đàm. Chính ở trong một phái tư tưởng nhận định rằng : nhân là lòng người, thiện là tính người, mà nảy nở ra học thuyết ấy. Nhân đó mà nói cho rộng đến triệt để mới bàn đến vấn đề

thuộc về nhân chủng quốc tế, thời thấy nói rằng :

Người giòng da tráng ở Âu Mỹ, họ ỷ tài bằng khoa học, họ sinh lòng tham cú sói mà đối đãi với người giòng giống khác. Họ nghĩ rằng sự lý đáng như thế. Nhưng họ có biết đâu, chân lý của chữ "ái" là cốt ở nhân loại bình đẳng. Người ở Âu Tây có ai biết đến, họ chỉ có một tấm lòng tự tư tự lợi, vị kỷ vị ngã, mà trong con mắt họ mới thấy ra loài người là sai biệt nhau. Nếu theo như tư tưởng Đông phương ta, từ ba vị Thánh tổ sư truyền lại, thiệt tốt hơn bọn họ nhiều. Vậy nên bọn ta từ nay về sau, phải nên hết sức đánh đổ mê vọng vật chất của chúng nó. Còn văn hóa gì hay của họ, ta cũng góp lặt lại; đúc cả Đông Tây vào một lò, làm cho được có một ngày thành ra cuộc thái bình là "vạn quốc bình đẳng". Đó là trách nhậm cần nhất ở trên vai chúng ta.

歐西白人僅以科學之長，對於異人種，逞其鴟梟之欲，以為當然；但這要不過立於個人的差別觀上的利我心之所致，不知人類平等愛的眞理的原故而然的．我們在思想方面，素來純直優於的他們東洋人．在這點所以不可不力闢他們的物質的迷妄，而併採東西文化之長，致萬國於平等的太平，當為必要．

Đoạn nghị luận như thế tất thấy phơi bày ở trong bản sách Nhân học, mà thật là lý tưởng lớn lao, thổ lộ hết trên bút mực.

Chúng ta đọc bản sách ấy, thấy được căn bản của thấy.

Chúng ta bội phục thấy Đàm Lưu Dương, nhưng phải biết bản lĩnh của thấy gốc ở trên đường "chính trị". Về phương diện "lý luận", chẳng qua là một giọt nước mát thừa mà thôi. Nhưng vì niên linh thấy còn nhỏ, thì đại thấy chưa được bao lâm, mà đã hay xem suốt được cái hơn, cái kém của nhân chủng Đông Tây, mà nghiên cứu một cách dung hợp cả Đông Tây tư tưởng. Cặp mắt cao xa, bộ óc đặc biệt và sức mạnh về phần trực giác, thiệt khiến cho chúng ta kính phục phi thường. Phỏng khiến tuổi trời của thấy mà còn được lâu dài để cho tư tưởng học thuyết được phát triển cho tới nơi thời

chưa biết ngần nào. Tiếc thay ! Tài học như thế, mà thọ mệnh chỉ ngần ấy mà thôi, thiệt là một việc rủi ro cho trong giòng Khổng học !

Tuy nhiên, nửa đời người, sao lòe chớp chóe, một tuồng chết dất động trời vang; nhiệt huyết của chí sĩ nước Trung Hoa, vì ảnh hưởng của thầy mà nổi sôi cực độ. Đại nghiệp cách mệnh của Dân Quốc, nhờ có thầy mà rắc rải được hạt mộng rất nhiều.

Lời kết luận bản sách ***Nhân học*** của thầy là gốc ở "đại đồng học thuyết" của đức Khổng chép ở ***Lễ Vận*** sách ***Lễ Ký***. Vậy nên bàn đến học thuyết thầy, tất phải chép luôn học thuyết "Đại đồng" như sau :

Đại Đạo chi hành dã, thiên hạ vi công, tuyển hiền dữ năng, giảng tín tu mục; cố nhân bất độc thân kỳ thân, bất độc tử kỳ tử; sử lão hữu sở chung, ấu hữu sở trưởng, tráng hữu sở dụng; quan, quả, cô, độc, phế tật giả giai hữu sở dưỡng; nam hữu phận, nữ hữu qui; hóa ố kỳ khí ư địa, bất tất tàng ư kỷ; lực ố kỳ bất xuất ư thân dã, bất tất vị kỷ. Thị cố mưu bế nhi bất hưng, đạo thiết loạn tặc nhi bất tác; cố ngoại hộ nhi bất bế, thị vị Đại đồng.

Nghĩa là bao giờ mà đạo lớn của trời đất đã lưu hành khắp cả mọi nơi, thời tuyển thiên hạ chỉ là một thiên hạ chung, mà người cả trong thiên hạ in như người trong một nhà.

Lúc bấy giờ, ai là người có đạo đức gọi bằng kẻ hiền thời kén chọn lên để làm những việc lớn; ai là người có tài học gọi bằng kẻ năng, thời chung cộng nhau mà làm việc nhỏ. Người ta bàn nói với nhau, chỉ là một mực tin thật; người làm lụng với nhau, chỉ có một cách hòa bình. Vậy nên người ở trong đời ấy, bao nhiêu người già, tất thảy là người làm cha mẹ người, mà chẳng ai còn có cha mẹ riêng; bao nhiêu người trẻ, thảy là người làm con người, mà chẳng ai còn có con riêng mình.

Bởi vì hễ người già là cha mẹ chung, mà thân mình cũng là thân chung của xã hội. Vậy nên người già có xã hội nuôi chung, mà ai nấy cũng có chốn nương cậy, sẽ đến ngày tuổi chết. Hễ người cường tráng, tất thảy có công việc làm mà

đóng góp một phần tử ở trong xã hội. Hễ những người thơ trẻ, tất thảy nhờ xã hội nuôi chung cho mà có chốn nương cậy cho đến ngày khôn lớn.

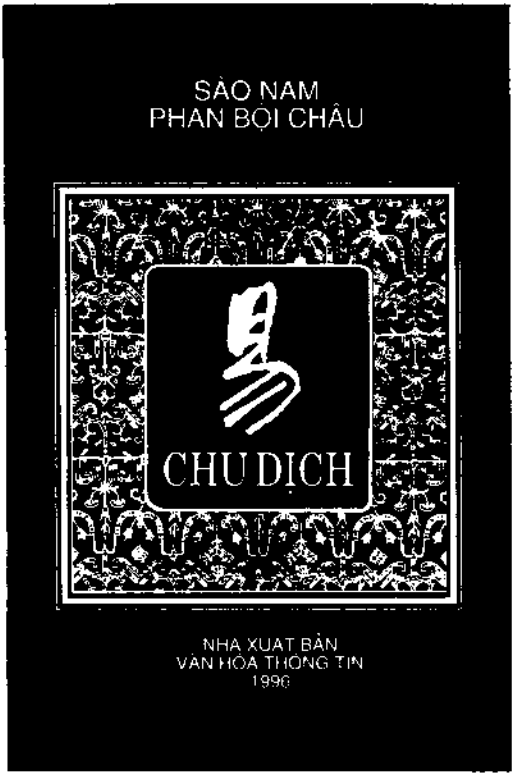
Chẳng những thế mà thôi, lại đến như hạng người không vợ gọi bằng quan, không chồng gọi bằng quả, lẻ loi một mình gọi bằng cô độc, điếc mù, què quặt, câm ngọng, dau đớn gọi bằng phế tật; những hạng người ấy, thảy là hạng người tội nghiệp ở trong xã hội, thời xã hội hết sức nuôi nấng cho, nên họ cũng thảy có chốn nương cậy mà được no ấm. Bao nhiêu người trai, tất thảy có người vợ riêng của mình; bao nhiêu người gái tất thảy có người chồng riêng của mình.

Xã hội đến lúc bấy giờ, thời những giống của cải mà trời đất sanh ra, chỉ không bỏ vứt ở đất mà thôi, mà chẳng thu dấu làm của riêng mình. Bao nhiêu công việc mà sức người làm được, thời ai cũng vui lòng hết sức, nhưng chẳng cần sức đó làm cho mình dùng. Bởi vì loài người đã rất mực bình đẳng tự do, rất mực tương thân tương ái được như thế, nên dẫu ai có gian mưu xảo kế, cũng không đường lối mà phát hiện ra, mà những tuồng trộm cướp, loạn tạc, tất thảy mất tàm tuyệt tích ở trong đời; nên dẫu có cửa ngoài chăng nữa, cũng chẳng cần gì đóng. Như thế mới gọi bằng "thế giới đại đồng".

Tóm lại, chúng ta đọc đoạn văn ấy, thời rõ ràng được lý tưởng họ Đàm, thiệt là chân chính của giòng dõi Khổng học, chẳng còn nghi ngờ gì nữa, mà Khổng học chắc chắn là một học thuyết ở trong tuyền thế giới, có thể muôn đường đi vào một lối vậy.

CHUNG

ĐÃ PHÁT HÀNH:



NHỮNG KIẾN GIẢI SÂU SẮC, NGHIÊM TÚC VÀ TÍCH CỰC NHẤT VỀ BỘ SÁCH KINH ĐIỂN NỀN TẢNG CỦA TRIẾT HỌC ĐÔNG PHƯƠNG ĐƯỢC TRÌNH BÀY SÁNG SỦA, MỸ THUẬT NHẤT TỪ TRƯỚC ĐẾN NAY XỨNG ĐÁNG CÓ MẶT TRONG MỌI TỦ SÁCH GIA ĐÌNH.

NHÀ SÁCH TRẺ
186 Nguyễn Thị Minh Khai Q.3, Tp. HCM ☎ 8228452

KHỔNG HỌC ĐĂNG